

Hướng dẫn sử dụng

Hãy đọc kỹ cuốn sách này vì sự an toàn và thuận tiện cho bạn.

LAND CRUISER

TOYOTA

Hình minh họa	Tìm kiếm theo hình minh họa	
Sử dụng xe an toàn	Hãy đọc hết các thông tin này (Chuyên mục chính: Ghế cho trẻ em, Hệ thống chống trộm)	1
Thông tin về trạng thái xe và các đèn chỉ báo	Đọc thông tin liên quan đến lái xe (Chuyên mục chính: Đồng hồ, màn hình đa thông tin)	2
Trước khi lái xe	Mở và đóng các cửa và cửa sổ, điều chỉnh trước khi lái xe (Chuyên mục chính: Chìa khóa, cửa, ghế, cửa sổ điện)	3
Lái xe	Hướng dẫn lái xe và những lời khuyên hữu ích khi lái xe (Chuyên mục chính: Khởi động động cơ, nạp nhiên liệu)	4
Trang bị nội thất	Sử dụng các trang bị nội thất (Chuyên mục chính: Điều hòa không khí, các ngăn đựng đồ)	5
Bảo dưỡng và chăm sóc xe	Quy trình chăm sóc và bảo dưỡng xe (Chuyên mục chính: Nội thất, ngoại thất và các bóng đèn)	6
Khi phát sinh sự cố	Phải làm gì trong trường hợp khẩn cấp hoặc xe có sự cố (Chuyên mục chính: Ắc quy hết điện, Lốp bị xịt hơi)	7
Thông số kỹ thuật	Thông số kỹ thuật, tính năng tùy chọn cá nhân (Chuyên mục chính: Nhiên liệu, dầu, áp suất lốp)	8
Mục lục	Tìm kiếm theo triệu chứng hư hỏng	
	Tìm kiếm theo thứ tự bảng chữ cái	

Thông tin dành cho người đọc..... 6
Đọc cuốn Hướng dẫn sử dụng này 12
Cách tìm kiếm 13
Hình minh họa 14

1 Sử dụng xe an toàn

1-1. Để lái xe an toàn
Trước khi lái xe..... 28
Để lái xe an toàn..... 29
Đai an toàn..... 31
Túi khí 36
Các lưu ý với khí xả..... 43

1-2. An toàn cho trẻ em
Lái xe khi có trẻ em ở trên xe 44
Hệ thống ghế cho trẻ em.... 44

1-3. Hỗ trợ khẩn cấp
eCall..... 60
ERA-GLONASS/EVAK..... 63
Dịch vụ kết nối của Toyota . 67

1-4. Hệ thống chống trộm
Hệ thống mã hoá khóa động cơ 71
Hệ thống khóa kép..... 72
Hệ thống báo động 73
Hệ thống xác thực vân tay .. 77

2 Thông tin về trạng thái xe và các đèn chỉ báo

2-1. Đồng hồ táp lô
Đèn cảnh báo và đèn chỉ báo 86
Đồng hồ báo và đồng hồ đo (màn hình 7-inch)..... 93
Đồng hồ báo và đồng hồ đo (màn hình 12.3-inch)..... 98
Màn hình đa thông tin (màn hình 7-inch)..... 104
Màn hình đa thông tin (màn hình 12.3-inch)..... 114
Màn hình trên kính chắn gió 126
Thông tin tiêu hao nhiên liệu 131

3 Trước khi lái xe

3-1. Thông tin về chìa khóa
Chìa khóa 134

3-2. Mở, đóng và khóa cửa xe
Cửa bên..... 138
Cửa hậu..... 143
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh..... 160

3-3. Điều chỉnh ghế
Ghế trước..... 166
Ghế sau..... 167
Tựa đầu 176

3-4. Điều chỉnh vô lăng và gương
Vô lăng 179
Gương chiếu hậu bên trong xe 181
Gương chiếu hậu bên ngoài xe..... 182

3-5. Mở và đóng cửa sổ và cửa sổ trời
Cửa sổ điện 185
Cửa sổ trời..... 188

3-6. Cài đặt ưa thích
Nhớ vị trí lái..... 191

Cài đặt của tôi.....196

4 Lái xe

4-1. Trước khi lái xe

Lái xe 203

Hành lý và hàng hóa.....210

Kéo mooc (xe có mooc kéo) 211

Móc kéo 219

Tời điện 220

4-2. Hướng dẫn lái xe

Công tắc động cơ.....229

Hộp số tự động (với chế độ M) 234

Hộp số tự động (với chế độ S) 238

Công tắc xi nhan 242

Phanh đỗ.....243

Chức năng giữ phanh.....246

4-3. Sử dụng đèn và cần gạt nước

Công tắc đèn pha.....249

AHS (Hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu của đèn pha)254

AHB (Chiếu xa tự động)....257

Công tắc đèn sương mù....260

Cần gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió 262

Cần gạt nước và phun nước rửa kính cửa hậu 265

4-4. Nạp nhiên liệu

Mở nắp bình nhiên liệu 267

4-5. Sử dụng các hệ thống hỗ trợ lái xe

Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota.....270

PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm).....277

LTA (Hỗ trợ bám làn đường) 286

LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn).....291

RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) 296

Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa 298

Điều khiển chạy tự động (xe có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota).....309

Điều khiển chạy tự động (xe không có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota).....313

Hệ thống dừng lái khẩn cấp 316

Hệ thống Dừng và Khởi động 318

Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù) 325

Thông báo xe phía sau đang tiếp cận 330

Đèn cảnh báo nguy hiểm phía sau tự động.....333

Phanh giảm va chạm thứ cấp (Va chạm phía sau khi dừng xe).....335

Hỗ trợ xuống xe an toàn...337

Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 342

Chức năng cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA) 348

Hệ thống RCD (Phát hiện bằng camera phía sau) ... 353
PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) 357
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (vật thể cố định ở phía trước và phía sau của xe)..... 362
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (xe đang di chuyển ở phía sau xe bạn) 364
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe bạn)..... 366
Theo dõi đa địa hình..... 368
Công tắc chọn chế độ lái xe 436
Hệ thống bốn bánh chủ động 438
Hệ thống khóa vi sai trước 441
Hệ thống khóa vi sai sau... 443
Điều khiển bò xe (với chức năng hỗ trợ vào cua)..... 444
Hệ thống chọn chế độ đa địa hình 449
Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc 452
Hệ thống DPF (Hệ thống lọc bụi khí xả diesel) 454
Các hệ thống hỗ trợ lái xe 457

4-6. Lời khuyên khi lái xe

Lưu ý khi lái xe trên địa hình phức tạp..... 464
Lời khuyên khi lái xe trong mùa đông..... 466
Lời khuyên khi lái xe ở chế độ Eco..... 470

5 Trang bị nội thất

5-1. Sử dụng hệ thống điều hòa không khí và bộ sấy

Hệ thống điều hòa không khí tự động phía trước..... 474
Hệ thống làm mát phía sau 484
Hệ thống điều hoà không khí tự động phía sau..... 486
Bộ sưởi vô lăng/bộ sưởi ghế/bộ thông gió cho ghế 488

5-2. Sử dụng các đèn chiếu sáng bên trong xe

Danh sách các đèn trong xe 492

5-3. Sử dụng các ngăn đựng đồ

Danh sách các ngăn đựng đồ 496
Tính năng khoang để hành lý 502

5-4. Sử dụng các trang bị nội thất khác

Các trang bị nội thất khác. 506

6 Bảo dưỡng và chăm sóc xe

6-1. Bảo dưỡng và chăm sóc xe

Vệ sinh và bảo vệ bên ngoài xe..... 524
Vệ sinh và bảo vệ bên trong xe..... 528

6-2. Bảo dưỡng

Các yêu cầu bảo dưỡng ... 531
Lịch bảo dưỡng..... 533

6-3. Tự bảo dưỡng

Các lưu ý khi tự bảo dưỡng 542
Nắp capô 544
Khoang động cơ 546
Xả nước bộ lọc nhiên liệu (chỉ với động cơ diesel) 561
AdBlue™ 562
Tời điện 567
Lốp xe 568
Áp suất lốp 578
Vành xe 579
Bộ lọc điều hòa 580
Pin chìa khóa điện tử 582
Kiểm tra và thay cầu chì ... 584
Bóng đèn 588

7 Khi phát sinh sự cố

7-1. Những thông tin thiết yếu

Đèn nháy khẩn cấp 594
Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp 594
Nếu xe bị ngập nước hoặc nước trên đường đang dâng lên 595

7-2. Các bước xử lý khi gặp trường hợp khẩn cấp

Nếu xe cần được kéo 597
Nếu có điều gì đó bất thường 600
Hệ thống cắt bơm nhiên liệu (chỉ động cơ xăng) 601
Nếu đèn cảnh báo sáng hoặc chuông báo kêu 602
Nếu một thông điệp cảnh báo được hiển thị 612
Nếu xe bị xịt lốp 620
Nếu động cơ không khởi động được 631
Nếu bạn đánh mất chìa khóa 632
Nếu hệ thống chìa khóa thông minh hoặc hệ thống xác thực vân tay không hoạt động chính xác 633
Nếu ắc quy bị hết điện 635
Nếu xe quá nhiệt 640
Nếu xe bị hết nhiên liệu và động cơ ngừng hoạt động (chỉ với động cơ diesel) ... 643
Nếu xe bị sa lầy 644

8 Thông số kỹ thuật

8-1. Thông số kỹ thuật

Dữ liệu bảo dưỡng (mức nhiên liệu, mức dầu…) 648
Thông tin về nhiên liệu 667

8-2. Tùy chọn

Tính năng tùy chọn cá nhân 669

8-3. Khởi tạo

Các hạng mục cần khởi tạo 691

Mục lục

Phải làm gì nếu… (Cách xử lý) 694
Bảng danh mục theo thứ tự bảng chữ cái 697

Thông tin dành cho người đọc

⚠ CẢNH BÁO

n **Những chú ý chung khi lái xe**

Lái xe trong tình trạng không tỉnh táo: Không bao giờ lái xe trong tình trạng thiếu tỉnh táo do ảnh hưởng của rượu hoặc thuốc ngủ, do khi đó khả năng điều khiển xe của bạn sẽ bị suy giảm. Rượu và một số loại thuốc ngủ sẽ làm giảm khả năng phán đoán và giảm tốc độ phản xạ của bạn, có thể gây ra tai nạn dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

Lái xe một cách thận trọng: Luôn lái xe thật cẩn thận. Hãy luôn cảnh giác với những sai sót mà các lái xe khác hoặc người đi bộ có thể gây ra và hãy luôn sẵn sàng để phòng tránh các tai nạn có thể xảy ra.

Sự sao nhãng trong khi đang lái xe: Hãy luôn luôn tập trung tối đa vào việc lái xe. Bất kỳ việc gì có thể làm cho người lái bị sao nhãng như điều chỉnh các thiết bị, nói chuyện điện thoại hoặc đọc tin nhắn đều có thể dẫn tới tai nạn gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong cho bản thân bạn, hành khách trên xe hoặc những người khác.

n **Lưu ý chung liên quan đến an toàn cho trẻ em**

Không để trẻ ở trong xe mà không có người trông coi, và không cho trẻ cầm hoặc nghịch chìa khóa xe.

Trẻ nhỏ có thể sẽ khởi động xe hoặc chuyển cần số về vị trí trung gian. Đồng thời trẻ cũng có thể sẽ bị chấn thương nếu trẻ nghịch cửa sổ bên, cửa sổ trời (nếu có) hoặc những thiết bị khác trên xe. Ngoài ra, nhiệt độ trong xe có thể lên rất cao hoặc xuống rất lạnh và có thể làm trẻ bị nguy hiểm.

Sách Hướng dẫn sử dụng

Xin hãy lưu ý rằng cuốn sách Hướng Dẫn Sử Dụng này được viết cho tất cả các kiểu xe và giải thích tất cả các thiết bị, bao gồm cả những thiết bị lắp đặt theo yêu cầu. Chính vì vậy, bạn có thể nhận thấy một vài giải thích cho các thiết bị không được lắp trên xe của bạn.

Tất cả những thông số kỹ thuật được cung cấp trong cuốn hướng dẫn sử dụng này là mới nhất tại thời điểm ấn hành. Tuy nhiên, do chính sách cải tiến sản phẩm liên tục của Toyota, chúng tôi giữ quyền thay đổi vào bất cứ lúc nào mà không cần thông báo trước.

Tùy thuộc vào thông số kỹ thuật, hình minh họa chỉ dùng để giải thích và có thể sẽ không giống với xe của bạn.

Cho Ủy ban kinh tế Châu Âu: Thông tin trong quy trình sử dụng xe an toàn và hệ thống của nó, được thể hiện trên các nhãn của nhà sản xuất trên thân xe bằng Tiếng Anh, chủ định cho nhân viên dịch vụ.

Phụ kiện, phụ tùng và sự sửa đổi trên xe Toyota của bạn

Hiện nay có rất nhiều phụ kiện và phụ tùng không chính hiệu dùng cho các loại xe Toyota đang được

bán trên thị trường. Việc sử dụng các phụ kiện và phụ tùng thay thế không phải là sản phẩm chính hiệu Toyota có thể gây ảnh hưởng xấu đến an toàn của xe, ngay cả khi các phụ tùng này đã được các cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn. Vì vậy, Toyota không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào và không bảo đảm cho các trang bị phụ, phụ tùng không phải là sản phẩm chính hiệu của Toyota, cũng như không nhận thay thế hoặc lắp đặt các phụ tùng này.

Không nên sửa đổi xe bằng những sản phẩm không chính hiệu của Toyota. Việc sửa đổi bằng các sản phẩm đó có thể gây ảnh hưởng xấu đến tính năng, độ an toàn, độ bền của xe và thậm chí có thể vi phạm các quy định của nhà nước. Thêm vào đó, những hư hỏng hay trục trặc trong quá trình hoạt động của xe do việc sửa đổi này gây ra có thể không nằm trong phạm vi bảo hành của công ty Toyota.

Ngoài ra, việc sửa đổi như vậy sẽ ảnh hưởng đến các thiết bị an toàn tiên tiến như hệ thống cảm nhận an toàn Toyota và có nguy cơ những thiết bị này sẽ hoạt động không chính xác hoặc không hoạt động.

Rủi ro tấn công mạng

Việc lắp thêm các thiết bị điện tử và rađiô làm tăng rủi ro tấn công mạng qua các chi tiết được lắp đặt, điều này có thể dẫn đến bị tai nạn bất ngờ và rò rỉ thông tin cá nhân. Toyota sẽ không có bất kỳ đảm bảo nào cho các vấn đề gây ra do việc lắp các sản phẩm không chính hiệu của Toyota.

Lắp đặt hệ thống truyền phát tín hiệu RF

Nếu lắp đặt hệ thống truyền phát tín hiệu RF trên xe, nó có thể ảnh hưởng tới các hệ thống điện tử như:

- Hệ thống phun nhiên liệu đa điểm/hệ thống phun nhiên liệu đa điểm tuần tự
- Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota
- Hệ thống điều khiển chạy tự động
- Hệ thống chống bó cứng phanh
- Hệ thống túi khí
- Hệ thống căng đai khẩn cấp

Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết các lưu ý hoặc các chỉ dẫn đặc biệt liên quan tới việc lắp đặt hệ thống truyền phát tín hiệu RF.

Hãy hỏi đại lý Toyota để biết thêm chi tiết về tần số phát sóng, công suất phát sóng, vị trí của ăng ten và các thông tin khác liên quan tới hệ thống truyền phát tín hiệu RF.

Ghi dữ liệu xe (xe không có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota)

Xe được trang bị một số máy vi tính để ghi lại những thông tin về hoạt động của xe như:

- Tốc độ động cơ /Tốc độ của môtơ điện (tốc độ mô tơ kéo)
- Tình trạng ga
- Tình trạng phanh
- Tốc độ xe
- Trạng thái hoạt động của các hệ thống hỗ trợ lái xe
- Hình ảnh từ các camera

Xe được trang bị camera. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin về vị trí camera ghi.

Tùy thuộc vào kiểu xe, tùy chọn và thị trường và các trang bị trên xe mà dữ liệu được ghi lại sẽ khác nhau.

Những máy vi tính này không ghi những cuộc hội thoại hoặc âm thanh trong xe, và chỉ ghi những hình ảnh bên ngoài xe trong một số tình huống nhất định.

● Sử dụng dữ liệu

Toyota có thể sử dụng các dữ liệu được ghi trong bộ xử lý để phát hiện lỗi, tiến hành nghiên cứu và phát triển và nâng cao chất lượng.

Toyota sẽ không tiết lộ những dữ liệu được ghi với bên thứ ba ngoại trừ các trường hợp sau:

- Khi có sự đồng ý của chủ sở hữu xe hoặc người thuê xe nếu là xe thuê
- Khi có yêu cầu chính thức của công an, tòa án hay chính phủ
- Khi Toyota cần sử dụng các dữ liệu này trong trường hợp giải quyết kiện tụng
- Khi sử dụng cho các mục đích nghiên cứu với các dữ liệu không liên quan đến xe hoặc người sở hữu xe cụ thể

● Có thể xóa thông tin hình ảnh đã ghi tại đại lý Toyota.

Chức năng ghi hình ảnh có thể vô hiệu hóa được. Tuy nhiên, nếu chức năng bị vô hiệu hóa, dữ liệu được ghi khi hệ thống đang hoạt động sẽ không khả dụng.

Ghi dữ liệu xe (xe có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota)

Xe được trang bị các máy vi tính để ghi lại một số dữ liệu nhất định liên quan đến các hoạt động và chức năng điều khiển xe.

n Các dữ liệu được các máy vi tính lưu lại

Một số dữ liệu nhất định, chẳng hạn như các dữ liệu sau, sẽ được ghi lại tùy thuộc vào thời điểm hoạt động và trạng thái của từng chức năng trên xe.

- Tốc độ động cơ /Tốc độ của môtơ điện (tốc độ mô tơ kéo)
- Tình trạng ga
- Tình trạng phanh
- Tốc độ xe
- Trạng thái hoạt động của các hệ thống hỗ trợ lái xe
- Hình ảnh từ camera
  Xe được trang bị camera. Hãy

liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin về vị trí camera ghi.

Tùy thuộc vào kiểu xe, tùy chọn và thị trường và các trang bị trên xe mà dữ liệu được ghi lại sẽ khác nhau.

Những máy vi tính này không ghi những cuộc hội thoại hoặc âm thanh trong xe, và chỉ ghi những hình ảnh bên ngoài xe trong một số tình huống nhất định.

n **Sử dụng dữ liệu**

Toyota có thể sử dụng các dữ liệu được ghi trong bộ xử lý để phát hiện lỗi, tiến hành nghiên cứu và phát triển và nâng cao chất lượng.

Toyota sẽ không tiết lộ những dữ liệu được ghi với bên thứ ba ngoại trừ các trường hợp sau:

- Khi có sự đồng ý của chủ sở hữu xe hoặc người thuê xe nếu là xe thuê
- Khi có yêu cầu chính thức của công an, tòa án hay chính phủ
- Khi Toyota cần sử dụng các dữ liệu này trong trường hợp giải quyết kiện tụng
- Khi sử dụng cho các mục đích nghiên cứu với các dữ liệu không liên quan đến xe hoặc người sở hữu xe cụ thể

Có thể xóa các thông tin hình ảnh được ghi lại bởi chiếc xe tại Đại lý Toyota của bạn.

Có thể tắt chức năng ghi hình của xe. Tuy nhiên, nếu chức năng này bị vô hiệu hóa, dữ liệu từ khi hệ thống hoạt động sẽ không khả dụng.

Nếu bạn muốn dừng quá trình thu thập dữ liệu của hệ thống an toàn Toyota bởi các máy chủ của Toyota cho mục đích nghiên cứu phát triển và phục vụ cho các dịch vụ cá nhân bạn, hãy liên hệ với Đại lý Toyota của bạn.

Chức năng ghi dữ liệu sự kiện

Xe của bạn được trang bị chức năng ghi dữ liệu sự kiện (EDR). Nhiệm vụ chính của chức năng này là ghi lại các dữ liệu trong các trường hợp xe bị va chạm hoặc gần xảy ra va chạm nhất định, chẳng hạn như khi túi khí nổ hoặc xe va phải vật thể trên đường, những dữ liệu này sẽ giúp bạn xác định tình trạng hoạt động của các hệ thống trên xe. Chức năng ghi dữ liệu sự kiện được thiết kế để ghi các dữ liệu liên quan đến động lực học của xe và hệ thống an toàn trong một khoảng thời gian ngắn, tầm 30 giây trở lại. Tuy nhiên, tùy theo mức độ và kiểu va chạm mà dữ liệu có thể sẽ không được lưu lại.

EDR trên xe này được thiết kế để ghi những dữ liệu như:

- Các hệ thống trên xe đã hoạt động như thế nào;
- Mức độ đạp ga và/hoặc đạp phanh của người lái; và,
- Tốc độ của xe trong hành trình.

Những dữ liệu này sẽ giúp xác định được tình huống khi xảy ra va chạm và chấn thương dễ dàng

hơn.

CHÚ Ý: Dữ liệu của chức năng này chỉ được ghi lại khi xe bị va chạm mạnh; trong điều kiện lái xe thông thường, các dữ liệu của chức năng này và các dữ liệu cá nhân (như tên, giới tính, tuổi, vị trí va chạm) sẽ không được lưu lại. Tuy nhiên, với những người dùng khác như cơ quan điều tra, có thể kết hợp các dữ liệu EDR với các dữ liệu cá nhân thu thập được trong suốt quá trình điều tra tai nạn.

Để đọc các dữ liệu đã được ghi lại nhờ chức năng EDR, bạn cần phải sử dụng các thiết bị truy cập thông tin trên xe hoặc thiết bị đọc EDR. Ngoài nhà sản xuất, các đơn vị khác như cơ quan điều tra có thể đọc được các thông tin nếu họ có thể truy cập vào hệ thống thông tin trên xe hoặc chức năng EDR bằng các thiết bị đặc biệt.

● Về việc tiết lộ các dữ liệu EDR

Chúng tôi sẽ không tiết lộ những dữ liệu đã được ghi lại bởi EDR với bên thứ ba, ngoại trừ các trường hợp sau:

- Khi có sự đồng ý của chủ sở hữu xe (hoặc người thuê xe)
- Khi có yêu cầu chính thức của công an, tòa án hay chính phủ
- Khi Toyota cần sử dụng các dữ liệu này trong trường hợp giải quyết kiện tụng

Tuy nhiên, nếu cần thiết, chúng tôi có thể sẽ:

- Sử dụng các dữ liệu để nghiên cứu về tính năng an toàn của xe
- Tiết lộ các dữ liệu cho bên thứ ba để nhằm mục đích nghiên cứu mà không làm rò rỉ thông tin cụ thể về xe hoặc người sở hữu xe

Thải xe Toyota

Hệ thống túi khí và hệ thống căng đai khẩn cấp trên xe có chứa các hóa chất gây nổ. Nếu xe bị thải vẫn còn nguyên các túi khí và đai an toàn có bộ căng đai khẩn cấp thì có thể gây ra các sự cố như hỏa hoạn. Hãy yêu cầu một trạm dịch vụ có đủ năng lực hoặc đại lý Toyota tháo bỏ và tiêu hủy hệ thống túi khí và hệ thống đai an toàn có bộ căng đai khẩn cấp trước khi thải xe.

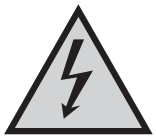
"Mã QR"

“QR Code” là nhãn hiệu đã được đăng ký của DENSO WAVE INCORPORATED ở Nhật bản và các quốc gia khác.

Các ký hiệu cảnh báo gắn vào các bộ phận điện áp cao

Các bộ phận cao áp, chẳng hạn như bộ điều khiển năng lượng, có thể có nhãn đính kèm chỉ ra yêu cầu cần cẩn thận.

Mỗi ký hiệu cảnh báo chỉ ra những điều sau:

Biểu tượng	Ý nghĩa
	Chỉ ra nguy hiểm
	Chỉ báo bộ phận cao áp
	Cho biết không được chạm vào
	Chỉ báo phần nhiệt độ cao

Toyota Motor Europe NV/SA, Avenue du Bourget 60 - 1140 Brussels, Belgium www.toyota-europe.com

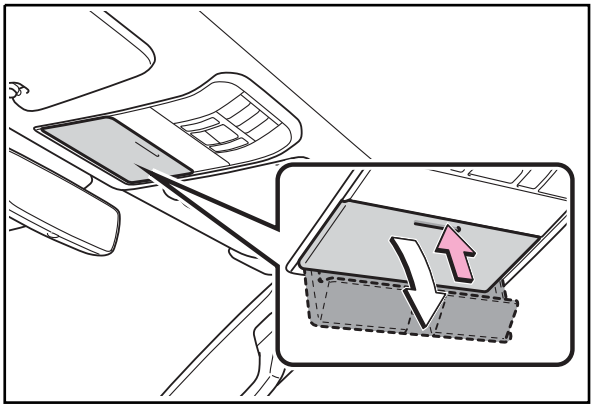
Đọc cuốn Hướng dẫn sử dụng này

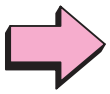
Ý nghĩa của các biểu tượng được sử dụng trong cuốn sách này

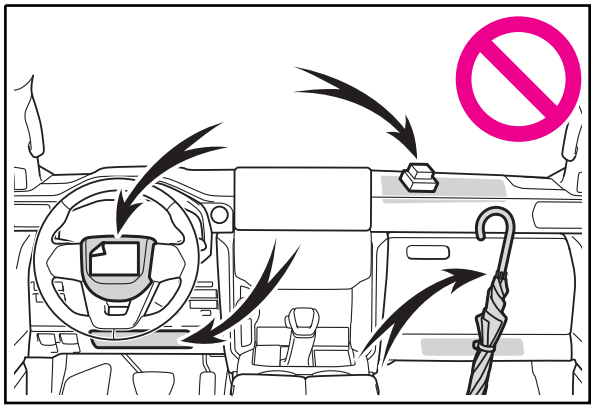
Các biểu tượng trong cuốn này

Biểu tượng	Ý nghĩa
	CẢNH BÁO: Đây là loại cảnh báo nếu không tuân thủ có thể sẽ gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.
	CHÚ Ý: Đây là loại cảnh báo nếu không tuân thủ có thể gây hư hại cho xe hoặc các thiết bị trên xe.
1 2 3...	Chỉ thao tác hoặc quy trình thực hiện. Hãy thực hiện các bước theo số thứ tự.

Các biểu tượng được sử dụng trong hình minh hoạ



Biểu tượng	Ý nghĩa
	Chỉ hành động (ấn, xoay...) để điều khiển các công tắc hoặc thiết bị khác.
	Chỉ hướng đi ra của một thao tác (Ví dụ: hướng mở ra của nắp ngăn đựng đồ).

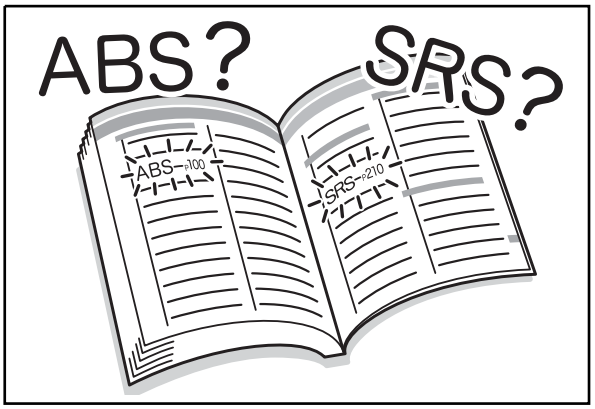


Biểu tượng	Ý nghĩa
	Chỉ thiết bị hoặc vị trí sẽ được giải thích.
	Có nghĩa là **"Không nên"**, **"Không làm điều này"**, hoặc **"Không để điều này xảy ra"**.

Cách tìm kiếm

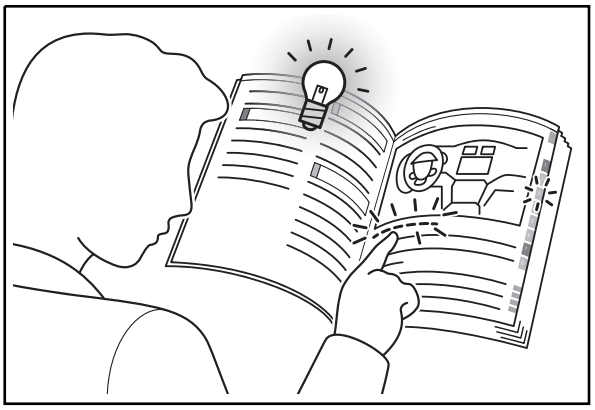
n **Tìm kiếm theo tên**

- Mục lục sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái: →P.697



n **Tìm kiếm theo vị trí lắp**

- Hình minh họa: →P.14



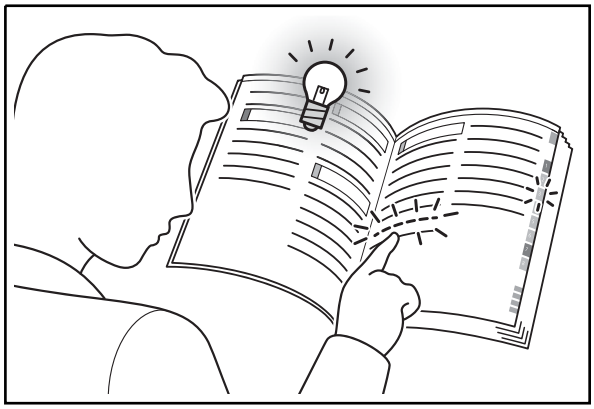
n **Tìm kiếm theo triệu chứng hư hỏng hoặc âm thanh**

- Phải làm gì nếu… (Cách xử lý): →P.694



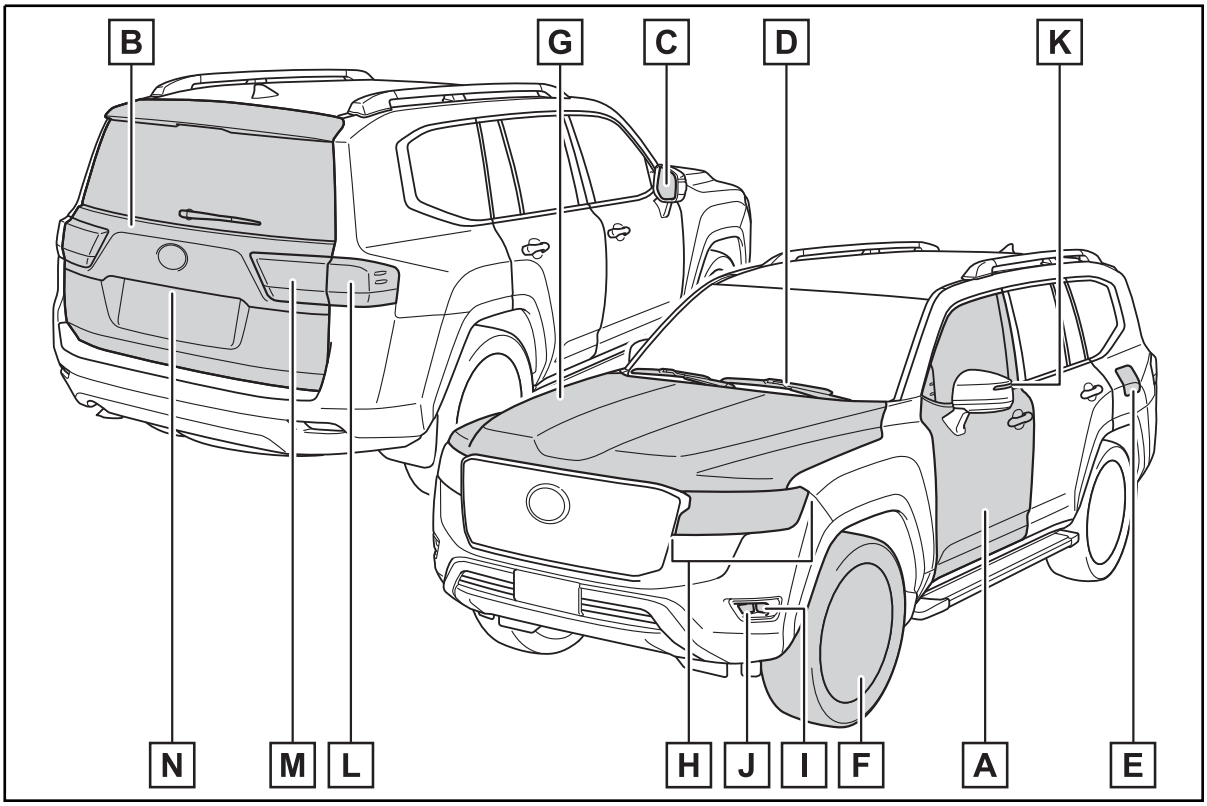
n **Tìm kiếm theo tiêu đề**

- Mục lục: →P.2



Hình minh họa

n Bên ngoài xe



A Cửa bên P.138

Khóa/mở khóa P.138, 141

Mở/đóng kính cửa bên P.185

Khóa/mở khóa bằng chìa khóa cơ P.633

Các thông điệp cảnh báo P.612

B Cửa hậu.....P.143

Khóa/mở khóa P.144

Đóng/mở cửa hậu P.145, 146

Cửa hậu điều khiển điện* P.146

Các thông điệp cảnh báo P.612

C Gương chiếu hậu bên ngoài xe.....P.182

Điều chỉnh góc nghiêng của gương P.183

Gập gương P.183

Nhớ vị trí lái* P.192

Sấy gương* P.477

D **Cần gạt nước rửa kính chắn gió P.262**

Các lưu ý khi lái xe trong mùa đông..... P.466

Để tránh đóng băng (bộ chống đóng băng cần gạt kính chắn gió)* P.481

Các lưu ý khi rửa xe (cần gạt nước kính chắn gió có chức năng cảm biến mưa)* P.525

E **Cửa nạp nhiên liệu (bao gồm nắp bình chứa dung dịch AdBlue™*)..... P.267**

Phương pháp nạp nhiên liệu P.268

Cách bổ sung dung dịch AdBlue™*..... P.564

Loại nhiên liệu/dung tích bình nhiên liệu P.653

F **Lốp xe P.568**

Cỡ lốp/áp suất lốp P.665

Lốp đi trong mùa đông/xích quấn lốp..... P.466

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp/đảo lốp/kiểm tra lốp* P.568

Cách xử lý khi lốp bị xịt hơi..... P.620

G **Nắp capô P.544**

Mở P.544

Dầu động cơ P.655

Cách xử lý khi xe quá nhiệt..... P.640

Các thông điệp cảnh báo P.612

Các bóng đèn bên ngoài xe

(Phương pháp thay thế: P.588, Công suất: P.666)

H **Đèn pha/đèn vị trí phía trước/đèn chiếu sáng ban ngày/đèn xi nhan P.242, 249**

I **Đèn sương mù phía trước* P.260**

J **Các đèn góc* P.253**

K **Đèn xi nhan P.242**

L **Đèn phanh/đèn hậu và đèn xi nhan P.242, 249**

M **Đèn phanh*/đèn hậu/đèn tín hiệu rẽ*/đèn sương mù phía sau*' P.242, 249, 260**

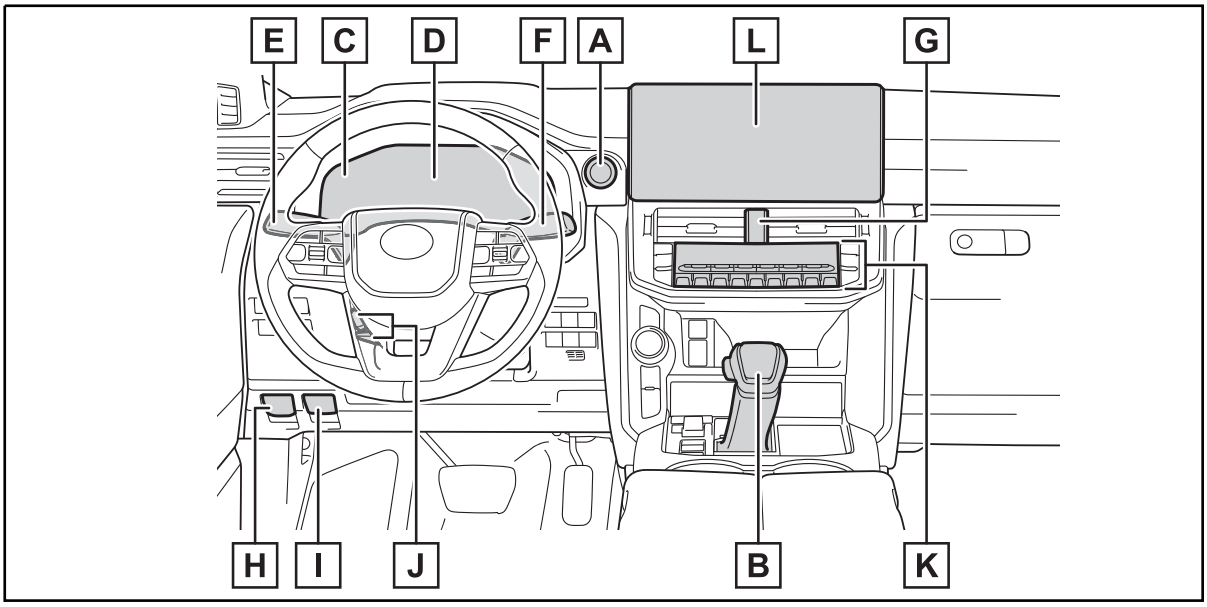
Đèn lùi

Chuyển cần số đến vị trí R P.235, 239

N **Đèn soi biển số P.249**

*: Nếu có

n Bảng táp lô



A Công tắc động cơ P.229

Khởi động động cơ/thay đổi các chế độ P.229

Tắt động cơ trong trường hợp khẩn cấp P.594

Khi động cơ không khởi động được..... P.631

Các thông điệp cảnh báo P.612

B Cần chuyển số P.234, 238

Thay đổi vị trí chuyển số..... P.235, 239

Các lưu ý khi kéo xe P.597

Khi cần số không dịch chuyển được P.236, 239

C Đồng hồ táp lô P.93, 98

Đọc các giá trị trên đồng hồ/điều chỉnh đèn đồng hồ táp lô P.93, 98

Đèn cảnh báo/đèn chỉ báo P.86

Khi đèn cảnh báo sáng lên..... P.602

D Màn hình đa thông tin P.104, 114

Màn hình..... P.104, 114

Khi xuất hiện các thông điệp cảnh báo..... P.612

E Công tắc xi nhan.....P.242

Công tắc đèn pha P.249

Đèn pha/đèn vị trí phía trước/đèn hậu/đèn chiếu sáng ban ngày P.249

Đèn sương mù phía trước*1/đèn sương mù phía sau*1 ..... P.260

F **Công tắc gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió.....P.262**
Công tắc gạt nước và phun nước rửa kính cửa hậu.....P.265

Sử dụng..... P.262, 265

Bổ sung nước rửa kính P.558

Bộ rửa đèn pha*1..... P.262

Các thông điệp cảnh báo P.558

G **Công tắc đèn nháy khẩn cấp.....P.594**

H **Bộ mở cửa nạp nhiên liệu (gồm cả nắp bình AdBlue™*1).....P.268**

I **Lẫy nhả khóa nắp capô.....P.544**

J **Lẫy điều khiển nghiêng và trượt vô lăng*1/công tắc điều khiển nghiêng và trượt vô lăng*1 .....P.179**

Điều chỉnh P.179

Nhớ vị trí lái*1..... P.192

K **Hệ thống điều hoà không khí phía trước.....P.474**

Sử dụng..... P.474

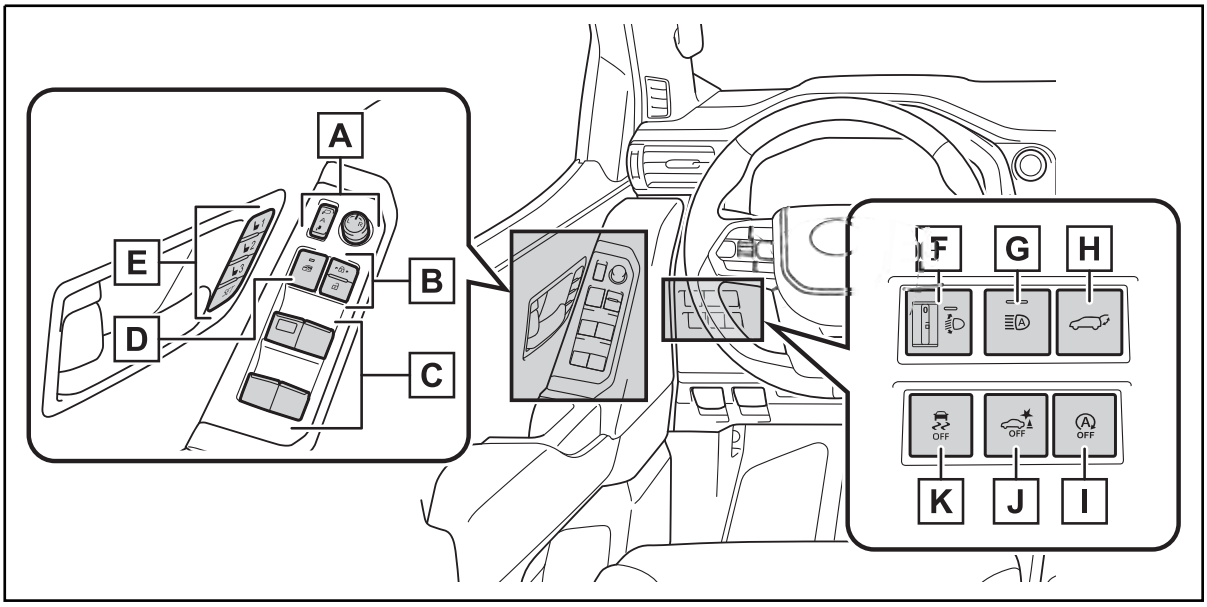
Bộ sấy kính cửa hậu..... P.477

L **Hệ thống âm thanh*1, 2**

*1: Nếu có

*2: Hãy tham khảo “Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện”.

n Các công tắc



A Công tắc điều khiển gương chiếu hậu bên ngoài P.182

B Công tắc khóa cửa.....P.141

C Công tắc cửa sổ điều khiển điện.....P.185

D Công tắc khóa cửa sổ.....P.187

E Các công tắc nhớ vị trí lái* P.192

F Núm điều chỉnh cân bằng đèn pha loại thường* P.251

G Công tắc hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu của đèn pha* P.254
Công tắc đèn pha chiếu xa tự động* P.257

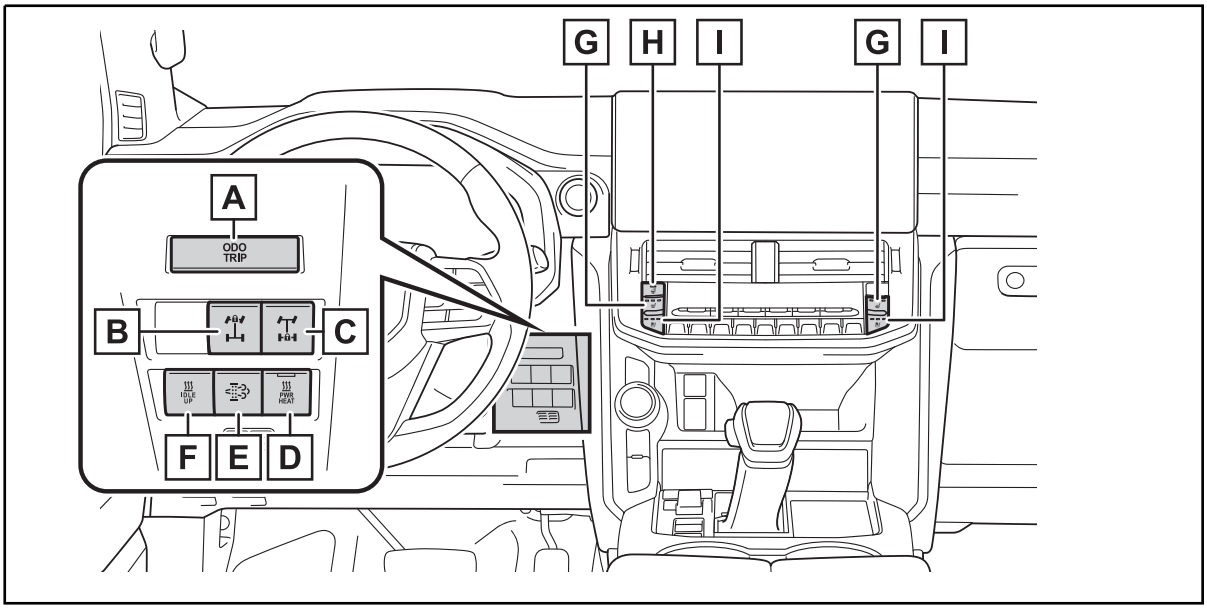
H Công tắc cửa hậu điều khiển điện* P.146

I Công tắc hủy hệ thống dừng và khởi động* P.319

J Công tắc PKSB* P.358

K Công tắc VSC OFF.....P.459

*: Nếu có



A Nút "ODO TRIP" P.95, 102

B Công tắc khóa vi sai trước* P.441

C Công tắc khóa vi sai sau* P.443

D Công tắc bộ sấy điện* P.482

E Công tắc hệ thống DPF* P.455

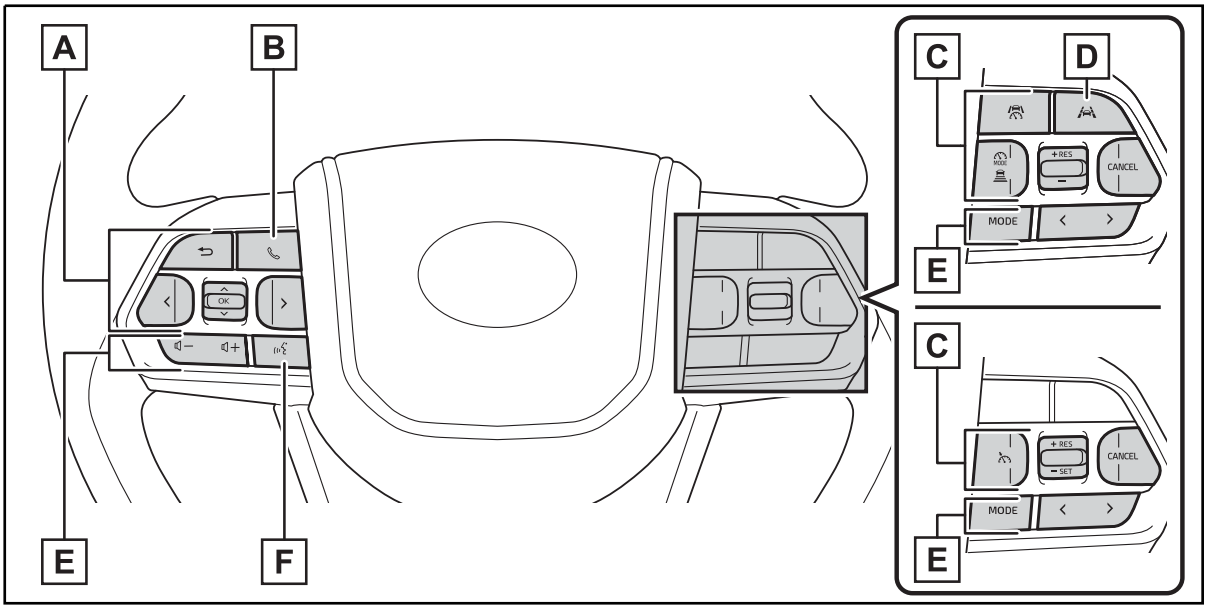
F Công tắc bù không tải khi dùng bộ sưởi* P.482

G Các công tắc bộ sưởi ghế trước* P.489

H Công tắc bộ sưởi vô lăng* P.489

I Các công tắc bộ thông gió cho ghế trước* P.490

*: Nếu có



A Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.....P.105, 115

B Công tắc điện thoại*1.....P.519

C Công tắc điều khiển chạy tự động

Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa*2 ..... P.298

Hệ thống điều khiển chạy tự động P.309, 313

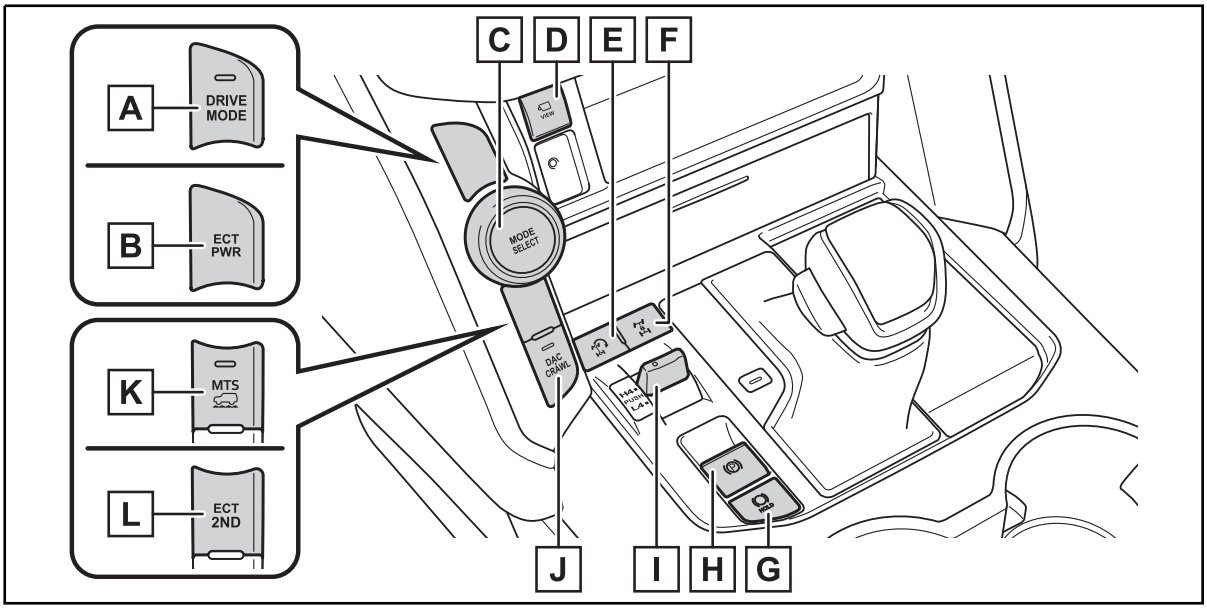
D Công tắc LTA (Hỗ trợ bám làn đường)*2.....P.288

E Các nút điều khiển hệ thống âm thanh từ xa trên vô lăng*1 .....P.519

F Nút thoại*1, 2 .....P.519

*1: Với xe có hệ thống đa phương tiện, tham khảo "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".

*2: Nếu có



A **Công tắc DRIVE MODE*** **P.436**

B **Công tắc chọn chế độ power*** **P.240**

C **Công tắc MODE SELECT*** **P.436, 445, 449, 452**

D **Công tắc Camera*** **P.372**

E **Công tắc hỗ trợ lái*** **P.448**

F **Công tắc báo khóa vi sai trung tâm** **P.439**

G **Công tắc giữ phanh** **P.246**

H **Công tắc phanh đỗ** **P.243**

Gài/nhả phanh đỗ P.243

Các lưu ý khi lái xe trong mùa đông P.468

Chuông cảnh báo/thông điệp cảnh báo P.244, 602

I **Công tắc điều khiển bốn bánh chủ động** **P.438**

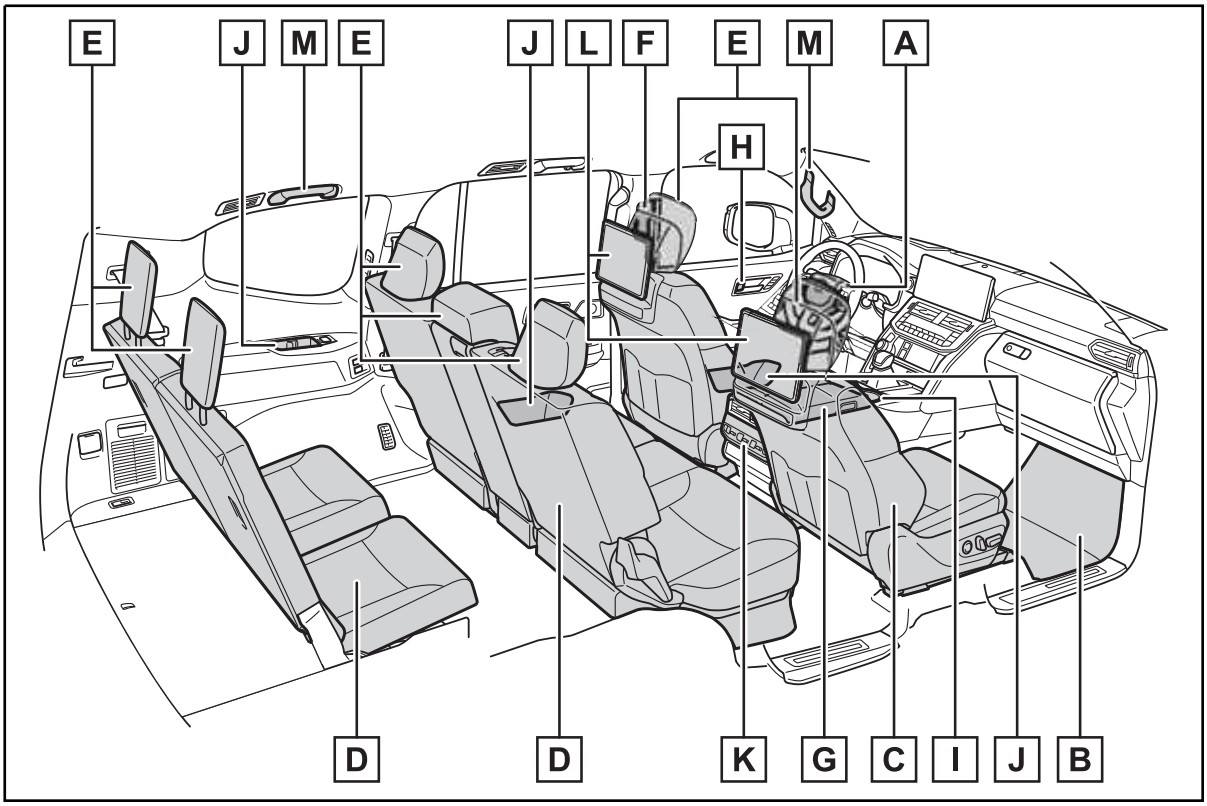
J **Công tắc DAC/CRAWL*** **P.445, 452**

K **Công tắc MTS*** **P.449**

L **Công tắc chế độ khởi hành từ số hai*** **P.236, 240**

*: Nếu có

n Bên trong xe



A **Túi khí** P.36

B **Thảm trải sàn xe** P.28

C **Ghế trước** P.166

D **Ghế sau** P.167

Hàng ghế thứ hai P.167

Hàng ghế thứ ba*1 ..... P.167

E **Tựa đầu** P.176

F **Đai an toàn** P.31

G **Hộp dầm*1** P.497

Hộp mát*1 ..... P.506

H **Nút khóa cửa bên trong xe** P.141

I **Ngăn để cốc** P.498

J **Ngăn để chai** P.499

K **Hệ thống làm mát phía sau[*1] P.484**
Hệ thống điều hòa không khí phía sau[*1].....P.486

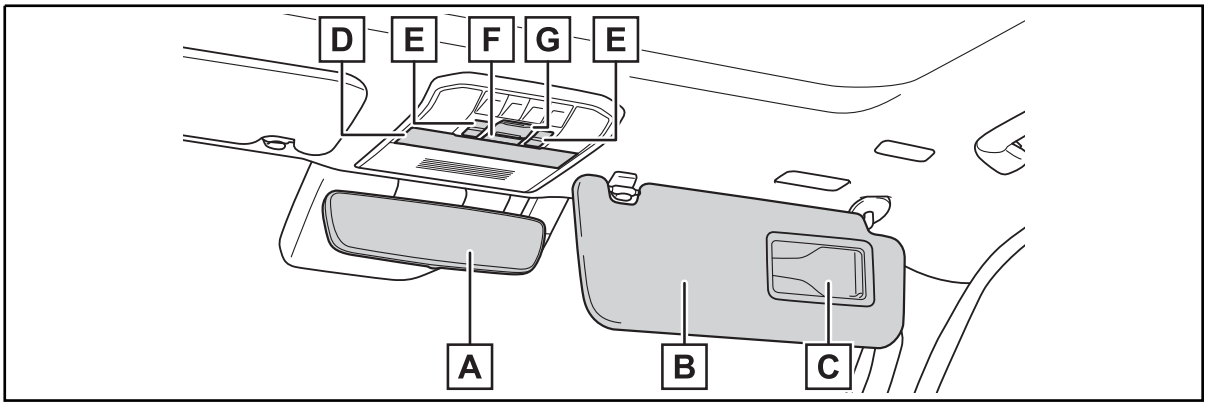
L **Hệ thống giải trí trên ghế sau[*1, 2]**

M **Tay nắm P.518**

[*1]: Nếu có

[*2]: Hãy tham khảo “Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện”.

n Trần xe



A **Gương chiếu hậu bên trong xe** **P.181**

B **Các tấm chắn nắng**[*1] **P.507**

C **Gương trang điểm**[*2] **P.507**

D **Đèn nội thất** [*2, 3] **P.493**
Đèn cá nhân[*2, 3] **P.494**

E **Công tắc cửa sổ trời**[*2] **P.188**

F **Công tắc hủy cảm biến xâm nhập và cảm biến nghiêng xe**[*2] **P.75**

G **Nút "SOS"**[*2] **P.60, 64**
Đèn chỉ báo[*2] **P.61**

[*1]: KHÔNG BAO GIỜ đặt hệ thống ghế cho trẻ em loại quay về phía sau trên ghế có TÚI KHÍ CHỦ ĐỘNG ở phía trước, nếu không có thể sẽ gây CHẤN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG hoặc TỬ VONG cho TRẺ. (→P.47)



[*2]: Nếu có

[*3]: Hình minh họa miêu tả ở phía trước, nhưng nó cũng có thể trang bị ở phía sau.

Sử dụng xe an toàn

1

1-1. Để lái xe an toàn

Trước khi lái xe..... 28

Để lái xe an toàn..... 29

Đai an toàn..... 31

Túi khí..... 36

Các lưu ý với khí xả..... 43

1-2. An toàn cho trẻ em

Lái xe khi có trẻ em ở trên xe..... 44

Hệ thống ghế cho trẻ em.. 44

1-3. Hỗ trợ khẩn cấp

eCall..... 60

ERA-GLONASS/EVAK..... 63

Dịch vụ kết nối của Toyota 67

1-4. Hệ thống chống trộm

Hệ thống mã hoá khóa động cơ..... 71

Hệ thống khóa kép..... 72

Hệ thống báo động..... 73

Hệ thống xác thực vân tay 77

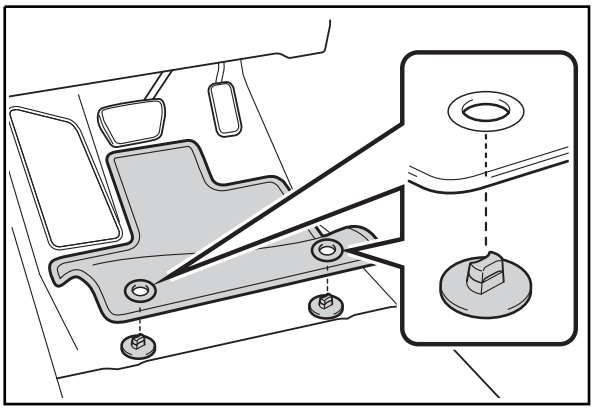
Trước khi lái xe

Tuân theo các lưu ý sau trước khi khởi hành xe để đảm bảo lái xe an toàn.

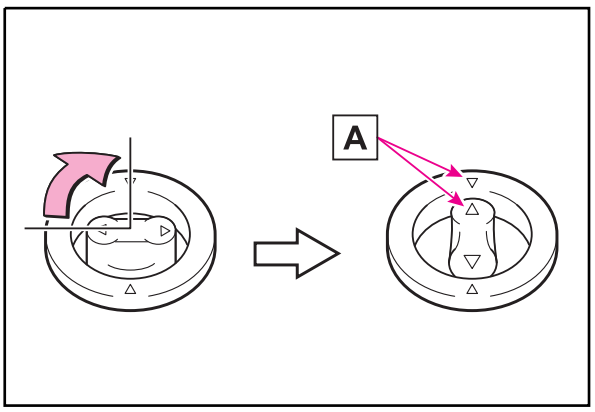
Lắp thảm trải sàn xe

Chỉ sử dụng các thảm trải sàn xe được thiết kế riêng cho cùng kiểu xe và năm sản xuất như xe của bạn. Hãy lắp thảm trải sàn xe chắc chắn vào đúng vị trí trên tấm lót sàn xe.

1 Cắm móc hãm (kẹp hãm) vào lỗ lắp thảm trải sàn xe.



2 Hãy xoay núm phía trên của từng móc hãm (kẹp hãm) để cố định thảm trải sàn xe.



Luôn gióng thẳng các dấu △ ở A .

Hình dạng của các móc hãm (kẹp hãm) trên thực tế có thể sẽ khác với hình minh họa.

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không có thể sẽ làm cho thảm trải sàn xe của người lái bị trượt, và vướng vào các bàn đạp trong khi lái xe. Xe có thể bị tăng tốc đột ngột hoặc khó để phanh xe lại. Tình trạng này có thể sẽ gây ra tai nạn và dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Khi lắp thảm trải sàn xe phía người lái**

l Không sử dụng thảm trải sàn xe được thiết kế cho các kiểu xe khác hoặc đời xe khác, kể cả khi đó là thảm trải sàn xe chính hiệu của Toyota.

l Chỉ sử dụng các thảm trải sàn xe được thiết kế cho ghế của người lái.

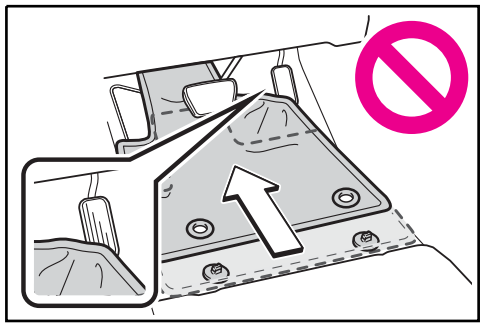
l Luôn cố định thảm trải sàn xe một cách chắc chắn bằng cách dùng các móc hãm (kẹp hãm).

l Không chồng hai hoặc nhiều thảm trải sàn xe lên nhau.

l Không đặt thảm trải sàn xe ngược mặt.

n **Trước khi lái xe**

l Hãy kiểm tra rằng thảm trải sàn xe đã được lắp chắc chắn vào đúng vị trị bằng các móc hãm (kẹp hãm) đi kèm. Hãy đặc biệt chú ý kiểm tra sau khi vệ sinh sàn xe.

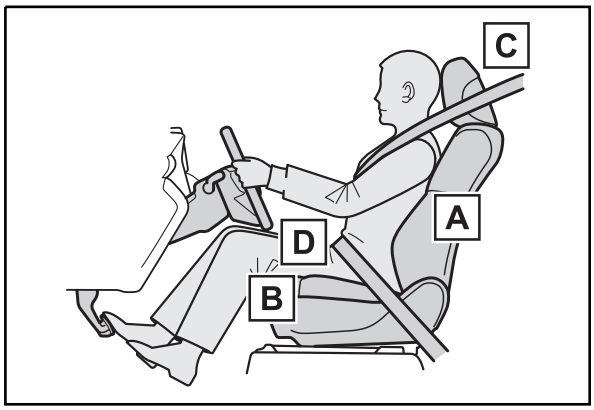


- Với động cơ đã tắt máy và cần số ở vị trí P, hãy đạp hết cỡ từng bàn đạp đến sát sàn xe để đảm bảo chúng không bị vướng vào thảm trải sàn xe.

Để lái xe an toàn

Để đảm bảo lái xe an toàn, hãy điều chỉnh gương và ghế đến vị trí phù hợp trước khi lái xe.

Tư thế lái xe đúng



A Điều chỉnh góc nghiêng lưng ghế để người lái ngồi thẳng và không ngả người về phía trước vô lăng. (→P.166)

B Hãy điều chỉnh ghế sao cho bạn có thể đạp hết cỡ các bàn đạp và khuỷu tay hơi gập xuống khi điều khiển vô lăng. (→P.166)

C Khóa tựa đầu tại vị trí mà tâm của tựa đầu gần với đỉnh tai của bạn nhất. (→P.176)

D Thắt đai an toàn đúng cách. (→P.32)

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Không điều chỉnh vị trí ghế của người lái trong khi đang lái xe.
  Nếu không sẽ có thể làm cho người lái không điều khiển được xe.
- Không đặt tấm nệm lót giữa người lái hoặc hành khách với lưng ghế. Tấm nệm lót sẽ có thể sẽ làm ảnh hưởng tới tư thế ngồi đúng, và làm giảm hiệu quả bảo vệ của đai an toàn và tựa đầu.
- Không để bất kỳ đồ vật nào phía dưới các ghế trước.
  Những vật được đặt phía dưới các ghế trước có thể bị kẹt trên các ray trượt ghế và làm cho ghế bị kẹt. Điều này có thể dẫn tới tai nạn và cơ cấu điều chỉnh ghế cũng có thể bị hỏng.
- Luôn tuân theo giới hạn tốc độ cho phép khi lái xe trên đường.
- Khi lái xe đường dài, hãy nghỉ ngơi thường xuyên trước khi bạn cảm thấy mệt mỏi.
  Nếu bạn cảm thấy mệt và buồn ngủ trong khi lái xe, thì đừng cố lái, hãy ngay lập tức dừng xe và nghỉ ngơi một lúc.

Sử dụng đai an toàn đúng cách

Đảm bảo rằng tất cả hành khách đã thắt đai an toàn đúng cách trước khi lái xe. (→P.32)

Hãy sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em phù hợp với trẻ, cho tới khi trẻ đủ lớn để sử dụng được đai an toàn một cách chính xác. (→P.44, 59)

Điều chỉnh các gương

Chắc chắn rằng bạn có thể quan sát rõ phía sau xe bằng cách điều chỉnh gương chiếu hậu bên trong xe và gương chiếu hậu bên ngoài xe một cách chính xác. (→P.181, 182)

Đai an toàn

Đảm bảo rằng tất cả hành khách đã thắt đai an toàn đúng cách trước khi lái xe.

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các lưu ý sau để giảm thiểu nguy cơ bị chấn thương trong trường hợp phanh gấp, đánh lái gấp hoặc xe bị tai nạn.
Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Thắt đai an toàn**

- Hãy đảm bảo rằng mọi hành khách đã thắt đai an toàn đúng cách.
- Luôn thắt đai an toàn đúng cách.
- Mỗi đai an toàn chỉ được dùng cho một người. Không sử dụng một đai an toàn cho nhiều người cùng lúc, kể cả với trẻ em.
- Chúng tôi khuyên bạn nên để trẻ em ngồi ở ghế sau và luôn sử dụng đai an toàn và/hoặc hệ thống ghế cho trẻ em phù hợp.
- Để đảm bảo tư thế ngồi đúng, không được ngả lưng ghế quá nhiều. Đai an toàn có tác dụng bảo vệ tốt nhất khi người dùng ngồi thẳng và tựa sát lưng vào ghế.
- Không để đai vai nằm dưới cánh tay của bạn.
- Luôn luôn giữ đai căng qua hông của bạn.
- Chắc chắn rằng các đai an toàn đã được tháo ra khỏi các móc treo (→P.168, 172, 174) khi sử dụng các đai an toàn cho hàng ghế thứ hai phía ngoài hoặc hàng ghế thứ 3*.

*: Nếu có

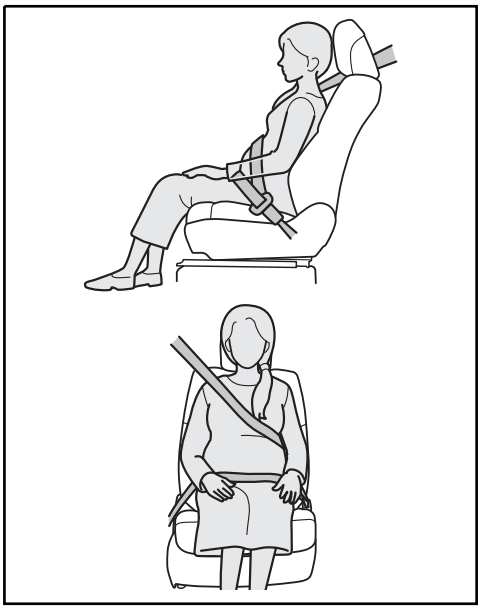
⚠ CẢNH BÁO

n **Phụ nữ có thai**

Hãy tuân theo các chỉ định của bác sỹ và đeo đai an toàn đúng cách. (→P.32)

Cũng như những người dùng khác, phụ nữ có thai cũng nên đặt đai hông ở dưới hông càng thấp càng tốt. Hãy kéo đai vai ra hết cỡ vòng qua vai và tránh để đai tiếp xúc tỳ lên phần nhô lên của bụng.

Nếu thắt đai an toàn không đúng cách, không những phụ nữ có thai mà còn cả thai nhi đều có thể bị chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong trong trường hợp phanh gấp hoặc xe bị va chạm.



n **Người ốm**

Hãy tuân theo các chỉ định của bác sỹ và đeo đai an toàn đúng cách. (→P.32)

n **Khi có trẻ em ở trong xe**

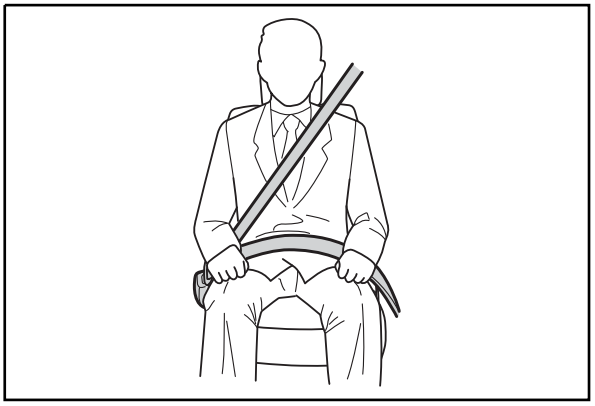
→P.44

n **Đai an toàn bị hỏng và sờn**

- Không được để đai, móc khóa hay kẹp khóa bị kẹt vào cửa gây ra hỏng hóc.

- Hãy kiểm tra định kỳ hệ thống đai an toàn. Kiểm tra xem đai có bị đứt, bị sờn hoặc có chi tiết nào bị lỏng không. Không được sử dụng những đai an toàn đã bị hỏng cho tới khi nó được thay thế. Đai an toàn đã bị hỏng sẽ không thể bảo vệ người sử dụng khỏi chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.
- Hãy đảm bảo rằng đai và móc khóa đã được khóa chặt và đai không bị xoắn.
  Nếu đai an toàn hoạt động không chính xác, hãy liên hệ ngay với đại lý Toyota.
- Hãy thay cả cụm ghế, gồm cả đai an toàn nếu xe của bạn đã bị tai nạn nghiêm trọng, kể cả khi không thấy chúng bị hư hỏng gì.
- Không được cố gắng lắp đặt, thay thế, sửa đổi, tháo rời hoặc hủy các đai an toàn. Hãy yêu cầu đại lý Toyota sửa chữa nếu cần thiết. Những tác động không phù hợp có thể làm cho bộ căng đai hoạt động thiếu chính xác, dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

Sử dụng đai an toàn đúng cách



- Hãy kéo đai vai ra sao cho nó vòng qua vai, nhưng không được để đai thít vào cổ hoặc tuột ra khỏi vai.
- Hãy đặt đai hông qua hông càng thấp càng tốt.
- Điều chỉnh vị trí của lưng ghế. Ngồi thẳng và dựa lưng vào ghế.
- Không để đai an toàn bị xoắn.

n Sử dụng đai an toàn cho trẻ em

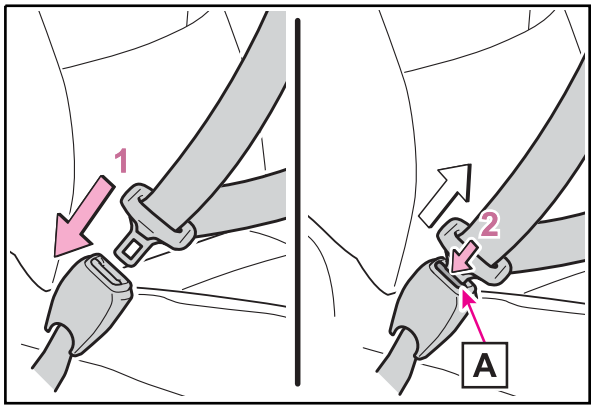
Đai an toàn trên xe của bạn chủ yếu được thiết kế để cho người lớn sử dụng.

- Hãy sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em cho phù hợp với trẻ, cho đến khi trẻ đủ lớn để sử dụng được hệ thống đai an toàn trên xe một cách chính xác. (→P.44, 59)
- Khi trẻ đã đủ lớn để có thể sử dụng đai an toàn trên xe đúng cách, hãy tuân theo hướng dẫn sử dụng đai an toàn. (→P.31)

n Quy định về đai an toàn

Nếu như tại quốc gia mà bạn sinh sống có các quy định về đai an toàn, hãy liên hệ với đại lý Toyota để thay thế hoặc lắp đặt đai an toàn.

Thắt và tháo đai an toàn



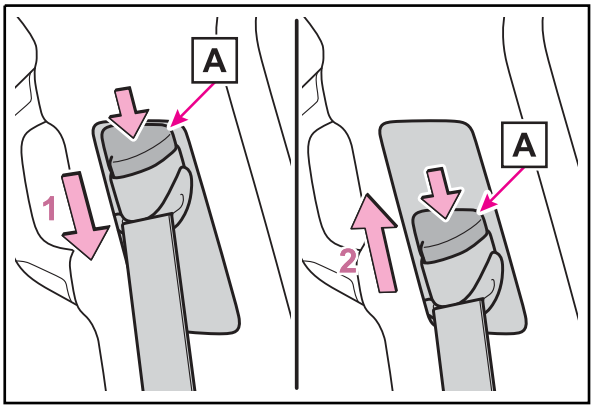
1 Để thắt đai an toàn, hãy cắm và ấn móc khóa vào trong kẹp khóa cho tới khi nghe thấy một tiếng tách.

2 Để nhả đai an toàn, hãy ấn vào nút nhả khoá A.

n **Bộ cuốn khóa đai khẩn cấp (ELR)**

Bộ cuốn sẽ khóa chặt đai an toàn lại trong khi phanh gấp hoặc khi xe bị va chạm. Đai an toàn cũng có thể sẽ bị khóa khi bạn ngả người ra phía trước quá nhanh. Hãy di chuyển chậm rãi, khi đó đai có thể kéo dài ra và bạn có thể dịch chuyển ra xung quanh một cách bình thường được.

Điều chỉnh chiều cao của móc treo đai vai (ghế trước)



1 Hãy đẩy móc treo đai vai xuống trong khi ấn vào nút nhả khóa A.

2 Hãy đẩy móc treo đai vai lên trong khi ấn vào nút nhả khóa A.

Hãy dịch bộ điều chỉnh chiều cao đai lên và xuống cho tới khi nghe thấy một tiếng tách.

CẢNH BÁO

n **Móc treo đai vai có thể điều chỉnh được**

Hãy luôn đảm bảo rằng đai vai phải được đặt chéo qua phần giữa vai bạn. Đai nên được đặt càng xa cổ càng tốt, nhưng không được nằm dưới vai bạn. Nếu không, có thể sẽ làm giảm khả năng bảo vệ khi xe bị tai nạn và gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong trong trường hợp phanh gấp, đánh lái đột ngột hoặc bị tai nạn.

Bộ căng đai khẩn cấp

n **Ghế trước** *1

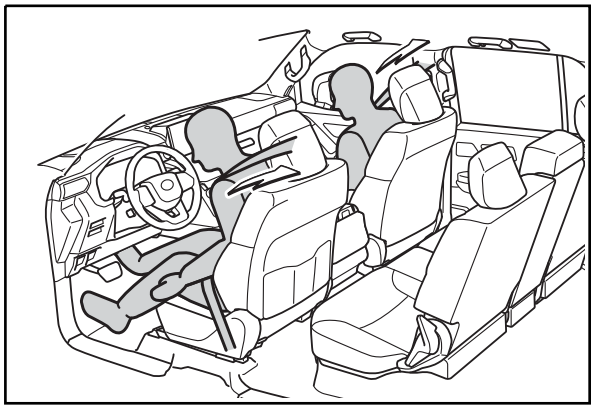
*1: Xe có mã kiểu xe *2 với chữ cái cuối cùng là “V” và “W”.

*2: Mã kiểu xe sẽ được chỉ ra trên nhãn của nhà sản xuất hoặc trên tấm nhãn chứng nhận. (→P.651)

▶ Xe không có túi khí bên và túi khí rèm

Khi xe bị va chạm mạnh từ phía trước, đai an toàn của các ghế trước sẽ được thắt chặt để giữ cố định người ngồi trên xe.

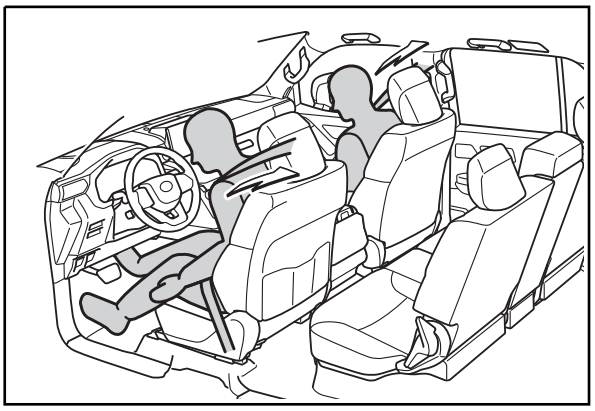
Bộ căng đai khẩn cấp sẽ không hoạt động khi xe bị các va chạm nhỏ từ phía trước, phía bên hay từ phía sau xe hoặc khi bị lật xe.



▶ Xe có túi khí bên và túi khí rèm

Khi xe chịu va chạm mạnh từ phía trước hoặc từ phía bên, bộ căng đai khẩn cấp sẽ thắt chặt đai an toàn của các ghế trước để giữ cố định người ngồi trên xe.

Bộ căng đai khẩn cấp sẽ không hoạt động khi xe bị các va chạm nhỏ từ phía trước hoặc va chạm từ phía bên, từ phía sau hoặc khi bị lật xe.



n Ghế trước và hàng ghế thứ hai phía ngoài[*1]

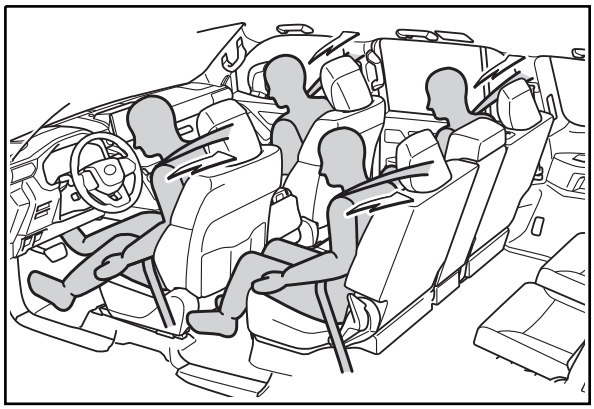
[*1]: Trừ xe có mã kiểu xe[*2] với chữ cái cuối cùng là "V" và "W".

[*2]: Mã kiểu xe sẽ được chỉ ra trên nhãn của nhà sản xuất hoặc trên tấm nhãn chứng nhận. (→P.651)

▶ Xe không có túi khí bên và túi khí rèm

Khi xe bị va chạm mạnh từ phía trước, bộ căng đai khẩn cấp sẽ thắt chặt đai an toàn của các ghế trước và các ghế ngoài hàng phía sau để giữ cố định người ngồi trên xe.

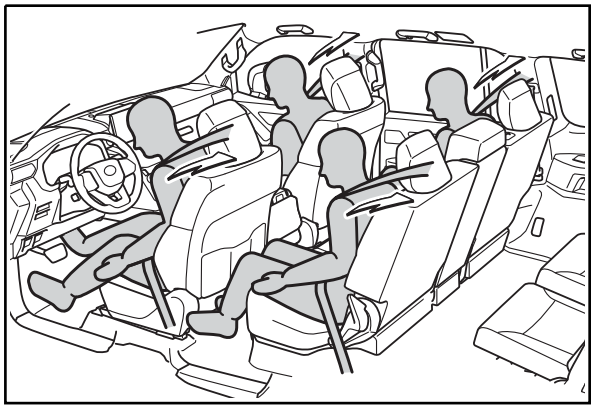
Bộ căng đai khẩn cấp sẽ không hoạt động khi xe bị các va chạm nhỏ từ phía trước, va chạm từ phía bên hoặc từ phía sau hay khi bị lật xe.



▶ Xe có túi khí bên và túi khí rèm

Khi xe chịu va chạm mạnh từ phía trước hoặc từ phía bên, bộ căng đai khẩn cấp sẽ thắt chặt đai an toàn của các ghế trước và các ghế ngoài hàng phía sau để giữ cố định người ngồi trên xe.

Bộ căng đai khẩn cấp sẽ không hoạt động khi xe bị các va chạm nhỏ từ phía trước hoặc va chạm từ phía bên, từ phía sau hoặc khi bị lật xe.



n Thay đai an toàn sau khi bộ căng đai khẩn cấp đã kích hoạt

Nếu xe bị va chạm nhiều lần, thì bộ căng đai khẩn cấp sẽ chỉ kích hoạt cho lần va chạm đầu tiên, nhưng không kích hoạt cho lần va chạm thứ hai hoặc sau đó nữa.

n Điều khiển kết nối với hệ thống cảnh báo tiền va chạm-PCS (xe có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota)

Nếu PCS (hệ thống cảnh báo tiền va

chạm) xác định có thể có va chạm với một xe khác là cao, bộ căng đai khẩn cấp sẽ được chuẩn bị để kích hoạt.

CẢNH BÁO

n **Bộ căng đai khẩn cấp**

Nếu bộ căng đai khẩn cấp đã hoạt động, đèn cảnh báo túi khí sẽ sáng lên. Trong tình huống này, đai an toàn không thể được sử dụng và phải được thay thế tại Đại lý Toyota.

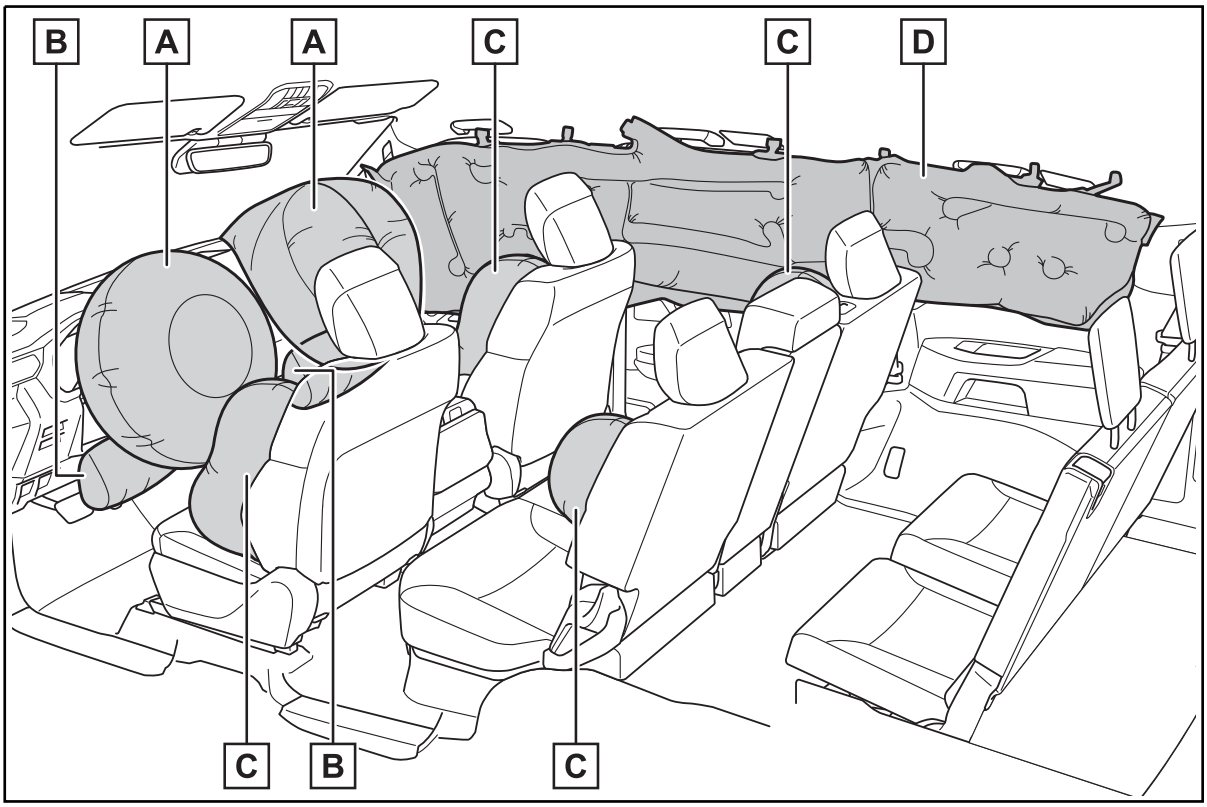
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

Túi khí

Các túi khí sẽ được kích hoạt khi xe bị một số kiểu va chạm mạnh nhất định mà có thể gây thương tích đáng kể cho người ngồi trong xe. Các túi khí sẽ hoạt động cùng với đai an toàn để giúp giảm nguy cơ tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng cho người dùng.

Hệ thống túi khí

n **Vị trí của các túi khí**



A Túi khí phía trước SRS (túi khí người lái SRS/túi khí hành khách phía trước SRS)

Giúp giảm tác động lên phần đầu và ngực của người lái và hành khách phía trước

B Túi khí bảo vệ đầu gối

Giúp giảm lực tác động lên người lái và hành khách phía trước

C Túi khí bên SRS (nếu có)

- Giúp giảm lực tác động lên phần ngực của những người ngồi ở hàng ghế trước
- Giúp giảm lực tác động lên phần ngực của những người ngồi ở hàng ghế sau

D Túi khí rèm (nếu có)

Giúp giảm lực tác động lên phần đầu của người ngồi trên các ghế phía ngoài của ghế trước và ghế sau

Các chi tiết chính của hệ thống túi khí đã được giới thiệu ở trên. Hệ thống túi khí được điều khiển bởi cụm cảm biến túi khí. Khi túi khí nổ, một phản ứng hóa học sẽ nhanh chóng bơm căng túi khí bằng khí không độc để hạn chế chuyển động lao về phía trước của hành khách.

n Nếu túi khí nổ

l Người ngồi trên xe có thể sẽ bị thâm tím, trầy xước, bị bỏng... do va chạm với các túi khí SRS khi túi khí nổ ở tốc độ cao bởi khí nóng.

l Khi túi khí nổ sẽ phát ra một tiếng động lớn và có khói trắng thoát ra.

l Các chi tiết của cụm túi khí (mặt vô lăng, nắp che túi khí và bộ làm phồng túi khí) cũng như các chi tiết xung quanh túi khí có thể sẽ bị nóng trong vài phút. Bản thân túi khí cũng có thể sẽ bị nóng.

l Kính chắn gió có thể sẽ bị nứt.

l Tất cả các cửa sẽ được mở khóa. (→P.139)

l Xe có phanh tránh va chạm thứ cấp: Đèn phanh và đèn đỗ sẽ được điều khiển một cách tự động. (→P.459)

l Các đèn trần sẽ bật tự động. (→P.493)

l Các đèn nháy khẩn cấp sẽ tự động được kích hoạt. (→P.594)

l Việc cấp nhiên liệu cho động cơ sẽ bị dừng lại. (động cơ xăng) (→P.601)

n Cuộc gọi khẩn cấp

l Xe có eCall: Nếu xảy ra bất kỳ tình huống nào sau đây, hệ thống sẽ thực hiện cuộc gọi khẩn cấp* đến trung tâm phản hồi.
- Khi một túi khí đã được kích hoạt
- Khi bộ căng đai khẩn cấp đã hoạt động
- Khi xe nhận tác động vượt quá một mức nhất định
- Dịch vụ khẩn cấp có thể được điều động ngay cả khi không có phản hồi đối với các cuộc gọi từ Đại lý.

*: Trong một số trường hợp, không thể thực hiện cuộc gọi khẩn. (→P.61)

l Xe có ERA-GLONASS/EVAK: Nếu xảy ra bất kỳ tình huống nào sau đây, hệ thống sẽ thực hiện cuộc gọi khẩn cấp* đến trung tâm điều khiển ERA-GLONASS/EVAK.
- Khi một túi khí đã được kích hoạt
- Khi bộ căng đai khẩn cấp đã hoạt động
- Khi xe nhận tác động vượt quá một mức nhất định
- Dịch vụ khẩn cấp có thể được điều động ngay cả khi không có phản hồi đối với các cuộc gọi từ Đại lý.

*: Trong một số trường hợp, không thể thực hiện cuộc gọi khẩn. (→P.65)

l Xe có dịch vụ kết nối của Toyota: Nếu xảy ra bất kỳ tình huống nào sau đây, thì hệ thống được thiết kế để thực hiện cuộc gọi khẩn cấp* đến trung tâm phản hồi.
- Khi một túi khí đã được kích hoạt
- Khi bộ căng đai khẩn cấp đã hoạt động
- Khi xe nhận tác động vượt quá một mức nhất định
- Dịch vụ khẩn cấp có thể được điều động ngay cả khi không có phản hồi đối với các cuộc gọi từ Đại lý.

*: Trong một số trường hợp, không thể thực hiện cuộc gọi khẩn. (→P.68)

n Các túi khí sẽ kích hoạt bởi va chạm từ phía trước khi

l Các túi khí sau sẽ kích hoạt trong trường hợp lực va chạm vượt quá ngưỡng giới hạn (lực va chạm tương ứng với một va chạm trực diện ở tốc độ khoảng từ 20 đến 30 km/h với một bức tường cố định không dịch chuyển hoặc biến dạng):
- Túi khí phía trước
- Túi khí bảo vệ đầu gối

l Ngưỡng giới hạn mà túi khí sẽ kích hoạt sẽ cao hơn bình thường trong các trường hợp sau:
- Khi xe va chạm với một vật thể có thể di chuyển hoặc bị biến dạng khi xảy ra va chạm, chẳng hạn như một xe ô tô đang đỗ hoặc biển báo giao thông
- Khi xe bị va chạm ở gầm, như đầu xe chui vào gầm xe tải

l Tùy thuộc vào kiểu va chạm, mà chỉ những kiểu va chạm sau có thể sẽ làm kích hoạt túi khí:
- Bộ căng đai khẩn cấp

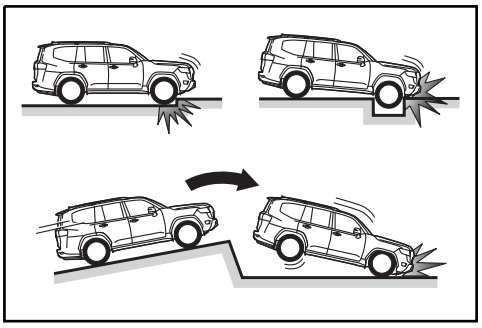
l Xe có túi khí rèm SRS: Trong trường hợp xảy ra va chạm rất mạnh từ phía trước, các túi khí rèm bên trái và bên phải cũng có thể sẽ được kích hoạt.

n Xe có túi khí rèm: Các túi khí SRS sẽ kích hoạt trong va chạm từ phía bên sườn xe khi

l Các túi khí sau sẽ kích hoạt trong trường hợp lực va chạm vượt quá ngưỡng giới hạn (tương ứng với một lực va chạm được tạo ra bởi một xe nặng khoảng 1500 kg va chạm vuông góc với khoang hành khách ở tốc độ khoảng từ 20 đến 30 km/h):
- Túi khí bên
- Túi khí rèm

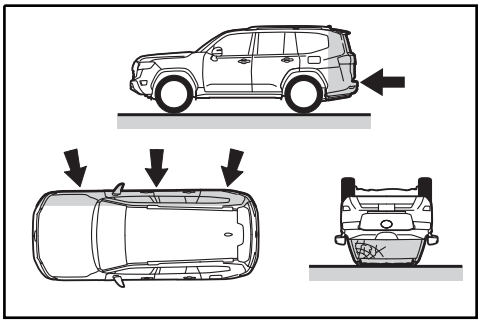
n Các túi khí kích hoạt trong một va chạm bên dưới gầm xe khi

l Các túi khí sau có thể sẽ kích hoạt khi phần gầm xe bị va chạm với một vật cứng:
- Túi khí phía trước
- Túi khí bảo vệ đầu gối
- Túi khí bên SRS (nếu có)
- Túi khí rèm (nếu có)

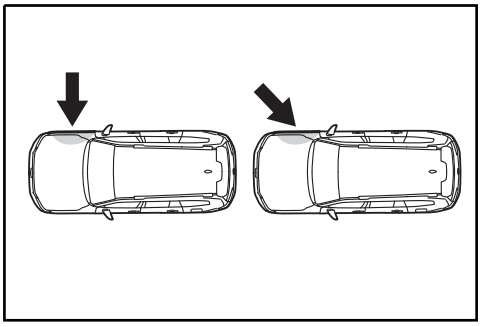


n Các túi khí SRS sẽ không được kích hoạt khi

l Các túi khí sau thường sẽ không kích hoạt khi có va chạm từ bên sườn xe hoặc từ phía sau, khi lật xe hoặc va chạm từ phía trước ở tốc độ thấp. Tuy nhiên, nếu vụ va chạm đó gây ra sự giảm tốc đột ngột đủ lớn, thì các túi khí có thể vẫn được kích hoạt.
- Túi khí phía trước
- Túi khí bảo vệ đầu gối



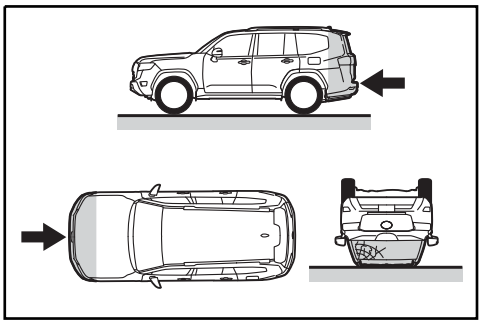
l Xe có túi khí rèm: Các túi khí SRS sau có thể không được bung ra nếu xe bị va chạm ở một góc nhất định hoặc trong va chạm bên ở một khu vực của xe khác với khoang hành khách bị va chạm:
- Túi khí bên
- Túi khí rèm



l Các túi khí sau đây thường sẽ

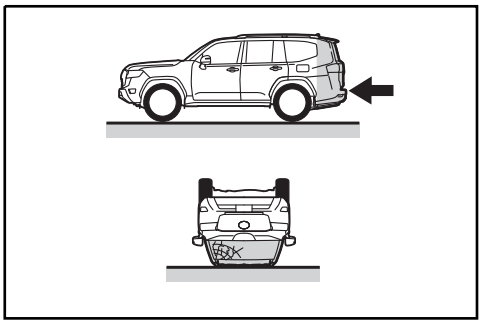
không kích hoạt trong va chạm từ phía trước hoặc phía sau, khi lật xe hoặc va chạm từ phía bên ở tốc độ thấp:

- Túi khí bên SRS (nếu có)



- Các túi khí sau đây thường sẽ không kích hoạt trong va chạm từ phía sau, lật xe hoặc va chạm từ phía trước hoặc hai bên ở tốc độ thấp:

- Túi khí rèm (nếu có)

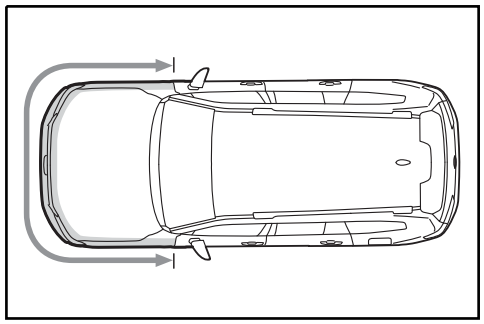


n Những trường hợp cần liên hệ với đại lý Toyota

Trong các trường hợp sau, sẽ cần phải tiến hành kiểm tra và/hoặc sửa chữa xe. Hãy liên hệ với đại lý Toyota của bạn càng sớm càng tốt.

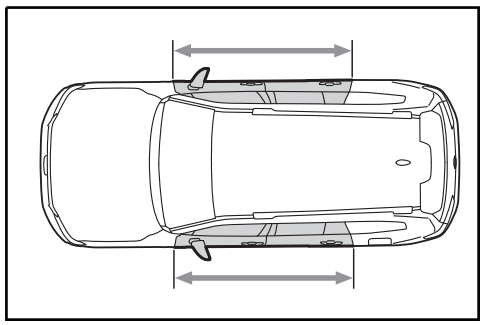
- Khi một túi khí bất kỳ đã bị kích hoạt
- Khi phần đầu xe bị hư hỏng hoặc biến dạng, hoặc đã bị va chạm nhưng không đủ nghiêm trọng để kích hoạt bất kỳ túi khí nào sau đây:

- Túi khí phía trước
- Túi khí bảo vệ đầu gối



- Xe có túi khí rèm: Khi một cửa hoặc khu vực xung quanh của nó bị hỏng, biến dạng hoặc bị thủng, hoặc xe bị va chạm nhưng không đủ mạnh để kích hoạt bất kỳ túi khí nào sau đây:

- Túi khí bên
- Túi khí rèm



- Khi mặt vô lăng, bảng táp lô gần cụm túi khí của hành khách phía trước hoặc mặt dưới của bảng táp lô bị xước, nứt vỡ hoặc bị các hư hỏng khác.
- Xe có túi khí bên SRS: Khi bề mặt của ghế có túi khí bên SRS bị trầy xước, nứt hoặc bị hỏng khác.
- Xe có túi khí rèm: Khi phần của trụ xe phía trước, trụ xe phía sau hoặc tấm ốp trong dọc trần xe (phần ốp) chứa túi khí rèm SRS bị xước, nứt hoặc hư hỏng.

⚠ CẢNH BÁO

n Các lưu ý với túi khí

Hãy tuân theo các lưu ý sau. Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Người lái xe và tất cả hành khách phải thắt đai an toàn đúng cách. Túi khí là thiết bị bổ sung được sử dụng kết hợp với đai an toàn.

CẢNH BÁO

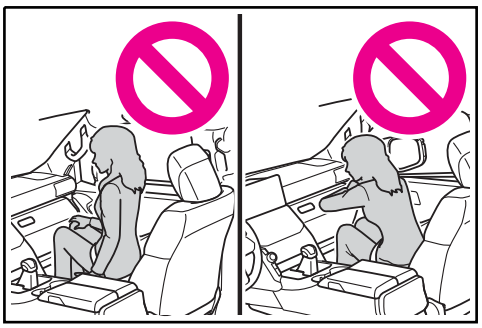
- Túi khí người lái SRS sẽ bung ra với một lực đáng kể, và có thể gây tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng, đặc biệt nếu người lái đang ngồi rất gần túi khí.

Do phạm vi rủi ro gây ra bởi túi khí của người lái là trong vòng bán kính từ 50 đến 75 mm, nên việc ngồi cách túi khí người lái 250 mm sẽ giúp tăng mức độ an toàn một cách rõ rệt. Khoảng cách này được đo từ tâm của vô lăng đến xương ngực của bạn. Nếu vị trí lái xe hiện tại của bạn cách túi khí người lái dưới 250 mm, bạn có thể thay đổi vị trí lái xe của mình theo một số cách như sau:

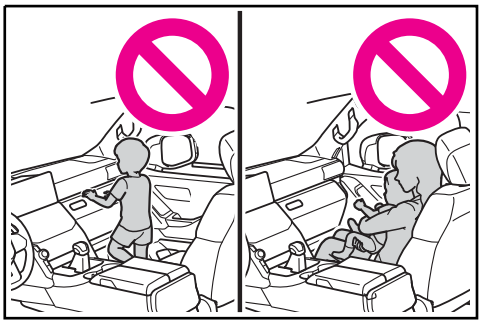
- Hãy dịch ghế của bạn về phía sau càng xa càng tốt trong khi vẫn có thể điều khiển các bàn đạp một cách thoải mái.
- Hãy hơi ngả lưng ghế. Mặc dù thiết kế của các xe là khác nhau, rất nhiều người lái có thể giữ được khoảng cách 250 mm, ngay cả khi ghế lái được dịch hết về phía trước, chỉ đơn giản bằng cách hơi ngả lưng ghế xuống một chút. Nếu việc ngả lưng ghế khiến bạn khó quan sát đường, hãy nâng người bạn lên bằng cách sử dụng một miếng đệm chắc chắn, không trơn trượt hoặc nâng ghế lên nếu xe của bạn có tính năng này.
- Nếu có thể điều chỉnh được vô lăng, hãy hạ thấp nó xuống. Việc này sẽ hướng túi khí vào ngực thay vì hướng vào đầu và cổ của bạn.

Bạn nên điều chỉnh ghế lái theo hướng dẫn ở trên, đồng thời vẫn phải đảm bảo kiểm soát tốt các bàn đạp, vô lăng và khả năng quan sát bảng táp lô.

- Túi khí hành khách phía trước sẽ bung ra với một lực đáng kể và có thể gây tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng, đặc biệt nếu hành khách phía trước đang ngồi rất gần túi khí. Ghế hành khách phía trước phải được đặt càng xa túi khí càng tốt với lưng ghế được điều chỉnh sao cho hành khách ngồi thẳng lưng.
- Người ngồi không đúng cách và/hoặc trẻ sơ sinh và trẻ em được hạn chế va đập không đúng cách có thể bị chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong nếu túi khí nổ. Với trẻ sơ sinh hoặc trẻ quá nhỏ không thể sử dụng được đai an toàn, bạn nên sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em phù hợp để giữ trẻ. Chúng tôi thành thực khuyên bạn nên để trẻ em và trẻ sơ sinh ở hàng ghế sau và sử dụng các biện pháp hạn chế va đập phù hợp cho trẻ. Hàng ghế sau an toàn hơn dành cho trẻ em và trẻ sơ sinh so với ghế hành khách phía trước. (→P.44, 59)
- Không ngồi lên mép ghế hoặc ngả người vào mặt táp lô.



- Không để trẻ em đứng phía trước túi khí của ghế hành khách phía trước hoặc ngồi trên đùi của hành khách phía trước.



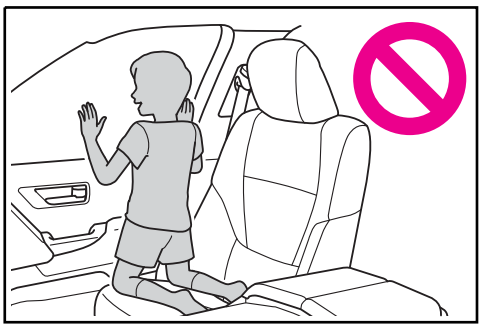
- Những người ngồi ở các ghế trước cũng chú ý không được giữ các đồ vật ở trong lòng.

⚠ CẢNH BÁO

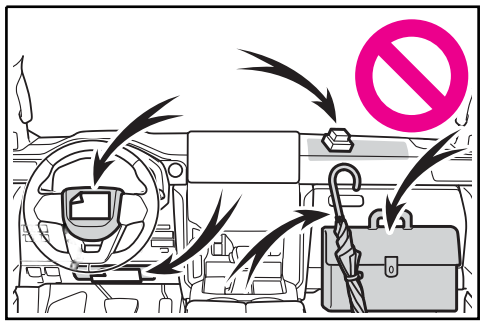
- Không dựa vào cửa xe, tấm ốp dọc hai bên trần xe, hoặc trụ trước, trụ giữa hoặc trụ sau của xe.



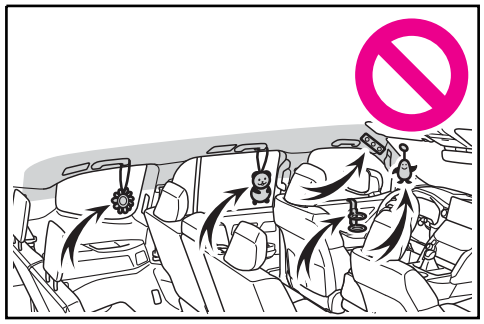
- Không để người nào quỳ trên ghế, hướng về phía cửa xe hoặc thò đầu hoặc tay của họ ra ngoài xe.



- Không được gắn hoặc đặt các đồ vật trên mặt táp lô, mặt vô lăng và phía dưới của bảng táp lô.



- Không gắn bất cứ thứ gì vào các vị trí như các cửa xe, kính chắn gió, các cửa sổ bên, các trụ trước hoặc trụ sau, mép bên trần xe hoặc tay nắm.



- Không treo móc áo khoác hoặc các vật cứng khác lên móc treo áo khoác. Những vật này có thể sẽ bị bắn văng đi nếu túi khí rèm bị kích hoạt, có thể dẫn đến tử vong hoặc bị thương nghiêm trọng.

- Nếu một tấm nhựa vinyl đang được gắn vào vị trí mà túi khí đầu gối sẽ kích hoạt, thì hãy tháo nó ra.

- Xe có túi khí bên SRS: Không sử dụng phụ kiện ghế che phần nơi túi khí SRS bung ra, vì chúng có thể gây cản trở cho quá trình bung túi khí SRS. Những phụ kiện này có thể ngăn chặn túi khí SRS bung ra đúng cách, làm hỏng hệ thống hoặc gây ra việc túi khí SRS bung ra một cách không cố ý, có thể dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

l Không gõ, đập hoặc tác động lực mạnh lên các chi tiết của hệ thống túi khí, các cửa trước hoặc khu vực xung quanh của chúng. Nếu không có thể khiến hệ thống các túi khí bị trục trặc.

l Không chạm vào các chi tiết của túi khí ngay sau khi túi khí đã được kích hoạt vì chúng có thể đang rất nóng.

⚠ CẢNH BÁO

l Nếu như bạn cảm thấy khó thở ngay sau khi túi khí nổ, hãy mở cửa hoặc cửa sổ để cho không khí từ bên ngoài có thể vào xe hoặc rời khỏi xe nếu như điều đó là an toàn. Hãy rửa sạch những chất bám trên da để đề phòng bị dị ứng da.

l Nếu một chi tiết chứa túi khí bị hỏng hoặc nứt, hãy yêu cầu đại lý Toyota của bạn thay thế chi tiết đó.

n **Thay đổi và hủy các chi tiết của hệ thống túi khí**

Không hủy xe của bạn hoặc thực hiện bất kỳ sửa đổi nào sau đây mà không hỏi ý kiến Đại lý Toyota của bạn. Các túi khí có thể sẽ hoạt động không chính xác hoặc bất ngờ bị kích hoạt, có thể dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng.

l Tháo, lắp, tháo rời hoặc sửa chữa các túi khí

l Sửa chữa, tháo hoặc sửa đổi các chi tiết sau hoặc khu vực xung quanh chúng

- Vô lăng
- Bảng táp lô
- Bảng điều khiển
- Xe có túi khí bên: Ghế
- Xe có túi khí bên: Nệm ghế
- Xe có túi khí rèm: Các trụ trước
- Xe có túi khí rèm: Các trụ bên
- Xe có túi khí rèm: Các trụ sau
- Xe có túi khí rèm: Thanh chắn bên trên nóc
- Xe có túi khí bên: Các tấm cửa trước
- Xe có túi khí bên phía trước: Ốp cửa trước
- Xe có túi khí bên: Loa cửa trước

l Xe có túi khí bên: Sửa đổi các cửa trước (như việc khoan lỗ vào chúng)

l Sửa chữa hoặc sửa đổi các chi tiết sau hoặc khu vực xung quanh chúng

- Tai xe trước
- Cản trước
- Xe có túi khí rèm: Phía bên trong của xe

l Lắp đặt các chi tiết hoặc phụ kiện sau

- Thanh cản bò hoặc thanh cản kangaroo
- Thanh cào tuyết
- Tời

l Sửa đổi hệ thống treo của xe

l Khi lắp các thiết bị điện tử như các đài phát hai chiều di động (bộ truyền phát tín hiệu RF) hoặc đầu đĩa CD

Các lưu ý với khí xả

Trong khí xả có các chất độc hại có thể ảnh hưởng đến sức khỏe khi hít phải.

⚠ CẢNH BÁO

Khí xả của xe có thành phần khí cácbon môônôxít (CO) độc hại không màu và không mùi. Hãy chú ý tuân thủ theo các quy định sau.
Nếu không có thể làm cho khí xả xâm nhập vào xe, dẫn đến tai nạn do bị mất tỉnh táo, dẫn tới tử vong hoặc gây tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe.

n **Các điểm cần lưu ý khi lái xe**

l Luôn đóng cửa hậu.

l Nếu có mùi khí xả trong xe ngay cả khi cửa hậu đã được đóng lại, hãy mở các cửa sổ và mang xe đến đại lý Toyota kiểm tra càng sớm càng tốt.

n **Khi đỗ xe**

l Nếu đỗ xe ở khu vực thông khí kém hoặc khu vực kín như trong gara, hãy tắt máy.

l Không rời khỏi xe quá lâu trong khi động cơ đang làm việc.
Nếu trong tình huống bất khả kháng, hãy đỗ xe tại một địa điểm thông thoáng và kiểm tra để đảm bảo rằng khí xả không bị lọt vào trong xe.

l Không để động cơ hoạt động ở vị trí có tuyết rơi hoặc bị đọng tuyết. Nếu băng tuyết bám xung quanh xe trong khi động cơ vẫn làm việc thì khí xả có thể sẽ tích tụ lại và xâm nhập vào trong xe.

n **Ống xả**

Bạn nên kiểm tra hệ thống khí xả theo định kỳ. Nếu như xuất hiện lỗ thủng hay vết nứt trên ống xả do bị ăn mòn, các đoạn nối bị hư hỏng hoặc có tiếng khí xả khác thường thì hãy mang xe tới kiểm tra và sửa chữa tại đại lý Toyota.

Lái xe khi có trẻ em ở trên xe

Hãy tuân theo các lưu ý sau khi có trẻ em ở trong xe.
Hãy sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em cho phù hợp với trẻ, cho đến khi trẻ đủ lớn để sử dụng được hệ thống đai an toàn trên xe một cách chính xác.

- Trẻ em nên ngồi trên ghế sau để tránh vô tình tiếp xúc với cần số, công tắc điều khiển cần gạt nước, vv...
- Sử dụng nút khóa bảo vệ trẻ em trên cửa sau hoặc công tắc khóa cửa sổ để tránh trẻ em mở cửa sau trong khi lái xe hoặc vô tình điều khiển cửa sổ điện. (→P.142, 187)
- Không để trẻ nhỏ sử dụng các thiết bị như cửa sổ điện, nắp capô, cửa hậu, ghế… để tránh làm cho trẻ bị kẹp.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi có trẻ em ở trong xe**

Không để trẻ ở trong xe mà không có người trông coi, và không cho trẻ cầm hoặc nghịch chìa khóa xe.

Trẻ có thể sẽ khởi động xe hoặc chuyển cần số về vị trí trung gian. Đồng thời trẻ cũng có thể sẽ bị chấn thương nếu trẻ nghịch cửa sổ bên, cửa sổ trời (nếu có) hoặc những thiết bị khác trên xe. Ngoài ra, nhiệt độ trong xe có thể lên rất cao hoặc xuống rất lạnh và có thể làm trẻ bị nguy hiểm.

Hệ thống ghế cho trẻ em

Trước khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em lên xe, có một số lưu ý mà bạn cần đọc trong cuốn sách này như các kiểu hệ thống ghế cho trẻ em, cách lắp chúng…

Hãy sử dụng ghế cho trẻ em khi lái xe có trẻ nhỏ trên xe vì khi đó không thể sử dụng chính xác đai an toàn. Để đảm bảo an toàn cho trẻ em, luôn luôn lắp hệ thống ghế cho trẻ em trên ghế sau. Chắc chắn phải tuân theo phương pháp lắp trong hướng dẫn sử dụng đi kèm với ghế cho trẻ em.

Mục lục

Các điểm cần ghi nhớ: P.44

Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em: P.46

Các vị trí ghế tương thích với hệ thống ghế cho trẻ em

Phương pháp lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em: P.54

- Cố định bằng đai an toàn: P.55
- Lắp bằng móc bắt phía dưới ISOFIX: P.56
- Dùng móc bắt phía trên: P.58

Các điểm cần ghi nhớ

- Nếu nhà nước có các quy định về hệ thống ghế cho trẻ em trên xe, hãy liên hệ với đại lý

Toyota để lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em.

- Hãy sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em cho đến khi trẻ đủ lớn để thắt đai an toàn một cách chính xác.
- Lựa chọn hệ thống ghế cho trẻ em phù hợp với tuổi và kích thước của trẻ.
- Xin hãy lưu ý rằng không phải tất cả các hệ thống ghế cho trẻ em đều lắp vừa với mọi loại xe. Trước khi sử dụng hoặc mua hệ thống ghế cho trẻ em, hãy kiểm tra khả năng tương thích của hệ thống ghế cho trẻ với các vị trí ghế trên xe.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi lái xe có trẻ em trên xe**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

l Để đảm bảo hiệu quả bảo vệ khi xe bị tai nạn hoặc phanh gấp, trẻ phải được bảo vệ đúng cách bằng cách dùng đai an toàn hoặc hệ thống ghế cho trẻ em đã được lắp đặt chính xác. Để biết thông tin chi tiết về cách lắp đặt, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm theo hệ thống ghế cho trẻ em. Những thông tin chung về việc lắp đặt cũng được giới thiệu trong cuốn sách hướng dẫn này.

⚠ CẢNH BÁO

l Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em phù hợp với trọng lượng và kích cỡ cơ thể của trẻ, và nên lắp hệ thống ghế cho trẻ em trên hàng ghế sau. Theo thống kê, trẻ ngồi ở ghế sau sẽ an toàn hơn ở ghế trước.

l Giữ trẻ trong lòng bạn không phải là một biện pháp bảo vệ trẻ thích hợp. Khi xảy ra tai nạn, trẻ có thể bị va vào kính chắn gió hoặc bị kẹp giữa bạn và các thiết bị nội thất xe.

n **Thao tác với hệ thống ghế cho trẻ em**

Nếu hệ thống ghế cho trẻ em không được cố định đúng vị trí, trẻ hoặc các hành khách khác có thể bị chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong trong trường hợp phanh gấp, đánh lái gấp hoặc tai nạn.

l Nếu xe bị va chạm mạnh do tai nạn… hệ thống ghế cho trẻ em có thể hư hỏng mà không nhận biết bằng mắt thường được. Trong trường hợp này, không sử dụng lại hệ thống ghế cho trẻ em.

l Tùy vào hệ thống ghế cho trẻ em, việc lắp đặt có thể sẽ khó khăn hoặc không thể thực hiện được. Trong trường hợp này, hãy kiểm tra xem hệ thống ghế cho trẻ em có phù hợp để lắp trên xe không. Hãy đảm bảo tuân thủ theo các hướng dẫn lắp đặt và sử dụng sau khi đọc kỹ hướng dẫn lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em trong cuốn sách hướng dẫn sử dụng này, cũng như sách hướng dẫn sử dụng đi kèm theo hệ thống ghế cho trẻ em.

- Hãy cố định chắc chắn hệ thống ghế cho trẻ em trên ghế kể cả khi không sử dụng tới. Không để hệ thống ghế cho trẻ em không được cố định trong khoang hành khách.
- Nếu cần tháo hệ thống ghế cho trẻ em, hãy tháo hẳn nó ra khỏi xe hoặc cố định chắc chắn trong khoang hành lý.

Khi sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em

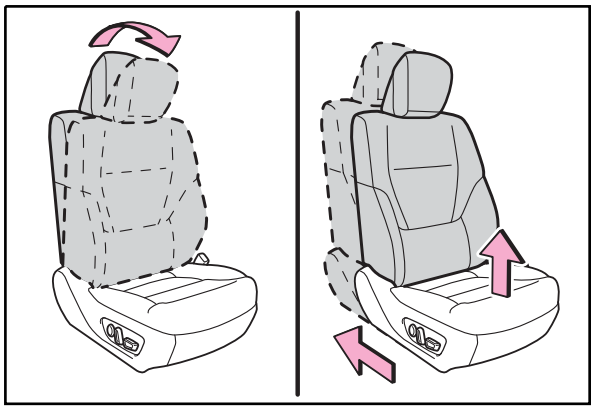
n Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em lên ghế hành khách phía trước

Để đảm bảo an toàn, luôn luôn lắp ghế cho trẻ em trên các ghế sau. Khi lắp ghế cho trẻ em lên ghế trước trong trường hợp bất khả kháng, hãy điều chỉnh ghế như sau và lắp hệ thống ghế cho trẻ em:

- Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thẳng đứng.

Nếu có khe hở giữa ghế cho trẻ em và lưng ghế, hãy điều chỉnh lưng ghế cho đến khi chúng tiếp xúc với nhau.

- Đẩy ghế trước hết cỡ về phía sau. Nếu có thể điều chỉnh được chiều cao ghế hành khách, hãy điều chỉnh ghế đến vị trí cao nhất.



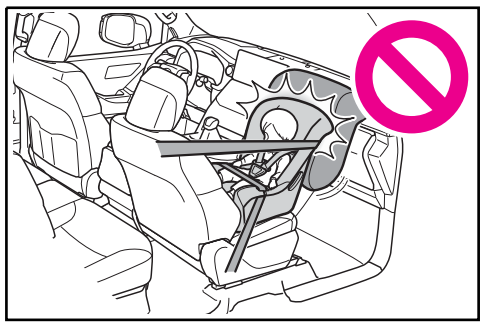
- Nếu tựa đầu chạm vào ghế cho trẻ em, và tựa đầu có thể tháo ra, hãy tháo tựa đầu. Nếu không, hãy để tựa đầu vào vị trí cao nhất.

CẢNH BÁO

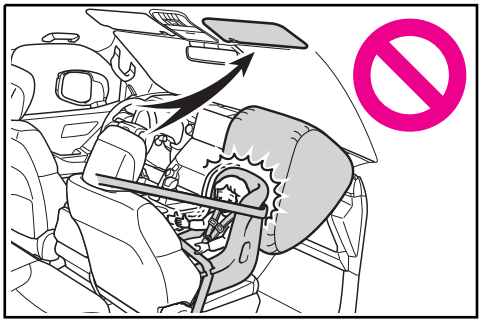
n Khi sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Không bao giờ được lắp hệ thống ghế cho trẻ em ở vị trí quay về phía sau trên ghế hành khách phía trước.
  Lực bung mạnh của túi khí hành khách phía trước có thể gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong cho trẻ trong trường hợp xe bị tai nạn.



- (Các) nhãn cảnh báo được gắn trên tấm chắn nắng phía hành khách để nhắc nhở bạn không được lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em ở vị trí quay về phía sau trên ghế hành khách phía trước.
  Thông tin chi tiết về nhãn được thể hiện trong hình minh họa dưới đây.

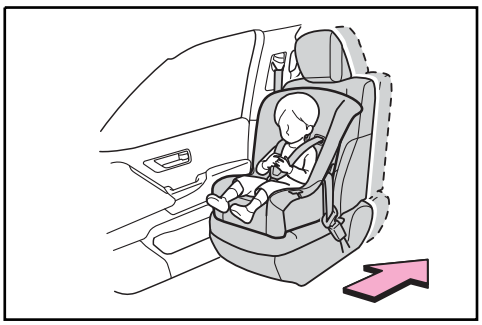


CẢNH BÁO

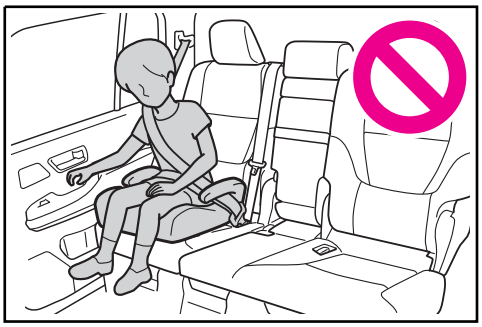


CẢNH BÁO

- Chỉ lắp hệ thống ghế cho trẻ em kiểu quay về phía trước trên ghế trước trong trường hợp bất khả kháng. Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em kiểu quay về phía trước trên ghế hành khách phía trước, hãy lùi ghế về phía sau càng nhiều càng tốt. Nếu không khi túi khí nổ có thể sẽ gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong cho trẻ.



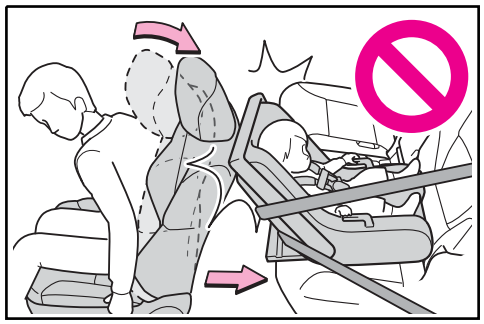
- Không được để trẻ ngả đầu hoặc bất kỳ bộ phận cơ thể nào của trẻ tỳ vào cửa hoặc các khu vực xung quanh ghế, trụ trước hoặc trụ sau, hoặc tấm ốp dọc hai bên trần xe, do túi khí bên hoặc túi khí rèm có thể nổ, ngay cả khi trẻ đã ngồi trong hệ thống ghế cho trẻ em. Sẽ rất nguy hiểm nếu túi khí bên và túi khí rèm nổ, và lực căng phồng của túi khí có thể gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong cho trẻ.



- Khi lắp đặt ghế cho trẻ lớn, hãy đảm bảo rằng đai vai được đặt chéo qua giữa vai của trẻ. Hãy giữ đai cách xa cổ của trẻ, nhưng không được để đai tuột khỏi vai của trẻ.

CẢNH BÁO

- Sử dụng ghế cho trẻ em cho phù hợp với lứa tuổi và cỡ người của trẻ và lắp chúng trên ghế sau.
- Nếu ghế người lái chạm vào hệ thống ghế cho trẻ em và ảnh hưởng đến khả năng lắp chính xác hệ thống ghế cho trẻ em, hãy lắp ghế cho trẻ em lên ghế sau bên phải.



- Điều chỉnh vị trí ghế hành khách phía trước sao cho nó không bị vướng vào hệ thống ghế cho trẻ em.
- Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em lên ghế giữa hàng thứ hai, hãy điều chỉnh chiều cao của hai bên nệm ghế bằng nhau và điều chỉnh góc nghiêng của lưng ghế bằng nhau. Nếu không, hệ thống ghế cho trẻ em sẽ không thể cố định một cách chắc chắn được, có thể dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng cho trẻ khi phanh gấp, đánh lái gấp hoặc khi xe bị tai nạn.
- Hãy lắp hệ thống ghế cho trẻ em lên hàng ghế thứ ba nhưng chú ý không để nó chạm vào lưng ghế của hàng ghế thứ hai.

Các vị trí ghế tương thích với hệ thống ghế cho trẻ em

n Các vị trí ghế tương thích với hệ thống ghế cho trẻ em

Tính tương thích của từng vị trí ghế đối với các ghế cho trẻ em (→P.50) sẽ hiển thị loại ghế cho trẻ em có thể sử dụng và vị trí ghế có thể lắp bằng các biểu tượng. Ngoài ra, có thể lựa chọn ghế cho trẻ em phù hợp với trẻ em.

Nếu không, hãy kiểm tra [Bảng tương thích và hệ thống ghế cho trẻ em nên dùng] cho hệ thống ghế cho trẻ em. (→P.53)

Kiểm tra ghế cho trẻ em đã chọn như sau [trước khi xác định tính tương thích của từng vị trí ghế đối với các ghế dành cho trẻ em].

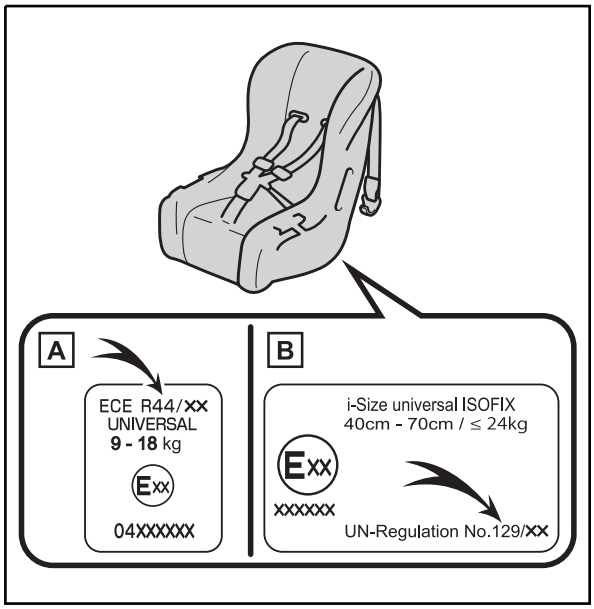
n Trước khi xác định tính tương thích của từng vị trí ghế với các ghế cho trẻ em

1 Kiểm tra các tiêu chuẩn của hệ thống ghế cho trẻ em.

Sử dụng ghế cho trẻ em phù hợp với tiêu chuẩn UN(ECE) R44[*1] hoặc UN(ECE) R129[*1, 2].

Dấu chứng nhận sau được gắn trên hệ thống ghế cho trẻ phù hợp tiêu chuẩn.

Hãy kiểm tra dấu chứng nhận được gắn trên hệ thống ghế cho trẻ em.



Ví dụ minh họa về số chứng nhận

A Dấu chứng nhận UN (ECE) R44[*3]

Dải trọng lượng của trẻ em được áp dụng trong dấu chứng nhận của UN(ECE) R44

B Dấu chứng nhận UN(ECE) R129[*3]

Dải chiều cao và trọng lượng của trẻ em được áp dụng trong dấu chứng nhận của UN(ECE) R129

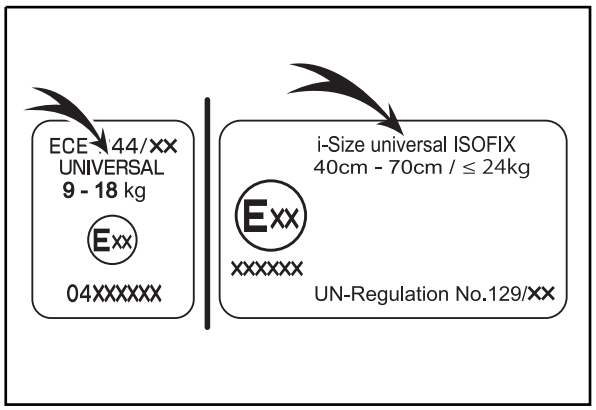
2 Kiểm tra chủng loại của hệ thống ghế cho trẻ em.

Kiểm tra dấu chứng nhận của ghế dành cho trẻ em xem loại nào trong số những loại ghế sau đây là phù hợp.

Ngoài ra, nếu chưa chắc chắn, hãy kiểm tra tài liệu hướng dẫn đi kèm với hệ thống ghế cho trẻ em về việc sử dụng hệ

thống ghế cho trẻ em hoặc liên hệ với nhà cung cấp.

- "phổ thông"
- "bán phổ thông"
- "bị hạn chế"
- "đặc biệt"



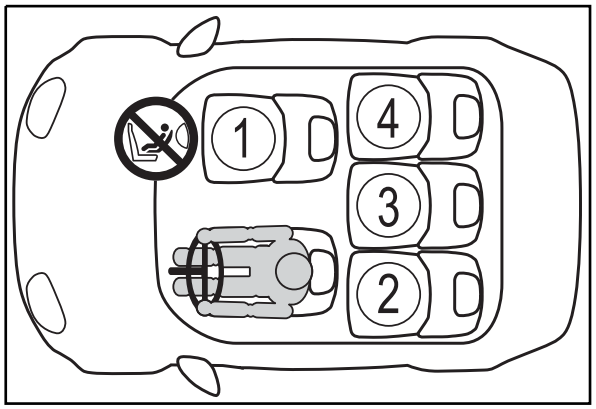
*1: (UN)ECE R44 và (UN)ECE R129 là quy định của Liên hợp quốc về hệ thống ghế cho trẻ em.

*2: Hệ thống ghế cho trẻ em trong bảng trên có thể không được sử dụng ở bên ngoài khu vực Châu Âu.

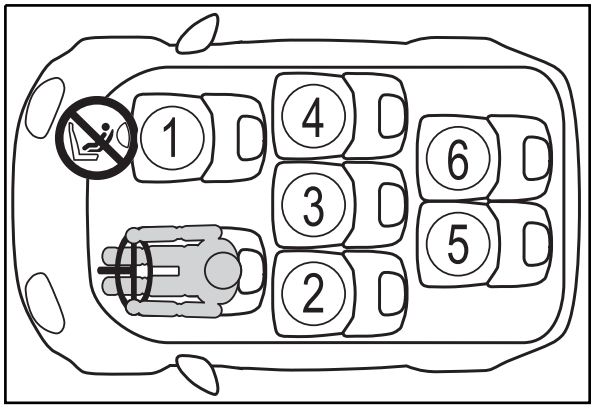
*3: Các dấu hiệu này có thể khác nhau tùy theo từng sản phẩm.

n Tính tương thích của từng vị trí ghế đối với các hệ thống ghế cho trẻ em

▶ Xe có 5 ghế



▶ Xe có 7 ghế



1 *1, 2, 3	U *4
2 *2, 3	U L 
3 *2, 3	U
4 *2, 3	U L 
5 *2, 3	U
6 *2, 3	U

Phù hợp với hệ thống ghế cho trẻ em theo loại "phổ thông" được lắp bằng đai an toàn.

Phù hợp với hệ thống ghế cho trẻ em được khuyến nghị trong bảng tương thích và lựa chọn hệ thống ghế cho trẻ em. (→P.53)

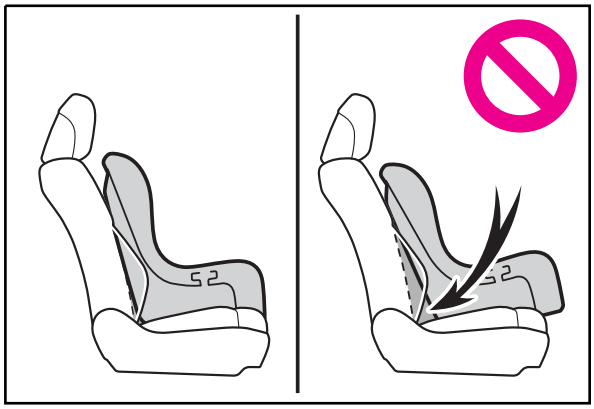
Phù hợp với hệ thống ghế cho trẻ em i-size và ISOFIX

Bao gồm móc bắt phía trên.

Không bao giờ được lắp hệ thống ghế cho trẻ em ở vị trí quay về phía sau trên ghế hành khách phía trước.

*1: Đẩy ghế trước hết cỡ về phía sau. Nếu có thể điều chỉnh được chiều cao ghế hành khách, hãy điều chỉnh ghế đến vị trí cao nhất.

*2: Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thẳng đứng. Khi lắp ghế cho trẻ em hướng về phía trước, nếu có khe hở giữa ghế cho trẻ em và lưng ghế, hãy điều chỉnh sao cho lưng ghế và ghế cho trẻ em tiếp xúc với nhau.



*3: Nếu tựa đầu bị vướng vào hệ thống ghế cho trẻ em, và tựa đầu có thể tháo ra được, hãy tháo tựa đầu ra.
Nếu không, hãy đặt tựa đầu ở vị trí cao nhất.

*4: Chỉ sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em quay về phía trước.

n Thông tin chi tiết để lắp hệ thống ghế cho trẻ em

Vị trí ghế						
Số vị trí ghế	①	②	③	④	⑤	⑥
Vị trí phù hợp để sử dụng với đai an toàn loại phổ thông (Có/không)	Có Chỉ lắp hướng về phía trước	Có	Có	Có	Có	Có
Vị trí i-Size (Có/Không)	Không	Có	Không	Có	Không	Không
Vị trí phù hợp để cố định bên (L1/L2/Không)	Không	Không	Không	Không	Không	Không

Vị trí ghế						
Số vị trí ghế	①	②	③	④	⑤	⑥
Vị trí phù hợp để lắp hướng về phía sau (R1/R2X/R2/R3/Không)	Không	R1, R2X, R2, R3	Không	R1, R2X, R2, R3	Không	Không
Vị trí phù hợp để lắp hướng về phía trước (F2X/F2/F3/không)	Không	F2X, F2, F3	Không	F2X, F2, F3	Không	Không
Vị trí phù hợp để lắp ghế cho trẻ lớn (B2/B3/Không)	Không	B2, B3	Không	B2, B3	Không	Không

Hệ thống ghế cho trẻ em tiêu chuẩn ISOFIX được chia thành phương pháp "kiểu móc" khác nhau. Hệ thống ghế cho trẻ em có thể sử dụng ở những vị trí ghế được trình bày ở bảng nói trên là cho loại "kiểu móc". Để biết được phương pháp "kiểu móc", hãy tham khảo bảng sau đây.
Nếu hệ thống ghế cho trẻ em không được phân loại kích cỡ (hoặc nếu bạn không tìm thấy thông tin trong bảng dưới đây), hãy tham khảo "danh sách xe" để biết thông tin về khả năng tương thích của hệ thống với xe hoặc hỏi thông tin từ nhà sản xuất ghế cho trẻ em.

Kiểu móc	Mô tả
F3	Hệ thống ghế cho trẻ em kiểu lắp quay về phía trước có chiều cao ghế chuẩn
F2	Hệ thống ghế cho trẻ em kiểu lắp quay về phía trước có chiều cao ghế nhỏ hơn
F2X	Hệ thống ghế cho trẻ em kiểu lắp quay về phía trước có chiều cao ghế nhỏ hơn
R3	Ghế cho trẻ em kích cỡ chuẩn và quay về phía sau
R2	Ghế cho trẻ em kích cỡ nhỏ và quay về phía sau
R2X	Ghế cho trẻ em kích cỡ nhỏ và quay về phía sau
R1	Ghế cho trẻ sơ sinh kiểu lắp quay về phía sau
L1	Ghế cho trẻ sơ sinh kiểu lắp quay về phía bên trái
L2	Ghế cho trẻ sơ sinh kiểu lắp quay về phía bên phải

Kiểu móc	Mô tả
B2	Ghế cho trẻ lớn
B3	Ghế cho trẻ lớn

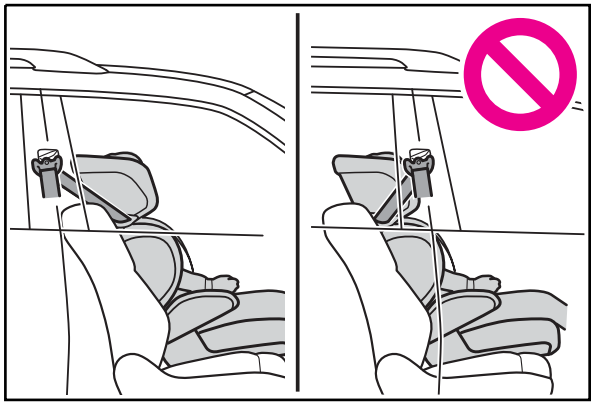
n Bảng tương thích và bảng lựa chọn hệ thống ghế cho trẻ em

	Hệ thống ghế cho trẻ em khuyến nghị	Vị trí ghế					
		①	②	③	④	⑤	⑥
Ghế cho trẻ em cỡ i-Size	i-Size MIDI (Có/Không)	Không	Có	Không	Có	Không	Không

Hệ thống ghế cho trẻ em được đề cập trong bảng trên có thể không được trang bị bên ngoài khu vực ASEAN.

Khi cố định một số kiểu hệ thống ghế cho trẻ em trên ghế sau, bạn có thể sẽ không thể sử dụng đai an toàn ở những vị trí ghế cạnh hệ thống ghế cho trẻ em một cách chính xác mà không bị vướng hoặc ảnh hưởng đến hoạt động của đai được. Hãy đảm bảo lắp khít đai qua vai và dưới hông của bạn. Nếu đai lắp không chặt hoặc nếu đai bị vướng vào hệ thống ghế cho trẻ em, hãy chuyển sang ngồi ở vị trí khác. Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Khi lắp ghế cho trẻ em lên ghế sau, hãy điều chỉnh ghế trước để ghế không vướng vào trẻ hoặc hệ thống ghế cho trẻ em.
- Khi lắp ghế cho trẻ em có giá đỡ, nếu hệ thống ghế cho trẻ em vướng vào lưng ghế khi gài ghế cho trẻ em vào giá đỡ, hãy điều chỉnh lưng ghế ngả về phía sau cho đến khi không chạm vào hệ thống ghế cho trẻ em nữa.
- Nếu móc treo đai vai nằm ở phía trước móc dẫn hướng đai an toàn, hãy dịch nệm ghế về phía trước.

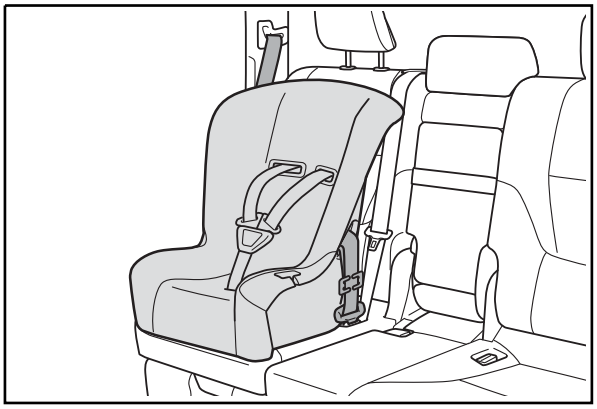
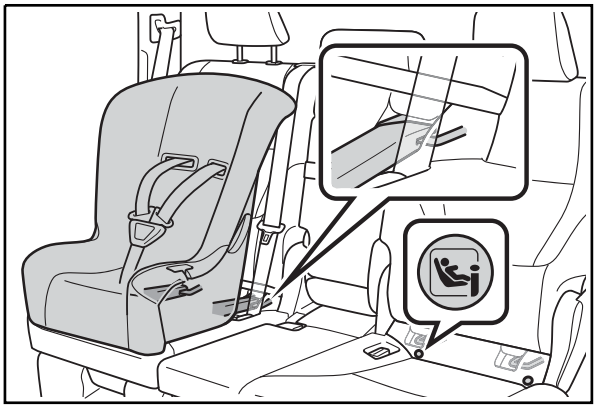
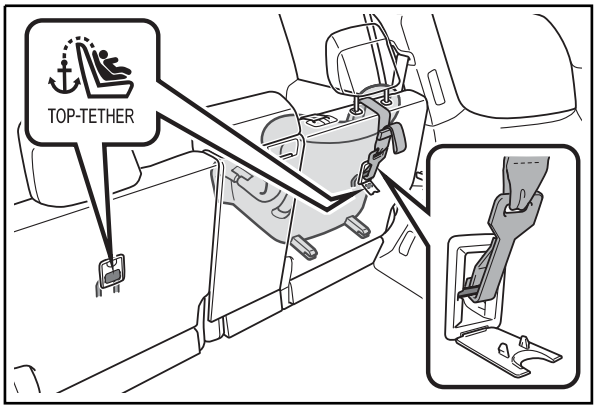


- Khi lắp ghế cho trẻ đã lớn, nếu trẻ đang ngồi trong ghế ở tư thế quá thẳng đứng, hãy điều

chỉnh góc nghiêng lưng ghế đến vị trí thoải mái nhất. Và nếu móc treo đai vai nằm ở phía trước móc dẫn hướng đai an toàn, hãy dịch nệm ghế về phía trước.

Phương pháp lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em

Hãy xác nhận phương pháp lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em theo sách hướng dẫn sử dụng đi kèm theo hệ thống ghế cho trẻ em.

Phương pháp lắp		Trang
Lắp bằng đai an toàn		P.55
Lắp bằng móc bắt phía dưới ISOFIX		P.56
Lắp bằng móc bắt phía trên		P.58

Cố định hệ thống ghế cho trẻ em bằng đai an toàn

n Lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em bằng đai an toàn

Lắp hệ thống ghế cho trẻ em theo như hướng dẫn đi kèm với hệ thống ghế cho trẻ em.

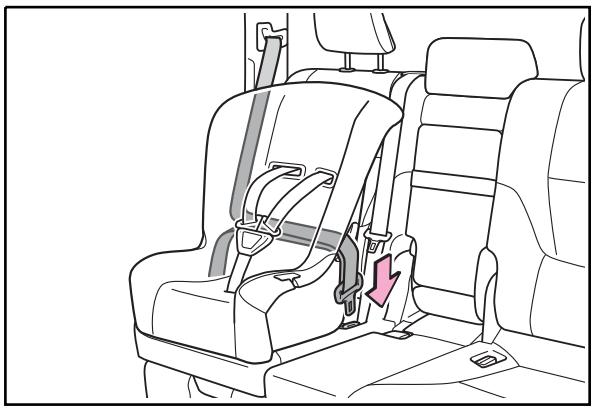
Nếu hệ thống ghế cho trẻ em đang có không thuộc loại "phổ thông" (hoặc những thông tin cần thiết không có trong bảng), hãy tham khảo "Danh sách xe" do nhà sản xuất ghế cung cấp để biết các vị trí lắp, hoặc kiểm tra độ tương thích của hệ thống ghế bằng cách hỏi thông tin từ nhà sản xuất ghế.

1 Khi lắp đặt ghế cho trẻ em trên ghế hành khách phía trước trong trường hợp bất khả kháng, hãy tham khảo P.46 cho việc điều chỉnh ghế hành khách phía trước.

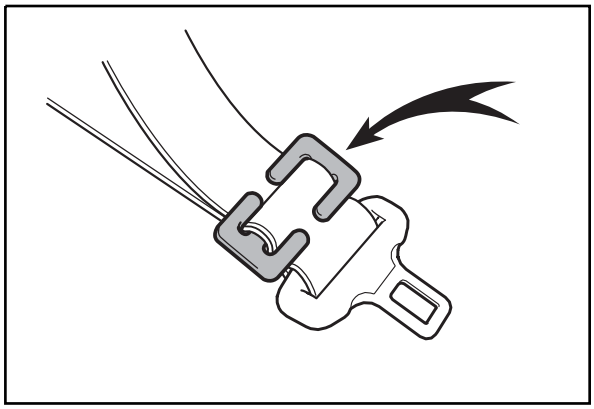
2 Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thẳng đứng. Khi lắp ghế cho trẻ em hướng về phía trước, nếu có khe hở giữa ghế cho trẻ em và lưng ghế, hãy điều chỉnh sao cho lưng ghế và ghế cho trẻ em tiếp xúc với nhau.

3 Nếu tựa đầu chạm vào ghế cho trẻ em, và tựa đầu có thể tháo ra, hãy tháo tựa đầu. Nếu không, hãy để tựa đầu vào vị trí cao nhất. (→P.176)

4 Luồn đai an toàn qua hệ thống ghế cho trẻ em và cắm móc khóa vào trong kẹp khóa. Hãy đảm bảo rằng đai an toàn không bị xoắn. Lắp đai an toàn vào ghế cho trẻ em theo hướng dẫn đi kèm với hệ thống ghế cho trẻ em.



5 Nếu hệ thống ghế cho trẻ em không được trang bị kẹp khóa (tính năng khóa đai an toàn), hãy cố định hệ thống ghế cho trẻ em bằng kẹp hãm.



6 Sau khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em, hãy lắc ghế về phía trước và phía sau để đảm bảo rằng hệ thống đã được lắp một cách chắc chắn. (→P.56)

n Tháo hệ thống ghế cho trẻ em được lắp bằng đai an toàn

Hãy ấn nút nhả khóa và thu hết đai an toàn lại.

Khi nhả kẹp khóa đai an toàn, hệ

thống ghế trẻ em có thể bị bật lên do tác động của nệm ghế. Hãy nhả kẹp khóa đai trong khi ấn giữ hệ thống ghế trẻ em xuống.

Do đai an toàn sẽ tự động thu lại, hãy thu đai lại từ từ về vị trí cất gọn.

n Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em

Bạn có thể sẽ cần dùng tới một kẹp hãm để lắp hệ thống ghế cho trẻ em. Hãy tuân thủ theo các hướng dẫn lắp đặt của nhà sản xuất hệ thống ghế cho trẻ em. Nếu hệ thống ghế cho trẻ em của bạn không có kẹp hãm, thì bạn có thể mua nó tại Đại lý Toyota: Kẹp giữ của hệ thống ghế cho trẻ em (Mã phụ tùng: 73119-22010)

CẢNH BÁO

n Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em

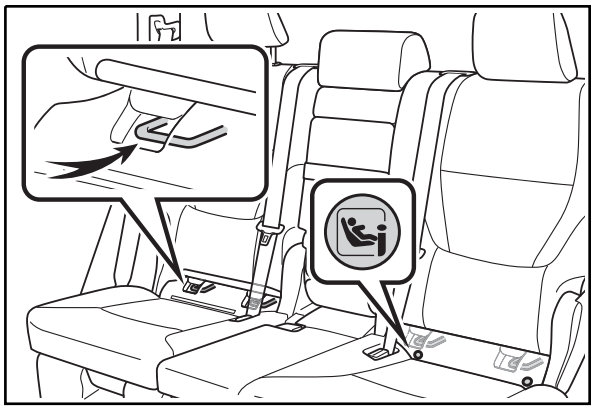
Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Không để trẻ nghịch đai an toàn. Nếu đai quấn quanh cổ của trẻ, bạn sẽ không thể kéo đai ra và trẻ sẽ bị ngạt thở hoặc các tổn thương nghiêm trọng khác, có thể dẫn đến tử vong cho trẻ. Nếu tình trạng này xảy ra và bạn không thể nhả đai an toàn ra được, hãy sử dụng kéo để cắt đứt đai an toàn.
- Hãy đảm bảo rằng đai an toàn và móc khóa đã được khóa chặt và đai không bị xoắn.
- Hãy lắc hệ thống ghế cho trẻ em sang trái và phải, lên và xuống để đảm bảo rằng nó đã được lắp đặt một cách chắc chắn.
- Sau khi cố định hệ thống ghế cho trẻ em, không bao giờ được điều chỉnh ghế.
- Khi lắp đặt ghế cho trẻ lớn, hãy đảm bảo rằng đai vai được đặt chéo qua giữa vai của trẻ. Hãy giữ đai cách xa cổ của trẻ, nhưng không được để đai tuột khỏi vai của trẻ.
- Hãy tuân theo tất cả các hướng dẫn lắp đặt do nhà sản xuất hệ thống ghế cho trẻ em cung cấp.

Lắp ghế cho trẻ em bằng móc phía dưới kiểu ISOFIX

n Móc phía dưới ISOFIX (hệ thống ghế cho trẻ em theo tiêu chuẩn ISOFIX)

Các móc dưới được trang bị cho các ghế ngoài phía sau. (Các nút thể hiện vị trí của các móc này được gắn vào các ghế.)



n Lắp ghế cho trẻ em bằng móc phía dưới ISOFIX (hệ thống ghế cho trẻ em theo tiêu chuẩn ISOFIX)

Lắp hệ thống ghế cho trẻ em theo như hướng dẫn đi kèm với hệ thống ghế cho trẻ em.
Nếu hệ thống ghế cho trẻ em đang có không thuộc loại “phổ thông” (hoặc những thông tin cần thiết không có trong bảng), hãy

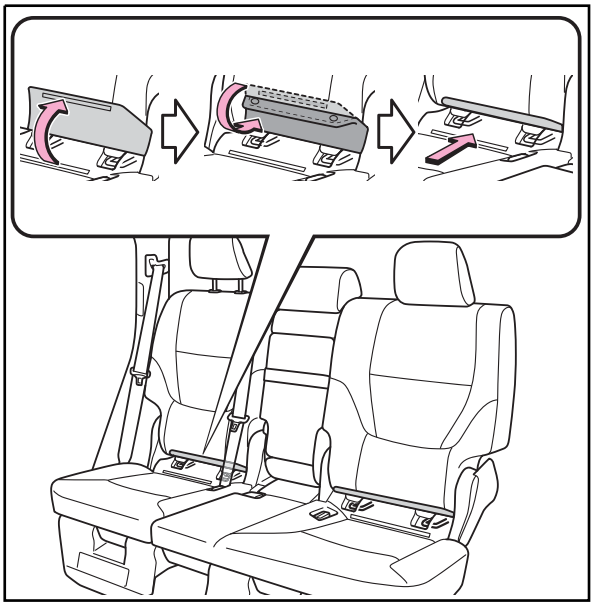
tham khảo “Danh sách xe” do nhà sản xuất ghế cung cấp để biết các vị trí lắp, hoặc kiểm tra độ tương thích của hệ thống ghế bằng cách hỏi thông tin từ nhà sản xuất ghế.

1 Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thẳng đứng. Khi lắp ghế cho trẻ em hướng về phía trước, nếu có khe hở giữa ghế cho trẻ em và lưng ghế, hãy điều chỉnh sao cho lưng ghế và ghế cho trẻ em tiếp xúc với nhau.

2 Nếu tựa đầu chạm vào ghế cho trẻ em, và tựa đầu có thể tháo ra, hãy tháo tựa đầu. Nếu không, hãy để tựa đầu vào vị trí cao nhất. (→P.176)

3 Mở nắp che.

Để tấm che giữa nệm ghế và lưng ghế.



4 Hãy kiểm tra vị trí của các thanh cố định ghế và lắp hệ thống ghế cho trẻ em lên ghế.

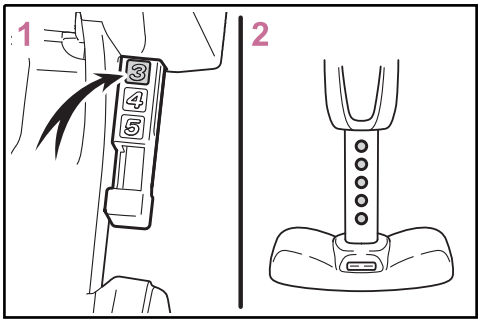
Các thanh lắp này được bố trí ở khe hở giữa nệm ghế và lưng ghế.



5 Sau khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em, hãy lắc ghế về phía trước và phía sau để đảm bảo rằng hệ thống đã được lắp một cách chắc chắn. (→P.56)

n Khi sử dụng “i-Size MIDI”

Điều chỉnh chân đỡ và các giắc nối ISOFIX như sau:



1 Khóa cố định giắc nối ISOFIX tại vị trí có thể nhìn thấy số 3.

2 Khóa chân đỡ tại vị trí có thể nhìn thấy 5 lỗ.

CẢNH BÁO

n **Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

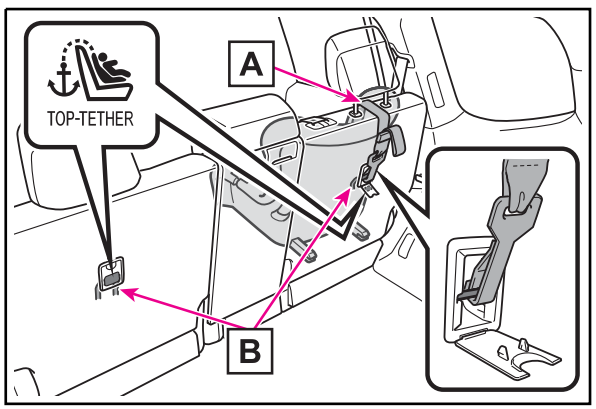
- Sau khi cố định hệ thống ghế cho trẻ em, không bao giờ được điều chỉnh ghế.
- Khi sử dụng các móc phía dưới, hãy đảm bảo rằng không có vật gì ở xung quanh móc và đai an toàn không bị kẹt sau hệ thống ghế cho trẻ em.
- Hãy tuân theo tất cả các hướng dẫn lắp đặt do nhà sản xuất hệ thống ghế cho trẻ em cung cấp.

Dùng móc bắt phía trên

n **Các móc bắt phía trên**

Các móc bắt phía trên được trang bị cho các ghế sau bên ngoài.

Sử dụng móc bắt phía trên khi cố định đai buộc phía trên.



A Đai buộc phía trên

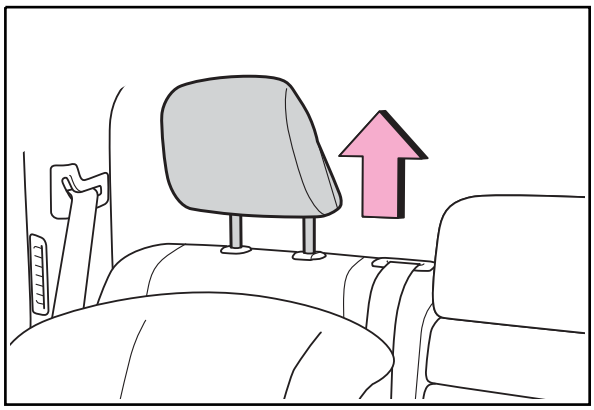
B Các móc bắt phía trên

n **Lắp đai buộc phía trên vào các móc bắt phía trên**

Lắp hệ thống ghế cho trẻ em theo như hướng dẫn đi kèm với hệ thống ghế cho trẻ em.

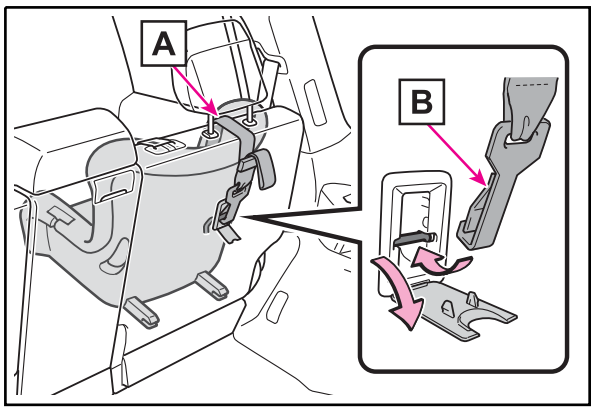
1 Hãy điều chỉnh tựa đầu lên tới vị trí cao nhất.

Nếu tựa đầu chạm vào hệ thống ghế cho trẻ em hoặc việc lắp dây buộc phía trên và tựa đầu có thể tháo ra được, hãy tháo tựa đầu. (→P.176)



2 Mở nắp che giá bắt móc, cài móc vào giá bắt móc và xiết chặt đai buộc phía trên.

Đảm bảo rằng đai buộc phía trên đã được thít chắc chắn. (→P.56)
Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em với tựa đầu đang được nâng lên, chắc chắn rằng đai buộc phải luồn vào phía dưới của tựa đầu.



A Đai buộc phía trên

B Móc

CẢNH BÁO

n **Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Gài chắc đai buộc phía trên và đảm bảo đai không bị xoắn.
- Không được gắn bất kỳ dây khác ngoài đai buộc phía trên vào móc bắt phía trên.
- Sau khi cố định hệ thống ghế cho trẻ em, không bao giờ được điều chỉnh ghế.
- Hãy tuân theo tất cả các hướng dẫn lắp đặt do nhà sản xuất hệ thống ghế cho trẻ em cung cấp.
- Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em với tựa đầu đang được nâng lên, sau khi nâng tựa đầu lên và sau đó cố định móc bắt phía trên, không được hạ thấp tựa đầu xuống.

CHÚ Ý

n **Giá bắt móc (cho đai buộc phía trên)**

Khi không sử dụng, chắc chắn phải đóng nắp. Nếu vẫn mở, nắp có thể bị hỏng.

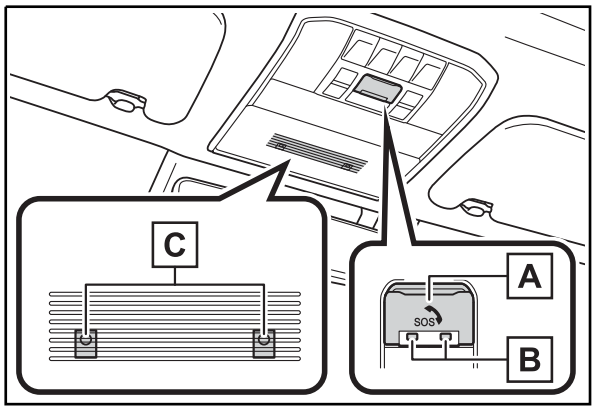
eCall*1, 2

*1: Nếu có

*2: Hoạt động trong phạm vi của eCall.

eCall là một dịch vụ viễn thông sử dụng dữ liệu của hệ thống vệ tinh dẫn đường toàn cầu (GNSS) và công nghệ nhúng trên điện thoại di động để cho phép thực hiện các cuộc gọi cứu hộ sau: Tự động gọi cứu hộ (Tự động thông báo va chạm) và Gọi cứu hộ bằng thao tác thủ công (bằng cách ấn nút "SOS"). Dịch vụ này được yêu cầu bởi luật của Tiểu vương quốc Arập thống nhất

Các chi tiết của hệ thống



A Nút "SOS"*

B Đèn chỉ báo

C Micrô

*: Nút này được dùng nhằm kết nối với người điều hành hệ thống eCall.
Những nút SOS khác trên các hệ thống khác của xe ô tô không liên quan với các thiết bị này và không thể kết nối với người điều hành hệ thống eCall.

Dịch vụ thông báo khẩn cấp

n Gọi khẩn cấp tự động

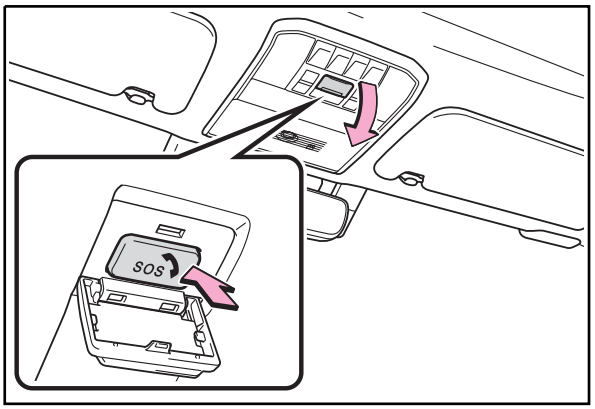
Khi có bất kỳ túi khí nào bị bung ra, hệ thống được thiết kế để tự động gọi trung tâm điều khiển eCall.* Người điều hành nhận được vị trí của xe, thời gian xảy ra sự cố và số VIN của xe, họ sẽ cố gắng gọi cho hành khách trên xe để nắm được tình trạng. Nếu người trên xe không thể giao tiếp được, người điều hành tự động xử lý như cuộc gọi khẩn cấp để liên hệ với trung tâm dịch vụ khẩn cấp gần nhất (hệ thống 999…) để mô tả tình huống và yêu cầu hỗ trợ cho vị trí bị tai nạn.

*: Trong một số trường hợp, không thể thực hiện cuộc gọi khẩn. (→P.61)

n Gọi khẩn cấp bằng thao tác thủ công

Trong trường hợp khẩn cấp, hãy ấn nút "SOS" để gọi trung tâm điều khiển eCall.* Cơ quan điều hành sẽ xác định vị trí của xe, đánh giá tình huống và truyền những yêu cầu hỗ trợ cần thiết.

Chắc chắn đã mở nắp che trước khi ấn nút "SOS".



Nếu vô tình ấn nút "SOS", hãy báo cho cơ quan điều hành biết rằng bạn không gặp trường hợp khẩn cấp.

*: Trong một số trường hợp, không thể thực hiện cuộc gọi khẩn. (→P.61)

Đèn chỉ báo

Khi bật công tắc động cơ đến chế độ ON, đèn chỉ báo màu đỏ sẽ sáng lên trong 10 giây và sau đó đèn chỉ báo màu xanh lá cây sẽ sáng lên, cho biết rằng hệ thống đã được bật. Đèn chỉ báo cho biết các tình trạng sau:

- Nếu đèn chỉ báo màu xanh lá sáng và sáng liên tục, hệ thống đã được bật.
- Nếu đèn chỉ báo màu xanh lá nháy 2 lần trong một giây, cuộc gọi khẩn cấp tự động/thủ công đang được thực hiện.
- Nếu đèn chỉ báo không sáng lên, hệ thống đã không được bật.
- Nếu đèn chỉ báo màu đỏ sáng lên trừ trường hợp ngay sau khi bật công tắc động cơ đến chế độ IGNITION ON, hệ thống có thể đã bị lỗi hoặc pin dự phòng đã bị hết điện.
- Nếu đèn chỉ báo màu đỏ nhấp nháy trong thời gian xấp xỉ 30 giây trong suốt cuộc gọi khẩn cấp, cuộc gọi đã bị ngắt hoặc tín hiệu của mạng điện thoại bị yếu.

Thời gian hoạt động của pin dự phòng không quá 3 năm.

n Thông tin phần mềm nguồn mở/phần mềm tự do

Sản phẩm này có sử dụng phần mềm miễn phí/mã nguồn mở (FOSS) cho dịch vụ DCM.

Thông tin giấy phép và/hoặc mã nguồn của FOSS có thể tìm thấy trong đường dẫn sau.

https://opensource.lge.com/osSch/list?types=ALL&search=TL21BNU

⚠ CẢNH BÁO

n Khi không thể thực hiện cuộc gọi khẩn cấp

l Không thể thực hiện các cuộc Gọi khẩn cấp trong các tình huống sau đây. Trong những trường hợp này, hãy báo cho cơ quan dịch vụ khẩn cấp (hệ thống 999 ...) bằng các phương pháp khác ví dụ như điện thoại công cộng ở gần đó.

• Kể cả khi xe đang ở trong khu vực phủ sóng của điện thoại di động, có thể khó kết nối với trung tâm điều khiển eCall nếu tín hiệu sóng kém hoặc đường dây đang bận. Trong trường hợp này, ngay cả khi cố gắng kết nối với trung tâm điều khiển eCall, có thể không kết nối được trung tâm eCall để thực hiện được cuộc Gọi khẩn cấp và liên hệ để yêu cầu cứu hộ.

- Khi xe ở những khu vực không phủ sóng của điện thoại di động, không thể thực hiện được cuộc Gọi khẩn cấp.

⚠ CẢNH BÁO

- Khi có bất kỳ thiết bị liên quan nào (như nút "SOS", đèn chỉ báo, micrô, loa, DCM, ăng ten hoặc các dây nối với thiết bị) đang bị lỗi, hư hỏng hoặc vỡ, thì không thể thực hiện được cuộc Gọi khẩn cấp.
- Khi Gọi khẩn cấp, hệ thống sẽ cố gắng lặp lại việc kết nối với trung tâm điều khiển eCall. Tuy nhiên, nếu nó không thể kết nối được với trung tâm điều khiển eCall do việc tiếp sóng rađiô yếu, hệ thống không thể nối với mạng điện thoại di động và có thể chấm dứt cuộc gọi do không kết nối được. Đèn chỉ báo màu đỏ sẽ nhấp nháy trong khoảng 30 giây để thông báo việc ngắt kết nối.

l Nếu điện áp của ắc quy giảm xuống hoặc bị ngắt kết nối, hệ thống có thể không nối được với trung tâm điều khiển eCall.

n **Khi thay mới hệ thống gọi khẩn cấp**

Hệ thống Gọi khẩn cấp nên được đăng ký để sử dụng. Hãy liên hệ với đại lý Toyota.

n **Để đảm bảo an toàn**

l Hãy lái xe an toàn.
Chức năng của hệ thống sẽ hỗ trợ thực hiện cuộc gọi khẩn cấp trong trường hợp bị tai nạn như tai nạn giao thông hoặc cần cấp cứu bất ngờ, nó không thể bảo vệ cho người trên xe hoặc hành khách trên xe trong mọi tình huống. Hãy lái xe cẩn thận và luôn thắt chặt đai an toàn để đảm bảo an toàn.

l Trong trường hợp khẩn cấp, cứu người là ưu tiên hàng đầu.

l Nếu bạn ngửi thấy bất kỳ mùi cháy hoặc mùi bất thường nào, hãy ra khỏi xe và đến khu vực an toàn ngay lập tức.

l Nếu túi khí nổ khi hệ thống đang hoạt động bình thường, hệ thống sẽ thực hiện cuộc gọi khẩn cấp. Hệ thống cũng thực hiện cuộc gọi khẩn cấp khi xe bị đâm từ phía sau hoặc xe bị lật, ngay cả khi túi khí không nổ.

l Vì an toàn, không thực hiện cuộc gọi khẩn cấp khi đang lái xe.
Việc thực hiện các cuộc gọi trong khi lái xe có thể làm mất kiểm soát tay lái, mà có thể dẫn đến những tai nạn bất ngờ.
Hãy dừng xe và đảm bảo được xung quanh bạn, trước khi thực hiện cuộc Gọi khẩn cấp.

l Khi thay thế cầu chì, hãy sử dụng cầu chì chuyên dụng. Sử dụng các cầu chì khác loại sẽ gây chập cháy trong mạch và dẫn đến hỏa hoạn.

l Sử dụng hệ thống trong khi có khói hoặc mùi bất thường có thể gây ra hỏa hoạn. Hãy ngừng sử dụng hệ thống ngay lập tức và gọi tư vấn của Đại lý Toyota.

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hư hỏng**

Không được đổ bất kỳ chất lỏng nào lên nút "SOS" và không được tác dụng lực lên nó.

n **Nếu có trục trặc với nút "SOS", loa hoặc micrô trong khi Gọi khẩn cấp tự động hoặc khi kiểm tra bảo dưỡng hệ thống bằng thao tác thủ công**

Không thể thực hiện được cuộc Gọi khẩn cấp, hãy kiểm tra tình trạng của hệ thống hoặc liên hệ với người điều hành của trung tâm điều khiển eCall. Nếu có bất kỳ thiết bị nào nói trên bị hỏng, hãy gọi xin tư vấn của Đại lý Toyota.

ERA-GLONASS/EVAK*1, 2, 3

*1: Nếu có

*2: Vận hành trong những khu vực có dịch vụ thông báo tình huống khẩn cấp. Hãy liên hệ Đại lý Toyota để biết thêm thông tin chi tiết.

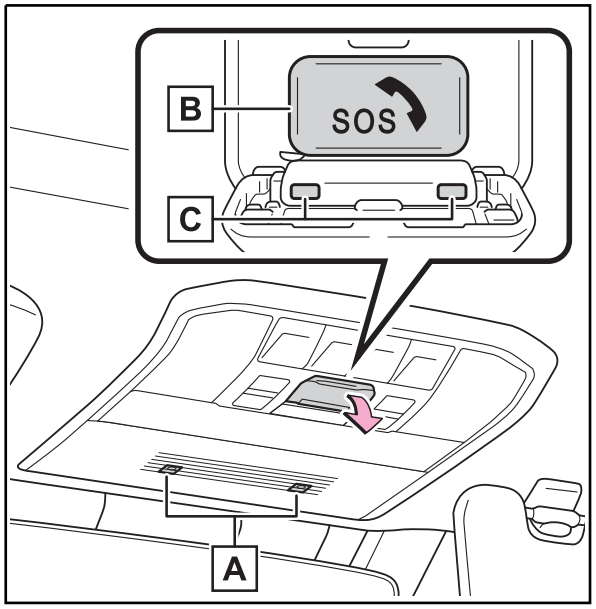
*3: Hệ thống hoạt động khác nhau tùy vào từng quốc gia.

Hệ thống gọi khẩn cấp là một thiết bị được lắp trên xe để xác định vị trí của xe và hướng xe di chuyển (sử dụng GLONASS [Hệ thống vệ tinh định vị toàn cầu] và GPS [Hệ thống định vị toàn cầu]), và đảm bảo việc phát và truyền thông tin của xe (dưới dạng không thể thay đổi được) trong trường hợp có tai nạn giao thông hoặc các sự kiện khác trên đường. Ngoài ra, hệ thống cũng đảm bảo giao tiếp 2 chiều bằng giọng nói giữa xe và người vận hành hệ thống ERA-GLONASS/EVAK thông qua hệ thống mạng di động (GSM).

Có thể thực hiện việc Gọi khẩn cấp tự động (qua thông báo tai nạn tự động) hoặc Gọi khẩn cấp thủ công (bằng cách ấn nút "SOS") để kết nối với trung tâm điều khiển ERA-GLONASS/EVAK.

Đây là một dịch vụ bắt buộc bởi quy định kỹ thuật của Hiệp hội hải quan.

Các chi tiết của hệ thống



A Micrô

B Nút "SOS"*

C Đèn chỉ báo

*: Nút này được dùng nhằm kết nối với người điều hành hệ thống ERA-GLONASS/EVAK. Những nút SOS khác trên các hệ thống khác của xe ô tô không liên quan với các thiết bị này và không thể kết nối với người điều hành hệ thống ERA-GLONASS/EVAK.

Dịch vụ thông báo khẩn cấp

n Gọi khẩn cấp tự động

Khi có bất kỳ túi khí nào bị bung ra, hệ thống được thiết kế để tự động gọi trung tâm điều khiển ERA-GLONASS/EVAK.* Người điều hành nhận được vị trí của xe, thời gian xảy ra sự cố và số VIN của xe, họ sẽ cố gắng gọi cho hành khách trên xe để nắm được tình trạng. Nếu người trên xe không thể giao tiếp được, người điều hành tự động xử lý như cuộc gọi khẩn cấp để liên hệ với trung tâm dịch vụ khẩn cấp gần nhất (hệ thống 112...) để mô tả tình huống và yêu cầu hỗ trợ cho vị trí bị tai nạn.

*: Trong một số trường hợp, không thể thực hiện cuộc gọi khẩn. (→P.65)

n Gọi khẩn cấp bằng thao tác thủ công

Trong trường hợp khẩn cấp, hãy ấn nút "SOS" để gọi trung tâm điều khiển ERA-GLONASS/EVAK.* Cơ quan điều hành sẽ xác định vị trí của xe, đánh giá tình huống và truyền những yêu cầu hỗ trợ cần thiết.

Nếu vô tình ấn nút "SOS", hãy báo cho cơ quan điều hành biết rằng bạn không gặp trường hợp khẩn cấp.

*: Trong một số trường hợp, không thể thực hiện cuộc gọi khẩn. (→P.65)

Đèn chỉ báo

Khi bật công tắc động cơ đến chế độ ON, đèn chỉ báo màu đỏ sẽ sáng lên trong 10 giây và sau đó đèn chỉ báo màu xanh lá cây sẽ sáng lên, cho biết rằng hệ thống đã được bật. Đèn chỉ báo cho biết các tình trạng sau:

- Nếu đèn chỉ báo màu xanh lá sáng và sáng liên tục, hệ thống đã được bật.

- Nếu đèn chỉ báo màu xanh lá nháy 2 lần trong một giây, cuộc gọi khẩn cấp tự động/thủ công đang được thực hiện.
- Nếu đèn chỉ báo không sáng lên, hệ thống đã không được bật.
- Nếu đèn chỉ báo màu đỏ sáng bất cứ lúc nào khác ngoài thời điểm khi bật công tắc động cơ ON, hệ thống có thể bị trục trặc hoặc pin dự phòng có thể bị hết điện. Pin dự phòng có tuổi thọ ít nhất 3 năm. Hãy liên hệ với đại lý Toyota của bạn.
- Nếu đèn chỉ báo màu đỏ nhấp nháy trong thời gian xấp xỉ 30 giây trong suốt cuộc gọi khẩn cấp, cuộc gọi đã bị ngắt hoặc tín hiệu của mạng điện thoại bị yếu.

Chế độ thử thiết bị

Chế độ thử được trang bị để kiểm tra tính năng của hệ thống Gọi khẩn cấp. Để thử thiết bị, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi không thể thực hiện cuộc gọi khẩn cấp**

l Không thể thực hiện các cuộc Gọi khẩn cấp trong các tình huống sau đây. Trong những trường hợp này, hãy báo cho cơ quan dịch vụ khẩn cấp bằng các phương pháp khác ví dụ như điện thoại công cộng ở gần đó.

⚠ CẢNH BÁO

- Kể cả khi xe đang ở trong khu vực phủ sóng của điện thoại di động, có thể khó kết nối với trung tâm điều khiển ERA-GLONASS/EVAK nếu tín hiệu sóng kém hoặc đường dây đang bận. Trong trường hợp này, ngay cả khi cố gắng kết nối với trung tâm điều khiển ERA-GLONASS/EVAK, có thể không kết nối được trung tâm ERA-GLONASS/EVAK để thực hiện được cuộc Gọi khẩn cấp và liên hệ để yêu cầu cứu hộ.
- Khi xe ở những khu vực không phủ sóng của điện thoại di động, không thể thực hiện được cuộc Gọi khẩn cấp.
- Khi có bất kỳ thiết bị liên quan nào (như nút "SOS", đèn chỉ báo, micrô, loa, DCM, ăng ten hoặc các dây nối với thiết bị) đang bị lỗi, hư hỏng hoặc vỡ, thì không thể thực hiện được cuộc Gọi khẩn cấp.
- Khi Gọi khẩn cấp, hệ thống sẽ cố gắng lặp lại việc kết nối với trung tâm điều khiển ERA-GLONASS/EVAK. Tuy nhiên, nếu nó không thể kết nối được với trung tâm điều khiển ERA-GLONASS/EVAK do việc tiếp sóng radiô yếu, hệ thống không thể nối với mạng điện thoại di động và có thể chấm dứt cuộc gọi do không kết nối được. Đèn chỉ báo màu đỏ sẽ nhấp nháy trong khoảng 30 giây để thông báo việc ngắt kết nối.
- Thiết bị này không thể hoạt động nếu một va chạm tác động vào nó.

l Nếu điện áp của ắc quy giảm xuống hoặc bị mất kết nối, hệ thống có thể không nối được với trung tâm điều khiển ERA-GLONASS/EVAK.

n **Khi thay mới hệ thống gọi khẩn cấp**

Hệ thống Gọi khẩn cấp nên được đăng ký để sử dụng. Hãy liên hệ với đại lý Toyota.

n **Để đảm bảo an toàn**

l Hãy lái xe an toàn.
Chức năng của hệ thống sẽ hỗ trợ thực hiện cuộc gọi khẩn cấp trong trường hợp bị tai nạn như tai nạn giao thông hoặc cần cấp cứu bất ngờ, nó không thể bảo vệ cho người trên xe hoặc hành khách trên xe trong mọi tình huống. Hãy lái xe cẩn thận và luôn thắt chặt đai an toàn để đảm bảo an toàn.

l Trong trường hợp khẩn cấp, cứu người là ưu tiên hàng đầu.

l Nếu bạn ngửi thấy bất kỳ mùi cháy hoặc mùi bất thường nào, hãy ra khỏi xe và đến khu vực an toàn ngay lập tức.

l Do hệ thống phát hiện được lực va chạm, báo cáo tự động có thể không xuất hiện đồng thời với hệ thống túi khí. (nếu xe bị đâm từ phía sau,…)

l Vì an toàn, không thực hiện cuộc gọi khẩn cấp khi đang lái xe.
Việc thực hiện các cuộc gọi trong khi lái xe có thể làm mất kiểm soát tay lái, mà có thể dẫn đến những tai nạn bất ngờ.
Hãy dừng xe và đảm bảo được xung quanh bạn, trước khi thực hiện cuộc Gọi khẩn cấp.

l Khi thay thế cầu chì, hãy sử dụng cầu chì chuyên dụng. Sử dụng các cầu chì khác loại sẽ gây chập cháy trong mạch và dẫn đến hỏa hoạn.

l Sử dụng hệ thống trong khi có khói hoặc mùi bất thường có thể gây ra hỏa hoạn. Hãy ngừng sử dụng hệ thống ngay lập tức và gọi tư vấn của Đại lý Toyota.

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hư hỏng**

Không được đổ bất kỳ chất lỏng nào lên nút "SOS" và không được tác dụng lực lên nó.

n **Nếu có trục trặc với nút "SOS", loa hoặc micrô trong khi Gọi khẩn cấp tự động hoặc khi kiểm tra bảo dưỡng hệ thống bằng thao tác thủ công**

Không thể thực hiện được cuộc Gọi khẩn cấp, hãy kiểm tra tình trạng của hệ thống hoặc liên hệ với người điều hành của trung tâm điều khiển ERA-GLONASS/EVAK. Nếu có bất kỳ thiết bị nào nói trên bị hỏng, hãy gọi xin tư vấn của Đại lý Toyota.

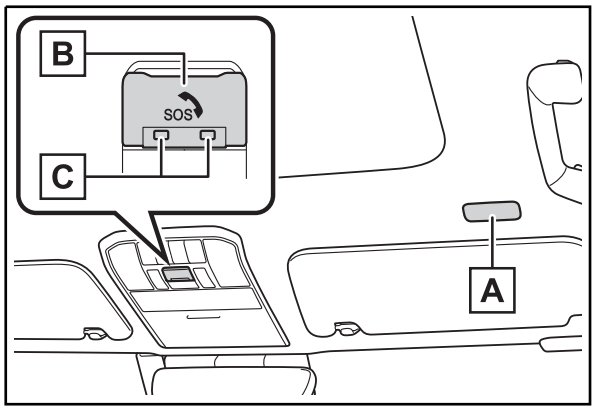
Dịch vụ kết nối của Toyota*1, 2

*1: Nếu có

*2: Hoạt động trong phạm vi của Dịch vụ kết nối Toyota.

Các dịch vụ kết nối Toyota là các dịch vụ viễn thông sử dụng dữ liệu hệ thống định vị toàn cầu (GPS) và công nghệ di động nhúng để cho phép các cuộc gọi khẩn cấp sau đây được thực hiện: ACN (Thông báo va chạm tự động) và cuộc gọi khẩn cấp SOS (Thông báo dịch vụ khẩn cấp thủ công) (bằng cách nhấn nút "SOS "). Để biết thêm thông tin về các dịch vụ kết nối Toyota, vui lòng truy cập: https://www.toyotabharat.com/toyota-i-connect/

Các chi tiết của hệ thống



A Micrô

B Nút "SOS"*

C Đèn chỉ báo

*: Nút này được chủ ý để liên lạc với trung tâm cuộc gọi khẩn cấp.
Các nút SOS khác có sẵn trong các hệ thống khác của xe không liên quan đến thiết bị và không dùng để liên lạc với trung tâm cuộc gọi khẩn cấp.

Dịch vụ kết nối của Toyota

n ACN (Thông báo va chạm tự động)

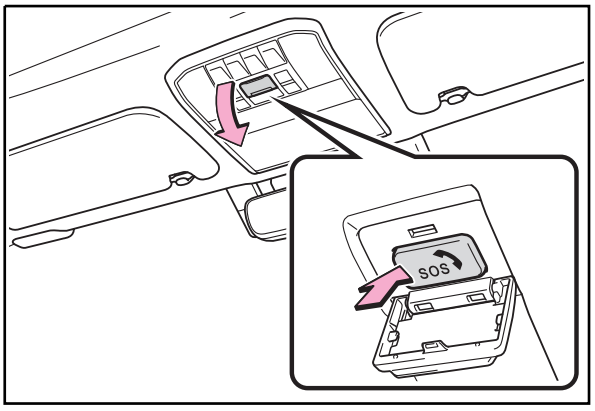
Nếu bất kỳ túi khí nào nổ, hệ thống được thiết kế để tự động gọi trung tâm cuộc gọi khẩn cấp.* Nhân viên trung tâm cuộc gọi sẽ tự động xác định vị trí của xe, thời gian xảy ra sự cố và số VIN của xe, và cố gắng liên lạc với hành khách trên xe để tiếp cận tình huống. Nếu hành khách trên xe người không thể giao tiếp, nhân viên trung tâm cuộc gọi sẽ tự động coi cuộc gọi là một trường hợp khẩn cấp và liên hệ với các dịch vụ khẩn cấp để mô tả tình huống và yêu cầu hỗ trợ gửi đến địa điểm.

*: Trong một số trường hợp, không thể thực hiện cuộc gọi khẩn. (→P.68)

n Cuộc gọi khẩn cấp của SOS (Thông báo dịch vụ khẩn cấp thủ công)

Trong trường hợp khẩn cấp, nhấn nút "SOS" để gọi cho Trung tâm cuộc gọi khẩn cấp.* Nhân viên xử lý khẩn cấp sẽ xác định vị trí của bạn, đánh giá tình huống, và hỗ trợ khi cần thiết.

Chắc chắn đã mở nắp che trước khi ấn nút “SOS”.



Nếu bạn vô tình nhấn nút "SOS", hãy nói với nhân viên trung tâm cuộc gọi rằng bạn không gặp trường hợp khẩn cấp.

*: Trong một số trường hợp, không thể thực hiện cuộc gọi khẩn. (→P.68)

Đèn chỉ báo

Khi chuyển công tắc động cơ đến ON, đèn chỉ báo màu đỏ/màu xanh lá cây sẽ nháy không liên tục, sau đó đèn báo màu xanh lá cây sẽ vẫn bật, cho thấy hệ thống được bật. Đèn chỉ báo cho biết như sau:

- Nếu đèn chỉ báo màu xanh lá sáng và sáng liên tục, hệ thống đã được bật.
- Nếu đèn chỉ báo màu xanh lá cây nháy một lần trên giây, dịch vụ ACN/SOS đang được thực hiện.
- Nếu đèn chỉ báo màu đỏ chiếu sáng bất cứ lúc nào khác ngoài ngay sau khi bật công tắc động cơ ON, hệ thống có thể bị trục trặc hoặc pin dự phòng có thể bị hết điện. Hãy liên hệ với đại lý Toyota của bạn.

n Thông tin phần mềm nguồn mở/phần mềm tự do

Sản phẩm này có phần mềm nguồn mở/phần mềm tự do (FOSS).

Thông tin giấy phép và/hoặc mã nguồn của FOSS có thể tìm thấy trong đường dẫn sau.

https://www.denso.com/global/en/opensource/dcm/toyota/

⚠ CẢNH BÁO

n Khi ACN/SOS có thể không được thực hiện

l Có thể không thể tạo ACN/SOS trong bất kỳ tình huống sau đây. Trong những trường hợp như vậy, hãy báo cáo cho nhà cung cấp dịch vụ khẩn cấp (hệ thống 000, v.v.) bằng các phương tiện khác như điện thoại công cộng gần đó.

- Ngay cả khi chiếc xe nằm trong khu vực dịch vụ điện thoại di động, có thể khó kết nối với trung tâm cuộc gọi khẩn cấp nếu tiếp sóng kém hoặc đường dây đang bận. Trong những trường hợp như vậy, bạn có thể không thể kết nối với trung tâm cuộc gọi khẩn cấp.
- Khi chiếc xe ra khỏi khu vực dịch vụ điện thoại di động, không thể thực hiện được ACN/SOS.
- Khi bất kỳ thiết bị liên quan nào (chẳng hạn như bảng nút "SOS", đèn chỉ báo, micrô, DCM, ăngten hoặc bất kỳ thiết bị nối có dây nào) bị trục trặc, bị hỏng hoặc hư hại, không thể tạo ra ACN/SOS.

- Cho phép các phương tiện Toyota thu thập và truyền dữ liệu của xe để cung cấp các dịch vụ được kết nối. SOS và thông báo va chạm tự động có thể bị vô hiệu hóa nếu đèn LED màu xanh lá cây dưới nút SOS không được chiếu sáng. Để biết thêm thông tin bao gồm kích hoạt lại, hãy truy cập https://www.toyotabharat.com/toyota-i-connect/
- Trong một dịch vụ ACN/SOS, hệ thống thực hiện các nỗ lực lặp đi lặp lại để kết nối với trung tâm cuộc gọi khẩn cấp. Tuy nhiên, nếu không thể kết nối với trung tâm cuộc gọi khẩn cấp do tiếp nhận sóng vô tuyến kém, hệ thống có thể không thể kết nối với mạng di động và cuộc gọi có thể kết thúc mà không cần kết nối. Thông báo nhắc nhở bằng giọng nói sẽ phát từ loa xe để chỉ ra sự ngắt kết nối cuộc gọi.

l Nếu điện áp ắc quy giảm hoặc có sự ngắt kết nối, hệ thống có thể không thể kết nối được với trung tâm cuộc gọi khẩn cấp.

l Hệ thống ACN/SOS có thể không hoạt động bên ngoài khu vực Ấn Độ, tùy thuộc vào cơ sở hạ tầng có sẵn tại quốc gia.

n **Khi hệ thống ACN/SOS được thay thế bằng hệ thống mới**

Hệ thống ACN/SOS nên được đăng ký. Liên hệ với đại lý Toyota của bạn.

n **Để đảm bảo an toàn**

l Hãy lái xe an toàn.
Chức năng của hệ thống này là hỗ trợ bạn liên hệ với các dịch vụ khẩn cấp phù hợp trong trường hợp tai nạn như tai nạn giao thông hoặc các trường hợp khẩn cấp y tế đột ngột và nó không bảo vệ người lái xe hoặc hành khách theo bất kỳ cách nào. Vui lòng lái xe an toàn và luôn thắt đai an toàn vì sự an toàn của bạn.

l Trong trường hợp khẩn cấp, bảo toàn tính mạng con người là ưu tiên trên hết.

l Nếu bạn ngửi thấy bất kỳ mùi cháy hoặc mùi bất thường nào, hãy ra khỏi xe và đến khu vực an toàn ngay lập tức.

CẢNH BÁO

l Nếu túi khí nổ khi hệ thống đang hoạt động bình thường, hệ thống sẽ thực hiện cuộc gọi khẩn cấp. Hệ thống cũng thực hiện cuộc gọi khẩn cấp khi xe bị đâm từ phía sau hoặc xe bị lật, ngay cả khi túi khí không nổ.

l Để an toàn, không nhấn nút "SOS" trong khi lái xe.
Thực hiện các cuộc gọi trong khi lái xe có thể gây ra vận hành sai vô lăng, điều này có thể dẫn đến tai nạn bất ngờ.
Dừng xe và xác nhận sự an toàn của môi trường xung quanh bạn trước khi nhấn nút "SOS".

l Khi thay thế cầu chì, hãy sử dụng cầu chì chuyên dụng. Sử dụng các cầu chì khác loại sẽ gây chập cháy trong mạch và dẫn đến hỏa hoạn.

l Sử dụng hệ thống trong khi có khói hoặc mùi bất thường có thể gây ra hỏa hoạn. Hãy ngừng sử dụng hệ thống ngay lập tức và gọi tư vấn của Đại lý Toyota.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hư hỏng**

Không được đổ bất kỳ chất lỏng nào lên nút "SOS" và không được tác dụng lực lên nó.

n **Nếu bảng điều khiển nút "SOS", loa hoặc micrô bị trục trặc khi sử dụng dịch vụ ACN/SOS**

Có thể không thể thực hiện được ACN/SOS, hãy xác nhận trạng thái của hệ thống hoặc giao tiếp với nhân viên trung tâm cuộc gọi. Nếu bất kỳ thiết bị nào ở trên bị hỏng, vui lòng hỏi ý kiến Đại lý Toyota của bạn.

Hệ thống mã hoá khóa động cơ

Các chìa khóa của xe có tích hợp các con chíp thu phát tín hiệu để ngăn không cho động cơ khởi động nếu như trước đó chìa khóa này chưa được đăng ký với máy tính trên xe.

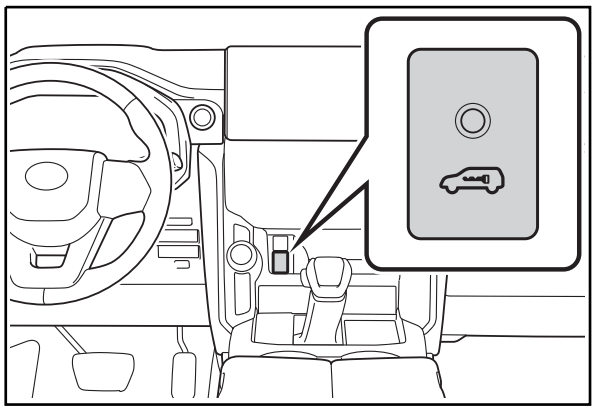
Không để các chìa khóa ở trong xe khi bạn rời khỏi xe.

Hệ thống này được thiết kế để tránh trộm xe, nhưng nó không thể đảm bảo tuyệt đối việc tránh mất trộm xe.

Vận hành hệ thống

Đèn chỉ báo sẽ nháy sau khi tắt công tắc động cơ để chỉ ra rằng hệ thống đang hoạt động.

Đèn chỉ báo sẽ ngừng nháy sau khi bật khóa điện tới vị trí ACC hoặc ON để chỉ ra rằng hệ thống đã được hủy.



n Bảo dưỡng hệ thống

Hệ thống mã hóa khóa động cơ được trang bị trên xe là hệ thống không cần bảo dưỡng.

n Các tình trạng có thể sẽ làm cho hệ thống bị trục trặc

- Khi một vật thể bằng kim loại chạm vào chìa khóa
- Khi để chìa khóa quá gần hoặc chạm vào hệ thống an ninh (chìa khóa có tích hợp chíp thu phát tín hiệu) của xe khác

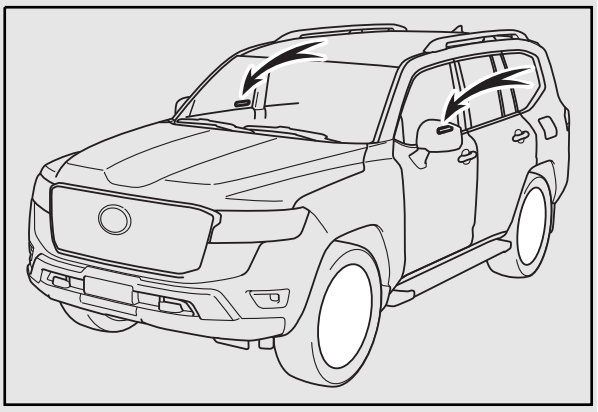
> ⚠ CHÚ Ý
>
> **n Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**
>
> Không được sửa đổi hay tháo rời hệ thống. Nếu không, hệ thống có thể không đảm bảo hoạt động chính xác được.

Hệ thống khóa kép*

*: Nếu có

Có tác dụng vô hiệu hóa chức năng mở khóa cửa xe từ cả bên trong và bên ngoài xe để tránh trường hợp xe bị xâm nhập trái phép.

Những xe được trang bị hệ thống này sẽ có các nhãn chỉ báo được dán trên kính cửa sổ ở hai cửa trước.



Cài đặt/hủy hệ thống khóa kép

n **Cài đặt**

Tắt công tắc động cơ, đưa tất cả các hành khách ra khỏi xe và đảm bảo rằng tất cả các cửa đã đóng lại.

Sử dụng chức năng vào xe:
Hãy chạm vào khu vực cảm biến trên các tay nắm bên ngoài cửa hai lần trong vòng 5 giây.

Sử dụng điều khiển từ xa:

Ấn nút hai lần trong vòng 5 giây.

n **Hủy**

Khi sử dụng chức năng vào xe: Giữ vào tay nắm cửa bên ngoài phía người lái.

Sử dụng điều khiển từ xa: Hãy ấn nút .

CẢNH BÁO

n **Các lưu ý đối với hệ thống khóa kép**

Không bao giờ kích hoạt hệ thống khóa kép khi có người ở trong xe bởi tất cả các cửa sẽ không thể mở ra từ bên trong xe được.

Hệ thống báo động*

*: Nếu có

Chuông báo sử dụng đèn và còi để cảnh báo khi phát hiện hành động đột nhập vào xe.

Hệ thống báo động sẽ kích hoạt trong một số trường hợp sau khi đã cài đặt hệ thống:

- Khi cửa xe đang khóa bị mở khóa hoặc mở ra theo cách nào đó mà không phải là sử dụng chức năng vào xe hoặc điều khiển từ xa. (Cửa xe sẽ được tự động được khóa lại.)
- Khi nắp capô bị mở ra.
- Xe có cảm biến xâm nhập: Cảm biến phát hiện thấy có ai đó đang di chuyển bên trong xe. (Có người xâm nhập vào xe.)
- Xe có cảm biến độ nghiêng xe: Cảm biến nghiêng phát hiện thấy sự thay đổi của độ nghiêng xe.
- Xe có cảm biến phát hiện vỡ kính: Có bất kỳ cửa sổ nào bị vỡ.
- Khi ắc quy bị ngắt kết nối. (nếu có)
- Khi ắc quy được nối lại.

Thiết lập/hủy/dừng hệ thống báo động

n Các hạng mục cần kiểm tra trước khi khóa xe

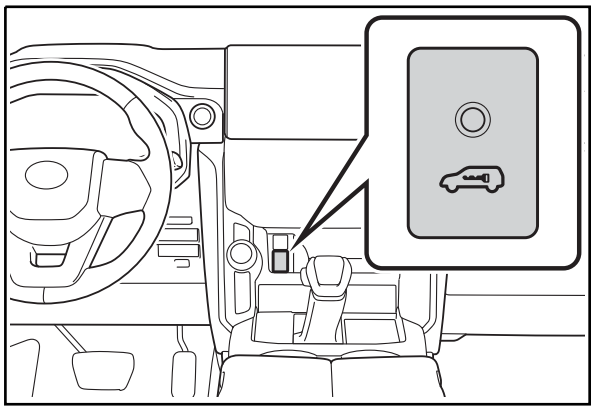
Để tránh vô tình làm kích hoạt hệ thống báo động và tránh bị trộm xe, hãy chú ý đến những điểm sau:

- Không có người nào ở trong xe.
- Cửa sổ và cửa sổ trời (nếu có) đóng lại trước khi hệ thống báo động được cài đặt.
- Không để đồ đạc có giá trị hoặc đồ cá nhân khác ở trong xe.

n Cài đặt

Đóng các cửa xe và nắp capô, và khóa tất cả các cửa xe bằng chức năng vào xe hoặc điều khiển từ xa. Hệ thống sẽ tự động được thiết lập sau 30 giây.

Đèn chỉ báo sẽ chuyển từ trạng thái sáng sang nhấp nháy khi hệ thống được cài đặt.



n Hủy hoặc dừng

Hãy làm theo một trong những cách sau để vô hiệu hóa hoặc

ngừng báo động.

- Mở khóa các cửa bằng chức năng vào xe hoặc điều khiển từ xa và chìa khóa cơ
- Bật công tắc động cơ tới vị trí ACC hoặc ON, hoặc khởi động động cơ. (Hệ thống báo động sẽ bị hủy kích hoạt hoặc ngừng báo động sau vài giây.)

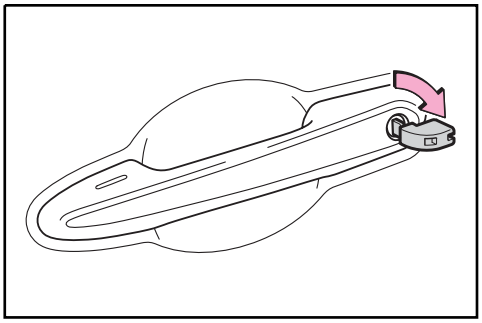
n Bảo dưỡng hệ thống

Hệ thống báo động trên xe là hệ thống không cần bảo dưỡng.

n Kích hoạt hệ thống báo động

Hệ thống báo động có thể sẽ được kích hoạt trong các trường hợp sau: (Hệ thống báo động sẽ bị vô hiệu hóa khi tắt báo động.)

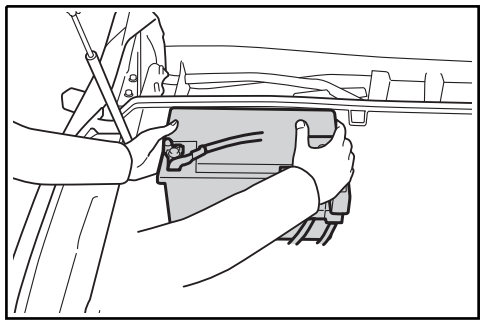
l Các cửa được mở khóa bằng chìa khóa cơ.



l Có người ở trong xe mở cửa, hoặc nắp capô hoặc mở khóa xe bằng công tắc khóa cửa.



l Ắc quy được nạp điện hoặc thay thế khi xe đang bị khóa. (→P.635)



l Xe có cảm biến phát hiện xâm nhập và cảm biến nghiêng: Khi ngắt ắc quy trong khi xe đang khóa.

n Chức năng khóa cửa khi có báo động

Trong các trường hợp sau, tùy vào từng tình huống, cửa xe có thể sẽ tự động khóa lại để ngăn đột nhập vào xe:

l Khi có người đang ở trong xe mở khóa các cửa và chuông báo được kích hoạt.

l Trong khi chuông báo được kích hoạt, có người ở trong xe mở khóa cửa.

l Khi nạp hoặc thay ắc quy.

n Tùy chọn

Còi báo động có thể cài đặt để hoạt động hoặc vô hiệu hóa khi bạn sử dụng chìa khóa cơ để mở khóa.
(Tính năng tùy chọn: →P.670)

CHÚ Ý

n Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác

Không được sửa đổi hay tháo rời hệ thống. Nếu không, hệ thống có thể không đảm bảo hoạt động chính xác được.

Cảm biến phát hiện xâm nhập và cảm biến nghiêng (nếu có)

n Cảm biến xâm nhập và cảm biến nghiêng

- Cảm biến phát hiện xâm nhập dùng để phát hiện có người xâm nhập hoặc có chuyển động ở trong xe.
- Cảm biến nghiêng được dùng để phát hiện tình trạng thay đổi độ nghiêng của xe, như khi xe bị kéo đi.

Hệ thống này được thiết kế nhằm phát hiện và chống trộm nhưng nó cũng không thể đảm bảo ngăn ngừa mọi sự xâm nhập một cách tuyệt đối được.

n Hủy cảm biến phát hiện xâm nhập và cảm biến nghiêng

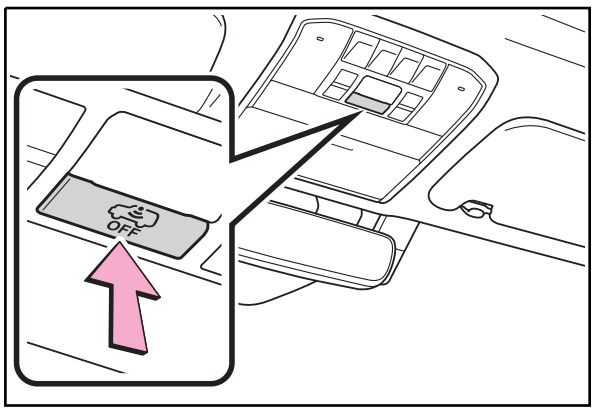
Khi bạn để vật nuôi hoặc các đồ vật di động trong xe, hãy đảm bảo rằng bạn đã tắt cảm biến phát hiện xâm nhập và cảm biến nghiêng trước khi cài đặt hệ thống báo động, do chúng sẽ báo động khi có chuyển động bên trong xe.

1 Tắt công tắc động cơ.

2 Ấn nút hủy cảm biến nghiêng và cảm biến phát hiện xâm nhập.

Một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin của đồng hồ táp lô.

Cảm biến phát hiện xâm nhập và cảm biến nghiêng xe sẽ được kích hoạt lại mỗi khi bật công tắc động cơ ON.



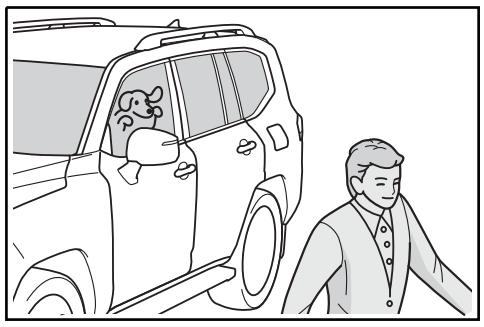
n Hủy và khôi phục tự động chức năng của cảm biến phát hiện xâm nhập và cảm biến nghiêng

- Hệ thống báo động vẫn sẽ được đặt ngay cả khi bạn đã hủy cảm biến phát hiện xâm nhập và cảm biến nghiêng.
- Sau khi cảm biến phát hiện xâm nhập và cảm biến nghiêng bị hủy, khi ấn công tắc động cơ hoặc mở khóa các cửa bằng chức năng vào xe hoặc điều khiển từ xa sẽ kích hoạt lại cảm biến nghiêng và cảm biến phát hiện xâm nhập.
- Cảm biến phát hiện xâm nhập và cảm biến nghiêng sẽ tự động kích hoạt lại khi hệ thống báo động được kích hoạt lại.

n Các trường hợp cần cân nhắc khi sử dụng cảm biến phát hiện xâm nhập

Cảm biến có thể sẽ kích hoạt báo động trong các trường hợp sau:

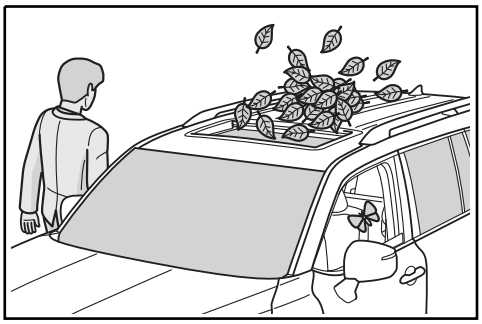
- Khi có người hoặc vật nuôi ở trong xe.



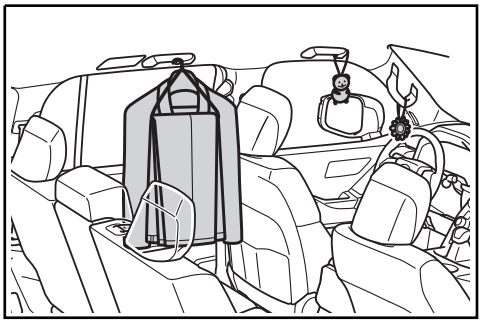
- Cửa sổ hoặc cửa sổ trời (nếu có) đang mở.

Trong trường hợp này, cảm biến có thể sẽ nhầm lẫn với:

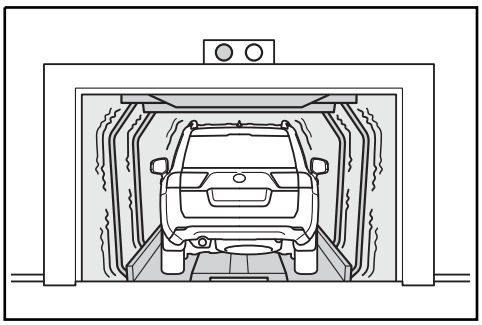
- Khi có gió hoặc chuyển động các vật như của lá cây hay côn trùng trong xe
- Khi có sóng siêu âm phát ra từ các thiết bị như cảm biến phát hiện xâm nhập của xe khác
- Khi có chuyển động của người ở bên ngoài xe



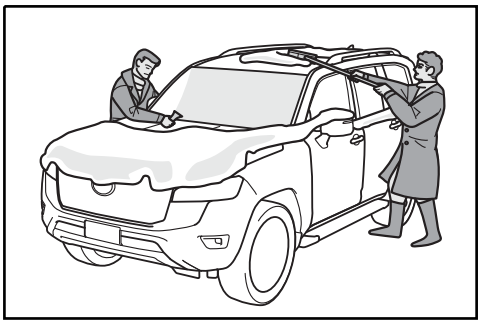
l Các đồ vật không cố định ở trong xe như các phụ kiện hoặc áo khoác đang được treo trên móc áo bên trong xe.



l Đỗ xe ở vị trí bị rung động mạnh hoặc tiếng ồn lớn, như trong nhà để xe.



l Khi dọn tuyết hoặc băng giá ra khỏi xe, làm cho xe bị các va chạm hoặc rung động lặp đi lặp lại.



l Khi đưa xe vào trong trạm rửa xe tự động hoặc trạm rửa xe có áp suất cao.

l Khi xe bị va chạm, như khi gặp mưa đá, sét đánh, hay các va chạm lặp đi lặp lại khác hoặc rung động.

n **Các trường hợp cần cân nhắc khi sử dụng cảm biến nghiêng**

Cảm biến có thể sẽ kích hoạt báo động trong các trường hợp sau:

l Khi xe được chuyên chở bằng phà, xe đầu kéo, tàu hỏa…

l Khi đỗ xe ở trong gara đỗ xe.

l Khi di chuyển xe khi xe ở bên trong trạm rửa xe.

l Khi lốp xe bị xịt.

l Khi kích xe lên.

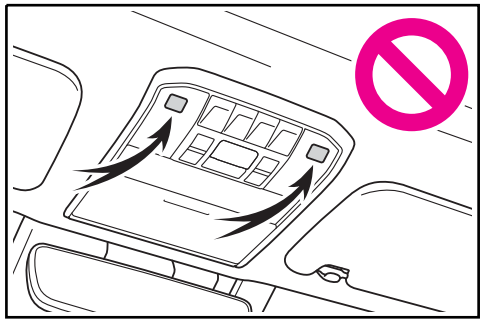
l Khi xảy ra động đất hoặc bị sụt đường.

l Khi chất hàng hóa lên hoặc dỡ hàng trên giá để đồ trên nóc xe.

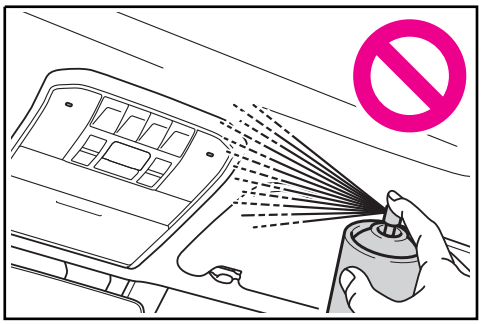
⚠ CHÚ Ý

n **Để đảm bảo cho cảm biến xâm nhập hoạt động chính xác**

l Để đảm bảo cho các cảm biến hoạt động chính xác, không chạm vào hoặc che phủ các cảm biến.



l Không thổi khí nén hoặc các chất khác trực tiếp vào các lỗ của cảm biến.



l Không lắp các phụ kiện không phải là sản phẩm chính hiệu của Toyota hoặc để các đồ vật vào giữa ghế của người lái và ghế hành khách phía trước, do chúng có thể sẽ làm giảm tính năng phát hiện của cảm biến.

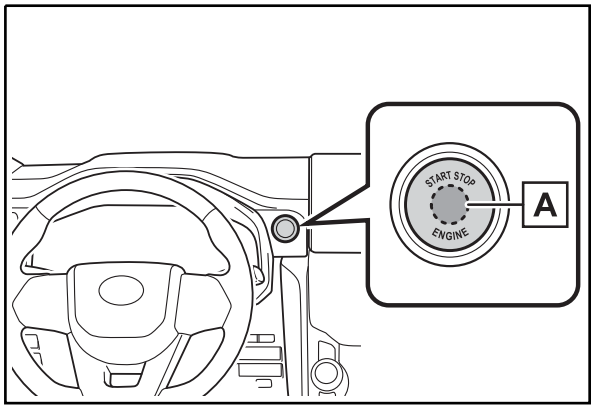
l Cảm biến xâm nhập có thể bị hủy khi chìa khóa điện tử đang ở gần xe.

Hệ thống xác thực vân tay*

*: Nếu có

Hệ thống xác thực vân tay thực hiện việc xác thực vân tay bằng cách xác thực vân tay của ngón tay đã chạm vào cảm biến trên công tắc động cơ, đối chiếu với thông tin của vân tay đã được đăng ký vào cho xe. Nếu việc xác thực không thành công, nó sẽ ngăn động cơ khởi động.

Các xe có hệ thống đa phương tiện: Để biết các thông tin về đăng ký/xóa thông tin xác thực vân tay, hãy tham khảo "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".



A Cảm biến vân tay

n Hệ thống xác thực vân tay

l Xe được giao với thông tin vân tay không được đăng ký. Động cơ có thể khởi động được bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh kể cả khi không có thông tin đăng ký vân tay.

l Chỉ có việc xác thực vân tay không

đủ để bật chế độ của công tắc động công và khởi động động cơ. Cần phải mang theo chìa khóa điện tử.

- Xác thực vân tay được sử dụng như một thiết bị xác thực cho chức năng cài đặt của tôi. (→P.196)

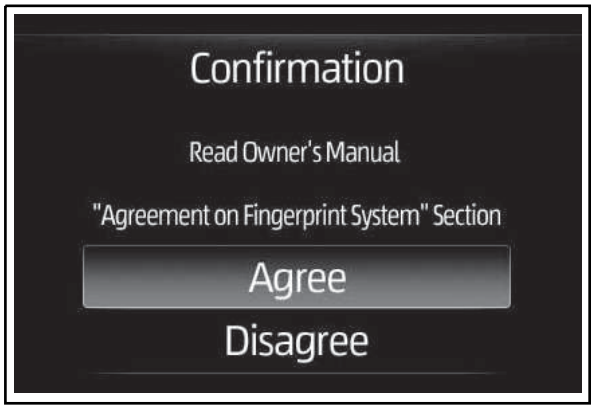
Đăng ký/xóa thông tin vân tay (xe không có hệ thống đa phương tiện)

Có thể đăng ký hoặc xóa thông tin vân tay trên màn hình đa thông tin. (→P.104, 114)

n Đăng ký lần đầu thông tin vân tay cho xe

1. Bật công tắc động cơ tới vị trí ON.
2. Chọn "Vân tay" trong màn hình - / màn hình "Cài đặt xe" trên màn hình đa thông tin, và sau đó ấn OK.
3. Chọn "Đăng ký" và sau đó ấn nút OK.
4. Chọn "Thêm" và sau đó ấn nút OK.
5. Chọn người lái để đăng ký, và sau đó ấn nút OK.
6. Chọn hoặc nút "Ngón tay1" hoặc "Ngón tay2" (nếu chọn "Khách", hãy chọn từ "Ngón tay1" đến "Ngón tay4"), và sau ấn nút OK.
7. Khi màn hình yêu cầu bạn xác nhận đã đọc phần "Thỏa thuận về Hệ thống vân tay" trong "Hướng dẫn sử dụng", hãy chọn "Đồng ý" và sau đó ấn nút OK.

Khi chọn "Đồng ý" nghĩa là bạn đã đồng ý với "Thỏa thuận về hệ thống vân tay" ở trang P.81. Khi đồng ý thông tin vân tay của bạn, có thể sử dụng hệ thống.



8. Sử dụng ngón tay để đăng ký thông tin vân tay, hãy chạm vào cảm biến vân tay nhiều lần bằng cách thay đổi nhẹ vị trí của ngón tay.

Khi hoàn thành việc đăng ký thông tin vân tay, một thông báo sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

n Đăng ký thông tin vân tay cho các ngón tay tiếp theo

1. Bật công tắc động cơ tới vị trí ON.
2. Chọn "Vân tay" trong màn hình - / màn hình "Cài đặt xe" trên màn hình đa thông tin, và sau đó ấn OK.
3. Chọn "Đăng ký" và sau đó ấn nút OK.

Nếu không thể chọn "Đăng ký" là do một người nào đó đã có thông tin vân

tay đã đăng ký và đang chạm vào cảm biến vân tay.

4 Khi thông điệp “Chọn ngón tay đã đăng ký vào cảm biến ” được hiển thị, người đã đăng ký vân tay chạm vào cảm biến vân tay sẽ thực hiện việc xác thực vân tay.

Chuông báo sẽ kêu (một tiếng bíp ngắn) khi việc xác thực vân tay đã hoàn thành.

5 Chọn “Thêm” và sau đó ấn nút OK.

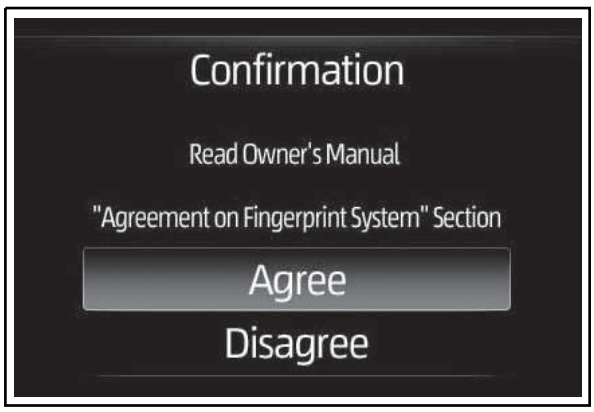
6 Chọn người lái để đăng ký, và sau đó ấn nút OK.

7 Chọn hoặc nút “Ngón tay1” hoặc “Ngón tay2” (nếu chọn “Khách”, hãy chọn từ “Ngón tay1” đến “Ngón tay4”), và sau ấn nút OK.

Không thể chọn được việc này nếu thông tin vân tay đã được đăng ký.

8 Khi màn hình yêu cầu bạn xác nhận đã đọc phần “Thỏa thuận về Hệ thống vân tay” trong “Hướng dẫn sử dụng”, hãy chọn “Đồng ý” và sau đó ấn nút OK.

Khi chọn “Đồng ý” nghĩa là bạn đã đồng ý với “Thỏa thuận về hệ thống vân tay” ở trang P.81. Khi đồng ý thông tin vân tay của bạn, có thể sử dụng hệ thống.



9 Sử dụng ngón tay để đăng ký thông tin vân tay, hãy chạm vào cảm biến vân tay nhiều lần bằng cách thay đổi nhẹ vị trí của ngón tay.

Khi hoàn thành việc đăng ký thông tin vân tay, một thông báo sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

n **Xóa thông tin vân tay cho một vân tay**

1 Bật công tắc động cơ tới vị trí ON.

2 Chọn “ Vân tay” trong màn hình - / màn hình “Cài đặt xe” trên màn hình đa thông tin, và sau đó ấn OK.

3 Chọn “Đăng ký” và sau đó ấn nút OK.

Nếu không thể chọn “Đăng ký” là do một người nào đó đã có thông tin vân tay đã đăng ký và đang chạm vào cảm biến vân tay.

4 Khi thông điệp “Chọn ngón tay đã đăng ký vào cảm biến ” được hiển thị, người đã đăng ký vân tay chạm vào cảm biến vân tay sẽ thực hiện việc xác thực vân tay.

Chuông báo sẽ kêu (một tiếng bíp ngắn) khi việc xác thực vân tay đã hoàn thành.

5 Chọn “Xóa” và sau đó ấn nút OK.

6 Chọn người lái để đăng ký, và sau đó ấn nút OK.

7 Chọn hoặc nút “Ngón tay1” hoặc “Ngón tay2” (nếu chọn “Khách”, hãy chọn từ “Ngón tay1” đến “Ngón tay4”), và sau ấn nút OK.

Không thể chọn được việc này nếu thông tin vân tay chưa đăng ký từ trước.

8 “Không thể xác thực bằng ngón tay Bạn có tiếp tục không?” được hiển thị. Chọn “Có” và sau đó ấn nút OK.

Khi hoàn thành xóa thông tin vân tay, một thông báo sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Sau khi đã đồng ý cách xử lý thông tin cá nhân, có thể sử dụng hệ thống. (→P.81)

n Xóa tất cả các thông tin vân tay

1 Bật công tắc động cơ tới vị trí ON.

2 Chọn “ Vân tay” trong màn hình - / màn hình “Cài đặt xe” trên màn hình đa thông tin, và sau đó ấn OK.

3 Chọn “Đăng ký” và sau đó ấn nút OK.

Nếu không thể chọn “Đăng ký” là do một người nào đó đã có thông tin vân tay đã đăng ký và đang chạm vào cảm biến vân tay.

4 Khi thông điệp “Chọn ngón tay đã đăng ký vào cảm biến ” được hiển thị, người đã đăng ký vân tay chạm vào cảm biến vân tay sẽ thực hiện việc xác thực vân tay.

Chuông báo sẽ kêu (một tiếng bíp ngắn) khi việc xác thực vân tay đã hoàn thành.

5 Chọn “Xóa TẤT CẢ” và sau đó ấn nút OK.

6 “Xóa TẤT CẢ và tắt chức năng ?” được hiển thị. Chọn “Có” và sau đó ấn nút OK.

Khi xóa tất cả các thông tin vân tay, một thông báo sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Khi tất cả các thông tin vân tay được xóa, hệ thống xác thực vân tay sẽ tự động tắt.

Sau khi đã đồng ý cách xử lý thông tin cá nhân, có thể sử dụng hệ thống. (→P.81)

---

n Đăng ký vân tay

- Khi đăng ký thông tin vân tay, hãy chạm ngón tay lặp đi lặp lại lên cảm biến vân tay đã đặt ở tư thế mà bạn sẽ dùng khi khởi động động cơ.
- Khi đăng ký thông tin vân tay, bạn có thể cần chạm ngón tay lên cảm biến nhiều lần bằng ngón tay sẽ dùng để khởi động động cơ. Thay đổi nhẹ vị trí của ngón tay để chạm vào một vùng rộng hơn.
- Xe không có hệ thống đa phương tiện: Khi đăng ký lần đầu thông tin

vân tay, hệ thống xác thực vân tay sẽ tự động bật. Kiểm tra màn hình đa thông tin để xem hệ thống xác thực vân tay đang bật hay tắt. (→P.104)

- Các xe có hệ thống đa phương tiện: Khi đăng ký lần đầu thông tin vân tay, hệ thống xác thực vân tay sẽ tự động bật. Kiểm tra màn hình hệ thống đa phương tiện để xem hệ thống xác thực vân tay đang bật hay tắt. Hãy tham khảo "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".
- Khi chạm lên cảm biến, hãy đảm bảo rằng ngón tay của ban phủ lên toàn bộ bề mặt của cảm biến. Dùng đầu ngón tay hoặc cạnh của ngón tay chạm lên cảm biến sẽ không xác thực được.
- Chạm từ từ lên cảm biến. Nếu chạm vào quá nhanh hoặc quá mạnh, hoặc trượt ngón tay dọc theo cảm biến trong khi chạm có thể ngăn cảm biến nhận dạng bình thường.
- Khi chạm nhiều lần lên cảm biến, thời gian trong 2 lần chạm là xấp xỉ 1 giây. Chạm quá nhanh giữa các lần chạm có thể gây lỗi xác thực.

n Thỏa thuận về hệ thống vân tay

Những thông tin vân tay được sử dụng trong hệ thống này chỉ có chức năng an ninh và chức năng cài đặt cá nhân. Thông tin vân tay chỉ được mã hóa và lưu trữ trong công tắc động cơ và chỉ được sử dụng để thực hiện xác thực vân tay để khởi động động cơ và thực hiện các chức năng khác của xe (chẳng hạn như tự động điều chỉnh vị trí ghế và gương). Thông tin vân tay sẽ không được tiết lộ hoặc cung cấp cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Người dùng được phép xóa thông tin lưu trữ dấu vân tay của họ tùy theo ý định của họ.

Sử dụng hệ thống sau khi đồng ý với các mục sau đây về cách xử lý thông tin dấu vân tay.

- Hệ thống xác thực dấu vân tay không hoàn toàn đảm bảo tính xác thực, xác minh hoặc chứng thực của cá nhân. Xin thông báo trước rằng Toyota không chấp nhận bất kỳ trách nhiệm đối với tổn thất hoặc thiệt hại phát sinh từ việc sử dụng xác thực vân tay hoặc từ việc không thể sử dụng xác thực vân tay.
- Hệ thống này sử dụng xác định đặc điểm vân tay để xác thực. Do đó, người dùng có ít đặc điểm nhận diện vân tay có thể không đăng ký thông tin vân tay được, hoặc có thể gặp khó khăn trong xác thực ngay cả khi thông tin vân tay đã được đăng ký thành công. Trong tình huống này, hãy tắt hệ thống xác thực vân tay.
- Tính năng của hệ thống xác thực vân tay có thể thay đổi tùy thuộc vào điều kiện sử dụng. Tình trạng các ngón tay (bị bẩn, ẩm ướt, khô, bị thương, vv) có thể gây khó khăn khi quét dấu vân tay hoặc làm giảm tính năng xác thực.
- Nếu việc đăng ký hoặc xác thực thông tin vân tay bị lỗi không thường xuyên, làm sạch bề mặt của bộ cảm biến dấu vân tay và thử đăng ký thông tin dấu vân tay một lần nữa.
- Thông tin vân tay đã đăng ký trong công tắc động cơ không thể chuyển được sang một thiết bị khác. Nếu thông tin vân tay đã bị xóa hoặc bất kỳ bộ phận nào của hệ thống đã được thay thế, thì cần phải đăng ký lại thông tin vân tay.
- Nếu người dùng đã đăng ký dấu vân tay nhưng không thể xác thực được khi chẩn đoán hư hỏng hệ thống xác thực vân tay, thì thông tin dấu vân tay có thể bị xóa bởi một đại lý Toyota.
- Thông tin dấu vân tay một khi đã xóa không thể phục hồi lại được. Các thông tin dấu vân tay sẽ cần phải được đăng ký lại.
- Thông tin vân tay sẽ bị xóa khi thay thế công tắc động cơ. Lưu ý rằng nếu thông tin vân tay không thể xóa

do sự cố, vv, thì một phần thông tin vân tay có thể được gọi lại hoặc trả lại cho người dùng.

- Nếu phần thông tin đã gọi lại được, nó sẽ chỉ sử dụng được trong phân tích hư hỏng.
- Nếu trả lại cho người dùng, thông tin cá nhân của người dùng sẽ được lưu trong công tắc động cơ. Hãy lưu ý khi quản lý chúng.
- Chắc chắn phải xóa thông tin vân tay khi bán lại xe, chuyển nhượng xe, hủy bỏ, vv.. Xin lưu ý rằng Toyota không chấp nhận bất kỳ trách nhiệm nào đối với tổn thất hoặc thiệt hại phát sinh từ một xe đã được bán lại, chuyển nhượng, hủy bỏ, vv với thông tin vân tay đã được lưu trữ.
- Thông tin vân tay chỉ được mã hóa và lưu trữ trong công tắc động cơ và sẽ không được tiết lộ hoặc cung cấp cho bất kỳ bên thứ ba nào khác.

n Chăm sóc cảm biến vân tay

Khi vệ sinh bề mặt của cảm biến vân tay, hãy sử dụng giẻ mềm loại không có sợi để lau.

n Tùy chọn

Hệ thống xác thực vân tay có thể được bật và tắt. (Tính năng tùy chỉnh: →P.670)

Tuân theo các lưu ý sau đây khi bật hoặc tắt hệ thống xác thực vân tay.

- Phải đăng ký ít nhất một thông tin vân tay cho xe.
- Người sử dụng đã đăng ký vân tay phải thực hiện thành công xác thực vân tay và phải bật công tắc động cơ.
- Xe không có hệ thống đa phương tiện: Có thể bật và tắt hệ thống xác thực vân tay kể cả khi việc xác thực vân tay bị lỗi, bằng cách chạm chìa khóa điện tử vào công tắc động cơ và bật công tắc động cơ ON. (→P.634)
- Xe có hệ thống đa phương tiện: Kể cả khi việc xác thực vân tay bị lỗi, có thể bật và tắt được hệ thống xác thực vân tay trên màn hình hệ thống đa phương tiện, sau khi bật công tác động cơ ON bằng cách chạm chìa khóa điện tử vào công tắc động cơ.
- Nếu hệ thống xác thực vân tay được tắt, một thông báo chỉ ra rằng hệ thống xác thực vân tay đang tắt sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin khi tắt công tắc động cơ. Thông báo này sẽ được hiển thị trong vòng 10 ngày.

CHÚ Ý

Để bảo vệ cho công tắc động cơ không bị hư hỏng, hãy tuân theo các chú ý sau.

- Không để được tác động mạnh lên chi tiết. Không được tháo ra, tháo rời hoặc sửa chữa các chi tiết. Nếu không, có thể dẫn đến bị trục trặc hoặc làm hư hỏng.
- Không được sử dụng bút hoặc vật sắc nhọn chọc vào hoặc làm xước bề mặt cảm biến vân tay. Làm như vậy có thể làm hỏng bề mặt cảm biến vân tay.
- Các bộ phận có thể bị bẩn nếu sử dụng trong một thời gian dài. Không được sử dụng vật sắc nhọn để vệ sinh bất kỳ vết bẩn nào.
- Việc xác thực vân tay có thể không thành công nếu bề mặt cảm biến vân tay hoặc ngón tay sử dụng đang bị ướt hoặc bẩn.
- Không được dán miếng dán hoặc bất cứ thứ gì lên bề mặt cảm biến vân tay.
- Hãy vệ sinh bề mặt cảm biến vân tay theo định kỳ. Bụi, dầu của ngón tay, mồ hôi, vv đọng trên bề mặt cảm biến vân tay có thể gây ra hư hỏng.

- Nếu bất kỳ chất nào có thể gây trục trặc hoặc hư hỏng (bụi, cát, thuốc nhuộm, mực, xà phòng, chất tẩy rửa, axít hoặc thực phẩm có tính axit, dầu, kem dưỡng da, vv) bám vào cảm biến vân tay, hãy làm sạch nó đi ngay lập tức.
- Tránh sử dụng các chất tẩy rửa (chất lau kính, dung dịch chất tẩy lỏng, dung môi, và amoniac) hoặc mài mòn (như sáp hoặc giấy nhám). Nếu không, có thể dẫn đến trục trặc hoặc hư hỏng.

Thông tin về trạng thái xe và các đèn chỉ báo

2

2-1. Đồng hồ táp lô

Đèn cảnh báo và đèn chỉ báo 86

Đồng hồ báo và đồng hồ đo (màn hình 7-inch) 93

Đồng hồ báo và đồng hồ đo (màn hình 12.3-inch) 98

Màn hình đa thông tin (màn hình 7-inch) 104

Màn hình đa thông tin (màn hình 12.3-inch) 114

Màn hình trên kính chắn gió 126

Thông tin tiêu hao nhiên liệu 131

Đèn cảnh báo và đèn chỉ báo

Các đèn cảnh báo và chỉ báo trên đồng hồ táp lô và các gương chiếu hậu bên ngoài sẽ thông báo cho người lái biết tình trạng của các hệ thống trên xe.

Các đèn cảnh báo và đèn chỉ báo được hiển thị trên đồng hồ táp lô

n **Màn hình 7-inch**

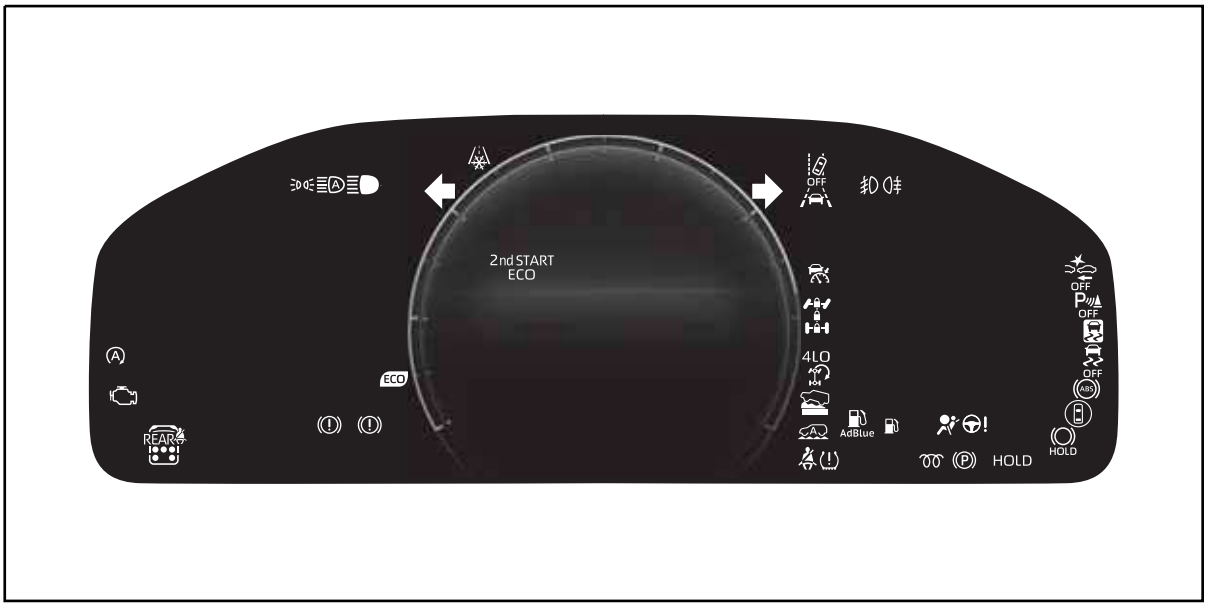


Các đơn vị sử dụng trên đồng hồ táp lô và một số đèn chỉ báo có thể khác nhau tùy vào từng thị trường.

Hình ảnh có thể khác so với điều kiện thực tế.

n Với màn hình 12.3-inch

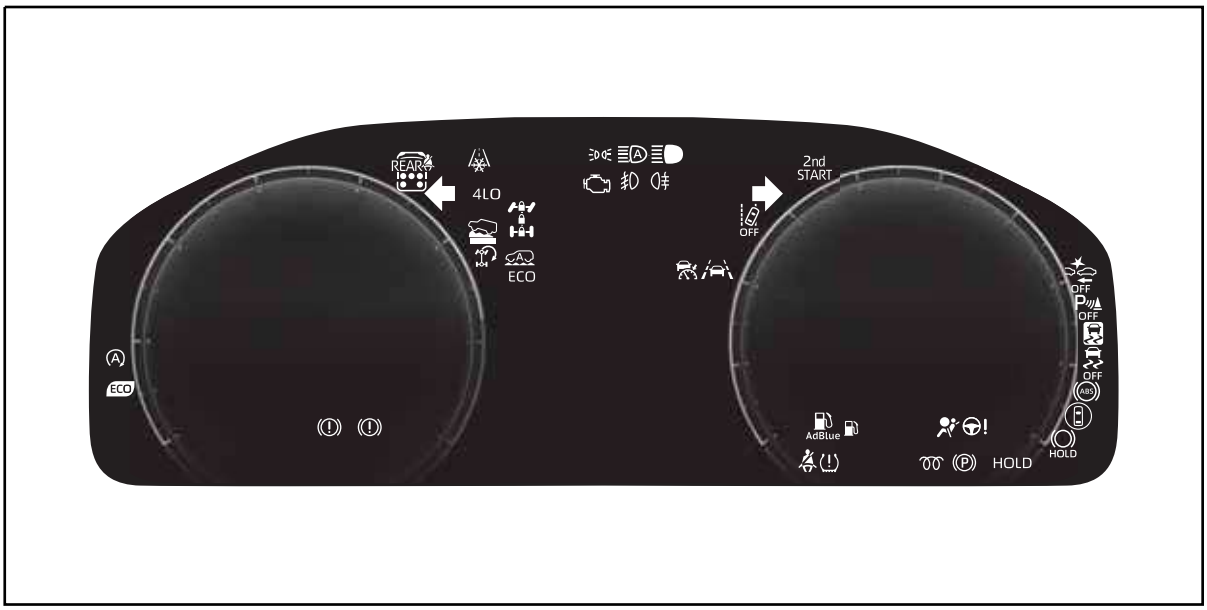
▶ Kiểu 1



Vị trí của các đèn cảnh báo và đèn chỉ báo có thể khác nhau tùy vào thị trường sử dụng.

Hình ảnh có thể khác so với điều kiện thực tế.

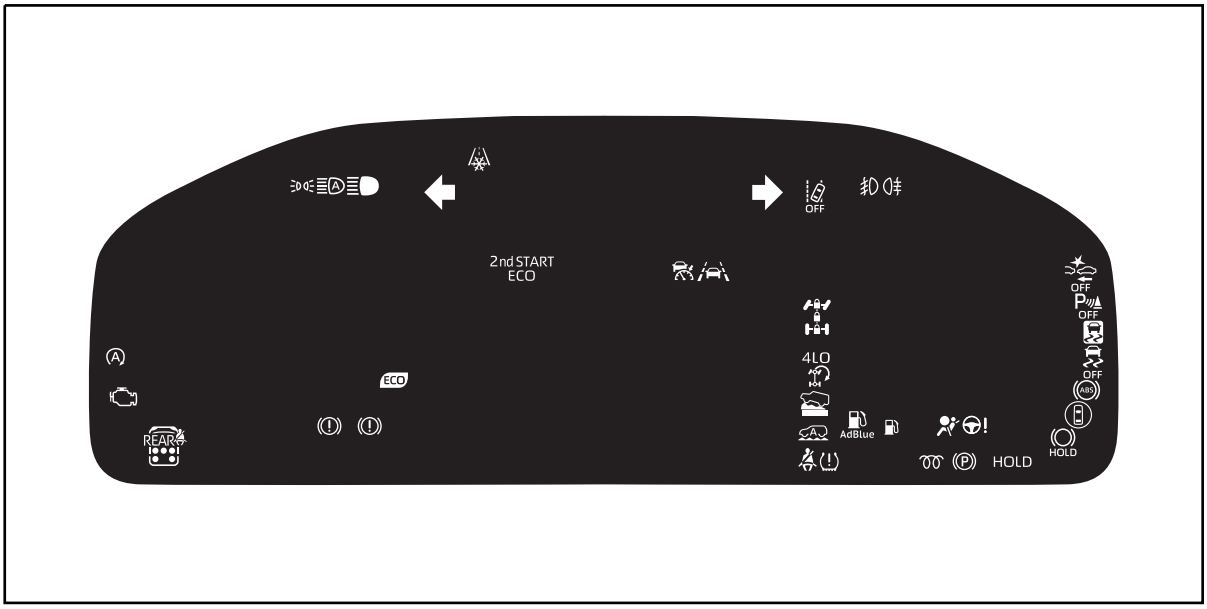
▶ Kiểu 2



Vị trí của các đèn cảnh báo và đèn chỉ báo có thể khác nhau tùy vào thị trường sử dụng.

Hình ảnh có thể khác so với điều kiện thực tế.

▶ Kiểu 3



Vị trí của các đèn cảnh báo và đèn chỉ báo có thể khác nhau tùy vào thị trường sử dụng.

Hình ảnh có thể khác so với điều kiện thực tế.

Các đèn cảnh báo

Các đèn cảnh báo sẽ cảnh báo cho người lái các lỗi liên quan đến các hệ thống trên xe.

(Màu đỏ) Đèn cảnh báo hệ thống phanh*1 (→P.602)

(Màu vàng) Đèn cảnh báo hệ thống phanh*1 (→P.602)

Đèn cảnh báo hệ thống nạp*2 (→P.602)

Đèn cảnh báo áp suất dầu động cơ thấp*2 (→P.603)

Đèn cảnh báo nhiệt độ nước làm mát cao*2 (→P.603)

Đèn chỉ báo lỗi*1 (→P.603)

Đèn cảnh báo túi khí*1 (→P.603)

Đèn cảnh báo ABS*1 (→P.604)

Đèn cảnh báo hệ thống lái trợ lực*1 (nếu có) (→P.604)

Đèn cảnh báo PCS*1 (nếu có) (→P.604)

(Màu vàng) Đèn chỉ báo LTA (nếu có) (→P.604)

(Màu vàng) Đèn chỉ báo LDA (nếu có) (→P.604)

(Màu vàng) Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động (nếu có) (→P.605)


(Màu vàng)

Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa (nếu có) (→P.605)


(Màu vàng)

Chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe[*1] (nếu có) (→P.605)



Đèn chỉ báo OFF cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota[*1] (nếu có) (→P.606)



Đèn cảnh báo hoạt động bàn đạp không phù hợp[*2] (→P.606)


(Nháy)

Đèn chỉ báo tắt hệ thống Dừng và Khởi động[*1] (nếu có) (→P.606)



Đèn chỉ báo trượt[*1] (→P.607)


(Nháy)

Đèn chỉ báo chế độ bốn bánh chủ động tốc độ thấp (→P.607)


(Nháy)

Đèn chỉ báo khóa vi sai trước (nếu có) (→P.607)


(Nháy)

Đèn chỉ báo khóa vi sai trung tâm (→P.607)


(Nháy)

Đèn chỉ báo khóa vi sai sau (nếu có) (→P.608)


(Nháy)

Đèn chỉ báo phanh đỗ (→P.608)


(Nháy)

Đèn chỉ báo hoạt động của chức năng giữ phanh[*1] (→P.608)



Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp (→P.608)



Đèn cảnh báo mức dung dịch AdBlue™ thấp (nếu có) (→P.608)



Đèn cảnh báo áp suất lốp[*1] (nếu có) (→P.609)



Đèn nhắc nhở người lái và hành khách phía trước thắt đai an toàn (→P.609)



Đèn nhắc thắt đai an toàn trên ghế hành khách sau (nếu có) (→P.609)

[*1]: Những đèn này sẽ sáng lên khi bật công tắc động cơ tới vị trí "ON" để chỉ ra rằng hệ thống đó đang tiến hành tự kiểm tra. Các đèn này sẽ tắt đi sau khi khởi động động cơ, hoặc sau một vài giây. Nếu một đèn không sáng lên hoặc tắt thì có thể hệ thống đó đã bị trục trặc. Trong trường hợp đó, hãy mang xe đến đại lý Toyota để kiểm tra.

[*2]: Đèn này sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin cùng với một thông điệp.

CẢNH BÁO

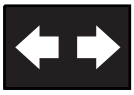
n **Nếu đèn cảnh báo của hệ thống an toàn không sáng lên**

Khi đèn cảnh báo của một hệ thống an toàn không sáng như là đèn cảnh báo của hệ thống ABS và hệ thống túi khí SRS, khi khởi động động cơ, điều đó có nghĩa là những hệ thống này không thể giúp bảo vệ bạn khi xảy ra tai nạn, và có thể dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng. Hãy đưa xe tới kiểm tra tại đại lý Toyota ngay nếu thấy xảy ra hiện tượng trên.

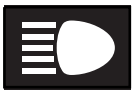
Đèn chỉ báo

Các chỉ báo sẽ cảnh báo cho

người lái biết về tình trạng hoạt động của các hệ thống trên xe.


Đèn chỉ báo xi nhan (→P.242)


Đèn chỉ báo đèn hậu (→P.249)


Đèn chỉ báo đèn pha chiếu xa (→P.251, 256, 259)

Đèn chỉ báo AHS (nếu có) (→P.254)


Đèn chỉ báo AHB (nếu có) (→P.257)


Đèn sương mù phía trước (nếu có) (→P.260)


Đèn chỉ báo đèn sương mù phía sau (nếu có) (→P.260)



Đèn cảnh báo PCS[*1, 2] (nếu có) (→P.277)


(Màu trắng)
Đèn chỉ báo LTA (nếu có) (→P.286)


(Màu xanh lá)
Đèn chỉ báo LTA (nếu có) (→P.286)


(Màu xanh lá)
Đèn chỉ báo LDA (nếu có) (→P.291)



(Màu vàng)
Đèn chỉ báo LDA OFF[*2] (nếu có) (→P.291)


(Màu xanh lá)
Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động (nếu có) (→P.309, 313)


(Màu trắng)
Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động (nếu có) (→P.309, 313)


(Màu xanh lá)
Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa (nếu có) (→P.298)


(Màu trắng)
Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa (nếu có) (→P.298)


(Màu vàng)
Đèn chỉ báo thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe (nếu có) [*1, 2] (→P.325, 338, 349, 354, 358)


Đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài xe của hệ thống BSM[*3] (nếu có) (→P.325, 338, 349)



Đèn chỉ báo OFF cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota[*1, 2] (nếu có) (→P.343)


Đèn chỉ báo cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota[*6] (nếu có) (→P.342)



Đèn chỉ báo lái Eco[*1] (→P.106, 117)


Đèn chỉ báo hệ thống dừng và khởi động [*1] (nếu có) (→P.318)



Đèn chỉ báo tắt hệ thống Dừng và Khởi động[*1, 2] (nếu có) (→P.319)


Đèn chỉ báo sấy động cơ (động cơ diesel) (→P.229)


(Nháy)
Đèn chỉ báo trượt[*1] (→P.459)



Đèn chỉ báo VSC OFF[*1, 2] (→P.459)


Đèn chỉ báo hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc*1 (nếu có) (→P.452)


Đèn chỉ báo chức năng hỗ trợ vào cua (nếu có) (→P.448)


Đèn chỉ báo điều khiển bò xe *1 (nếu có) (→P.444)



Đèn chỉ báo chế độ khởi động từ số thứ hai (nếu có) (→P.236, 240)



Đèn chỉ báo chế độ Power (nếu có) (→P.240)



Đèn chỉ báo chế độ bốn bánh chủ động tốc độ thấp (→P.438)


Đèn chỉ báo khóa vi sai trước (nếu có) (→P.441)


Đèn chỉ báo khóa vi sai trung tâm (→P.439)


Đèn chỉ báo khóa vi sai sau (nếu có) (→P.443)


Đèn chỉ báo phanh đỗ (→P.243)



Đèn chỉ báo chờ giữ phanh*1 (→P.246)



Đèn chỉ báo hoạt động của chức năng giữ phanh*1 (→P.246)


Đèn chỉ báo hệ thống mở khóa và khởi động thông minh*4 (→P.229)


Đèn chỉ báo nhiệt độ bên ngoài thấp*5 (→P.94, 101)



Đèn chỉ báo lái Eco (nếu có) (→P.436)



Đèn chỉ báo chế độ Sport (nếu có) (→P.436)



Đèn chỉ báo chế độ comfort (tiện nghi) (nếu có) (→P.436)



Đèn chỉ báo chế độ "SPORT S" (nếu có) (→P.436)



Đèn chỉ báo chế độ "SPORT S+" (nếu có) (→P.436)



Đèn chỉ báo chế độ lái tùy chọn (nếu có) (→P.436)


Đèn chỉ báo chế độ AUTO (nếu có) (→P.449)


Đèn chỉ báo chế độ DIRT (nếu có) (→P.449)


Đèn chỉ báo chế độ SAND (nếu có) (→P.449)


Đèn chỉ báo chế độ MUD (nếu có) (→P.449)


Chỉ báo chế độ DEEP SNOW (nếu có) (→P.449)


Đèn chỉ báo chế độ ROCK (nếu có) (→P.449)

*1: Những đèn này sẽ sáng lên khi bật công tắc động cơ tới vị trí "ON" để chỉ ra rằng việc kiểm tra hệ thống đang được thực hiện. Các đèn này sẽ tắt đi sau khi khởi động động cơ, hoặc sau một vài giây. Có thể một hệ thống đã bị lỗi nếu đèn không sáng lên hoặc tắt. Trong trường hợp đó, hãy mang xe đến đại lý Toyota để kiểm tra.

*2: Đèn sáng lên khi hệ thống được tắt.

*3: Đèn sẽ sáng trên gương chiếu hậu phía ngoài.

*4: Đèn này sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin cùng với một thông điệp.

*5: Khi nhiệt độ bên ngoài xấp xỉ 3●C

trở xuống, đèn chỉ báo sẽ nháy trong khoảng 10 giây, sau đó sáng liên tục.

*6: Xe không có màn hình đa thông tin hoặc camera phía sau

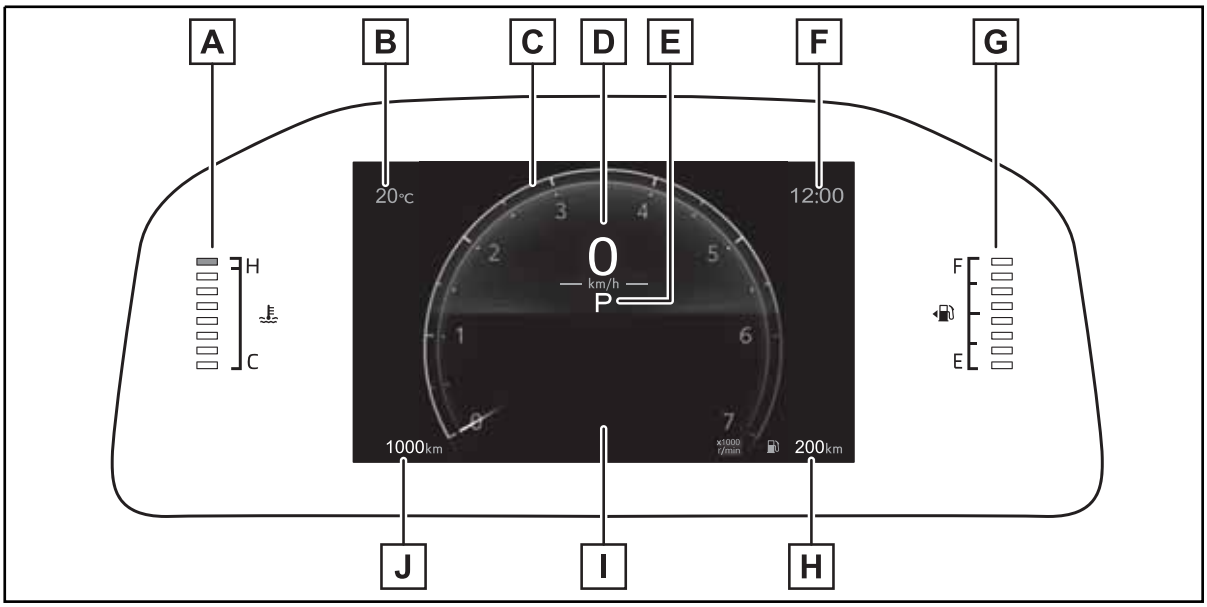
n Đèn chỉ báo OFF của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Xe không có màn hình đa phương tiện: Các đèn chỉ báo tắt khi chuyển vị trí số đến R bất kể chức năng cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota đang bật hay tắt.

Đồng hồ báo và đồng hồ đo (màn hình 7-inch)

Hiển thị bảng táp lô

n Vị trí của đồng hồ báo và đồng hồ đo



Các đơn vị đo trên đồng hồ táp lô và màn hình có thể sẽ khác nhau tùy vào thị trường của xe.

A Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ

Hiển thị nhiệt độ của nước làm mát động cơ

B Nhiệt độ bên ngoài xe (→P.94)

C Đồng hồ tốc độ động cơ/Đồng hồ tốc độ xe kiểu analog

Đồng hồ tốc độ động cơ:

Hiển thị tốc độ vòng tua động cơ theo đơn vị số vòng/phút

Đồng hồ tốc độ xe dạng Analog:

Hiển thị tốc độ xe

D Đồng hồ tốc độ xe kiểu kỹ thuật số

Hiển thị tốc độ xe

E Vị trí số và dải số/vị trí số

Hiển thị vị trí số đã chọn hoặc dải số/vị trí số đã chọn (→P.234, 238)

F Đồng hồ (→P.96)

G Đồng hồ đo nhiên liệu

Hiển thị lượng nhiên liệu còn lại trong bình

H Quãng đường xe có thể đi được cho tới khi hết nhiên liệu

Hiển thị quãng đường xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại trong bình

I Màn hình đa thông tin

Thông báo cho người lái biết các dữ liệu của xe liên quan tới việc lái xe (→P.104)

Hiển thị cảnh báo nếu xuất hiện trục trặc (→P.612)

J Đồng hồ công tơ mét, đồng hồ đo hành trình và bảo dưỡng dầu (nếu có)

Đồng hồ công tơ mét:

Hiển thị tổng quãng đường mà xe đã đi được

Đồng hồ đo hành trình:

Hiển thị quãng đường mà xe đã đi được kể từ khi đồng hồ được cài đặt lại ở lần gần nhất. Đồng hồ đo hành trình "A" và "B" có thể được sử dụng để ghi lại và thông báo hai hành trình độc lập.

Bảo dưỡng dầu:

Hiển thị quãng đường mà xe có thể chạy cho đến khi thay dầu động cơ lần tiếp theo.

---

n **Các đồng hồ đo và màn hình sẽ sáng lên khi**

Công tắc động cơ ở ON.

n **Quãng đường xe có thể đi được cho tới khi hết nhiên liệu**

l Khoảng cách này được tính toán dựa trên mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của xe. Do vậy quãng đường thực tế xe có thể chạy được có thể sẽ không giống với giá trị được hiển thị.

l Khi chỉ nạp một lượng nhiên liệu nhỏ vào bình, thì màn hình có thể sẽ không cập nhật thông tin này. Khi nạp nhiên liệu, hãy tắt công tắc động cơ. Nếu nạp nhiên liệu mà không tắt công tắc động cơ, giá trị này có thể sẽ không được cập nhật.

l Khi “Refuel” được hiển thị, lượng nhiên liệu còn lại trong bình là thấp và hệ thống không thể tính được quãng đường mà xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại đó. Hãy nạp thêm nhiên liệu ngay lập tức.

n **Màn hình nhiệt độ bên ngoài xe**

l Trong các trường hợp sau, nhiệt độ bên ngoài xe có thể sẽ không được hiển thị chính xác hoặc thời gian trễ của màn hình sẽ lâu hơn bình thường.

- Khi dừng xe, hoặc lái xe ở tốc độ thấp (nhỏ hơn 20 km/h)
- Khi nhiệt độ bên ngoài xe thay đổi đột ngột (khi đi vào/ra khỏi nhà để xe hoặc đường hầm…)

l Khi “- -” hoặc “E” xuất hiện, hệ thống có thể đang bị hư hỏng. Hãy mang xe đến đại lý Toyota để kiểm tra.

l Hiển thị nhiệt độ bên ngoài đang ở trong khoảng từ -40°C đến 60°C.

l Khi nhiệt độ bên ngoài là từ xấp xỉ 3°C trở xuống, đèn chỉ báo  sẽ nháy khoảng 10 giây sau đó sáng.

n **Màn hình tinh thể lỏng**

→P.105

n Thông tin phần mềm nguồn mở/phần mềm tự do

Sản phẩm này bao gồm cả phần mềm mã nguồn mở/phần mềm miễn phí (FOSS). Thông tin bản quyền và/hoặc mã nguồn của FOSS có thể tìm thấy trong đường dẫn sau.

https://www.yazaki-group.com/rd-tech/oss/893

⚠ CẢNH BÁO

n Sử dụng màn hình thông tin ở nhiệt độ thấp

Hãy sưởi ấm bên trong xe trước khi sử dụng màn hình tinh thể lỏng. Ở nhiệt độ cực thấp, những thông tin được hiển thị trên màn hình có thể sẽ phản ứng chậm và hình ảnh thay đổi có thể sẽ bị trễ.

Ví dụ, số của dải số xuất hiện trên màn hình bị trễ so với thao tác chuyển số của người lái. Sự chậm trễ đó dẫn đến việc người lái thực hiện lại thao tác xuống số, làm cho tốc độ động cơ tăng cao và lực phanh động cơ quá lớn và có thể dẫn tới tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

⚠ CHÚ Ý

n Để tránh làm hư hỏng động cơ và các chi tiết của động cơ

- Không để kim của đồng hồ tốc độ động cơ chỉ đến vùng đỏ, tức là tốc độ động cơ đạt mức tối đa.
- Động cơ có thể bị quá nhiệt nếu như đồng hồ báo nhiệt độ nước làm mát động cơ chỉ tới vùng đỏ (vạch "H"). Trong trường hợp này, hãy dừng xe ngay lập tức tại vị trí an toàn và kiểm tra động cơ sau khi động cơ đã nguội hẳn. (→P.640)

Sử dụng nút "ODO TRIP"

n Các nội dung hiển thị

- Đồng hồ công tơ mét

Hiển thị tổng quãng đường mà xe đã đi được

- Đồng hồ đo hành trình A/Hành trình B

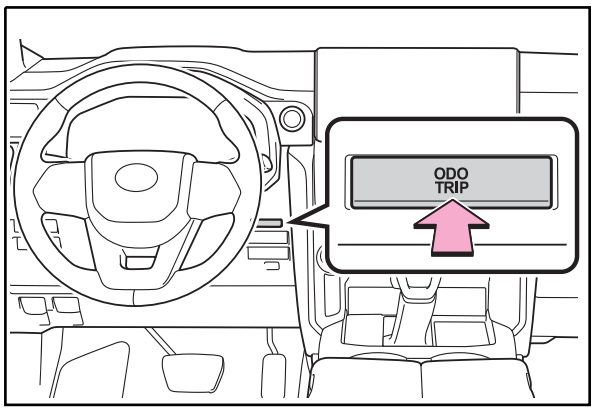
Thể hiện quãng đường mà xe đã đi được kể từ khi đồng hồ được đặt lại ở lần gần nhất. Đồng hồ đo hành trình A và B có thể được sử dụng để ghi lại và thông báo hai hành trình độc lập.

- Khoảng cách xe có thể chạy tính tới lần thay dầu tiếp theo (nếu có)

Hiển thị quãng đường mà xe có thể chạy cho đến khi cần phải thay dầu động cơ trong lần tiếp theo.

n Thay đổi nội dung hiển thị

Hiển thị sẽ thay đổi, qua mỗi lần ấn nút "ODO TRIP". Khi đồng hồ đo hành trình được hiển thị, việc ấn và giữ nút này sẽ đặt lại đồng hồ đo hành trình.



n Màn hình pop-up

- Trạng thái hoạt động của hệ thống Dừng và Khởi động (nếu có) (→P.322)

- Khoảng cách xe có thể chạy tính tới lần thay dầu tiếp theo (nếu có)

Khi một thông báo nhắc cần phải tiến hành bảo dưỡng động cơ sớm hoặc yêu cầu phải thay dầu xuất hiện.

Điều chỉnh giờ của đồng hồ

Có thể điều chỉnh đồng hồ hoặc ở trên màn hình đa thông tin hoặc ở hệ thống dẫn đường/hệ thống đa phương tiện.

▶ Xe không có hệ thống dẫn đường

Bằng cách bật màn hình từ màn hình trên màn hình đa thông tin, bạn có thể thay đổi các cài đặt sau đây liên quan tới đồng hồ báo giờ.

- Đặt lại hiển thị số phút
- Chuyển giữa chế độ hiển thị 12 giờ và 24 giờ.
- Điều chỉnh thời gian

n **Để đặt lại hiển thị số phút**

1 Ấn nút ^ hoặc v của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô trên vô lăng và chọn .

2 Ấn nút < hoặc > của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô trên vô lăng và chọn .

Bằng cách ấn nút OK trên cụm công tắc điều khiển đồng hồ táp lô trên màn hình , bạn có thể đặt số "Minutes" về giá trị 00.

- Số phút trong khoảng từ 0 đến 29 phút sẽ được làm tròn xuống.

(Ví dụ, từ 1:00 đến 1:29 sẽ được điều chỉnh thành 1:00)

- Số phút trong khoảng từ 30 đến 59 phút sẽ được làm tròn lên.

(Ví dụ, từ 1:30 đến 1:59 sẽ được điều chỉnh thành 2:00)

n **Chọn để điều chỉnh giờ**

1 Ấn nút ^ hoặc v của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô trên vô lăng và chọn .

2 Ấn nút < hoặc > của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô trên vô lăng và chọn .

3 Trên màn hình , ấn và giữ nút OK trên công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.

4 Chọn chế độ "12H/24H", "Time" hoặc "Minutes" bằng cách bấm nút < hoặc > của cụm công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.

5 Ấn nút ^ hoặc v của cụm công tắc điều khiển đồng hồ để thay đổi các nội dung được hiển thị.

Khi cài đặt xong, hãy ấn nút để trở về màn hình trước đó.

▶ Xe có hệ thống dẫn đường

Hãy tham khảo “Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện”.

Điều chỉnh độ sáng đèn đồng hồ

1 Ấn nút ^ hoặc v của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô trên vô lăng và chọn ⚙.

2 Ấn nút < hoặc > của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô trên vô lăng và chọn .

3 Hãy ấn vào < hoặc > của các nút điều khiển đồng hồ để điều chỉnh độ sáng.

---

n **Độ sáng của đồng hồ táp lô (chế độ ban ngày và ban đêm)**

Có thể điều chỉnh độc lập được độ sáng của đèn chiếu sáng đồng hồ táp lô.

Trong các tình huống sau, độ sáng của đồng hồ táp lô sẽ đổi khi chuyển giữa chế độ ban ngày và chế độ ban đêm.

- Chế độ ban ngày: Khi đèn hậu tắt hoặc khi các đèn hậu đang bật nhưng khu vực xung quanh sáng
- Chế độ ban đêm: Khi đèn hậu bật và khu vực xung quanh tối

Đồng hồ báo và đồng hồ đo (màn hình 12.3-inch)

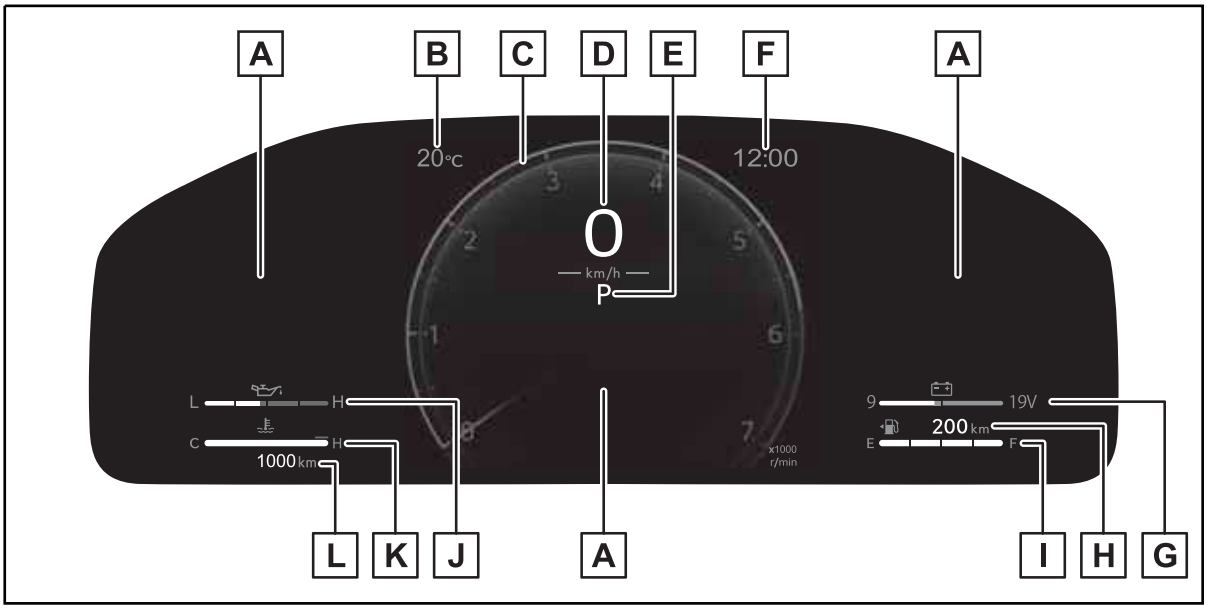
Đồng hồ hiển thị các thông tin lái xe khác nhau.

Hiển thị bảng táp lô

n Vị trí của đồng hồ báo và đồng hồ đo

Có thể thay đổi cài đặt kiểu màn hình đồng hồ (→P.120)

▶ Kiểu 1/Kiểu 3



Vị trí của một vài hạng mục hiển thị và đơn vị đo có thể khác nhau tùy vào thị trường sử dụng xe.

A Màn hình đa thông tin

Thông báo cho người lái biết các dữ liệu của xe liên quan tới việc lái xe (→P.114)

Hiển thị thông điệp cảnh báo nếu có trục trặc xuất hiện (→P.612)

B Nhiệt độ bên ngoài xe (→P.101)

C Đồng hồ kiểu analog (chỉ cho kiểu 1)

Có thể thay đổi được đồng hồ kiểu analog trên các cài đặt. (→P.120)

Đồng hồ tốc độ động cơ:

Hiển thị tốc độ vòng tua động cơ theo đơn vị số vòng/phút

Đồng hồ tốc độ xe dạng Analog:

Hiển thị tốc độ xe

D Đồng hồ tốc độ xe kiểu kỹ thuật số

Hiển thị tốc độ xe

E Vị trí số và dải số/vị trí số (→P.234, 238)

F Đồng hồ (→P.103)

G Đồng hồ đo điện áp

Hiển thị tình trạng nạp của ắc quy

H Quãng đường xe có thể đi được cho tới khi hết nhiên liệu

Hiển thị quãng đường xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại trong bình (→P.101)

I Đồng hồ đo nhiên liệu

Thông báo lượng nhiên liệu còn lại trong bình nhiên liệu của xe.

J Đồng hồ đo áp suất dầu động cơ

Hiển thị áp suất dầu động cơ

K Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ

Hiển thị nhiệt độ của nước làm mát động cơ

L Đồng hồ công tơ mét, đồng hồ đo hành trình và bảo dưỡng dầu (nếu có)

Đồng hồ công tơ mét:

Hiển thị tổng quãng đường mà xe đã đi được

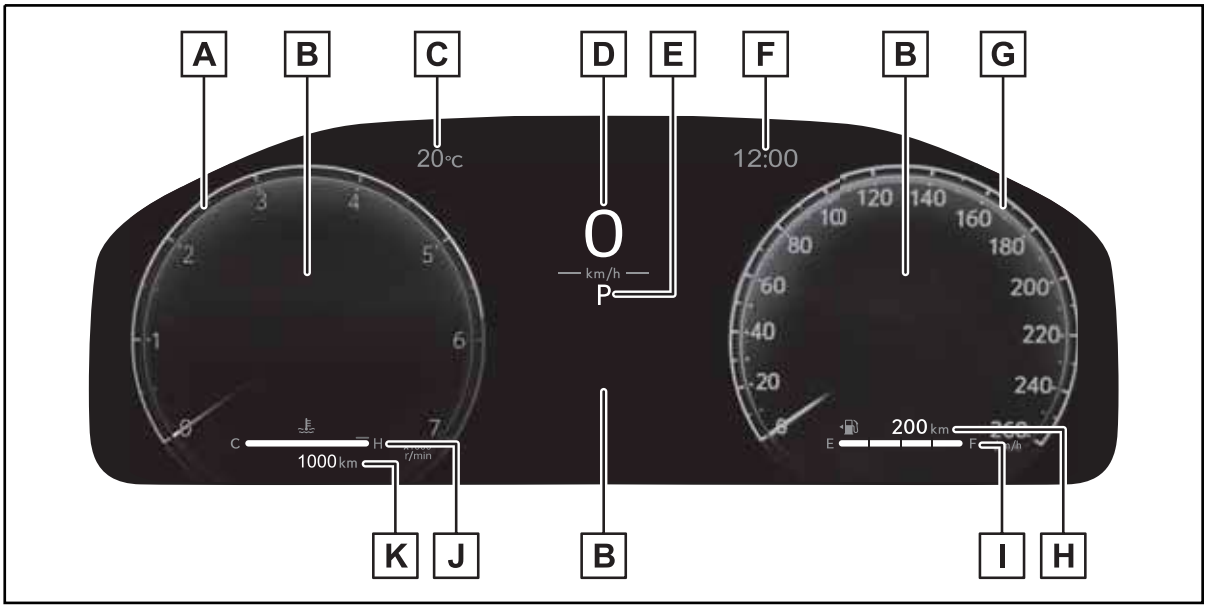
Đồng hồ đo hành trình:

Hiển thị quãng đường mà xe đã đi được kể từ khi đồng hồ được cài đặt lại ở lần gần nhất. Đồng hồ đo hành trình "A" và "B" có thể được sử dụng để ghi lại và thông báo hai hành trình độc lập.

Bảo dưỡng dầu:

Hiển thị quãng đường mà xe có thể chạy cho đến khi thay dầu động cơ lần tiếp theo.

▶ Kiểu 2



Vị trí của một vài hạng mục hiển thị và đơn vị đo có thể khác nhau tùy vào thị trường sử dụng xe.

A Đồng hồ tốc độ động cơ

Hiển thị tốc độ vòng tua động cơ theo đơn vị số vòng/phút

B Màn hình đa thông tin

Thông báo cho người lái biết các dữ liệu của xe. (→P.114)

Hiển thị cảnh báo nếu xuất hiện trục trặc (→P.612)

C Nhiệt độ bên ngoài xe (→P.101)

D Đồng hồ tốc độ xe kiểu kỹ thuật số

Hiển thị tốc độ xe

E Vị trí số và dải số/vị trí số (→P.234, 238)

F Đồng hồ (→P.103)

G Đồng hồ tốc độ xe dạng Analog

Hiển thị tốc độ xe

H Quãng đường xe có thể đi được cho tới khi hết nhiên liệu

Hiển thị quãng đường xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại trong bình (→P.101)

I Đồng hồ đo nhiên liệu

Thông báo lượng nhiên liệu còn lại trong bình nhiên liệu của xe.

J Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ

Hiển thị nhiệt độ của nước làm mát động cơ

K Đồng hồ công tơ mét, đồng hồ đo hành trình và bảo dưỡng dầu (nếu có)

Đồng hồ công tơ mét:

Hiển thị tổng quãng đường mà xe đã đi được

Đồng hồ đo hành trình:

Hiển thị quãng đường mà xe đã đi được kể từ khi đồng hồ được cài đặt lại ở lần gần nhất. Đồng hồ đo hành trình "A" và "B" có thể được sử dụng để ghi lại và thông báo hai hành trình độc lập.

Bảo dưỡng dầu:

Hiển thị quãng đường mà xe có thể chạy cho đến khi thay dầu động cơ lần tiếp theo.

---

n **Các đồng hồ đo và màn hình sẽ sáng lên khi**

Công tắc động cơ ở ON.

n **Quãng đường xe có thể đi được cho tới khi hết nhiên liệu**

l Khoảng cách này được tính toán dựa trên mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của xe. Do vậy quãng đường thực tế xe có thể chạy được có thể sẽ không giống với giá trị được hiển thị.

l Khi chỉ nạp một lượng nhiên liệu nhỏ vào bình, thì màn hình có thể sẽ không cập nhật thông tin này. Khi nạp nhiên liệu, hãy tắt công tắc động cơ. Nếu nạp nhiên liệu mà không tắt công tắc động cơ, giá trị này có thể sẽ không được cập nhật.

l Khi “Refuel” được hiển thị, lượng nhiên liệu còn lại trong bình là thấp và hệ thống không thể tính được quãng đường mà xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại đó. Hãy nạp thêm nhiên liệu ngay lập tức.

n **Màn hình nhiệt độ bên ngoài xe**

l Hiển thị nhiệt độ bên ngoài đang ở trong khoảng từ -40 ●C đến 60 ●C

l Khi nhiệt độ bên ngoài là từ xấp xỉ 3 ●C trở xuống, đèn chỉ báo sẽ nháy khoảng 10 giây sau đó sáng.

l Trong một số trường hợp sau, nhiệt độ chính xác bên ngoài xe có thể sẽ không được hiển thị hoặc thời gian hiển thị sẽ lâu hơn bình thường:

- Khi dừng xe, hoặc lái xe ở tốc độ thấp (nhỏ hơn 20 km/h)
- Khi nhiệt độ bên ngoài xe thay đổi đột ngột (khi đi vào/ra khỏi nhà để xe hoặc đường hầm…)

l Khi “- -” hoặc “E” xuất hiện, hệ thống có thể đang bị hư hỏng. Hãy mang xe đến đại lý Toyota để kiểm tra.

n **Màn hình tinh thể lỏng**

→P.115

n **Thông tin phần mềm nguồn mở/phần mềm tự do**

Sản phẩm này bao gồm cả phần mềm mã nguồn mở/phần mềm miễn phí (FOSS). Thông tin bản quyền và/hoặc mã nguồn của FOSS có thể tìm thấy trong đường dẫn sau.

https://www.yazaki-group.com/rd-tech/oss/889

n **Tùy chọn**

Có thể đặt tùy chọn cho đồng hồ đo và đồng hồ báo trên ⚙ của màn hình đa thông tin. (→P.120)

CẢNH BÁO

n **Sử dụng màn hình thông tin ở nhiệt độ thấp**

Hãy sưởi ấm bên trong xe trước khi sử dụng màn hình tinh thể lỏng. Ở nhiệt độ cực thấp, những thông tin xuất hiện trên màn hình có thể sẽ phản hồi chậm, và hình ảnh thay đổi sẽ bị trễ.

Ví dụ, số của dải số xuất hiện trên màn hình bị trễ so với thao tác chuyển số của người lái. Sự chậm trễ đó dẫn đến việc người lái thực hiện lại thao tác xuống số, làm cho tốc độ động cơ tăng cao và lực phanh động cơ quá lớn và có thể dẫn tới tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hư hỏng động cơ và các chi tiết của động cơ**

- Không để kim của đồng hồ tốc độ động cơ chỉ đến vùng đỏ, tức là tốc độ động cơ đạt mức tối đa.
- Động cơ có thể bị quá nhiệt nếu như đồng hồ báo nhiệt độ nước làm mát động cơ chỉ tới vạch đỏ (vạch H). Trong trường hợp này, hãy đỗ ngay xe vào nơi an toàn, và kiểm tra động cơ sau khi nó đã nguội hẳn. (→P.640)

Sử dụng nút "ODO TRIP"

n **Các nội dung hiển thị**

- Đồng hồ công tơ mét

Hiển thị tổng quãng đường mà xe đã đi được

- Đồng hồ đo hành trình A/Hành trình B

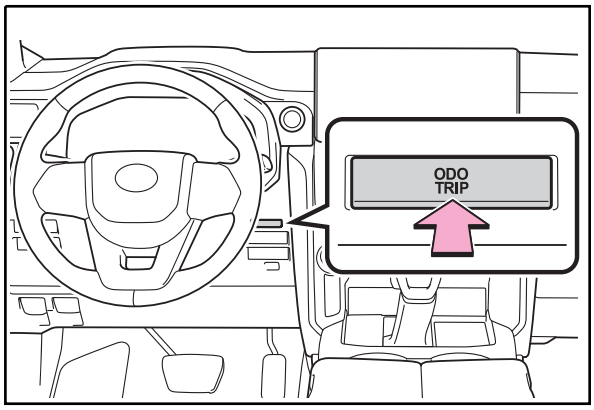
Thể hiện quãng đường mà xe đã đi được kể từ khi đồng hồ được đặt lại ở lần gần nhất. Đồng hồ đo hành trình A và B có thể được sử dụng để ghi lại và thông báo hai hành trình độc lập.

- Khoảng cách xe có thể chạy tính tới lần thay dầu tiếp theo (nếu có)

Hiển thị quãng đường mà xe có thể chạy cho đến khi cần phải thay dầu động cơ trong lần tiếp theo.

n **Thay đổi nội dung hiển thị**

Hiển thị sẽ thay đổi, qua mỗi lần ấn nút "ODO TRIP". Khi đồng hồ đo hành trình được hiển thị, việc ấn và giữ nút này sẽ đặt lại đồng hồ đo hành trình.



n **Màn hình pop-up**

- Trạng thái hoạt động của hệ thống Dừng và Khởi động (nếu có) (→P.322)
- Khoảng cách xe có thể chạy tính tới lần thay dầu tiếp theo (nếu có)

Khi một thông báo nhắc cần phải tiến hành bảo dưỡng động cơ sớm hoặc yêu cầu phải thay dầu xuất hiện.

Điều chỉnh giờ của đồng hồ

Có thể điều chỉnh được đồng hồ báo giờ hoặc trên màn hình đa thông tin hoặc trên hệ thống đa phương tiện.

▶ Xe không có hệ thống đa phương tiện

Bằng cách hiển thị màn hình "Clock Setting" từ màn hình trên màn hình đa thông tin, bạn có thể thay đổi các cài đặt sau đây liên quan tới đồng hồ.

- Đặt lại hiển thị số phút
- Chuyển giữa chế độ hiển thị 12 giờ và 24 giờ.
- Điều chỉnh thời gian

n **Để đặt lại hiển thị số phút**

1 Ấn và giữ OK để hiển thị con trỏ trên vùng hiển thị nội dung (ở giữa).

2 Ấn nút ∧ hoặc ∨ của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô trên vô lăng và chọn .

3 Ấn nút ∧ hoặc ∨ của các công tắc điều khiển đồng hồ trên vô lăng và chọn "Clock Setting".

Bằng cách nhấn OK của các công tắc điều khiển đồng hồ trên màn hình "Clock Setting", bạn có thể đặt "Minutes" về giá trị 00.

- Số phút trong khoảng từ 0 đến 29 phút sẽ được làm tròn xuống.

(Ví dụ, từ 1:00 đến 1:29 sẽ được điều chỉnh thành 1:00)

- Số phút trong khoảng từ 30 đến 59 phút sẽ được làm tròn lên.

(Ví dụ, từ 1:30 đến 1:59 sẽ được điều chỉnh thành 2:00)

n **Chọn để điều chỉnh giờ**

1 Ấn và giữ OK để hiển thị con trỏ trên vùng hiển thị nội dung (ở giữa).

2 Ấn nút ∧ hoặc ∨ của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô trên vô lăng và chọn .

3 Ấn nút ∧ hoặc ∨ của các công tắc điều khiển đồng hồ trên vô lăng và chọn "Clock Setting".

4 Trên màn hình "Cài đặt đồng hồ ", nhấn và giữ nút OK của các công tắc điều khiển đồng hồ.

5 Chọn chế độ "12H"/"24H", "Thời gian" hoặc "Phút" bằng cách vận hành ‹ hoặc › của các công tắc điều khiển đồng hồ đo.

6 Ấn nút ∧ hoặc ∨ của cụm công tắc điều khiển đồng hồ để thay đổi các nội dung được hiển thị.

Khi cài đặt xong, hãy ấn nút ⮌ để trở về màn hình trước đó.

▶ Xe có hệ thống đa phương tiện

Hãy tham khảo “Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện”.

Điều chỉnh độ sáng đèn đồng hồ

1 Ấn và giữ OK để hiển thị con trỏ trên vùng hiển thị nội dung (ở giữa).

2 Ấn nút ^ hoặc v của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô trên vô lăng và chọn ⚙.

3 Ấn ^ hoặc v trong các nút điều khiển đồng hồ trên vô lăng và chọn "Điều chỉnh độ sáng đồng hồ táp lô".

4 Hãy ấn vào < hoặc > của các nút điều khiển đồng hồ để điều chỉnh độ sáng.

n Độ sáng của đồng hồ táp lô (chế độ ban ngày và ban đêm)

Có thể điều chỉnh độc lập được độ sáng của đèn chiếu sáng đồng hồ táp lô.

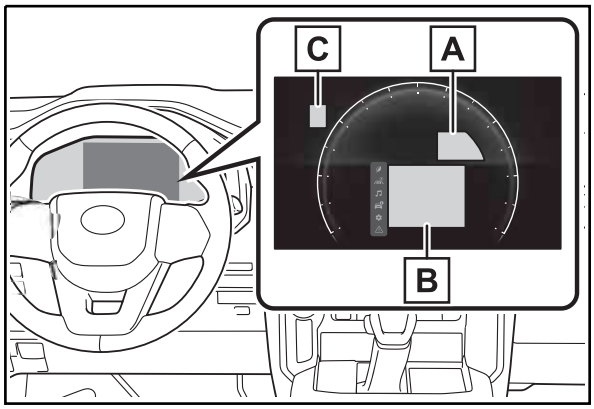
Trong các tình huống sau, độ sáng của đồng hồ táp lô sẽ đổi khi chuyển giữa chế độ ban ngày và chế độ ban đêm.

- Chế độ ban ngày: Khi đèn hậu tắt hoặc khi các đèn hậu đang bật nhưng khu vực xung quanh sáng
- Chế độ ban đêm: Khi đèn hậu bật và khu vực xung quanh tối

Màn hình đa thông tin (màn hình 7-inch)

Nội dung hiển thị

Tuân theo các thông tin trên màn hình đa thông tin.



A Thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe (→P.107)

B Khu vực hiển thị thông tin

Bạn có thể cho hiển thị nhiều thông tin khác nhau bằng cách chọn một biểu tượng của menu.

Ngoài ra , trong một số trường hợp sẽ xuất hiện một màn hình pop-up để đưa ra các hướng dẫn/khuyến nghị.

C Vùng hiển thị RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) (nếu có)

Hiển thị các biển báo đã nhận diện khi RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) đang hoạt động. (→P.296)

n Màn hình đa thông tin được hiển thị khi

Công tắc động cơ ở ON.

n Khi thay đổi chế độ lái

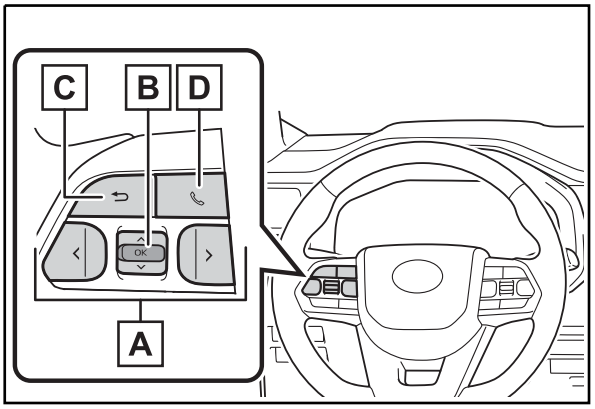
Có thể thay đổi màu nền của màn hình đa thông tin bằng cách tuân theo chế độ lái đã chọn (nếu có) hoặc chế độ chọn đa địa hình (nếu có). (→P.436, 449)

n **Màn hình tinh thể lỏng**

Những đốm nhỏ hoặc đốm sáng có thể sẽ xuất hiện trên màn hình. Hiện tượng này là đặc tính thông thường của màn hình tinh thể lỏng, vì vậy bạn có thể yên tâm tiếp tục sử dụng màn hình.

Thay đổi nội dung hiển thị

Người lái có thể điều khiển màn hình đa thông tin bằng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.



A ∧/∨: Chọn biểu tượng menu, cuộn màn hình và di chuyển con trỏ

' 〈/〉: Thay đổi nội dung hiển thị, cuộn màn hình và di chuyển con trỏ

B Ấn nút: Nhập/Đặt
Ấn và giữ nút: Đặt lại

C Trở về màn hình trước đó

D Màn hình gọi điện /nhận cuộc gọi và lịch sử cuộc gọi (nếu có)

Liên kết với hệ thống rảnh tay, sẽ hiển thị được cuộc gọi đi hoặc cuộc gọi đến. Để biết thêm chi tiết về hệ thống rảnh tay, hãy tham khảo sách "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".

CẢNH BÁO

n **Lưu ý sử dụng trong khi lái xe**

Để đảm bảo an toàn, hãy hạn chế sử dụng các công tắc điều khiển đồng hồ trong khi lái xe càng nhiều càng tốt, không nhìn liên tục vào màn hình đa thông tin trong khi lái xe. Hãy dừng xe và sử dụng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô khi cần thiết. Nếu không có thể dẫn đến thao tác sai với vô lăng, dẫn đến tai nạn.

Các biểu tượng của Menu

Thông tin liên quan đến từng biểu tượng sẽ được hiển thị bằng cách chọn biểu tượng bằng các công tắc điều khiển trên đồng hồ táp lô.

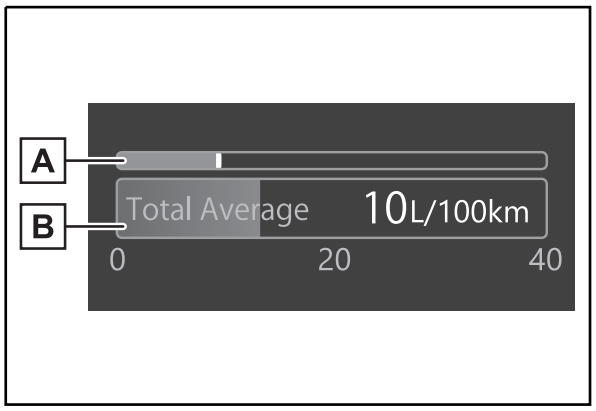
Một số thông tin có thể được hiển thị tự động tùy vào từng trường hợp.

Biểu tượng	Màn hình
	Hiển thị thông tin lái (→P.106)
	Hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe (nếu có) (→P.107)
	Hiển thị liên kết với hệ thống âm thanh (nếu có) (→P.107)
	Hiển thị thông tin xe (→P.107)
	Màn hình cài đặt (→P.109)
	Màn hình thông điệp cảnh báo (→P.113)

Hiển thị thông tin lái

Chọn để hiển thị dữ liệu tiêu hao nhiên liệu ở các dạng khác nhau.

n Tiết kiệm nhiên liệu



A Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại

Hiển thị mức tiết kiệm nhiên liệu tức thời.

B Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình (sau khi khởi động)

Hiển thị mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình từ khi chức năng được đặt lại hoặc mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình sau khi khởi động.*1, 2, 3

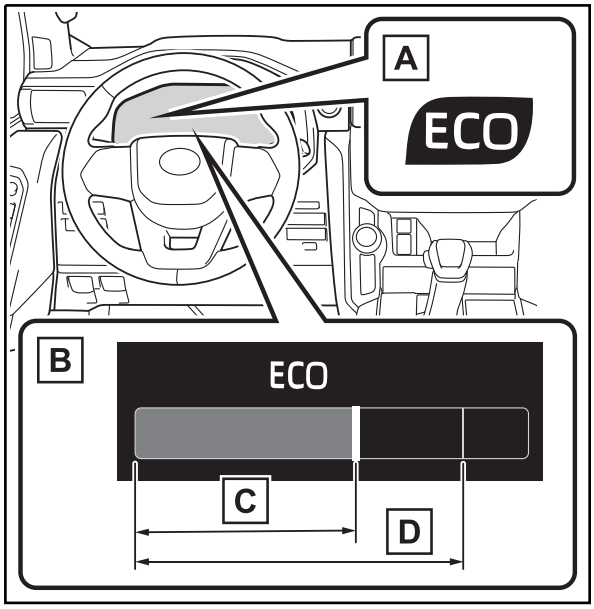
Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình được chọn bởi "Tiêu thụ" trên ⚙ sẽ được xuất hiện.

*1: Chỉ sử dụng mức tiêu hao nhiên liệu để tham khảo.

*2: Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình sau khi khởi động sẽ được đặt lại mỗi lần động cơ dừng.

*3: Có thể đặt lại mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình của xe bằng cách ấn và giữ vào nút OK.

n Đèn chỉ báo lái Eco



A Đèn chỉ báo lái Eco

Trong khi tăng tốc xe trong chế độ tiết kiệm nhiên liệu (lái Eco), đèn chỉ báo lái Eco sẽ bật sáng. Khi tăng ga vượt quá vùng lái Eco hoặc khi xe đang đỗ lại, đèn ECO sẽ tắt.

B Hiển thị vùng chỉ báo lái Eco

Gợi ý vùng lái Eco với tỷ lệ lái Eco hiện tại dựa trên quá trình tăng tốc.

C Tỷ lệ lái Eco dựa trên quá trình tăng tốc

Khi tăng tốc vượt quá vùng lái Eco, phía bên phải của màn hình vùng lái Eco sẽ sáng.

Tại thời điểm này, đèn chỉ báo lái Eco sẽ tắt.

D Vùng lái Eco

n Đèn chỉ báo lái xe ECO sẽ không hoạt động khi

Đèn chỉ báo lái tiết kiệm nhiên liệu sẽ không hoạt động trong các điều kiện sau:

- Khi cần chuyển số không ở vị trí D.
- Cả chế độ lái bình thường và chế

độ lái Eco đều không được chọn.

l Khi tốc độ xe đạt xấp xỉ từ 130 km/h trở lên.

Hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe (nếu có)

n Hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe

Có thể hiển thị trạng thái hoạt động của những hệ thống sau:

- LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn) (nếu có) (→P.291)
- Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có) (→P.298)
- Hệ thống điều khiển chạy tự động (→P.309, 313)

n Màn hình liên kết với hệ thống dẫn đường (nếu có)

Hãy chọn mục này để hiển thị các thông tin sau liên kết với hệ thống dẫn đường.

- Chỉ đường
- Hiển thị la bàn

Hiển thị liên kết với hệ thống âm thanh (nếu có)

Các điều kiện hoạt động của hệ thống âm thanh có thể được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Hiển thị thông tin xe

n Thông tin lái

Có thể hiển thị theo chiều dọc 2 hạng mục đã chọn bằng việc cài đặt "Drive Info Item" (tốc độ trung bình và quãng đường).

Chỉ sử dụng các giá trị hiển thị với mục đích tham khảo.

- Tốc độ trung bình của xe: Hiển thị tốc độ trung bình của xe từ khi khởi động động cơ*
- Quãng đường: Hiển thị quãng đường đã đi được kể từ khi khởi động động cơ*
- Thời gian đã qua: Hiển thị thời gian kể từ khi khởi động động cơ*

*: Những hạng mục sau đây sẽ được cài đặt lại mỗi lần động cơ dừng.

n Thông tin hành trình

Có thể hiển thị theo chiều dọc 2 hạng mục đã chọn bằng việc cài đặt "TRIP A" hoặc "TRIP B" (tốc độ trung bình và quãng đường).

Chỉ sử dụng các giá trị hiển thị với mục đích tham khảo.

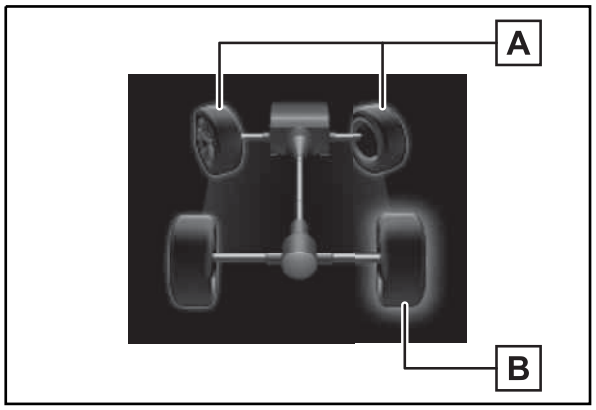
- Tốc độ trung bình của xe: Hiển thị tốc độ xe trung bình của xe kể từ khi màn hình được đặt lại*
- Quãng đường: Hiển thị khoảng cách lái xe kể từ khi thông số này được đặt lại*
- Thời gian đã qua: Hiển thị thời gian đã trôi qua kể từ khi màn hình được đặt lại*

*: Để đặt lại, hãy hiển thị hạng mục cần đặt, sau đó ấn và giữ nút OK.

n Áp suất lốp (nếu có)

Hiển thị áp suất lốp của từng lốp. (→P.569)

n Màn hình điều khiển lực kéo



A Hiển thị hướng của lốp trước

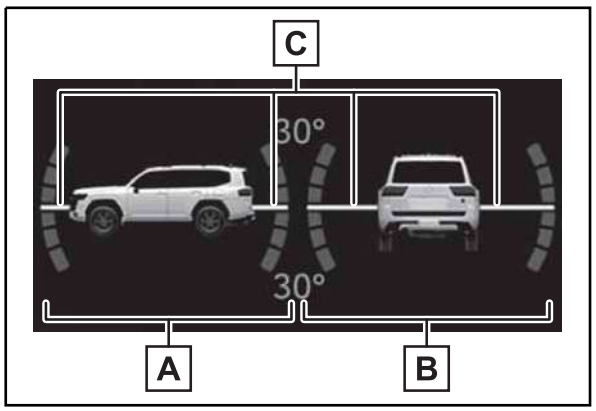
Hiển thị mức độ hoạt động và chiều của vô lăng thông qua sự thay đổi của các lốp trước trên màn hình

B Hiển thị bánh xe quay trơn

Khi một lốp xe đang quay trơn, biểu tượng của nó trên màn hình sẽ thay đổi màu sắc và nhấp nháy.

n Hiển thị góc nghiêng và lật (Hiển thị đồng hồ đo độ nghiêng)

Hiển thị góc nghiêng so với phương thẳng đứng và phương ngang của xe.



A Đánh dấu độ nghiêng về phía trước và phía sau của xe

Cho biết độ nghiêng của xe về phía trước và phía sau.

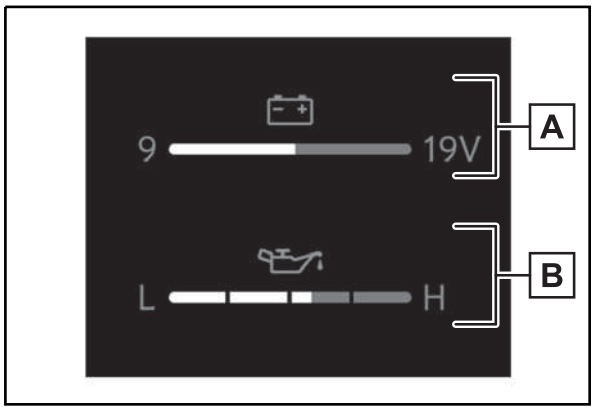
B Đánh dấu độ nghiêng sang trái và sang phải

Cho biết độ nghiêng của xe về phía bên trái và bên phải.

C Điểm cân bằng

Cho biết độ nghiêng của xe so với đường song song.

n Đồng hồ đo phụ trợ



A Đồng hồ đo điện áp

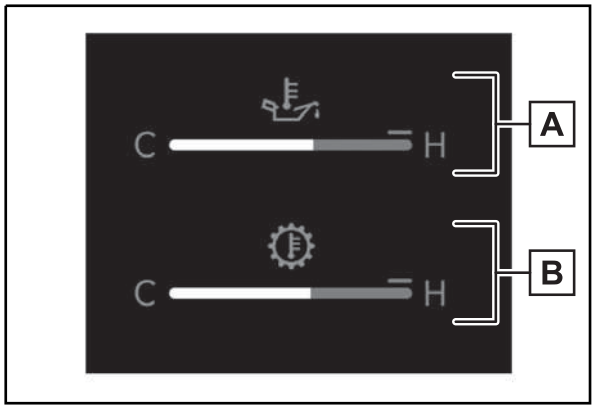
Hiển thị tình trạng nạp.

B Đồng hồ đo áp suất dầu động cơ

Hiển thị áp suất dầu động cơ. Chuông báo sẽ kêu và thông điệp cảnh báo sẽ được hiển thị khi áp suất dầu thấp. (→P.603)

Màn hình này được dùng với mục đích chỉ dẫn. Tùy thuộc vào các yếu tố khác như điều kiện mặt đường, nhiệt độ và tốc độ của xe mà màn hình này có thể sẽ không thể hiện đúng tình trạng thực tế của xe.

n Đồng hồ báo nhiệt độ dầu động cơ (nếu có)/đồng hồ báo nhiệt độ dầu hộp số



A Đồng hồ báo nhiệt độ dầu động cơ (nếu có)

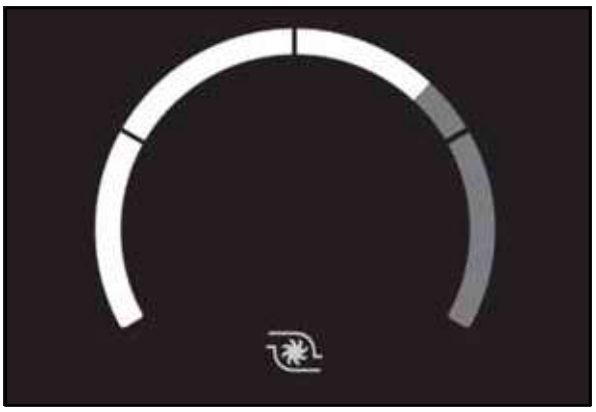
Hiển thị nhiệt độ dầu động cơ. Hiển thị sẽ nháy nếu nhiệt độ dầu động cơ vượt quá 140 ●C (284 ●F).

B Đồng hồ nhiệt độ dầu hộp số

Hiển thị nhiệt độ dầu hộp số.

n Đồng hồ tăng áp (nếu có)

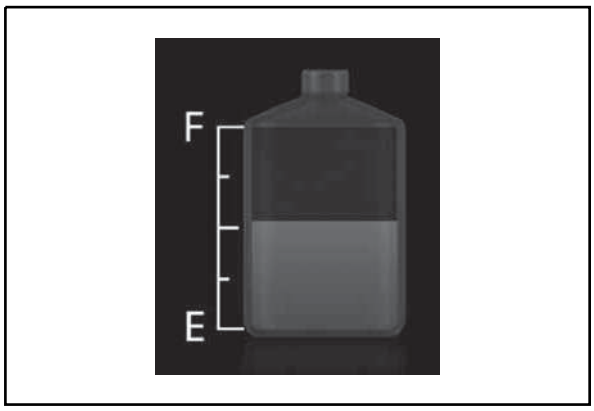
Hiển thị áp suất tăng áp.



Màn hình này được dùng với mục đích chỉ dẫn. Tùy thuộc vào các yếu tố khác như điều kiện mặt đường, nhiệt độ và tốc độ của xe mà màn hình này có thể sẽ không thể hiện đúng tình trạng thực tế của xe.

n Đồng hồ đo AdBlue™ (nếu có)

Hiển thị lượng dung dịch AdBlue™ còn lại trong bình nhiên liệu. (→P.562)



CHÚ Ý

n Đồng hồ đo điện áp

Khi đồng hồ đo điện áp chỉ mức điện áp từ 19 V trở lên hoặc từ 9 V trở xuống trong khi động cơ đang chạy, thì ắc quy hoặc hệ thống nạp có thể đã bị trục trặc. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

Màn hình cài đặt

Có thể thay đổi các đặt xe và nội dung được hiển thị trên màn hình bằng các nút của điều khiển đồng hồ táp lô.

n Quy trình cài đặt

1 Ấn nút ^ hoặc v của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô và chọn ⚙.

2 Ấn nút < hoặc nút > của cụm công tắc điều khiển đồng hồ táp lô và chọn mục cần điều khiển.

- Nếu bật và tắt một chức năng

hoặc điều chỉnh âm lượng… trên màn hình cài đặt, thì cài đặt đó sẽ thay đổi mỗi khi ấn nút OK .

- Đối với các chức năng cho phép các nội dung hoạt động, nội dung hiển thị, v.v.. của chức năng đã chọn, màn hình cài đặt sẽ được hiển thị bằng cách ấn và giữ OK. Khi màn hình cài đặt được hiển thị, bạn có thể chọn một cài đặt hoặc một giá trị mong muốn (thời gian…) bằng cách bấm nút OK.

3 Sau khi thay đổi các cài đặt, hãy ấn nút ⮌ trên cụm nút điều khiển đồng hồ táp lô.

n **Cài đặt đồng hồ (nếu có) (→P.96)**

Chọn để cài đặt đồng hồ.

n **Điều chỉnh độ sáng đồng hồ táp lô (→P.97)**

Điều chỉnh độ sáng của đèn đồng hồ.

n **LDA (Cảnh báo lệch làn) (nếu có) (→P.291)**

Chọn để cài đặt các mục sau.

- Bật/tắt Cảnh báo đi lệch làn đường

Chọn để bật/tắt hệ thống cảnh báo lệch làn.

- "Alert Options"

Chọn để thiết lập kiểu cảnh báo.

- "T.gian C.báo"

Chọn để thiết lập thời gian cảnh báo.

n **Hệ thống cảnh báo tiền va chạm (PCS) (nếu có) (→P.277)**

Chọn để cài đặt các mục sau.

- Bật/tắt PCS

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa hệ thống cảnh báo tiền va chạm

- "Warning timing"

Chọn để thay đổi thời điểm cảnh báo va chạm.

n **Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (nếu có) (→P.342)**

Chọn để cài đặt các mục sau.

- Bật/tắt cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota.

- “Âm lượng”

Chọn để cài đặt âm lượng của chuông báo khi chức năng cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota đang hoạt động.

n **RVAI (Thông báo xe phía sau đang tiếp cận) (nếu có) (→P.330)**

- Bật/tắt thông báo xe phía sau đang tiếp cận.

Chọn để bật/tắt thông báo xe phía sau đang tiếp cận.

- "Thời gian hỗ trợ"

Chọn để thay đổi thời điểm chỉ báo xe phía sau đang đến gần.

n RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) (nếu có) (→P.296)

Chọn để cài đặt các mục sau.

● Bật/tắt chức năng hỗ trợ nhận diện biển báo

Chọn để bật/tắt hệ thống RSA.

● “Phương pháp thông báo”

Chọn để thay đổi phương pháp thông báo được sử dụng để cảnh báo cho người lái biết khi hệ thống phát hiện được biển báo vượt quá tốc độ, cấm vượt và cấm vào.

● “Mức độ thông báo”

Chọn để thay đổi mỗi mức độ thông báo được sử dụng để cảnh báo cho người lái biết khi hệ thống phát hiện được biển hạn chế tốc độ.

n Các đặt xe

● Gợi ý tài xế nghỉ (nếu có)

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa Gợi ý nghỉ lái.

● DRCC

Chọn để cài đặt các mục sau.

• DRCC(RSA) (nếu có)

Chọn để bật/tắt chức năng điều khiển chạy tự động theo dõi ra đa động với chức năng hỗ trợ nhận diện biển báo.

• "Dung sai của giới hạn tốc độ" (nếu có)

Chọn để thay đổi tốc độ xe được đặt khi phát hiện biển hạn chế tốc độ.

• "Cài đặt gia tốc"

Chọn để thay đổi cài đặt cho khi xe tăng tốc đến khi đạt tốc độ đã thiết lập.

• "Cài đặt tốc độ"

Chọn để thay đổi mức tăng điều chỉnh tốc độ xe đã đặt.

• "Thông báo hướng dẫn"

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa hiển thị thông điệp chỉ dẫn.

• "Giảm tốc độ khi vào cua"

Chọn để thay đổi cài đặt chức năng giảm tốc độ khi vào cua. (→P.304)

● PBD (Cửa hậu điều khiển điện) (nếu có) (→P.143)

Chọn để cài đặt các mục sau.

• Các cài đặt hệ thống

Chọn để bật/tắt hệ thống cửa hậu điều khiển điện.

• “Điều chỉnh mở”

Chọn vị trí mở khi cửa hậu điều khiển điện được mở hoàn toàn.

• “Âm lượng”

Chọn để đặt âm lượng của chuông khi hệ thống cửa hậu điều khiển điện hoạt động.

● “TPWS” (Hệ thống cảnh báo áp suất lốp) (nếu có) (→P.569)

• "Chuyển Bộ Lốp"

Chọn để đăng ký bộ mã ID cảm biến của hệ thống cảnh báo áp suất lốp. (→P.575)

• "Quay vòng lốp"

Chọn để đăng ký vị trí của các bánh xe sau khi đảo lốp. (→P.571)

• "Cài đặt áp suất lốp"

Chọn để thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp của hệ thống cảnh báo áp suất lốp. (→P.573)

• "Cài đặt đơn vị áp suất"

Chọn để thay đổi hiển thị đơn vị đo.

● Bảo dưỡng dầu (nếu có) (→P.552)

Chọn để đặt lại bảo dưỡng dầu.

● Cài đặt của tôi (→P.196)

• “Cài đặt”

Chọn để cài đặt Cài đặt của tôi.

• Bật/tắt Cài đặt của tôi

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa chức năng Cài đặt của tôi

● Hệ thống xác thực vân tay (nếu có) (→P.77)

Chọn để đăng ký thông tin vân tay cho xe.

● Nhắc nhở ghế sau (→P.140)

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa chức năng nhắc nhở ghế sau.

n **Cài đặt**

● "Ngôn ngữ"

Chọn để thay đổi ngôn ngữ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

● “Đơn vị”

Chọn để thay đổi đơn vị đo mức tiêu hao nhiên liệu.

● Kiểu đồng hồ

Chọn để thay đổi kiểu đồng hồ.

● Kiểu mặt đồng hồ

Chọn để thay đổi kiểu mặt đồng hồ. (→P.98)

● ECO (Đèn chỉ báo lái Eco) (→P.106)

● (Các cài đặt của màn hình thông tin xe)

Chọn để cài đặt các mục sau.

• "Tiết kiệm nhiên liệu"

Chọn để thay đổi hiển thị trên Mức Tiết Kiệm Nhiên Liệu. (→P.106)

● (Cài đặt âm thanh)

Chọn để bật/tắt màn hình .

● (Các cài đặt màn hình thông tin xe)

• "Nội dung hiển thị"

Chọn để hiển thị các hạng mục sau đây.

• “Kiểu thông tin lái”

Chọn để đặt các hạng mục ở phía trên và phía dưới của màn hình thông tin lái xe từ ba hạng mục, tốc độ trung bình, quãng đường và thời gian tổng.

• “Hạng mục thông tin lái xe”

Chọn để đặt các hạng mục ở phía trên và phía dưới của màn hình thông tin chuyến đi từ ba hạng mục, tốc độ trung bình, quãng đường và thời gian tổng.

● Màn hình pop-up (nếu có)

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa các màn hình pop-up, màn hình có thể xuất hiện trong một số trường hợp.

● “MID TẮT”

Hiển thị màn hình trống

● “Cài đặt mặc định”

Hãy chọn mục này để đặt lại các cài đặt màn hình đồng hồ táp lô.

---

n **Tình trạng treo của màn hình cài đặt**

- Có một vài hạng mục không thể thay đổi cài đặt trong khi lái xe. Hãy dừng xe tại một địa điểm an toàn khi thay đổi các cài đặt.
- Nếu xuất hiện một thông điệp báo lỗi, hoạt động của màn hình cài đặt sẽ bị treo.
- Các cài đặt của những chức năng không được trang bị trên xe sẽ không được hiển thị.

l Khi tắt một chức năng, thì sẽ không thể chọn được các cài đặt liên quan chức năng đó.

CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi cài đặt màn hình**

Vì động cơ cần phải được để nổ máy trong khi cài đặt màn hình, do vậy hãy đảm bảo rằng xe đã được đỗ ở vị trí thông gió tốt. Trong khu vực kín, như ở gara, khí xả có chứa khí CO (cácbon mômôxít) độc hại có thể ngưng tụ và xâm nhập vào trong xe. Tình trạng này có thể gây tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe hoặc tử vong.

CHÚ Ý

n **Trong khi cài đặt màn hình**

Để tránh làm hết điện của ắc quy, hãy đảm bảo rằng động cơ đang chạy trong khi tiến hành cài đặt các tính năng hiển thị.

Màn hình thông điệp cảnh báo

Chọn để hiển thị các thông điệp cảnh báo và biện pháp khi phát hiện được lỗi. (→P.612)

Chức năng gợi ý

Hiển thị gợi ý cho người lái trong các tình huống sau. Để lựa chọn phản hồi cho gợi ý được hiển thị, hãy sử dụng các nút điều khiển trên đồng hồ táp lô.

n **Gợi ý để tắt các đèn pha**

Nếu đèn pha vẫn đang bật trong một thời gian nhất định sau khi tắt công tắc động cơ, một thông báo gợi ý sẽ xuất hiện.

n **Gợi ý đóng cửa sổ điện (liên kết với điều khiển cần gạt nước kính chắn gió)**

Nếu người lái điều khiển gạt nước kính chắn gió với cửa sổ điện đang mở, một lời gợi ý sẽ xuất hiện để hỏi bạn có muốn đóng cửa sổ điện không. Để đóng tất cả các cửa sổ điện, hãy chọn "Có".

n **Gợi ý đóng cửa các sổ điện (Lái xe ở tốc độ cao)**

Nếu tốc độ xe vượt quá một tốc độ đặt trước khi cửa sổ đang mở, một thông báo gợi ý sẽ xuất hiện để hỏi bạn việc đóng cửa sổ. Để đóng tất cả các cửa sổ, chọn nút “Có”.

n **Tùy chọn**

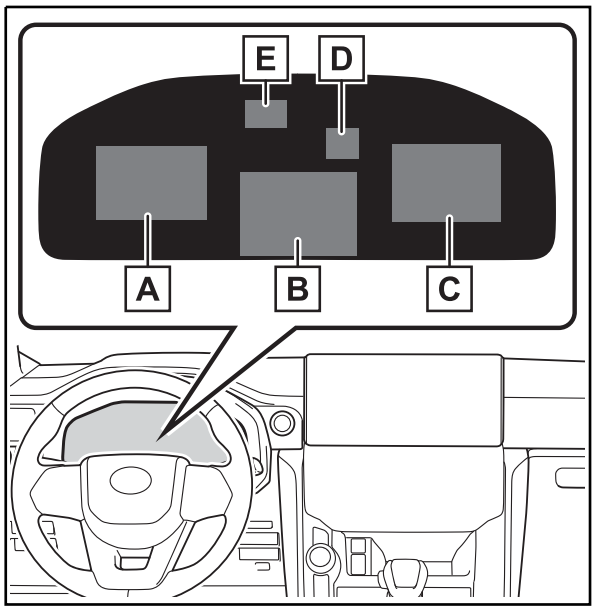
Bạn có thể bật hoặc tắt chức năng gợi ý. (Tính năng tùy chọn cá nhân: →P.669)

Màn hình đa thông tin (màn hình 12.3-inch)

Sử dụng màn hình đa thông tin để hiển thị những thông tin liên quan đến hiệu suất nhiên liệu và các kiểu thông tin liên quan đến lái xe khác nhau. Tương tự, có thể thay đổi các cài đặt hiển thị và các cài đặt khác trên màn hình đa thông tin.

Nội dung hiển thị

Tuân theo các thông tin trên màn hình đa thông tin.



A Vùng hiển thị nội dung (bên trái)

B Vùng hiển thị nội dung (ở giữa)

C Vùng hiển thị nội dung (bên phải)

D Vùng hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe

Khi hệ thống thông tin hỗ trợ lái xe được hiển thị trên vùng hiển thị nội dung, tình trạng hoạt động của hệ thống sẽ không được hiển thị trong vùng này.

E Vùng hiển thị RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) (nếu có) (→P.296)

n **Vùng hiển thị nội dung (ở giữa)**

- Để trống (→P.120)
- Hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe (→P.117)
- Hiển thị bản đồ (nếu có) (→P.118)
- Màn hình cài đặt (→P.120)
- Màn hình thông điệp cảnh báo (→P.125)

n **Vùng hiển thị nội dung (trái/phải)**

- Để trống (→P.120)
- Tiết kiệm nhiên liệu (→P.116)
- Đèn chỉ báo lái Eco (→P.117)
- Hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe (→P.117)
- Màn hình thông tin liên kết với hệ thống dẫn đường (nếu có) (→P.118)
- Màn hình liên kết với hệ thống âm thanh (→P.118)
- Hiển thị thông tin lái (→P.118)
- Áp suất lốp (nếu có) (→P.118)
- Điều khiển lực kéo (→P.119)
- Hiển thị góc nghiêng và lật

(Hiển thị đồng hồ đo độ nghiêng) (→P.119)

- Đồng hồ đo phụ trợ (→P.119)
- Đồng hồ báo nhiệt độ dầu động cơ (nếu có)/đồng hồ báo nhiệt độ dầu hộp số (→P.120)
- Đồng hồ tăng áp (nếu có) (→P.120)
- Màn hình AdBlue™ (nếu có) (→P.120)

n **Màn hình tinh thể lỏng**

Những đốm nhỏ hoặc đốm sáng có thể sẽ xuất hiện trên màn hình. Hiện tượng này là đặc tính thông thường của màn hình tinh thể lỏng, vì vậy bạn có thể yên tâm tiếp tục sử dụng màn hình.

n **Khi thay đổi chế độ lái**

Màu nền của màn hình đa thông tin được thay đổi theo chế độ lái đã chọn. (→P.436)

CẢNH BÁO

n **Lưu ý sử dụng trong khi lái xe**

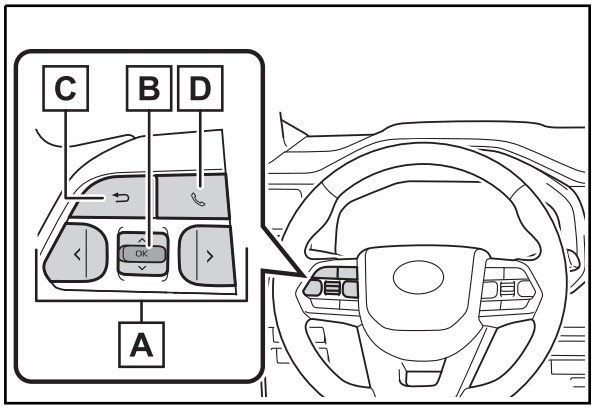
l Khi sử dụng màn hình đa thông tin khi đang lái xe, hãy để ý kỹ đến an toàn xung quanh xe.

l Không được nhìn liên tục màn hình đa thông tin trong khi lái xe bởi bạn có thể khó quan sát người đi bộ, vật thể trên đường … ở phía trước xe bạn.

n **Sử dụng màn hình thông tin ở nhiệt độ thấp**

→P.102

Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô



A ❮ / ❯: Thay đổi màn hình và di chuyển con trỏ lên/xuống

∧/∨: Thay đổi nội dung hiển thị và cuộn lên/xuống màn hình

B Ấn: Đi đến/Đặt
Ấn và giữ: Đặt lại

C Trở về màn hình trước đó

D Màn hình cuộc gọi đi/cuộc gọi đến và màn hình lịch sử

Liên kết với hệ thống rảnh tay, sẽ hiển thị được cuộc gọi đi hoặc cuộc gọi đến. Để biết thêm chi tiết về hệ thống rảnh tay, hãy tham khảo sách "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".

Thay đổi nội dung hiển thị

Người lái có thể điều khiển màn hình đa thông tin bằng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.

n **Thay đổi cài đặt kiểu hiển thị đồng hồ**

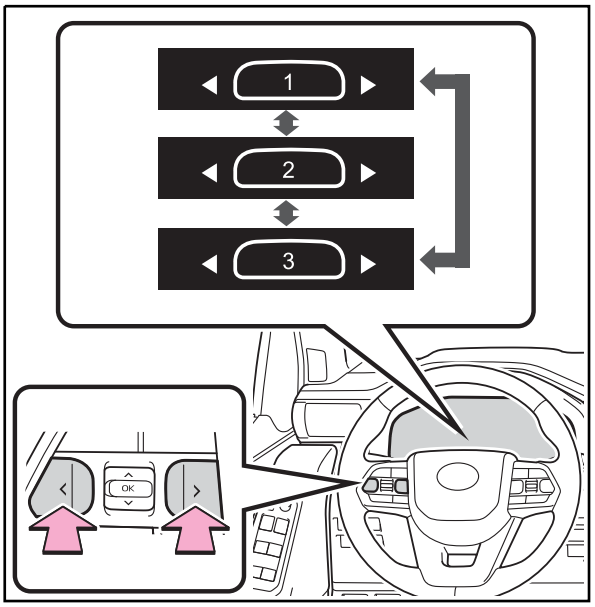
Cài đặt kiểu đồng hồ táp lô có

thể được thay đổi trên ⚙. (→P.120)

n Thay đổi màn hình

Chọn các hạng mục từ tổ hợp 3 màn hình để hiển thị trên mỗi vùng hiển thị nội dung.

Nhấn ❮ hoặc ❯ của công tắc điều khiển đồng hồ để cuộn màn hình.



n Thay đổi nội dung hiển thị

Chuyển các hạng mục hiển thị trên mỗi vùng hiển thị nội dung (bên trái/ở giữa/bên phải).

1 Ấn và giữ OK để hiển thị con trỏ trên vùng hiển thị nội dung (ở giữa).

2 Ấn ❮ hoặc ❯ để dịch chuyển con trỏ và chọn vùng hiển thị nội dung.

3 Ấn ^ hoặc v để chọn các hạng mục.

n Các hạng mục được hiển thị trong vùng hiển thị nội dung

Chọn để bật/tắt các hạng mục trên vùng hiển thị nội dung (trái/phải).

1 Ấn và giữ OK để hiển thị con trỏ trên vùng hiển thị nội dung (ở giữa).

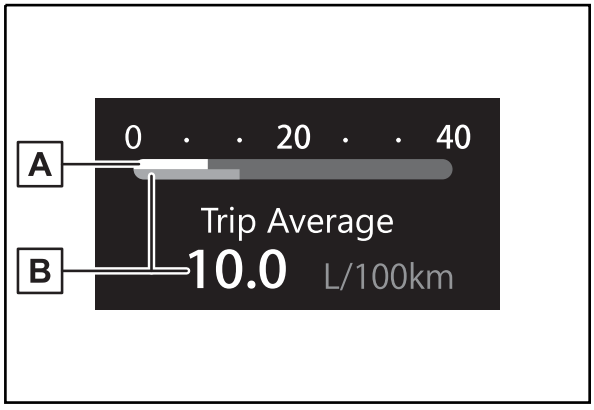
2 Ấn ❮ hoặc ❯ để dịch chuyển con trỏ và chọn vùng hiển thị nội dung.

3 Khu vực hiển thị nội dung (bên trái): Nhấn ❮ để hiển thị danh sách nội dung.
Khu vực hiển thị nội dung (bên phải): Nhấn ❯ để hiển thị danh sách nội dung.

4 Ấn ^ hoặc v để chọn các hạng mục.

5 Ấn OK để chọn các hạng mục bật/tắt.

Tiết kiệm nhiên liệu



A Mức tiết kiệm nhiên liệu hiện tại

Hiển thị quãng đường xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại.

B Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình

Hiển thị mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình từ khi chức năng được đặt lại hoặc mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình sau khi khởi động hoặc nạp nhiên liệu.*1, 2, 3

Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình được chọn bởi "Tiết kiệm nhiên liệu" trên màn hình ⚙ sẽ được hiển thị.

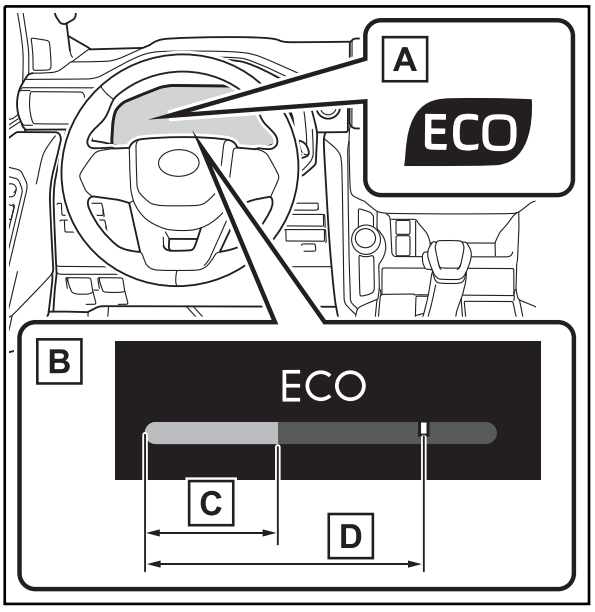
*1: Chỉ sử dụng mức tiêu hao nhiên liệu để tham khảo.

*2: Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình sau khi khởi động sẽ được đặt lại mỗi lần động cơ dừng.

*3: Có thể đặt lại mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình của xe bằng cách ấn và giữ vào nút OK.

Đèn chỉ báo lái Eco

n Đèn chỉ báo lái Eco



A Đèn chỉ báo lái Eco

Trong khi tăng tốc xe trong chế độ tiết kiệm nhiên liệu (lái Eco), đèn chỉ báo lái Eco sẽ bật sáng. Khi tăng ga vượt quá vùng lái Eco hoặc khi xe đang đỗ lại, đèn ECO sẽ tắt.

B Hiển thị vùng chỉ báo lái Eco

Gợi ý vùng lái Eco với tỷ lệ lái Eco hiện tại dựa trên quá trình tăng tốc.

C Tỷ lệ lái Eco dựa trên quá trình tăng tốc

Nếu tăng ga vượt quá vùng lái Eco, phía bên phải của màn hình vùng chỉ báo lái Eco sẽ sáng. Tại thời điểm này, đèn chỉ báo lái Eco sẽ tắt.

D Vùng lái Eco

n Đèn chỉ báo lái xe ECO sẽ không hoạt động khi

Đèn chỉ báo lái tiết kiệm nhiên liệu sẽ không hoạt động trong các điều kiện sau:

- Khi cần chuyển số không ở vị trí D.
- Cả chế độ lái bình thường và chế độ lái Eco đều không được chọn.
- Khi tốc độ xe đạt xấp xỉ từ 130 km/h trở lên.

Hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe

Có thể hiển thị trạng thái hoạt động của những hệ thống sau:

- LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có) (→P.286)
- LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn) (nếu có) (→P.291)
- Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có) (→P.298)

- Hệ thống điều khiển chạy tự động (→P.309, 313)

Hiển thị bản đồ (nếu có)

Hiển thị dữ liệu bản đồ theo hệ thống dẫn đường.
Chuyển đổi kích thước bản đồ hiển thị bằng cách nhấn OK.

Màn hình liên kết với hệ thống dẫn đường (nếu có)

Hãy chọn mục này để hiển thị các thông tin sau liên kết với hệ thống dẫn đường.

- Chỉ dẫn đường đi tới điểm đến
- Hiển thị la bàn

Hiển thị liên kết với hệ thống âm thanh (nếu có)

Các điều kiện hoạt động của hệ thống âm thanh có thể được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Hiển thị thông tin lái

n Thông tin lái

Có thể hiển thị theo chiều dọc 2 hạng mục đã chọn bằng việc cài đặt “Drive Info Items” (tốc độ trung bình và quãng đường).

Chỉ sử dụng các giá trị hiển thị với mục đích tham khảo.

- “Average Speed”: Hiển thị tốc độ trung bình của xe từ khi khởi động động cơ*
- "Quãng đường": Hiển thị quãng đường đã đi được kể từ khi khởi động động cơ*
- “Total Time”: Hiển thị thời gian đã trôi qua kể từ khi khởi động động cơ*

*: Những hạng mục sau đây sẽ được cài đặt lại mỗi lần động cơ dừng.

n Thông tin hành trình

Có thể hiển thị theo chiều dọc 2 hạng mục đã chọn bằng cách sử dụng cài đặt "Mục thông tin chuyến đi A" hoặc "Mục thông tin chuyến đi B" (tốc độ trung bình và quãng đường).

Chỉ sử dụng các giá trị hiển thị với mục đích tham khảo.

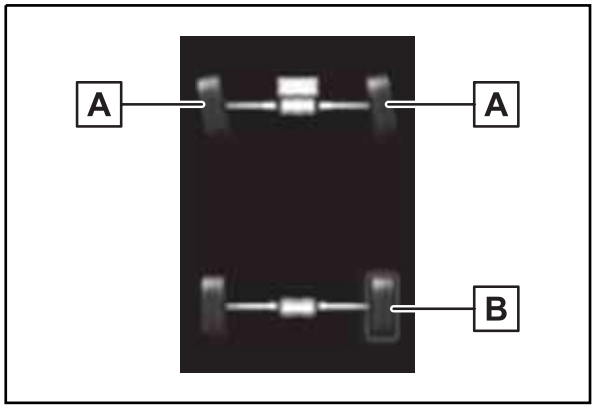
- "Tốc độ trung bình": Hiển thị tốc độ trung bình của xe kể từ khi màn hình được đặt lại*
- "Distance": Hiển thị quãng đường đã đi được kể từ khi màn hình được đặt lại*
- "Tổng thời gian": Hiển thị thời gian trôi qua kể từ khi màn hình được đặt lại*

*: Để đặt lại, hãy hiển thị hạng mục cần đặt, sau đó ấn và giữ nút OK.

Áp suất lốp (nếu có)

→P.569

Điều khiển lực kéo



A Hiển thị hướng của lốp trước

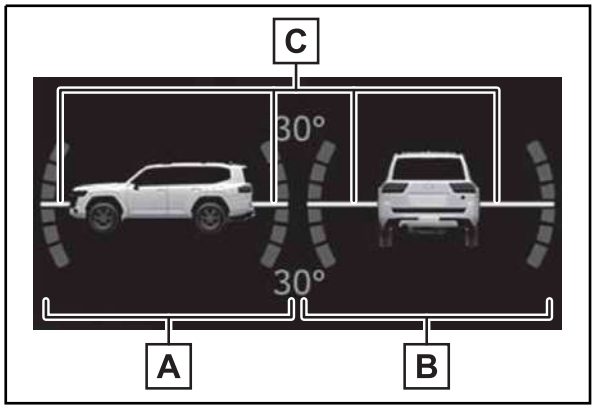
Hiển thị mức độ hoạt động và chiều của vô lăng thông qua sự thay đổi của các lốp trước trên màn hình

B Hiển thị bánh xe quay trơn

Khi một lốp xe đang quay trơn, biểu tượng của nó trên màn hình sẽ thay đổi màu sắc và nhấp nháy.

Hiển thị góc nghiêng và lật (Hiển thị đồng hồ đo độ nghiêng)

Hiển thị góc nghiêng so với phương thẳng đứng và phương ngang của xe.



A Đánh dấu độ nghiêng về phía trước và phía sau của xe

Cho biết độ nghiêng của xe về phía trước và phía sau.

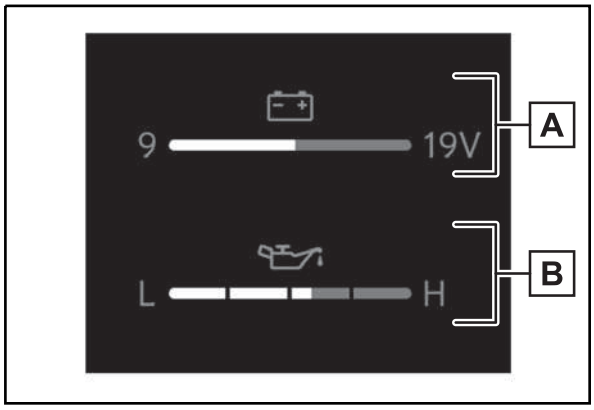
B Đánh dấu độ nghiêng sang trái và sang phải

Cho biết độ nghiêng của xe về phía bên trái và bên phải.

C Điểm cân bằng

Cho biết độ nghiêng của xe so với đường song song.

Đồng hồ đo phụ trợ



A Đồng hồ đo điện áp

Hiển thị tình trạng nạp.

B Đồng hồ đo áp suất dầu động cơ

Hiển thị áp suất dầu động cơ. Chuông báo sẽ kêu và thông điệp cảnh báo sẽ được hiển thị khi áp suất dầu thấp. (→P.603)

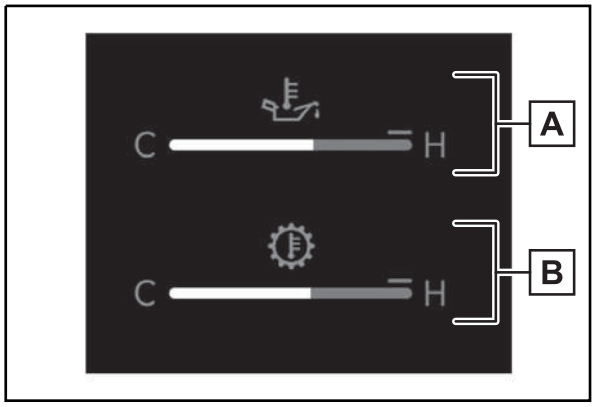
Màn hình này được dùng với mục đích chỉ dẫn. Tùy thuộc vào các yếu tố khác như điều kiện mặt đường, nhiệt độ và tốc độ của xe mà màn hình này có thể sẽ không thể hiện đúng tình trạng thực tế của xe.

CHÚ Ý

n **Đồng hồ đo điện áp**

Khi đồng hồ đo điện áp chỉ mức điện áp từ 19 V trở lên hoặc từ 9 V trở xuống trong khi động cơ đang chạy, thì ắc quy hoặc hệ thống nạp có thể đã bị trục trặc. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

Đồng hồ báo nhiệt độ dầu động cơ (nếu có)/đồng hồ báo nhiệt độ dầu hộp số



A Đồng hồ báo nhiệt độ dầu động cơ (nếu có)

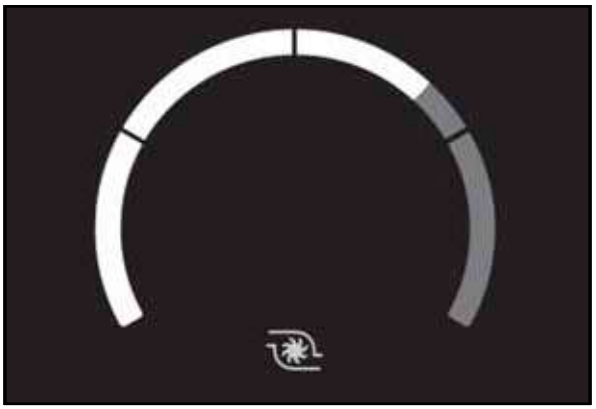
Hiển thị nhiệt độ dầu động cơ. Hiển thị sẽ nháy nếu nhiệt độ dầu động cơ vượt quá 140 ●C (284 ●F).

B Đồng hồ nhiệt độ dầu hộp số

Hiển thị nhiệt độ dầu hộp số.

Đồng hồ tăng áp (nếu có)

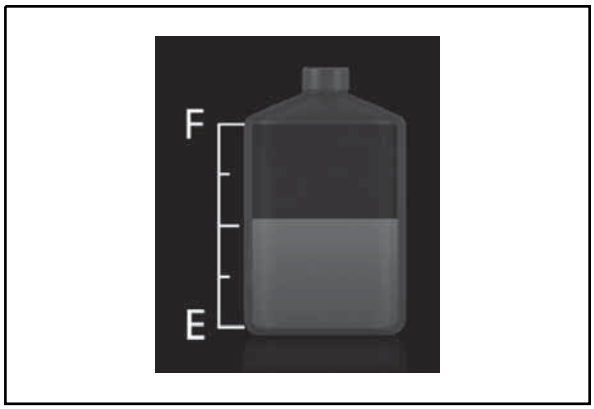
Hiển thị áp suất tăng áp.



Màn hình này được dùng với mục đích chỉ dẫn. Tùy thuộc vào các yếu tố khác như điều kiện mặt đường, nhiệt độ và tốc độ của xe mà màn hình này có thể sẽ không thể hiện đúng tình trạng thực tế của xe.

Đồng hồ đo AdBlue™ (nếu có)

Hiển thị lượng dung dịch AdBlue™ còn lại trong bình nhiên liệu. (→P.562)



Trống (Không có hạng mục nào)

Không hiển thị các thông tin lái xe trên màn hình đa thông tin.

Màn hình cài đặt

Có thể thay đổi các đặt xe và nội

dung được hiển thị trên màn hình bằng các nút của điều khiển đồng hồ táp lô.

n **Quy trình cài đặt**

1 Ấn OK để hiển thị con trỏ trên vùng hiển thị nội dung (ở giữa).

2 Ấn ∧ hoặc ∨ với con trỏ trên vùng hiển thị nội dung (ở trung tâm), sau đó chọn ⚙.

3 Ấn nút ∧ hoặc ∨ trên công tắc điều khiển đồng hồ táp lô và di chuyển con trỏ để chọn hạng mục cần thay đổi cài đặt.

Nếu chức năng được bật và tắt hoặc âm lượng, v.v., được thay đổi trên màn hình cài đặt, thì cài đặt sẽ thay đổi mỗi lần nút OK.

Đối với các chức năng cho phép các nội dung hoạt động, nội dung hiển thị, v.v.. của chức năng đã chọn, màn hình cài đặt sẽ được hiển thị bằng cách ấn và giữ OK. Khi màn hình cài đặt được hiển thị, bạn có thể chọn một cài đặt hoặc một giá trị mong muốn (thời gian…) bằng cách bấm nút OK.

4 Sau khi thay đổi các cài đặt, hãy ấn nút ⮌ trên cụm nút điều khiển đồng hồ táp lô.

n **Đồng hồ (nếu có) (→P.103)**

Chọn để cài đặt đồng hồ.

n **Điều chỉnh độ sáng đồng hồ táp lô (→P.104)**

Điều chỉnh độ sáng của đèn đồng hồ.

n **Màn hình trên kính chắn gió (nếu có) (→P.126)**

Chọn để thay đổi các cài đặt màn hình trên kính chắn gió.

n **LDA (Cảnh báo lệch làn) (nếu có) (→P.291)**

Chọn để cài đặt các mục sau.

- Bật/tắt Cảnh báo đi lệch làn đường

Chọn để bật/tắt hệ thống cảnh báo lệch làn.

- "Alert Options"

Chọn để thiết lập kiểu cảnh báo.

- "T.gian C.báo"

Chọn để thiết lập thời gian cảnh báo.

n **BSM (Theo dõi điểm mù) (nếu có) (→P.325)**

Chọn để cài đặt các mục sau.

- Bật/tắt BSM (theo dõi điểm mù)

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa hệ thống BSM

- "Thời gian hỗ trợ"

Chọn để thay đổi thời điểm cảnh báo có xe đang đến gần.

- "Độ sáng"

Chọn để thay đổi độ sáng của các đèn chỉ báo của gương chiếu hậu bên ngoài. (→P.325)

- "Buzzer alert"

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa cảnh báo chuông khi hệ thống BSM hoạt động.

n Hệ thống cảnh báo tiền va chạm (PCS) (nếu có) (→P.277)

Chọn để cài đặt các mục sau.

- Bật/tắt PCS

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa hệ thống cảnh báo tiền va chạm

- "Warning timing"

Chọn để thay đổi thời điểm cảnh báo va chạm.

n Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (→P.342)

Chọn để cài đặt các mục sau.

- Bật/tắt cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota.

- “Âm lượng”

Chọn để cài đặt âm lượng của chuông báo khi chức năng cảm biến hỗ trợ đỗ xe hoạt động (nếu có RCTA hoặc RCD).

n RCTA (cảnh báo có phương tiện chạy cắt ngang phía sau) (nếu có) (→P.348)

Chọn để cài đặt các mục sau.

- Bật/tắt hệ thống RCTA (cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau)

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa hệ thống RCTA.

- “Âm lượng”

Chọn để cài đặt âm lượng của chuông báo khi RCTA, RCD (nếu có) và cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota hoạt động.

n RVAI (Thông báo xe phía sau đang tiếp cận) (nếu có) (→P.330)

- Bật/tắt thông báo xe phía sau đang tiếp cận.

Chọn để bật/tắt thông báo xe phía sau đang tiếp cận.

- "Thời gian hỗ trợ"

Chọn để thay đổi thời điểm chỉ báo xe phía sau đang đến gần.

n Chức năng RCD (Phát hiện bằng camera phía sau) (nếu có) (→P.353)

Chọn để bật/tắt chức năng phát hiện camera phía sau.

n SEA (Hỗ trợ xuống xe an toàn) (nếu có) (→P.337)

Chọn để cài đặt các mục sau.

- Chức năng hỗ trợ xuống xe an toàn bật/tắt

Chọn để bật/tắt hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn.

- "Sensitivity"

Chọn để thay đổi thời điểm cảnh báo cho xe ô tô hoặc xe đạp.

- Đèn chỉ báo bật/tắt gương

Chọn để bật/tắt hiển thị gương chiếu hậu bên ngoài.

n RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) (nếu có) (→P.296)

- Bật/tắt chức năng hỗ trợ nhận diện biển báo

Chọn để bật/tắt chức năng RSA (Hỗ trợ Nhận Diện Biển Báo).

- “Phương pháp thông báo”

Chọn để thay đổi phương pháp thông báo được sử dụng để cảnh báo cho người lái khi hệ thống nhận ra tốc độ vượt quá và biển báo cấm vào.

● “Mức độ thông báo”

Chọn để thay đổi mỗi mức độ thông báo được sử dụng để cảnh báo cho người lái biết khi hệ thống phát hiện được biển hạn chế tốc độ.

n Các đặt xe

● Gợi ý tài xế nghỉ (nếu có) (→P.294)

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa Gợi ý nghỉ lái.

● DRCC (nếu có) (→P.298)

Chọn để cài đặt các mục sau.

• DRCC(RSA) (nếu có)

Chọn để bật/tắt chức năng điều khiển chạy tự động theo dõi ra đa động với chức năng hỗ trợ nhận diện biển báo.

• "Dung sai của giới hạn tốc độ" (nếu có)

Chọn để thay đổi tốc độ xe được đặt khi phát hiện biển hạn chế tốc độ.

• "Cài đặt gia tốc"

Chọn để thay đổi cài đặt cho khi xe tăng tốc đến khi đạt tốc độ đã thiết lập.

• "Cài đặt tốc độ"

Chọn để thay đổi mức tăng điều chỉnh tốc độ xe đã đặt.

• "Thông báo hướng dẫn"

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa hiển thị thông điệp chỉ dẫn.

• "Giảm tốc độ khi vào cua"

Chọn để thay đổi cài đặt chức năng giảm tốc độ khi vào cua. (→P.304)

● PBD (Cửa hậu điều khiển điện) (nếu có) (→P.143)

Chọn để cài đặt các mục sau.

• Các cài đặt hệ thống

Chọn để bật/tắt hệ thống cửa hậu điều khiển điện.

• “Rảnh tay”*

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa hệ thống mở cửa hậu rảnh tay

• “Điều chỉnh mở”

Chọn vị trí mở khi cửa hậu điều khiển điện được mở hoàn toàn.

• “Âm lượng”

Chọn để đặt âm lượng của chuông khi hệ thống cửa hậu điều khiển điện hoạt động.

*: Xe có cửa hậu điều khiển rảnh tay

● "Cài đặt TPWS" (Hệ thống cảnh báo áp suất lốp) (→P.569)

• "Chuyển Bộ Lốp"

Chọn để đăng ký bộ mã ID cảm biến của hệ thống cảnh báo áp suất lốp. (→P.575)

• "Quay vòng lốp"

Chọn để đăng ký vị trí của các bánh xe sau khi đảo lốp. (→P.571)

• "Cài đặt áp suất lốp"

Chọn để thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp của hệ thống cảnh báo áp suất lốp. (→P.573)

• "C.đặt ĐV áp suất"

Chọn để thay đổi hiển thị đơn vị đo.

● Bảo dưỡng dầu (nếu có)

Chọn để đặt lại bảo dưỡng dầu. (→P.552)

● Cài đặt của tôi (→P.196)

• Cài đặt

Chọn để thay đổi cài đặt cho hệ thống Cài đặt của tôi.

• Bật/tắt Cài đặt của tôi

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa hệ thống Cài đặt của tôi.

● Nhắc nhở ghế sau (→P.140)

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa chức năng nhắc nhở ghế sau.

n Cài đặt

● Ngôn ngữ

Chọn để thay đổi ngôn ngữ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

● Đơn vị đo

Chọn để thay đổi đơn vị đo mức tiêu hao nhiên liệu.

● Kiểu hiển thị đồng hồ

Chọn để thay đổi cài đặt kiểu đồng hồ.

● Kiểu đồng hồ

Chọn để thay đổi kiểu đồng hồ.

● Kiểu mặt đồng hồ

Chọn để thay đổi kiểu mặt đồng hồ. (→P.98)

● ECO (Đèn chỉ báo lái Eco) (→P.117)

Hãy chọn mục này để vô hiệu hóa/kích hoạt đèn chỉ báo lái Eco.

● Tiết kiệm nhiên liệu

Chọn để thay đổi hiển thị trên Mức Tiết Kiệm Nhiên Liệu. (→P.116)

● Thông tin lái xe

Chọn để thay đổi các mục hiển thị trên màn hình thông tin lái. (→P.118)

● Thông tin hành trình

Chọn để thay đổi các mục hiển thị trên màn hình thông tin chuyến đi. (→P.118)

● Màn hình pop-up (nếu có)

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa các màn hình pop-up, màn hình có thể xuất hiện trong một số trường hợp.

● Cài đặt mặc định

Hãy chọn mục này để đặt lại các cài đặt màn hình đồng hồ táp lô.

---

n Tình trạng treo của màn hình cài đặt

- Có một vài hạng mục không thể thay đổi cài đặt trong khi lái xe. Hãy dừng xe tại một địa điểm an toàn khi thay đổi các cài đặt.
- Nếu xuất hiện một thông điệp báo lỗi, hoạt động của màn hình cài đặt sẽ bị treo.
- Các cài đặt của những chức năng không được trang bị trên xe sẽ không được hiển thị.
- Khi tắt một chức năng, thì sẽ không thể chọn được các cài đặt liên quan chức năng đó.

⚠ CẢNH BÁO

n Lưu ý khi cài đặt màn hình

Vì động cơ cần phải được để nổ máy trong khi cài đặt màn hình, do vậy hãy đảm bảo rằng xe đã được đỗ ở vị trí thông gió tốt. Trong khu vực kín, như ở gara, khí xả có chứa khí CO (cácbon môônxít) độc hại có thể ngưng tụ và xâm nhập vào trong xe. Tình trạng này có thể gây tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe hoặc tử vong.

CHÚ Ý

n **Trong khi cài đặt màn hình**

Để tránh làm hết điện của ắc quy, hãy đảm bảo rằng động cơ đang chạy trong khi tiến hành cài đặt các tính năng hiển thị.

Màn hình thông điệp cảnh báo

Chọn để hiển thị các thông điệp cảnh báo và biện pháp khi phát hiện được lỗi. (→P.612)

Chức năng gợi ý

Hiển thị gợi ý cho người lái trong các tình huống sau. Để lựa chọn phản hồi cho gợi ý được hiển thị, hãy sử dụng các nút điều khiển trên đồng hồ táp lô.

n **Gợi ý để tắt các đèn pha**

Nếu đèn pha vẫn đang bật trong một thời gian nhất định sau khi tắt công tắc động cơ, một thông báo gợi ý sẽ xuất hiện.

n **Gợi ý đóng cửa sổ điện (liên kết với điều khiển cần gạt nước kính chắn gió)**

Nếu người lái điều khiển gạt nước kính chắn gió với cửa sổ điện đang mở, một lời gợi ý sẽ xuất hiện để hỏi bạn có muốn đóng cửa sổ điện không. Để đóng tất cả các cửa sổ điện, hãy chọn "Có".

n **Gợi ý đóng cửa các sổ điện (Lái xe ở tốc độ cao)**

Nếu tốc độ xe vượt quá một tốc độ đặt trước khi cửa sổ đang mở, một thông báo gợi ý sẽ xuất hiện để hỏi bạn việc đóng cửa sổ. Để đóng tất cả các cửa sổ, chọn nút "Có".

n **Tùy chọn**

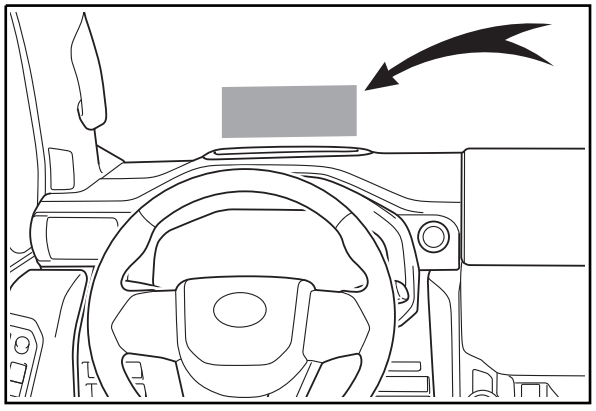
Có thể tùy chọn một số chức năng. (→P.669)

Màn hình trên kính chắn gió*

*: Nếu có

Màn hình trên kính chắn gió sẽ chiếu những thông tin khác nhau liên quan đến lái xe và tình trạng hoạt động của các hệ thống hỗ trợ lái trên kính chắn gió.

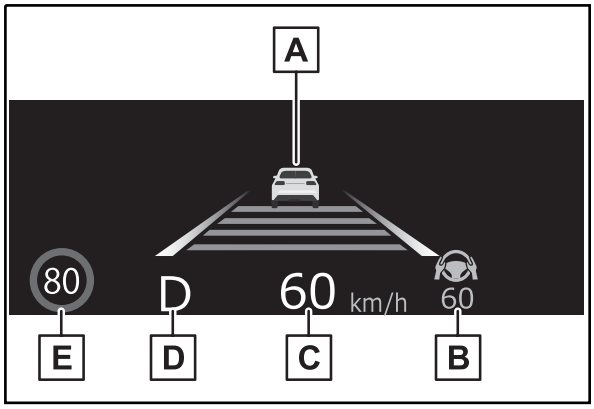
Các chi tiết của hệ thống



Có thể thay đổi cài đặt kiểu đồng hồ của màn hình trên kính chắn gió. (→P.120)

Nội dung hiển thị sẽ khác nhau tùy theo các điều kiện lái xe và chế độ hiển thị của màn hình trên kính chắn gió. Tùy thuộc vào tình huống, mà các màn hình pop-up cũng sẽ được hiển thị.

n **Đầy đủ**



Hình minh họa trong tài liệu này được sử dụng với mục đích tham khảo và hình ảnh này có thể khác so với hình ảnh thực tế trên màn hình trên kính chắn gió.

A Vùng hiển thị hệ thống hỗ trợ lái xe (nếu có) (→P.129)/Vùng hiển thị liên kết với hệ thống dẫn đường (nếu có) Vùng hiển thị đồng hồ vòng tua động cơ (→P.130)

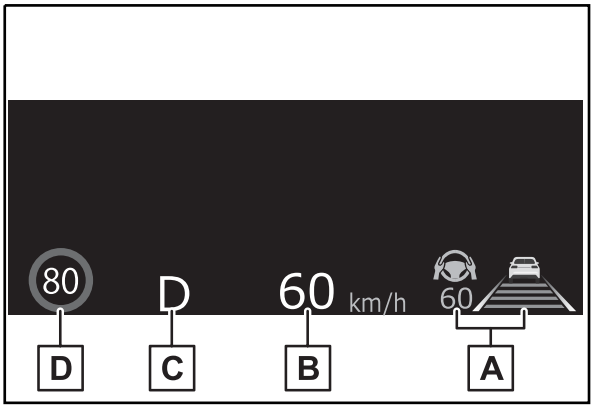
B Vùng hiển thị hệ thống hỗ trợ lái (nếu có) (→P.129)

C Đồng hồ tốc độ xe

D Vị trí số/dải số (→P.234)

E Hiển thị RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo trên đường) (nếu có) (→P.296)

n Tiêu chuẩn



Hình minh họa trong tài liệu này được sử dụng với mục đích tham khảo và hình ảnh này có thể khác so với hình ảnh thực tế trên màn hình trên kính chắn gió.

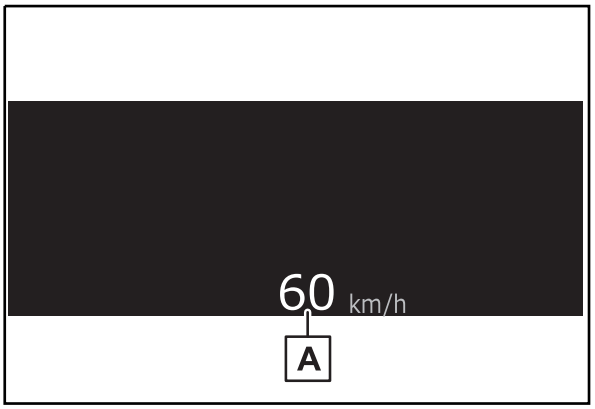
A Vùng hiển thị hệ thống hỗ trợ lái (nếu có) (→P.129)

B Đồng hồ tốc độ xe

C Vị trí số/dải số (→P.234)

D Hiển thị RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo trên đường) (nếu có) (→P.296)

n Tối thiểu



A Đồng hồ tốc độ xe

n Màn hình trên kính chắn gió sẽ hoạt động khi

Công tắc động cơ ở ON.

n Khi sử dụng màn hình trên kính chắn gió

Màn hình trên kính chắn gió có thể bị tối và khó nhìn khi nhìn qua kính râm, đặc biệt là kính râm dùng đi nắng. Hãy điều chỉnh độ sáng của màn hình trên kính chắn gió hoặc tháo kính râm.

n Hiển thị tên đường phố (nếu có)

Chỉ những con đường có trong dữ liệu bản đồ mới được hiển thị.

CẢNH BÁO

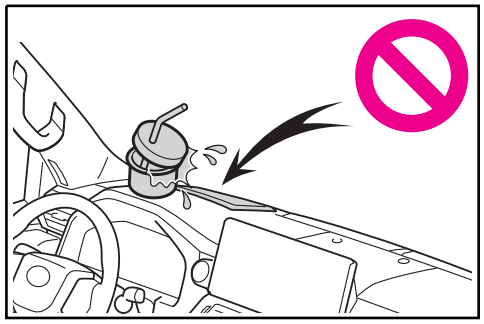
n Khi sử dụng màn hình trên kính chắn gió

- Kiểm tra rằng vị trí và độ sáng của hình ảnh trên màn hình trên kính chắn gió không ảnh hưởng đến việc lái xe an toàn. Điều chỉnh sai vị trí của ảnh hoặc độ sáng có thể làm ảnh hưởng tới khả năng quan sát của người lái và dẫn tới tai nạn, gây tử vong hay chấn thương nghiêm trọng
- Không được liên tục nhìn vào màn hình trên kính chắn gió trong khi lái xe, do bạn có thể sẽ không nhận ra người đi bộ, các vật thể trên đường… ngay phía trước xe của bạn.

CHÚ Ý

n Máy chiếu của màn hình trên kính chắn gió

- Không được để bất kỳ đồ uống gần máy chiếu của màn hình trên kính chắn gió. Nếu máy chiếu bị ẩm, sẽ xảy ra hư hỏng về điện.



- Không được đặt bất kỳ thứ gì trên hoặc dán trên máy chiếu của màn hình trên kính chắn gió. Nếu không có thể làm gián đoạn các chỉ báo trên màn hình đa thông tin.
- Không được chạm vào bên trong của máy chiếu của màn hình trên kính chắn gió hoặc để vật có cạnh sắc hay vật tương tự vào máy chiếu. Nếu không có thể làm hỏng máy chiếu.

Sử dụng màn hình trên kính chắn gió

n Thay đổi cài đặt của màn hình trên kính chắn gió

Có thể thay đổi các cài đặt sau đây ở ⚙ của màn hình đa thông tin. (→P.120)

- Bật/tắt màn hình trên kính chắn gió

Chọn để bật/tắt màn hình trên kính chắn gió

- Kiểu màn hình trên kính chắn gió

Chọn để thay đổi màn hình trên kính chắn gió. (→P.126)

- Độ sáng và vị trí thẳng đứng của màn hình trên kính chắn gió.

Chọn để điều chỉnh độ sáng hoặc vị trí thẳng đứng của màn hình trên kính chắn gió.

- Góc hiển thị

Chọn để điều chỉnh góc của màn hình trên kính chắn gió.

n Bật/tắt màn hình trên kính chắn gió

Nếu trước đó đã tắt màn hình trên kính chắn gió, thì nó sẽ tiếp tục ở trạng thái tắt khi tắt công tắc động cơ, sau đó bật ON.

n Độ sáng của màn hình

Có thể điều chỉnh được độ sáng của màn hình trên kính chắn gió trên ⚙ của màn hình đa thông tin. Ngoài ra, nó còn tự động điều chỉnh được theo độ sáng của môi trường xung quanh.

n Điều chỉnh vị trí tự động của màn hình trên kính chắn gió (nếu có)

Nếu vị trí hiển thị được ghi vào bộ nhớ, thì màn hình trên kính chắn gió sẽ được điều chỉnh đến vị trí mong muốn một cách tự động. (→P.191)

n Khi ngắt ắc quy

Cài đặt tùy chọn của màn hình trên kính chắn gió sẽ được đặt lại.

⚠ CẢNH BÁO

n Các lưu ý khi thay đổi cài đặt của màn hình trên kính chắn gió

Khi động cơ cần phải hoạt động trong khi thay đổi cài đặt của màn hình hiển thị trên kính chắn gió, hãy đảm bảo rằng xe đã được đỗ tại nơi có đủ thông gió. Trong khu vực kín như gara, khí thải bao gồm khí CO (cácbon mônôxit) độc hại có thể tụ lại và xâm nhập vào xe. Điều này có thể gây tử vong hoặc gây nguy hiểm cho sức khỏe nghiêm trọng.

⚠ CHÚ Ý

n Khi thay đổi cài đặt của màn hình trên kính chắn gió

Để tránh làm hết điện của ắc quy, hãy để động cơ hoạt động trong khi thay đổi các cài đặt của màn hình trên kính chắn gió.

Vùng hiển thị hệ thống hỗ trợ lái (nếu có)

Hiển thị trạng thái hoạt động của những hệ thống sau đây:

- LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (→P.286)
- LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn) (→P.291)
- Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa (→P.298)
- Hệ thống điều khiển chạy tự động (→P.309, 313)

Nội dung hiển thị chi tiết được hiển thị trên màn hình kính chắn gió có thể khác với các nội dung hiển thị trên màn hình đa thông tin. Để biết chi tiết, hãy tham khảo các giải thích của từng hệ thống.

Vùng hiển thị liên kết với hệ thống dẫn đường (nếu có)

Hiển thị các hạng mục sau được liên kết với hệ thống dẫn đường:

- Tên đường
- Chỉ dẫn đường đi tới điểm đến
- La bàn

Màn hình pop-up

Các màn hình pop-up cho các hệ thống sau đây sẽ được hiển thị khi cần thiết.

n Các hệ thống hỗ trợ lái xe

Hiển thị thông điệp cảnh báo/khuyến nghị/gợi ý hoặc tình trạng hoạt động của một hệ thống liên quan.

- PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm) (nếu có) (→P.277)
- LTA (Cảnh báo bám làn đường) (nếu có) (→P.286)
- LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn) (nếu có) (→P.291)
- Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có) (→P.298)
- Hệ thống điều khiển chạy tự động (→P.309, 313)
- PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) (nếu có) (→P.357)
- Hệ thống kiểm soát tăng ga ngoài ý muốn (→P.204)
- Điều khiển dẫn động - khởi động (→P.209)

Nội dung hiển thị chi tiết được hiển thị trên màn hình kính chắn gió có thể khác với các nội dung hiển thị trên màn hình đa thông tin. Để biết chi tiết, hãy tham khảo các giải thích của từng hệ thống.

n Thông điệp cảnh báo

Một vài thông điệp cảnh báo được hiển thị khi cần tùy theo các điều kiện nhất định.

Nội dung hiển thị chi tiết được hiển thị trên màn hình trên kính chắn gió có thể khác với các nội dung hiển thị trên màn hình đa thông tin.

n Trạng thái của hệ thống rảnh tay (nếu có)

Hiển thị khi hệ thống điện đàm rảnh tay đang hoạt động.

n **Khi màn hình pop-up được hiển thị**

Khi màn hình pop-up được hiển thị, màn hình hiện tại có thể không được hiển thị. Trong trường hợp này, màn hình hiển thị trở lại sau khi màn hình pop-up không hiển thị nữa.

Hiển thị đồng tốc độ động cơ

n **Đồng hồ tốc độ động cơ**

Hiển thị tốc độ vòng tua động cơ theo đơn vị số vòng/phút.

n **Đèn chỉ báo lái Eco**

Gợi ý vùng lái Eco với tỷ lệ lái Eco hiện tại dựa trên quá trình tăng tốc. Để biết thông tin chi tiết, hãy tham khảo P.117.

n **Màn hình trên kính chắn gió được hiển thị khi**

Công tắc động cơ ở ON.

n **Đồng hồ tốc độ động cơ được hiển thị khi**

Đồng hồ tốc độ động cơ được hiển thị khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Khi LTA (hỗ trợ bám làn đường), LDA (Cảnh báo lệch làn) và hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa được tắt.
- Chọn chế đầy đủ (→P.130) là kiểu màn hình trên kính chắn gió.
- Khi chọn chế độ lái xe khác chế độ lái Eco.

n **Đèn chỉ báo chế độ lái Eco được hiển thị khi**

- Khi LTA (hỗ trợ bám làn đường), LDA (Cảnh báo lệch làn) và hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa được tắt.
- Chọn chế đầy đủ (→P.130) là kiểu màn hình trên kính chắn gió.
- Khi chọn chế độ lái Eco.

Thông tin tiêu hao nhiên liệu*

*: Nếu có

Có thể hiển thị thông tin tiêu hao nhiên liệu ở màn hình hệ thống đa phương tiện.

Quy trình hiển thị

Nhấn trên menu chính, sau đó nhấn "Trip information" trên menu phụ.

Để biết thông tin chi tiết về màn hình đa phương tiện, tham khảo "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".

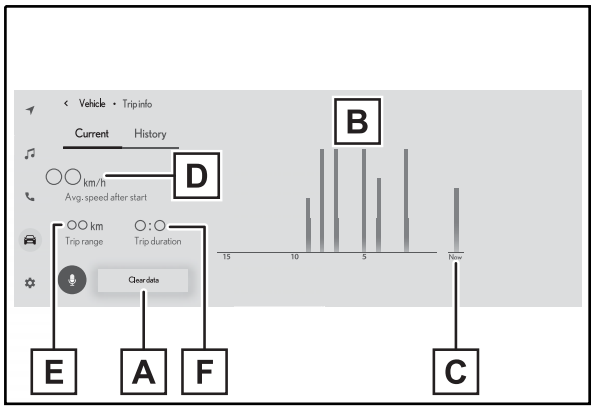
n Màn hình mức tiêu thụ nhiên liệu hiện tại

Nếu màn hình hiển thị khác màn hình tiêu thụ nhiên liệu hiện tại, nhấn "Hiện tại".

Chỉ số về mức tiêu hao nhiên liệu trung bình này chỉ có giá trị tham khảo.

Một số màn hình có thể thay đổi tùy thuộc vào loại màn hình đa phương tiện.

Hình ảnh chỉ là ví dụ, và có thể khác so với điều kiện thực tế.



A Đặt lại các dữ liệu mức tiêu hao nhiên liệu

B Mức tiết kiệm nhiên liệu trong 15 phút trước đó

C Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại

D Tốc độ trung bình của xe kể từ khi khởi động động cơ.

E Quãng đường xe có thể chạy được

F Thời gian trôi qua kể từ khi khởi động động cơ.

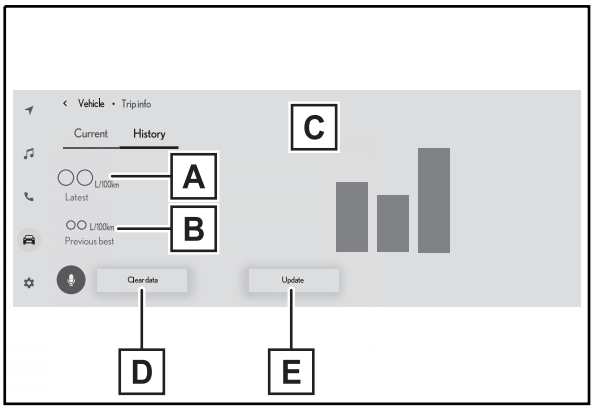
n Màn hình lịch sử

Nếu một màn hình khác màn hình lịch sử được hiển thị, nhấn "Lịch sử".

Chỉ số về mức tiêu hao nhiên liệu trung bình này chỉ có giá trị tham khảo.

Một số màn hình có thể thay đổi tùy thuộc vào loại màn hình đa phương tiện.

Hình ảnh chỉ là ví dụ, và có thể khác so với điều kiện thực tế.



A Mức tiêu hao nhiên liệu gần nhất

B Mức tiêu hao nhiên liệu tối ưu được ghi lại

C Dữ liệu mức tiêu hao nhiên liệu trước đó

D Đặt lại các dữ liệu mức tiêu hao nhiên liệu

E Cập nhật dữ liệu tiêu hao nhiên liệu gần nhất

---

n **Cập nhật dữ liệu ghi trong quá khứ**

Cập nhật tiêu hao nhiên liệu mới nhất bằng cách nhấn "Cập nhật" để đo lường lại lượng tiêu hao nhiên liệu hiện tại.

n **Đặt lại các dữ liệu**

Dữ liệu tiêu hao nhiên liệu có thể được xóa bằng cách nhấn "Xóa dữ liệu".

n **Quãng đường xe có thể chạy được**

Hiển thị khoảng cách tối đa ước tính mà xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại trong bình.

Khoảng cách này được tính toán dựa trên mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của xe. Do vậy quãng đường thực tế xe có thể chạy được có thể sẽ không giống với giá trị được hiển thị.

Trước khi lái xe

3

3-1. Thông tin về chìa khóa

Chìa khóa.....134

3-2. Mở, đóng và khóa cửa xe

Cửa bên 138

Cửa hậu 143

Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh 160

3-3. Điều chỉnh ghế

Ghế trước 166

Ghế sau 167

Tựa đầu.....176

3-4. Điều chỉnh vô lăng và gương

Vô lăng.....179

Gương chiếu hậu bên trong xe 181

Gương chiếu hậu bên ngoài xe 182

3-5. Mở và đóng cửa sổ và cửa sổ trời

Cửa sổ điện.....185

Cửa sổ trời 188

3-6. Cài đặt ưa thích

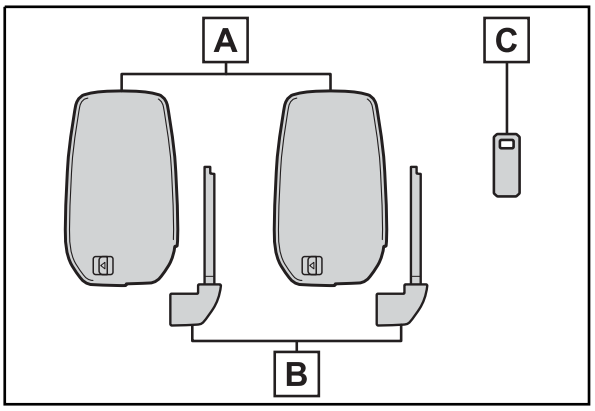
Nhớ vị trí lái.....191

Cài đặt của tôi.....196

Chìa khóa

Các loại chìa khóa

Những loại chìa khóa sau được cung cấp cùng với xe.



A Chìa khóa điện tử

- Sử dụng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (→P.160)
- Sử dụng chức năng điều khiển từ xa (→P.135)

B Chìa khóa cơ

C Tấm ghi số hiệu chìa

n Khi lên máy bay

Khi mang theo chìa khóa điện tử lên máy bay, hãy chắc chắn rằng bạn sẽ không ấn lên bất kỳ nút nào trên chìa khóa khi đang ở trong máy bay. Nếu bạn đang mang theo chìa khóa điện tử trong túi, hãy đảm bảo các nút trên chìa điện tử sẽ không bị vô tình đè phải. Nếu ấn nút, chìa khóa điện tử sẽ phát ra sóng radiô và nó có thể sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động của máy bay.

n Chìa khóa điện tử bị hết pin

- Tuổi thọ tiêu chuẩn của pin là từ 1 đến 2 năm.
- Nếu pin bị yếu điện, chuông cảnh báo trong cabin sẽ kêu khi tắt động cơ.
- Để giảm sự tiêu hao pin chìa khóa khi chìa không được sử dụng trong thời gian dài, hãy chuyển chìa về chế độ tiết kiệm pin. (→P.162)
- Do chìa khóa điện tử luôn thu sóng radiô, pin sẽ bị hết điện ngay cả khi không sử dụng chìa khóa điện tử. Những dấu hiệu sau chứng tỏ chìa khóa điện tử đã hết pin. Hãy thay pin nếu cần thiết.
  - Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh hoặc điều khiển từ xa không hoạt động.
  - Phạm vi phát hiện chìa bị thu hẹp hơn.
  - Đèn chỉ báo LED trên mặt chìa khóa không sáng.
- Bạn có thể tự thay pin chìa khóa (→P.582). Tuy nhiên, để tránh làm hỏng chìa khóa, chúng tôi khuyên bạn nên thay pin chìa khóa tại Đại lý Toyota.
- Để tránh cho pin hết điện nhanh, không được để chìa khóa điện tử ở trong khoảng cách 1 m so với các thiết bị có thể tạo ra từ trường như sau:
  - Ti vi
  - Máy tính cá nhân
  - Khi đang sạc điện thoại di động hoặc điện thoại không dây
  - Đèn bàn
  - Bếp từ
- Nếu để chìa điện tử ở gần xe hơn mức cần thiết, kể cả khi không sử dụng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh, thì pin của chìa khóa vẫn có thể hết điện nhanh hơn bình thường. Khi không sử dụng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh, chúng tôi khuyến nghị bạn không được để chìa khóa điện tử ở gần xe với thời gian dài nhiều hơn mức cần thiết.

n Nếu thông báo liên quan đến trạng thái của chìa khóa điện tử hoặc chế độ của công tắc động cơ ... được hiển thị

Nhằm tránh việc khóa chìa bên trong xe, rời khỏi xe mang theo chìa khóa theo người mà không tắt công tắc

động cơ (OFF) hoặc hành khách khác vô tình cầm chìa khóa ra khỏi xe, vv..., thì một thông báo sẽ xuất hiện để báo cho người sử dụng biết tình trạng của chìa khóa điện từ hoặc chế độ công tắc động cơ trên màn hình đa thông tin. Trong trường hợp này, ngay lập tức hãy tuân theo các hướng dẫn trên màn hình.

n **Nếu thông điệp "Pin chìa yếu Thay pin chìa" được hiển thị trên màn hình đa thông tin**

Chìa khóa điện tử có pin yếu. Hãy thay pin của chìa khóa điện tử. (→P.582)

n **Thay pin chìa khóa**

→P.582

n **Kiểm tra số chìa đã được đăng ký**

Có thể kiểm tra mã số chìa đã được đăng ký với xe của bạn. Hãy hỏi đại lý Toyota để biết cách thực hiện.

n **Nếu thông điệp "Chìa khóa mới đã được đăng ký Hãy liên hệ với đại lý" xuất hiện trên màn hình đa thông tin**

Thông báo này sẽ xuất hiện mỗi khi mở cửa người lái và các cửa được mở khóa từ bên ngoài xe trong khoảng 10 ngày sau khi chìa khóa mới đã được đăng ký.

Nếu thông báo này xuất hiện nhưng không có chìa điện tử mới nào đã đăng ký, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xem có chìa điện tử nào khác (ngoài chìa thuộc sở hữu của bạn) đã được đăng ký hay không.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng chìa khóa**

- Không đánh rơi chìa khóa, tránh tác dụng lực mạnh lên chìa khóa hoặc bẻ cong chìa khóa.
- Không để chìa ở nơi có nhiệt độ cao trong một thời gian dài.
- Không để chìa ở nơi ẩm ướt hoặc nhúng chìa vào máy có sóng siêu âm…
- Không gắn kim loại hoặc các vật liệu từ tính vào chìa khóa hoặc đặt chìa gần những vật liệu như vậy.
- Không tháo rời chìa khóa.
- Không gắn miếng dán hoặc bất cứ thứ gì lên bề mặt chìa khóa điện tử.
- Không để chìa khóa gần các đồ vật có từ trường, như ti vi, hệ thống âm thanh, bếp từ.
- Không để các chìa gần thiết bị điện tử y khoa như thiết bị trị liệu tần số thấp hoặc thiết bị sóng ngắn trị liệu và không khám bệnh khi mang chìa khóa theo người.

n **Hãy mang chìa khóa điện tử theo người**

Hãy để khoảng cách từ chìa khóa điện tử với các thiết bị điện tử đang hoạt động là 10 cm trở lên. Sóng radiô từ các thiết bị điện có thể làm chìa khóa hoạt động không chính xác khi các thiết bị này cách chìa trong khoảng 10 cm.

n **Trong trường hợp hệ thống mở khóa và khởi động thông minh có lỗi hoặc có vấn đề liên quan đến chìa**

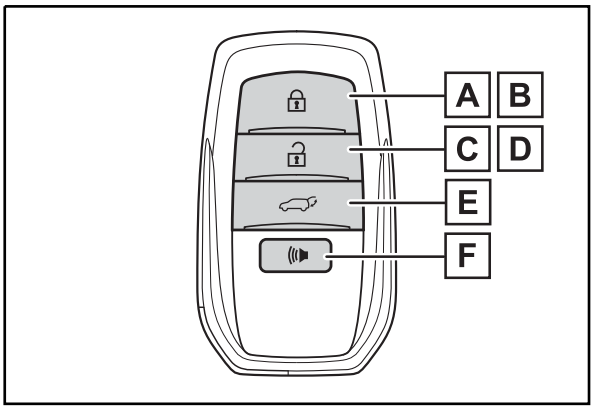
→P.633

n **Khi bị mất chìa khóa điện tử**

→P.632

Điều khiển từ xa

Chìa khóa điện tử được trang bị các chức năng điều khiển từ xa như sau:



A Khóa các cửa (→P.138)

B Đóng các cửa sổ và cửa sổ trời*1, 2 (→P.138)

C Mở khóa các cửa (→P.138)

D Mở các cửa sổ và cửa sổ trời*1, 2 (→P.138)

E Mở và đóng cửa hậu điều khiển điện*2 (→P.146)

F Kích hoạt báo động*2 (→P.136)

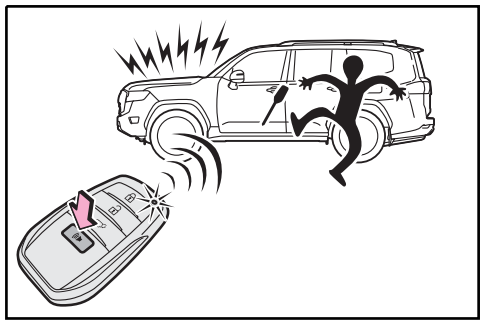
*1: Chỉ có thể thực hiện được những chức năng tùy chọn này tại đại lý Toyota.

*2: Nếu có

n Chế độ báo động (nếu có)

Khi ấn và giữ nút lâu hơn một giây, còi báo động sẽ kêu gián đoạn và đèn xe sẽ nháy để ngăn chặn bất cứ ai đang cố gắng đột nhập hoặc phá hoại xe của bạn.

Để ngừng báo động, hãy ấn vào một nút bất kỳ trên điều khiển từ xa.

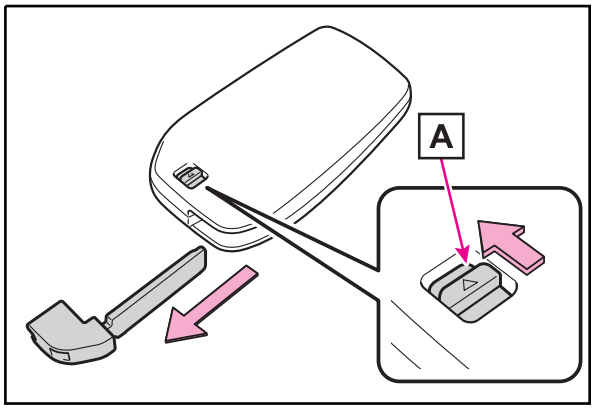


Sử dụng chìa khóa cơ

Để lấy chìa khóa cơ ra, hãy trượt lẫy nhả khóa A và lấy chìa ra.

Chìa khóa cơ chỉ có thể cắm vào ổ khóa theo một chiều, bởi các rãnh trên chìa được bố trí về một phía. Nếu bạn không thể cắm được chìa vào ổ khóa, hãy xoay chìa lại và thử lại.

Sau khi sử dụng chìa khóa cơ, hãy cất nó vào trong chìa khóa điện tử. Luôn mang chìa khóa cơ cùng với chìa khóa điện tử. Nếu chìa khóa điện tử bị hết pin hoặc chức năng vào xe không hoạt động chính xác, thì bạn sẽ cần dùng đến chìa khóa cơ. (→P.633)



n Khi cần đưa chìa khóa cho người trông xe

▶ Xe có hệ thống xác thực vân tay

Hãy khóa ngăn đựng găng tay (→P.497) nếu cần. Tháo chìa khóa cơ và chỉ đưa chìa khóa điện tử. Để khởi

động động cơ khi hệ thống xác thực vân tay đang bật, hãy chạm chìa khóa vào công tắc động cơ khi đang nhấn bàn đạp phanh, và sau đó ấn váo công tắc động cơ. (→P.634)

▶ Xe không có hệ thống xác thực vân tay

Hãy khóa ngăn đựng găng tay lại trong trường hợp cần. (→P.497)

Hãy tháo và giữ lại chìa khóa cơ để bạn sử dụng và chỉ đưa cho người trông xe chìa khóa điện tử.

n Nếu bạn đánh mất chìa khóa

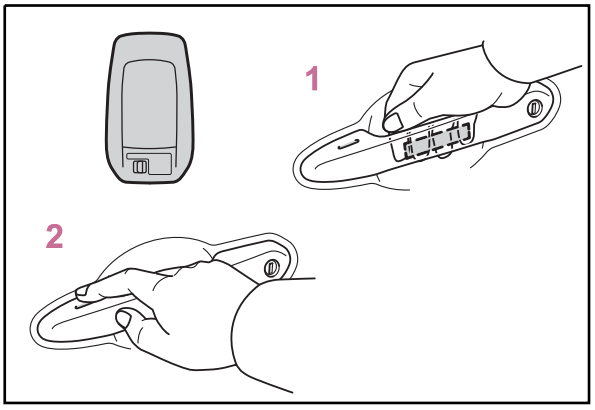
→P.632

Cửa bên

Mở khóa và khóa các cửa từ bên ngoài xe

n Sử dụng chức năng vào xe

Hãy mang theo chìa khóa điện tử để kích hoạt chức năng này.



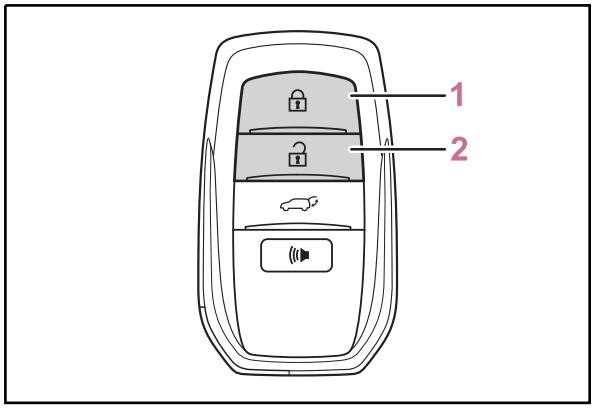
1 Nắm vào tay nắm cửa để mở khóa các cửa.

Hãy đảm bảo rằng bạn đã chạm vào cảm biến nằm ở phía sau của tay nắm cửa.
Các cửa sẽ không thể mở khóa trong khoảng 3 giây sau khi các cửa được khóa lại.

2 Hãy chạm vào cảm biến khóa (phần lõm vào ở phần phía trên hoặc phía dưới của tay nắm) để khóa các cửa.

Hãy xác nhận rằng cửa xe đã được khóa chắc.

n Sử dụng điều khiển từ xa



1 Khóa tất cả các cửa

Hãy xác nhận rằng cửa xe đã được khóa chắc.

Trên một số mẫu xe: Ấn và giữ để đóng các cửa sổ và cửa sổ trời (nếu có).*

2 Mở khóa tất cả các cửa

Trên một số mẫu xe: Ấn và giữ để mở các cửa sổ và cửa sổ trời (nếu có).*

*: Chỉ có thể thực hiện được những chức năng tùy chọn này tại đại lý Toyota.

n Chuyển đổi chức năng mở khóa cửa xe

Có thể cài đặt các cửa mà tính năng mở khóa vào xe sử dụng điều khiển từ xa. Thực hiện thao tác chuyển đổi trong xe hoặc trong khoảng cách xấp xỉ 1 m so với xe.

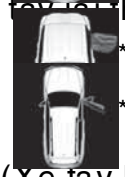
1 Tắt công tắc động cơ.

2 Xe có cảm biến xâm nhập: Hãy vô hiệu hóa cảm biến xâm nhập và cảm biến nghiêng của hệ thống báo động để tránh vô tình kích hoạt chuông báo động trong khi thay đổi cài đặt. (→P.75)

3 Khi đèn chỉ báo trên mặt chìa không sáng, hãy ấn và giữ , hoặc (nếu có)

khoảng 5 giây khi ấn và giữ .

Trạng thái cài đặt sẽ thay đổi mỗi khi bạn thực hiện quy trình trên, như trong bảng dưới đây. (Khi thay đổi cài đặt liên tục, hãy nhả nút, chờ ít nhất 5 giây và làm lại bước số **3**.)

Màn hình đa thông tin/Tiếng bíp	Chức năng mở khóa
 *1 *2 (Xe tay lái thuận)	Giữ tay nắm cửa phía người lái để mở khóa chỉ riêng cửa người lái.
 *1 *2 (Xe tay lái nghịch) Bên ngoài xe: Kêu bíp ba lần	Tất cả các cửa sẽ được mở khóa khi giữ vào tay nắm cửa phía hành khách.
 *1 *2 Bên ngoài xe: Kêu bíp hai lần	Giữ một tay nắm cửa bất kỳ để mở khóa tất cả các cửa.

*1: Xe có màn hình 7-inch

*2: Xe có màn hình 12.3-inch

Xe có hệ thống báo động: Để tránh vô tình kích hoạt báo động, hãy mở khóa các cửa xe bằng điều khiển từ xa và mở rồi đóng cửa một lần sau khi đã thay đổi các cài đặt. (Nếu một cửa bất kỳ không được mở ra trong vòng 30 giây sau khi ấn nút , thì các cửa sẽ được khóa lại và hệ thống báo động sẽ tự động được cài đặt.)

Trong trường hợp hệ thống báo động bị kích hoạt, hãy tắt báo động ngay lập tức. (→P.73)

n Hệ thống nhả khóa cửa khi phát hiện có va chạm (nếu có)

Trong trường hợp xe bị va chạm mạnh, tất cả các cửa xe sẽ được mở khóa. Tuy nhiên, tùy theo lực va chạm hay kiểu va chạm mà hệ thống có thể sẽ không hoạt động.

n Các tín hiệu hoạt động

Cửa xe: Chuông báo (nếu có) sẽ kêu và đèn nháy khẩn cấp sẽ nháy để chỉ ra rằng các cửa đã khóa/mở khóa (Đã khóa: Một lần; Mở khóa: Hai lần)

Các cửa sổ hoặc cửa sổ trời (nếu có): Chuông sẽ kêu để chỉ ra rằng các cửa sổ và cửa sổ trời đang hoạt động.

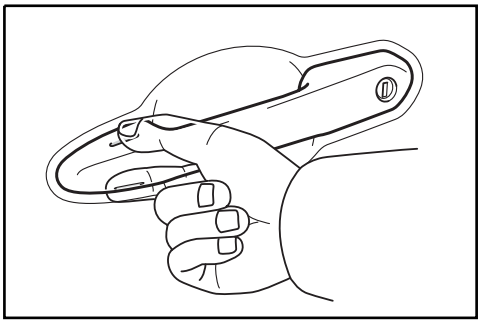
n Tính năng an ninh

Nếu không mở cửa nào trong thời gian khoảng 30 giây sau khi mở khóa xe, thì tính năng an ninh của xe sẽ tự động khóa cửa xe lại. (Tuy nhiên, tùy thuộc vào vị trí của chìa khóa điện tử, hệ thống có thể sẽ xác định là chìa khóa đang ở trong xe. Trong trường hợp này, xe có thể được mở khóa.)

n Khi không thể khóa cửa bằng cảm biến khóa cửa trên phần phía trên của tay nắm cửa

Nếu cửa không khóa lại khi đã chạm vào cảm biến phía trên tay nắm cửa, hãy thử chạm vào đồng thời khu vực cảm biến phía trên và phía dưới.

Khi đang đeo găng tay, hãy tháo găng tay.



n Chuông báo khóa cửa

Chuông báo kêu liên tục trong 5 giây trong các trường hợp sau đây. Hãy đóng hoàn toàn tất cả các cửa xe lại và khóa xe một lần nữa.

l Nếu cố gắng khóa các cửa bằng hệ

thống mở khóa và khởi động thông minh khi đang có một cửa đang mở.

- Nếu bạn cố khóa cửa xe bằng điều khiển từ xa khi vẫn có một cửa khác đang mở.

n Cài đặt báo động (nếu có)

Hệ thống báo động sẽ được cài đặt khi khóa các cửa. (→P.73)

n Điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống mở khóa và khởi động thông minh hoặc điều khiển từ xa

→P.162

n Nếu hệ thống mở khóa và khởi động thông minh hoặc điều khiển từ xa không hoạt động chính xác

- Sử dụng chìa khóa cơ để khóa và mở khóa các cửa. (→P.633)
- Hãy thay pin mới nếu nó đã bị hết điện. (→P.582)

n Nếu ắc quy bị hết điện

Cửa không thể khóa và mở khóa được bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh hoặc điều khiển từ xa. Hãy khóa hoặc mở khóa các cửa bằng chìa khóa cơ. (→P.633)

n Chức năng nhắc nhở ghế sau

Để nhắc nhở hành khách lần thứ nhất không bỏ quên hành lý... ở hàng ghế sau, khi người lái tắt công tắc động cơ sau khi đã thỏa mãn một trong điều kiện nào sau đây, thì chuông báo sẽ kêu và một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin trong khoảng 6 giây.

Ngoài ra, khi các cửa xe được khóa lại, thì chuông báo sẽ kêu và đèn nháy khẩn cấp sẽ nhấp nháy trong vài giây và một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin như lời nhắc thứ 2

- Khởi động động cơ trong vòng khoảng 10 phút sau khi mở và đóng một cửa sau.
- Mở một cửa sau và sau đó đóng lại sau khi khởi động động cơ.

Lời nhắc lần thứ hai sẽ không được kích hoạt nếu một cửa sau được mở ra trước khi khóa các cửa xe.

Tuy nhiên, nếu một cửa sau được mở ra và sau đó đóng lại trong vòng xấp xỉ 2 giây, chức năng nhắc nhở ghế sau có thể không hoạt động.

Chức năng nhắc nhở ghế sau xác định rằng hành lý, vv đã được đặt lên trên ghế sau dựa vào việc mở và đóng một cửa sau. Vì vậy, tùy thuộc vào tình huống, chức năng nhắc nhở ghế sau có thể không hoạt động và bạn vẫn có thể để quên hành lý, vv trên ghế sau, hoặc nó có thể hoạt động khi không cần thiết.

n Tùy chọn

Có thể thay đổi được các cài đặt (như chức năng mở khóa bằng chìa khóa). (Tính năng tùy chọn cá nhân: →P.675)

⚠ CẢNH BÁO

n Để tránh xảy ra tai nạn

Hãy tuân theo các lưu ý sau trong khi lái xe.
Nếu không cửa xe có thể sẽ bất ngờ mở ra và hành khách có thể sẽ bị văng ra ngoài xe dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- Hãy đảm bảo rằng tất cả các cửa xe đã được đóng và khóa lại đúng cách.
- Không được kéo tay nắm bên trong của các cửa khi đang lái xe. Hãy đặc biệt chú ý đến cửa của người lái và cửa của hành khách phía trước (chỉ cho một vài kiểu xe), do các cửa vẫn có thể mở được ngay cả khi nút khóa cửa bên trong xe đang ở vị trí khóa.
- Hãy đặt các lẫy khóa bảo vệ trẻ em trên cửa sau khi có trẻ em ngồi ở hàng ghế sau.

CẢNH BÁO

n **Khi mở hoặc đóng một cửa**

Kiểm tra xung quanh xe chẳng hạn như khi xe đang trên dốc nghiêng, hay xe có đủ không gian để mở cửa hay không hoặc gió thổi có mạnh không. Khi mở hoặc đóng cửa, hãy cầm chắc vào tay nắm cửa để chuẩn bị cho bất cứ tình huống dịch chuyển bất ngờ nào.

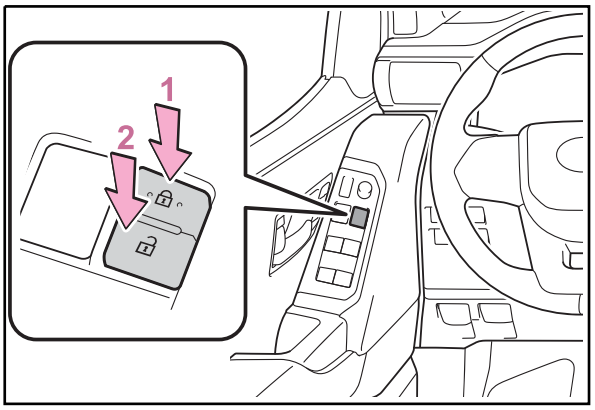
n **Khi sử dụng điều khiển từ xa và điều khiển các cửa sổ điện hoặc cửa sổ trời***

*: Nếu có

Hãy điều khiển cửa sổ điện hoặc cửa sổ trời sau khi xác nhận rằng không có bất cứ hành khách nào bị kẹp bởi cửa sổ hoặc cửa sổ trời. Đồng thời, không cho phép trẻ nghịch điều khiển từ xa. Nếu không, trẻ hoặc các hành khách khác có thể bị kẹp bởi cửa sổ điện hoặc cửa sổ trời.

Mở khóa và khóa các cửa từ bên trong xe

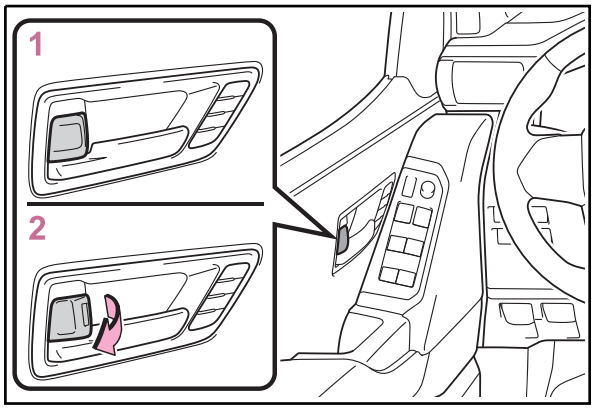
n **Sử dụng công tắc khóa cửa**



1 Khóa tất cả các cửa

2 Mở khóa tất cả các cửa

n **Sử dụng các nút khóa cửa bên trong xe**



1 Khóa cửa

2 Mở khóa cửa

Có thể mở cửa người lái và cửa hành khách phía trước (chỉ với một số kiểu xe) bằng cách kéo tay nắm cửa bên trong ngay cả khi nút khóa cửa bên trong xe đang ở vị trí khóa.

n **Khóa các cửa trước từ bên ngoài mà không dùng chìa**

1 Chuyển nút khóa cửa bên trong xe sang vị trí khóa.

2 Đóng cửa trong khi kéo tay nắm cửa.

Các cửa xe sẽ không thể khóa lại nếu công tắc động cơ đang ở vị trí ACC hoặc ON, hoặc chìa khóa điện đang ở trong xe.

Tuy nhiên, hệ thống có thể sẽ không phát hiện được chính xác chìa khóa và cửa xe có thể bị khóa lại.

n **Nếu biểu tượng một hoặc nhiều cửa đang mở xuất hiện trên màn hình đa thông tin**

Nắp capô hoặc có ít nhất một cửa chưa được đóng hoàn toàn. Hệ thống cũng sẽ chỉ ra cửa nào chưa được đóng lại hoàn toàn. Nếu xe đạt tới tốc độ 5km/h, chuông báo sẽ kêu để chỉ ra rằng cửa chưa được đóng lại hoàn toàn. Hãy chắc chắn rằng nắp capô và tất cả các cửa đã được đóng chặt.

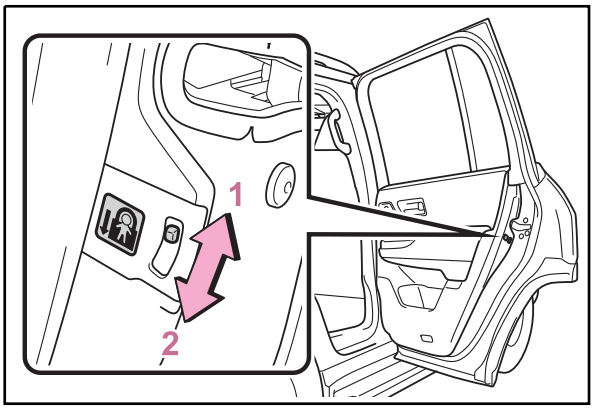
n **Khi tất cả các cửa được khóa lại bằng chức năng vào xe hoặc điều khiển từ xa**

l Không thể mở khóa các cửa bằng công tắc khóa cửa.

l Các công tắc khóa cửa có thể được cài đặt lại bằng cách mở khóa tất cả các cửa xe bằng chức năng vào xe hoặc điều khiển từ xa.

Cơ cấu khóa cửa bảo vệ trẻ em trên cửa sau

Bạn sẽ không thể mở cửa từ phía trong xe khi đã gài cơ cấu khóa này.



1 Mở khóa

2 Khóa

Bạn có thể gài cơ cấu khóa này để tránh trẻ em mở các cửa sau. Hãy đẩy công tắc cửa sau xuống để khóa cả hai cửa sau.

Hệ thống khóa và mở khóa cửa tự động (nếu có)

Bạn có thể đặt hoặc hủy các chức năng sau:

Để biết thông tin về cài đặt tùy chọn, hãy tham khảo P.675.

Chức năng	Hoạt động
Chức năng khóa cửa liên kết với tốc độ	Tất cả các cửa sẽ được khóa lại khi tốc độ xe đạt xấp xỉ từ 20 km/h trở lên.
Chức năng khóa cửa liên kết với vị trí chuyển số	Tất cả các cửa sẽ khóa lại khi chuyển cần số ra khỏi vị trí P.
Chức năng mở khóa cửa liên kết với vị trí chuyển số	Tất cả các cửa sẽ mở khóa khi chuyển cần số tới vị trí P.
Chức năng mở khóa cửa liên kết với cửa người lái	Tất cả các cửa sẽ mở khóa khi mở cửa người lái trong khoảng 45 giây sau khi tắt công tắc động cơ.

Cửa hậu

Có thể khóa/mở khóa cửa hậu và mở/đóng cửa hậu bằng các quy trình sau.

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Trước khi lái xe**

l Hãy đảm bảo rằng cửa hậu đã đóng chặt
Nếu cửa hậu chưa đóng chặt, cửa có thể bất ngờ mở ra trong khi lái xe và va vào các đối tượng ở gần hoặc các hành lý trong khoang hành lý có thể bị rơi ra ngoài đường, dẫn đến tai nạn.

l Không để trẻ em chơi ở trong khoang hành lý.
Nếu chẳng may trẻ bị khóa lại trong khoang hành lý, trẻ có thể sẽ bị kiệt sức do nóng hoặc các tổn thương khác.

l Không để trẻ mở hoặc đóng cửa hậu.
Nếu không, có thể sẽ làm cho cửa hậu dịch chuyển bất ngờ hoặc làm cho tay, đầu hoặc cổ của trẻ bị kẹp khi đóng cửa hậu.

n **Các điểm cần lưu ý khi lái xe**

l Luôn đóng chặt cửa hậu trong khi lái xe.
Nếu cửa hậu mở, nó có thể sẽ va vào các đối tượng khác ở gần khi đang lái xe hoặc hành lý trong xe có thể sẽ văng ra ngoài và gây ra tai nạn.

l Không bao giờ được để bất cứ ai ngồi trong khoang hành lý.
Nếu không khi phanh gấp, vào cua đột ngột hoặc bị va chạm, họ có thể sẽ bị tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

n **Khi thao tác với cửa hậu**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không bạn có thể sẽ bị cửa kẹp phải, dẫn đến bị tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

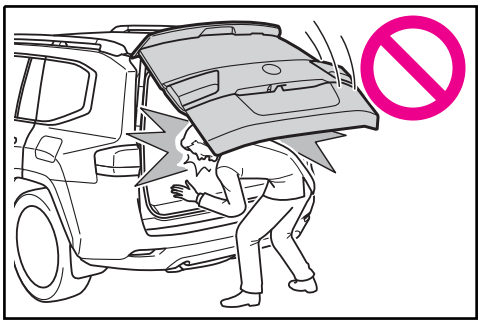
l Hãy gỡ bỏ mọi vật nặng như tuyết và băng giá ra khỏi cửa hậu trước khi mở cửa. Nếu không cửa hậu có thể sẽ bất ngờ sập xuống sau khi mở ra.

l Khi mở hoặc đóng cửa hậu, hãy kiểm tra kỹ khu vực xung quanh xem đã an toàn chưa.

l Nếu có người ở gần đó, hãy đảm bảo rằng họ đã an toàn và thông báo cho họ biết rằng bạn sắp đóng hoặc mở cửa hậu.

l Hãy lưu ý khi mở hoặc đóng cửa hậu khi trời có gió vì cửa hậu có thể dịch chuyển bất ngờ khi gió thổi mạnh.

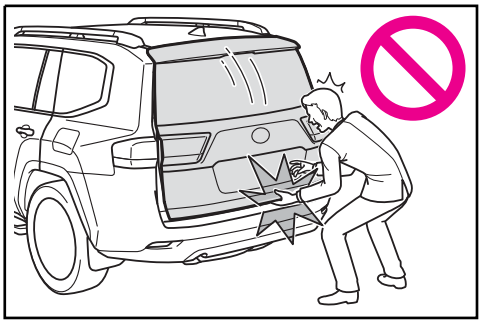
l Xe không có cửa hậu điều khiển điện: Cửa hậu có thể sẽ bất ngờ sập xuống nếu nó chưa được mở ra hết cỡ. Khi đỗ xe trên bề mặt không bằng phẳng, bạn sẽ khó mở hoặc đóng cửa hơn bình thường, do đó hãy cẩn thận để tránh làm cho cửa hậu bị bật ra hoặc sập xuống. Đảm bảo rằng cửa hậu đã mở hết cỡ và cố định chắc chắn trước khi sử dụng khoang hành lý.



- Xe có cửa hậu điều khiển điện: Cửa hậu có thể bất ngờ sập xuống nếu nó chưa được mở ra hết cỡ trong khi xe đang trên dốc nghiêng. Đảm bảo rằng cửa hậu đã cố định chắc chắn trước khi sử dụng khoang hành lý.

CẢNH BÁO

- Khi đóng cửa hậu, hãy đặc biệt chú ý để tránh cho các ngón tay, bàn tay... của bạn khỏi bị kẹp.



- Xe không có cửa hậu điều khiển điện: Khi đóng cửa hậu, hãy ấn nhẹ vào mặt ngoài của cửa hậu. Nếu sử dụng tay nắm cửa hậu để sập cửa hậu xuống, có thể sẽ làm cánh tay hay bàn tay của bạn bị kẹp.

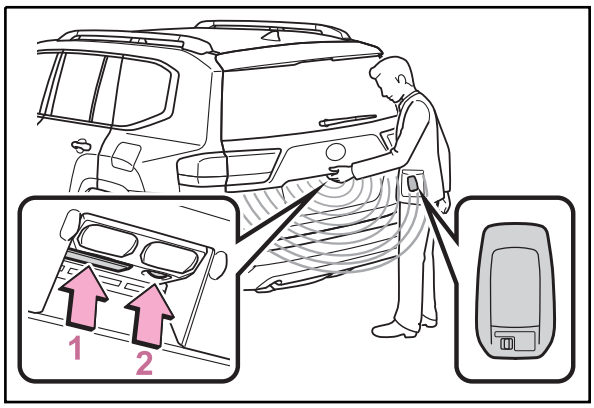
- Không được kéo thanh chống cửa hậu (xe không có cửa hậu điều khiển điện) (→P.146) hoặc thanh chống cửa hậu (xe có cửa hậu điều khiển điện). (→P.157) để đóng cửa hậu, và không được treo đồ vật lên thanh chống cửa hậu (xe không có cửa hậu điều khiển điện) hoặc thanh chống cửa hậu (xe có cửa hậu điều khiển điện).
  Nếu không sẽ làm kẹp tay hoặc làm cho thanh chống cửa hậu (xe không có cửa hậu điều khiển điện) hoặc trục quay của cửa hậu (xe có cửa hậu điều khiển điện) bị kẹt hoặc bị gẫy, dẫn đến tai nạn.

- Nếu lắp giá bắt xe đạp hoặc các vật tương tự lên cửa hậu, cửa hậu có thể sẽ bị sập xuống sau khi mở ra và làm kẹp tay, đầu hoặc cổ, dẫn đến chấn thương. Khi lắp các phụ kiện lên cửa hậu, chúng tôi khuyến nghị bạn hãy sử dụng các sản phẩm chính hiệu của Toyota.

Khóa và mở khóa cửa hậu từ bên ngoài

n Sử dụng chức năng vào xe

Hãy mang theo chìa khóa điện tử để kích hoạt chức năng này.



1 Mở khóa tất cả các cửa

Các cửa sẽ không thể mở khóa trong khoảng 3 giây sau khi các cửa được khóa lại.

2 Khóa tất cả các cửa

Hãy xác nhận rằng cửa xe đã được khóa chắc.

n Sử dụng điều khiển từ xa

→P.135

n Các tín hiệu hoạt động

→P.139

n Tính năng an ninh

→P.139

Khóa và mở khóa cửa hậu từ bên trong xe

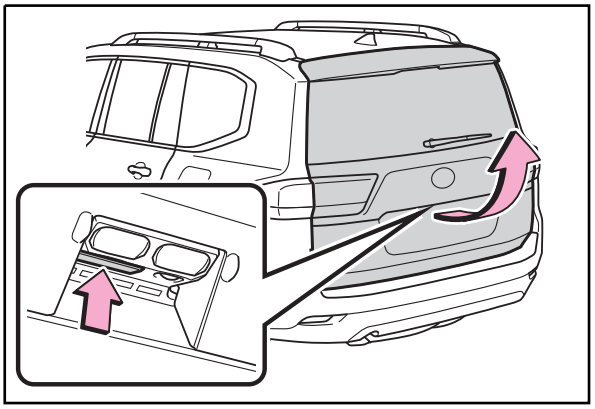
n Sử dụng công tắc khóa cửa

→P.141

Mở/đóng cửa hậu (xe không có cửa hậu điều khiển điện)

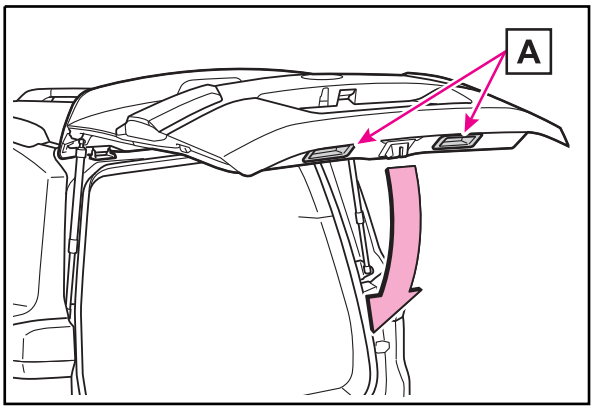
n Mở

Hãy nâng cửa hậu lên trong khi ấn vào công tắc của bộ mở cửa hậu để nhả khóa và mở cửa hậu.



n Đóng

Hãy hạ cửa hậu xuống bằng tay nắm cửa hậu A, sau đó ấn vào phía ngoài của cửa hậu xuống để chắc chắn đã đóng chặt cửa hậu.



n Đèn chiếu sáng khoang hành lý

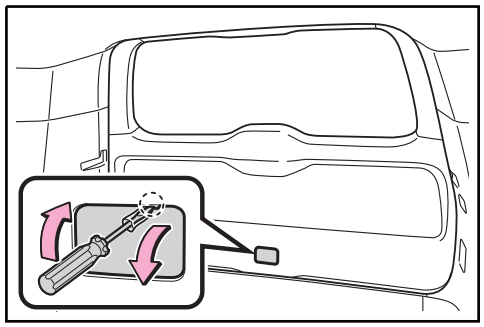
- Các đèn của khoang hành lý sẽ sáng khi cửa hậu được mở ra.
- Khi công tắc động cơ ở OFF, thì đèn sẽ tự động tắt sau 20 phút.

n Nếu bộ mở cửa hậu không hoạt động

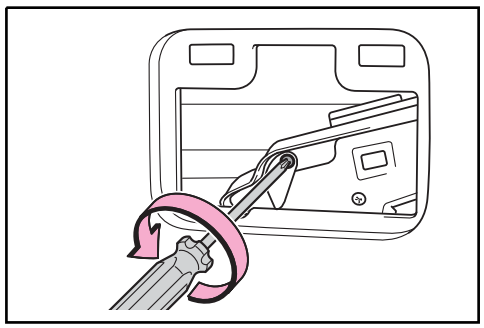
Cửa hậu có thể mở khóa được từ bên trong.

1 Tháo nắp che.

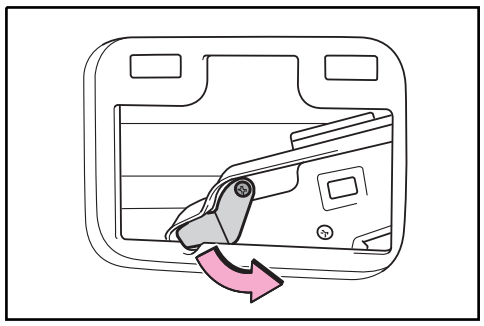
Để tránh hư hỏng, hãy dùng giẻ để bọc vào đầu tô vít.



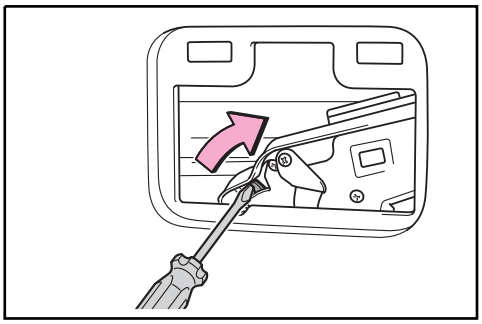
2 Nới lỏng vít



3 Lật nắp che.



4 Di chuyển lấy.

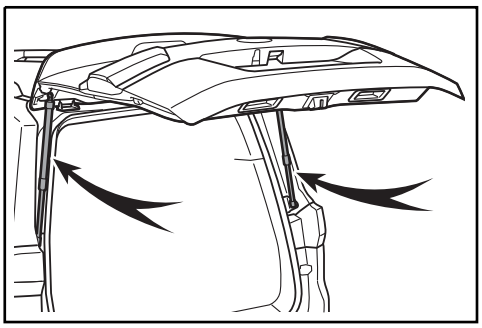


5 Khi lắp, hãy làm ngược lại với các bước kể trên.

⚠ CHÚ Ý

n **Thanh chống cửa hậu**

Cửa hậu của xe được trang bị các thanh chống để giữ cố định cửa hậu.
Hãy tuân theo các chú ý sau đây.
Nếu không, có thể sẽ làm hỏng thanh chống của cửa hậu.



- Không gắn các đồ vật như miếng dán, miếng nhựa hoặc băng dính vào thanh chống cửa hậu.
- Không chạm vào thanh chống khi đeo găng tay sợi hoặc các đồ vật làm từ vải sợi khác.
- Không gắn các phụ kiện không phải là sản phẩm chính hiệu của Toyota lên cửa hậu.
- Không đặt tay lên thanh chống cửa hậu hoặc tác dụng lực ngang lên nó.

Đóng/mở cửa hậu (xe có cửa hậu điều khiển điện)

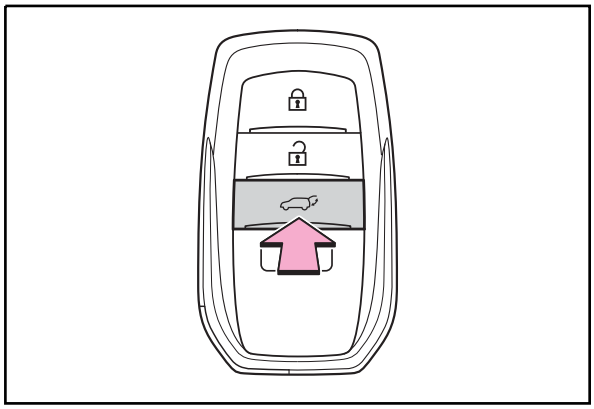
n **Sử dụng điều khiển từ xa**

Hãy ấn và giữ công tắc này.

Cửa hậu điều khiển điện sẽ tự động đóng/mở

Mở khóa cửa hậu trước khi điều khiển.

Nếu ấn công tắc này trong khi cửa hậu đang mở ra/đóng lại thì cửa hậu sẽ dừng lại. Khi ấn công tắc một lần nữa trong khi cửa hậu đang tạm dừng, cửa hậu sẽ di chuyển theo chiều ngược lại.



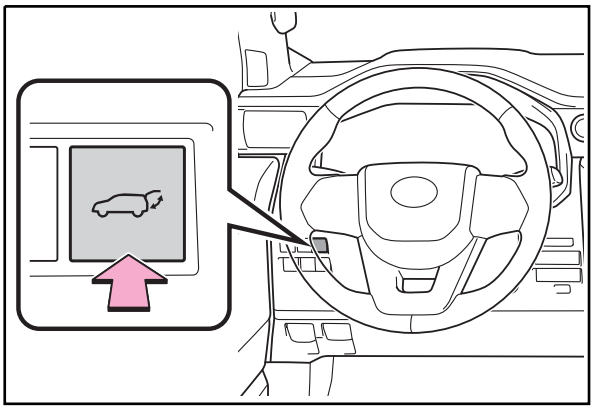
n **Sử dụng công tắc cửa hậu trên bảng táp lô**

Hãy ấn và giữ công tắc này.

Cửa hậu điều khiển điện sẽ tự động đóng/mở

Mở khóa cửa hậu trước khi điều khiển.

Nếu ấn công tắc này trong khi cửa hậu đang mở ra/đóng lại thì cửa hậu sẽ dừng hoạt động. Khi ấn và giữ công tắc một lần nữa trong khi cửa hậu đang tạm dừng, cửa hậu sẽ hoạt động ngược lại.



n Sử dụng các công tắc trên cửa hậu

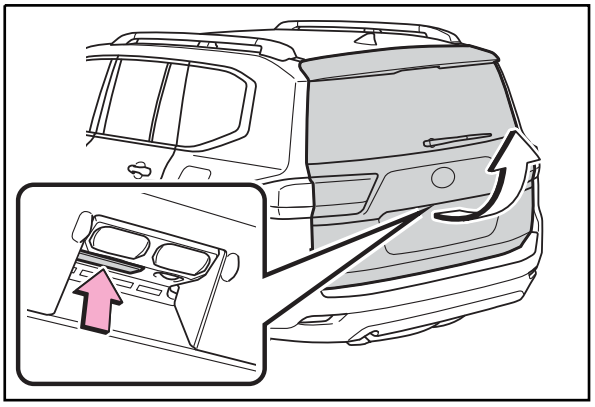
- Mở

Khi cửa hậu đã được mở khóa: Hãy ấn công tắc bộ mở cửa hậu.

Khi cửa hậu được mở khóa: Khi mang chìa điện tử theo người, ấn và giữ công tắc bộ mở cửa hậu.

Cửa hậu điều khiển điện sẽ tự động mở ra.

Nếu ấn công tắc này trong khi cửa hậu đang mở ra/đóng lại thì cửa hậu sẽ dừng hoạt động.

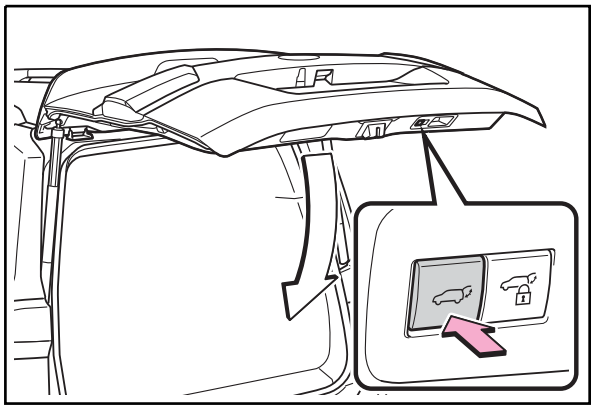


- Đóng

Ấn nút ở phần phía dưới của cửa hậu.

Cửa hậu điều khiển điện sẽ tự động đóng lại.

Ấn nút một lần nữa trong khi cửa hậu đang hoạt động sẽ dừng hoạt động. Khi ấn công tắc một lần nữa trong khi cửa hậu đang tạm dừng, cửa hậu sẽ hoạt động ngược lại.

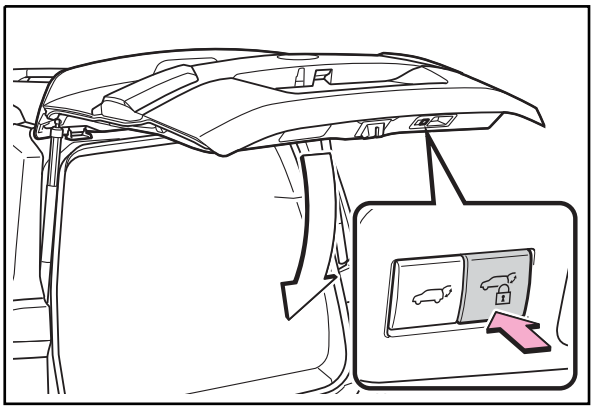


- Đóng cửa hậu và khóa tất cả các cửa (chức năng đóng và khóa)

Đóng tất cả các cửa trừ cửa hậu, mang theo chìa khóa điện tử và ấn nút ở phần phía dưới cửa hậu.

Chuông sẽ kêu với âm điệu khác hơn so với bình thường và cửa hậu sẽ tự động đóng lại. Tất cả các cửa, ngoại trừ cửa hậu sẽ được khóa lại, cửa hậu sau đó sẽ được khóa lại ngay khi nó được đóng lại. Các tín hiệu hoạt động sẽ chỉ ra rằng tất cả các cửa đã được đóng và khóa.

Ấn nút trong khi cửa hậu đang hoạt động sẽ dừng hoạt động của cửa hậu. Khi ấn công tắc một lần nữa trong khi cửa hậu đang tạm dừng, cửa hậu sẽ được đóng.

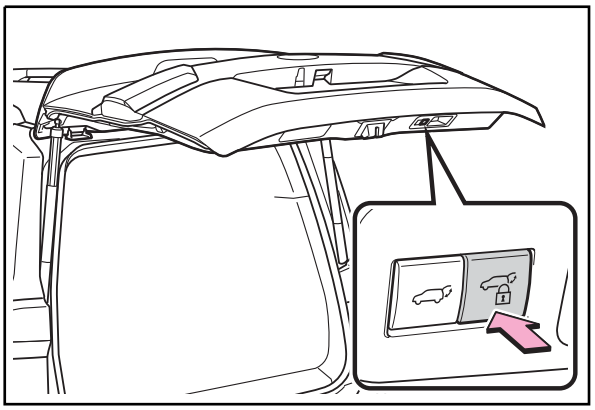


- Đóng cửa hậu và khóa tất cả cửa sau khi đi ra xa khỏi cửa hậu (chức năng đóng & khóa [Walk-Away]) *

*: Chỉ có thể thực hiện được những chức năng tùy chọn này tại đại lý Toyota.

1 Đóng tất cả các cửa trừ cửa hậu, mang theo chìa khóa điện tử và ấn nút ở phần phía dưới cửa hậu.

Chuông sẽ kêu với âm điệu khác hơn so với bình thường và chức năng đóng và khóa cửa hậu (Walk-Away) sẽ vào chế độ chờ.



2 Trong khi chuông báo đang kêu, hãy di chuyển ra xa cửa hậu.

Khi cảm biến phát hiện bạn đang di chuyển ra xa khỏi cửa hậu, chuông báo sẽ kêu và bộ nháy khẩn cấp (nếu có) sẽ nháy. Tùy vào hướng di chuyển ra xa cửa hậu của bạn, vị trí và cách giữ chìa khóa điện tử hoặc tình huống, nó có thể phát hiện không chính xác.

Tất cả các cửa khác trừ cửa hậu sẽ được khóa, và sau khi cửa hậu được đóng lại, cửa hậu cũng sẽ được khóa. Khi tất cả các cửa đã được đóng và khóa, chuông báo (nếu có) sẽ kêu và các bộ nháy khẩn cấp sẽ nháy.

Trạng thái chờ sẽ bị hủy nếu bạn không di chuyển ra xa khỏi cửa hậu trong 30 giây. Để kích hoạt lại chức năng này, hãy thực hiện lại quy trình từ đầu.

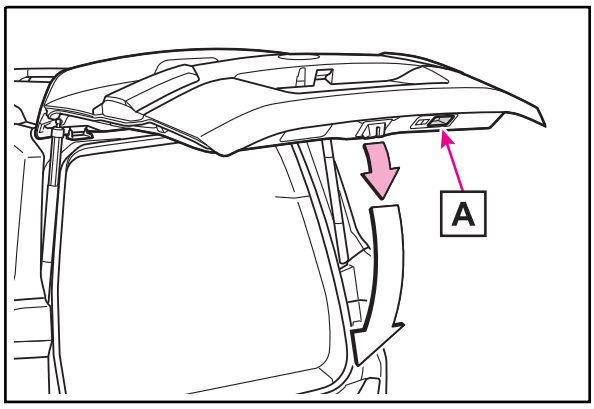
Nếu bạn tiến đến cửa hậu và mang theo chìa khóa điện tử, hoạt động cửa hậu sẽ dừng lại, tất cả các cửa sẽ được mở khóa, và chuông báo (nếu có) sẽ kêu và bộ nháy khẩn cấp sẽ nháy.

Nếu ấn nút sau khi hoạt động cửa hậu được dừng lại, chức năng đóng và khóa cửa hậu (Walk-Away) sẽ vào chế độ chờ.

n Sử dụng tay nắm cửa hậu

Hạ cửa hậu bằng thanh chống cửa hậu **A**.

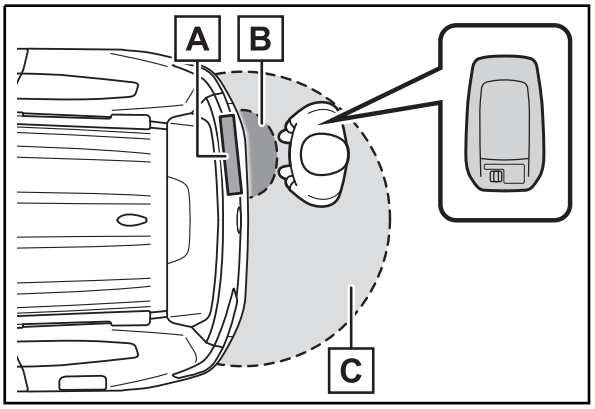
Chức năng hỗ trợ đóng cửa hậu (→P.152) sẽ được kích hoạt, và cửa hậu sẽ tự động đóng chặt lại.



n Sử dụng cảm biến đá chân (xe có cửa hậu điều khiển rảnh tay)

Cửa hậu điều khiển rảnh tay cho phép tự động mở và đóng cửa hậu bằng cách đặt chân gần phần dưới bên phải của cản sau và di chuyển ra xa cản sau. Khi sử dụng cửa hậu điều khiển rảnh tay, đảm bảo rằng công tắc động cơ ở OFF, chức năng cửa hậu điều khiển rảnh tay đã được kích hoạt và bạn đang mang theo chìa khóa điện tử.

1 Khi mang chìa khóa điện tử theo người, đứng trong khu vực hoạt động của hệ thống mở khóa và khởi động thông minh, cách cản sau khoảng từ 30 đến 50 cm.



A Cảm biến đá chân

B Khu vực hoạt động của cửa hậu điều khiển rảnh tay

C Khu vực hoạt động của hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (→P.161)

2 Thực hiện hoạt động đá chân bằng cách di chuyển chân của bạn cách cản xe phía sau đến xấp xỉ 10 cm và sau đó thu chân lại sau khi chuông báo kêu.

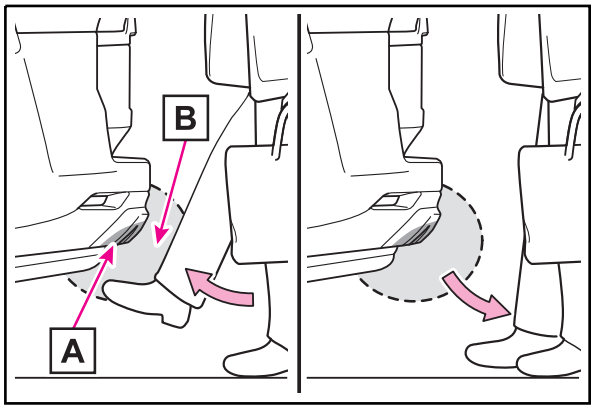
Thời gian thực hiện đá chân trong vòng 1 giây.

Cửa hậu sẽ không mở hoặc đóng khi phát hiện được chân ở dưới cản sau xe.

Tiến hành điều khiển cửa hậu điều khiển rảnh tay mà không cần cho chân chạm vào cản xe sau.

Nếu có chìa điện tử khác đang nằm trong xe, thì cần thời gian lâu hơn bình thường để vận hành cảm biến đá chân.

Nếu chuông báo kêu hai lần, hãy thực hiện lại thao tác đá chân.



A Cảm biến đá chân

B Khu vực hoạt động của cửa hậu điều khiển rảnh tay

3 Khi cảm biến đá chân phát hiện rằng chân bạn đã thu lại, chuông báo sẽ kêu và cửa hậu sẽ tự động đóng/mở hoàn toàn.

Nếu di chuyển chân vẫn đang ở phía dưới cản sau xe trong khi cửa hậu đang mở hoặc đóng, thì cửa hậu sẽ dừng chuyển động.

Nếu di chuyển chân vẫn đang ở phía dưới cản sau của xe khi cửa hậu đang tạm dừng, cửa hậu sẽ hoạt

động ngược lại.

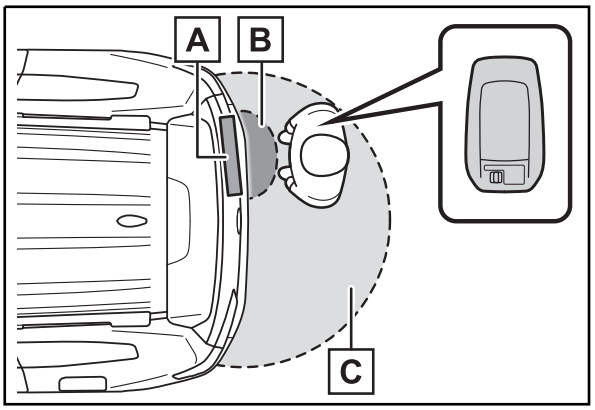
n Đóng và khóa cửa hậu sau khi di chuyển ra xa cửa bằng cảm biến đá chân (Chức năng đóng và khóa cửa hậu rảnh tay [Walk-Away]) *1, 2

*1: Nếu có

*2: Chỉ có thể thực hiện được những chức năng tùy chọn này tại đại lý Toyota.

Cửa hậu điều khiển rảnh tay cho phép tự động đóng và khóa cửa hậu bằng cách đặt chân gần phần dưới bên phải của cản sau, đẩy chân khỏi cản sau và xa cửa hậu. Khi sử dụng cửa hậu điều khiển rảnh tay, hãy đảm bảo rằng công tắc động cơ ở OFF, hoạt động của cảm biến đá chân đã được kích hoạt và bạn đang mang theo chìa khóa điện tử.

1 Khi mang chìa khóa điện tử theo người, đứng trong khu vực hoạt động của hệ thống mở khóa và khởi động thông minh, cách cản sau khoảng từ 30 đến 50 cm.



A Cảm biến đá chân

B Khu vực hoạt động của cửa hậu điều khiển rảnh tay

C Khu vực hoạt động của hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (→P.161)

2 Thực hiện hoạt động đá chân bằng cách di chuyển chân của bạn cách cản xe phía sau đến xấp xỉ 10 cm và sau đó thu chân lại sau khi chuông báo kêu.

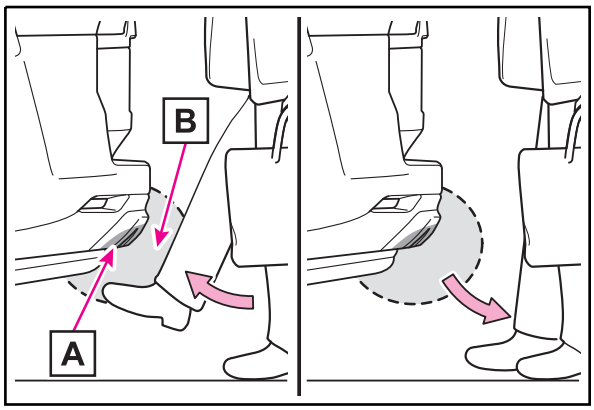
Thời gian thực hiện đá chân trong vòng 1 giây.

Cửa hậu sẽ không mở hoặc đóng khi phát hiện được chân ở dưới cản sau xe.

Tiến hành điều khiển cửa hậu điều khiển rảnh tay mà không cần cho chân chạm vào cản xe sau.

Nếu có chìa điện tử khác đang nằm trong xe, thì cần thời gian lâu hơn bình thường để vận hành cảm biến đá chân.

Nếu chuông báo kêu hai lần, hãy thực hiện lại thao tác đá chân.



A Cảm biến đá chân

B Khu vực hoạt động của cửa hậu điều khiển rảnh tay

3 Khi cảm biến đá chân phát hiện được chân bạn đã thu lại, chuông sẽ kêu với âm điệu khác hơn so với bình thường

và chức năng đóng và khóa cửa hậu rảnh tay (Walk-Away) sẽ vào chế độ chờ.

4 Trong khi chuông báo đang kêu, hãy di chuyển ra xa cửa hậu.

Khi cảm biến phát hiện bạn đang di chuyển ra xa khỏi cửa hậu, chuông báo sẽ kêu và bộ nháy khẩn cấp (nếu có) sẽ nháy. Tùy vào hướng di chuyển ra xa cửa hậu của bạn, vị trí và cách giữ chìa khóa điện tử hoặc tình huống, nó có thể phát hiện không chính xác.

Tất cả các cửa khác trừ cửa hậu sẽ được khóa, và sau khi cửa hậu được đóng lại, cửa hậu cũng sẽ được khóa. Khi tất cả các cửa đã được đóng và khóa, chuông báo (nếu có) sẽ kêu và các bộ nháy khẩn cấp sẽ nháy.

Trạng thái chờ sẽ bị hủy nếu bạn không di chuyển ra xa khỏi cửa hậu trong 30 giây. Để vận hành lại chức năng này, hãy thực hiện lại quy trình từ đầu.

Nếu bạn tiến đến cửa hậu và mang theo chìa khóa điện tử, hoạt động cửa hậu sẽ dừng lại, tất cả các cửa sẽ được mở khóa, và chuông báo (nếu có) sẽ kêu và bộ nháy khẩn cấp sẽ nháy.

Nếu cửa hậu điều khiển điện được điều khiển sau khi hoạt động cửa hậu dừng lại, chức năng đóng và khóa cửa hậu rảnh tay (Walk-Away) sẽ vào chế độ chờ.

n Đèn chiếu sáng khoang hành lý

- Các đèn của khoang hành lý sẽ sáng khi cửa hậu được mở ra.
- Khi công tắc động cơ ở OFF, thì đèn sẽ tự động tắt sau 20 phút.

n Bộ đóng cửa hậu

Trong trường hợp cửa hậu hơi hé mở, bộ đóng cửa hậu sẽ tự động đóng chặt cửa hậu lại.

Bộ đóng cửa hậu sẽ hoạt động bất kể trạng thái của công tắc động cơ.

n Các điều kiện vận hành của cửa hậu điều khiển điện

Cửa hậu điều khiển điện có thể tự động mở ra và đóng lại trong các trường hợp sau:

- Khi hệ thống cửa hậu điều khiển điện được kích hoạt.
- Cửa hậu được mở khóa:

Tuy nhiên, nếu ấn và giữ công tắc bộ mở cửa hậu khi đang mang theo chìa khóa điện trong người, cửa hậu điều khiển điện sẽ hoạt động ngay cả khi cửa hậu đã bị khóa. (→P.147)

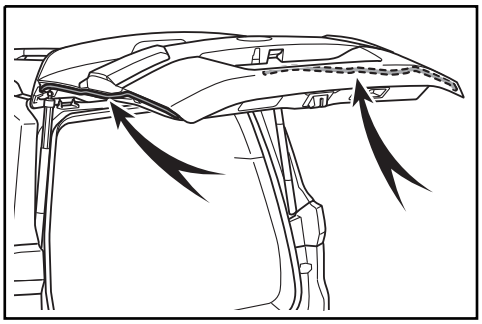
- Khi công tắc động cơ ở chế độ ON, tốc độ xe phải nhỏ hơn 3 km/h và ngoài các điều kiện trên thì phải thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - Gài phanh đỗ
  - Đạp bàn đạp phanh
  - Cần số đang ở vị trí P.

n Hoạt động của cửa hậu điều khiển điện

- Chuông báo sẽ kêu để chỉ ra rằng cửa hậu đang mở/đang đóng.
- Khi vô hiệu hóa hệ thống cửa hậu điều khiển điện, bạn sẽ không điều khiển được cửa hậu nhưng vẫn có thể mở và đóng cửa hậu bằng tay.
- Khi cửa hậu điều khiển điện mở tự động, nếu phát hiện có hiện tượng bất thường do phát hiện ra người hoặc đồ vật, cửa sẽ dừng lại vận hành.

n Chức năng chống kẹt khi lên kính

Các cảm biến được lắp ở cả hai bên của cửa hậu điều khiển điện. Nếu cửa hậu bị vướng vào bất kỳ vật cản nào khi đang đóng lại, cửa hậu sẽ tự động hoạt động theo chiều ngược lại hoặc dừng lại.



n Chức năng chống sập

Trong khi cửa hậu điều khiển điện đang tự động mở ra, nếu có một lực lớn tác động lên cửa hậu thì cửa hậu sẽ dừng lại để tránh làm sập cửa hậu đột ngột.

n Hỗ trợ đóng cửa hậu

Nếu hạ cửa hậu xuống bằng tay khi cửa hậu đã dừng lại ở vị trí mở, cửa hậu sẽ tự động đóng chặt lại.

n Chức năng hẹn khóa cửa hậu

Chức năng này có nhiệm vụ duy trì trạng thái khóa tất cả các cửa, khi cửa hậu đang mở.

Khi tiến hành quy trình dưới dây, tất cả các cửa, ngoại trừ cửa hậu điều khiển điện đã được khóa lại, và sau đó cửa hậu đồng thời sẽ được khóa lại ngay khi nó được đóng.

1. Đóng tất cả các cửa, trừ cửa hậu.
2. Trong khi đóng cửa hậu điều khiển điện, hãy khóa tất cả các cửa bằng hệ thống mở khóa & khởi động thông minh (→P.138) hoặc điều khiển từ xa. (→P.138)

Các tín hiệu hoạt động sẽ chỉ ra rằng tất cả các cửa đã được đóng và khóa. (→P.139)

- Nếu chìa khóa điện tử vẫn nằm bên trong xe sau khi bắt đầu đóng cửa qua chức năng hẹn khóa cửa, thì chìa khóa điện tử có thể sẽ bị khóa bên trong xe.
- Nếu cửa hậu không được đóng chặt hoàn toàn do chức năng chống kẹt… trong khi cửa hậu tự động đóng lại sau khi chức năng khóa cửa được kích hoạt, chức năng hẹn khóa cửa sẽ bị hủy và tất cả các cửa sẽ được mở khóa.
- Trước khi rời khỏi xe, hãy đảm bảo rằng tất cả các cửa đã đóng và khóa lại.

n Điều kiện hoạt động của chức năng đóng và khóa

Chức năng này sẽ hoạt động khi thỏa mãn điều kiện sau đây:

- Khi không phát hiện chìa khóa điện tử nằm trong xe.
- Đóng tất cả các cửa ngoại trừ cửa hậu điều khiển điện.
- Công tắc động cơ ở OFF.

n Những trường hợp có thể làm chức năng khóa và đóng cửa làm việc không chính xác

Trong các tình huống sau đây, chức năng khóa và đóng cửa có thể sẽ hoạt động không chính xác:

- Nếu bạn ấn nút  ở phần phía dưới cửa hậu bằng tay đang cầm chìa khóa điện tử
- Nếu bạn ấn nút  ở phần phía dưới cửa hậu khi chìa khóa điện đang ở trong túi vv, túi đang được để trên mặt đất
- Nếu bạn ấn nút  ở phần phía dưới cửa hậu mà chìa khóa điện tử không ở gần xe.

n Điều kiện hoạt động của chức năng đóng và khóa (Walk-Away)*

*: Chỉ có thể thực hiện được những chức năng tùy chọn này tại đại lý Toyota.

Chức năng này sẽ hoạt động khi thỏa mãn điều kiện sau đây:

- Chức năng đóng và khóa (Walk-Away) được kích hoạt
- Khi không phát hiện chìa khóa điện tử nằm trong xe.
- Tất cả các cửa ngoại trừ cửa hậu

được đóng lại.

- Khi không nhấn bàn đạp phanh.
- Công tắc động cơ ở OFF.
- Khi chìa khóa điện tử nằm trong phạm vi hoạt động (khu vực phát hiện).

n Những tình huống mà chức năng đóng và khóa (Walk-Away) có thể không hoạt động đúng cách*

*: Chỉ có thể thực hiện được những chức năng tùy chọn này tại đại lý Toyota.

Trong các trường hợp sau, chức năng này có thể hoạt động không chính xác:

- Nếu hệ thống mở khóa và khởi động thông minh không hoạt động chính xác.
- Khi chức năng đóng và khóa hoạt động không chính xác.
- Khi di chuyển ra xa cửa hậu trong khi chức năng đóng và khóa (Walk-Away) đang ở chế độ chờ hoạt động.
- Khi số chìa khóa điện tử đã đăng ký ở trong xe tăng lên.

n Những điều kiện hoạt động của cảm biến đá chân (xe có cửa hậu điều khiển rảnh tay)

Cửa hậu điều khiển rảnh tay sẽ tự động mở/đóng khi đã thỏa mãn các điều kiện sau đây:

- Cảm biến đá chân sẽ được kích hoạt
- Công tắc động cơ ở chế độ OFF hoặc ON và cần số đang ở vị trí P.
- Chìa khóa điện tử nằm trong phạm vi hoạt động. (→P.161)
- Đưa chân vào gần phần phía dưới bên phải của cản sau và sau đó di chuyển chân ra khỏi cản sau.
  Cửa hậu cũng có thể đóng và mở bằng cách cho cánh tay, khuỷu tay, đầu gối vv.. đến gần phần phía dưới bên phải của cản xe phía sau và sau đó đi ra xa khỏi cản xe phía sau. Chắc chắn đã đến đủ gần phần bên dưới bên phải của cản xe phía sau.

n Những tình huống sau làm cho cửa hậu điều khiển rảnh tay có thể hoạt động không chính xác (xe có cửa hậu điều khiển rảnh tay)

Trong những tình huống sau, cửa hậu điều khiển rảnh tay có thể hoạt động không chính xác:

- Khi giữ bàn chân ở phía dưới cản sau
- Nếu cản xe sau bị đá mạnh bằng chân hoặc bị chạm vào một lúc

Nếu đã chạm vào cản sau một lúc, hãy đợi một lát trước khi sử dụng lại cửa hậu điều khiển rảnh tay.

- Trong khi đang thao tác có người đến quá gần cản sau
- Khi nguồn sóng radiô bên ngoài ảnh hưởng sự kết nối giữa chìa điện tử và xe (→P.162)
- Khi xe được đỗ gần nguồn tiếng ồn nhiễu ảnh hưởng tới độ nhạy của cửa hậu điều khiển rảnh tay, như ở điểm đỗ xe, đường điện, hoặc bóng đèn huỳnh quang, trạm xăng
- Khi gần đài phát sóng vô tuyến, trạm điện, đài phát thanh, màn hình lớn, sân bay hoặc các thiết bị khác mà có thể phát ra sóng radiô mạnh hoặc nhiễu điện
- Khi có một lượng nước lớn được dội lên cản sau , như khi xe đang được rửa hoặc xe ở dưới trời mưa to.
- Khi băng tuyết hoặc bùn … dính lên cản sau
- Khi xe được đỗ gần những vật thể di chuyển ở phía dưới cản sau như cây cỏ
- Khi phụ kiện được lắp lên cản sau

Nếu lắp phụ kiện lên cản sau, hãy tắt cài đặt cửa hậu điều khiển rảnh tay (cảm biến đá chân).

n Để tránh cho cửa hậu điều khiển rảnh tay hoạt động bất ngờ (xe có cửa hậu điều khiển rảnh tay)

Khi chìa khóa điện tử đang nằm trong khu vực hoạt động, cửa hậu điều khiển rảnh tay có thể hoạt động bất ngờ, do đó hãy chú ý trong các tình huống sau:

Để đề phòng rủi ro, hãy tắt cài đặt hoạt động của cảm biến đá chân của cửa hậu điều khiển rảnh tay.

- Khi có một lượng nước lớn được dội lên cản sau , như khi xe đang được rửa hoặc xe ở dưới trời mưa to.
- Khi lau bụi cho cản sau
- Khi động vật nhỏ hoặc vật thể nhỏ, như quả bóng, di chuyển phía dưới cản sau
- Khi có một vật thể di chuyển phía dưới cản sau
- Nếu có một ai đó đu đưa chân trong khi đang ngồi trên cản sau của xe
- Nếu có chân hoặc một bộ phận khác của cơ thể của một người nào đó tiếp xúc phía dưới cản xe khi đi ngang qua xe.
- Khi xe được đỗ gần nguồn tiếng ồn nhiễu ảnh hưởng tới độ nhạy của cửa hậu điều khiển rảnh tay, như ở điểm đỗ xe, đường điện, hoặc bóng đèn huỳnh quang, trạm xăng
- Khi gần đài phát sóng vô tuyến, trạm điện, đài phát thanh, màn hình lớn, sân bay hoặc các thiết bị khác mà có thể phát ra sóng radiô mạnh hoặc nhiễu điện
- Khi xe được đỗ ở vị trí có vật thể như cỏ gần cản sau
- Nếu hành lý được xếp gần cản sau của xe
- Nếu các phụ kiện hoặc bọc che xe được lắp/tháo ra khỏi vùng gần cản sau
- Khi xe đang được kéo

n Điều kiện hoạt động của chức năng đóng và khóa (Walk-Away)[*1]

Chức năng này sẽ hoạt động khi thỏa mãn điều kiện sau đây:

- Chức năng đóng và khóa (Walk-Away) được kích hoạt[*2].
- Cửa hậu điều khiển rảnh tay [*1] được kích hoạt.
- Khi không phát hiện chìa khóa điện tử nằm trong xe.
- Tất cả các cửa ngoại trừ cửa hậu được đóng lại.
- Công tắc động cơ ở OFF.
- Khi chìa khóa điện tử nằm trong phạm vi hoạt động (khu vực phát hiện).

[*1]: Nếu có

[*2]: Chỉ có thể thực hiện được những chức năng tùy chọn này tại đại lý Toyota.

n Những tình huống có thể làm chức năng khóa và đóng điều khiển rảnh tay (Walk-Away)[*1, 2] hoạt động không chính xác

Trong các trường hợp sau, chức năng này có thể hoạt động không chính xác:

- Nếu hệ thống mở khóa và khởi động thông minh không hoạt động chính xác.
- Khi chức năng đóng và khóa hoạt động không chính xác.
- Di chuyển xa cửa hậu trong khi chức năng đóng và khóa (Walk-Away) điều khiển rảnh tay đang ở chế độ sẵn sàng hoạt động.
- Khi số chìa khóa điện tử đã đăng ký ở trong xe tăng lên.
- Khi cửa hậu điều khiển rảnh tay hoạt động không chính xác.[*1]

[*1]: Nếu có

[*2]: Chỉ có thể thực hiện được những chức năng tùy chọn này tại đại lý

Toyota.

n Khi nối lại ắc quy

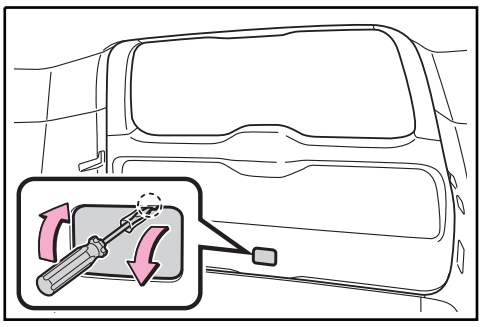
Để cửa hậu điều khiển điện hoạt động chính xác, hãy đóng cửa hậu bằng tay.

n Nếu bộ mở cửa hậu không hoạt động

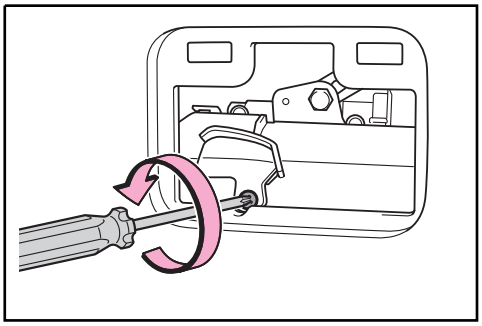
Cửa hậu có thể mở khóa được từ bên trong.

1 Tháo nắp che.

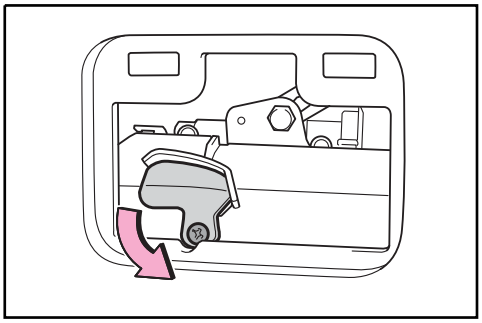
Để tránh hư hỏng, hãy dùng giẻ để bọc vào đầu tô vít.



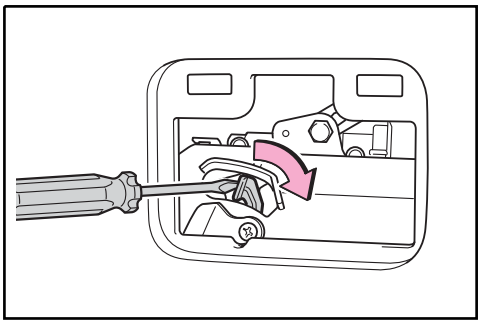
2 Nới lỏng vít



3 Lật nắp che.



4 Di chuyển lẫy.



5 Khi lắp, hãy làm ngược lại với các bước kể trên.

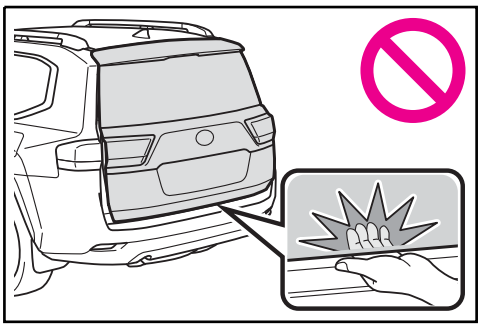
n Tùy chọn

Có thể thay đổi các cài đặt (ví dụ như góc mở cửa hậu). (Tính năng tùy chọn: →P.678)

CẢNH BÁO

n Bộ đóng cửa hậu

l Trong trường hợp cửa hậu hơi hé mở, bộ đóng cửa hậu sẽ tự động đóng chặt cửa hậu lại. Sẽ mất khoảng vài giây trước khi bộ đóng cửa hậu bắt đầu hoạt động. Hãy cẩn thận để tránh bị kẹp các ngón tay hay những bộ phận khác tại cửa hậu, do có thể sẽ gây ra tình trạng gãy xương hoặc các chấn thương nghiêm trọng khác.



l Hãy chú ý khi sử dụng bộ đóng cửa hậu bởi nó vẫn có thể hoạt động khi đã hủy hệ thống cửa hậu điều khiển điện.

n Cửa hậu điều khiển điện

Hãy tuân theo những lưu ý sau khi thao tác với cửa hậu điều khiển điện.
Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Hãy kiểm tra an toàn ở khu vực xung quanh xe để chắc chắn rằng không có vật thể nào hoặc không có người nào có thể bị kẹp.
- Nếu có người ở gần đó, hãy đảm bảo rằng họ đã an toàn và thông báo cho họ biết rằng bạn sắp đóng hoặc mở cửa hậu.
- Nếu tắt hệ thống cửa hậu điều khiển trong khi cửa hậu đang tự động hoạt động, hoạt động tự động của cửa hậu sẽ dừng lại. Sau đó bạn sẽ phải điều khiển cửa hậu bằng cách thủ công. Đặt biệt cẩn thận khi xe đang đỗ trên mặt đường nghiêng, vì cửa hậu có thể mở hoặc đóng bất ngờ.

⚠ CẢNH BÁO

- Nếu các điều kiện hoạt động của cửa hậu điều khiển điện không còn thoả mãn, chuông báo có thể kêu và cửa hậu có thể sẽ ngừng đóng hoặc mở. Sau đó bạn sẽ phải điều khiển cửa hậu bằng cách thủ công. Hãy đặc biệt cẩn thận khi xe đang đỗ trên mặt đường nghiêng, bởi cửa hậu có thể bất ngờ mở ra hoặc đóng lại.
- Trên đường dốc, cửa hậu có thể sẽ bất ngờ sập xuống sau khi nó được mở ra. Hãy đảm bảo rằng cửa hậu đã mở ra hết cỡ và được cố định chắc chắn.
- Trong những trường hợp sau, cửa hậu điều khiển điện có thể xác định đó là tình trạng bất thường và ngừng hoạt động tự động. Trong trường hợp đó, bạn sẽ phải điều khiển cửa hậu bằng cách thủ công. Hãy hết sức cẩn thận khi đang trên dốc nghiêng, bởi cửa hậu có thể sẽ bất ngờ mở hoặc đóng sập xuống.
  - Khi cửa hậu bị vướng phải chướng ngại vật
  - Khi điện áp ắc quy bất ngờ bị sụt áp, như khi công tắc động cơ được bật ON hoặc khi động cơ được khởi động trong chế độ hoạt động tự động
- Nếu lắp giá bắt xe đạp hoặc các vật tương tự lên cửa hậu, cửa hậu điều khiển điện có thể không hoạt động, hoặc cửa hậu có thể sẽ bị sập xuống sau khi mở ra và làm kẹp tay, đầu hoặc cổ, dẫn đến chấn thương. Khi lắp các phụ kiện lên cửa hậu, chúng tôi khuyến nghị bạn hãy sử dụng các sản phẩm chính hiệu của Toyota.

n Chức năng chống kẹt khi lên kính

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Không bao giờ sử dụng bất kỳ phần nào của cơ thể bạn để kích hoạt chức năng chống kẹt.
- Chức năng chống kẹt của cửa hậu có thể sẽ không hoạt động nếu như nó bị kẹt ngay trước khi cửa hậu đóng chặt lại. Hãy cẩn thận để không làm kẹp tay của bạn hoặc các đồ vật khác.
- Chức năng chống kẹt có thể sẽ không hoạt động do hình dạng của vật bị kẹt. Hãy cẩn thận để không làm kẹp tay của bạn hoặc các đồ vật khác.

n Cửa hậu điều khiển rảnh tay (nếu có)

Hãy tuân theo những lưu ý sau khi thao tác với cửa hậu điều khiển rảnh tay.
Nếu không, có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Hãy kiểm tra an toàn ở khu vực xung quanh xe để chắc chắn rằng không có vật thể nào hoặc không có người nào có thể bị kẹp.
- Khi đưa chân vào phía dưới cản sau và di chuyển chân ra khỏi, hãy cẩn thận không được chạm vào các ống xả khi nó chưa nguội hẳn, vì chạm vào ống xả nóng sẽ gây bỏng.
- Không được để chìa khóa điện tử trong vùng phát hiện của khoang hành lý.

n Chức năng đóng và khóa (Walk-Away)*1 và chức năng đóng và khóa không cần tay*1, 2

*1: Chỉ có thể thực hiện được những chức năng tùy chọn này tại đại lý Toyota.

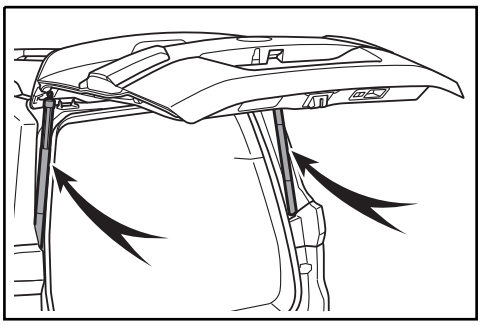
*2: Nếu có

Cửa hậu sẽ bắt đầu đóng tự động khi bạn rời ra khỏi cửa hậu. Hãy kiểm tra an toàn ở khu vực xung quanh xe để chắc chắn rằng không có bất kỳ vật cản nào hoặc không có bất kỳ đồ vật nào của bạn có thể bị kẹp.

⚠ CHÚ Ý

n Thanh chống cửa hậu

Cửa hậu có trang bị các thanh chống để giữ cố định cửa hậu.
Hãy tuân theo các chú ý sau đây.
Nếu không, có thể làm hỏng thanh chống cửa hậu, dẫn đến trục trặc.



- Không gắn các đồ vật như miếng dán, miếng nhựa hoặc băng dính vào trục quay của cửa hậu.
- Không gắn các phụ kiện không phải là sản phẩm chính hiệu của Toyota lên cửa hậu.
- Không đặt tay lên thanh chống của cửa hậu hoặc tác dụng lực ngang lên nó.

n Để tránh làm hỏng bộ đóng cửa hậu

Không được tác dụng lực quá mạnh lên cửa hậu trong khi bộ đóng cửa hậu đang hoạt động. Việc tác dụng lực quá mạnh sẽ gây hỏng bộ đóng cửa hậu.

n Để tránh làm hỏng cửa hậu

- Hãy đảm bảo rằng giữa cửa hậu và khung cửa không bị đóng băng, vì nó có thể sẽ làm cản trở tới chuyển động của cửa hậu. Nếu bạn điều khiển cửa hậu trong khi nó đang bị quá tải thì có thể sẽ làm cho cửa hậu bị hỏng.
- Không tác dụng lực quá lớn lên cửa hậu trong khi cửa hậu điều khiển điện đang hoạt động.

l Hãy cẩn thận để không làm hỏng các cảm biến (lắp trên mép phải và mép trái của cửa hậu điều khiển điện) bởi dao hoặc các vật sắc nhọn khác. Nếu cảm biến bị mất kết nối, cửa hậu sẽ không đóng tự động được.

n Chức năng đóng và khóa

Khi đóng cửa hậu bằng chức năng đóng và khóa cửa, chuông sẽ kêu với một âm điệu khác so với bình thường trước khi cửa hậu bắt đầu hoạt động.

Để kiểm tra xem hoạt động đã bắt đầu chính xác hay chưa, hãy kiểm tra xem chuông báo khác so với chuông thông thường không.

Ngoài ra, khi cửa hậu điều khiển điện đóng và khóa hoàn toàn, thì các tín hiệu hoạt động sẽ chỉ ra rằng tất cả các cửa đã được khóa. (→P.139)

Trước khi rời khỏi xe, hãy đảm bảo rằng các tín hiệu vận hành đã hoạt động và tất cả các cửa đã được khóa lại.

n Lưu ý đối với cửa hậu điều khiển rảnh tay (nếu có)

Cảm biến đá chân được lắp ở phần dưới bên phải của cản sau. Hãy tuân thủ theo các hướng dẫn sau để đảm bảo rằng chức năng của cửa hậu điều khiển điện hoạt động chính xác:

l Hãy giữ cho phần phía dưới bên phải của cản xe luôn sạch sẽ.
Nếu phần phía dưới bên phải của cản xe sau bị bẩn hoặc bị che phủ bởi tuyết, cảm biến đá chân có thể không hoạt động. Trong trường hợp này, hãy vệ sinh bụi bẩn hoặc tuyết, di chuyển từ vị trí hiện tại và kiểm tra xem cảm biến đá chân có hoạt động không.
Nếu cửa hậu không hoạt động, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

l Không được phun phủ các lớp có hiệu ứng bóng mưa, hoặc các lớp phủ khác lên phần phía dưới bên phải của cản sau.

⚠ CHÚ Ý

l Không được đỗ xe gần những vật có thể di chuyển và tiếp xúc với phần phía dưới bên phải của cản sau như là cỏ hoặc cây.
Nếu xe đang đỗ ở nơi ở gần vật có thể di chuyển và tiếp xúc với phần phía dưới bên phải của cản sau, như cỏ hoặc cây, thì cảm biến đá chân có thể không hoạt động. Trong tình huống này, hãy lái xe ra khỏi vị trí hiện tại và sau đó kiểm tra cảm biến đá chân có hoạt động không. Nếu không hoạt động, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

l Không để cảm biến đá chân hoặc các khu vực xung quanh bị tác động với va chạm mạnh.
Nếu khu vực xung quanh cảm biến đá chân chịu lực va chạm mạnh, cảm biến có thể không hoạt động chính xác. Nếu cảm biến đá chân không hoạt động được trong những tình huống sau đây, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

- Khi cảm biến đá chân hoặc khu vực xung quanh chịu va chạm mạnh.
- Phần phía dưới bên phải của cản sau bị xước hoặc bị hư hỏng.

l Không được tháo rời cản xe phía sau.

l Không được gắn miếng dán lên cản sau.

l Không được sơn cản sau.

l Nếu giá treo xe đạp hoặc những vật nặng tương tự được gắn vào cửa hậu điều khiển điện, thì hãy vô hiệu hóa cảm biến đá chân.

Thay đổi các cài đặt cho hệ thống cửa hậu điều khiển điện (xe có cửa hậu điều khiển điện)

Có thể thay đổi được các cài đặt của hệ thống cửa hậu điều khiển điện bằng cách hiển thị màn hình "Cài đặt xe" - "PBD" từ màn hình ⚙ của màn hình đa thông tin. (→P.109, 120)

Không đặt lại được các cài đặt của cửa hậu điều khiển điện bằng cách tắt công tắc động cơ OFF. Để khôi phục các cài đặt nguyên bản, cần thay đổi lại trên ⚙ của màn hình đa thông tin.

Điều chỉnh vị trí mở của cửa hậu (xe có cửa hậu điều khiển điện)

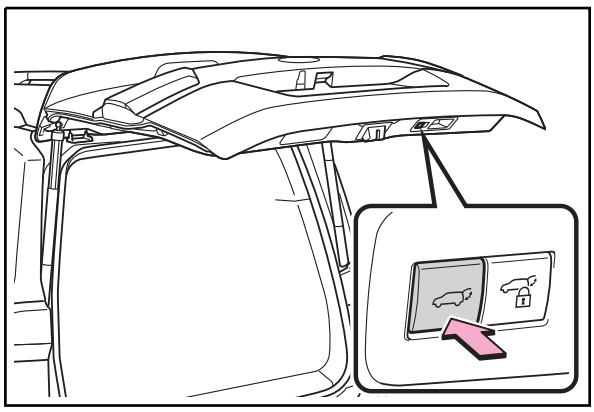
Có thể điều chỉnh vị trí mở của cửa hậu điều khiển điện.

1 Dừng cửa hậu ở vị trí mong muốn. (→P.146)

2 Ấn và giữ nút trên phần phía dưới của cửa hậu trong thời gian xấp xỉ 2 giây.

Khi cài đặt xong, chuông sẽ kêu 4 lần.

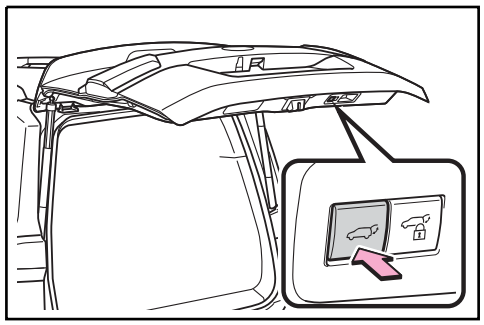
Khi mở cửa hậu lần tiếp theo, cửa hậu sẽ dừng lại tại vị trí đó.



n **Hủy vị trí mở đã được điều chỉnh của cửa hậu.**

Ấn và giữ nút ở phần phía dưới của cửa hậu trong xấp xỉ 7 giây.

Sau khi chuông kêu 4 lần, nó sẽ kêu thêm 2 lần nữa. Khi cửa hậu điều khiển điện được mở ra lần tiếp theo, cửa hậu sẽ mở tới vị trí cài đặt khởi tạo.



n **Tùy chọn**

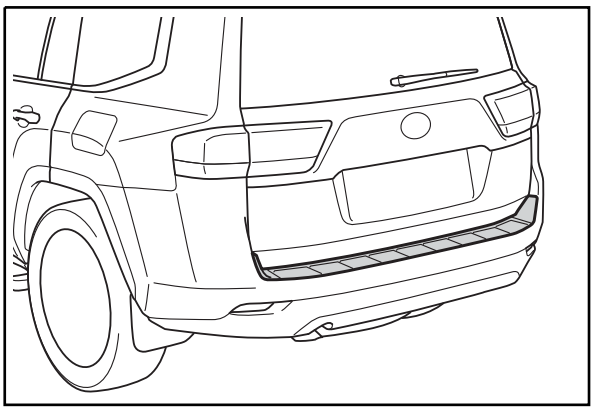
Có thể đặt được vị trí mở của cửa hậu trên màn hình đa thông tin. (→P.109, 120)

Cài đặt ưu tiêu cho vị trí dừng là vị trí lần gần nhất bằng nút trên phần phía dưới cửa hậu hoặc trên màn hình đa thông tin.

Cản sau kiểu có bậc lên xuống (nếu có)

Cản sau kiểu có bậc lên xuống có tác dụng bảo vệ phần phía

sau xe và để dễ chất hàng hơn.

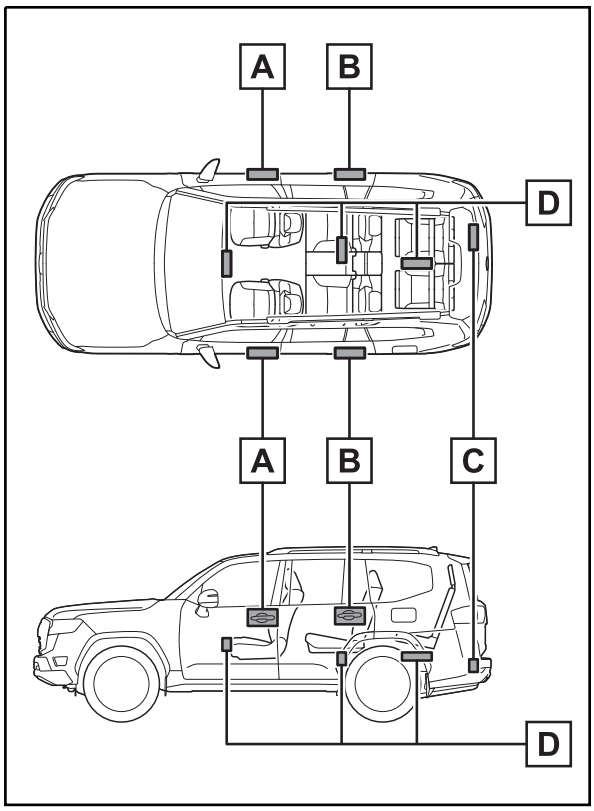


Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Các thao tác sau có thể thực hiện được chỉ đơn giản bằng cách mang theo chìa khóa điện tử, như để trong túi của bạn. Người lái nên luôn mang theo chìa khóa điện tử.

- Khóa và mở khóa các cửa (→P.138)
- Khóa và mở khóa cửa hậu (→P.144)
- Khởi động động cơ (→P.229)

n Vị trí đặt ăng ten



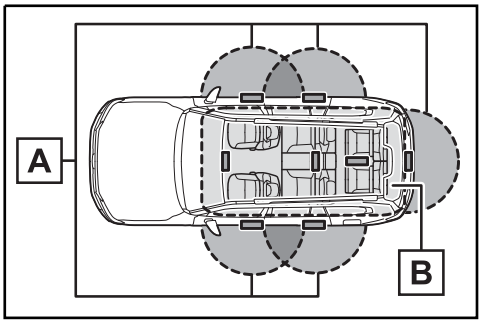
A Các ăng ten bên ngoài xe (phía dưới)

B Các ăng ten bên ngoài xe (phía sau) (nếu có)

C Ăngten bên ngoài khoang hành lý

D Ăng ten bên trong xe

n Phạm vi hiệu quả (các khu vực có thể phát hiện chìa khóa điện tử)



A Khi khóa hoặc mở khóa các cửa

Hệ thống có thể được kích hoạt khi chìa khóa điện tử nằm cách tay nắm cửa phía trước, tay nắm cửa sau (nếu có) và công tắc bộ mở cửa hậu khoảng 0.7 m. (Chỉ những cửa phát hiện được chìa khóa mới có thể hoạt động.)

B Khi khởi động động cơ hoặc thay đổi các chế độ hoạt động của công tắc động cơ

Hệ thống có thể hoạt động được khi chìa khóa điện tử ở trong xe.

n Nếu báo động kêu hoặc thông điệp cảnh báo được hiển thị

Chuông báo kêu và thông điệp cảnh báo hiển thị trên màn hình đa thông tin được sử dụng để hạn chế tối đa nguy cơ bị trộm xe và tai nạn do thao tác không chính xác. Nếu một thông điệp cảnh báo được hiển thị, hãy thực hiện các biện pháp phù hợp dựa trên thông điệp đã hiển thị.

Chỉ khi chuông cảnh báo kêu, dưới đây là bảng mô tả các tình huống và quy trình hiệu chỉnh.

l Khi chuông báo ngoài xe kêu một lần khoảng 5 giây

Tình huống	Biện pháp xử lý
Cố khóa cửa xe trong khi cửa xe vẫn mở.	Đóng tất cả các cửa xe và khóa cửa lại.

l Khi chuông báo trong xe kêu ping liên tục

Tình huống	Biện pháp xử lý
Bật công tắc động cơ tới vị trí ACC trong khi cửa lái đang ở trạng thái mở (hoặc mở cửa lái trong khi công tắc động cơ đang ở vị trí ACC).	Tắt công tắc động cơ và đóng cửa người lái.

n Chức năng tiết kiệm điện

Chức năng tiết kiệm điện sẽ được kích hoạt để tránh làm cho chìa khóa điện tử bị hết pin và ắc quy của xe không bị xả hết điện khi không sử dụng xe trong một thời gian dài.

l Trong các tình huống sau, hệ thống mở khóa và khởi động thông minh có thể mất một khoảng thời gian để mở khóa cửa. Ngoài ra, hệ thống chiếu sáng khi vào xe có thể sẽ không hoạt động chính xác.
- Chìa khóa điện tử đã bị bỏ lại gần xe trong một khoảng thời gian nhất định.
- Khi không sử dụng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh trong 5 ngày trở lên.

l Nếu không sử dụng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh trong 14 ngày trở lên, các cửa sẽ không thể mở khóa, ngoại trừ cửa người lái. Trong trường hợp này, hãy cầm vào tay nắm cửa người lái hoặc sử dụng điều khiển từ xa hoặc chìa khóa cơ để mở khóa các cửa.

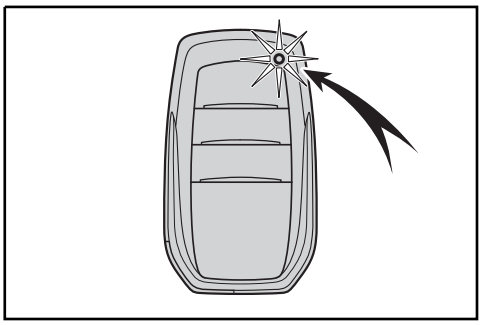
n Chìa khóa điện tử đang ở chế độ tiết kiệm pin

l Khi đặt chế độ tiết kiệm pin, mức tiêu hao pin sẽ được giảm thiểu bằng cách ngừng tiếp nhận sóng radiô của chìa khóa điện tử.

Hãy ấn nút hai lần trong khi ấn và giữ nút .

Hãy xác nhận rằng đèn chỉ báo trên chìa khóa điện tử nháy 4 lần.

Khi chế độ tiết kiệm pin đã được thiết lập, hệ thống mở khóa và khởi động thông minh sẽ không hoạt động. Để hủy chức năng này, hãy ấn một nút bất kỳ trên chìa khóa điện tử.



l Nếu có kế hoạch không sử dụng chìa khóa điện tử trong thời gian dài, hãy chuyển sang chế độ tiết kiệm pin.

n Khi chìa khóa điện tử ngừng hoạt động

Nếu vị trí của chìa khóa điện tử không thay đổi trong một khoảng thời gian nhất định, chẳng hạn khi chìa khóa điện tử bị bỏ lại ở nơi nào đó, chức năng của chìa khóa điện tử sẽ dừng lại để giảm tiêu hao điện của pin. Trong trường hợp này, chức năng có thể được khôi phục tự động bằng cách di chuyển vị trí của chìa khóa, chẳng hạn như nhấc nó lên.

n Các điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống

Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh sử dụng sóng radiô yếu để điều khiển. Trong những trường hợp sau, liên lạc giữa chìa khóa điện tử và xe có thể bị ảnh hưởng, làm cho hệ thống mở khóa và khởi động thông minh, điều khiển khóa cửa từ xa và hệ thống mã hóa khóa động cơ hoạt động không chính xác.

l Khi chìa khóa điện tử bị hết điện

l Khi gần đài phát sóng vô tuyến, trạm điện, trạm xăng, trạm phát sóng radiô, màn hình lớn, sân bay hay những thiết bị có thể phát ra sóng radiô mạnh hoặc nhiễu điện

l Khi chìa khóa điện tử chạm vào hoặc bị che bởi những đồ vật bằng kim loại sau

- Các loại thẻ nhôm
- Gói thuốc lá có nhôm bên trong
- Ví hoặc túi bằng kim loại
- Tiền xu
- Bộ sưởi tay làm bằng kim loại
- Các thiết bị giải trí như đĩa CD và DVD

l Khi chìa điều khiển từ xa khác (có phát ra sóng radiô) đang được dùng ở gần đó

l Khi bạn mang chìa khóa điện tử cùng với các thiết bị có khả năng phát ra sóng radiô như sau

- Khi mang theo đài di động, điện thoại di động, bộ đàm hoặc một thiết bị liên lạc không dây khác
- Chìa khóa điện tử khác hoặc chìa điều khiển từ xa của xe đang phát sóng radiô
- Máy tính cá nhân hoặc các thiết bị kỹ thuật số hỗ trợ cá nhân (PDA)
- Máy nghe nhạc kỹ thuật số
- Hệ thống trò chơi di động

l Khi cửa sổ của xe được dán phim kim loại hoặc có các vật bằng kim loại được gắn lên kính cửa hậu của xe

l Khi đặt chìa khóa điện tử gần bộ sạc pin hoặc các thiết bị điện tử

l Khi xe được đỗ tại trạm thu phí có đài phát sóng radiô.

Nếu không thể khóa/mở khóa được các cửa bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh, hãy khóa/mở khóa các cửa bằng cách thực hiện bất

kỳ thao tác nào sau đây.

- Mang chìa khóa điện tử đến gần một trong hai tay nắm cửa và vận hành chức năng vào xe.
- Vận hành điều khiển từ xa.

Nếu không thể khóa/mở khóa được theo các cách nói trên, hãy sử dụng chìa khóa cơ. (→P.136)

Nếu không thể khởi động được động cơ bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh, hãy tham khảo P.634.

n Lưu ý với chức năng vào xe

- Ngay cả khi chìa khóa điện tử nằm trong phạm vi hiệu quả (khu vực có thể dò được chìa khóa), hệ thống vẫn có thể không làm việc chính xác trong các trường hợp sau:
  - Khi để chìa khóa điện tử quá gần cửa sổ hoặc tay nắm bên ngoài cửa, gần mặt đất hoặc ở trên cao khi khóa hoặc mở khóa các cửa xe.
  - Chìa khóa điện tử nằm trên bảng táp lô, khoang hành lý (nếu có) hoặc trên sàn xe, hoặc hốc để đồ trên cửa xe hoặc ngăn đựng găng tay khi khởi động động cơ hoặc thay đổi chế độ của công tắc động cơ.
  - Một người đứng giữa xe và chìa khóa điện tử, chặn sóng radio khi cửa được mở khóa.
- Không để chìa khóa điện tử trên bảng táp lô hoặc gần các hốc để đồ trên cửa xe khi ra khỏi xe. Tùy vào điều kiện thu sóng rađiô mà ăng ten bên ngoài xe có thể sẽ thu được sóng của chìa khóa điện tử, và bạn có thể khóa được xe từ bên ngoài trong khi chìa khóa điện tử vẫn ở trong xe.
- Khi chìa khóa điện tử nằm trong phạm vi phát hiện của hệ thống, bất kỳ người nào cũng có thể khóa hoặc mở khóa cửa. Tuy nhiên, chỉ các cửa phát hiện được chìa khóa điện tử mới có thể sử dụng để mở khóa xe được.
- Ngay cả khi chìa khóa điện tử không ở trong xe, động cơ vẫn có thể khởi động được nếu chìa khóa điện tử nằm ở gần cửa sổ.
- Các cửa xe có thể sẽ mở khóa nếu có một lượng lớn nước bắn vào tay nắm cửa, như khi trời mưa hoặc khi rửa xe mà chìa khóa điện tử đang nằm trong phạm vi phát hiện. (Cửa sẽ tự động khóa lại sau khoảng 30 giây nếu như không mở hoặc đóng bất kỳ cánh cửa nào.)
- Nếu sử dụng điều khiển từ xa để khóa các cửa xe trong khi chìa khóa điện tử để ở gần xe, thì có thể sẽ không mở khóa cửa bằng chức năng vào xe được. (Hãy sử dụng điều khiển từ xa để mở khóa các cửa.)
- Chạm vào cảm biến khóa cửa khi đang đeo găng tay có thể hủy hoặc làm chức năng khóa cửa không hoạt động. Hãy tháo găng tay ra và chạm vào cảm biến khóa một lần nữa.
- Khi chạm vào cảm biến để khóa cửa, tín hiệu ghi nhận sẽ xuất hiện hai lần liên tiếp. Sau đó, sẽ không có bất kỳ tín hiệu ghi nhận nào xuất hiện nữa.
- Nếu tay nắm cửa bị ướt khi rửa xe và chìa khóa điện tử đang trong phạm vi hiệu quả, cửa xe có thể khóa hoặc mở khóa nhiều lần. Trong trường hợp đó, hãy xử lý như sau để có thể rửa xe được:
  - Hãy đặt chìa khóa điện tử ở bên ngoài xe và cách xe từ 2 m trở lên. (Hãy chú ý để tránh bị mất trộm chìa.)
  - Đặt chìa khóa điện tử vào chế độ tiết kiệm pin để vô hiệu hóa hệ thống mở khóa và khởi động thông minh. (→P.162)
- Nếu chìa khóa điện tử nằm ở trong xe và tay nắm cửa bị ướt trong khi rửa xe, một thông báo có thể sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin và chuông bên ngoài xe sẽ kêu. Để tắt báo động, hãy khóa tất cả các cửa xe lại.

- Cảm biến khóa cửa có thể sẽ không làm việc chính xác nếu nó tiếp xúc với băng, tuyết, bùn... Hãy vệ sinh cảm biến khóa cửa và thao tác lại hoặc sử dụng cảm biến khóa cửa ở phần phía dưới của tay nắm cửa.
- Cửa xe có thể sẽ không mở khóa nếu bạn đi vào phạm vi phủ sóng quá nhanh hoặc kéo tay nắm cửa đột ngột. Trong trường hợp này, hãy trả tay nắm cửa về vị trí ban đầu và kiểm tra xem các cửa đã được mở khóa chưa trước khi kéo tay nắm cửa.
- Nếu có một chìa khóa điện tử khác nằm trong phạm vi phát hiện, cửa xe có thể sẽ được mở khóa chậm hơn một chút sau khi chạm vào tay nắm cửa.

n Khi không lái xe trong một khoảng thời gian dài

- Để đề phòng bị mất trộm xe, không được để chìa khóa điện tử ở gần xe trong khoảng cách 2m.
- Có thể vô hiệu hóa hệ thống mở khóa và khởi động thông minh trước đó. (→P.676)
- Chế độ tiết kiệm pin có thể làm giảm mức tiêu thụ pin của chìa khóa điện tử. (→P.162)

n Để vận hành hệ thống đúng cách

Hãy mang theo chìa khóa điện tử khi bạn vận hành hệ thống. Không để chìa khóa điện tử quá gần xe khi vận hành hệ thống từ bên ngoài xe.

Tùy thuộc vào vị trí và cách bạn giữ chìa điện tử mà hệ thống có thể sẽ không phát hiện được chìa khóa một cách chính xác và hệ thống sẽ có thể không làm việc chính xác. (Chuông có thể vô tình tắt, hoặc chức năng đề phòng khóa cửa có thể sẽ không hoạt động.)

n Nếu hệ thống mở khóa và khởi động thông minh không hoạt động chính xác

- Khóa và mở khóa các cửa: Hãy sử dụng chìa khóa cơ. (→P.633)
- Khởi động động cơ: →P.634

n Tùy chọn

Bạn có thể thay đổi các cài đặt (ví dụ: hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)
(Tính năng tùy chọn cá nhân: →P.676)

Nếu hệ thống mở khóa và khởi động thông minh đã bị vô hiệu hóa bởi chức năng tùy chọn, hãy tham khảo những hướng dẫn cho những hoạt động sau.

- Khóa và mở khóa các cửa:
  Sử dụng chìa khóa cơ hoặc điều khiển từ xa. (→P.138, 633)
- Khởi động động cơ và thay đổi các chế độ của công tắc động cơ: →P.634
- Tắt động cơ: →P.231

⚠ CẢNH BÁO

n Lưu ý liên quan đến hoạt động của các thiết bị điện tử

- Những hành khách phải sử dụng máy điều hòa nhịp tim hoặc máy khử rung tim phải giữ khoảng cách thích hợp với các ăng ten của hệ thống mở khóa và khởi động thông minh. (→P.160)
  Sóng radiô có thể sẽ làm ảnh hưởng tới hoạt động của các thiết bị trên. Nếu cần, bạn có thể vô hiệu hóa chức năng vào xe. Hãy hỏi ý kiến đại lý Toyota để có thêm thông tin chi tiết, như tần số của sóng radiô và thời điểm phát ra sóng radiô. Sau đó, hỏi ý kiến của bác sỹ xem liệu bạn có nên vô hiệu hóa chức năng vào xe không.

- Khi sử dụng các thiết bị điện tử y khoa khác (ngoài máy điều hòa nhịp tim và máy khử rung tim), bạn nên tham khảo ý kiến của nhà sản xuất về những thông tin liên quan đến khả năng hoạt động của thiết bị dưới ảnh hưởng của sóng rađiô.
  Sóng rađiô có thể gây ra những tác động không mong muốn tới hoạt động của các thiết bị y khoa nói trên.

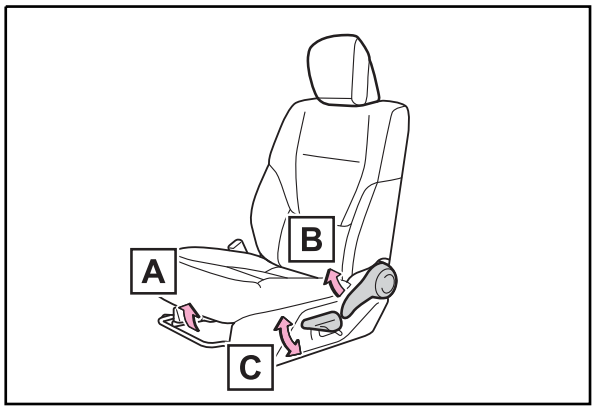
Hãy hỏi ý kiến Đại lý Toyota để biết thêm những thông tin chi tiết về việc vô hiệu hóa chức năng vào xe.

Ghế trước

Có thể điều chỉnh các ghế (theo phương nằm ngang, thẳng đứng,...). Điều chỉnh ghế để đảm bảo tư thế lái xe đúng.

Quy trình điều chỉnh

▶ Ghế thường

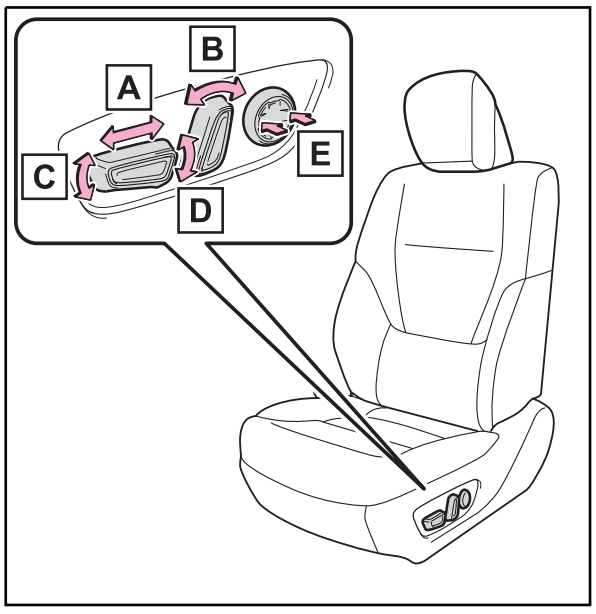


A Cần điều chỉnh vị trí ghế

B Cần điều chỉnh ngả lưng ghế

C Cần điều chỉnh chiều cao ghế (chỉ với ghế người lái)

▶ Ghế điều khiển điện



A Công tắc điều khiển vị trí ghế

B Công tắc điều khiển ngả lưng ghế

C Công tắc điều khiển góc nghiêng (phía trước) của nệm ghế

D Công tắc điều khiển chiều cao ghế

E Công tắc điều khiển đỡ ngang lưng ghế (chỉ với ghế người lái)

n **Khi điều chỉnh ghế**

l Chắc chắn rằng không có bất kỳ hành khách hoặc vật thể xung quanh nào tiếp xúc với ghế.

l Hãy thận trọng khi điều chỉnh ghế để tựa đầu không chạm vào trần xe.

n **Hệ thống dễ vào xe (xe có bộ nhớ vị trí lái)**

Ghế của người lái và vô lăng sẽ dịch chuyển theo chế độ của công tắc động cơ và tình trạng thắt đai an toàn của người lái. (→P.191)

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi điều chỉnh vị trí ghế**

l Hãy cẩn thận khi điều chỉnh vị trí ghế để đảm bảo không gây chấn thương cho các hành khách khác trong khi dịch chuyển ghế.

l Không để tay dưới ghế hoặc gần các chi tiết chuyển động để tránh bị chấn thương.
Do ngón tay hoặc bàn tay có thể sẽ bị kẹp bởi hệ thống cơ khí của ghế.

l Hãy đảm bảo để đủ khoảng trống xung quanh chân sao cho chân không bị kẹt.

l Chỉ áp dụng với ghế thường: Sau khi điều chỉnh ghế, hãy đảm bảo rằng ghế đã được khóa chắc chắn tại vị trí đó.

⚠ CẢNH BÁO

n **Điều chỉnh ghế**

Để tránh cho cơ thể khỏi bị trượt dưới đai hông trong khi va chạm, không ngả lưng ghế quá nhiều.
Nếu ngả ghế quá nhiều, trong khi bị va chạm, đai an toàn có thể sẽ trượt qua hông và tác dụng lực trực tiếp lên bụng của bạn hoặc đai vai có thể sẽ thít vào cổ của bạn làm tăng khả năng bị chấn thương nghiêm trọng hoặc bị tử vong.
Không nên điều chỉnh ghế trong khi lái xe, nếu không ghế có thể sẽ bị dịch chuyển bất ngờ và gây mất lái.

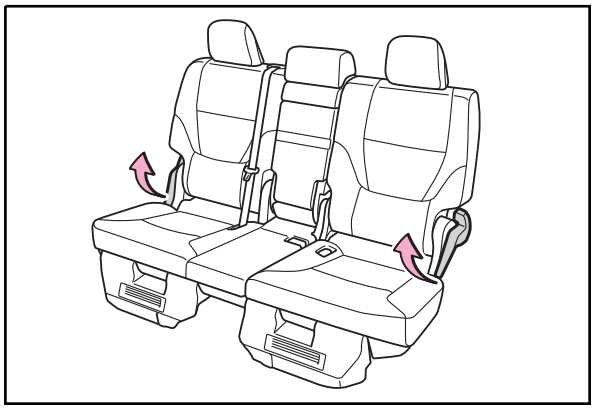
Ghế sau

Có thể điều chỉnh góc ngả lưng ghế và gập lưng ghế bằng cách sử dụng lẫy hoặc công tắc.

Quy trình điều chỉnh

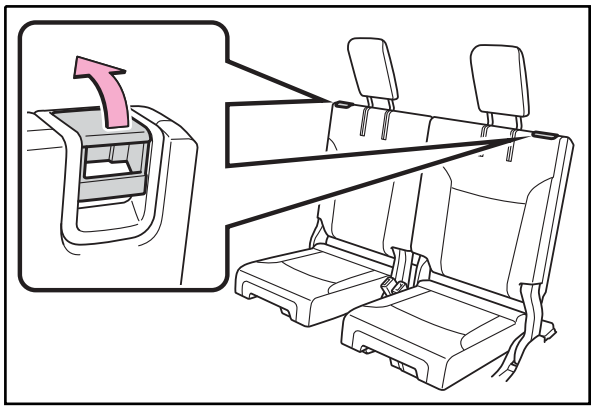
n **Hàng ghế thứ hai**

Kéo lẫy và điều chỉnh lưng ghế.



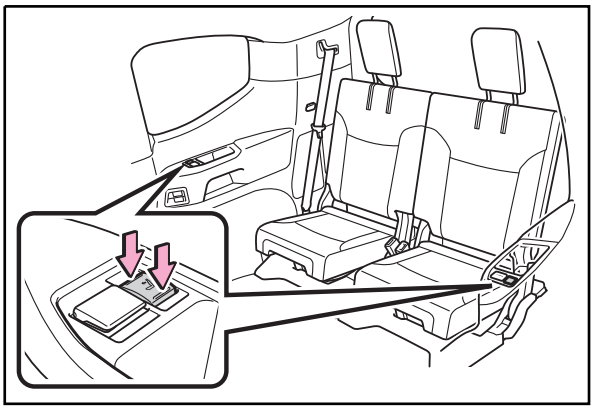
n **Ghế thứ 3 (Loại ghế thường) (nếu có)**

Kéo lẫy và điều chỉnh lưng ghế.



n **Ghế thứ 3 (Loại ghế điều khiển điện) (nếu có)**

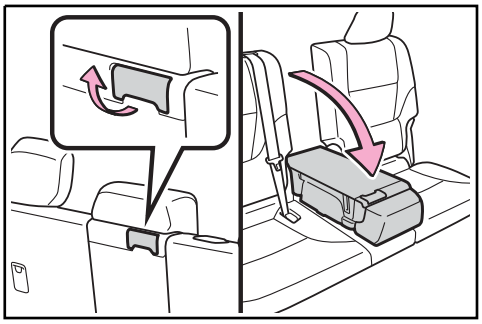
Ấn nút và điều chỉnh lưng ghế.



n Gập lưng ghế giữa xuống (xe có tựa tay)

Kéo cần nhả khóa lưng ghế giữa ở phía sau lưng ghế và gập lưng ghế xuống.

Để trả lưng ghế của ghế giữa về vị trí ban đầu, hãy nâng lưng ghế lên cho tới khi nó được khóa lại.



⚠ CẢNH BÁO

n Khi gập lưng ghế xuống

Hãy tuân theo các chú ý sau.

Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Không gập lưng ghế xuống trong khi đang lái xe.
- Dừng xe trên bề mặt phẳng, gài phanh đỗ và chuyển cần số tới vị trí P.
- Không để người nào ngồi trên lưng ghế đã gập lại hoặc trong khoang hành lý khi lái xe.
- Không để trẻ nhỏ chui vào khoang hành lý.

n Điều chỉnh góc ngả ghế

Không được gập lưng ghế xuống nhiều hơn mức cho phép. Khi bị tai nạn, phần thân của bạn có thể trượt xuống dưới đai an toàn dẫn đến áp lực lớn tác động lên bụng, hoặc đai vai có thể quấn quanh cổ bạn, điều đó dẫn đến chất thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

⚠ CHÚ Ý

n Khi sử dụng ghế sau

- Chú ý không được để tay hoặc chân bị kẹt vào các chi tiết dịch chuyển hoặc khu vực tiếp nối.
- Không sắp xếp các ghế khi đang có người ngồi.

Khi vào và ra khỏi ghế thứ 3 (nếu có)

Để dễ dàng vào hàng ghế thứ ba, thực hiện bước **1** trong "Lật hàng ghế thứ hai". (→P.169)

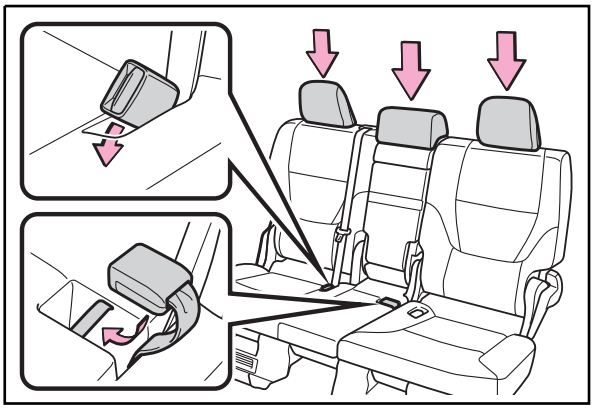
Khi lật hàng ghế thứ hai

n Trước khi lật hàng ghế thứ hai

1 Hãy thu gọn kẹp khóa đai an toàn và hạ tựa đầu tới vị trí thấp nhất.

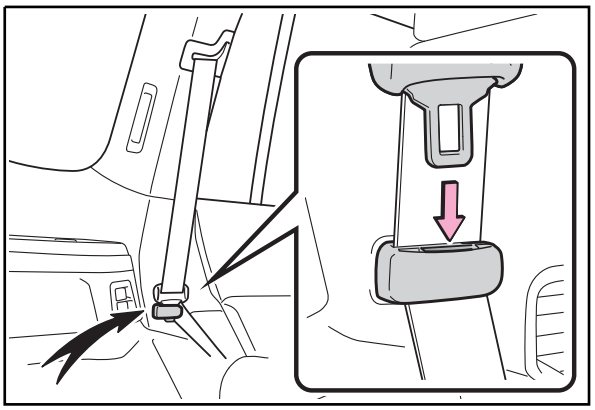
Sử dụng dây để bắt chặt khóa đai

ghế giữa.



2 Luồn đai an toàn phía ngoài qua các móc treo đai và cắm móc khóa đai vào móc treo.

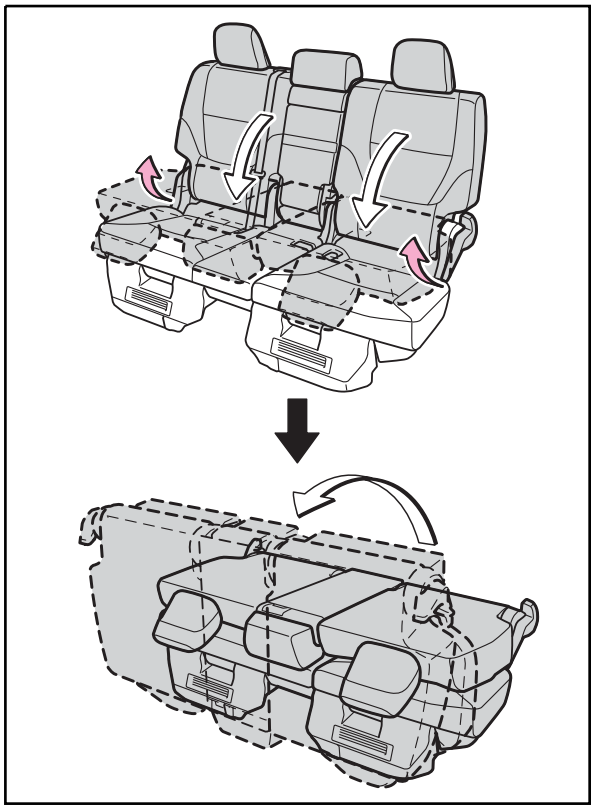
Việc này sẽ giúp cho đai vai không bị hỏng.



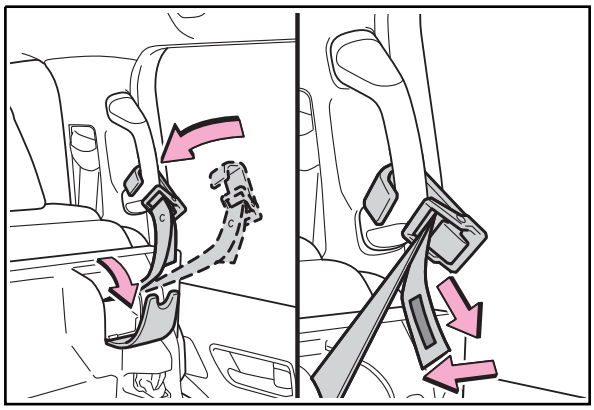
n **Lật hàng ghế thứ hai**

1 Hãy kéo lẫy lên.

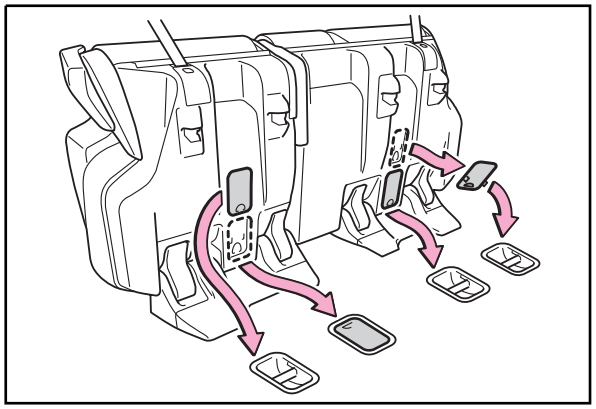
Lưng ghế sẽ gập về phía trước và ghế lật lên.



2 Mở nắp và sau đó gắn móc vào tay nắm để tránh cho ghế khỏi bị dịch chuyển.



3 Tháo nắp che móc ghế ra khỏi mặt dưới của nệm ghế, và lắp chúng vào các móc ghế.



CẢNH BÁO

n **Khi lật hàng ghế thứ hai**

l Không ngồi lên hoặc đặt bất cứ thứ gì trên lưng ghế trong khi lái xe.

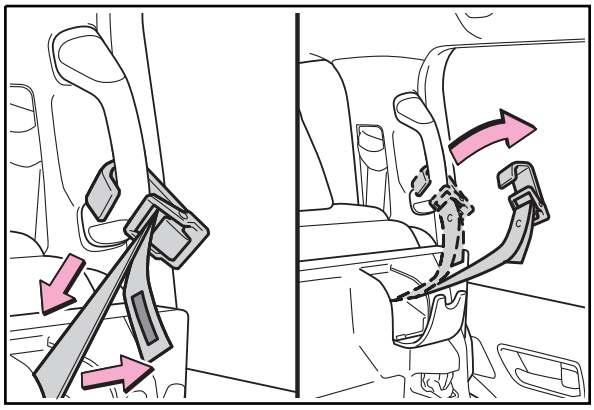
l Hãy lắp lại các nắp che móc khóa chân ghế để tránh bị bỏng khi móc khóa nóng lên.

l Không được gập ghế thứ hai nếu đang kết nối một thiết bị điện với ổ cắm điện (12 VDC) hoặc các cổng sạc USB Kiểu C (nếu có) ở phía sau hộp điều khiển trung tâm. Ghế thứ hai có thể đập vào thiết bị điện và gây hư hỏng nó.

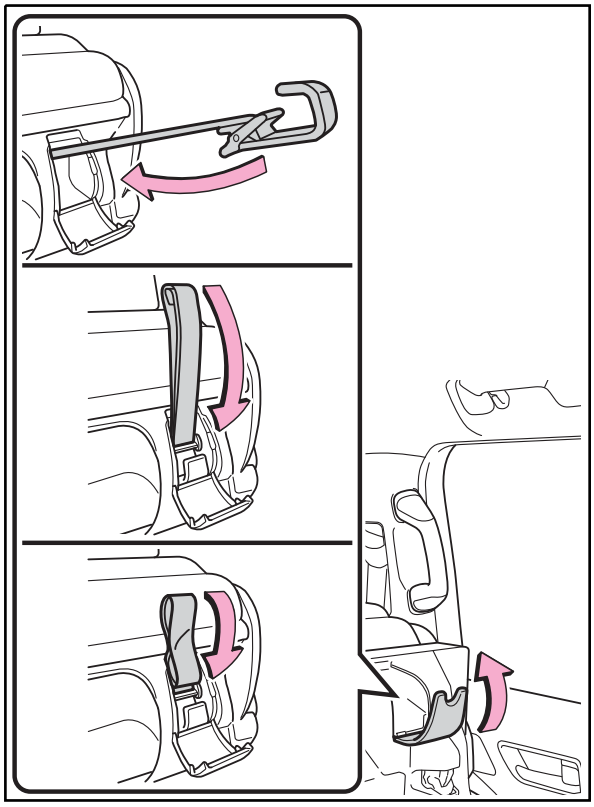
Trả ghế thứ 2 về vị trí ban đầu

1 Nhả móc khỏi tay nắm.

Nếu khó nhả móc ra khỏi tay nắm, hãy nới lỏng dây đai.



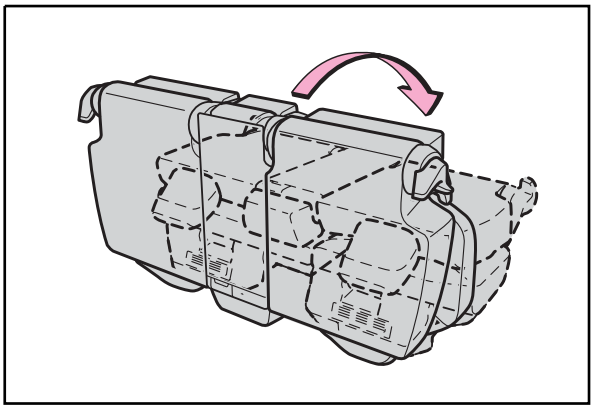
2 Cất móc và gấp dây, sau đó đóng nắp che.



3 Trả ghế về vị trí ban đầu.

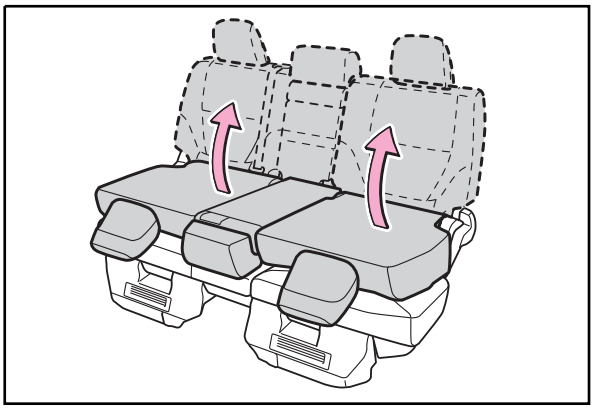
Ấn vào ghế cho đến khi nó được

khóa lại.

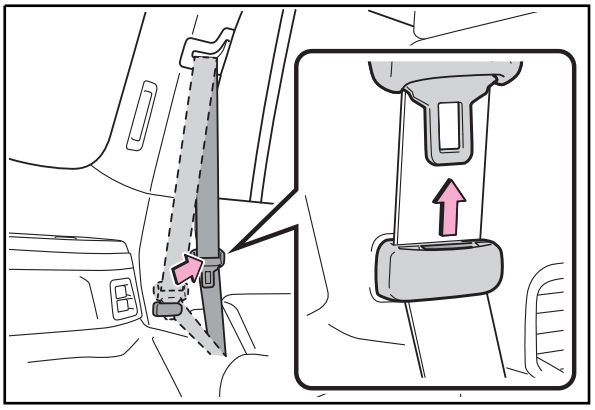


4 Nâng lưng ghế lên.

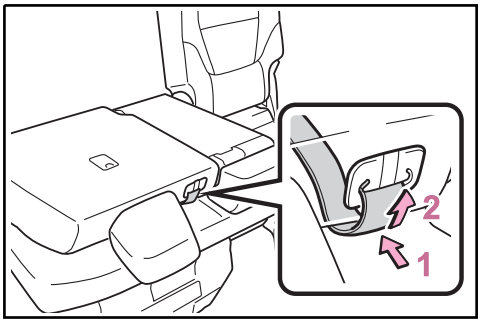
Nâng lưng ghế lên đến khi nó được khóa lại.



5 Tháo đai an toàn khỏi móc treo đai trước khi sử dụng ghế thứ hai.



n Nếu không thể nâng được lưng ghế (xe có tựa tay)



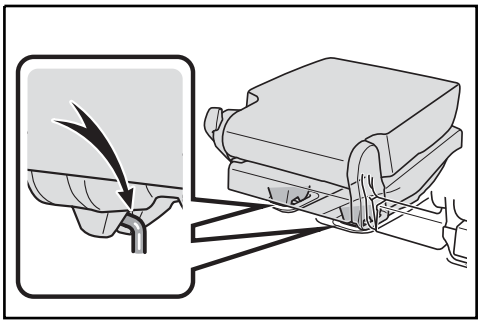
1 Ấn vào phần mép dưới phía trước của lưng ghế để nới lỏng đai.

2 Để cho đai thu lại một chút.

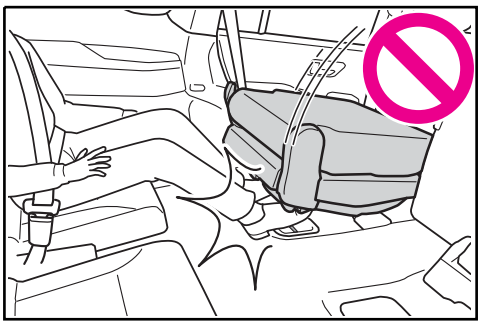
⚠ CẢNH BÁO

n Khi trả ghế về vị trí ban đầu

l Chắc chắn rằng các chân ghế đã được cố định xuống sàn khi đẩy lùi các ghế.



l Khi trả ghế thứ 2 về vị trí ban đầu của nó, lưu ý không được để kẹt tay hoặc chân của hành khách trên các ghế thứ 3 bị kẹt giữa ghế thứ 2 và sàn xe.



CẢNH BÁO

n **Sau khi trả ghế về vị trí ban đầu**

l Sau khi trả ghế về vị trí ban đầu của nó, hãy lắc nhẹ về phía trước và phía sau để kiểm tra nó đã được khóa chắc chắn.

l Không kéo đai an toàn.

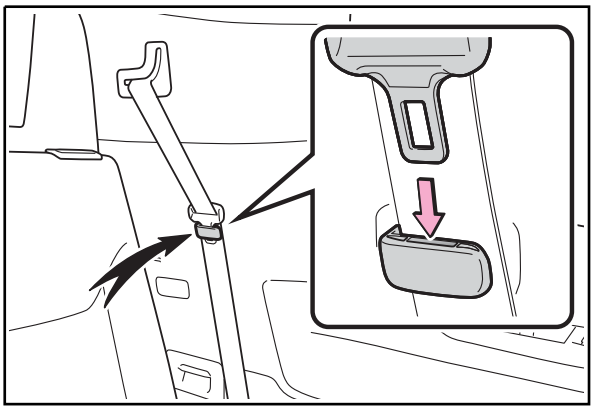
l Hãy đảm bảo rằng đai an toàn đã được tháo khỏi móc treo như trước.

Khi xếp gọn ghế thứ 3 (loại ghế thường)

n **Trước khi xếp gọn hàng ghế thứ 3**

1 Hãy luồn đai an toàn qua các móc treo đai và cố định móc khóa.

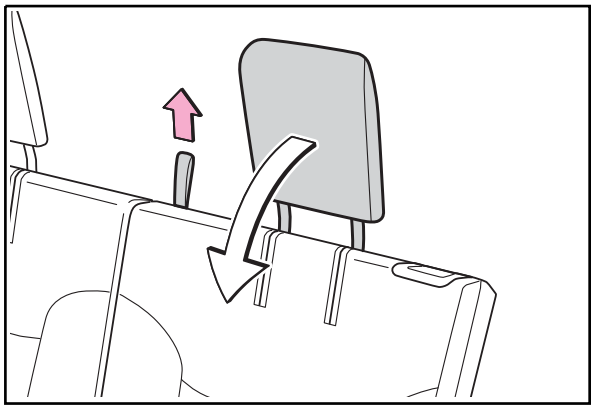
Việc này sẽ giúp cho đai vai không bị hỏng.



2 Điều chỉnh lưng ghế của hàng ghế thứ 2 sao cho nó không bị vướng vào ghế thứ 3. (→P.167)

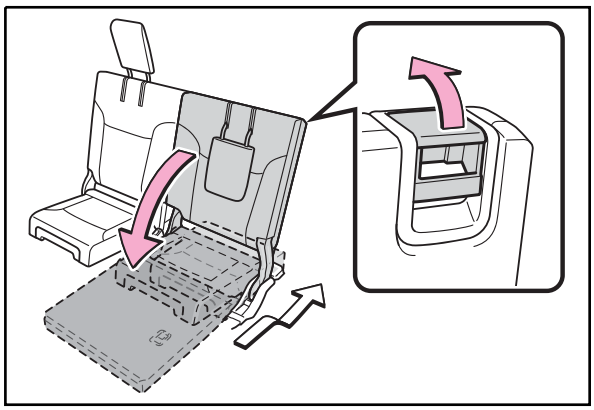
n **Xếp gọn hàng ghế thứ ba**

1 Kéo dây và gập tựa đầu.



2 Kéo cần và gập lưng ghế xuống.

Nệm ghế được xếp gọn phía sàn xe khi gập lưng ghế.



CẢNH BÁO

n **Khi xếp gọn hàng ghế thứ ba**

Hãy tuân theo các chú ý sau.

Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

l Hãy kiểm tra để đảm bảo rằng không có hành lý hay hành khách nào ở xung quanh ghế trước khi tiến hành thu gọn ghế.

l Thực hiện quy trình sau một cách từ từ và cẩn thận.

l Không được đưa tay hay chân vào các chi tiết chuyển động của ghế.

l Không để trẻ em điều khiển ghế.

CẢNH BÁO

l Không được sử dụng ghế nếu chỉ thu gọn nệm ghế.

CHÚ Ý

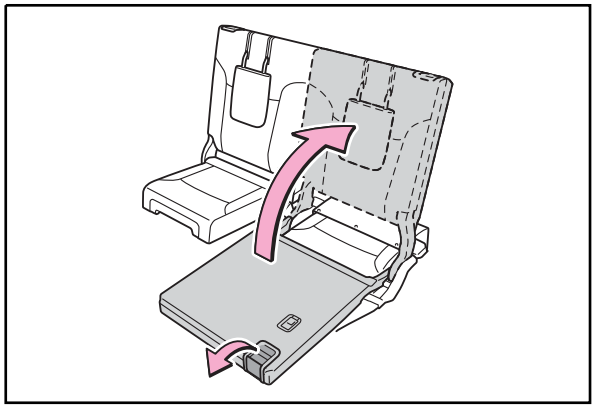
n **Khi xếp gọn hàng ghế thứ ba**

Nếu có lắp tấm che hành lý vào xe, hãy tháo tấm che hành lý. (→P.504) Ghế thứ 3 có thể va vào tấm che hành lý và gây hỏng nó.

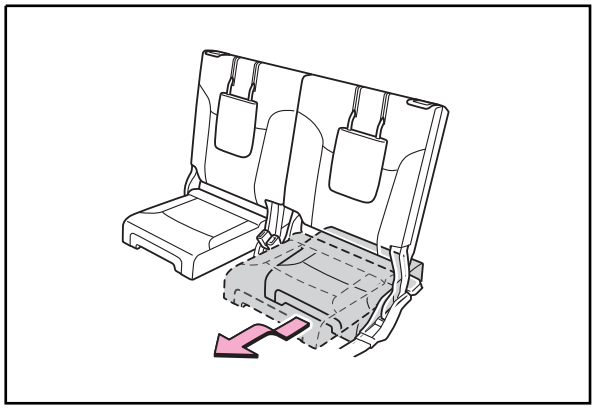
Trả ghế thứ 3 (Loại ghế thường) về vị trí ban đầu

1 Kéo lẫy trong khi nâng lưng ghế lên.

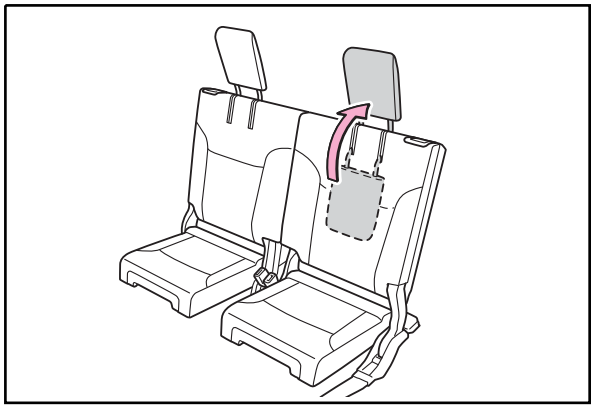
Hãy nâng lưng ghế lên cho tới khi nó khóa lại.



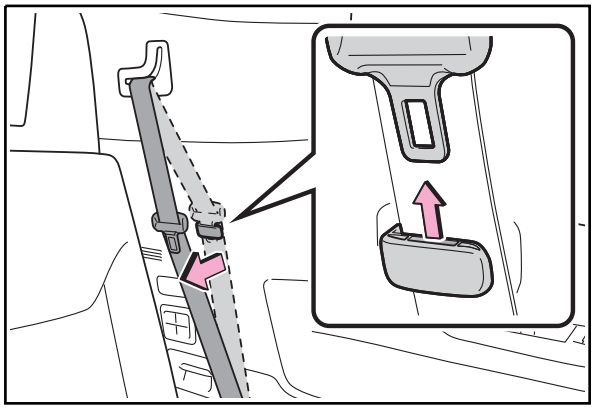
2 Hãy kéo tay nắm và kéo nệm ghế ra.



3 Nâng tựa đầu lên.



4 Tháo đai an toàn khỏi móc treo đai trước khi sử dụng ghế thứ ba.



CẢNH BÁO

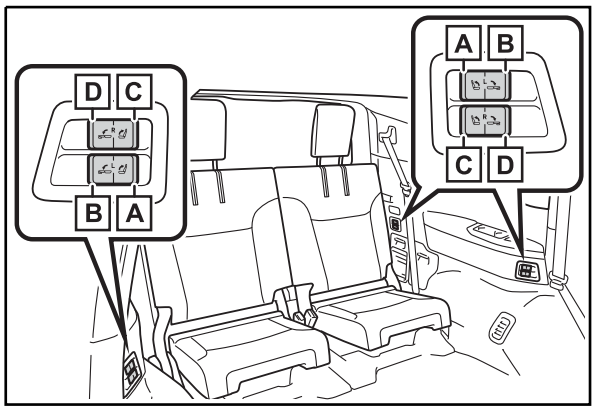
n **Sau khi trả ghế về vị trí ban đầu**

l Sau khi trả ghế về vị trí ban đầu của nó, hãy lắc nhẹ về phía trước và phía sau để kiểm tra nó đã được khóa chắc chắn.

l Không kéo đai an toàn.

l Hãy đảm bảo rằng đai an toàn đã được tháo khỏi móc treo như trước.

Các công tắc điều khiển ghế thứ 3 điều khiển điện (nếu có)



A Công tắc trả ghế bên trái

B Công tắc xếp gọn ghế bên trái

C Công tắc trả ghế bên phải

D Công tắc xếp gọn ghế bên phải

Có thể thực hiện điều khiển bằng cách sử dụng cả ghế và các công tắc cửa hậu.

n Có thể điều khiển hàng ghế thứ ba kiểu điều chỉnh điện khi

Khi công tắc động cơ tắt off, hoặc bật ON với cần số đang ở vị trí P.

n Vận hành công tắc

- Không được nhả công tắc ra trong khi ghế thứ 3 đang hoạt động. Việc nhả công tắc sẽ làm cho ghế dừng hoạt động và làm kêu chuông báo (kêu liên tục). Ấn nút này một lần nữa để tắt chuông báo.
- Nếu ghế thứ 3 gần với ghế thứ 2 hoặc các bộ phận xung quanh khác, có thể làm hạn chế sự dịch chuyển của ghế thứ 3.

n Nếu chuông cảnh báo kêu liên tục

Nếu xảy ra lỗi hệ thống, chuông cảnh báo có thể kêu liên tục khi công tắc động cơ bật ON. Trong trường hợp này, hãy thực hiện như sau.

1. Hãy ấn và giữ công tắc hồi trên cửa hậu.
2. Ấn công tắc xếp gọn trên ghế 5 lần trong 10 giây, và kiểm tra rằng chuông báo kêu 3 lần.
3. Ấn và giữ công tắc hồi trên ghế hoặc cửa hậu.

Sau khi đã xếp gọn ghế, chuông cảnh báo sẽ dừng kêu.

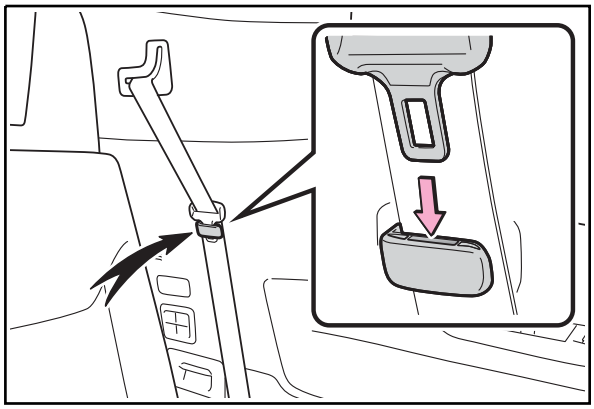
Nếu lỗi không biến mất khi tiến hành đúng theo quy trình trên, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

Khi xếp gọn ghế thứ 3 (loại ghế điều khiển điện)

n Trước khi xếp gọn hàng ghế thứ 3

1. Hãy luồn đai an toàn qua các móc treo đai và cố định móc khóa.

Việc này sẽ giúp cho đai vai không bị hỏng.



2. Điều chỉnh lưng ghế của hàng ghế thứ 2 sao cho nó không bị vướng vào ghế thứ 3. (→P.167)

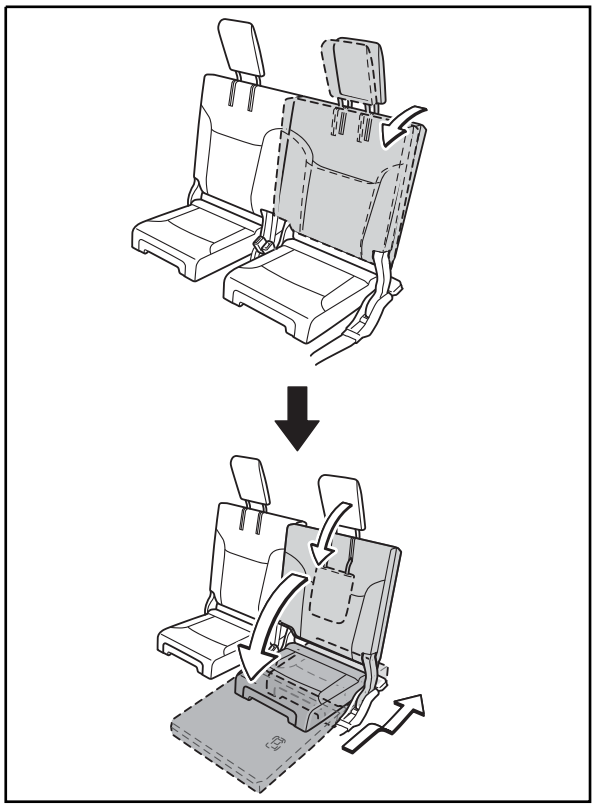
n Xếp gọn ghế thứ 3

Ấn và giữ công tắc gập để gập ghế thứ ba.

Sau khi chuông kêu 2 lần, lưng ghế

sẽ được gập xuống và tựa đầu và nệm ghế sẽ tự động được xếp gọn xuống sàn xe.

Khi đã xếp gọn ghế, chuông báo sẽ kêu 2 lần và hoạt động sẽ được tự động dừng lại. Khi đã dừng hoạt động, hãy nhả công tắc.



CẢNH BÁO

n **Khi xếp gọn hàng ghế thứ ba**

Hãy tuân theo các chú ý sau.

Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Hãy kiểm tra để đảm bảo rằng không có hành lý hay hành khách nào ở xung quanh ghế trước khi tiến hành thu gọn ghế.
- Không được đưa tay hay chân vào các chi tiết chuyển động của ghế.
- Không để trẻ em điều khiển ghế.
- Không được sử dụng ghế nếu chỉ thu gọn nệm ghế.

CHÚ Ý

n **Khi xếp gọn hàng ghế thứ ba**

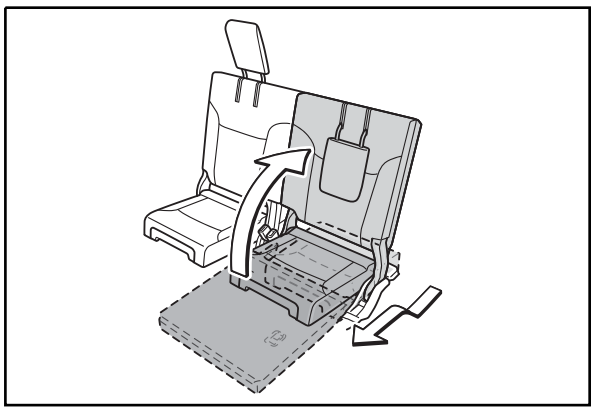
Nếu có lắp tấm che hành lý vào xe, hãy tháo tấm che hành lý. (→P.504) Ghế thứ 3 có thể va vào tấm che hành lý và gây hỏng nó.

Trả ghế thứ 3 (Loại ghế điều khiển điện) về vị trí ban đầu

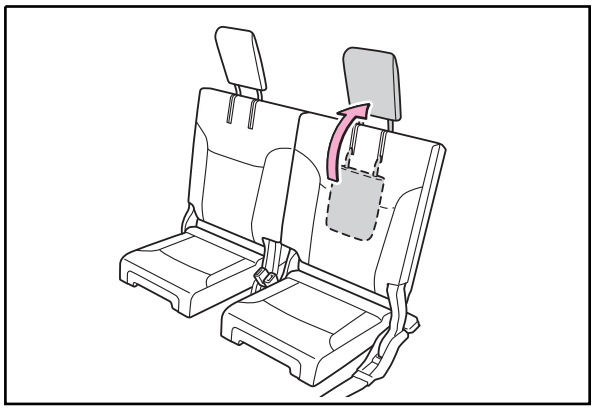
1 Ấn và giữ công tắc hồi để trả các ghế thứ 3 về vị trí ban đầu.

Sau khi chuông báo kêu 2 lần, lưng ghế và nệm ghế sẽ bắt đầu được dịch chuyển. Chắc chắn không được nhả công tắc trước khi hoạt động chưa hoàn thành.

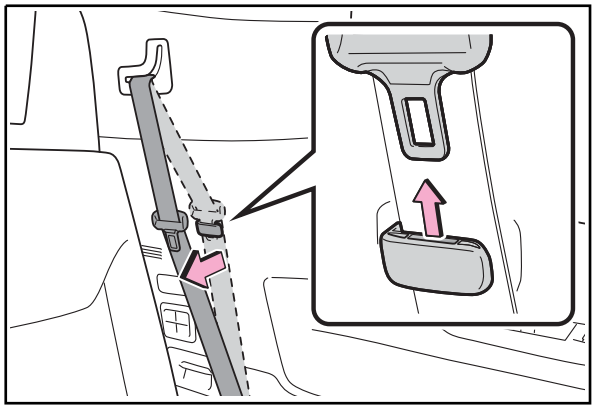
Khi ghế đã được thu gọn, chuông báo sẽ kêu 2 lần và hoạt động sẽ được tự động dừng lại. Khi hoạt động đã dừng, hãy nhả công tắc.



2 Nâng tựa đầu lên.



3 Tháo đai an toàn khỏi móc treo đai trước khi sử dụng ghế thứ ba.



CẢNH BÁO

n **Sau khi trả ghế về vị trí ban đầu**

l Không kéo đai an toàn.

l Hãy đảm bảo rằng đai an toàn đã được tháo khỏi móc treo như trước.

l Nâng tựa đầu lên tới vị trí ban đầu của nó.

Tựa đầu

Tựa đầu được trang bị cho tất cả các ghế.

CẢNH BÁO

n **Các lưu ý với tựa đầu**

Hãy tuân theo những lưu ý sau liên quan đến tựa đầu.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

l Sử dụng tựa đầu được thiết kế phù hợp với loại ghế tương ứng.

l Luôn luôn điều chỉnh tựa đầu tới vị trí phù hợp.

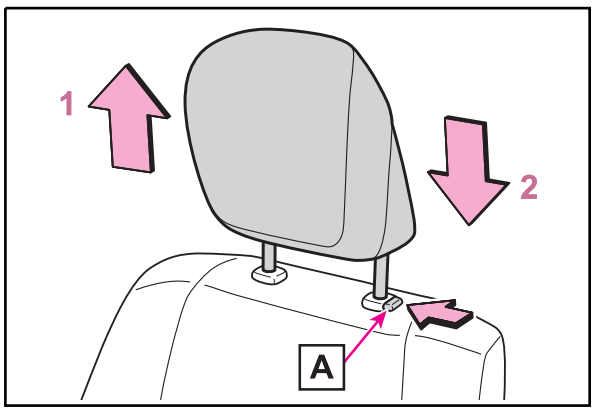
l Sau khi điều chỉnh các tựa đầu, hãy ấn tựa đầu xuống để đảm bảo rằng tựa đầu đã được khóa tại vị trí đó.

l Không được lái xe với tựa đầu đã bị tháo ra.

l Xe có hàng ghế thứ ba: Khi đang ngồi trên ghế thứ 3, hãy đảm bảo rằng tựa đầu không được gập lại.

Điều chỉnh chiều cao tựa đầu

n **Các ghế trước và ghế ngoài hàng ghế thứ 2**

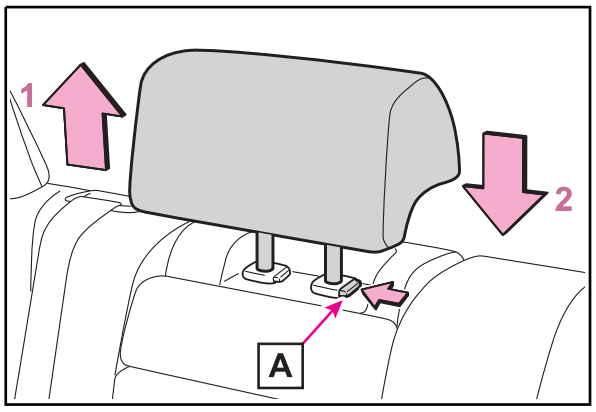


1 Nâng lên

2 Hạ xuống

Hãy ấn tựa đầu xuống trong khi ấn vào nút nhả khóa tựa đầu A.

n **Ghế giữa hàng thứ 2**



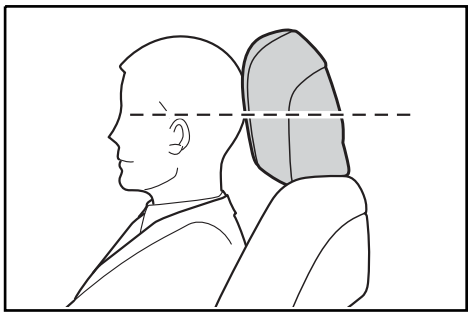
1 Nâng lên

2 Hạ xuống

Hãy ấn tựa đầu xuống trong khi ấn vào nút nhả khóa tựa đầu A.

n **Điều chỉnh chiều cao tựa đầu (ghế trước và ghế bên ngoài hàng ghế thứ 2)**

Hãy đảm bảo rằng tựa đầu được điều chỉnh sao cho tâm của tựa đầu nằm gần đỉnh tai của bạn nhất.



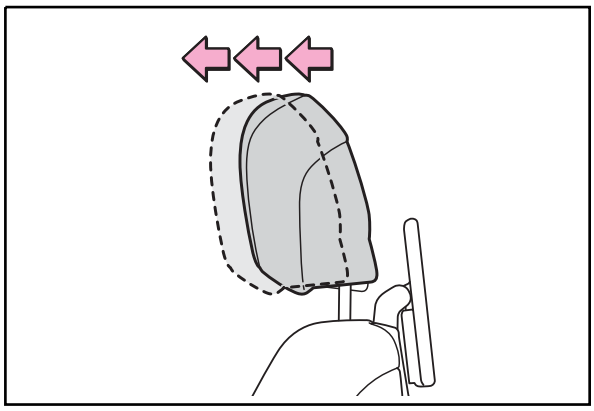
n **Sử dụng tựa đầu của ghế giữa hàng ghế thứ 2**

Khi sử dụng, hãy nâng tựa đầu lên một nấc từ vị trí xếp gọn.

Điều chỉnh tựa đầu theo phương ngang (nếu có)

Vị trí của tựa đầu có thể điều chỉnh về phía trước theo 4 giai đoạn.

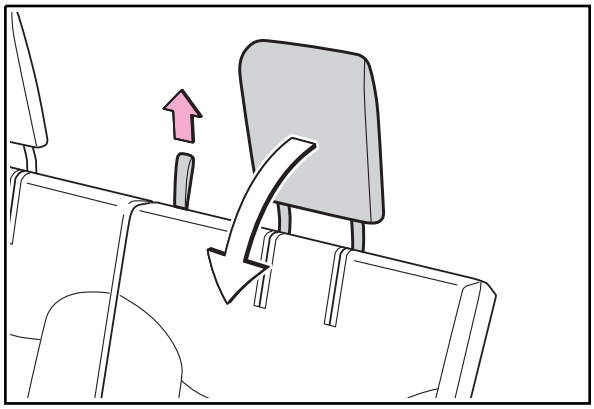
Nếu tựa đầu được kéo về phía trước từ vị trí trước nhất, nó sẽ trở về vị trí sau cùng.



Gập tựa đầu xuống (hàng ghế thứ ba) (nếu có)

Kéo dây lên để gập tựa đầu.

Để đặt lại tựa đầu, hãy kéo tựa đầu lên.

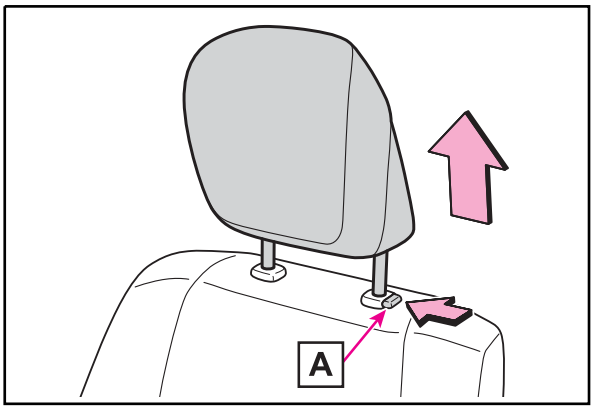


Tháo các tựa đầu

n **Các ghế trước và ghế ngoài hàng ghế thứ 2**

Hãy kéo tựa đầu lên trong khi ấn vào nút nhả khóa tựa đầu A.

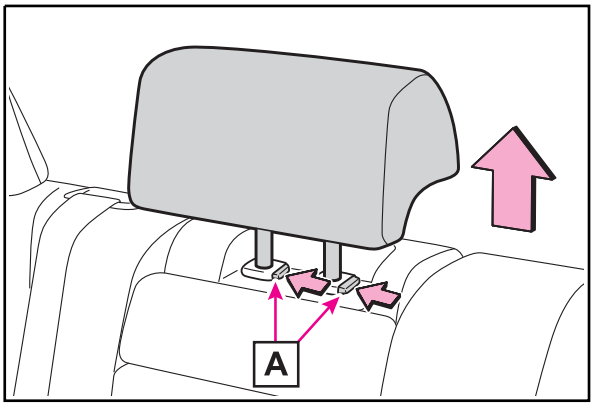
Nếu tựa đầu chạm vào trần xe sẽ rất khó tháo ra, hãy thay đổi chiều cao ghế hoặc góc nghiêng của lưng ghế. (→P.166, 167)



n **Ghế giữa hàng thứ 2**

Hãy kéo tựa đầu lên trong khi ấn vào nút nhả khóa tựa đầu A.

Nếu khó tháo tựa đầu do nó đang chạm vào trần xe, thì hãy thay đổi góc nghiêng của lưng ghế. (→P.167)



n **Hàng ghế thứ ba (nếu có)**

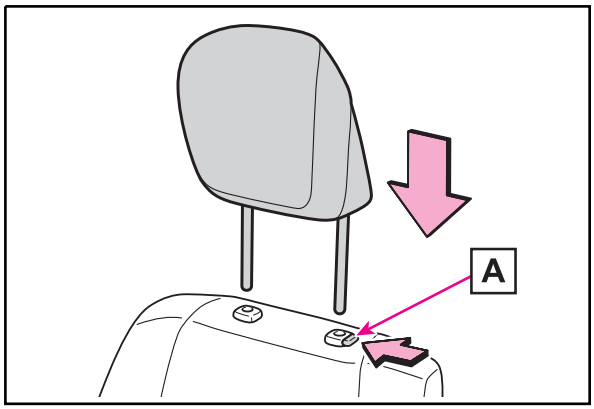
Không thể tháo tựa đầu ra được.

Lắp tựa đầu

n **Các ghế trước và ghế ngoài hàng ghế thứ 2**

Gióng thẳng tựa đầu với lỗ lắp tựa đầu và ấn nó xuống tới vị trí khóa.

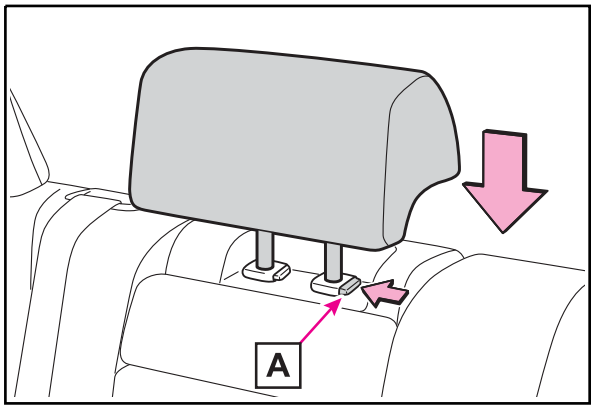
Hãy ấn và giữ nút nhả khóa A khi hạ thấp tựa đầu xuống.



n **Ghế giữa hàng thứ 2**

Gióng thẳng tựa đầu với lỗ lắp tựa đầu và ấn nó xuống tới vị trí khóa.

Hãy ấn và giữ nút nhả khóa A khi hạ thấp tựa đầu xuống.

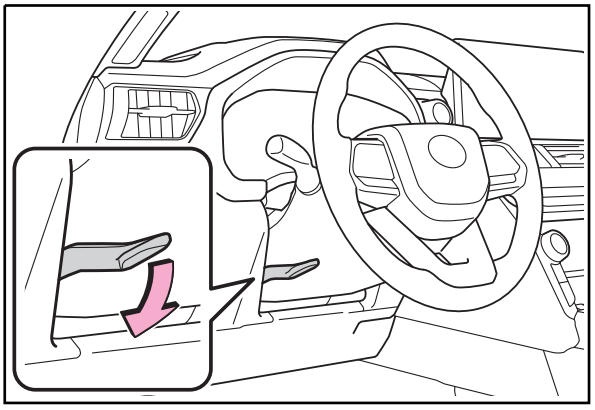


Vô lăng

Quy trình điều chỉnh

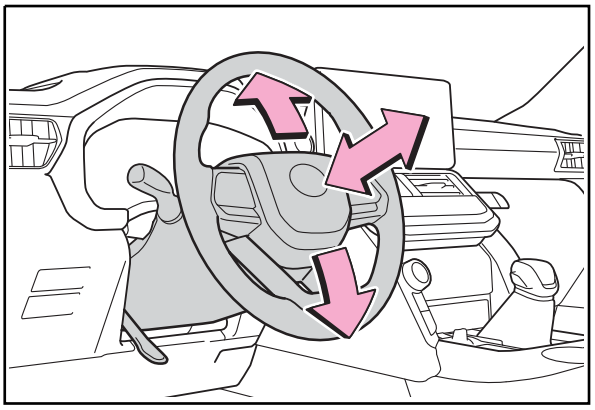
▶ Kiểu điều chỉnh thủ công

1 Giữ vô lăng và kéo lẫy nhả khóa vô lăng xuống.



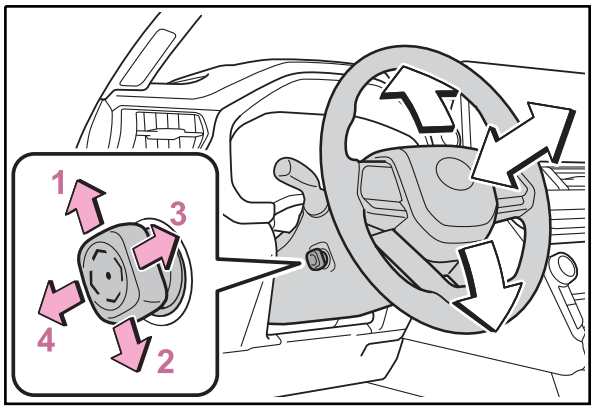
2 Hãy điều chỉnh vô lăng đến vị trí mong muốn bằng cách dịch chuyển vô lăng theo phương nằm ngang và thẳng đứng.

Sau khi điều chỉnh, hãy kéo lẫy điều chỉnh lên để cố định vô lăng.



▶ Kiểu điều chỉnh điện

Sử dụng công tắc để dịch chuyển vô lăng theo các hướng sau:



1 Nâng lên

2 Hạ xuống

3 Trượt về phía người lái

4 Trượt ra xa người lái

n **Có thể điều chỉnh vị trí của vô lăng điều chỉnh điện khi**

Công tắc động cơ ở ACC hoặc ON.

n **Hệ thống dễ vào xe (nếu có)**

Vô lăng và ghế của người lái dịch chuyển theo chế độ của công tắc động cơ và tình trạng thắt đai an toàn của người lái. (→P.191)

n **Tự động điều chỉnh vị trí vô lăng (vô lăng điều chỉnh điện)**

Có thể lưu vị trí mong muốn của vô lăng vào bộ nhớ và tự động gọi lại bằng hệ thống nhớ vị trí lái. (→P.192)

n **Sau khi điều chỉnh vô lăng (kiểu điều chỉnh thủ công)**

Hãy đảm bảo rằng vô lăng đã được khóa chắc chắn.

Còi có thể không kêu nếu vô lăng chưa được khóa chắc chắn.

⚠ CẢNH BÁO

n **Chú ý khi lái xe**

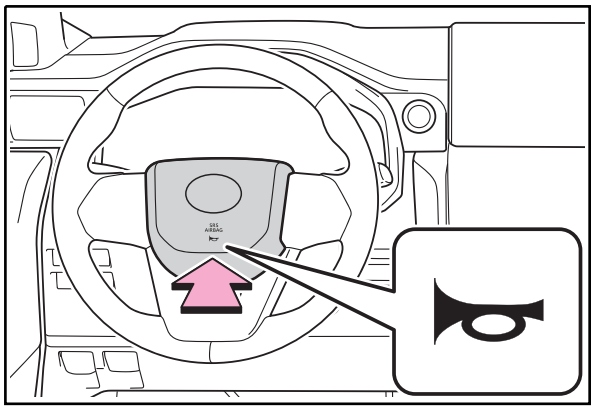
Không điều chỉnh vô lăng khi đang lái xe.

Nếu không, có thể sẽ làm mất lái và gây ra tai nạn dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

n **Sau khi điều chỉnh vô lăng (kiểu điều chỉnh thủ công)**

Hãy đảm bảo rằng vô lăng đã được khóa chắc chắn.

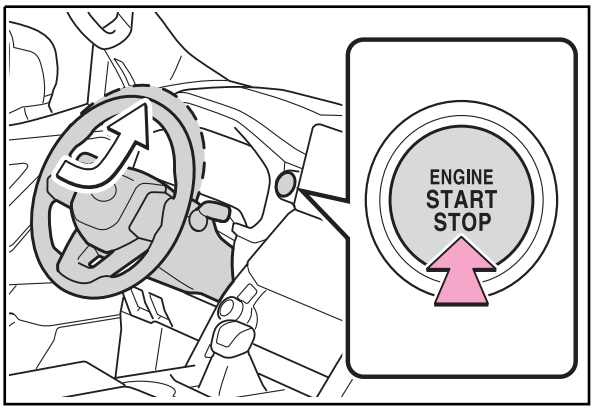
Nếu không, vô lăng có thể sẽ bị dịch chuyển bất ngờ và gây ra tai nạn, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong. Đồng thời, còi xe có thể sẽ không kêu nếu vô lăng chưa được khóa chắc.



Tự động nâng và thu gọn vô lăng(kiểu vô lăng điều chỉnh điện)

Khi tắt công tắc động cơ, vô lăng sẽ trả về vị trí thu gọn bằng cách dịch chuyển vô lăng lên và thu gọn lại để người lái có thể dễ dàng ra vào xe.

Khi bật công tắc động cơ sang chế độ ACC hoặc ON, vô lăng sẽ trở về vị trí ban đầu.



Còi

Để bấm còi, hãy ấn vào hoặc gần biểu tượng .

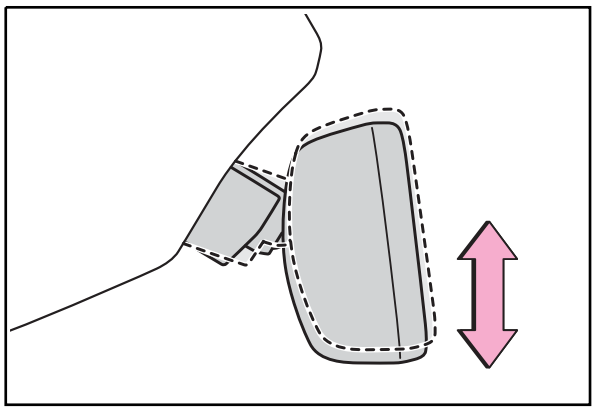
Gương chiếu hậu bên trong xe

Có thể điều chỉnh vị trí của gương chiếu hậu để đảm bảo khả năng quan sát phía sau xe.

Điều chỉnh chiều cao của gương chiếu hậu

Có thể điều chỉnh chiều cao của gương chiếu hậu để phù hợp với tư thế lái xe.

Điều chỉnh chiều cao của gương chiếu hậu bằng cách dịch chuyển gương lên và xuống.



⚠ CẢNH BÁO

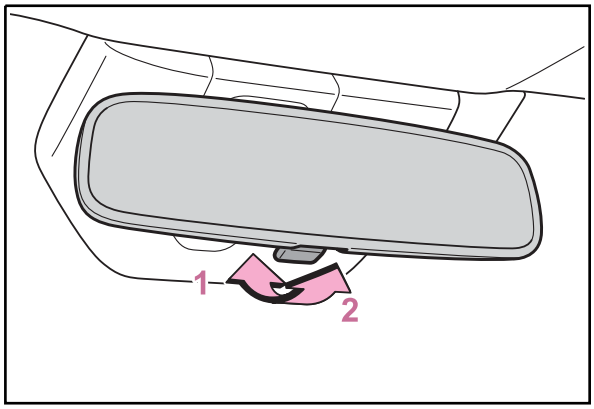
n **Chú ý khi lái xe**

Không điều chỉnh vị trí của gương trong khi lái xe.
Nếu không có thể dẫn đến mất lái và gây ra tai nạn dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

Chức năng chống chói

▶ Gương chiếu hậu bên trong chống chói kiểu thường

Bạn có thể giảm độ chói do ánh sáng phản chiếu từ đèn pha của xe phía sau bằng cách điều chỉnh lẫy như sau.



1 Vị trí bình thường

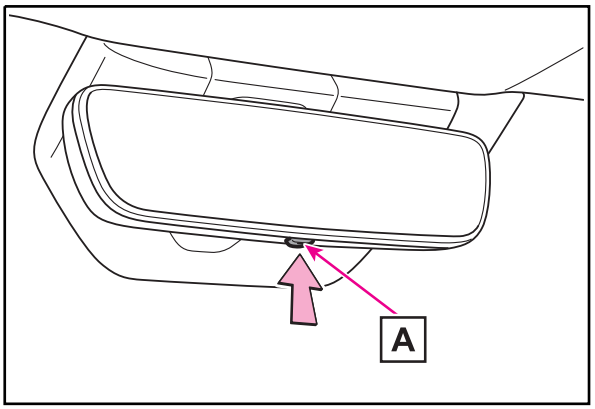
2 Vị trí chống chói

▶ Gương chiếu hậu bên trong chống chói kiểu tự động

Tùy vào độ sáng đèn pha của xe chạy sau, ánh sáng phản xạ qua gương sẽ tự động được giảm đi.

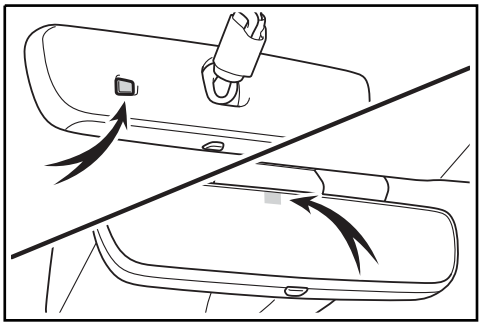
Bật/tắt chế độ của chức năng chống chói kiểu tự động.

Khi chức năng chống chói kiểu tự động ở chế độ ON, đèn chỉ báo A sẽ sáng.
Chức năng này sẽ được đặt đến chế độ ON mỗi lần công tắc động cơ được bật ON.
Hãy ấn nút này để chuyển chức năng về chế độ OFF. (Đèn chỉ báo A cũng sẽ tắt.)



n Để tránh bị lỗi cảm biến (xe có gương chiếu hậu bên trong chống chói kiểu tự động)

Để đảm bảo cho các cảm biến hoạt động chính xác, không chạm vào hoặc che phủ các cảm biến.



Gương chiếu hậu bên ngoài xe

Có thể điều chỉnh vị trí của gương chiếu hậu để đảm bảo khả năng quan sát phía sau xe.

n Sấy gương (nếu có)

Bạn có thể sử dụng bộ sấy gương để làm trong gương chiếu hậu bên ngoài. Hãy bật bộ sấy kính cửa hậu để bật bộ sấy gương chiếu hậu bên ngoài. (→P.477)

n Chức năng chống chói kiểu tự động (nếu có)

Khi gương chiếu hậu bên trong chống chói được đặt ở chế độ tự động, các gương chiếu hậu bên ngoài sẽ kích hoạt cùng với gương chiếu hậu bên trong chống chói để giảm lượng ánh sáng phản xạ. (→P.181)

n Khi sử dụng gương chiếu hậu bên ngoài xe trong thời tiết lạnh

Khi trời lạnh và gương chiếu hậu bên ngoài bị đóng băng, có thể sẽ không gập/mở gương hoặc điều chỉnh mặt gương được. Hãy gỡ bỏ băng, tuyết… bám trên gương chiếu hậu bên ngoài xe.

⚠ CẢNH BÁO

n Các điểm cần lưu ý khi lái xe

Hãy tuân thủ theo những chú ý sau khi lái xe.
Nếu không có thể sẽ dẫn đến mất lái, gây ra tai nạn dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Không điều chỉnh các gương trong khi lái xe.
- Không lái xe với các gương đã gập lại.

l Cả gương chiếu hậu phía người lái và phía hành khách phải được mở ra và điều chỉnh chính xác trước khi lái xe.

CẢNH BÁO

n **Khi bộ sấy gương đang hoạt động (nếu có)**

Không chạm vào bề mặt gương chiếu hậu, bởi gương có thể đang rất nóng và có thể làm bạn bị bỏng.

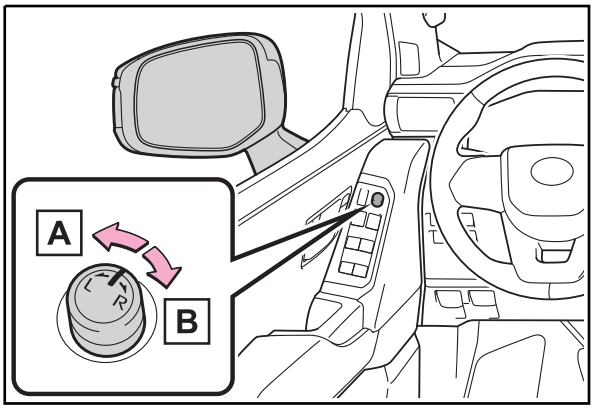
CHÚ Ý

n **Nếu băng đá làm kẹt gương**

Không điều chỉnh gương hoặc cạo mặt gương. Hãy sử dụng chất chống đóng băng để xử lý.

Quy trình điều chỉnh

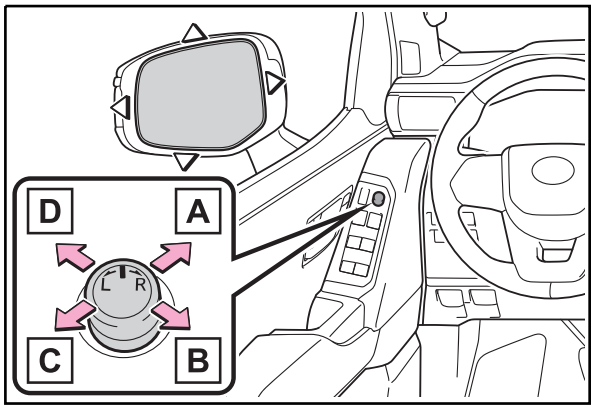
1 Để chọn gương cần điều chỉnh, hãy xoay công tắc chọn gương.



A Sang trái

B Sang phải

2 Để điều chỉnh gương, hãy vận hành công tắc.



A Nâng lên

B Sang phải

C Hạ xuống

D Sang trái

n **Có thể điều chỉnh góc nghiêng của gương khi**

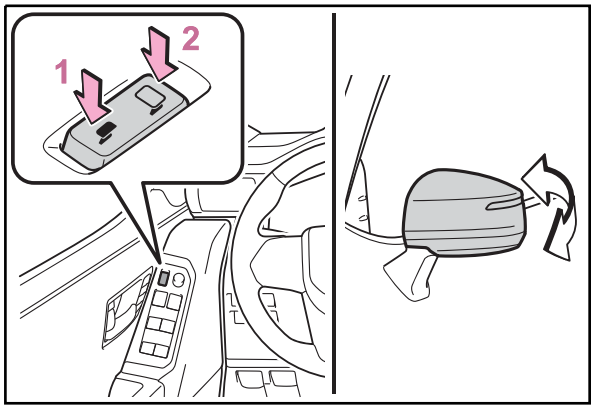
Công tắc động cơ ở ACC hoặc ON.

n **Tự động điều chỉnh góc nghiêng của gương (nếu có)**

Có thể nhập góc mặt gương mong muốn vào bộ nhớ và được tự động gọi lại bằng chức năng ghi nhớ vị trí lái. (→P.192)

Gập và mở gương chiếu hậu

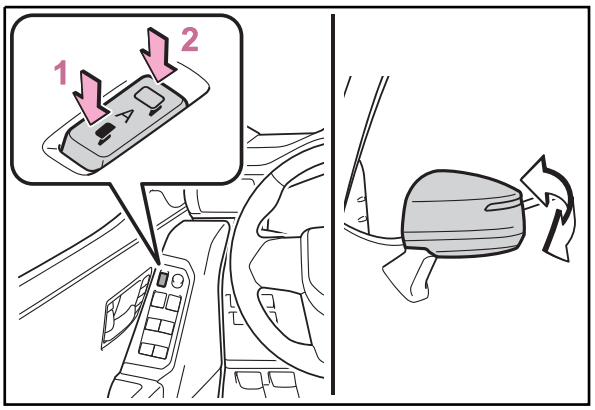
▶ Xe không có chế độ tự động



1 Gập gương

2 Trả gương

▶ Xe có chế độ tự động



1 Gập gương

2 Trả gương

Khi để công tắc gập gương chiếu hậu bên ngoài ở vị trí trung gian sẽ đặt gương ở chế độ tự động. Chế độ tự động cho phép liên kết hoạt động gập gương hoặc mở gương với thao tác khóa/mở khóa cửa xe.

n **Tùy chọn (xe có chế độ tự động)**

Có thể thay đổi chức năng gập và mở gương tự động. (Tính năng tùy chọn: →P.679)

CẢNH BÁO

n **Khi gương đang dịch chuyển**

Để tránh bị thương hoặc làm hỏng gương, hãy cẩn thận để không bị kẹp tay khi gương đang dịch chuyển.

Chức năng tự động chỉnh gương khi lùi xe (nếu có)

Khi công tắc chọn gương được đặt ở vị trí "L" hoặc "R", các gương chiếu hậu bên ngoài sẽ tự động xoay xuống khi lùi xe để người lái có thể quan sát mặt đường tốt hơn.

Để vô hiệu hóa tính năng này, hãy chuyển công tắc chọn gương đến vị trí trung gian (ở giữa vị trí "L" và "R").

n **Điều chỉnh góc đặt của gương khi lùi xe**

Với cần số ở vị trí R, điều chỉnh góc đặt của gương đến vị trí mong muốn. Góc được điều chỉnh sẽ được lưu lại và gương sẽ tự động nghiêng đến góc đặt đã được lưu lại mỗi khi người lái chuyển cần số tới vị trí R trong các lần lùi xe tiếp theo.

Vị trí nghiêng xuống được lưu lại của gương được liên kết với vị trí bình thường (góc xoay của gương được điều chỉnh với cần số không ở vị trí R). Do đó, nếu vị trí bình thường thay đổi sau khi điều chỉnh, vị trí nghiêng cũng sẽ thay đổi.

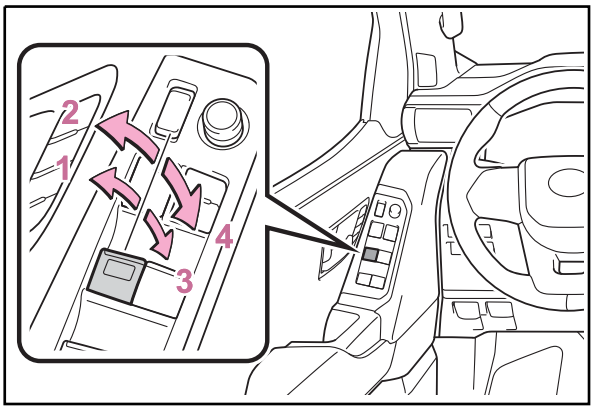
Khi vị trí bình thường của gương bị thay đổi, hãy điều chỉnh lại góc đặt của gương khi lùi xe.

Cửa sổ điện

Mở và đóng các cửa sổ điện

Có thể mở và đóng cửa sổ điện bằng cách dùng các công tắc điều khiển.

Cửa sổ sẽ dịch chuyển khi ấn/kéo công tắc điều khiển như sau:



1 Đóng

2 Lên kính tự động*

3 Mở

4 Xuống kính tự động*

*: Để cửa sổ dừng lưng chừng, hãy ấn/kéo công tắc theo hướng ngược lại.

n **Các cửa sổ điện có thể hoạt động khi**

Công tắc động cơ ở ON.

n **Điều khiển các cửa sổ điện sau khi tắt động cơ**

Bạn có thể điều khiển các cửa sổ điện trong thời gian khoảng 45 giây sau khi chuyển công tắc động cơ đến ACC hoặc tắt. Tuy nhiên, bạn sẽ không thể điều khiển được cửa sổ điện nếu đã mở một trong hai cửa trước.

n **Sử dụng hệ thống điều khiển bằng giọng nói (nếu có)**

Có thể mở và đóng các cửa sổ điện bằng hệ thống điều khiển bằng giọng nói. (Chỉ có thể vận hành khi không ấn công tắc khóa cửa sổ.)

Để biết thêm chi tiết về hệ thống điều khiển bằng giọng nói, hãy tham khảo "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".

n **Chức năng chống kẹt khi lên kính**

Nếu có vật bị kẹt giữa kính cửa sổ và khung cửa sổ trong khi cửa sổ đang đóng lại, cửa sổ sẽ ngừng di chuyển và cửa sổ sẽ hơi mở ra.

n **Chức năng chống kẹt khi xuống kính**

Nếu có vật bị kẹt giữa cửa và cửa sổ trong khi cửa sổ đang mở ra, cửa sổ sẽ ngừng di chuyển.

n **Khi không thể mở hoặc đóng cửa sổ**

Khi chức năng chống kẹt khi lên kính hoặc chống kẹt khi xuống kính hoạt động bất thường và cửa sổ không thể mở hoặc đóng, hãy tiến hành các thao tác sau bằng các công tắc cửa sổ điều khiển điện trên cửa đó.

- Dừng xe. Với công tắc động cơ đang ở ON, trong thời gian 4 giây, chức năng chống kẹt khi lên kính và chống kẹt khi xuống kính đang kích hoạt, tiếp tục vận hành lên kính tự động hoặc xuống kính tự động, thì cửa sổ vẫn có thể mở hoặc đóng lại được.
- Nếu vẫn không thể mở hay đóng cửa sổ ngay cả khi đã thực hiện các bước trên, hãy tiến hành khởi tạo lại chức năng này bằng cách thực hiện theo quy trình sau.

1 Bật công tắc động cơ tới vị trí ON.

2 Kéo và giữ công tắc cửa sổ điều khiển điện ở vị trí lên kính tự động và đóng cửa sổ hoàn toàn.

3 Nhả công tắc cửa sổ điều khiển điện trong giây lát, sau đó tiếp tục kéo công tắc cửa sổ điều khiển

điện ở vị trí lên kính tự động và giữ ở vị trí đó trong khoảng 6 giây trở lên.

4 Hãy ấn và giữ công tắc cửa sổ điều khiển điện ở vị trí xuống kính tự động. Sau khi một bên kính đã mở hoàn toàn, tiếp tục giữ nó khoảng từ 1 giây trở lên.

5 Nhả công tắc cửa sổ điều khiển điện trong giây lát, sau đó tiếp tục ấn công tắc cửa sổ điều khiển điện ở vị trí xuống kính tự động và giữ ở vị trí đó trong khoảng 4 giây trở lên.

6 Kéo và giữ công tắc cửa sổ điều khiển điện ở vị trí lên kính tự động. Sau khi một bên cửa sổ đã được đóng hoàn toàn, tiếp tục giữ công tắc từ một giây trở lên.

Nếu bạn nhả công tắc trong khi kính cửa đang dịch chuyển, hãy bắt đầu lại từ đầu.
Nếu cửa sổ dịch chuyển ngược lại và không thể đóng chặt hoặc mở hết cỡ được, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n Chức năng khóa cửa liên kết với vận hành cửa sổ (nếu có)

- Có thể mở và đóng các cửa sổ điều khiển điện bằng chìa khóa cơ.* (→P.633)
- Có thể mở và đóng cửa sổ điện bằng điều khiển từ xa.* (→P.138)
- Xe có cảm biến phát hiện xâm nhập: Nếu đóng các cửa sổ bằng chức năng vận hành cửa sổ liên kết với khóa cửa khi hệ thống báo động đã được đặt, hệ thống báo động có thể được kích hoạt.

*: Chỉ có thể thực hiện được những chức năng tùy chọn này tại đại lý Toyota.

n Chức năng nhắc mở cửa sổ điện

Thông điệp cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin khi chuyển công tắc động cơ tới vị trí OFF và cửa người lái được mở ra với cửa sổ điện vẫn đang ở trạng thái mở.

n Tùy chọn

Có thể thay đổi các cài đặt (ví dụ chức năng liên kết với khóa cửa). (Các tính năng tùy chọn cá nhân: →P.680)

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n Đóng các cửa sổ

- Người lái chịu trách nhiệm điều khiển các cửa sổ điện, bao gồm cả ở phía cửa hành khách. Để tránh vô tình điều khiển cửa sổ điện, đặc biệt là do trẻ em, không được để trẻ em điều khiển các cửa sổ điện. Do trẻ và các hành khách khác có thể bị cửa sổ điện kẹp vào các bộ phận trên cơ thể. Ngoài ra, khi có trẻ em trên xe, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng công tắc khóa cửa sổ. (→P.187)
- Hãy kiểm tra để đảm bảo rằng tất cả hành khách trên xe không bị kẹp bất cứ phần nào của cơ thể khi điều khiển cửa sổ.
- Khi sử dụng điều khiển từ xa hoặc chìa khóa cơ và điều khiển các cửa sổ điện, hãy điều khiển cửa sổ điện sau khi kiểm tra để đảm bảo các hành khách không có khả năng bị kẹt bởi cửa sổ điện. Không để trẻ nhỏ điều khiển cửa sổ bằng điều khiển từ xa hoặc chìa khóa cơ. Nếu không có thể làm cho trẻ hoặc các hành khách khác bị cửa sổ điện kẹp phải.
- Khi ra khỏi xe, hãy tắt công tắc động cơ, mang theo chìa và ra khỏi xe cùng với trẻ em. Nếu để trẻ ở trong xe, trẻ có thể vô tình kích hoạt một số chức năng, có thể dẫn đến tai nạn.

n **Chức năng chống kẹt khi lên kính**

l Không bao giờ sử dụng bất kỳ phần nào của cơ thể bạn để kích hoạt chức năng chống kẹt.

CẢNH BÁO

l Chức năng chống kẹt khi lên kính có thể không hoạt động nếu có vật bị kẹt trước khi cửa sổ đóng lại hoàn toàn. Hãy cẩn thận để không làm bất kỳ bộ phận nào của cơ thể bạn bị kẹp bởi cửa sổ.

n **Chức năng chống kẹt khi xuống kính**

l Không bao giờ sử dụng bất kỳ phần nào của cơ thể hoặc quần áo để kích hoạt chức năng chống kẹt.

l Chức năng chống kẹt có thể sẽ không làm việc nếu có vật bị kẹt trước khi kính cửa được mở ra hoàn toàn. Hãy cẩn thận để tránh bị kẹp quần áo hoặc cơ thể vào cửa sổ.

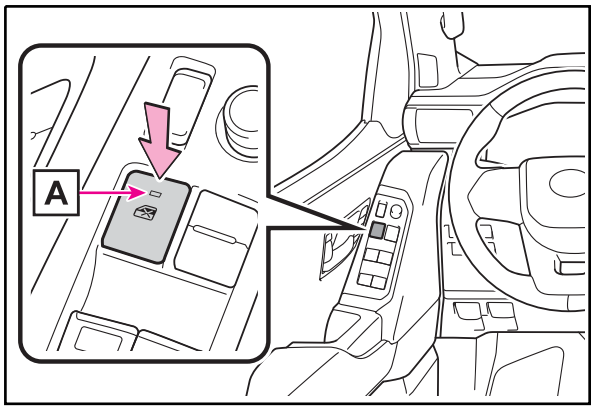
Tránh hoạt động bất ngờ (Công tắc khóa cửa sổ)

Có thể sử dụng chức năng này để ngăn trẻ em vô tình đóng hoặc mở cửa sổ phía hành khách.

Hãy ấn công tắc này.

Đèn chỉ báo A sẽ sáng lên và các cửa sổ của hành khách sẽ bị khóa lại.

Các cửa sổ phía hành khách vẫn tiếp tục mở và đóng bằng các công tắc cửa sổ điều khiển điện bên phía người lái ngay cả khi công tắc khóa đang bật.



n **Có thể sử dụng công tắc khóa cửa sổ khi**

Công tắc động cơ ở ON.

n **Khi ngắt ắc quy**

Công tắc khóa cửa sổ sẽ bị vô hiệu hóa. Nếu cần thiết, hãy ấn công tắc khóa cửa sổ sau khi nối lại ắc quy.

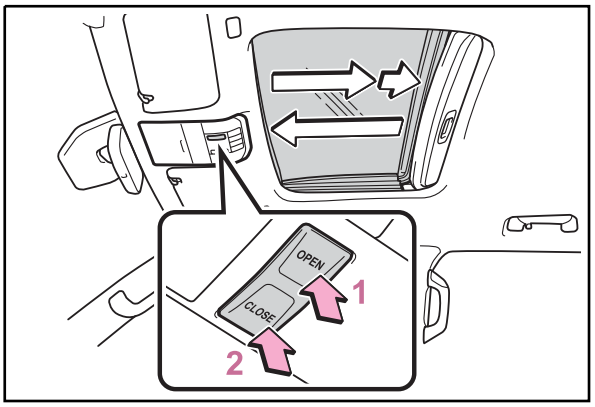
Cửa sổ trời*

*: Nếu có

Sử dụng các nút điều khiển trên trần xe để mở, đóng hoặc nghiêng cửa sổ trời lên và xuống.

Sử dụng cửa sổ trời

n Mở và đóng cửa



1 Mở cửa sổ trời*

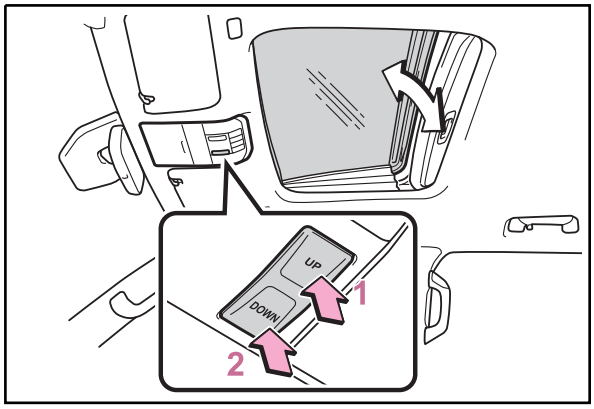
Cửa sổ trời sẽ dừng nhẹ trước khi nó được mở ra hoàn toàn để giảm tiếng ồn của gió.

Ấn lại nút này để mở hoàn toàn cửa sổ trời.

2 Đóng cửa sổ trời*

*: Hãy ấn nhẹ vào một trong hai phía của công tắc điều khiển cửa sổ trời để cửa sổ trời dừng lưng chừng.

n Nghiêng lên và xuống



1 Nghiêng cửa sổ trời lên*

2 Nghiêng cửa sổ trời xuống*

*: Hãy ấn nhẹ vào một trong hai phía của công tắc điều khiển cửa sổ trời để cửa sổ trời dừng lưng chừng.

n Cửa sổ trời có thể được hoạt động khi

Công tắc động cơ ở ON.

n Điều khiển cửa sổ trời sau khi tắt động cơ

Có thể điều khiển cửa sổ trời trong thời gian khoảng 45 giây sau khi chuyển công tắc động cơ đến ACC hoặc tắt. Tuy nhiên, cửa sổ trời sẽ không thể hoạt động được nếu một trong hai cửa trước đã được mở ra.

n Sử dụng hệ thống điều khiển bằng giọng nói (nếu có)

Có thể đóng/mở cửa sổ trời bằng cách sử dụng điều khiển bằng giọng nói.

Để biết thêm chi tiết về hệ thống điều khiển bằng giọng nói, hãy tham khảo “Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".

n Chức năng chống kẹt khi lên kính

Nếu như có vật thể nằm giữa cửa sổ trời và khung cửa trong khi đang đóng hoặc nghiêng cửa sổ trời xuống, thì cửa sổ trời sẽ dừng lại ở vị trí hé mở.

n Chắn nắng

Có thể đóng hoặc mở tấm chắn nắng

bằng cách thủ công. Tuy nhiên, tấm chắn nắng sẽ tự động mở khi cửa sổ trời mở.

n Chức năng khóa cửa liên kết với vận hành cửa sổ trời (nếu có)

- Có thể mở và đóng cửa sổ trời bằng chìa khóa cơ.* (→P.633)
- Có thể mở và đóng cửa sổ trời bằng cách sử dụng điều khiển từ xa.* (→P.138)
- Xe có cảm biến phát hiện xâm nhập: Nếu đóng cửa sổ trời bằng chức năng liên kết với khóa cửa khi hệ thống báo động đã được đặt, hệ thống có thể báo động.

*: Chỉ có thể thực hiện được những chức năng tùy chọn này tại đại lý Toyota.

n Khi cửa sổ trời không đóng lại một cách bình thường

Hãy thực hiện theo quy trình sau:

- Nếu cửa sổ trời đóng nhưng sau đó hé mở lại

1. Dừng xe lại.
2. Ấn và giữ công tắc “CLOSE”.*1 Cửa sổ trời sẽ được đóng, hãy mở lại và tạm dừng trong khoảng 10 giây *2. Sau đó nó sẽ đóng lại và nghiêng lên và tạm dừng trong khoảng 1 giây. Cuối cùng, nó sẽ nghiêng xuống, mở ra và đóng lại.
3. Hãy kiểm tra để biết chắc chắn rằng cửa sổ trời đã được đóng lại hoàn toàn và sau đó nhả công tắc.

- Cửa sổ trời sẽ nghiêng xuống nhưng sau đó nó lại nghiêng lên

1. Dừng xe lại.
2. Ấn và giữ công tắc “UP”*1 cho đến khi cửa sổ trời di chuyển đến vị trí nghiêng lên và dừng lại.
3. Hãy nhả nút “UP” một lần và sau đó lại ấn và giữ nút “UP” một lần nữa.*1

Cửa sổ trời sẽ tạm dừng trong khoảng 10 giây ở vị trí nghiêng lên *2. Sau đó nó điều chỉnh một chút và tạm dừng trong vòng 1 giây.
Cuối cùng, nó sẽ nghiêng xuống, mở ra và đóng lại.

4. Hãy kiểm tra để biết chắc chắn rằng cửa sổ trời đã được đóng lại hoàn toàn và sau đó nhả công tắc.

*1: Nếu nhả công tắc không đúng thời điểm, sẽ phải thực hiện quy trình lại từ đầu.

*2: Nếu nhả công tắc sau khi cửa sổ trời dừng lại trong 10 giây được nói đến ở trên, thì hoạt động tự động sẽ bị vô hiệu hóa. Trong trường hợp đó, hãy ấn và giữ nút "CLOSE" hoặc nút "UP", cửa sổ trời sẽ nghiêng lên và tạm dừng trong khoảng 1 giây. Sau đó nó sẽ nghiêng xuống, mở ra và đóng lại. Kiểm tra để biết chắc chắn rằng cửa sổ trời đã được đóng lại hoàn toàn và sau đó nhả công tắc.

Nếu cửa sổ trời chưa đóng lại hoàn toàn ngay sau khi tiến hành đúng theo quy trình trên, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n Chức năng nhắc cửa sổ trời đang mở

Một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin khi chuyển công tắc động cơ tới vị trí OFF và cửa người lái được mở với cửa sổ trời đang mở.

n Tùy chọn

Có thể thay đổi các cài đặt (ví dụ chức năng liên kết với khóa cửa). (Các tính năng tùy chọn cá nhân: →P.680)

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân thủ theo các chú ý sau. Nếu không có thể sẽ dẫn đến bị chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Mở cửa sổ trời**

l Không để bất kỳ hành khách nào thò tay hoặc đầu ra ngoài xe trong khi xe đang chạy.

l Không ngồi lên cửa sổ trời.

n **Mở và đóng cửa sổ trời**

l Người lái chịu trách nhiệm về việc đóng và mở cửa sổ trời.
Để tránh vô tình điều khiển, đặc biệt là do trẻ em, không được để trẻ em điều khiển cửa sổ trời. Do trẻ và các hành khách khác có thể bị cửa sổ trời kẹp vào các bộ phận trên cơ thể.

⚠ CẢNH BÁO

l Kiểm tra để đảm bảo rằng tất cả hành khách trên xe sẽ không bị kẹp khi vận hành cửa sổ trời.

l Khi sử dụng điều khiển từ xa hoặc chìa khóa cơ và điều khiển cửa sổ trời, hãy điều khiển cửa sổ trời sau khi kiểm tra để đảm bảo các hành khách không có khả năng bị kẹp bởi cửa sổ trời. Không để trẻ nhỏ điều khiển cửa sổ trời bằng điều khiển từ xa hoặc chìa khóa cơ. Nếu không có thể làm cho trẻ hoặc các hành khách khác bị cửa sổ trời kẹp phải.

l Khi ra khỏi xe, hãy tắt công tắc động cơ, mang theo chìa và ra khỏi xe cùng với trẻ em. Nếu để trẻ ở trong xe, trẻ có thể vô tình kích hoạt một số chức năng, có thể dẫn đến tai nạn.

n **Chức năng chống kẹt khi lên kính**

l Không bao giờ sử dụng bất kỳ phần nào của cơ thể bạn để kích hoạt chức năng chống kẹt.

l Chức năng chống kẹt có thể sẽ không làm việc nếu như một vật nào đó bị kẹt ngay trước khi cửa sổ trời đóng chặt lại.

Nhớ vị trí lái*

*: Nếu có

Tính năng này tự động điều chỉnh vị trí của các ghế người lái, vô lăng và các gương chiếu hậu bên ngoài và màn hình trên kính chắn gió (nếu có) để giúp vào và ra khỏi xe dễ dàng hơn phù hợp với ý muốn của người lái.

Khi Cài đặt của tôi được bật:

Có thể ghi được lên đến 3 vị trí lái khác nhau cho mỗi người lái và khách bằng cách đăng ký vào Cài đặt của tôi.

Khi đăng ký gán chìa khóa điện tử vào Cài đặt của tôi, có thể gọi lại vị trí lái của người lái (chức năng gọi bộ nhớ).

Khi Cài đặt của tôi được tắt:

Có thể ghi nhớ được lên đến 3 vị trí khác nhau.

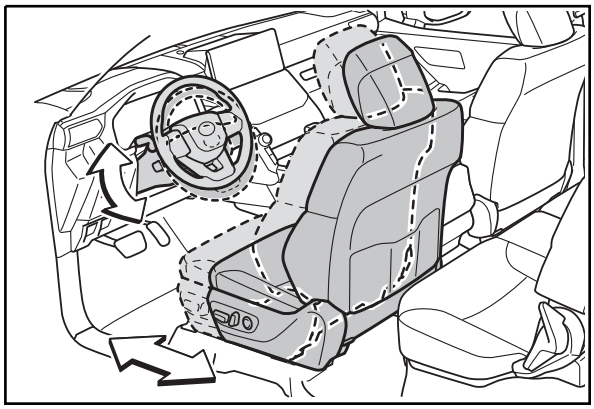
Mỗi chìa khóa điện tử có thể được đăng ký để gọi lại vị trí lái thích hợp (chức năng gọi lại bộ nhớ).

Để biết thêm thông tin chi tiết về Cài đặt của tôi, hãy tham khảo P.196.

Kích hoạt chức năng ra vào xe dễ dàng cho người lái (Hệ thống dễ vào xe điều khiển điện)

Khi tất cả các thao tác sau được thực hiện, ghế người lái và vô lăng sẽ tự động được điều chỉnh đến vị trí mà ra vào xe dễ dàng hơn.

- Cần số được chuyển đến vị trí P.
- Tắt công tắc động cơ.
- Người lái đang không thắt đai an toàn.



Khi thực hiện một trong các thao tác sau, ghế người lái và vô lăng sẽ tự động trở về vị trí ban đầu.

- Bật công tắc động cơ đến ACC hoặc ON.
- Người lái đã thắt đai an toàn.

n Hoạt động của hệ thống dễ vào xe

Khi ra khỏi xe, hệ thống dễ vào xe có thể không hoạt động nếu ghế ở quá gần vị trí sau cùng….

n Chức năng chống kẹt khi lên kính

Nếu có người hoặc vật cản trở trong quá trình dịch chuyển tự động của ghế, thì hoạt động sẽ dừng lại.

n Tùy chọn

Có thể tùy chọn khoảng dịch chuyển ghế của hệ thống dễ vào xe điều khiển điện (tính năng tùy chọn cá nhân: →P.679)

CẢNH BÁO

n **Trong khi hệ thống dễ vào xe điều khiển điện đang hoạt động và vô lăng và ghế đang dịch chuyển**

Hãy cẩn thận để không làm kẹp các bộ phận cơ thể hoặc các đồ vật khác. Nếu không, có thể sẽ gây chấn thương hoặc hỏng hành lý.

Ghi lại/gọi lại vị trí lái vào nút ghi nhớ

n **Quy trình ghi lại**

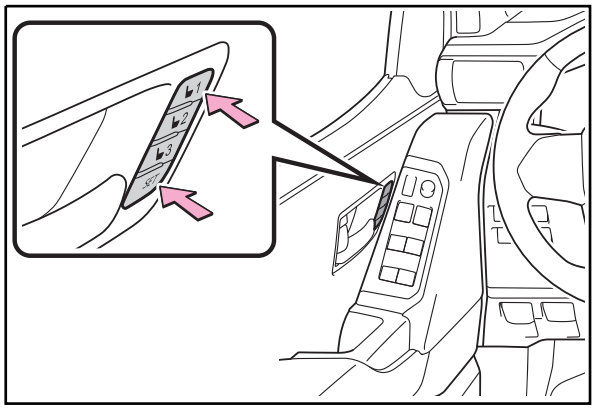
1 Kiểm tra rằng cần số ở vị trí P.

2 Bật công tắc động cơ tới vị trí ON.

3 Điều chỉnh ghế người lái, vô lăng, gương chiếu hậu bên ngoài và màn hình trên kính chắn gió (nếu có) đến vị trí mong muốn.

4 Trong khi ấn nút "SET", hoặc trong vòng 3 giây sau khi ấn nút "SET", hãy ấn nút "1", "2" hoặc "3" cho tới khi chuông báo kêu.

Nếu các nút được chọn đã được đặt trước, vị trí lưu lại trước đó sẽ bị ghi đè lên.

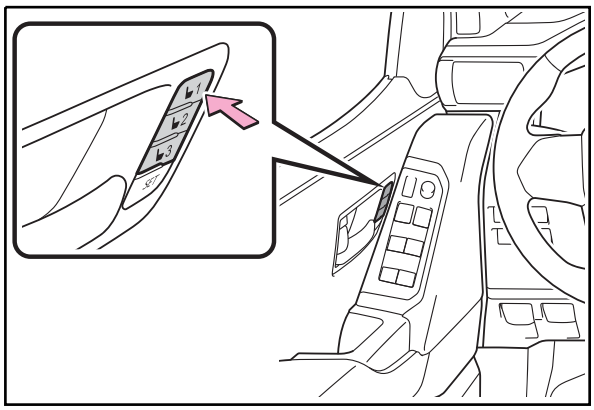


n **Quy trình gọi lại**

1 Kiểm tra rằng cần số ở vị trí P.

2 Bật công tắc động cơ tới vị trí ON.

3 Ấn một trong các nút cho vị trí lái mà bạn muốn gọi lại cho đến khi chuông báo kêu.



n **Để dừng lưng chừng hoạt động gọi lại vị trí ghế**

Hãy thực hiện theo các bước sau:

- Ấn vào nút "SET".
- Ấn vào nút "1", "2" hoặc "3".
- Ấn một trong các công tắc điều chỉnh ghế (chỉ hủy gọi lại vị trí ghế).
- Ấn công tắc điều chỉnh vị trí vô lăng (chỉ hủy chức năng gọi lại vị trí vô lăng).

n **Chức năng chống kẹt khi lên kính**

Nếu có người hoặc vật cản trở trong quá trình dịch chuyển tự động của ghế, thì hoạt động sẽ dừng lại.

n **Sử dụng hệ thống điều khiển bằng giọng nói (nếu có)**

Có thể thực hiện hoạt động sau đây bằng cách sử dụng chức năng điều khiển bằng giọng nói.

- Ghi lại vị trí lái
- Gọi lại vị trí lái (chỉ có thể rút chìa khóa ra khi cần số đang ở vị trí P)

Để biết thêm chi tiết về hệ thống điều khiển bằng giọng nói, hãy tham khảo “Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa

phương tiện".

n **Các vị trí ghế có thể lưu lại được (→P.166)**

Các vị trí được điều chỉnh có thể được lưu lại, ngoài các vị trí điều chỉnh bởi công tắc đỡ ngang lưng ghế.

n **Vận hành chức năng nhớ vị trí lái sau khi tắt công tắc động cơ**

Các vị trí ghế được lưu lại có thể được kích hoạt trong khoảng 3 phút sau khi cửa người lái được mở ra và 1 phút sau khi cửa người lái được đóng lại.

n **Để sử dụng chính xác chức năng nhớ vị trí lái**

Nếu ghế đang ở vị trí xa nhất có thể và hàng ghế được điều chỉnh về cùng một hướng, vị trí ghi nhớ có thể khác một chút khi gọi lại.

n **Khi gọi lại vị trí lái**

Hãy thận trọng khi gọi lại vị trí lái sao cho tựa đầu không được chạm vào trần xe.

n **Khi không thể gọi lại vị trí ghế đã được ghi**

Không thể gọi lại được vị trí ghế trong một vài trường hợp khi vị trí nhớ ghế được ghi trong một phạm vi nhất định. Để biết thêm chi tiết, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi điều chỉnh ghế**

Hãy cẩn thận khi điều chỉnh vị trí ghế để tránh cho ghế va vào hành khách phía sau hoặc ép người bạn vào vô lăng.

Gọi lại vị trí lái tự động khi lên xe (chức năng gọi lại bộ nhớ)

n **Khi Các cài đặt của tôi được bật (được xác thực bằng chìa khóa điện tử riêng):**

Có thể gọi các vị trí lái một cách tự động cho mỗi người lái đã đăng ký bằng cách gán chìa khóa điện tử vào Các cài đặt của tôi.

● Quy trình đăng ký vị trí lái

Khi chuyển cần số đến vị trí P sau khi lái xe, vị trí lái hiện tại sẽ được ghi lại.

● Quy trình gọi lại vị trí lái

1 Hãy mang chìa điện tử chỉ dùng chìa đã được gán và đăng ký trong Các cài đặt của tôi, và sau đó mở khóa và mở cửa người lái bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh hoặc điều khiển từ xa.

Các vị trí lái ngoài vô lăng và màn hình trên kính chắn gió (nếu có) sẽ dịch chuyển đến vị trí đã được lưu lại. Tuy nhiên, ghế sẽ dịch chuyển nhẹ đến vị trí phía sau vị trí đã ghi nhớ để giúp người lái vào xe dễ dàng hơn.

Nếu vị trí lái đã ở vị trí đã được lưu lại, ghế và vị trí lái xe sẽ không dịch chuyển.

2 Bật công tắc động cơ đến ACC hoặc ON.

Ghế, vô lăng và màn hình trên kính chắn gió (nếu có) (chỉ khi công tắc động cơ ở ON) sẽ dịch chuyển đến vị trí đã ghi nhớ.

● Quy trình huỷ chức năng gọi lại bộ nhớ

Khởi tạo cài đặt người lái đã đăng ký

trong màn hình Cài đặt của tôi.

Để biết các thông tin về khởi tạo các cài đặt đăng ký của người lái, hãy tham khảo P.199 (các xe không có hệ thống định vị) hoặc “Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện” (các xe có hệ thống định vị).

n Khi Các cài đặt của tôi được bật (được xác thực bằng thông tin vân tay (Xe có hệ thống xác thực vân tay):

Có thể gọi các vị trí lái một cách tự động cho mỗi người lái đã đăng ký thông tin xác thực vân tay trên hệ thống xác thực vân tay.

- Quy trình đăng ký vị trí lái

Khi chuyển cần số đến vị trí P sau khi lái xe, vị trí lái hiện tại sẽ được ghi lại.

- Quy trình gọi lại vị trí lái

Bật công tắc động cơ đến ACC hoặc ON.

Sau khi đã hoàn thành việc xác thực vân tay, ghế, vô lăng và màn hình trên kính chắn gió (nếu có) (chỉ khi công tắc động cơ ở ON) sẽ dịch chuyển đến vị trí đã ghi nhớ.

Nếu vị trí lái đã ở vị trí đã được lưu lại, ghế và vị trí lái xe sẽ không dịch chuyển.

- Quy trình huỷ chức năng gọi lại bộ nhớ

Xóa thông tin vân tay trên hệ thống xác thực vân tay.

Để biết các thông tin về xóa thông tin xác thực vân tay, hãy tham khảo P.78 (xe không có hệ thống định vị) hoặc “Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện” (xe có hệ thống định vị).

n Khi Cài đặt của tôi được tắt:

Mỗi chìa khóa điện tử có thể được đăng ký để tự động gọi lại vị trí lái thích hợp.

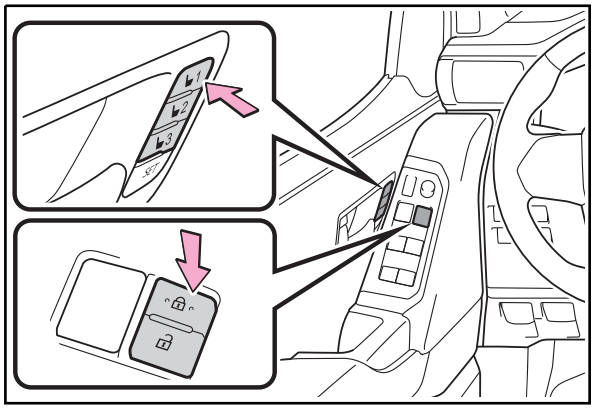
- Quy trình đăng ký vị trí lái

Lưu lại vị trí lái của bạn vào các nút "1", "2" hoặc "3" trước khi thực hiện các bước sau:

Chỉ mang theo chìa mà bạn muốn đăng ký, sau đó đóng cửa người lái. Nếu có 2 chìa trở lên ở trong xe, vị trí lái sẽ không được lưu lại chính xác.

1. Kiểm tra rằng cần số ở vị trí P.
2. Bật công tắc động cơ tới vị trí ON.
3. Gọi lại vị trí lái mà bạn muốn ghi lại.
4. Trong khi ấn vào nút gọi lại, hãy ấn và giữ công tắc khóa cửa (khóa hoặc mở khóa) cho đến khi chuông báo kêu.

Nếu không thể đăng ký được nút này, chuông báo sẽ kêu liên tục trong khoảng 3 giây.



- Quy trình gọi lại vị trí lái

1. Hãy mang theo chìa khóa điện tử mà bạn đã đăng ký vị trí lái, sau đó mở khóa và mở cửa

người lái bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh hoặc điều khiển từ xa.

Các vị trí lái ngoài vô lăng và màn hình trên kính chắn gió (nếu có) sẽ dịch chuyển đến vị trí đã được lưu lại. Tuy nhiên, ghế sẽ dịch chuyển nhẹ đến vị trí phía sau vị trí đã ghi nhớ để giúp người lái vào xe dễ dàng hơn.

Nếu vị trí lái đã ở vị trí đã được lưu lại, ghế và vị trí lái xe sẽ không dịch chuyển.

2 Bật công tắc động cơ đến chế độ ACC hoặc ON, hoặc thắt đai an toàn.

Ghế, vô lăng và màn hình trên kính chắn gió (nếu có) (chỉ khi công tắc động cơ ở ON) sẽ dịch chuyển đến vị trí đã ghi nhớ.

- Quy trình huỷ chức năng gọi lại bộ nhớ

Chỉ mang theo chìa khóa mà bạn muốn hủy chức năng, sau đó đóng cửa người lái.
Nếu có 2 chìa trở lên ở trong xe, chức năng nhớ vị trí ghế sẽ không được hủy chính xác.

1 Bật công tắc động cơ tới vị trí ON.

2 Ấn nút "SET" đồng thời ấn và giữ vào nút khóa cửa (khóa hoặc mở khóa) cho đến khi chuông báo kêu 2 lần.

Nếu nút này chưa được hủy, chuông báo sẽ kêu liên tục trong khoảng 3 giây.

n Gọi lại vị trí lái bằng cách sử dụng chức năng gọi lại bộ nhớ

Nếu một cửa bất kỳ ngoài cửa người lái được mở khóa bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh, vị trí lái sẽ không thể gọi lại. Trong trường hợp này, hãy ấn nút nhớ vị trí lái xe đã được cài đặt.

n Chức năng chống kẹt khi lên kính

Nếu có người hoặc vật cản trở trong quá trình dịch chuyển tự động của ghế, thì hoạt động sẽ dừng lại.

n Tùy chọn

Một vài chức năng có thể đặt tuỳ chọn cá nhân được. (Tính năng tùy chọn cá nhân: →P.679)

Cài đặt của tôi

Bằng cách nhận diện một cá nhân thông qua một thiết bị, chẳng hạn như chìa khóa điện tử, có thể gọi lại vị trí lái xe và cài đặt xe đã lưu lại cho người lái xe đó khi vào trong xe.

Bằng cách gán thiết bị xác thực cho người lái, người lái xe có thể vào xe với các cài đặt ưa thích của họ.

Có thể lưu được các cài đặt cho 3 người lái trong My Setting (Các cài đặt của tôi).

Các phương tiện có hệ thống dẫn đường: Để biết thông tin chi tiết về cách gán/xóa thiết bị xác thực, thiết lập tên người lái, thực hiện quy trình khởi tạo, thay đổi người lái bằng cách thủ công hoặc xóa một người lái, hãy tham khảo "Hướng dẫn sử dụng đa phương tiện".

Các kiểu thiết bị xác thực có thể gán

Có thể xác thực được một cá nhân bằng các thiết bị xác thực sau đây.

- Chìa khóa điện tử

Có thể xác thực được một cá nhân khi hệ thống mở khóa và khởi động thông minh đang phát hiện chìa khóa điện tử của người đó. (→P.160)

- Hệ thống xác thực vân tay*

Có thể nhận diện được một cá nhân khi họ chạm vào cảm biến vân tay trên công tắc động cơ. Nếu vân tay đã được đăng ký với hệ thống, họ sẽ được xác thực bằng vân tay. (→P.77, 229)

Nhận diện cá nhân bằng chức năng xác thực vân tay sẽ được ưu tiên hơn so với chìa khóa điện tử, nếu chìa khóa điện tử đã nhận diện với một tài xế khác đã đăng ký.

- Thiết bị Bluetooth®*

Thông tin thiết bị được đăng ký khi thiết bị Bluetooth® này được kết nối với hệ thống đa phương tiện. Để biết các thông tin về việc kết nối các thiết bị Bluetooth®, hãy tham khảo "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".

Khi một cá nhân được nhận diện bởi chìa khóa điện tử hoặc hệ thống xác thực vân tay*, thì việc nhận diện sử dụng thiết bị Bluetooth® sẽ không được thực hiện.

Bluetooth® là một thương hiệu đã được đăng ký của Bluetooth SIG. Inc.

*: Nếu có

Các chức năng gọi lại

Khi cá nhân được xác thực từ thiết bị xác thực, các cài đặt cho các chức năng sau đây sẽ được gọi lại.

- Vị trí lái (chức năng gọi lại bộ nhớ)*1

Sau khi một cá nhân được nhận diện, vị trí lái xe đã được đặt khi hoàn thành quá trình lái xe lần cuối (với

cần số được đặt ở vị trí P) sẽ được gọi lại khi thực hiện một trong các thao tác sau.

- Khi một cá nhân được nhận diện nhờ chìa khóa điện tử: Mở khóa cửa bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh hoặc điều khiển từ xa
- Khi một cá nhân được nhận diện bởi hệ thống xác thực vân tay[*1]: Sau khi cảm biến vân tay nhận diện thông tin vân tay, bật công tắc động cơ đến ACC hoặc ON.

● Các màn hình đồng hồ[*2] và thông tin trên kính chắn gió[*1, 2]

Khi một cá nhân đã được xác thực, các cài đặt màn hình được sử dụng tại thời điểm tắt công tắc động cơ lần gần nhất sẽ được gọi lại.

● Cài đặt hệ thống đa phương tiện[*1, 2]

Khi một cá nhân đã được nhận diện, các cài đặt của hệ thống đa phương tiện được sử dụng khi tắt công tắc động cơ lần gần nhất sẽ được gọi lại.

● Chức năng hỗ trợ lái xe an toàn[*1, 2]

Khi một cá nhân đã được xác thực, các cài đặt màn hình được sử dụng tại thời điểm công tắc động cơ được tắt ở lần gần nhất sẽ được gọi lại.

● Các cài đặt xe[*2] (các mục có thể được cài đặt trên màn hình đa thông tin và hệ thống đa phương tiện[*3])

Khi một cá nhân đã được xác thực, các cài đặt màn hình được sử dụng tại thời điểm công tắc động cơ được tắt ở lần gần nhất sẽ được gọi lại.

[*1]: Nếu có

[*2]: Một số cài đặt không thực hiện được

[*3]: Xe có hệ thống dẫn đường

Đăng ký/xóa thông tin gán cho chìa khoá điện tử (xe không có hệ thống dẫn đường)

Các thông tin gán cho chìa khóa điện tử được đăng ký hoặc xóa trên màn hình đa thông tin.

Để biết thêm thông tin chi tiết về màn hình hiển thị đa thông tin, hãy tham khảo P.104, 114.

n Đăng ký gán chìa khóa điện tử (có thể đăng ký từ màn hình "Đã phát hiện khóa mới")

1 Đảm bảo rằng chìa khóa điện tử để gán và đăng ký là chìa khóa điện tử duy nhất bên trong xe, sau đó bật công tắc động cơ.

2 Màn hình "Đã phát hiện khóa mới" được hiển thị trên màn hình đa thông tin. Chọn "Có" và sau đó ấn OK.

Nếu chìa đã được đăng ký, thì màn hình "Đã phát hiện khóa mới" sẽ không được hiển thị.

Việc chọn "Do Not Show Again" để tránh cho "Đã phát hiện khóa mới" xuất hiện lại. Có thể đăng ký gán chìa khóa trên ⚙ của màn hình đa thông tin.

3 Chọn người lái hoặc "(blank)" để đăng ký, và sau đó ấn nút OK.

4 Nếu đã chọn “(blank) ở bước 3, hãy nhập tên của người lái và sau đó ấn nút OK.

Hãy nhập thông tin này bằng cách sử dụng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.

Khi đã đăng ký thành công, một thông báo “Key Sync Added” sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

n **Đăng ký gán một chìa khóa điện tử (đăng ký từ màn hình ⚙ của màn hình đa thông tin)**

Đăng ký và gán chìa cho người lái xe hiện tại.

1 Chọn "My Settings" từ "Cài đặt xe" trên ⚙ của màn hình đa thông tin.

2 Chọn “Cài đặt” và sau đó ấn OK.

3 Chọn “Key Sync” và sau đó ấn OK.

4 Chọn “Key Addition" và sau đó ấn OK.

5 Đảm bảo rằng chìa khóa điện tử để gán và đăng ký là chìa khóa điện tử duy nhất bên trong xe, sau đó chọn “Phát hiện Khóa Kh.động” và ấn nút OK.

Khi đã đăng ký thành công, một thông báo “Key Sync Added” sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

n **Xóa chìa khóa điện tử đã gán**

Tất cả các chìa khóa đã đăng ký và gán cho người lái xe hiện tại đã bị xóa.

1 Chọn "My Settings" từ "Cài đặt xe" trên ⚙ của màn hình đa thông tin.

2 Chọn “Cài đặt” và sau đó ấn OK.

3 Chọn “T.đổi Đ.bộ khóa” và sau đó ấn OK.

4 Chọn “Xóa Khóa" và sau đó ấn OK.

5 Chọn “Có” và sau đó ấn OK.

Khi đã xóa thành công, một thông báo “Đã xóa đồng bộ khóa” sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

---

n **Đăng ký chìa khoá điện tử cho xe**

- Có thể đăng ký và gán một chìa khóa riêng chỉ cho người lái.
- Không thể phát hiện được chìa khóa điện tử nếu chìa khóa không ở bên trong xe, hoặc có nhiều chìa khóa điện tử bên trong xe. Khi đăng ký, chắc chắn rằng chỉ có một chìa khóa điện tử ở bên trong xe.
- Khi xóa gán chìa, tất cả các chìa khóa điện tử đã đăng ký đều bị xóa. Không thể xóa riêng được chỉ một chìa khóa.

Đăng ký/xóa thông tin gán cho dấu vân tay (xe không có hệ thống dẫn đường)

→P.77

Thay đổi tên của người lái (xe không có hệ thống dẫn đường)

Có thể thay đổi được tên hiển thị người lái trên màn hình đa thông tin.

Để biết thêm thông tin chi tiết về màn hình hiển thị đa thông tin, hãy tham khảo P.104, 114.

1 Chọn "My Settings" từ "Cài đặt xe" trên của màn hình đa thông tin.

2 Chọn “Cài đặt” và sau đó ấn OK.

3 Chọn “Th.đổi tên tài xế” và sau đó ấn OK.

4 Nhập tên của người lái và sau đó ấn nút OK.

Hãy nhập thông tin này bằng cách sử dụng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.

Tên đã nhập sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Khởi tạo các cài đặt đã đăng ký cho người lái (xe không có hệ thống dẫn đường)

Tất cả các cài đặt đã đăng ký (vị trí lái xe, vv...) cho người lái xe được xóa và trở về chế độ cài đặt mặc định.

Để biết thêm thông tin chi tiết về màn hình hiển thị đa thông tin, hãy tham khảo P.104, 114.

1 Chọn "My Settings" từ "Cài đặt xe" trên của màn hình đa thông tin.

2 Chọn “Cài đặt” và sau đó ấn OK.

3 Chọn “Khởi tạo tài xế” và sau đó ấn OK.

4 Chọn “Có” và sau đó ấn OK.

Khi đã khởi tạo thành công, một thông báo “Đã khởi tạo tài xế” sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

n Xóa đăng ký xác thực vân tay (xe có hệ thống xác thực vân tay)

Nếu đã đăng ký vân tay của người lái vào hệ thống xác thực vân tay, thì không thể khởi tạo các cài đặt đăng ký của người lái. Trước hết cần phải xóa vân tay đã được đăng ký. (→P.78)

Chuyển đổi người lái bằng thao tác thủ công (xe không có hệ thống dẫn đường)

Khi thay đổi người lái hoặc chìa khóa điện tử được gán cho một ai đó được mang vào xe, có thể chuyển đổi người lái bằng thao tác thủ công.

Để biết thêm thông tin chi tiết về màn hình hiển thị đa thông tin, hãy tham khảo P.104, 114.

1 Chọn "My Settings" từ "Cài đặt xe" trên của màn hình đa thông tin.

2 Chọn “Cài đặt” và sau đó ấn OK.

3 Chọn “Thay đổi tài xế” và sau đó ấn OK.

4 Chọn một người lái mới, và sau đó ấn nút OK.

5 Màn hình “Điều chỉnh vị trí” được hiển thị. Chọn “Có” và sau đó ấn OK.

Nếu đã chọn “Khách”, thì màn hình “Điều chỉnh vị trí” sẽ không hiển thị được.

---

n **Chế độ “Khách”**

l Xe được giao không được đăng ký bất kỳ thiết bị xác thực nào. Hệ thống sẽ hoạt động ở chế độ “Khách” cho đến khi việc đăng ký đã được thực hiện.

l Nếu một cá nhân không nhận diện được bằng thiết bị xác thực, hệ thống sẽ hoạt động ở chế độ “Khách”.

l Không thể đăng ký và gán cho người sử dụng là khách “Khách”.

n **Tùy chọn**

Có thể sử dụng các nút điều khiển đồng hồ để bật hoặc tắt My Setting (Các cài đặt của tôi). (→P.669)

4-1. Trước khi lái xe

Lái xe 203

Hành lý và hàng hóa..... 210

Kéo moóc (xe có moóc kéo) 211

Móc kéo 219

Tời điện 220

4-2. Hướng dẫn lái xe

Công tắc động cơ..... 229

Hộp số tự động (với chế độ M)..... 234

Hộp số tự động (với chế độ S) 238

Công tắc xi nhan..... 242

Phanh đỗ..... 243

Chức năng giữ phanh..... 246

4-3. Sử dụng đèn và cần gạt nước

Công tắc đèn pha 249

AHS (Hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu của đèn pha) 254

AHB (Chiếu xa tự động).. 257

Công tắc đèn sương mù.. 260

Cần gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió 262

Cần gạt nước và phun nước rửa kính cửa hậu 265

4-4. Nạp nhiên liệu

Mở nắp bình nhiên liệu ... 267

4-5. Sử dụng các hệ thống hỗ trợ lái xe

Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota..... 270

PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm)..... 277

LTA (Hỗ trợ bám làn đường) 286

LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn)..... 291

RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) 296

Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa 298

Điều khiển chạy tự động (xe có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota)..... 309

Điều khiển chạy tự động (xe không có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota) ... 313

Hệ thống dừng lái khẩn cấp 316

Hệ thống Dừng và Khởi động 318

Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù) 325

Thông báo xe phía sau đang tiếp cận..... 330

Đèn cảnh báo nguy hiểm phía sau tự động..... 333

Phanh giảm va chạm thứ cấp (Va chạm phía sau khi dừng xe)..... 335

Hỗ trợ xuống xe an toàn. 337

Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 342

Chức năng cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA) 348
Hệ thống RCD (Phát hiện bằng camera phía sau) 353
PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) 357
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (vật thể cố định ở phía trước và phía sau của xe) 362
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (xe đang di chuyển ở phía sau xe bạn) 364
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe bạn) 366
Theo dõi đa địa hình 368
Công tắc chọn chế độ lái xe 436
Hệ thống bốn bánh chủ động 438
Hệ thống khóa vi sai trước 441
Hệ thống khóa vi sai sau. 443
Điều khiển bò xe (với chức năng hỗ trợ vào cua) 444
Hệ thống chọn chế độ đa địa hình 449
Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc 452
Hệ thống DPF (Hệ thống lọc bụi khí xả diesel) 454
Các hệ thống hỗ trợ lái xe 457

4-6. Lời khuyên khi lái xe

Lưu ý khi lái xe trên địa hình phức tạp 464
Lời khuyên khi lái xe trong mùa đông 466
Lời khuyên khi lái xe ở chế độ Eco 470

Lái xe

Hãy làm theo các quy trình sau để đảm bảo lái xe an toàn:

Quy trình lái xe

n **Khởi động động cơ**

→P.229

n **Lái xe**

1 Trong khi đạp bàn đạp phanh, hãy chuyển cần số sang vị trí D. (→P.235, 239)

2 Nếu phanh đỗ đang ở chế độ bình thường, thì nhả phanh đỗ. (→P.243)

3 Từ từ nhả bàn đạp phanh và đạp nhẹ bàn đạp ga để tăng tốc xe.

n **Dừng xe**

1 Với cần số đang ở vị trí D, hãy đạp bàn đạp phanh.

2 Nếu cần, hãy gài phanh đỗ. (→P.243)

Nếu phải dừng xe trong một thời gian dài, hãy chuyển cần số về vị trí P hoặc N. (→P.235, 239)

n **Đỗ xe**

1 Với cần số đang ở vị trí D, hãy đạp bàn đạp phanh.

2 Gài phanh đỗ (→P.243), và chuyển cần số sang vị trí P (→P.235, 239).

Không được ấn nút nhả chuyển số sau khi chuyển cần đến P.

3 Ấn công tắc động cơ để tắt máy

4 Khóa cửa, hãy đảm bảo rằng bạn mang theo chìa điện tử

Nếu đỗ xe trên dốc, hãy chặn các bánh xe khi cần.

n **Khởi hành khi xe đang trên dốc**

1 Trong khi đạp bàn đạp phanh, hãy chuyển cần số sang vị trí D. (→P.235, 239)

2 Ấn công tắc phanh đỗ để gài phanh đỗ bằng thao tác thủ công. (→P.243)

3 Nhả bàn đạp phanh và đạp nhẹ bàn đạp ga để tăng tốc xe.

4 Ấn công tắc phanh đỗ và nhả phanh đỗ bằng thao tác thủ công.

n **Khởi hành trên dốc lên**

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ được kích hoạt. (→P.458)

n **Lái xe khi trời mưa**

- Hãy lái xe cẩn thận khi trời mưa, bởi khi đó tầm nhìn sẽ bị hạn chế, kính chắn gió có thể bị mờ và đường thì trơn trượt.
- Hãy lái xe hết sức cẩn thận khi trời bắt đầu mưa, do mặt đường lúc này trở nên đặc biệt trơn.
- Hạn chế chạy ở tốc độ cao khi lái xe trên đường cao tốc trong điều kiện trời mưa, bởi lúc này có thể có một lớp nước nằm giữa bánh xe và mặt đường, làm cản trở tới hoạt động của hệ thống phanh và lái.

n **Tốc độ động cơ trong khi lái xe**

Trong những trường hợp sau, tốc độ động cơ có thể sẽ tăng cao trong khi

lái xe. Nguyên nhân là do hệ thống tự động lên số hoặc xuống số để đáp ứng điều kiện lái. Nó không phải là hiện tượng tăng ga đột ngột.

- Khi xe xác định rằng đang lên dốc hoặc xuống dốc
- Khi nhả bàn đạp ga
- Khi đang nhấn bàn đạp phanh trong khi chọn chế độ công suất (các xe có hộp số tự động ở chế độ S) (→P.240)
- Khi bàn đạp phanh được nhấn (các xe có hộp số tự động ở chế độ M)

n Hạn chế công suất động cơ (hệ thống kiểm soát tăng ga ngoài ý muốn)

- Khi đạp cả bàn đạp ga và bàn đạp phanh cùng lúc, công suất động cơ có thể sẽ bị hạn chế.
- Một thông điệp cảnh báo sẽ hiển thị trên màn hình đa thông tin khi hệ thống này đang hoạt động.

n Chạy rà xe mới

Để kéo dài tuổi thọ của xe bạn, hãy tuân theo những lưu ý sau:

- Trong 300 km đầu tiên:
  Tránh phanh gấp.
- Trong 800 km đầu tiên (xe có móc kéo xe)
  Không kéo moóc.
- Trong 1000 km đầu tiên:
  - Không lái xe ở tốc độ quá cao.
  - Tránh tăng ga đột ngột.
  - Không lái xe liên tục ở tay số thấp.
  - Không lái xe ở một tốc độ cố định trong thời gian dài.

n Khi đang lái xe ở môi trường thời tiết cực lạnh

Trong thời tiết quá lạnh, hãy để xe chạy không tải hơn 30 giây sau khi khởi động động cơ. Không tăng nhanh tốc độ động cơ khi đang chạy không tải.

n Thời gian chạy không tải trước khi tắt động cơ

Để tránh làm hỏng turbo tăng áp, hãy để động cơ chạy không tải ngay sau khi lái xe ở tốc độ cao hoặc leo dốc.

Xe có hệ thống Dừng và Khởi động: Để động cơ chạy không tài khi xe đang đỗ lại, vô hiệu hóa công tắc hủy Dừng và Khởi động. (→P.319)

(Với hệ thống Dừng và khởi động được kích hoạt, động cơ sẽ được dừng hoạt động bằng hệ thống Dừng và Khởi động khi xe dừng.)

▶ Động cơ V35A-FTS

Điều kiện lái xe	Thời gian để động cơ chạy không tải
Lái xe ở thành phố trong điều kiện bình thường	Không cần chạy không tải
Xe được lái với tốc độ cao (tốc độ đều xấp xỉ 100 km/h [62 mph])	Không cần chạy không tải
Lái xe lên dốc cao hoặc liên tục lái xe ở tốc độ từ 100 km/h trở lên (lái xe trên đường đua)	Khoảng 1 phút

▶ Động cơ F33A-FTV

Điều kiện lái xe	Thời gian để động cơ chạy không tải
Lái xe ở thành phố trong điều kiện bình thường	Không cần chạy không tải

Điều kiện lái xe		Thời gian để động cơ chạy không tải
Lái xe với tốc độ cao	Chạy xe liên tục ở tốc độ 80 km/h	Khoảng 20 giây
	Chạy xe liên tục ở tốc độ 100 km/h	Khoảng 1 phút
Lái xe lên dốc cao hoặc liên tục lái xe ở tốc độ từ 100 km/h trở lên (lái xe trên đường đua)		Khoảng 2 phút

n Sử dụng xe ở nước ngoài

Hãy tuân theo các luật lệ, quy định về đăng ký xe và đảm bảo có sẵn nhiên liệu phù hợp cho xe. (→P.653)

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n Khi khởi động xe

Luôn luôn giữ chân trên bàn đạp phanh khi dừng xe với động cơ vẫn nổ máy. Việc này nhằm tránh cho xe khỏi bị trôi.

n Khi lái xe

l Không cố lái xe nếu như bạn chưa quen với vị trí của bàn đạp phanh và bàn đạp ga để tránh thao tác nhầm.

- Nếu vô tình đạp nhầm bàn đạp ga thay vì bàn đạp phanh sẽ làm xe tăng tốc đột ngột, có thể dẫn đến tai nạn.
- Khi lùi xe, bạn có thể sẽ phải vặn người để quan sát dẫn đến việc khó điều khiển các bàn đạp một cách chính xác. Hãy đảm bảo điều khiển các bàn đạp một cách chính xác.
- Hãy đảm bảo giữ tư thế lái xe chuẩn kể cả khi bạn chỉ muốn dịch chuyển xe một chút. Tư thế lái xe đúng giúp bạn điều khiển bàn đạp phanh và bàn đạp ga một cách chính xác.
- Hãy đạp phanh bằng chân phải của bạn. Nếu sử dụng chân trái để đạp phanh thì có thể sẽ không phản ứng kịp trong trường hợp khẩn cấp, kết quả là gây ra tai nạn.

l Không lái xe phi qua hoặc đỗ gần các vật liệu dễ cháy.
Hệ thống xả và khí xả có thể đang rất nóng. Do vậy, hỏa hoạn có thể xảy ra nếu xe đỗ gần những vật liệu dễ bắt lửa.

l Trong khi lái xe bình thường, không được tắt động cơ. Việc tắt động cơ trong khi lái xe sẽ gây mất lực trợ lực cho hệ thống lái hoặc điều khiển phanh. Tuy nhiên, trợ lực cho các hệ thống này có thể bị mất gây khí đánh lái hoặc phanh trước khu dừng xe và tùy thuộc vào lượng điện năng của ắc quy hoặc các điều kiện sử dụng. Trong tình huống này, bạn nên dừng xe lại càng sớm càng tốt khi có thể để đảm bảo an toàn.
Tuy nhiên, trong trường hợp khẩn cấp, chẳng hạn như khi không thể dừng xe theo cách thông thường: →P.594

l Hãy sử dụng phanh động cơ (xuống số) để duy trì tốc độ an toàn khi xuống dốc đứng.
Rà phanh liên tục có thể làm phanh bị quá nhiệt và mất hiệu quả phanh. (→P.234, 238)

- Không điều chỉnh vị trí của vô lăng, ghế hoặc gương chiếu hậu bên trong hay bên ngoài xe khi đang lái xe.
  Nếu không, có thể sẽ gây ra tình trạng mất lái.
- Luôn đảm bảo rằng tay, đầu hay bất cứ phần cơ thể nào của hành khách không ở bên ngoài xe.

n Khi lái xe trên đường trơn trượt

- Phanh gấp, tăng tốc đột ngột và đánh lái gấp có thể làm cho lốp bị trượt và giảm khả năng điều khiển xe.
- Khi tăng tốc động cơ đột ngột, phanh động cơ bằng cách lên số cao hơn hoặc thay đổi tốc độ động cơ có thể làm xe bị trượt.
- Sau khi lái xe qua vũng nước, hãy nhấn nhẹ bàn đạp phanh để đảm bảo rằng phanh làm việc bình thường. Má phanh bị ướt có thể sẽ làm hạn chế hiệu quả làm việc của phanh. Nếu phanh trong điều kiện một bên má phanh bị ướt và không làm việc chính xác, việc điều khiển vô lăng có thể sẽ bị ảnh hưởng.

n Khi chuyển cần số

- Không để xe bị trôi về phía sau khi cần số đang ở vị trí số tiến, hoặc để xe trôi về phía trước khi cần số đang ở vị trí R.
  Nếu không có thể sẽ làm cho động cơ bị chết máy hoặc làm giảm hiệu quả làm việc của hệ thống phanh và lái, kết quả là gây ra tai nạn hoặc làm hỏng xe.
- Không chuyển cần số tới vị trí P khi xe đang chạy.
  Nếu không có thể sẽ làm hỏng hộp số và có thể dẫn tới mất lái.
- Không chuyển cần số sang vị trí R khi xe đang chạy về phía trước.
  Nếu không có thể sẽ làm hỏng hộp số và có thể dẫn tới mất lái.
- Không chuyển cần số sang vị trí số tiến trong khi xe đang lùi về sau.
  Nếu không có thể sẽ làm hỏng hộp số và có thể dẫn tới mất lái.
- Chuyển cần số tới vị trí N trong khi xe đang chạy sẽ ngắt liên kết giữa động cơ và hộp số. Bạn sẽ không sử dụng phanh động cơ được khi cần số đang ở vị trí N.
- Hãy hết sức cẩn thận, không được chuyển cần số khi đang đạp bàn đạp ga.
  Nếu bạn chuyển cần số đến các vị trí khác P hoặc N có thể sẽ làm cho xe tăng tốc đột ngột và có thể gây ra tai nạn dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

n Nếu bạn nghe thấy tiếng ken két hoặc tiếng rít (bộ báo mòn má phanh)

Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra và thay thế má phanh càng sớm càng tốt.
Đĩa phanh có thể sẽ bị hỏng nếu không thay các má phanh khi cần thiết.
Sẽ rất nguy hiểm khi lái xe với bộ má phanh và/hoặc đĩa phanh đã bị mòn quá mức.

n Khi đang dừng xe

- Không tăng nhanh tốc độ động cơ.
  Nếu cần số đang ở vị trí khác vị trí P hoặc N, xe có thể sẽ bị tăng tốc đột ngột và gây ra tai nạn.
- Để tránh xảy ra tai nạn do bị trôi xe, luôn đạp bàn đạp phanh trong khi động cơ đang hoạt động và gài phanh đỗ nếu cần thiết.
- Nếu dừng xe trên đường dốc, để tránh bị tai nạn do xe bị trôi phía trước hoặc phía sau, phải luôn đạp phanh và gài phanh đỗ nếu cần.

l Tránh tăng tốc động cơ lên cao. Nếu để động cơ chạy ở tốc độ cao khi xe đang dừng có thể sẽ làm cho hệ thống xả bị quá nhiệt, và gây ra hỏa hoạn nếu có vật liệu dễ cháy ở gần.

n **Khi đỗ xe**

l Không để kính mắt, bật lửa, bình xịt hoặc bình nước trong xe khi đỗ xe dưới trời nắng.
Nếu không có thể sẽ gây ra những tình trạng sau:

- Khí ga có thể thoát ra khỏi bật lửa hay bình xịt và có thể gây cháy.
- Nhiệt độ cao trong xe có thể làm mắt kính làm bằng thuỷ tinh hữu cơ và các chi tiết nhựa của kính mắt bị biến dạng hoặc nứt vỡ.
- Các lon nước có ga có thể bị nứt, làm tràn nước ra xe, và có thể gây ra sự cố chập điện trong các thiết bị điện của xe.

l Không để bật lửa ở trong xe. Nếu bạn để bật lửa ở trong xe, như trong ngăn để găng tay hoặc trên sàn xe, nếu chẳng may bị hàng hóa đè phải hoặc ghế va phải bật lửa khi chỉnh ghế có thể sẽ gây cháy xe.

l Không gắn đĩa dính vào kính chắn gió hoặc kính cửa. Không để các bình đựng như lọ nước hoa trên bảng táp lô hoặc mặt táp lô. Các đĩa dính hoặc bình đựng có thể sẽ giống như một thấu kính và có thể gây cháy xe.

l Không để cửa xe hay cửa sổ mở nếu bạn đã dán lên phần kính cong của xe một lớp phim kim loại mỏng như lớp tráng bạc. Do ánh sáng mặt trời phản chiếu qua kính có thể sẽ đóng vai trò như một thấu kính và gây cháy xe.

l Luôn gài phanh đỗ, chuyển cần số tới vị trí P, tắt máy và khóa xe. Không rời khỏi xe khi không có ai trông coi xe trong khi động cơ đang hoạt động.
Nếu xe đang đỗ với cần số đã ở vị trí P nhưng phanh đỗ chưa được gài thì xe có thể sẽ bị dịch chuyển, và có thể dẫn tới tai nạn.

l Nếu chuyển cần số trước khi bật/tắt đèn chỉ báo chế độ bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp, có thể không chuyển hoàn toàn được chế độ gài cầu.
Chế độ chuyển số sẽ ngắt cả trục truyền động trước và sau khỏi hệ thống truyền lực và cho xe di chuyển không phụ thuộc vào vị trí số. (Tại thời điểm này, đèn chỉ báo nháy và chuông báo kêu.)
Vì vậy, xe tự chuyển động kể cả khi cần số đang ở vị trí P. Bạn có thể bị chấn thương nghiêm trọng. Bạn phải kết thúc việc chuyển chế độ chuyển số. (→P.438)

l Không chạm vào đường ống xả khi động cơ đang hoạt động hoặc ngay sau khi tắt máy.
Nếu không có thể sẽ bị bỏng.

n **Khi chợp mắt trong xe**

Hãy tắt động cơ. Nếu không, khi chẳng may bạn vô tình chuyển số hoặc đạp phải bàn đạp ga, tai nạn có thể xảy ra tai nạn hoặc gây cháy xe do động cơ bị quá nhiệt. Ngoài ra, nếu xe đang đỗ tại địa điểm có khả năng thông khí kém thì khí xả có thể sẽ xâm nhập vào trong xe và có thể dẫn tới tử vong hoặc gây tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe.

CẢNH BÁO

n **Khi phanh xe**

l Khi phanh đang ướt, hãy lái xe thật cẩn thận.
Quãng đường phanh sẽ tăng lên khi phanh bị ướt, và lực phanh ở hai bên sẽ không đều nhau. Đồng thời phanh đỗ cũng có thể sẽ không giữ xe một cách chắc chắn được.

l Nếu chức năng trợ lực phanh không hoạt động, bạn không được lái xe gần với các xe khác phía trước và tránh xuống dốc hoặc cua gấp, do khi đó phải dùng đến phanh.
Trong những trường hợp này, phanh vẫn làm việc nhưng nó đòi hỏi cần phải tác dụng lực vào bàn đạp phanh lớn hơn nhiều so với bình thường. Quãng đường phanh cũng có thể tăng lên. Hãy sửa chữa hệ thống phanh ngay lập tức.

l Không nhồi phanh liên tục nếu động cơ đã chết máy.
Mỗi lần đạp phanh sẽ làm tiêu tốn lượng năng lượng dự trữ của hệ thống trợ lực phanh.

l Hệ thống phanh gồm có 2 hệ thống phanh thủy lực độc lập; nếu có một trong hai hệ thống bị hỏng, thì hệ thống còn lại vẫn có thể hoạt động được. Trong trường hợp này, lực đạp phanh cần thiết sẽ phải lớn hơn so với bình thường và quãng đường phanh cũng sẽ tăng lên. Hãy sửa chữa hệ thống phanh ngay lập tức.

n **Nếu xe bị sa lầy**

Không quay bánh xe quá mức khi một trong các bánh xe tách khỏi đường hoặc khi xe bị sa lầy trong cát, bùn… Việc này có thể làm hỏng tới các thiết bị truyền lực hoặc đẩy xe về phía trước hoặc phía sau, gây ra tai nạn.

CHÚ Ý

n **Khi lái xe**

l Không đạp cả bàn đạp ga và bàn đạp phanh cùng lúc khi đang lái xe, nếu không công suất động cơ có thể sẽ bị hạn chế.

l Không đạp bàn đạp ga hoặc đạp đồng thời cả bàn đạp phanh và bàn đạp ga để giữ xe trên dốc.

n **Tránh làm hỏng các chi tiết của xe**

l Không đánh lái hết về một phía và giữ vô lăng ở vị trí đó trong thời gian dài.
Nếu không có thể sẽ làm hỏng bơm trợ lực lái

l Khi lái xe qua những chỗ gập ghềnh trên đường, hãy lái càng chậm càng tốt để tránh làm hỏng bánh xe, gầm xe…

l Chỉ cho động cơ diesel: Hãy để động cơ chạy không tải ngay sau khi lái xe ở tốc độ cao hoặc lái xe lên dốc đồi. Chỉ được tắt máy sau khi turbo tăng áp đã nguội. Nếu không, có thể sẽ làm hỏng turbo tăng áp.

n **Nếu xe bị xịt lốp trong khi lái xe**

Lốp xe bị xịt hơi hoặc bị hỏng có thể sẽ gây ra những tình trạng sau. Hãy giữ chắc vô lăng và đạp phanh từ từ để giảm tốc độ xe.

l Có thể sẽ khó điều khiển xe.

l Xe phát ra âm thanh hoặc rung động bất thường.

l Xe bị nghiêng bất thường.

Các bước xử lý khi xe bị xịt lốp (→P.620)

CHÚ Ý

n **Khi lái xe qua đường ngập nước**

Không lái xe trên đường bị ngập nước sau trận mưa to… Nếu không, có thể gây ra những hư hỏng nghiêm trọng cho xe như sau:

- Động cơ bị chết máy
- Các thiết bị điện trên xe bị ngắn mạch
- Động cơ bị hỏng hóc do ngập nước

Trong trường hợp bạn lái xe qua đường bị ngập nước và xe đã bị ngập nước, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra những hạng mục sau:

- Chức năng phanh
- Tình trạng thay đổi chất lượng và số lượng của dầu động cơ, dầu hộp số, dầu hộp số phụ, dầu vi sai…
- Tình trạng bôi trơn của các vòng bi và khớp nối của trục các đăng và hệ thống treo (tại những vị trí có thể kiểm tra) và chức năng của các vòng bi và khớp nối…

n **Khi đỗ xe**

Hãy gài phanh đỗ, và chuyển cần số đến vị trí P. Nếu không, xe có thể sẽ dịch chuyển hoặc tăng tốc đột ngột nếu chẳng may đạp nhầm phải bàn đạp ga.

Điều khiển hạn chế khởi hành đột ngột (Điều khiển dẫn động - khởi động [DSC])

Khi tiến hành các thao tác bất thường sau đây với bàn đạp ga đang được nhấn, công suất của động cơ có thể bị hạn chế.

- Khi cần số được chuyển đến vị trí R*.
- Khi chuyển cần số từ vị trí P hoặc R đến vị trí số tiến như số D*.

Khi hệ thống hoạt động, một thông điệp sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin. Hãy đọc thông điệp và làm theo hướng dẫn.

*: Tùy vào tình huống, vị trí cần số có thể không thay đổi.

n **Điều khiển dẫn động - khởi động**

- Khi TRC chủ động được tắt (→P.459), hệ thống hạn chế khởi đột ngột cũng không hoạt động. Nếu xe của bạn gặp khó khăn khi thoát khỏi bùn hoặc tuyết mới do hoạt động của hệ thống hạn chế khởi hành bất ngờ, hãy tắt TRC chủ động (→P.459) để xe có thể thoát khỏi bùn hoặc tuyết mới.

Ngoài ra, Điều khiển hạn chế khởi hành đột ngột sẽ không hoạt động trong các điều kiện sau:

- Khi công tắc điều khiển bốn bánh chủ động đặt tại vị trí “L4”.
- Khi vi sai trung tâm được khóa
- Khi sử dụng hệ thống chọn chế độ đa địa hình*

*: Nếu có

Hành lý và hàng hóa

Dưới đây là các thông tin về các lưu ý khi chất hàng hóa, dung tích hàng hóa và mức tải trọng:

⚠ CẢNH BÁO

n **Những đồ vật không nên để trong khoang hành lý**

Những đồ vật sau có thể sẽ gây cháy xe nếu để chúng trong khoang hành lý:

l Can đựng xăng

l Các loại bình xịt

n **Các lưu ý khi cất đồ**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể sẽ làm cản trở tới khả năng điều khiển các bàn đạp của người lái, có thể cản trở tầm nhìn của lái xe hoặc hàng hóa va vào người lái hoặc hành khách và có thể dẫn đến tai nạn.

l Nếu có thể, hãy cất gọn tất cả hàng hóa và hành lý trong khoang hành lý.

l Không chất hàng hóa trong khoang để hành lý cao hơn lưng ghế.

l Khi gập hàng ghế sau xuống, bạn không nên để những đồ vật dài ngay phía sau lưng ghế trước.

l Không được để bất cứ ai ngồi trong khoang để hành lý. Vị trí đó không được thiết kế để cho người ngồi. Mọi người nên ngồi trên ghế và thắt đai an toàn đúng cách. Nếu không họ có thể sẽ bị tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng khi phanh gấp, đánh lái gấp hoặc xe bị tai nạn.

l Không đặt hàng hóa hoặc hành lý trong hoặc trên các vị trí sau.

- Ở chân người lái
- Trên ghế hành khách phía trước hoặc ghế sau (khi chất đổ)
- Trên tấm che hành lý (nếu có)
- Trên bảng táp lô
- Trên mặt táp lô
- Trong hộp để đồ vặt hoặc khay để đồ không có nắp che

l Hãy cố định tất cả hàng hóa trong khoang hành khách.

n **Chất tải và phân bố tải trọng**

l Không chất hàng quá mức tải trọng của xe.

l Không chất tải lệch.

Nếu chất tải hàng hoá không đúng cách có thể sẽ làm cho hệ thống điều khiển lái và điều khiển phanh hoạt động không hiệu quả và có thể dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

n **Khi chở hàng trên giá để hành lý trên nóc xe**

Hãy tuân theo các chú ý sau:

l Hãy sắp xếp hàng hóa sao cho trọng lượng được phân bổ đều trên cả cầu trước và cầu sau của xe.

l Khi chở các hàng hoá cồng kềnh, hãy chú ý không để hàng hoá vượt quá chiều dài hoặc chiều rộng tổng thể của xe. (→P.648)

l Trước khi lái xe, hãy đảm bảo rằng hành lý đã được cố định trên giá để hành lý trên nóc xe.

- Khi chất hàng hoá lên giá để hành lý trên nóc xe sẽ làm cho trọng tâm của xe cao lên. Tránh lái xe ở tốc độ cao, khởi hành đột ngột, đánh lái gấp, phanh gấp hoặc vào cua gấp, nếu không có thể sẽ bị mất lái, gây lật xe dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.
- Nếu lái xe trên một quãng đường dài, trên đường gập ghềnh hoặc lái xe ở tốc độ cao, hãy dừng xe lại để kiểm tra và sau đó hãy đảm bảo rằng hành lý vẫn giữ nguyên vị trí đã được cố định.
- Không chất tải quá 100 kg hành lý lên giá để hành lý trên nóc xe.

⚠ CHÚ Ý

Khi chở hàng trên giá để hành lý trên nóc xe

Hãy cẩn thận để không làm trầy xước bề mặt của cửa sổ trời (nếu có).

Kéo moóc (xe có moóc kéo)

Dây kéo móoc sẽ ảnh hưởng không tốt đến tính năng, điều khiển, tiêu hao nhiên liệu và tuổi thọ của xe. Hãy sử dụng chính xác các chức năng của xe và vận hành xe chú ý đến lái xe an toàn và tiện nghi tối ưu. Hư hỏng và/hoặc lỗi xảy ra cho xe do kéo xe sẽ không được Toyota bảo hành.

Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin chi tiết liên quan đến việc lắp thêm các thiết bị như bộ dụng cụ kéo rơ moóc...

Thông tin lốp

- Tăng áp suất lốp đến 20 kPa hay lớn hơn giá trị khuyên dùng khi kéo moóc[2]. (→P.665)
- Hãy tăng áp suất lốp của moóc phù hợp với tổng tải trọng của moóc và theo hướng dẫn của nhà sản xuất rơ moóc.

Các đèn của moóc

Hãy kiểm tra rằng các đèn xi nhan và đèn phanh luôn hoạt động bình thường khi bạn kéo theo moóc. Đấu dây trực tiếp vào xe của bạn có thể làm hỏng hệ thống điện và làm cho các đèn hoạt động không chính xác.

Kiểm tra an toàn trước khi kéo rơ moóc

- Hãy đảm bảo rằng mức tải trọng tác động lên các móc kéo/giá bắt và khớp bắt móc kéo không vượt quá giới hạn cho phép. Hãy lưu ý rằng bản thân trọng lượng móc kéo cũng sẽ ảnh hưởng đến tổng trọng lượng

của xe. Hãy đảm bảo rằng tổng trọng lượng của xe vẫn nằm trong giới hạn cho phép. (→P.213)

- Hãy đảm bảo rằng hàng hóa trên moóc đã được cố định chắc chắn.
- Bạn nên lắp thêm các gương chiếu hậu phụ bên ngoài nếu bạn không thể quan sát đường một cách rõ ràng bằng các gương tiêu chuẩn được. Hãy điều chỉnh các giá bắt gương chiếu hậu ở cả hai bên sao cho bạn có thể quan sát phía sau xe càng rõ càng tốt.
- Hãy đảm bảo rằng đầu khớp cầu của bộ nối moóc được đặt ở độ cao thích hợp trên moóc.

n Bảo dưỡng

- Bạn cần phải cho bảo dưỡng xe thường xuyên hơn khi kéo theo rơ moóc bởi tải trọng của xe khi kéo rơ moóc sẽ lớn hơn ở chế độ lái xe bình thường.
- Hãy xiết chặt lại tất cả bu lông ở đầu moóc kéo và giá bắt sau khi kéo rơ moóc khoảng 1000 km.

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các hướng dẫn được miêu tả trong chương này.
Nếu không, có thể sẽ dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n Lưu ý khi kéo moóc

Khi kéo xe, hãy đảm bảo không vượt quá mức tải trọng cho phép. (→P.213)

n Để tránh bị tai nạn hoặc bị thương

Không sử dụng điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa (nếu có) hoặc điều khiển chạy tự động khi kéo rơ moóc.

n Tốc độ lái xe khi kéo rơ moóc

Hãy tuân theo tốc độ tối đa cho phép khi kéo moóc.

n Trước khi xuống dốc hoặc xuống dốc dài

Hãy giảm tốc độ và xuống số. Tuy nhiên, không được xuống số đột ngột khi đang lái xe xuống dốc đứng hoặc dốc dài.

n Thao tác với chân phanh

Không rà phanh liên tục hoặc phanh quá lâu.
Nếu không có thể sẽ làm cho phanh quá nóng hoặc làm giảm hiệu quả phanh.

Mức tải trọng giới hạn

Hãy kiểm tra mức tải trọng cho phép, kiểm tra trọng lượng tổng thể của xe, tải trọng tối đa cho phép tính trên cầu xe, và tải trọng tối đa cho phép của thanh kéo rơ moóc trước khi kéo. (→P.650)

Móc kéo/giá bắt

Chúng tôi khuyến nghị bạn sử dụng móc kéo/giá bắt chính hiệu của Toyota. Bạn cũng có thể sử dụng những sản phẩm khác có chất lượng tốt và tương thích với xe để kéo rơ moóc.

Khi sử dụng móc/giá bắt của Toyota, hãy sử dụng dự phòng tăng cường. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin chi tiết.

Những xe mà các thiết bị kéo bị cản bởi bất kỳ các đèn hoặc đèn soi biển số, hãy tuân theo các điểm như sau:

- Không được sử dụng các thiết

bị kéo mà khó tháo ra hoặc khó cất đi.

- Các thiết bị kéo phải được tháo ra hoặc cất đi khi không sử dụng.

Các đèn kéo móoc (nếu có)

Hãy sử dụng dây điện được đặt ở cuối xe.

Hãy tham khảo ý kiến Đại lý Toyota khi lắp các đèn moóc, việc lắp không chính xác có thể làm hỏng các đèn trên xe. Hãy tuân theo quy định của nhà nước khi lắp moóc kéo.

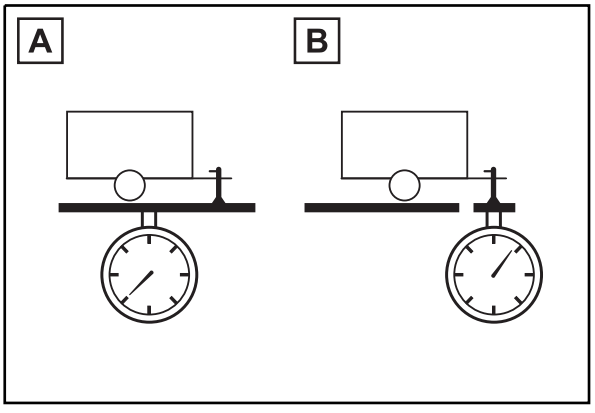
CHÚ Ý

n **Không đấu nối trực tiếp các đèn của moóc**

Nếu đấu nối trực tiếp đèn của moóc với hệ thống điện trên xe có thể sẽ làm hỏng hệ thống điện trên xe và gây ra sự cố.

Những lưu ý liên quan đến tải của moóc

n **Trọng lượng tổng thể của moóc và tải trọng tối đa cho phép của thanh kéo moóc**



A Tổng trọng lượng của moóc

Bằng trọng lượng của bản thân moóc với lượng hàng hóa có trên moóc, tổng trọng lượng này phải nằm trong giới hạn tải trọng tối đa cho phép khi kéo xe. Vượt quá mức trọng lượng này sẽ rất nguy hiểm. (→P.650)

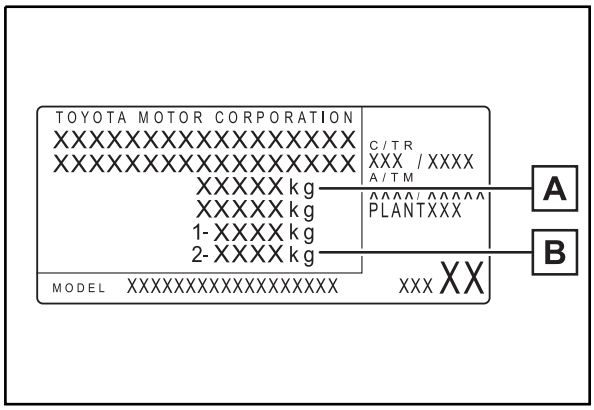
Khi kéo moóc, hãy sử dụng khớp nối kiểu ma sát hoặc bộ ổn định kiểu ma sát (thiết bị kiểm soát rung lắc).

Khi tổng trọng lượng của moóc vượt quá 2,000 kg, bắt buộc phải sử dụng bộ ổn định kiểu ma sát (thiết bị kiểm soát rung lắc).

B Tải trọng cho phép của thanh kéo rơ moóc

Hãy chất tải lên moóc sao cho tải thanh kéo moóc lớn hơn 25 kg hoặc lớn hơn 4% tải trọng. Không để tải trọng tác dụng lên thanh kéo moóc vượt quá giới hạn cho phép. (→P.650)

n **Nhãn thông tin (nhãn của nhà sản xuất) (nếu có)**



A Trọng lượng toàn bộ của xe

Tổng trọng lượng của người lái, hành khách, hành lý, moóc kéo và đầu kéo rơ moóc không vượt quá trọng lượng toàn bộ của xe hơn 100 kg Vượt quá tải trọng này sẽ rất nguy hiểm.

B Tải trọng tối đa cho phép của cầu sau

Không nên để trọng lượng tác dụng lên cầu sau của xe vượt quá tải trọng tối đa cho phép của cầu xe khoảng 15% trở lên. Vượt quá tải trọng này sẽ rất nguy hiểm.

Mức tải trọng này được xác định ở điều kiện địa hình có chiều cao ngang bằng với mực nước biển. Lưu ý rằng khi lên cao, công suất động cơ và khả năng tải của xe sẽ bị giảm.

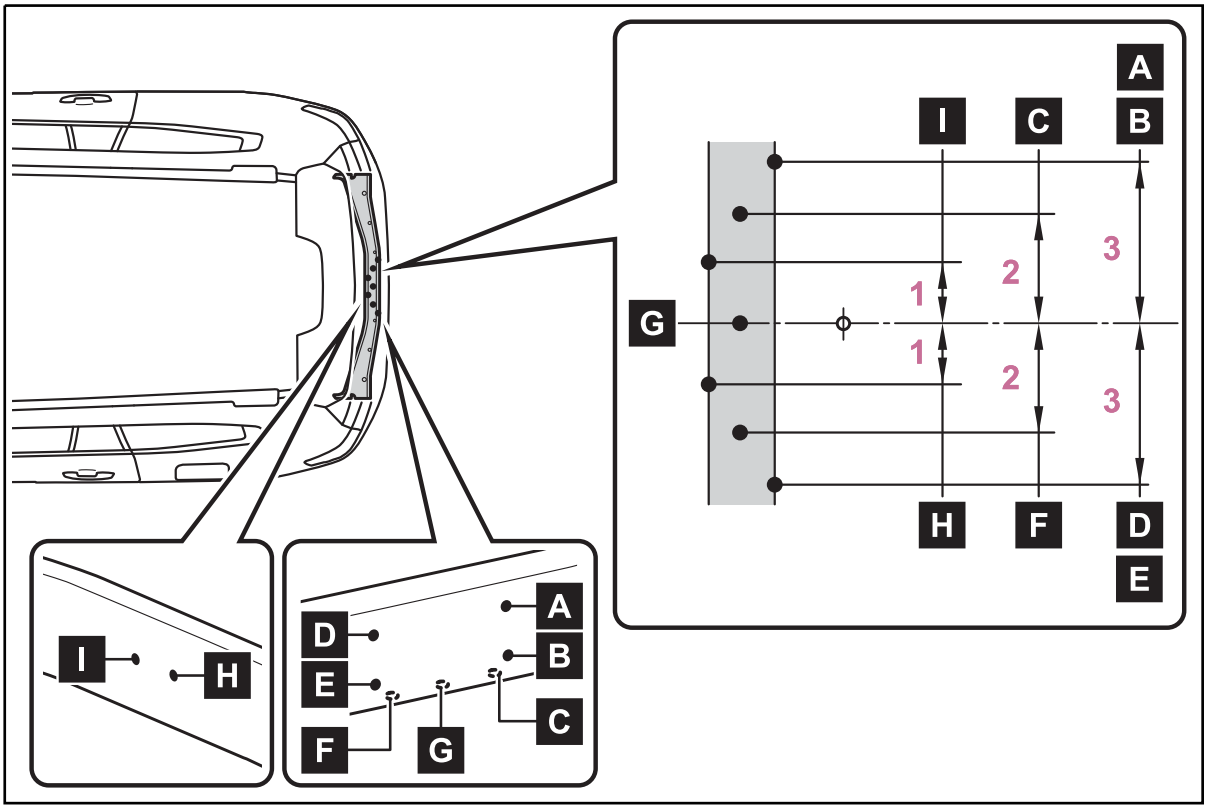
⚠ CẢNH BÁO

n **Khi trọng lượng toàn bộ của xe hoặc tải trọng tác dụng lên cầu xe vượt quá mức quy định**

Không vượt quá giới hạn tốc độ khi kéo moóc ở khu vực đông dân cư hoặc không quá 100 km/h, tùy theo tốc độ nào thấp hơn.

Nếu không tuân theo các lưu ý này có thể dẫn đến tai nạn gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

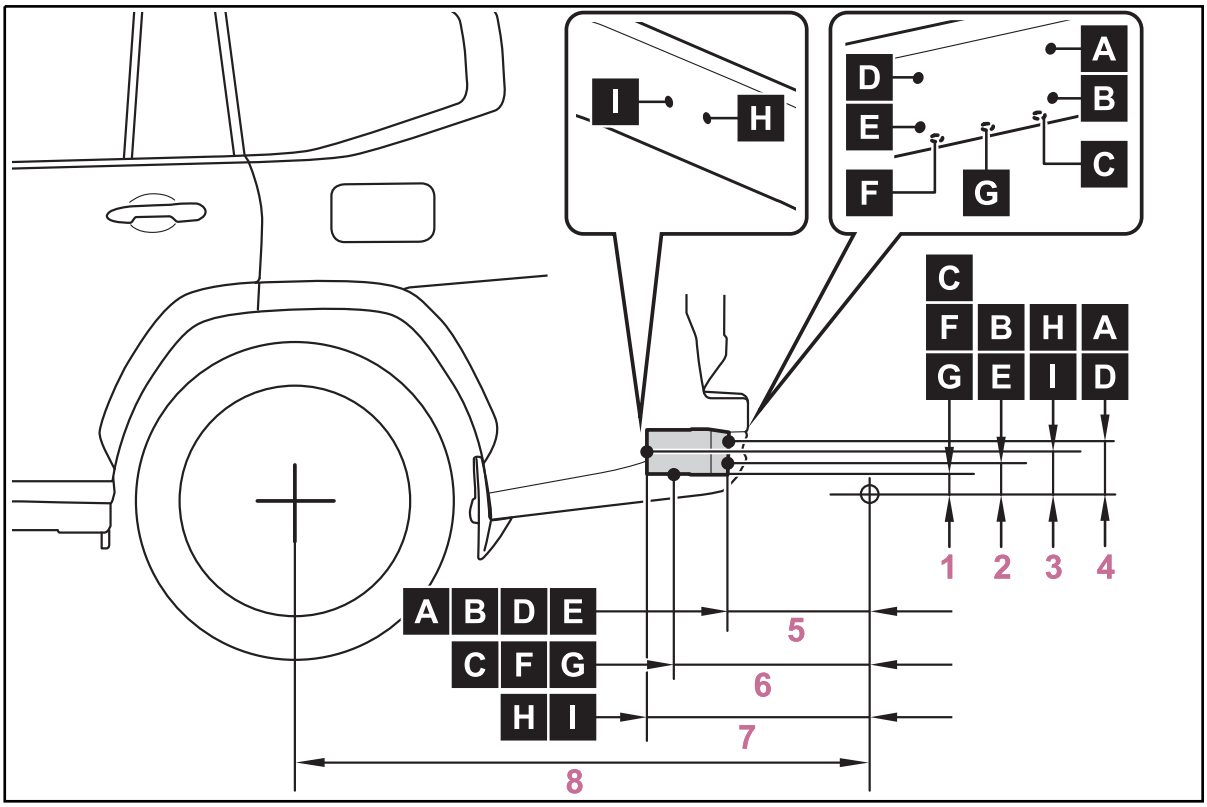
Vị trí lắp cho giá bắt và móc kéo xe



1 30 mm

2 60 mm

3 80 mm



1 76.9 mm
2 106.5 mm
3 137.5 mm
4 160.5 mm
5 136 mm
6 183.5 mm
7 211.1 mm
8 1,272 mm

CHÚ Ý

n **Khi thanh tăng cứng cản sau làm bằng nhôm**

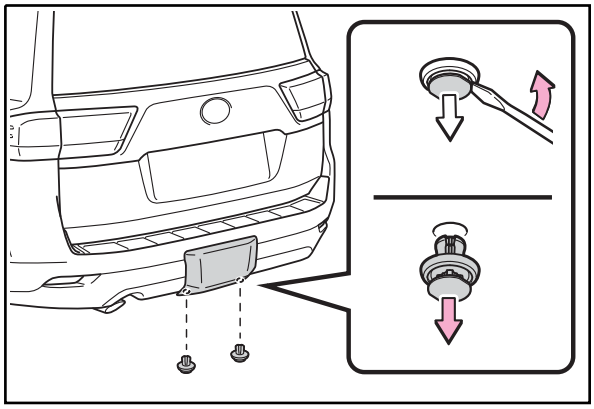
Hãy đảm bảo rằng phần giá bắt bằng thép sẽ không tiếp xúc trực tiếp với khu vực đó.

Khi nhôm và thép tiếp xúc với nhau, sẽ gây ra phản ứng hóa học dẫn đến ăn mòn, làm cho phần nối bị yếu đi và dẫn tới hư hỏng. Hãy bôi sáp chống gỉ lên những chi tiết nếu chúng tiếp xúc với các giá bắt bằng thép.

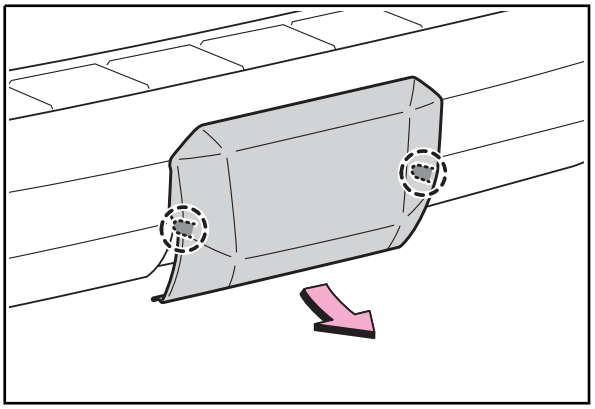
Tháo nắp che móc kéo

▶ Kiểu A

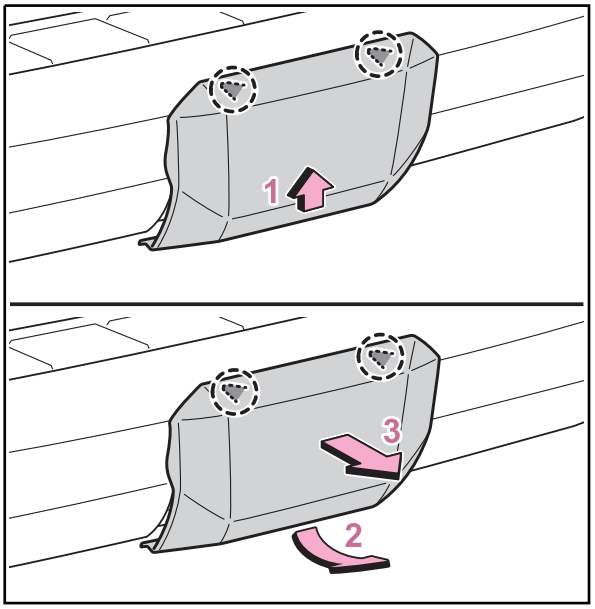
1 Tháo các kẹp.



2 Kéo vào mép phía dưới của nắp móc hướng về phía bạn và tháo 2 vấu.



3 Tháo nắp che như trong hình minh họa.



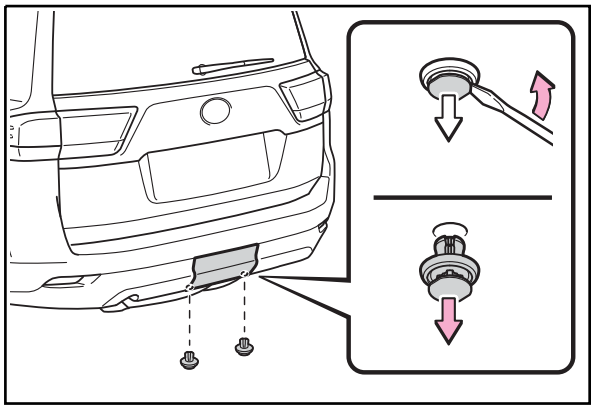
1 Giữ mép phía dưới của nắp và nhấc nhẹ nắp lên.

2 Chỉ kéo vào mép bên dưới của nắp móc hướng về phía bạn và tháo 2 vấu.

3 Kéo nắp hướng về phía bạn và tháo nó.

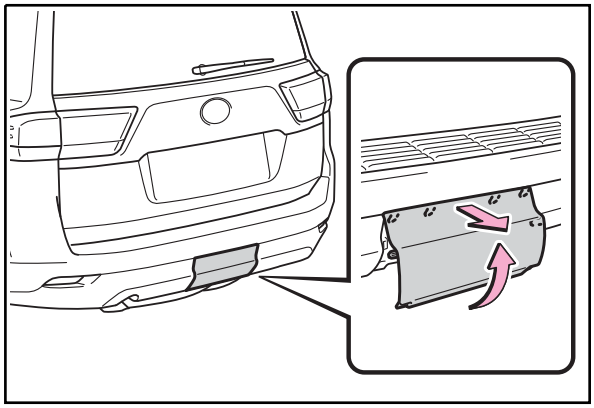
▶ Kiểu B

1 Tháo các kẹp.



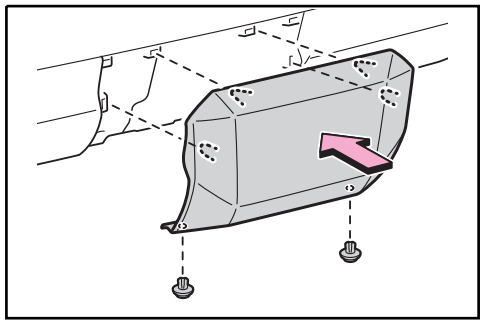
2 Tháo nắp che như trong hình minh họa.

Khi lắp lại nắp che, hãy làm ngược lại với các bước kể trên.



n **Khi lắp nắp (kiểu A)**

Chắc chắn đã lắp 4 vấu, và lắp các kẹp.



Hướng dẫn

Thao tác điều khiển xe sẽ khác đi rất nhiều khi kéo theo moóc. Để tránh gây ra tai nạn dẫn đến tử

vong hoặc chấn thương nghiêm trọng, hãy tuân theo các lưu ý sau khi kéo xe:

n Kiểm tra tình trạng kết nối của moóc và các đèn

Hãy dừng xe và kiểm tra liên kết giữa moóc và các đèn sau khi lái xe trong một thời gian ngắn và trước khi khởi hành.

n Thực hành lái xe có kéo moóc

- Hãy thực hành lái xe với moóc ở khu vực không có hoặc ít đèn giao thông để cảm nhận khi vào cua, dừng xe và lùi xe.
- Khi lùi xe có kéo moóc, hãy kéo phần vô lăng gần người nhất và đánh vô lăng cùng chiều kim đồng hồ để moóc quay sang trái hoặc đánh vô lăng ngược chiều kim đồng hồ để moóc quay sang phải. Hãy đánh vô lăng thật từ từ để tránh thao tác sai. Hãy nhờ một người khác chỉ dẫn khi lùi xe để tránh xảy ra tai nạn.

n Tăng khoảng cách với xe phía trước

Khi lái xe với tốc độ 10 km/h, bạn nên giữ khoảng cách với xe chạy phía trước tối thiểu bằng tổng chiều dài của xe và moóc. Tránh phanh gấp, nếu không xe có thể sẽ bị trượt và gây ra mất lái. Tình trạng trượt càng dễ xuất hiện nếu lái xe trên đường ướt hoặc đường trơn.

n Tăng tốc đột ngột/đánh lái/vào cua gấp

Moóc có thể sẽ va phải xe nếu bạn vào cua gấp. Hãy giảm tốc độ trước khi vào cua, lái xe thật chậm và cẩn thận để tránh phanh gấp.

n Lưu ý quan trọng khi vào cua

Các bánh xe của moóc sẽ tiến sát tới mép trong của khúc cua hơn bánh xe bạn. Hãy vào cua rộng hơn để tránh bị va chạm với mép đường.

n Lưu ý về độ ổn định của xe

Lái xe trên đường mấp mô hoặc có gió thổi mạnh có thể sẽ ảnh hưởng đến khả năng điều khiển xe. Xe có thể sẽ bị rung lắc khi vượt qua xe buýt hoặc xe tải lớn. Hãy thường xuyên kiểm tra phía sau khi lái xe bên cạnh những xe này. Nếu phát hiện thấy có xe khác, hãy giảm tốc từ từ bằng cách đạp phanh một cách chậm rãi. Luôn giữ thẳng lái khi phanh.

n Khi vượt qua xe khác

Hãy chú ý đến chiều dài tổng thể của xe và moóc, hãy đảm bảo có đủ khoảng cách với xe phía trước trước khi chuyển làn.

n Thông tin hộp số

Để đảm bảo hiệu quả phanh động cơ, khi sử dụng phanh động cơ, không để hộp số ở vị trí D.

Nếu hộp số đang ở chế độ M, vị trí số phải ở vị trí số 7 trở xuống. (→P.237)

n Nếu động cơ quá nhiệt

Khi kéo rơ moóc trong thời gian dài, lái xe trên đường dốc với nhiệt độ môi trường trên 30 • C có thể làm cho động cơ bị quá nhiệt. Nếu đồng hồ báo nhiệt độ nước làm mát động cơ cho biết động cơ đang bị quá nhiệt, hãy tắt hệ thống điều hòa không khí ngay lập tức và dừng xe ở một vị trí an toàn. (→P.640)

n Khi đỗ xe

Hãy đặt cục chèn dưới các bánh xe của xe và moóc. Hãy gài chắc phanh đỗ và chuyển cần số sang vị trí "P".

---

n Khi kéo moóc

Vô hiệu hóa các hệ thống sau đây, vì các hệ thống này có thể hoạt động không chính xác.

- LTA (Hỗ trợ bám làn đường)* (→P.286)
- LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn)* (→P.291)
- Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa* (→P.298)
- Hệ thống điều khiển chạy tự động (→P.309, 313)
- Theo dõi điểm mù (BSM)* (→P.325)
- Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota* (→P.342)
- Chức năng cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA)* (→P.348)
- Chức năng phát hiện bằng camera phía sau (RCD)* (→P.353)
- PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe)* (→P.357)

*: Nếu có

n Trong khi chạy rà

Chúng tôi khuyên bạn không nên cho kéo rơ moóc trong 800 km đầu sau khi thay các cụm chi tiết của hệ thống truyền lực trên xe.

n Nếu moóc bị lắc

Một hoặc nhiều yếu tố (gió thổi tạt ngang, xe khác vượt qua, đường gồ ghề…) có thể ảnh hưởng đến việc điều khiển xe và moóc, làm mất cân bằng khi lái xe.

- Nếu rơ moóc bị lắc:
  - Hãy nắm chắc vô lăng. Đánh lái thẳng.
    Không cố điều khiển rơ moóc bằng cách xoay vô lăng.
  - Hãy bắt đầu nhả chân ga ngay lập tức nhưng nhả từ từ để giảm tốc độ. Không tăng tốc độ. Không gài phanh.

Nếu bạn không đánh lái hoặc phanh gấp, xe và moóc sẽ giữ được độ ổn định (nếu bật, hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc sẽ giúp giữ ổn định xe và moóc).

- Sau khi tình trạng lắc của rơ moóc đã hết:
  - Hãy dừng xe ở một vị trí an toàn. Hãy để tất cả hành khách ra khỏi xe.
  - Kiểm tra các lốp và moóc.
  - Hãy kiểm tra tải trọng của moóc.

Đảm bảo rằng không được chuyển tải.

Đảm bảo rằng trọng lượng phù hợp.

- Hãy kiểm tra tình trạng chất tải trên xe.

Hãy đảm bảo rằng xe không quá tải sau khi các hành khách vào xe.

Nếu bạn không phát hiện thấy bất cứ vấn đề nào, thì tốc độ của xe khi moóc bị lắc đã vượt quá giới hạn riêng khi xe nối moóc. Hãy lái xe ở tốc độ thấp hơn để tránh mất cân bằng. Hãy lưu ý rằng tình trạng rung lắc rơ moóc

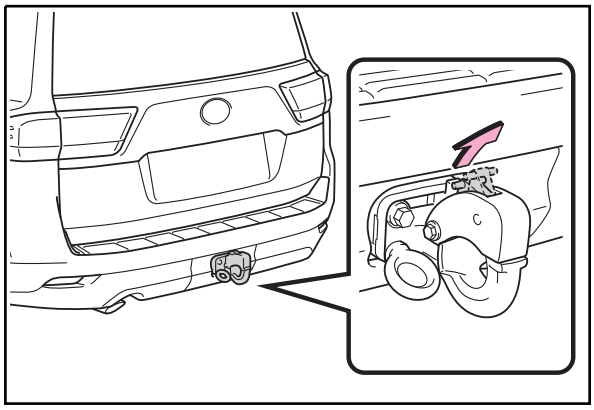
sẽ tăng lên khi tốc độ xe tăng lên.

Móc kéo*

*: Nếu có

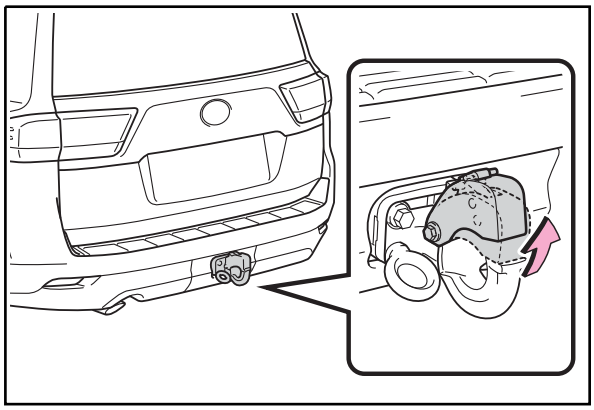
Bạn có thể sử dụng móc kéo để kéo.

1 Hãy kéo lẫy khóa móc kéo lên.



2 Nhấc nửa phía trên của móc kéo lên.

Sau khi lắp moóc, hãy hạ nửa phía trên của móc kéo về vị trí ban đầu, và hạ lẫy khóa móc kéo xuống.



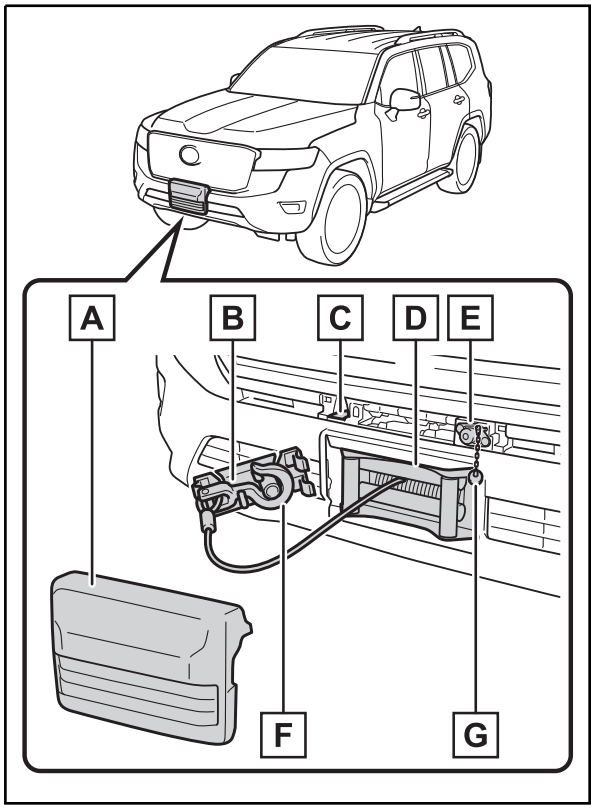
n Khi kéo xe

- Để đảm bảo an toàn, hãy buộc xe cần kéo vào bu lông móc kéo bằng dây cáp hoặc dây thừng.
- Hãy gắn xe cần kéo vào móc kéo sao cho lực kéo nằm theo phương ngang.
- Khi lắp thêm móc kéo và bậc lên xuống, góc thoát của xe sẽ giảm đi. Do đó, hãy cẩn thận khi lái xe trên đường gồ ghề để tránh bị chạm

gầm.

Tời điện*

*: Nếu có



A Nắp che tời

B Giá bắt móc tời

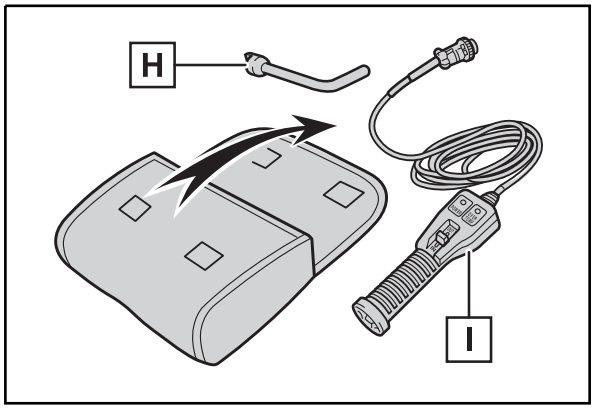
C Lỗ tháo giá bắt móc tời

D Lỗ lắp tời

E Giắc cắm điều khiển tời

F Móc

G Nắp che bụi

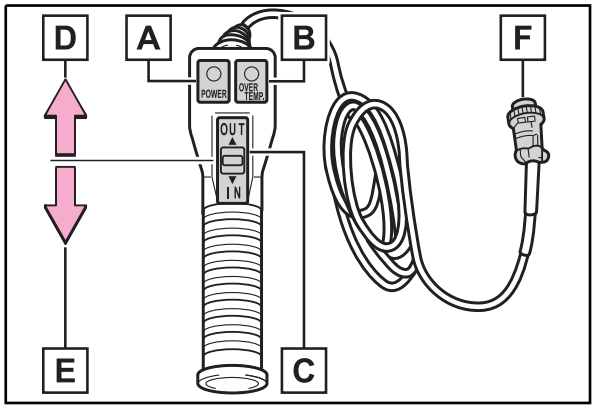


H Cờ lê tháo giá bắt móc tời

I Bộ điều khiển từ xa

Bạn có thể tìm thấy cờ lê tháo giá bắt móc tời và điều khiển từ xa trong túi dụng cụ ở ghế hành khách phía trước.

Bộ điều khiển từ xa



A Đèn chỉ báo "POWER"

Đèn này sẽ sáng lên để chỉ báo rằng bạn đã có thể điều khiển tời.

Khi cắm cáp của bộ điều khiển tời vào giắc cắm điều khiển tời trên xe, đèn này sẽ sáng lên khi khởi động động cơ.

Nếu đèn chỉ báo "POWER" tối đi, hãy ngừng điều khiển tời và sạc lại ắc quy.

B Đèn cảnh báo "OVER TEMP"

Đèn cảnh báo này chỉ ra rằng mô tơ tời đang bị quá nóng.

Khi phải kéo quá nặng, đèn cảnh báo “OVER TEMP” sẽ sáng và chuông cảnh báo có thể sẽ kêu.

Nếu tình trạng này xuất hiện, hãy ngừng điều khiển tời và để mô tơ tời nguội đi.

C Công tắc điều khiển từ xa

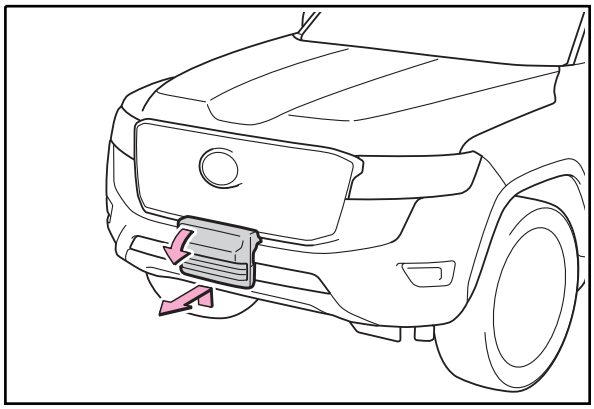
D Phía "OUT" (nhả tời)

E Phía "IN" (cuộn tời)

F Đầu giắc cắm

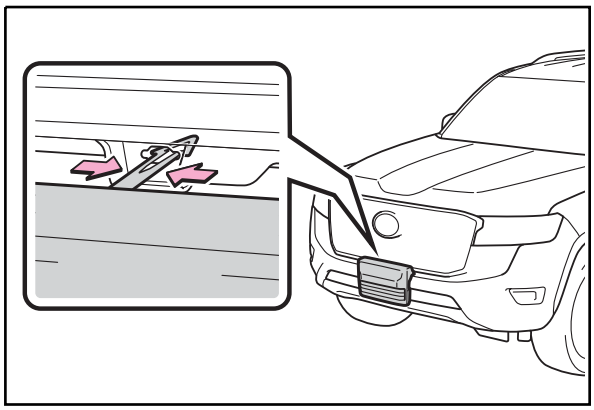
Tháo nắp che tời

1 Nâng nắp che như trong hình minh họa.



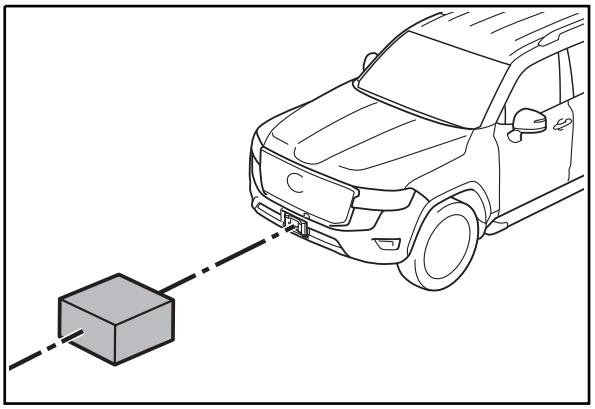
2 Bóp đầu giữ nắp che tời và tháo nắp che tời như trong hình minh họa.

Khi lắp lại nắp che tời, hãy làm ngược lại với các bước trên.



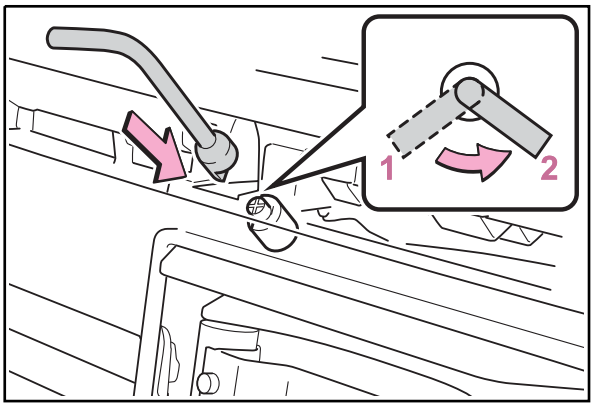
Chuẩn bị để sử dụng tời

1 Hãy đỗ thẳng xe trước đồ vật mà bạn đang muốn kéo.



2 Tháo nắp che tời.

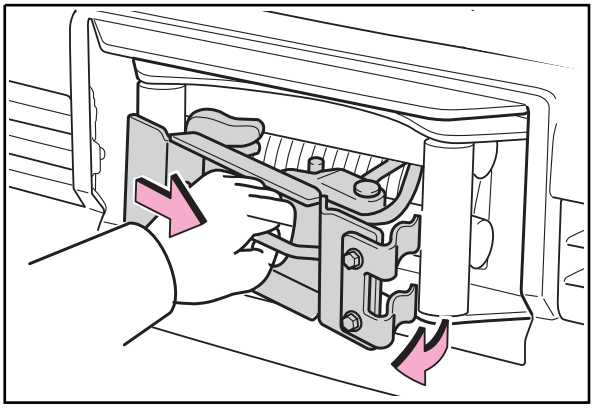
3 Cắm cờ lê tháo giá bắt móc tời và xoay cờ lê ngược chiều kim đồng hồ như hình vẽ.



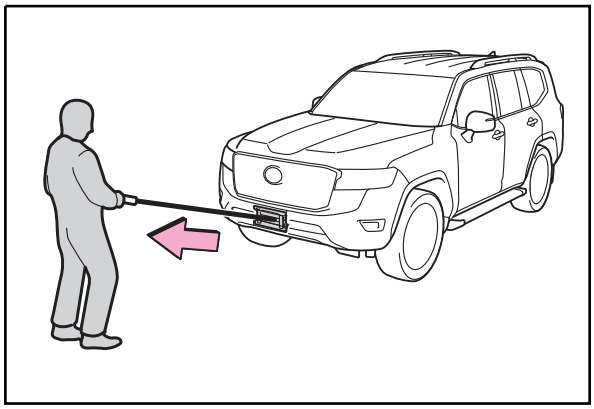
1 Khóa

2 Mở khóa

4 Dùng tay tháo giá bắt móc tời và kéo cáp ra ngoài.



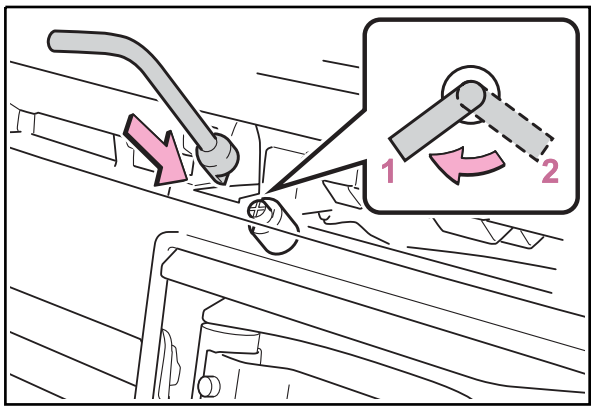
5 Giữ vào móc kéo tời và kéo cáp tời ra càng nhiều càng tốt.



Sử dụng tời

n **Kéo cáp tời ra (bằng bộ điều khiển tời)**

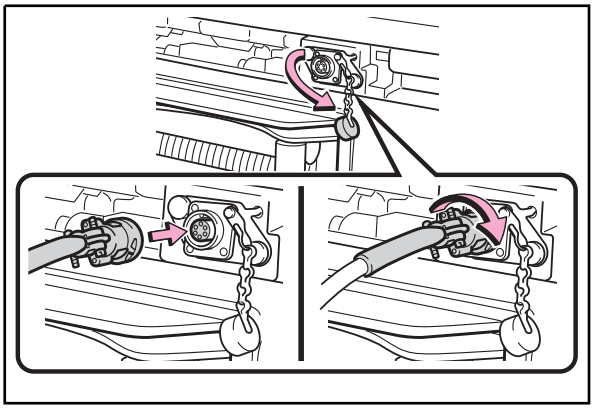
1 Vặn cờ lê tháo giá bắt móc tời theo chiều kim đồng hồ tới vị trí khóa.



1 Khóa

2 Mở khóa

2 Tháo nắp chắn bụi của giắc cắm điều khiển tời và nối đầu giắc cắm điều khiển tời vào.

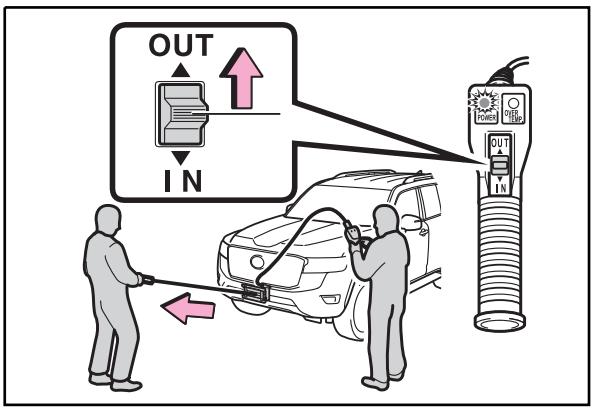


3 Khi sử dụng tời điện với xe đang đỗ, hãy chuyển cần số về vị trí “P” và gài chắc phanh đỗ.

4 Chặn các bánh trước.

5 Khởi động động cơ và để động cơ chạy ở tốc độ cao hơn tốc độ không tải.

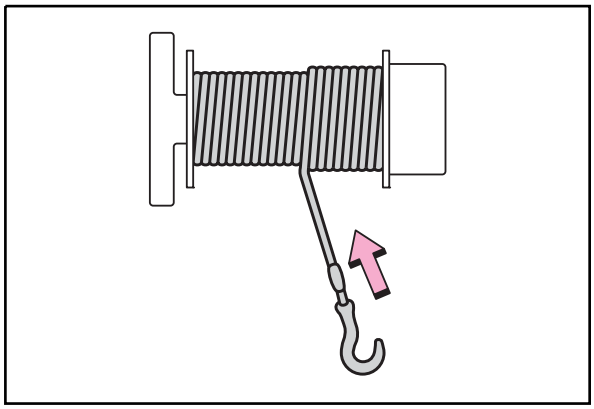
6 Hãy đảm bảo rằng đèn chỉ báo "POWER" đã sáng lên. Sau đó gạt công tắc trên bộ điều khiển từ xa của tời tới vị trí "OUT".



n Cuốn lại cáp

Hãy đảm bảo rằng đèn chỉ báo "POWER" đã sáng lên, sau đó gạt công tắc trên bộ điều khiển tời tới vị trí "IN".

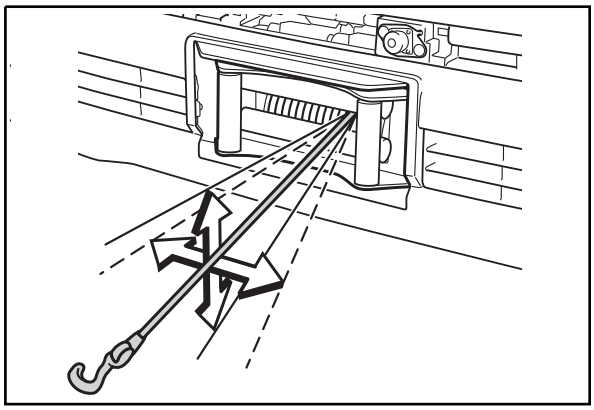
Khi cuốn lại dây cáp, hãy để dây cáp ở góc nghiêng như trong hình minh họa để tránh bị rối cáp.



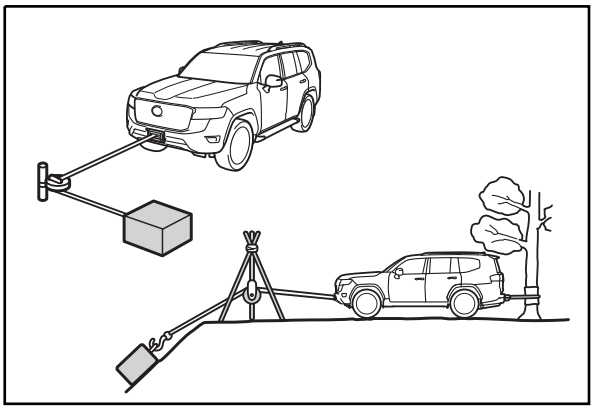
Cách sử dụng tời điện

n Góc giới hạn của cáp kéo

Bạn nên kéo dây cáp thẳng trong giới hạn góc kéo 15 độ theo cả chiều ngang và chiều dọc tính từ đường tâm của lỗ lắp tời.



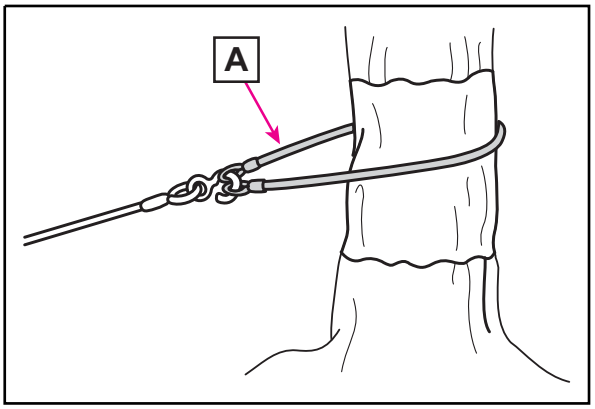
Để kéo những đồ vật ở vị trí nghiêng trên 15 độ so với tâm của lỗ lắp tời, hãy sử dụng ròng rọc và điểm tựa để kéo như trong hình minh họa.



n Gắn cáp tời

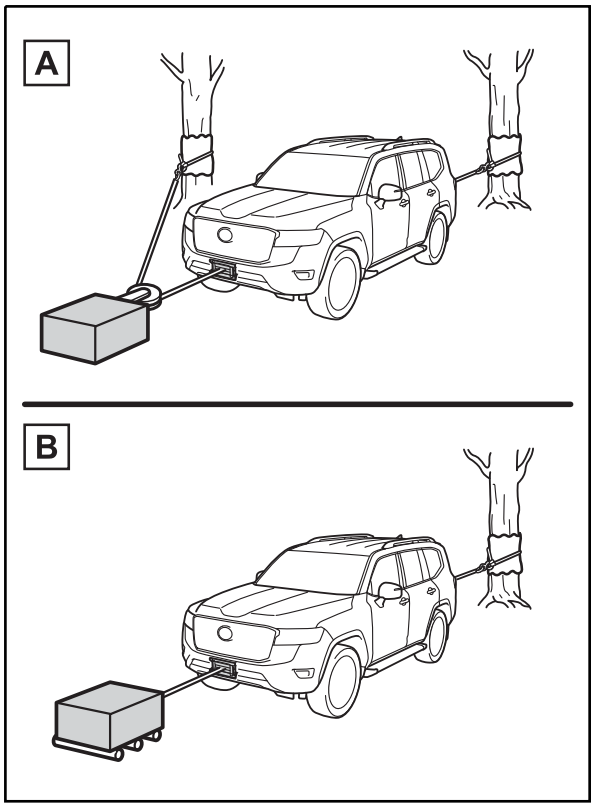
Hãy gắn móc kéo cáp vào đồ vật cần kéo hoặc thân cây lớn một cách chắc chắn.

Cáp rời A được quấn xung quanh một vật có độ dày tối thiểu cũng bằng cáp kéo, và đủ độ bền.



n Di chuyển những vật nặng

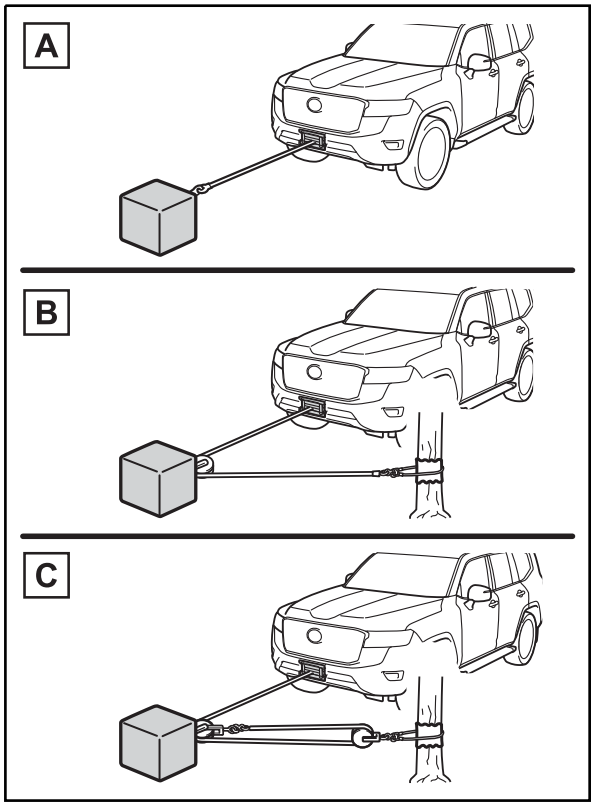
Hãy buộc xe vào một thân cây đủ chắc để chịu được mức tải trọng cần kéo. Có thể sử dụng thêm ròng rọc, điểm tựa và con lăn để kéo dễ dàng hơn.



A Sử dụng ròng rọc và điểm tựa

B Sử dụng con lăn

n Cách lắp cáp kéo

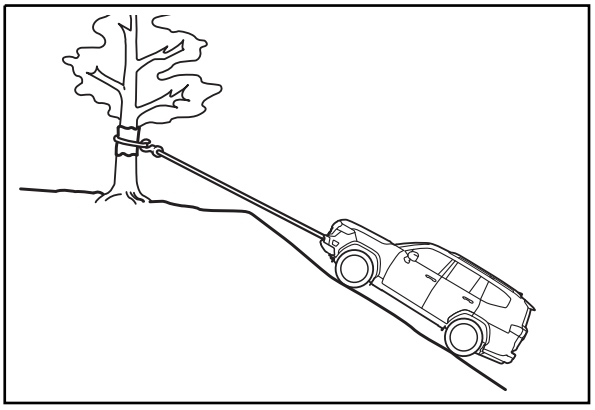


Mức tải trọng cho phép được liệt kê trong bảng sau.

Cáp	Lực kéo
A Dây cáp đơn	Nhỏ hơn 1,000 kg
B Dây cáp đôi	Nhỏ hơn 2,000 kg
C Dây cáp ba	Nhỏ hơn 3,000 kg

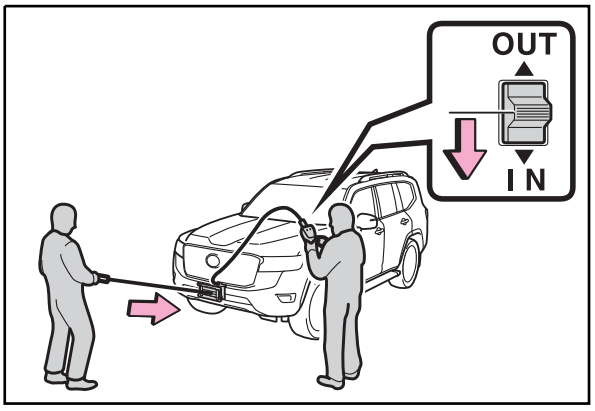
n **Kéo xe thoát khỏi sa lầy hoặc kéo xe qua dốc đứng**

Hãy nối cáp vào thân cây hoặc một xe khác.

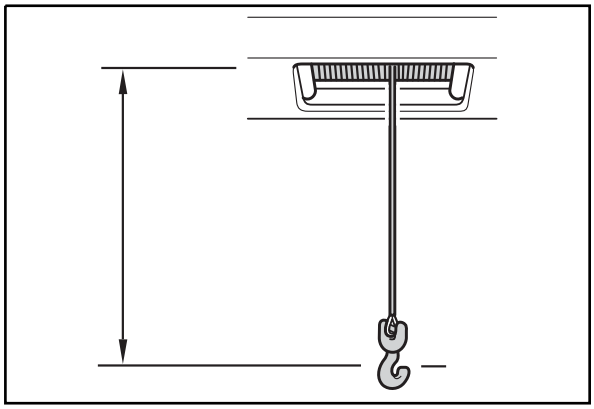


Sau khi sử dụng tời

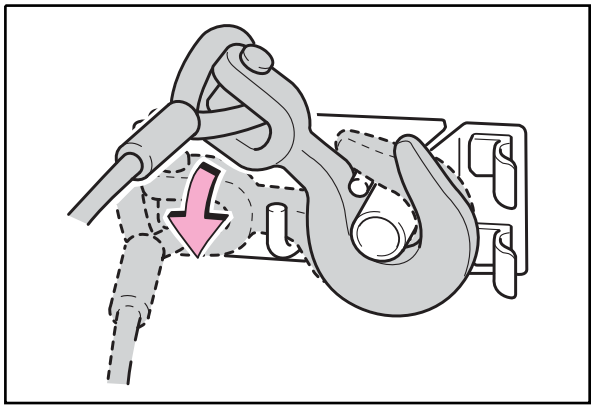
1 Hãy nhờ một người khác giữ móc tời và kéo để tạo ra lực căng nhẹ cho cáp, hãy thu cáp lại bắt đầu từ mép của trống tời.



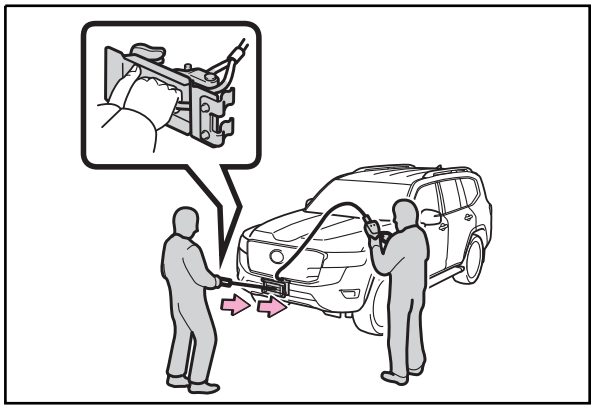
2 Dừng thu cáp tời bằng công tắc điều khiển từ xa khi dây cáp chỉ còn thừa ra 1 m.



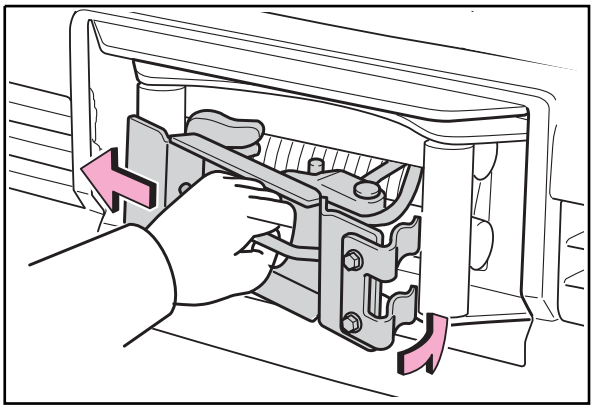
3 Gắn đầu móc tời vào giá đỡ móc tời.



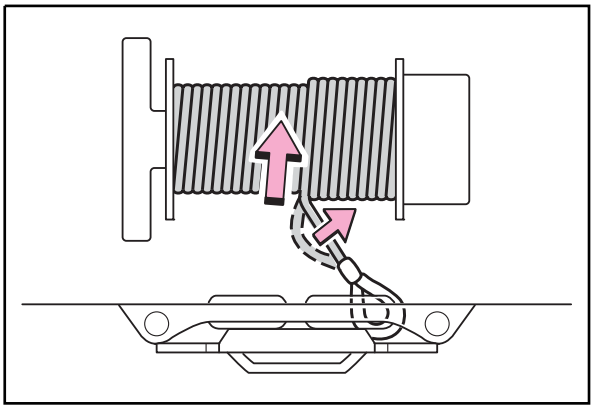
4 Dùng tay giữ vào giá bắt móc tời và dùng bộ điều khiển từ xa cho tới khi cáp được thu vào gần hết.



5 Lắp giá bắt móc tời vào lỗ bắt tời.



6 Thu cáp lại một chút để tạo lực căng nhẹ cho cáp.



7 Rút đầu giắc của bộ điều khiển tời ra và lắp nắp chắn bụi vào giắc cắm điều khiển tời.

8 Đặt cờ lê mở khóa giá bắt móc tời và bộ điều khiển tời vào ngăn đựng găng tay.

9 Lắp nắp che tời. (→P.221)

n Khi sử dụng tời điện

Khi sử dụng tời điện lần đầu, bạn có thể sẽ thấy có khói thoát ra từ mô tơ tời. Đó là hiện tượng bình thường và khói sẽ từ từ biết mất khi bạn sử dụng tời.

n Khi dừng điều khiển tời

Xin hãy lưu ý rằng trống tời sẽ không dừng lại ngay lập tức khi bạn nhả công tắc ra.

n Khi lắp cáp rời vào thân cây

Hãy sử dụng một tấm vải dày hoặc vật tương tự để phủ lên bề mặt thân cây nhằm tránh làm hỏng cáp.

⚠ CẢNH BÁO

n **Để tránh bị tai nạn hoặc bị thương**

l Trước và sau khi sử dụng tời, hãy kiểm tra:

- Tình trạng lắp của bu lông tời
- Tình trạng gỉ và mòn của cáp tời
- Tình trạng của dây cáp điện của bộ điều khiển từ xa (xem có bị nứt, đứt hoặc chập không)

l Nếu cáp điện bị biến dạng, sờn hoặc mòn, độ bền của cáp có thể sẽ bị giảm đi đáng kể. Nếu dây cáp điện của bộ điều khiển tời bị chập mạch thì tời điện có thể sẽ bất ngờ hoạt động. Nếu bạn phát hiện thấy có hiện tượng bất thường trên hệ thống tời điện, không sử dụng tời, hãy hỏi ý kiến của đại lý Toyota.

l Không bao giờ được dùng tời điện để nâng hoặc kéo người hay nâng các đồ vật.

l Mọi người không nên đứng bên cạnh lỗ lắp tời, cáp tời, móc tời hoặc bộ điều khiển tời, trừ người điều khiển, khi đang điều khiển tời hoặc khi bộ điều khiển từ xa đã được nối với tời điện.
Không đặt chân hoặc tay lên cản xe trước, gần lỗ lắp tời.
Nếu không họ có thể sẽ bị kẹp bởi tời.

l Không chạm vào cáp kéo hoặc móc tời nếu cáp đang kéo căng, kể cả khi tời không hoạt động.

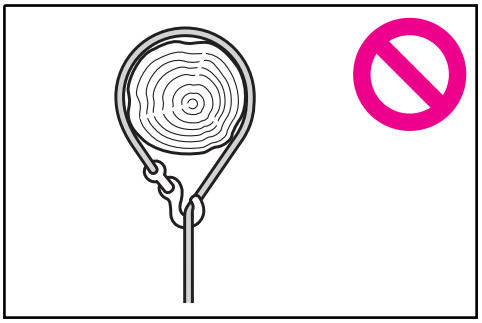
CẢNH BÁO

- Chỉ nối bộ điều khiển từ xa với tời điện khi cần sử dụng tời. Hãy tháo điều khiển từ xa khi không sử dụng tời.
  Việc này nhằm tránh tình trạng vô tình làm cho tời hoạt động. Nếu chẳng may bạn ấn nhầm nút điều khiển tời có thể sẽ gây ra tai nạn nghiêm trọng như ngón tay bạn bị tời kẹp phải.
- Khi kéo đồ vật với xe đỗ hãy đặt cục chèn bánh xe phía trước xe và gài phanh đỗ.
- Hãy thu dây đai lại theo hướng trên tời điện. Sẽ rất nguy hiểm nếu bạn nhầm hướng quay của tời bởi khi đó phanh sẽ không hoạt động và cáp tời sẽ cuốn lại khi bạn trượt công tắc điều khiển về phía "OUT". Việc đó có thể dẫn đến những nhầm lẫn hết sức nguy hiểm khi điều khiển tời bằng bộ điều khiển tời.
- Nếu bạn làm rối cáp, hãy kéo vào đầu móc để kéo cáp ra, sau đó thu cáp lại. Không kéo cáp bằng tay không. Tuy nhiên nếu cần thiết phải kéo cáp bằng tay, trước tiên hãy tháo bộ điều khiển tời ra để tránh bị tai nạn.
- Khi cáp tời được quấn vào trống tời, tốc độ của trống tời sẽ tăng dần lên. Để tránh bị thương, hãy chú ý để không bị kẹp tay vào tời điện.
- Hãy sử dụng giá bắt móc tời để giữ móc tời khi chỉ còn khoảng 1 m cáp chưa cuốn. Để tránh bị thương khi thu tời, không để tay vào phần cáp dẫn hướng tời hoặc giữ vào móc tời hoặc cáp tời mà hãy cầm vào phần tay nắm của giá bắt móc tời.
- Khi kéo cáp tời, hãy đeo găng tay dày, tốt nhất là loại găng tay da. Không để cáp tời miết vào tay bạn, nếu không bạn có thể sẽ bị trầy xước hoặc bỏng tay.
- Khi kéo xe bằng tời, tránh gây ra lực tác động mạnh lên cáp khi giật xe mạnh về phía trước và phía sau, do đầu móc có thể sẽ bị tuột hoặc làm đứt cáp.
- Không chạm vào bề mặt của mô tơ tời khi đang hoặc sau khi sử dụng tời do nó có thể đang rất nóng.

CHÚ Ý

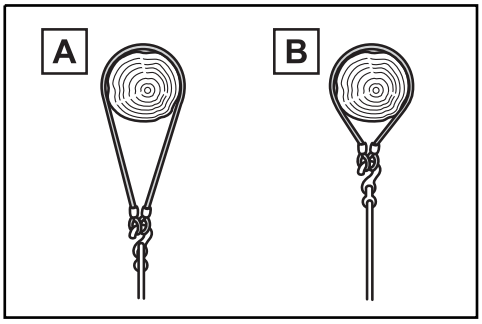
n **Để tránh làm hỏng xe hoặc tời điện**

- Không điều khiển tời khi giá đỡ vẫn cố định tại chỗ.
- Không tiếp tục điều khiển tời nếu đèn cảnh báo "OVER TEMP" sáng lên và chuông cảnh báo kêu.
- Không kéo hết cáp tời ra. Hãy để lại ít nhất 5 vòng cáp trên trống tời.
- Hãy kéo cáp tời thẳng ra phía trước. Không kéo các đồ vật mà cáp tời bị nghiêng đi quá 15 độ so với đường tâm của lỗ bắt tời.
- Không kéo tải vượt quá 3.000 kg.
- Cáp kéo có thể sẽ bị đứt nếu bạn quấn cáp trực tiếp lên vật cần kéo.



CHÚ Ý

- Nếu góc kéo của cáp phụ lớn hơn 90 độ thì khả năng kéo của cáp sẽ giảm đi rất nhiều (kéo theo chiều ngang). Cáp kéo có thể sẽ bị đứt nếu nó quá ngắn và góc kéo lớn hơn 120 độ.



A Tốt

B Yếu

- Không quấn cáp bằng tay. Hãy sử dụng mô tơ để quấn cáp, hãy đảm bảo rằng dây cáp có độ căng khi quấn. Nếu cáp bị lỏng, cáp có thể sẽ bị rối và bị hỏng khi kéo.
- Không tiếp tục kéo khi cáp bị trượt ra khỏi trống tời, nếu không tời điện có thể sẽ bị hỏng.
- Không giữ công tắc trên bộ điều khiển tời ở vị trí "IN". Khi không thể thu tời vào được (như khi vật được kéo bị vướng vào đá), hãy tắt công tắc trên bộ điều khiển tời.
- Không cuốn cáp quá chặt sau khi thu lại cáp và lắp lại giá bắt móc.

Để tránh làm hết điện của ắc quy

- Không tiếp tục điều khiển tời nếu đèn chỉ báo "POVER" trở nên tối đi và chuông cảnh báo kêu.
- Không sử dụng tời liên tục trong một thời gian dài.

Bộ điều khiển từ xa

- Không để bộ điều khiển tời bị va chạm hoặc bị rơi.
- Tránh sử dụng bộ điều khiển tời trong khi trời mưa hoặc nhúng bộ điều khiển vào nước.
- Không ấn quá mạnh vào đầu giắc cắm tời hoặc để nước, bùn hoặc hóa chất... dính vào nó.

Khi không sử dụng

Hãy tuân theo các lưu ý sau để tránh làm hỏng tời điện:

- Hãy vặn bộ khóa giá bắt móc tời tới vị trí khóa.
- Hãy tháo cờ lê tháo giá bắt móc tời và bộ điều khiển tời ra khỏi tời điện và để chúng trong túi đựng trong ngăn đựng găng tay.
- Hãy luôn lắp lại nắp chắn bụi vào giắc cắm tời.
  Bụi và cát dính vào giắc cắm sẽ làm ảnh hưởng tới khả năng kết nối với bộ điều khiển tời.
- Hãy chú ý lắp lại nắp che tời để che lỗ lắp tời.

Công tắc động cơ

Hãy thực hiện các thao tác sau khi mang chìa điện tử theo người để khởi động động cơ hoặc thay đổi chế độ của công tắc động cơ.

Khởi động động cơ

1 Kéo công tắc phanh đỗ để kiểm tra rằng phanh đỗ đã được gài. (→P.243)

Đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ sáng lên.

2 Xác nhận rằng cần số đang đặt tại vị trí P.

3 Đạp chắc bàn đạp phanh.

 và một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

Nếu biểu tượng này không xuất hiện, động cơ sẽ không thể khởi động được.

4 Xe có hệ thống xác thực vân tay và hệ thống xác thực được bật: Hãy xác thực bằng cách chạm vào cảm biến vân tay trên công tắc động cơ bằng ngón tay của bạn (thông tin vân tay đã được đăng ký từ trước) (→P.77)

Chuông báo sẽ kêu (một tiếng bíp ngắn) khi việc xác thực vân tay đã hoàn thành.

Việc xác thực vân tay có thể không thành công nếu di chuyển ngón tay quá nhanh hoặc nếu trượt ngón tay khi ấn.

5 Ấn công tắc động cơ nhanh và dứt khoát.

Khi xe có hệ thống xác thực vân tay và hệ thống xác thực được bật, chuông báo sẽ kêu (kêu tiếng bíp ngắn) sau khi xác thực vân tay thành công. Ấn công tắc động cơ xấp xỉ 5 giây sau khi chuông báo kêu. Nếu thực hiện điều này không đủ nhanh, cần phải thực hiện lại xác thực bằng vân tay.

Khi thao tác với công tắc động cơ, hãy ấn nhanh và dứt khoát một lần là đủ. Không cần phải ấn và giữ công tắc này.

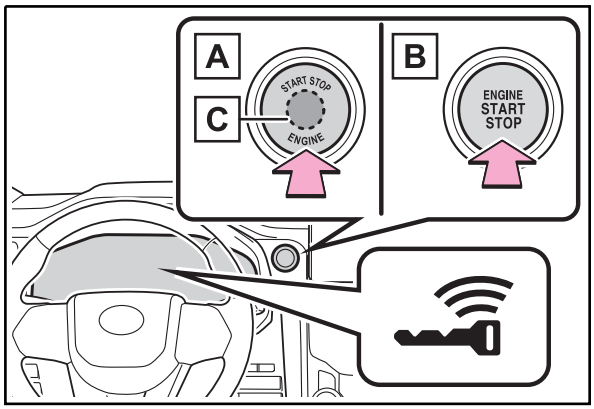
Động cơ sẽ quay khởi động cho tới khi nó khởi động được hoặc quay trong khoảng 30 giây tùy theo trường hợp nào tới trước.*

Tiếp tục đạp phanh cho tới khi động cơ đã được khởi động xong.

Chỉ cho động cơ diesel:  (đèn chỉ báo sấy động cơ) bật. Động cơ sẽ khởi động sau khi đèn chỉ báo này tắt.

Có thể khởi động được động cơ từ bất kỳ chế độ nào của công tắc động cơ.

*: Đối với các xe có động cơ Diesel dành riêng cho Nga, thời gian khởi động động cơ có thể ngắn hơn 30 giây ở nhiệt độ cực thấp.



A Xe có hệ thống xác thực vân tay

B Xe không có hệ thống xác thực vân tay

C Cảm biến vân tay

n **Chiếu sáng công tắc động cơ**

Theo từng tình huống, đèn chiếu sáng công tắc động cơ hoạt động như sau:

- Khi cửa người lái hoặc cửa của hành khách phía trước đang mở, đèn chỉ báo động cơ sáng.
- Khi tắt công tắc động cơ và nhấn bàn đạp phanh mà có mang theo chìa khóa trong người, đèn công tắc động cơ sẽ nháy.
- Khi công tắc động cơ đang ở chế độ ACC hoặc ON, thì đèn công tắc động cơ sẽ sáng.
- Khi chuyển công tắc động cơ từ chế độ ACC hoặc ON sang OFF, thì đèn công tắc động cơ sẽ sáng một khoảng thời gian. Sau đó, đèn công tắc động cơ tắt.

n **Nếu động cơ không khởi động được**

- Hệ thống mã hóa khóa động cơ có thể chưa được vô hiệu hóa. (→P.71) Hãy liên hệ với đại lý Toyota.
- Khi thông điệp liên quan đến khởi động được hiển thị trên màn hình đa thông tin, hãy đọc các thông điệp và tuân theo các hướng dẫn.
- Nếu cửa được mở khóa bằng chìa khóa cơ, thì không thể khởi động được động cơ bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh. Hãy tham khảo P.634 để khởi động lại động cơ. Tuy nhiên, nếu chìa khóa điện tử được mang vào bên trong xe và các cửa đã được khóa lại (→P.141), thì động cơ có thể khởi động được.

n **Nếu ắc quy bị hết điện**

Không thể khởi động được động cơ bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh. Hãy tham khảo P.635 để khởi động lại động cơ.

n **Hệ thống xác thực vân tay**

- Chứng nhận xác thực vân tay có thể cần một khoảng thời gian tùy thuộc vào số lượng thông tin xác thực vân tay đã được đăng ký.
- Khi chạm lên cảm biến, hãy đảm bảo rằng ngón tay của ban phủ lên toàn bộ bề mặt của cảm biến. Dùng đầu ngón tay hoặc cạnh của ngón tay chạm lên cảm biến sẽ không xác thực được.
- Chạm từ từ lên cảm biến. Nếu chạm vào quá nhanh hoặc quá mạnh, hoặc trượt ngón tay dọc theo cảm biến trong khi chạm có thể ngăn cảm biến nhận dạng bình thường.
- Nếu khó ấn lên công tắc động cơ (ví dụ, do móng tay quá dài), trước hết hãy thực hiện xác thực vân tay. Ngay sau khi xác thực thành công, nhấc ngón tay lên và ấn công tắc động cơ bằng ngón tay khác.
- Nếu không biết người sử dụng đã đăng ký thông tin vân tay, hoặc khi việc xác thực vân tay chưa thành công, hãy đưa chìa khóa điện tử đến gần công tắc động cơ khi đang nhấn bàn đạp ga, và sau đó ấn vào công tắc động cơ. (→P.634)

n **Pin chìa khoá điện tử bị hết điện**

→P.134

n **Các điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống**

→P.162

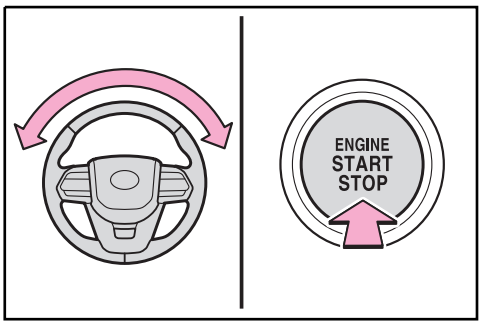
n **Lưu ý với chức năng vào xe**

→P.163

n **Chức năng khoá vô lăng**

- Sau khi tắt công tắc động cơ và mở rồi đóng các cửa, vô lăng sẽ được khóa lại bằng chức năng khóa vô lăng. Hãy ấn công tắc động cơ một lần nữa để tự động nhả khóa vô lăng.
- Khi không thể nhả được khóa vô lăng, thì thông điệp “Ấn khóa điện khi xoay vô lăng theo 2 hướng” sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

Kiểm tra rằng cần số được đặt ở P. Hãy ấn nhanh công tắc động cơ trong khi xoay vô lăng sang trái và sang phải.



l Để tránh cho môtơ khóa vô lăng khỏi bị quá nhiệt, mô tơ có thể sẽ tạm ngừng hoạt động nếu liên tục bật và tắt động cơ trong một thời gian ngắn. Trong trường hợp này, hãy hạn chế chạy động cơ. Sau khoảng 10 giây, mô tơ khóa vô lăng sẽ phục hồi chức năng.

n **Khi thông điệp "Smart Entry & Start System malfunction See owner's manual" xuất hiện trên màn hình đa thông tin**

Hệ thống có thể đã bị lỗi. Hãy cho kiểm tra xe ở đại lý Toyota ngay lập tức.

n **Pin chìa khóa điện tử**

→P.582

n **Hoạt động của công tắc động cơ**

l Nếu không ấn công tắc động cơ nhanh và dứt khoát, chế độ của công tắc động cơ có thể không thay đổi hoặc động cơ có thể không khởi động được.

l Nếu cố khởi động lại động cơ ngay sau khi tắt công tắc động cơ, động cơ không thể khởi động trong một số trường hợp. Sau khi tắt công tắc động cơ, hãy đợi khoảng vài giây trước khi khởi động lại động cơ.

n **Tùy chọn**

Nếu hệ thống mở khóa và khởi động thông minh đã bị vô hiệu hóa bởi chức năng tùy chọn, hãy tham khảo P.676.

CẢNH BÁO

n **Khi khởi động động cơ**

Chỉ khởi động động cơ khi bạn đã ngồi vào ghế người lái. Không đạp bàn đạp ga khi khởi động động cơ trong bất kỳ trường hợp nào.
Nếu không có thể gây ra tai nạn dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Chú ý khi lái xe**

Nếu động cơ bị trục trặc trong khi lái xe, không được khóa hay mở các cửa xe cho đến khi xe đã được dừng lại ở một vị trí an toàn. Việc kích hoạt khóa vô lăng trong trường hợp này có thể dẫn đến tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

CHÚ Ý

n **Khi khởi động động cơ**

l Không rồ ga khi động cơ còn nguội.

l Nếu động cơ trở nên khó khởi động hoặc thường xuyên chết máy, hãy kiểm tra xe ngay lập tức để tìm ra nguyên nhân.

n **Những triệu chứng chỉ báo công tắc động cơ bị lỗi**

Nếu công tắc động cơ có vẻ như đang hoạt động bất thường, chẳng hạn như khi bị dính nhẹ công tắc động cơ, thì có thể nó đang bị lỗi. Hãy liên hệ ngay với đại lý Toyota.

Tắt động cơ

1 Hãy dừng hẳn xe lại.

2 Gài phanh đỗ. (→P.243)

Kiểm tra rằng chỉ báo phanh đỗ sáng lên.

3 Chuyển cần số tới vị trí P. (→P.235)

Không được ấn nút nhả chuyển số sau khi chuyển cần đến P.

4 Ấn công tắc động cơ.

Động cơ sẽ ngừng hoạt động và màn hình đồng hồ táp lô sẽ tắt đi.

Nhả cần số khi đang ấn vào công tắc động cơ.

5 Nhả bàn đạp phanh và kiểm tra rằng chữ "ACCESSORY" hoặc "POWER ON" không xuất hiện trên đồng hồ táp lô.

CẢNH BÁO

n **Tắt động cơ trong trường hợp khẩn cấp**

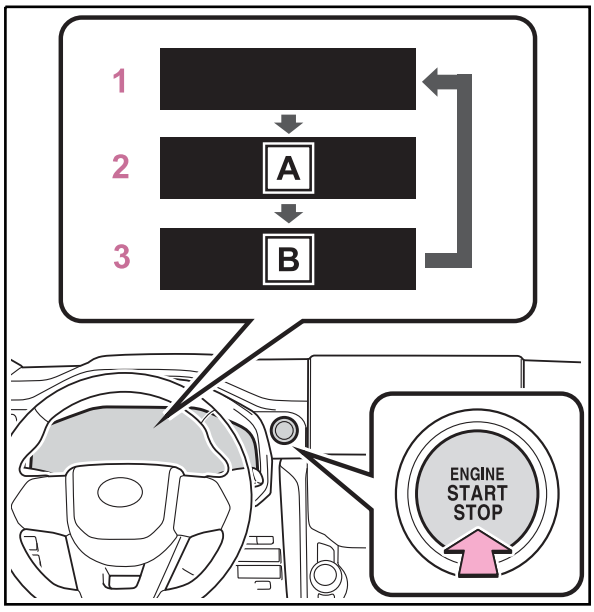
l Nếu muốn dừng động cơ trong tình trạng khẩn cấp khi đang lái xe, hãy ấn và giữ công tắc động cơ trong hơn 2 giây, hoặc ấn nhanh liên tiếp 3 lần trở lên. (→P.594)
Tuy nhiên, không chạm vào công tắc động cơ trong khi lái xe, trừ trường hợp khẩn cấp. Việc tắt động cơ trong khi lái xe sẽ gây mất trợ lực cho hệ thống lái hoặc điều khiển phanh. Tuy nhiên, trợ lực cho các hệ thống này có thể bị mất khi đánh lái hoặc phanh trước khi dừng xe và tùy thuộc vào lượng điện năng của ắc quy hoặc các điều kiện sử dụng. Trong tình huống này, bạn nên dừng xe lại càng sớm càng tốt khi có thể ở vị trí an toàn.

l Nếu vận hành công tắc động cơ trong khi xe đang chạy, một thông điệp cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin và chuông báo sẽ kêu.

l Khi khởi động lại động cơ sau khi đã tắt khẩn cấp, hãy chuyển cần số về vị trí N sau đó ấn dứt khoát vào công tắc động cơ.

Thay đổi các chế độ của công tắc động cơ

Có thể thay đổi các chế độ của công tắc động cơ bằng cách ấn vào công tắc động cơ trong khi nhả phanh. (Chế độ này sẽ thay đổi mỗi lần ấn công tắc.)



A "ACCESSORY"

B "POWER ON"

1 OFF*1

Đèn nháy khẩn cấp có thể sử dụng được.

Màn hình đa thông tin sẽ không hiển thị.

2 ACC*2

Có thể sử dụng một số thiết bị điện như hệ thống âm thanh.

3 BẬT

Có thể sử dụng tất cả các thiết bị điện trên xe.

*1: Nếu cần số ở vị trí khác P hoặc nút nhả chuyển số được ấn, công tắc động cơ sẽ ở ON, nó sẽ không tắt (OFF).

*2: Trên các xe có hệ thống đa phương tiện, chế độ ACC có thể được bật/tắt trong menu tùy chỉnh. (→P.681)

n Khi tùy chọn ACC được tắt (các phương tiện có hệ thống đa phương tiện)

- Với công tắc động cơ được tắt, bạn vẫn có thể sử dụng màn hình đa phương tiện trong một thời gian nhất định cho đến khi chức năng tiết kiệm điện của ắc quy bắt đầu hoạt động.
- Khi hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn đang hoạt động, một chuông báo sẽ kêu và hướng dẫn bằng giọng nói sẽ được cung cấp. (Xe có hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn)

n Chức năng tự động tắt nguồn

- Nếu xe vẫn ở chế độ ACC hoặc ON (động cơ không hoạt động) trong thời gian hơn 20 phút với cần số ở P hoặc nút nhả chuyển số không được ấn, công tắc động cơ sẽ tự động tắt OFF.
- Nếu ắc quy yếu khi cần số ở P hoặc nút nhả khóa cần số không được nhấn, và công tắc động cơ ở ACC hoặc ON (động cơ không chạy), một tiếng chuông sẽ kêu và một thông điệp sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin. Nếu tình trạng này tiếp tục, công tắc động cơ sẽ tự động chuyển sang OFF.

Tuy nhiên, chức năng này sẽ không thể tránh cho ắc quy khỏi bị hết điện. Không để xe với công tắc động cơ ở ACC hoặc ON trong một thời gian dài khi động cơ không hoạt động.

CHÚ Ý

n Để tránh làm hết điện của ắc quy

- Không để công tắc động cơ ở vị trí ACC hoặc ON trong một thời gian dài khi động cơ không hoạt động.
- Nếu thông điệp “ACCESSORY” hoặc “POWER ON” được hiển thị trên đồng hồ táp lô, thì công tắc động cơ chưa được tắt. Chỉ rời khỏi xe sau khi công tắc động cơ đã tắt hẳn.

Khi tắt động cơ với cần số ở ngoài vị trí P

Nếu động cơ ngừng hoạt động khi cần số ở vị trí khác P hoặc nút nhả khóa cần số được ấn, công tắc động cơ sẽ không tắt (OFF). Thực hiện theo quy trình sau để tắt công tắc động cơ (OFF):

1. Xác nhận rằng phanh đỗ đã được gài.
2. Chuyển cần số tới vị trí P.

Không được ấn nút nhả chuyển số sau khi chuyển cần đến P.

3. Kiểm tra rằng "POWER ON" được hiển thị trên đồng hồ táp lô và hãy ấn công tắc động cơ dứt khoát.
4. Kiểm tra rằng "ACCESSORY" hoặc "POWER ON" trên đồng hồ táp lô đã tắt.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Không được tắt động cơ khi cần số ở vị trí khác P hoặc ấn nút nhả chuyển số. Nếu động cơ ngừng hoạt động khi cần số ở vị trí khác P hoặc ấn nút nhả chuyển số, công tắc động cơ sẽ không được chuyển sang OFF mà vẫn ở ON. Nếu để xe ở trạng thái ON, có thể gây ra hết điện ắc quy.

Hộp số tự động (với chế độ M)

Chọn vị trí số tùy vào mục đích và tình huống lái xe.

Mục đích chuyển số và chức năng

Vị trí cần số	Mục đích hoặc chức năng
P	Đỗ xe/khởi động động cơ
R	Lùi xe
N	Vị trí trung gian (Công suất sẽ không được truyền khi ở vị trí này)
D	Chế độ lái bình thường*1
M	Lái xe ở chế độ M*2 (→P.237)

*1: Hệ thống sẽ lựa chọn số phù hợp với điều kiện lái xe khi bạn gài số D. Bạn nên đặt cần số ở vị trí D khi lái xe ở điều kiện thông thường.

*2: Có thể cố định ở một số bất kỳ khi lái xe ở chế độ M.

n **Lái xe xuống dốc**

Trên đường dốc, sẽ có trường hợp xe tự động xuống số để đảm bảo hiệu quả của phanh động cơ. Do đó khi xuống dốc, tốc độ động cơ có thể tăng lên.

n **Để bảo vệ hộp số tự động**

l Nếu các lốp xe quay trơn liên tục khi xe bị lầy trong bùn hoặc trong tuyết, hoặc nếu nhấn và nhả bàn đạp ga liên tục khi lái xe, thì nhiệt độ của hộp số tự động sẽ lên quá

cao và hộp số có thể bị hư hỏng.
Để tránh làm hỏng hộp số tự động, hệ thống có thể tạm thời khóa số.
Nếu nhiệt độ của hộp số tự động giảm xuống, cơ cấu khóa số sẽ hủy và hộp số trở về hoạt động bình thường.

l Nếu nhiệt độ dầu hộp số tự động cao, thông điệp "Nhiệt độ dầu hộp số cao Dừng nơi an toàn và xem Hướng dẫn sử dụng" sẽ hiển thị trên màn hình thông tin. Hãy ngay lập tức dừng xe ở một nơi an toàn, chuyển cần số đến P và đợi cho đến khi thông điệp cảnh báo biến mất. Nếu thông điệp cảnh báo biến mất, bạn có thể khởi động lại xe. Nếu thông điệp cảnh báo không biến mất, hãy liên hệ với Đại lý Toyota của bạn.

n **Khi lái xe với hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa (nếu có) hoặc hệ thống điều khiển chạy tự động (nếu có) đã được kích hoạt**

Kể cả khi chuyển chế độ lái sang chế độ sport*, chế độ SPORT S* hoặc chế độ SPORT S+* khi đang lái xe ở vị trí số D (→P.436) với chủ đích sử dụng phanh động cơ, thì phanh động cơ cũng sẽ không hoạt động do chức năng điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa hoặc chức năng điều khiển chạy tự động vẫn chưa được hủy.

*: Nếu có

n **Hạn chế khởi hành đột ngột (Điều khiển khởi động - dẫn động)**

→P.209

n **AI-SHIFT**

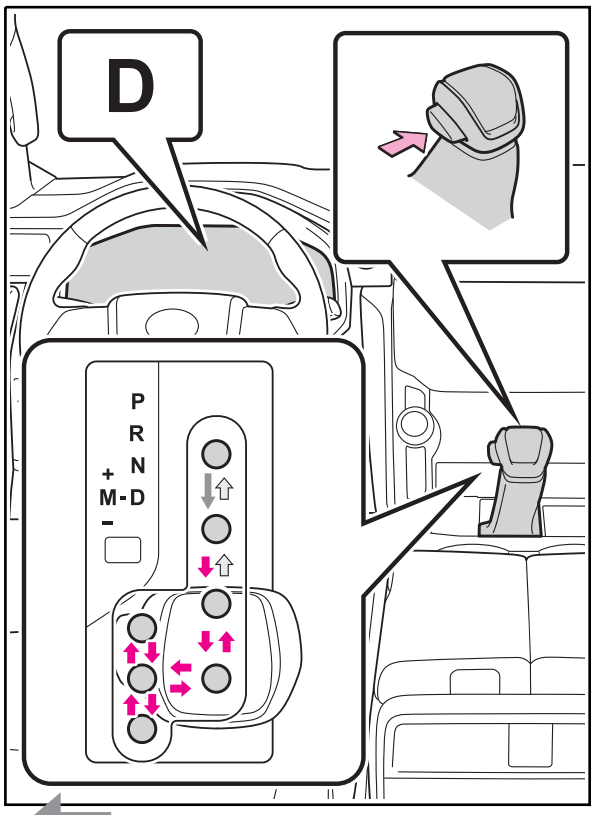
Chức năng chuyển số thông minh AI-SHIFT sẽ tự động lựa chọn một số phù hợp với tính năng lái và điều kiện lái xe.
Chức năng AI-SHIFT sẽ tự động vận hành khi cần số ở vị trí D. (Chuyển cần số đến M sẽ hủy chức năng này.)

CẢNH BÁO

n **Khi lái xe trên đường trơn trượt**

Không tăng tốc hoặc chuyển số đột ngột.
Thay đổi đột ngột lực phanh động cơ có thể sẽ làm cho xe bị trượt hoặc quay tròn, dẫn đến tai nạn.

Chuyển cần số



Trong khi công tắc động cơ đang ở chế độ ON và đạp phanh*, hãy chuyển cần số đồng thời ấn nút nhả khóa cần số trên núm chuyển số.

Chuyển cần số trong khi ấn vào nút nhả khóa chuyển số trên núm chuyển số.

Chuyển cần số bình

thường.

Khi chuyển cần số giữa vị trí P và D, hãy đảm bảo rằng xe đã được đỗ hẳn lại.

*: Đối với xe có thể chuyển được từ số P, bàn đạp phanh phải được nhấn trước khi ấn nút nhả khóa số. Nếu ấn nút nhả khóa số trước, thì sẽ không nhả khóa chuyển số được.

n Hệ thống khóa chuyển số

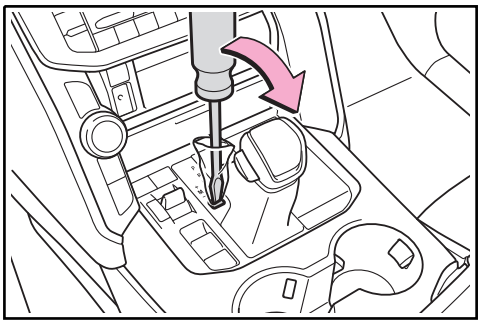
Hệ thống khóa chuyển số là một hệ thống có tác dụng giúp tránh chuyển nhầm cần số khi khởi động xe.
Người lái chỉ có thể chuyển cần số ra khỏi vị trí P khi công tắc động cơ ở chế độ ON, đạp chân phanh và ấn nút nhả cần số.

n Nếu không thể chuyển số khỏi vị trí P

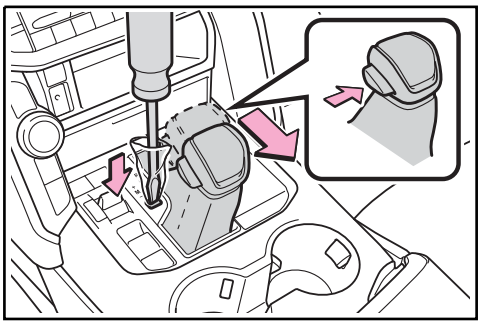
Trước hết, kiểm tra xem chân phanh đã được đạp chưa.
Nếu vẫn không thể chuyển cần số sang số khác được ngay cả khi người lái đã đạp chân phanh và ấn nút nhả khóa cần số, thì có thể hệ thống khóa cần số đã bị trục trặc. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn ngay lập tức.
Bạn có thể làm theo các bước sau như một giải pháp tình thế để có thể chuyển được cần số.

Nhả khóa chuyển số:

1 Gài phanh đỗ.
2 Tắt công tắc động cơ.
3 Đạp bàn đạp phanh.
4 Nạy nắp bằng tô vít đầu dẹt hoặc dụng cụ tương đương.
Để tránh làm hỏng nắp, dùng giẻ để bọc vào đầu tô vít.



5 Hãy ấn và giữ nút khóa số, sau đó ấn nút trên núm chuyển số.
Người lái có thể chuyển vị trí của cần số trong khi ấn vào các nút này.



CẢNH BÁO

n Để tránh xảy ra tai nạn khi nhả khóa chuyển số

Trước khi ấn nút nhả khóa chuyển số, hãy đảm bảo đã gài phanh đỗ và nhấn bàn đạp phanh.
Nếu đạp nhầm bàn đạp phanh thành bàn đạp ga khi đang ấn nút nhả khóa cần số và cần số nằm ngoài vị trí P, xe có thể sẽ bị tăng tốc đột ngột, dẫn đến tai nạn gây ra tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

Chọn chế độ lái xe

n Chế độ lái

→P.436

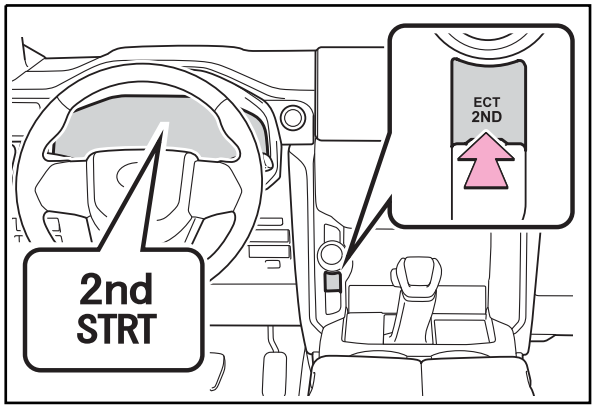
n Chế độ khởi động từ số thứ hai (nếu có)

Sử dụng chế độ khởi hành từ số hai để tăng tốc và lái xe trên đường trơn trượt như khi đường bị

phủ tuyết.

Hãy ấn nút này để sử dụng chế độ khởi hành từ số hai.

Hãy ấn nút này một lần nữa để hủy chế độ khởi hành từ số hai.

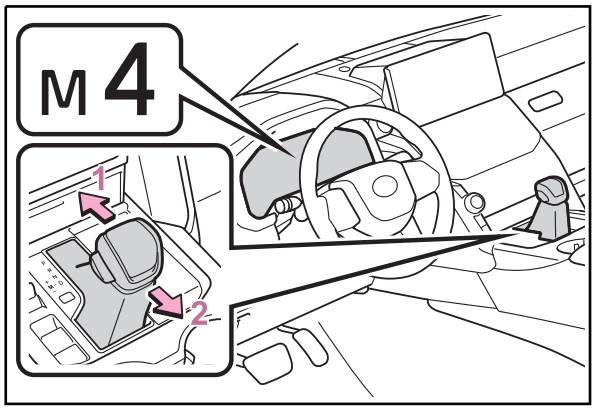


n Tự động tắt chế độ khởi hành từ số 2

Chế độ khởi hành từ số 2 sẽ tự động tắt đi nếu tắt động cơ sau khi lái xe với chế độ khởi hành từ số 2.

Chọn các số ở chế độ M

Để vào chế độ M, hãy chuyển cần số đến M. Có thể chọn các số bằng cách sử dụng cần số, điều này cho phép bạn lái xe ở số theo ý của bạn.



1 Lên số

2 Xuống số

Số sẽ thay đổi mỗi lần chuyển cần số.

Ở số được chọn, từ M1 đến M10, sẽ được cố định và hiển thị trên đồng hồ táp lô.

Khi ở vị trí M, số sẽ không thay đổi ngoại trừ trường hợp vận hành công tắc chuyển số.

Tuy nhiên, kể cả khi đang ở vị trí M, có thể chuyển số một cách tự động trong các tình huống sau:

- Khi tốc độ xe giảm xuống (chỉ xuống số).
- Nếu cần phải bảo vệ động cơ hoặc hộp số tự động khi nhiệt độ nước làm mát động cơ thấp, nhiệt độ dầu hộp số tự động là cao hoặc thấp hoặc các lý do khác.

Ngoài ra, sẽ không chuyển được số khi tốc độ xe là thấp, kể cả khi đã tiến hành thao tác lên số.

n Chuông cảnh báo hạn chế xuống số

Để giúp tăng tính an toàn và hiệu quả lái xe, đôi khi hộp số sẽ hạn chế xuống số. Trong một số trường hợp, hộp số có thể sẽ không thể xuống số kể cả khi bạn đã chuyển cần số. (Chuông cảnh báo sẽ kêu hai lần)

n Nếu đèn báo “M” không sáng sau khi chuyển cần số sang vị trí M

Đó có thể là dấu hiệu cho thấy rằng có thể đã có hư hỏng trong hệ thống hộp số tự động. Hãy đem xe đến đại lý Toyota để kiểm tra ngay lập tức.

Hộp số tự động (với chế độ S)

Chọn vị trí số tùy vào mục đích và tình huống lái xe.

Mục đích chuyển số và chức năng

Vị trí cần số	Mục đích hoặc chức năng
P	Đỗ xe/khởi động động cơ
R	Lùi xe
N	Vị trí trung gian (Công suất sẽ không được truyền khi ở vị trí này)
D	Chế độ lái bình thường*1
S	Lái xe ở chế độ S*2 (→P.241)

*1: Hệ thống sẽ lựa chọn số phù hợp với điều kiện lái xe khi bạn gài số D. Bạn nên đặt cần số ở vị trí D khi lái xe ở điều kiện thông thường.

*2: Chọn dải chọn số trong chế độ S sẽ hạn chế giới hạn trên có thể của dải số, giúp điều khiển lực phanh động cơ và tránh việc lên số không cần thiết.

n **Lái xe xuống dốc**

Trên đường dốc, sẽ có trường hợp xe tự động xuống số để đảm bảo hiệu quả của phanh động cơ. Do đó khi xuống dốc, tốc độ động cơ có thể tăng lên.

n **Để bảo vệ hộp số tự động**

l Nếu các lốp xe quay trơn liên tục khi xe bị lầy trong bùn hoặc trong tuyết, hoặc nếu nhấn và nhả bàn đạp ga liên tục khi lái xe, thì nhiệt độ của hộp số tự động sẽ lên quá cao và hộp số có thể bị hư hỏng.
Để tránh làm hỏng hộp số tự động, hệ thống có thể tạm thời khóa số.
Nếu nhiệt độ của hộp số tự động giảm xuống, cơ cấu khóa số sẽ hủy và hộp số trở về hoạt động bình thường.

l Nếu nhiệt độ dầu hộp số tự động là cao, thì thông điệp "Nhiệt độ dầu hộp số cao Dừng nơi an toàn và xem Hướng dẫn sử dụng" sẽ được hiển thị trên màn hình thông tin. Hãy dừng ngay xe ở vị trí an toàn, chuyển cần số sang vị trí P và đợi cho đến khi thông điệp cảnh báo biến mất. Nếu thông điệp cảnh báo biến mất, bạn có thể khởi động lại động cơ. Nếu thông điệp cảnh báo không tắt, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n **Khi lái xe với hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa (nếu có) hoặc hệ thống điều khiển chạy tự động (nếu có) đã được kích hoạt**

Kể cả khi chuyển chế độ lái sang chế độ mạnh khi đang lái xe ở số D (→P.436) với chủ đích sử dụng phanh động cơ, thì phanh động cơ cũng sẽ không hoạt động do chức năng điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa hoặc điều khiển hành trình vẫn chưa được hủy.

n **Hạn chế khởi hành đột ngột (Điều khiển khởi động - dẫn động)**

→P.209

n **AI-SHIFT**

Chức năng chuyển số thông minh AI-SHIFT sẽ tự động lựa chọn một số phù hợp với tính năng lái và điều kiện lái xe.
Chức năng AI-SHIFT sẽ tự động làm việc khi cần số ở vị trí D. (Chuyển cần số đến S sẽ hủy chức năng này.)

n Chức năng bảo vệ hộp số

Nếu các lốp xe quay trơn liên tục khi xe bị lầy trong bùn hoặc trong tuyết, hoặc nếu nhấn và nhả bàn đạp ga liên tục khi lái xe, thì nhiệt độ của hộp số tự động sẽ lên quá cao và hộp số có thể bị hư hỏng.

Để tránh làm hỏng hộp số tự động, hệ thống có thể tạm thời khóa số.

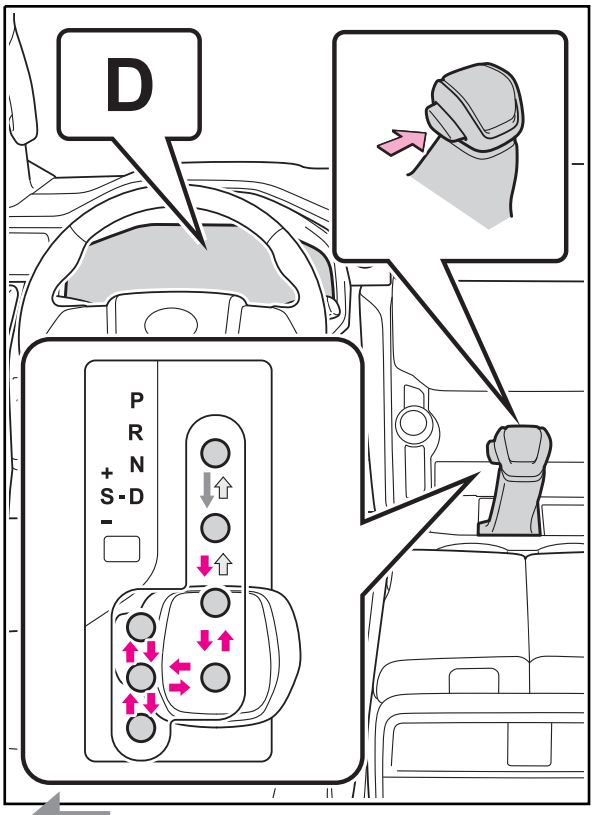
Nếu nhiệt độ của hộp số tự động giảm xuống, cơ cấu khóa số sẽ hủy và hộp số trở về hoạt động bình thường.

⚠ CẢNH BÁO

n Khi lái xe trên đường trơn trượt

Không tăng tốc hoặc chuyển số đột ngột.
Thay đổi đột ngột lực phanh động cơ có thể sẽ làm cho xe bị trượt hoặc quay tròn, dẫn đến tai nạn.

Chuyển cần số



Trong khi công tắc động cơ đang ở chế độ ON và đạp phanh*, hãy chuyển cần số đồng thời ấn nút nhả khóa cần số trên núm chuyển số.

Chuyển cần số trong khi ấn vào nút nhả khóa chuyển số trên núm chuyển số.

Chuyển cần số bình thường.

Khi chuyển cần số giữa vị trí P và D, hãy đảm bảo rằng xe đã được đỗ hẳn lại.

*: Đối với xe có thể chuyển được từ số P, bàn đạp phanh phải được nhấn trước khi ấn nút nhả khóa số. Nếu ấn nút nhả khóa số trước, thì sẽ không nhả khóa chuyển số được.

n Hệ thống khóa chuyển số

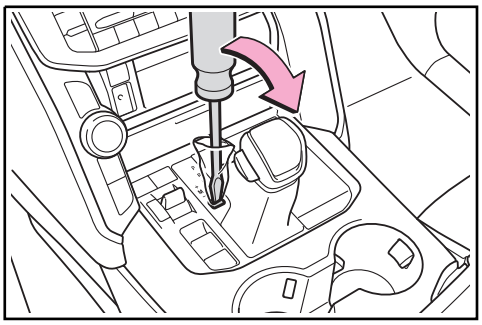
Hệ thống khóa chuyển số là một hệ thống có tác dụng giúp tránh chuyển nhầm cần số khi khởi động xe.
Người lái chỉ có thể chuyển cần số ra khỏi vị trí P khi công tắc động cơ ở chế độ ON, đạp chân phanh và ấn nút nhả cần số.

n Nếu không thể chuyển số khỏi vị trí P

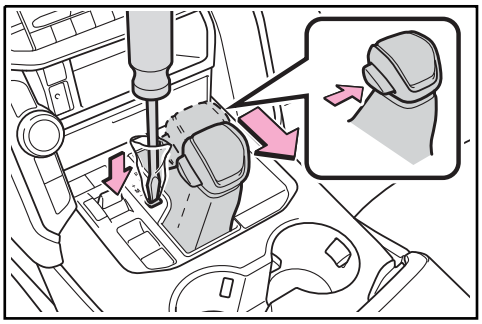
Trước hết, kiểm tra xem chân phanh đã được đạp chưa.
Nếu vẫn không thể chuyển cần số sang số khác được ngay cả khi người lái đã đạp chân phanh và ấn nút nhả khóa cần số, thì có thể hệ thống khóa cần số đã bị trục trặc. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn ngay lập tức.
Bạn có thể làm theo các bước sau như một giải pháp tình thế để có thể chuyển được cần số.

Nhả khóa chuyển số:

1 Gài phanh đỗ.
2 Tắt công tắc động cơ.
3 Đạp bàn đạp phanh.
4 Nạy nắp bằng tô vít đầu dẹt hoặc dụng cụ tương đương.
Để tránh làm hỏng nắp, dùng giẻ để bọc vào đầu tô vít.



5 Hãy ấn và giữ nút khóa số, sau đó ấn nút trên núm khóa chuyển số. Người lái có thể chuyển vị trí của cần số trong khi ấn vào các nút này.



CẢNH BÁO

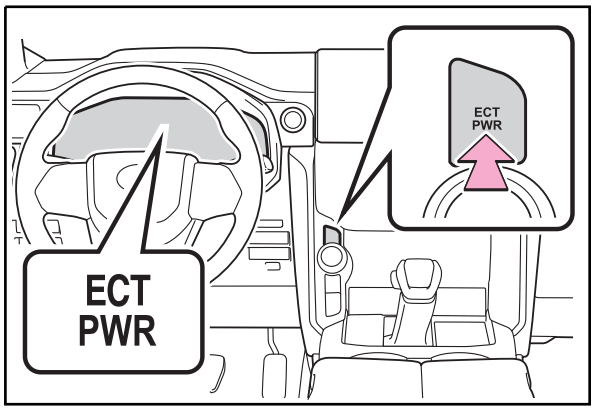
n **Để tránh xảy ra tai nạn khi nhả khóa chuyển số**

Trước khi ấn nút nhả khóa chuyển số, hãy đảm bảo đã gài phanh đỗ và nhấn bàn đạp phanh.
Nếu đạp nhầm bàn đạp phanh thành bàn đạp ga khi đang ấn nút nhả khóa cần số và cần số nằm ngoài vị trí P, xe có thể sẽ bị tăng tốc đột ngột, dẫn đến tai nạn gây ra tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

Chọn chế độ lái xe

Bạn có thể lựa chọn các chế độ lái xe sau để phù hợp nhất với các điều kiện lái xe hiện tại và tình trạng hoạt động của xe.

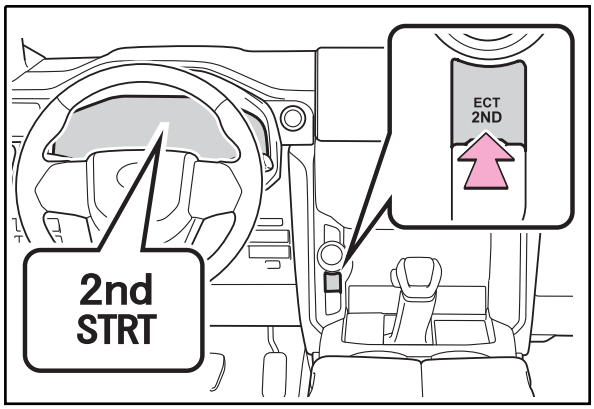
n **Chế độ power**



Khi cần tăng tốc nhanh và lái xe ở vùng núi.

Hãy ấn nút này một lần nữa để hủy chế độ power.

n **Chế độ khởi hành từ số hai**



Khi khởi hành trên các bề mặt trơn trượt, như trên đường tuyết.

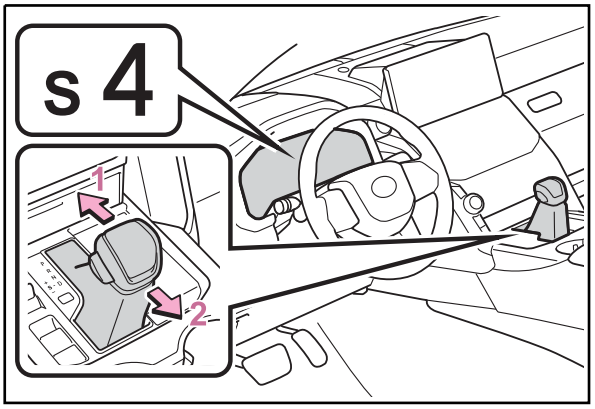
Hãy ấn nút này một lần nữa để hủy chế độ khởi hành từ số hai.

n **Tự động tắt chế độ khởi hành từ số 2**

Chế độ khởi hành từ số 2 sẽ tự động tắt đi nếu tắt động cơ sau khi lái xe với chế độ khởi hành từ số 2.

Thay đổi các dải số trong chế độ S

Khi cần số ở vị trí S, bạn có thể điều khiển cần số như sau:



1 Lên số

2 Xuống số

Thông tin dải chuyển số đã chọn sẽ được hiển thị trên đồng hồ táp lô.

Dải chọn số ban đầu trong chế độ S sẽ tự động được đặt là 4 hoặc 5 tùy vào tốc độ xe. Tuy nhiên, dải chọn số ban đầu có thể được đặt là 3 hoặc 2, nếu đã chọn chế độ chuyển số thông minh AI-SHIFT khi cần số ở vị trí D. (→P.238)

n Chế độ S

- Bạn có thể chọn 6 cấp độ tăng tốc và lực phanh động cơ.
- Dải số thấp hơn sẽ tạo ra lực tăng tốc và lực phanh động cơ lớn hơn nhiều so với dải số cao hơn, và vòng tua động cơ cũng sẽ tăng.
- Để tránh làm rồ ga động cơ, hộp số sẽ tự động lên số.
- Để bảo vệ hộp số tự động, hộp số tự động được trang bị một chức năng cho phép nó tự động chọn dải số cao hơn khi nhiệt độ dầu động cơ quá cao.
- Khi dải chọn số từ số 5 trở xuống, giữ cần số hướng về phía “+” sẽ thiết lập dải chọn số đến số 6.

n Chuông cảnh báo hạn chế xuống số

Để giúp tăng tính an toàn và hiệu quả lái xe, đôi khi hộp số sẽ hạn chế xuống số. Trong một số trường hợp, hộp số có thể sẽ không thể xuống số kể cả khi bạn đã chuyển cần số. (Chuông cảnh báo sẽ kêu hai lần)

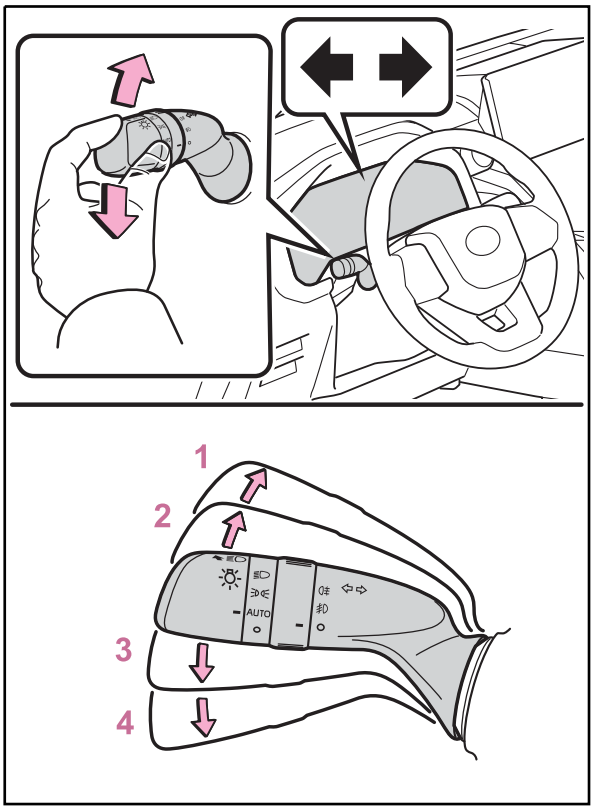
n Nếu đèn báo "S" không bật sáng sau khi chuyển cần số sang vị trí S

Đó có thể là dấu hiệu cho thấy rằng có thể đã có hư hỏng trong hệ thống hộp số tự động. Hãy đem xe đến đại lý Toyota để kiểm tra ngay lập tức.

Công tắc xi nhan

Hướng dẫn thao tác

Hãy sử dụng công tắc xi nhan để thông báo ý định của người lái như sau:



1 Rẽ phải

2 Chuyển sang làn bên phải (Chuyển cần điều khiển ở vị trí một nửa hành trình và nhả nó ra)

Đèn xi nhan bên phải sẽ nháy 3 lần.

3 Chuyển sang làn bên trái (Chuyển cần điều khiển ở vị trí một nửa hành trình và nhả nó ra)

Đèn xi nhan bên trái sẽ nháy 3 lần.

4 Rẽ trái

n **Có thể điều khiển đèn xi nhan khi**

Công tắc động cơ ở ON.

n **Nếu đèn chỉ báo nháy nhanh hơn bình thường**

Hãy kiểm tra các bóng đèn xi nhan trước hoặc sau xem có bóng đèn nào bị cháy không.

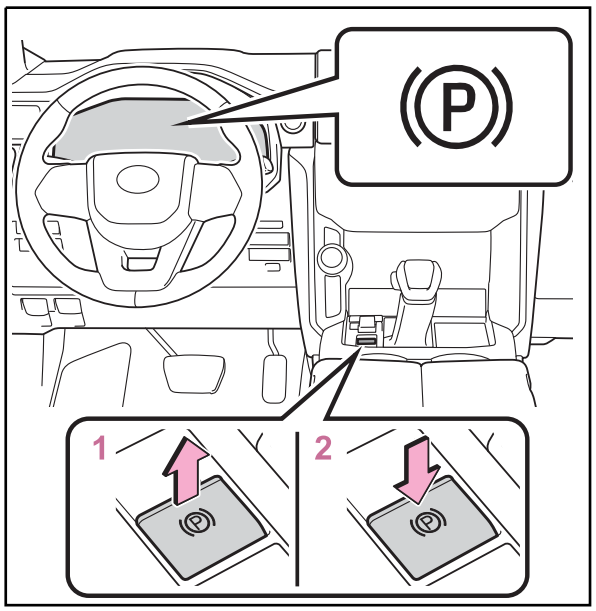
Phanh đỗ

Có thể gài hoặc nhả phanh đỗ một cách tự động hoặc bằng cách thủ công. Ở chế độ tự động, phanh đỗ có thể gài và nhả ra một cách tự động theo hoạt động của cần số. Ngoài ra, ngay cả khi đang ở chế độ tự động, phanh đỗ có thể gài và nhả ra được bằng cách thủ công.

Hướng dẫn thao tác

n Sử dụng chế độ thường

Có thể gài và nhả phanh đỗ bằng cách thủ công.



1 Hãy kéo công tắc để gài phanh đỗ.

Đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ sáng lên.

Hãy kéo và giữ công tắc phanh đỗ nếu có trường hợp khẩn cấp và cần vận hành phanh đỗ trong khi lái xe.

2 Ấn công tắc để nhả phanh đỗ.

• Vận hành công tắc phanh đỗ khi nhấn bàn đạp phanh.

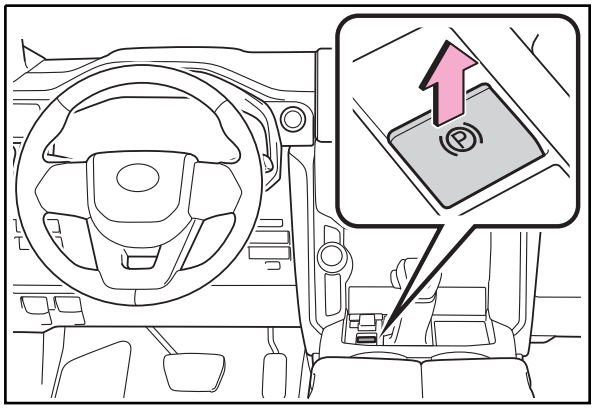
• Sử dụng chức năng nhả tự động phanh đỗ, có thể nhả phanh đỗ bằng cách nhấn bàn đạp ga. Khi sử dụng chức năng này, hãy nhấn chậm bàn đạp ga. (→P.244)

Chắc chắn rằng đèn chỉ báo phanh đỗ đã tắt.

Nếu đèn chỉ báo phanh đỗ nháy, hãy vận hành công tắc một lần nữa. (→P.608)

n Bật chế độ tự động

Trong khi xe đang dừng, hãy kéo và giữ công tắc phanh đỗ cho đến khi chuông báo kêu và một thông báo xuất hiện trên màn hình đa thông tin.



Khi bật chế độ tự động, phanh đỗ sẽ vận hành như sau.

- Khi cần số được chuyển ra khỏi vị trí P, phanh đỗ sẽ được nhả ra, và đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ tắt.
- Khi cần số được chuyển vào vị trí P, phanh đỗ sẽ được gài, và đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ bật.

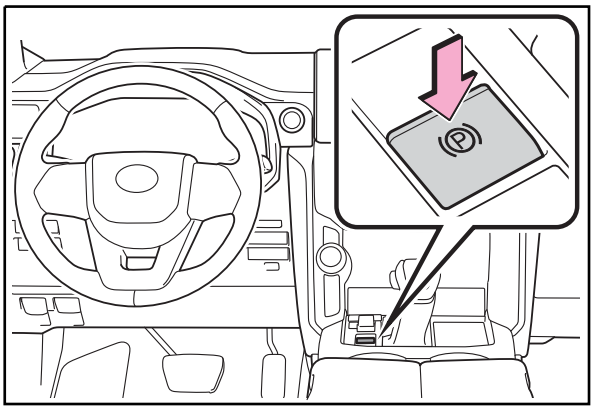
Vận hành cần số khi xe đang đỗ và nhấn bàn đạp phanh.

Chức năng tự động có thể không

hoạt động nếu chuyển cần số quá nhanh hoặc đạp không chắc bàn đạp phanh. Trong trường hợp này, hãy gài phanh đỗ bằng cách thủ công. (→P.243)

n Tắt chế độ tự động

Trong khi xe đang dừng và đạp giữ bàn đạp phanh, hãy ấn và giữ công tắc phanh đỗ cho đến khi chuông báo kêu và một thông báo xuất hiện trên màn hình đa thông tin.



n Sử dụng phanh đỗ

- Khi công tắc động cơ không ở chế độ ON, không thể nhả được phanh đỗ bằng công tắc phanh đỗ.
- Khi công tắc động cơ không ở chế độ ON, chế độ tự động (việc đặt và nhả phanh tự động) sẽ không khả dụng.

n Chức năng nhả tự động phanh đỗ

Khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau, người lái có thể nhả phanh đỗ bằng cách đạp bàn đạp ga.

- Cửa của người lái được đóng lại
- Người lái đã thắt đai an toàn
- Cần số ở vị trí số tiến hoặc số lùi.
- Đèn chỉ báo hư hỏng hoặc đèn cảnh báo hệ thống phanh không sáng.

Khi đạp bàn đạp ga, hãy đạp từ từ.

Nếu phanh đỗ không nhả ra khi đạp chân ga, hãy nhả phanh đỗ bằng thao tác thủ công.

Khi chuyển cần số ra khỏi P, phanh đỗ sẽ tự động được nhả ra.

n Chức năng khóa tự động phanh đỗ

Phanh đỗ sẽ tự động được đặt dưới các điều kiện sau:

- Không nhấn bàn đạp phanh
- Cửa người lái đang mở
- Không thắt đai an toàn của người lái
- Cần số đang ở vị trí khác ngoài P hoặc N
- Đèn chỉ báo lỗi và đèn cảnh báo hệ thống phanh không sáng

n Nếu thông báo "Phanh đỗ tạm thời không khả dụng" hiển thị trên màn hình đa thông tin

Nếu nhấn phanh đỗ lặp đi lặp lại trong một thời gian ngắn, thì hệ thống có thể hạn chế hoạt động để tránh quá nhiệt. Nếu điều này xảy ra, cố gắng không vận hành phanh đỗ. Nó sẽ trở về hoạt động bình thường sau khoảng một phút.

n Nếu thông báo “Phanh đỗ tạm thời không khả dụng” xuất hiện trên màn hình đa thông tin

Sử dụng công tắc phanh đỗ. Nếu thông điệp không xuất hiện sau khi vận hành công tắc vài lần, thì hệ thống có thể đang bị trục trặc. Hãy đưa xe tới kiểm tra tại đại lý Toyota.

n Tiếng kêu vận hành phanh đỗ

Khi vận hành phanh đỗ, bạn có thể nghe thấy tiếng môtơ chạy (tiếng vù vù). Hiện tượng đó là hoàn toàn bình thường.

n Đèn chỉ báo phanh đỗ

- Tùy vào chế độ của công tắc động cơ, đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ sáng hoặc sáng không tắt như được mô tả dưới đây:
  ON: Sáng lên cho đến khi đã nhả

phanh đỗ.
Không ở ON: Sáng lên trong khoảng 15 giây.

- Khi tắt công tắc động cơ với phanh đỗ đã được đặt, đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ sáng khoảng 15 giây. Đây không phải là hư hỏng.

n Khi công tắc phanh đỗ bị trục trặc

Chế độ tự động (đặt và nhả phanh tự động) sẽ bật tự động.

n Đỗ xe

→P.203

n Chuông cảnh báo gài phanh đỗ

Chuông báo sẽ phát ra tiếng kêu nếu xe đang gài phanh đỗ. Thông điệp "Bật phanh đỗ" được hiển thị trên màn hình đa thông tin (nếu tốc độ xe đạt tới 5 km/h).

n Nếu đèn cảnh báo hệ thống phanh sáng

→P.602

n Sử dụng xe trong mùa đông

→P.468

⚠ CẢNH BÁO

n Khi đỗ xe

Không được để trẻ nhỏ trong xe mà không có người trông. Trẻ có thể sử dụng và vô tình nhả phanh đỗ và gây nguy hiểm khi xe đang chạy, có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n Công tắc phanh đỗ

Không đặt bất kỳ đồ vật nào ở gần công tắc phanh đỗ. Nó có thể sẽ vướng vào công tắc và làm cho phanh đỗ hoạt động bất ngờ.

n Chức năng khóa tự động phanh đỗ

Không bao giờ sử dụng chức năng gài phanh đỗ tự động thay cho thao tác gài phanh đỗ thông thường. Chức năng này được thiết kế để giảm nguy cơ va chạm do người lái quên không gài phanh đỗ. Việc phụ thuộc quá nhiều vào chức năng này để đỗ xe có thể sẽ dẫn đến tai nạn gây ra tử vong hoặc bị chấn thương nghiêm trọng.

⚠ CHÚ Ý

n Khi đỗ xe

Trước khi bạn rời khỏi xe, chuyển cần số đến vị trí P, hãy gài phanh đỗ và chắc chắn rằng xe không bị trôi.

n Khi có lỗi trong hệ thống

Hãy dừng xe tại vị trí an toàn và kiểm tra thông điệp cảnh báo.

n Khi ắc quy của xe bị hết điện

Hệ thống phanh đỗ không thể được kích hoạt. (→P.635)

n Nếu không thể nhả được phanh đỗ do có hư hỏng

Nếu bạn lái xe trong khi vẫn gài phanh đỗ sẽ làm các chi tiết của hệ thống phanh bị quá nhiệt, có thể làm giảm hiệu quả phanh và tăng mức độ mài mòn. Hãy đưa xe tới kiểm tra tại đại lý Toyota ngay nếu thấy xảy ra hiện tượng trên.

Chức năng giữ phanh

▶ Hộp số tự động (với chế độ M)

Hệ thống giữ phanh sẽ duy trì tình trạng gài phanh với cần số ở vị trí D, M, N hoặc P khi hệ thống đang bật và bàn đạp phanh đã được nhấn để dừng xe. Hệ thống sẽ nhả phanh khi đạp bàn đạp ga với cần số đang ở D hoặc M để cho phép xe khởi hành êm dịu.

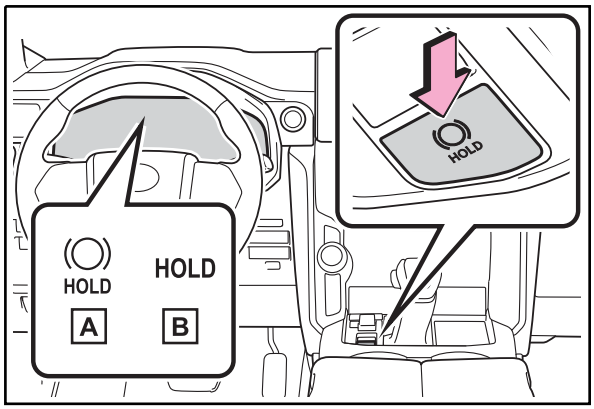
▶ Hộp số tự động (với chế độ S)

Hệ thống giữ phanh duy trì hoạt động gài phanh khi cần số ở vị trí D, S, N hoặc P với hệ thống đang bật và nhấn bàn đạp phanh để dừng xe. Hệ thống sẽ nhả phanh khi nhấn bàn đạp ga với cần số ở vị trí D hoặc S để cho phép xe khởi hành êm.

Kích hoạt hệ thống

Bật hệ thống giữ phanh

Đèn chỉ báo chờ giữ phanh (màu xanh) A sáng lên. Trong khi hệ thống đang giữ phanh, đèn chỉ báo giữ phanh (màu vàng) B sẽ sáng lên.



n Các điều kiện hoạt động của hệ thống giữ phanh

Hệ thống giữ phanh có thể sẽ không bật trong các trường hợp sau:

- Cửa của người lái mở.
- Người lái không thắt đai an toàn.
- Thông báo "Phanh đỗ không khả dụng" hoặc "Lỗi phanh đỗ Hỏi ý kiến đại lý" được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Nếu phát hiện được bất kỳ điều kiện nào nói trên khi hệ thống giữ phanh được kích hoạt, hệ thống sẽ tắt và đèn chỉ báo chờ giữ phanh sẽ tắt. Hơn nữa, nếu phát hiện được bất cứ điều kiện nào sau đây trong khi hệ thống đang giữ phanh, thì chuông cảnh báo sẽ kêu và thông điệp cảnh báo sẽ hiển thị trên màn hình đa thông tin. Sau đó phanh đỗ sẽ được gài tự động.

n Chức năng giữ phanh

- Nếu bàn đạp phanh không được nhấn trong khoảng 3 phút sau khi hệ thống bắt đầu giữ phanh, thì phanh đỗ sẽ được gài tự động. Trong trường hợp này, chuông cảnh báo sẽ kêu và thông điệp cảnh báo sẽ hiển thị trên màn hình đa thông tin.
- Để tắt hệ thống khi hệ thống đang thực hiện giữ phanh, hãy đạp chắc bàn đạp phanh và ấn nút một lần nữa.
- Chức năng giữ phanh có thể không giữ được xe trên đường dốc. Trong tình huống này, người lái cần phải gài phanh. Chuông cảnh báo sẽ

kêu và màn hình đa thông tin sẽ thông báo cho người lái tình huống này. Khi thông điệp cảnh báo được hiển thị trên màn hình đa thông tin, hãy đọc các thông điệp và tuân theo các hướng dẫn.

l Khi không muốn hệ thống phanh đỗ tự động hoạt động, hãy ấn và giữ công tắc điều khiển giữ phanh cho đến khi đèn chỉ báo chờ (màu xanh lá cây) tắt, rồi tắt công tắc động cơ.

n Khi phanh đỗ đã được gài tự động trong khi phanh đang được giữ

Thực hiện một trong các thao tác sau đây để nhả phanh đỗ:

l Nhấn bàn đạp ga. (Phanh đỗ sẽ không nhả ra tự động nếu không thắt đai an toàn.)

l Sử dụng công tắc phanh đỗ trong khi đạp bàn đạp phanh.

Hãy chắc chắn rằng đèn chỉ báo phanh đỗ đã tắt. (→P.243)

n Khi cần kiểm tra xe tại Đại lý Toyota

Khi đèn chỉ báo chờ giữ phanh (màu xanh lá) không sáng kể cả khi công tắc giữ phanh được ấn và thỏa mãn điều kiện hoạt động của hệ thống giữ phanh, thì hệ thống có thể bị hư hỏng. Hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n Nếu thông điệp "Sự cố ở chức năng giữ phanh Đạp phanh để vô hiệu hóa Hãy đến Đại lý" hoặc "Sự cố ở chức năng giữ phanh Hãy đến đại lý" được hiển thị trên màn hình đa thông tin

Hệ thống có thể đã bị trục trặc. Hãy cho kiểm tra xe ngay lập tức tại đại lý Toyota.

n Thông điệp cảnh báo hoặc chuông cảnh báo

Thông điệp cảnh báo và chuông báo được sử dụng để chỉ báo một hệ thống bị lỗi hoặc chỉ ra rằng người lái cần phải thận trọng. Khi thông điệp cảnh báo được hiển thị trên màn hình đa thông tin, hãy đọc các thông điệp và tuân theo các hướng dẫn

n Khi hệ thống điều khiển khác kích hoạt cùng với hệ thống giữ phanh

Một thông điệp được hiển thị trên màn hình đa thông tin bất kỳ trường hợp nào sau đây.

l "Brake Hold không khả dụng Xem Hướng dẫn sử dụng"
- Ấn công tắc giữ phanh trong khi hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc được kích hoạt.
- Ấn công tắc giữ phanh trong khi công tắc điều khiển 4 bánh chủ động được chuyển đến chế độ L4.

l "Brake Hold không khả dụng Đạp phanh để vô hiệu hóa"
- Sử dụng công tắc DAC/CRAWL trong khi hệ thống giữ phanh được kích hoạt.
- Khi công tắc điều khiển bốn bánh chủ động được chuyển đến chế độ L4 trong khi hệ thống giữ phanh được kích hoạt.

Hệ thống giữ phanh và hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc hoặc chế độ L4 của hộp số phụ không thể kích hoạt được cùng một thời điểm.

Hãy ấn công tắc giữ phanh và nhấn bàn đạp phanh để tắt hệ thống giữ phanh.

n Nếu đèn chỉ báo hoạt động của chức năng giữ phanh nháy

→P.608

⚠ CẢNH BÁO

n Khi xe đang ở trên đường dốc đứng

Lưu ý khi sử dụng hệ thống giữ phanh trên đường dốc, hãy đặc biệt thận trọng. Chức năng giữ phanh có thể không giữ xe trong các trường hợp này.

Hơn nữa, hệ thống có thể kích hoạt tùy thuộc vào độ dốc.

CẢNH BÁO

n **Khi dừng xe trên đường trơn trượt**

Hệ thống không thể dừng xe khi khả năng bám đường của lốp đã bị giảm quá mức. Không được sử dụng hệ thống khi dừng xe trên đường trơn trượt.

CHÚ Ý

n **Khi đỗ xe**

Hệ thống giữ phanh không được thiết kế để đỗ xe quá lâu. Việc tắt công tắc động cơ khi hệ thống đang giữ phanh có thể làm nhả phanh, làm xe chuyển động. Khi ấn công tắc động cơ, hãy đạp bàn đạp phanh, chuyển cần số đến P và gài phanh đỗ.

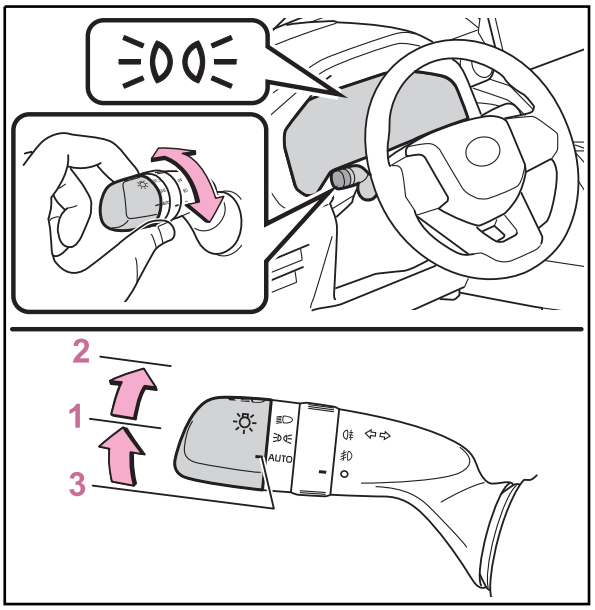
Công tắc đèn pha

Có thể điều khiển đèn pha bằng thao tác thủ công hay tự động.

Bật đèn pha

Sử dụng công tắc để bật các đèn như sau:

▶ Kiểu A

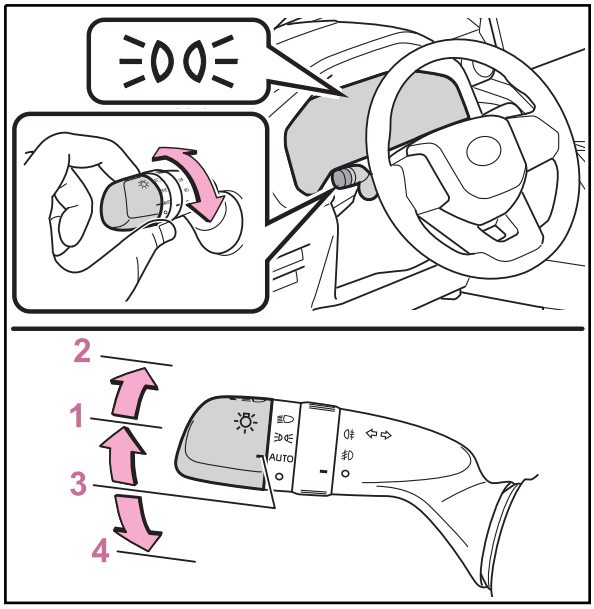


1 Đèn vị trí phía trước, đèn hậu, đèn soi biển số và đèn chiếu sáng bảng táp lô sẽ bật.

2 Đèn pha và tất cả các đèn kể trên sẽ sáng.

3 AUTO Đèn pha, đèn chiếu sáng ban ngày (→P.249) và tất cả những đèn trên sẽ bật và tắt tự động.

▶ Kiểu B



1 Đèn vị trí phía trước, đèn hậu, đèn soi biển số và đèn chiếu sáng bảng táp lô sẽ bật.

2 Đèn pha và tất cả các đèn kể trên sẽ sáng.

3 AUTO Đèn pha, đèn chiếu sáng ban ngày (→P.249) và tất cả những đèn trên sẽ bật và tắt tự động.

4 Đèn chiếu sáng ban ngày sẽ sáng lên. (→P.249)

Với một số kiểu xe: Đèn chiếu sáng ban ngày bật. (→P.249)

n **Chế độ AUTO có thể sử dụng được khi**

Công tắc động cơ ở ON.

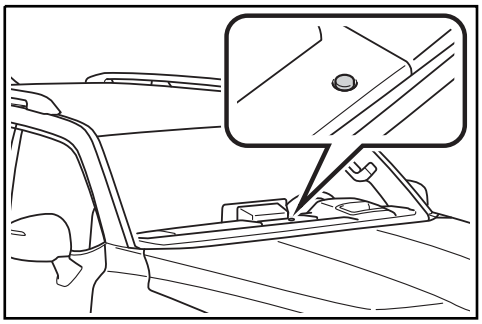
n **Hệ thống đèn chiếu sáng ban ngày**

Để giúp cho các tài xế khác dễ nhận ra xe của bạn khi lái xe vào ban ngày, đèn chiếu sáng ban ngày sẽ tự động bật sáng mỗi khi khởi động động cơ và nhả phanh đỗ với công tắc đèn

pha ở vị trí O hoặc vị trí AUTO. (Đèn này sẽ sáng hơn các đèn vị trí phía trước.) Đèn chiếu sáng ban ngày không được thiết kế để chiếu sáng vào ban đêm.

n Cảm biến điều khiển đèn pha

Cảm biến có thể sẽ không làm việc chính xác nếu có dị vật bám lên cảm biến, hoặc trên kính chắn gió có gắn đồ vật làm che khuất cảm biến. Do những vật này sẽ làm ảnh hưởng đến khả năng cảm nhận ánh sáng bên ngoài của cảm biến và có thể làm cho hệ thống đèn pha tự động bị trục trặc.



n Hệ thống tự động tắt đèn

▶ Kiểu A

Các đèn sẽ tắt sau khi chuyển công tắc động cơ tới vị trí ACC hoặc OFF.

Để bật lại các đèn, bật công tắc động cơ đến ON, hoặc bật công tắc đèn đến vị trí O hoặc AUTO một lần, sau đó quay lại vị trí hoặc .

▶ Kiểu B

- Khi công tắc đèn ở vị trí hoặc : Các đèn pha và đèn sương mù phía trước sẽ tự động tắt sau khi chuyển công tắc động cơ đến ACC hoặc OFF.
- Khi công tắc đèn ở vị trí AUTO: Các đèn pha và tất cả các đèn sẽ tắt sau khi chuyển công tắc động cơ đến ACC hoặc OFF.

Để bật lại các đèn, bật công tắc động cơ đến ON, hoặc bật công tắc đèn đến vị trí O hoặc AUTO một lần, sau đó quay lại vị trí hoặc .

n Chuông nhắc tắt đèn

Chuông sẽ kêu khi người lái bật công tắc động cơ đến chế độ ACC hoặc OFF và cửa lái mở trong khi các đèn vẫn đang bật.

n Hệ thống cân bằng đèn pha tự động (nếu có)

Góc chiếu của đèn pha được tự động điều chỉnh theo số lượng hành khách và điều kiện tải của xe để đảm bảo rằng đèn pha của xe không làm ảnh hưởng đến những xe khác trên đường.

n Chức năng tiết kiệm điện

Để tránh làm cho ắc quy của xe bị hết điện, nếu các đèn pha và/hoặc các đèn hậu đang bật khi công tắc động cơ đang tắt, chức năng tiết kiệm điện của ắc quy sẽ hoạt động và tự động tắt tất cả các đèn sau khoảng 20 phút Khi bật công tắc động cơ tới ON, chức năng tiết kiệm điện sẽ bị vô hiệu hóa.

Khi thực hiện một trong các quy trình sau, chức năng tiết kiệm điện sẽ được vô hiệu hóa một lần sau đó kích hoạt lại. Tất cả các đèn sẽ tự động tắt 20 phút sau khi kích hoạt lại chức năng tiết kiệm điện:

- Khi vận hành công tắc đèn pha
- Khi đóng hoặc mở một cửa

n Khi mở khóa các cửa xe (đèn chào mừng) (nếu có)

Các đèn vị trí phía trước sẽ tự động bật lên khi xung quanh xe bị tối và các cửa xe được mở khóa bằng chức năng vào xe hoặc điều khiển từ xa nếu công tắc đèn đặt ở vị trí AUTO.

n Tùy chọn

Có thể thay đổi các cài đặt (chẳng hạn như độ nhạy của cảm biến đèn). (Tính năng tùy chọn cá nhân:

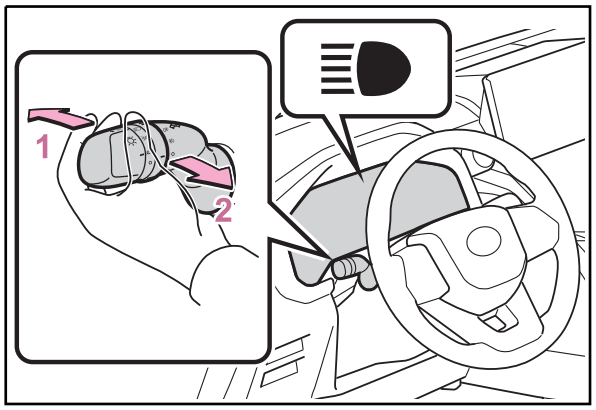
→P.681)

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Khi động cơ không hoạt động, không bật đèn trong thời gian quá lâu nếu không cần thiết.

Bật đèn pha chiếu xa



1 Với công tắc đèn pha chiếu xa đang ở vị trí bật, hãy đẩy cần điều khiển về phía trước để bật đèn pha chiếu xa.

Kéo cần điều khiển về vị trí giữa để tắt chế độ chiếu xa.

2 Kéo cần điều khiển về phía bạn và nhả cần ra để nháy đèn pha chiếu xa.

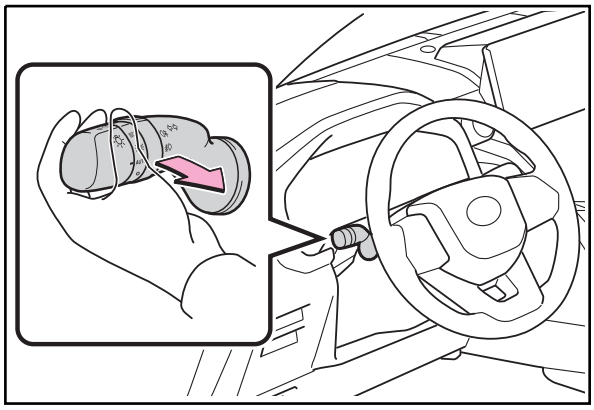
Bạn có thể nháy đèn pha chiếu xa khi đèn pha đang bật hoặc đã tắt.

Hệ thống kéo dài thời gian sáng đèn pha (nếu có)

Hệ thống này cho phép đèn pha sáng được trong 30 giây khi tắt công tắc động cơ.

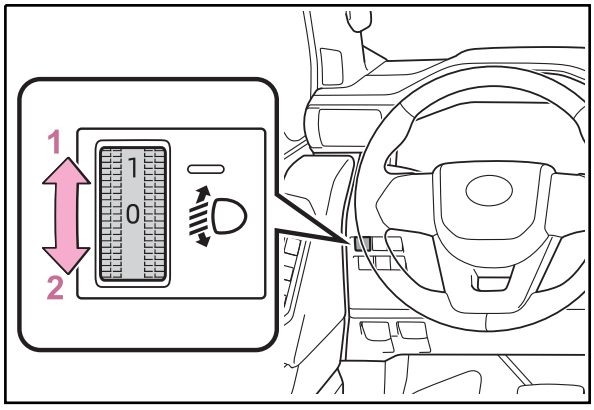
Kéo cần điều khiển đèn về phía bạn và nhả cần ra với công tắc đèn ở vị trí AUTO sau khi tắt công tắc động cơ.

Kéo cần điều khiển về phía bạn và nhả cần ra để tắt các đèn.



Núm cân bằng đèn pha loại thường (nếu có)

Bạn có thể điều chỉnh góc chiếu của đèn pha theo lượng hành khách và tải trọng của hàng hóa trên xe.



1 Nâng góc chiếu của đèn pha

2 Hạ góc chiếu của đèn pha

n **Bảng chỉ dẫn chọn mức cân bằng đèn pha**

▶ Trừ xác xe có mã kiểu xe* với chữ cái cuối cùng là “V”.

*: Mã kiểu xe sẽ được chỉ ra trên nhãn của nhà sản xuất hoặc trên tấm nhãn chứng nhận. (→P.651)

Điều kiện tải hàng và số lượng hành khách		Vị trí của núm điều chỉnh
Hành khách	Tải hàng hóa	
Chỉ có người lái hoặc có người lái và một hành khách ngồi ở ghế trước	Không	0
Người lái, một hành khách trên ghế trước và tất cả hành khách ngồi trên ghế sau cùng	Không	1
Tất cả hành khách	Không	1[*1] 1.5[*2]
Tất cả hành khách	Đầy tải	2.5[*4] 3[*5]
Người lái	Đầy tải	3[*6, 7] 3.5[*8, 9]

[*1]: Cho xe có mã kiểu xe[*3] có chữ cái cuối cùng là "W"

[*2]: Trừ xe có mã kiểu xe[*3] có chữ cái cuối cùng là "W"

[*3]: Mã kiểu xe sẽ được chỉ ra trên nhãn của nhà sản xuất hoặc trên tấm nhãn chứng nhận. (→P.651)

[*4]: Mã kiểu xe FJA300L-GNUAY và FJA300L-GMUAYW[*3] có hệ thống bình nhiên liệu phụ, và kiểu xe FJA300L-GMUGYW[*3]

[*5]: Mã kiểu xe FJA300L-GNUAY và FJA300L-GMUAYW[*3] không có hệ thống bình nhiên liệu phụ, và kiểu xe FJA300L-GNUGY, FJA300R-GNUAY, VJA300R-GNUAZ và VJA300L-GMUAZW[*3]

[*6]: Mã kiểu xe FJA300L-GNUAY[*3] có hệ thống bình nhiên liệu phụ, và kiểu xe VJA300R-GNUAZ[*3]

[*7]: Trừ kiểu xe[*10] FJA300R-GNUAY được trang bi EURO V [*3] và có hệ thống bình nhiên liệu phu, và kiểu xe FJA300R-GNUAY[*10] và có trang bị EURO V[*3] và có hệ thống bình nhiên liệu phụ và lốp 18 hoặc 20-inch

[*8]: Mã kiểu xe FJA300L-GNUAY và FJA300R-GNUAY[*3] không có hệ thống bình nhiên liệu phụ, và kiểu xe FJA300L-GNUGY, FJA300L-GMUAYW, FJA300L-GMUGYW và VJA300L-GMUAZW[*3]

[*9]: Mã kiểu xe FJA300R-GNUAY[*10] có trang bị EURO V[*3] và có hệ thống bình nhiên liệu phụ, và lốp 17-inch

[*10]: EURO V là một tiêu chuẩn khí xả. Nếu bạn không nắm rõ xe bạn đạt tiêu chuẩn khí xả loại nào, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

▶ Xe có mã kiểu xe mà kết thúc bằng chữ "V".[*]

[*]: Mã kiểu xe sẽ được chỉ ra trên nhãn của nhà sản xuất hoặc trên tấm nhãn chứng nhận. (→P.651)

Điều kiện tải hàng và số lượng hành khách		Vị trí của núm điều chỉnh
Hành khách	Tải hàng hóa	
Chỉ có người lái hoặc có người lái và một hành khách ngồi ở ghế trước	Không	0
Người lái, một hành khách trên ghế trước và tất cả hành khách ngồi trên ghế sau cùng	Không	1
Tất cả hành khách	Không	1[*1] 1.5[*2]
Tất cả hành khách	Đầy tải	2[*4] 2.5[*5]
Người lái	Đầy tải	2.5[*6] 3[*7]

[*1]: Cho kiểu xe FJA300L-GMUGYV[*3]

[*2]: Cho kiểu xe FJA300L-GMUGYV[*3]

[*3]: Mã kiểu xe sẽ được chỉ ra trên nhãn của nhà sản xuất hoặc trên tấm nhãn chứng nhận. (→P.651)

[*4]: Cho kiểu xe GRJ300L-GNTAKV[*3] với tời điện, và kiểu xe FJA300L-GNUAYV[*3]

[*5]: Trừ kiểu xe GRJ300L-GNTAKV[*3] với tời điện, và kiểu xe FJA300L-GNUAYV[*3]

[*6]: Trừ các kiểu xe FJA300L-GMUGYV, VJA300L-GNUGZV, GRJ300L-GNTAKV và GRJ300L-GNTGKV[*3]

[*7]: Kiểu xe FJA300L-GMUGYV, VJA300L-GNUGZV, GRJ300L-GNTAKV và GRJ300L-GNTGKV[*3]

Đèn góc (nếu có)

Khi bất kỳ một trong các các điều kiện sau được thỏa mãn, trong khi đang bật đèn pha (chế độ chiếu gần), các đèn góc sẽ được bật sáng bổ sung và chiếu sáng theo hướng dịch chuyển của xe. Đèn này giúp đảm bảo khả năng quan sát tốt khi lái xe tại các giao lộ hoặc đỗ xe vào ban đêm.

- Khi vận hành vô lăng
- Khi vận hành công tắc xi nhan
- Cần số ở vị trí R (cả đèn góc bên trái và bên phải)

n Điều khiển đèn góc

- Các đèn sáng khi tốc độ xe đạt xấp xỉ 30 km/h trở xuống. Tuy nhiên, các đèn tắt khi tốc độ xe đạt xấp xỉ 35 km/h trở lên.
- Sau khi đèn sáng được 30 phút, đèn sẽ tự động tắt đi.

AHS (Hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu của đèn pha)*

*: Nếu có

Hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu của đèn pha sử dụng một camera phía trước đặt ở phía trên của kính chắn gió để đánh giá độ sáng từ các đèn xe phía trước, đèn đường, v.v... và tự động điều khiển phân bố ánh sáng đèn pha.

⚠ CẢNH BÁO

n **Để lái xe an toàn**

Không phụ thuộc quá nhiều vào hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu đèn pha. Luôn lái xe an toàn, chú ý quan sát xung quanh và hãy bật/tắt đèn pha bằng cách thủ công khi cần thiết.

n **Để tránh cho hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu của đèn pha hoạt động không chính xác**

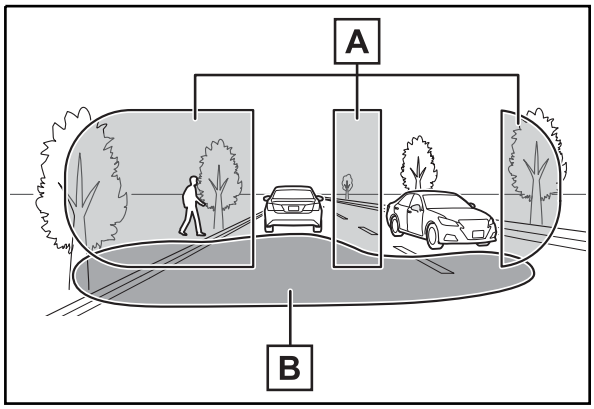
l Khi cần vô hiệu hóa hệ thống →P.270

Các điều khiển của hệ thống

- Có thể điều chỉnh được độ sáng và khu vực sáng của đèn chiếu xa theo tốc độ xe.
- Khi đang lái xe trên một khúc cua, hệ thống sẽ sử dụng các đèn pha chiếu xa để chiếu sáng hướng di chuyển của xe.
- Đèn pha chiếu xa được bật sáng sao cho những khu vực xung quanh xe phía trước tối đi.

(Vùng tối của đèn chiếu xa)

Vùng tối của đèn chiếu xa sẽ giúp đảm bảo tầm nhìn phía trước của người lái đồng thời sẽ giảm thiểu tình trạng chói mắt cho lái xe chạy phía trước.



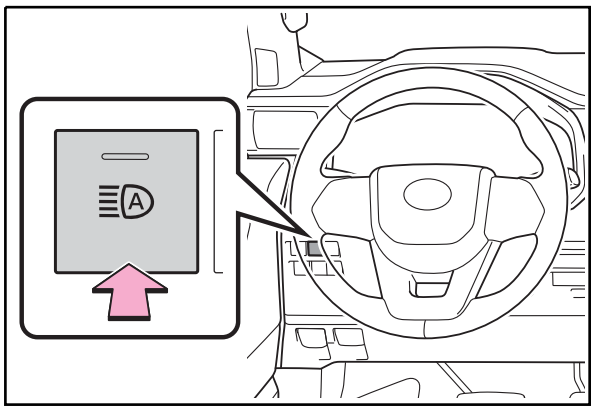
A Vùng được chiếu sáng bởi đèn chiếu xa

B Vùng được chiếu sáng bởi đèn chiếu gần

- Có thể điều chỉnh được khu vực chiếu sáng của đèn chiếu gần theo khoảng cách với xe phía trước.

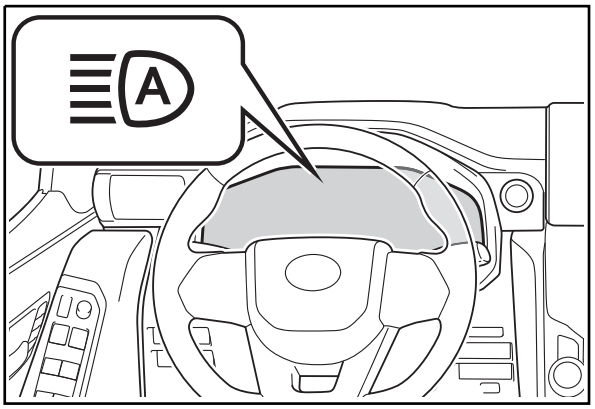
Sử dụng hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu của đèn pha

1 Ấn công tắc của hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu của đèn pha



2 Bật công tắc đèn pha đến vị trí AUTO hoặc .

Khi công tắc chọn chế độ đèn pha ở vị trí đèn pha chiếu gần, hệ thống AHS sẽ được kích hoạt và đèn chỉ báo hệ thống AHS sẽ sáng lên.



n Các điều kiện hoạt động của hệ thống

l Khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau, thì đèn pha sẽ sáng lên và hệ thống sẽ hoạt động:
- Tốc độ xe từ xấp xỉ 15 km/h trở lên*
- Khu vực phía trước xe bị tối.

*: Khi lái xe quanh một khúc cua với tốc độ xe khoảng từ 30 km/h trở lên, thì hướng di chuyển của xe sẽ được chiếu sáng rõ hơn.

l Khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau, đèn pha sẽ chuyển sang chế độ vùng tối theo vị trí của xe phía trước:
- Tốc độ xe từ xấp xỉ 15 km/h trở lên.
- Khu vực phía trước xe bị tối.
- Có một xe chạy phía trước bật đèn sáng.
- Có ít đèn đường hoặc các đèn khác trên đoạn đường phía trước.

l Khi thỏa mãn một trong các điều kiện sau, thì hệ thống sẽ chuyển sang chế độ đèn pha chiếu gần:
- Tốc độ xe khoảng từ 12 km/h trở xuống.
- Khu vực phía trước xe là không tối.
- Khi có quá nhiều xe ở phía trước.
- Có nhiều đèn đường hoặc các đèn khác trên đoạn đường phía trước.

n Phát hiện của camera phía trước

l Trong các trường hợp sau, đèn pha chiếu xa có thể sẽ không tự động chuyển sang chế độ vùng tối của đèn pha:
- Khi một xe khác chạy cắt qua đầu xe của bạn
- Khi một xe khác chạy ngang qua đầu xe của bạn
- Khi các xe phía trước liên tục được phát hiện và sau đó lại biến mất do các đoạn đường cua liên tục, các dải phân cách đường hoặc các cây cối ven đường
- Khi một xe chạy phía trước tiến tới gần từ một làn đường xa
- Khi xe phía trước nằm cách xa xe của bạn
- Khi xe phía trước không bật đèn
- Khi đèn của xe phía trước mờ
- Khi xe phía trước đang phản chiếu một luồng sáng mạnh, chẳng hạn như từ đèn pha của xe bạn
- Những tình huống có thể làm cho các cảm biến hoạt động không chính xác: →P.276

l Đèn pha chiếu xa có thể chuyển sang chế độ vùng tối của đèn pha nếu hệ thống phát hiện thấy một xe phía trước đang bật đèn sương mù mà không bật đèn pha.

l Đèn phát ra từ các tòa nhà, đèn đường, đèn tín hiệu giao thông, và đèn từ các biển quảng cáo hoặc các biển hiệu và các vật phản quang khác có thể sẽ làm cho đèn pha chuyển sang chế độ đèn pha chiếu xa có vùng tối, làm cho đèn pha không chuyển sang chế độ đèn pha chiếu xa có vùng tối, hoặc thay đổi vùng không được chiếu sáng.

l Những tình trạng sau có thể sẽ làm thay đổi tốc độ xe mà vị trí vùng tối của đèn pha thay đổi hoặc thời điểm đèn pha chiếu xa chuyển sang chế độ đèn pha chiếu gần:
- Độ sáng của các đèn của xe phía trước
- Chuyển động và hướng chuyển động của xe phía trước
- Khoảng cách giữa xe của bạn và xe

phía trước
- Khi xe chạy phía trước chỉ có một bên đèn sáng
- Khi xe phía trước là xe hai bánh
- Tình trạng đường sá (đường dốc, đường cong, điều kiện của mặt đường…)
- Số lượng hành khách và trọng lượng hàng hóa

l Mức độ điều khiển phân bổ ánh sáng đèn pha có thể sẽ không phù hợp với mong đợi của người lái

l Hệ thống có thể sẽ không phát hiện được xe đạp và các xe nhỏ khác.

l Trong các trường hợp sau, hệ thống có thể sẽ không phát hiện được độ sáng của môi trường xung quanh một cách chính xác. Điều này có thể sẽ làm cho hệ thống duy trì chế độ đèn pha chiếu gần hoặc đèn pha làm chói hoặc lóa mắt người đi bộ hoặc xe chạy phía trước. Trong các trường hợp đó, hãy chuyển giữa chế độ đèn pha chiếu xa và đèn pha chiếu gần bằng thao tác thủ công.
- Khi có các ánh sáng tương tự như đèn pha hoặc đèn đuôi xe ở khu vực xung quanh
- Đèn pha hoặc đèn hậu của xe phía trước đã tắt, bị bẩn, thay đổi màu hoặc độ chụm bị sai
- Khi đèn pha liên tục chuyển giữa chế độ đèn pha và đèn pha chiếu gần.
- Khi không thích hợp để bật đèn pha (chiếu xa) hoặc khi đèn pha (chiếu xa) có thể làm chói hoặc lóa mắt người đi bộ hoặc những người lái xe khác.
- Khi sử dụng xe ở những vùng mà hướng lái xe ngược với hướng được thiết kế cho vùng đó, ví dụ như khi xe được thiết kế để dùng cho khu vực sử dụng xe tay lái thuận nhưng lại được dùng ở khu vực sử dụng xe tay lái nghịch hoặc ngược lại
- Khi cần vô hiệu hóa hệ thống →P.270
- Những tình huống có thể làm cho các cảm biến hoạt động không chính xác: →P.276

n Tùy chọn

Có thể thay đổi các cài đặt của một số chức năng. (→P.669)

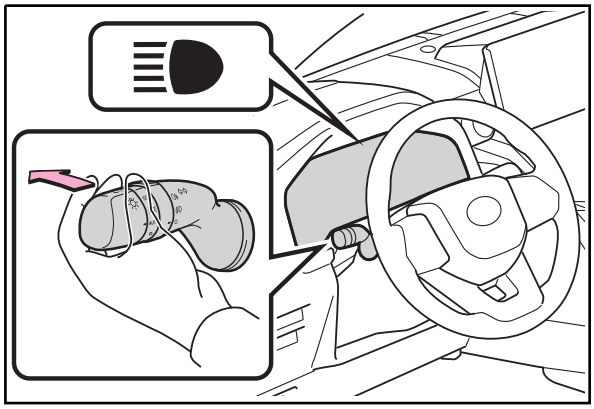
Bật hoặc tắt đèn pha (chiếu xa) bằng cách thủ công

n Chuyển sang chế độ đèn pha chiếu xa

Hãy đẩy cần điều khiển về phía trước.

Đèn chỉ báo AHS sẽ tắt và chỉ báo đèn pha chiếu xa sẽ sáng.

Hãy kéo cần điều khiển về vị trí ban đầu để bật lại hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu của đèn pha.

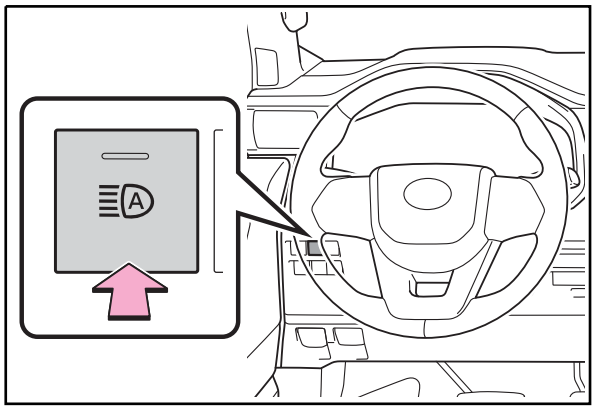


n Chuyển sang chế độ đèn pha chiếu gần

Ấn công tắc của hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu của đèn pha

Đèn chỉ báo AHS sẽ tắt.

Hãy ấn công tắc để bật lại hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu của đèn pha.

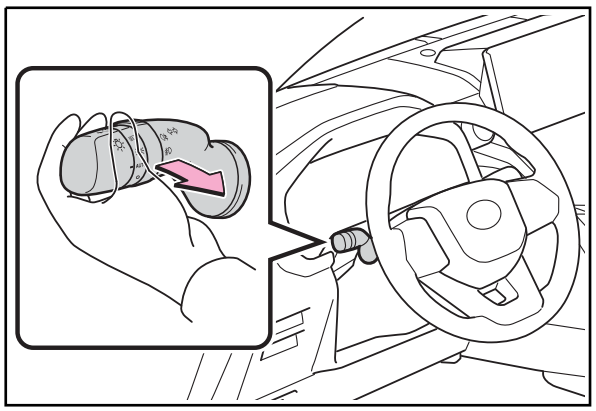


Tạm thời chuyển sang chế độ đèn chiếu gần

Chúng tôi khuyến nghị chuyển sang chế độ chiếu gần khi cho rằng chế độ chiếu xa có để đang gây khó chịu hoặc ảnh hưởng đến xe khác hoặc người đi bộ gần đó.

Kéo cần điều khiển về phía bạn và sau đó trả nó về vị trí ban đầu.

Đèn pha chiếu xa sẽ sáng khi kéo cần về phía bạn, tuy nhiên, sau khi cần điều khiển trở về vị trí ban đầu của nó, đèn pha chiếu gần vẫn sáng trong một thời gian nhất định. Sau đó, hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu đèn pha sẽ hoạt động.



AHB (Chiếu xa tự động)*

*: Nếu có

Hệ thống chiếu xa tự động sử dụng một camera phía trước nằm ở phần trên của kính chắn gió để phát hiện độ sáng của đèn của các xe phía trước, đèn đường, vv., và tự động thay đổi đèn pha giữa chế độ chiếu xa và chiếu gần.

⚠ CẢNH BÁO

n **Để lái xe an toàn**

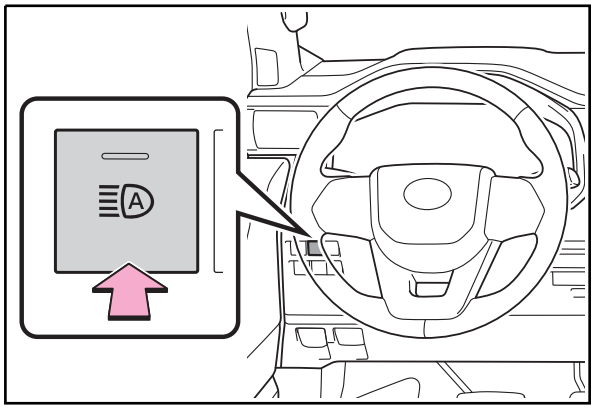
Không được quá tin tưởng vào chức năng chiếu xa tự động. Luôn lái xe an toàn, chú ý quan sát xung quanh và hãy bật/tắt đèn pha bằng tay nếu cần thiết.

n **Để tránh cho hệ thống đèn pha tự động kích hoạt bất ngờ**

l Khi cần vô hiệu hóa hệ thống →P.270

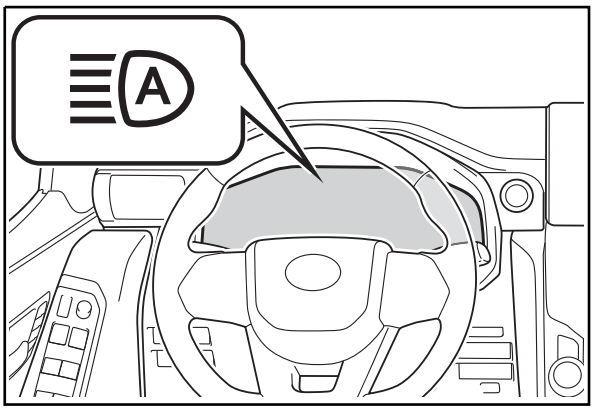
Sử dụng hệ thống chiếu xa tự động

1 Ấn vào công tắc chiếu xa tự động.



2 Bật công tắc đèn pha đến vị trí AUTO hoặc .

Khi cần công tắc đèn pha ở vị trí đèn pha chiếu gần, hệ thống AHB sẽ được kích hoạt và đèn chỉ báo AHB sẽ sáng.



n Các điều kiện hoạt động tự động của hệ thống đèn pha

l Khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau, thì đèn pha sẽ tự động bật sáng:
- Tốc độ xe đạt 30 km/h trở lên
- Khu vực phía trước xe bị tối.
- Không có xe chạy phía trước bật đèn sáng.
- Có ít đèn đường hoặc các đèn khác trên đoạn đường phía trước.

l Nếu thỏa mãn bất kỳ điều kiện nào sau đây, đèn pha sẽ chuyển về chế độ đèn pha chiếu gần:
- Khi tốc độ xe giảm xuống thấp hơn 25 km/h
- Khu vực phía trước xe là không tối.
- Có một xe chạy phía trước bật đèn sáng.
- Có nhiều đèn đường hoặc các đèn khác trên đoạn đường phía trước.

n Phát hiện của camera phía trước

l Trong các trường hợp sau, đèn pha chiếu xa có thể sẽ không tự động chuyển về chế độ đèn pha chiếu gần:
- Khi một xe khác chạy cắt qua đầu xe của bạn
- Khi một xe khác chạy ngang qua đầu xe của bạn
- Khi các xe phía trước liên tục được phát hiện và sau đó lại biến mất do các đoạn đường cua liên tục, các dải phân cách đường hoặc các cây cối ven đường
- Khi một xe chạy phía trước tiến tới gần từ một làn đường xa
- Khi xe phía trước nằm cách xa xe của bạn
- Khi xe phía trước không bật đèn
- Khi đèn của xe phía trước mờ
- Khi xe phía trước phản chiếu ánh sáng mạnh, chẳng hạn như ánh sáng đèn pha của chính xe đó.
- Những tình huống có thể làm cho các cảm biến hoạt động không chính xác: →P.276

l Đèn pha có thể sẽ chuyển sang chế độ đèn pha chiếu gần nếu phát hiện thấy xe phía trước đang sử dụng đèn sương mù mà không bật đèn pha.

l Đèn nhà, đèn đường, đèn tín hiệu giao thông và biển quảng cáo hoặc biển giao thông được chiếu sáng có thể sẽ làm cho đèn pha chuyển sang chế độ đèn pha chiếu gần hoặc liên tục duy trì ở chế độ đèn pha chiếu gần.

l Những yếu tố sau đây có thể sẽ làm thay đổi thời điểm đèn pha chuyển sang chế độ đèn pha chiếu gần:
- Độ sáng của các đèn của xe phía trước
- Chuyển động và hướng chuyển động của xe phía trước
- Khoảng cách giữa xe của bạn và xe phía trước
- Khi xe chạy phía trước chỉ có một bên đèn sáng
- Khi xe phía trước là xe hai bánh
- Tình trạng đường sá (đường dốc, đường cong, điều kiện của mặt đường…)
- Số lượng hành khách và trọng lượng hàng hóa

l Đèn pha có thể bất ngờ chuyển giữa chế độ đèn pha chiếu xa và đèn pha chiếu gần.

l Hệ thống có thể sẽ không phát hiện được xe đạp và các xe nhỏ khác.

l Trong các trường hợp sau, hệ thống có thể sẽ không phát hiện được độ

sáng của môi trường xung quanh một cách chính xác. Điều này có thể sẽ làm cho hệ thống duy trì chế độ đèn pha chiếu gần hoặc đèn pha làm chói hoặc lóa mắt người đi bộ hoặc xe chạy phía trước. Trong các trường hợp đó, hãy chuyển giữa chế độ đèn pha chiếu xa và đèn pha chiếu gần bằng thao tác thủ công.
- Khi có các ánh sáng tương tự như đèn pha hoặc đèn đuôi xe ở khu vực xung quanh
- Đèn pha hoặc đèn hậu của xe phía trước đã tắt, bị bẩn, thay đổi màu hoặc độ chụm bị sai
- Khi đèn pha liên tục chuyển giữa chế độ đèn pha và đèn pha chiếu gần.
- Khi không thích hợp để bật đèn pha (chiếu xa) hoặc khi đèn pha (chiếu xa) có thể làm chói hoặc lóa mắt người đi bộ hoặc những người lái xe khác.
- Khi sử dụng xe ở những vùng mà hướng lái xe ngược với hướng được thiết kế cho vùng đó, ví dụ như khi xe được thiết kế để dùng cho khu vực sử dụng xe tay lái thuận nhưng lại được dùng ở khu vực sử dụng xe tay lái nghịch hoặc ngược lại
- Khi cần vô hiệu hóa hệ thống →P.270
- Những tình huống có thể làm cho các cảm biến hoạt động không chính xác: →P.276

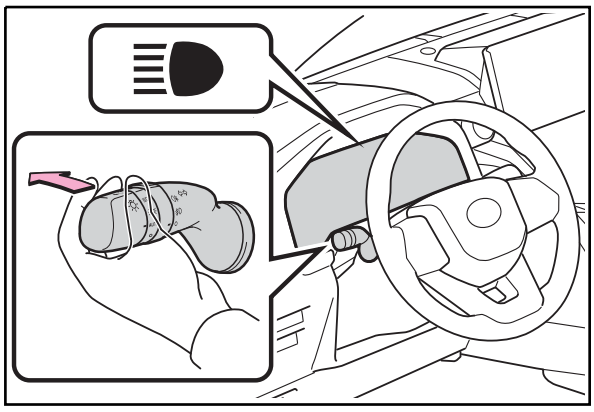
Bật hoặc tắt đèn pha (chiếu xa) bằng cách thủ công

n Chuyển sang chế độ đèn pha chiếu xa

Hãy đẩy cần điều khiển về phía trước.

Đèn chỉ báo AHB tắt và chỉ báo đèn pha chiếu xa sẽ sáng.

Hãy kéo cần điều khiển về vị trí ban đầu để kích hoạt lại hệ thống chiếu xa tự động.

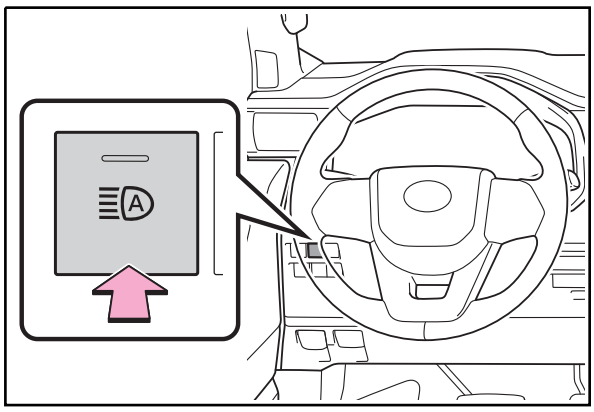


n Chuyển sang chế độ đèn pha chiếu gần

Ấn vào công tắc chiếu xa tự động.

Đèn chỉ báo AHB sẽ tắt.

Hãy ấn công tắc để kích hoạt lại hệ thống chiếu xa tự động.



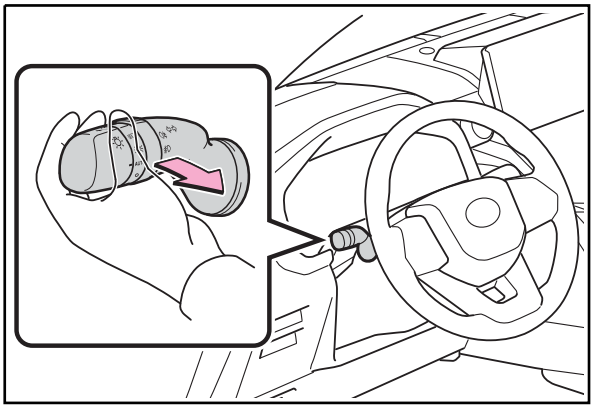
Tạm thời chuyển sang chế độ đèn chiếu gần

Chúng tôi khuyến nghị chuyển sang chế độ chiếu gần khi cho rằng chế độ chiếu xa có để đang gây khó chịu hoặc ảnh hưởng đến xe khác hoặc người đi bộ gần đó.

Kéo cần điều khiển về phía bạn và sau đó trả nó về vị trí ban đầu.

Đèn pha chiếu xa sẽ sáng trong khi

kéo cần về phía bạn, tuy nhiên, sau khi cần điều khiển trở về vị trí ban đầu của nó, đèn pha chiếu gần vẫn sáng trong một thời gian nhất định. Sau đó, hệ thống chiếu xa tự động sẽ hoạt động.



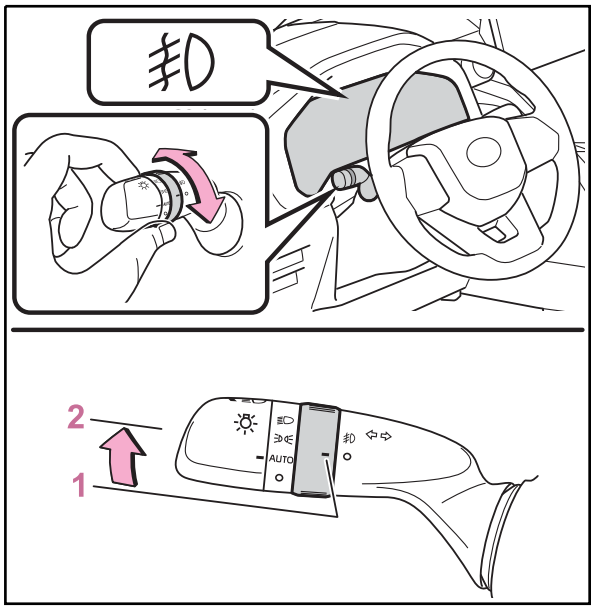
Công tắc đèn sương mù*

*: Nếu có

Các đèn sương mù giúp tăng khả năng quan sát tốt trong điều kiện lái xe khó khăn, như khi mưa hoặc có sương mù.

Quy trình vận hành

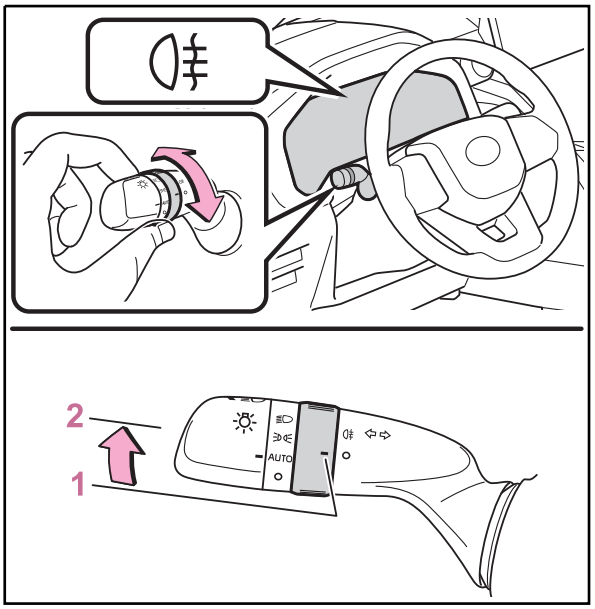
n **Công tắc đèn sương mù phía trước**



1 O Tắt

2 Bật đèn sương mù phía trước

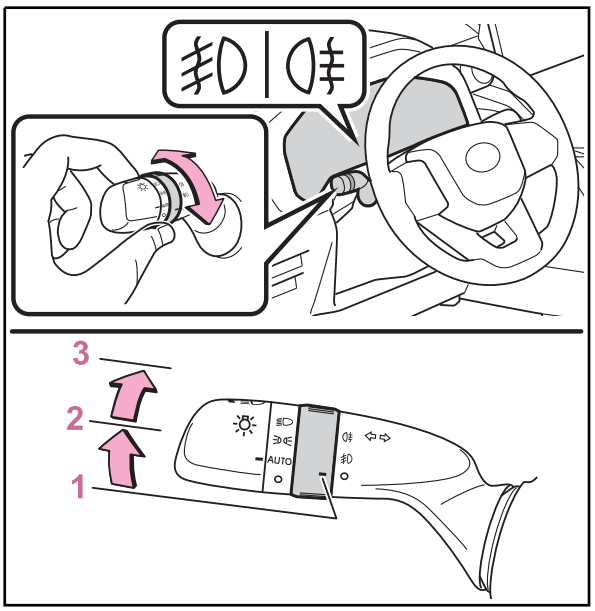
n Công tắc đèn sương mù phía sau



1 O Tắt

2 Bật đèn sương mù phía sau

n Công tắc đèn sương mù phía trước và phía sau



1 O Tắt

2 Bật đèn sương mù phía trước

3 Bật cả đèn sương mù phía trước và phía sau

Khi nhả ra, công tắc sẽ trả vòng xoay về vị trí .

Chỉ có đèn sương mù phía sau tắt đi khi bạn tiếp tục vặn công tắc điều chỉnh.

n Có thể sử dụng đèn sương mù khi

▶ Xe có đèn sương mù trước

Các đèn vị trí phía trước đang bật.

▶ Kiểu xe chỉ có đèn sương mù phía sau

Các đèn pha đang bật.

▶ Xe có các đèn sương mù phía trước và phía sau

Đèn sương mù phía trước: Các đèn vị trí phía trước đang bật.

Đèn sương mù phía sau: Đèn sương mù phía trước đang bật.

Cần gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió

Vận hành cần có thể chuyển giữa hoạt động tự động và hoạt động thường hoặc có thể sử dụng phun nước.

⚠ CHÚ Ý

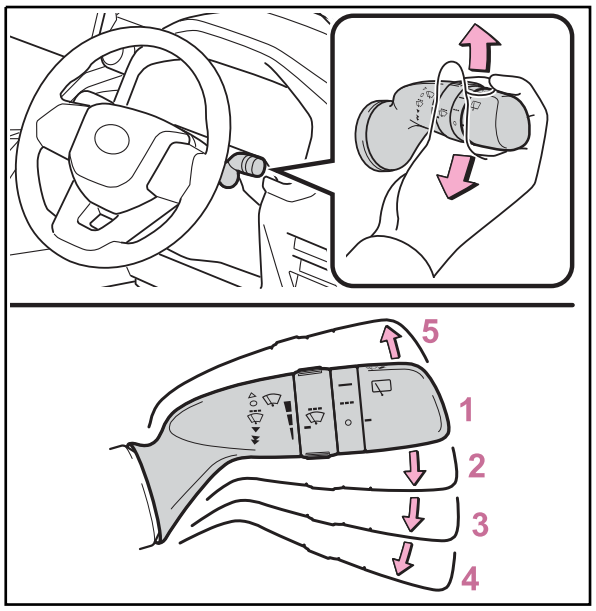
n **Khi kính chắn gió khô**

Không sử dụng cần gạt nước, nếu không có thể sẽ làm hỏng kính chắn gió.

Sử dụng cần gạt nước

Sử dụng cần để vận hành cần gạt nước hoặc phun nước rửa kính như sau:

▶ Cần gạt nước kính chắn gió kiểu gạt gián đoạn



1 Tắt

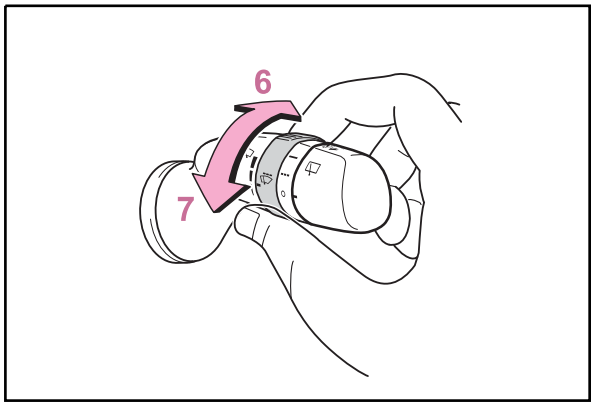
2 Gạt gián đoạn

3 Gạt chậm

4 Gạt nhanh

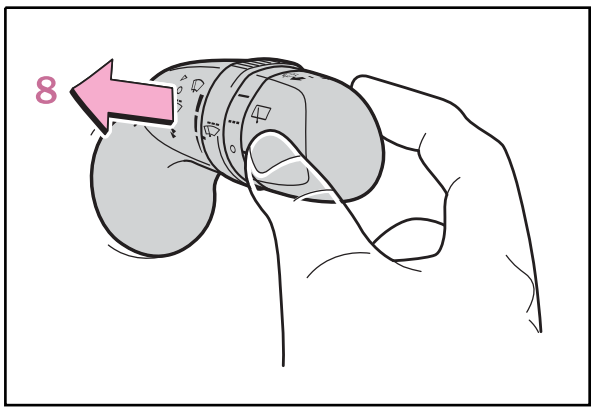
5 Gạt tạm

Khi lựa chọn chế độ gạt ngắt quãng (nếu có), thời gian chờ giữa các lần gạt có thể điều chỉnh được.



6 Giảm thời gian chờ giữa các lần gạt

7 Tăng thời gian chờ giữa các lần gạt



8 Phun nước/gạt nước hai lần

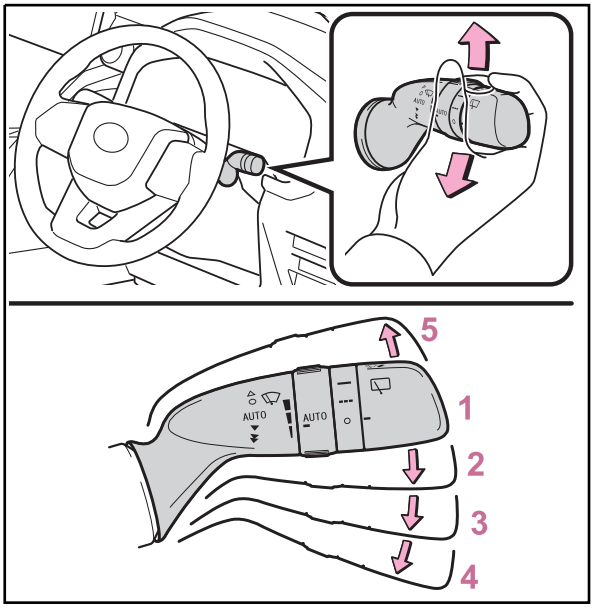
Kéo cần để vận hành cần gạt nước và phun nước rửa kính.

Sau khi gạt vài lần, gạt nước sẽ gạt thêm một lần nữa sau khi dừng một lát để tránh hiện tượng đọng nước.

Xe có bộ rửa đèn pha: Khi công tắc động cơ ở chế độ ON và đèn pha đang bật, nếu kéo cần điều khiển

đèn, bộ rửa đèn pha sẽ hoạt động một lần. Sau đó, bộ rửa đèn pha sẽ hoạt động cứ sau khi kéo cần ở lần thứ 5.

▶ Cần gạt nước kính chắn gió có cảm biến nước mưa



1 ○ Tắt

2 AUTO Sử dụng cảm biến nước mưa

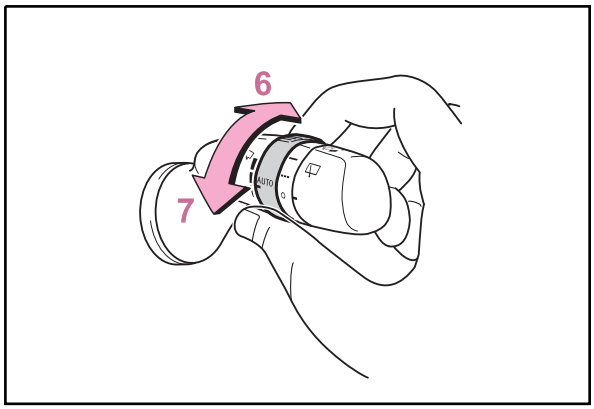
3 ▼ Gạt chậm

4 ▼▼ Gạt nhanh

5 △ Gạt tạm

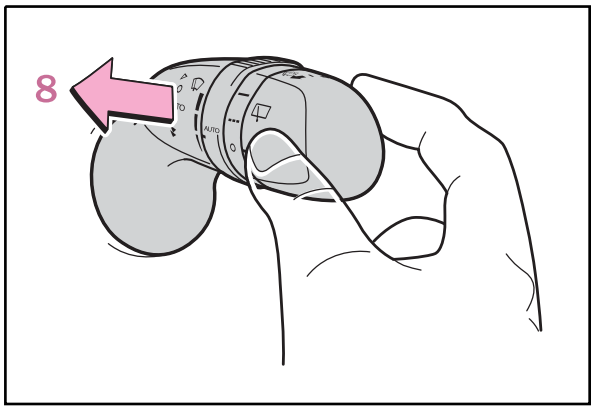
Khi AUTO được chọn, các cần gạt nước sẽ tự động hoạt động khi cảm biến phát hiện thấy trời mưa. Hệ thống sẽ tự động điều chỉnh thời gian gạt tùy theo lượng nước mưa và tốc độ của xe.

Độ nhạy của cảm biến có thể được điều chỉnh khi chế độ AUTO được chọn.



6 Tăng độ nhạy của cảm biến

7 Giảm độ nhạy của cảm biến



8 Phun nước/gạt nước hai lần

Kéo cần để vận hành cần gạt nước và phun nước rửa kính.

Sau khi gạt vài lần, gạt nước sẽ gạt thêm một lần nữa sau khi dừng một lát để tránh hiện tượng đọng nước.

Xe có bộ rửa đèn pha: Khi công tắc động cơ ở chế độ ON và đèn pha đang bật, nếu kéo cần điều khiển đèn, bộ rửa đèn pha sẽ hoạt động một lần. Sau đó, bộ rửa đèn pha sẽ hoạt động cứ sau khi kéo cần ở lần thứ 5.

n **Có thể vận hành cần gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió khi**

Công tắc động cơ ở ON.

n Ảnh hưởng của tốc độ xe tới hoạt động của cần gạt nước

▶ Xe có chức năng gạt nước gián đoạn

Khi lựa chọn chế độ gạt chậm của cần gạt nước kính chắn gió, cần gạt sẽ được chuyển từ gạt tốc độ thấp đến gạt gián đoạn chỉ khi xe dừng. (Tuy nhiên, khi bạn điều chỉnh thời gian đến mức cao nhất, chế độ hoạt động của gạt nước sẽ không chuyển được.)

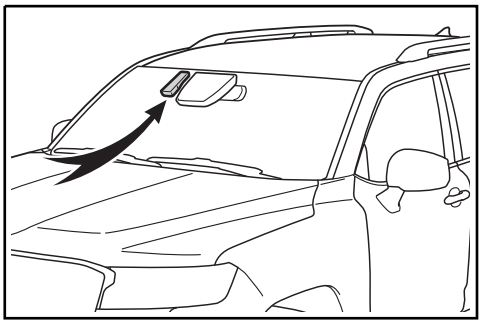
▶ Xe có cần gạt nước kính chắn gió sử dụng cảm biến nước mưa

Khi lựa chọn chế độ gạt chậm của cần gạt nước kính chắn gió, cần gạt sẽ được chuyển từ gạt tốc độ thấp đến gạt gián đoạn khi xe dừng. (Tuy nhiên, khi bạn điều chỉnh độ nhạy của cảm biến lên mức cao nhất, chế độ sẽ không chuyển được.)

n Cảm biến nước mưa (xe có gạt nước kính chắn gió sử dụng cảm biến nước mưa)

l Cảm biến nước mưa sẽ đánh giá lượng mưa.

Hệ thống này được trang bị một cảm biến quang. Nó có thể sẽ hoạt động không chính xác khi ánh nắng lúc mặt trời mọc hoặc lúc mặt trời lặn chiếu vào kính chắn gió không liên tục hoặc khi có vật lạ bám vào kính chắn gió.



l Nếu bật công tắc gạt mưa sang vị trí AUTO trong khi công tắc động cơ ở vị trí ON, cần gạt nước sẽ gạt một lần để cho biết rằng chế độ AUTO đã được kích hoạt.

l Khi vòng điều chỉnh độ nhạy của cảm biến hướng về phía trên khi đang đặt ở chế độ AUTO, các cần gạt sẽ gạt một lần để chỉ ra rằng độ nhạy của cảm biến đã được tăng cường.

l Nếu nhiệt độ của cảm biến mưa từ 85•C (185•F) trở lên, hoặc từ -30•C (22•F) trở xuống, chế độ hoạt động tự động có thể sẽ không làm việc. Trong trường hợp này, hãy điều khiển các cần gạt nước ở bất kỳ vị trí chế độ khác AUTO.

n Nếu không có nước rửa kính chắn gió phun lên

Hãy kiểm tra xem vòi phun có bị tắc hay không và có còn nước trong bình chứa nước rửa kính chắn gió không.

n Bộ sưởi vòi phun nước rửa kính (nếu có)

Các bộ sưởi vòi phun nước rửa kính sẽ hoạt động khi nhiệt độ bên ngoài xe từ 5•C trở xuống và công tắc động cơ đang ở chế độ ON.

⚠ CẢNH BÁO

n Lưu ý khi sử dụng chế độ AUTO của gạt nước kính chắn gió (xe có kiểu gạt nước sử dụng cảm biến mưa)

Các cần gạt nước có thể sẽ bất ngờ hoạt động nếu bạn chạm vào cảm biến hoặc kính chắn gió bị rung với gạt nước đang ở chế độ AUTO. Hãy cẩn trọng không để ngón tay của bạn hoặc bất kỳ vật gì khác có thể bị kẹt bởi cần gạt nước kính chắn gió.

n **Lưu ý liên quan đến việc sử dụng nước rửa kính**

Khi trời lạnh, không phun nước rửa kính cho đến khi kính chắn gió đủ ấm. Nếu không, nước rửa kính có thể sẽ đóng băng trên kính chắn gió và gây cản trở tầm nhìn của bạn. Điều này có thể dẫn đến tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Khi bộ sưởi vòi phun đang hoạt động (nếu có)**

Không chạm vào khu vực xung quanh bộ sưởi vòi phun, chúng đang rất nóng và có thể làm bạn bị bỏng.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi không có nước rửa kính phun lên**

Nếu bạn kéo cần điều khiển về phía mình và giữ tại vị trí đó liên tục thì có thể sẽ làm hỏng bơm nước rửa kính.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi vòi phun bị tắc**

Trong trường hợp này, hãy liên hệ với đại lý Toyota

Không cố thông vòi phun bằng đầu kim hoặc các vật khác. Nếu không, vòi phun có thể sẽ bị hỏng.

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Không để cần gạt nước hoạt động quá lâu khi động cơ đã tắt.

Cần gạt nước và phun nước rửa kính cửa hậu

Có thể sử dụng cần gạt để điều khiển gạt nước và phun nước rửa kính cửa hậu.

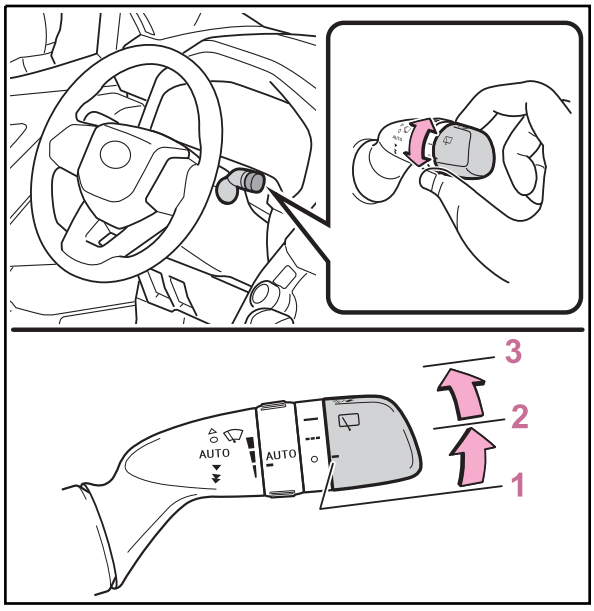
⚠ CHÚ Ý

n **Khi kính cửa hậu đang khô**

Không sử dụng cần gạt nước, nếu không có thể sẽ làm hỏng kính cửa hậu.

Sử dụng cần gạt nước

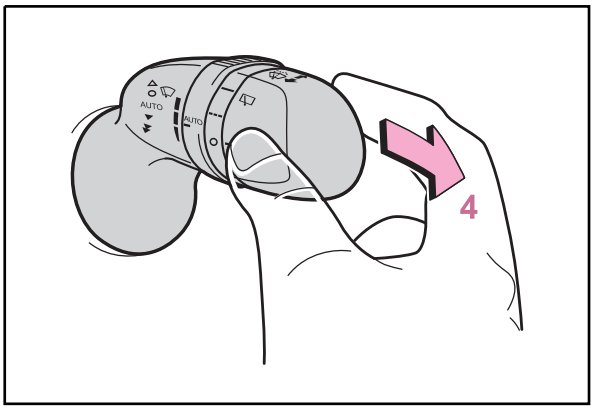
Sử dụng cần để vận hành cần gạt nước rửa kính cửa hậu như sau:



1 O Tắt

2 --- Gạt gián đoạn

3 — Gạt thường



4 Phun nước/gạt nước hai lần

Đẩy cần để điều khiển cần gạt nước và phun nước rửa kính.

Xe có bộ rửa camera: Bộ rửa sẽ tự động hoạt động để làm sạch camera cho chức năng hỗ trợ đỗ xe của Toyota*1, 2 hoặc camera phía sau cho theo dõi đa địa hình*1 (→P.425).

*1: Nếu có

*2: Hãy tham khảo "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".

n Có thể điều khiển gạt nước và phun nước rửa kính cửa hậu khi

Công tắc động cơ ở ON.

n Nếu không có nước rửa kính phun lên

Kiểm tra xem vòi phun có bị tắc hay không và có còn nước trong bình chứa nước rửa kính không.

n Gạt tránh hiện tượng đọng nước

Khi bộ rửa được hoạt động, cần gạt sẽ gạt thêm một lần nữa sau khi dừng một lát để tránh hiện tượng đọng nước.

n Chức năng dừng gạt nước kính cửa hậu liên kết với cửa hậu*

*: Chỉ có thể tùy chọn được những cài đặt này tại đại lý Toyota.

Khi cần gạt nước kính cửa hậu đang hoạt động, nếu cửa hậu được mở ra trong khi xe đã đỗ lại, thì cần gạt nước kính cửa hậu sẽ dừng hoạt động để tránh bắn nước vào những người xung quanh. Khi cửa hậu được đóng lại, thì cần gạt nước kính cửa hậu sẽ tiếp tục hoạt động.

n Tùy chọn

Có thể thay đổi các cài đặt. (Tính năng tùy chọn cá nhân: →P.682)

CHÚ Ý

n Khi bình chứa nước rửa kính bị cạn

Không vận hành công tắc điều khiển phun nước liên tục, nếu không bơm nước rửa kính có thể sẽ bị quá nhiệt.

n Khi vòi phun bị tắc

Trong trường hợp này, hãy liên hệ với đại lý Toyota. Không cố gắng thông tắc vòi phun bằng đầu kim hoặc các vật khác. Vòi phun sẽ bị hỏng.

n Để tránh làm hết điện của ắc quy

Không để cần gạt nước hoạt động quá lâu khi động cơ đã tắt.

Mở nắp bình nhiên liệu

Hãy thực hiện các bước sau để mở nắp bình nhiên liệu:

Trước khi nạp nhiên liệu cho xe

- Tắt công tắc động cơ và xác nhận rằng tất cả các cửa xe và cửa sổ đã được đóng chặt.
- Xác nhận loại nhiên liệu.

n **Loại nhiên liệu**

→P.667

n **Cửa nạp nhiên liệu để nạp xăng không pha chì**

Để tránh nạp nhầm loại nhiên liệu, xe của bạn có lỗ nạp nhiên liệu chỉ thích hợp với vòi đặc biệt của trạm xăng không pha chì.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi nạp nhiên liệu cho xe**

Hãy tuân theo những lưu ý sau khi nạp nhiên liệu. Nếu không có thể sẽ bị tử vong hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe.

- Sau khi ra khỏi xe và trước khi mở cửa nạp nhiên liệu, hãy chạm tay vào một bề mặt không phủ sơn để xả tĩnh điện. Hãy chú ý xả tĩnh điện trước khi nạp nhiên liệu vì tia lửa điện sinh ra do tĩnh điện có thể sẽ làm cho hơi nhiên liệu bị bốc cháy.
- Hãy cầm vào phần khía nhám trên nắp bình nhiên liệu và xoay chậm để tháo nắp.
  Bạn có thể nghe thấy một tiếng xịt khẽ khi mở nắp bình nhiên liệu. Hãy đợi cho tới khi không còn nghe thấy tiếng xịt nữa, sau đó mở nắp. Khi trời nóng, nhiên liệu có áp suất cao có thể sẽ phụt ra khỏi nắp bình và gây chấn thương.
- Không để người nào chưa được xả tĩnh điện đến gần bình nhiên liệu đang mở.
- Không hít hơi nhiên liệu.
  Nhiên liệu có chứa rất nhiều chất có hại cho sức khỏe nếu hít phải.
- Không hút thuốc khi đang nạp nhiên liệu.
  Nếu không, nhiên liệu có thể sẽ bị bắt lửa và gây ra hỏa hoạn.
- Không quay trở lại xe hay chạm vào người hay vật bị nhiễm điện. Nếu không có thể sẽ làm tăng lượng tĩnh điện, kết quả làm tăng nguy cơ gây ra hỏa hoạn.

n **Khi nạp nhiên liệu**

Hãy tuân theo các chú ý sau đây để tránh làm nhiên liệu tràn ra khỏi bình:

- Hãy cắm hẳn vòi bơm nhiên liệu vào trong lỗ nạp nhiên liệu.
- Hãy ngừng nạp sau khi vòi bơm tự động ngắt.
- Không bơm nhiên liệu đầy tới miệng bình.

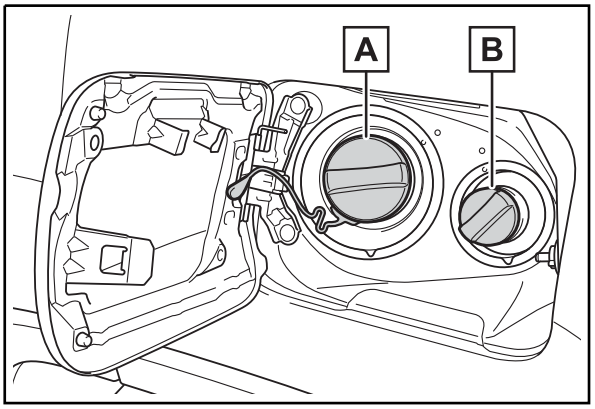
CHÚ Ý

n **Nạp nhiên liệu**

l Trong khi nạp, tránh để tràn nhiên liệu ra xe.
Nếu không có thể sẽ gây ra hư hỏng cho xe, như làm cho hệ thống xả hoạt động bất thường hoặc làm hỏng các chi tiết của hệ thống nhiên liệu hoặc bề mặt sơn xe.

l Xe có hệ thống DPF: Hãy sử dụng loại nhiên liệu phù hợp. Nếu sử dụng nhiên liệu không phù hợp, khói trắng có thể sẽ xuất hiện liên tục ở đường ống xả trong khi tái tạo bộ lọc. (→P.454)

Vị trí của nắp bình nhiên liệu

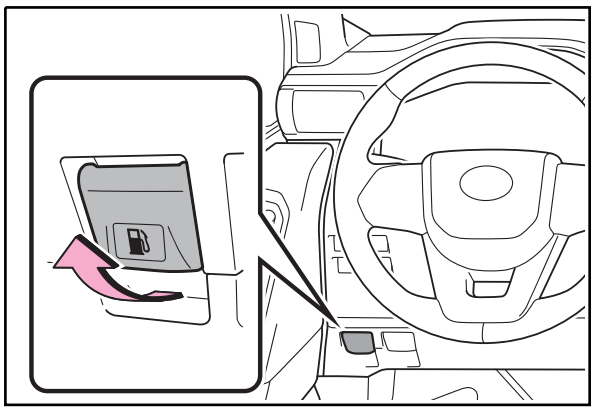


A Nắp bình nhiên liệu

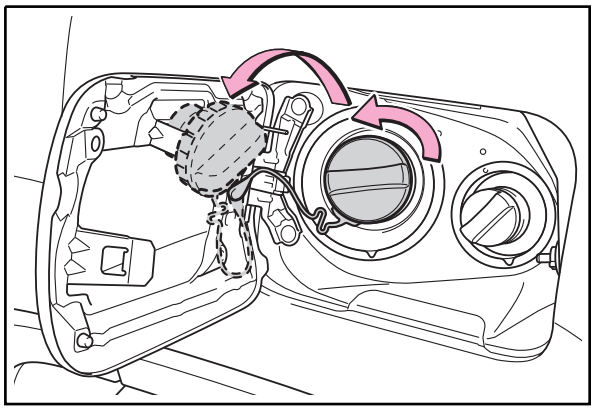
B Nắp bình nhiên liệu AdBlue™ (nếu có) (→P.562)

Mở nắp bình nhiên liệu

1 Hãy kéo lẫy lên.

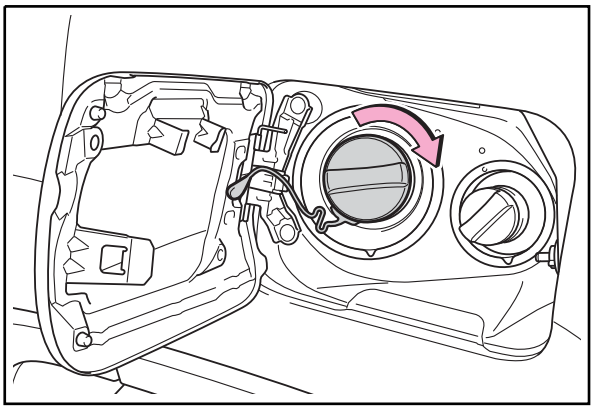


2 Vặn từ từ nắp bình nhiên liệu và tháo nắp, sau đó đặt nắp lên móc giữ trên cửa nạp nhiên liệu.



Đóng nắp bình nhiên liệu

Sau khi nạp nhiên liệu, hãy vặn nắp bình nhiên liệu cho tới khi bạn nghe thấy một tiếng tách. Khi thả tay ra, nắp bình nhiên liệu sẽ xoay theo hướng ngược lại một chút.



CẢNH BÁO

n **Khi thay nắp bình nhiên liệu**

Chỉ sử dụng nắp bình nhiên liệu chính hiệu Toyota được thiết kế cho xe của bạn. Nếu không có thể gây ra hỏa hoạn hoặc những sự cố khác có thể dẫn tới tử vong hoặc bị thương nghiêm trọng.

Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota*

*: Nếu có

Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota gồm có các hệ thống hỗ trợ lái xe và góp phần vào trải nghiệm lái xe an toàn và thoải mái:

⚠ CẢNH BÁO

n **Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota**

Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota hoạt động với giả định rằng người lái sẽ lái xe an toàn, và nó được thiết kế để giúp giảm tác động đến người ngồi trong xe khi xảy ra va chạm và hỗ trợ người lái trong các điều kiện lái xe bình thường.

Do khả năng nhận biết chính xác và tính năng điều khiển mà hệ thống này có thể cung cấp là có giới hạn, không được quá tin tưởng vào hệ thống này. Người lái hoàn toàn chịu trách nhiệm chú ý đến môi trường xung quanh xe và lái xe an toàn.

n **Để lái xe an toàn**

- Không được quá tin tưởng vào hệ thống này. Người lái hoàn toàn chịu trách nhiệm chú ý đến môi trường xung quanh xe và lái xe an toàn. Hệ thống này có thể sẽ không hoạt động trong mọi tình huống và sự hỗ trợ của hệ thống cũng chỉ có giới hạn. Việc phụ thuộc quá nhiều vào hệ thống này khi điều khiển xe có thể sẽ dẫn đến tai nạn gây ra tử vong hoặc chấn thương nặng.
- Không thử kiểm tra hoạt động của hệ thống, vì nó có thể sẽ hoạt động không chính xác, và có thể sẽ dẫn đến tai nạn.
- Nếu cần sự chú ý của người lái trong khi thực hiện các thao tác lái xe hoặc khi xảy ra trục trặc trong hệ thống, một cảnh báo sẽ xuất hiện hoặc chuông cảnh báo sẽ kêu. Nếu một cảnh báo xuất hiện màn hình, hãy làm theo các hướng dẫn đã được hiển thị.
- Tùy thuộc vào tiếng ồn bên ngoài, âm lượng của hệ thống âm thanh trên xe... mà bạn có thể sẽ khó nghe thấy tiếng chuông cảnh báo. Ngoài ra, tùy thuộc vào điều kiện đường xá, mà bạn có thể sẽ khó nhận ra hoạt động của hệ thống.

n **Khi cần vô hiệu hóa hệ thống**

Trong các trường hợp sau, hãy vô hiệu hóa hệ thống này.

Nếu không có thể sẽ dẫn đến việc hệ thống hoạt động bất thường, có thể gây ra tai nạn dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- Khi xe bị nghiêng do chở quá tải hoặc bị xịt lốp
- Khi đang lái xe ở tốc độ cực cao
- Khi đang kéo một xe khác
- Khi xe đang được vận chuyển bằng xe tải, tàu thủy, tàu hỏa...
- Khi xe được nâng lên và lốp xe có thể quay tự do
- Khi kiểm tra xe bằng bệ thử phanh như bệ thử động lực học gầm xe hoặc máy đo tốc độ, hoặc khi sử dụng thiết bị kiểm tra cân bằng bánh xe gắn trên xe
- Khi chạy xe ở chế độ thể thao hoặc trên địa hình phức tạp
- Khi rửa xe trong trạm rửa xe tự động

CẢNH BÁO

- Khi một cảm biến bị lệch hoặc bị biến dạng do có lực tác động mạnh lên cảm biến hoặc khu vực xung quanh cảm biến
- Khi đang lắp tạm các phụ kiện trên xe làm che khuất cảm biến hoặc ánh sáng
- Khi đang lắp lốp dự phòng kiểu nhỏ gọn hoặc xích quấn lốp được lắp vào xe hoặc khi sử dụng bộ dụng cụ vá lốp khẩn cấp để vá lốp xe
- Khi lốp xe đang quá mòn hoặc áp suất lốp xe thấp
- Khi đang lắp lốp xe khác với kích thước tiêu chuẩn của nhà sản xuất
- Khi không thể lái xe một cách ổn định, do va chạm, trục trặc...

Các hệ thống hỗ trợ lái xe

n **AHS (Hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu của đèn pha)***

→P.254

n **AHB (Chiếu xa tự động)**

→P.257

n **PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm)**

→P.277

n **LTA (Hỗ trợ bám làn đường)***

→P.286

n **LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn)**

→P.291

n **RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo)***

→P.296

n **Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa**

→P.298

n **Hệ thống điều khiển chạy tự động**

→P.309

n **Hệ thống dừng lái khẩn cấp***

→P.316

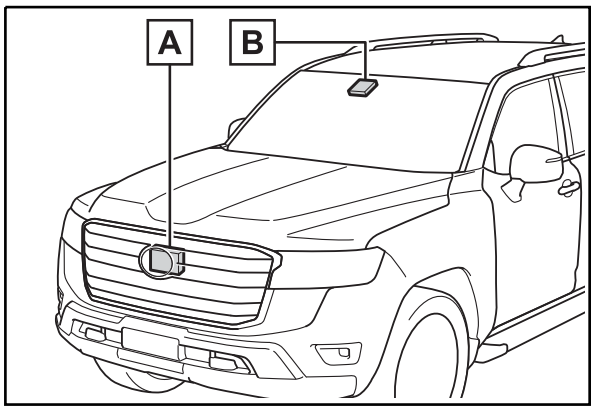
*: Nếu có

Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota sử dụng các cảm biến sau

Các cảm biến khác nhau được sử dụng để đạt được những thông tin cần thiết để vận hành hệ thống.

n **Các cảm biến phát hiện các tình trạng xung quanh xe**

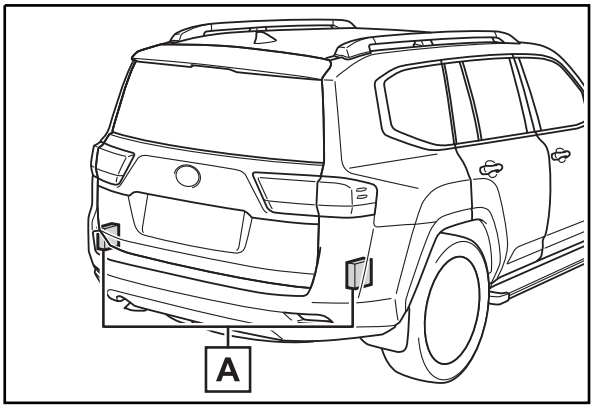
▶ Phía trước



A Cảm biến ra-đa phía trước

B Camera phía trước

▶ Phía sau



A Các cảm biến ra đa phía sau*

*: Nếu có

CẢNH BÁO

n **Để tránh làm hư hỏng các cảm biến rađa**

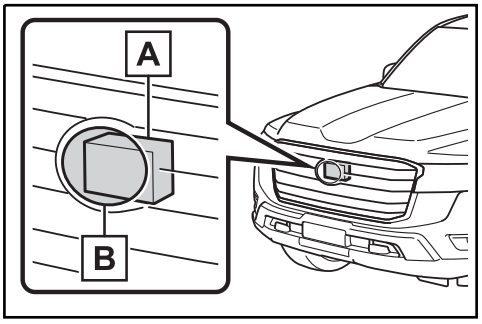
Hãy tuân theo các chú ý sau.

Nếu không có thể sẽ dẫn đến việc cảm biến ra đa hoạt động bất thường, có thể dẫn đến tai nạn gây ra tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

l Hãy giữ cảm biến rađa và nắp che cảm biến rađa luôn được sạch sẽ.

Nếu phía trước của cảm biến ra đa và phía trước hoặc phía sau của nắp che cảm biến rađa bị bẩn hoặc bị nước chảy vào, bị tuyết phủ… hãy lau sạch chúng.

Khi vệ sinh cảm biến ra đa và vỏ cảm biến ra đa, hãy sử dụng khăn mềm để lau sạch bụi bẩn để không làm hỏng chúng.



A Cảm biến ra đa

B Nắp che cảm biến rađa

l Không gắn các phụ kiện, miếng dán (kể cả miếng dán trong suốt), băng dính bằng nhôm, vv.. lên cảm biến ra đa, nắp cảm biến rađa hoặc các khu vực xung quanh.

l Không được để cảm biến ra đa hoặc các khu vực xung quanh nó chịu lực va chạm mạnh.

Nếu cảm biến ra đa, lưới tản nhiệt phía trước hoặc cản xe phía trước đã chịu lực va chạm mạnh, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

l Không được tháo rời các cảm biến ra-đa.

l Không được sửa đổi hoặc sơn lên các cảm biến ra đa hoặc nắp che cảm biến ra đa, hoặc thay thế chúng bằng bất kỳ các phụ tùng không chính hiệu Toyoya.

l Trong các tình huống sau, sẽ cần phải hiệu chỉnh lại các cảm biến rađa. Để biết thông tin chi tiết, hãy liên hệ với Đại lý Toyota của bạn.

CẢNH BÁO

- Khi cảm biến ra đa đã được tháo ra và sau đó lắp lại hoặc được thay thế
- Khi thay thế cản xe phía trước hoặc lưới tản nhiệt phía trước.

n **Để tránh làm hỏng camera phía trước**

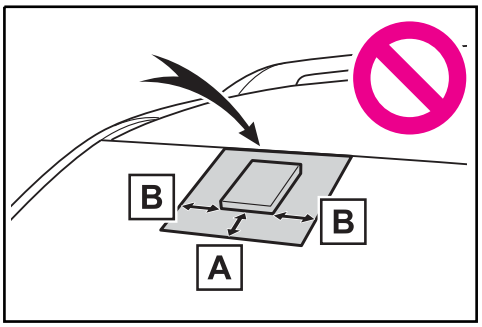
Hãy tuân theo các chú ý sau.

Nếu không có thể sẽ dẫn đến việc camera phía trước hoạt động không chính xác, có thể dẫn đến tai nạn gây tử vong hoặc bị chấn thương nghiêm trọng.

l Luôn giữ cho kính chắn gió được sạch sẽ.

- Nếu kính chắn gió bị bẩn hoặc bị phủ một lớp dầu mỏng, bị đọng nước mưa, bị tuyết bao phủ... hãy vệ sinh kính chắn gió.
- Nếu phun chất phủ kính lên kính chắn gió, nó vẫn cần sử dụng các cần gạt nước kính chắn gió để loại bỏ những giọt nước đọng, v.v... khỏi khu vực kính chắn gió ở phía trước của camera trước.
- Nếu mặt trong của kính chắn gió tại vị trí lắp camera trước bị bẩn, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

l Không được dán đề can (kể cả đề can trong suốt) hoặc các hạng mục khác lên khu vực kính chắn gió ở phá trước của camera trước (phần in đậm trong hình vẽ).



A Khoảng 4 cm

B Khoảng 4 cm

l Nếu phần kính chắn gió ở phía trước camera bị mờ hoặc bị che khuất bởi hơi nước hoặc băng giá, hãy sử dụng bộ sấy kính chắn gió để loại bỏ hơi nước hoặc băng giá.

l Nếu gạt nước không thể gạt được nước đọng trên kính chắn gió ở vị trí phía trước camera, hãy thay thanh tăng cứng và cao su gạt nước hoặc lưỡi gạt nước.

l Không được gắn bất cứ vật gì kính chắn gió.

l Hãy thay kính chắn gió nếu nó đã bị hỏng hoặc bị nứt.

Nếu đã thay kính chắn gió, thì sẽ phải hiệu chỉnh lại camera phía trước. Để có thêm thông tin, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

l Không được để dung dịch bắn lên camera phía trước.

l Không được để đèn chói chiếu vào camera phía trước.

- Không được làm hỏng các thấu kính của camera phía trước hoặc để cho nó bị bẩn.

Khi lau phần bên trong của kính chắn gió, không được để chất rửa kính tiếp xúc với ống kính của camera phía trước. Không được lsờ vào các thấu kính của camera phía trước.

Nếu thấu kính của camera phía trước bị bẩn hoặc bị hỏng, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

- Không để camera phía trước bị va chạm mạnh.
- Không được thay đổi vị trí lắp hoặc hướng lắp của camera phía trước hoặc tháo nó ra.
- Không được tháo rời camera phía trước.
- Không sửa đổi bất kỳ chi tiết nào của xe xung quanh camera phía trước như gương chiếu hậu bên trong xe hoặc trần xe.
- Không gắn phụ kiện mà có thể che khuất camera phía trước như vào nắp ca pô, lưới tản nhiệt phía trước hoặc cản trước. Để có thêm thông tin chi tiết, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.
- Nếu bạn đặt ván trượt hoặc các vật dài khác trên nóc xe, hãy đảm bảo rằng vật đó sẽ không che khuất camera phía trước.
- Không sửa đổi hoặc thay đổi đèn pha hoặc các đèn khác của xe.

n Khu vực lắp camera phía trước trên kính chắn gió

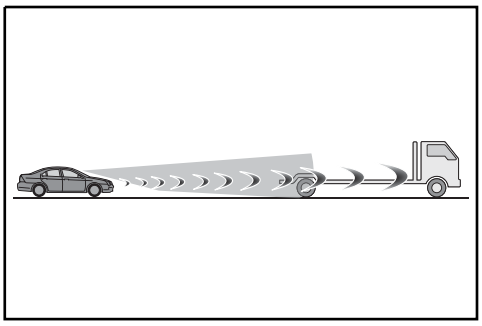
Nếu hệ thống xác định kính chắn gió đã bị mờ, nó sẽ tự động vận hành bộ sưởi để làm trong phần kính chắn gió ở xung quanh camera phía trước. Khi rửa xe, vv.., hãy cẩn thận không chạm vào khu vực xung quanh camera phía trước cho tới khi kính chắn gió đã nó đã đủ nguội, nếu chạm vào nóng có thể làm cho bạn bị bỏng.

n Những tình huống có thể làm cho các cảm biến và hệ thống hoạt động không chính xác

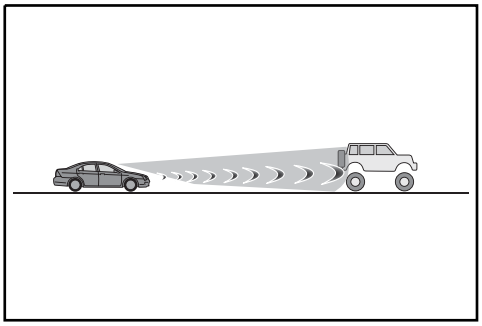
- Khi chiều cao xe hoặc độ nghiêng của xe đã bị thay đổi do sửa đổi
- Khi kính chắn gió bị bẩn, bị mờ, bị nứt hoặc bị hư hỏng
- Khi nhiệt độ môi trường quá cao hoặc quá thấp
- Khi phía trước của cảm biến bị dính bùn, nước, tuyết, côn trùng chết, hoặc vật thể lạ, vv...
- Khi lái xe trong điều kiện khắc nghiệt như mưa lớn, sương mù, tuyết hoặc bão cát
- Khi nước, tuyết, bụi bẩn, vv... bắn vào phía trước của xe, hoặc khi lái xe qua vùng hơi nước hoặc khí
- Đèn pha không được bật sáng trong khi lái xe trong bóng tối, như vào buổi đêm hoặc trong đường hầm
- Khi các kính đèn của đèn pha bị bẩn hoặc độ sáng yếu.
- Khi các đèn pha bị lệch
- Khi đèn pha đang bị hư hỏng
- Khi đèn pha của một xe khác, ánh sáng mặt trời hoặc ánh sáng phản xạ chiếu thẳng vào camera phía trước
- Khi độ sáng của khu vực xung quanh thay đổi đột ngột
- Khi lái xe gần đài phát sóng vô tuyến, trạm phát sóng radiô, các xe

được trang bị ra đa hoặc các vị trí khác có phát ra sóng rađiô mạnh hoặc có nhiễu điện

- Khi lưỡi gạt nước đang che khuất camera phía trước
- Khi ở trong địa điểm hoặc những vật thể ở gần phát ra sóng rađiô mạnh, như những trường hợp sau đây:
  - Đường hầm
  - Cầu giàn
  - Đường rải sỏi
  - Đường phủ đầy tuyết
  - Bức tường
  - Xe tải lớn
  - Nắp cống
  - Giải phân cách
  - Tấm thép
- Khi gần bậc thang hoặc chỗ lồi
- Nếu xe phía trước nhỏ hẹp, như xe di động cá nhân
- Khi xe phía trước có đầu hoặc đuôi xe nhỏ, như xe tải không chất hàng
- Khi xe phía trước có đầu hoặc đuôi xe thấp, như xe kéo moóc sàn phẳng loại thấp



- Khi xe phía trước có khoảng sáng gầm xe quá cao



- Khi xe phía trước chở theo hàng chìa ra khỏi khu vực chở hàng của nó
- Khi xe phía trước có phần kim loại lộ ra như xe được che một phần bằng vải, vv..
- Nếu xe phía trước có hình dạng bất thường, như xe đầu kéo, di động cá nhân, vv...
- Khi khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước là quá ngắn
- Khi xe phía trước có hình dạng góc nhọn
- Khi tuyết, bùn... dính vào một xe khác
- Khi đang lái trên các loại đường như sau:
  - Đường có nhiều đoạn gấp khúc và ngoằn ngoèo
  - Đường có thay đổi về độ cao, chẳng hạn như nghiêng hoặc dốc đột ngột
  - Đường bị nghiêng sang bên trái hoặc bên phải
  - Đường có rãnh sâu
  - Đường gồ ghề và đường xấu
  - Đường nhấp nhô và gập ghềnh
- Khi người lái điều khiển vô lăng thường xuyên và đột ngột
- Khi xe không ở trong cùng một làn xe liên tục
- Khi các chi tiết liên quan đến hệ thống này, các phanh… quá lạnh hoặc quá nóng, bị ướt...
- Khi bánh xe bị lệch
- Khi đang lái xe trên mặt đường trơn trượt, chẳng hạn như khi đường bị bị bao phủ bởi tuyết, sỏi, v.v...
- Khi đường cong dự kiến của xe khác với hình cong của đường
- Khi tốc độ xe quá cao khi vào cua
- Khi vào/ ra khoang đỗ xe, ga ra, hoặc thang máy ô tô, vv...
- Khi đỗ xe trong khoang đỗ xe
- Khi lái xe đi qua các vật có thể chạm vào xe, như đám cỏ dày, các cành cây hoặc các băng rôn, tấm rèm, vv...
- Khi lái xe trong điều kiện gió mạnh

n **Những tình huống sau có thể không phát hiện được làn đường**

l Khi làn đường quá rộng hoặc quá hẹp

l Ngay sau khi chuyển làn hoặc đi qua giao lộ

l Khi lái xe trên làn đường tạm hoặc làn đường hạn chế xe do vướng công trình xây dựng

l Khi có bóng của làn đường tương tự như các vạch làn đường xung quanh

l Khi có nhiều vạch trắng cho một vạch kẻ làn đường

l Khi các vạch làn đường bị mờ hoặc khi lái xe trên mặt đường bị ướt

l Khi vạch phân làn trên đường cong

l Khi lái xe trên đường bị chói, phản chiếu, ví dụ như đường bằng bê tông

n **Các tình huống mà một vài chức năng hoặc tất cả các chức năng của hệ thống không thể hoạt động**

l Khi phát hiện được lỗi trong hệ thống này hoặc hệ thống liên quan, như hệ thống phanh, lái, vv...

l Khi hệ thống VSC, TRC hoạt động hoặc các hệ thống an toàn liên quan khác đang hoạt động

l Khi hệ thống VSC, Active TRC hoặc các hệ thống an toàn liên quan khác tắt

n **Sự thay đổi về âm thanh hoạt động hoặc phản hồi của bàn đạp phanh**

l Khi các phanh được vận hành, có thể nghe thấy tiếng kêu hoạt động của phanh và phản hồi của bàn đạp phanh có thể thay đổi, nhưng đó không phải là dấu hiệu của hư hỏng.

l Khi hệ thống đang hoạt động, bàn đạp phanh có thể bị cứng hoặc bị lún phanh. Có thể nhấn được bàn đạp phanh hơn nữa ở một trong hai tình huống này Hãy nhấn bàn đạp phanh thêm khi cần.

PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm)*

*: Nếu có

Hệ thống cảnh báo tiền va chạm sử dụng các cảm biến để phát hiện các vật thể (→P.277) trên đường đi của xe. Khi hệ thống xác định rằng khả năng xảy ra va chạm trực diện với một vật thể có thể phát hiện được là cao, một cảnh báo sẽ được phát ra để thúc giục người lái thao tác kịp thời và áp suất phanh sẽ được tăng lên để giúp người lái xe tránh va chạm. Nếu hệ thống xác định rằng khả năng xảy ra va chạm là rất cao, phanh sẽ tự động được gài để giúp tránh xảy ra va chạm hoặc giúp giảm tác động của lực va chạm.

Có thể bật/tắt hệ thống cảnh báo tiền va chạm và có thể thay đổi thời điểm cảnh báo. (→P.285)

Tùy thuộc vào kiểu xe mà chức năng trên xe sẽ là khác nhau đối với từng quốc gia/khu vực. Để biết thêm chi tiết, hãy kiểm tra các vật thể phát hiện và danh sách các chức năng.

⚠ CẢNH BÁO

n **Để lái xe an toàn**

l Lái xe an toàn hoàn toàn là trách nhiệm của người lái xe. Hãy chú ý đến các điều kiện xung quanh để đảm bảo lái xe an toàn.

Không bao giờ sử dụng hệ thống cảnh báo tiền va chạm thay cho các thao tác phanh thông thường. Hệ thống này không thể giúp tránh hoặc giảm tác động của va chạm trong mọi tình huống. Việc quá phụ thuộc vào hệ thống này để điều khiển xe một cách an toàn có thể dẫn đến tai nạn gây ra tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

l Mặc dù hệ thống cảnh báo tiền va chạm được thiết kế nhằm tránh va chạm hoặc giúp giảm lực va chạm, hiệu quả của nó có thể thay đổi theo các điều kiện khác nhau. Do đó, khó có thể luôn đạt được cùng một mức độ hoạt động giống nhau.

Hãy đọc các thông tin sau một cách cẩn thận. Không được quá phụ thuộc vào hệ thống này và luôn lái xe cẩn thận.

• Để lái xe an toàn: →P.270

n **Khi vô hiệu hóa hệ thống cảnh báo tiền va chạm**

l Khi cần vô hiệu hóa hệ thống →P.270

Các vật thể và các chức năng khả dụng

Hệ thống có thể nhận biết những đối tượng sau đây là những vật thể

được phát hiện. (Các vật thể được phát hiện sẽ khác nhau tùy thuộc vào các chức năng.)

Các phiên bản của hệ thống PCS	Vật có thể phát hiện	Những chức năng có ở trên xe	Khu vực/thị trường
1	• Các xe • Xe đạp*1 • Người đi bộ • Xe gắn máy*1	Chức năng cảnh báo tiền va chạm, chức năng hỗ trợ phanh tiền va chạm, chức năng phanh tiền va chạm, điều khiển hệ thống treo*3	Belize, Costa Rica, Cộng hòa Dominica, Guatemala, Haiti, Honduras, Nicaragua, Panama, Trinidad & Tobago, Bahama, Jamaica, Barbados, Antigua, St. Lucia, St.Vincent, St.Kitts, Bolivia, Colombia, Ecuador, Guyana, Aruba, Curacao, Suriname, Paraguay, St.Maarten, Ai Cập, Iraq, Jordan, Liban, Yemen, Miến Điện, Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Việt Nam, Philippines, Argentina, Montserrat, Indonesia, Mông Cổ, El Salvador

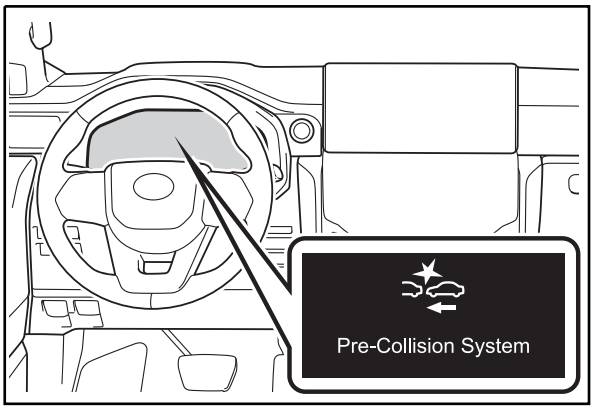
Các quốc gia và khu vực của mỗi khu vực được liệt kê trong bảng hiện tại tính đến tháng 11 năm 2024. Tuy nhiên, tùy thuộc vào thời điểm bán xe, các quốc gia và khu vực của mỗi khu vực có thể khác nhau. Liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin chi tiết.

Các chức năng của hệ thống

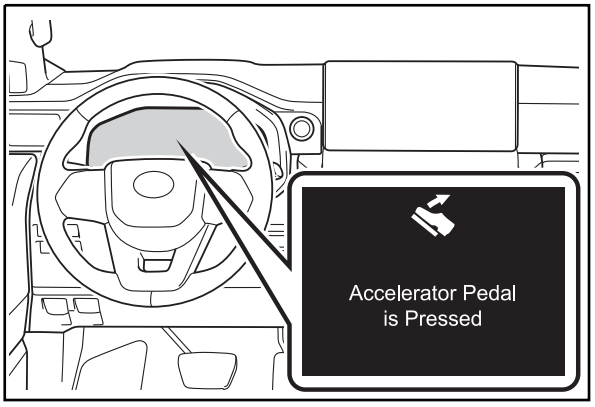
n Cảnh báo tiền va chạm

Khi hệ thống xác định rằng khả năng xảy ra va chạm là cao, chuông báo sẽ kêu, một biểu tượng và một cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin để thúc giục người lái có hành động điều khiển xe để tránh va chạm.

Nếu vật thể được phát hiện là một xe cơ giới, có thể có trường hợp hệ thống sẽ phanh xe với lực phanh vừa phải và kèm theo cảnh báo.



Nếu hệ thống xác định rằng người lái đang đạp mạnh chân ga, thì một biểu tượng và một thông báo sau sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.



n Hệ thống hỗ trợ phanh tiền va chạm

Nếu hệ thống xác định rằng khả năng xảy ra va chạm là cao và người lái đạp phanh không đủ mạnh, hệ thống sẽ tăng lực phanh lên.

n Điều khiển phanh tiền va chạm

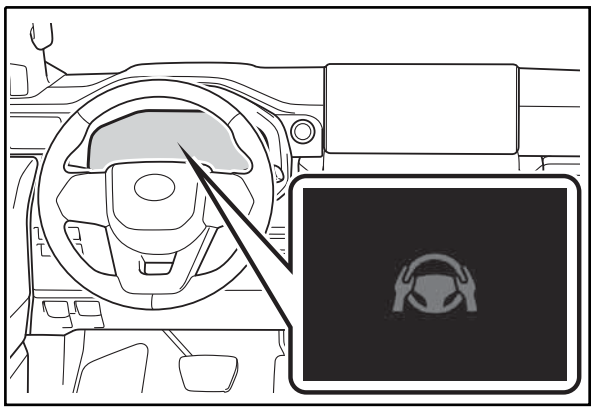
Nếu hệ thống xác định rằng khả năng xảy ra va chạm là rất cao, hệ thống phanh sẽ tự động hoạt động để giúp cho xe tránh bị va chạm hoặc làm giảm lực va chạm.

n Hỗ trợ đánh lái khẩn cấp

Nếu hệ thống xác định rằng các điều kiện sau đã được thỏa mãn, hệ thống sẽ hỗ trợ để giúp tăng cường độ ổn định của xe và tránh cho xe không bị đi lệch làn đường. Trong quá trình hỗ trợ, ngoài cảnh báo tiền va chạm, thì biểu tượng sau sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

- Khả năng xảy ra va chạm là cao
- Có đủ không gian trong làn đường để thực hiện các thao tác đánh lái tránh va chạm
- Người lái xe đang điều khiển vô lăng

Trong quá trình hỗ trợ, hệ thống cảnh báo tiền va chạm sẽ hoạt động và một thông báo sẽ được hiển thị để cảnh báo cho người lái.



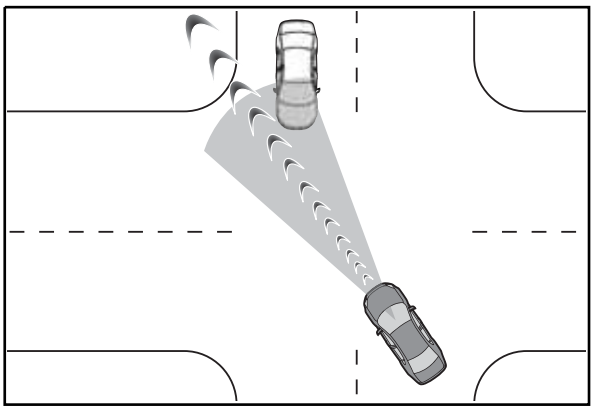
n Hỗ trợ tránh va chạm tại giao lộ (rẽ trái/rẽ phải)

Trong những tình huống như sau, nếu hệ thống xác định rằng khả năng xảy ra va chạm là cao, thì chức năng cảnh báo tiền va chạm và chức năng phanh tiền

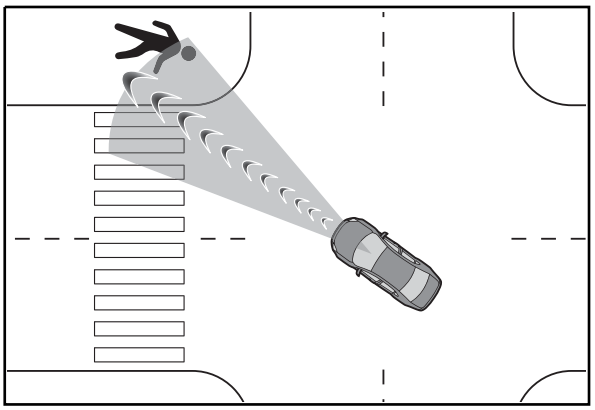
va chạm sẽ hoạt động.

Tùy thuộc vào giao lộ, mà chức năng hỗ trợ có thể sẽ hoạt động không chính xác.

- Khi xe rẽ trái/rẽ phải tại giao lộ và cắt ngang qua lộ trình của xe đang chạy tới



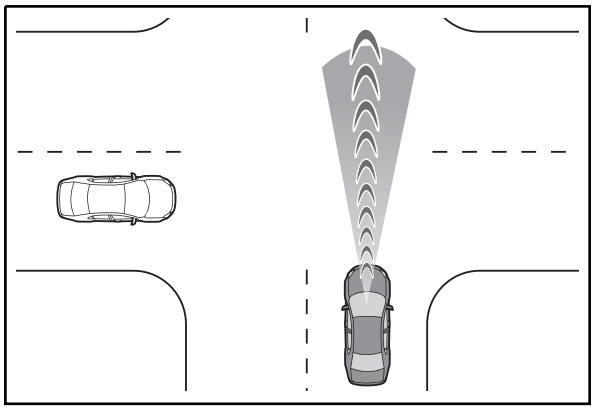
- Khi xe rẽ trái/rẽ phải và phát hiện người đi bộ hoặc xe đạp



n Hỗ trợ tránh va chạm tại giao lộ (vượt các xe khác)

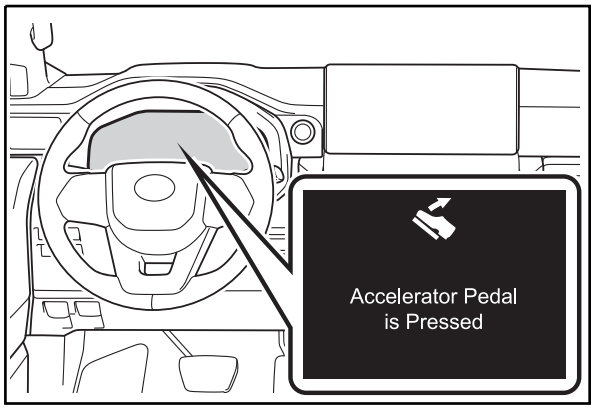
Tại một giao lộ... nếu hệ thống xác định rằng có khả năng xảy ra va chạm với một xe ô tô hoặc xe mô tô đang đến gần, thì cảnh báo tiền va chạm và phanh tiền va chạm sẽ hoạt động.

Tùy thuộc vào giao lộ, mà chức năng hỗ trợ có thể sẽ hoạt động không chính xác.



n Hạn chế tăng tốc ở tốc độ thấp

Khi lái xe ở tốc độ thấp, nếu người lái đạp mạnh chân ga và hệ thống xác định có khả năng xảy ra va chạm, thì công suất đầu ra của động cơ sẽ bị hạn chế hoặc hệ thống phanh sẽ tác dụng nhẹ để hạn chế khả năng tăng tốc của xe. Trong quá trình hoạt động, chuông cảnh báo sẽ kêu, đồng thời một đèn cảnh báo và một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.



n Điều khiển hệ thống treo (nếu có)

Khi hệ thống xác định rằng khả năng xảy ra va chạm là cao, thì hệ thống AVS (→P.458) sẽ điều khiển lực giảm chấn của hệ thống giảm xóc để giúp duy trì

trạng thái phù hợp của xe.

CẢNH BÁO

n **Phanh tiền va chạm**

l Khi chức năng phanh tiền va chạm đang hoạt động, một lực phanh lớn sẽ được áp dụng.

l Chức năng phanh tiền va chạm không được thiết kế để giữ cho xe dừng. Nếu xe đã dừng lại nhờ hoạt động của phanh tiền va chạm, người lái nên chủ động điều khiển hệ thống phanh xe ngay lập tức khi cần.

l Chức năng phanh tiền va chạm có thể không hoạt động được nếu người lái thực hiện các hoạt động nhất định. Nếu đạp mạnh bàn đạp ga hoặc xoay vô lăng, hệ thống có thể xác định rằng người lái đang có thao tác kịp thời và có thể ngăn chức năng phanh tiền va chạm khỏi hoạt động.

l Nếu người lái đạp phanh, thì hệ thống có thể sẽ xác định rằng người lái đang thực hiện hành động điều khiển để tránh va chạm và có thể sẽ trì hoãn thời điểm hoạt động của hệ thống điều khiển phanh tiền va chạm.

n **Hạn chế tăng tốc ở tốc độ thấp**

Nếu vô lăng được xoay đi, hệ thống có thể sẽ xác định rằng người lái đang thực hiện thao tác điều khiển tránh va chạm và có thể sẽ ngăn hoạt động của chức năng hạn chế tăng tốc ở tốc độ thấp hoặc có thể khiến hoạt động của nó bị hủy.

n **Hỗ trợ đánh lái khẩn cấp**

l Tính năng hỗ trợ đánh lái khẩn cấp sẽ bị hủy bỏ khi hệ thống xác định rằng việc điều khiển ngăn đi lệch làn đường đã được hoàn thành.

l Tùy thuộc vào thao tác điều khiển do người lái thực hiện, mà hệ thống hỗ trợ đánh lái khẩn cấp có thể sẽ không hoạt động hoặc hoạt động có thể sẽ bị hủy bỏ.

- Nếu người lái đạp mạnh chân ga, đánh lái gấp, đạp chân phanh hoặc gạt cần điều khiển xi nhan, thì hệ thống có thể sẽ xác định rằng người lái đang có hành động để tránh va chạm và hệ thống hỗ trợ đánh lái khẩn cấp có thể sẽ không hoạt động.
- Trong khi hỗ trợ đánh lái khẩn cấp đang hoạt động, nếu người lái đạp mạnh chân ga, đánh lái gấp hoặc đạp chân phanh, thì hệ thống có thể sẽ xác định rằng người lái đang có hành động để tránh va chạm và hệ thống hỗ trợ đánh lái khẩn cấp có thể sẽ không hoạt động.
- Trong khi hệ thống hỗ trợ đánh lái khẩn cấp đang hoạt động, nếu người lái giữ vô lăng hoặc đánh lái theo hướng ngược lại với điều khiển của hệ thống, thì hoạt động hỗ trợ đánh lái khẩn cấp sẽ được hủy.

n Điều kiện hoạt động của các chức năng của hệ thống cảnh báo tiền va chạm

Hệ thống cảnh báo tiền va chạm đang bật và hệ thống xác định rằng nguy cơ xảy ra va chạm phía trước với vật thể được phát hiện là cao.

Tuy nhiên, hệ thống sẽ không hoạt động trong các trường hợp sau:

- Khi không lái xe trong một thời gian nhất định sau khi một điện cực của ắc quy đã được tháo ra và nối lại
- Khi cần số đang ở vị trí R
- Khi đèn chỉ báo OFF hệ thống VSC sáng lên (chỉ có chức năng cảnh báo tiền va chạm hoạt động)

Dưới đây là tốc độ hoạt động và các điều kiện hủy của từng chức năng:

- Cảnh báo tiền va chạm

Các phiên bản của hệ thống PCS	Vật có thể phát hiện	Tốc độ xe	Tốc độ tương đối giữa xe và vật thể
1	Các xe phía trước, các xe đang dừng	Khoảng từ 5 đến 180 km/h	Khoảng từ 5 đến 180 km/h
1	Xe đạp	Khoảng từ 5 đến 80 km/h	Khoảng từ 5 đến 80 km/h
1	Người đi bộ	Khoảng từ 5 đến 80 km/h	Khoảng từ 5 đến 80 km/h
1	Các xe mô tô phía trước, các xe mô tô đang dừng	Khoảng từ 5 đến 80 km/h	Khoảng từ 5 đến 80 km/h

Trong khi hệ thống cảnh báo tiền va chạm đang hoạt động, nếu người lái đánh lái mạnh hoặc đột ngột, thì chức năng cảnh báo tiền va chạm trước có thể sẽ được hủy.

- Hệ thống hỗ trợ phanh tiền va chạm

Các phiên bản của hệ thống PCS	Vật có thể phát hiện	Tốc độ xe	Tốc độ tương đối giữa xe và vật thể
1	Các xe phía trước, các xe đang dừng	Khoảng từ 30 đến 180 km/h	Khoảng từ 10 đến 180 km/h
1	Xe đạp	Khoảng từ 30 đến 80 km/h	Khoảng từ 30 đến 80 km/h
1	Người đi bộ	Khoảng từ 30 đến 80 km/h	Khoảng từ 30 đến 80 km/h
1	Các xe mô tô phía trước, các xe mô tô đang dừng	Khoảng từ 30 đến 80 km/h	Khoảng từ 10 đến 80 km/h

l Phanh tiền va chạm

Các phiên bản của hệ thống PCS	Vật có thể phát hiện	Tốc độ xe	Tốc độ tương đối giữa xe và vật thể
1	Các xe phía trước, các xe đang dừng	Khoảng từ 5 đến 180 km/h	Khoảng từ 5 đến 180 km/h
1	Xe đạp	Khoảng từ 5 đến 80 km/h	Khoảng từ 5 đến 80 km/h
1	Người đi bộ	Khoảng từ 5 đến 80 km/h	Khoảng từ 5 đến 80 km/h
1	Các xe mô tô phía trước, các xe mô tô đang dừng	Khoảng từ 5 đến 80 km/h	Khoảng từ 5 đến 80 km/h

Nếu một trong những điều sau đây xảy ra khi chức năng phanh tiền va chạm đang hoạt động, nó sẽ bị hủy:

- Người lái đạp mạnh chân ga
- Người lái đánh lái mạnh hoặc đột ngột

n **Phát hiện các vật thể**

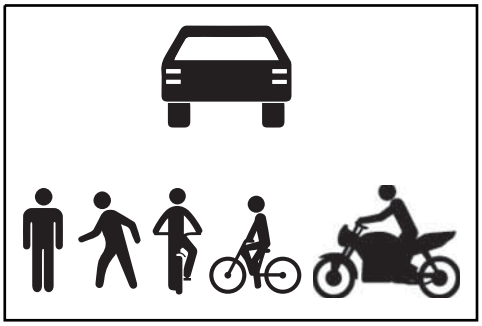
Các đối tượng được hệ thống phát hiện dựa trên kích thước, hình dạng và chuyển động của chúng.

Tùy thuộc vào độ sáng của môi trường xung quanh, chuyển động, tư

thế và hướng của đối tượng, mà nó có thể sẽ không được phát hiện và hệ thống có thể sẽ hoạt động không chính xác.

Hệ thống sẽ phát hiện các hình dạng, chẳng hạn như các trường hợp sau, là các vật thể có thể phát hiện.

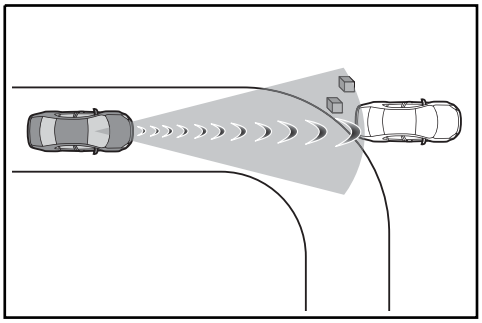
l PCS phiên bản 1



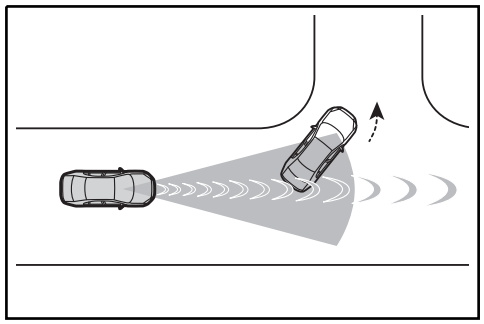
n Các trường hợp mà hệ thống có thể sẽ hoạt động mặc dù khả năng xảy ra va chạm là không cao

l Trong một số trường hợp nhất định, chẳng hạn như sau, hệ thống có thể xác định rằng khả năng xảy ra va chạm là cao và hoạt động:

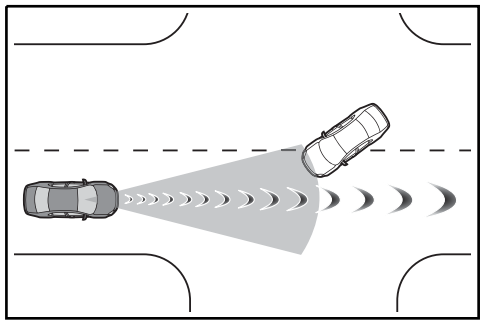
- Khi vượt qua một vật thể mà hệ thống có thể phát hiện được
- Khi chuyển làn đường trong khi đang vượt qua một vật thể mà hệ thống có thể phát hiện được
- Khi đột ngột tiến đến gần một vật thể mà hệ thống có thể phát hiện được
- Khi tiến đến gần một vật thể mà hệ thống có thể phát hiện được hoặc các vật thể khác nằm ở bên đường, chẳng hạn như lan can, cột điện, cây cối, bức tường...
- Khi có vật thể nằm trên lề đường, ngay chỗ khúc cua



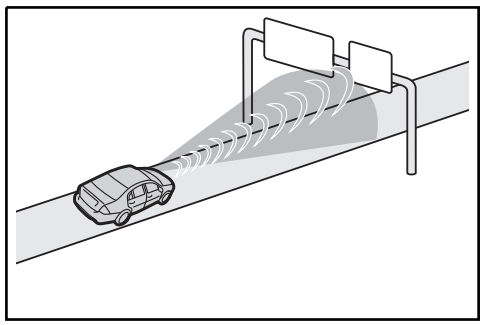
- Khi có các mẫu hoa văn hoặc bức vẽ ở phía trước của xe mà hệ thống có thể bị nhầm với một vật thể có thể phát hiện được
- Khi vượt qua một vật thể phát hiện mà vật thể đó đang chuyển làn hoặc rẽ trái/rẽ phải



- Khi vượt qua một vật thể phát hiện mà vật thể đó đang dừng lại để rẽ trái/rẽ phải



- Khi một vật thể phát hiện dừng lại ngay lập tức trước khi đi vào đường đi của xe
- Khi đi qua vị trí có các công trình nằm ở phía trên cao so với mặt đường (biển báo giao thông, biển quảng cáo...)



- Khi đến gần thanh chắn của trạm thu phí, hàng rào của điểm đỗ xe hoặc các kiểu hàng rào khác đang mở ra và đóng vào

n Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác

l Trong một số trường hợp nhất định, như các trường hợp sau, các cảm

biến phía trước có thể sẽ không phát hiện được một vật thể và hệ thống có thể sẽ không hoạt động chính xác:

- Khi vật thể được phát hiện đang tiến gần đến xe bạn
- Khi xe của bạn hoặc một vật thể được phát hiện đang di chuyển không ổn định
- Khi một vật thể đang thực hiện một hành động đột ngột (chẳng hạn như đổi hướng đột ngột, tăng tốc hoặc giảm tốc đột ngột)
- Khi đột ngột tiến đến gần một vật thể mà hệ thống có thể phát hiện được
- Khi một vật thể nằm ở gần một bức tường, hàng rào, lan can, nắp cống, tấm thép trên mặt đường hoặc một xe khác
- Khi có một công trình nằm ở phía trên một vật thể
- Khi một phần của vật thể được bị che khuất bởi một vật khác (hành lý lớn, ô che nắng, lan can...)
- Khi nhiều vật thể được nằm chồng lên nhau
- Khi một luồng sáng chói, chẳng hạn như ánh sáng mặt trời, bị phản chiếu từ một vật thể phát hiện
- Khi một vật thể có thể phát hiện được có màu trắng và có độ sáng rất cao
- Khi màu sắc hoặc độ sáng của một vật thể làm cho nó lẫn với môi trường xung quanh
- Khi một vật thể có thể phát hiện được chạy cắt ngang hoặc đột ngột xuất hiện trước đầu xe của bạn
- Khi đang tiến đến gần một xe khác ở một góc chéo
- PCS phiên bản 1: Nếu xe chạy phía trước là xe đạp cỡ nhỏ, đang chở theo một món hàng lớn, chở theo một người khác hoặc có hình dạng bất thường (xe đạp có lắp ghế trẻ em, xe đạp đôi...)
- PCS phiên bản 1: Nếu người đi bộ hoặc xe đạp thấp hơn khoảng 1 m hoặc cao hơn khoảng 2 m.
- Khi hình dáng của người đi bộ hoặc xe đạp không rõ ràng (chẳng hạn như khi đang mặc áo mưa, váy dài...)
- Khi người đi bộ cúi người về phía trước hoặc ngồi xổm
- Khi người đi bộ hoặc đi xe đạp đang di chuyển với tốc độ cao
- Khi người đi bộ đang đẩy xe hàng, xe lăn, xe đạp hoặc các kiểu xe khác
- Khi một vật thể bị lẫn với môi trường xung quanh, chẳng hạn như khi trời nhá nhem (lúc bình minh hoặc hoàng hôn) hoặc tối đen (vào ban đêm hoặc trong đường hầm)
- Khi xe không được lái trong một khoảng thời gian nhất định sau khi khởi động động cơ
- Trong khi rẽ trái/rẽ phải hoặc vài giây sau khi rẽ trái/rẽ phải
- Khi đang lái xe quanh khúc cua và vài giây sau khi lái xe quanh khúc cua

Thay đổi cài đặt của hệ thống cảnh báo tiền va chạm

- Có thể bật/tắt hệ thống cảnh báo tiền va chạm thông qua chức năng cài đặt tùy chọn cá nhân. (→P.669)

Hệ thống sẽ được kích hoạt mỗi khi bật công tắc động cơ ON.

- Khi hệ thống bị vô hiệu hóa, đèn cảnh báo PCS sẽ sáng lên và một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.
- Có thể thay đổi các cài đặt của hệ thống cảnh báo tiền va chạm trên phần cài đặt tùy chọn cá nhân. (→P.669)
- Nếu thời điểm cảnh báo tiền va chạm bị thay đổi, thì thời điểm hỗ trợ lái khẩn cấp cũng thay đổi tương ứng.

Khi chọn  (Later), thì chức năng hỗ trợ đánh lái khẩn cấp sẽ không hoạt động trong hầu hết các trường hợp.

- Khi chức năng điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa đang hoạt động, thì chức năng cảnh báo tiền va chạm sẽ hoạt động ở thời điểm  (sớm hơn), bất kể cài đặt của người dùng.

LTA (Hỗ trợ bám làn đường)*

*: Nếu có

Chức năng LTA

- Khi lái xe trên đường có vạch làn đường trong suốt với hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa đang hoạt động, các vạch làn đường và các xe phía trước và các xe xung quanh được phát hiện bởi camera phía trước và cảm biến ra đa, và vô lăng được vận hành để duy trì xe ở trong vị trí làn xe.

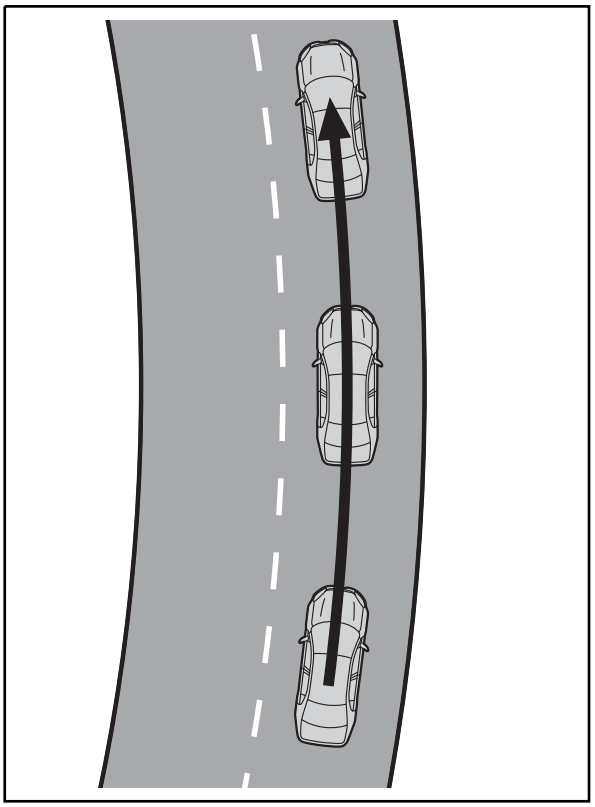
Chỉ sử dụng chức năng này trên đường cao tốc.

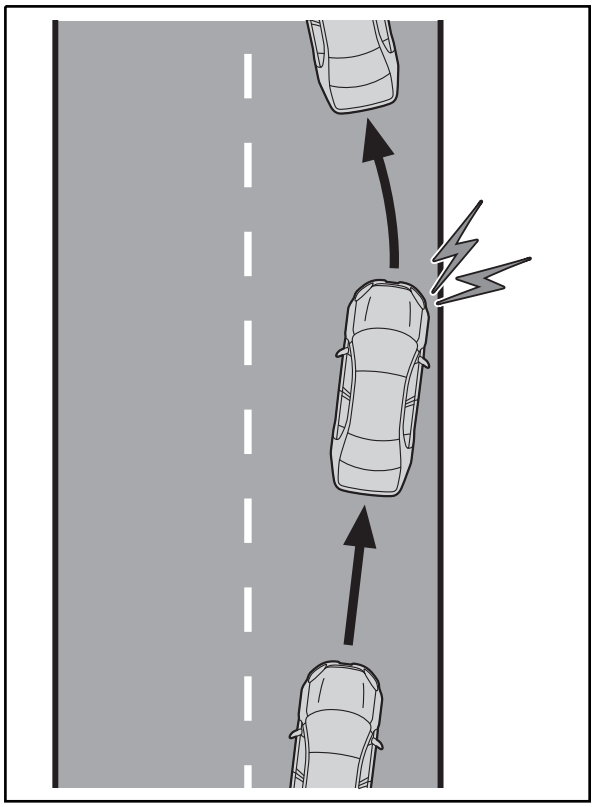
Nếu hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa không hoạt động, chức này cũng sẽ không hoạt động.

Trong những trường hợp khó phát hiện hoặc không tìm thấy các vạch làn đường, như khi bị tắc đường, chức năng này sẽ hoạt động bằng cách sử dụng đường đi của xe phía trước và của xe xung quanh.

Nếu hệ thống xác định rằng người lái đã không điều khiển vô lăng trong một khoảng thời gian nhất định hoặc vô lăng không được nắm chắc, thì hệ thống sẽ cảnh báo người lái và chức năng này sẽ tạm thời bị hủy.

Nếu vô lăng đã được nắm chắc, chức năng này sẽ bắt đầu hoạt động lại.





- Khi chức năng đang hoạt động, nếu xe có khả năng đi ra khỏi làn của nó, người lái xe sẽ được cảnh báo qua màn hình hoặc chuông báo.

Khi chuông báo kêu, hãy kiểm tra các khu vực xung quanh xe và điều khiển vô lăng thật cẩn thận để đưa xe trở lại vị trí giữa làn.

CẢNH BÁO

n **Trước khi sử dụng hệ thống LTA**

l Đừng quá lệ thuộc vào hệ thống LTA. Hệ thống LTA không phải là một hệ thống cung cấp sự hỗ trợ tự động khi lái xe và nó không phải là một hệ thống giúp giảm sự chú ý cần thiết của người lái để lái xe an toàn. Người lái xe hoàn toàn chịu trách nhiệm chú ý đến môi trường xung quanh và điều khiển vô lăng khi cần thiết để đảm bảo lái xe an toàn. Ngoài ra, người lái xe có trách nhiệm nghỉ ngơi đầy đủ khi mệt mỏi, chẳng hạn như khi lái xe trong thời gian dài.

l Nếu không tập trung khi lái xe và thao tác lái xe không chính xác có thể dẫn đến tai nạn.

l Khi không sử dụng hệ thống LTA, hãy tắt nó bằng công tắc LTA.

n Điều kiện hoạt động của chức năng

Chức năng này sẽ hoạt động khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Hệ thống LTA sẽ phát hiện các vạch làn đường hoặc hành trình của các xe đi phía trước hoặc xe xung quanh.
- Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa đang hoạt động.
- Chiều rộng làn đường từ 3 đến 4 m.
- Không vận hành công tắc xi nhan.
- Xe không đi quanh một khúc cua gấp.
- Xe không tăng ga hoặc giảm ga nhiều hơn mức nhất định.
- Không được đánh lái mạnh.
- Cảnh báo người lái bỏ tay ra khỏi vô lăng (→P.288) không hoạt động.
- Lái xe ở giữa làn đường.

n Hủy bỏ tạm thời các chức năng

- Khi các điều kiện hoạt động không được thỏa mãn, chức năng này có thể tạm thời bị hủy. Tuy nhiên, khi các điều kiện hoạt động lại được thỏa mãn, thì chức năng này sẽ tự động phục hồi lại. (→P.288)
- Nếu các điều kiện hoạt động không được thỏa mãn trong khi chức năng đang hoạt động, chuông báo có thể kêu để chỉ ra rằng chức năng tạm thời bị hủy.
- Hoạt động hỗ trợ lái của chức năng có thể bị lấn át bởi hoạt động đánh lái của người lái.

n Chức năng cảnh báo lệch làn đường khi LTA đang hoạt động.

- Ngay cả khi phương pháp cảnh báo của LDA được chuyển thành rung vô lăng, nếu xe đi lệch ra khỏi làn đường trong khi LTA đang hoạt động, thì chuông cảnh báo sẽ kêu để báo cho người lái.
- Nếu phát hiện được hoạt động đánh lái tương đương với thao tác cần thiết để thay đổi làn đường, hệ thống sẽ đánh giá rằng xe không di chuyển lệch làn đường và sẽ không kích hoạt cảnh báo.

n Hoạt động cảnh báo người lái bỏ tay ra khỏi vô lăng

- Khi hệ thống xác định người lái đang không cầm vào vô lăng, một thông báo nhắc nhở người lái nắm vô lăng và biểu tượng như trong hình minh họa sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin để cảnh báo người lái. Nếu hệ thống phát hiện thấy người lái đã cầm vào vô lăng, thì cảnh báo sẽ tắt đi. Khi sử dụng hệ thống, hãy đảm bảo nắm chắc vô lăng, bất kể chức năng cảnh báo có đang hoạt động hay không.



- Nếu không phát hiện thấy có hoạt động nào được thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định, thì chức năng cảnh báo sẽ hoạt động và chức năng này sẽ tạm thời bị hủy. Cảnh báo này cũng có thể sẽ hoạt động nếu người lái liên tục vận hành vô lăng với lực rất nhỏ.

n Các tình huống mà chức năng cảnh báo người lái bỏ tay ra khỏi vô lăng có thể sẽ hoạt động không chính xác

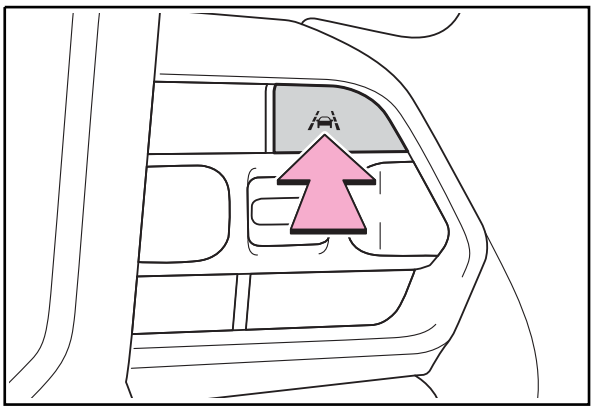
- Tùy thuộc vào tình trạng của xe, tình trạng điều khiển của người lái và điều kiện đường sá, chức năng cảnh báo có thể sẽ không hoạt động.

Kích hoạt/vô hiệu hóa hệ thống

Hệ thống LTA sẽ thay đổi giữa

ON/OFF mỗi khi ấn công tắc LTA.

Khi hệ thống LTA ở ON, thì đèn chỉ báo LTA sẽ sáng lên.

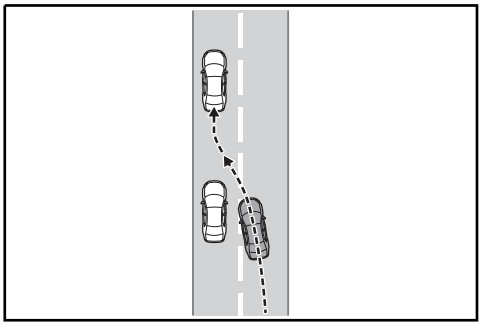


CẢNH BÁO

n **Các trường hợp mà các chức năng có thể sẽ hoạt động bất thường**

Trong các trường hợp sau, các chức năng hỗ trợ có thể sẽ hoạt động bất thường và xe có thể sẽ đi lệch khỏi làn đường của mình. Không được quá tin tưởng vào các chức năng này. Người lái xe phải hoàn toàn chịu trách nhiệm chú ý đến môi trường xung quanh và điều khiển vô lăng khi cần thiết để đảm bảo an toàn.

- Khi xe chạy phía trước hoặc xe xung quanh chuyển làn (Xe của bạn có thể sẽ chạy theo xe chạy phía trước hoặc xe xung quanh cũng chuyển làn theo)



- Khi xe chạy phía trước hoặc xe xung quanh lắc lư (Xe của bạn có thể sẽ lắc lư theo và bị lệch ra khỏi làn đường)
- Khi xe chạy phía trước hoặc xe xung quanh chạy ra khỏi làn đường (Xe của bạn có thể sẽ chạy theo xe chạy phía trước hoặc xe xung quanh cũng chạy ra khỏi làn đường theo)
- Khi xe chạy phía trước hoặc xe đang chạy rất sát với vạch kẻ làn đường bên trái/bên phải (Xe của bạn có thể sẽ chạy theo xe phía trước hoặc xe xung quanh và bị đi lệch ra khỏi làn đường đang chạy)
- Khi có một vật thể hoặc một công trình chuyển động ở xung quanh xe (Tùy thuộc vào vị trí của vật thể hoặc công trình đó so với xe của bạn, mà xe của bạn có thể sẽ bị lắc theo)
- Khi xe bị tạt bởi gió ngang hoặc sự hỗn loạn của các xe khác ở gần
- Những tình huống có thể làm cho các cảm biến hoạt động không chính xác: →P.274
- Các trường hợp mà hệ thống có thể sẽ không phát hiện được làn đường: →P.276
- Khi cần vô hiệu hóa hệ thống →P.270

Hiển thị hoạt động hỗ trợ điều khiển vô lăng

Trạng thái hoạt động của hệ thống LTA được hiển thị.

Đèn chỉ báo	Hiển thị làn đường	Biểu tượng vô lăng	Tình huống
 Trắng	 Ghi xám/Trắng	 Màu xám	Hệ thống LTA đang ở chế độ chờ
 Màu xanh lá	 Màu xanh lá	 Màu xanh lá	Hệ thống LTA đang hoạt động
 Màu vàng Nháy	 Màu vàng Nháy	 Màu xanh lá	Xe đang đi lệch ra khỏi làn đường, về phía đang nhấp nháy của màn hình chỉ báo làn đường

LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn)*

*: Nếu có

Các chức năng cơ bản

Hệ thống LDA sẽ cảnh báo người lái nếu xe có thể đi chệch làn đường hoặc hành trình hiện tại*, đồng thời nó có thể sẽ vận hành nhẹ vô lăng để tránh đi chệch làn đường hoặc hành trình*.

Camera phía trước được sử dụng để phát hiện các vạch kẻ làn đường hoặc hành trình*.

*: Ranh giới giữa đường nhựa và cỏ, đất... hoặc các công trình, chẳng hạn như lề đường, lan can...

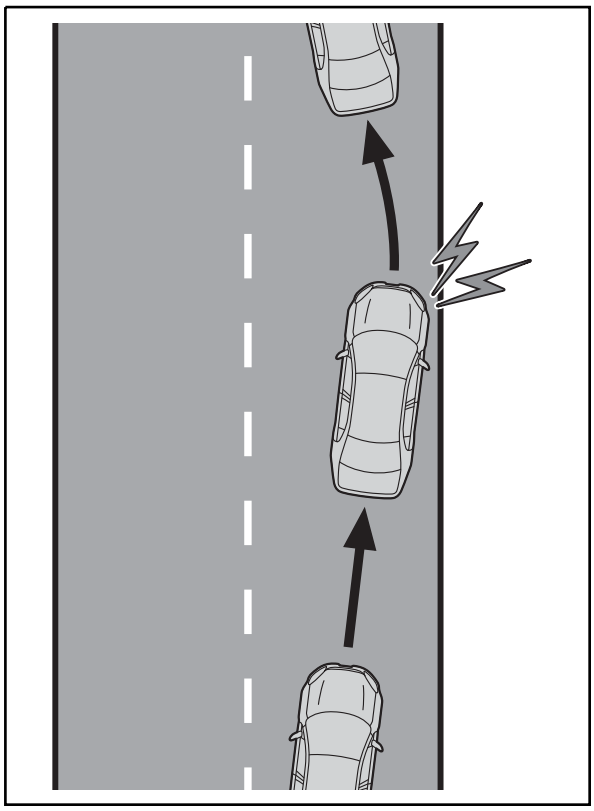
n Chức năng cảnh báo chạy lệch làn đường

Khi hệ thống xác định rằng xe có thể bị lệch khỏi làn đường hoặc hành trình của nó*, thì một cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình và chuông cảnh báo sẽ kêu hoặc vô lăng rung lên để cảnh báo cho người lái.

Hãy kiểm tra khu vực xung quanh xe của bạn và điều khiển vô lăng thật cẩn thận để đưa xe trở lại chính giữa làn đường hoặc hành trình*.

Xe có hệ thống BSM: Nếu hệ thống xác định rằng xe có thể sẽ va chạm với một xe khác ở làn đường bên cạnh, thì cảnh báo đi lệch làn đường sẽ hoạt động ngay cả khi đèn xi nhan đang hoạt động.

*: Ranh giới giữa đường nhựa và cỏ, đất... hoặc các công trình, chẳng hạn như lề đường, lan can...



n Chức năng hỗ trợ ngăn đi lệch làn đường (nếu có)

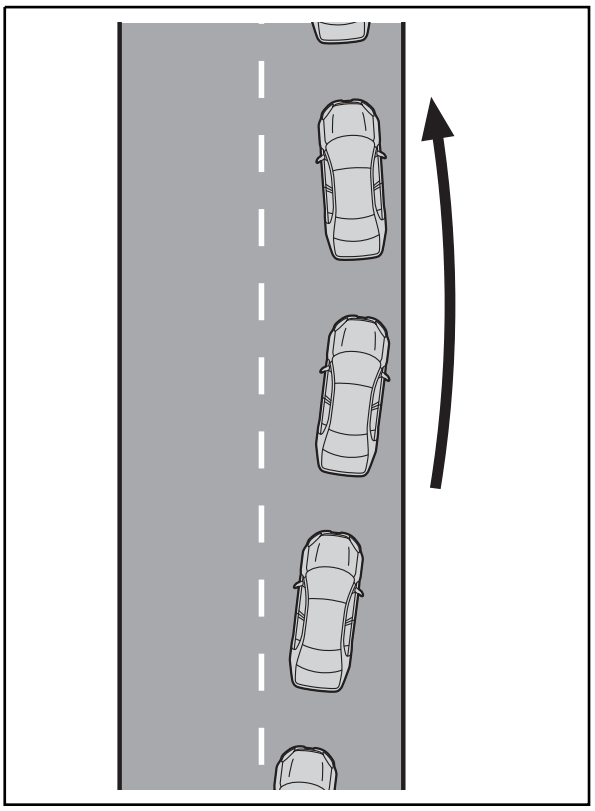
Nếu hệ thống xác định rằng xe có khả năng bị lệch khỏi làn đường hoặc hành trình của nó*, thì hệ thống sẽ hỗ trợ bằng cách vận hành vô lăng để giúp tránh đi chệch làn đường hoặc hành trình.

Nếu hệ thống xác định rằng người lái không điều khiển vô lăng trong một khoảng thời gian nhất định hoặc vô lăng không được nắm chặt, thì một cảnh báo có thể sẽ xuất hiện và chuông cảnh báo có thể sẽ kêu để cảnh báo người lái.

Xe có hệ thống BSM: Nếu hệ thống xác định rằng xe có thể sẽ bị va chạm với một xe ở làn đường bên cạnh, thì chức năng tránh đi lệch làn đường sẽ hoạt động ngay cả khi đèn

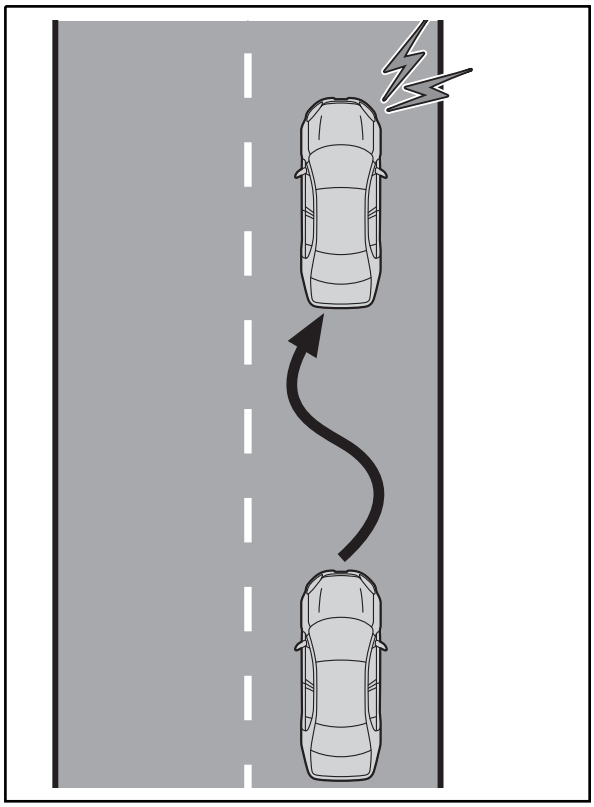
xi nhan đang hoạt động.

*: Ranh giới giữa đường nhựa và cỏ, đất... hoặc các công trình, chẳng hạn như lề đường, lan can...



n Chức năng gợi ý tài xế nghỉ ngơi

Nếu xe bị lắc, một thông báo sẽ xuất hiện và chuông báo sẽ kêu để nhắc nhở người lái nghỉ ngơi.



⚠ CẢNH BÁO

n **Trước khi sử dụng hệ thống LDA**

l Không được quá phụ thuộc vào hệ thống LDA. Hệ thống LDA không phải là một hệ thống hỗ trợ tự động cho việc lái xe và không phải là một hệ thống giúp làm giảm sự chú ý cần thiết của người lái để lái xe an toàn. Người lái hoàn toàn có trách nhiệm chú ý đến môi trường xung quanh và điều khiển vô lăng khi cần thiết để đảm bảo an toàn. Ngoài ra, người lái có trách nhiệm nghỉ ngơi đầy đủ khi mệt mỏi, chẳng hạn như khi lái xe trong một thời gian dài.

l Nếu không tập trung khi lái xe và thao tác lái xe không chính xác có thể dẫn đến tai nạn.

n Các điều kiện hoạt động của các chức năng

l Chức năng cảnh báo/ngăn đi lệch làn đường

Chức năng này sẽ hoạt động khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Tốc độ xe đạt khoảng từ 50 km/h trở lên.

Chức năng này có thể hoạt động khi tốc độ xe đạt từ khoảng 40 km/h trở lên nếu phát hiện thấy các xe ôtô, xe máy, xe đạp hoặc người đi bộ ở gần làn đường của xe đang chạy.

- Hệ thống nhận diện làn đường hoặc hành trình*. (Khi chỉ nhận diện được một phía, hệ thống sẽ chỉ hoạt động ở phía được nhận diện.)
- Chiều rộng làn đường khoảng từ 3 m trở lên.
- Không vận hành công tắc xi nhan.

(Xe có BSM: Trừ trường hợp phát hiện có xe theo hướng mà công tắc xi nhan được vận hành.)

- Xe không đi quanh một khúc cua gấp.
- Xe không tăng ga hoặc giảm ga nhiều hơn mức nhất định.
- Vô lăng không được xoay đủ để thực hiện việc chuyển làn.
- Khi chưa tắt hệ thống VSC hoặc TRC hoạt động

*: Ranh giới giữa đường nhựa và cỏ, đất... hoặc các công trình, chẳng hạn như lề đường, lan can...

n Tạm thời hủy các chức năng

Khi các điều kiện hoạt động không được thỏa mãn, chức năng này có thể tạm thời bị hủy. Tuy nhiên, khi các điều kiện hoạt động lại được thỏa mãn, thì chức năng này sẽ tự động phục hồi lại. (→P.292)

n Hoạt động của chức năng cảnh báo đi lệch làn đường/chức năng ngăn đi lệch làn đường

- Tùy thuộc vào tốc độ xe, điều kiện đường xá, góc nghiêng của xe so với làn đường... mà có thể sẽ không cảm nhận được hoạt động của chức năng ngăn đi lệch làn đường hoặc chức năng này có thể sẽ không hoạt động.
- Tùy thuộc vào các điều kiện, mà chuông cảnh báo có thể sẽ hoạt động ngay cả khi đã chọn chế độ cảnh báo bằng cách rung vô lăng thông qua cài đặt tùy chọn cá nhân.
- Nếu hành trình* không rõ ràng hoặc không thẳng, thì chức năng cảnh báo đi lệch làn đường hoặc chức năng ngăn đi lệch làn đường có thể sẽ không hoạt động.
- Chức năng cảnh báo đi lệch làn đường hoặc chức năng ngăn đi lệch làn đường có thể sẽ không hoạt động nếu hệ thống nhận định rằng người lái đang cố ý điều khiển vô lăng để tránh người đi bộ hoặc xe đang đỗ.
- Xe có hệ thống BSM: Hệ thống có thể sẽ không phán đoán được liệu có nguy cơ xảy ra va chạm với xe ở làn bên cạnh hay không.
- Hoạt động hỗ trợ đánh lái của chức năng ngăn đi lệch làn đường có thể sẽ bị lấn át đi bởi thao tác điều khiển vô lăng của người lái.

*: Ranh giới giữa đường nhựa và cỏ, đất... hoặc các công trình, chẳng hạn như lề đường, lan can...

n Hoạt động cảnh báo người lái bỏ tay ra khỏi vô lăng

Trong các trường hợp sau, một cảnh báo nhằm thúc giục người lái điều khiển vô lăng và một biểu tượng sẽ được hiển thị và chuông báo sẽ kêu để cảnh báo cho người lái. Khi sử dụng hệ thống, hãy đảm bảo nắm chắc tay lái, bất kể cảnh báo có đang hoạt động hay không.



- Khi hệ thống xác định rằng người lái

không cầm chắc vô lăng hoặc vô lăng không được điều khiển khi hoạt động hỗ trợ đánh lái của chức năng ngăn đi lệch làn đường đang hoạt động

n **Chức năng gợi ý tài xế nghỉ ngơi**

Chức năng này sẽ hoạt động khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Tốc độ xe khoảng từ 50 km/h trở lên.
- Chiều rộng làn đường khoảng từ 3 m trở lên.

Tùy thuộc vào tình trạng của xe và mặt đường, chức năng nhắc nhỉ ngơi có thể sẽ không hoạt động.



Thay đổi các cài đặt LDA

- Có thể kích hoạt/vô hiệu hóa hệ thống LDA bằng chức năng cài đặt tùy chọn cá nhân. (→P.669)
- Có thể thay đổi các cài đặt của hệ thống LDA ở mục các cài đặt cá nhân. (→P.669)

⚠ CẢNH BÁO

n **Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác**

Trong các tình huống sau đây, hệ thống có thể không hoạt động chính xác và xe có thể lệch khỏi làn đường. Không được quá tin tưởng vào các chức năng này. Người lái phải có trách nhiệm chủ ý vào các khu vực xung quanh xe và vận hành vô lăng khi cần thiết để đảm bảo an toàn.

- Khi ranh giới giữa đường rải nhựa và đường có cỏ, sỏi, vv... hoặc công trường như đường cong, rào chắn, vv... là không rõ ràng hoặc không thẳng.
- Khi xe bị tạt bởi gió ngang hoặc sự hỗn loạn của các xe khác ở gần
- Các trường hợp mà hệ thống có thể sẽ không phát hiện được làn đường: →P.276
- Những tình huống có thể làm cho các cảm biến hoạt động không chính xác: →P.274
- Các tình huống mà một vài chức năng hoặc tất cả các chức năng của hệ thống không thể hoạt động: →P.276
- Khi cần vô hiệu hóa hệ thống →P.270

Các màn hình và hoạt động của hệ thống

Tình trạng hoạt động của chức năng cảnh báo lệch làn và hoạt động hỗ trợ lái của chức năng ngăn chạy lệch làn được hiển thị.

Đèn chỉ báo	Hiển thị làn đường	Biểu tượng vô lăng	Tình huống
 Màu vàng Sáng	Không sáng	Không sáng	Hệ thống bị vô hiệu hóa
Không sáng	 Màu xám	Không sáng	Hệ thống không phát hiện được các vạch kẻ làn đường
Không sáng	 Trắng	Không sáng	Hệ thống phát hiện được các vạch kẻ làn đường
 Màu vàng Nháy	 Màu vàng Nháy	Không sáng	Chức năng cảnh báo lệch làn đang hoạt động cho bên mà hiển thị làn đường đang nháy
 Màu xanh lá	 Màu xanh lá	 Màu xanh lá	Chức năng ngăn chạy lệch làn đang hoạt động cho bên hiển thị làn đường sáng
 Màu vàng Nháy	 Màu vàng Nháy	 Màu xanh lá	Chức năng cảnh báo lệch làn/chức năng ngăn chạy lệch làn đang hoạt động cho bên hiển thị làn đường đang nháy

RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo)*

*: Nếu có

Hệ thống RSA sẽ phát hiện được các biển báo giao thông tiêu chuẩn bằng cách sử dụng camera phía trước và cảnh báo người lái thông qua màn hình và chuông báo.

Các xe có hệ thống dẫn đường kết nối (có hệ thống dẫn đường tích hợp sẵn): Để duy trì hiệu suất của chức năng hiển thị giới hạn tốc độ, cần phải cập nhật dữ liệu bản đồ* đều đặn.

*: Để biết chi tiết về các cập nhật, hãy tham khảo tài liệu riêng "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".

CẢNH BÁO

n **Để lái xe an toàn**

l Không phụ thuộc vào hệ thống RSA. Hệ thống RSA sẽ hỗ trợ người lái bằng cách cung cấp thông tin về các biển báo giao thông đường bộ, nhưng nó không thể thay thế cho sự quan sát và nhận thức của chính người lái. Lái xe an toàn hoàn toàn là trách nhiệm của người lái. Hãy chú ý đến các điều kiện xung quanh xe để đảm bảo lái xe an toàn.

l Lái xe an toàn hoàn toàn là trách nhiệm của người lái xe. Hãy chú ý đến các điều kiện xung quanh để đảm bảo lái xe an toàn.

n **Các trường hợp không nên sử dụng hệ thống RSA**

Khi cần vô hiệu hóa hệ thống →P.270

n **Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác**

Những tình huống có thể làm cho các cảm biến hoạt động không chính xác: →P.274

Chức năng hiển thị

▶ Khi camera phía trước phát hiện một biển báo giao thông, thì biển báo đó sẽ được hiển thị trên màn hình.

Tùy thuộc vào thông số kỹ thuật của xe, số lượng biển báo giao thông được hiển thị có thể sẽ bị giới hạn.

n **Các điều kiện hoạt động của chức năng hiển thị biển giao thông**

Các biển báo giao thông sẽ được hiển thị khi thỏa mãn các điều kiện sau:

l Hệ thống đã phát hiện ra một biển báo giao thông

Trong các trường hợp sau, một biển báo giao thông đã được hiển thị có thể sẽ ngừng xuất hiện:

l Khi không phát hiện được biển báo mới ở một khoảng cách nhất định

l Khi hệ thống xác định rằng xe đã chuyển sang đoạn đường khác, chẳng hạn như sau khi xe đã rẽ trái hoặc rẽ phải

n **Các trường hợp mà chức năng hiển thị biển báo giao thông có thể sẽ hoạt động không chính xác**

Trong các tình huống sau, hệ thống RSA có thể sẽ không hoạt động chính xác và có thể sẽ không phát hiện ra các biển báo giao thông hoặc có thể

sẽ hiển thị biển báo giao thông không chính xác. Tuy nhiên, đó không phải là lỗi của hệ thống.

- Khi biển báo giao thông bị bẩn, mờ, nghiêng hoặc cong
- Khi biển báo giao thông điện tử có độ tương phản thấp
- Khi tất cả hoặc một phần của biển báo bị che bởi cây cối, cột điện...
- Khi camera phía trước phát hiện một biển báo giao thông trong một khoảng thời gian ngắn
- Khi trạng thái lái xe (rẽ, chuyển làn...) được nhận định một cách không chính xác
- Khi có biển báo giao thông ngay sau giao lộ giữa đường cao tốc hoặc trong làn đường liền kề ngay trước khi nhập làn
- Khi phía sau của xe chạy phía trước có gắn các sticker
- Khi một biển báo giao thông tương tự như một biển báo giao thông tương thích với hệ thống được phát hiện như là một biển báo giao thông tương thích với hệ thống
- Khi biển báo giới hạn tốc độ của đường gom nằm trong phạm vi phát hiện của camera phía trước
- Khi lái xe xung quanh vòng xuyến
- Khi phát hiện một biển báo giao thông dành cho xe tải...
- Khi biển báo có biển phụ bổ sung (điểm kết thúc, ngày trong tuần, thời gian trong ngày, v.v.)
- Khi có biển báo trong khu vực hạn chế giao thông, chẳng hạn như khu vực đang thi công đường

Trong trường hợp này, các biển báo giới hạn tốc độ được hiển thị trên màn hình đa thông tin và hệ thống dẫn đường có thể sẽ khác nhau.

Chức năng thông báo

Trong các trường hợp sau, hệ thống RSA sẽ đưa ra cảnh báo cho người lái.

- Nếu tốc độ của xe đang cao hơn ngưỡng cảnh báo tốc độ của biển báo giới hạn tốc độ được hiển thị trên màn hình, thì màn hình hiển thị biển báo sẽ được làm nổi bật và chuông báo sẽ kêu.

n Các điều kiện hoạt động của các chức năng thông báo

- Chức năng thông báo vượt quá giới hạn tốc độ

Chức năng này sẽ hoạt động khi thỏa mãn điều kiện sau:

- Hệ thống phát hiện ra biển báo giới hạn tốc độ trên đường.

Các kiểu biển báo giao thông được hệ thống hỗ trợ

- Các kiểu biển báo giao thông sau đây có thể được hiển thị.

Tuy nhiên, các biển báo giao thông không theo tiêu chuẩn hoặc các biển mới được áp dụng có thể sẽ không được hiển thị.



Hạn chế tốc độ

Thay đổi các cài đặt của hệ thống RSA

- Có thể thay đổi các cài đặt sau của hệ thống RSA thông qua chức năng cài đặt tùy chọn cá nhân. (→P.669)

Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa*

*: Nếu có

Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa sẽ phát hiện các xe chạy phía trước, xác định khoảng cách với xe phía trước và điều khiển để duy trì khoảng cách phù hợp với xe chạy phía trước. Có thể cài đặt khoảng cách với xe phía trước bằng cách sử dụng công tắc điều chỉnh khoảng cách với xe phía trước.

Chỉ sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa trên đường cao tốc.

CẢNH BÁO

n **Để lái xe an toàn**

- Lái xe an toàn hoàn toàn là trách nhiệm của người lái. Không được quá phụ thuộc vào hệ thống này và hãy chú ý đến các điều kiện xung quanh để đảm bảo lái xe an toàn.
- Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa sẽ hỗ trợ người lái khi lái xe. Tuy nhiên, có một số hạn chế đối với việc hỗ trợ của hệ thống.

Hãy đọc các thông tin sau một cách cẩn thận. Không được quá phụ thuộc vào hệ thống này và luôn lái xe cẩn thận.

Các điều kiện mà hệ thống có thể sẽ hoạt động không chính xác: →P.304

l Hãy cài đặt tốc độ phù hợp theo giới hạn tốc độ, lưu lượng giao thông, điều kiện đường xá, điều kiện thời tiết... Người lái xe phải có trách nhiệm xác nhận tốc độ đã cài đặt.

l Ngay cả khi hệ thống đang hoạt động chính xác, tình trạng của xe phía trước theo nhận định của người lái và phát hiện của hệ thống có thể sẽ khác nhau. Vì vậy, người lái cần chú ý, đánh giá rủi ro và đảm bảo an toàn. Việc phụ thuộc quá nhiều vào hệ thống này để điều khiển xe một cách an toàn có thể sẽ dẫn đến tai nạn gây ra tử vong hoặc chấn thương nặng.

n Các lưu ý đối với các hệ thống hỗ trợ lái xe

Hãy tuân thủ các lưu ý sau, do sự hỗ trợ của hệ thống này vẫn có những giới hạn nhất định. Quá phụ thuộc vào hệ thống này có thể dẫn đến tai nạn, gây ra tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng.

l Chi tiết về các hỗ trợ cho khả năng quan sát của người lái

Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa chỉ có tác dụng hỗ trợ người lái giữ khoảng cách giữa xe của họ và xe chạy phía trước. Nó không phải là một hệ thống cho phép người lái có thể lái xe bất cẩn hoặc thiếu chú ý, và không phải là một hệ thống hỗ trợ lái xe trong điều kiện tầm nhìn kém.

Người lái phải chú ý quan sát xung quanh xe, ngay cả khi xe đã dừng lại.

l Chi tiết về các hỗ trợ cho sự phán đoán của người lái

Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa sẽ xác định xem khoảng cách với xe chạy phía trước có nằm trong một phạm vi đã đặt hay không. Nó không có khả năng đưa ra bất kỳ kiểu phán đoán nào khác. Vì vậy, người lái cần hết sức thận trọng và xác định xem có khả năng xảy ra nguy hiểm hay không.

l Chi tiết về các hỗ trợ cho việc điều khiển xe của người lái

Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa không có các chức năng để ngăn ngừa hoặc tránh xảy ra va chạm với các xe chạy phía trước. Vì vậy, nếu có khả năng xảy ra nguy hiểm, người lái phải điều khiển xe ngay lập tức và trực tiếp điều khiển xe một cách phù hợp để đảm bảo an toàn.

n Các trường hợp không nên sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa

Không sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa trong các trường hợp sau. Vì hệ thống sẽ không thể cung cấp khả năng điều khiển thích hợp, việc cố sử dụng hệ thống có thể sẽ dẫn đến tai nạn gây ra tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng.

l Khi trên đường có nhiều người đi bộ và người đi xe đạp...

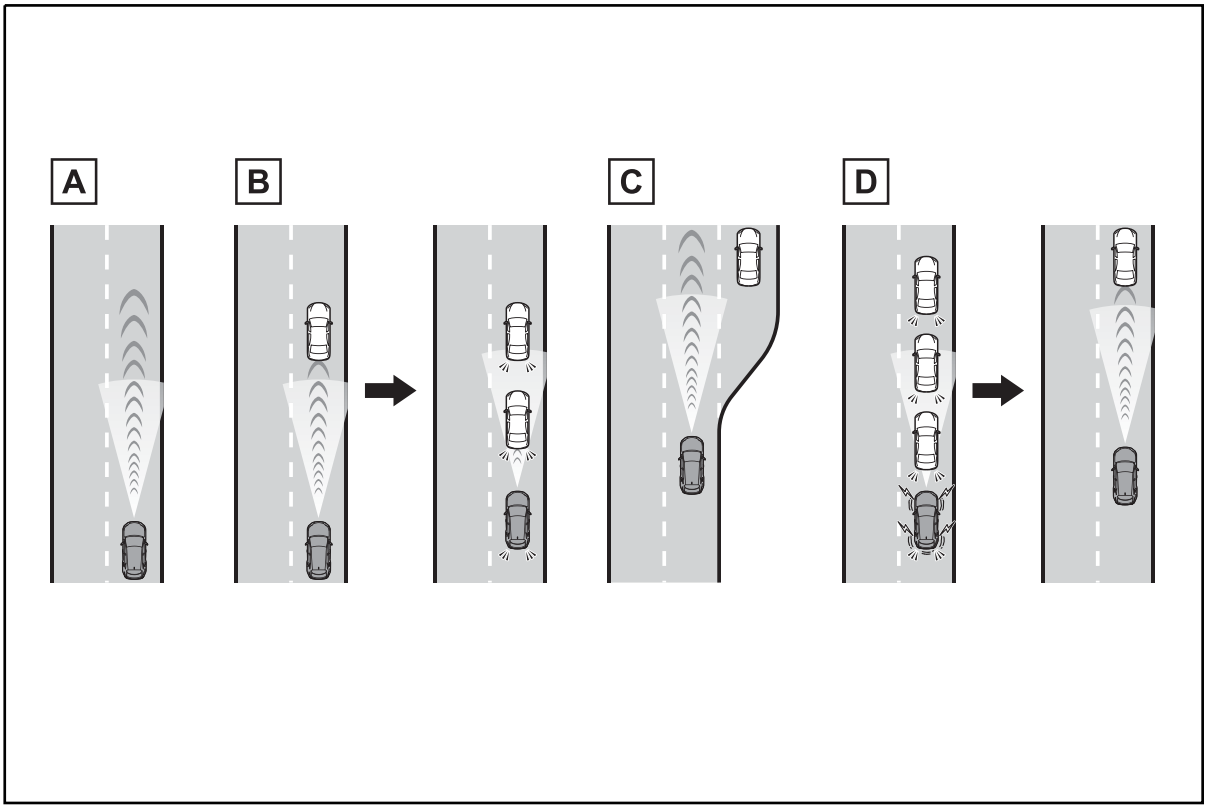
l Khi lái xe trên đường cao tốc hoặc lối vào hoặc lối ra của đường cao tốc

l Khi chuông cảnh báo xe tiến tới gần xe khác kêu thường xuyên

l Những tình huống có thể làm cho các cảm biến hoạt động không chính xác: →P.274

l Khi cần vô hiệu hóa hệ thống →P.270

Các chức năng cơ bản



A Chạy ở tốc độ cố định

Khi không có xe chạy phía trước

Xe đang chạy ở tốc độ được đặt trước bởi người lái

Nếu xe chạy vượt quá tốc độ đặt trước khi đang lái xe xuống đồi dốc, màn hình hiển thị tốc độ đặt sẽ nháy và chuông báo sẽ kêu.

B Giảm tốc và chạy theo sau xe phía trước

Khi phát hiện thấy có xe chạy phía trước đang chạy chậm hơn tốc độ xe đặt trước

Khi phát hiện được xe phía trước, xe tự động giảm tốc và nếu cần giảm tốc độ xe nhiều hơn, thì hệ thống sẽ gài phanh (đèn phanh sẽ sáng lên ở thời điểm này). Xe được điều khiển bởi người lái để duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước đã được đặt, theo sự thay đổi tốc độ của xe chạy phía trước. Nếu tốc độ xe được giảm không đủ và xe đến gần xe phía trước, thì chuông cảnh báo xe tiến tới gần xe khác sẽ kêu.

C Tăng tốc

Khi không có xe chạy ở phía trước chạy chậm hơn tốc độ xe đặt trước

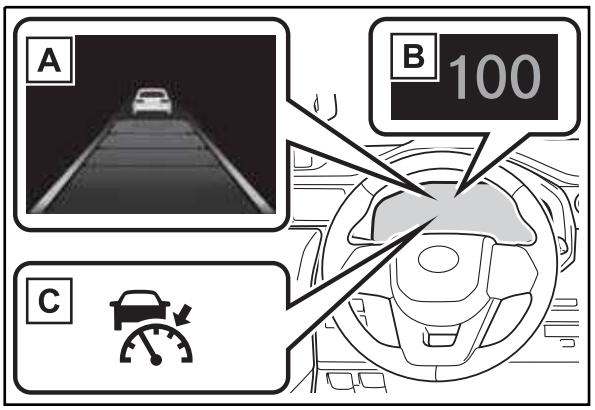
Xe sẽ tăng tốc độ đạt đến tốc độ đặt trước và sau đó phục hồi chạy tự động ở tốc độ cố định.

D Khởi hành

Nếu xe phía trước dừng lại, xe của bạn cũng sẽ dừng lại (điều khiển bởi hệ thống). Sau khi xe chạy phía trước khởi hành, khi ấn công tắc "RES" hoặc đạp bàn đạp ga sẽ làm cho xe tiếp tục chạy ở chế độ bám theo xe phía trước (điều khiển khởi hành). Nếu người lái không thực hiện thao tác khởi hành, hệ thống sẽ tiếp tục giữ xe ở trạng thái dừng.

Các chi tiết của hệ thống

n Hiển thị bảng táp lô

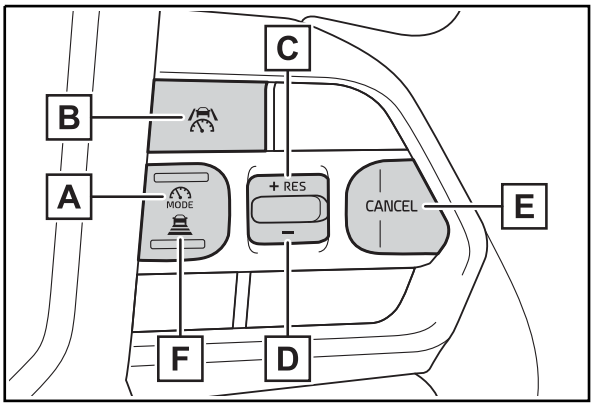


A Màn hình đa thông tin

B Tốc độ đặt trước của xe

C Đèn chỉ báo

n Các công tắc



A Công tắc chọn chế độ hỗ trợ lái xe

B Công tắc hỗ trợ lái xe

C Công tắc "+"/"RES"

D Công tắc "-"

E Công tắc Cancel (hủy)

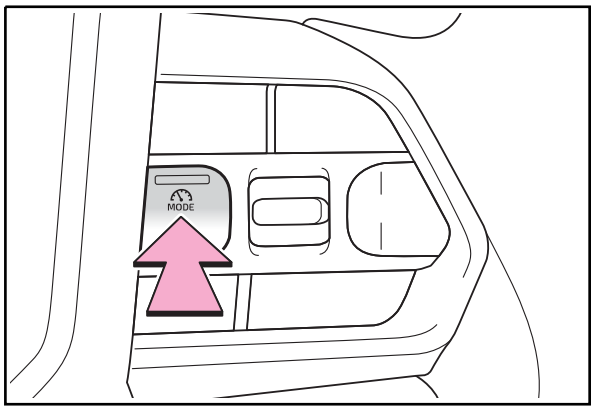
F Công tắc đặt khoảng cách với xe phía trước

Sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa

n Cài đặt tốc độ xe

1 Hãy ấn công tắc chọn chế độ hỗ trợ lái để chọn chế độ Adaptive Cruise.

Đèn chỉ báo của hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa sẽ sáng lên.

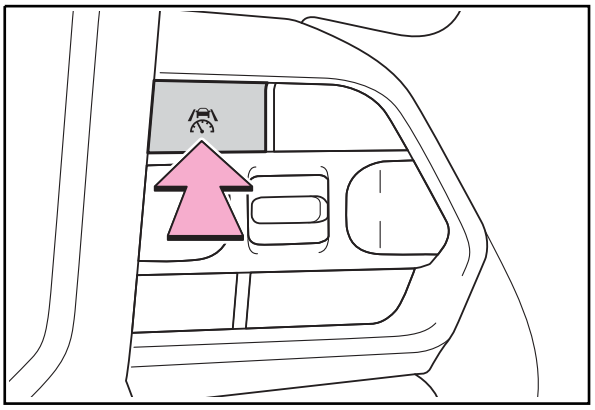


2 Sử dụng bàn đạp ga, hãy tăng hoặc giảm tốc đến tốc độ xe mong muốn (khoảng từ 30 km/h trở lên) và ấn công tắc

hỗ trợ lái xe để đặt tốc độ đặt trước.

Tốc độ xe đặt trước sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

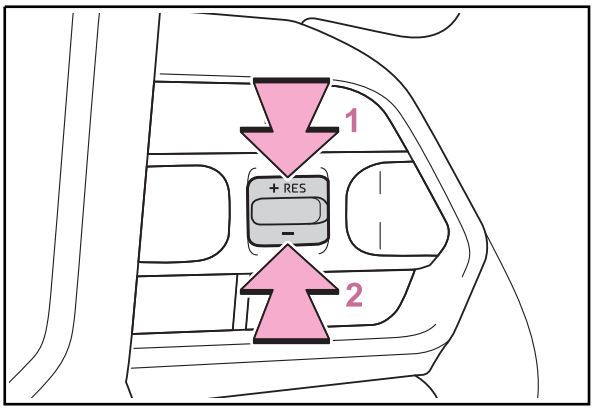
Tốc độ xe tại thời điểm nhả công tắc sẽ là tốc độ thiết lập hoặc tốc độ đặt trước.



n Điều chỉnh tốc độ đặt trước của xe

- Điều chỉnh tốc độ đặt trước của xe bằng các công tắc

Để thay đổi tốc độ xe đặt trước, hãy ấn công tắc "+" hoặc "-" cho đến khi tốc độ mong muốn được hiển thị.



1 Tăng tốc độ đặt trước của xe

2 Giảm tốc độ đặt trước của xe

Điều chỉnh bằng thao tác ấn nhanh: Ấn công tắc

Điều chỉnh bằng thao tác ấn và giữ: Hãy ấn và giữ công tắc điều khiển cho đến khi đạt được tốc độ đặt trước mong muốn.

Tốc độ đặt trước của xe sẽ tăng lên hoặc giảm đi như sau:

Điều chỉnh bằng thao tác ấn nhanh: Tốc độ sẽ thay đổi 1 km/h sau mỗi lần ấn công tắc

Điều chỉnh bằng thao tác ấn và giữ: Tốc độ sẽ tăng hoặc giảm theo mức tăng 5 km/h một cách liên tục trong khi ấn và giữ công tắc điều khiển

Có thể thay đổi điều chỉnh tốc độ đặt trước của xe thông qua chức năng cài đặt tùy chọn cá nhân.

- Tăng tốc độ đặt trước của xe bằng bàn đạp ga

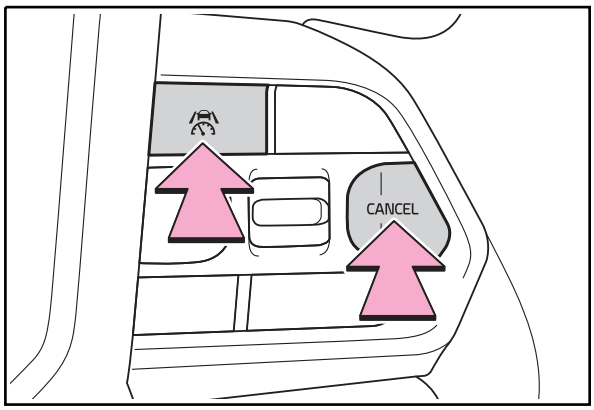
1 Hãy đạp bàn đạp ga để tăng tốc xe đến tốc độ mong muốn.

2 Hãy ấn công tắc "+".

n Hủy/phục hồi điều khiển

1 Ấn công tắc hủy hoặc công tắc hỗ trợ lái để hủy điều khiển.

Chức năng điều khiển cũng sẽ bị hủy nếu đạp bàn đạp phanh.
(Khi xe được dừng lại bằng điều khiển của hệ thống, việc nhấn bàn đạp phanh sẽ không hủy được điều khiển.)

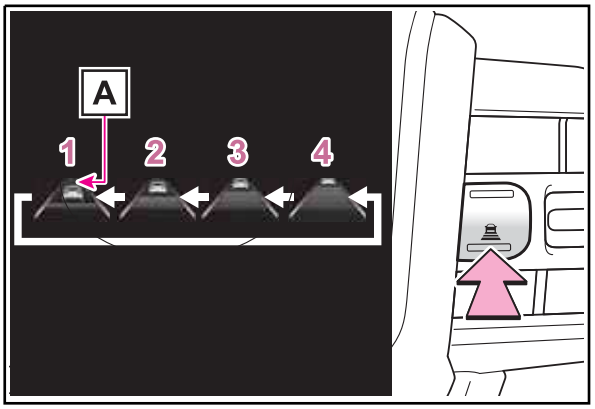


2 Hãy ấn công tắc "RES" để khôi phục điều khiển.

n Thay đổi khoảng cách với xe chạy phía trước

Sau mỗi lần ấn công tắc, khoảng cách cài đặt với xe chạy phía trước sẽ thay đổi như sau:

Nếu phát hiện thấy có xe chạy phía trước, thì dấu hiệu xe chạy phía trước A sẽ được hiển thị.



Số minh họa	Khoảng cách với xe chạy phía trước	Khoảng cách tương đối (Tốc độ xe: 100 km/h)
1	Rất dài	Khoảng 70 m
2	Dài	Khoảng 60 m
3	Trung bình	Khoảng 45 m
4	Ngắn	Xấp xỉ 30 m

n Các điều kiện hoạt động

- Khi cần số ở vị trí D.
- Có thể cài đặt được tốc độ đặt trước mong muốn khi xe chuyển động ở tốc độ 30 km/h trở lên.
- Nếu đặt tốc độ xe trong khi lái xe ở tốc độ dưới 30 km/h, thì tốc độ xe đặt trước sẽ là khoảng 30 km/h.
- Nếu đặt tốc độ xe trong khi lái xe ở tốc độ lớn hơn tốc độ giới hạn trên của hệ thống, thì tốc độ xe được đặt sẽ là tốc độ giới hạn trên của hệ thống.

n Tăng tốc sau khi cài đặt tốc độ xe

Vì khi lái xe bình thường, có thể vận hành xe bằng cách nhấn bàn đạp ga. Sau khi tăng tốc, tốc độ xe sẽ trở về tốc độ đặt trước. Tuy nhiên, khi ở chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước, tốc độ xe có thể giảm xuống dưới tốc độ xe đặt trước để duy trì khoảng cách với xe phía trước.

n Khi xe bị dừng lại bằng điều khiển của hệ thống trong khi đang chạy tự động bám theo xe.

- Khi ấn công tắc "RES" trong khi xe đang dừng lại dưới sự điều khiển của hệ thống, nếu xe chạy phía trước khởi hành trong khoảng 3 giây, thì hệ thống sẽ khôi phục chế độ chạy bám theo xe phía trước.
- Nếu xe phía trước khởi hành trong khoảng 3 giây sau khi xe bạn đang dừng lại do điều khiển của hệ thống, chức năng chạy tự động bám theo sẽ được phục hồi.

n Tự động hủy chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước

Trong các trường hợp sau đây, chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước sẽ tự động bị hủy:

- Khi chức năng điều khiển phanh hoặc chức năng điều khiển hạn chế công suất phát ra của hệ thống hỗ trợ lái xe đang hoạt động
  (Ví dụ: Hệ thống cảnh báo tiền va chạm, hệ thống điều khiển dẫn động-khởi động)
- Khi phanh đỗ đang được vận hành.
- Khi đai an toàn của người lái chưa được thắt trong quá trình lái xe
- Khi hệ thống cảnh báo tiền va chạm bị vô hiệu hóa
- Xe được dừng lại bằng điều khiển của hệ thống trên đường dốc
- Khi phát hiện được bất kỳ một trong các điều kiện sau đây đồng thời xe bị dừng bởi điều khiển của hệ

thống:
- Đai an toàn của người lái chưa được thắt
- Khi cửa người lái được mở ra
- Khoảng 3 phút trôi qua kể từ khi xe dừng.

Phanh đỗ có thể sẽ được kích hoạt một cách tự động.

l Các tình huống mà một vài chức năng hoặc tất cả các chức năng của hệ thống không thể hoạt động: →P.276

n **Thông điệp cảnh báo và chuông báo của hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa**

Để lái xe an toàn: →P.270

n **Những xe phía trước mà cảm biến không phát hiện được chính xác**

Trong các tình huống sau đây, tùy vào các điều kiện nếu hệ thống không thể cung cấp đủ sự giảm tốc hoặc tăng tốc cần thiết, hãy vận hành bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga.

Vì cảm biến không thể phát hiện chính xác các kiểu xe này nên chức năng cảnh báo xe tiến tới gần xe khác (→P.304) có thể sẽ không hoạt động.

l Khi có một xe chạy cắt ngang phía trước xe bạn hoặc thay đổi làn đường ra xa khỏi xe bạn với tốc độ quá chậm hoặc quá nhanh.

l Khi thay đổi làn đường

l Khi có một xe phía trước đang chạy ở tốc độ thấp.

l Khi có một xe bị dừng ở cùng làn đường với xe bạn

l Khi có một xe mô tô đang đi cùng làn đường với xe bạn

n **Hệ thống có thể không hoạt động chính xác trong những điều kiện sau đây**

Trong các trường hợp dưới đây, hãy đạp bàn đạp phanh (hoặc bàn đạp ga, tùy vào từng tình huống) khi cần.

Do cảm biến có thể không phát hiện chính xác xe, hệ thống có thể không hoạt động chính xác.

l Khi một xe phía trước phanh bất ngờ

l Khi chuyển làn ở tốc độ thấp, như khi tắc đường.

Cảnh báo xe tiến tới gần xe phía trước

Trong các tình huống khi xe tiến gần tới xe phía trước và hệ thống không thể giảm tốc đủ, chẳng hạn như khi có phương tiện chạy cắt ngang phía trước đầu xe, màn hình cảnh báo sẽ nhấp nháy và chuông báo sẽ kêu để cảnh báo cho người lái. Hãy đạp bàn đạp phanh để giữ khoảng cách an toàn với xe phía trước.

n **Các cảnh báo có thể sẽ không xuất hiện khi**

Trong các tình huống sau, chức năng cảnh báo có thể sẽ không hoạt động mặc dù khoảng cách với xe phía trước là rất ngắn.

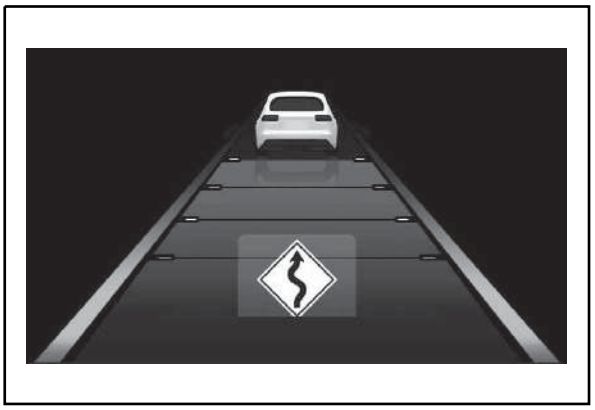
- Khi xe phía trước chạy cùng tốc độ hoặc nhanh hơn xe của bạn
- Khi xe phía trước đang di chuyển với tốc độ cực thấp
- Ngay sau khi đặt tốc độ xe
- Khi người lái nhấn bàn đạp ga

Chức năng giảm tốc độ khi vào cua

Khi phát hiện được khúc cua, tốc độ xe sẽ bắt đầu được giảm xuống. Khi hết khúc cua, việc giảm tốc độ xe sẽ kết thúc.

Tùy vào tình huống, tốc độ xe sẽ trở về tốc độ đặt trước.

Trong tình huống chế độ duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước cần hoạt động, như khi có xe phía trước chạy cắt ngang qua phía trước xe bạn, chức năng giảm tốc khi vào cua sẽ bị hủy.



n **Trong tình huống sau đây, chức năng giảm tốc độ khi vào cua có thể không hoạt động.**

Trong tình huống sau, chức năng giảm tốc độ khi vào cua có thể không hoạt động.

- Khi đang lái xe quanh một khúc cua nhẹ
- Khi đang nhấn bàn đạp ga
- Khi đang lái xe quanh khúc cua rất ngắn

Hỗ trợ chuyển làn

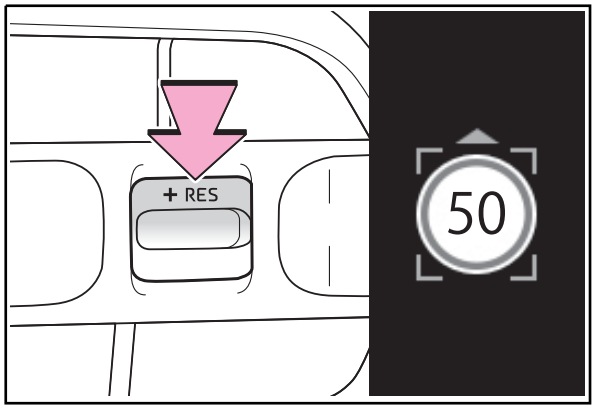
Nếu xe của bạn đang chạy ở tốc độ khoảng từ 80 km/h trở lên và thực hiện việc chuyển làn sang làn đường cho vượt, khi người lái điều khiển cần xi nhan và chuyển làn, xe sẽ tăng tốc đến tốc độ đặt trước để hỗ trợ chuyển làn.

Hệ thống dựa vào vị trí của vô lăng trên xe (tay lái thuận/tay lái nghịch) để nhận biết làn đường nào là làn đường cho vượt. Nếu xe được sử dụng ở một khu vực mà có làn đường cho vượt nằm ở phía ngược lại so với thị trường tiêu thụ xe ban đầu, thì xe có thể sẽ tăng tốc khi người lái gạt cần điều khiển xi nhan ngược lại với làn đường cho vượt. (ví dụ: Xe được sản xuất cho thị trường xe tay lái nghịch, nhưng lại đang được lái ở một thị trường xe tay lái thuận. Xe có thể sẽ tăng tốc khi người lái vận hành công tắc xi nhan sang bên phải.). Trong trường hợp này, xe có thể sẽ tăng tốc khi người lái vận hành công tắc xi nhan sang bên phải.)

Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa có hỗ trợ nhận diện biển báo (nếu có)

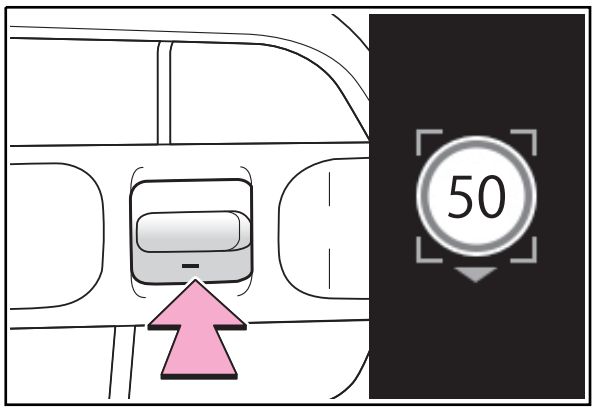
Khi chức năng RSA được kích hoạt và hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa đang hoạt động, nếu hệ thống phát hiện thấy biển giới hạn tốc độ, thì mức giới hạn tốc độ được phát hiện sẽ được hiển thị bởi mũi tên hướng lên trên/xuống dưới. Có thể tăng/giảm tốc độ cài đặt tới mức giới hạn tốc độ đã được phát hiện bằng cách ấn và giữ vào công tắc "+" hoặc công tắc "-".

n **Khi tốc độ cài đặt thấp hơn giới hạn tốc độ được phát hiện**



Hãy ấn và giữ công tắc "+".

n **Khi tốc độ cài đặt cao hơn giới hạn tốc độ được phát hiện**



Hãy ấn và giữ công tắc "-".

n **Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa với chức năng hỗ trợ nhận diện biển báo có thể không hoạt động chính xác khi**

Do hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa với chức năng hỗ trợ nhận diện biển báo giao thông có thể sẽ hoạt động không chính xác trong các tình huống mà hệ thống RSA có thể sẽ không hoạt động hoặc không thể phát hiện các biển báo giao thông một cách chính xác (→P.296), nên khi sử dụng chức năng này, hãy đảm bảo xác nhận giới hạn tốc độ thực tế.

Trong các tình huống sau, tốc độ cài đặt có thể sẽ không thay đổi thành mức giới hạn tốc độ đã phát hiện bằng cách ấn và giữ công tắc "+" hoặc công tắc "-":

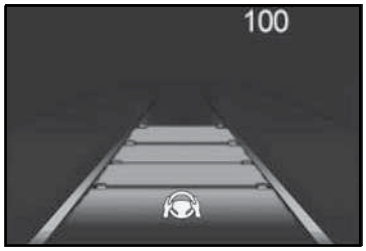
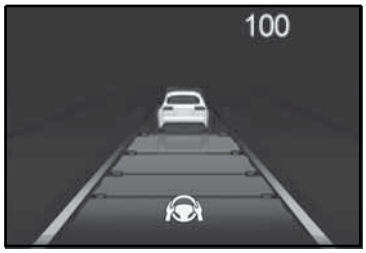
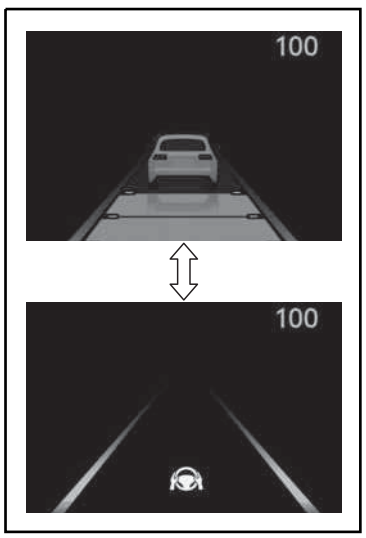
- Khi không có thông tin về giới hạn tốc độ
- Khi giới hạn tốc độ được phát hiện bằng với tốc độ đã đặt
- Khi giới hạn tốc độ được phát hiện nằm ngoài phạm vi tốc độ hoạt động của hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa

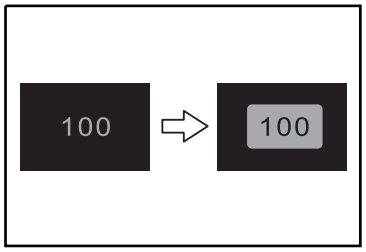
Thay đổi các cài đặt của hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa

Có thể thay đổi cài đặt của hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa thông qua chức năng cài đặt tùy chọn cá nhân. (→P.669)

Hiển thị và trạng thái hoạt động của hệ thống

Hiển thị trạng thái hoạt động của hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa.

Đèn chỉ báo	Màn hình đa thông tin		Tình huống
 Trắng		Cài đặt khoảng cách với xe chạy phía trước: Màu xám	Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa ở OFF
 Màu xanh lá		Cài đặt khoảng cách với xe chạy phía trước: Màu xanh da trời Tốc độ đặt trước của xe: Màu xanh lá	Chạy ở tốc độ cố định
 Màu xanh lá		Cài đặt khoảng cách với xe chạy phía trước: Màu xanh da trời Tốc độ đặt trước của xe: Màu xanh lá Xe phía trước: Màu trắng	Chạy bám theo xe phía trước
 Màu xanh lá		Cài đặt khoảng cách với xe chạy phía trước: Nháy màu cam Tốc độ đặt trước của xe: Màu xanh lá Xe chạy phía trước: Nháy màu cam	Cảnh báo xe tiến tới gần xe phía trước

Đèn chỉ báo	Màn hình đa thông tin		Tình huống
 Màu xanh lá		Cài đặt khoảng cách với xe chạy phía trước: Màu xám Tốc độ đặt trước của xe: Màu trắng Xe chạy phía trước: Màu xám	Tăng tốc bằng bàn đạp ga
 Màu xanh lá		Tốc độ đặt trước của xe: Màu xanh lá cây ở màn hình lùi xe	Tốc độ xe lớn hơn tốc độ đặt trước
 Màu xanh lá		Cài đặt khoảng cách với xe chạy phía trước: Màu xám Tốc độ đặt trước của xe: Màu trắng Xe chạy phía trước: Màu xám	Xe được điều khiển dừng

Điều khiển chạy tự động (xe có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota)*

*: Nếu có

Xe có thể chạy ở tốc độ đặt trước ngay cả khi không đạp chân ga.

Chỉ sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động trên đường cao tốc.

CẢNH BÁO

n **Để lái xe an toàn**

l Lái xe an toàn hoàn toàn là trách nhiệm của người lái. Do đó, không được quá phụ thuộc vào hệ thống này. Người lái xe phải hoàn toàn chịu trách nhiệm chú ý đến môi trường xung quanh xe và lái xe an toàn.

l Hãy cài đặt tốc độ phù hợp theo giới hạn tốc độ, lưu lượng giao thông, điều kiện đường xá, điều kiện thời tiết... Người lái xe phải có trách nhiệm xác nhận tốc độ đã cài đặt.

n **Các trường hợp không nên sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động**

Không sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động trong các trường hợp sau. Do hệ thống sẽ không thể cung cấp khả năng điều khiển thích hợp, nếu sử dụng có thể sẽ dẫn đến tai nạn gây tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng.

l Khi trên đường có nhiều khúc cua gấp

l Khi lái xe trên đường quanh co

l Khi lái xe trên đường trơn trượt, như đường bị ngập nước hay bị băng tuyết bao phủ

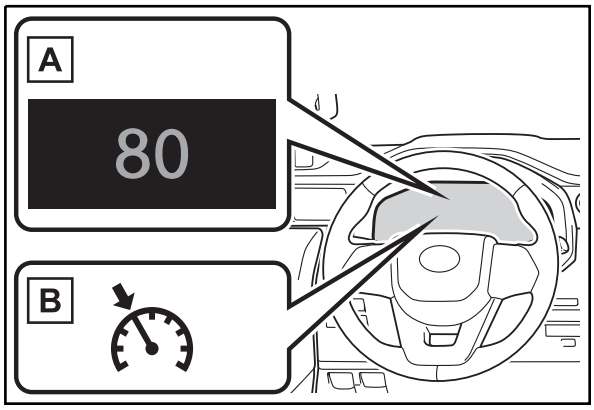
l Khi lái xe trên đường dốc đứng hoặc khi lái xe trên đường có độ dốc thay đổi liên tục

Tốc độ xe có thể vượt quá tốc độ đã được cài đặt trong khi lái xe xuống dốc đứng.

l Khi cần vô hiệu hóa hệ thống →P.270

Các thiết bị của hệ thống

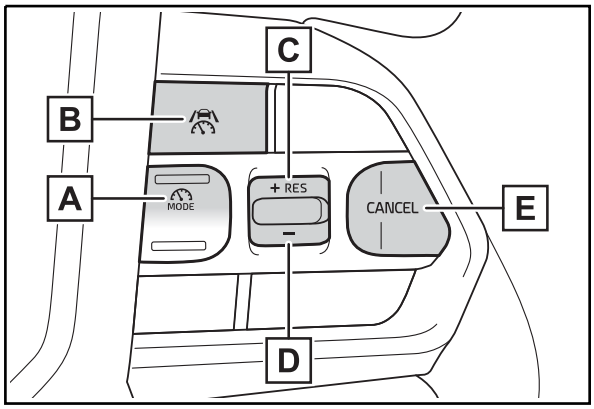
n **Hiển thị bảng táp lô**



A Tốc độ đặt trước của xe

B Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động

n **Các công tắc**



A Công tắc chọn chế độ hỗ trợ lái xe

B Công tắc hỗ trợ lái xe

C Công tắc "+" / Công tắc "RES"

D Công tắc "-"

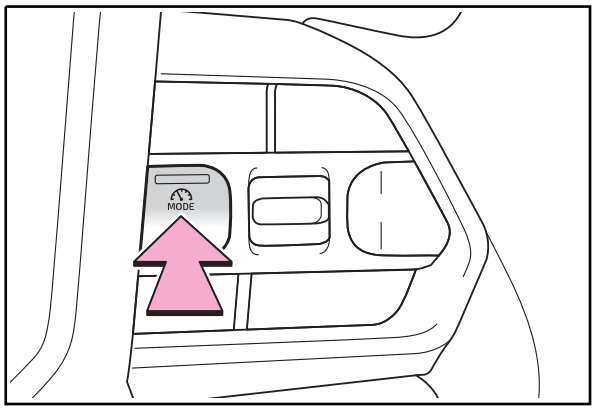
E Công tắc Cancel (hủy)

Sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động

n Cài đặt tốc độ xe

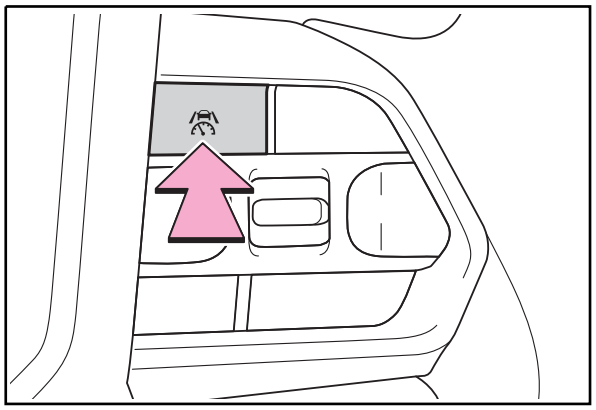
1 Hãy ấn công tắc chọn chế độ hỗ trợ lái để chọn Chế Độ Điều Khiển Chạy Tự Động.

Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động sẽ sáng lên.



2 Sử dụng bàn đạp ga, tăng tốc xe đến tốc độ mong muốn (khoảng từ 30 km/h trở lên) và ấn công tắc hỗ trợ lái xe để đặt tốc độ xe.

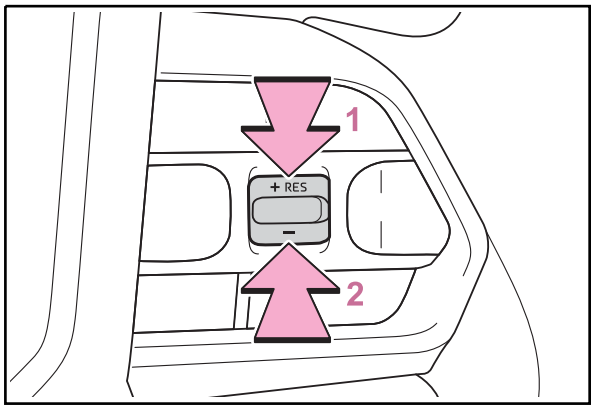
Tốc độ xe tại thời điểm nhả công tắc sẽ là tốc độ thiết lập hoặc tốc độ đặt trước.



n Điều chỉnh tốc độ đặt trước của xe

- Điều chỉnh tốc độ đặt trước của xe bằng các công tắc

Để thay đổi tốc độ cài đặt của xe, hãy ấn công tắc “+” hoặc “-” cho đến khi tốc độ mong muốn được hiển thị.



1 Tăng tốc độ đặt trước của xe

2 Giảm tốc độ đặt trước của xe

Tốc độ đặt trước của xe sẽ tăng lên hoặc giảm đi như sau:

Điều chỉnh nhỏ: Tốc độ đặt sẽ được điều chỉnh 1 km/h mỗi lần ấn công tắc

Điều chỉnh lớn: Tốc độ đặt sẽ được điều chỉnh tăng liên tục trong khi ấn và giữ công tắc

- Tăng tốc độ đặt trước của xe bằng bàn đạp ga

1 Hãy đạp bàn đạp ga để tăng tốc xe đến tốc độ mong muốn.

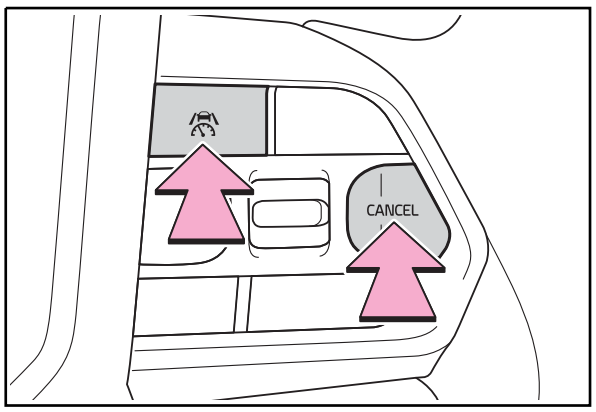
2 Hãy ấn công tắc "+".

n Hủy/phục hồi điều khiển

1 Ấn công tắc hủy hoặc công tắc hỗ trợ lái để hủy điều khiển.

Chức năng điều khiển cũng sẽ bị hủy

nếu bàn đạp phanh được nhấn.



2 Hãy ấn công tắc "RES" để khôi phục điều khiển.

n **Tự động hủy chức năng điều khiển chạy tự động**

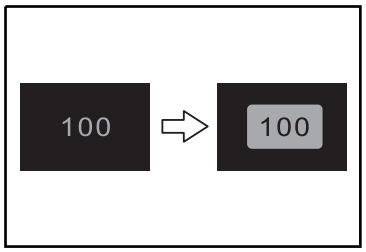
Trong các tình huống sau, chức năng điều khiển chạy tự động sẽ tự động bị hủy:

- Khi tốc độ xe giảm xuống thấp hơn từ 16 km/h trở lên so với tốc độ đặt trước
- Khi tốc độ xe giảm xuống dưới 30 km/h
- Khi chức năng điều khiển phanh hoặc điều khiển hạn chế công suất phát ra của hệ thống hỗ trợ lái xe hoạt động (Ví dụ: Hệ thống PCS, hệ thống điều khiển dẫn động - khởi động)
- Khi phanh đỗ đang được vận hành.
- Khi đai an toàn của người lái chưa được thắt
- Các tình huống mà một vài chức năng hoặc tất cả các chức năng của hệ thống không thể hoạt động: →P.276

Hiển thị và trạng thái hoạt động của hệ thống

Hiển thị trạng thái hoạt động của hệ thống điều khiển chạy tự động.

Đèn chỉ báo	Màn hình đa thông tin		Tình huống
 Trắng		Để trống	Tắt hệ thống điều khiển chạy tự động

Đèn chỉ báo	Màn hình đa thông tin		Tình huống
 Màu xanh lá		Tốc độ đặt trước của xe: Màu xanh lá	Chạy ở tốc độ cố định
 Màu xanh lá		Tốc độ đặt trước của xe: Màu trắng trong màn hình lùi xe	Tốc độ xe lớn hơn tốc độ đặt trước

Điều khiển chạy tự động (xe không có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota)*

*: Nếu có

Xe có thể chạy ở tốc độ đặt trước ngay cả khi không đạp chân ga.

Chỉ sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động trên đường cao tốc.

CẢNH BÁO

n **Để lái xe an toàn**

l Lái xe an toàn hoàn toàn là trách nhiệm của người lái. Do đó, không được quá phụ thuộc vào hệ thống này. Người lái xe phải hoàn toàn chịu trách nhiệm chú ý đến môi trường xung quanh xe và lái xe an toàn.

l Hãy cài đặt tốc độ phù hợp theo giới hạn tốc độ, lưu lượng giao thông, điều kiện đường xá, điều kiện thời tiết... Người lái xe phải có trách nhiệm xác nhận tốc độ đã cài đặt.

n **Các trường hợp không nên sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động**

Không sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động trong các trường hợp sau. Do hệ thống sẽ không thể cung cấp khả năng điều khiển thích hợp, nếu sử dụng có thể sẽ dẫn đến tai nạn gây tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng.

l Khi trên đường có nhiều khúc cua gấp

l Khi lái xe trên đường quanh co

l Khi lái xe trên đường trơn trượt, như đường bị ngập nước hay bị băng tuyết bao phủ

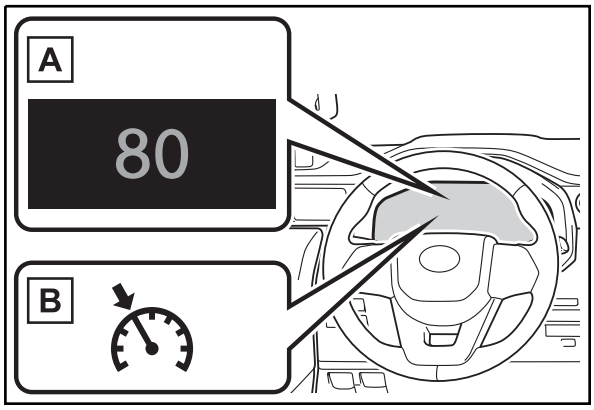
l Khi lái xe trên đường dốc đứng hoặc khi lái xe trên đường có độ dốc thay đổi liên tục

Tốc độ xe có thể vượt quá tốc độ đã được cài đặt trong khi lái xe xuống dốc đứng.

l Khi cần vô hiệu hóa hệ thống →P.270

Các thiết bị của hệ thống

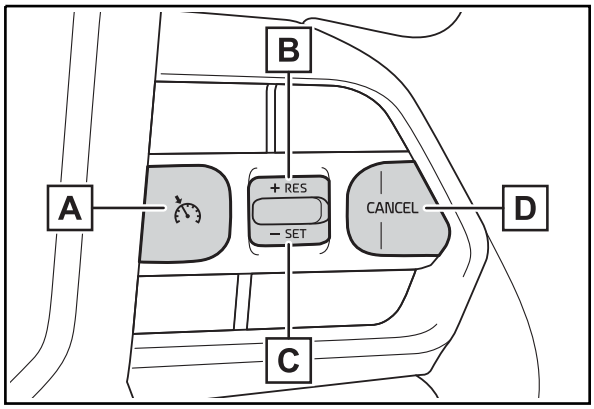
n **Hiển thị bảng táp lô**



A Tốc độ đặt trước của xe

B Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động

n **Các công tắc**



A Công tắc chính điều khiển chạy tự động

B Công tắc "+" / Công tắc "RES"

C Công tắc "-" / Công tắc "SET"

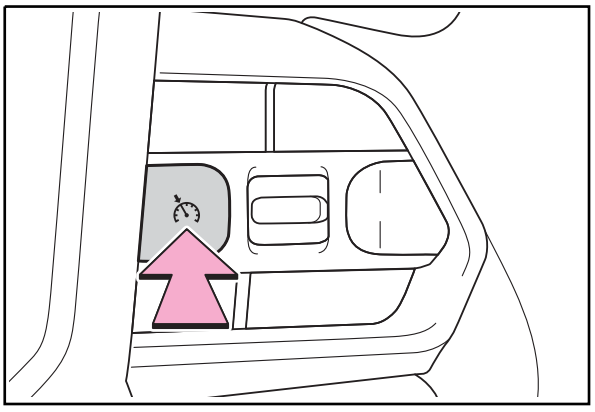
D Công tắc Cancel (hủy)

Sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động

n Cài đặt tốc độ xe

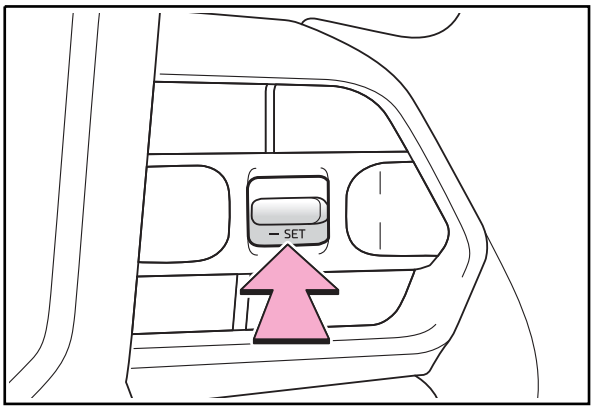
1 Hãy ấn công tắc chính điều khiển chạy tự động để kích hoạt chế độ Cruise Control.

Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động sẽ sáng lên.



2 Sử dụng bàn đạp ga, tăng ga tới tốc độ cần đặt (bằng hoặc lớn hơn tốc độ xấp xỉ 30 km/h) và ấn công tắc “SET” để để đặt tốc độ.

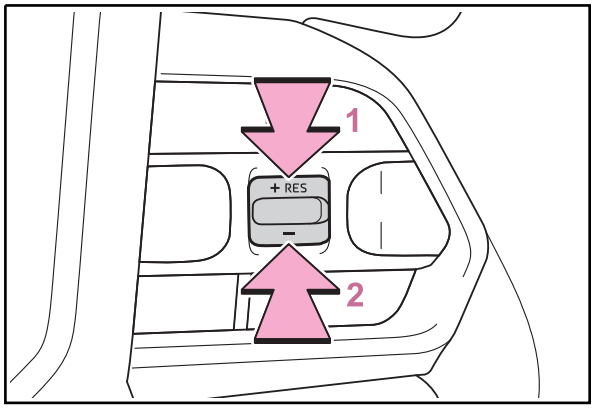
Tốc độ xe tại thời điểm nhả công tắc sẽ là tốc độ thiết lập hoặc tốc độ đặt trước.



n Điều chỉnh tốc độ đặt trước của xe

- Điều chỉnh tốc độ đặt trước của xe bằng các công tắc

Để thay đổi tốc độ cài đặt của xe, hãy ấn công tắc “+” hoặc “-” cho đến khi tốc độ mong muốn được hiển thị.



1 Tăng tốc độ đặt trước của xe

2 Giảm tốc độ đặt trước của xe

Tốc độ đặt trước của xe sẽ tăng lên hoặc giảm đi như sau:

Điều chỉnh nhỏ: Tốc độ đặt sẽ được điều chỉnh 1 km/h mỗi lần ấn công tắc

Điều chỉnh lớn: Tốc độ đặt sẽ được điều chỉnh tăng liên tục trong khi ấn và giữ công tắc

- Tăng tốc độ đặt trước của xe bằng bàn đạp ga

1 Hãy đạp bàn đạp ga để tăng tốc xe đến tốc độ mong muốn.

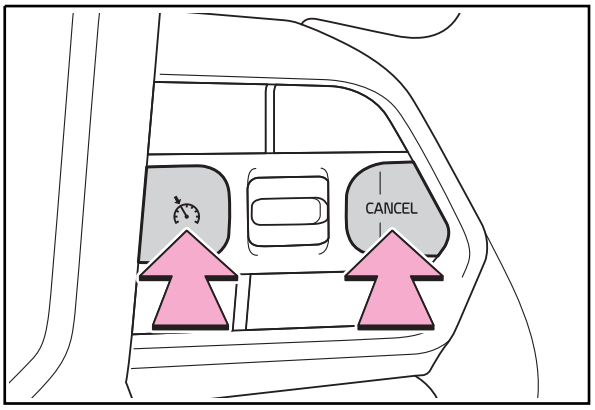
2 Hãy ấn công tắc "+".

n Hủy/phục hồi điều khiển

1 Ấn công tắc hủy hoặc công tắc chính điều khiển tự động để tắt điều khiển tốc độ.

Chức năng điều khiển cũng sẽ bị hủy

nếu bàn đạp phanh được nhấn.



2 Hãy ấn công tắc "RES" để khôi phục điều khiển.

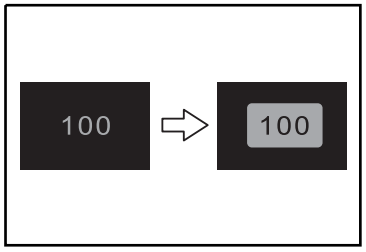
n **Tự động hủy chức năng điều khiển chạy tự động**

Trong các tình huống sau, chức năng điều khiển chạy tự động sẽ tự động bị hủy:

- Khi tốc độ xe giảm xuống thấp hơn từ 16 km/h trở lên so với tốc độ đặt trước
- Khi tốc độ xe giảm xuống dưới 30 km/h
- Khi chức năng điều khiển phanh hoặc điều khiển hạn chế công suất phát ra của hệ thống hỗ trợ lái xe hoạt động (Ví dụ: Hệ thống PCS, hệ thống điều khiển dẫn động - khởi động)
- Khi phanh đỗ đang được vận hành.
- Các tình huống mà một vài chức năng hoặc tất cả các chức năng của hệ thống không thể hoạt động: →P.276

Hiển thị và trạng thái hoạt động của hệ thống

Hiển thị trạng thái hoạt động của hệ thống điều khiển chạy tự động.

Đèn chỉ báo	Màn hình đa thông tin		Tình huống
 Trắng		Để trống	Tắt hệ thống điều khiển chạy tự động
 Màu xanh lá		Tốc độ đặt trước của xe: Màu xanh lá	Chạy ở tốc độ cố định
 Màu xanh lá		Tốc độ đặt trước của xe: Màu trắng trong màn hình lùi xe	Tốc độ xe lớn hơn tốc độ đặt trước

Hệ thống dừng lái khẩn cấp*

*: Nếu có

Hệ thống dừng lái khẩn cấp là một hệ thống mà nó giảm tốc độ một cách tự động và dừng xe trong làn đường nếu người lái không thể tiếp tục lái xe, như khi họ bị vấn đề khẩn cấp về sức khỏe, vv...

Trong khi điều khiển LTA (hỗ trợ bám làn đường), nếu hệ thống không phát hiện được có thao tác lái, như khi người lái không cầm tay vào vô lăng, và đánh giá rằng người lái không phản hồi, xe sẽ được giảm tốc độ và dừng trong làn đường hiện tại để giúp tránh va chạm và giảm tác động của va chạm.

⚠ CẢNH BÁO

n **Để lái xe an toàn**

l Việc lái xe an toàn là trách nhiệm của người lái. Hãy chú ý thận trọng đối với những điều kiện xung quanh để đảm bảo lái xe an toàn. Hệ thống dừng lái khẩn cấp được thiết kế để hỗ trợ trong tình huống khẩn cấp do người lái khó tiếp tục lái xe, như họ bị vấn đề khẩn cấp về sức khỏe, vv... Hệ thống không được thiết kế để hỗ trợ lái trong khi người lái ngủ gật hoặc thể chất kém, hoặc người lái mất tập trung.

l Mặc dù hệ thống dừng lái khẩn cấp được thiết kế để giảm tốc độ xe trong phạm vi làn đường hiện tại nhằm giúp tránh hoặc giúp giảm tác động va chạm nếu hệ thống xác định rằng đây là trường hợp người lái khó tiếp tục lái xe, tính hiệu quả có thể thay đổi theo các điều kiện khác nhau. Do đó, khó có thể luôn đạt được cùng một mức độ hoạt động giống nhau. Hơn nữa, nếu các điều kiện sau không được thỏa mãn, thì chức năng này sẽ không hoạt động.

l Sau khi hệ thống dừng lái khẩn cấp hoạt động, nếu việc lái xe có thể bắt đầu lại được, thì có thể bắt đầu lại việc lái ngay lập tức, hoặc nếu cần, hãy đỗ xe vào lề đường và đặt biển phản quang cảnh báo cho người lái xe khác biết về xe bạn đang đỗ khẩn cấp.

l Sau khi hệ thống này hoạt động, các hành khách trên xe chú ý đến người lái xe và đưa ra các giải pháp phòng tránh nguy hiểm phù hợp, như di chuyển đến vị trí đảm bảo an toàn, như chỗ dừng nghỉ hoặc phía sau lan can đường.

l Hệ thống này phát hiện tình trạng của người lái thông qua hoạt động vô lăng. Hệ thống này có thể hoạt động nếu người lái tỉnh táo nhưng chủ ý thử chức năng và tiếp tục không vận hành xe. Ngoài ra, hệ thống có thể không hoạt động nếu nó không thể xác định được rằng người lái không phản ứng, chẳng hạn nếu người lái dựa vào vô lăng.

Tóm tắt hệ thống

Hoạt động của hệ thống này được chia thành 4 trạng thái điều khiển. Thông qua trạng thái điều

khiển "giai đoạn cảnh báo 1" và "giai đoạn cảnh báo 2", hệ thống xác định xem người lái có nhận thức và phản ứng hay không trong khi đưa ra cảnh báo và điều khiển tốc độ xe. Nếu hệ thống nhận định người lái không phản ứng, nó sẽ hoạt động trong trạng thái điều khiển "giai đoạn dừng để giảm tốc" và "giai đoạn duy trì dừng" và giảm tốc và dừng xe. Sau đó, nó sẽ tiếp tục hoạt động trong trạng thái "giai đoạn duy trì dừng".

n **Các điều kiện hoạt động**

Hệ thống này hoạt động khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Khi LTA được bật
- Khi tốc độ xe khoảng từ xấp xỉ 50 km/h trở lên

n **Các điều kiện hủy hoạt động**

Trong các trường hợp sau, hoạt động của hệ thống sẽ bị hủy bỏ:

- Khi điều khiển LTA đã bị hủy bỏ (đã ấn công tắc LTA, v.v.)
- Khi hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa đã bị hủy
- Khi phát hiện hoạt động của người lái (vận hành lô lăng, bàn đạp phanh, bàn đạp ga, phanh đỗ, công tắc đèn nháy khẩn cấp hoặc công tắc xi nhan)
- Khi ấn công tắc hỗ trợ lái trong giai đoạn duy trì dừng
- Khi công tắc động cơ đã được chuyển từ chế độ ON sang tắt
- Các tình huống mà một vài chức năng hoặc tất cả các chức năng của hệ thống không thể hoạt động: →P.276

n **Hệ thống LTA điều khiển khi hoạt động bị hủy**

Khi hoạt động hệ thống dừng lái khẩn cấp bị hủy, điều khiển LTA cũng có thể bị hủy.

Giai đoạn cảnh báo 1

Nếu không phát hiện các hoạt động lái xe sau khi cảnh báo bỏ tay khỏi vô lăng hoạt động, một chuông cảnh báo sẽ kêu gián đoạn và một thông báo sẽ xuất hiện để cảnh báo người lái, và hệ thống sẽ đánh giá xem người lái có phản ứng hay không. Nếu không thực hiện các hoạt động lái xe, như cầm vô lăng, trong một khoảng thời gian nhất định, hệ thống sẽ chuyển sang giai đoạn cảnh báo 2.

Giai đoạn cảnh báo 2

Sau khi bước vào giai đoạn cảnh báo 2, một chuông báo sẽ kêu với khoảng thời gian ngắn và một tin nhắn sẽ hiển thị để cảnh báo người lái, và xe sẽ từ từ giảm tốc. Nếu không thực hiện các thao tác lái như cầm vô lăng trong một khoảng thời gian nhất định, hệ thống sẽ xác định rằng người lái không phản ứng và bước vào giai đoạn dừng để giảm tốc.

Khi xe giảm tốc, đèn phanh có thể sáng lên, phụ thuộc vào điều kiện đường, v.v.

Sau khi xe đã giảm tốc độ một lượng nhất định, đèn nháy khẩn cấp (đèn cảnh báo nguy hiểm) sẽ nháy.

Giai đoạn dừng giảm tốc

Sau khi hệ thống xác định người lái không phản ứng, chuông báo sẽ kêu liên tục và một tin nhắn sẽ hiển thị để cảnh báo người lái, và xe sẽ giảm tốc và từ từ dừng lại. Trong quá trình giảm tốc, đèn cảnh báo khẩn cấp (đèn cảnh báo nguy hiểm) sẽ nhấp nháy để cảnh báo các người lái khác về tình huống khẩn cấp.

Giai đoạn duy trì dừng

Sau khi xe dừng lại, phanh đỗ sẽ được kích hoạt tự động. Sau khi vào giai đoạn duy trì dừng, chuông báo sẽ tiếp tục kêu liên tục, đèn cảnh báo khẩn cấp sẽ nhấp nháy để cảnh báo cho các tài xế khác về tình trạng khẩn cấp, và cửa sẽ mở khóa.

n Các chức năng bị hạn chế sau khi hủy hoạt động

Sau khi chuyển đến giai đoạn dừng giảm tốc, các chức năng sau sẽ không khả dụng cho đến khi động cơ được khởi động lại, ngay cả khi hệ thống dừng lái khẩn cấp đã bị hủy:

- LTA

Hệ thống Dừng và Khởi động*

*: Nếu có

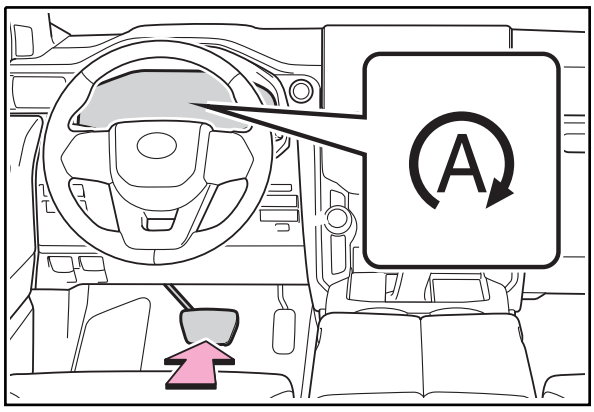
Hệ thống Dừng và Khởi động sẽ dừng và khởi động lại động cơ theo trạng thái hoạt động của bàn đạp phanh hoặc cần chuyển số khi dừng xe, như dừng nơi đèn đỏ, giao lộ,... để cải thiện tính kinh tế nhiên liệu và giảm ô nhiễm tiếng ồn gây ra bởi chạy không tải động cơ.

Sử dụng hệ thống dừng và khởi động

n Tắt động cơ

Trong khi lái xe với cần số ở vị trí D, hãy đạp bàn đạp phanh và dừng xe. Động cơ sẽ dừng tự động.

Khi động cơ dừng hoạt động, đèn chỉ báo Dừng và Khởi động sẽ sáng.



n Khởi động lại động cơ

Hãy nhả bàn đạp phanh. Động cơ sẽ khởi động tự động.

Khi động cơ khởi động, đèn chỉ báo

Dừng và Khởi động sẽ tắt.

n **Hệ thống giữ phanh đang hoạt động**

- Khi động cơ tắt máy nhờ hệ thống Dừng và Khởi động, nếu nhả bàn đạp phanh động cơ vẫn sẽ ngừng hoạt động.
  Khi xe dừng tiến hoặc có người đi bộ phía trước và tương tự, động cơ có thể khởi động lại.
- Nếu đạp bàn đạp ga khi động cơ được dừng hoạt động bằng hệ thống Dừng và Khởi động, động cơ sẽ khởi động lại.
- Nếu động cơ ngừng hoạt động nhờ hệ thống Dừng & Khởi động, nếu động cơ khởi động lại, hệ thống giữ phanh sẽ tiếp tục giữ phanh, trừ khi điều kiện hoạt động của hệ thống giữ phanh không được thỏa mãn. (→P.246)

n **Khi hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa đang hoạt động (Xe có hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa)**

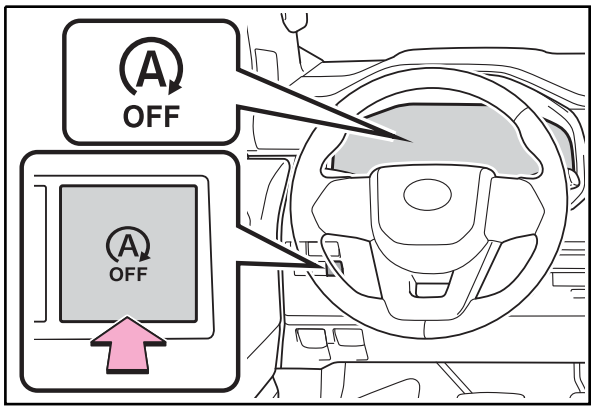
- Khi xe được dừng lại bởi hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa, động cơ sẽ tự động ngừng hoạt động mặc dù người lái không đạp chân phanh.
- Khi xe ở phía trước bắt đầu khởi hành, động cơ cũng sẽ tự động khởi động lại.
- Nếu động cơ được khởi động lại bằng hệ thống Dừng & Khởi động trong khi xe đang dừng lại bởi hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa, thì xe sẽ vẫn sẽ ở trạng thái dừng.

Vô hiệu hóa hệ thống dừng và khởi động

Hãy ấn công tắc hủy hệ thống dừng và khởi động để vô hiệu hóa hệ thống dừng và khởi động động cơ.

Chỉ báo tắt hệ thống Dừng và Khởi động động cơ sẽ sáng lên.

Ấn công tắc lần nữa sẽ bật hệ thống Dừng và Khởi động và chỉ báo hủy Dừng và Khởi động sẽ tắt.



n **Tự động kích hoạt lại hệ thống Dừng và Khởi động**

Nếu hệ thống Dừng và Khởi động bị vô hiệu hóa bằng công tắc hủy hệ thống Dừng và Khởi động, hệ thống này vẫn sẽ tự động được kích hoạt lại ngay sau khi công tắc động cơ được tắt và sau đó khởi động động cơ.

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Khi động cơ đã ngừng hoạt động bởi hệ thống Dừng và Khởi động, xe đang đỗ trên dốc, khi nhả bàn đạp phanh, lực phanh sẽ tạm thời được duy trì để tránh làm cho xe bị trôi về phía sau cho tới khi động cơ được khởi động lại và tạo ra lực dẫn động. Khi lực dẫn động được tạo ra, lực phanh đã được duy trì sẽ tự động bị hủy.

- Chức năng này hoạt động trên cả bề mặt phẳng và bề mặt dốc nghiêng.
- Bạn có thể nghe thấy tiếng động từ hệ thống phanh, nhưng đó không phải là dấu hiệu của hư hỏng.
- Phản hồi của bàn đạp phanh có thể sẽ thay đổi và gây ra tình trạng rung, nhưng đó không phải là dấu hiệu của hư hỏng.

n Các lưu ý khi sử dụng

l Nếu ấn công tắc động cơ trong khi động cơ đang dừng hoạt động bởi hệ thống Dừng và Khởi động, động cơ sẽ không thể khởi động lại được bởi chức năng tự động khởi động động cơ. Trong trường hợp này, hãy khởi động lại động cơ bằng quy trình khởi động thông thường. (→P.229)

l Khi động cơ được khởi động lại bằng hệ thống Dừng và Khởi động, các ổ điện có thể sẽ tạm thời không sử dụng được, nhưng đó là hiện tượng bình thường.

l Việc tháo và lắp các thiết bị điện hoặc thiết bị không dây có thể ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống Dừng và Khởi động. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin chi tiết.

l Khi dừng xe trong thời gian dài, hãy chuyển công tắc động cơ đến OFF để tắt hoàn toàn động cơ.

l Khi động cơ được khởi động lại bằng hệ thống Dừng và Khởi động, điều khiển vô lăng tạm thời có cảm giác nặng.

l Khi lái xe ở chế độ L4, hệ thống Dừng và Khởi động thông minh sẽ bị hủy vì hệ thống không thể hoạt động chính xác.

n Các điều kiện hoạt động

l Hệ thống dừng và khởi động động cơ sẽ hoạt động khi tất cả các điều kiện sau được thỏa mãn:

- Xe đã được lái sau một khoảng thời gian nhất định.
- Khi bàn đạp phanh đã được đạp chắc.

(Trừ khi xe đang dừng bởi hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa trong chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước)

- Khi cần số ở vị trí D.
- Khi người lái đã thắt đai an toàn.
- Cửa người lái đã đóng.
- Chế độ lái đang chọn là chế độ Normal hay chế độ ECO hoặc chế độ Comfort. (nếu có)
- Chế độ lái đang chọn không ở chế độ second start. (nếu có)
- Khi vi sai trung tâm không khóa.
- Khi bộ vi sai sau không khóa. (nếu có)
- Chế độ đa địa hình không hoạt động. (nếu có)
- Điều khiển bò xe không hoạt động. (nếu có)
- Tắt bộ sấy kính chắn gió.
- Công tắc bù không tải khi dùng bộ sưởi được TẮT (chỉ dành cho động cơ diesel)
- Khi không đạp ga.

- Khi động cơ đã được hâm nóng đủ.
- Nhiệt độ bên ngoài từ -5°C trở lên.
- Nắp capô được đóng lại (→P.321)

l Trong các tình huống sau, động cơ có thể sẽ không tắt được bằng hệ thống Dừng & Khởi động. Tuy nhiên, đó không phải là dấu hiệu của hư hỏng.

- Khi đang sử dụng hệ thống điều hòa không khí.
- Khi ắc quy được nạp điện định kỳ.
- Khi ắc quy không đủ điện trong một số trường hợp như xe được đỗ trong một thời gian dài và khả năng nạp điện của ắc quy bị giảm, tải điện lớn, nhiệt độ của ắc quy quá thấp hoặc ắc quy đã bị biến chất.*
- Khi thời gian trôi qua kể từ khi động cơ nổ máy là ngắn.
- Khi xe đang bị dừng thường xuyên, như khi đang đi trên đường bị tắc kẹt.
- Khi nhiệt độ nước làm mát động cơ hoặc nhiệt độ dầu hộp số quá thấp hoặc quá cao.
- Khi xe đang ở đỗ trên đường dốc đứng.
- Khi người lái điều khiển vô lăng.
- Khi xe đang vận hành ở khu vực có độ cao so với mực nước biển.
- Khi nhiệt độ nhiệt độ dung dịch ắc quy quá cao hoặc quá thấp.
- Sau khi ngắt kết nối và nối lại các điện cực của ắc quy.

*: Trạng thái mà động cơ không dừng lại có thể tiếp tục.

l Khi động cơ bị dừng hoạt động bằng hệ thống Dừng & Khởi động, động cơ sẽ tự động khởi động lại nếu thỏa mãn bất kỳ một trong các điều kiện sau:

(Để động cơ ngừng hoạt động bằng hệ thống Dừng & Khởi động, hãy lái xe.)

- Khi đang sử dụng hệ thống điều hòa không khí.
- Công tắc bù không tải khi dùng bộ sưởi được bật. (chỉ động cơ diesel)
- Bộ sấy kính chắn gió đang bật.
- Cần số được chuyển ra từ số D hoặc P.
- Cần số được chuyển ra khỏi vị trí P. (Khi động cơ được dừng bởi hệ thống Dừng và Khởi động khi cần số đang ở vị trí P.)
- Khi người lái đang không thắt đai an toàn.
- Khi cửa người lái mở ra.
- Thay đổi chế độ lái từ chế độ Normal, ECO hoặc chế độ Comfort đến chế độ khác. (nếu có)
- Chế độ lái được chuyển đến chế độ second start. (nếu có)
- Bộ vi sai trung tâm được khóa.
- Bộ vi sai sau khóa. (nếu có)
- Chế độ đa địa hình không hoạt động. (nếu có)
- Điều khiển bò xe đã được kích hoạt. (nếu có)
- Khi ấn công tắc hủy hệ thống dừng và khởi động động cơ.
- Khi đang điều khiển vô lăng.
- Khi đạp bàn đạp ga.
- Khi xe bắt đầu bị trôi xuống dốc.

l Khi động cơ bị dừng hoạt động bằng hệ thống Dừng & Khởi động, động cơ có thể tự động khởi động lại nếu thỏa mãn các tình huống sau: (Để động cơ ngừng hoạt động bằng hệ thống Dừng & Khởi động, hãy lái xe.)

Khi nhồi phanh hoặc đạp mạnh phanh.

- Khi đang sử dụng hệ thống điều hòa không khí.
- Khi một công tắc của hệ thống điều hòa được bật (công tắc sấy kính chắn gió,...)
- Nếu dung tích ắc quy thấp.

n Khi nắp capô bị mở ra

l Nếu mở nắp capô trong khi động cơ đang tắt bởi hệ thống Dừng và Khởi động, thì động cơ sẽ chết máy và không thể khởi động lại được bằng chức năng tự động khởi động động cơ. Trong trường hợp này, hãy khởi động lại động cơ theo cách thông thường. (→P.229)

l Nếu bạn đóng nắp ca pô sau khi khởi động động cơ với nắp ca pô

mở, hệ thống Dừng & Khởi động động cơ sẽ không hoạt động. Hãy đóng nắp ca pô, tắt công tắc động cơ, đợi khoảng 30 giây trở lên và sau đó khởi động động cơ.

n **Hoạt động của hệ thống điều hòa không khí trong khi động cơ dừng hoạt động bởi hệ thống dừng và khởi động động cơ**

Khi điều hòa đang ở chế độ tự động và động cơ ngừng hoạt động bởi hệ thống Dừng và Khởi động, quạt điều hòa có thể hoạt động ở tốc độ thấp để tránh cho nhiệt độ trong xe tăng hoặc giảm xuống hoặc quạt có thể ngừng hoạt động.

Để ưu tiên tính năng hoạt động của hệ thống điều hòa khi xe được đỗ lại, hãy vô hiệu hóa hệ thống dừng và khởi động bằng cách ấn công tắc hủy Dừng và Khởi động động cơ.

l Nếu kính chắn gió bị mờ

Hãy bật bộ sấy kính chắn gió. (→P.477)

Nếu kính chắn gió thường xuyên bị bám sương, hãy ấn công tắc hủy hệ thống Dừng và Khởi động để tắt hệ thống này.

l Nếu có mùi lạ phát ra từ hệ thống điều hòa không khí

Hãy ấn công tắc hủy hệ thống dừng và khởi động động cơ để vô hiệu hóa hệ thống dừng và khởi động động cơ.

n **Thay đổi thời gian dừng không tải với hệ thống điều hòa không khí đang bật**

Có thể thay đổi thời gian hoạt động của hệ thống Dừng & Khởi động bằng nút ⚙ của màn hình đa thông tin (→P.109, 120) khi hệ thống điều hòa đang bật. (Không thể thay đổi thời gian hệ thống Dừng và Khởi động sẽ hoạt động khi hệ thống điều hòa đang tắt.)

n **Hiển thị trạng thái của hệ thống dừng và khởi động**

→P.93, 98

n **Các thông báo trên màn hình đa thông tin**

Nếu các tình huống sau, (A) và một thông điệp sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

l Khi hệ thống dừng và khởi động động cơ không thể tắt động cơ được

(A) "Đạp phanh mạnh hơn để kích hoạt"

• Bàn đạp phanh không được nhấn đủ mạnh.

→If the brake pedal is depressed further, the system will operate.

(A) "Ắc quy thông thường"

• Ắc quy đang lắp trên xe có thể không phải là loại ắc quy chuyên dụng cho hệ thống Dừng & Khởi động.

→Have the vehicle inspected by your Toyota dealer.

(A) "Nạp ắc quy"

• Điện ắc quy có thể thấp.

→Stopping of the engine is temporarily prohibited to prioritize charging of the battery. After the engine runs for a certain amount of time, the system will be enabled.

• Tình trạng nạp ắc quy mới có thể xuất hiện

→After a refresh charge for up to an hour completes, the system can be operated.

• Nếu được hiển thị trong thời gian dài (hơn 60 phút)

→The battery may be deteriorated. Contact your Toyota dealer for details.

 "Hệ thống Stop & Start không khả dụng"

• Hệ thống Dừng và Khởi động động cơ đã tạm thời tắt đi.

→Allow the engine to run for some time.

• Động cơ có thể đã được khởi động với nắp ca pô để mở.

→Close the hood, turn the engine switch off, wait for 30 seconds or more, and then start the engine.

 "Để kiểm soát môi trường trong xe"

• Sử dụng hệ thống điều hòa không khí khi nhiệt độ môi trường quá cao hay quá thấp.

→If the difference between the set temperature and cabin temperature becomes small, the system will be enabled.

• Bộ sấy kính chắn gió bật.
• Công tắc bù không tải khi dùng bộ sưởi đang bật. (chỉ dành cho động cơ diesel)

l Khi động cơ tự động khởi động lại trong khi đang ngừng hoạt động bởi hệ thống dừng và khởi động động cơ

 "Để kiểm soát môi trường trong xe"

• Khi đang sử dụng hệ thống điều hòa không khí.
• Bộ sấy kính chắn gió đã được tắt.
• Công tắc bù không tải khi dùng bộ sưởi đã được bật. (chỉ dành cho động cơ diesel)

 "Nạp ắc quy"

• Điện ắc quy có thể thấp.

→The system will be enabled after the engine runs to sufficiently charge the battery.

n Khi chuông báo cũng kêu

Nếu cửa người lái được mở ra trong khi động cơ được ngừng hoạt động bằng hệ thống Dừng & Khởi động với cần số ở vị trí D, thì chuông báo sẽ kêu và đèn chỉ báo Dừng và Khởi động sẽ nháy. Để tắt chuông báo, hãy đóng cửa của người lái.

n Chức năng bảo vệ của hệ thống dừng và khởi động động cơ

l Khi âm lượng hệ thống âm thanh quá lớn, thì âm thanh phát ra từ hệ thống âm thanh có thể đột ngột ngắt để giảm tiêu thụ ắc quy. Để tránh cho hệ thống âm thanh khỏi tắt đột ngột, hãy giữ cho âm lượng ở mức vừa phải. Nếu hệ thống âm thanh đã bị cắt, hãy tắt công tắc động cơ, đợi khoảng từ 3 giây trở lên sau đó bật công tắc động cơ sang chế độ ACC hoặc ON để bật lại hệ thống âm thanh.

l Không thể kích hoạt được hệ thống âm thanh nếu đã ngắt và nối lại cực ắc quy. Nếu gặp trường hợp này, hãy tắt công tắc động cơ OFF, sau đó lặp lại hoạt động sau đây 2 lần để bật hệ thống âm thanh như bình thường.
• Bật công tắc động cơ đến chế độ ON và sau đó tắt.

n Thay pin

→P.638

n Khi đèn chỉ báo tắt hệ thống Dừng và Khởi động động cơ nháy liên tục

Hệ thống có thể đã bị trục trặc. Hãy cho kiểm tra xe ngay lập tức tại đại lý Toyota.

n **Nếu xuất hiện thông báo "Lỗi hệ thống Dừng và Khởi động Hãy hỏi ý kiến đại lý" trên màn hình đa thông tin**

Hệ thống có thể đã bị trục trặc. Hãy cho kiểm tra xe ngay lập tức tại đại lý Toyota.

CẢNH BÁO

n **Khi hệ thống dừng và khởi động động cơ đang hoạt động**

Hãy đảm bảo rằng tắt hệ thống Dừng và Khởi động động cơ khi đỗ xe trong khu vực thông gió kém.

Nếu không thể tắt được, động cơ có thể sẽ tự động khởi động lại, làm cho khí xả tích tụ lại và xâm nhập vào trong xe và có thể dẫn đến tử vong hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe.

- Không rời khỏi xe khi động cơ dừng hoạt động bởi hệ thống Dừng và Khởi động động cơ (khi đèn chỉ báo của hệ thống Dừng và Khởi động đang bật). Nếu không tai nạn có thể xảy ra bởi chức năng tự động khởi động động cơ.
- Hãy đạp phanh và gài phanh đỗ nếu cần khi động cơ dừng hoạt động bởi hệ thống dừng và khởi động động cơ (đèn chỉ báo của hệ thống dừng và khởi động động cơ đang bật).

CHÚ Ý

n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**

Nếu có một trong các tình huống sau xuất hiện, thì hệ thống Dừng và Khởi động có thể không hoạt động chính xác. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

- Khi đèn nhắc người lái và hành khách phía trước thắt đai an toàn vẫn nháy mặc dù người lái đã thắt đai an toàn.

CHÚ Ý

- Khi đèn nhắc người lái và hành khách phía trước thắt đai an toàn vẫn tắt mặc dù người lái đang không thắt đai an toàn.
- Mặc dù cửa người lái được đóng, thì đèn cảnh báo cửa mở sáng hoặc đèn trần sáng khi công tắc đèn trần ở vị trí của cửa xe (DOOR).
- Mặc dù cửa người lái được mở ra, đèn cảnh báo cửa mở không sáng hoặc đèn trần không sáng khi công tắc đèn trần ở vị trí DOOR.

Theo dõi điểm mù (BSM)*

*: Nếu có

Hệ thống theo dõi điểm mù là hệ thống sử dụng cảm biến ra-đa bên phía sau được lắp bên trong của cản sau trái và phải để hỗ trợ người lái xác nhận an toàn khi chuyển làn.

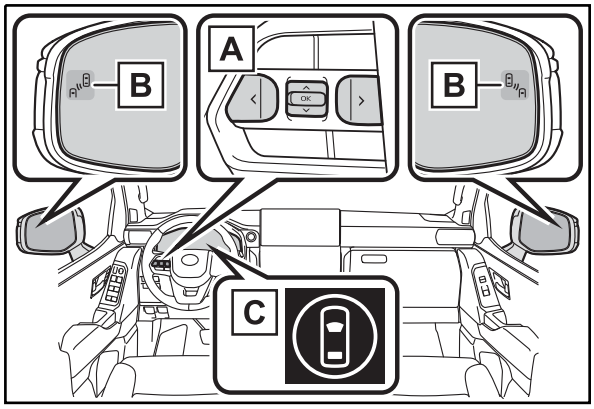
⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi sử dụng hệ thống**

l Người lái chịu trách nhiệm đến an toàn khi lái xe. Do đó luôn phải đảm bảo an toàn khi lái xe, hãy quan sát xung quanh xe.

l Hệ thống theo dõi điểm mù là hệ thống bổ sung giúp cảnh báo người lái rằng xe đang trong điểm mù của các gương chiếu hậu bên ngoài hoặc xe đang tiếp cận nhanh từ phía sau của điểm mù. Không quá phụ thuộc nhiều vào hệ thống này. Vì chức năng sẽ không thể phán đoán liệu có an toàn để chuyển làn, do đó việc quá phụ thuộc vào hệ thống có thể gây tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng. Do hệ thống có thể sẽ không hoạt động chính xác trong một số trường hợp, người lái cần phải xác nhận tình trạng thực tế bằng mắt thường để đảm bảo an toàn.

Các chi tiết của hệ thống



A Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô

Bật/tắt màn hình theo dõi điểm mù.

B Các đèn chỉ báo cho gương chiếu hậu bên ngoài

Khi phát hiện có một xe trong điểm mù của gương chiếu hậu bên ngoài xe hoặc đang tiến nhanh từ phía sau vào điểm mù, thì đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài xe (→P.89) ở phía phát hiện sẽ sáng. Nếu người lái vận hành công tắc xi nhan về phía phát hiện, thì đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài xe sẽ nhấp nháy và chuông báo sẽ kêu.

C Chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe

Sáng lên khi tắt hệ thống theo dõi điểm mù của xe. Lúc này, thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

n **Khả năng quan sát đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài**

Khi dưới ánh nắng chói, sẽ rất khó để quan sát đèn chỉ báo gương chiếu hậu phía ngoài.

n **Chuông báo**

Nếu cài đặt âm lượng của hệ thống âm thanh là quá cao hoặc khu vực

xung quanh ồn, thì có thể khó nghe được tiếng chuông báo.

n **Tùy chọn**

Có thể tùy chọn một số chức năng. (→P.669)

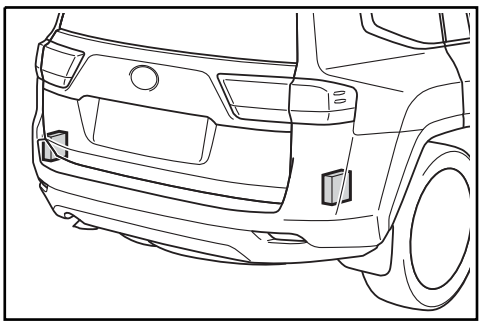
⚠ CẢNH BÁO

n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**

Cảm biến theo dõi điểm mù được lắp phía sau bên trái và bên phải của cản sau. Hãy tuân theo các chú ý sau để đảm bảo chức năng theo dõi điểm mù có thể hoạt động chính xác.

l Luôn giữ cho các cảm biến và các khu vực xung quanh cản sau luôn sạch.

Nếu một cảm biến hoặc khu vực xung quanh cản sau bị bẩn hoặc bị che phủ bởi băng tuyết, chức năng BSM (theo dõi điểm mù) có thể sẽ không hoạt động và một thông điệp cảnh báo sẽ được xuất hiện trên màn hình. Trong tình huống này, hãy lau sạch bụi hoặc làm sạch tuyết và lái xe với điều kiện hoạt động của chức năng BSM (→P.328) trong khoảng 10 phút. Nếu thông điệp cảnh báo không biến mất, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.



l Không gắn bất kỳ các phụ kiện nào hoặc các miếng dán (gồm cả băng dính trong suốt), băng dán nhôm...lên cảm biến hoặc khu vực xung quanh cản sau.

l Không được sơn lên khu vực xung quanh cảm biến trên cản sau của xe.

l Không để cảm biến hoặc khu vực xung quanh cản sau bị va chạm mạnh.

Nếu cảm biến bị lệch vị trí, hệ thống có thể bị lỗi và có thể không phát hiện được xe một cách chính xác.

Trong những trường hợp sau, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

- Cảm biến hoặc các khu vực xung quanh cảm biến đã chịu va chạm mạnh.
- Nếu khu vực xung quanh cảm biến bị xước hoặc bị biến dạng, hoặc một phần của chúng bị rời ra.

l Không tháo rời cảm biến.

l Không sửa đổi cảm biến hoặc khu vực xung quanh trên cản sau của xe.

l Nếu cảm biến hoặc cản sau của xe cần được tháo/lắp hoặc thay thế, hãy yêu cầu đại lý Toyota giúp bạn.

l Các cảm biến có thể bị ảnh hưởng bởi lớp sơn trên cản sau. Nếu cản sau không được sửa chữa đúng cách, Hệ thống Cảnh báo Điểm mù có thể không hoạt động và hiển thị một cảnh báo. Nếu cần sửa chữa sơn xe, hãy liên hệ với Đại lý Toyota của bạn.

Bật/tắt màn hình theo dõi điểm mù

Có thể bật/tắt hệ thống theo dõi điểm mù thông qua chức năng cài đặt cá nhân. (→P.669)

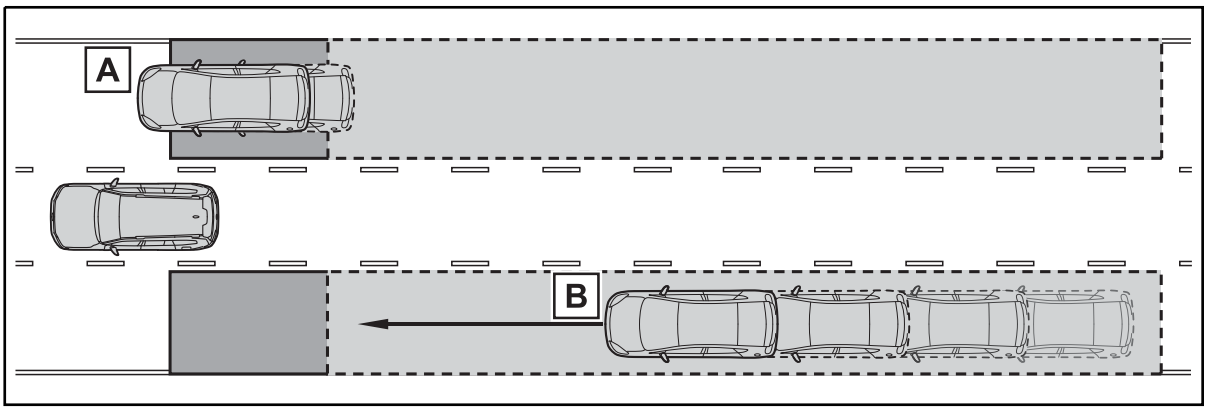
Khi hệ thống theo dõi điểm mù ở trạng thái tắt, thì đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe (→P.89) sẽ sáng lên và thông điệp cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

Mỗi khi bật công tắc động cơ sang ON, hệ thống theo dõi điểm mù cũng sẽ được bật.

Hoạt động theo dõi điểm mù

n Các vật thể có thể được phát hiện trong khi đang lái xe

Chức năng theo dõi điểm mù sử dụng cảm biến ra-đa phía sau để phát hiện những xe đang đi ở làn liền kề và nhắc cho người lái sự xuất hiện của các xe này thông qua các đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài.

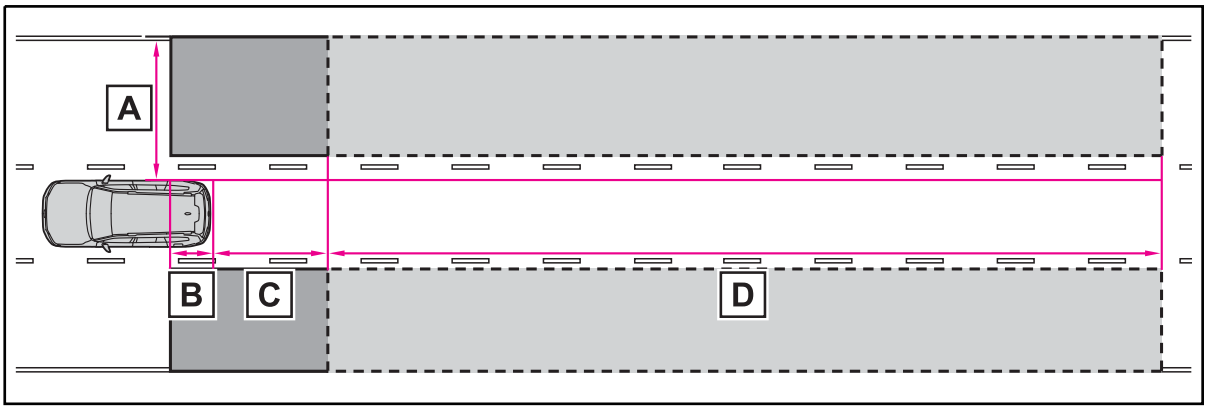


A Những xe đang đi trong khu vực mà không quan sát được trên gương chiếu hậu bên ngoài (các điểm mù)

B Các xe đến nhanh từ khu vực phía sau sẽ không nhìn thấy được trên gương chiếu hậu bên ngoài (các điểm mù)

n Phạm vi phát hiện trong khi lái xe

Các khu vực mà xe có thể phát hiện được như hình dưới đây.



Phạm vi của từng khu vực phát hiện là:

A Khoảng từ 0.5 m đến 3.5 m tính từ hông của xe*[*1]

B Khoảng 1 m về phía trước của cản sau[*2]

C Khoảng 3 m tính từ cản sau

D Khoảng 3 m đến 70 m tính từ cản sau[*3]

[*1]: Khu vực giữa hông xe và 0,5 m tính từ hông xe không thể phát hiện.

[*2]: Trong khi một xe khác chuẩn bị vượt qua xe bạn, hệ thống sẽ phát hiện thấy ở khoảng cách tối đa 3 m về phía trước của cản sau.

[*3]: Nếu mức độ chênh lệch tốc độ giữa xe của bạn và xe được phát hiện càng cao thì xe được phát hiện càng xa, và làm cho đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài xe sáng lên hoặc nhấp nháy.

n Chức năng liên kết với hệ thống theo dõi điểm mù

Hệ thống LDA (Cảnh báo đi lệch làn đường) có chức năng sử dụng thông tin của các xe được phát hiện đang chạy trên làn đường bên cạnh. Để biết thông tin chi tiết về chức năng và điều kiện hoạt động của hệ thống này, xin vui lòng tham khảo trang P.291.

n Chức năng theo dõi điểm mù sẽ hoạt động khi

Hệ thống theo dõi điểm mù sẽ hoạt động khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Công tắc động cơ ở ON.
- Màn hình theo dõi điểm mù đã bật.
- Khi cần chuyển số không ở vị trí R.
- Tốc độ xe xấp xỉ 10 km/h trở lên.

n Hệ thống theo dõi điểm mù sẽ phát hiện được xe khi

Hệ thống theo dõi điểm mù sẽ phát hiện vị trí của xe trong khu vực phát hiện trong các trường hợp sau:

- Xe ở làn liền kề vượt xe bạn.
- Bạn từ từ vượt qua xe khác ở làn liền kề.
- Xe khác đi vào khu vực phát hiện khi xe đó chuyển làn.

n Những tình huống mà hệ thống theo dõi điểm mù không thể phát hiện được các xe.

Hệ thống theo dõi điểm mù sẽ không thể phát hiện các xe và các vật thể khác như sau:

- Xe đạp, người đi bộ, xe môtô nhỏ…*
- Xe đi ngược chiều

l Dải phân cách, bức tường, biển báo, các xe đang đỗ và các vật đang đứng yên*

l Những xe sau đi cùng làn*

l Những xe đang chạy cách xe bạn 2 làn đường*

l Xe bạn vượt nhanh hoặc tạt đầu xe khác*

*: Tùy vào từng điều kiện, việc phát hiện xe và/hoặc vật thể có thể xảy ra.

n Các trường hợp mà chuông báo không kêu

Trong các tình huống sau đây, trong khi đang vận hành công tắc xi nhan, đèn chỉ báo sẽ nháy nhưng chuông báo có thể không kêu.

l Khi phát hiện được một xe thứ hai trong khi đang giữ công tắc xi nhan

l Khi vượt một xe trên làn đường bên cạnh ở một tốc độ cao hơn tốc độ của xe*

*: Tùy vào từng trường hợp, chuông báo có thể kêu.

n Những điều kiện sau đây, hệ thống có thể hoạt động không chính xác

l Hệ thống theo dõi điểm mù có thể không phát hiện đúng các xe trong các điều kiện sau:

- Khi cảm biến bị lệch do va chạm mạnh hoặc do khu vực xung quanh.
- Khi bùn, tuyết, băng, nhãn dính… đang che khuất cảm biến hoặc khu vực xung quanh cản sau
- Khi lái xe trên bề mặt đường ướt, như trong vũng nước, trong khi thời tiết xấu, như khi trời mưa to, tuyết rơi, sương mù, v.v.
- Khi có nhiều xe đang tiếp cận với khoảng cách giữa từng xe là nhỏ
- Khi khoảng cách giữa xe bạn và xe theo sau là ngắn
- Khi có sự chênh lệch tốc độ đáng kể giữa xe của bạn và xe đi vào vùng phát hiện
- Khi sự chệnh lệch về tốc độ của xe bạn và xe khác đang thay đổi
- Khi xe đi vào vùng phát hiện và có cùng tốc độ với xe của bạn
- Do xe của bạn được khởi hành từ vị trí dừng, xe vẫn nằm trong phạm vi phát hiện
- Khi lên và xuống dốc đứng liên tục, như đồi, các chỗ lún trên đường…
- Trên đường có nhiều góc cua gấp hoặc mặt đường gồ ghề
- Khi làn đường rộng hoặc khi lái xe trên lề đường, và ở làn liền kề đang chạy xa xe bạn.
- Khi một phụ kiện (như giá đỡ xe đạp) được lắp trên phía sau xe
- Khi có sự chênh lệch độ cao đáng kể giữa xe của bạn và xe đi vào vùng phát hiện
- Ngay sau khi hệ thống theo dõi điểm mù được bật
- Khi đang kéo một xe khác

l Các ví dụ mà chức năng theo dõi điểm mù phát hiện các xe và/hoặc vật thể khi không cần thiết:

- Khi cảm biến bị lệch do va chạm mạnh hoặc do khu vực xung quanh.
- Khi khoảng cách giữa xe với dải phân cách, bức tường là ngắn
- Khi lên và xuống dốc đứng liên tục, như đồi, các chỗ lún trên đường…
- Khi làn đường hẹp, hoặc khi lái xe trên lề đường, và một xe khác chạy trên một làn (ngoài làn liền kề) đi vào trong khu vực phát hiện
- Trên đường có nhiều góc cua gấp hoặc mặt đường gồ ghề
- Khi lốp xe bị trượt hoặc bị quay trơn
- Khi khoảng cách giữa xe bạn và xe theo sau là ngắn
- Khi một phụ kiện (như giá đỡ xe đạp) được lắp trên phía sau xe
- Khi đang kéo một xe khác

Thông báo xe phía sau đang tiếp cận*

*: Nếu có

Hệ thống chỉ báo xe phía sau đang tiếp cận là một hệ thống sử dụng cảm biến ra đa được lắp đặt ở phía trong của cản sau. Bằng cách thông báo cho người lái về việc có xe tiếp cận phía sau xe của bạn, hệ thống hỗ trợ người lái trong việc đánh giá xem có cần thực hiện hành động tránh né hay không.

⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi sử dụng hệ thống**

Người lái chịu trách nhiệm đến an toàn khi lái xe. Do đó luôn phải đảm bảo an toàn khi lái xe, hãy quan sát xung quanh xe.

Hệ thống hiển thị xe phía sau tiếp cận là một hệ thống bổ trợ thông báo cho người lái về sự tồn tại của một xe tiếp cận phía sau xe của bạn.

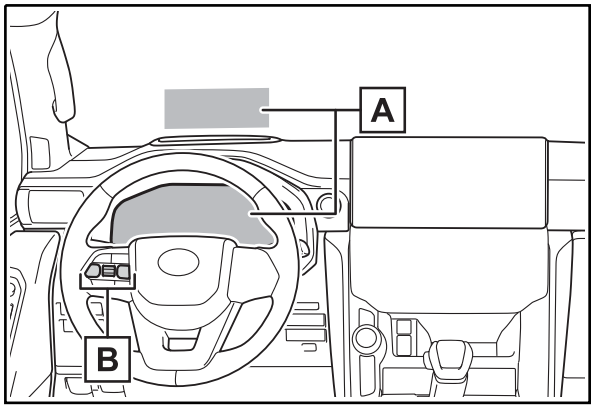
Do hệ thống có thể sẽ không hoạt động hoàn toàn trong một số trường hợp, người lái cần phải xác nhận tình trạng an toàn bằng mắt thường để đảm bảo an toàn khi cần thiết.

Việc quá tin tưởng vào chức năng này có thể dẫn đến tai nạn gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**

→P.326

Các chi tiết của hệ thống



A Màn hình đa thông tin/màn hình trên kính chắn gió*

Thông báo thông qua tin nhắn và chuông báo khi xe của bạn có thể gây cản trở cho xe phía sau.

B Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô

Bật/tắt thông báo xe phía sau đang tiếp cận.

*: Nếu có

Bật/tắt thông báo xe phía sau đang tiếp cận.

Có thể bật/tắt thông báo xe phía sau đang tiếp cận qua việc cài đặt tùy chọn. (→P.669)

n **Chuông báo**

Nếu cài đặt âm lượng của hệ thống âm thanh là quá cao hoặc khu vực xung quanh ồn, thì có thể khó nghe được tiếng chuông báo.

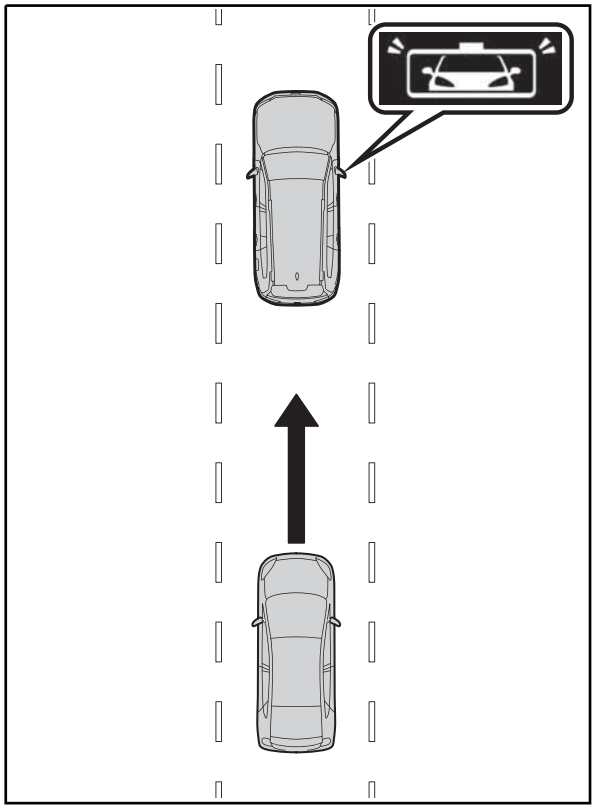
n **Tùy chọn**

Có thể tùy chọn một số chức năng. (→P.669)

Hoạt động của thông báo xe phía sau đang tiếp cận

Khi phát hiện một xe đang tiến đến phía sau xe của bạn bằng cảm biến ra đa phía sau, thông báo xe phía sau đang tiếp cận sẽ thông báo tới người lái sự tồn tại của xe đó thông qua một thông điệp trên màn hình đa thông tin hoặc màn hình trên kính chắn gió*, và một chuông cảnh báo.

*: Nếu có



n Các điều kiện hoạt động củathông báo xe phía sau đang tiếp cận

Khi các điều kiện sau được thỏa mãn, thông báo xe phía sau đang tiếp cận sẽ hoạt động:

- Công tắc động cơ ở ON.
- Thông báo xe phía sau đang tiếp cận đã được bật.
- Khi cần chuyển số không ở vị trí R.
- Khi tốc độ xe đạt xấp xỉ từ 100 km/h trở lên.
- Không vận hành công tắc xi nhan.
- Khi không nhấn bàn đạp phanh.
- 5 phút trở lên trôi qua kể từ khi hệ thống được vận hành.

n Thông báo xe phía sau đang tiếp cận sẽ phát hiện một xe khi

Thông báo xe phía sau đang tiếp cận phát hiện các xe trong phạm vi phát hiện khi có một xe theo sau đang lái trên cùng làn đường và đang tiến lại gần.

n Những tình huống mà thông báo xe phía sau đang tiếp cận không thể phát hiện được các xe.

Chức năng thông báo xe phía sau đang tiếp cận không thể phát hiện các loại xe và các vật thể sau đây:

- Xe đạp, người đi bộ, xe môtô nhỏ…*
- Dải phân cách, bức tường, biển báo, các xe đang đỗ và các vật đang đứng yên*
- Xe đi ngược chiều
- Xe ở làn liền kề*

*: Tùy vào từng điều kiện, việc phát hiện xe và/hoặc vật thể có thể xảy ra.

n Những tình huống làm cho thông báo xe phía sau đang tiếp cận không hoạt động đúng cách.

- Trong các trường hợp sau, hệ thống sẽ không phát hiện được xe phía sau được chính xác:
  - Khi cảm biến bị lệch do va chạm mạnh hoặc do khu vực xung quanh.
  - Khi bùn đất, tuyết, băng giá, giấy dán… che phủ cảm biến hoặc khu vực xung quanh cản sau của xe
  - Khi lái xe trên bề mặt đường ướt, như trong vũng nước, trong khi thời tiết xấu, như khi trời mưa to, tuyết rơi, sương mù, v.v.
  - Khi lên và xuống dốc đứng liên tục, như đồi, các chỗ lún trên đường…
  - Khi đang kéo một xe khác

- Khi xe phía sau không tiếp cận thẳng với phía sau xe bạn
- Khi xe phía sau tiếp cận xiên góc
- Khi có xe cắt ngang phía sau xe bạn
- Khi xe của bạn chạy cắt qua đầu một xe khác
- Khi xe phía sau tiếp cận đang được bao quanh bởi các xe khác
- Khi có một vật thể cố định, chẳng hạn như lan can hoặc bức tường, xung quanh xe theo sau
- Khi một xe phía sau, đã tiếp cận và rồi đi xa, tiếp tục tiếp cận lại với xe của bạn
- Khi xe đang đi sau đang di chuyển ra xa xe của bạn
- Khi một xe phía sau đang vượt xe của bạn
- Trên đường có nhiều góc cua gấp hoặc mặt đường gồ ghề
- Khi độ cao của xe đang theo sau khác quá nhiều so với xe của bạn

Đặc biệt trong những tình huống như sau, hệ thống có thể hoạt động ngay cả khi không có xe theo sau tiếp cận xe của bạn:

- Khi cảm biến bị lệch do va chạm mạnh hoặc do khu vực xung quanh.
- Khi đang kéo một xe khác
- Khi xe bạn đang được bao quanh bởi các xe khác
- Khi bạn rẽ trái/rẽ phải và một xe đang đi phía sau qua ngay phía sau xe của bạn
- Khi xe phía sau tiếp cận gần với xe bạn trước khi vượt
- Khi một xe đang lái trên làn đường kế bên nằm trong vùng phát hiện, như khi xe của bạn đang lái trên đường hẹp hoặc lái sát lề đường
- Khi có nhiều hơn một xe xung quanh một xe theo sau
- Khi đi qua vị trí có các công trình nằm ở phía trên cao so với mặt đường (biển báo giao thông, biển quảng cáo...)
- Khi có một vật thể cố định, chẳng hạn như lan can hoặc bức tường, xung quanh xe theo sau
- Khi có xe kế bên khi đang ở trên khúc cua
- Khi xe của bạn chạy cắt qua đầu một xe khác

Đèn cảnh báo nguy hiểm phía sau tự động*

*: Nếu có

Hệ thống Đèn cảnh báo nguy hiểm phía sau tự động là một hệ thống sử dụng cảm biến ra đa phía sau được đặt bên trong cản sau. Khi hệ thống xác định khả năng va chạm phía sau cao, nó sẽ nhấp nháy đèn cảnh báo khẩn cấp nhanh để cảnh báo người lái của phương tiện đang đi sau.

CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi sử dụng hệ thống**

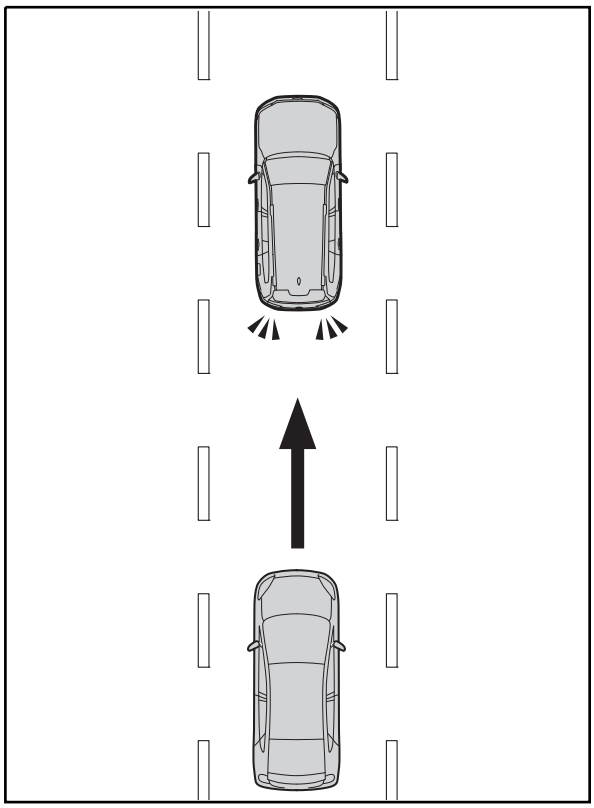
Người lái hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc lái xe an toàn. Luôn lái xe cẩn thận, quan sát kỹ xung quanh. Hệ thống Đèn cảnh báo nguy hiểm phía sau tự động là một hệ thống phụ trợ, làm nhấp nháy đèn cảnh báo khẩn cấp nhanh để cảnh báo tài xế của xe phía sau khi nó xác định khả năng xảy ra va chạm phía sau là cao. Vì hệ thống này có thể không hoạt động đầy đủ trong một số tình huống, nên tài xế cần xác nhận một cách trực quan sự an toàn. Phụ thuộc quá mức vào chức năng này có thể dẫn đến tai nạn gây tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**

→P.326

Hoạt động của đèn cảnh báo nguy hiểm phía sau tự động

Các cảm biến ra đa phía sau phát hiện được xe phía sau ở cùng làn đường. Nếu hệ thống xác định khả năng va chạm từ phía sau là cao, bộ đèn nháy khẩn cấp sẽ nháy liên tục để cảnh báo cho người lái của xe phía sau. Đồng thời, một thông điệp được hiển thị trên màn hình đa thông tin để thông báo cho người lái biết sự tiếp cận của xe phía sau.



n **Điều kiện hoạt động của các đèn nháy tự động phía sau**

Khi các điều kiện sau đây được đáp ứng, đèn nháy nguy hiểm phía sau tự động sẽ hoạt động:

- Công tắc động cơ ở ON.
- Khi cần chuyển số không ở vị trí R.
- Không vận hành công tắc xi nhan.
- Tốc độ tương đối giữa xe của bạn và xe bám theo nằm trong khoảng từ khoảng 30 đến 100 km/h.
- Xe bạn đang được lái với tốc độ từ khoảng 10 km/h trở xuống hoặc ở

bất kỳ tốc độ nào trong khi nhấn bàn đạp phanh.

n **Đèn cảnh báo nguy hiểm tự động phía sau sẽ phát hiện được xe khi**

Các đèn cảnh báo nguy hiểm tự động phía sau phát hiện được xe phía sau đang di chuyển trong cùng làn đường trong phạm vi phát hiện, khi xác định rằng khả năng va chạm phía sau với nó là cao.

n **Những tình huống làm cho đèn cảnh báo nguy hiểm phía sau tự động không thể phát hiện xe chính xác**

Đèn cảnh báo nguy hiểm phía sau tự động không thể phát hiện các xe và các vật thể khác như sau:

l Xe đạp, người đi bộ, xe môtô nhỏ…*

l Dải phân cách, bức tường, biển báo, các xe đang đỗ và các vật đang đứng yên*

l Xe đi ngược chiều

l Xe ở làn liền kề*

*: Tùy vào từng điều kiện, việc phát hiện xe và/hoặc vật thể có thể xảy ra.

n **Những tình huống làm cho đèn cảnh báo nguy hiểm phía sau tự động có thể hoạt động không chính xác**

l Trong các trường hợp sau, hệ thống sẽ không phát hiện được xe phía sau được chính xác:
- Khi cảm biến bị lệch do va chạm mạnh hoặc do khu vực xung quanh.
- Khi bùn đất, tuyết, băng giá, giấy dán… che phủ cảm biến hoặc khu vực xung quanh cản sau của xe
- Khi xe dừng lại hoặc đang di chuyển trên bề mặt đường ướt, như trong một vũng nước, trong khi thời tiết xấu như mưa to, tuyết rơi, sương mù, v.v.
- Khi lên và xuống dốc đứng liên tục, như đồi, các chỗ lún trên đường…
- Khi đang kéo một xe khác
- Khi xe phía sau không tiếp cận thẳng với phía sau xe bạn
- Khi xe phía sau tiếp cận xiên góc
- Khi có xe cắt ngang phía sau xe bạn
- Khi xe phía sau tiếp cận đang được bao quanh bởi các xe khác
- Khi có một vật thể cố định, chẳng hạn như lan can hoặc bức tường, xung quanh xe theo sau
- Khi lắp giá treo xe đạp hoặc các phụ kiện khác lên phía sau của xe
- Khi độ cao của xe đang theo sau khác quá nhiều so với xe của bạn

l Những tình huống sau, có thể làm hệ thống hoạt động mặc dù không có nguy cơ bị va chạm
- Khi cảm biến bị lệch do va chạm mạnh hoặc do khu vực xung quanh.
- Khi đang kéo một xe khác
- Khi xe bạn đang được bao quanh bởi các xe khác
- Khi xe bạn đang được dừng để rẽ ở nơi giao lộ, vv.. và có xe khác vượt thẳng từ phía sau xe
- Xe bạn đang được đỗ ở lề đường, vv... và xe vượt gần với sườn xe bạn
- Khi xe phía sau tiếp cận gần với xe bạn trước khi vượt
- Khi xe phía sau tiếp cận bất ngờ gần phía sau xe bạn
- Khi có một vật thể cố định, chẳng hạn như lan can hoặc bức tường, xung quanh xe theo sau

Phanh giảm va chạm thứ cấp (Va chạm phía sau khi dừng xe)*

*: Nếu có

Hệ thống "Phanh giảm va chạm thứ cấp" (va chạm phía sau khi dừng xe) là một hệ thống sử dụng các cảm biến ra đa phía sau nằm ở phía trong cản sau. Khi hệ thống xác định khả năng xảy ra va chạm phía sau khi xe đang dừng là rất cao, phanh sẽ được điều khiển tự động để giúp giảm khả năng gây thêm hư hỏng do va chạm thứ cấp.

CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi sử dụng hệ thống**

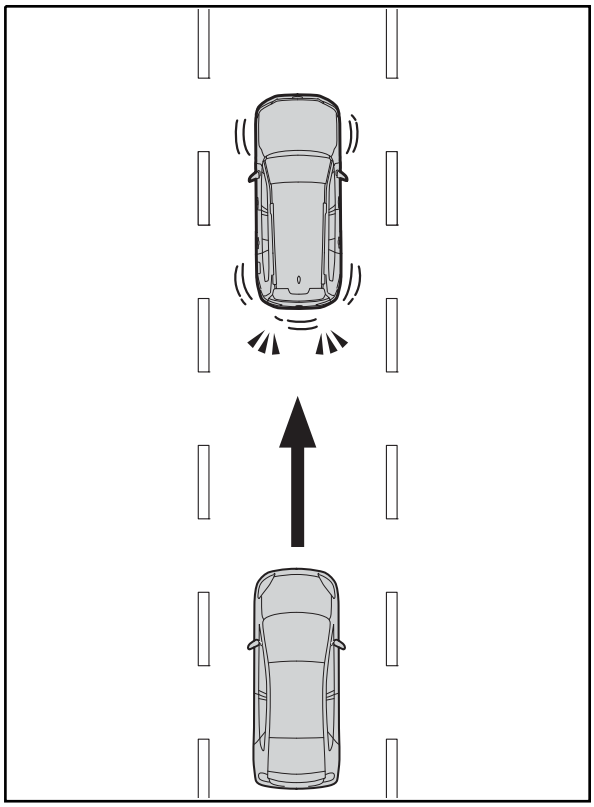
Người lái xe hoàn toàn chịu trách nhiệm cho việc lái xe an toàn. Luôn lái xe an toàn, chú ý quan sát môi trường xung quanh. Hệ thống phanh hạn chế va chạm thứ cấp (va chạm phía sau khi dừng xe) là một hệ thống phụ trợ điều khiển phanh tự động khi xác định khả năng xảy ra va chạm phía sau với phương tiện phía sau đang di chuyển trong cùng làn đường là rất cao trong khi xe đang dừng lại. Vì Hệ thống phanh hạn chế va chạm thứ cấp (va chạm phía sau khi dừng xe) có thể không hoạt động tối đa trong một số tình huống, việc xác nhận an toàn một cách trực quan của lái xe là cần thiết. Quá phụ thuộc vào chức năng này có thể dẫn đến tai nạn gây tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**

→P.326

Hoạt động của Hệ thống Phanh giảm va chạm thứ cấp (Va chạm phía sau khi dừng xe)

Với Chức năng Phanh tự động sau va chạm (Va chạm phía sau khi dừng xe), cảm biến ra đa phía sau sẽ phát hiện được xe bám theo trong cùng làn đường khi xe đang dừng. Nếu hệ thống xác định nguy cơ xảy ra va chạm phía sau là rất cao, phanh và đèn phanh sẽ được điều khiển tự động để giảm tốc độ xe sau va chạm phía sau và giúp giảm khả năng gây thêm hư hại do va chạm thứ cấp.



n **Điều kiện hoạt động của hệ thống phanh giảm va chạm thứ cấp (Va chạm phía sau khi đã dừng xe)**

Khi đáp ứng các điều kiện sau đây,

Phanh hạn chế va chạm thứ cấp (Va chạm phía sau khi dừng xe) sẽ hoạt động:

- Công tắc động cơ ở ON.
- Khi cần chuyển số không ở vị trí R.*
- Không vận hành công tắc xi nhan.
- Khoảng 7 phút trở lên đã trôi qua kể từ khi hệ thống được vận hành.
- Tốc độ tương đối giữa xe của bạn và xe bám theo nằm trong khoảng từ khoảng 30 đến 100 km/h.
- Tốc độ của xe xấp xỉ 0 km/h.

*: Khi chọn vị trí số N, hệ thống không hoạt động khi không có bất kỳ bàn đạp phanh, phanh đỗ hoặc hệ thống giữ phanh nào được vận hành.

n Chức năng phanh giảm va chạm thứ cấp (va chạm phía sau khi dừng xe) sẽ phát hiện phương tiện khi

Phanh giảm va chạm thứ cấp (Va chạm phía sau khi dừng xe) phát hiện xe bám theo sau trong cùng làn xe trong phạm vi phát hiện, khi nó xác định khả năng xảy ra va chạm phía sau với xe đó rất cao.

n Các tình huống mà chức năng Phanh giảm va chạm thứ cấp (Va chạm phía sau khi dừng xe) không thể phát hiện phương tiện

Hệ thống phanh giảm va chạm thứ cấp (va chạm từ phía sau khi dừng xe) không thể nhận diện các phương tiện và vật thể sau đây:

- Xe đạp, người đi bộ, xe môtô nhỏ…*
- Dải phân cách, bức tường, biển báo, các xe đang đỗ và các vật đang đứng yên*
- Xe đi ngược chiều
- Xe ở làn liền kề*

*: Tùy vào từng điều kiện, việc phát hiện xe và/hoặc vật thể có thể xảy ra.

n Các tình huống mà chức năng phanh giảm va chạm thứ cấp (Va chạm phía sau khi dừng xe) có thể không hoạt động chính xác.

- Trong các trường hợp sau, hệ thống sẽ không phát hiện được xe phía sau được chính xác:
  - Khi cảm biến bị lệch do va chạm mạnh hoặc do khu vực xung quanh.
  - Khi bùn đất, tuyết, băng giá, giấy dán… che phủ cảm biến hoặc khu vực xung quanh cản sau của xe
  - Khi xe dừng trên bề mặt đường ướt, chẳng hạn như trong vũng nước, trong khi điều kiện thời tiết bất lợi, như mưa to, tuyết rơi, sương mù, v.v.
  - Khi lên và xuống dốc đứng liên tục, như đồi, các chỗ lún trên đường…
  - Khi đang kéo một xe khác
  - Khi xe phía sau tiếp cận ngay sau khi xe của bạn dừng lại.
  - Khi xe phía sau không tiếp cận thẳng với phía sau xe bạn
  - Khi xe phía sau tiếp cận xiên góc
  - Khi có xe cắt ngang phía sau xe bạn
  - Khi xe phía sau tiếp cận đang được bao quanh bởi các xe khác
  - Khi có một vật thể cố định, chẳng hạn như lan can hoặc bức tường, xung quanh xe theo sau
  - Khi độ cao của xe đang theo sau khác quá nhiều so với xe của bạn
  - Khi một phụ kiện (như giá đỡ xe đạp) được lắp trên phía sau xe
- Đặc biệt là trong các tình huống như sau, hệ thống có thể hoạt động mặc dù không có khả năng xảy ra va chạm:
  - Khi cảm biến bị lệch do va chạm mạnh hoặc do khu vực xung quanh.
  - Khi đang kéo một xe khác
  - Khi xe bạn đang được dừng để rẽ ở nơi giao lộ, vv.. và có xe khác vượt thẳng từ phía sau xe
  - Khi xe đang dừng ở lề đường, vv... và một xe khác vượt ngay bên cạnh xe của bạn.
  - Khi xe phía sau tiếp cận gần với xe bạn trước khi vượt
  - Khi một xe phía sau tiếp cận bất ngờ gần phía sau xe của bạn

- Khi xe bạn đang được bao quanh bởi các xe khác
- Khi có một vật thể cố định, chẳng hạn như lan can hoặc bức tường, xung quanh xe theo sau
- Khi một xe phía sau tiếp cận ngay trước khi dừng hoặc ngay sau khi khởi động.
- Khi phanh trên đường trơn trượt, v.v., khi bánh xe bị khóa và có xe đang tiếp tục lại gần
- Khi xe được rửa trong máy rửa xe

Hỗ trợ xuống xe an toàn*

*: Nếu có

Hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn là một hệ thống sử dụng các cảm biến ra đa phía sau được lắp ở phía bên trong của cản sau để giúp người ngồi trên xe đánh giá xem một xe ô tô hoặc xe đạp đang tiến đến gần xe có thể va chạm với cửa xe khi xuống xe, nhằm giảm khả năng xảy ra va chạm.

CẢNH BÁO

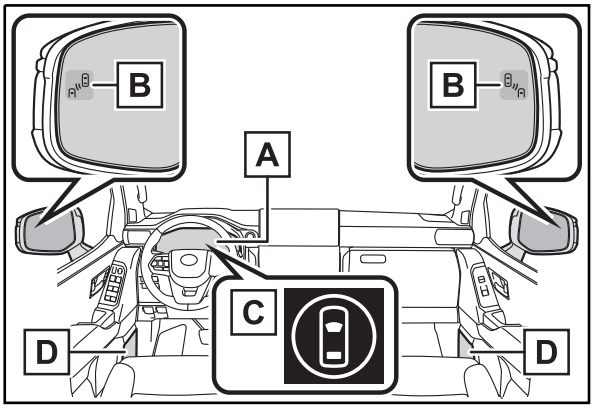
n **Lưu ý khi sử dụng hệ thống**

l Người lái chịu trách nhiệm đến an toàn khi lái xe. Do đó luôn phải đảm bảo an toàn khi lái xe, hãy quan sát xung quanh xe.

l Hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn là một hệ thống hỗ trợ, khi xe dừng lại, sẽ thông báo cho người ngồi trên xe về việc có các xe và xe đạp đang tiến đến gần. Vì hệ thống này không thể được sử dụng độc lập để đánh giá mức độ an toàn, việc phụ thuộc quá mức vào hệ thống này có thể dẫn đến tai nạn gây ra tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng.

Trong một số tình huống nhất định, hệ thống này có thể sẽ không hoạt động ở mức hiệu quả tối đa. Vì vậy, người ngồi trên xe cần phải trực tiếp kiểm tra bằng mắt mức độ an toàn và sử dụng các gương để quan sát.

Các chi tiết của hệ thống



A Màn hình đa thông tin

Bật/tắt hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn.

Nếu có khả năng xảy ra va chạm với cửa xe và cửa được mở, cửa đó sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin. Ngoài ra, nếu cửa được mở ra khi đèn chỉ báo gương chiếu hậu bên ngoài xe sáng, chuông sẽ kêu để cảnh báo.

B Các đèn chỉ báo cho gương chiếu hậu bên ngoài

Khi phát hiện một xe hoặc xe đạp có thể va chạm với cửa (khác cửa hậu) khi mở cửa, đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài (→P.89) ở phía phát hiện sẽ sáng lên. Nếu cửa phía phát hiện được mở, đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài sẽ nhấp nháy.

C Chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe

Sáng lên khi tắt hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn. Lúc này, thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

D Loa (thông báo bằng giọng nói*)

Khi đèn chỉ báo gương chiếu hậu bên ngoài xe nhấp nháy, hệ thống sẽ thông báo cho người lái rằng hệ thống đã hoạt động thông qua chức năng chỉ dẫn bằng giọng nói. Sau khi thông báo cho người lái thông qua chức năng chỉ dẫn bằng giọng nói, sẽ không có thông báo bằng giọng nói nữa cho đến khi cửa đóng hoàn toàn.

*: Nếu có

---

n Khả năng quan sát đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài

Khi dưới ánh nắng chói, sẽ rất khó để quan sát đèn chỉ báo gương chiếu hậu phía ngoài.

n Chuông báo

Nếu cài đặt âm lượng của hệ thống âm thanh là quá cao hoặc khu vực xung quanh ồn, thì có thể khó nghe được tiếng chuông báo.

n Thông báo bằng giọng nói (nếu có)

Trong các tình huống sau đây, thông báo giọng nói sẽ không phát ra:

- Khi hệ thống xác định rằng không có người nào trên xe*
- Sau khi mở một cửa ra vào xe, cho đến khi động cơ được khởi động
- Khi động cơ đã được dừng được khoảng 3 phút trở lên.
- Khi cài đặt ngôn ngữ của màn hình trung tâm đã được cài đặt thành một ngôn ngữ không hỗ trợ thông báo giọng nói.
- Khi tất cả các cửa đã được khóa lại từ bên ngoài
- Khi một cửa vẫn mở trong khoảng 1 phút trở lên sau khi động cơ tắt máy
- Khi chế độ ACC (→P.670) đã được kích hoạt thông qua cài đặt tùy chỉnh trên Màn hình Trung tâm và động cơ đã tắt
- Khi cài đặt âm lượng chức năng hỗ trợ đỗ xe trên Màn hình Trung tâm

đã được tắt

*: Với mỗi vị trí ghế, hệ thống sẽ xác định dựa trên thao tác đóng và mở cửa, đi vào xe trước khi lái xe và đi ra khỏi xe sau khi lái xe.

n **Tùy chọn**

Có thể tùy chọn một số chức năng. (→P.669)

CẢNH BÁO

n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**

→P.326

ON/OFF hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn

Có thể bật/tắt hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn thông qua chức năng cài đặt tùy chọn. (→P.669)

Khi tính năng hỗ trợ xuống xe an toàn đang tắt, đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe sẽ sáng và một thông điệp sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

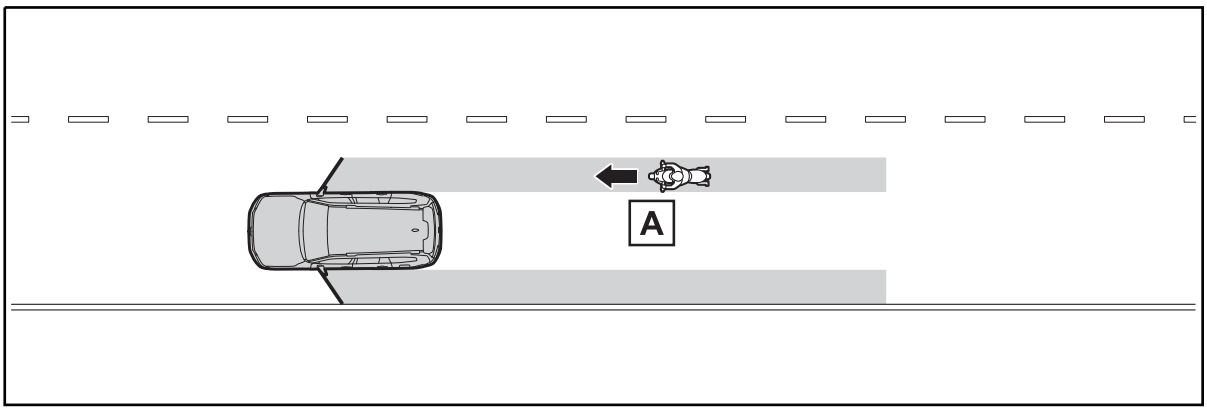
Mỗi khi bật công tắc động cơ sang ON, thì chức năng hỗ trợ xuống xe an toàn sẽ được bật.*

*: Khi công tắc động cơ được tắt và sau đó bật ngay lập tức, chức năng hỗ trợ xuống xe an toàn có thể không được kích hoạt.

Hoạt động hỗ trợ xuống xe an toàn

n **Các đối tượng có thể phát hiện của hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn**

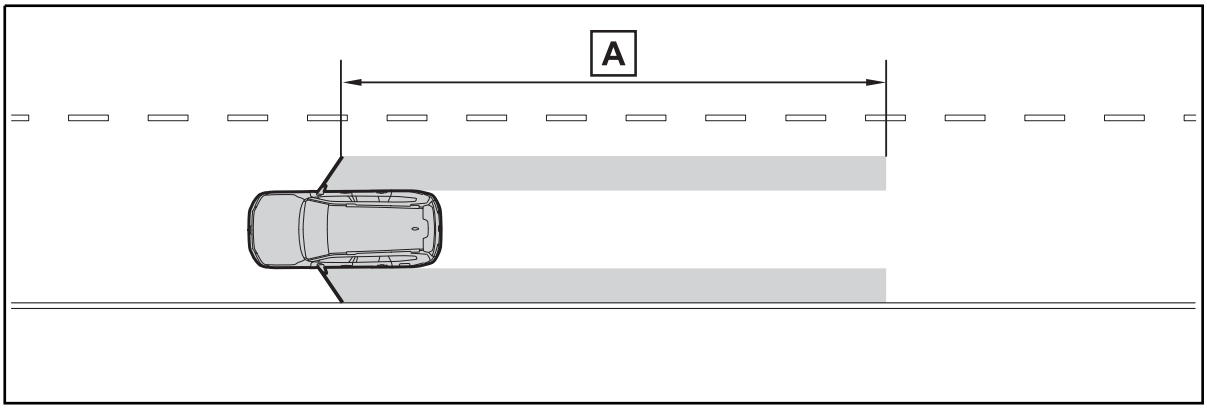
Khi hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn phát hiện thấy các xe ô tô hoặc xe đạp ở phía sau xe của bạn bằng cảm biến ra đa phía sau, những người ngồi trên xe sẽ được thông báo thông qua đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài xe, chuông báo, màn hình đa thông tin và thông báo bằng giọng nói (nếu có).



A Xe ô tô hoặc xe đạp có nhiều khả năng va chạm với cửa xe (trừ cửa hậu) khi mở cửa xe

n Các khu vực phát hiện của hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn

Các khu vực mà xe có thể phát hiện được như hình dưới đây.



A Cách phía sau cửa trước khoảng 45 m*

*: Xe ô tô hoặc xe đạp tiến đến gần càng nhanh, thì khoảng cách mà tại đó đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài xe sẽ sáng hoặc nhấp nháy sẽ càng lớn.

n Hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn sẽ hoạt động khi

Hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn sẽ hoạt động khi thỏa mãn được tất cả các điều kiện sau:

- Khi công tắc động cơ đang ở trạng thái BẬT, ít hơn 3 phút sau khi tắt công tắc động cơ, hoặc ít hơn 3 phút kể từ khi một cửa xe được mở ra và có người bước vào xe (thời gian có thể hoạt động của chức năng này có thể được kéo dài nếu một cửa xe được mở ra và đóng lại)
- Hỗ trợ xuống xe an toàn đang bật
- Khi xe đã dừng lại.
- Khi cần chuyển số không ở vị trí R.

n Hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn sẽ phát hiện một xe khi

Hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn sẽ phát hiện được một xe nằm trong khu vực phát hiện của nó trong các tình huống sau:

- Khi xe đang dừng lại và một xe hoặc một xe đạp đi song song với xe, đang tiến vào khu vực có một cửa xe đang mở (trừ cửa hậu)

n Hệ thống sẽ không phát hiện được xe trong các điều kiện dưới đây

- Chức năng hỗ trợ xuống xe an toàn sẽ không phát hiện được các vật thể, xe và xe đạp sau:
  - Xe ô tô hoặc xe đạp đang tiến đến gần ở tốc độ chậm*
  - Các xe hoặc xe đạp được xác định là có ít khả năng va chạm với cửa xe (trừ cửa hậu) khi mở cửa*
  - Các xe ô tô hoặc xe đạp đang tiến tới gần trực tiếp từ phía sau xe*
  - Các xe hoặc xe đạp đang tiến đến gần từ phía trước xe*
  - Lan can, tường, biển báo, các xe đang đỗ và các chướng ngại vật cố định khác*
  - Người đi bộ, động vật...*

*: Tùy vào từng điều kiện, việc phát hiện xe và/hoặc vật thể có thể xảy ra.

- Trong các tình huống như sau, chức năng hỗ trợ xuống xe an toàn sẽ không hoạt động:
  - 3 phút trở lên sau khi tắt động cơ (thời gian này có thể sẽ được kéo dài hơn nếu một cửa xe được mở ra

và đóng lại)
- Khi xe của bạn không dừng hẳn lại

n **Những điều kiện sau đây, hệ thống có thể hoạt động không chính xác**

l Hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn có thể sẽ không phát hiện được các xe cơ giới một cách chính xác trong các trường hợp sau:
- Khi cảm biến bị lệch do va chạm mạnh hoặc do khu vực xung quanh.
- Khi bùn, tuyết, băng, nhãn dính… đang che khuất cảm biến hoặc khu vực xung quanh cản sau
- Khi xe dừng trên bề mặt đường ướt, chẳng hạn như trong vũng nước, trong khi điều kiện thời tiết bất lợi, như mưa to, tuyết rơi, sương mù, v.v.
- Khi một xe hoặc một xe đạp đang tiến đến gần từ phía sau một xe đang đậu gần đó
- Khi một xe hoặc một xe đạp đang tiến đến gần đột ngột chuyển hướng
- Ngay sau khi một xe hoặc một xe đạp bắt đầu khởi hành
- Khi cửa hậu mở
- Khi phía sau xe có gắn giá bắt xe đạp, bậc lên xuống hoặc các phụ kiện khác
- Khi có một xe đang đỗ, một bức tường, một biển báo, một người hoặc một vật thể cố định khác ở phía sau xe của bạn
- Khi xe đang đỗ nghiêng so với mặt đường
- Khi một xe đang chạy gần một xe ô tô hoặc xe đạp đang tiến tới gần
- Khi một xe hoặc một xe đạp đang tiến đến gần đang di chuyển dọc theo một vật thể cố định, như một bức tường hoặc một biển báo
- Khi một xe hoặc một xe đạp đang tiến tới gần ở tốc độ cao
- Khi đang kéo một xe khác
- Khi đang dừng xe trên dốc cao
- Khi đang dừng xe trên một đoạn đường cong hoặc ở lối ra của một khúc cua

l Hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn có thể phát hiện thấy các xe và/hoặc các vật thể một cách không cần thiết có thể sẽ tăng lên trong các trường hợp sau:
- Khi cảm biến bị lệch do va chạm mạnh hoặc do khu vực xung quanh.
- Khi xe ôtô hoặc xe đạp đang tiến gần xe bạn trực tiếp từ phía sau ở vị trí không thẳng hàng.
- Khi xe đang đỗ nghiêng so với mặt đường
- Khi một xe hoặc một xe đạp tiến đến gần từ phía sau một xe ô tô đang đỗ ở một góc nghiêng
- Khi có một xe đang đỗ, một bức tường, một biển báo, một người hoặc một vật thể cố định khác ở phía sau xe của bạn
- Khi một xe hoặc một xe đạp đang tiến đến gần đột ngột chuyển hướng
- Khi một xe hoặc một xe đạp đang tiến đến gần đang di chuyển dọc theo một vật thể cố định, như một bức tường hoặc một biển báo
- Khi cửa hậu mở
- Khi phía sau xe có gắn giá bắt xe đạp, bậc lên xuống hoặc các phụ kiện khác
- Khi một xe hoặc một xe đạp đang tiến tới gần ở tốc độ cao
- Khi đang kéo một xe khác
- Khi đang dừng xe trên dốc cao
- Khi đang dừng xe trên một đoạn đường cong hoặc ở lối ra của một khúc cua
- Khi xe hoặc xe đạp đang tiến gần từ phía sau một xe đang dừng ở làn đường bên cạnh.

Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota*

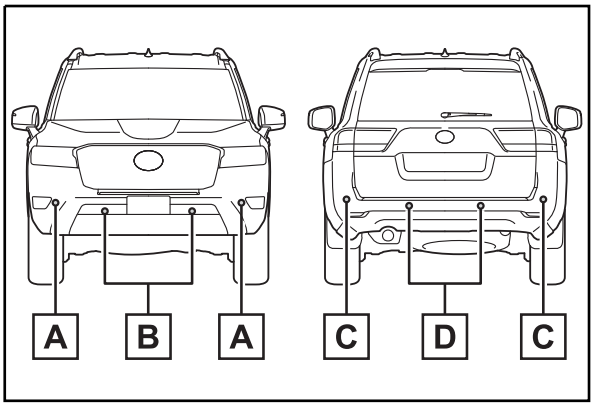
*: Nếu có

Chức năng cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota phát hiện khoảng cách xấp xỉ từ xe và một vật thể như bức tường bằng cách sử dụng các cảm biến siêu âm và thông báo cho người lái bằng màn hình đa thông tin trên bảng đồng hồ hoặc bằng hiển thị khoảng cách trên màn hình đa phương tiện và chuông báo.

Các chi tiết của hệ thống

n Các loại cảm biến

▶ Kiểu A



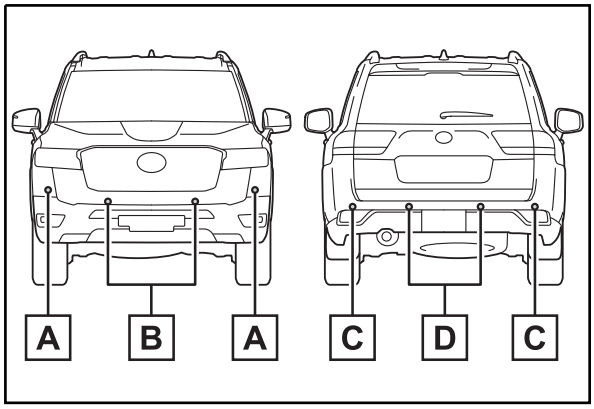
A Các cảm biến góc phía trước

B Các cảm biến giữa phía trước

C Các cảm biến góc phía sau

D Các cảm biến giữa phía sau

▶ Kiểu B



A Các cảm biến góc phía trước

B Các cảm biến giữa phía trước

C Các cảm biến góc phía sau

D Các cảm biến giữa phía sau

n Màn hình

Khi các cảm biến phát hiện một vật thể, như một bức tường, một hình minh họa sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin hoặc màn hình đa phương tiện tùy thuộc vào vị trí và khoảng cách tới vật thể đó.

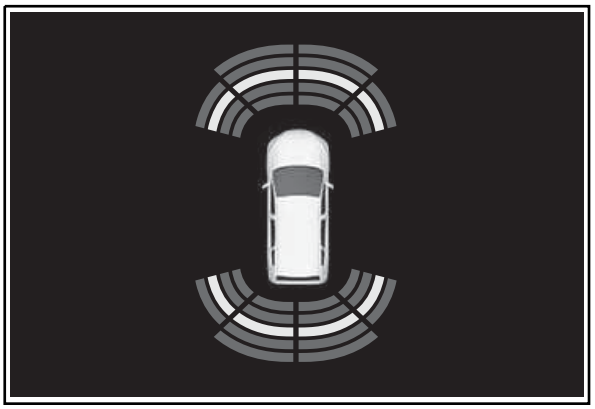
Xe không có màn hình đa phương tiện hoặc camera phía sau: Khi phát hiện một vật cố định, đèn chỉ báo phát hiện của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota sáng. (→P.89)

Những hình ảnh này chỉ mang tính chất minh họa, và có thể sẽ hơi khác một chút tùy thuộc vào các thông số kỹ thuật.

▶ Màn hình đa thông tin



▶ Màn hình đa phương tiện



Bật/tắt (ON/OFF) cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Bạn có thể bật/tắt chức năng cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota qua cài đặt tùy chọn. (→P.669)

Khi chức năng cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota bị vô hiệu hóa, đèn chỉ báo OFF của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (→P.89) sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin.

Nếu hệ thống chuyển sang OFF (tắt) và cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota ngừng hoạt động, cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota sẽ không được bật lại cho đến khi chọn trở lại ON (bật) từ cài đặt tùy chọn (→P.669). (Nó vẫn giữ ở trạng thái tắt ngay cả khi công tắc động cơ được bật lại sau khi đã tắt.)

Xe không có màn hình đa phương tiện hoặc camera phía sau: Tuy nhiên, hệ thống sẽ tự động bật (kích hoạt) và đèn chỉ báo OFF của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota sẽ tắt nếu vị trí số được chuyển sang R

Khi vị trí số là R, không thể bật hoặc tắt cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota.

Cài đặt của cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota sẽ không tự thay đổi.

⚠ CẢNH BÁO

n Lưu ý khi sử dụng hệ thống

Do hệ thống có một số hạn chế về độ chính xác của việc phát hiện và tính năng hoạt động, vì vậy không được quá phụ thuộc vào hệ thống. Người lái luôn chịu trách nhiệm lái xe an toàn và chú ý quan sát xung quanh.

n Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác

Chắc chắn phải tuân thủ theo các lưu ý sau. Không thể vận hành hệ thống chính xác và dẫn đến các tai nạn bất ngờ. Khi không thể thực hiện được các lưu ý này, thì hệ thống sẽ tắt.

- Không được làm hỏng các cảm biến, luôn nhớ giữ nó sạch sẽ
- Không gắn các miếng dán hoặc lắp đặt thiết bị, như đèn soi biển số (đặc biệt là kiểu đèn huỳnh quang), các đèn sương mù, cột ăng ten hoặc ăng ten không dây gần cảm biến rađa.

CẢNH BÁO

- Không được để khu vực xung quanh cảm biến bị va chạm mạnh. Nếu đã bị va chạm, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn. Nếu cản xe phía trước hoặc phía sau cần được tháo/lắp hoặc thay thế, hãy liên hệ với đại lý Toyota.
- Không được chỉnh sửa hay tháo rời hoặc sơn lên các cảm biến
- Không được bọc đèn soi biển số.
- Hãy giữ lốp luôn ở áp suất chuẩn.
- Không được lắp hệ thống treo loại không chính hiệu.

Các lưu ý khi rửa xe

- Khi sử dụng nước áp lực cao để rửa xe, không được phun nước trực tiếp lên cảm biến, nếu không có thể gây trục trặc cảm biến.
- Khi sử dụng hơi nước để vệ sinh xe, không để vòi xịt hơi nước quá gần cảm biến vì làm như vậy có thể làm hỏng cảm biến.

Hệ thống có thể hoạt động khi

- Công tắc động cơ ở ON.
- Chức năng cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota đã được bật.
- Khi tốc độ xe nhỏ hơn xấp xỉ 10 km/h.
- Các cảm biến góc phía trước:
  - Vị trí số không ở vị trí P.
- Các cảm biến giữa phía trước:
  - Vị trí số không ở vị trí P hoặc R.
- Các cảm biến góc phía sau và cảm biến giữa phía sau:
  - Cần số đang ở vị trí R.
- Xe không có màn hình đa phương tiện hoặc camera phía sau: Hệ thống sẽ tự động bật (kích hoạt) và đèn chỉ báo OFF của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota sẽ tắt nếu vị trí số được chuyển sang R.
  Cài đặt của cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota sẽ không thay đổi.

Thông tin phát hiện của cảm biến

- Khu vực phát hiện của cảm biến bị hạn chế ở những khu vực quanh các góc phía trước của xe và cản xe sau.
- Một số tình trạng của xe và môi trường xung quanh có thể sẽ ảnh hưởng đến khả năng phát hiện chính xác các đối tượng của cảm biến.
- Các vật thể có thể sẽ không được phát hiện nếu chúng ở quá gần cảm biến.
- Hình ảnh được hiển thị trên màn hình có thể sẽ đáp ứng trễ một chút so với thực tế. Ngay cả khi tốc độ thấp, có khả năng vật thể sẽ xuất hiện trong phạm vi phát hiện của cảm biến, trước khi màn hình kịp phản ứng và chuông cảnh báo kêu.
- Nếu bạn để âm lượng của hệ thống âm thanh quá cao hoặc tiếng ồn phát ra từ hệ thống điều hòa quá lớn thì có thể bạn sẽ khó nghe được tiếng kêu cảnh báo của hệ thống.
- Có thể khó nghe thấy tiếng chuông của hệ thống do các tiếng chuông báo của hệ thống khác.
- Nếu đồng hồ táp lô bị trục trặc, chuông báo có thể sẽ không kêu được.

Những vật thể mà hệ thống có thể không phát hiện được chính xác

Hình dạng của một số vật thể sau có thể gây trở ngại cho cảm biến khi xác định chúng. Hãy đặc biệt chú ý tới các loại vật thể sau:

- Dây điện, hàng rào, dây thừng….
- Vải cốt tông, tuyết và các vật liệu khác có khả năng hấp thụ sóng âm thanh
- Những vật có cạnh sắc
- Các vật thể thấp
- Những vật cao có phần phía trên

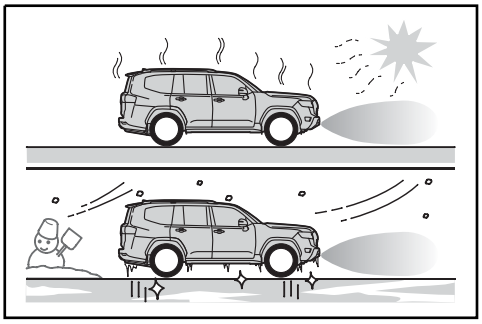
nhô ra bên ngoài về phía xe của bạn

Hệ thống cũng có thể sẽ không xác định được người đi bộ nếu họ mặc một số loại quần áo nhất định.

n Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác

Trong một số điều kiện nhất định của xe cũng như môi trường xung quanh có thể ảnh hưởng tới khả năng phát hiện chính xác vật thể của cảm biến. Đặc biệt là trong các trường hợp được liệt kê dưới đây.

- Khi có chất bẩn, băng, nước hay tuyết bám lên cảm biến. (Khi vệ sinh các cảm biến, hệ thống sẽ hoạt động bình thường.)
- Khi cảm biến bị đóng băng. (Cảm biến sẽ lại hoạt động bình thường sau khi băng tan.) Trong điều kiện thời tiết cực lạnh, khi cảm biến bị đóng băng thì màn hình có thể sẽ hiển thị bất thường, hoặc không phát hiện được vật thể như bức tường.
- Khi cảm biến hoặc khu vực xung quanh cảm biến đang rất nóng hoặc rất lạnh.

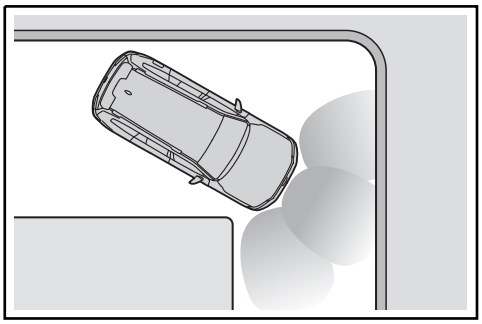


- Khi trên đường đặc biệt gồ ghề hoặc trên đường nghiêng, đường rải sỏi hoặc trên bãi cỏ.
- Khi còi xe, động cơ xe máy, phanh hơi của xe lớn khác, cảm biến của xe khác hoặc các thiết bị khác tạo ra sóng siêu âm ở gần xe.
- Khi cảm biến bị xịt nước vào hoặc bị mưa lớn hắt vào.
- Khi vật thể nằm quá gần cảm biến.
- Khi người đi bộ mặc quần áo hấp thụ sóng siêu âm (ví dụ như váy nhiều tầng).
- Khi các vật thể không vuông góc với mặt đất, vật không vuông góc với hướng di chuyển của xe, vật không bằng phẳng hoặc vật lồi lõm trong phạm vi phát hiện.
- Khi có gió tạt mạnh.
- Khi lái xe trong điều kiện khắc nghiệt như sương mù, tuyết hoặc bão cát.
- Khi không thể phát hiện được vật giữa xe và vật đã được phát hiện.
- Những vật như xe, xe máy, xe đạp hoặc người đi bộ đi cắt ngang phía trước xe hoặc nhảy ra từ hai bên xe.
- Nếu hướng của cảm biến đã bị thay đổi do va chạm hoặc tác động khác.
- Khi lắp thiết bị như móc kéo xe, móc bắt vận chuyển, tấm bảo vệ cản xe, tấm ốp cản xe, giá bắt xe đạp hoặc thiết bị dọn tuyết gần cảm biến.
- Khi phía đầu xe bị nhấc lên hoặc chúi xuống do chất tải trên xe.
- Khi xe không thể lái xe một cách ổn định, như khi xe bị tai nạn hoặc đang bị trục trặc.
- Khi đang sử dụng xích quấn lốp, lốp dự phòng loại nhỏ gọn hoặc bộ vá lốp khẩn cấp.
- Khi đang kéo một xe khác.

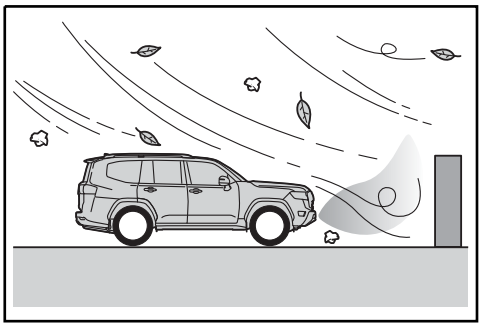
n Những tình huống mà hệ thống có thể hoạt động mặc dù không có nguy cơ bị va chạm

Trong một số tình huống sau đây, hệ thống có thể hoạt động mặc dù không có nguy cơ bị va chạm.

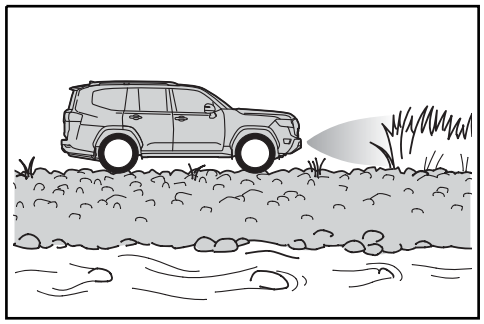
- Khi lái xe trên đường hẹp.



- Khi lái xe hướng đến băng rôn hoặc cờ phướn được treo thấp hoặc rào chắn (rào chắn đường sắt, trạm thu phí hoặc vào khu vực đỗ xe).
- Có ổ gà trên mặt đường.
- Khi lái xe trên một bề mặt tấm kim loại như trên nắp cống thoát nước.
- Khi lái xe lên hoặc xuống dốc.
- Nếu cảm biến bị ướt do một lượng nước lớn tạt vào, như khi lái xe trên đường ngập nước.
- Khi có chất bẩn, băng, nước hay tuyết bám lên cảm biến. (Khi vệ sinh các cảm biến, hệ thống sẽ hoạt động bình thường.)
- Khi cảm biến bị xịt nước vào hoặc bị mưa lớn hắt vào.
- Khi lái xe trong điều kiện khắc nghiệt như sương mù, tuyết hoặc bão cát.
- Khi có gió tạt mạnh.



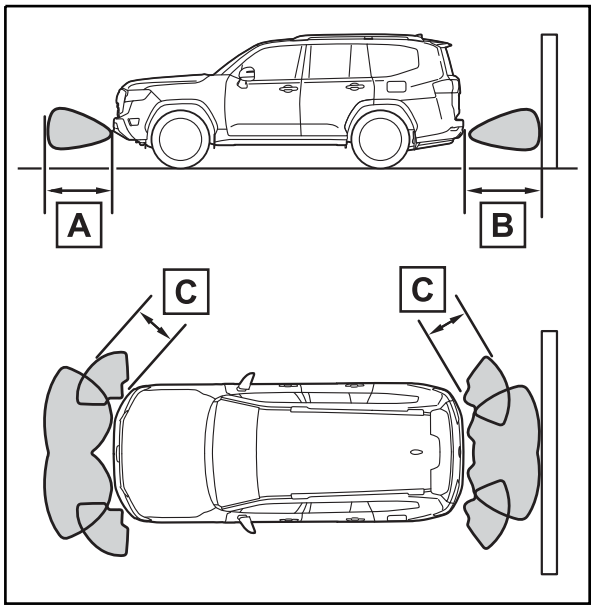
- Khi còi xe, động cơ xe máy, phanh hơi của xe lớn khác, cảm biến của xe khác hoặc các thiết bị khác tạo ra sóng siêu âm ở gần xe.
- Khi phía đầu xe bị nhấc lên hoặc chúi xuống do chất tải trên xe.
- Nếu hướng của cảm biến đã bị thay đổi do va chạm hoặc tác động khác.
- Khi xe tiến gần tới một vật thể cao hoặc lề đường cong.
- Lái xe đến gần các trụ (dầm sắt chữ H, vv...) trong ga ra đỗ xe nhiều tầng, công trường xây dựng, vv...
- Khi xe không thể lái xe một cách ổn định, như khi xe bị tai nạn hoặc đang bị trục trặc.
- Khi trên đường đặc biệt gồ ghề hoặc trên đường nghiêng, đường rải sỏi hoặc trên bãi cỏ.



- Khi đang sử dụng xích quấn lốp, lốp dự phòng loại nhỏ gọn hoặc bộ vá lốp khẩn cấp.
- Khi đang kéo một xe khác.

Màn hình phát hiện của cảm biến, khoảng cách tới vật thể

n Khoảng cách phát hiện của các cảm biến



A Xấp xỉ 100 cm

B Xấp xỉ 150 cm

C Xấp xỉ 60 cm

Hình minh họa sau sẽ mô tả phạm vi phát hiện của cảm biến. Hãy lưu ý rằng các cảm biến không thể phát hiện ra các vật thể quá gần xe.

Khoảng cách phát hiện của các cảm biến có thể sẽ thay đổi theo hình dạng của vật thể…

n Khoảng cách và chuông báo

Khoảng cách tới vật thể	Chuông báo
Cảm biến giữa phía trước: Xấp xỉ 100 cm đến 60 cm* Cảm biến giữa phía sau: Xấp xỉ 150 cm đến 60 cm*	Chậm
Xấp xỉ từ 60 cm đến 45 cm*	Trung bình
Xấp xỉ từ 45 cm đến 30 cm*	Nhanh
Xấp xỉ dưới 30 cm	Kêu liên tục

*: Chức năng tự động tắt chuông đã bật. (→P.347)

Chuông báo của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Chuông báo sẽ kêu khi các cảm biến đang hoạt động.

- Chuông báo sẽ kêu nhanh hơn khi xe tiến đến gần vật cố định hơn. Khi xe tiến tới gần tới vật với khoảng cách trong khoảng 30 cm, chuông báo sẽ kêu liên tục.
- Khi đồng thời từ 2 cảm biến trở lên phát hiện được vật tĩnh, chuông báo sẽ kêu cho vật ở gần nhất.
- Sau khi chuông kêu gián đoạn bắt đầu kêu, nếu khoảng cách giữa xe và vật cố định được phát hiện không trở nên ngắn hơn, thì chuông báo sẽ tự động tắt tiếng. (Chức năng tắt tiếng chuông báo tự động)

n Điều chỉnh âm lượng chuông báo

Có thể điều chỉnh đồng thời âm lượng chuông báo của hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota, hệ thống RCTA (nếu có) và RCD (nếu có) từ các cài đặt tùy chọn. (→P.669)

n Tắt tiếng chuông báo

Khi công tắc tắt tiếng tạm thời được hiển thị trên màn hình đa thông tin hoặc màn hình đa phương tiện, có thể nhấn công tắc này để tạm thời tắt chuông báo.

Chọn công tắc để tắt tiếng chuông báo của tất cả các hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota, hệ thống RCTA (nếu có) và hệ thống RCD (nếu có).

l Chế độ tắt tiếng sẽ được hủy tự động trong các trường hợp sau:

• Khi vị trí số được thay đổi

- Khi tốc độ xe vượt quá một tốc độ nhất định.
- Khi cảm biến bị lỗi hoặc hệ thống tạm thời không khả dụng.
- Khi chức năng hoạt động bị vô hiệu hóa bằng cách thủ công.
- Khi công tắc động cơ được tắt.

Chức năng cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA)*

*: Nếu có

Chức năng RCTA sử dụng các cảm biến ra đa phía sau BSM được lắp ở phía sau cản sau. Chức năng này để hỗ trợ cho người lái kiểm tra các khu vực xung quanh không dễ nhìn khi lùi xe.

⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi sử dụng hệ thống**

Người lái chịu trách nhiệm đến an toàn khi lái xe. Do đó luôn phải đảm bảo an toàn khi lái xe, hãy quan sát xung quanh xe.

Chức năng RCTA chỉ là một chức năng hỗ trợ để cảnh báo người lái rằng có một xe khác đang tiến đến gần từ phía sau bên phải hoặc bên trái.

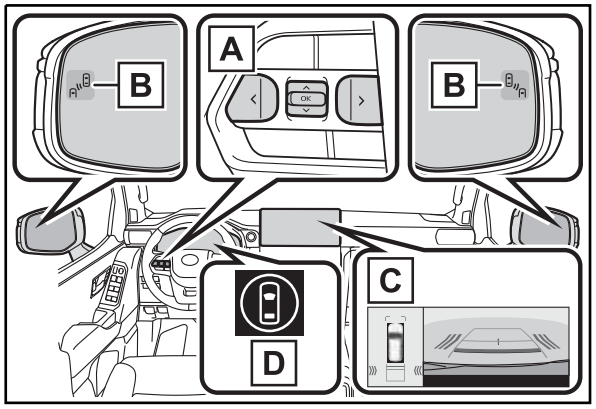
Vì chức năng RCTA có thể không hoạt động chính xác trong một số điều kiện nhất định, việc xác nhận an toàn bằng cách quan sát là rất cần thiết.

Việc quá tin tưởng vào chức năng này có thể dẫn đến tai nạn gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**

→P.326

Các chi tiết của hệ thống



A Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô

Sử dụng các công tắc điều khiển đồng hồ đa thông tin để kích hoạt/bỏ kích hoạt chức năng RCTA trên màn hình đa thông tin.

B Các đèn chỉ báo cho gương chiếu hậu bên ngoài

Nếu phát hiện thấy có một xe đang tiến đến gần phía sau xe từ bên trái hoặc bên phải, cả hai đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài xe (→P.89) sẽ nhấp nháy và chuông báo sẽ kêu.

C Màn hình trung tâm

Nếu phát hiện một xe tiếp cận từ phía sau bên phải hoặc bên trái của xe, biểu tượng RCTA (→P.350) cho phía được phát hiện sẽ được hiển thị trên màn hình trung tâm. Hình vẽ này* hiển thị một ví dụ về một xe tiếp cận từ cả hai bên hông của xe.

*: Tùy thuộc vào kiểu xe và các trang bị tùy chọn, màn màn hình thực tế có thể sẽ không giống với hình minh họa này.

D Chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe

Sáng lên khi RCTA ở trạng thái tắt. Tại thời điểm này, thông điệp sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

Bật/ tắt chức năng RCTA

Có thể bật/tắt chức năng RCTA thông qua chức năng cài đặt tùy chọn cá nhân. (→P.669)

Khi chức năng RCTA ở trạng thái tắt, thì đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe (→P.89) sẽ sáng lên và một thông điệp sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin. Mỗi khi bật công tắc động cơ ở ON, chức năng RCTA sẽ được kích hoạt.

n Khả năng quan sát đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài

Khi dưới ánh nắng chói, sẽ rất khó để quan sát đèn chỉ báo gương chiếu hậu phía ngoài.

n Khi nghe chuông báo RCTA

Bạn có thể sẽ khó nghe thấy tiếng chuông báo của chức năng RCTA do tiếng ồn bên ngoài, như khi bật hệ thống âm thanh với mức âm lượng quá lớn.

n Các cảm biến ra-đa bên phía sau

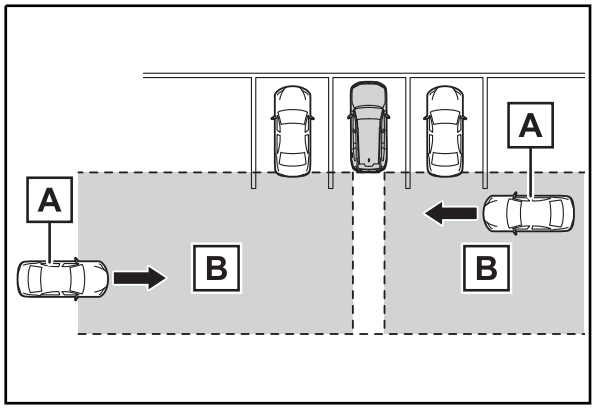
→P.326

Chức năng RCTA

n Hoạt động của chức năng RCTA

Chức năng RCTA sử dụng các cảm biến ra đa phía sau để phát hiện các xe đang tiếp cận từ phía sau bên phải và bên trái của xe, và cảnh báo cho người lái biết sự xuất hiện của các xe đó bằng

cách nháy các đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài và làm kêu chuông báo.



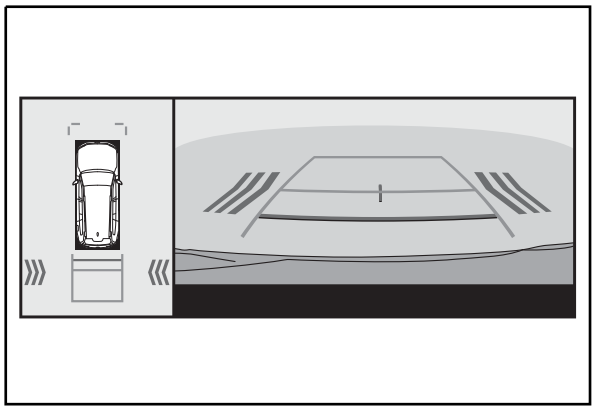
A Các xe đang tiếp cận

B Khu vực phát hiện xe khác đang tiếp cận

n **Biểu tượng RCTA**

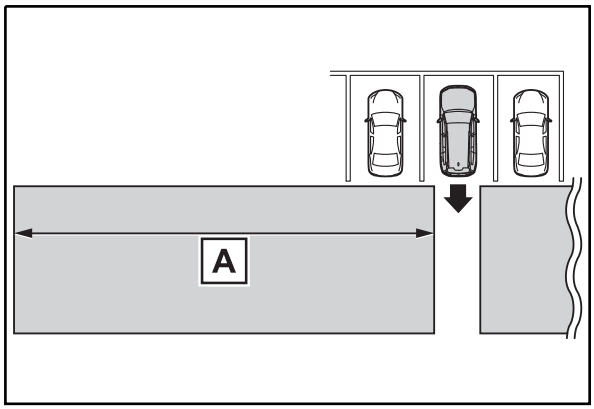
Khi phát hiện xe tiếp cận từ phía sau bên phải hoặc bên trái, thì những thông tin sau sẽ được hiển thị trên màn hình trung tâm.

Ví dụ: Các xe đang tiến đến gần từ cả hai phía hông xe



n **Phạm vi phát hiện của chức năng RCTA**

Các khu vực mà xe có thể phát hiện được như hình dưới đây.



Chuông có thể cảnh báo cho người lái rằng có xe khác chạy nhanh hơn đang tiếp cận từ xa.

Ví dụ:

Tốc độ xe đang tiếp cận	Khoảng cách thông báo phù hợp A
56 km/h (nhanh)	30 m
8 km/h (chậm)	4 m

n **Chức năng RCTA sẽ hoạt động khi**

Chức năng RCTA sẽ hoạt động khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Công tắc động cơ ở ON.
- Chức năng RCTA đang bật.
- Cần số đang ở vị trí R.
- Khi tốc độ xe thấp hơn 15 km/h.
- Tốc độ của xe đang đến gần từ 8 km/h đến 56 km/h.

n **Cài đặt âm lượng của chuông báo**

Âm lượng chuông báo của RCTA, cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota và RCD (nếu có) có thể được điều chỉnh đồng thời thông qua cài đặt tùy chỉnh. (→P.669)

n **Tạm thời tắt tiếng chuông báo**

Khi phát hiện thấy một vật thể, thì nút tắt tiếng tạm thời được hiển thị trên màn hình trung tâm.

Chọn công tắc để tắt tiếng chuông báo của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota, RCTA và RCD (nếu có) cùng một lúc.

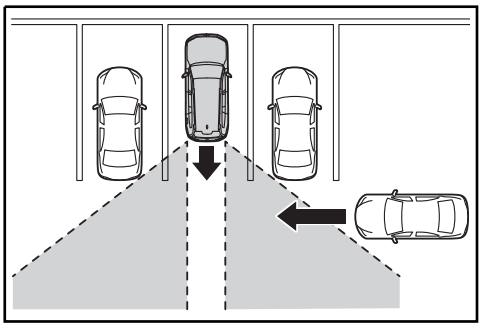
Chế độ tắt tiếng sẽ được hủy tự động trong các trường hợp sau:

- Khi vị trí số được thay đổi
- Khi tốc độ xe vượt quá một tốc độ nhất định.
- Khi cảm biến bị lỗi hoặc hệ thống tạm thời không khả dụng.
- Khi chức năng hoạt động bị vô hiệu hóa bằng cách thủ công.
- Khi công tắc động cơ được tắt.

n Hệ thống sẽ không phát hiện được xe trong các điều kiện dưới đây

Chức năng RCTA này không được thiết kế để nhận diện các loại xe và/hoặc các vật thể sau:

- Các xe đang tiếp cận trực tiếp từ phía sau
- Xe lùi vào vị trí đỗ xe cạnh xe bạn
- Khi các cảm biến không thể phát hiện được các xe do có các chướng ngại vật



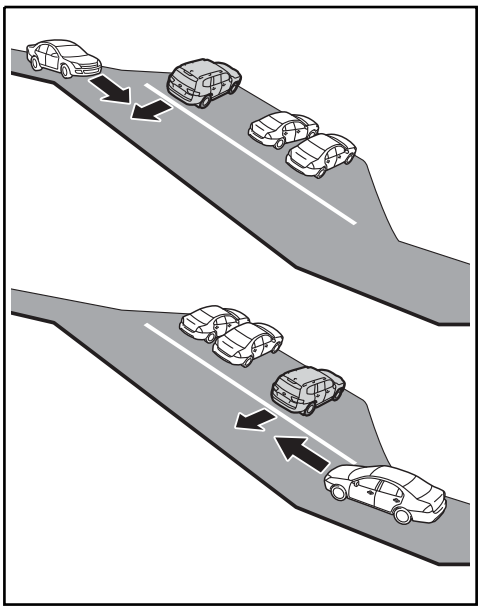
- Dải phân cách, bức tường, biển báo, các xe đang đỗ và các vật đang đứng yên*
- Xe đạp, người đi bộ, xe môtô nhỏ…*
- Xe đang chạy cách xa xe bạn
- Xe tiếp cận từ khoang đỗ xe cạnh xe bạn*
- Khoảng cách giữa cảm biến và xe đang tiếp cận là quá gần.

*: Tùy vào từng điều kiện, việc phát hiện xe và/hoặc vật thể có thể xảy ra.

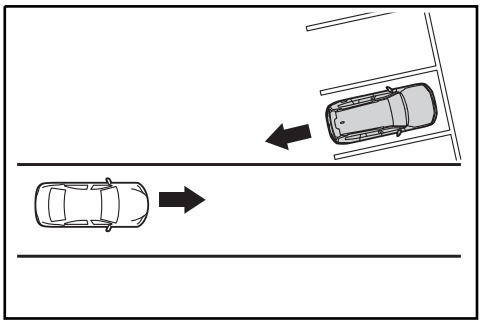
n Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác

Chức năng RCTA có thể không phát hiện chính xác xe trong các điều kiện sau:

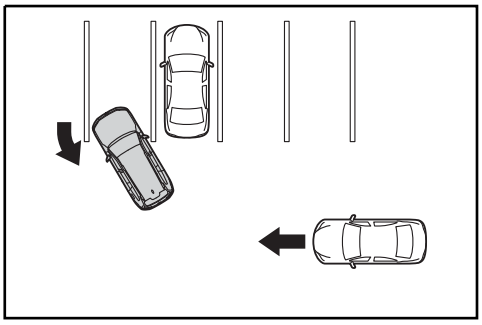
- Khi cảm biến bị lệch do cảm biến hoặc khu vực xung quanh đã bị va chạm mạnh.
- Khi bùn, tuyết, băng, nhãn dính… đang che khuất cảm biến hoặc khu vực xung quanh cản xe sau.
- Khi lái xe trên bề mặt đường ướt, như trong vũng nước, trong khi thời tiết xấu, như khi trời mưa to, tuyết rơi, sương mù, v.v.
- Khi có nhiều xe đang tiến lại gần nhau với khoảng cách giữa các xe là nhỏ.
- Khi xe đang đến gần ở tốc độ cao.
- Khi thiết bị có thể gây cản trở việc lắp cảm biến như móc kéo xe, bảo vệ cản xe (dán thêm), giá treo xe đạp hoặc xẻng xúc tuyết.
- Khi lùi xe lên dốc với độ dốc lớn.



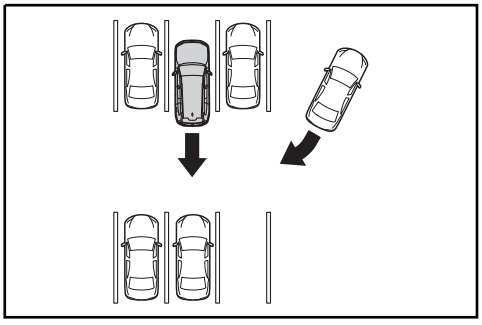
- Khi lùi xe ra khỏi khu vực đỗ có góc hẹp.



- Ngay sau khi bật chức năng RCTA
- Ngay sau khi động cơ khởi động với chức năng RCTA hoạt động
- Khi các cảm biến không thể phát hiện ra xe khác do vướng vật cản
- Khi đang kéo một xe khác
- Khi có sự chênh lệch độ cao đáng kể giữa xe của bạn và xe đi đang vào vùng phát hiện.
- Khi cảm biến hoặc khu vực xung quanh cảm biến đang rất nóng hoặc rất lạnh.
- Nếu đã sửa đổi hệ thống treo hoặc lắp lốp có kích thước khác với cỡ lốp tiêu chuẩn.
- Khi phía đầu xe bị nhấc lên hoặc chúi xuống do chất tải trên xe.
- Khi đánh lái rẽ khi đang lùi xe



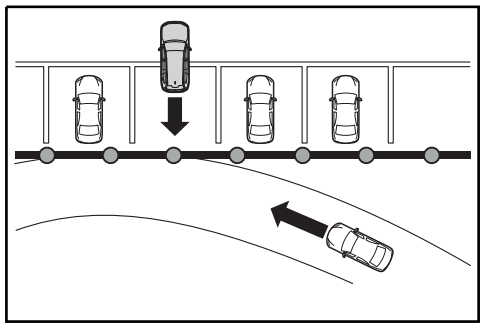
- Khi xe đang đi vào vùng phát hiện.



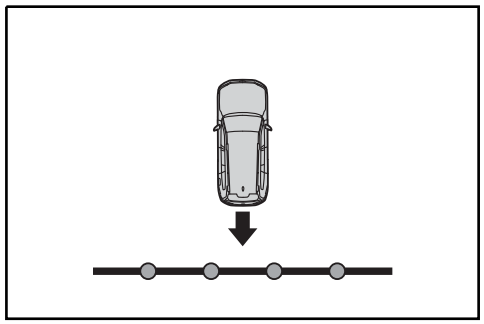
n Những tình huống mà hệ thống có thể hoạt động mặc dù không có nguy cơ bị va chạm

Chức năng RCTA có thể sẽ cảnh báo về các xe hoặc/và các vật thể một cách không cần thiết trong các trường hợp sau:

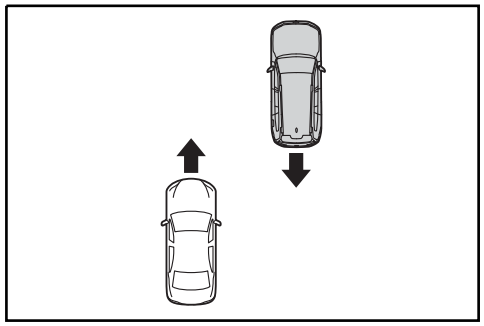
- Khi chỗ đỗ xe hướng ra đường và có nhiều xe đang chạy trên đường.



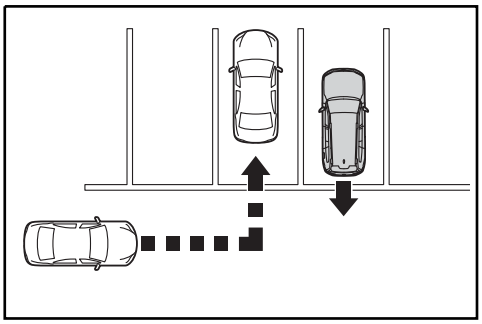
- Khi khoảng cách giữa xe của bạn và các vật thể bằng kim loại, như hàng rào, bức tường, biển hiệu hoặc một xe khác đang đỗ… là những vật có thể phản xạ sóng điện từ về phía sau của xe là ngắn.



- Khi thiết bị có thể gây cản trở việc lắp cảm biến như móc kéo xe, bảo vệ cản xe (dán thêm), giá treo xe đạp hoặc xẻng xúc tuyết.
- Khi có xe khác vượt qua hông xe bạn.



- Khi xe được phát hiện rẽ khi đang tiếp cận gần đến xe bạn.



- Khi có những vật đang quay ở gần xe bạn, như quạt của điều hòa không khí.
- Khi nước tràn hoặc bắn vào cản sau của xe như vòi phun nước chữa cháy.
- Các vật đang chuyển động (lá cờ, khói của khí xả, giọt nước mưa lớn hoặc bóng tuyết, nước mưa trên mặt đường, vv...).
- Khi khoảng cách giữa xe bạn và lan can, bức tường, vv..., khi đi vào vùng phát hiện là ngắn.
- Lưới và máng.
- Khi cảm biến hoặc khu vực xung quanh cảm biến đang rất nóng hoặc rất lạnh.
- Nếu đã sửa đổi hệ thống treo hoặc lắp lốp có kích thước khác với cỡ lốp tiêu chuẩn.
- Khi phía đầu xe bị nhấc lên hoặc chúi xuống do chất tải trên xe.
- Khi đang kéo một xe khác

Hệ thống RCD (Phát hiện bằng camera phía sau)*

*: Nếu có

Khi xe đang lùi, chức năng phát hiện camera phía sau có thể phát hiện người đi bộ trong khu vực phía sau xe. Nếu phát hiện thấy người đi bộ, một chuông cảnh báo sẽ kêu và một biểu tượng sẽ xuất hiện trên màn hình đa phương tiện để thông báo cho người lái về sự xuất hiện của người đi bộ.

⚠ CẢNH BÁO

n Lưu ý khi sử dụng hệ thống

Khả năng nhận diện và điều khiển cho hệ thống này bị hạn chế.

Người lái luôn hãy lái xe cận thận và an toàn và trách nhiệm không được quá tin tưởng vào hệ thống và nắm được những tình huống xung quanh.

n Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác

Hãy tuân theo các lưu ý sau, nếu không sẽ nguy hiểm có thể dẫn đến bị tai nạn.

- Luôn vệ sinh camera và đảm bảo không bị hư hỏng.
- Không được lắp các linh kiện điện tử trên thị trường (như biển số phát sáng, đèn sương mù, vv...) lên xung quanh camera.
- Không để khu vực xung quanh cảm biến camera bị va chạm mạnh. Nếu cảm biến hoặc khu vực xung quanh đã bị va chạm mạnh, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

- Không được sửa đổi, tháo rời hoặc sơn lên camera.
- Không lắp phụ kiện hoặc dán đề can lên camera.
- Không được lắp các phụ tùng bảo vệ trên thị trường (ốp cản xe, vv...) vào cản sau của xe.
- Duy trì áp suất lốp phù hợp.
- Hãy chắc chắn rằng cửa hậu đã đóng chặt.

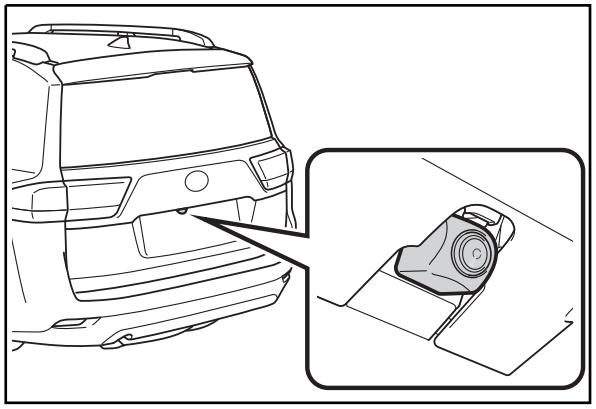
n **Khi nào nên tắt chức năng RCD**

Trong các tình huống sau đây, hãy vô hiệu hóa hệ thống. Chức năng RCD có thể không hoạt động chính xác, có thể dẫn đến tai nạn.

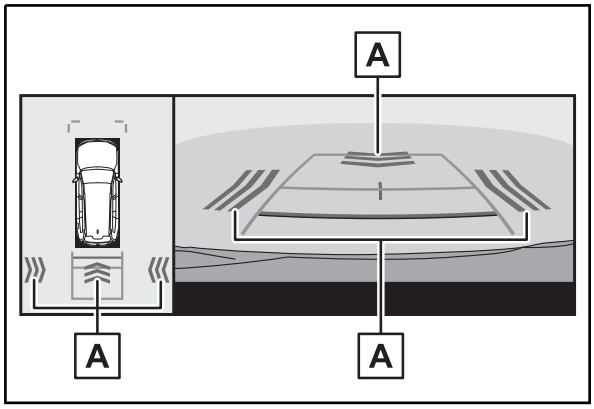
- Không tuân theo các lưu ý trên.
- Lắp các hệ thống treo không chính hãng.

Các thiết bị của hệ thống

Vị trí của camera phía sau



Màn hình RCD



A Biểu tượng phát hiện người đi bộ

Tự động hiển thị khi phát hiện được người đi bộ.

Bật/ tắt chức năng RCD

Có thể bật/tắt chức năng RCD thông qua chức năng cài đặt tùy chọn cá nhân. (→P.669)

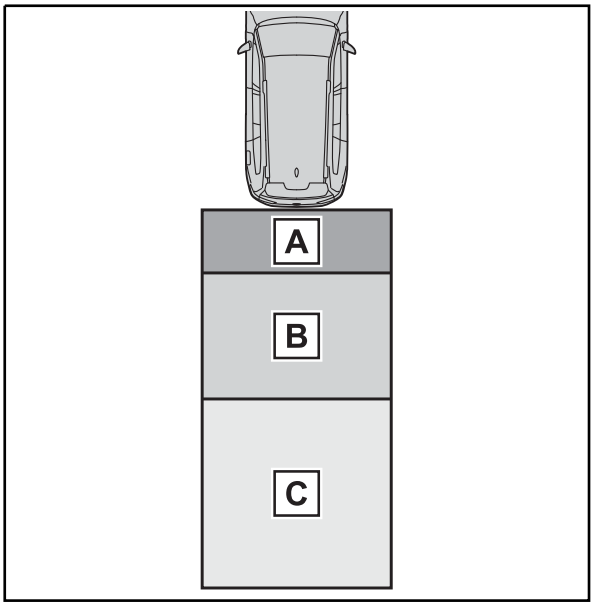
Khi chức năng RCD bị vô hiệu hóa, đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái (→P.89) sáng, một thông điệp sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Mỗi lần công tắc động cơ được tắt sau đó chuyển đến ON, chức năng RCD sẽ được kích hoạt tự động

Khi phát hiện được người đi bộ

Nếu có người đi bộ ở khu vực phía sau xe hoặc nếu camera phía sau phát hiện người đi bộ đang tiếp cận xe từ phía sau, hệ thống sẽ cảnh báo người lái bằng

cách kêu chuông và hiển thị việc phát hiện người đi bộ trên màn hình đa phương tiện như sau:



A Nếu phát hiện thấy người đi bộ trong khu vực A
Chuông báo: Kêu lặp lại
Biểu tượng phát hiện người đi bộ: Nhấp nháy

B Nếu phát hiện người đi bộ trong khu vực B
Chuông báo (Khi xe đang đứng im): Kêu 3 lần
Chuông báo (Khi xe đang lùi, khi người đi bộ đến gần phía sau xe): Kêu liên tục
Biểu tượng phát hiện người đi bộ: Nhấp nháy

C Nếu hệ thống xác định rằng xe của bạn có thể va chạm với người đi bộ trong khu vực C
Chuông báo: Kêu lặp lại
Biểu tượng phát hiện người đi bộ: Nhấp nháy

n Chức năng phát hiện bằng camera phía sau đang hoạt động khi

- Công tắc động cơ ở ON.
- Chức năng RCD đang bật.
- Cần số đang ở vị trí R.

n Cài đặt âm lượng của chuông báo

Có thể điều chỉnh đồng thời âm lượng chuông báo của hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota, hệ thống RCTA (nếu có) và RCD từ các cài đặt tùy chọn. (→P.669)

n Tạm thời tắt tiếng chuông báo

Khi phát hiện một vật thể, nút tắt âm tạm thời sẽ hiển thị trên màn hình đa phương tiện.

Chọn công tắc để tắt tiếng chuông báo của tất cả các hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota, hệ thống RCTA (nếu có) và hệ thống RCD.

Chế độ tắt tiếng sẽ được hủy tự động trong các trường hợp sau:

- Khi vị trí số được thay đổi
- Khi tốc độ xe vượt quá một tốc độ nhất định.
- Khi cảm biến bị lỗi hoặc hệ thống tạm thời không khả dụng.
- Khi chức năng hoạt động bị vô hiệu hóa bằng cách thủ công.
- Khi công tắc động cơ được tắt.

n Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác

- Một số người đi bộ sau đây có thể không được phát hiện bởi chức năng phát hiện bằng camera phía sau, ngăn hệ thống hoạt động không chính xác:
  - Khi người đi bộ đang cúi người về phía trước hoặc ngồi xổm
  - Người đi bộ ngã xuống
  - Người đi bộ đang chạy
  - Khi một người xuất hiện đột ngột từ phía sau xe hoặc một tòa nhà
  - Người đi đang lái xe đạp hoặc ván trượt

- Người đi bộ mặc quần áo rộng như áo mưa, váy…, có thể làm họ có thể bị phát hiện nhầm.
- Một phần cơ thể của người đi bộ có bị che khuất bởi vật thể như xe đẩy hoặc ô
- Người đi bộ đi vào khu vực tối như ban đêm

l Trong một số tình huống sau, chức năng phát hiện bằng camera phía sau không thể phát hiện được đi bộ, hệ thống hoạt động không chính xác:

- Khi lùi xe trong điều kiện thời tiết xấu (như mưa to, sương mù, tuyết …)
- Khi các ống kính bị dính bẩn bởi bùn, hóa chất làm tan tuyết... hoặc camera xước
- Khi có ánh sáng rất mạnh, như mặt trời hoặc ánh sáng đèn pha của xe khác chiếu trực tiếp vào camera phía sau
- Khi lùi xe vào vị trí có cường độ sáng xung quanh xe thay đổi đột ngột, như khi đi vào/ra khỏi ga ra hoặc đỗ xe ở đường hầm
- Khi lùi xe vào khu vực bóng tối như vào khu vực đỗ xe dưới tầng hầm
- Khi vị trí và hướng của camera bị lệch
- Khi đang lắp móc kéo xe
- Khi nước chảy qua ống kính của camera
- Khi chiều cao xe bị thay đổi quá nhiều (mũi xe cao lên, hoặc chúi xuống dưới, vv...)
- Khi đang sử dụng xích quấn lốp hoặc bộ vá lốp khẩn cấp.
- Hệ thống treo được hạ thấp xuống hoặc các lốp có kích cỡ khác với lốp được trang bị ban đầu
- Khi các thiết bị điện tử không chính hãng trên thị trường (chẳng hạn như biển số tích hợp đèn chiếu sáng, đèn sương mù, vv...) được lắp ở gần camera phía sau
- Nếu bộ bảo vệ cản ví dụ như miếng ốp bổ sung được lắp vào cản sau
- Khi đang kéo một xe khác

n **Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động bất ngờ**

l Ngay cả khi không có người đi bộ ở trong khu vực phát hiện, một số vật thể như dưới đây có thể được phát hiện, có thể làm cho chức năng phát hiện bằng camera phía sau hoạt động.

- Khi phát hiện được một vật thể 3 chiều như cột đèn, vòng xuyến, hàng rào hoặc xe đang đỗ
- Khi phát hiện được một vật thể chuyển động như xe ôtô hoặc xe máy
- Khi xe tiến đến một vật thể đang chuyển động như lá cờ hoặc khói hoặc hơi nước, mưa hoặc tuyết
- Đường rải sỏi, đường ray, hoặc đường đang sửa chữa, đường vạch sơn trắng, người đi bộ đi cắt ngang qua đường hoặc lá rơi
- Khi lái xe qua trên một tấm kim loại như trên nắp cống thoát nước
- Khi một vật thể bị phản xạ trong vũng nước hoặc mặt đường bị ướt
- Bóng cây trên đường

l Trong một vài tình huống như dưới đây, chức năng phát hiện bằng camera phía sau có thể hoạt động ngay cả khi không có người đi bộ trong khu vực phát hiện.

- Khi lùi xe tiến đến cạnh lề đường hoặc đường gồ ghề
- Khi lùi xe đến phía đường dốc lên/dốc xuống
- Khi chiều cao xe bị thay đổi quá nhiều (mũi xe cao lên, hoặc chúi xuống dưới, vv...)
- Khi các thiết bị điện tử không chính hãng trên thị trường (chẳng hạn như biển số tích hợp đèn chiếu sáng, đèn sương mù, vv...) được lắp ở gần camera phía sau
- Nếu bộ bảo vệ cản ví dụ như miếng ốp bổ sung được lắp vào cản sau
- Nếu hướng của camera quan sát phía sau đã bị thay đổi do va chạm hoặc tác động khác, hoặc đã tháo ra và lắp lại.
- Khi móc kéo xe được lắp vào phía sau của xe
- Khi nước chảy qua ống kính của

camera phía sau
- Khi ống kính bị bám bẩn bởi bùn, hóa chất làm tan tuyết., vv..
- Nếu đèn nháy trong khu vực phát hiện, ví dụ như bộ đèn nháy khẩn cấp của xe khác
- Khi đang sử dụng xích quấn lốp hoặc bộ vá lốp khẩn cấp.
- Khi đang kéo một xe khác

Những tình huống sau chức năng phát hiện bằng camera phía sau có thể khó thông báo
- Khi khó nghe thấy tiếng chuông nếu khu vực xung quanh bị ồn, âm lượng của hệ thống âm thanh cao.
- Nếu nhiệt độ trong khoang xe quá cao hoặc quá thấp, thì màn hình đa phương tiện có thể không hoạt động đúng cách.

PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe)*

*: Nếu có

PKSB (phanh hỗ trợ phanh đỗ PKSB) là một hệ thống phát ra các cảnh báo và tự động phanh để giảm hư hỏng do va chạm khi phát hiện được mục tiêu di chuyển ở tốc độ thấp như khi đang đỗ xe.

Hệ thống PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe)

Hệ thống đã phát hiện các mục tiêu hoạt động như sau. (Các mục tiêu hoạt động thay đổi theo chức năng.)

- Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (vật cố định ở phía trước và phía sau của xe):→P.362
- Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (xe di chuyển ở phía sau xe bạn) (nếu có):→P.364
- Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe bạn) (nếu có):→P.366

CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi sử dụng hệ thống**

Không được quá tin tưởng vào hệ thống, nếu không có thể dẫn đến bị tai nạn.

Luôn lái xe cẩn thận và kiểm tra an toàn xung quanh xe.

Tùy thuộc vào tình trạng của xe và đường sá, thời tiết, v.v.. mà hệ thống có thể sẽ không hoạt động.

Khả năng phát hiện của các cảm biến, các rađa bị hạn chế. Luôn lái xe cẩn thận và kiểm tra an toàn xung quanh xe.

- Người lái chịu trách nhiệm đến sự an toàn khi lái xe. Do đó luôn phải đảm bảo an toàn khi lái xe, hãy quan sát xung quanh xe. Hệ thống phanh hỗ trợ đỗ xe được thiết kế để có thể hỗ trợ giảm tai nạn nghiêm trọng. Tuy nhiên, hệ thống có thể không hoạt động trong một vài tình huống.
- Hệ thống phanh hỗ trợ đỗ xe không được thiết kế để dừng xe hoàn toàn. Hơn nữa, ngay cả khi hệ thống đã dừng xe, nhưng vẫn cần nhấn bàn đạp phanh ngay vì điều khiển hỗ trợ đỗ xe bởi phanh sẽ bị hủy sau khoảng 2 giây.
- Đặc biệt nguy hiểm nếu bạn kiểm tra hoạt động của hệ thống bằng cách chủ ý lái xe hướng vào bức tường, vv... Không bao giờ được thử hành động như vậy.

n **Khi vô hiệu hóa phanh hỗ trợ đỗ xe**

Những tình huống sau, vô hiệu hóa phanh hỗ trợ đỗ xe vì hệ thống có thể hoạt động mặc dù không có nguy cơ bị va chạm.

- Khi kiểm tra xe bằng cách sử dụng các con lăn dưới gầm, động lực học hoặc con lăn tự do.

CẢNH BÁO

- Xe được vận chuyển bằng tàu biển, xe tải hoặc các tàu vận chuyển khác.
- Nếu đã sửa đổi hệ thống treo hoặc lắp lốp có kích thước khác với cỡ lốp tiêu chuẩn.
- Khi phía đầu xe bị nhấc lên hoặc chúi xuống do chất tải trên xe.
- Khi lắp thiết bị như móc kéo xe, móc bắt vận chuyển, tấm bảo vệ cản xe, tấm ốp cản xe, giá bắt xe đạp hoặc thiết bị dọn tuyết gần cảm biến.
- Khi sử dụng thiết bị rửa xe tự động.
- Khi xe không thể lái xe một cách ổn định, như khi xe bị tai nạn hoặc đang bị trục trặc.
- Khi chạy xe ở chế độ thể thao hoặc trên địa hình phức tạp.
- Khi áp suất lốp không phù hợp.
- Khi lốp xe bị mòn.
- Khi đang sử dụng xích quấn lốp, lốp dự phòng loại nhỏ gọn hoặc bộ vá lốp khẩn cấp.
- Khi đang kéo một xe khác.

n **Các lưu ý với hệ thống treo của xe**

Không sửa đổi hệ thống treo của xe. Nếu độ cao hoặc độ nghiêng của xe bị thay đổi, các cảm biến có thể sẽ không phát hiện được các vật thể và hệ thống có thể sẽ hoạt động không chính xác, dẫn đến tai nạn.

Kích hoạt lại/bỏ kích hoạt phanh hỗ trợ đỗ xe

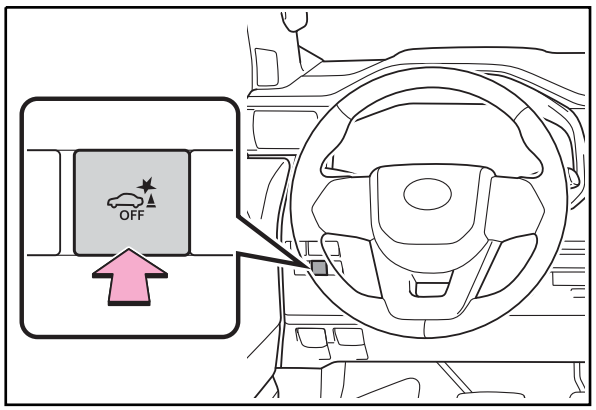
Chức năng Phanh Hỗ trợ Đỗ xe

có thể được kích hoạt/vô hiệu hóa bằng cách ấn nút PKSB.

Khi chức năng PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) bị vô hiệu hóa, đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe (→P.89) sẽ sáng lên và một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

Nếu hệ thống chuyển sang chế độ OFF (vô hiệu hóa) và PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) bị dừng, PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) sẽ không được kích hoạt lại cho đến khi công tắc PKSB được nhấn lại để bật hệ thống ON (kích hoạt).

(Nó vẫn giữ trạng thái tắt ngay cả khi công tắc động cơ được chuyển về chế độ ON (bật) lại sau khi công tắc động cơ đã được tắt.)



n **Khi công tắc điều khiển bốn bánh chủ động ở vị trí L4.**

l Chức năng Phanh Hỗ Trợ Đỗ Xe sẽ tự động tắt.

Màn hình và chuông cho điều khiển hạn chế công suất động cơ và điều khiển phanh

Nếu chức năng điều khiển hạn chế công suất động cơ hoặc điều khiển phanh hoạt động, một chuông báo sẽ kêu và một thông điệp cho biết gia tốc bị giới hạn hoặc nhắc nhở người lái đạp phanh sẽ được hiển thị trên màn hình đa phương tiện và màn hình đa thông tin để cảnh báo cho người lái.

Tùy thuộc vào tình huống, mà chức năng điều khiển hạn chế công suất phát ra sẽ hoạt động để hạn chế tăng tốc hoặc hạn chế công suất phát ra càng nhiều càng tốt.

- Điều khiển hạn chế công suất động cơ đang hoạt động (điều khiển hạn chế tăng tốc)

Hệ thống sẽ khống chế việc tăng ga quá mức định trước.

Màn hình hệ thống đa phương tiện: Không có cảnh báo xuất hiện

Ví dụ thông báo trên màn hình đa thông tin: "Vật thể bị phát hiện Giảm tốc"

Đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe: Không bật sáng

Chuông báo: Không kêu

- Điều khiển hạn chế công suất động cơ đang hoạt động (hạn chế công suất càng nhiều càng tốt)

Hệ thống xác định cần phải nhấn phanh mạnh hơn bình thường để tránh xảy ra tai nạn.

Ví dụ tin nhắn trên màn hình đa

phương tiện (xe có màn hình đa địa hình*): "PHANH!"

Ví dụ thông báo trên màn hình đa thông tin: “BRAKE!"

Đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe: Không bật sáng

Chuông báo: Tiếng bíp ngắn

- Hệ thống điều khiển phanh đang hoạt động

Hệ thống xác định cần phải nhấn phanh khẩn cấp.

Ví dụ tin nhắn trên màn hình đa phương tiện (xe có màn hình đa địa hình*): "PHANH!"

Ví dụ thông báo trên màn hình đa thông tin: “BRAKE!"

Đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe: Không bật sáng

Chuông báo: Tiếng bíp ngắn

- Khi xe được dừng lại bằng hoạt động của hệ thống

Khi xe dừng bởi điều khiển phanh

Ví dụ thông báo trên màn hình đa phương tiện (xe có màn hình đa địa hình*): "Chuyển sang Phanh"

Ví dụ thông báo trên màn hình đa thông tin: "Accelerator Pedal is Pressed Press Brake Pedal", "Press Brake Pedal"

Đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe: Bật sáng

Chuông báo: Kêu liên tục

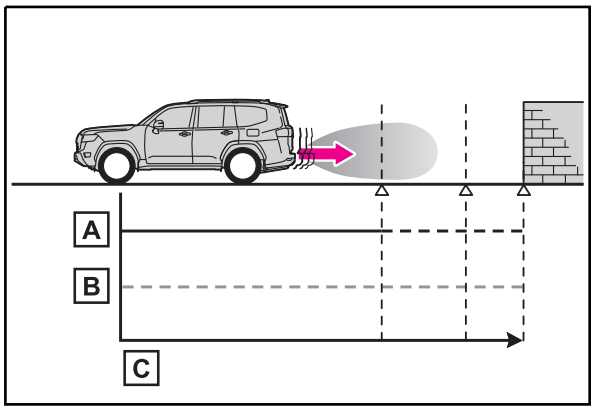
*: Điều này có thể sẽ không được hiển thị tùy thuộc vào đặc điểm kỹ thuật của Multi-terrain Monitor.

Tổng quan về hệ thống

Nếu phanh hỗ trợ đỗ xe xác định rằng đã phát hiện được nguy cơ xảy ra va chạm với vật thể hoặc người, công suất động sẽ được khống chế để không cho tăng tốc độ xe. (Điều khiển hạn chế công suất động cơ: Xem hình vẽ 2 dưới đây.)

Hơn nữa, nếu vẫn tiếp tục nhấn bàn đạp ga, phanh sẽ được nhấn tự động để giảm tốc độ xe. (Điều khiển phanh: Xem hình vẽ 3 dưới đây.)

- Hình 1: Khi PKSB (phanh hỗ trợ đỗ xe) không hoạt động

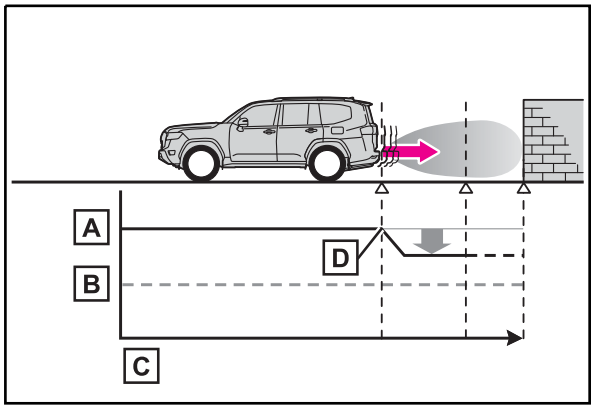


A Công suất của động cơ

B Lực phanh

C Thời gian

- Hình 2: Khi chức năng điều khiển hạn chế công suất động cơ hoạt động



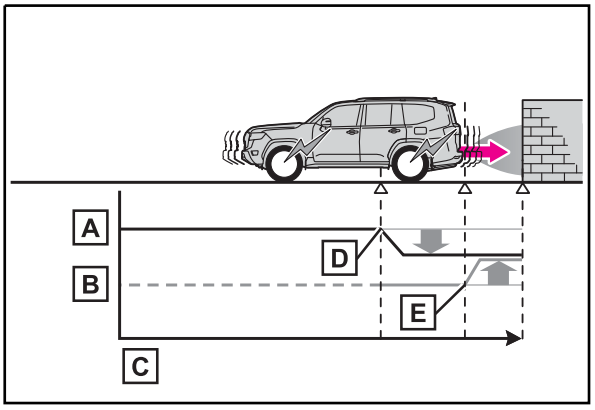
A Công suất của động cơ

B Lực phanh

C Thời gian

D Chức năng điều khiển hạn chế công suất động cơ bắt đầu hoạt động (Hệ thống xác định rằng nguy cơ va chạm với vật thể đã được phát hiện là cao)

- Hình 3: Khi chức năng điều khiển hạn chế công suất động cơ và điều khiển phanh hoạt động



A Công suất của động cơ

B Lực phanh

C Thời gian

D Chức năng điều khiển hạn chế công suất động cơ bắt đầu hoạt động (Hệ thống xác định rằng nguy cơ va chạm với vật thể đã được phát hiện là cao)

E Chức năng điều khiển phanh bắt đầu hoạt động (Hệ thống xác định rằng nguy cơ va chạm với vật thể đã được phát hiện là rất cao)

n Nếu phanh hỗ trợ đỗ xe đã hoạt động

Nếu xe được dừng lại do hoạt động của hệ thống Phanh hỗ trợ đỗ xe, hệ thống Phanh hỗ trợ đỗ xe sẽ bị vô hiệu hóa và đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe sẽ sáng lên. Ngoài ra, ngay cả khi hệ thống PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) hoạt động, điều khiển phanh sẽ bị hủy sau khoảng 2 giây để khởi hành. Hơn nữa, điều khiển phanh cũng có thể bị hủy bằng cách đạp bàn đạp phanh. Đạp bàn đạp ga sau đó sẽ cho phép xe khởi hành.

n Kích hoạt lại phanh hỗ trợ đỗ xe

Để kích hoạt lại hệ thống PKSB (phanh hỗ trợ đỗ xe) khi nó bị tắt do hoạt động của hệ thống PKSB (phanh hỗ trợ đỗ xe), hãy bật lại hệ thống hoặc tắt công tắc nguồn rồi bật lại trạng thái ON.

Ngoài ra, nếu thỏa mãn bất kỳ điều kiện nào sau đây, hệ thống sẽ tự động được kích hoạt lại và đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe sẽ tắt đi (→P.89):

- Khi cần số ở vị trí P.
- Lái mà không có chủ đích về hướng di chuyển xe
- Hãy thay đổi hướng di chuyển xe

n Chuông báo

Bất kể chuông báo của hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota có đang được bật hay không (→P.343), nếu hệ thống PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) được bật (→P.358), thì chuông báo sẽ kêu để thông báo cho người lái xe về khoảng cách xấp xỉ tới vật thể khi hệ thống điều khiển phanh và điều khiển hạn chế công suất động cơ hoạt động.

Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (vật cố định ở phía trước và phía sau của xe)*

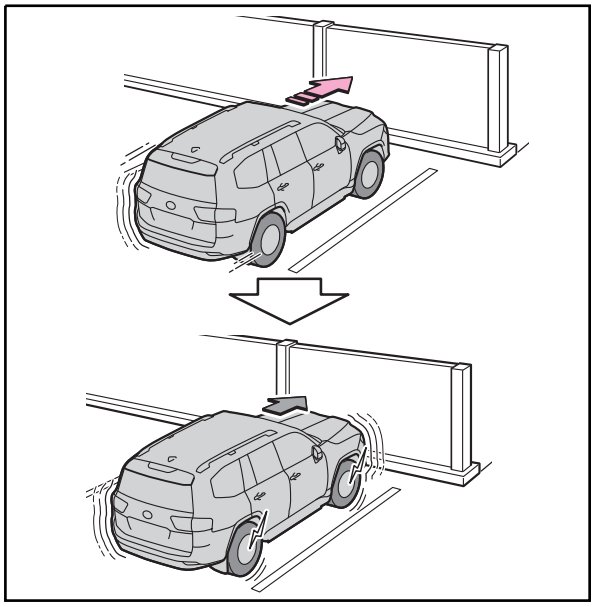
*: Nếu có

Nếu các cảm biến phát hiện được một vật thể cố định như bức tường, theo hướng di chuyển của xe và hệ thống xác định rằng có thể xảy ra va chạm do xe bất ngờ di chuyển về phía trước do vô tình nhấn bàn đạp ga, xe di chuyển không theo hướng chủ định do chuyển nhầm số, hoặc trong khi đang đỗ xe hoặc di chuyển ở tốc độ thấp, hệ thống sẽ vận hành để giảm sự va chạm với vật thể cố định và giảm mức độ hư hỏng.

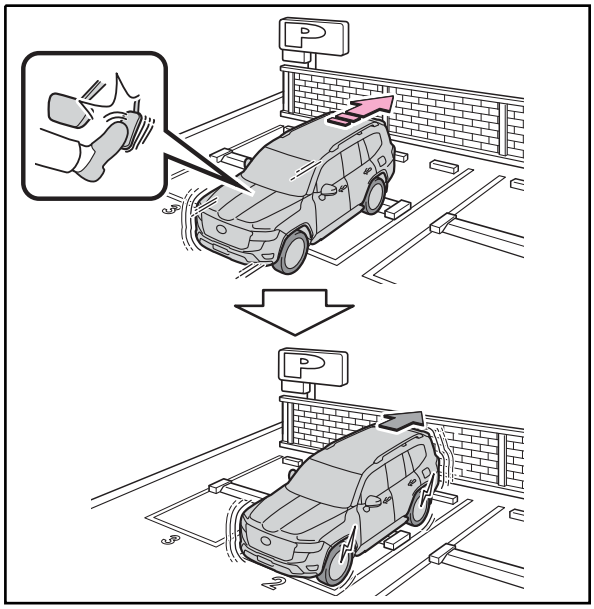
Các ví dụ hoạt động của xe (các vật thể cố định ở phía trước hoặc phía sau)

Chức năng này sẽ hoạt động trong những tình huống sau khi phát hiện được vật thể trong hướng di chuyển của xe.

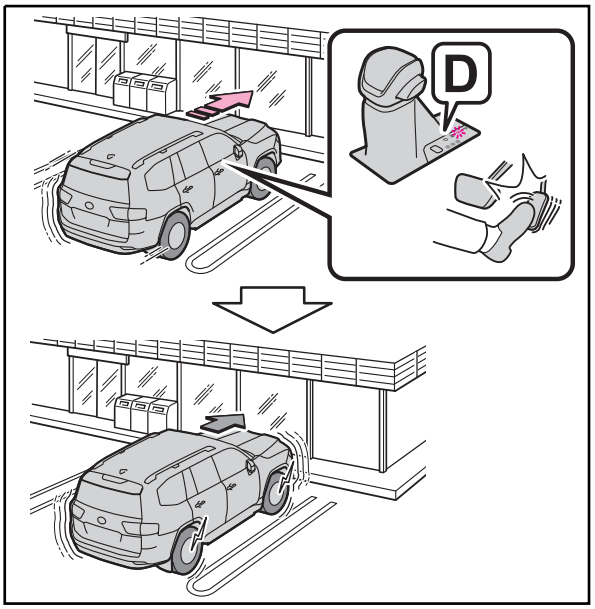
n **Xe được lái ở tốc độ thấp và bàn đạp phanh không được nhấn hoặc nhấn quá muộn**



n **Khi đang nhấn bàn đạp ga quá mạnh**



n **Khi xe di chuyển về phía trước do chuyển nhầm số.**



Các loại cảm biến

→P.342

⚠ CẢNH BÁO

n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**

→P.343

n **Nếu chức năng PKSB (phanh hỗ trợ đỗ xe) hoạt động một cách không cần thiết, chẳng hạn như ở đoạn đường giao cắt với đường sắt**

→P.361

n **Các lưu ý khi rửa xe**

→P.344

n **Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (vật cố định ở phía trước và phía sau của xe) sẽ hoạt động khi**

Chức năng này sẽ hoạt động khi đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe không bật sáng (→P.86) và thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

l Điều khiển hạn chế công suất động cơ

• Nếu phanh hỗ trợ đỗ xe được kích hoạt.
• Tốc độ xe đạt từ 15 km/h trở xuống.
• Có vật thể cố định theo hướng di chuyển của xe (cách xe từ 2 đến 4 m).
• Phanh hỗ trợ đỗ xe xác định cần phải nhấn phanh mạnh hơn bình thường để tránh xảy ra va chạm.

l Điều khiển phanh

• Điều khiển hạn chế công suất động cơ đang hoạt động.
• Phanh hỗ trợ đỗ xe xác định cần phải nhấn phanh để tránh xảy ra va chạm.

n **Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (vật cố định ở phía trước và phía sau của xe) sẽ dừng hoạt động khi**

Chức năng này sẽ ngừng hoạt động khi thỏa mãn một trong các điều kiện sau đây:

l Điều khiển hạn chế công suất động cơ

• Nếu phanh hỗ trợ đỗ xe bị vô hiệu hóa.
• Hệ thống xác định rằng có thể tránh khỏi va chạm với chỉ hoạt động phanh bình thường.
• Không có vật thể cố định nào cách xe từ khoảng 2 đến 4 m hoặc theo hướng di chuyển của xe.

l Điều khiển phanh

• Nếu phanh hỗ trợ đỗ xe bị vô hiệu hóa.
• Khoảng 2 giây kể từ khi xe được dừng bằng điều khiển phanh.
• Bàn đạp phanh được nhấn sau khi xe được dừng bằng điều khiển phanh.
• Không có vật thể cố định nào cách xe từ khoảng 2 đến 4 m hoặc theo hướng di chuyển của xe.

n **Phạm vi phát hiện của chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (Vật thể cố định ở phía trước và ở phía sau của xe)**

Phạm vi phát hiện của chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (Vật thể cố định ở phía trước và ở phía sau của xe) sẽ khác với phạm vi phát hiện của cảm

biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.346) Vì vậy, kể cả khi cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota đã phát hiện được vật thể và đưa ra cảnh báo, chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (Vật thể cố định ở phía trước và ở phía sau của xe) có thể không bắt đầu hoạt động.

n **Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác**

→P.345

n **Những tình huống mà hệ thống có thể hoạt động mặc dù không có nguy cơ bị va chạm**

→P.345

Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (những xe đang di chuyển ở phía sau xe bạn)*

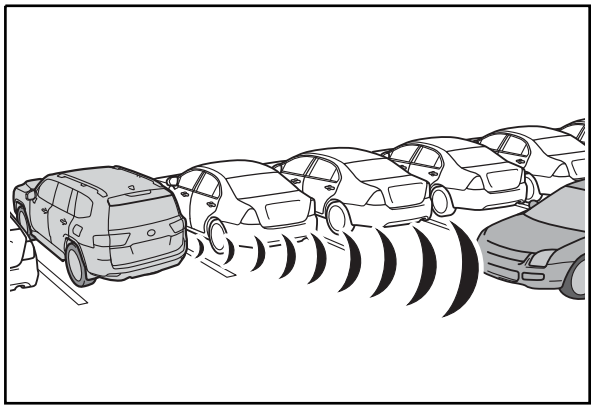
*: Nếu có

Nếu cảm biến ra đa phía sau phát hiện được xe đang tiếp cận từ phía bên trái hoặc bên phải của phía sau xe và hệ thống xác định được nguy cơ gây ra va chạm là cao, chức năng này sẽ thực hiện điều khiển phanh để giảm sự va chạm có thể xảy ra với xe đang tiếp cận.

Ví dụ về hoạt động của chức năng

Chức năng này sẽ hoạt động trong những tình huống sau, khi phát hiện được vật thể trong hướng di chuyển của xe.

n **Khi lùi xe, xe đang tiếp cận và bàn đạp phanh không được nhấn hoặc nhấn quá muộn**



Các loại cảm biến

→P.326

CẢNH BÁO

n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**

→P.326

n **Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (xe đang di chuyển ở phía trước và phía sau của xe) sẽ hoạt động khi**

Chức năng này sẽ hoạt động khi đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe không bật sáng (→P.86) và thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

l Điều khiển hạn chế công suất động cơ
- Nếu phanh hỗ trợ đỗ xe được kích hoạt.
- Tốc độ xe đạt từ 15 km/h trở xuống.
- Các xe đang đến gần từ phía sau bên phải hoặc phía sau bên trái với tốc độ xe xấp xỉ từ 8 km/h trở lên.
- Cần số đang ở vị trí R.
- Phanh hỗ trợ đỗ xe xác định cần phải nhấn phanh mạnh hơn bình thường để tránh xảy ra va chạm với xe đang tiếp cận từ phía sau.

l Điều khiển phanh
- Điều khiển hạn chế công suất động cơ đang hoạt động.
- Phanh hỗ trợ đỗ xe xác định rằng hoạt động phanh khẩn cấp là cần thiết để tránh va chạm với xe đang tiếp cận từ phía sau xe.

n **Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (xe đang di chuyển ở phía sau của xe) sẽ dừng hoạt động khi**

Chức năng này sẽ ngừng hoạt động khi thỏa mãn một trong các điều kiện sau đây:

l Điều khiển hạn chế công suất động cơ
- Nếu phanh hỗ trợ đỗ xe bị vô hiệu hóa.
- Khi có thể tránh được va chạm chỉ với hoạt động phanh bình thường.
- Không có xe tiếp cận từ phía sau bên phải hoặc bên trái của xe.

l Điều khiển phanh
- Nếu phanh hỗ trợ đỗ xe bị vô hiệu hóa.
- Khoảng 2 giây kể từ khi xe được dừng bằng điều khiển phanh.
- Bàn đạp phanh được nhấn sau khi xe được dừng bằng điều khiển phanh.

n **Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác**

→P.351

n **Những tình huống mà hệ thống có thể hoạt động mặc dù không có nguy cơ bị va chạm**

→P.352

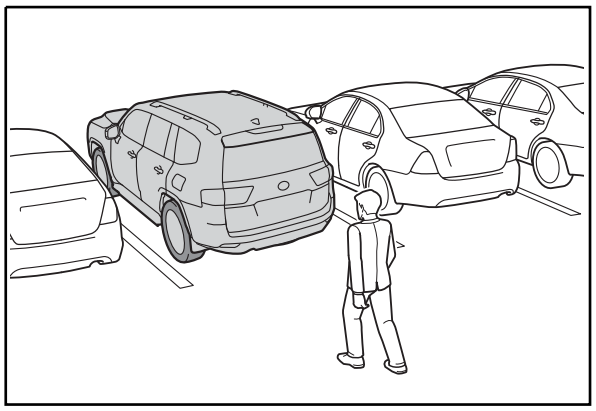
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe bạn)*

*: Nếu có

Nếu cảm biến camera phía sau phát hiện có người đi bộ ở phía sau xe khi xe đang lùi và hệ thống xác định rằng nguy cơ va chạm với người đi bộ là cao, thì chuông báo sẽ kêu. Nếu hệ thống xác định rằng khả năng va chạm với vật thể xác định là rất cao, các phanh sẽ tự động được nhấn để giúp giảm lực tác động va chạm.

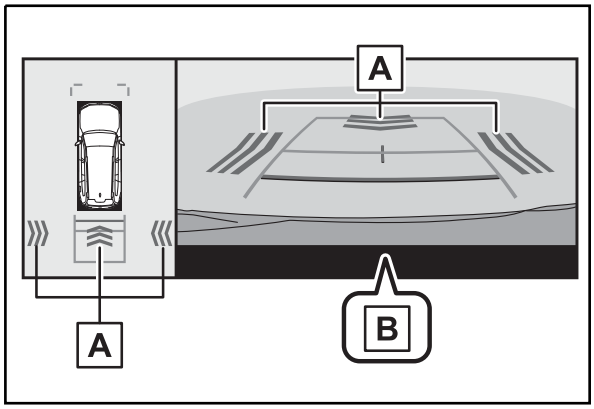
Ví dụ về hoạt động của chức năng

Hệ thống hoạt động khi phát hiện có người đi bộ phía sau xe khi lùi xe, và khi bàn đạp phanh không được nhấn hoặc nhấn muộn.



Hiển thị màn hình có người đi bộ phía sau xe

Hiển thị một thông báo để nhắc nhở người lái phanh khi phát hiện có người đi bộ trong khu vực phát hiện phía sau xe.



A Biểu tượng phát hiện người đi bộ

B Ví dụ: "BRAKE!"

⚠ CẢNH BÁO

n **Nếu chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (có người đi bộ ở phía sau xe) hoạt động không cần thiết**

Nhấn bàn đạp phanh ngay sau khi chức năng phanh đỗ hỗ trợ đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe) hoạt động. (Hoạt động của chức năng này được hủy bằng cách nhấn bàn đạp phanh.)

n **Sử dụng chính xác chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe)**

→P.353

n **Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe) sẽ hoạt động khi**

Chức năng này sẽ hoạt động khi đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe không bật sáng (→P.86) và thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

l Điều khiển hạn chế công suất động cơ
- Nếu phanh hỗ trợ đỗ xe được kích hoạt.
- Tốc độ xe từ 15 km/h trở xuống.

- Cần số đang ở vị trí R.
- Có người đi bộ ở phía sau xe.
- PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) xác định cần phải nhấn phanh mạnh hơn bình thường để tránh xảy ra tai nạn.

l Điều khiển phanh

- Điều khiển hạn chế công suất động cơ đang hoạt động.
- Phanh hỗ trợ đỗ xe xác định cần phải thực hiện phanh khẩn cấp để tránh xảy ra tai nạn với người đi bộ.

n Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe) sẽ dừng hoạt động khi

Chức năng này sẽ ngừng hoạt động khi thỏa mãn một trong các điều kiện sau đây:

l Điều khiển hạn chế công suất động cơ

- Nếu phanh hỗ trợ đỗ xe bị vô hiệu hóa.
- Khi có thể tránh được va chạm chỉ với hoạt động phanh bình thường.
- Không phát hiện thấy có người đi bộ phía sau xe bạn.

l Điều khiển phanh

- Nếu phanh hỗ trợ đỗ xe bị vô hiệu hóa.
- Khoảng 2 giây kể từ khi xe được dừng bằng điều khiển phanh.
- Bàn đạp phanh được nhấn sau khi xe được dừng bằng điều khiển phanh.

n Kích hoạt lại chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe)

→P.361

n Phạm vi phát hiện của chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe)

Phạm vi phát hiện của chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (Người đi bộ ở phía sau xe bạn) sẽ khác với phạm vi phát hiện của chức năng RCD (→P.354). Vì vậy, kể cả khi chức năng RCD phát hiện được xe và đưa ra cảnh báo, chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe) có thể không hoạt động.

n Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác

→P.355

n Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động bất ngờ

→P.356

Theo dõi đa địa hình*

*: Nếu có

Hệ thống theo dõi đa địa hình sẽ hỗ trợ người lái kiểm tra xung quanh xe. Nó sẽ hỗ trợ xác định các điều kiện xung quanh người lái trong những trường hợp khác nhau, như phán đoán các điều kiện khi lái xe trên địa hình phức tạp hoặc kiểm tra các vật thể khi đỗ xe.

- Hình minh họa trong cuốn sách này chỉ là ví dụ tham khảo, và nó có thể khác so với hình ảnh thực tế xuất hiện trên màn hình.

CẢNH BÁO

Khi sử dụng hệ thống theo dõi đa địa hình

Hãy thực hiện các chú ý sau để tránh tai nạn mà có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Không quá phụ thuộc vào hệ thống theo dõi đa địa hình. Cũng như với xe không được trang bị hệ thống này, hãy lái xe cẩn thận trong khi quan sát xung quanh và phía sau xe để đảm bảo an toàn. Hãy đặc biệt chú ý tới những xe đang đỗ và các vật thể khác.
- Do đặc tính của ống kính camera, vị trí và khoảng cách thực tế của người và các vật thể khác sẽ khác so với hình ảnh được xuất hiện trên màn hình theo dõi đa địa hình. Hãy quan sát trực tiếp để đảm bảo xung quanh bạn đã an toàn trước khi lái xe.
- Luôn đảm bảo kiểm tra bằng cách quan sát phía sau và môi trường xung quanh xe khi đang lái xe.
- Không được chỉ nhìn chăm chú vào màn hình khi lái xe do hình ảnh trên màn hình sẽ khác biệt so với thực tế. Nếu lái xe trong khi nhìn vào màn hình, bạn có thể sẽ va vào người khác hoặc vật thể và gây ra tai nạn. Khi lái xe hãy kiểm tra kỹ xung quanh xe bằng mắt thường và gương chiếu hậu.
- Vị trí của các đường chỉ dẫn được hiển thị trên màn hình có thể sẽ bị thay đổi do các yếu tố như số lượng hành khách, tải trọng và độ dốc của đường. Luôn đảm bảo kiểm tra bằng cách quan sát phía sau và môi trường xung quanh xe một cách trực quan khi bạn đang lái xe.
- Khi nhiệt độ thấp, màn hình sẽ tối đi hoặc hình ảnh sẽ bị mờ.
  Hình ảnh của các vật di chuyển có thể bị méo hoặc biến mất khỏi màn hình. Do đó, hãy lái xe thật cẩn thận trong khi quan sát trực tiếp xung quanh xe một cách trực quan để đảm bảo an toàn.
- Nếu bạn thay các lốp xe, vị trí của các đường chỉ dẫn được hiển thị trên màn hình có thể sẽ không chính xác.

CHÚ Ý

Theo dõi đa địa hình

Khi camera bị trục trặc, màn hình có thể hiển thị như sau:

- Khi cần số ở bất kỳ vị trí nào khác "R", hình ảnh từ camera vẫn tiếp tục được hiển thị.
- Khi cần số ở vị trí "R", một phần hoặc toàn bộ màn hình có thể sẽ chuyển sang màu đen

l Khi cần số ở vị trí "R", màn hình có thể sẽ không chuyển sang hiển thị hình ảnh từ camera

l Các đường chỉ dẫn không được hiển thị trên hình ảnh camera và các biểu tượng chú ý và cảnh báo xuất hiện

Màn hình theo dõi đa địa hình

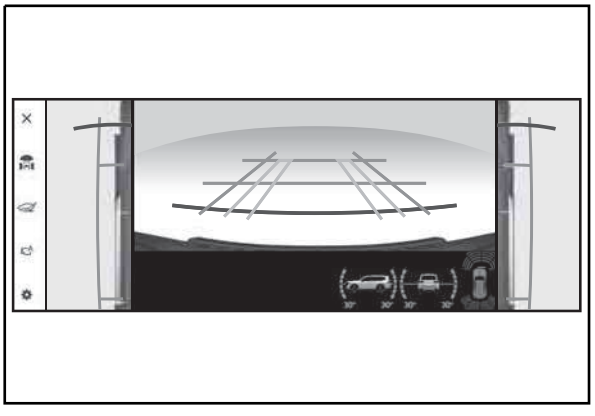
Bạn có thể chọn các kiểu màn hình sau theo các điều kiện lái xe.

- Các màn hình có thể chọn được sẽ khác nhau, tùy thuộc vào các điều kiện như vị trí cần số hoặc tốc độ xe. (→P.372)
- Tùy thuộc vào màn hình hiển thị, có thể chuyển được giữa hiển thị màn hình bình thường sang màn hình đầy đủ.

n **Các màn hình khi chọn công tắc điều khiển 4 bánh chủ động ở L4 hoặc H4 và chọn đa địa hình bật.**

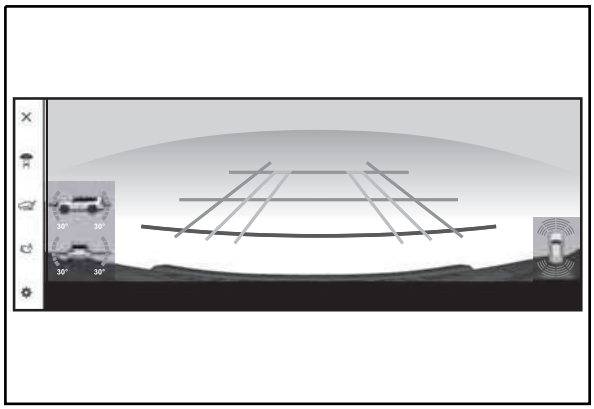
● Khi kiểm tra khu vực phía trước và hai bên xe

▶ Màn hình phía trước và màn hình quan sát hai bên hông xe



→P.377

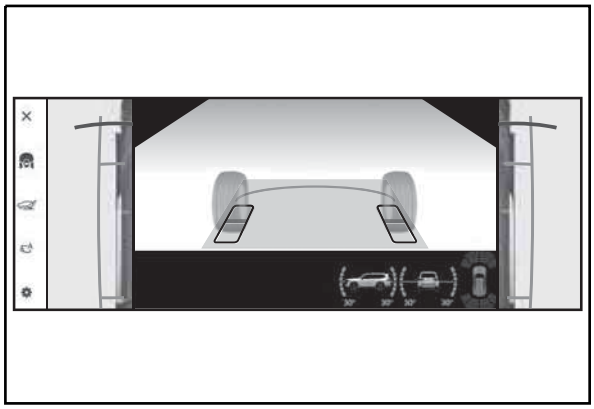
▶ Màn hình phía trước (phóng to)



→P.377

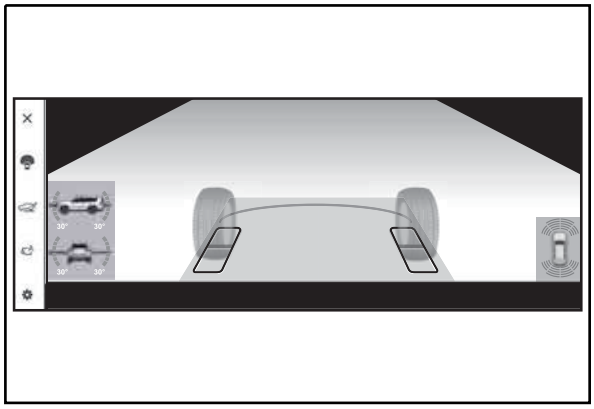
● Khi kiểm tra tình trạng mặt đường bên dưới xe

▶ Màn hình quan sát mặt đường và hai bên hông xe



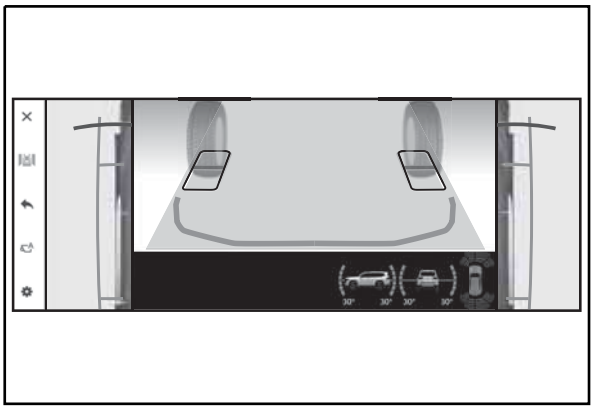
→P.381

▶ Màn hình quan sát mặt đường (phóng to)



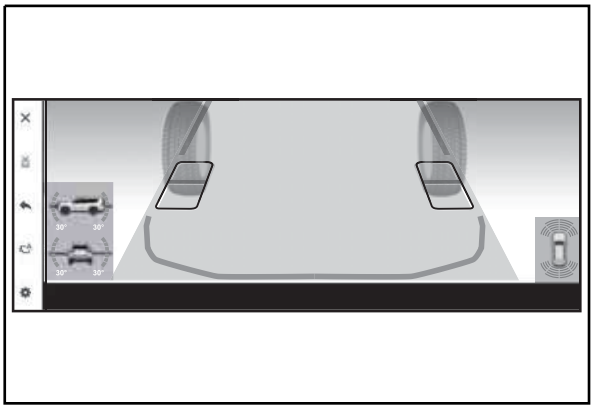
→P.381

▶ Màn hình hai bên hông xe và màn hình quan sát mặt đường (bánh sau):



→P.384

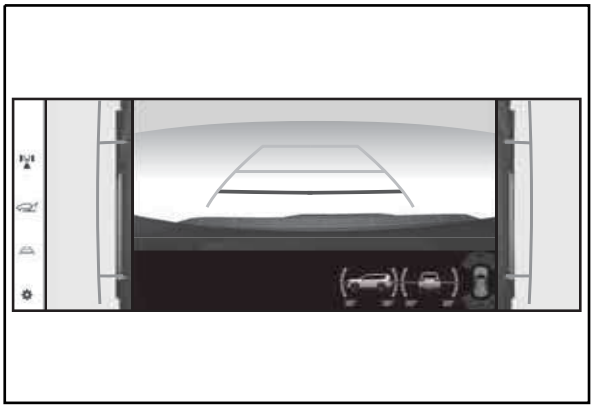
▶ Màn hình quan sát mặt đường (bánh sau) (phóng to)



→P.384

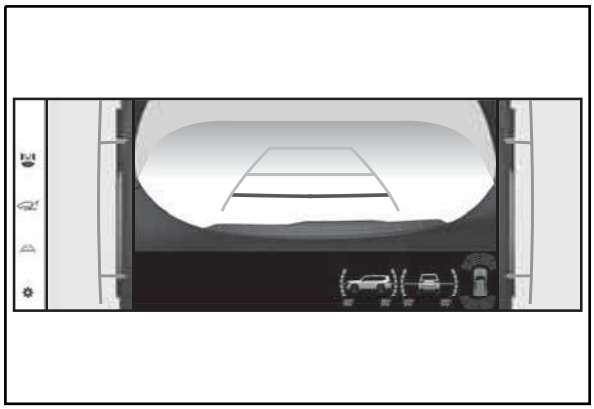
● Khi kiểm tra khu vực phía sau xe

▶ Màn hình góc nhìn phía sau và màn hình quan sát hai bên hông xe



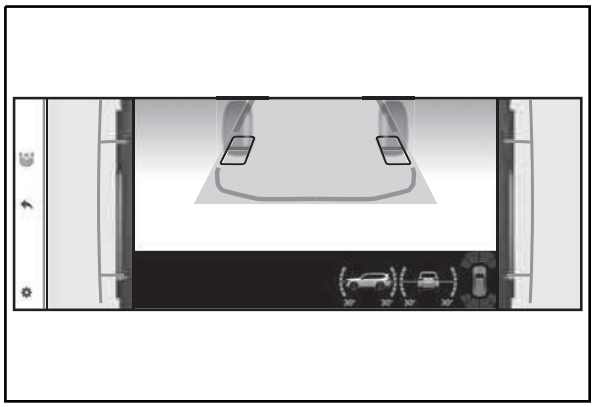
→P.388

▶ Màn hình góc rộng phía sau và màn hình quan sát hai bên hông xe



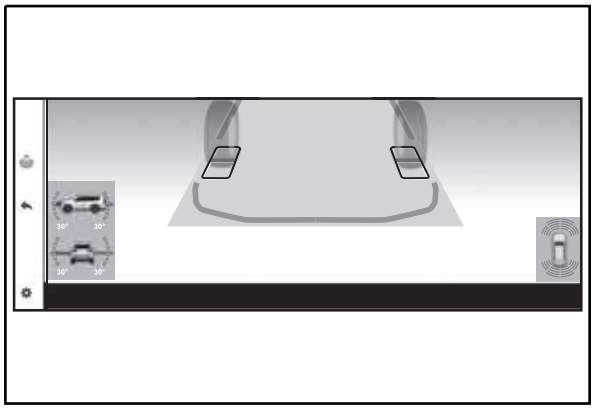
→P.388

▶ Màn hình quan sát mặt đường (phía sau) và hai bên hông xe (ngoại trừ Ấn Độ)



→P.391

▶ Màn hình quan sát mặt đường (phía sau) (phóng to) (ngoại trừ Ấn Độ)



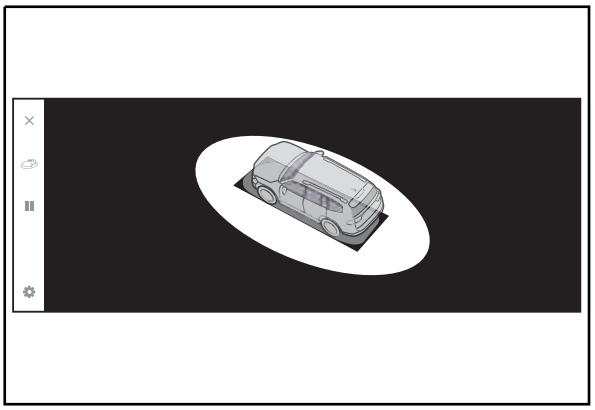
→P.391

n **Các màn hình khi chọn công tắc điều khiển 4 bánh chủ động ở H4 và hệ thống chọn đa địa hình tắt.**

● Khi kiểm tra an toàn xung

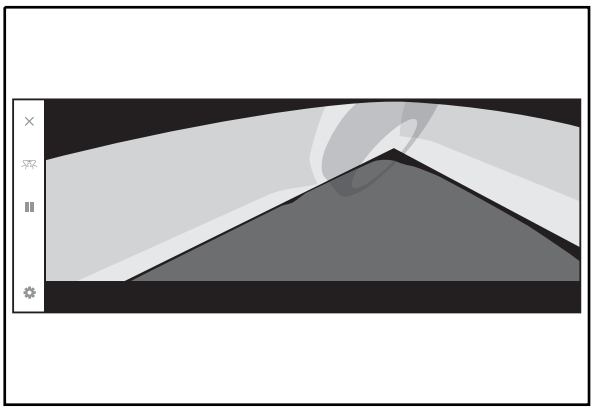
quanh xe

▶ Màn hình quan sát khi di chuyển của xe



→P.394

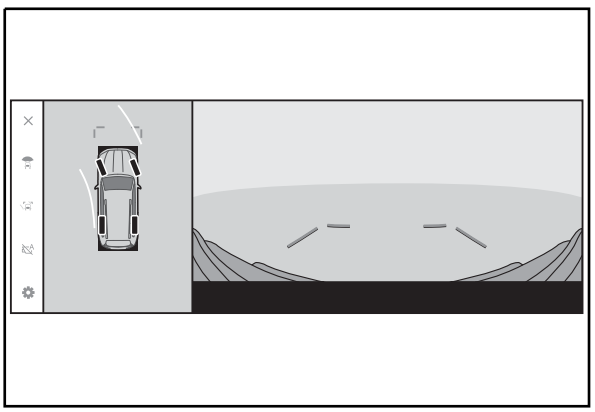
▶ Màn hình góc nhìn xuyên



→P.394

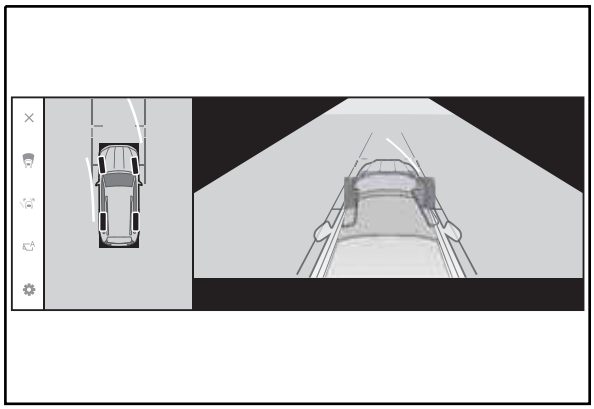
● Khi kiểm tra khu vực phía trước xe

▶ Màn hình góc nhìn toàn cảnh và màn hình góc rộng phía trước



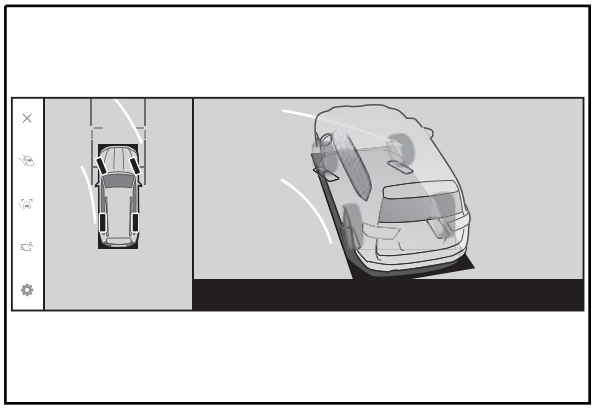
→P.396

▶ Màn hình hai bên hông xe và màn hình toàn cảnh



→P.396

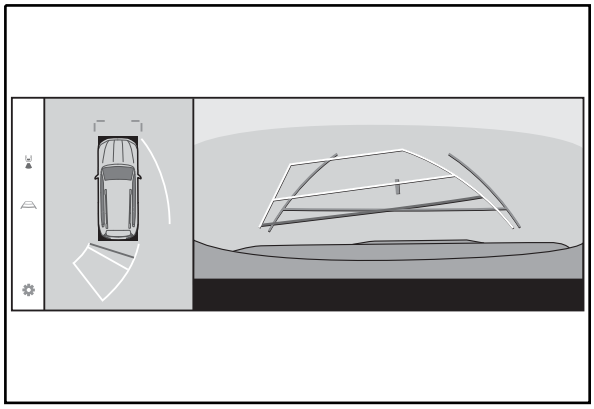
▶ Màn hình khi vào cua và màn hình toàn cảnh



→P.396

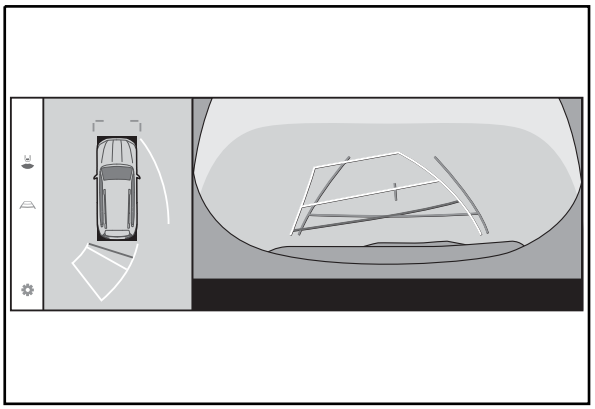
● Khi kiểm tra khu vực phía sau xe

▶ Màn hình góc nhìn phía sau và màn hình toàn cảnh



→P.405

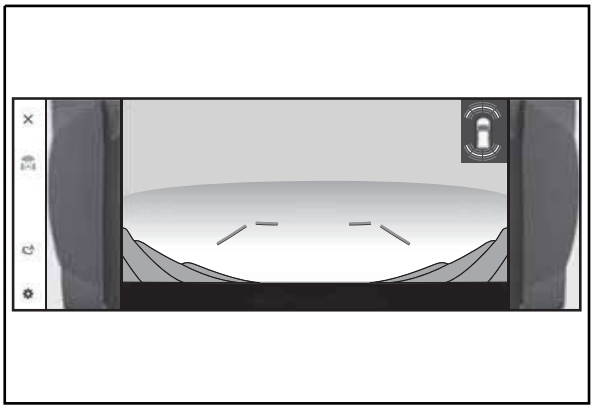
▶ Màn hình góc rộng phía sau và màn hình toàn cảnh



→P.405

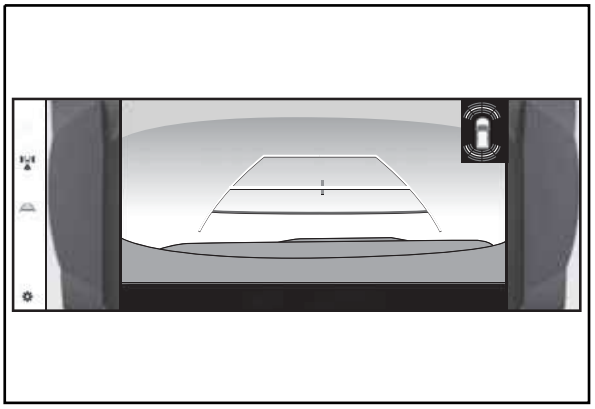
● Khi gập gương chiếu hậu bên ngoài xe

▶ Màn hình góc nhìn bên & Màn hình góc rộng phía trước



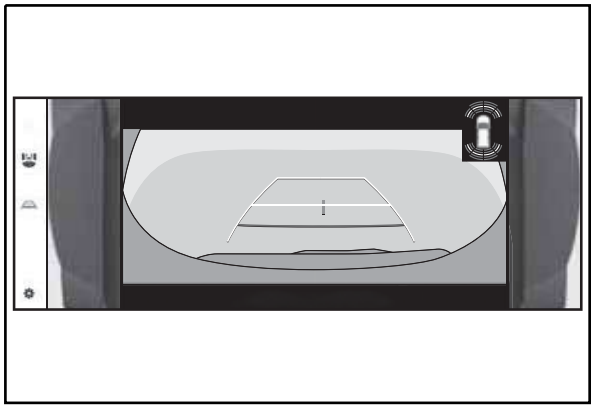
→P.414

▶ Chế độ quan sát hai bên hông xe và góc nhìn phía sau



→P.414

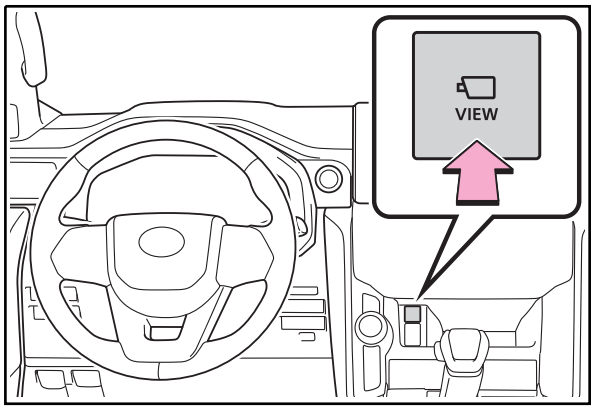
▶ Màn hình góc nhìn bên & góc nhìn ở góc rộng phía sau



→P.414

Công tắc Camera

Công tắc camera có vị trí như chỉ ra trong hình vẽ.



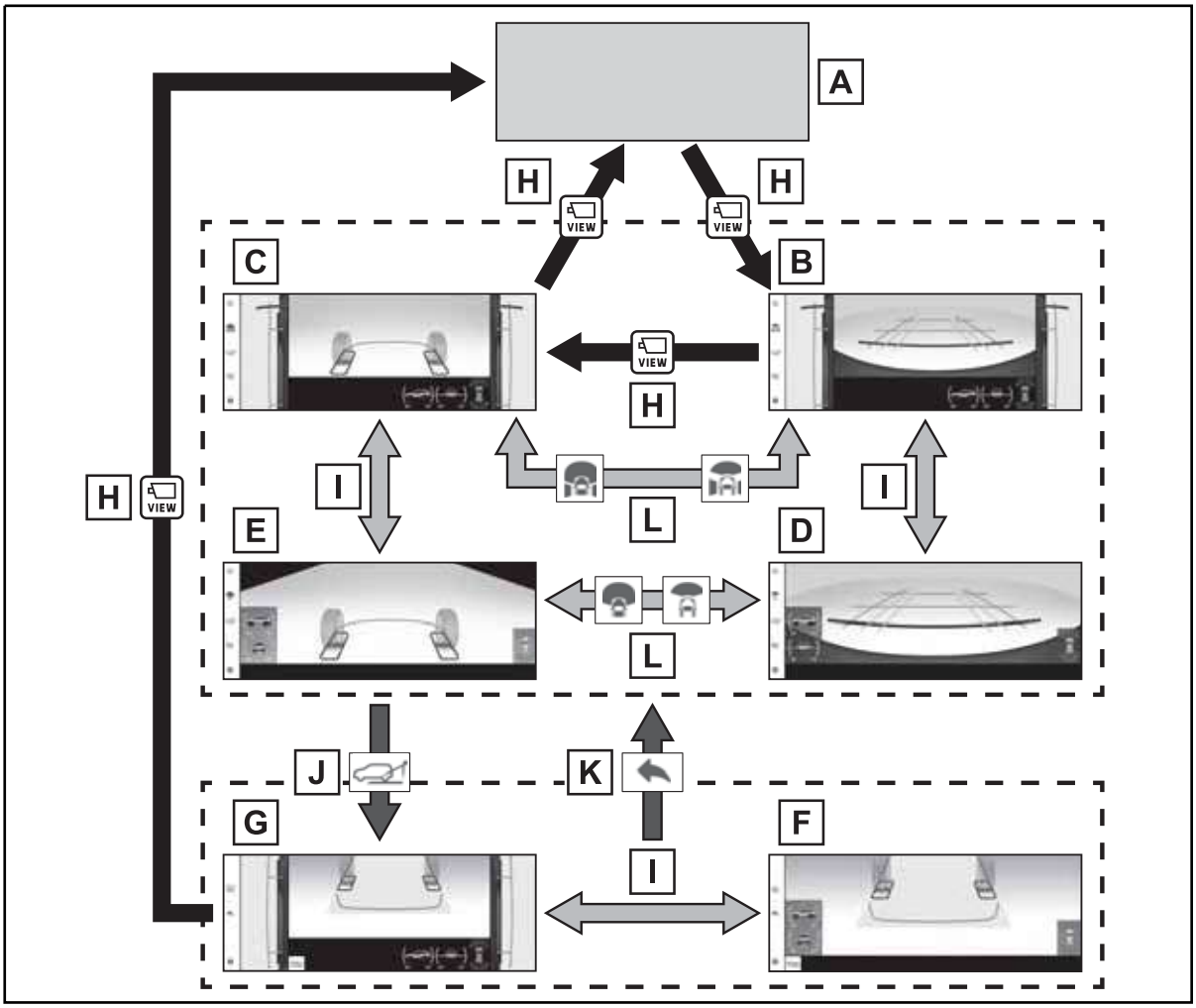
Cách bật màn hình

Khi bạn nhấn nút CAMERA trong khi công tắc động cơ ở chế độ ON, màn hình hiển thị hoạt động.

Màn hình hiển thị các góc nhìn khác nhau về vị trí của xe. (Dưới đây là một ví dụ)

Công tắc điều khiển 4 bánh chủ động ở L4 hoặc H4 và Chọn đa địa hình bật

n Khi cần số ở vị trí "P", "D" hoặc "N"



A Màn hình của hệ thống dẫn đường, màn hình của hệ thống âm thanh...

B Màn hình phía trước và màn hình quan sát hai bên hông xe

C Màn hình quan sát mặt đường và hai bên hông xe

D Màn hình phía trước (phóng to)

E Màn hình quan sát mặt đường (phóng to)

F Màn hình quan sát mặt đường (bánh sau) (phóng to)

G Màn hình hai bên hông xe và màn hình quan sát mặt đường (bánh

sau):

H Ấn công tắc camera

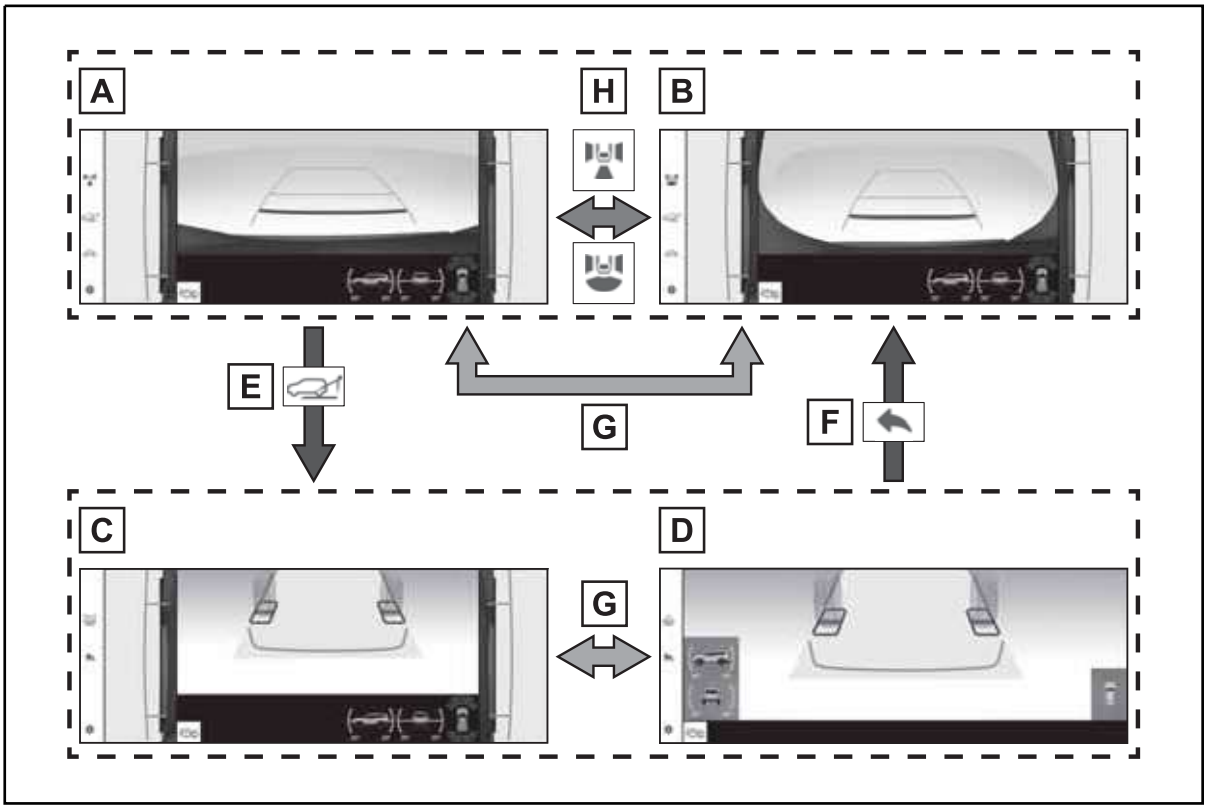
I Chạm vào màn hình theo dõi đa địa hình

J Chạm vào nút màn hình quan sát mặt đường (bánh sau)

K Chạm vào nút quay lại

L Chạm vào nút chuyển chế độ hiển thị

n **Khi cần số ở vị trí "R"**



A Màn hình góc nhìn phía sau và màn hình quan sát hai bên hông xe

B Màn hình góc rộng phía sau và màn hình quan sát hai bên hông xe

C Màn hình quan sát mặt đường (phía sau) và hai bên hông xe

D Màn hình quan sát mặt đường (phía sau) (phóng to)

E Chạm vào nút màn hình quan sát mặt đường (phía sau)

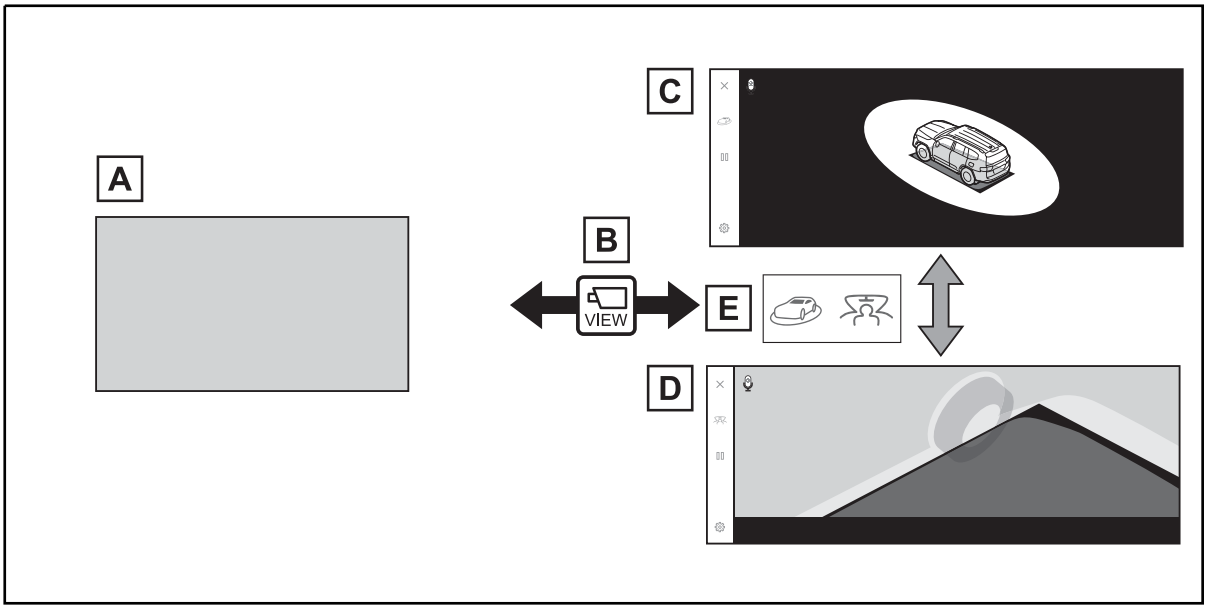
F Chạm vào nút quay lại

G Chạm vào màn hình theo dõi đa địa hình

H Chạm vào nút chuyển chế độ hiển thị

Công tắc điều khiển 4 bánh chủ động ở H4 và chọn đa địa hình tắt.

n **Khi cần số ở vị trí "P"**



A Màn hình của hệ thống dẫn đường, màn hình của hệ thống âm thanh...

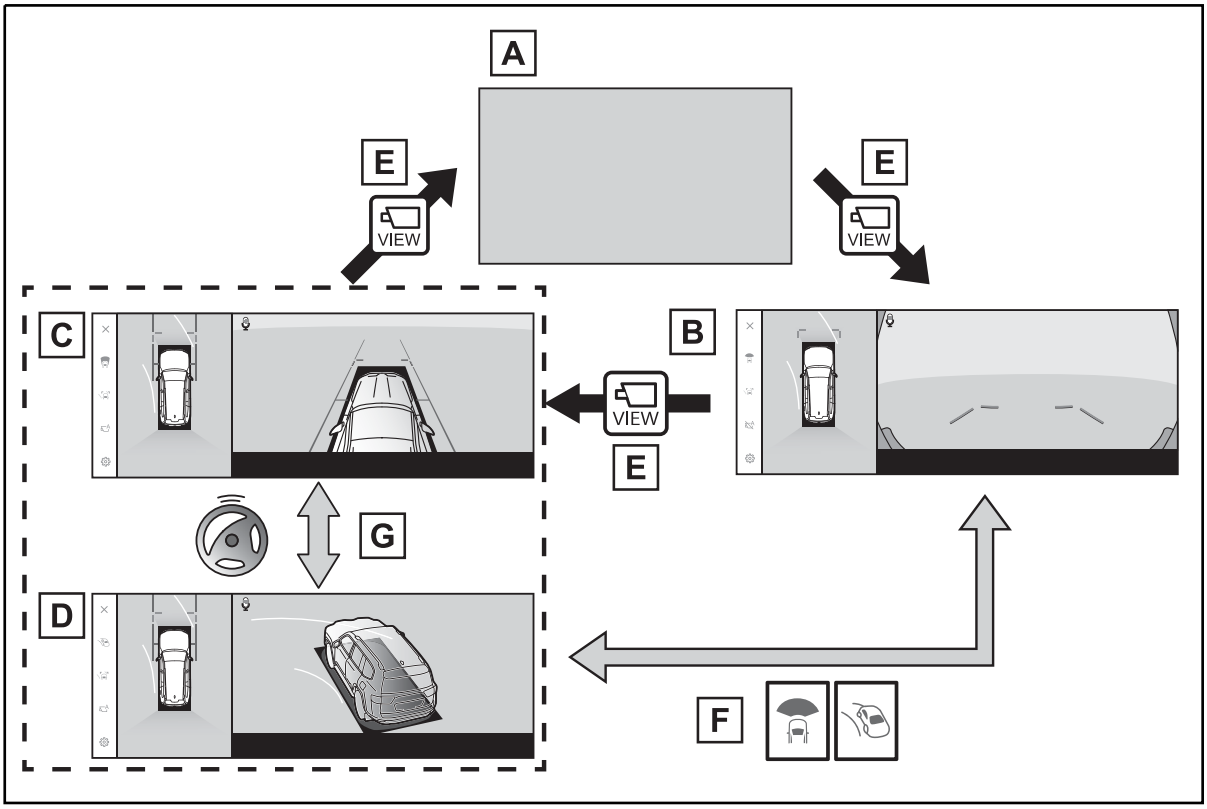
B Ấn công tắc camera

C Màn hình quan sát khi di chuyển của xe

D Màn hình góc nhìn xuyên

E Chạm vào nút chuyển chế độ hiển thị

n Khi cần số ở vị trí "D" hoặc "N"



A Màn hình của hệ thống dẫn đường, màn hình của hệ thống âm thanh...

B Màn hình góc nhìn toàn cảnh và màn hình góc rộng phía trước

C Quan sát khoảng cách hai bên hông xe & góc nhìn toàn cảnh

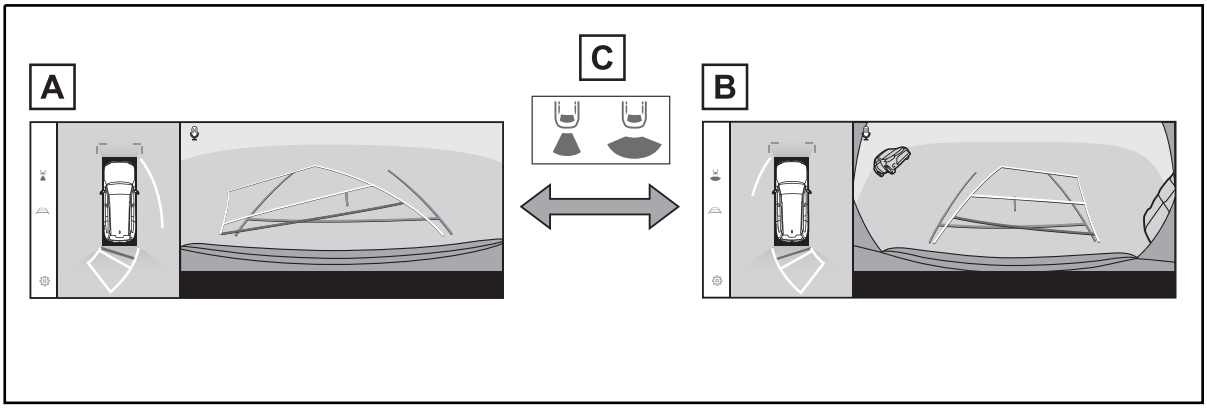
D Chế độ góc nhìn khi vào cua & góc nhìn toàn cảnh

E Ấn công tắc camera

F Chạm vào nút chuyển chế độ hiển thị

G Khi người lái xoay vô lăng một góc từ 180 độ trở lên so với vị trí trung tâm (thẳng lái)

n Khi cần số ở vị trí "R"



A Màn hình góc nhìn phía sau và màn hình toàn cảnh

B Màn hình góc rộng phía sau và màn hình toàn cảnh

C Chạm vào nút chuyển chế độ hiển thị

n Hiển thị của màn hình theo dõi đa địa hình

- Thời gian màn hình theo dõi đa địa hình được hiển thị sẽ thay đổi như sau tùy vào tốc độ xe tại thời điểm ấn công tắc camera.
- Màn hình theo dõi địa hình sẽ được hiển thị nếu tốc độ xe chỉ từ 20 km/h trở xuống khi ấn công tắc camera.
- Nếu tốc độ xe vượt quá 20 km/h, chức năng theo dõi đa địa hình sẽ bị hủy.
- Có thể lưu chế độ hiển thị các đường chỉ dẫn và các cài đặt hiển thị khác bằng cách đăng ký hồ sơ người dùng.
- Hệ thống điều khiển bằng giọng nói có thể được sử dụng để hiển thị màn hình Multi-terrain Monitor, thay đổi chế độ màn hình và cho các hoạt động khác.*

*: Những chức năng này không khả dụng ở một vài nước hoặc khu vực.

Chức năng và hiển thị màn hình (Công tắc điều khiển 4 bánh chủ động ở L4 hoặc H4 và chọn đa địa hình bật)

Các màn hình khác nhau hiển thị thông tin để hỗ trợ các tình huống lái xe khác nhau, như khi kiểm tra các vận cản khi xe đi tiến hoặc lùi, hoặc khi đánh giá điều kiện mặt đường trong khi lái xe địa hình.

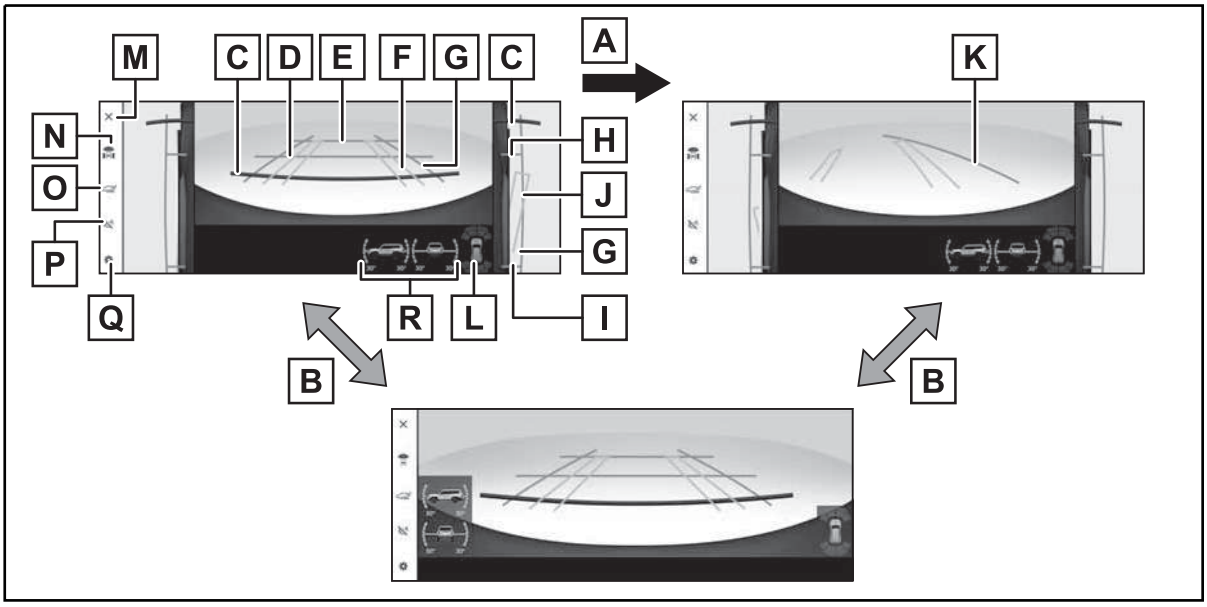
Màn hình phía trước và màn hình quan sát hai bên hông xe

Có thể sử dụng màn hình phía trước & màn hình quan sát hai bên hông xe để kiểm tra khu vực phía trước của xe.

Để hiển thị màn hình, nhấn công tắc CAMERA khi vị trí cần số là "P", "D" hoặc "N".

- Ngoài hình ảnh ở phía trước xe, các đường chỉ dẫn được hiển thị để cung cấp thông tin tham khảo khi ra quyết định hướng dịch chuyển về phía trước của xe.
- Nếu màn hình hiển thị được chạm vào, thì màn hình hiển thị bình thường sẽ chuyển sang màn hình hiển thị phóng to. (Chạm vào màn hình lần nữa sẽ đưa màn hình trở về hiển thị bình thường)
- Nếu xoay vô lăng xoay từ 270° trở lên, các đường chỉ dẫn và các tính năng khác để hỗ trợ đánh lái sẽ tự động hiển thị.

Màn hình hiển thị



A Nếu xoay vô lăng xoay từ 270° trở lên

B Chạm vào màn hình hiển thị

C Đường chỉ dẫn khoảng cách 0.5 m (màu đỏ)

D Đường chỉ dẫn khoảng cách 1 m (màu xanh dương)

E Đường chỉ dẫn khoảng cách 2 m (màu xanh dương)

Các hạng mục từ C đến E thông báo khoảng cách ước tính từ phần phía trước của xe.

F Đường đi của lốp trước (màu vàng)

Cho biết đường đi dự kiến của lốp trước theo vị trí vô lăng.

G Đường xác định bề rộng xe (màu xanh dương)

Chỉ ra bề rộng xe, bao gồm cả gương chiếu hậu bên ngoài.

H Đường tiếp xúc với lốp trước (màu xanh dương)

I Đường tiếp xúc với lốp sau (màu xanh dương)

Hạng mục số H và I chỉ ra vị trí lốp ước tính trên màn hình.

J Đường đi của lốp sau (màu vàng)

Chỉ ra đường đi dự kiến của lốp sau.

K Đường chỉ dẫn chuyển động về phía trước (màu xanh dương)

Chỉ ra đường đi dự kiến của lốp khi vòng quay hẹp nhất có thể.

L Hiển thị cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Chỉ báo việc lốp trượt bằng cách thay đổi màu sắc và nhấp nháy hình ảnh lốp. Nếu cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota phát hiện một vật cố định khi hệ thống được kích hoạt, chỉ báo sẽ được hiển thị trên màn hình. (→P.380)

M Nút tắt hiển thị

Thay đổi màn hình về màn hình hiển thị trước đó, như màn hình hệ thống âm thanh.

N Nút chuyển chế độ hiển thị

Chuyển chế độ hiển thị mỗi khi chạm vào nút này.

O Nút chọn màn hình quan sát mặt đường (bánh sau)

Chuyển chế độ màn hình hông xe và màn hình quan sát mặt đường (bánh sau) và màn hình hai bên hông xe (→P.384)

P Nút hiển thị tự động

→P.380

Q Tùy chọn cá nhân nút cài đặt

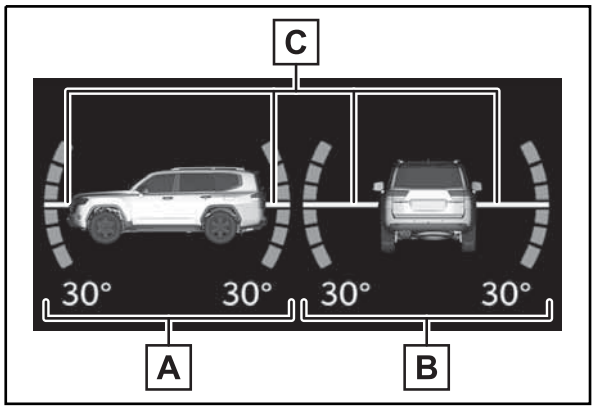
Thay đổi các cài đặt, chẳng hạn như tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua, màu của thân xe, khoảng cách phát hiện của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.418)

R Đồng hồ đo độ nghiêng

Hiển thị độ nghiêng dự kiến của xe. (→P.379)

n Đồng hồ đo độ nghiêng

Đồng hồ đo độ nghiêng sẽ hiển thị độ nghiêng xe về phía trước, phía sau, bên trái và bên phải trong phạm vi từ 0° đến khoảng 30°.



A Đánh dấu độ nghiêng về phía trước và phía sau của xe

Cho biết độ nghiêng của xe về phía trước và phía sau.

B Đánh dấu độ nghiêng sang trái và sang phải

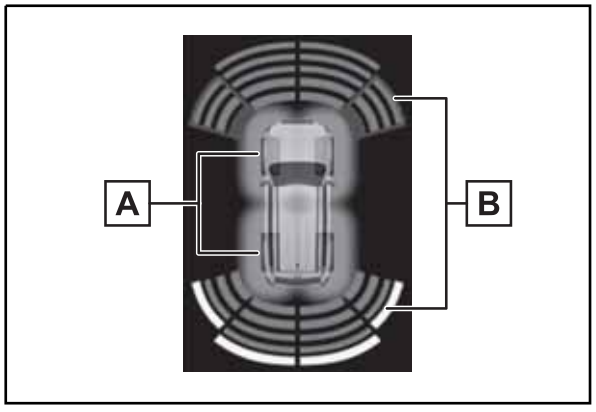
Cho biết độ nghiêng của xe về phía bên trái và bên phải.

C Điểm cân bằng

Cho biết độ nghiêng của xe so với đường song song.

n **Hiển thị cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota**

Chỉ ra lốp đang quay trơn khi phát hiện lốp quay trơn.



A Biểu tượng "Lốp xe"

Lốp đang quay trơn sẽ nhấp nháy màu cam.

B Màn hình pop-up của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Hiển thị nếu phát hiện vật cản khi cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota được kích hoạt.

Chế độ hiển thị tự động

Ngoài việc sử dụng công tắc CAMERA để chuyển màn hình, bạn có thể sử dụng chế độ hiển thị tự động. Ở chế độ này, màn hình sẽ tự động được chuyển tương ứng với tốc độ của xe.
Chế độ hiển thị tự động, màn hình sẽ tự động hiển thị các hình ảnh trong các trường hợp sau:

- Khi chạm vào nút hiển thị tự động , chế độ hiển thị tự động sẽ được bật.
- Bật chế độ hiển thị tự động sẽ tự động hiển thị các chế độ quan sát trong các trường hợp sau:
- Khi cần số ở vị trí "D" hoặc "N"
- Xe giảm tốc xuống dưới 10 km/h (vị trí số ở ngoài vị trí "R")

n **Màn hình phía trước và màn hình quan sát hai bên hông xe**

Màn hình có thể được hiển thị khi vị trí số ở "P", "D" hoặc "N".

n **Hiển thị đồng hồ đo độ nghiêng**

- Màn hình này cho biết độ nghiêng của xe tính được hiển thị bằng sự dịch chuyển của điểm cân bằng và độ xoay của hình ảnh xe.
- Màu sắc của các điểm đánh dấu độ nghiêng về phía trước, phía sau, bên trái và bên phải sẽ thay đổi theo độ nghiêng hiện tại của xe.

- Sau khi công tắc động cơ được bật ON, độ nghiêng sẽ không hiển thị cho đến khi thông tin đó được xác định.
- Độ nghiêng xe được hiển thị trên đồng hồ đo độ ngiêng chỉ là chỉ số tương đối, nó có thể khác so với độ nghiêng đo được trên các thiết bị khác.
- Khi độ nghiêng vượt quá 30°, điểm cân bằng sẽ được hiển thị vượt quá 30°.
- Nếu hệ thống gặp sự cố, hình ảnh và chỉ báo xe không hiển thị. Trong trường hợp này, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n Màn hình độ trượt

Nếu hệ thống gặp sự cố, biểu tượng lốp sẽ không được hiển thị. Trong trường hợp này, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

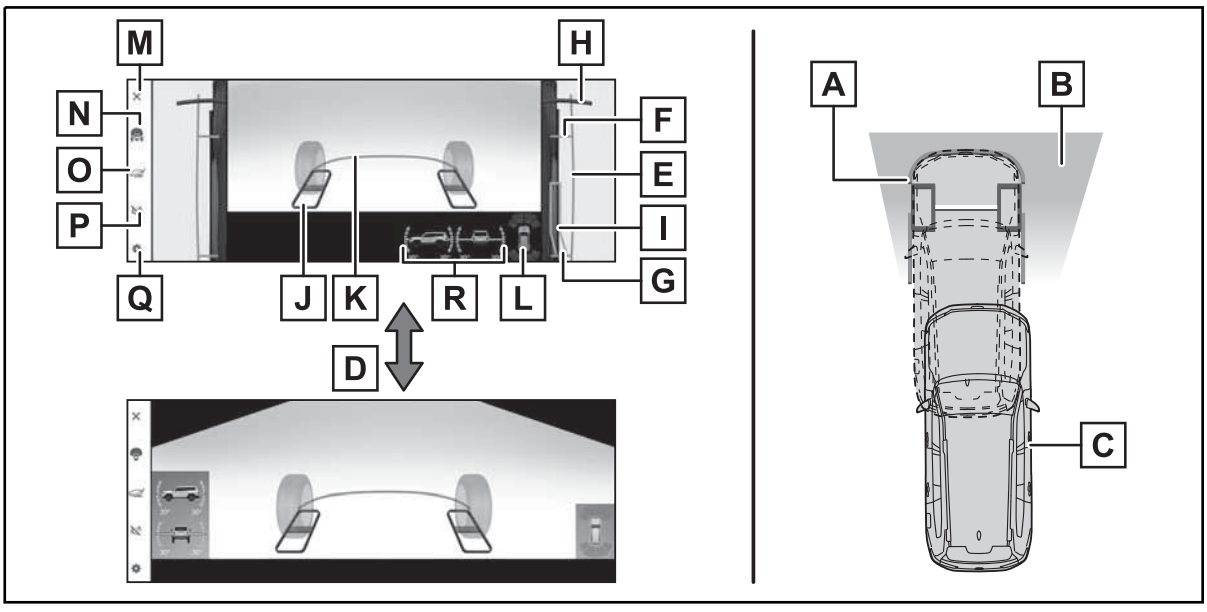
Màn hình quan sát mặt đường và hai bên hông xe

Đường chỉ dẫn chỉ ra vị trí xe và bánh xe hiện tại được hiển thị ở chế độ tổng hợp trên hình ảnh chụp từ phía sau vị trí xe hiện tại và hỗ trợ người lái để kiểm tra tình trạng phía dưới xe hoặc xác định vị trí của các bánh trước.

Để hiển thị màn hình, nhấn công tắc CAMERA khi vị trí cần số là "P", "D" hoặc "N".

- Cần lái xe trong quãng đường nhất định hoặc xa hơn để hình ảnh được hiển thị.
- Nếu màn hình hiển thị được chạm vào, thì màn hình hiển thị bình thường sẽ chuyển sang màn hình hiển thị phóng to. (Chạm vào màn hình lần nữa sẽ đưa màn hình trở về hiển thị bình thường)

Màn hình hiển thị



A Vị trí hiện tại của xe

B Hình ảnh được hiển thị màn hình quan sát mặt đường (hình ảnh được chụp vị trí xe hiện tại)

C Vị trí xe ở thời điểm hình ảnh chụp trước đó (phía sau vị trí hiện tại)

D Chạm vào màn hình hiển thị

E Đường xác định bề rộng xe (màu xanh dương)

Chỉ ra bề rộng xe, bao gồm cả gương chiếu hậu bên ngoài.

F Đường tiếp xúc với lốp trước (màu xanh dương)

G Đường tiếp xúc với lốp sau (màu xanh dương)

Hạng mục số F và G chỉ ra vị trí lốp ước tính trên màn hình.

H Đường chỉ dẫn khoảng cách 0.5 m (màu đỏ, màu đen)

Thông báo khoảng cách ước tính từ phần phía trước của xe.

I Đường đi của lốp sau (màu vàng)

Chỉ ra đường đi dự kiến của lốp sau.

J Các đường chỉ báo vị trí lốp (màu đen, màu trắng)

Chỉ ra vị trí ước tính của lốp trước.

K Đường chỉ báo vị trí xe (màu xanh dương)

Chỉ ra vị trí ước tính của xe.

L Hiển thị cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Chỉ báo việc lốp trượt bằng cách thay đổi màu sắc và nhấp nháy hình ảnh lốp. Nếu cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota phát hiện một vật cố định khi hệ thống được kích hoạt, chỉ báo sẽ được hiển thị trên màn hình. (→P.380)

M Nút tắt hiển thị

Thay đổi màn hình về màn hình hiển thị trước đó, như màn hình hệ thống âm thanh.

N Nút chuyển chế độ hiển thị

Chuyển chế độ hiển thị mỗi khi chạm vào nút này.

O Nút chọn màn hình quan sát mặt đường (bánh sau)

Chuyển chế độ màn hình hông xe và màn hình quan sát mặt đường (bánh sau) và màn hình hai bên hông xe (→P.384)

P Nút hiển thị tự động

→P.383

Q Tùy chọn cá nhân nút cài đặt

Thay đổi các cài đặt, chẳng hạn như tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua, màu của thân xe, khoảng cách phát hiện của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.418)

R Đồng hồ đo độ nghiêng

Hiển thị độ nghiêng dự kiến của xe. (→P.379)

Chế độ hiển thị tự động

Ngoài việc sử dụng công tắc camera để chuyển màn hình, bạn có thể sử dụng chế độ hiển thị tự động. Ở chế độ này, màn hình sẽ tự động được chuyển tương ứng với tốc độ của xe.

Màn hình sẽ tự động hiển thị các hình ảnh ở chế độ tự động trong các trường hợp sau:

- Khi chạm vào nút hiển thị tự động , chế độ hiển thị tự động sẽ được bật.
- Bật chế độ hiển thị tự động sẽ tự động hiển thị các chế độ quan sát trong các trường hợp sau:

• Khi cần số ở vị trí "D" hoặc "N"
• Xe giảm tốc xuống dưới 10 km/h (vị trí số ở ngoài vị trí "R")

n Màn hình quan sát mặt đường và hai bên hông xe

l Màn hình có thể được hiển thị khi vị trí số ở "P", "D" hoặc "N".

l Trong các tình huống sau dây, màn hình quan sát mặt đường sẽ biến mất.
• Khi xe được lái với vô lăng được xoay hết sang một bên.
• Sau khi động cơ khởi động hoặc hệ thống trở về bình thường, xe chưa chạy quá quãng đường nhất định
• Khi lốp xe bị trượt hoặc bị quay trơn
• Hệ thống ABS được kích hoạt
• Khi hệ thống bị trục trặc

l Nếu các gương chiếu hậu bên ngoài được gập lại trong khi màn hình quan sát mặt đường được hiển thị, hiển thị màn hình rời.

l Nếu xe được lái với vô lăng quay đến một góc nhất định hoặc lớn hơn, thì một phần của màn hình có thể biến mất. Tuy nhiên, đó là hiện tượng bình thường.

l Trong các trường hợp sau, hệ thống sẽ không hoạt động bình thường.
• Khi đường bị phủ tuyết
• Khi có bóng do nguồn ánh sáng như mặt trời hoặc độ sáng
• Khi lái trên đường trơn trượt hoặc bánh xe đang quay
• Khi ống kính camera bị bẩn hoặc bị có dị vật
• Khi có nước ở phía trước xe (sông, nước biển, vũng nước…)
• Khi lắp thiết bị tùy chọn
• Khi camera bị che khuất hoặc có một vật thể cản phạm vi chụp hình
• Khi đã thay lốp
• Khi cửa hậu mở
• Khi đánh lái nhiều hơn góc lái chỉ định
• Trên đường không bằng phẳng, như lên dốc

l Khi tầm nhìn được ghi lại trong quá khứ được hiển thị, màn hình và tình huống thực tế có thể khác nhau trong các trường hợp sau:
• Một chướng ngại vật xuất hiện hoặc

di chuyển sau khi tầm nhìn được ghi lại.
- Cát hoặc tuyết bay ra hoặc di chuyển sau khi tầm nhìn được ghi lại.
- Bùn hoặc vũng nước nằm trong phạm vi hiển thị.
- Khi xe bị trượt.

CẢNH BÁO

n **Các đường chỉ dẫn**

Các đường dẫn chỉ báo vị trí lốp và vị trí xe có thể khác so với vị trí xe thực tế tùy theo số lượng hành khách, hành lý, cấp đường, điều kiện mặt đường, độ sáng của môi trường xung quanh, xe có được trang bị lốp hoặc các chi tiết của hệ thống treo hay không, vv.... Luôn luôn lái xe cẩn thận đồng thời xác nhận an toàn xung quanh xe.

CẢNH BÁO

n **Màn hình quan sát mặt đường**

Hình ảnh được hiển thị được chụp trước đó tại vị trí cách phía sau vị trí hiện tại của xe. Trong trường hợp như khi các vật thể di chuyển sau khi chụp hình ảnh, ảnh được hiển thị trên màn hình có thể khác với tình trạng thực tế. Hơn nữa, khi lái xe dưới trời tối như ban đêm trong một số trường hợp không thể xác nhận được hình ảnh của các vật thể.

Màn hình hai bên hông xe và màn hình quan sát mặt đường (bánh sau):

Đường chỉ dẫn chỉ ra vị trí xe và bánh xe hiện tại được hiển thị ở chế độ tổng hợp trên hình ảnh chụp từ phía sau vị trí xe hiện tại và hỗ trợ cho người lái để kiểm tra tình trạng phía dưới xe hoặc xác định vị trí của các bánh sau.

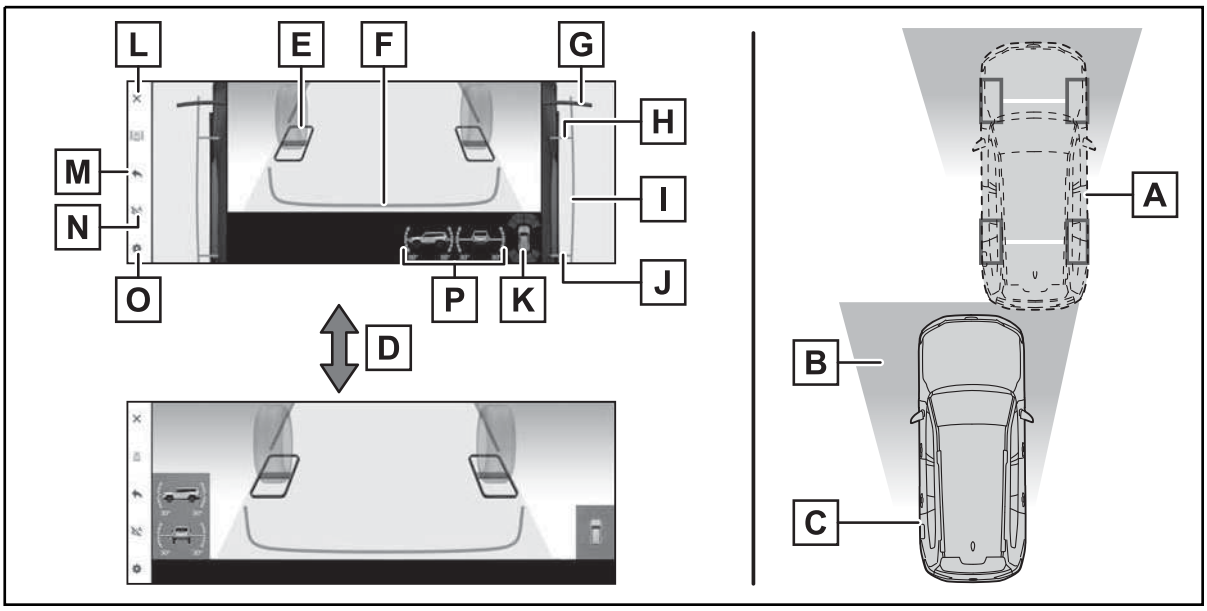
Để hiển thị màn hình, nhấn công tắc CAMERA khi vị trí cần số ở "P", "D" hoặc "N", chọn công tắc chọn chế độ quan sát dưới xe (bánh sau).

- Cần lái xe trong quãng đường nhất định hoặc xa hơn để hình ảnh

được hiển thị.

- Nếu màn hình hiển thị được chạm vào, thì màn hình hiển thị bình thường sẽ chuyển sang màn hình hiển thị phóng to. (Chạm vào màn hình lần nữa sẽ đưa màn hình trở về hiển thị bình thường)

Màn hình hiển thị



A Vị trí hiện tại của xe

B Hình ảnh được hiển thị màn hình quan sát mặt đường (bánh sau) (hình ảnh được chụp vị trí xe hiện tại)

C Vị trí xe ở thời điểm hình ảnh chụp trước đó (phía sau vị trí hiện tại)

D Chạm vào màn hình hiển thị

E Các đường chỉ báo vị trí lốp (màu đen, màu trắng)

Chỉ ra vị trí dự kiến của các bánh xe phía sau.

F Đường chỉ báo vị trí xe (màu xanh dương)

Chỉ ra vị trí ước tính của xe.

G Đường chỉ dẫn khoảng cách 0.5 m (màu đỏ, màu đen)

Thông báo khoảng cách ước tính từ phần phía trước của xe.

H Đường tiếp xúc với lốp trước (màu xanh dương)

Chỉ ra vị trí các lốp dự kiến trên hình.

I Đường xác định bề rộng xe (màu xanh dương)

Chỉ ra bề rộng xe, bao gồm cả gương chiếu hậu bên ngoài.

J Đường tiếp xúc với lốp sau (màu xanh dương)

Chỉ ra vị trí các lốp dự kiến trên hình.

K Hiển thị cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Chỉ báo việc lốp trượt bằng cách thay đổi màu sắc và nhấp nháy hình ảnh lốp. Nếu cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota phát hiện một vật cố định khi hệ thống được kích hoạt, chỉ báo sẽ được hiển thị trên màn hình. (→P.380)

L Nút tắt hiển thị

Thay đổi màn hình về màn hình hiển thị trước đó, như màn hình hệ thống âm thanh.

M Nút quay lại

Trở về màn hình trước đó

N Nút hiển thị tự động

→P.386

O Tùy chọn cá nhân nút cài đặt

Thay đổi các cài đặt, chẳng hạn như tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua, màu của thân xe, khoảng cách phát hiện của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.418)

P Đồng hồ đo độ nghiêng

Hiển thị độ nghiêng dự kiến của xe. (→P.379)

Chế độ hiển thị tự động

Ngoài việc chuyển màn hình bằng cách sử dụng công tắc camera, chế độ hiển thị tự động khả dụng. Ở chế độ này, màn hình sẽ tự động được chuyển tương ứng với tốc độ của xe. Trong chế độ hiển thị tự động, màn hình sẽ tự động hiển thị trong các trường hợp sau:

- Khi chạm vào nút hiển thị tự động , chế độ hiển thị tự động sẽ được bật.
- Bật chế độ hiển thị tự động sẽ tự động hiển thị các chế độ quan sát trong các trường hợp sau:
  - Khi cần số ở vị trí "D" hoặc "N"
  - Xe giảm tốc xuống dưới 10 km/h (vị trí số ở ngoài vị trí "R")

n **Màn hình quan sát mặt đường (bánh sau)**

l Màn hình có thể được hiển thị khi vị trí số ở "P", "D" hoặc "N".

l Trong các tình huống sau đây, hiển thị của màn hình quan sát mặt đường (bánh sau) kết thúc, nếu tốc độ xe từ xấp xỉ 5 km/h trở lên, màn hình sẽ tự động trở về màn hình hiển thị camera gần nhất. Hơn nữa, công tắc chọn màn hình quan sát mặt đường (bánh sau) không thể hoạt động được cho đến khi hiển thị

được màn hình tiếp theo.
- Khi tốc độ xe đạt xấp xỉ 5 km/h hoặc lớn hơn
- Khi xe được lái với vô lăng được xoay hết sang một bên.
- Khi lốp xe bị trượt hoặc bị quay trơn
- Hệ thống ABS được kích hoạt
- Khi hệ thống bị trục trặc
- Khi đánh lái nhiều hơn góc lái chỉ định

l Nếu các gương chiếu hậu bên ngoài được gập lại trong khi màn hình quan sát mặt đường (bánh sau) được hiển thị, nó sẽ hiển thị màn hình rời.

l Nếu xe được lái với vô lăng quay đến một góc nhất định hoặc lớn hơn, thì một phần của màn hình có thể biến mất. Tuy nhiên, đó là hiện tượng bình thường.

l Trong các tình huống sau đây, hệ thống không thể hoạt động bình thường hoặc không thể chuyển sang được màn hình quan sát mặt đường (bánh sau). Hơn nữa, công tắc chọn màn hình quan sát mặt đường (bánh sau) không thể hoạt động được cho đến khi hiển thị được màn hình tiếp theo.
- Khi đường bị phủ tuyết
- Khi có bóng do nguồn ánh sáng như mặt trời hoặc độ sáng
- Khi lái trên đường trơn trượt hoặc bánh xe đang quay
- Khi ống kính camera bị bẩn hoặc bị có dị vật
- Khi có nước ở phía trước xe (sông, nước biển, vũng nước…)
- Khi lắp thiết bị tùy chọn
- Khi camera bị che khuất hoặc có một vật thể cản phạm vi chụp hình
- Khi đã thay lốp
- Khi cửa hậu mở
- Khi đánh lái nhiều hơn góc lái chỉ định
- Trên đường không bằng phẳng, như lên dốc

l Khi tầm nhìn được ghi lại trong quá khứ được hiển thị, màn hình và tình huống thực tế có thể khác nhau trong các trường hợp sau:
- Một chướng ngại vật xuất hiện hoặc di chuyển sau khi tầm nhìn được ghi lại.
- Cát hoặc tuyết bay ra hoặc di chuyển sau khi tầm nhìn được ghi lại.
- Bùn hoặc vũng nước nằm trong phạm vi hiển thị.
- Khi xe bị trượt.

CẢNH BÁO

n **Các đường chỉ dẫn**

Các đường dẫn chỉ báo vị trí lốp và vị trí xe có thể khác so với vị trí xe thực tế tùy theo số lượng hành khách, hành lý, cấp đường, điều kiện mặt đường, độ sáng của môi trường xung quanh, xe có được trang bị lốp hoặc các chi tiết của hệ thống treo hay không, vv....
Luôn luôn lái xe cẩn thận đồng thời xác nhận an toàn xung quanh xe.

n **Hiển thị màn hình quan sát mặt đường (bánh sau)**

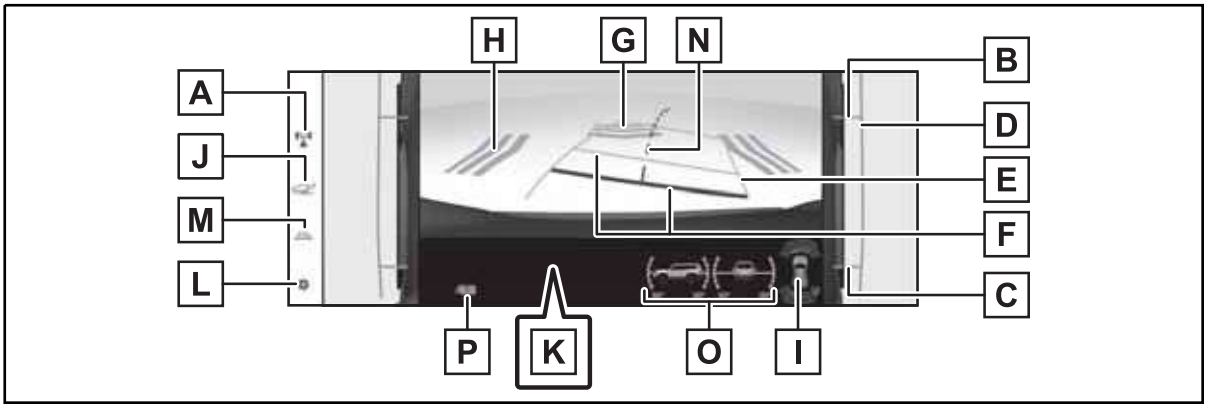
Hình ảnh được hiển thị được chụp trước đó tại vị trí cách phía sau vị trí hiện tại của xe. Trong trường hợp như khi các vật thể di chuyển sau khi chụp hình ảnh, ảnh được hiển thị trên màn hình có thể khác với tình trạng thực tế. Hơn nữa, khi lái xe dưới trời tối như ban đêm trong một số trường hợp không thể xác nhận được hình ảnh của các vật thể.

Màn hình quan sát phía sau & màn hình quan sát hai bên hông xe/màn hình quan sát góc rộng phía sau & màn hình quan sát hai bên hông xe

Màn hình quan sát phía sau và màn hình quan sát hai bên hông xe, màn hình góc rộng phía sau và góc nhìn hai bên sẽ hỗ trợ người lái kiểm tra khu vực phía sau xe và xung quanh xe khi lùi xe, ví dụ như trong khi đang đỗ xe.

Màn hình sẽ hiển thị khi vị trí số ở "R".

Màn hình hiển thị



A Nút chuyển chế độ hiển thị

Sẽ thay đổi chế độ hiển thị mỗi khi bạn chạm vào nút này.

B Đường tiếp xúc với lốp trước (màu xanh dương)

C Đường tiếp xúc với lốp sau (màu xanh dương)

Hạng mục số B và C chỉ ra vị trí lốp ước tính trên màn hình.

D Đường chỉ dẫn bề rộng kéo dài của xe (màu xanh dương)

Cho biết chiều rộng ước tính của xe bao gồm gương chiếu hậu bên ngoài xe.

E Các đường đi dự kiến (màu vàng)

Cho biết đường đi dự kiến của xe theo vị trí của vô lăng.

F Đường chỉ dẫn khoảng cách

Chỉ ra khoảng cách phía sau xe khi xoay vô lăng.

- Đường chỉ dẫn khoảng cách được liên kết với các đường đi dự kiến của xe.
- Hiển thị cách điểm chính giữa của mép cản sau khoảng 0,5 m (màu đỏ) và 1 m (màu vàng).

G Chức năng phát hiện bằng camera phía sau (RCD)

Tự động hiển thị khi phát hiện được người đi bộ.

H RCTA (Cảnh báo phương tiện chạy cắt ngang phía sau) (nếu có)/RCD (Camera phía sau)

Chỉ báo sẽ được hiển thị trên màn hình trong các trường hợp sau.

- Khi radar phía sau phát hiện thấy có một xe đang tiến đến gần hoặc có một chướng ngại vật từ phía sau
- Khi camera phía sau phát hiện thấy có người đi bộ ở phía sau xe

I Hiển thị cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Chỉ báo việc lốp trượt bằng cách thay đổi màu sắc và nhấp nháy hình ảnh lốp. Nếu cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota phát hiện một vật cố định khi hệ thống được kích hoạt, chỉ báo sẽ được hiển thị trên màn hình. (→P.380)

J Nút chọn màn hình quan sát mặt đường (phía sau) (ngoại trừ Ấn Độ)

Chuyển chế độ màn hình quan sát mặt đường (phía sau) và màn hình hai bên hông xe. (→P.391)

K PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) (nếu có)

Nếu phát hiện vật cản có khả năng va chạm, một thông điệp (ví dụ: "BRAKE!") sẽ được hiển thị trên màn hình.

L Tùy chọn cá nhân nút cài đặt

Thay đổi các cài đặt, chẳng hạn như tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua, màu của thân xe, khoảng cách phát hiện của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.418)

M Nút chuyển đường chỉ dẫn

Chuyển chế độ hiển thị các đường chỉ dẫn mỗi khi bạn chạm vào nút này.

N Đường đi dự kiến của tâm xe

Hiển thị đường đi dự kiến tâm xe khi xoay vô lăng.

O Đồng hồ đo độ nghiêng

Hiển thị độ nghiêng dự kiến của xe. (→P.379)

P Biểu tượng phát hiện bụi bẩn của camera

Biểu tượng này sẽ xuất hiện khi hệ thống phát hiện thấy có bụi bẩn trên camera.

---

n **Màn hình quan sát phía sau & màn hình quan sát hai bên hông xe/màn hình quan sát góc rộng phía sau & màn hình quan sát hai bên hông xe**

- Chức năng theo dõi sẽ bị hủy khi vị trí cần số được chuyển tới một vị trí bất kỳ ngoài vị trí "R".
- Vị trí hiển thị của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota và vị trí của các vật thể được hiển thị trên camera không khớp nhau.

n **Các đường chỉ dẫn**

Nếu cửa hậu không đóng, các đường chỉ dẫn sẽ không được hiển thị. Nếu các đường chỉ dẫn vẫn không hiển thị ngay cả khi cửa hậu đã đóng, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

CẢNH BÁO

n **Màn hình của cảm biến hỗ trợ đỗ xe**

Khi đèn chỉ báo cảm biến trên màn hình cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota sáng màu đỏ hoặc chuông báo kêu liên tục, hãy kiểm tra ngay xung quanh xe, không tiếp tục lùi xe cho đến khi đảm bảo an toàn, nếu không tai nạn có thể xảy ra.

n **Màn hình quan sát phía sau & màn hình quan sát hai bên hông xe/màn hình quan sát góc rộng phía sau & màn hình quan sát hai bên hông xe**

Khi màn hình cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota và màn hình RCTA (Rear Cross Traffic Alert) được hiển thị trên màn hình quan sát của camera, có thể khó xem được màn hình cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota và màn hình RCTA (Rear Cross Traffic Alert) do màu sắc và độ sáng của khu vực xung quanh.

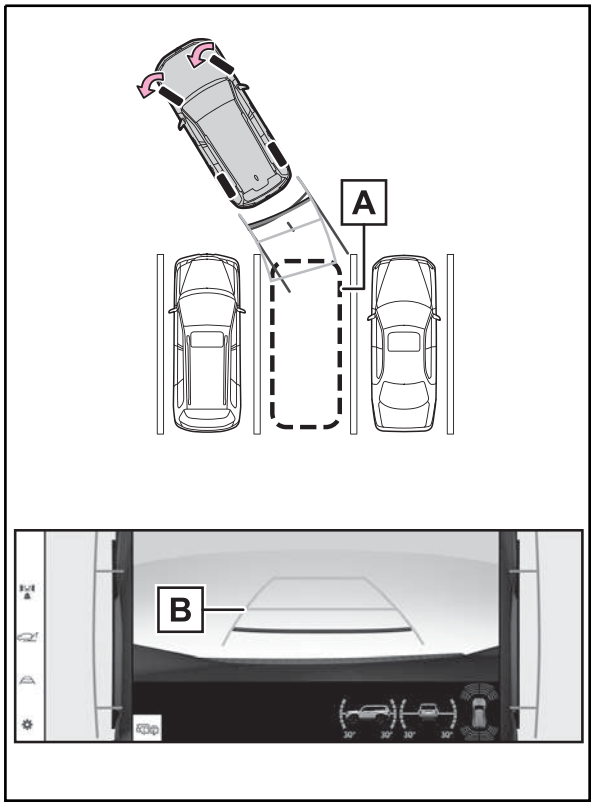
Đỗ xe

Khi đỗ xe, hãy lùi xe vào khoang đỗ như trong hình minh họa, hướng của vô lăng sẽ được đảo lại.

1 Chuyển cần số sang vị trí "R".

chia khoang bên trái và bên phải của khoang đỗ xe.

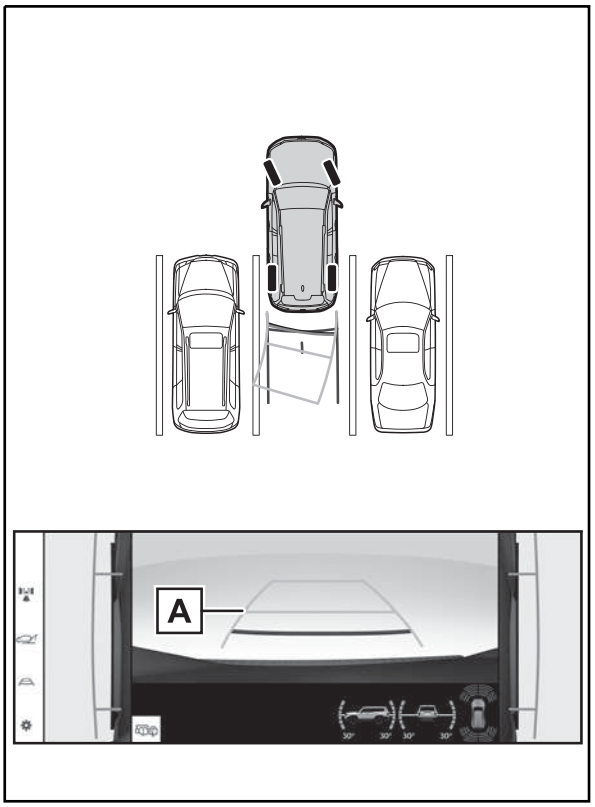
2 Xoay vô lăng để đường đi dự kiến nằm trong khoang đỗ xe, và lùi từ từ.



A Khoang đỗ xe

B Đường đi dự kiến

3 Khi vị trí phía sau của xe đã vào khoang đỗ xe, hãy xoay vô lăng để đường chỉ dẫn bề rộng của xe nằm trong vạch



A Đường đi dự kiến

4 Khi đường chỉ dẫn ước tính và vạch chia khoang đỗ xe song song với nhau, hãy đánh lái thẳng và lùi xe từ từ cho đến khi xe đã vào hẳn khoang đỗ xe.

5 Dừng xe ở một vị trí phù hợp và kết thúc việc đỗ xe.

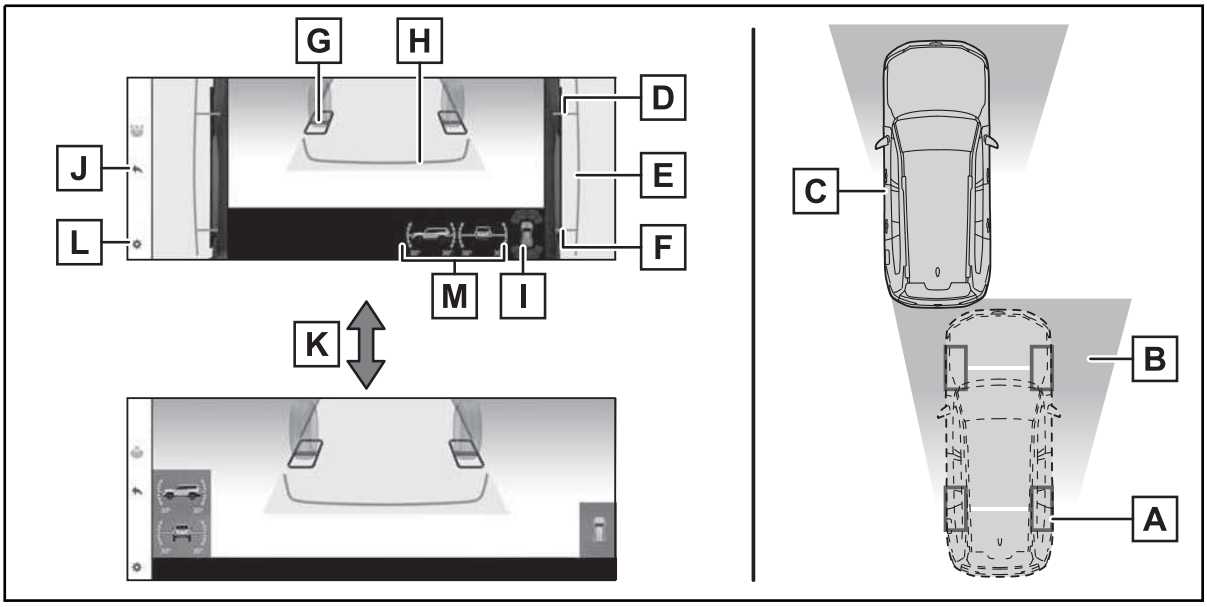
Màn hình quan sát mặt đường (phía sau) và hai bên hông xe

Các đường chỉ dẫn chỉ ra vị trí xe và bánh xe hiện tại được hiển thị trên chế độ xe tổng hợp trên hình ảnh chụp từ phía trước của vị trí xe hiện tại để hỗ trợ cho người lái biết tình trạng phía dưới xe hoặc xác định vị trí của các bánh sau.

Để hiển thị màn hình, khi vị trí cần số ở "R", chọn công tắc bật màn hình quan sát mặt đường (phía sau).

- Cần lái xe trong quãng đường nhất định hoặc xa hơn để hình ảnh được hiển thị.
- Nếu màn hình hiển thị được chạm vào, thì màn hình hiển thị bình thường sẽ chuyển sang màn hình hiển thị phóng to. (Chạm vào màn hình lần nữa sẽ đưa màn hình trở về hiển thị bình thường)

Màn hình hiển thị



A Vị trí hiện tại của xe

B Hình ảnh được hiển thị trên màn hình quan sát mặt đường (phía sau) (hình ảnh được chụp từ phía trước của vị trí xe hiện tại)

C Vị trí xe ở thời điểm chụp hình ảnh (phía trước của vị trí hiện tại)

D Đường tiếp xúc với lốp trước (màu xanh dương)

Chỉ ra vị trí các lốp dự kiến trên hình.

E Đường xác định bề rộng xe (màu xanh dương)

Chỉ ra bề rộng xe, bao gồm cả gương chiếu hậu bên ngoài.

F Đường tiếp xúc với lốp sau (màu xanh dương)

Chỉ ra vị trí các lốp dự kiến trên hình.

G Các đường chỉ báo vị trí lốp (màu đen, màu trắng)

Chỉ ra vị trí dự kiến của các bánh xe phía sau.

H Đường chỉ báo vị trí xe (màu xanh dương)

Chỉ ra vị trí ước tính của xe.

I Hiển thị cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Chỉ báo việc lốp trượt bằng cách thay đổi màu sắc và nhấp nháy hình ảnh lốp. Nếu cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota phát hiện một vật cố định khi hệ thống được kích hoạt, chỉ báo sẽ được hiển thị trên màn hình. (→P.380)

J Nút quay lại

Trở về màn hình trước đó

K Chạm vào màn hình hiển thị

L Tùy chọn cá nhân nút cài đặt

Thay đổi các cài đặt, chẳng hạn như tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua, màu của thân xe, khoảng cách phát hiện của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.418)

M Đồng hồ đo độ nghiêng

Hiển thị độ nghiêng dự kiến của xe. (→P.379)

---

n **Màn hình quan sát mặt đường (phía sau)**

l Màn hình có thể được hiển thị khi vị trí số ở "R".

l Khi màn hình quan sát mặt đường (phía sau) được hiện thị, nếu tốc độ xe từ xấp xỉ 5 km/h trở lên, màn hình sẽ tự động trở về hiển thị trước đó.

l Trong các tình huống sau đây, hiển thị của màn hình quan sát mặt đường (phía sau) kết thúc và màn hình sẽ tự động trở về màn hình hiển thị camera hiện tại. Hơn nữa, công tắc chọn màn hình quan sát mặt đường (bánh sau) không thể hoạt động được cho đến khi hiển thị được màn hình tiếp theo.
- Khi lốp xe bị trượt hoặc bị quay trơn
- Hệ thống ABS được kích hoạt
- Khi hệ thống bị trục trặc
- RCTA (Cảnh báo phương tiện chạy cắt ngang phía sau), RCD (Phát hiện của Camera phía sau) hoặc PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) được kích hoạt
- Khi cửa hậu mở

l Nếu gập các gương chiếu hậu bên ngoài trong khi màn hình quan sát mặt đường (phía sau) đang được hiển thị, nó sẽ hiển thị màn hình phân tách.

l Nếu xe được lái với vô lăng quay đến một góc nhất định hoặc lớn hơn, thì một phần của màn hình có thể biến mất. Tuy nhiên, đó là hiện tượng bình thường.

l Trong các tình huống sau đây, hệ thống không thể hoạt động được bình thường hoặc không thể chuyển sang được màn hình quan sát mặt đường (phía sau). Hơn nữa, công tắc chọn màn hình quan sát mặt đường (bánh sau) không thể hoạt động được cho đến khi hiển thị được màn hình tiếp theo.
- Khi đường bị phủ tuyết
- Khi có bóng do nguồn ánh sáng như mặt trời hoặc độ sáng
- Khi lái trên đường trơn trượt hoặc bánh xe đang quay
- Khi ống kính camera bị bẩn hoặc bị có dị vật
- Khi có nước ở phía trước xe (sông, nước biển, vũng nước…)
- Khi lắp thiết bị tùy chọn
- Khi camera bị che khuất hoặc có một vật thể cản phạm vi chụp hình
- Khi đã thay lốp
- Khi cửa hậu mở
- Khi đánh lái nhiều hơn góc lái chỉ định
- Trên đường không bằng phẳng, như lên dốc

l Khi tầm nhìn được ghi lại trong quá khứ được hiển thị, màn hình và tình huống thực tế có thể khác nhau trong các trường hợp sau:
- Một chướng ngại vật xuất hiện hoặc di chuyển sau khi tầm nhìn được ghi lại.
- Cát hoặc tuyết bay ra hoặc di chuyển sau khi tầm nhìn được ghi lại.
- Bùn hoặc vũng nước nằm trong phạm vi hiển thị.
- Khi xe bị trượt.

⚠ CẢNH BÁO

n **Các đường chỉ dẫn**

Các đường dẫn chỉ báo vị trí lốp và vị trí xe có thể khác so với vị trí xe thực tế tùy theo số lượng hành khách, hành lý, cấp đường, điều kiện mặt đường, độ sáng của môi trường xung quanh, xe có được trang bị lốp hoặc các chi tiết của hệ thống treo hay không, vv....
Luôn luôn lái xe cẩn thận đồng thời xác nhận an toàn xung quanh xe.

n **Hiển thị màn hình quan sát mặt đường (phía sau)**

- Hình ảnh hiển thị là một hình ảnh đã được chụp trước đó tại vị trí ở phía trước của vị trí xe hiện tại. Trong trường hợp như khi các vật thể di chuyển sau khi chụp hình ảnh, ảnh được hiện thị trên màn hình có thể khác với tình trạng thực tế Hơn nữa, khi lái xe dưới trời tối như ban đêm, sẽ có những trường hợp không thể xác nhận được các vật cản từ hình ảnh.
- Góc quan sát của camera bị hạn chế. Khi lái xe, hãy kiểm tra kỹ xung quanh xe bằng mắt thường và các gương của xe.

Hiển thị màn hình và chức năng (công tắc điều khiển 4 bánh chủ động ở H4 và hệ thống chọn đa địa hình tắt)

Các màn hình khác nhau hiển thị thông tin để hỗ trợ nhiều tình huống lái xe khác nhau, chẳng hạn như khi kiểm tra chướng ngại vật khi di chuyển về phía trước.

Chế độ hiển thị khi cần số ở vị trí "P"

Đây là chế độ hiển thị hình ảnh được kết hợp từ các camera giúp bạn có thể kiểm tra các vật cản xung quanh xe. Hình ảnh được hiển thị dưới dạng góc quan sát từ ghế lái và ở một góc từ phía trên xe.

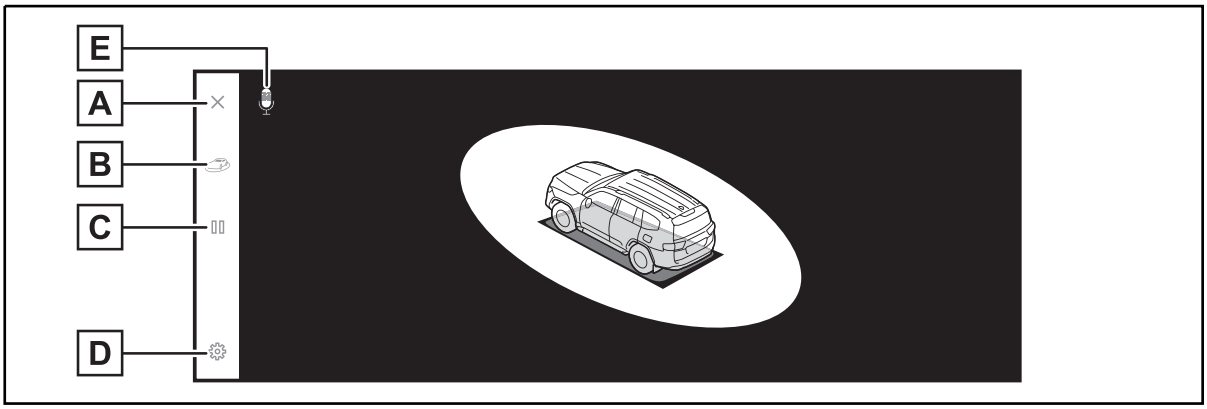
Màn hình hiển thị

1 Chuyển cần số sang vị trí "P".

2 Hãy ấn công tắc camera.

- Chế độ thay đổi mỗi khi chạm vào nút chuyển chế độ hiển thị.
- Nhấn lại công tắc camera sẽ đưa màn hình trở về màn hình trước đó, chẳng hạn như màn hình dẫn đường.

▶ Màn hình quan sát khi di chuyển của xe



A Nút tắt màn hình

Tắt màn hình camera và quay lại màn hình trước đó, chẳng hạn như màn hình của hệ thống âm thanh.

B Nút chuyển chế độ hiển thị

Chuyển giữa màn hình góc nhìn xuyên và màn hình khi di chuyển.

C Nút tạm dừng/tiếp tục xoay

Tạm dừng và tiếp tục quay màn hình.

D Tùy chọn cá nhân nút cài đặt

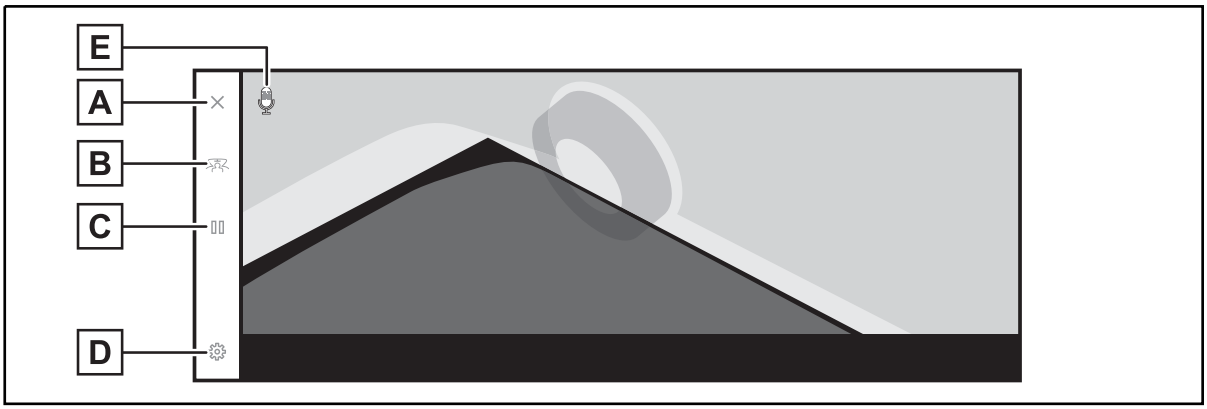
Thay đổi các cài đặt, chẳng hạn như tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua, màu của thân xe, khoảng cách phát hiện của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.418)

E Biểu tượng nhận diện giọng nói

Biểu tượng này sẽ xuất hiện khi hệ thống điều khiển bằng giọng nói đang hoạt động.

Những chức năng này không khả dụng ở một vài nước hoặc khu vực.

▶ Màn hình góc nhìn xuyên



A Nút tắt màn hình

Tắt màn hình camera và quay lại màn hình trước đó, chẳng hạn như màn hình của hệ thống âm thanh.

B Nút chuyển chế độ hiển thị

Chuyển giữa màn hình góc nhìn xuyên và màn hình khi di chuyển.

C Nút tạm dừng/tiếp tục xoay

Tạm dừng và tiếp tục quay màn hình.

D Tùy chọn cá nhân nút cài đặt

Thay đổi các cài đặt, chẳng hạn như tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua, màu của thân xe, khoảng cách phát hiện của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.418)

E Biểu tượng nhận diện giọng nói

Biểu tượng này sẽ xuất hiện khi hệ thống điều khiển bằng giọng nói đang hoạt động.

Những chức năng này không khả dụng ở một vài nước hoặc khu vực.

- Khi cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota (→P.342) được bật, bạn có thể hiển thị chế độ nhìn xuyên hoặc chế độ di chuyển.
- Bạn cũng có thể tạm dừng và tiếp tục xoay màn hình góc nhìn xuyên và màn hình quan sát khi di chuyển bằng cách chạm vào bất kỳ điểm nào trên màn hình.

Chế độ hiển thị khi cần số ở vị trí "D" hoặc "N"

Bạn có thể kiểm tra xem có các người đi bộ, xe đạp và phương tiện ở gần tại các giao lộ và ngã 3 có tầm nhìn kém bằng cách hiển thị hình ảnh của môi trường xung quanh xe trên màn hình. Chế độ này cũng hỗ trợ kiểm tra an toàn ở hai bên hông xe, giúp tránh va chạm trên đường hẹp hoặc đỗ xe sát lề đường.

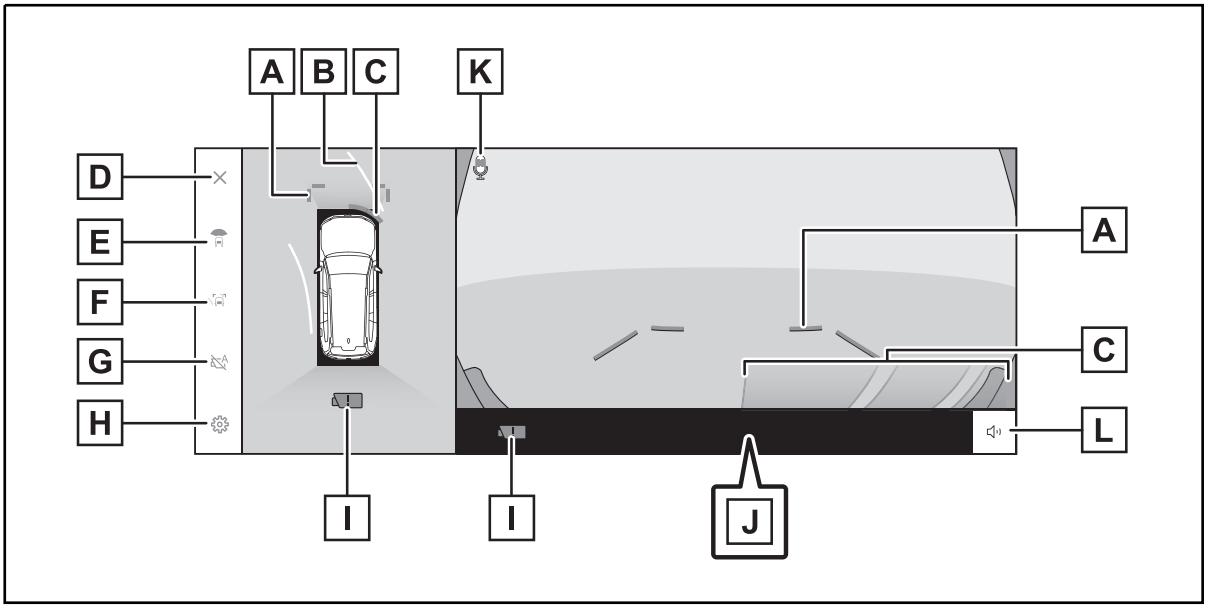
Màn hình hiển thị

1 Chuyển cần số sang vị trí "D" hoặc "N".

2 Hãy ấn công tắc camera.

- Chế độ quan sát sẽ thay đổi mỗi khi bạn ấn công tắc camera.
- Nếu chế độ quan sát khi vào cua đang được bật và bạn xoay vô lăng một góc trên 180 độ tính từ vị trí thẳng lái, màn hình sẽ thay đổi từ chế độ theo dõi khoảng cách bên & chế độ quan sát toàn cảnh sang chế độ quan sát khi vào cua & chế độ quan sát toàn cảnh.

▶ Màn hình góc nhìn toàn cảnh và màn hình góc rộng phía trước



A Đường chỉ dẫn khoảng cách phía trước

Hiển thị phía trước xe khoảng 1 m.

B Các đường đi dự kiến phía trước xe

Hiển thị các đường đi được liên kết với điều khiển vô lăng. (Các đường màu vàng)

Các đường này sẽ được hiển thị khi xoay vô lăng một góc trên 90 độ so với vị trí thẳng lái.

C Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Hiển thị chỉ báo trên màn hình và phát ra âm thanh chuông khi cảm biến phát hiện được vật thể.

D Nút tắt màn hình

Tắt màn hình camera và quay lại màn hình trước đó, chẳng hạn như màn hình dẫn đường.

E Nút chuyển chế độ hiển thị

Sẽ thay đổi chế độ hiển thị mỗi khi bạn chạm vào nút này.

F Nút chuyển đường chỉ dẫn

Chuyển chế độ hiển thị các đường chỉ dẫn mỗi khi bạn chạm vào nút này. (→P.402)

G Nút hiển thị tự động

Bật hoặc tắt chế độ hiển thị tự động. Khi vị trí số ở "D" hoặc "N", chế độ quan sát góc rộng phía trước & chế độ quan sát toàn cảnh hoặc chế độ quan sát bên/chế độ quan sát khi vào cua & chế độ quan sát toàn cảnh sẽ tự động hiển thị theo tốc độ xe. (→P.403)

H Tùy chọn cá nhân nút cài đặt

Thay đổi các cài đặt, chẳng hạn như tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua, màu của thân xe, khoảng cách phát hiện của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.418)

I Biểu tượng phát hiện bụi bẩn của camera

Biểu tượng này sẽ xuất hiện khi hệ thống phát hiện thấy có bụi bẩn trên camera.

J PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) (nếu có)

Nếu phát hiện vật cản có khả năng va chạm, một thông điệp (ví dụ: "BRAKE!") sẽ được hiển thị trên màn hình.

K Biểu tượng nhận diện giọng nói

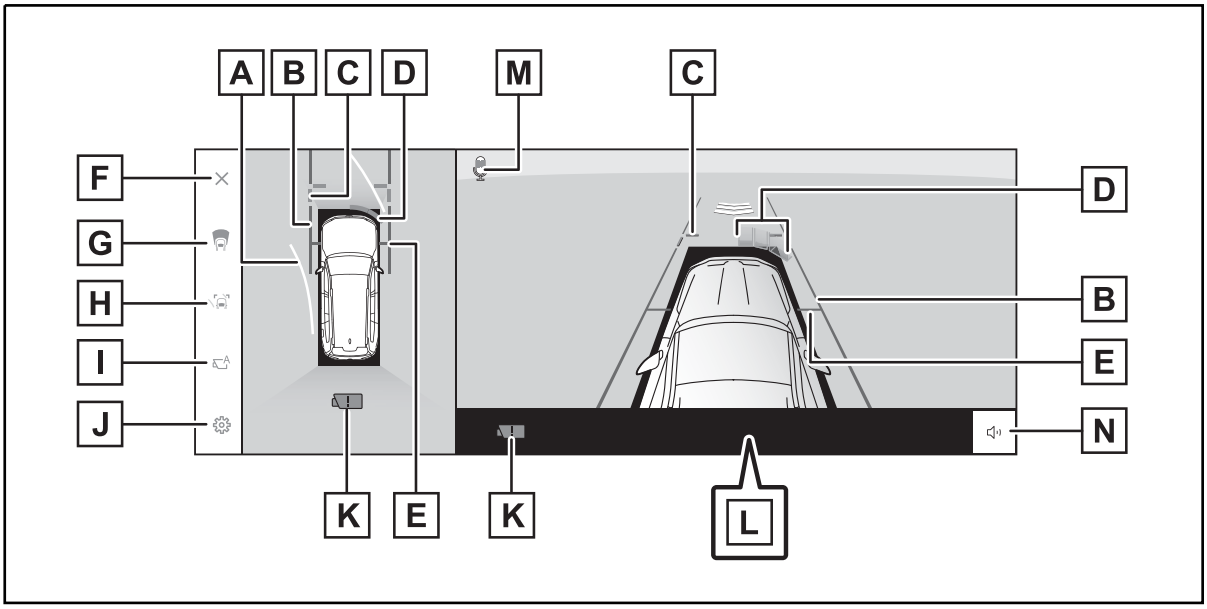
Biểu tượng này sẽ xuất hiện khi hệ thống điều khiển bằng giọng nói đang hoạt động.

Những chức năng này không khả dụng ở một vài nước hoặc khu vực.

L Nút tắt tiếng của hệ thống hỗ trợ đỗ xe Toyota

Nút này tắt tiếng tạm thời của hệ thống hỗ trợ đỗ xe Toyota.

▶ Quan sát khoảng cách hai bên hông xe & góc nhìn toàn cảnh



A Các đường đi dự kiến phía trước xe

Hiển thị các đường đi được liên kết với điều khiển vô lăng. (Các đường màu vàng)

Các đường này sẽ được hiển thị khi xoay vô lăng một góc trên 90 độ so với vị trí thẳng lái.

B Các đường chỉ dẫn bề rộng xe

Chỉ ra đường xác định bề rộng xe, bao gồm cả gương chiếu hậu phía ngoài.

C Đường chỉ dẫn khoảng cách phía trước

Hiển thị phía trước xe khoảng 1 m.

D Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Hiển thị chỉ báo trên màn hình và phát ra âm thanh chuông khi cảm biến phát hiện được vật thể.

E Đường chỉ dẫn lốp trước

Hiển thị vị trí của lốp trước.

F Nút tắt màn hình

Tắt màn hình camera và quay lại màn hình trước đó, chẳng hạn như màn hình dẫn đường.

G Nút chuyển chế độ hiển thị

Sẽ thay đổi chế độ hiển thị mỗi khi bạn chạm vào nút này.

H Nút chuyển đường chỉ dẫn

Chuyển chế độ hiển thị các đường chỉ dẫn mỗi khi bạn chạm vào nút này. (→P.402)

I Nút hiển thị tự động

Bật hoặc tắt chế độ hiển thị tự động. Khi vị trí số ở "D" hoặc "N", chế độ quan sát góc rộng phía trước & chế độ quan sát toàn cảnh hoặc chế độ quan sát bên/chế độ quan sát khi vào cua & chế độ quan sát toàn cảnh sẽ tự động hiển thị theo tốc độ xe. (→P.403)

J Tùy chọn cá nhân nút cài đặt

Thay đổi các cài đặt, chẳng hạn như tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua, màu của thân xe, khoảng cách phát hiện của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.418)

K Biểu tượng phát hiện bụi bẩn của camera

Biểu tượng này sẽ xuất hiện khi hệ thống phát hiện thấy có bụi bẩn trên camera.

L PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) (nếu có)

Nếu phát hiện vật cản có khả năng va chạm, một thông điệp (ví dụ: "BRAKE!") sẽ được hiển thị trên màn hình.

M Biểu tượng nhận diện giọng nói

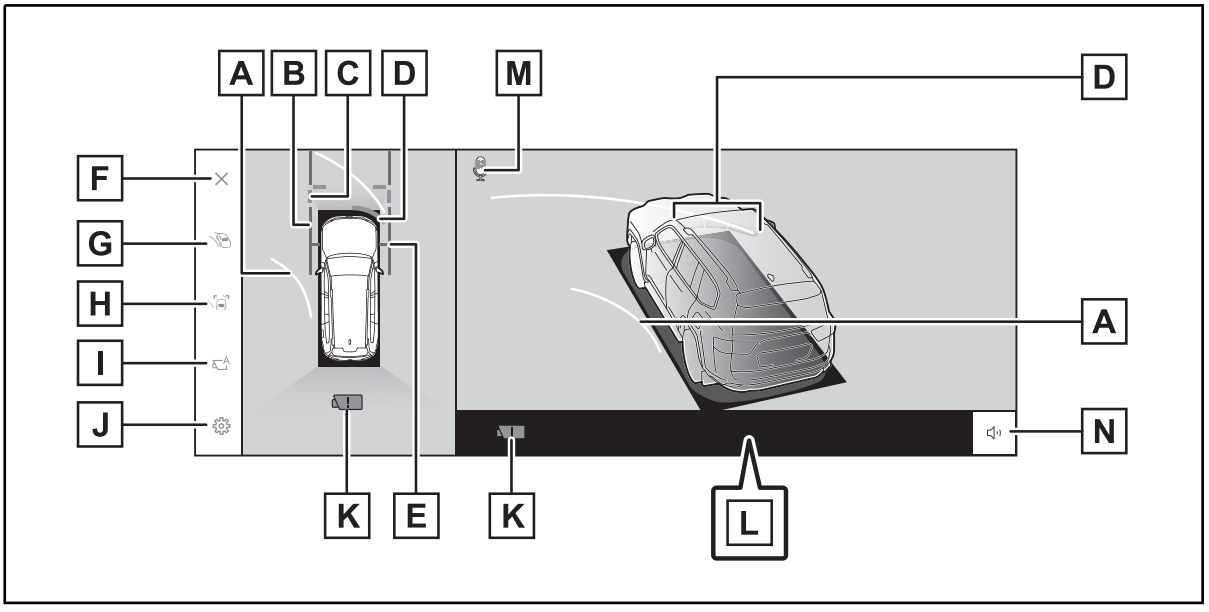
Biểu tượng này sẽ xuất hiện khi hệ thống điều khiển bằng giọng nói đang hoạt động.

Những chức năng này không khả dụng ở một vài nước hoặc khu vực.

N Nút tắt tiếng của hệ thống hỗ trợ đỗ xe Toyota

Nút này tắt tiếng tạm thời của hệ thống hỗ trợ đỗ xe Toyota.

▶ Chế độ góc nhìn khi vào cua & góc nhìn toàn cảnh



A Các đường đi dự kiến phía trước xe

Hiển thị các đường đi được liên kết với điều khiển vô lăng. (Các đường màu vàng)

Các đường này sẽ được hiển thị khi xoay vô lăng một góc trên 90 độ so với vị trí thẳng lái.

B Các đường chỉ dẫn bề rộng xe

Chỉ ra đường xác định bề rộng xe, bao gồm cả gương chiếu hậu phía ngoài.

C Đường chỉ dẫn khoảng cách phía trước

Hiển thị phía trước xe khoảng 1 m.

D Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Hiển thị chỉ báo trên màn hình và phát ra âm thanh chuông khi cảm biến phát hiện được vật thể.

E Đường chỉ dẫn lốp trước

Hiển thị vị trí của lốp trước.

F Nút tắt màn hình

Tắt màn hình camera và quay lại màn hình trước đó, chẳng hạn như màn hình dẫn đường.

G Nút chuyển chế độ hiển thị

Sẽ thay đổi chế độ hiển thị mỗi khi bạn chạm vào nút này.

H Nút chuyển đường chỉ dẫn

Chuyển chế độ hiển thị các đường chỉ dẫn mỗi khi bạn chạm vào nút này. (→P.402)

I Nút hiển thị tự động

Bật hoặc tắt chế độ hiển thị tự động. Khi vị trí số ở "D" hoặc "N", chế độ quan sát góc rộng phía trước & chế độ quan sát toàn cảnh hoặc chế độ quan sát bên/chế độ quan sát khi vào cua & chế độ quan sát toàn cảnh sẽ tự động hiển thị theo tốc độ xe. (→P.403)

J Tùy chọn cá nhân nút cài đặt

Thay đổi các cài đặt, chẳng hạn như tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua, màu của thân xe, khoảng cách phát hiện của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.418)

K Biểu tượng phát hiện bụi bẩn của camera

Biểu tượng này sẽ xuất hiện khi hệ thống phát hiện thấy có bụi bẩn trên camera.

L PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) (nếu có)

Nếu phát hiện vật cản có khả năng va chạm, một thông điệp (ví dụ: "BRAKE!")

sẽ được hiển thị trên màn hình.

M Biểu tượng nhận diện giọng nói

Biểu tượng này sẽ xuất hiện khi hệ thống điều khiển bằng giọng nói đang hoạt động.

Những chức năng này không khả dụng ở một vài nước hoặc khu vực.

N Nút tắt tiếng của hệ thống hỗ trợ đỗ xe Toyota

Nút này tắt tiếng tạm thời của hệ thống hỗ trợ đỗ xe Toyota.

n **Góc nhìn bên & màn hình góc nhìn toàn cảnh/màn hình góc nhìn khi vào cua & màn hình góc nhìn toàn cảnh**

- Khi cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota (→P.342) được bật, bạn có thể hiển thị chế độ xem khoảng cách bên & chế độ xem toàn cảnh/vào cua.
- Vị trí hiển thị của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota và vị trí của vật cản được hiển thị trên hình ảnh của camera có thể không khớp nhau.

⚠ CẢNH BÁO

n **Đường chỉ dẫn**

Vị trí của các đường chỉ dẫn được hiển thị trên màn hình có thể sẽ thay đổi do các yếu tố như số lượng hành khách, trọng lượng chất tải và độ dốc của đường. Luôn đảm bảo kiểm tra trực quan khu vực phía sau và xung quanh xe bạn trong khi lái xe.

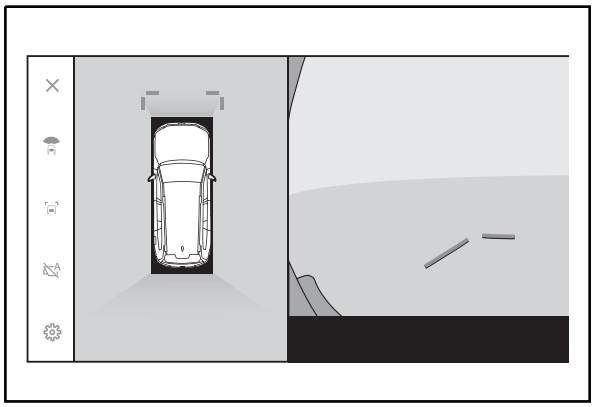
n **Màn hình của cảm biến hỗ trợ đỗ xe**

Hiển thị của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota được chồng lên nhau trên hình ảnh của camera, do đó có thể sẽ khó quan sát tùy thuộc vào độ sáng và màu sắc của môi trường xung quanh.

Thay đổi chế độ hiển thị đường chỉ dẫn

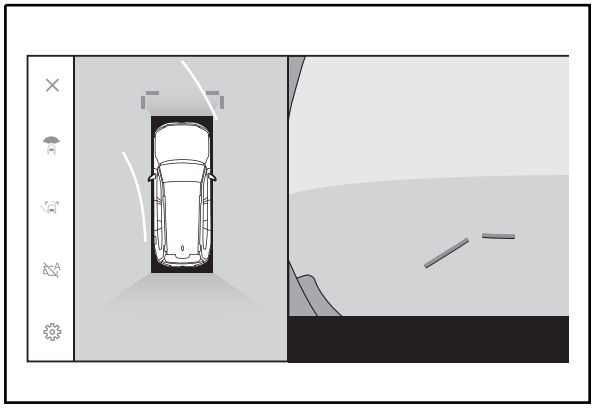
Chế độ hiển thị đường chỉ dẫn sẽ thay đổi mỗi khi người dùng chạm vào nút chế độ hiển thị đường chỉ dẫn.

▶ Chế độ hiển thị đường chỉ dẫn khoảng cách



Được hiển thị phía trước xe khoảng 1 m . (Màu xanh dương)

▶ Chế độ hiển thị các đường đi dự kiến



Hiển thị các đường đi dự kiến được liên kết với điều khiển vô lăng. (Màu vàng) Các vạch này sẽ được hiển thị khi xoay vô lăng một góc hơn 90 độ so với vị trí thẳng lái.

Chế độ hiển thị tự động

Ngoài cách hiển thị góc nhìn rộng và toàn cảnh phía trước và chế độ xem khoảng cách bên & chế độ quan sát toàn cảnh/chế độ quan sát khi vào cua bằng cách ấn công tắc camera, bạn cũng có thể cài đặt chế độ hiển thị tự động để hiển thị các góc nhìn tự động phù hợp với tốc độ của xe.

- Khi chạm vào nút hiển thị tự động , chế độ hiển thị tự động sẽ được bật.
- Bật chế độ hiển thị tự động sẽ tự động hiển thị các chế độ quan sát trong các trường hợp sau:

• Khi cần số ở vị trí "D" hoặc "N"
• Xe giảm tốc xuống dưới 10 km/h (vị trí cần số ở bất kỳ vị trí nào khác "R")

Hiển thị tự động chế độ quan sát khi vào cua

Bạn có thể cài đặt chế độ hiển thị tự động để tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua & chế độ góc nhìn toàn cảnh tương ứng với vận hành của vô lăng.

- Bật chế độ hiển thị tự động sẽ tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua trong các trường hợp sau:

• Khi cần số ở vị trí "D" hoặc "N"
• Xe giảm tốc xuống dưới 12 km/h
• Khi người lái xoay vô lăng một góc từ 180 độ trở lên so với vị trí trung tâm (thẳng lái)

n Hiển thị tự động chế độ quan sát khi vào cua

Bạn có thể thay đổi chế độ tự động quan sát khi vào cua trong mục cài đặt tùy chọn cá nhân.

Màn hình liên kết với hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Tùy thuộc vào trạng thái hoạt động của hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota, chế độ màn hình góc rộng phía trước & chế độ góc nhìn toàn cảnh/Chế độ góc nhìn khoảng cách bên hông xe/Chế độ quan sát khi vào cua & chế độ góc nhìn toàn cảnh sẽ xuất hiện.

- Các góc nhìn sẽ được hiển thị một cách tự động khi hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota phát hiện thấy một chướng ngại vật (khi cần số ở vị trí "D" hoặc "N").
- Màn hình sẽ tự động trở về màn hình trước đó khi hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota không phát hiện thấy chướng ngại vật nữa.

n **Màn hình liên kết với hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota**

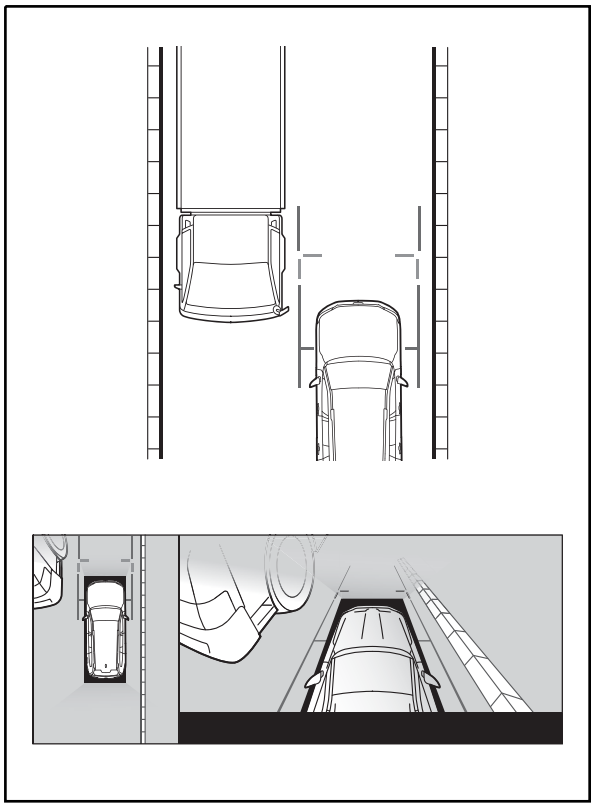
l Bạn cũng có thể quay lại màn hình trước đó bằng cách ấn vào nút camera được hiển thị trên màn hình.

l Nếu đã tắt màn hình của Màn hình Đa địa hình khi phát hiện có vật cản, thì có thể hiển thị lại màn hình của Màn hình Đa địa hình bằng cách chạm vào ký hiệu của hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota được hiển thị trên màn hình của hệ thống đa phương tiện.

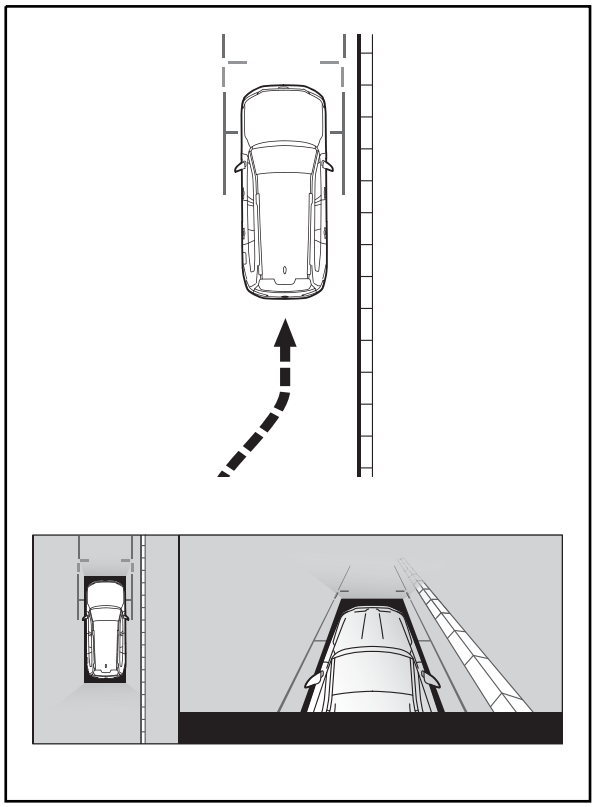
Sử dụng các đường chỉ dẫn bề rộng xe

n **Màn hình hai bên hông xe và màn hình toàn cảnh**

- Kiểm tra vị trí giữa các đường chỉ dẫn bề rộng xe và vật thể.
- Hãy xoay vô lăng và lái xe về phía trước để các đường chỉ dẫn bề rộng xe không đè lên vật thể thực tế.



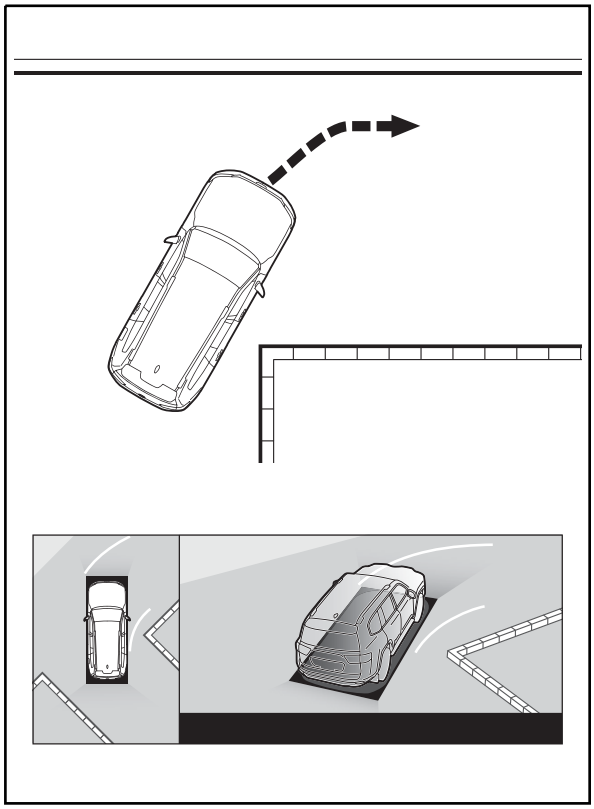
- Kiểm tra vị trí giữa các đường chỉ dẫn bề rộng xe và vật thể như các vỉa hè ở bên đường.
- Hãy điều khiển xe để các đường chỉ dẫn bề rộng xe không đè lên vật thể như trong hình.
- Bằng cách lái xe với các đường chỉ dẫn bề rộng xe nằm song song với một mục tiêu, bạn có thể đỗ xe dọc theo mục tiêu đó.



Sử dụng các đường đi dự kiến phía trước

n **Màn hình khi vào cua và màn hình toàn cảnh**

- Kiểm tra vị trí giữa các đường đi dự kiến phía trước và chướng ngại vật.
- Hãy xoay vô lăng và lái xe về phía trước để các đường đi dự kiến phía trước không đè lên chướng ngại vật thực tế.



Chế độ hiển thị khi cần số ở vị trí "R"

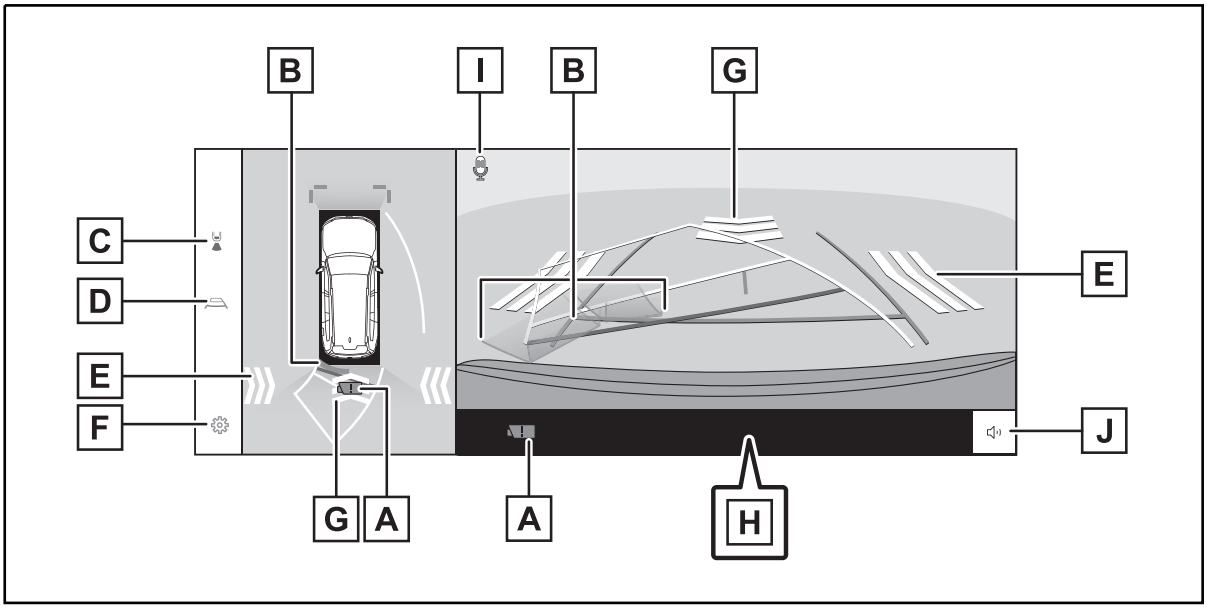
Để kiểm tra an toàn khi đỗ xe, một hình ảnh từ phía trên của xe và từ camera phía sau sẽ được hiển thị.

Màn hình hiển thị

1 Chuyển cần số sang vị trí "R".

Chế độ quan sát sẽ thay đổi mỗi khi người dùng chạm vào nút chuyển chế độ hiển thị.

▶ Màn hình góc nhìn phía sau và màn hình toàn cảnh



A Biểu tượng phát hiện bụi bẩn của camera

Biểu tượng này sẽ xuất hiện khi hệ thống phát hiện thấy có bụi bẩn trên camera.

B Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Hiển thị chỉ báo trên màn hình và phát ra âm thanh chuông khi cảm biến phát hiện được vật thể.

C Nút chuyển chế độ hiển thị

Sẽ thay đổi chế độ hiển thị mỗi khi bạn chạm vào nút này.

D Nút chuyển đường chỉ dẫn

Chuyển chế độ hiển thị các đường chỉ dẫn mỗi khi bạn chạm vào nút này. (→P.409)

E RCTA (Cảnh báo phương tiện chạy cắt ngang phía sau) (nếu có)/RCD (Camera phía sau)

Chỉ báo sẽ được hiển thị trên màn hình trong các trường hợp sau.
- Khi hệ thống camera phía sau phát hiện có người đi bộ ở phía sau.
- Khi camera phía sau phát hiện thấy có người đi bộ ở phía sau xe

F Tùy chọn cá nhân nút cài đặt

Thay đổi các cài đặt, chẳng hạn như tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua, màu của thân xe, khoảng cách phát hiện của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.418)

G Chức năng phát hiện bằng camera phía sau (RCD)

Nếu camera phía sau phát hiện có người đi bộ phía sau xe, trên màn hình sẽ hiển thị một chỉ báo.

H PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) (nếu có)

Nếu phát hiện vật cản có khả năng va chạm, một thông điệp (ví dụ: "BRAKE!") sẽ được hiển thị trên màn hình.

I Biểu tượng nhận diện giọng nói

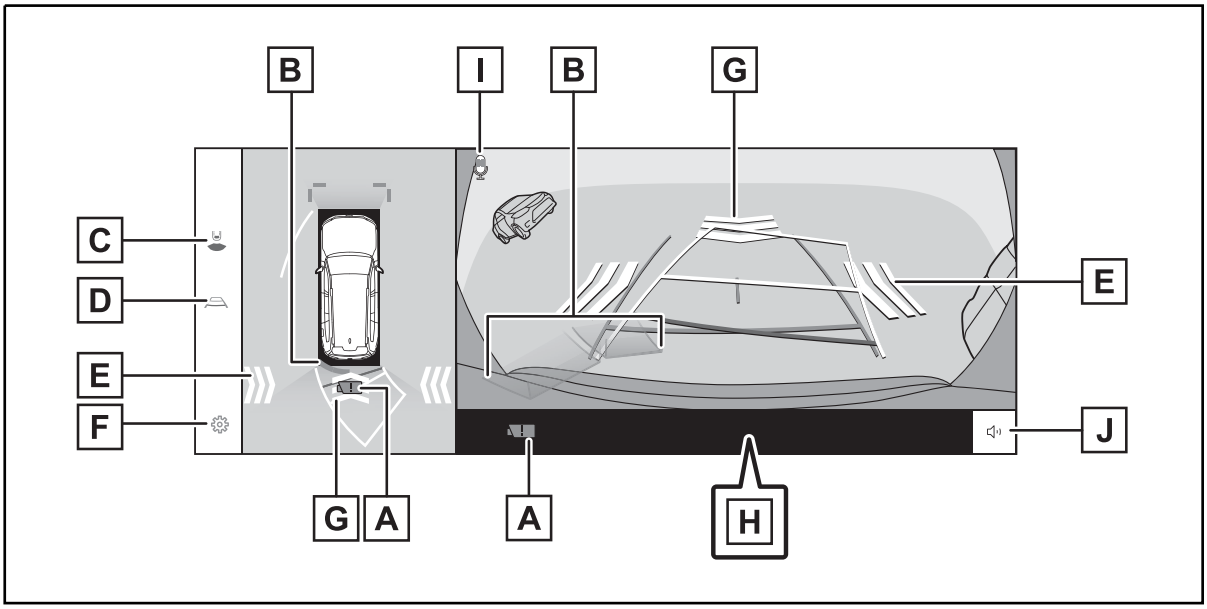
Biểu tượng này sẽ xuất hiện khi hệ thống điều khiển bằng giọng nói đang hoạt động.

Những chức năng này không khả dụng ở một vài nước hoặc khu vực.

J Nút tắt tiếng của hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota/RCTA (Cảnh báo phương tiện chạy cắt ngang phía sau) (nếu có)/RCD (Camera phía sau)

Nút này sẽ tạm thời tắt âm thanh của hệ thống hỗ trợ đỗ xe Toyota, hệ thống RCTA (Cảnh báo có xe chạy cắt ngang phía sau) và hệ thống RCD (Phát hiện bằng camera phía sau).

▶ Màn hình góc rộng phía sau và màn hình toàn cảnh



A Biểu tượng phát hiện bụi bẩn của camera

Biểu tượng này sẽ xuất hiện khi hệ thống phát hiện thấy có bụi bẩn trên camera.

B Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Hiển thị chỉ báo trên màn hình và phát ra âm thanh chuông khi cảm biến phát hiện được vật thể.

C Nút chuyển chế độ hiển thị

Sẽ thay đổi chế độ hiển thị mỗi khi bạn chạm vào nút này.

D Nút chuyển đường chỉ dẫn

Chuyển chế độ hiển thị các đường chỉ dẫn mỗi khi bạn chạm vào nút này. (→P.409)

E RCTA (Cảnh báo phương tiện chạy cắt ngang phía sau) (nếu có)/RCD (Camera phía sau)

Chỉ báo sẽ được hiển thị trên màn hình trong các trường hợp sau.

- Khi hệ thống camera phía sau phát hiện có người đi bộ ở phía sau.
- Khi camera phía sau phát hiện thấy có người đi bộ ở phía sau xe

F Tùy chọn cá nhân nút cài đặt

Thay đổi các cài đặt, chẳng hạn như tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua, màu của thân xe, khoảng cách phát hiện của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.418)

G Chức năng phát hiện bằng camera phía sau (RCD)

Nếu camera phía sau phát hiện có người đi bộ phía sau xe, trên màn hình sẽ hiển thị một chỉ báo.

H PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) (nếu có)

Nếu phát hiện vật cản có khả năng va chạm, một thông điệp (ví dụ: "BRAKE!") sẽ được hiển thị trên màn hình.

I Biểu tượng nhận diện giọng nói

Biểu tượng này sẽ xuất hiện khi hệ thống điều khiển bằng giọng nói đang hoạt động.

Những chức năng này không khả dụng ở một vài nước hoặc khu vực.

J Nút tắt tiếng của hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota/RCTA (Cảnh báo phương tiện chạy cắt ngang phía sau) (nếu có)/RCD (Camera phía sau)

Nút này sẽ tạm thời tắt âm thanh của hệ thống hỗ trợ đỗ xe Toyota, hệ thống RCTA (Cảnh báo có xe chạy cắt ngang phía sau) và hệ thống RCD (Phát hiện bằng camera phía sau).

---

n **Màn hình góc nhìn phía sau & màn hình góc nhìn toàn cảnh /màn hình quan sát góc rộng phía sau & màn hình góc nhìn toàn cảnh**

l Ấn công tắc camera khi cần số đang ở vị trí "R" sẽ cho phép bạn chuyển sang chế độ góc nhìn toàn cảnh & chế độ quan sát góc rộng phía trước.

l Vị trí hiển thị của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (→P.342) có thể không khớp với vị trí của vật cản được hiển thị trên hình ảnh của camera.

⚠ CẢNH BÁO

n **Đường chỉ dẫn**

l Vị trí của các đường chỉ dẫn được hiển thị trên màn hình có thể sẽ thay đổi do các yếu tố như số lượng hành khách, trọng lượng chất tải và độ dốc của đường. Luôn đảm bảo kiểm tra trực quan khu vực phía sau và xung quanh xe bạn trong khi lái xe.

n **Hiển thị của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota, RCTA (Cảnh báo phương tiện chạy cắt ngang phía sau) và RCD (Phát hiện camera phía sau)**

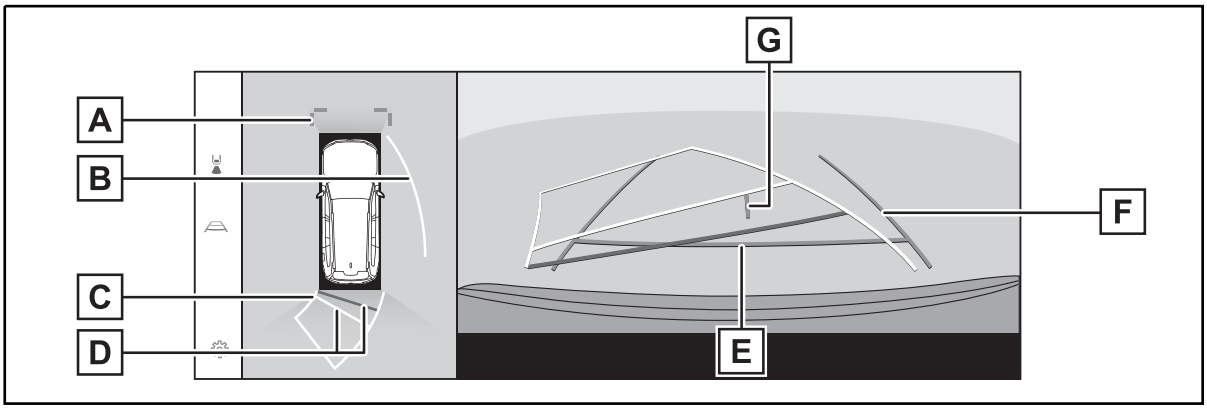
Các màn hình của các hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota, RCTA (Cảnh báo phương tiện chạy cắt ngang phía sau), RCD (Camera phát hiện phía sau) được xếp chồng lên nhau và hiển thị trên nền hình ảnh do camera thu được, vì vậy chúng có thể sẽ khó quan sát, tùy thuộc vào độ sáng và màu sắc của môi trường xung quanh.

Thay đổi chế độ hiển thị đường chỉ dẫn

Chế độ hiển thị đường chỉ dẫn sẽ thay đổi mỗi khi bạn chạm vào nút chuyển chế độ đường chỉ dẫn.

▶ Chế độ hiển thị các đường đi dự kiến

Chế độ này sẽ hiển thị các đường đi dự kiến, các đường này sẽ di chuyển theo thao tác với của người lái với vô lăng.



A Đường chỉ dẫn khoảng cách phía trước

Được hiển thị cách đầu xe khoảng 1 m (màu xanh da trời).

B Các đường đi dự kiến hai bên

Hiển thị các đường đi (màu vàng), các đường này liên kết với vận hành của vô lăng.

C Các đường đi dự kiến khi lùi xe

Hiển thị các đường đi (màu vàng), các đường này liên kết với vận hành của vô lăng.

D Đường chỉ dẫn khoảng cách phía sau xe

Hiển thị khoảng cách ở phía sau xe.
- Đường chỉ dẫn khoảng cách được liên kết với các đường đi dự kiến của xe.
- Hiển thị cách điểm chính giữa của mép cản sau khoảng 0,5 m (màu đỏ) và 1 m (màu vàng).

E Đường chỉ dẫn khoảng cách phía sau

Hiển thị cách mép cản sau khoảng 0,5 m (màu xanh da trời).

F Các đường chỉ dẫn bề rộng xe

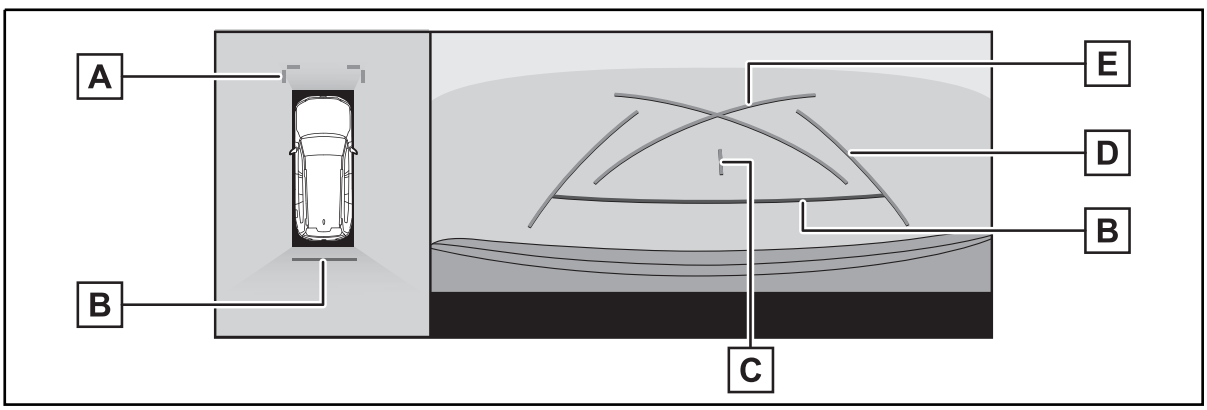
Hiển thị các đường đi của xe khi lùi xe trên một đường thẳng.
- Các đường này sẽ rộng hơn so với chiều rộng thực tế của xe.
- Khi xe chạy thẳng, các đường chỉ dẫn bề rộng xe sẽ trùng với các đường đi dự kiến.

G Đường chỉ dẫn tâm xe

Hiển thị tâm của các đường chỉ dẫn bề rộng xe.

▶ Chế độ hiển thị các đường chỉ dẫn để hỗ trợ đỗ xe

Chế độ này sẽ hiển thị các điểm trả lái (đường chỉ dẫn để hỗ trợ đỗ xe). Chế độ này được khuyến cáo sử dụng cho những người có kỹ năng cảm giác lái tốt và có thể đỗ xe mà không cần tới sự hỗ trợ của các đường đi dự kiến.



A Đường chỉ dẫn khoảng cách phía trước

Được hiển thị cách đầu xe khoảng 1 m (màu xanh da trời).

B Đường chỉ dẫn khoảng cách phía sau xe

Hiển thị khoảng cách ở phía sau xe.

- Hiển thị khoảng cách xấp xỉ 0,5 m (1,5 ft.) (vạch màu đỏ) tính từ điểm giữa của cản sau.

C Đường chỉ dẫn tâm xe

Hiển thị tâm của các đường chỉ dẫn bề rộng xe.

D Các đường chỉ dẫn bề rộng xe

Hiển thị các đường đi của xe khi lùi xe trên một đường thẳng.

- Các đường này sẽ rộng hơn so với chiều rộng thực tế của xe.

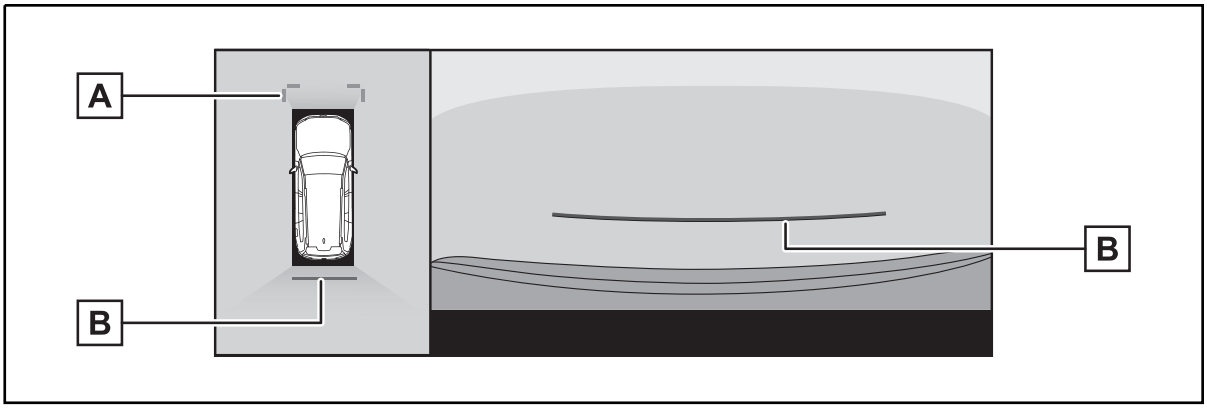
E Đường chỉ dẫn hỗ trợ đỗ xe

Hiển thị các đường đi của góc cua hẹp nhất có thể thực hiện ở phía sau xe.

- Hãy sử dụng vị trí điều khiển vô lăng khi đỗ xe như một gợi ý chỉ dẫn.

▶ Chế độ hiển thị đường chỉ dẫn khoảng cách

Chế độ này chỉ hiển thị các đường chỉ dẫn khoảng cách. Nó được khuyến cáo sử dụng cho những người có kỹ năng lái xe tốt và không cần tới các đường chỉ dẫn.



A Đường chỉ dẫn khoảng cách phía trước

Được hiển thị cách đầu xe khoảng 1 m (màu xanh da trời).

B Đường chỉ dẫn khoảng cách phía sau xe

Hiển thị khoảng cách ở phía sau xe.

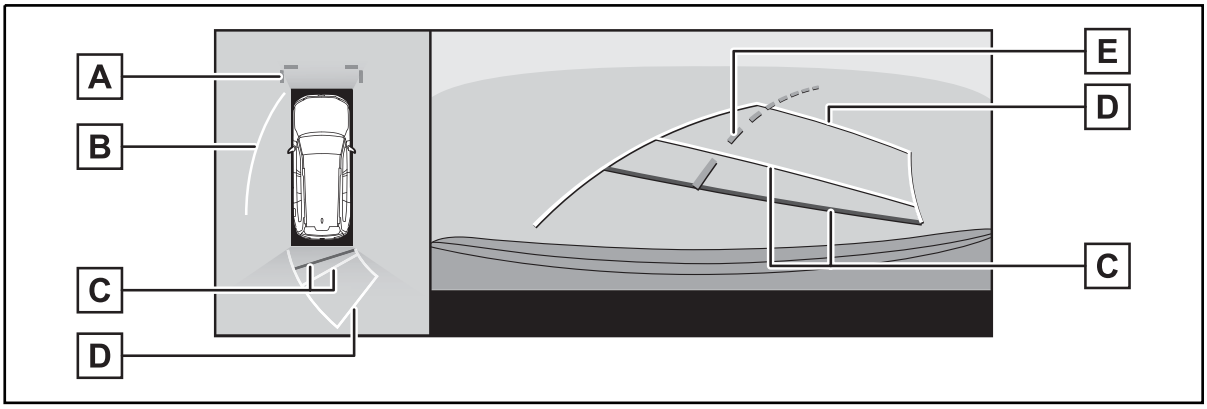
- Hiển thị khoảng cách xấp xỉ 0,5 m (1,5 ft.) (vạch màu đỏ) tính từ điểm giữa của cản sau.

▶ Chế độ đường tâm của đường đi dự kiến

Chế độ này hiển thị các đường đi dự kiến và đường chỉ dẫn tâm xe, các đường này sẽ di chuyển theo vận hành vô lăng.

Hãy sử dụng chế độ này khi cần tiến đến gần một biển chỉ dẫn hoặc

cột nằm thẳng hàng với tâm của cản sau.



A Đường chỉ dẫn khoảng cách phía trước

Được hiển thị cách đầu xe khoảng 1 m (màu xanh da trời).

B Các đường đi dự kiến hai bên

Hiển thị các đường đi (màu vàng), các đường này liên kết với vận hành của vô lăng.

C Đường chỉ dẫn khoảng cách phía sau xe

Hiển thị khoảng cách ở phía sau xe.

- Đường chỉ dẫn khoảng cách được liên kết với các đường đi dự kiến của xe.
- Hiển thị cách điểm chính giữa của mép cản sau khoảng 0,5 m (màu đỏ) và 1 m (màu vàng).

D Các đường đi dự kiến khi lùi xe

Hiển thị các đường đi (màu vàng), các đường này liên kết với vận hành của vô lăng.

E Đường tâm của đường đi dự kiến

Hiển thị đường chỉ dẫn tâm xe (màu xanh lá cây) được liên kết với vận hành của vô lăng.

n **Chế độ hiển thị đường chỉ dẫn**

Các đường chỉ dẫn sẽ không xuất hiện nếu cửa hậu chưa được đóng lại. Nếu cửa hậu đã được đóng lại nhưng các đường chỉ dẫn vẫn không xuất hiện, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

CẢNH BÁO

n **Chế độ hiển thị đường chỉ dẫn**

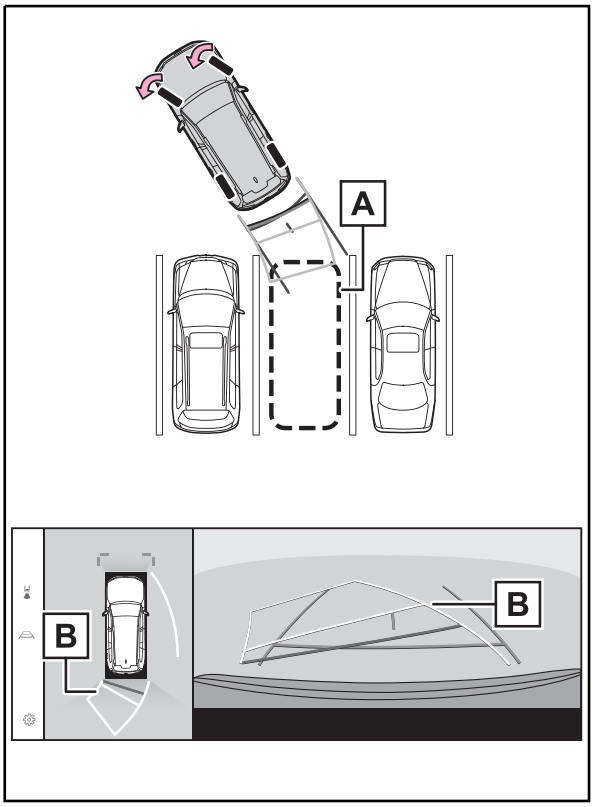
Các đường chỉ dẫn bề rộng phía sau xe sẽ rộng hơn chiều rộng thực tế của xe. Hãy luôn đảm bảo kiểm tra bằng cách quan sát phía sau và môi trường xung quanh xe khi bạn đang lùi xe.

Đỗ xe sử dụng chế độ hiển thị đường đi dự kiến

1 Chuyển cần số sang vị trí "R".

2 Hãy xoay vô lăng sao cho các đường đi dự kiến nằm bên

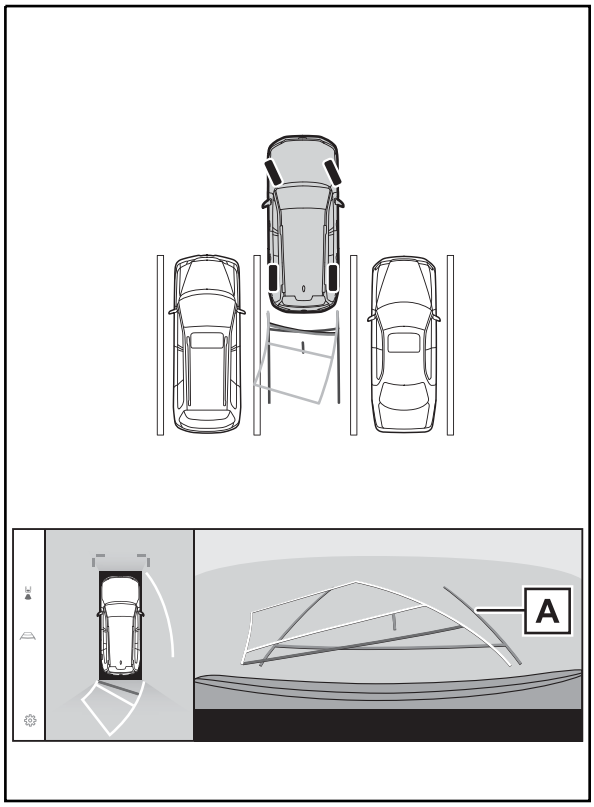
trong khoang đỗ xe rồi từ từ lùi lại.



A Khoang đỗ xe

B Đường đi dự kiến

3 Khi phía đuôi xe đã vào được khoang đỗ xe, hãy đánh lái để các đường chỉ dẫn chiều rộng xe nằm bên trong vạch kẻ bên trái và bên phải của khoang đỗ xe.



A Các đường chỉ dẫn bề rộng xe

4 Khi các đường chỉ dẫn chiều rộng xe và các vạch kẻ của khoang đỗ xe nằm song song với nhau, hãy trả thẳng tay lái và lùi từ từ cho đến khi xe đã vào hết khoang đỗ xe.

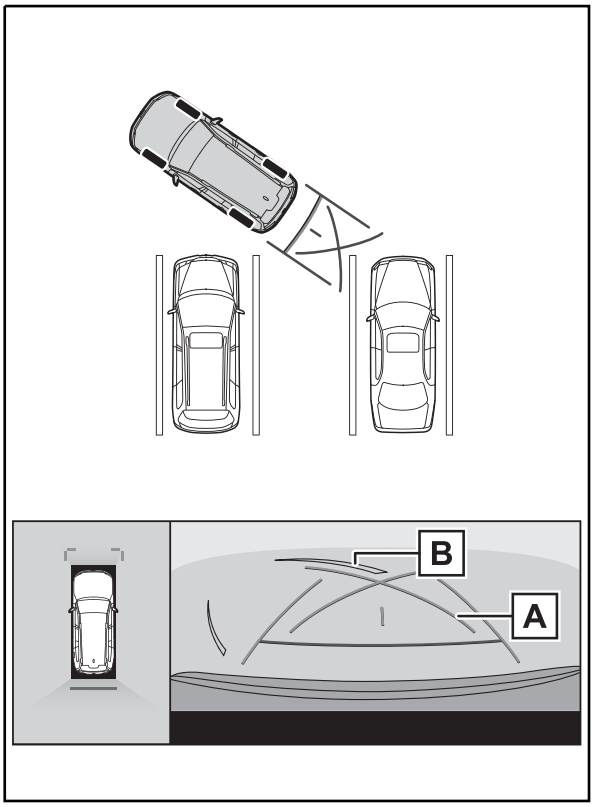
5 Hãy dừng xe ở vị trí thích hợp để kết thúc quá trình đỗ xe.

Đỗ xe sử dụng chế độ hiển thị các đường chỉ dẫn hỗ trợ đỗ xe

1 Chuyển cần số sang vị trí "R".

2 Hãy lùi xe lại cho đến khi các đường chỉ dẫn hỗ trợ đỗ xe thẳng hàng với các vạch phân

cách bên trái của khoang đỗ xe.



A Đường chỉ dẫn hỗ trợ đỗ xe

B Vạch chia khoảng đỗ xe

3 Xoay vô lăng hết cỡ sang bên trái và từ từ lùi xe lại.

4 Khi xe đã nằm song song với khoang đỗ xe, hãy đánh thẳng vô lăng và lùi xe từ từ cho đến khi xe đã vào hết khoang đỗ xe.

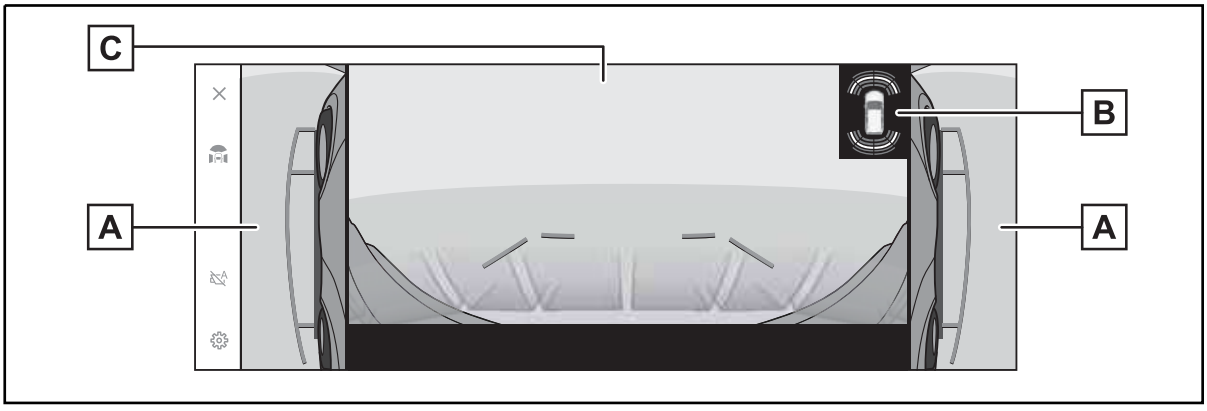
5 Hãy dừng xe ở vị trí thích hợp để kết thúc quá trình đỗ xe.

Màn hình khi gập gương chiếu hậu bên ngoài xe

Khi gương chiếu hậu bên ngoài xe được gập lại, một hình ảnh từ các camera bên sẽ được hiển thị thay vì chế độ quan sát toàn cảnh. Chức năng này có thể giúp người lái xác nhận rằng xung quanh xe đã an toàn khi đang đỗ xe ở một vị trí chật hẹp.

Màn hình hiển thị

▶ Màn hình góc nhìn bên & Màn hình góc rộng phía trước



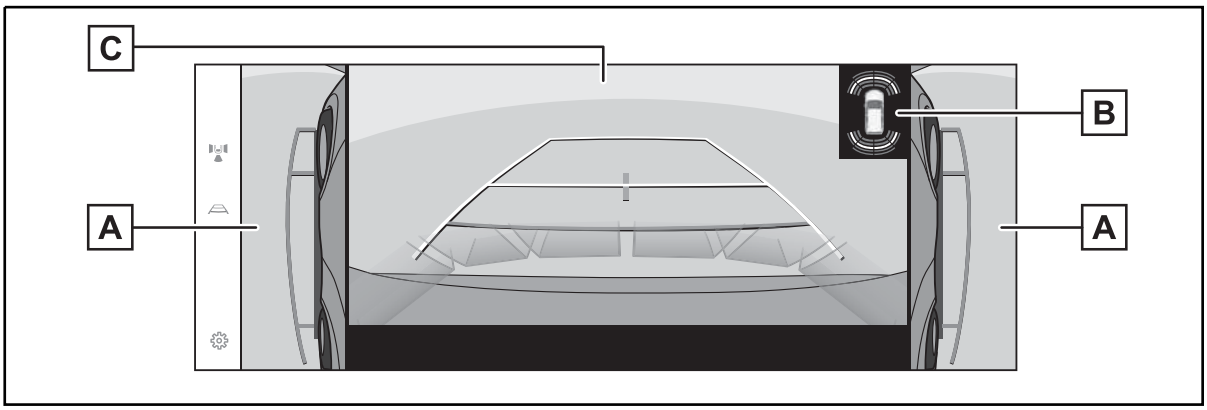
A Màn hình hai bên hông xe

B Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Hiển thị chỉ báo trên màn hình và phát ra âm thanh chuông khi cảm biến phát hiện được vật thể.

C Màn hình góc rộng phía trước

▶ Chế độ quan sát hai bên hông xe và góc nhìn phía sau



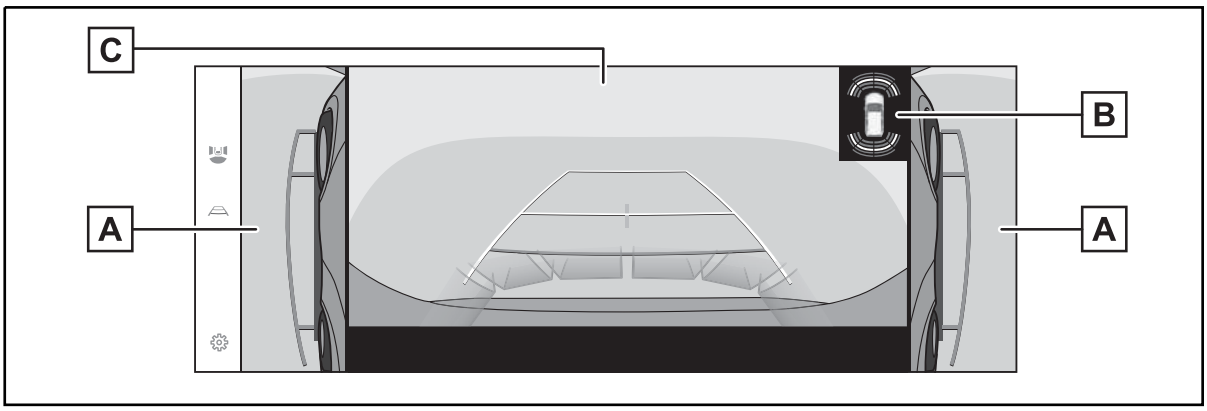
A Màn hình hai bên hông xe

B Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Hiển thị chỉ báo trên màn hình và phát ra âm thanh chuông khi cảm biến phát hiện được vật thể.

C Màn hình góc nhìn phía sau

▶ Màn hình góc nhìn bên & góc nhìn ở góc rộng phía sau



A Màn hình hai bên hông xe

B Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Hiển thị chỉ báo trên màn hình và phát ra âm thanh chuông khi cảm biến phát hiện được vật thể.

C Màn hình góc rộng phía sau

n **Màn hình của cảm biến hỗ trợ đỗ xe**

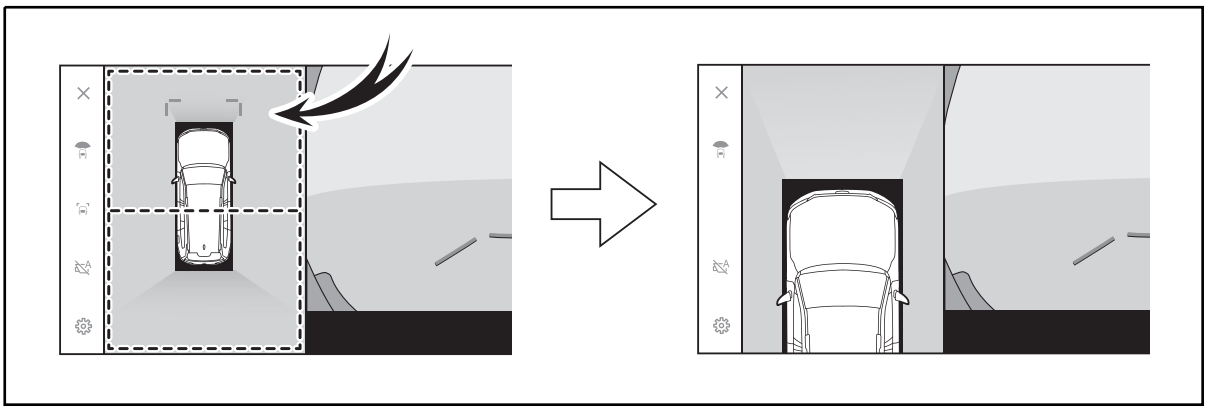
Vị trí hiển thị của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (→P.342) có thể không khớp với vị trí của vật cản được hiển thị trên hình ảnh của camera.

Phóng to màn hình (chế độ xem toàn cảnh)

Có thể sử dụng chức năng phóng to màn hình nếu hình ảnh trên màn hình quá nhỏ và khó quan sát.

Hãy chạm vào khu vực mà bạn muốn phóng to khi đang ở chế độ màn hình góc nhìn toàn cảnh.

Màn hình hiển thị



- Khu vực đã chọn được phóng to.
- Bạn có thể phóng to khu vực phía trước hoặc phía sau xe khi ở chế độ góc nhìn toàn cảnh.
- Để hủy chế độ phóng to, hãy chạm lại vào màn hình.

n **Phóng to màn hình**

l Chỉ có thể bật chức năng phóng to/thu nhỏ khi đáp ứng được tất cả các điều kiện sau:
- Tốc độ của xe dưới 12 km/h.
- Chức năng cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (→P.342) đã được bật

l Trong bất kỳ trường hợp nào sau đây, chức năng phóng to/thu nhỏ hình ảnh sẽ tự động bị hủy:
- Tốc độ xe trên 12 km/h.
- Tắt chức năng cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

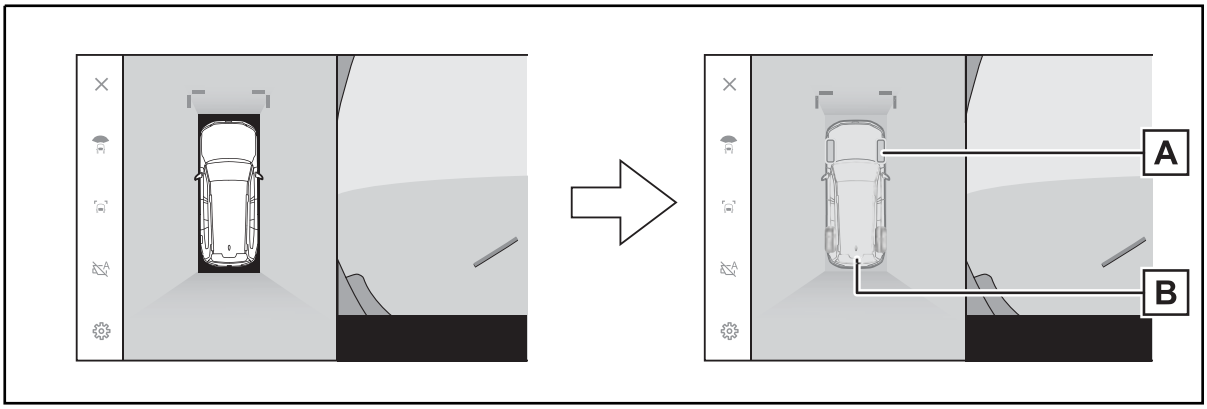
l Các đường chỉ dẫn sẽ không xuất hiện khi đã phóng to hình ảnh ở chế độ góc nhìn toàn cảnh.

Hiển thị góc nhìn bên dưới gầm xe (chế độ xem toàn cảnh)

Hệ thống sẽ hiển thị hình ảnh tổng hợp do camera ghi lại trong quá khứ ở vị trí xe hiện tại để hỗ trợ người lái quan sát bên dưới gầm xe, vị trí các lốp trước... Góc nhìn này được hiển thị ở chế độ quan sát toàn

cảnh, góc nhìn khoảng cách hai bên hông xe hoặc chế độ quan sát khi vào cua.

Màn hình hiển thị



A Vết bánh xe

Hiển thị các đường chỉ dẫn vị trí lốp được liên kết với vị trí vô lăng.

B Các đường chỉ dẫn xe

Hiển thị phía bên ngoài của xe.

n **Góc nhìn bên dưới gầm xe trong suốt.**

l Góc nhìn bên dưới gầm xe sẽ được hiển thị khi đã bật cài đặt trên màn hình cài đặt tùy chọn cá nhân và xe đang chạy tiến hoặc lùi.

l Góc nhìn bên dưới gầm xe sẽ không được hiển thị trong các trường hợp sau:

- Tốc độ xe là lớn hơn 20 km/h.
- Xe đỗ lại sau một khoảng thời gian nhất định.
- Nếu xe chưa di chuyển được quãng đường nhất định sau khi khởi động.
- Các gương chiếu hậu bên ngoài xe được gập lại.
- Hệ thống ABS đang hoạt động.
- Hệ thống có thể sẽ hoạt động không chính xác.

l Hệ thống có thể sẽ không hoạt động chính xác trong các trường hợp sau:

- Trên đường bị phủ tuyết.
- Có bóng đổ từ các đèn…
- Có bụi bẩn hoặc vật thể lạ trên kính của camera.
- Nước (sông, biển, vv...).
- Đã lắp các thiết bị lựa chọn.
- Khi có vật thể ở phía trước camera.
- Đã thay các lốp xe.
- Cửa hậu mở và camera không sẽ không ở đúng vị trí.
- Mặt đường trơn trượt hoặc bánh xe bị trượt.
- Khi xe đang được đỗ xe trên đồi dốc hoặc trên đường không bằng phẳng.

l Khi tầm nhìn được ghi lại trong quá khứ được hiển thị, màn hình và tình huống thực tế có thể khác nhau trong các trường hợp sau:

- Một chướng ngại vật xuất hiện hoặc di chuyển sau khi tầm nhìn được ghi lại.
- Cát hoặc tuyết bay ra hoặc di chuyển sau khi tầm nhìn được ghi lại.
- Bùn hoặc vũng nước nằm trong phạm vi hiển thị.
- Khi xe bị trượt.

l Một phần hoặc toàn bộ khung hình bên dưới gầm xe có thể sẽ có màu đen trong các trường hợp sau:

- Xe bắt đầu di chuyển mà không ghi lại hình ảnh nào.
- Vô lăng được đánh lái nhiều hơn góc lái nhất định.
- Xe đỗ lại sau một khoảng thời gian nhất định.

CẢNH BÁO

n **Góc nhìn bên dưới gầm xe trong suốt.**

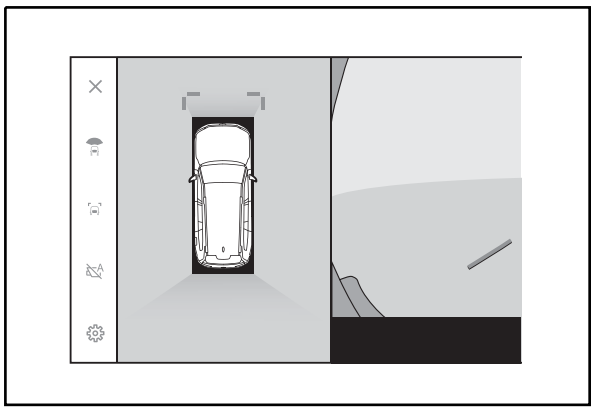
l Các đường chỉ dẫn vị trí lốp và của xe có thể sẽ không khớp với vị trí thực tế của xe do số lượng hành khách, tải trọng trên xe, độ dốc của đường, tình trạng mặt đường, độ sáng của môi trường xung quanh, các thiết bị lắp thêm, thay thế lốp và các lý do khác. Hãy luôn chú ý kiểm tra xung quanh khi đang lái xe.

l Hình ảnh được hiển thị là những hình ảnh đã được ghi lại trước đó. Do đó, nếu các chướng ngại vật và các vật thể khác di chuyển sau khi ghi hình, thì hình ảnh được hiển thị và trên thực tế có thể sẽ không khớp nhau.

Thay đổi cài đặt màn hình đa địa hình

Có thể thay đổi được các cài đặt liên quan đến màn hình đa địa hình, chẳng hạn như chế độ hiển thị tự động khi vào cua và màu sắc của thân xe.

1 Chạm vào ⚙.



2 Chọn hạng mục mong muốn.

● Góc nhìn khi vào cua

Tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua.

● Quan sát dưới gầm xe

Bật hoặc tắt chế độ quan sát bên dưới gầm xe. Khi người dùng bật chức năng này và lái xe về phía trước hoặc phía sau thì hệ thống sẽ hiển thị hình ảnh tổng hợp do camera ghi lại trong quá khứ ở vị trí xe hiện tại để hỗ trợ người lái quan sát bên dưới gầm xe, vị trí các lốp trước... Góc nhìn được hiển thị ở chế độ quan sát toàn cảnh, góc nhìn khoảng cách hai bên hông xe hoặc chế độ quan sát khi vào cua.

● Hiển thị 3D Toyota Park Assist

Hiển thị hoặc ẩn màn hình 3D của hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota.

● Khoảng cách Toyota Park Assist

Thay đổi khoảng cách mà cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota bắt đầu phát hiện được các vật cản.

● Màu thân xe

Thay đổi màu sắc của thân xe được hiển thị trên màn hình.

n **Tình trạng treo của màn hình cài đặt**

Để đảm bảo an toàn, bạn sẽ không thể hiển thị màn hình cài đặt tùy chọn cá nhân khi xe đang chạy.

Khi sử dụng hệ thống theo dõi đa địa hình

Hãy tuân theo các lưu ý sau. Nếu không có thể dẫn tới tai nạn bất ngờ. Đồng thời, khi lái xe hãy trực tiếp quan sát xung quanh và khu vực phía sau xe để đảm bảo an toàn.

⚠ CẢNH BÁO

n **Những trường hợp không nên sử dụng hệ thống theo dõi đa địa hình**

Không sử dụng hệ thống theo dõi đa địa hình trong các trường hợp dưới đây. Do khi đó hệ thống có thể không hoạt động chính xác, dẫn đến tai nạn bất ngờ.

- Khi mặt đường có tuyết, băng hoặc trơn trượt
- Khi sử dụng xích quấn lốp hoặc lốp dự phòng loại khẩn cấp
- Khi (các) cửa trước hoặc cửa hậu không đóng chặt
- Trên những con đường không bằng phẳng, chẳng hạn như đường đồi
- Nếu lắp các lốp có kích thước khác với tiêu chuẩn của Toyota
- Nếu đã chỉnh sửa hệ thống treo
- Nếu một sản phẩm không chính hãng của Toyota được lắp ở vị trí được hiển thị trên màn hình

n **Các đường chỉ dẫn**

Các đường chỉ báo vị trí lốp và đường chỉ báo vị trí xe có thể khác so với vị trí xe thực tế tùy vào số lượng hành khách, trọng lượng hàng hóa, điều kiện bề mặt đường, độ sáng của khu vực xung quanh… Luôn lái xe trong khi xác nhận an toàn xung quanh.

⚠ CHÚ Ý

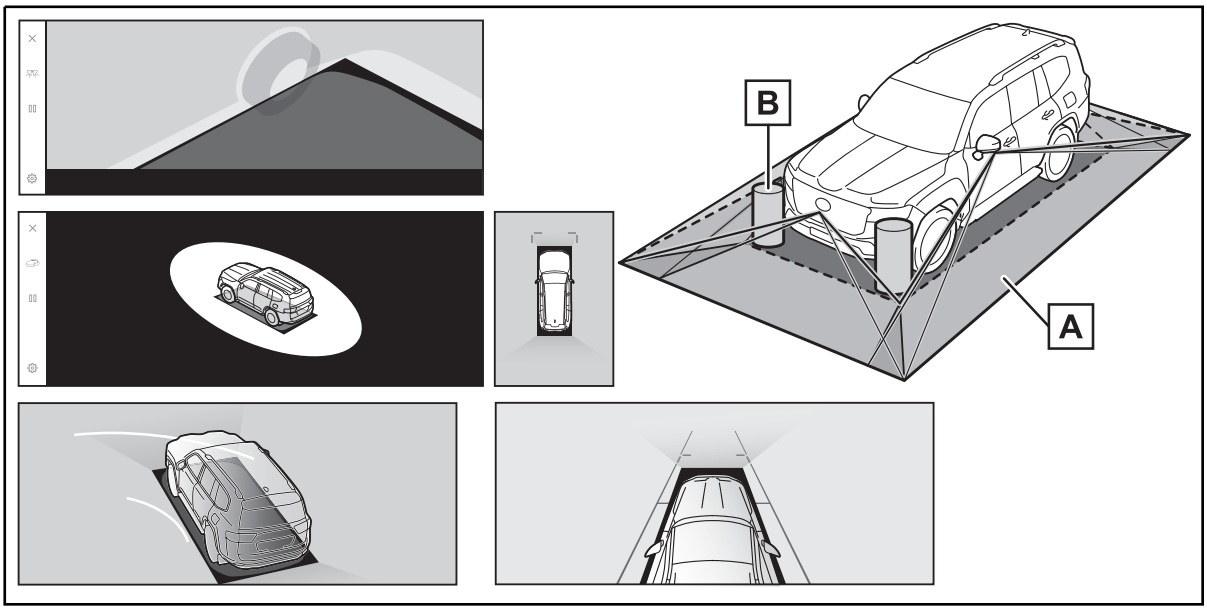
n **Màn hình toàn cảnh**

- Chế độ nhìn xuyên, chế độ quan sát di chuyển, chế độ quan sát toàn cảnh, chế độ quan sát khoảng cách hai bên hông xe và chế độ quan sát khi vào cua sẽ tạo ra hình ảnh bằng cách kết hợp của các hình ảnh được ghi lại bởi camera trước, camera sau và camera bên. Vì phạm vi và nội dung có thể hiển thị là có giới hạn, hãy đảm bảo rằng bạn đã nắm bắt đầy đủ các tính năng của Multi-terrain Monitor trước khi sử dụng nó.
- Bốn góc của chế độ góc nhìn xuyên, chế độ quan sát khi di chuyển, chế độ quan sát toàn cảnh, góc nhìn khoảng cách hai bên hông xe và chế độ quan sát khi vào cua có vùng xử lý nối ghép hình ảnh tập trung vào phía mép của các camera và độ rõ nét của hình ảnh có thể sẽ bị giảm đi. Tuy nhiên đó là hiện tượng bình thường.
- Tùy thuộc vào điều kiện ánh sáng gần các camera, mà các mảng sáng và tối có thể sẽ xuất hiện ở chế độ góc nhìn xuyên, chế độ quan sát khi di chuyển, chế độ quan sát toàn cảnh, góc nhìn khoảng cách hai bên hông xe và chế độ quan sát khi vào cua.

- Chế độ quan sát nhìn xuyên, chế độ góc quan sát khi di chuyển, chế độ góc nhìn toàn cảnh, góc nhìn khoảng cách hai bên hông xe và chế độ quan sát khi vào cua không thể mở rộng cao hơn vị trí lắp đặt và phạm vi thu hình của mỗi camera.
- Có những điểm mù xung quanh xe và do đó sẽ có những vùng không được hiển thị trên màn hình Multi-terrain Monitor.
- Các vật thể ba chiều được hiển thị ở chế độ quan sát góc rộng phía trước, chế độ quan sát phía sau, chế độ quan sát góc rộng phía sau hoặc chế độ quan sát hông xe có thể sẽ không được hiển thị ở chế độ góc nhìn xuyên, chế độ quan sát khi di chuyển, chế độ quan sát toàn cảnh, góc nhìn khoảng cách hai bên hông xe và chế độ quan sát khi vào cua.
- Con người và các vật thể ba chiều khác có thể sẽ xuất hiện khác biệt khi được hiển thị trên màn hình Đa địa hình. (Những khác biệt này bao gồm các trường hợp trong đó các đối tượng được hiển thị dường như bị nghiêng xuống, biến mất gần các vùng xử lý hình ảnh, xuất hiện từ các vùng xử lý ghép nối hình ảnh hoặc khoảng cách thực tế đến một đối tượng khác với vị trí được hiển thị.)
- Khi cửa hậu được lắp camera quan sát phía sau hoặc các cửa trước được trang bị gương chiếu hậu có tích hợp camera bên đang ở trạng thái mở, thì hình ảnh trên Màn hình Đa địa hình sẽ không được hiển thị một cách chính xác.
- Biểu tượng xe được hiển thị ở chế độ góc nhìn xuyên, chế độ góc nhìn khi di chuyển, chế độ góc nhìn toàn cảnh, góc nhìn khoảng cách hai bên hông xe và chế độ quan sát khi vào cua là hình ảnh do máy tính tạo ra, vì vậy màu sắc, hình dạng và kích thước sẽ không giống với xe thực tế. Do đó, các vật thể ba chiều ở gần đó có thể đang chạm vào xe và khoảng cách thực tế đến các vật thể ba chiều có thể sẽ khác so với khoảng cách được hiển thị trên màn hình.

Khu vực được hiển thị trên màn hình

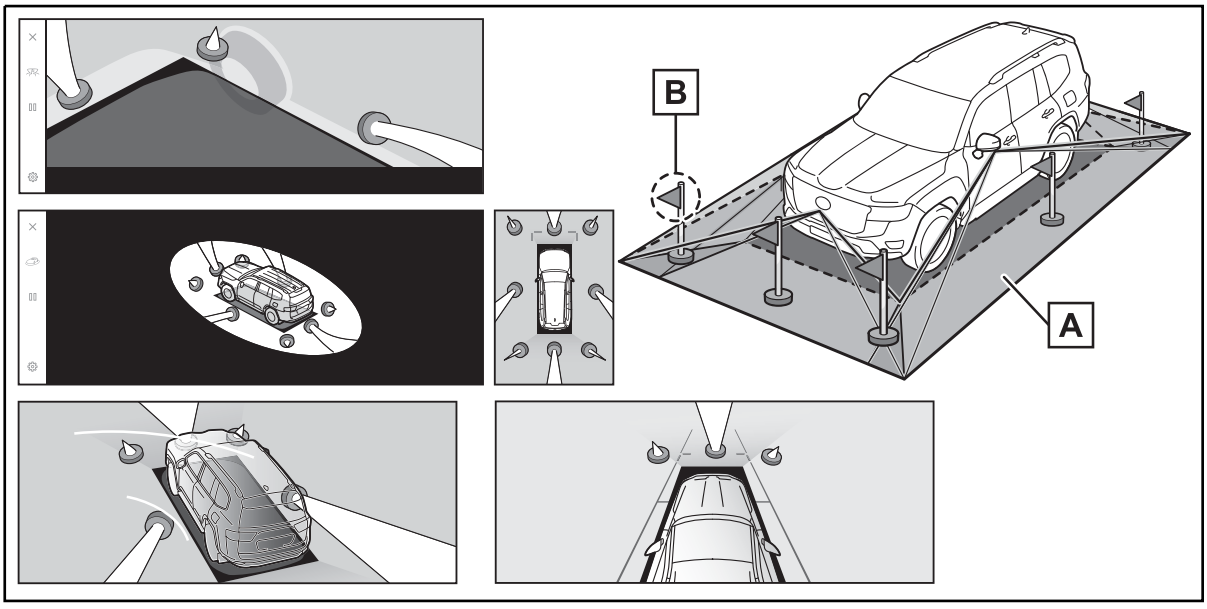
Có những điểm mù xung quanh xe và do đó sẽ có những vùng không hiển thị trên màn hình. Ngay cả khi không có gì xung quanh xe được hiển thị trên màn hình, thực tế có thể vẫn có các chướng ngại vật trên đường mà xe bạn có thể sẽ va chạm. Luôn đảm bảo kiểm tra bằng cách quan sát môi trường xung quanh bạn.



A Khu vực được hiển thị trên màn hình

B Các đối tượng không được hiển thị trên màn hình

Các chướng ngại vật trong các vùng màu đen sẽ không xuất hiện trên màn hình.



A Khu vực được hiển thị trên màn hình

B Các phần của các vật thể không được hiển thị trên màn hình

Các chi tiết nằm cao hơn đường sẽ không xuất hiện trên màn hình.

n **Khu vực xuất hiện trên màn hình**

l Camera sẽ không hiển thị các phần màu đen xung quanh biểu tượng xe. Hãy kiểm tra bằng cách quan sát trực tiếp các khu vực đó.

l Khi hình ảnh thu được từ bốn camera sẽ được xử lý và hiển thị trên cơ sở là một mặt đường bằng phẳng, chế độ góc nhìn nhìn xuyên, chế độ quan sát khi di chuyển, chế độ quan sát toàn cảnh (bao gồm cả màn hình đã được phóng to), chế độ quan sát khoảng cách hai bên và chế độ quan sát khi vào cua có thể sẽ được hiển thị như sau:

- Hình ảnh có thể sẽ bị biến dạng, mỏng hơn hoặc lớn hơn so với thông thường.
- Những vật thể nằm ở vị trí cao hơn mặt đường có thể trông sẽ nằm xa hơn thực tế hoặc có thể sẽ hoàn toàn không xuất hiện trên hình.
- Các vật thể cao nhô lên trên khu vực không được hiển thị trên hình ảnh.

l Sự thay đổi về độ sáng của hình ảnh có thể sẽ xuất hiện với tất cả các camera do điều kiện ánh sáng.

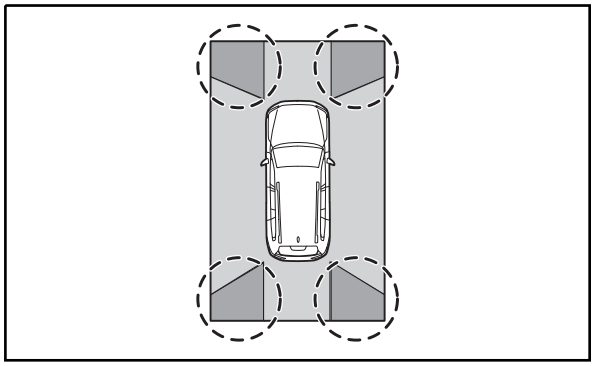
l Hình ảnh được hiển thị có thể sẽ bị lệch do thân xe bị nghiêng hoặc thay đổi chiều cao bởi số lượng hành khách ngồi trên xe, tải trọng của xe và lượng nhiên liệu trong bình.

l Nếu các cửa xe không được đóng chặt, hình ảnh và các đường chỉ dẫn có thể sẽ không được hiển thị một cách chính xác.

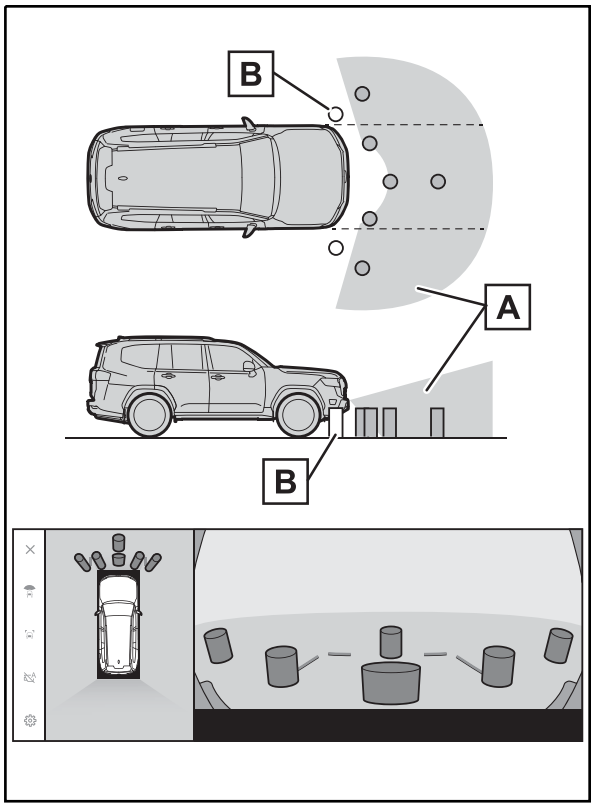
l Mối quan hệ vị trí của mặt đường và các vật thể với biểu tượng xe được hiển thị ở chế độ góc nhìn xuyên, chế độ quan sát khi di chuyển, chế độ quan sát toàn cảnh (bao gồm cả màn hình đã được phóng to), góc nhìn khoảng cách hai bên hông xe và chế độ quan sát khi vào cua có thể sẽ khác so với các vị trí thực tế.

l Ánh sáng từ đèn soi biển số xe có thể sẽ xuất hiện trên màn hình.

l Các hình ảnh được biểu thị bởi ◌ trong hình là những hình ảnh tổng hợp, do đó có thể sẽ khó quan sát ở một số khu vực.



n **Màn hình góc rộng phía trước**



A Khu vực được hiển thị trên màn hình

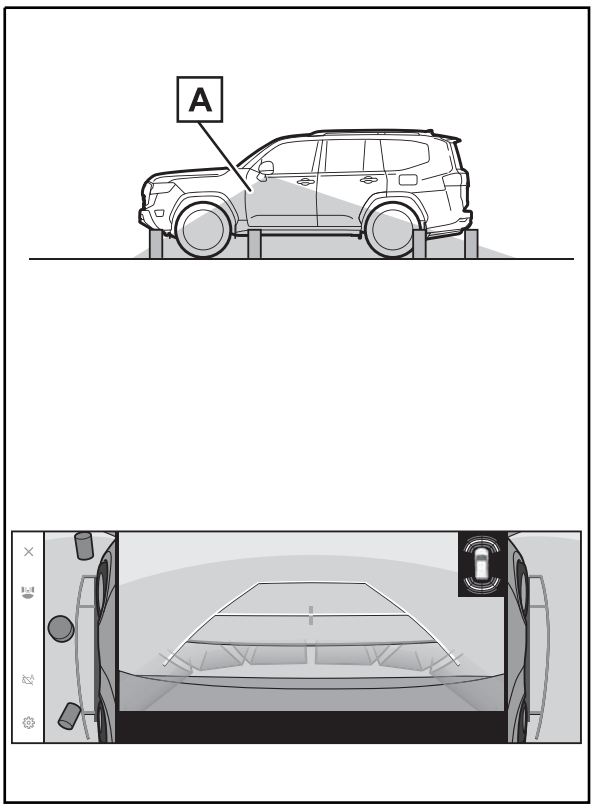
B Các đối tượng không được hiển thị trên màn hình

Các khu vực gần cả hai góc của các cản xe sẽ không xuất hiện trên màn hình.

n **Khu vực hiển thị**

- Phạm vi thu hình của camera là có giới hạn. Các vật nằm ở gần một trong hai góc của cản xe hoặc bên dưới cản xe sẽ không xuất hiện trên màn hình.
- Nhận thức về độ sâu của hình ảnh được hiển thị trên màn hình sẽ khác so với khoảng cách thực tế.
- Camera góc rộng phía trước sử dụng một ống kính đặc biệt, do đó độ sâu của hình ảnh được hiển thị trên màn hình sẽ khác so với khoảng cách thực tế.

▶ Chế độ góc nhìn bên và Chế độ góc nhìn phía sau (khi gập gương hai bên)

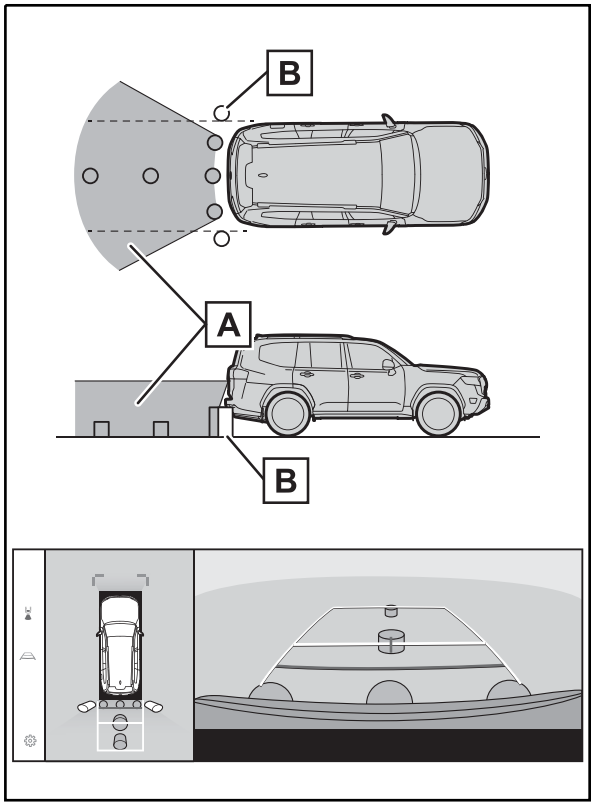


A Khu vực được hiển thị trên màn hình

n **Khu vực hiển thị**

- Phạm vi hiển thị trên màn hình có thể sẽ khác nhau theo trạng thái của xe và mặt đường.
- Phạm vi thu hình của camera là có giới hạn. Các vật nằm ở gần cản xe bên phía hành khách hoặc bên dưới cản sẽ không xuất hiện trên màn hình.
- Nhận thức về độ sâu của hình ảnh được hiển thị trên màn hình sẽ khác so với khoảng cách thực tế.
- Các camera ở phía bên và phía sau sử dụng một ống kính đặc biệt, do đó, độ sâu của hình ảnh được hiển thị trên màn hình sẽ khác so với khoảng cách thực tế.

▶ Màn hình góc nhìn phía sau

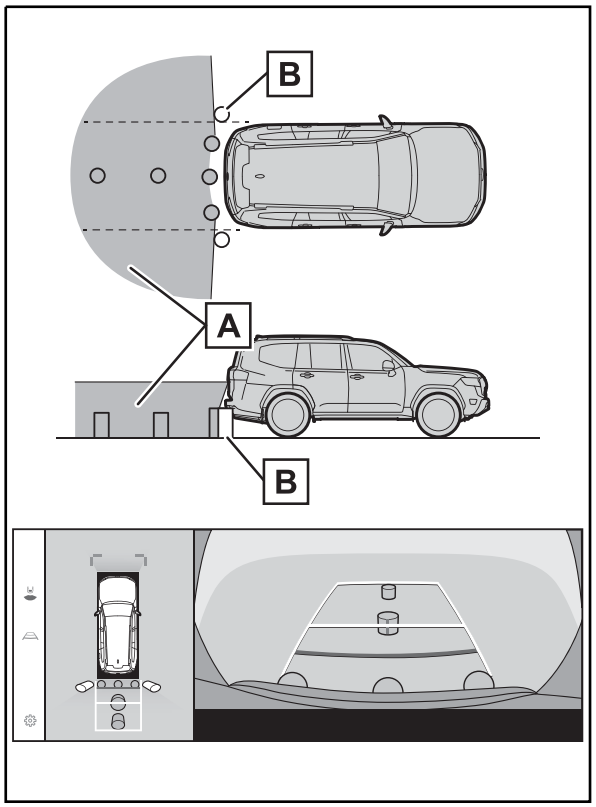


A Khu vực được hiển thị trên màn hình

B Các vật thể không được hiển thị trên màn hình

Các khu vực gần cả hai góc của các cản xe sẽ không xuất hiện trên màn hình.

▶ Màn hình góc rộng phía sau



A Khu vực được hiển thị trên màn hình

B Các vật thể không được hiển thị trên màn hình

Các khu vực gần cả hai góc của các cản xe sẽ không xuất hiện trên màn hình.

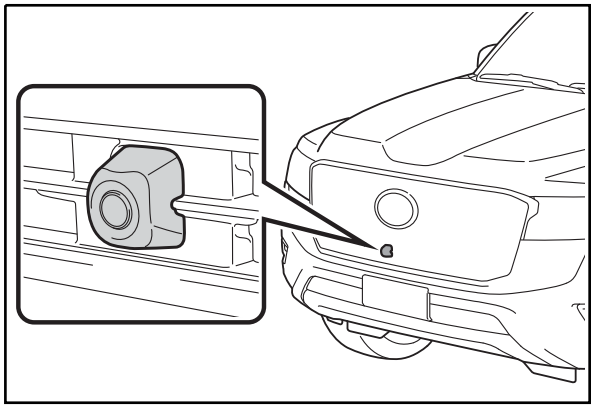
n Khu vực hiển thị

- Phạm vi hiển thị trên màn hình có thể sẽ khác nhau theo trạng thái của xe và mặt đường.
- Phạm vi thu hình của camera là có giới hạn. Các vật nằm ở gần một trong hai góc của cản xe hoặc bên dưới cản xe sẽ không xuất hiện trên màn hình.
- Nhận thức về độ sâu của hình ảnh được hiển thị trên màn hình sẽ khác so với khoảng cách thực tế.
- Camera quan sát góc nhìn phía sau và camera quan sát góc rộng phía sau sử dụng các ống kính đặc biệt, do đó độ sâu của hình ảnh được hiển thị trên màn hình sẽ khác so với khoảng cách thực tế.
- Các vật nằm cao hơn camera sau có thể sẽ không xuất hiện trong màn hình.
- Ánh sáng từ đèn soi biển số xe có thể sẽ xuất hiện trên màn hình.

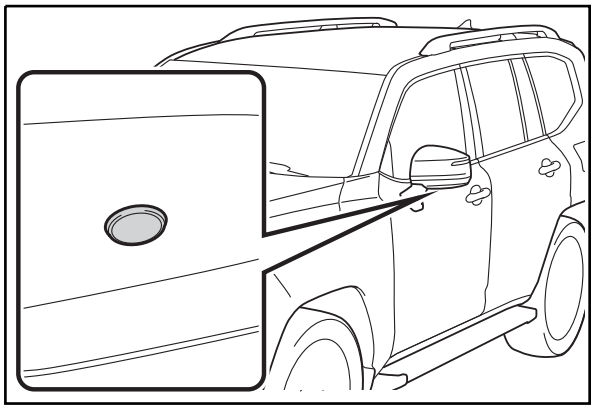
Vị trí camera

Các camera của màn hình theo dõi đa địa hình được đặt ở các vị trí như trong hình vẽ.

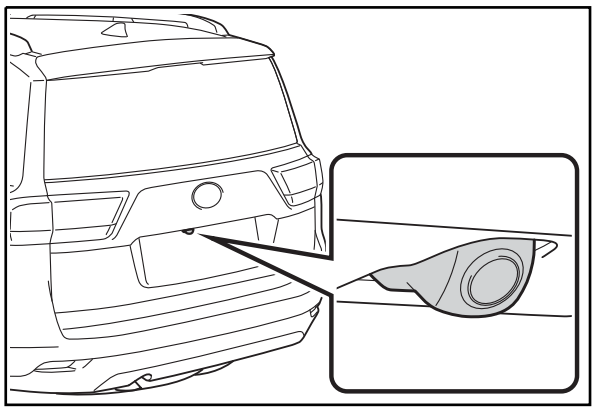
n Camera phía trước



n Các camera bên



n Camera sau



Vệ sinh camera

Nếu bụi bẩn hoặc vật lạ, chẳng hạn như nước, tuyết hoặc bùn, dính vào camera, bạn sẽ không thể nhìn rõ hình ảnh. Nếu tình trạng đó xảy ra, hãy xả một lượng lớn nước vào camera và sau đó lau sạch ống kính camera bằng khăn mềm và ẩm.

⚠ CHÚ Ý

n Cách sử dụng camera

l Màn hình ghi dấu đa môi trường có thể hoạt động bất thường. Hãy lưu ý các mục sau:

- Không gõ hoặc tác động mạnh lên camera. Nếu không có thể sẽ làm thay đổi vị trí và góc lắp của camera.
- Camera được thiết kế để chống thấm nước. Không tháo, tháo rời hoặc sửa đổi nó.
- Khi rửa ống kính camera, hãy xả một lượng lớn nước vào camera và sau đó lau sạch ống kính camera bằng khăn mềm và ẩm. Nếu cọ mạnh ống kính camera có thể sẽ làm xước ống kính camera và bạn có thể sẽ không còn nhìn rõ hình ảnh nữa.
- Vỏ camera được làm bằng nhựa. Không để các dung môi hữu cơ, sáp đánh bóng xe, nước rửa kính hoặc lớp phủ kính dính vào camera. Nếu tình trạng này xảy ra, hãy lau sạch nó ngay lập tức.
- Không đổ nước nóng lên xe khi trời lạnh hoặc làm cho nhiệt độ xe bị thay đổi quá nhanh.
- Nếu bạn rửa xe bằng máy rửa xe cao áp, không được hướng vòi rửa thẳng vào camera hoặc khu vực gắn camera. Áp lực nước quá mạnh có thể sẽ khiến camera bị trục trặc.

l Nếu camera bị va chạm, nó có thể sẽ làm hỏng camera. Nếu tình trạng này đã xảy ra, hãy đưa xe đến đại lý Toyota để kiểm tra xe càng sớm càng tốt.

Rửa sạch camera sau bằng nước rửa kính (xe có hệ thống rửa camera)

Bụi bẩn trên ống kính camera sau có thể được làm sạch bằng cách sử dụng máy rửa ống kính camera chuyên dụng. (→P.265)

- Khi vệ sinh camera, hình ảnh thu được từ camera có thể sẽ không rõ nét do nước rửa. Khi lùi xe, hãy kiểm tra phía sau xe và xung quanh xe bằng cách trực tiếp quan sát vào gương trước khi tiến hành.
- Nếu nước rửa kính vẫn còn đọng trên bề mặt ống kính camera sau khi rửa, thì hình ảnh thu được vào ban đêm có thể sẽ khó quan sát do chiều cao hoặc độ nghiêng của đèn

pha trên xe phía sau.

- Một số vết bẩn có thể sẽ không thể sạch hoàn toàn được sau khi rửa. Trong trường hợp đó, hãy rửa ống kính camera bằng một lượng nước lớn và sau đó lau sạch nó bằng một miếng vải mềm có khả năng thấm nước tốt.
- Nước rửa kính sẽ được phun trực tiếp lên bề mặt ống kính camera. Do đó, sẽ không thể loại bỏ được băng, tuyết... bám xung quanh camera.

CHÚ Ý

- Nếu vẫn còn nước rửa kính, nhưng nước không phun ra, thì kiểm tra xem các vòi phun nước có bị tắc hay không.
- Không vận hành công tắc điều khiển phun nước liên tục, nếu không bơm nước rửa kính có thể sẽ bị quá nhiệt.
- Khi vòi phun bị tắc, hãy liên hệ với Đại lý Toyota để yêu cầu sửa chữa. Không được thử thông vòi phun bằng đầu kim hoặc các vật khác. Nếu không, vòi phun sẽ bị hỏng.
- Một vài vết bẩn của vật thể lạ không thể làm sạch hoàn toàn được sau khi lau. Trong trường hợp này, hãy rửa bằng một lượng nước lớn và sau đó lau sạch camera bằng một miếng vải mềm có khả năng thấm nước tốt. Không chà mạnh vào ống kính camera, vì nó có thể sẽ bị trầy xước và không thể truyền hình ảnh một cách rõ nét.
- Nước rửa kính sẽ được phun trực tiếp lên bề mặt ống kính camera. Do đó, sẽ không thể loại bỏ được băng, tuyết... bám xung quanh camera.
- Sử dụng các loại dung dịch phù hợp với nhiệt độ bên ngoài để tránh cho nước rửa kính khỏi bị đóng băng.
- Khi rửa xe, không được phun trực tiếp nước có áp suất cao vào vòi phun. Do áp lực của nước áp suất cao có thể gây làm cho thiết bị không hoạt động bình thường được. Ngoài ra, nước có thể lọt vào lỗ phun của vòi và bị đóng băng. Nó có thể làm cho nước rửa kính không phun ra chính xác.
- Không được làm thay đổi đột ngột nhiệt độ cho vòi phun bằng cách đổ nước nóng vào vòi dưới thời tiết lạnh.
- Cần bổ sung nước rửa kính thường xuyên hơn khi bộ rửa camera phía sau được sử dụng thường xuyên. Vì bình chứa nước cùng dùng chung nước rửa kính chắn gió.
- Không gõ hoặc đập hoặc tác động mạnh vào camera, nếu không sẽ làm thay đổi vị trí và góc nghiêng của camera.
- Khi xe bị rung mạnh, có thể khó nhìn hình ảnh do giọt nước rửa kính phun ra từ vòi.
- Khi kích hoạt bộ rửa camera sau, nó cũng kích hoạt đồng thời bộ rửa kính sau.
- Khi rửa camera phía sau, có thể khó nhìn hình ảnh do có nước rửa kính. Trong trường hợp này, hãy kiểm tra xung quanh xe một cách trực tiếp.

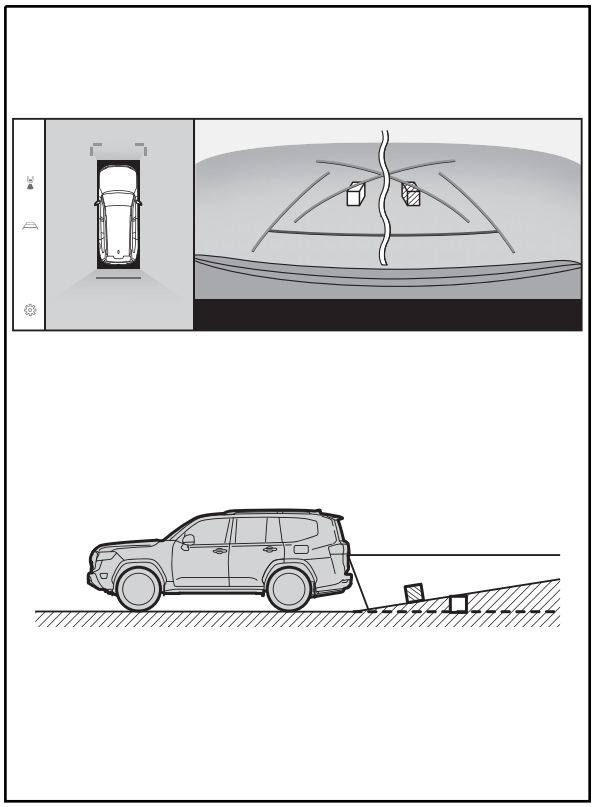
- Nếu nước rửa kính vẫn còn đọng trên bề mặt ống kính camera sau khi rửa, thì hình ảnh thu được vào ban đêm có thể sẽ khó quan sát do chiều cao hoặc độ nghiêng của đèn pha trên xe phía sau.

Sự khác biệt giữa màn hình và đường thực tế

Các hình ảnh tổng hợp trên màn hình theo dõi đa địa hình và các đường chỉ dẫn sẽ cung cấp các chỉ dẫn khoảng cách trên các bề mặt đường phẳng. Do đó, sẽ có một sai số nhất định giữa các đường chỉ dẫn trên màn hình và khoảng cách và quỹ đạo di chuyển thực tế trên đường.

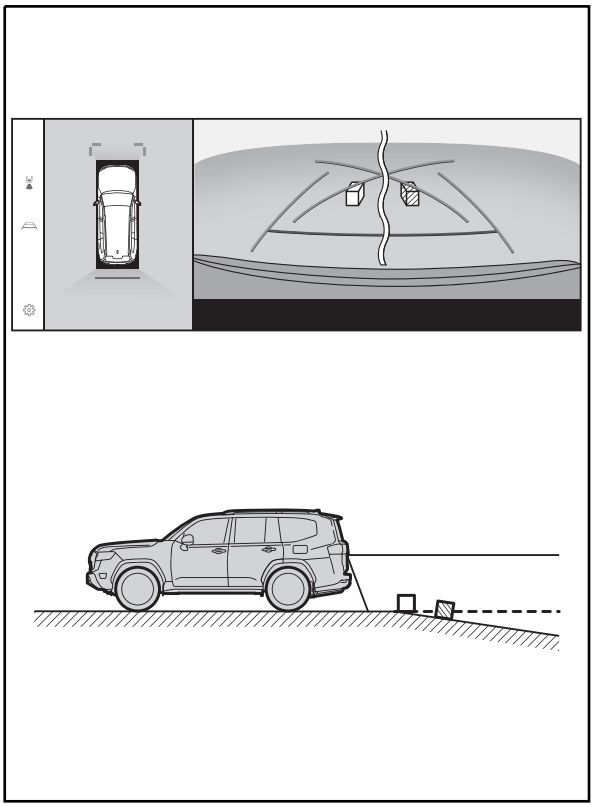
Khi mặt đường phía sau xe dốc lên

Các đường chỉ dẫn khoảng cách sẽ có vẻ như nằm gần với xe hơn so với khoảng cách thực tế. Do đó, các vật thể nằm trên đường dốc lên sẽ có vẻ sẽ nằm xa hơn so với thực tế. Cũng tương tự, sẽ có sai số giữa các đường chỉ dẫn với khoảng cách và đường di chuyển thực tế của xe trên đường.



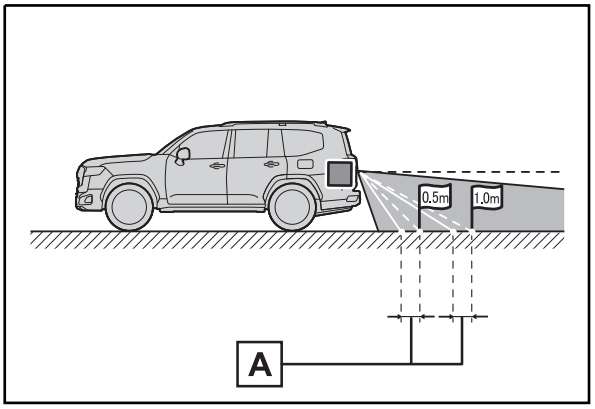
Khi mặt đường phía sau xe dốc xuống

Các đường chỉ dẫn khoảng cách được hiển thị xa hơn so với khoảng cách thực tế. Do đó, các vật thể sẽ hiển thị gần hơn so với thực tế. Lúc này, sẽ có sai số giữa đường chỉ dẫn và khoảng cách thực tế trên đường.



Khi một phần bất kỳ của xe bị lún xuống

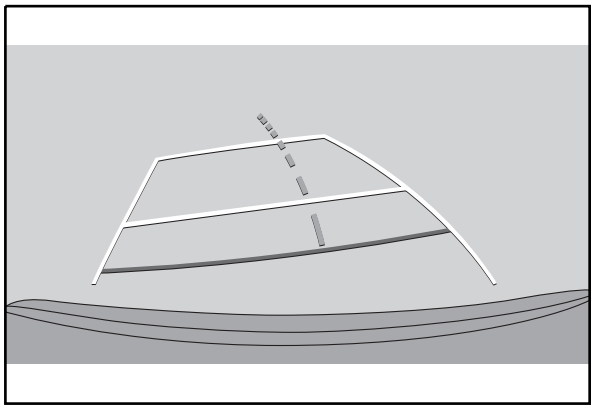
Khi có bất kỳ phần nào của xe bị thấp xuống do số lượng khách hàng hoặc phân bố tải trọng, thì sẽ có sai số giữa các đường chỉ dẫn trên màn hình với khoảng cách và quỹ đạo di chuyển thực tế của xe trên đường.



A Sai số

Đường tâm của đường đi dự kiến

Vì các đường chỉ dẫn được hiển thị nằm lơ lửng giữa không trung gần cản sau, nên đôi khi chúng có thể sẽ trông như bị lệch tâm.



Sự khác biệt giữa hình ảnh trên màn hình và các vật thể 3D thực tế

Vì các đường chỉ dẫn và hình ảnh trên màn hình được hiển thị cho một bề mặt phẳng nên sẽ không thể xác định được vị trí của các vật thể ba chiều. Khi tiến tới gần một vật thể ba chiều có hình dạng loe rộng ra bên ngoài (chẳng hạn như sàn phẳng của xe tải), hãy lưu ý tới những lưu ý sau.

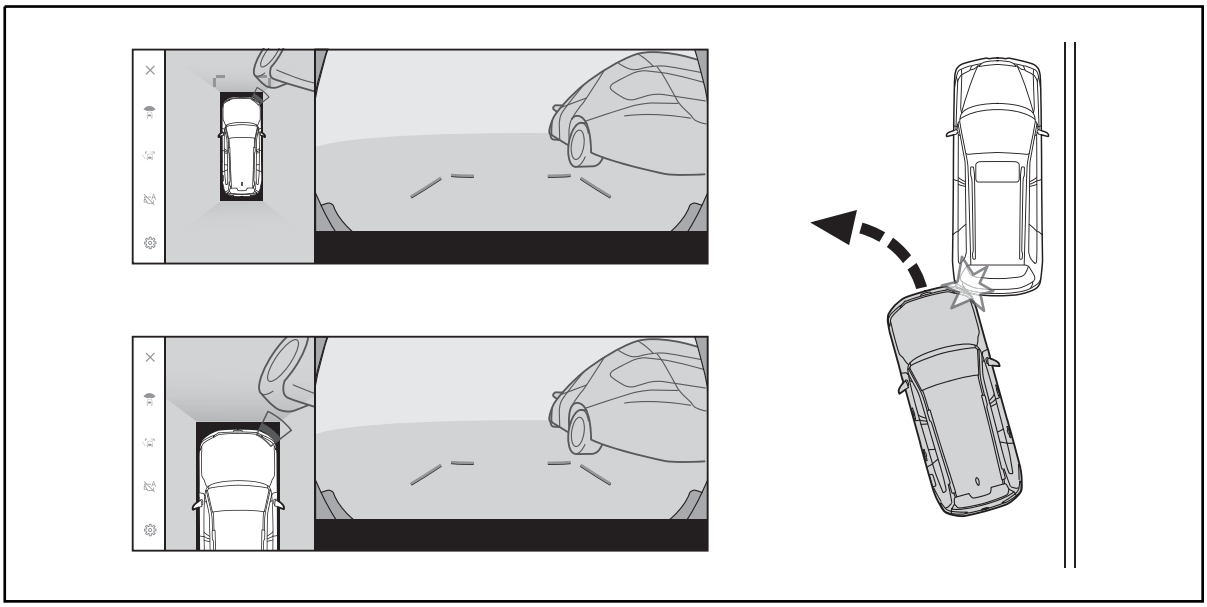
CẢNH BÁO

n **Màn hình pop-up của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota**

Khi màn hình của hệ thống hỗ trợ đỗ xe bằng hình ảnh có màu đỏ, hãy kiểm tra cẩn thận bằng cách trực quan trước khi lái xe. Đang có nguy cơ bị va chạm với xe khác hoặc bị tai nạn bất ngờ.

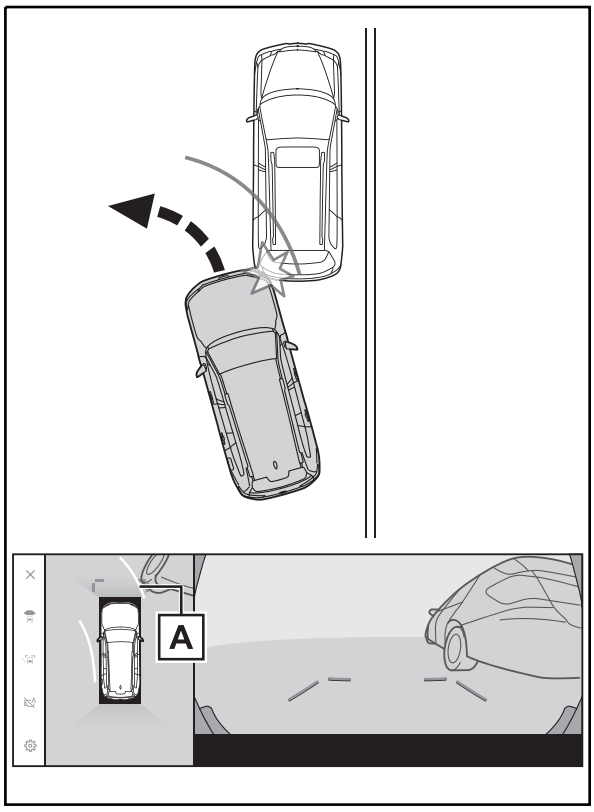
Hiển thị chế độ góc nhìn toàn cảnh (bao gồm cả màn hình phóng to)

Trên màn hình, có vẻ như vẫn có khoảng cách giữa cản xe và vật thể hoặc phương tiện khác, và dường như không có khả năng bị va chạm với vật thể hoặc phương tiện đó. Tuy nhiên, xe đã vượt quá các đường đi nên nó có thể sẽ va chạm với vật thể hoặc phương tiện đó. Hãy đảm bảo kiểm tra kỹ môi trường xung quanh bạn bằng cách quan sát một cách trực quan.



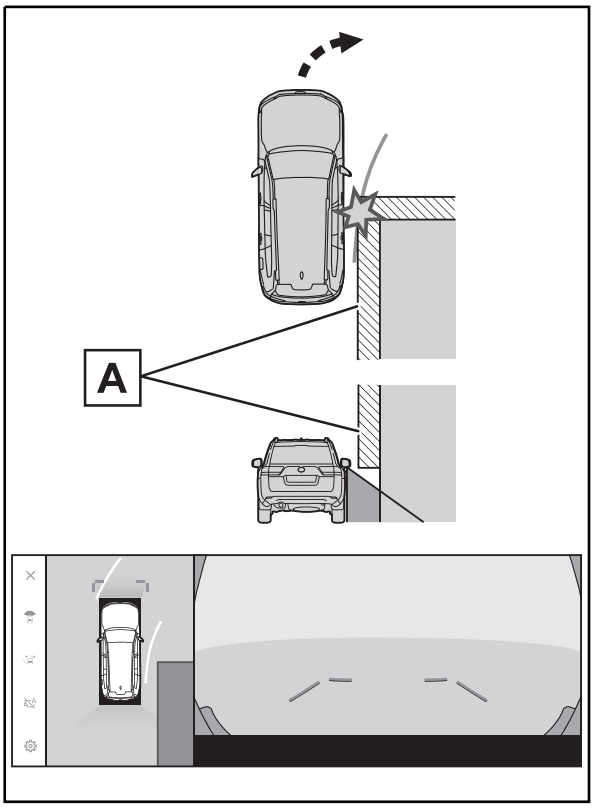
Đường đi dự kiến

- Trên màn hình, có vẻ như cản xe đã nằm ngoài các đường đi dự kiến và dường như xe sẽ không va chạm với vật thể hoặc phương tiện. Tuy nhiên, xe đã vượt quá các đường đi nên nó có thể sẽ va chạm với vật thể hoặc phương tiện đó. Hãy đảm bảo kiểm tra kỹ môi trường xung quanh bạn bằng cách quan sát một cách trực quan.



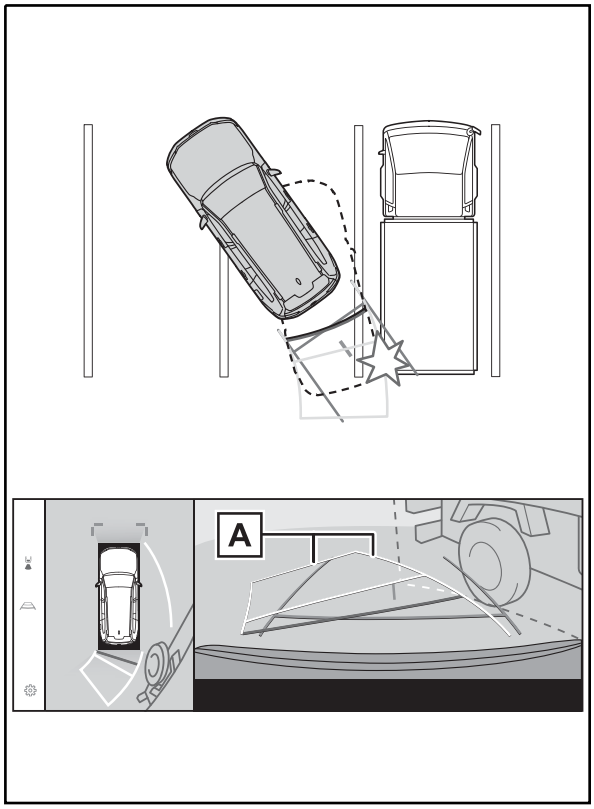
A Đường đi dự kiến

- Các vật thể ba chiều nằm ở vị trí cao (chẳng hạn như phần chìa ra của bức tường hoặc phần sàn chở hàng của xe tải) có thể sẽ không xuất hiện trên màn hình. Hãy đảm bảo kiểm tra kỹ môi trường xung quanh bạn bằng cách quan sát một cách trực quan.



A Phần nhô ra của một bức tường

- Trên màn hình, phần sàn của thùng xe tải có thể nằm ngoài các đường đi dự kiến và dường như xe sẽ không va chạm với xe tải. Tuy nhiên, trên thực thế phần sàn của thùng xe tải có thể đã trùng với các đường đi dự kiến và nếu bạn lùi theo chỉ dẫn của các đường đi dự kiến, xe có thể sẽ bị va chạm với xe tải. Hãy đảm bảo kiểm tra kỹ môi trường xung quanh bạn bằng cách quan sát một cách trực quan.

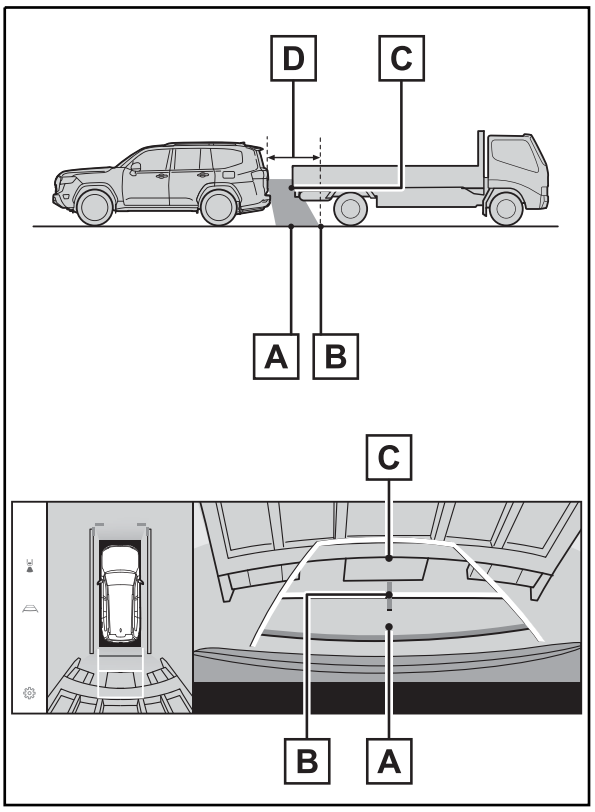


A Đường đi dự kiến

Các đường chỉ dẫn khoảng cách

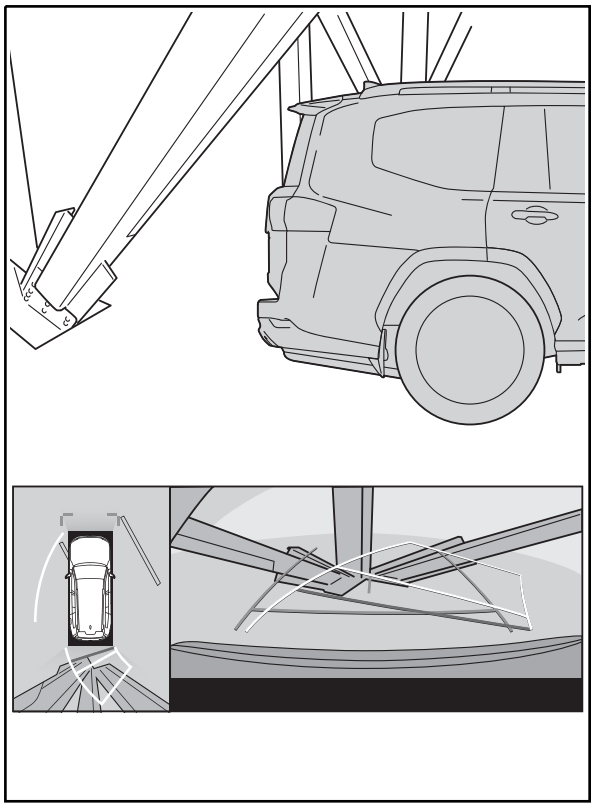
Trên màn hình, các đường chỉ dẫn khoảng cách cho thấy xe tải đang đỗ tại điểm B. Tuy nhiên, trong thực tế, nếu bạn lùi xe đến điểm A, xe bạn sẽ va chạm với xe tải. Trên màn hình, có vẻ như điểm A nằm gần hơn so với điểm B và điểm C. Tuy nhiên, trên thực tế, khoảng cách đến điểm A và điểm C là như nhau

và điểm B nằm xa hơn điểm A và điểm C. Hãy đảm bảo kiểm tra một cách trực quan môi trường phía sau và xung quanh xe bạn. Khoảng cách đến điểm D là khoảng 1 m (3 ft.).



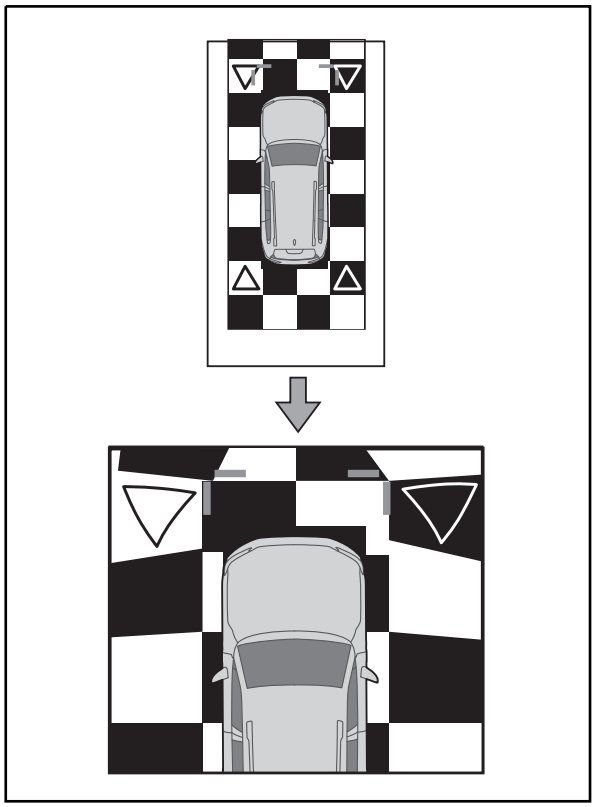
Phần chìa ra của dầm chéo

Ở góc nhìn toàn cảnh, một dầm chéo có thể sẽ xuất hiện thẳng và có vẻ như sẽ không có nguy cơ bị va chạm, tuy nhiên, vì phần trên của dầm thực tế nằm chìa ra nên xe có thể sẽ va chạm với nó. Chắc chắn phải kiểm tra một cách trực quan các khu vực phía sau và xung quanh.



Chức năng phóng to hình ảnh

Khác với chế độ góc nhìn toàn cảnh thông thường, chức năng phóng to màn hình quan sát góc nhìn toàn cảnh sẽ phóng to biểu tượng xe lên. Do đó, các vạch kẻ trên mặt đường, các bức tường và các vật thể khác có thể sẽ bị cong.



Màn hình quan sát mặt đường

Các đường dẫn chỉ báo vị trí lốp và vị trí xe có thể khác so với vị trí xe thực tế tùy theo số lượng hành khách, hành lý, cấp đường, điều kiện mặt đường, độ sáng của môi trường xung quanh, vv.... Luôn luôn lái xe cẩn thận đồng thời xác nhận an toàn xung quanh xe.

n Sử dụng màn hình quan sát mặt đường

l Các hình ảnh được hiển thị đã được chụp trước đó tại ở phía sau vị trí xe hiện tại.
Do đó, điều kiện thực tế có thể khác so với xuất hiện trên màn hình trong các trường hợp sau.

- Khi các điều kiện thay đổi như khi có một vật đã di chuyển ra hoặc vào khung sau khi đã lấy hình ảnh.
- Khi tuyết hoặc cát có thể bị vỡ vụn hoặc tan ra
- Khi vật thể đã di chuyển
- Khi có vũng nước, vũng bùn… nằm trong vùng hiển thị
- Khi xe bị trượt

l Trong các trường hợp sau, các vị trí lốp thực tế và vị trí xe sẽ khác so với các đường chỉ báo vị trí lốp và đường chỉ báo vị trí xe.

- Khi đã thay lốp
- Khi lắp thiết bị tùy chọn

⚠ CẢNH BÁO

n Các đường chỉ dẫn

Các đường chỉ dẫn được hiển thị trên hình ảnh được chụp trước đó và có thể khác so với tình trạng thực tế. Luôn lái đảm bảo an toàn xung quanh xe trong khi lái xe.

Những điều mà bạn nên biết

Nếu bạn cảm thấy có điều gì đó bất thường

Nếu bạn nhận thấy hoặc gặp các sự cố với các triệu chứng dưới đây, hãy kiểm tra lại vấn đề và tham khảo nguyên nhân có thể gây ra sự cố và giải pháp để xử lý.

Nếu triệu chứng vẫn tồn tại sau khi đã thử xử lý theo các hướng dẫn, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

Triệu chứng	Nguyên nhân	Giải pháp
Hình ảnh khó quan sát	• Xe đang ở trong khu vực tối hoặc đang vào ban đêm. • Nhiệt độ xung quanh ống kính quá cao hoặc quá thấp • Nhiệt độ bên ngoài xe thấp • Có nước đọng trên camera • Trời mưa hoặc ẩm ướt • Có các tạp chất (bùn, v.v.) bám vào camera • Ánh nắng mặt trời hoặc đèn pha chiếu trực tiếp vào camera • Khi sử dụng xe ở dưới ánh đèn huỳnh quang, đèn nat-tri hoặc đèn thủy ngân...	Hãy chú ý kiểm tra bằng cách quan sát một cách trực quan môi trường xung quanh xe khi bạn đang lái xe. Sử dụng lại Màn hình đa địa hình sau khi camera và điều kiện đã cải thiện. Quy trình điều chỉnh chất lượng hình ảnh cho hệ thống Màn hình đa địa hình giống với quy trình điều chỉnh màn hình. Hãy tham khảo "Hướng dẫn sử dụng đa phương tiện".
Hình ảnh bị mờ	Bụi bẩn hoặc tạp chất, chẳng hạn như nước, tuyết hoặc bùn, đã dính vào ống kính camera.	Hãy xả một lượng lớn nước vào camera và sau đó lau sạch ống kính camera bằng khăn mềm và ẩm. Camera phía sau (xe có bộ rửa camera): Bật bộ rửa camera và rửa sạch các kính camera. (→P.265)
Màn hình bị lệch	Camera đã bị va chạm mạnh.	Hãy kiểm tra xe ở Đại lý Toyota.
Các đường chỉ dẫn bị lệch đáng kể	Vị trí của camera bị lệch.	Hãy kiểm tra xe ở Đại lý Toyota.
	• Khi xe bị nghiêng (xe có tải nặng, áp suất lốp thấp do lốp bị xịt hơi …) • Xe đang trên dốc.	Hãy chú ý kiểm tra bằng cách quan sát một cách trực quan môi trường xung quanh xe khi bạn đang lái xe.

Triệu chứng	Nguyên nhân	Giải pháp
Đường đi dự kiến của xe dịch chuyển ngay cả khi giữ thẳng tay lái (đường chỉ dẫn bề rộng xe và đường đi dự kiến không thẳng hàng).	Có lỗi trong các tín hiệu đầu ra của cảm biến vô lăng.	Hãy kiểm tra xe ở Đại lý Toyota.
Các đường chỉ dẫn không được hiển thị	Cửa hậu mở.	Đóng cửa hậu. Nếu triệu chứng này chưa được giải quyết, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.
Không thể phóng to hình ảnh của góc nhìn toàn cảnh. Màn hình góc nhìn xuyên / Góc nhìn khi di chuyển, góc nhìn bên và góc nhìn khi vào cua không thể hiển thị.	Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota có thể bị hư hỏng hoặc bị dính bẩn.	Hãy tuân theo các quy trình hiệu chỉnh để khắc phục lỗi của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.342)
Nước rửa kính không phun ra. (Xe có hệ thống rửa camera)	Khi bình chứa nước rửa kính bị cạn.	Thay nước rửa kính.
	Khi một vòi phun bị tắc	Hãy kiểm tra xe ở Đại lý Toyota.
	Khi nước rửa kính bị đóng băng.	Sử dụng các loại dung dịch phù hợp với nhiệt độ bên ngoài.
	Cửa hậu mở.	Đóng cửa hậu lại.
	Nước rửa kính không đến được các đường ống dẫn nước do không hoạt động trong một thời gian dài.	Vận hành bộ rửa camera vài lần.

Triệu chứng	Nguyên nhân	Giải pháp
Khó quan sát hình ảnh của camera sau.	Các tạp chất (như nước, tuyết, bùn…) đọng trên ống kính camera.	Rửa sạch camera bằng một lượng nước lớn, rồi lau lại bằng một miếng giẻ mềm có thấm nước.
	Vật thể lạ (như băng, tuyết hay bùn) bám vào các chi tiết xung quang ống kính của camera.	Lấy vật thể lạ ra.

Thông tin về phần mềm mã nguồn mở/phần mềm miễn phí

About Free / Open-Source Software Information

This product includes the free / open-source software.
You can obtain the licensing information of the free / open-source software from the following URL.

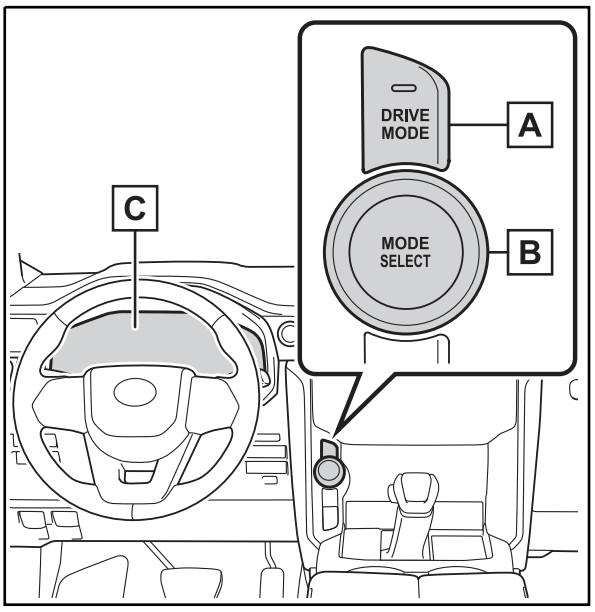
https://www.denso.com/global/en/opensource/svss/toyota/

Công tắc chọn chế độ lái xe*

*: Nếu có

Có thể chọn các chế độ lái xe phù hợp với điều kiện lái xe thực tế.

Các chi tiết của hệ thống



A Công tắc DRIVE MODE

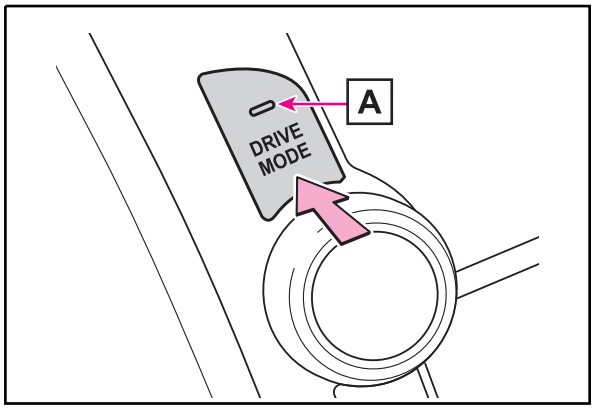
B Công tắc MODE SELECT

C Màn hình đa thông tin (→P.104, 114)

Chọn chế độ lái xe

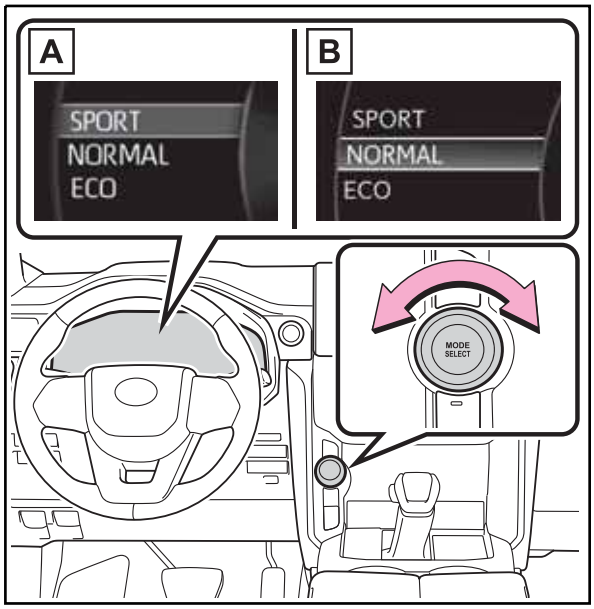
1 Ấn công tắc DRIVE MODE.

Đèn chỉ báo A trên công tắc sẽ sáng



2 Chọn các chế độ lái trên màn hình đa thông tin trong khi xoay nút MODE SELECT sang trái và sang phải.

▶ Xe không có hệ thống treo tùy chỉnh chế độ (AVS)



A Màn hình đa thông tin (màn hình 7-inch)

B Màn hình đa thông tin (màn hình 12.3-inch)

- Chế độ normal (bình thường)

Cung cấp mức cân bằng tối ưu của tính tiết kiệm nhiên liệu, độ êm và tính năng động lực học của xe. Phù hợp với chế độ lái xe trong thành phố.

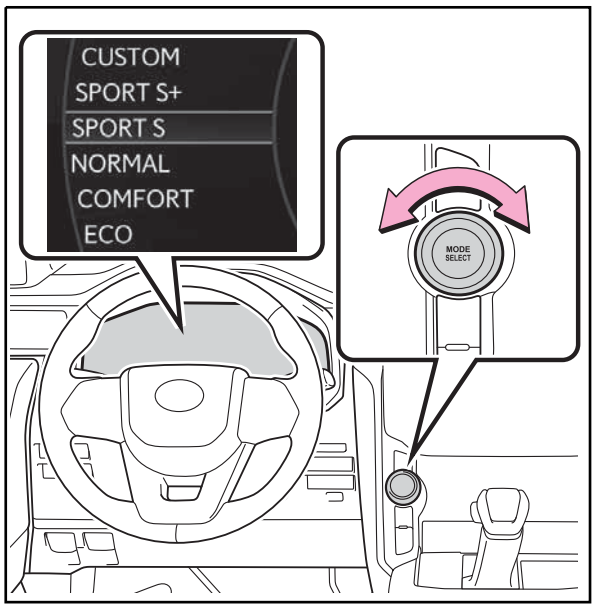
• Chế độ lái Eco

Giúp cho quá trình tăng tốc xe diễn ra phù hợp để giảm thiểu ô nhiễm môi trường và cải thiện mức tiêu hao nhiên liệu thông qua việc điều tiết hoạt động của bướm ga và điều khiển hoạt động của hệ thống điều hòa (sưởi ấm/làm mát). Đèn chỉ báo "ECO" sẽ sáng.

• Chế độ Sport (thể thao)

Hỗ trợ đáp ứng tăng tốc bằng cách điều khiển hộp số, động cơ và hệ thống lái. Phù hợp với việc xử lý điều khiển chính xác, ví dụ khi lái xe trên đường trên núi. Đèn chỉ báo "SPORT" sẽ sáng.

▶ Xe có hệ thống treo tùy chỉnh chế độ (AVS)



• Chế độ normal (bình thường)

Cung cấp mức cân bằng tối ưu của tính tiết kiệm nhiên liệu, độ êm và tính năng động lực học của xe. Phù hợp với chế độ lái xe trong thành phố.

• Chế độ Comfort

Bằng cách điều khiển hệ thống treo, cải thiện được độ thoải mái khi lái xe. Phù hợp khi lái xe trong thành phố. Đèn chỉ báo "COMFORT" sẽ sáng.

• Chế độ lái Eco

Giúp cho quá trình tăng tốc xe diễn ra phù hợp để giảm thiểu ô nhiễm môi trường và cải thiện mức tiêu hao nhiên liệu thông qua việc điều tiết hoạt động của bướm ga và điều khiển hoạt động của hệ thống điều hòa (sưởi ấm/làm mát). Đèn chỉ báo "ECO" sẽ sáng.

• Chế độ lái xe thể thao SPORT S

Hỗ trợ đáp ứng tăng tốc bằng cách điều khiển vô lăng và hộp số. Chế độ này phù hợp với trường hợp khi cần tăng ga mạnh. Đèn chỉ báo "SPORT S" sẽ sáng.

• Chế độ lái SPORT S+

Giúp đảm bảo khả năng điều khiển và tính ổn định của xe bằng cách điều khiển tích hợp vô lăng và hệ thống treo đồng thời với hộp số và động cơ, phù hợp với trường hợp lái xe thể thao. Đèn chỉ báo "SPORT S+" sẽ sáng.

• Chế độ custom (tùy chọn)

Cho phép bạn lái xe với các chức năng của hệ thống truyền lực, vô lăng, hệ thống treo và điều hòa không khí đã được đặt ở cài đặt mong muốn. Chỉ có thể thay đổi cài đặt chế độ Custom (tùy chọn) trên màn hình tùy chọn chế độ lái xe của màn hình hệ thống đa phương tiện. Đèn chỉ báo "CUSTOM" sáng.

n **Có thể sử dụng công tắc chọn chế độ lái xe khi**

Công tắc điều khiển bốn bánh chủ động ở vị trí H4.

n Sử dụng hệ thống điều hòa ở chế độ lái Eco

Chế độ lái Eco điều khiển vận hành sưởi ấm/làm mát và tốc độ quạt của hệ thống điều hòa không khí để nâng cao hiệu quả nhiên liệu. Để cải thiện tính năng hoạt động của điều hòa không khí, hãy thực hiện các hoạt động sau:

- Tắt chế độ điều hòa không khí Eco (→P.476)
- Điều chỉnh tốc độ quạt (→P.476)
- Tắt chế độ lái Eco (→P.436)

n Tự động hủy chế độ lái

Chế độ lái được kích hoạt lại và sẽ được thay đổi về chế độ bình thường trong các điều kiện sau đây:

- ▶ Khi chọn chế độ thể thao Sport*, chế độ SPORT S*, chế độ SPORT S+* hoặc chế độ tùy chọn*.
- Sau khi tắt công tắc động cơ, sau đó bật ON.
- Khi công tắc điều khiển bốn bánh chủ động ở vị trí L4.
- Khi bật chế độ đa địa hình*
- ▶ Khi chọn chế độ lái Eco hoặc chế độ Comfort*
- Khi công tắc điều khiển bốn bánh chủ động ở vị trí L4.
- Khi bật chế độ đa địa hình*

*: Nếu có

n Tùy chọn (Xe có hệ thống treo tùy chỉnh chế độ)

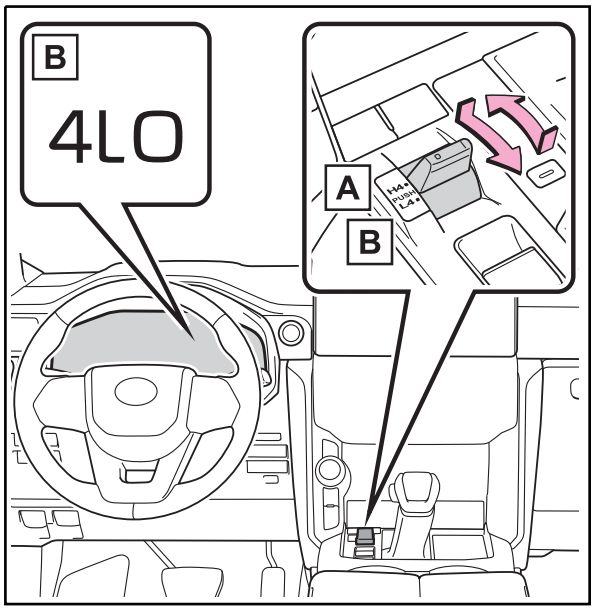
Có thể thay đổi chế độ tùy chọn.

(Tính năng tùy chọn: →P.687)

Hệ thống bốn bánh chủ động

Sử dụng công tắc điều khiển 4 bánh chủ động và công tắc khóa vi sai trung tâm để chọn chế độ hoạt động hộp số phụ và chế độ vi sai trung tâm.

Công tắc điều khiển bốn bánh chủ động



A H4 (vị trí tốc độ cao)

Dùng để lái xe bình thường trên tất cả các loại đường.

B L4 (vị trí tốc độ thấp)

Khi cần công suất và lực kéo tối đa như khi leo núi hoặc lái xe xuống dốc đứng, lái xe trên địa hình phức tạp và khi lái xe qua cát, bùn…

Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ sáng lên.

Chuyển giữa chế độ H4 và L4

n Chuyển từ chế độ H4 sang L4

1 Hãy dừng hẳn xe lại.

2 Chuyển cần số sang vị trí N.

3 Đẩy và chuyển công tắc điều khiển bốn bánh chủ động đến chế độ L4.

Hãy duy trì trạng thái này cho đến khi chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp bật.

n Chuyển từ chế độ L4 sang H4

1 Hãy dừng hẳn xe lại.

2 Chuyển cần số sang vị trí N.

3 Đẩy và chuyển công tắc điều khiển bốn bánh chủ động đến chế độ H4.

Duy trì điều kiện này cho đến khi chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp tắt đi.

Công tắc báo khóa vi sai trung tâm

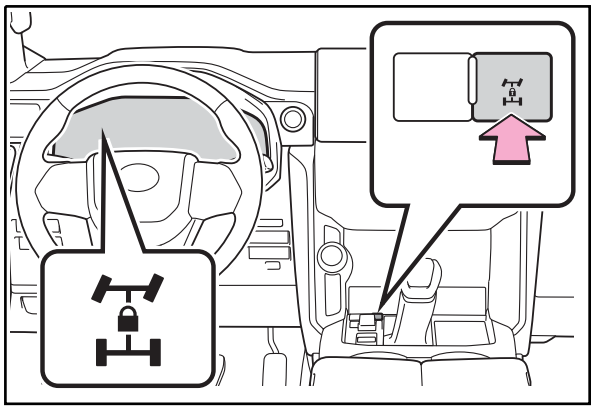
Hãy khóa vi sai trung tâm khi bánh xe bị kẹt trong rãnh hoặc khi lái xe trên đường trơn trượt hoặc mấp mô.

Ấn công tắc để bật/tắt hệ thống.

Đèn chỉ báo khóa vi sai trung tâm sẽ sáng lên.

Để mở khóa vi sai trung tâm, hãy ấn công tắc này một lần nữa.

Hãy mở khóa vi sai trung tâm sau khi đã thoát ra khỏi các tình trạng trên hoặc sau khi lái xe trên đường phẳng và không trơn trượt.



n Công tắc điều khiển 4 bánh chủ động có thể hoạt động khi

- Công tắc động cơ ở ON.
- Khi cần số ở vị trí N.
- Xe đã dừng hẳn lại.

n Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp

Đèn chỉ báo sẽ nháy khi chuyển giữa chế độ "H4" và "L4".

n Lời khuyên khi lái xe trên đường trơn trượt

- Nếu bạn chuyển công tắc điều khiển bốn bánh chủ động đến L4 và chuyển cần số đến số 2 của dải M (Chế độ M của hộp số tự động) hoặc số 2 của dải S (chế độ S của hộp số tự động) trong khi lái xe trên khu vực địa hình dốc, có thể điều khiển hiệu quả đầu ra của hệ thống phanh bằng TRC chủ động, nó hỗ trợ cho người lái để điều khiển lực truyền động của 4 bánh.
- Sử dụng số 1 của dải M (Chế độ M của hộp số tự động) hoặc số 1 của dải S (chế độ S của hộp số tự động) của cần số để có được lực kéo và công suất tối đa khi bánh xe đang bị kẹt hoặc khi lái xe xuống dốc đứng.

n Đèn chỉ báo khóa vi sai trung tâm

Các đèn chỉ báo nháy khi khóa/mở khóa vi sai trung tâm.

n Có thể sử dụng công tắc khóa vi sai trung tâm khi

- Công tắc động cơ ở ON.
- Khi tốc độ xe nhỏ hơn 100 km/h.

n Khóa/mở khóa vi sai trung tâm

l Khi công tắc điều khiển 4 bánh chủ động đang ở chế độ L4, với vi sai trung tâm đang khóa, hệ thống VSC sẽ tự động tắt. (Đèn chỉ báo khóa vi sai trung tâm và đèn chỉ báo OFF hệ thống VSC sẽ sáng lên.)

l Nếu thao tác chưa được hoàn thành, chỉ báo khóa vi sai trung tâm sẽ nháy. Nếu chỉ báo không tắt đi khi mở khóa vi sai trung tâm, hãy tăng tốc hoặc giảm tốc trong khi giữ thẳng lái hoặc lùi xe.

l Xe có hệ thống điều khiển chạy tự động: Nếu quá trình khóa/mở khóa vi sai trung tâm không được hoàn thành trong vòng 5 giây trong khi hệ thống điều khiển chạy tự động đang bật, hãy vô hiệu hóa hệ thống điều khiển chạy tự động.

n Nếu đèn chỉ báo 4 bánh chủ động tốc độ thấp hoặc đèn chỉ báo vi sai trung tâm nháy

l Nếu đèn chỉ báo 4 bánh chủ động tốc độ thấp tiếp tục nháy khi sử dụng công tắc điều khiển 4 bánh chủ động, hãy dừng hẳn xe lại, chuyển cần số tới vị trí N và bật lại công tắc một lần nữa.

l Nếu chuyển cần số trước khi bật/tắt chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp, thì chế độ hộp số phụ sẽ chưa được chuyển hoàn toàn. Khi đó chế độ hộp số phụ sẽ ngắt cả bán trục trước và sau khỏi hệ thống truyền lực và dẫn đến xe có thể bị di chuyển với bất kể vị trí nào của cần số. (Lúc này, đèn chỉ báo nhấp nháy và chuông cảnh báo kêu.)

Vì vậy, xe sẽ tự lăn kể cả khi hộp số tự động đang ở vị trí "P". Bạn có thể bị chấn thương nghiêm trọng. Bạn phải chuyển hoàn toàn chế độ hộp số phụ.

Để hoàn thành việc chuyển số, hãy dừng hẳn xe lại, trả cần số về vị trí N và xác nhận rằng việc chuyển số đã hoàn thành (chỉ đèn chỉ báo bật/tắt).

l Nếu nhiệt độ nước làm mát động cơ quá thấp, hệ thống điều khiển 4 bánh chủ động có thể sẽ không chuyển số được. Khi động cơ đã được hâm nóng, hãy thao tác lại.

Nếu đèn chỉ báo bốn bánh chủ động tốc độ thấp hoặc đèn chỉ báo khóa vi sai trung tâm tiếp tục nhấp nháy ngay sau khi thực hiện các thao tác trên, có thể có lỗi trong động cơ, hệ thống phanh hoặc hệ thống bốn bánh chủ động. Trong trường hợp này, bạn có thể không chuyển được cần số giữa chế độ H4 và L4, và khóa vi sai trung tâm có thể không hoạt động. Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra giúp bạn.

n Khi lái xe lội nước

l Ngay cả các phương tiện dẫn động bốn bánh cũng không được trang bị hoàn toàn để lái xe qua nước. Hãy đảm bảo tuân thủ những điều sau đây khi không thể tránh khỏi việc băng qua sông hoặc suối.

- Trước tiên hãy kiểm tra độ sâu của nước và địa hình của nền suối trước khi lái xe qua nước.
- Lái xe ở tốc độ rất chậm (5 km/h trở xuống) khi đi vào sông suối
- Lái xe theo hướng vuông góc (góc 90 độ) hoặc xuôi dòng sông hoặc suối
- Tránh thao tác chuyển số trong khi lội qua và hoàn toàn băng qua sông hoặc suối trong một lần

l Hãy chắc chắn luôn kiểm tra và thực hiện các bảo dưỡng sau khi lái xe qua nước, bao gồm cả khi đi qua sông hoặc suối.

- Hiệu quả phanh
- Thay đổi mức và chất lượng dầu động cơ, dầu hộp số, dầu truyền động và dầu vi sai (Hình thức đục cho thấy sự xâm nhập của nước, điều này yêu cầu thay dầu)
- Tình trạng bôi trơn kém của trục cánh quạt, vòng bi hoặc khớp nối

CẢNH BÁO

n **Trong khi lái xe**

Không chuyển công tắc điều khiển bốn bánh chủ động khi các bánh xe đang không bám đường. Nếu không có thể gây tai nạn, dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Khi đỗ xe**

Nếu chuyển cần số trước khi bật/tắt chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp, thì chế độ hộp số phụ sẽ chưa được chuyển hoàn toàn. Khi đó chế độ hộp số phụ sẽ ngắt cả bán trục trước và sau khỏi hệ thống truyền lực và dẫn đến xe có thể bị di chuyển với bất kể vị trí nào của cần số. (Lúc này, đèn chỉ báo nhấp nháy và chuông cảnh báo kêu.)

Vì vậy, xe sẽ tự lăn kể cả khi hộp số tự động đang ở vị trí "P". Bạn có thể bị chấn thương nghiêm trọng. Bạn phải chuyển hoàn toàn chế độ hộp số phụ.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng vi sai trung tâm**

- Khi lái xe bình thường trên mặt đường cứng và khô ráo, hãy mở khóa vi sai trung tâm.
- Hãy mở khóa cho vi sai trung tâm sau khi đã thoát ra khỏi sa lầy hoặc sau khi lái xe qua đường mấp mô hoặc trơn trượt.
- Không được ấn vào công tắc khóa vi sai trung tâm khi xe đang chuyển động hoặc khi các bánh xe của nó đang quay trơn trên mặt đất.

Hệ thống khóa vi sai trước*

*: Nếu có

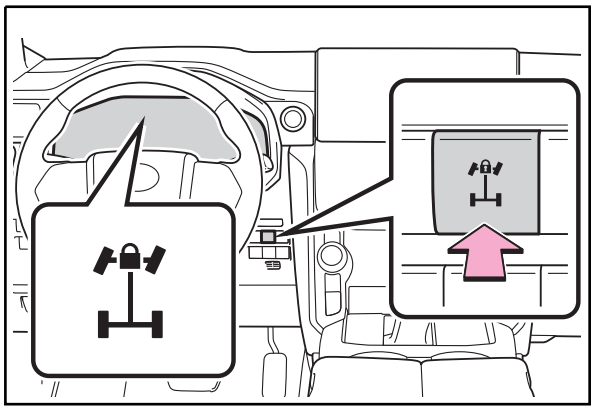
Chỉ sử dụng hệ thống khóa vi sai trước khi bánh xe bị quay trơn do bị sa vào rãnh hoặc trên mặt đường trơn trượt hay nhấp nhô. Hệ thống này sẽ phát huy tác dụng khi một trong các bánh trước đang bị quay tròn.

Công tắc khóa vi sai trước

Ấn công tắc để bật/tắt hệ thống.

Tại thời điểm này, đèn chỉ báo khóa vi sai trước và đèn chỉ báo trong hiển thị khóa/mở khóa vi sai sẽ nháy. Hãy đợi vài giây để hệ thống hoạt động hoàn toàn. Sau khi bộ vi sai trước được khóa, các đèn chỉ báo sẽ ngừng nháy và sáng.

Để mở khóa vi sai trước, hãy ấn công tắc này một lần nữa.



n **Lời khuyên khi sử dụng**

Trước hết hãy xoay công tắc điều khiển 4 bánh chủ động đến L4 với bộ sai trung tâm đang được khóa để kiểm tra xem xe có thể di chuyển về phía trước hay không. Nếu vẫn không hoạt động được, hãy tiếp tục sử dụng

thêm hệ thống khóa vi sai trước.

- Hãy đảm bảo rằng trước khi khóa vi sai, xe đã dừng hẳn lại.
- Hãy mở khóa vi sai ngay sau khi xe thoát khỏi sa lầy.

n Mở khóa cho bộ vi sai trước

Nếu đèn chỉ báo khóa bộ vi sai trước vẫn nháy kể cả sau khi đã mở khóa bộ vi sai trước, hãy kiểm tra xung quanh để đảm bảo an toàn rồi đánh lái nhẹ một trong 2 phía khi xe đang chạy.

n Tính năng mở khóa tự động

Vi sai trước cũng sẽ mở khóa nếu bạn xoay công tắc điều khiển bốn bánh chủ động đến vị trí "H4" hoặc mở khóa vi sai trung tâm.

n Sau khi mở khóa bộ vi sai phía trước

Kiểm tra rằng đèn chỉ báo tắt.

n Đèn chỉ báo khóa vi sai trước và đèn chỉ báo trong hiển thị khóa/mở khóa vi sai

- Các đèn chỉ báo nháy trong khi đang khóa/mở khóa bộ vi sai trước.
- Nếu các đèn chỉ báo vẫn nháy khi bạn vận hành công tắc khóa bộ vi sai trước, hãy kiểm tra xung quanh để đảm bảo an toàn rồi đánh lái một trong 2 phía khi xe đang chạy.

Nếu đèn chỉ báo tiếp tục nháy kể cả khi đã thực hiện như trên, hãy mang xe đến kiểm tra tại đại lý Toyota càng sớm càng tốt. Có trục trặc trong hệ thống bốn bánh chủ động.

n Khóa cho bộ vi sai trước

Những hệ thống sau sẽ không hoạt động khi bộ vi sai trước bị khóa.

- ABS chế độ đa địa hình
- Hệ thống hỗ trợ phanh
- Hệ thống điều khiển ổn định xe (VSC)
- Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc (nếu có)
- Chức năng Hỗ trợ lái (nếu có)
- TRC chủ động*

*: Khi bộ vi sai trước và bộ vi sai sau được khóa

⚠ CẢNH BÁO

n Khi sử dụng hệ thống khóa vi sai trước

Nếu không tuân thủ theo các lưu ý sau thì có thể sẽ gây ra tai nạn.

- Không được khóa bộ vi sai trước trong các điều kiện khác trình bày ở trên.
- Không được khóa vi sai trước cho đến khi các bánh xe ngừng quay.
- Không lái xe với tốc độ vượt quá 8 km/h khi đang khóa vi sai.
- Sau khi mở khóa bộ vi sai trước, tắt ngay công tắc và không được tiếp tục lái xe khi công tắc đang bật.

Hệ thống khóa vi sai sau*

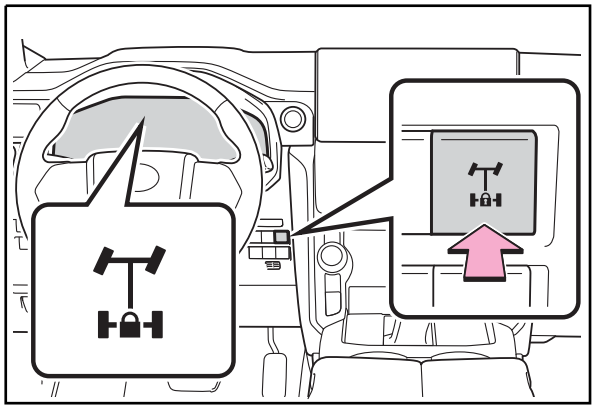
*: Nếu có

Chỉ sử dụng hệ thống khóa vi sai sau khi bánh xe bị quay tròn do sa vào rãnh hoặc lái xe trên đường gồ ghề, trơn trượt. Hệ thống khóa vi sai sau sẽ rất có hiệu quả khi một trong hai bánh sau bị quay tròn.

Công tắc khóa vi sai sau

Ấn công tắc để bật/tắt hệ thống.

Tại thời điểm này, đèn chỉ báo khóa vi sai sau và đèn chỉ báo trong hiển thị khóa/mở khóa vi sai sẽ nháy. Hãy đợi vài giây để hệ thống hoạt động hoàn toàn. Sau khi bộ vi sai sau được khóa, các đèn chỉ báo sẽ ngừng nháy và sáng.
Để mở khóa vi sai sau, ấn công tắc một lần nữa.



n Lời khuyên khi sử dụng

Trước hết hãy xoay công tắc điều khiển bốn bánh chủ động đến "L4" với vi sai trung tâm đang được khóa để kiểm tra xe có thể di chuyển về phía trước. Nếu vẫn không được, hãy sử dụng thêm hệ thống khóa vi sai sau.

- Hãy đảm bảo rằng trước khi khóa vi sai, xe đã dừng hẳn lại.
- Hãy mở khóa vi sai ngay sau khi xe thoát khỏi sa lầy.

n Mở khóa cho cụm vi sai sau

Nếu đèn chỉ báo khóa vi sai sau vẫn nháy kể cả sau khi đã mở khóa cụm vi sai sau, hãy kiểm tra xung quanh để đảm bảo an toàn rồi đánh lái nhẹ sang cả 2 phía trong khi xe đang chạy.

n Tính năng mở khóa tự động

Vi sai sau cũng sẽ mở khóa nếu bạn xoay công tắc điều khiển bốn bánh chủ động tới vị trí “H4” hoặc mở khóa vi sai trung tâm.

n Sau khi mở khóa vi sai sau

Kiểm tra rằng đèn chỉ báo tắt.

n Đèn chỉ báo khóa vi sai sau và đèn chỉ báo trong hiển thị khóa/mở khóa vi sai

- Các đèn chỉ báo nháy đồng thời khóa/mở khóa vi sai sau.
- Nếu các đèn chỉ báo tiếp tục nháy khi bạn vận hành công tắc khóa bộ vi sai sau, hãy kiểm tra xung quanh để đảm bảo an toàn rồi đánh lái một trong 2 phía khi xe đang chạy.

Nếu đèn chỉ báo tiếp tục nháy kể cả khi đã thực hiện như trên, hãy mang xe đến kiểm tra tại đại lý Toyota càng sớm càng tốt. Có trục trặc trong hệ thống bốn bánh chủ động.

n Khóa vi sai sau

Những hệ thống sau sẽ không hoạt động khi khóa vi sai sau.

- ABS chế độ đa địa hình
- Hệ thống hỗ trợ phanh
- Hệ thống điều khiển ổn định xe (VSC)
- Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc (nếu có)
- Chức năng Hỗ trợ lái (nếu có)
- TRC chủ động*

*: Khi bộ vi sai trước và bộ vi sai sau được khóa (nếu có)

CẢNH BÁO

n **Khi sử dụng hệ thống khóa vi sai sau**

Nếu không tuân thủ theo các lưu ý sau thì có thể sẽ gây ra tai nạn.

- Không sử dụng khóa vi sau sau trừ các trường hợp kể trên.
- Không khóa vi sai sau khi các bánh xe chưa dừng lại hẳn.
- Không lái xe với tốc độ vượt quá 8 km/h khi đang khóa vi sai.
- Sau khi mở khóa bộ vi sai trước, tắt ngay công tắc và không được tiếp tục lái xe khi công tắc đang bật.

Điều khiển bò xe (với chức năng hỗ trợ vào cua)*

*: Nếu có

Cho phép bạn lái xe trên địa hình cực kỳ hiểm trở ở tốc độ thấp cố định mà không cần điều khiển bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga. Chức năng này giúp làm giảm tối đa khả năng bị mất lực bám hoặc trượt xe khi lái xe trên đường trơn trượt, cho phép bạn lái xe ổn định.

CẢNH BÁO

n **Khi sử dụng điều khiển bò xe (với chức năng hỗ trợ vào cua)**

Không quá phụ thuộc vào chức năng điều khiển bò xe (với chức năng hỗ trợ lái). Chức năng này không khống chế được giới hạn tính năng hoạt động của xe. Luộn quan sát kỹ các điều kiện đường sá và thực hiện lái xe an toàn.

n **Những điều kiện này có thể sẽ làm cho hệ thống hoạt động không chính xác**

Khi lái xe trên các điều kiện sau, hệ thống có thể sẽ không thể duy trì tốc độ thấp cố định được, và có thể gây ra tai nạn:

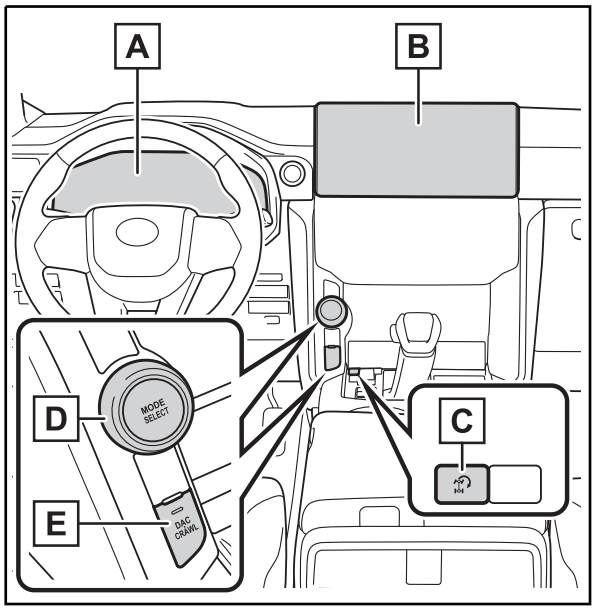
- Khi lái xe trên đường quá dốc.
- Khi lái xe trên bề mặt không bằng phẳng
- Khi lái xe trên đường tuyết phủ hoặc lái xe trên đường trơn trượt.

CHÚ Ý

n **Khi sử dụng chức năng hỗ trợ vào cua**

Chức năng hỗ trợ vào cua là chức năng hỗ trợ điều khiển vô lăng khi lái xe trên trên địa hình phức tạp. Chức năng này sẽ kém hiệu quả hơn khi lái xe trên đường thường.

Các chi tiết của hệ thống



A Đồng hồ táp lô (→P.89)

B Màn hình đa phương tiện (→P.519)

C Công tắc hỗ trợ lái

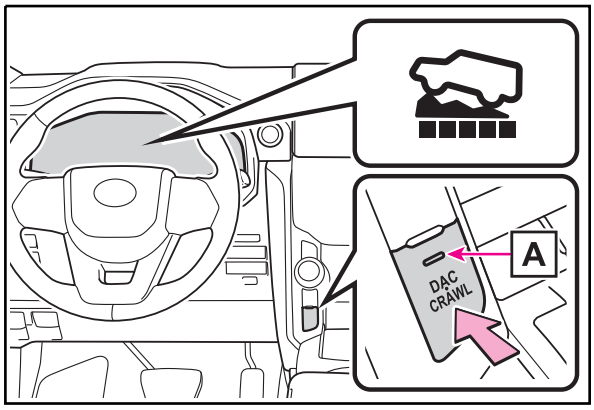
D Công tắc MODE SELECT

E Công tắc DAC/CRAWL

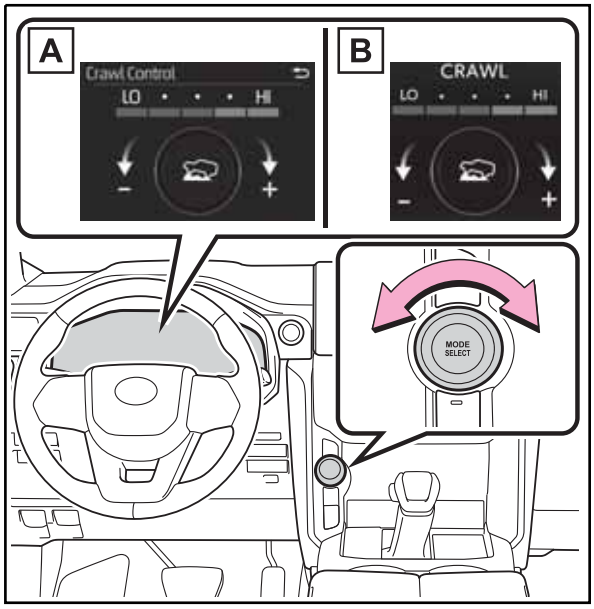
Bật chức năng điều khiển bò xe

1 Ấn công tắc DAC/CRAWL.

Đèn chỉ báo A và đèn chỉ báo điều khiển bò xe trên màn hình đa thông tin sẽ bật, và đèn chỉ báo trượt sẽ nháy.



2 Bật công tắc MODE SELECT sang trái hoặc sang phải để chọn chế độ trên màn hình đa thông tin.

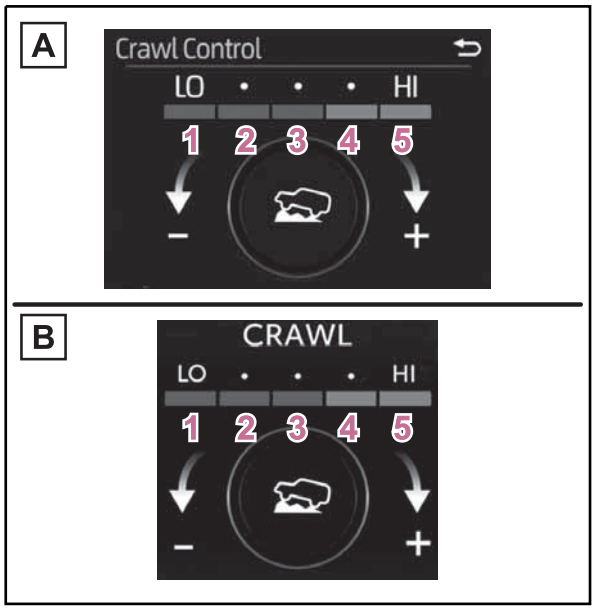


A Màn hình đa thông tin (màn hình 7-inch)

B Màn hình đa thông tin (màn hình 12.3-inch)

Các chế độ có thể chọn

Có thể chọn được một chế độ trong 5 chế độ sau đây để phù hợp với các điều kiện đường sá.



A Màn hình đa thông tin (màn hình 7-inch)

B Màn hình đa thông tin (màn hình 12.3-inch)

1 Lo

Phù hợp với đường đá hoặc nghiêng

2 Lo-Mid

Phù hợp với đường đá hoặc nghiêng hoặc dốc mấp mô

3 Trung bình

Phù hợp với đường dốc gập ghềnh

4 Mid-Hi

Phù hợp với đường dốc gập ghềnh, đường có nhiều mảnh vụn, có tuyết phủ, lầy lội, đường sỏi và đường nhiều cỏ

5 Hi

Phù hợp với đường dốc gập ghềnh, đường có nhiều mảnh vụn, có tuyết phủ, lầy lội, đường sỏi và đường nhiều cỏ

Tắt chức năng điều khiển bò xe

▶ Khi đèn chỉ báo công tắc DAC/CRAWL sáng

Ấn công tắc DAC/CRAWL một lần nữa.

▶ Khi đèn chỉ báo công tắc DAC/CRAWL không sáng.

Ấn công tắc DAC/CRAWL để bật đèn chỉ báo. Ấn công tắc DAC/CRAWL một lần nữa khi đèn chỉ báo đang sáng.

Khi chức năng điều khiển bò xe được tắt, đèn chỉ báo chức năng bò xe, đèn chỉ báo trượt và đèn chỉ báo hỗ trợ vào cua sẽ tắt (nếu đang sử dụng chức năng hỗ trợ vào cua), và một thông điệp chỉ ra rằng hệ thống điều khiển bò xe đã tắt sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin trong vài giây.

Tắt chức năng điều khiển bò xe khi đang lái, hãy lái xe đặc biệt cẩn thận.

n Các điều kiện hoạt động của chức năng điều khiển bò xe

- Khi động cơ đang chạy.
- Cần chuyển số ở ngoài vị trí P hoặc N.
- Khi công tắc điều khiển bốn bánh chủ động đang ở vị trí L4.
- Cửa người lái đã đóng.

n Hủy tự động chế độ điều khiển bò xe

Trong các trường hợp sau, chuông sẽ kêu gián đoạn và hệ thống điều khiển bò xe sẽ tự động bị hủy. Trong trường hợp đó, đèn chỉ báo của hệ thống điều khiển bò xe sẽ nháy và sau đó tắt đi, đèn chỉ báo hỗ trợ vào cua sẽ tắt đi (nếu đang sử dụng chức năng hỗ trợ vào cua), và một thông báo chỉ

ra rằng hệ thống điều khiển bò xe qua địa hình phức tạp đã tắt sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin trong vài giây.

- Khi chuyển cần số tới vị trí P hoặc N.
- Khi công tắc điều khiển bốn bánh chủ động ở vị trí H4.
- Khi cửa người lái mở

Sự giới hạn của chức năng điều khiển bò xe

- Trong các điều kiện sau, hệ thống sẽ điều khiển phanh để lái xe xuống dốc ở tốc độ cố định. Tuy nhiên, điều khiển động cơ sẽ không khả dụng khi chạy xe xe lên dốc ở tốc độ cố định.
  - Khi chuyển sang chế độ khởi hành từ số hai.
  - Khi tốc độ xe vượt quá 10 km/h.
- Trong các trường hợp sau, hệ thống sẽ tạm thời ngừng điều khiển phanh và động cơ. Trong trường hợp này, chỉ báo điều khiển bò xe sẽ nháy.
  - Với bộ vi sai phía sau đang được khóa*: Khi tốc độ xe vượt quá 10 km/h.
  - Với bộ vi sai phía sau đang được mở khóa*: Khi tốc độ xe vượt quá 25 km/h.

*: Nếu có

Khi hệ thống điều khiển bò xe hoạt động liên tục

- Nếu sử dụng chức năng điều khiển bò xe liên tục trong thời gian dài, hệ thống phanh có thể bị quá nhiệt. Trong trường hợp này, một chuông báo sẽ kêu, một thông điệp chỉ ra một sự cố sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin, và chỉ báo của chức năng điều khiển bò xe sẽ nhấp nháy và sau đó tắt. Trong trường hợp này, do chức năng điều khiển bò xe sẽ tạm thời không hoạt động, hãy dừng xe ngay lập tức ở một vị trí an toàn và để hệ thống phanh nguội đủ cho đến khi thông điệp tắt đi. (Trong thời gian này, vẫn có thể lái xe bình thường.)
- Nếu sử dụng chức năng điều khiển bò xe liên tục trong thời gian dài, hộp số tự động có thể bị quá nóng. Trong trường hợp này, một chuông báo sẽ kêu, hệ thống sẽ bị tạm thời hủy bỏ, và một thông điệp chỉ ra có hư hỏng có thể được hiển thị trên màn hình đa thông tin. Trong sự kiện này, hãy dừng xe ở một vị trí an toàn cho đến khi thông điệp biến mất.

Rung và ồn gây ra bởi hệ thống điều khiển bò xe

- Bạn có thể sẽ nghe thấy tiếng động phát ra từ khoang động cơ khi khởi động động cơ hoặc ngay sau khi xe bắt đầu khởi hành. Những tiếng động đó không có nghĩa là có trục trặc trong hệ thống điều khiển bò xe.
- Một trong những điều kiện sau có thể sẽ xuất hiện khi sử dụng hệ thống điều khiển bò xe. Chúng không phải là các dấu hiệu hư hỏng của hệ thống.
  - Thân xe và tay lái có thể bị rung.
  - Có thể nghe thấy tiếng mô tơ phát ra sau khi dừng xe.

Khi hệ thống bị trục trặc

Đèn cảnh báo hoặc/và thông điệp cảnh báo sẽ sáng lên. (→P.607, 612)

Chức năng hỗ trợ vào cua

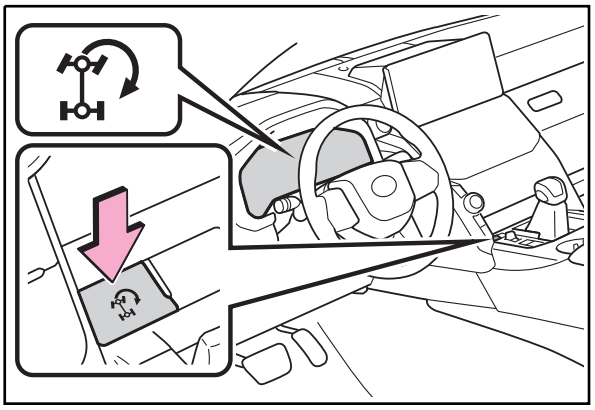
Chức năng này hỗ trợ tính năng vào cua theo hoạt động điều khiển vô lăng khi lái xe qua góc cua hẹp. Nó duy trì tốc độ của xe trong khi lái xe và thực hiện điều khiển để cải thiện tính năng vào cua theo hoạt động điều khiển vô lăng của người lái, để giảm được số lần đánh lái.

Bật chức năng hỗ trợ vào cua

Ấn nút hỗ trợ vào cua trong khi hệ thống điều khiển bò xe đang hoạt động.

Đèn chỉ báo hỗ trợ vào cua sẽ sáng lên.

Để tắt hệ thống, hãy ấn công tắc một lần nữa.



Tắt chức năng hỗ trợ vào cua

Hãy ấn công tắc của hệ thống hỗ trợ vào cua trong khi chức năng hỗ trợ vào cua đang hoạt động. Khi ấn nút này, đèn chỉ báo hỗ trợ vào cua sẽ tắt đi, và một thông báo cho biết rằng chức năng hỗ trợ vào cua đã được tắt sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin trong vài giây.

n Các điều kiện hoạt động của chức năng hỗ trợ vào cua

- Tốc độ xe đạt từ 10 km/h trở xuống.
- Khi hệ thống điều khiển bò xe đang hoạt động.
- Khi bộ vi sai trước và bộ vi sai sau (nếu có) không khóa
- Không nhấn bàn đạp phanh
- Cần chuyển số ở ngoài vị trí P, R hoặc N.
- Khi quay vô lăng nhiều.

n Hủy tự động chức năng hỗ trợ vào cua

Khi bộ vi sai trước và bộ vi sai sau (nếu có) đang được khóa, chuông báo sẽ kêu gián đoạn và chức năng hỗ trợ vào cua sẽ bị hủy một cách tự động. Trong trường hợp này, đèn chỉ báo hỗ trợ vào cua được tắt, và một thông điệp chỉ ra rằng chức năng hỗ trợ vào cua đã tắt, sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin trong vài giây.

n Hạn chế của chức năng hỗ trợ vào cua

Trong các trường hợp sau, chức năng hỗ trợ vào cua sẽ bị tạm ngừng. Trong trường hợp đó, chỉ báo hỗ trợ vào cua sẽ nháy.

- Khi tốc độ xe vượt quá 10 km/h.
- Khi chuyển cần số tới vị trí R.

n Khi ngắt ắc quy

Đèn chỉ báo hỗ trợ vào cua sẽ nháy và hệ thống cần được khởi tạo. Hãy lái thẳng xe về phía trước một lát với xe có tốc độ xấp xỉ từ 35 km/h trở lên. Nếu đèn chỉ báo hỗ trợ vào cua vẫn nháy, thậm chí sau khi đã khởi tạo hệ thống, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

Hệ thống chọn chế độ đa địa hình*

*: Nếu có

Hệ thống chọn đa địa hình là một hệ thống cho phép cải thiện khả năng lái xe trên địa hình phức tạp.

Chọn một chế độ từ một số chế độ lái địa hình để phù hợp điều kiện đang lái xe.
Có thể tối ưu hóa được việc điều khiển phanh, điều khiển lực dẫn động, điều khiển hệ thống treo theo từng chế độ được chọn.

Khi chọn chế độ AUTO, sẽ tự động tối ưu hóa được việc điều khiển phanh, điều khiển lực dẫn động, điều khiển hệ thống treo theo các điều kiện đường sá.

CẢNH BÁO

n **Khi sử dụng hệ thống chọn chế độ đa địa hình**

Hãy tuân thủ theo các lưu ý sau để tránh gây ra tai nạn dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng:

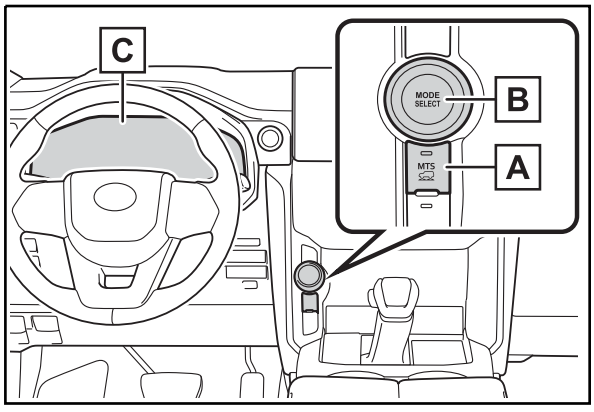
- Kiểm tra rằng các đèn chỉ báo chế độ đã chọn sẽ sáng trước khi lái xe. Không thể sử dụng được hệ thống chọn đa địa hình khi các đèn chỉ báo đang tắt.
- Các điều kiện đường sá được liệt kê trong trang (→P.449) chỉ để mục đích tham khảo. Có một trường hợp mà chức năng không thể phù hợp nhất với điều kiện đường sá như độ cao, độ trơn trượt, độ mấp mô, vv... Hãy kiểm tra kỹ các điều kiện đường sá trước khi lái xe.
- Hệ thống chọn chế độ đa địa hình không được thiết kế để vượt quá giới hạn làm việc của xe. Hãy kiểm tra kỹ điều kiện đường sá trước và lái xe thật cẩn thận.

CHÚ Ý

n **Chú ý khi sử dụng**

Hệ thống chọn chế độ đa địa hình được thiết kế để sử dụng trên địa hình phức tạp. Không sử dụng hệ thống này khi lái xe ở bất kỳ điều kiện nào khác.

Các chi tiết của hệ thống



A Công tắc MTS

B Công tắc MODE SELECT

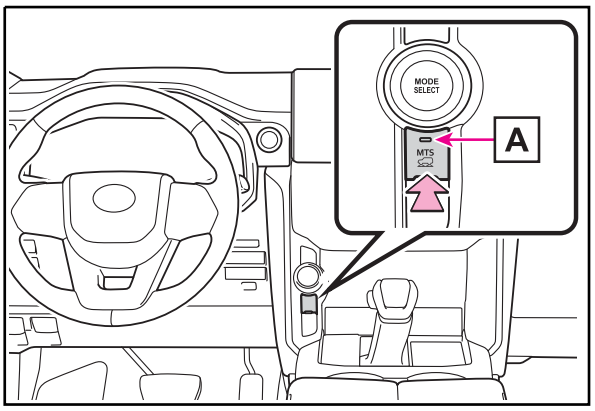
C Màn hình đa thông tin

Chế độ đang chọn sẽ được hiển thị.

Chuyển chế độ

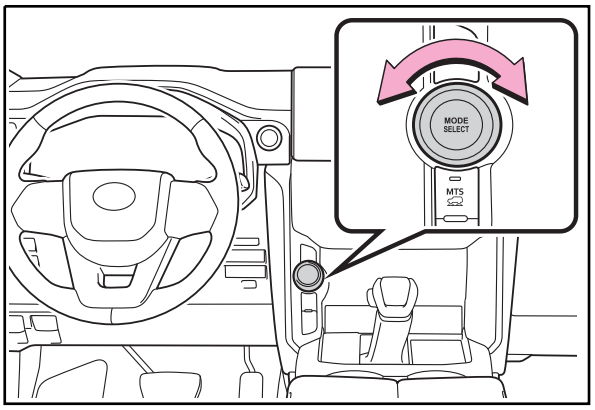
1 Ấn công tắc MTS.

Đèn chỉ báo A trên công tắc sẽ sáng



2 Chọn các chế độ lái trên màn hình đa thông tin trong khi xoay nút MODE SELECT sang trái và sang phải.

Tùy thuộc vào các vị trí của công tắc điều khiển bốn bánh chủ động, có thể chọn được một chế độ trong các chế độ sau.



▶ Công tắc điều khiển bốn bánh chủ động ở L4

Chế độ		Điều kiện đường sá
	AUTO	Phù hợp với các điều kiện đường sá
	SAND	Phù hợp với đường có nhiều cát
	MUD	Phù hợp với đường có nhiều bùn đất
	"ROCK"	Phù hợp khi lái xe trên địa hình nhiều đá

Nếu hệ thống điều khiển phanh được kích hoạt, các đèn chỉ báo trượt sẽ nháy.

▶ Công tắc điều khiển bốn bánh chủ động ở H4

Chế độ		Điều kiện đường sá
	AUTO	Phù hợp với các điều kiện đường sá
	DIRT	Phù hợp với đường bẩn
	SAND	Phù hợp với đường có nhiều cát
	MUD	Phù hợp với đường có nhiều bùn đất
	DEEP SNOW	Phù hợp với đường có tuyết dày

Nếu hệ thống điều khiển phanh được kích hoạt, các đèn chỉ báo trượt sẽ nháy.
Khi xe đang ở chế độ SAND, MUD hoặc DEEP SNOW, VSC sẽ tự động tắt. (Đèn chỉ báo OFF hệ thống VSC sẽ sáng lên.)

n Hệ thống chọn chế độ đa địa hình

Chọn chế độ đa địa hình điều khiển xe sao cho có thể tối đa hóa được lực dẫn động và cải thiện được khả năng lái trên đường gồ ghề. Vì vậy, có thể cải thiện được việc tiết kiệm nhiên

liệu khi so sánh với chế độ bình thường.

n Tự động hủy hoạt động của hệ thống

Trong các tình huống sau đây, hệ thống chọn đa địa hình sẽ tự động bị hủy.

- Ấn công tắc DRIVE MODE đồng thời để công tắc điều khiển 4 bánh chủ động ở H4.
- Khi tắt công tắc động cơ

n Chế độ AUTO

Phán đoán các điều kiện đường sá mà xe sẽ đi và tối ưu hóa được sự điều khiển phanh, điều khiển lực dẫn động và điều khiển hệ thống treo.
Khả năng phán đoán các điều kiện đường sá bị hạn chế và trường hợp mà chức năng không thể phù hợp nhất với điều kiện đường sá như độ cao, độ trơn trượt, độ mấp mô, vv...
Trong trường hợp này, hãy chọn một chế độ phù hợp với các điều kiện đường sá trước khi lái xe.

n Tắt hệ thống chọn chế độ đa địa hình

Hãy tắt hệ thống chọn đa địa hình, và sau đó hiển thị trên màn hình đa thông tin sẽ biến mất.

▶ Khi đèn chỉ báo công tắc MTS sáng

Ấn công tắc MTS trong khi hệ thống đang hoạt động.

▶ Khi đèn chỉ báo công tắc MTS không sáng

Ấn công tắc MTS để bật đèn chỉ báo.

Ấn công tắc MTS lần nữa khi đèn chỉ báo hệ thống chọn đa địa hình sáng.

n Khi xe bị sa lầy

Hãy chuyển chế độ của hộp số phụ và vi sai
Để biết cách sử dụng các chức năng sau, hãy đọc các trang sau

- Hệ thống bốn bánh chủ động (→P.438)
- Khóa vi sai trung tâm (→P.439)
- Khóa vi sai trước* (→P.441)
- Khóa vi sai sau* (→P.443)

*: Nếu có

n Lái xe với hệ thống chọn chế độ đa địa hình

Các tình huống sau đây xuất hiện, nhưng đây không phải là dấu hiệu hư hỏng.

- Có thể cảm nhận được thân xe và vô lăng bị rung.
- Có thể nghe thấy tiếng ồn hoạt động từ khoang động cơ

n Khi cần kiểm tra xe tại Đại lý Toyota

Trong các trường hợp sau, hệ thống sẽ không hoạt động đúng chức năng. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe ngay lập tức.

- Khi đèn chỉ báo trượt sáng.
- Khi đèn chỉ báo của mỗi chế độ không sáng lên trên màn hình đa thông tin, kể cả khi đã chọn hệ thống chọn đa địa hình.

Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc*

*: Nếu có

Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc có tác dụng giúp cho xe không bị chạy quá nhanh khi xuống dốc. Hệ thống này sẽ hoạt động khi tốc độ xe dưới 30 km/h và hộp số phụ được chuyển đến H4.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi sử dụng hệ thống hỗ trợ điều khiển hỗ trợ xuống dốc**

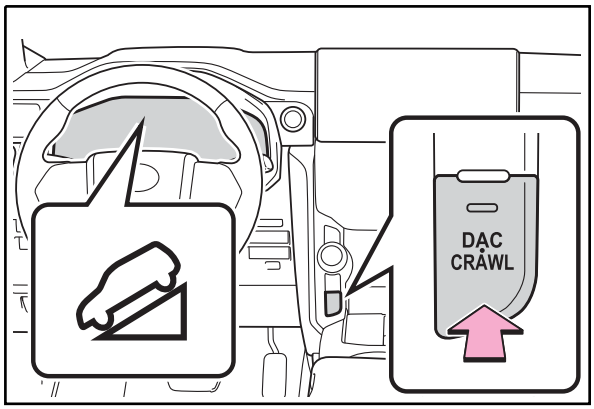
Không được quá tin tưởng vào hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc. Hệ thống này không thể giúp mở rộng giới hạn tính năng của xe. Do vậy hãy luôn luôn kiểm tra thật kỹ càng điều kiện đường sá và an toàn lái xe.

Hoạt động của hệ thống

Ấn công tắc DAC/CRAWL.

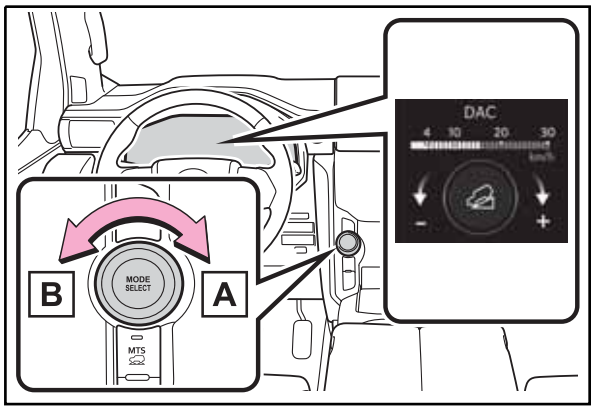
Đèn chỉ báo hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc sáng và hệ thống sẽ hoạt động.

Khi hệ thống đang hoạt động, đèn chỉ báo trượt sẽ nhấp nháy, và đèn phanh/đèn phanh lắp cao sẽ được bật sáng. Sẽ xuất hiện chuông báo khi đang hoạt động. Đây không phải là dấu hiệu hư hỏng.



Cài đặt tốc độ cho hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc

Bật công tắc MODE SELECT để đặt tốc độ mong muốn (khoảng từ 4 đến 30 km/h). Tốc đã đặt sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.



A Tăng tốc độ

B Giảm tốc

Tắt hệ thống

▶ Khi đèn chỉ báo công tắc DAC/CRAWL sáng

Ấn công tắc DAC/CRAWL một lần nữa.

▶ Khi đèn chỉ báo công tắc DAC/CRAWL không sáng.

Ấn công tắc DAC/CRAWL để bật đèn chỉ báo. Ấn công tắc DAC/CRAWL một lần nữa khi đèn chỉ báo đang sáng.

Đèn chỉ báo hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc sẽ nhấp nháy khi hệ thống từ từ ngừng hoạt động, và sẽ tắt hẳn khi hệ thống được tắt hoàn toàn.

Ấn công tắc DAC/CRAWL khi đèn chỉ báo hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc đang nháy để khởi động lại hệ thống.

---

n Lời khuyên khi sử dụng

Hệ thống sẽ hoạt động khi cần số được đặt tại vị trí khác "P", tuy nhiên để đạt hiệu quả cao khi sử dụng hệ thống, bạn nên để cần số trong dải số thấp.

n Hệ thống sẽ không hoạt động khi

- Bộ vi sai sau khóa. (nếu có)
- Bộ vi sai trước khóa. (nếu có)

n Nếu đèn chỉ báo của hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc nhấp nháy

- Trong các tình huống sau, đèn chỉ báo sẽ nháy và hệ thống sẽ không hoạt động:
  - Thay đổi công tắc điều khiển 4 bánh chủ động đến vị trí khác H4.
  - Cần số đang ở vị trí P.
  - Khi tốc độ xe lớn hơn 30 km/h.
  - Khi hệ thống phanh quá nhiệt.
- Trong các tình huống sau, đèn chỉ báo sẽ nháy để cảnh báo cho người lái, nhưng hệ thống vẫn hoạt động:
  - Khi cần số ở vị trí N.
  - Ấn công tắc DAC/CRAWL trong khi đèn chỉ báo công tắc DAC/CRAWL sáng.

Hệ thống sẽ từ từ dừng hoạt động. Đèn chỉ báo sẽ nháy trong khi hoạt động sau đó tắt đi khi hệ thống đã dừng hẳn.

n Khi hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc hoạt động liên tục

Nếu hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc hoạt động trong thời gian dài, hệ thống phanh có thể bị quá nhiệt bất thường. Để hạn chế việc này, chuông báo sẽ kêu và chức năng tạm thời được dừng lại.

Lúc này, đèn chỉ báo hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc sẽ nháy và thông báo "Tắt điều khiển lực kéo" sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin. (Có thể lái xe bình thường trong thời gian này.)

Khi đèn chỉ báo của hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc chuyển sang sáng sau một thời gian ngắn và “Tắt điều khiển lực kéo” biến mất, hệ thống sẽ trở nên khả dụng.

n Tiếng kêu và rung động bởi hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc

- Bạn có thể sẽ nghe thấy tiếng động phát ra từ khoang động cơ khi khởi động động cơ hoặc ngay sau khi xe bắt đầu chuyển động. Những tiếng động đó không có nghĩa là hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc bị trục trặc.
- Những hiện tượng sau có thể sẽ xuất hiện khi hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc hoạt động. Những hiện tượng đó là bình thường.
  - Thân xe và tay lái có thể bị rung.
  - Có thể nghe thấy tiếng mô tơ phát ra sau khi dừng xe.

n Trục trặc hệ thống

Trong các trường hợp sau đây, hãy đem xe tới Đại lý Toyota của bạn để kiểm tra.

- Đèn chỉ báo hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc không bật sáng khi ấn công tắc DAC/CRAWL
- Đèn chỉ báo trượt sáng.

CẢNH BÁO

n **Trên các mặt đường sau, xe có thể không duy trì được tốc độ thấp đặc biệt là khi vượt quá giới hạn của tính năng bám đường của lốp hoặc nếu lốp không tiếp xúc đủ với mặt đường. Điều này có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng, thậm chí gây tử vong.**

- Các bề mặt trơn trượt như là đường bị ướt hoặc dính bùn đất
- Mặt đường bị đóng băng
- Đường rất xấu gồ ghề

Hệ thống lọc bụi khí xả diesel (DPF)*

*: Nếu có

Khi lượng muội than tích tụ trong bộ lọc đến một ngưỡng nhất định, bộ lọc sẽ được tái tạo một cách tự động.

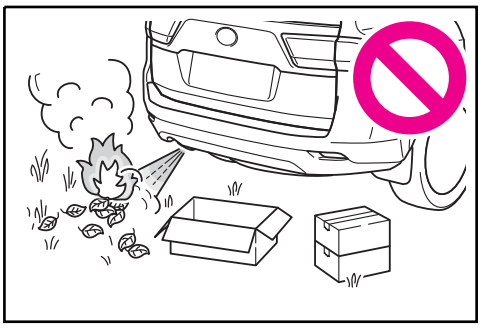
CẢNH BÁO

n **Trong khi tái tạo**

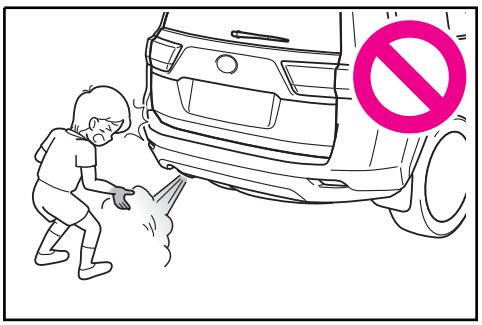
Hãy tuân theo các chú ý sau.

Nếu không có thể sẽ gây ra các tổn thương do các ống xả và khí xả nóng có thể gây bỏng hoặc hỏa hoạn.

- Không đỗ xe tại các khu vực có các vật liệu dễ cháy, như bãi cỏ khô, gần ống xả.



- Hãy chắc chắn rằng không có người nào ở gần ống xả.



- Không tiến hành tái tạo khi xe của bạn đang ở khu vực kín, chẳng hạn như trong gara.
- Không chạm vào đường ống xả và khí xả khi đang tái tạo.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng hệ thống DPF**

- Không lái xe trong thời gian dài khi cảnh báo "DPF đã đầy Hỏi ý kiến đại lý" đã xuất hiện trên màn hình đa thông tin
- Không sử dụng loại nhiên liệu khác với tiêu chuẩn
- Không sử dụng dầu động cơ khác với loại được khuyến nghị.
- Không chỉnh sửa đường ống xả

Quy trình tái tạo

- Trong khi lái xe bình thường, bộ lọc tự động tái tạo lại sau mỗi vài trăm km*. Trong khi tái tạo, thông điệp "DPF đang phục hồi" được hiển thị trên màn hình đa thông tin.
- Khi lượng cặn được tích lũy đạt đến một mức nhất định, hệ thống có thể thực hiện tái tạo lại. (→P.455)

*: Tình trạng thực tế sẽ thay đổi phụ thuộc vào thời tiết, điều kiện lái xe…

Đặc điểm của hệ thống

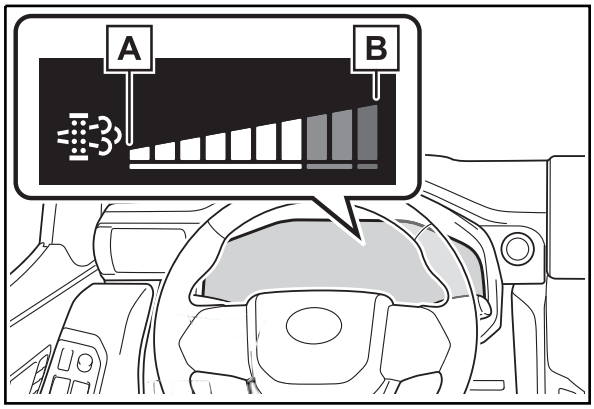
Hệ thống DPF có những đặc điểm sau:

- Tốc độ chạy không tải sẽ tăng lên trong khi tái tạo
- Mùi của khí xả sẽ khác so với mùi của xe sử dụng động cơ diesel thông thường
- Khói trắng có thể sẽ thoát ra từ đường ống xả trong khi hệ thống đang tái tạo. Tuy nhiên, đó là hiện tượng bình thường.

Kiểm soát muội than DPF

Lượng muội than tích tụ trong hệ thống DPF có thể xác nhận được nhờ việc kiểm soát muội than DPF

Tình trạng đóng cặn DPF xuất hiện khi ấn công tắc hệ thống DPF và thông điệp cảnh báo được hiển thị. Sử dụng tình trạng cặn DPF được hiển thị này để tham khảo.



A Thấp

B Đầy đủ

Đèn cảnh báo lỗi trong hệ thống DPF

- Nếu “DPF đã đầy Xem Hướng dẫn sử dụng” xuất hiện trên màn hình đa thông tin, thì tuân theo quy trình dưới đây để tái tạo.

1 Hãy dừng xe tại một vị trí an toàn.

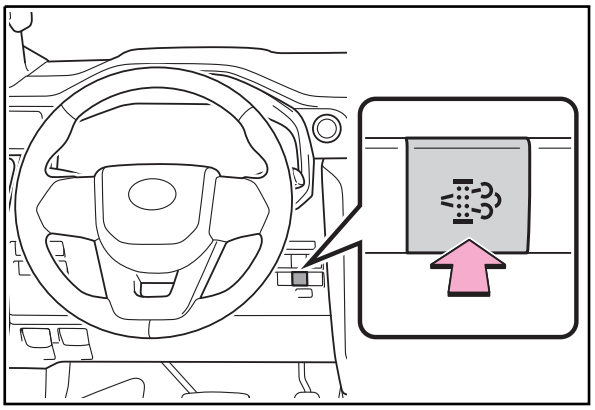
2 Hãy gài chắc phanh đỗ và chuyển cần số sang vị trí P.

Không tắt động cơ. Ngoài ra, hãy đảm bảo không có vật liệu dễ cháy ở gần ống xả. (→P.454)

Kiểm tra xem động cơ đã được hâm nóng chưa. Nếu động cơ đang nguội, hãy hâm nóng động cơ bằng cách đạp ga.*1

3 Ấn công tắc của hệ thống DPF.

Thông điệp "Đang phục hồi PDF thủ công giữ xe cách xa lửa" xuất hiện trên màn hình đa thông tin và tốc độ không tải của động cơ sẽ tăng lên.



Quá trình tái tạo sẽ diễn ra trong khoảng từ 15 đến 40 phút.*2

Khi thông điệp cảnh báo biến mất, tốc độ chạy không tải của động cơ sẽ trở về bình thường.

Công tắc của hệ thống DPF có thể không hoạt động khi xe hoạt động ở địa hình cao trên 4000 m so với mực nước biển.

*1: Tùy thuộc vào tình hình thực tế, có thể người lái sẽ phải đạp chân ga cho tới khi tốc độ động cơ tăng lên tới 3000 vòng/phút. Nếu nhiệt độ nước làm mát động cơ hoặc nhiệt độ khí xả thấp, quá trình tái tạo có thể sẽ diễn ra lâu hơn, hoặc không thực hiện được.

*2: Thời gian để tiến hành tái tạo sẽ phụ thuộc vào nhiệt độ bên ngoài. Đồng thời, nếu tốc độ động cơ vẫn ở mức 2000 vòng/phút trong 10 phút sau khi ấn công tắc hệ thống DPF, nhiệt độ khí xả có thể quá thấp. Trong trường hợp này, hãy đạp ga để tăng tốc độ động cơ lên 3000 vòng/phút.

- Nếu thông điệp "CẦN PHUC HỒI TOÀN BÔ DPF BẰNG TAY XEM HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG" xuất hiện trên màn hình đa thông tin, hãy ấn công tắc DPF để tái tạo lại bộ lọc.
- Nếu cảnh báo "DPF đã đầy Hỏi ý kiến đại lý" xuất hiện trên màn hình đa thông tin và đèn báo lỗi bật sáng, hãy cho kiểm tra xe tại đại lý Toyota ngay lập tức.

n Tái tạo bằng công tắc của hệ thống DPF

- Sau khi ấn công tắc hệ thống DPF, hệ thống sẽ ngừng tái tạo nếu bạn nhấn bàn đạp ga. Nếu quá trình tái tạo của hệ thống bị dừng lại, hãy khởi động lại quá trình này càng sớm càng tốt.
- Sau khi quá trình tái tạo được hoàn tất, hãy tăng tốc động cơ vài lần để làm sạch hệ thống xả.
- Nếu tiến hành tái tạo trong khi ống xả quá nóng (chẳng hạn như sau khi lái xe), bạn phải chờ một lúc cho đến khi động cơ nguội.

n Thay dầu động cơ

Hãy đảm bảo sử dụng loại dầu khuyên dùng hoặc có chất lượng phù hợp. (→P.655)

n Đèn cảnh báo hệ thống DPF

Trong các điều kiện lái xe sau, cảnh báo có thể sẽ xuất hiện sớm hơn bình thường.*

- Chỉ khi lái xe ở tốc độ thấp (chẳng hạn như 20 km/h trở xuống)
- Nếu bật và tắt động cơ thường

xuyên (nếu động cơ không làm việc trong hơn 10 phút liên tục)

*: Tình trạng thực tế sẽ thay đổi phụ thuộc vào thời tiết, điều kiện lái xe…

CHÚ Ý

n **Nếu đèn chỉ báo lỗi sáng lên**

Nếu bạn tiếp tục lái xe trong khi một cảnh báo đang xuất hiện trên màn hình đa thông tin, đèn chỉ báo lỗi sẽ sáng lên. Lúc này, xe của bạn có thể bị hư hỏng hoặc tai nạn có thể xảy ra. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn ngay lập tức.

Các hệ thống hỗ trợ lái xe

Để duy trì mức độ an toàn và hiệu năng khi lái xe, những hệ thống sau sẽ được tự động kích hoạt tương ứng với những điều kiện lái khác nhau. Tuy nhiên, hãy chú ý rằng những hệ thống này chỉ là những hệ thống hỗ trợ và không nên quá phụ thuộc vào chúng trong khi điều khiển xe.

Các lưu ý liên quan đến hệ thống hỗ trợ lái xe

n **ECB (Hệ thống phanh điều khiển bằng điện tử)**

Hệ thống điều khiển điện tử tạo ra lực phanh tương ứng với hoạt động của phanh

n **Hệ thống ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh)**

Hệ thống này sẽ giúp tránh khóa cứng bánh xe khi đạp phanh gấp, hoặc khi nhấn phanh trên đường trơn trượt.

Xe có hệ thống chọn chế độ đa địa hình: Hệ thống ABS hoạt động đồng bộ với chọn chế độ đa địa hình

n **Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp**

Hệ thống này sẽ hỗ trợ tăng lực phanh sau khi đạp phanh khi nó phát hiện được tình huống cần

phải dừng xe khẩn cấp

n **VSC (Hệ thống điều khiển ổn định xe)**

Giúp cho người lái điều khiển được tình trạng trượt xe khi xe bất ngờ bị chệch hướng hoặc xoay xe trên các bề mặt đường trơn trượt.

Trên một số mẫu xe: Kết hợp điều khiển của ABS, Active TRC, VSC và hệ thống lái. Giúp duy trì sự ổn định hướng khi lái xe trên mặt đường trơn trượt bằng cách kiểm soát tính năng lái xe.

n **Hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc**

Hệ thống giúp người lái điều khiển rung lắc bằng cách tác dụng lực phanh một cách có chọn lọc lên từng bánh xe và giảm mô men của động cơ khi phát hiện rung lắc.

n **Hệ thống TRC chủ động (Điều khiển lực kéo chủ động)**

Hệ thống này sẽ giúp duy trì lực bám đường và tránh cho bánh dẫn động không bị trượt khi khởi hành hoặc tăng tốc xe trên đường trơn trượt

n **Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc**

Giúp hạn chế chuyển động về phía sau của xe khi khởi hành lên dốc

n **Hệ thống treo điện tử - động lực học (nếu có)**

Điều khiển điện tử điều khiển sự ổn định tùy theo tình trạng mặt đường và điều kiện lái xe như khi lái xe trên địa hình phức tạp hoặc trên một khúc cua, nâng cao sự thoải mái khi lái xe và tính ổn định lái.

Hơn nữa, việc điều khiển được tối ưu hóa cho mỗi chế độ bằng cách chọn chế độ lái (→P.436) và chọn chế độ lái đa địa hình. (→P.449)

Có thể thay đổi điều khiển cho phù hợp với lái xe trên địa hình bằng cách đặt công tắc điều khiển 4 bánh chủ động đến L4.

n **VDIM (Hệ thống kiểm soát động lực học VDIM) (nếu có)**

Điều khiển toàn diện các hệ thống ABS, hệ thống hỗ trợ phanh, TRC chủ động, hệ thống VSC, hỗ trợ khởi động ngang dốc và hệ thống lái. Điều khiển phanh, công suất động cơ và vận hành vô lăng khi vô lăng được đánh lái gấp như trường hợp lái xe trên đường trơn trượt, giúp nâng cao tính ổn định của xe.

n **AVS (Hệ thống treo tùy chỉnh chế độ) (nếu có)**

Lực giảm chấn của các bộ giảm chấn được điều khiển độc lập lực cho hấp thụ của các bộ giảm chấn của 4 bánh xe theo điều kiện đường sá và hoạt động lái,

hệ thống này sẽ giúp cải thiện tính êm dịu với sự ổn định lái cao, và giúp duy trì tư thế của xe.

Hơn nữa, có thể thay đổi được lực giảm chấn bằng cách chọn chế độ lái trong bộ chọn chế độ (→P.436), và đảm bảo được sự êm dịu khi lái trên địa hình phức tạp bằng cách đặt công tắc điều khiển 4 bánh chủ động đến L4. (→P.439)

n Tín hiệu phanh khẩn cấp

Khi đạp phanh gấp, các đèn nháy khẩn cấp sẽ tự động nháy để cảnh báo cho xe chạy phía sau.

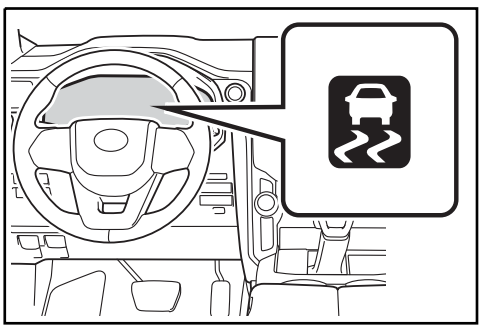
n Phanh giảm va chạm thứ cấp (nếu có)

Khi cảm biến túi khí phát hiện xe bị va chạm, hệ thống phanh và đèn phanh sẽ được tự động kích hoạt để giảm tốc độ xe và giúp giảm thiệt hại do va chạm thứ cấp gây ra.

---

n Khi hệ thống Active TRC/VSC/ABS/kiểm soát lắc rơ moóc đang hoạt động

Đèn chỉ báo trượt sẽ nhấp nháy khi các hệ thống Active TRC/VSC/ABS/hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc đang hoạt động.

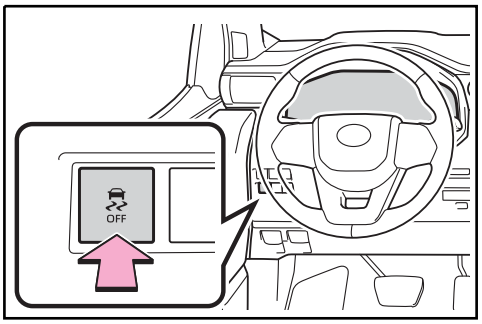


n Vô hiệu hóa hệ thống điều khiển lực kéo chủ động

Nếu xe bị sa lầy trong bùn hoặc tuyết, hệ thống TRC chủ động có thể sẽ cắt giảm công suất từ động cơ đến các bánh xe.

Việc ấn nút OFF để tắt hệ thống có thể sẽ giúp bạn đưa xe thoát khỏi sa lầy một cách dễ dàng hơn.

Để tắt hệ thống TRC chủ động, hãy ấn và nhả nhanh nút OFF.



Thông báo “Tắt điều khiển lực kéo” sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

Hãy ấn nút OFF một lần nữa để bật lại hệ thống.

n Tắt các hệ thống TRC chủ động/VSC/kiểm soát lắc rơ moóc

Để tắt hệ thống TRC chủ động, hệ thống VSC và hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc, hãy ấn và giữ nút OFF hơn 3 giây khi xe đã dừng hẳn.

Đèn chỉ báo OFF hệ thống VSC sẽ sáng lên và thông điệp “Tắt điều khiển lực kéo” sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.*

Ấn OFF lần nữa để bật lại hệ thống.

*: Trên xe có hệ thống PCS (hệ thống cảnh báo tiền va chạm), PCS cũng sẽ bị vô hiệu hóa (chỉ có cảnh báo PCS là khả dụng). Đèn cảnh báo PCS sẽ sáng lên và thông điệp sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin. (→P.282)

n Khi thông báo được hiển thị trên màn hình đa thông tin chỉ ra rằng TRC đã bị vô hiệu hóa ngay cả khi chưa nhấn OFF.

Hệ thống TRC chủ động đã tạm thời bị vô hiệu hóa. Nếu thông báo vẫn xuất hiện, hãy liên lạc với Đại lý Toyota.

n Điều kiện hoạt động của hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây, hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ hoạt động:

- Cần số ở ngoài vị trí P hoặc N (Khi khởi hành tiến hoặc lùi xe ở trên dốc lên).
- Khi xe đã dừng lại.
- Khi không đạp bàn đạp ga.
- Khi không gài phanh đỗ.
- Công tắc động cơ ở ON

n Tự động hủy hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ tắt trong bất kỳ trường hợp sau:

- Chuyển cần số đến vị trí P hoặc N.
- Khi đạp bàn đạp ga.
- Bàn đạp phanh được nhấn và gài phanh đỗ.
- Sau khoảng 2 giây sau khi nhả bàn đạp phanh.
- Công tắc động cơ được tắt OFF.

n Âm thanh và rung động gây ra bởi hệ thống ABS, hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp, hệ thống VSC, hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc, hệ thống Active TRC và hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc.

- Bạn có thể sẽ nghe thấy tiếng động phát ra từ khoang động cơ khi đạp phanh nhiều lần lặp đi lặp lại, khi khởi động động cơ hoặc ngay sau khi xe bắt đầu khởi hành. Những tiếng động đó không phải là dấu hiệu hư hỏng của các hệ thống trên.
- Những hiện tượng sau có thể sẽ xuất hiện khi những hệ thống trên đang hoạt động. Những hiện tượng đó là hoàn toàn bình thường.
  - Thân xe và tay lái có thể bị rung.
  - Bạn có thấy nghe thấy tiếng mô tơ kêu sau khi dừng xe.

n Âm thanh hoạt động của ECB

Có thể nghe thấy âm thanh hoạt động của ECB trong các trường hợp sau, nhưng điều này không phải là hư hỏng.

- Có thể nghe thấy âm thanh hoạt động từ khoang động cơ khi bàn đạp phanh được vận hành.
- Có thể nghe thấy tiếng mô tơ của hệ thống phanh từ phần phía trước của xe khi cửa người lái được mở ra.
- Bạn có thể nghe thấy tiếng kêu hoạt động phát ra từ khoang động cơ trong một hoặc hai phút sau khi xe được tắt máy.

n Tự động kích hoạt lại hệ thống TRC chủ động, hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc và VSC

Sau khi tắt các hệ thống TRC chủ động, hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc và hệ thống VSC, các hệ thống sẽ tự động kích hoạt lại trong các trường hợp sau:

- Khi công tắc động cơ được tắt.
- Nếu chỉ tắt một hệ thống TRC chủ động, thì TRC chủ động sẽ bật khi khi tăng tốc độ xe.
  Nếu tắt cả hai hệ thống TRC chủ động và VSC, thì kể cả khi đã tăng tốc xe, hệ thông cũng không tự động phục hồi được.

n Điều kiện hoạt động của chức năng phát tín hiệu phanh khẩn cấp

Khi thỏa mãn được các điều kiện sau, chức năng phát tín hiệu phanh khẩn cấp sẽ hoạt động:

- Khi đèn nháy khẩn cấp tắt.
- Khi tốc độ thực tế của xe lớn hơn 55 km/h.

- Hệ thống sẽ phán đoán từ việc giảm tốc độ của xe và coi đây là hoạt động phanh khẩn cấp.

n Tự động dừng kích hoạt chức năng phát tín hiệu phanh khẩn cấp

Chức năng phát tín hiệu phanh khẩn cấp sẽ bị hủy trong bất kỳ trường hợp sau:

- Khi các đèn nháy khẩn cấp đang bật.
- Khi hệ thống phán đoán rằng xe đang giảm tốc và đây không phải là hoạt động phanh gấp.

n Điều kiện hoạt động của phanh giảm va chạm thứ cấp (nếu có)

Hệ thống hoạt động khi cảm biến túi khí phát hiện được va chạm, trong khi xe đang chuyển động. Tuy nhiên, hệ thống không thể hoạt động khi các bộ phận đã bị hư hỏng.

n Hủy tự động hoạt động của phanh giảm va chạm thứ cấp (nếu có)

Hệ thống này sẽ tự động bị hủy trong bất kỳ các tình huống sau.

- Tốc độ của xe giảm xuống tới xấp xỉ 0 km/h
- Khi đã hoạt động được một khoảng thời gian nhất định
- Nhấn mạnh bàn đạp ga

⚠ CẢNH BÁO

n Hệ thống chống bó cứng phanh ABS sẽ không hoạt động hiệu quả khi

- Khi khả năng bám đường của lốp không đạt tiêu chuẩn (ví dụ như khi sử dụng các lốp đã bị mòn quá mức trên đường phủ tuyết).
- Khi xe bị lướt trên mặt nước trong khi lái xe với tốc độ cao trên đường ướt và trơn trượt.

n Quãng đường phanh khi hệ thống ABS được kích hoạt có thể sẽ lớn hơn so với điều kiện bình thường

Hệ thống ABS không được thiết kế để giảm quãng đường phanh của xe. Hãy giữ khoảng cách an toàn với xe đi trước trong các tình huống sau:

- Khi lái xe trên đường đất, bùn hoặc bị tuyết phủ
- Khi lái xe có lắp xích quấn lốp
- Khi lái xe qua các đoạn đường gập ghềnh
- Khi lái xe trên đường có nhiều ổ gà hoặc trên đường không bằng phẳng

n Hệ thống TRC chủ động có thể sẽ không làm việc hiệu quả khi

Khi lái xe trên đường trơn trượt có thể sẽ không điều khiển được hướng lái của xe và lực bám kể cả khi hệ thống TRC chủ động/VSC đang hoạt động.
Hãy lái xe thật cẩn thận trong điều kiện xe có thể bị mất tính ổn định và khả năng bám đường.

n Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc không hoạt động hiệu quả khi

- Không được quá tin tưởng vào điều khiển hỗ trợ khởi hành ngang dốc. Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc có thể sẽ không làm việc hiệu quả trên đường dốc đứng và trên đường bị băng tuyết bao phủ.
- Không giống như phanh đỗ, điều khiển khởi hành ngang dốc không chủ định để giữ xe cố định trong thời gian dài. Không được lạm dụng điều khiển hỗ trợ khởi hành ngang dốc để đỗ xe trên đường dốc, nếu không sẽ dẫn đến bị tai nạn.

n Khi hệ thống TRC/ABS/VSC/kiểm soát rung lắc rơ moóc chủ động được kích hoạt

Đèn chỉ báo trượt nhấp nháy. Hãy lái xe thật cẩn thận. Tai nạn có thể xảy ra nếu bạn không thận trọng khi lái xe. Hãy đặc biệt cẩn thận khi đèn chỉ báo nhấp nháy.

n Khi tắt hệ thống TRC chủ động/ VSC/hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc

Hãy hết sức cẩn thận và lái xe ở tốc độ phù hợp với tình trạng mặt đường. Do các hệ thống này được sử dụng để đảm bảo sự ổn định và lực kéo phù hợp cho xe, do vậy chỉ tắt hệ thống TRC chủ động/VSC/kiểm soát lắc rơ moóc khi thật sự cần thiết.

Kiểm soát rung lắc là một phần của hệ thống VSC và nó sẽ không hoạt động nếu hệ thống VSC tắt hoặc hệ thống có lỗi.

n Thay lốp

Hãy đảm bảo rằng tất cả các lốp xe đều có cùng kích cỡ, nhãn hiệu, kiểu hoa lốp và tải trọng tổng. Ngoài ra, còn phải đảm bảo rằng các lốp đều đã được bơm tới mức áp suất tiêu chuẩn.
Hệ thống ABS, TRC chủ động, kiểm soát lắc rơ moóc và VSC sẽ không làm việc chính xác nếu các lốp trên xe là loại khác.
Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin chi tiết khi thay lốp hoặc vành xe.

n Khi sửa chữa lốp xe và hệ thống treo

Sử dụng các lốp hỏng hoặc chỉnh sửa hệ thống treo sẽ làm ảnh hưởng tới hệ thống hỗ trợ lái xe, và có thể làm cho hệ thống trục trặc.

n Các lưu ý với hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc

Hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc sẽ không thể giảm lắc rơ moóc trong tất cả các trường hợp. Tùy thuộc vào nhiều yếu tố như điều kiện xe, rơ moóc, đường sá, điều kiện lái xe, mà hệ thống này có thể sẽ không hoạt động hiệu quả. Hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng rơ móc để biết cách kéo moóc chính xác.

n Nếu moóc bị lắc

Hãy tuân thủ theo các chú ý sau. Nếu không có thể sẽ dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Hãy nắm chắc vô lăng. Đánh lái thẳng. Không cố điều khiển lắc rơ moóc bằng cách xoay vô lăng.
- Hãy bắt đầu nhả chân ga ngay lập tức nhưng nhả từ từ để giảm tốc độ.
  Không tăng tốc độ. Không gài phanh.

Nếu bạn không đánh lái hoặc phanh gấp, xe và rơ móc cần phải ở trạng thái ổn định. (→P.211)

n Phanh giảm va chạm thứ cấp (nếu có)

Không phụ thuộc quá nhiều vào hệ thống phanh hạn chế va chạm thứ cấp. Hệ thống được thiết kế để giúp giảm thiệt hại do va chạm thứ cấp, tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của hệ thống sẽ phụ thuộc vào các điều kiện khác nhau. Quá phụ thuộc vào hệ thống này có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

CHÚ Ý

n **Các lưu ý đối với hệ thống treo điện tử - động lực học (nếu có)**

Trong các trường hợp sau đây, hệ thống có thể đang bị trục trặc và không thể đạt được lái xe êm và ổn định lái trên đường gồ ghề. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn ngay lập tức.

- Khi có cảm giác độ nghiêng của xe trở nên lớn hơn bình thường khi quay vòng.
- Khi độ nghiêng của xe không trở về bình thường kể cả sau khi xe tiếp tục lái xe sau khi đã lái rời khỏi vị trí nghiêng như trên đường cong hoặc đường dốc trong thời gian dài (xe có thể vẫn đang ở trong điều kiện có độ nghiêng sau khi nó trở về điều kiện mặt đường đường phẳng).

Lưu ý khi lái xe trên địa hình phức tạp

Xe này nằm trong phân loại xe đa dụng, có khoảng sáng gầm xe lớn và vết bánh xe hẹp, do đó trọng tâm của xe sẽ cao lên để cho phép xe có thể hoạt động trên nhiều địa hình phức tạp.

Đặc tính của xe địa hình

- Đặc điểm thiết kế của xe làm cho trọng tâm của xe cao hơn các xe du lịch thông thường. Đặc tính thiết kế này làm cho xe dễ bị lật hơn. Và kiểu xe đa dụng có tỷ lệ bị lật cao hơn các dòng xe khác.
- Một lợi thế của khoảng sáng gầm xe lớn hơn đó là khả năng quan sát đường tốt hơn, cho phép bạn dự đoán được một số tình huống có thể phát sinh.
- Nó không được thiết kế cho việc vào góc cua ở cùng một tốc độ với loại xe du lịch thông thường, mà là loại xe thể thao được thiết kế để chạy dưới điều kiện địa hình phức tạp. Vì vậy, quay vòng gấp ở tốc độ quá cao có thể gây lật xe.

⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi lái xe trên địa hình phức tạp**

Luôn luôn tuân theo các chú ý sau để hạn chế rủi ro gây tử vong, chấn thương nghiêm trọng hoặc làm hỏng xe:

- Trong trường hợp bị tai nạn lật xe, những hành khách thắt đai an toàn có cơ may sống sót cao hơn nhiều so với những người không thắt đai. Vì vậy, người lái và tất cả các hành khách nên thắt đai an toàn khi ở trên xe.
- Tránh vào cua gấp hoặc đánh lái gấp khi không cần thiết.
  Nếu không có thể sẽ gây mất lái hoặc lật xe dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.
- Khi chất hàng hoá lên giá để hành lý trên trần xe sẽ làm cho trọng tâm của xe cao lên. Tránh lái xe ở tốc độ cao, khởi hành đột ngột, đánh lái gấp, phanh gấp hoặc vào cua gấp, nếu không có thể sẽ bị mất lái, gây lật xe dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng do lỗi điều khiển xe.
- Luôn giảm tốc khi lái xe trên đường có gió to. Do hình dạng của xe và trọng tâm cao, xe sẽ dễ bị ảnh hưởng bởi gió bên hơn các xe du lịch truyền thống. Giảm tốc độ sẽ giúp bạn dễ dàng điều khiển xe hơn.
- Không lái xe ngang qua các dốc cao. Lái thẳng lên hoặc thẳng xuống dốc sẽ tốt hơn. Xe của bạn (cũng như những xe địa hình khác) dễ bị lật ngang hơn là lật về phía trước hoặc phía sau xe.

Lái xe qua địa hình phức tạp

Khi lái xe trên địa hình phức tạp,

xin hãy tuân theo các lưu ý sau để đảm bảo tiện nghi khi lái xe và tránh khu vực không dành cho các xe này:

- Chỉ lái xe trong những khu vực mà xe địa hình được phép đi.
- Hãy tôn trọng quyền cá nhân. Trước khi đi vào những khu vực quản lý riêng, bạn cần nhận được sự cho phép từ người sở hữu.
- Không đi vào những khu vực không được phép lưu thông nơi mà có các thanh chắn, biển tín hiệu cấm xe lưu thông.
- Khi đi trên đường ẩm ướt, kỹ thuật lái xe nên thay đổi hoặc nên hoãn chuyến đi để tránh làm hỏng đường.

⚠ CẢNH BÁO

n **Các lưu ý khi lái xe trên địa hình phức tạp**

Luôn luôn tuân theo các chú ý sau để hạn chế rủi ro gây tử vong, chấn thương nghiêm trọng hoặc làm hỏng xe:

l Hãy hết sức chú ý khi lái xe trên địa hình phức tạp. Không mạo hiểm một cách không cần thiết khi lái xe trên những khu vực nguy hiểm.

l Không cầm vào phần tay quay của vô lăng khi lái xe trên địa hình phức tạp. Xe đâm phải ổ gà lớn có thể sẽ làm cho vô lăng bị quay và gây ra chấn thương cho tay của bạn. Hãy giữ cả hai tay và đặc biệt là các ngón cái ở ngoài vành vô lăng.

l Luôn kiểm tra tính hiệu quả của phanh sau khi lái xe trên đường có tuyết, cát, bùn hoặc nước.

l Sau khi lái xe trên bãi cỏ, đường nhiều bùn, đá, cát, v.v…, hãy kiểm tra xem có cỏ, cành cây, giấy, cát, đá… dính hay mắc vào gầm xe hay không. Hãy loại bỏ chúng khỏi gầm xe. Nếu xe của bạn bị dính hoặc mắc những vật này vào gầm xe, có thể gây ra hỏa hoạn hoặc hư hỏng.

l Khi lái xe trên địa hình phức tạp hoặc trên đường nhiều ổ gà, không lái xe ở tốc độ quá cao, lao qua ổ gà, vào cua gấp hoặc đâm vào vật thể… Nếu không có thể sẽ gây mất lái hoặc lật xe dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng. Ngoài ra hệ thống treo và gầm xe cũng có thể sẽ bị hư hỏng nghiêm trọng.

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh bị hỏng xe do ngập nước**

Hãy đảm bảo các biện pháp an toàn để tránh làm hỏng động cơ hoặc các chi tiết khác trên xe do bị ngập nước.

l Nước xâm nhập vào đường ống nạp sẽ gây ra hư hỏng nghiêm trọng cho động cơ.

l Nước xâm nhập vào hộp số tự động sẽ làm giảm chất lượng chuyển số, gây ra hiện tượng kẹt và rung hộp số, cuối cùng có thể sẽ làm hỏng hộp số.

l Nước có thể sẽ làm trôi mỡ bôi trơn trong các ổ trục bánh xe, gây ra gỉ và hỏng hóc và nước có thể sẽ lọt vào trong cụm vi sai, hộp số và hộp số phụ, làm giảm chất lượng của dầu bôi trơn.

n **Khi lái xe lội nước**

Nếu lái xe qua nước, như khi đi ngang qua dòng suối, trước tiên phải kiểm tra độ sâu của nước và độ cứng của nền suối. Lái xe chậm và tránh chỗ nước sâu.

⚠ CHÚ Ý

n **Kiểm tra sau khi lái xe trên địa hình phức tạp**

l Cát và bùn sẽ tích tụ vào các trống phanh và xung quanh các đĩa phanh có thể sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả phanh và làm hỏng các chi tiết của hệ thống phanh.

l Hãy thực hiện việc kiểm tra bảo dưỡng xe sau khi lái xe hàng ngày trên địa hình phức tạp như đường gồ ghề, đường cát, bùn hoặc lội nước nước. Để biết thông tin về lịch bảo dưỡng định kỳ, hãy tham khảo lịch bảo dưỡng (→P.533).

Lời khuyên khi lái xe trong mùa đông

Hãy tiến hành chuẩn bị và kiểm tra cần thiết trước khi lái xe trong mùa đông. Luôn luôn lái xe theo cách phù hợp với điều kiện thời tiết chung.

Chuẩn bị trước khi lái xe trong mùa đông

- Sử dụng các loại dung dịch phù hợp với nhiệt độ chung bên ngoài xe.
  - Dầu động cơ
  - Nước làm mát động cơ
  - Nước làm mát cho bộ làm mát trung gian (nếu có)
  - Nước rửa kính
- Hãy yêu cầu kỹ thuật viên kiểm tra tình trạng của ắc quy.
- Lắp đặt lốp đi tuyết cho cả bốn bánh xe hoặc mua một bộ xích quấn lốp cho các lốp sau.

Đảm bảo rằng tất cả các lốp có cùng kích thước, cùng nhà sản xuất và kích cỡ của xích quấn lốp phù hợp với kích cỡ của lốp.

n **Nhiên liệu cho động cơ diesel hoạt động ở nhiệt độ thấp**

Sử dụng dầu diesel cho mùa đông khi nhiệt độ thấp. Việc sử dụng dầu diesel cho mùa hè khi hoạt động ở điều kiện nhiệt độ thấp có thể làm cho hệ thống nhiên liệu hoạt động không chính

xác và gây hư hỏng động cơ. Hãy giảm đến mức tối thiểu lượng dầu diesel mùa hè trong bình nhiên liệu khi ở điều kiện sử dụng nhiệt độ thấp, hãy nạp dầu diesel cho mùa đông càng sớm càng tốt. Hãy kiểm tra thông tin về chủng loại và tính năng sử dụng của dầu diesel ở trạm nhiên liệu.

CẢNH BÁO

n **Lái xe có lắp lốp đi tuyết**

Hãy tuân theo các lưu ý sau để giảm thiểu nguy cơ gây ra tai nạn. Nếu không có thể sẽ gây mất lái dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- Hãy sử dụng các loại lốp có kích thước tiêu chuẩn.
- Hãy đảm bảo duy trì áp suất lốp theo quy định.
- Không lái xe với tốc độ vượt quá tốc độ giới hạn của đường hoặc tốc độ giới hạn tiêu chuẩn của lốp khi sử dụng lốp đi tuyết.
- Hãy lắp tất cả các bánh xe bằng lốp đi tuyết, không phải chỉ với một vài lốp.

n **Lái xe với xích quấn lốp**

Hãy tuân theo các lưu ý sau để giảm thiểu nguy cơ gây ra tai nạn. Nếu không có thể dẫn tới tình trạng lái xe không an toàn có thể gây ra tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- Không lái xe với tốc độ vượt quá tốc độ giới hạn của xích quấn lốp đã được lắp đặt hoặc không quá 50km/h, tùy theo chỉ số nào thấp hơn.
- Tránh lái xe trên đường gồ ghề hoặc qua các ổ gà.
- Tránh tăng tốc và đánh lái đột ngột, cũng như tránh phanh gấp và xuống số do có thể làm lực phanh động cơ bị thay đổi đột ngột.
- Hãy giảm tốc độ trước khi vào cua để đảm bảo khả năng điều khiển xe.
- Không sử dụng hệ thống LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có).
- Không được sử dụng hệ thống LDA (hệ thống cảnh báo lệch làn) (nếu có).

CHÚ Ý

n **Sửa chữa hoặc thay các lốp đi tuyết (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Hãy yêu cầu đại lý Toyota hoặc một cửa hàng bán lốp có uy tín sửa chữa hoặc thay lốp đi tuyết.
Bởi việc tháo và lắp các lốp đi tuyết sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của các van và cảm biến áp suất lốp.

Trước khi lái xe

Tùy theo tình hình thực tế, hãy thực hiện các biện pháp xử lý sau tùy vào điều kiện lái xe:

- Không cố dùng sức để mở các cửa sổ hoặc cho di chuyển cần gạt kính đã bị đóng băng. Hãy đổ nước ấm lên vùng bị đóng băng để làm tan băng. Hãy gạt nước ngay sau đó để tránh cho nước không bị đóng băng lại.
- Để đảm bảo hệ thống quạt làm việc tốt theo mùa, hãy dọn hết tuyết bị đọng trong đường ống thông hơi nằm ở phía trước của

kính chắn gió.

- Kiểm tra và làm sạch hết lớp băng hoặc tuyết đọng trên các đèn bên ngoài xe, các gương chiếu hậu bên ngoài xe, các cửa sổ, nóc xe, gầm xe, xung quanh các lốp xe hoặc các phanh xe.
- Hãy gạt hết tuyết hoặc bùn dính dưới đế giày trước khi vào xe.

Khi lái xe

Từ từ tăng tốc xe, giữ khoảng cách an toàn với xe chạy phía trước và lái xe ở tốc độ thấp phù hợp với điều kiện mặt đường.

Khi đỗ xe

- Tắt chế độ tự động của phanh đỗ. Nếu không, phanh đỗ có thể bị đóng băng và không thể tự động nhả ra được.
  Ngoài ra, hãy tránh sử dụng những chức năng sau vì phanh đỗ có thể hoạt động tự động, ngay cả khi chế độ tự động đã được tắt.

• Hệ thống giữ phanh

- Đỗ xe và chuyển cần số đến vị trí P và không gài phanh đỗ. Phanh đỗ có thể sẽ bị đóng băng và không nhả ra được. Khi đỗ xe mà không gài phanh đỗ, hãy chèn các bánh xe.
  Nếu không, có thể sẽ rất nguy hiểm do xe có thể bất ngờ dịch chuyển và dẫn tới tai nạn.

Khi phanh đỗ đang ở chế độ tự động, hãy nhả phanh đỗ sau khi chuyển cần số đến P. (→P.235, 239)

Hãy tắt công tắc động cơ trong khi nhấn công tắc phanh đỗ.

- Nếu đỗ xe mà không gài phanh đỗ, hãy chắc chắn rằng cần số không thể chuyển ra khỏi vị trí P*.
- Nếu xe được đỗ lại trong thời tiết lạnh, có thể phanh sẽ bị đóng băng.

*: Cần số sẽ bị khóa lại nếu vẫn cố gắng chuyển số từ số P đến các vị trí số khác mà không nhấn bàn đạp phanh. Nếu có thể chuyển được cần số ra khỏi vị trí P, thì có thể hệ thống khóa chuyển số đã bị trục trặc. Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

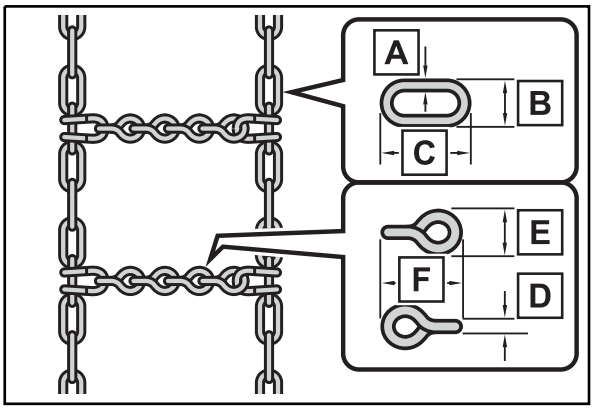
CẢNH BÁO

n **Khi đỗ xe**

Khi đỗ xe mà không gài phanh đỗ, hãy chèn các bánh xe. Nếu bạn không chèn các bánh xe, xe có thể bất ngờ di chuyển, dẫn đến tai nạn.

Lựa chọn xích quấn lốp

Sử dụng xích quấn lốp phù hợp với kích thước lốp cần gắn. Mỗi cỡ xích chỉ được sử dụng cho một cỡ lốp.



Xích bên:

A Đường kính 5 mm

B Chiều rộng 18 mm

C Chiều dài 46 mm

Xích ngang:

D Đường kính 6.3 mm

E Chiều rộng 22.6 mm

F Chiều dài 38.1 mm

Các quy định về việc sử dụng xích quấn lốp

Có rất nhiều các quy định khác nhau khi sử dụng xích quấn lốp ở các quốc gia và trên các loại đường khác nhau. Hãy tìm hiểu và kiểm tra kỹ các quy định tại địa phương trước khi lắp xích quấn lốp.

n Lắp xích quấn lốp

Hãy tuân theo các chú ý sau khi lắp đặt và tháo xích quấn lốp:

- Hãy lắp đặt và tháo xích quấn lốp ở vị trí an toàn.
- Chỉ lắp xích quấn lốp vào các bánh sau. Không lắp xích quấn lốp vào các lốp trước.
- Hãy lắp xích quấn lốp trên các lốp sau càng chặt càng tốt. Hãy xiết chặt lại xích sau khi lái xe từ 0.5 đến 1.0 km.
- Hãy lắp xích quấn lốp theo các hướng dẫn kèm theo sản phẩm.

CHÚ Ý

n Lắp lốp đi tuyết (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Van cảm biến áp suất lốp có thể không hoạt động chính xác khi lắp xích quấn lốp.

Lời khuyên khi lái xe ở chế độ Eco

Để cải thiện mức tiết kiệm nhiên liệu và giảm khí thải CO_2, hãy đặc biệt chú ý tới các điểm sau:

Sử dụng chế độ lái Eco

Khi sử dụng chế độ lái Eco, mômen tương ứng với lực đạp ga sẽ được tạo ra êm dịu hơn so với ở điều kiện lái xe bình thường. Đồng thời, công suất của hệ thống điều hòa không khí (làm mát/sưởi ấm) sẽ được giảm thiểu, để cải thiện mức tiêu hao nhiên liệu. (→P.436)

Sử dụng đèn chỉ báo lái Eco

Có thể lái tiết kiệm nhiên liệu bằng cách lái xe sao cho đèn chỉ báo lái Eco sáng và thanh hiển thị của đèn chỉ báo lái Eco xuất hiện trên màn hình đa thông tin nằm trong vùng lái tiết kiệm nhiên liệu. (→P.106, 117)

Sử dụng bàn đạp phanh/bàn đạp ga

Hãy lái xe từ tốn. Tránh tăng tốc và giảm tốc đột ngột. Tăng tốc và giảm tốc từ từ sẽ giúp giảm mức tiêu hao nhiên liệu hơn.

Khi phanh xe

Hãy quan sát phía trước và xung quanh xe và ước tính khoảng cách phanh. Nhả sớm bàn đạp ga và tiếp tục chạy xe. Hãy sử dụng bàn đạp phanh để điều chỉnh vị trí dừng. Hãy đạp nhẹ bàn đạp phanh.

Độ trễ

Việc tăng tốc hoặc giảm tốc liên tục cũng như đợi đèn giao thông quá lâu sẽ tiêu hao nhiều nhiên liệu. Hãy kiểm tra các bản tin giao thông trước khi lái xe và tránh đường tắc càng nhiều càng tốt.

Lái xe trên đường cao tốc

Hãy kiểm soát tốc độ và duy trì ở một tốc độ ổn định. Ngoài ra, trước khi dừng xe ở trạm thu phí hoặc các trường hợp tương tự, hãy nhả bàn đạp ga và đạp nhẹ bàn đạp phanh.

Điều hoà không khí

Chỉ sử dụng hệ thống điều hòa khi cần. Việc này sẽ giúp giảm lượng nhiên liệu tiêu hao.

Vào mùa hè: Khi nhiệt độ bên ngoài cao, hãy sử dụng chế độ tuần hoàn khí trong xe. Việc này giảm tình trạng quá tải cho hệ thống điều hòa và giảm lượng

tiêu hao nhiên liệu.

Trong mùa đông: Chỉ bật nút A/C khi cần cả chức năng sưởi và hút ẩm, và nếu chỉ cần chức năng sưởi, hãy tắt nút A/C. Bật công tắc A/C khi không cần thiết sẽ làm tăng mức tiêu hao nhiên liệu.

Dừng chạy không tải

- Tránh để động cơ chạy không tải khi không cần thiết. Hãy tắt máy khi đỗ xe để giảm lượng nhiên liệu tiêu hao, ngay cả trong một thời gian ngắn.
- Ngoại trừ trong một số điều kiện thời tiết khắc nghiệt, như trong điều kiện nhiệt độ bên ngoài quá thấp, thì việc hâm nóng động cơ trước khi lái xe là không cần thiết. Trong điều kiện khác không tải, sẽ hiệu quả hơn nếu lái xe để hâm nóng từng phần, đồng thời tránh tăng tốc độ động cơ không cần thiết và tăng hoặc giảm tốc bất ngờ.
- Sử dụng hệ thống Dừng và Khởi động sẽ giúp tiết kiệm nhiên liệu. (nếu có) (→P.318)
- Hãy thực hiện các biện pháp sau để duy trì hiệu quả của các chức năng, không chạy không tải khi không cần thiết.

• Vệ sinh hệ thống kiểm soát khí xả (nếu có)

• Thời gian chạy không tải trước khi tắt động cơ có turbo tăng áp (nếu có) (→P.204)

Hành lý

Mang theo hành lý nặng sẽ dẫn đến tiêu hao nhiều nhiên liệu. Tránh mang hành lý không cần thiết. Lắp giá để hành lý quá lớn trên trần xe cũng làm tiêu hao nhiều nhiên liệu.

Bảo dưỡng định kỳ

- Hãy đảm bảo việc duy trì áp suất lốp phù hợp. Áp suất lốp không chính xác có thể dẫn đến tiêu hao nhiều nhiên liệu. Hơn nữa, vì lốp đi tuyết có thể gây ra lực ma sát lớn, nếu sử dụng nó trên đường khô sẽ làm tiêu hao nhiên liệu nhiều. Hãy sử dụng lốp phù hợp đối với từng mùa và điều kiện đường sá.
- Hãy sử dụng dầu và các dung dịch có chất lượng tốt, bởi việc này có ảnh hưởng đến lượng nhiên liệu tiêu hao và tuổi thọ của xe. Do đó, hãy kiểm tra dầu và dung dịch định kỳ. (→P.533)

Trang bị nội thất 5

5-1. Sử dụng hệ thống điều hòa không khí và bộ sấy

Hệ thống điều hòa không khí tự động phía trước 474

Hệ thống làm mát phía sau 484

Hệ thống điều hoà không khí tự động phía sau 486

Bộ sưởi vô lăng/bộ sưởi ghế/bộ thông gió cho ghế 488

5-2. Sử dụng các đèn chiếu sáng bên trong xe

Danh sách các đèn trong xe 492

5-3. Sử dụng các ngăn đựng đồ

Danh sách các ngăn đựng đồ 496

Đặc điểm của khoang để hành lý 502

5-4. Sử dụng các trang bị nội thất khác

Các trang bị nội thất khác 506

Hệ thống điều hòa không khí tự động phía trước

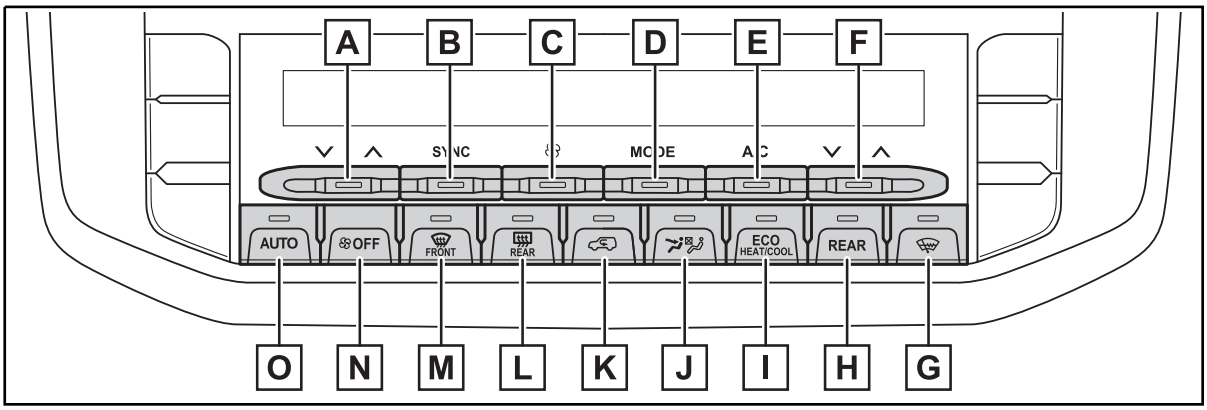
Luồng khí thổi ra và tốc độ quạt sẽ tự động điều chỉnh theo cài đặt nhiệt độ.

Hình minh họa dưới đây dành cho xe tay lái thuận.

Vị trí và hình dạng của các nút có thể khác một chút trên xe tay lái nghịch.

Điều khiển điều hòa

▶ Xe không có hệ thống điều hòa không khí phía sau



A Nút điều chỉnh nhiệt độ phía bên trái

B Nút “SYNC”

C Nút điều khiển tốc độ quạt

D Nút điều khiển chế độ luồng khí

E Nút "A/C"

F Nút điều chỉnh nhiệt độ bên phải

G Công tắc bộ chống đóng băng cần gạt nước kính chắn gió (nếu có)
Công tắc bộ sấy kính chắn gió (nếu có)

H Công tắc "PHÍA SAU" (nếu có) (→P.484)

I Công tắc chế độ Eco của điều hòa không khí

J Công tắc chế độ luồng khí tập trung lên ghế trước (S-FLOW)

K Nút chế độ lấy nguồn khí ngoài/tuần hoàn khí bên trong

L Công tắc bộ sấy kính cửa hậu và gương chiếu hậu bên ngoài xe

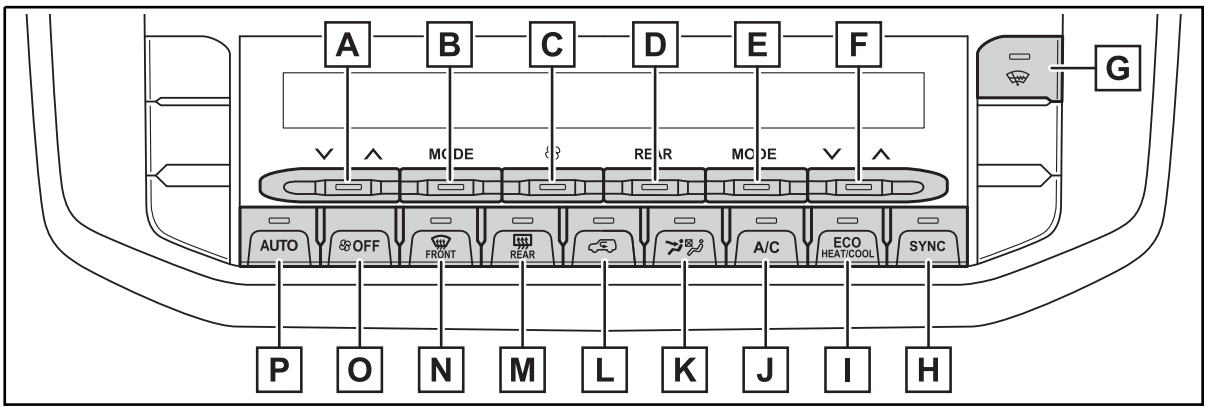
(nếu có)

M Công tắc bộ sấy kính chắn gió

N Nút "OFF"

O Nút chế độ tự động

▶ Xe có hệ thống điều hòa không khí phía sau



A Nút điều chỉnh nhiệt độ phía bên trái

B Nút điều chỉnh chế độ luồng khí sang bên trái

C Nút điều khiển tốc độ quạt

D Nút “SAU”

E Công tắc điều chỉnh chế độ luồng khí sang bên phải

F Nút điều chỉnh nhiệt độ bên phải

G Công tắc bộ chống đóng băng cần gạt nước kính chắn gió (nếu có)
Công tắc bộ sấy kính chắn gió (nếu có)

H Nút “SYNC”

I Công tắc chế độ Eco của điều hòa không khí

J Nút "A/C"

K Công tắc chế độ luồng khí tập trung lên ghế trước (S-FLOW)

L Nút chế độ lấy nguồn khí ngoài/tuần hoàn khí bên trong

M Công tắc bộ sấy kính cửa hậu và gương chiếu hậu bên ngoài xe (nếu có)

N Công tắc bộ sấy kính chắn gió

O Nút "OFF"

P Nút chế độ tự động

n Điều chỉnh cài đặt nhiệt độ

Vận hành công tắc điều chỉnh nhiệt độ lên trên để tăng nhiệt độ và xuống dưới để giảm nhiệt độ.

Nếu chức năng làm mát và hút ẩm tắt, hệ thống sẽ thổi ra không khí ở nhiệt độ thường hoặc khí nóng.

n Điều chỉnh cài đặt tốc độ quạt

Điều chỉnh tốc độ quạt về phía lên để tăng tốc độ quạt và xuống để giảm tốc độ quạt.

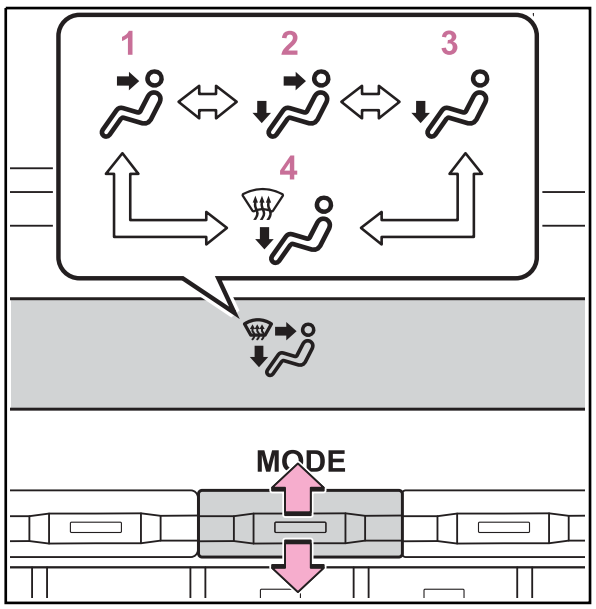
Tốc độ quạt sẽ xuất hiện trên màn hình. (7 mức độ)

Ấn nút "OFF" để tắt quạt.

n Thay đổi chế độ luồng khí

Ấn nút điều khiển chế độ luồng khí.

Chế độ luồng khí sẽ thay đổi mỗi khi ấn nút này.



1 Luồng khí thổi lên phần thân trên

2 Luồng khí thổi lên phần thân trên và chân

3 Luồng khí thổi vào chân

4 Luồng khí thổi vào chân và bộ sấy kính chắn gió hoạt động*

*: Cho phía người lái

n Chuyển giữa chế độ lấy khí ngoài và tuần hoàn khí trong xe

Ấn nút chọn chế độ lấy khí bên ngoài/tuần hoàn khí bên trong.

Hệ thống sẽ chuyển giữa chế độ lấy khí ngoài và chế độ tuần hoàn khí bên trong sau mỗi lần ấn nút.

Khi chọn chế độ tuần hoàn khí bên trong, đèn chỉ báo trên công tắc chọn lấy khí ngoài/tuần hoàn khí bên trong sẽ sáng lên.

n Đặt chức năng làm mát và hút ẩm

Hãy ấn nút "A/C".

Khi chức năng bật, "A/C ON" sẽ hiển thị trên màn hình (xe không có hệ thống điều hòa không khí phía sau) hoặc đèn báo sáng trên công tắc "A/C" (xe có hệ thống điều hòa không khí phía sau).

n Chế độ Eco của điều hòa không khí

Điều hòa không khí được điều khiển để ưu tiên tiết kiệm nhiên liệu như giảm tốc độ quạt gió,vv..

Ấn công tắc chế độ Eco của điều hòa không khí.

Khi chế độ Eco của điều hòa không khí được bật, đèn chỉ báo trên công tắc chế độ Eco của điều hòa không

khí sáng lên.

n Sấy kính chắn gió

Bộ sấy được sử dụng để làm trong kính chắn gió và kính cửa trước.

Ấn công tắc bộ sấy kính chắn gió.

Hãy đặt công tắc ở chế độ lấy khí ngoài/tuần hoàn khí trong xe ở chế độ lấy khí ngoài, nếu đang chọn chế độ tuần hoàn khí trong xe. (Hệ thống có thể sẽ tự động chuyển đổi.)

Để sấy kính chắn gió và các kính cửa phía hai bên dễ dàng hơn, hãy bật thổi gió và tăng nhiệt độ lên.

Để trở về chế độ trước đó, hãy ấn công tắc bộ sấy kính chắn gió một lần nữa khi kính chắn gió đã được sấy khô.

Khi bật nút sấy kính chắn gió, đèn báo sẽ sáng trên nút của bộ sấy kính chắn gió.

n Sấy kính cửa hậu và gương chiếu hậu bên ngoài xe (nếu có)

Sử dụng bộ sấy để làm trong kính cửa hậu và có tác dụng sấy khô nước mưa, hơi nước đọng trên gương chiếu hậu bên ngoài xe.

Hãy ấn vào công tắc bộ sấy kính cửa hậu và gương chiếu hậu bên ngoài.

Các bộ sấy kính sẽ tự động tắt sau khoảng 15 phút.

Khi bật bộ sấy kính cửa hậu và bộ sấy của gương chiếu hậu bên ngoài xe, đèn chỉ báo trên công tắc cửa hậu và công tắc bộ sấy gương chiếu hậu bên ngoài xe sẽ sáng.

---

n Làm trong kính cửa sổ

- Các cửa sổ sẽ dễ bị bám sương mờ khi độ ẩm trong xe cao. Việc bật chức năng làm mát và chức năng hút ẩm sẽ hút ẩm không khí thổi ra từ các cửa gió và sấy kính chắn gió một cách hiệu quả.
- Nếu bạn tắt chức năng làm mát và hút ẩm, các cửa sổ có thể dễ bị bám mờ sương hơn.
- Các cửa sổ có thể sẽ bị mờ sương nếu chọn chế độ tuần hoàn khí trong xe.

n Khi lái xe trên đường bụi bẩn

Hãy đóng tất cả các cửa. Nếu bụi bay lên khi xe chạy qua bị cuốn vào bên trong xe sau khi đóng cửa sổ thì chúng tôi khuyên bạn đặt chế độ lấy khí ngoài và không tắt quạt gió.

n Chế độ lấy khí ngoài/tuần hoàn khí trong xe

- Chúng tôi khuyên bạn đặt tạm thời ở chế độ tuần hoàn khí bên trong để tránh cho bụi bẩn không bị lọt vào bên trong xe và giúp làm mát xe nhanh khi nhiệt độ ngoài xe là cao.
- Hệ thống có thể sẽ tự động chuyển giữa chế độ lấy khí từ bên ngoài xe/tuần hoàn khí bên trong theo nhiệt độ cài đặt hoặc nhiệt độ bên trong xe.

n Khi nhiệt độ bên ngoài hạ xuống gần 0°C

Chức năng hút ẩm có thể sẽ không hoạt động ngay cả khi ấn nút "A/C".

n Hoạt động của hệ thống điều hòa không khí ở chế độ điều hòa không khí tiết kiệm năng lượng (Eco).

- Trong chế độ điều hòa không khí Eco, hệ thống điều hòa không khí được điều khiển như sau để ưu tiên hiệu suất nhiên liệu.

• Tốc độ động cơ và hoạt động của

máy nén sẽ được điều khiển để hạn chế công suất sưởi ấm/làm mát
- Tốc độ quạt được hạn chế khi chọn chế độ tự động

l Để cải thiện tính năng hoạt động của điều hòa không khí, hãy thực hiện các hoạt động sau:
- Điều chỉnh tốc độ quạt
- Tắt chế độ lái Eco (→P.436)
- Tắt chế độ điều hòa không khí Eco

l Khi đặt chế độ lái ở chế độ lái Eco, chế độ điều hòa không khí Eco sẽ bật tự động. Trong trường hợp này, có thể tắt được chế độ Eco của điều hòa không khí bằng cách chọn công tắc chế độ điều hòa không khí Eco.

n Máy tạo nanoe™ X[*1, 2] (nếu có)

Hệ thống điều hòa không khí này được trang bị một máy tạo nanoe™ X. Điều này giúp cung cấp không khí sạch và trong lành qua lỗ thông gió trung tâm của bảng điều khiển bằng cách phát ra các hạt nanoe™ X.[*3]

l Khi nanoe™ X được bật, máy tạo nanoe™ X sẽ tự động được kích hoạt khi bật quạt.

l Tác động của nanoe™ X được tối đa hoá trong các điều kiện sau đây:
- Các cửa gió hướng lên phần thân trên và cửa gió hướng lên phần thân trên và xuống chân sẽ hoạt động.
- Cửa gió trung tâm trên bảng đồng hồ đang mở.

l Khi các hạt nanoe™ X được tạo ra, một lượng nhỏ ozôn được phát ra, do đó có thể cảm nhận được một mùi nhẹ. Điều này tương đương với lượng ozôn đã tồn tại trong tự nhiên, như trong rừng, và không ảnh hưởng đến cơ thể con người.

l Tiếng ồn nhỏ có thể cảm nhận được trong quá trình hoạt động. Có thể mất một thời gian để hoạt động bắt đầu. Một tiếng ồn đáng chú ý hơn có thể cảm nhận được ngay khi bắt đầu hoạt động. Tuy nhiên, đây không phải là dấu hiệu của hư hỏng.

*1: nanoe™ và các dấu X nanoe™ là những thương hiệu của Tập đoàn Panasonic.

*2: Các hạt nanoe™ X là các hạt nước phân tán điện tĩnh cỡ nano chứa các gốc hydroxyl, có tác dụng có lợi.

*3: Tùy theo điều kiện nhiệt độ và độ ẩm, tốc độ quạt gió và hướng của luồng không khí, mà có thể máy tạo ion nanoe™ X sẽ không hoạt động hết công suất.

n Thông gió và mùi điều hòa

l Để lấy không khí trong lành, hãy đặt hệ thống điều hòa ở chế độ lấy khí ngoài.

l Trong khi sử dụng, có rất nhiều loại khí từ bên trong và bên ngoài xe có thể sẽ lọt vào và tích tụ trong hệ thống điều hòa. Nó có thể sẽ gây ra mùi hôi thoát ra từ các chớp thông gió.

l Để khử mùi xuất hiện khi hệ thống điều hòa bắt đầu, chế độ luồng khí có thể thay đổi để thổi gió xuống chân (trên một số mẫu xe) hoặc gió có thể ngừng thổi trong một thời gian ngắn ngay sau khi hệ thống điều hòa không khí bắt đầu hoạt động chế độ tự động.

l Để giảm mùi có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị rằng hệ thống điều hòa nên được đặt ở chế độ lấy khí từ bên ngoài trước khi tắt xe.

l Khi đỗ xe, hệ thống tự động chuyển sang chế độ lấy khí ngoài nhằm tạo được tuần hoàn không khí tốt hơn trong toàn bộ xe, giúp giảm được mùi hôi có thể xuất hiện khi khởi động xe.

*: Arập Saudi, Oman, Baren, Các tiểu vương quốc Arập thống nhất, Qatar, Côoét

n Sử dụng hệ thống điều khiển bằng giọng nói (nếu có)

Hệ thống điều hòa không khí có thể được vận hành bằng hệ thống điều khiển bằng giọng nói.

Để biết thêm chi tiết về hệ thống điều khiển bằng giọng nói, hãy tham khảo “Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".

n Hoạt động của hệ thống điều hòa không khí khi động cơ ngừng hoạt động bởi hệ thống dừng và khởi động động cơ (xe có hệ thống dừng và khởi động động cơ)

Khi động cơ ngừng hoạt động bởi hệ thống Dừng và Khởi động, các chức năng làm mát , sưởi ấm và hút ẩm của hệ thống điều hòa không khí sẽ tắt đi và chỉ thổi ra gió như nhiệt độ môi trường, và có thể ngừng thổi gió ra. Để giữ cho hệ thống điều hòa không khí khỏi bị tắt, hãy ấn công tắc hủy hệ thống Dừng và Khởi động để kích hoạt lại hệ thống.

*

n Bộ lọc điều hòa

→P.580

n Tùy chọn

Một vài chức năng có thể đặt tuỳ chọn cá nhân được.
(Tính năng tùy chọn cá nhân: →P.688)

n Khi kính chắn gió bị mờ và động cơ ngừng hoạt động bởi hệ thống dừng và khởi động động cơ (xe có hệ thống dừng và khởi động động cơ)

Ấn vào nút bộ sấy kính chắn gió để khởi động lại động cơ và làm trong kính chắn gió. Để giữ cho kính chắn gió khỏi bị mờ, hãy ấn công nút hủy hệ thống Dừng và Khởi động và tắt hệ thống dừng và khởi động hệ thống này.

n Mùi khó chịu phát ra từ hệ thống điều hòa trong khi động cơ tắt bởi hoạt động của hệ thống dừng và khởi động động cơ (xe có hệ thống dừng và khởi động động cơ)

Ấn công tắc hủy hệ thống dừng và khởi động để khởi động lại động cơ.

n Trong khi đang bật ngăn lạnh (xe có ngăn lạnh)

Ngoài ra, một lượng khí thổi từ lỗ thông khí trên kính chắn gió để bảo vệ cho hệ thống điều hòa không khí.

Không thể tắt hệ thống điều hòa không khí phía trước được.

⚠ CẢNH BÁO

n Để tránh cho kính chắn gió khỏi bị mờ sương

Không được sử dụng công tắc bộ sấy kính chắn gió khi sử dụng điều hòa với không khí có độ ẩm cao.
Sự chênh lệch nhiệt độ bên ngoài xe và nhiệt độ của kính chắn gió có thể làm cho bề mặt của kính bị mờ đi, làm cản trở tầm nhìn của bạn.

n Khi bộ sấy gương chiếu hậu bên ngoài đang hoạt động (nếu có)

Không chạm vào bề mặt gương chiếu hậu khi bộ sấy gương chiếu hậu phía ngoài bật ON.

n **Máy tạo nanoe™ X (nếu có)**

Không được tháo rời hoặc cố gắng sửa chữa máy tạo nanoe™ X vì nó có những bộ phận cao áp. Nếu máy tạo nanoe™ X cần được sửa chữa, hãy liên hệ với Đại lý Toyota của bạn.

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Không bật hệ thống điều hòa lâu quá mức cần thiết khi động cơ đang không hoạt động.

n **Để tránh làm hỏng bộ tạo nanoe™ X (nếu có)**

Không được chèn bất kỳ thứ gì vào cửa gió trung tâm bảng điều khiển, gắn bất kỳ thứ gì vào cửa gió hoặc sử dụng phun xịt xung quanh nó. Những hành động này có thể gây ra sự cố với máy tạo.

Sử dụng chế độ tự động

1 Hãy ấn nút "AUTO".

2 Điều chỉnh cài đặt nhiệt độ.

3 Để tắt, hãy ấn nút "OFF".

Nếu bạn tiến hành điều chỉnh tốc độ quạt hoặc chế độ luồng khí thổi, chỉ báo chế độ tự động sẽ tắt đi. Tuy nhiên, chế độ tự động cho các chức năng khác vẫn được duy trì.

n **Sử dụng chế độ tự động**

Tốc độ quạt được điều chỉnh tự động theo cài đặt nhiệt độ và điều kiện môi trường. Do đó, quạt có thể ngừng quay một lúc cho đến khi luồng khí ấm hoặc mát thổi ra sau khi ấn công tắc chế độ tự động.

Khí mát có thể thổi ra xung quanh thân trên kể cả khi bộ sưởi được bật do ánh sáng mặt trời.

Điều chỉnh nhiệt độ cho ghế người lái và ghế hành khách đồng thời (chế độ "SYNC")

Để bật chế độ "SYNC", hãy ấn nút "SYNC".

Có thể sử dụng các nút điều khiển điều hòa phía người lái để điều chỉnh nhiệt độ cho cả phía người lái và phía hành khách phía trước. Để vào chế độ cá nhân, vận hành các công tắc điều khiển nhiệt độ phía hành khách phía trước hoặc chọn nút "SYNC" lần nữa.

Khi chế độ "SYNC" đang bật, đèn chỉ báo sáng trên màn hình (xe không có hệ thống điều hòa không khí phía sau) hoặc đèn chỉ báo sáng trên nút "SYNC" (xe có hệ thống điều hòa không khí phía sau).

Sử dụng chế độ luồng khí tập trung về ghế trước (S-FLOW)

Hướng gió sẽ tập trung chỉ về các ghế trước và có thể chuyển hướng gió đến tất cả các ghế bằng cách vận hành nút điều khiển. Tạm dừng điều hòa khi không cần thiết để góp phần tăng hiệu suất nhiên liệu.

Ấn nút  trên bảng điều khiển điều hòa không khí và chuyển luồng khí.

- Đèn chỉ báo sáng: Luồng khí chỉ đến các ghế trước
- Đèn chỉ báo tắt: Luồng khí đến tất cả các ghế.

Kể cả khi đã chuyển chức năng hướng luồng khí đến các ghế trước, khi có người ngồi trên ghế sau, nó sẽ tự động hướng gió đến tất cả các ghế.

Thay đổi các cài đặt trên ghế sau từ ghế trước (xe có hệ thống điều hòa không khí phía sau)

Hãy ấn nút "REAR" để bật chế độ điều khiển hệ thống điều hòa không khí phía sau.

Khi ở chế độ điều khiển hệ thống điều hòa phía sau, "REAR" được hiển thị trên màn hình.

Nếu ấn lại công tắc "REAR" hoặc không thực hiện thao tác trong vài giây, chế độ điều khiển sẽ quay trở lại chế độ điều khiển hệ thống điều hòa không khí phía trước.

n Điều chỉnh cài đặt nhiệt độ

Vận hành công tắc điều chỉnh nhiệt độ lên trên để tăng nhiệt độ và xuống dưới để giảm nhiệt độ.

n Đặt tốc độ quạt

Điều chỉnh công tắc điều khiển tốc độ quạt ở bên phía người lái về phía lên để tăng tốc độ quạt và xuống để giảm tốc độ quạt.

Ấn nút "OFF" để tắt quạt.

n Thay đổi chế độ luồng khí

Ấn nút điều khiển chế độ luồng khí ở phía người lái.

Chế độ thay đổi mỗi khi nhấn công tắc.

Bộ chống đóng băng kính chắn gió (nếu có)/Bộ sấy kính chắn gió (nếu có)

Tính năng này giúp cho kính chắn gió và gạt nước không bị đóng băng.

Ấn công tắc để bật/tắt hệ thống.

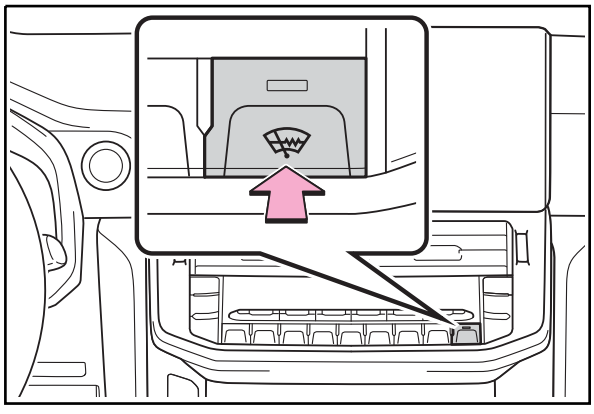
Đèn chỉ báo sẽ sáng lên khi hệ thống đang bật.

Xe có bộ làm tan băng kính chắn gió: Bộ chống đóng băng kính chắn gió sẽ tự động tắt sau một thời gian.

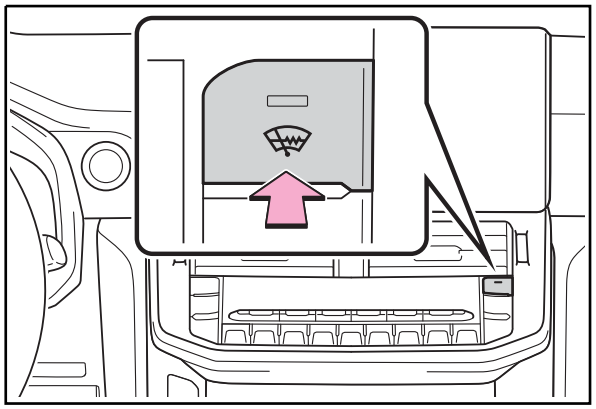
Xe có bộ sấy kính chắn gió:

- Bộ sấy kính chắn gió sẽ tự động tắt.
- Bộ sấy kính chắn gió sẽ không hoạt động nếu nhiệt độ bên ngoài từ 5°C trở lên.

▶ Xe không có hệ thống điều hòa không khí phía sau



▶ Xe có hệ thống điều hòa không khí phía sau



CẢNH BÁO

n **Để tránh bị bỏng**

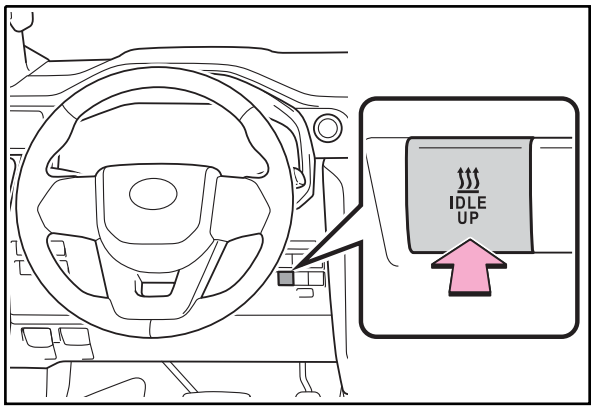
l Xe có bộ chống đóng băng cần gạt nước kính chắn gió: Không được chạm vào phần phía dưới của kính chắn gió hoặc hai bên của các trụ trước khi bộ chống đóng băng cần gạt nước kính chắn gió đang được bật.

l Xe có bộ sấy kính chắn gió: Không chạm vào kính chắn gió (đặc biệt là phần dưới) vì các bề mặt đó sẽ rất nóng và gây bỏng khi bộ sấy kính chắn gió đang bật.

Chức năng bù không tải khi sưởi (nếu có)/Bộ sưởi tăng cường (nếu có)

n Công tắc bù không tải khi dùng bộ sưởi

Tính năng này giúp tăng cường hiệu quả sưởi ấm khi thời tiết cực lạnh khi xe không di chuyển.

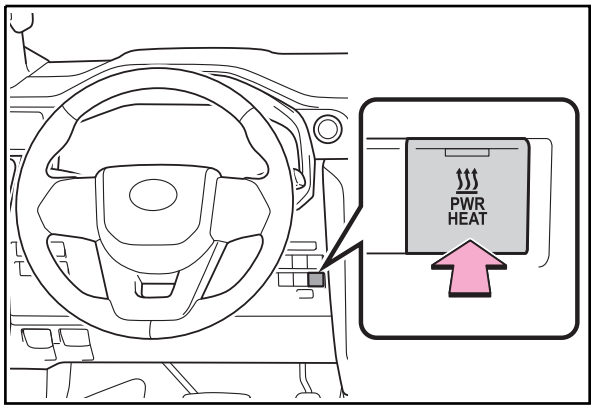


Hãy ấn nút này để tăng tốc độ động cơ.

Hãy ấn nút này một lần nữa để động cơ trở về chạy độ không tải thông thường. Nếu bạn không tắt công tắc, tốc độ của động cơ sẽ tăng lên mỗi khi khởi động động cơ.

n Bộ sưởi tăng cường

Tính năng này giúp sưởi ấm nhanh nước làm mát động cơ, tăng tốc độ sưởi ấm khoang xe trong điều kiện thời tiết lạnh và giữ cho khoang xe luôn ấm áp.



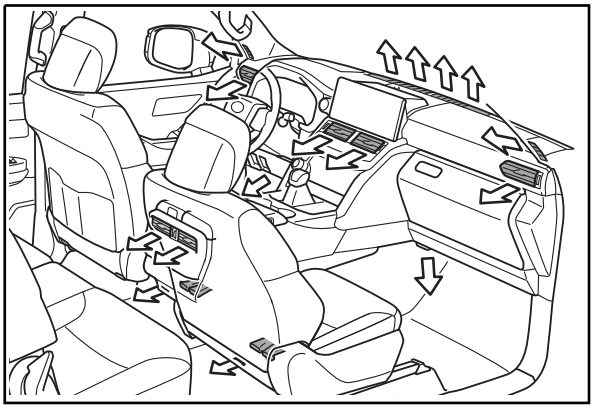
Bật/tắt bộ sưởi tăng cường

Nếu bạn không tắt công tắc này, tốc độ động cơ sẽ tăng lên cao mỗi khi khởi động động cơ.

Bố trí các cửa gió và hoạt động

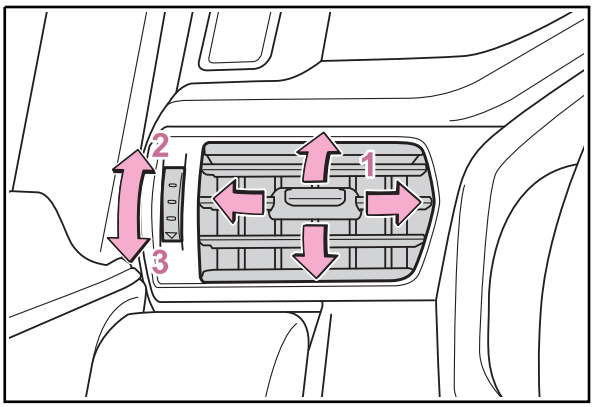
n Vị trí của các cửa gió

Các cửa gió và lưu lượng khí sẽ thay đổi theo chế độ luồng khí đã được chọn.



n Điều chỉnh hướng luồng khí thổi, đóng/mở cửa gió

▶ Phía trước

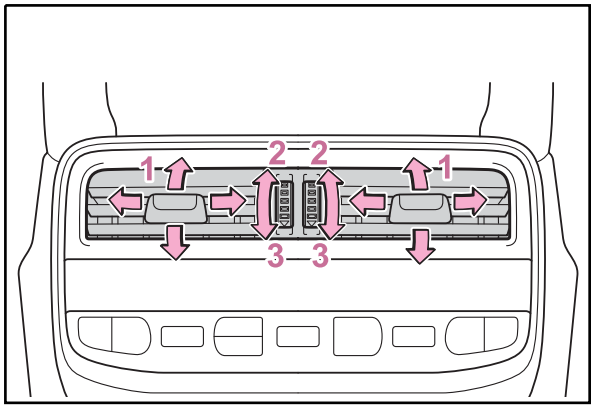


1 Chỉnh hướng gió thổi sang trái hoặc phải, lên trên hoặc xuống dưới

2 Mở chớp thông gió

3 Đóng chớp thông gió

▶ Phía sau (nếu có)



1 Chỉnh hướng gió thổi sang trái hoặc phải, lên trên hoặc xuống dưới

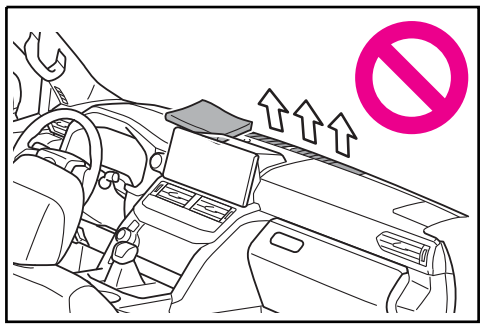
2 Mở chớp thông gió

3 Đóng chớp thông gió

CẢNH BÁO

n Để tránh làm gián đoạn vận hành bộ sấy kính chắn gió

Không đặt các đồ vật lên bảng táp lô bởi chúng có thể che khuất các cửa gió. Nếu không, luồng khí thổi có thể bị chặn lại, và bộ sấy kính chắn gió sẽ không sấy kính được.

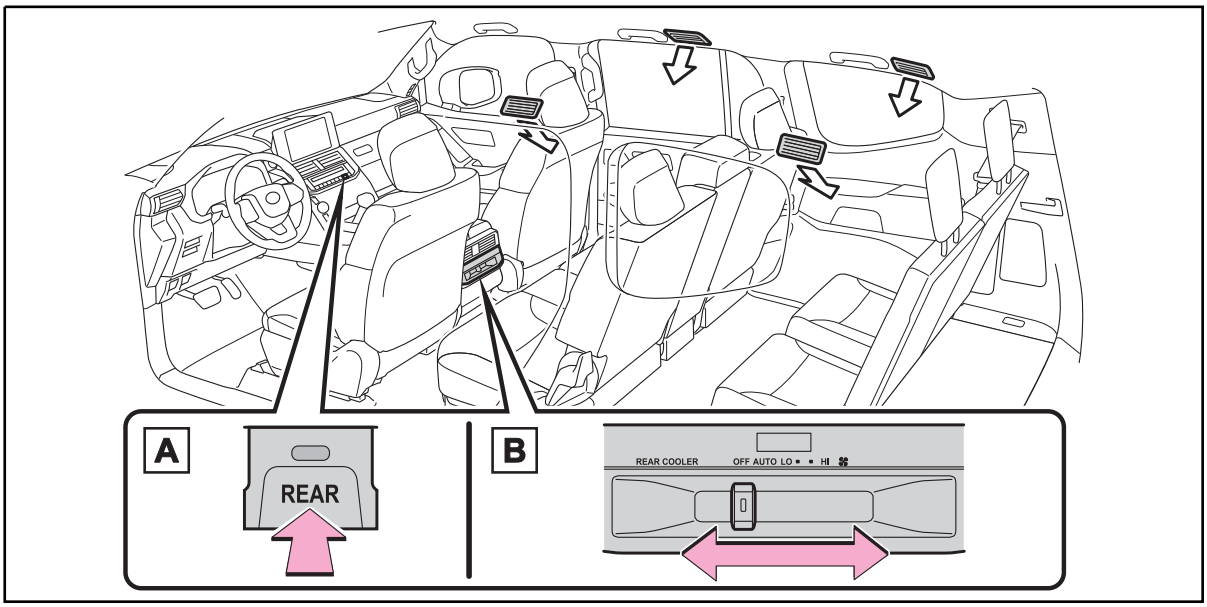


Hệ thống làm mát phía sau*

*: Nếu có

Hãy ấn nút "REAR" trên bảng điều khiển điều hòa không khí phía trước để sử dụng hệ thống làm mát phía sau.

Điều khiển hệ thống làm mát phía sau



A Nút "SAU"

B Núm điều chỉnh tốc độ quạt

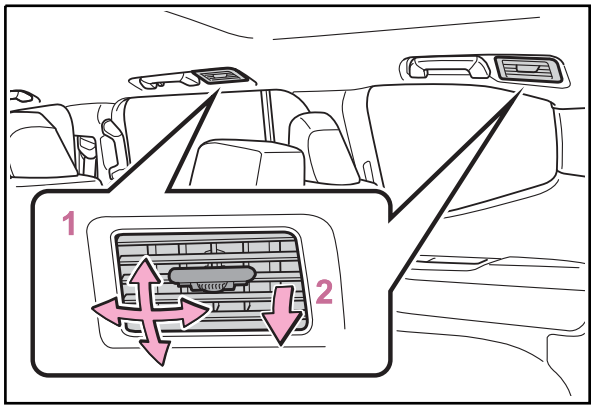
Điều chỉnh cài đặt tốc độ quạt

1 Hãy ấn nút "REAR" để bật hệ thống.

2 Sử dụng núm điều khiển tốc độ quạt để điều chỉnh tốc độ quạt mong muốn.

Hãy ấn nút "REAR" lần nữa hoặc đặt núm điều khiển tốc độ quạt đến "OFF" để tắt quạt.

Điều chỉnh hướng luồng khí thổi, đóng/mở cửa gió



1 Chỉnh hướng gió thổi sang trái hoặc phải, lên trên hoặc xuống dưới.

2 Vặn núm xuống hoàn toàn để đóng cửa gió.

n **Sử dụng chế độ "AUTO"**

Tốc độ quạt được điều chỉnh tự động theo cài đặt nhiệt độ của hệ thống điều hòa không khí phía trước và điều kiện môi trường.

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

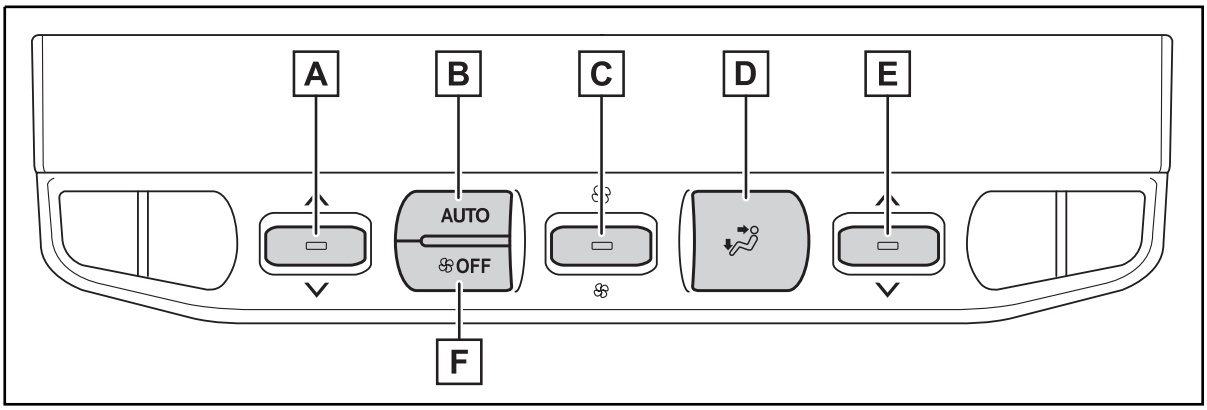
Không bật hệ thống điều hòa lâu quá mức cần thiết khi động cơ đang không hoạt động.

Hệ thống điều hòa không khí tự động phía sau*

*: Nếu có

Luồng khí thổi ra và tốc độ quạt sẽ tự động điều chỉnh theo cài đặt nhiệt độ.

Điều khiển điều hòa không khí phía sau



A Nút điều chỉnh nhiệt độ phía bên trái

B Nút chế độ tự động

C Nút điều khiển tốc độ quạt

D Nút điều khiển chế độ luồng khí

E Nút điều chỉnh nhiệt độ bên phải

F Nút "OFF"

n **Điều chỉnh cài đặt nhiệt độ**

Vận hành công tắc điều chỉnh nhiệt độ lên trên để tăng nhiệt độ và xuống dưới để giảm nhiệt độ.

Bạn có thể điều chỉnh nhiệt độ cho ghế bên phải và bên trái một cách độc lập.

n **Điều chỉnh cài đặt tốc độ quạt**

Điều chỉnh tốc độ quạt về phía lên để tăng tốc độ quạt và xuống để giảm tốc độ quạt.

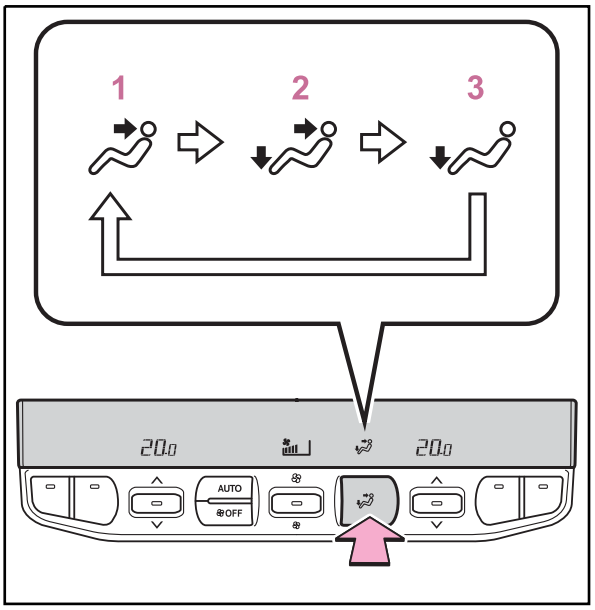
Tốc độ quạt sẽ xuất hiện trên màn hình. (7 mức độ)

Ấn nút "OFF" để tắt quạt.

n **Thay đổi chế độ luồng khí**

Ấn nút điều khiển chế độ luồng khí.

Chế độ luồng khí sẽ thay đổi mỗi khi ấn nút này.



1 Luồng khí thổi lên phần thân trên

2 Luồng khí thổi lên phần thân trên và chân

3 Luồng khí thổi vào chân

n Hoạt động của hệ thống điều hòa tự động phía sau

Khi tắt hệ thống điều hòa phía trước, chỉ có khí thổi ra mà không có chức năng làm mát.

n Thông gió và mùi điều hòa

Trong khi sử dụng, có rất nhiều mùi từ bên trong và bên ngoài xe có thể sẽ lọt vào và tích tụ trong hệ thống điều hòa. Nó có thể sẽ gây ra mùi thoát ra từ các cửa gió.

n Thay đổi cài đặt ghế sau từ ghế trước

Các cài đặt hệ thống điều hòa không khí tự động phía sau có thể được thay đổi từ bảng điều khiển hệ thống điều hòa không khí phía trước bằng cách vận hành nút “REAR”. (→P.481)

CHÚ Ý

n Để tránh làm hết điện của ắc quy

Không được bật hệ thống điều hòa lâu lơn mức cần thiết khi động cơ đang không hoạt động.

Sử dụng chế độ tự động

1 Hãy ấn nút "AUTO".

2 Điều chỉnh cài đặt nhiệt độ.

3 Để tắt, hãy ấn nút "OFF".

Nếu bạn điều chỉnh tốc độ quạt hoặc chế độ luồng khí thổi, đèn chỉ báo chế độ tự động sẽ tắt. Tuy nhiên, chế độ tự động cho các chức năng khác vẫn được duy trì.

n Sử dụng chế độ tự động

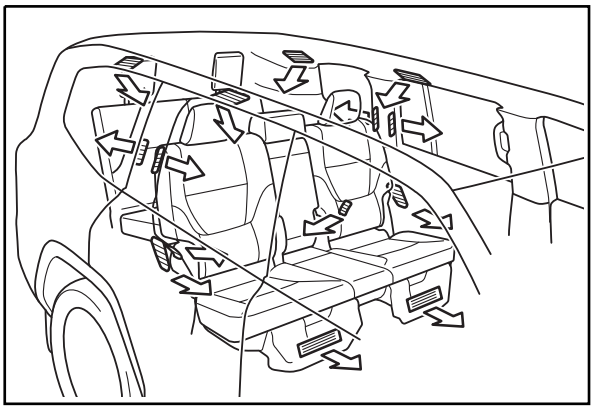
Tốc độ quạt được điều chỉnh tự động theo cài đặt nhiệt độ và điều kiện môi trường. Do đó, quạt có thể ngừng quay một lúc cho đến khi luồng khí ấm hoặc mát thổi ra sau khi ấn công tắc chế độ tự động.

Khí mát có thể thổi ra xung quanh thân trên kể cả khi bộ sưởi được bật do ánh sáng mặt trời.

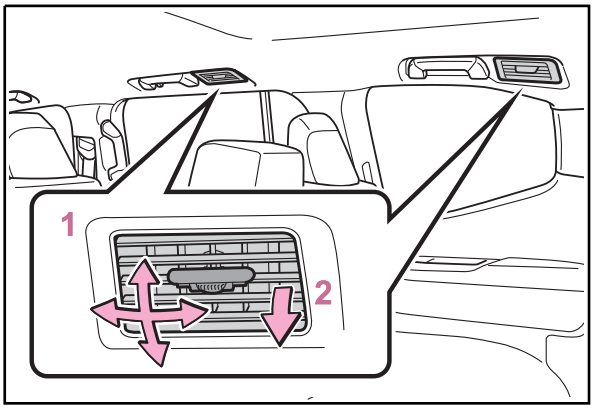
Bố trí các cửa gió và hoạt động

n Vị trí của các cửa gió

Các cửa gió và lưu lượng khí sẽ thay đổi theo chế độ luồng khí được chọn.



n **Điều chỉnh hướng luồng khí thổi, đóng/mở cửa gió (phía bên trần xe)**



1 Chỉnh hướng gió thổi sang trái hoặc phải, lên trên hoặc xuống dưới.

2 Vặn núm xuống hoàn toàn để đóng cửa gió.

Bộ sưởi vô lăng*/bộ sưởi ghế*/bộ thông gió cho ghế*

*: Nếu có

- Bộ sưởi vô lăng

Sấy nóng tay cầm của vô lăng

- Bộ sưởi ghế

Sưởi ấm bọc ghế

- Bộ thông gió cho ghế

Duy trì tình trạng thông thoáng tốt bằng cách thoát khí qua bọc ghế

CẢNH BÁO

n **Để tránh bị bỏng hoặc bị chấn thương**

Cần cẩn thận để tránh bị thương nếu một trong số các đối tượng sau tiếp xúc với vô lăng và các ghế khi bộ sưởi bật:

- Trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, người già, người ốm và người khuyết tật
- Người có làn da nhạy cảm
- Người bị ốm, mệt mỏi
- Những người đã sử dụng rượu bia hoặc thuốc gây buồn ngủ (thuốc ngủ, thuốc cảm…)

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng bộ sưởi ghế và bộ thông gió cho ghế**

Không để các vật nặng có bề mặt gồ ghề lên ghế và không để các vật sắc nhọn (kim, đinh...) đâm vào ghế.

CHÚ Ý

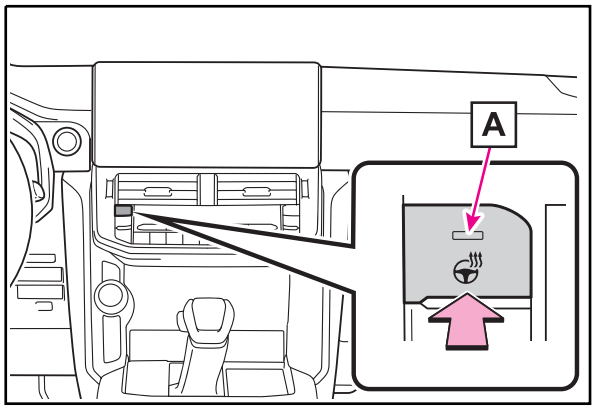
n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Không được sử dụng các chức năng này khi động cơ không hoạt động.

Vận hành bộ sưởi vô lăng

Nhấn công tắc để bật/tắt bộ sưởi vô lăng.

Đèn chỉ báo A sẽ sáng lên khi bộ sưởi vô lăng đang hoạt động.



n **Điều kiện hoạt động**

Công tắc động cơ ở ON.

n **Nếu đèn chỉ báo nhấp nháy**

Ấn nút để tắt bộ sưởi vô lăng và sau đó bật lại. Nếu đèn chỉ báo vẫn nhấp nháy, có thể đã xảy ra hư hỏng. Tắt bộ sưởi vô lăng và yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

Vận hành bộ sưởi ghế

n **Ghế trước**

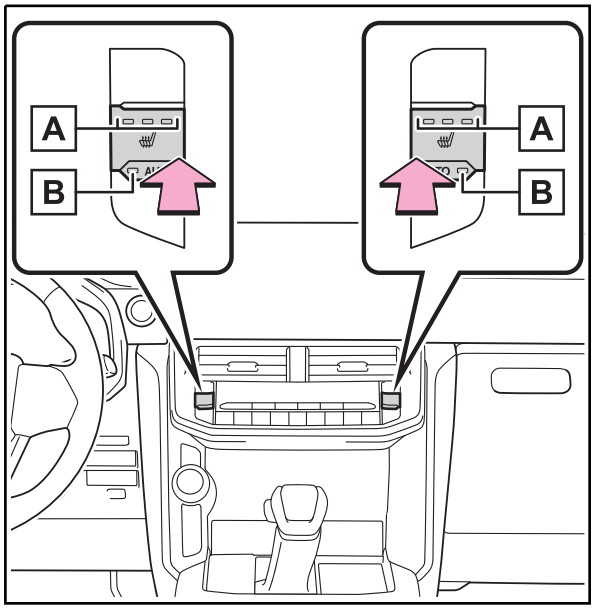
Hãy ấn nút này để bật/tắt bộ sưởi ghế.

Mỗi lần ấn nút, điều kiện hoạt động thay đổi như sau.

AUTO (sáng) → Cao (sáng 3 vạch) → Trung bình (sáng 2 vạch) → Thấp (sáng 1 vạch) → Tắt

Đèn chỉ báo AUTO B và/hoặc đèn chỉ báo A sáng lên khi đang hoạt động.

Khi đang ở chế độ AUTO, các bộ sưởi ghế hoặc bộ thông gió cho ghế sẽ tự động hoạt động theo từng tình huống.



n **Hàng ghế thứ hai bên ngoài (nếu có)**

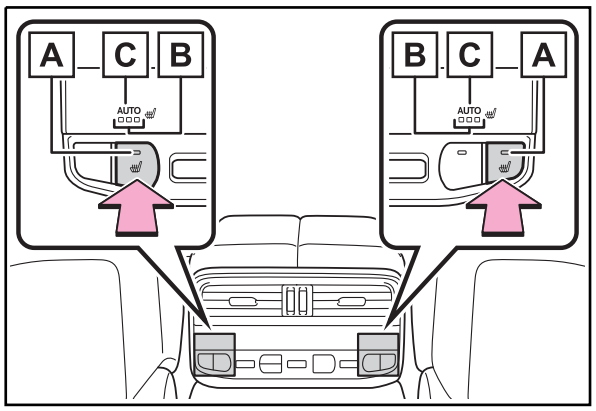
Hãy ấn nút này để bật/tắt bộ sưởi ghế.

Mỗi lần ấn nút, điều kiện hoạt động thay đổi như sau.

AUTO (sáng) → Cao (sáng 3 vạch) → Trung bình (sáng 2 vạch) → Thấp (sáng 1 vạch) → Tắt

Trong khi các bộ sưởi ghế phía sau đang hoạt động, đèn chỉ báo A trên công tắc bộ sưởi ghế và đèn chỉ báo mức B sáng, hoặc đèn chỉ báo A trên công tắc bộ sưởi ghế, đèn chỉ báo mức B và đèn chỉ báo “AUTO” C sáng.

Khi đang ở chế độ AUTO, các bộ sưởi ghế hoặc bộ thông gió cho ghế sẽ tự động hoạt động theo từng tình huống.



n **Có thể sử dụng bộ sưởi ghế khi**

Công tắc động cơ ở ON.

n **Tùy chọn**

Có thể thay đổi được các cài đặt các bộ sưởi ghế. (Tính năng tùy chọn: →P.688)

CẢNH BÁO

n **Để tránh bị bỏng hoặc bị chấn thương**

Hãy tuân thủ theo các lưu ý sau khi sử dụng bộ sưởi ghế

- Không được dùng bất kỳ vật gì để che phủ lên ghế khi sử dụng bộ sưởi ghế.
- Không sử dụng bộ sưởi ghế khi không cần thiết.

Vận hành các bộ thông gió ghế

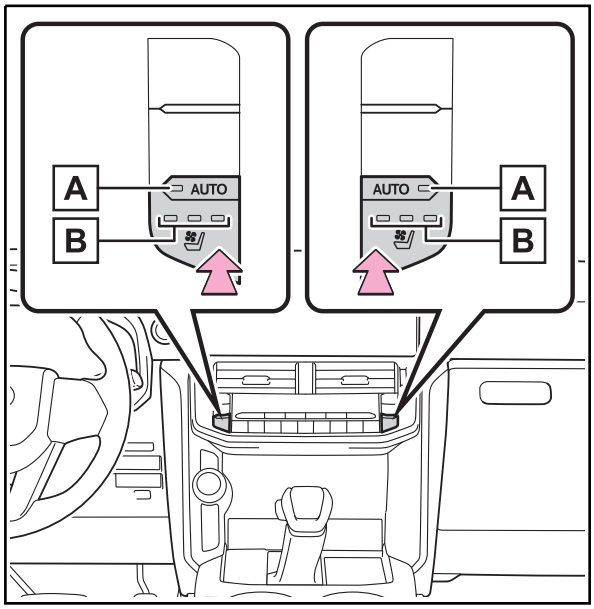
n **Ghế trước**

Ấn công tắc để để bật hoặc tắt bộ thông gió ghế.

Mỗi lần ấn công tắc, tình trạng hoạt động sẽ thay đổi như sau.
AUTO (sáng) → Cao (sáng 3 vạch) → Trung bình (sáng 2 vạch) → Thấp (sáng 1 vạch) → Tắt

Đèn chỉ báo AUTO A và/hoặc đèn chỉ báo B sáng lên khi đang hoạt động.

Khi đang ở chế độ AUTO, các bộ sưởi ghế hoặc bộ thông gió cho ghế sẽ tự động hoạt động theo từng tình huống.



n **Hàng ghế thứ hai bên ngoài (nếu có)**

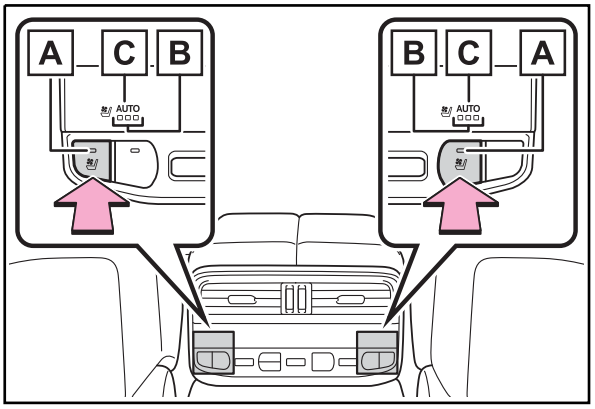
Ấn công tắc để để bật hoặc tắt bộ thông gió ghế.

Mỗi lần ấn nút, điều kiện hoạt động thay đổi như sau.

AUTO (sáng) → Cao (sáng 3 vạch) → Trung bình (sáng 2 vạch) → Thấp (sáng 1 vạch) → Tắt

Trong khi các bộ thông gió cho ghế sau đang hoạt động, đèn chỉ báo A trên công tắc bộ thông gió ghế và đèn chỉ báo mức B sáng, hoặc đèn chỉ báo A trên công tắc bộ thông gió ghế, đèn chỉ báo mức B và đèn chỉ báo “AUTO” C sáng.

Khi đang ở chế độ AUTO, các bộ sưởi ghế hoặc bộ thông gió cho ghế sẽ tự động hoạt động theo từng tình huống.



n Có thể sử dụng bộ thông gió cho ghế khi

Công tắc động cơ ở ON.

n Chế độ điều khiển liên kết với hệ thống điều hòa không khí

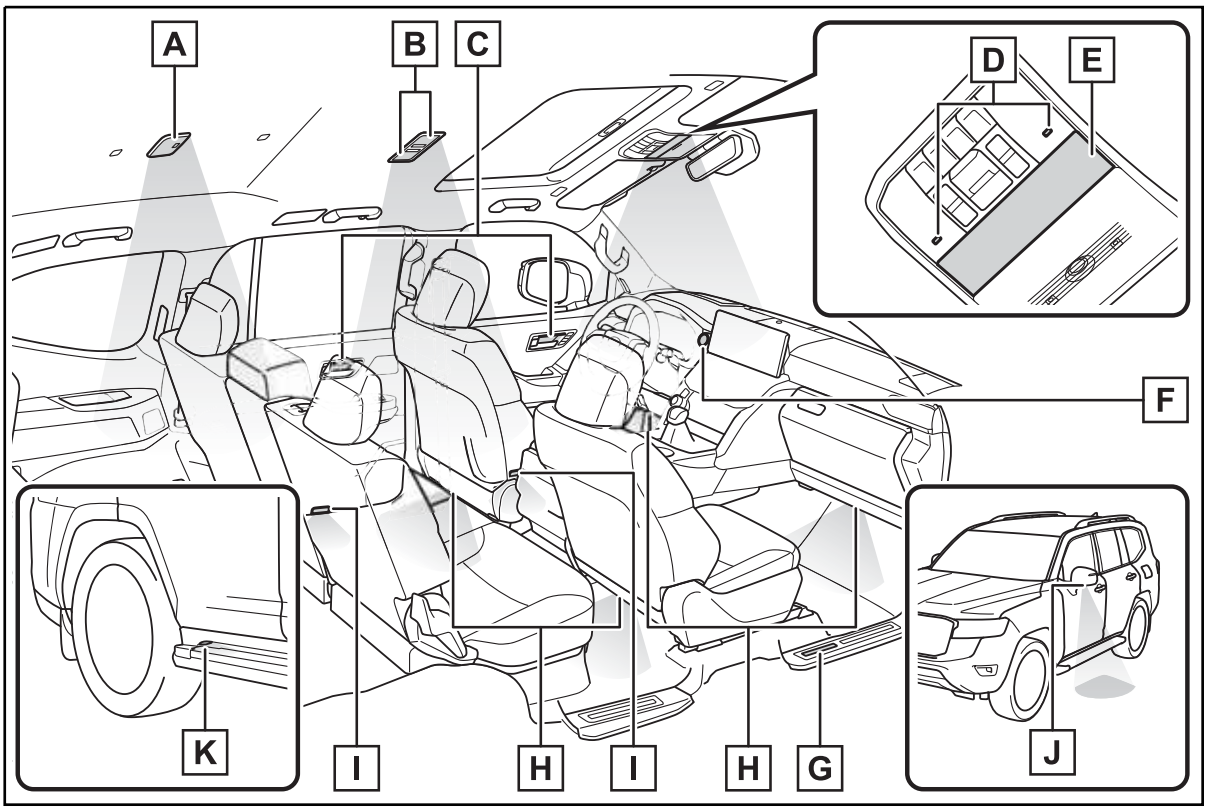
Khi tốc độ quạt của bộ thông gió ghế ở mức cao Hi, tốc độ quạt sẽ trở nên cao hơn so với tốc độ quạt của hệ thống điều hòa không khí.

n Tùy chọn

Có thể thay đổi được các cài đặt các bộ thông gió cho ghế. (Tính năng tùy chọn: →P.688)

Danh sách các đèn trong xe

Vị trí của các đèn trong xe



A Đèn cá nhân phía sau (→P.494)

B Các đèn trần phía sau*/đèn cá nhân phía sau* (→P.493, 494)

C Đèn soi tay nắm cửa bên trong xe*

D Các đèn cần chuyển số

E Đèn nội thất phía trước*/đèn cá nhân phía trước* (→P.493, 494)

F Chiếu sáng công tắc động cơ

G Đèn vị trí bậc lên xuống*

H Đèn soi chân*

I Đèn cửa xe*

J Đèn soi chân phía ngoài xe*

K Đèn chiếu sáng bậc lên xuống*

*: Nếu có

n Hệ thống chiếu sáng lối vào

Các đèn tự động bật/ tắt theo chế độ của công tắc động cơ, chìa khóa điện tử có gần xe, các cửa xe khóa/ mở khóa, các cửa xe mở/ đóng.

n Để tránh làm hết điện của ắc quy

Nếu các đèn bên trong xe vẫn đang sáng khi tắt công tắc động cơ, thì các đèn này sẽ tự động tắt đi sau 20 phút.

n Các đèn nội thất tự động bật sáng

Nếu có bất kỳ túi khí SRS nào bị nổ hoặc trong trường hợp va chạm mạnh từ phía sau, các đèn trần sẽ bật tự động.
Các đèn trần sẽ tự động tắt sau khoảng 20 phút.
Có thể tắt được các đèn trần bằng cách thủ công. Tuy nhiên, để tránh gây ra va chạm khác, chúng tôi khuyên rằng nên để chúng sáng cho đến khi đã đảm bảo an toàn. (Các đèn trần có thể không bật tự động tùy vào lực tác động và tình trạng va chạm.)

n Tùy chọn

Có thể thay đổi các cài đặt (ví dụ thời gian trước khi các đèn tắt). (Tính năng tùy chọn: →P.688)

CHÚ Ý

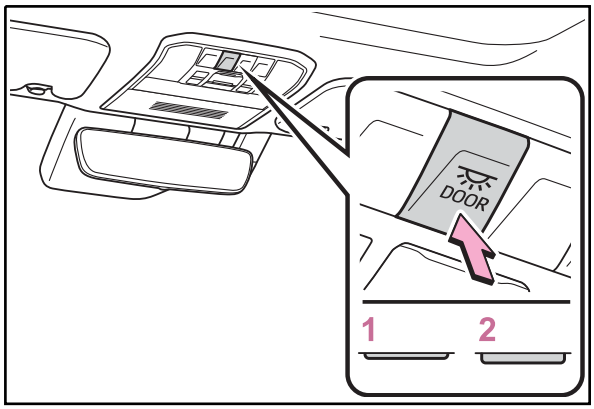
n Để tránh làm hết điện của ắc quy

Khi động cơ không hoạt động, không bật đèn trong thời gian quá lâu nếu không cần thiết.

Sử dụng các đèn trong xe

n Đèn nội thất phía trước (nếu có)

- Bật công tắc tới vị trí liên kết với cửa



1 Bật chức năng liên kết với cửa xe (vị trí cửa)

Các đèn sẽ bật/tắt theo trạng thái mở/đóng của các cửa xe.

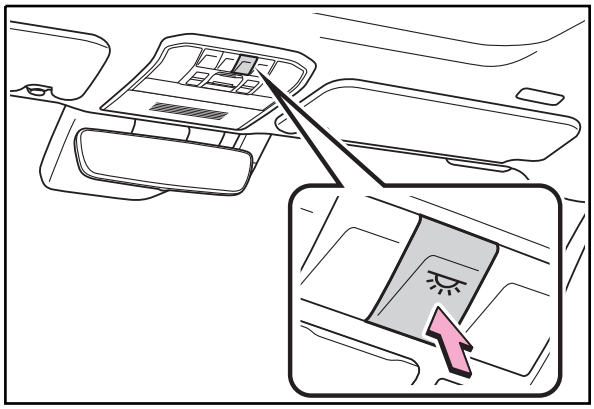
2 Tắt chức năng liên kết với vị trí cửa

- Bật/tắt các đèn

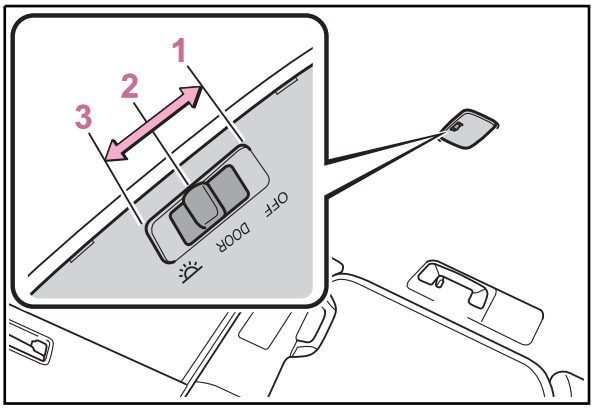
Bật/tắt các đèn

Các cá nhân phía sau cũng có thể bật cùng với đèn trong xe phía trước.

Khi có bất kỳ một cửa nào đó được mở, các đèn này sẽ sáng lên.



n Đèn nội thất phía sau (nếu có)



1 Tắt đèn

2 Bật chức năng liên kết với cửa xe (vị trí cửa)

Các đèn sẽ bật/tắt theo trạng thái mở/đóng của các cửa xe.

3 Bật đèn

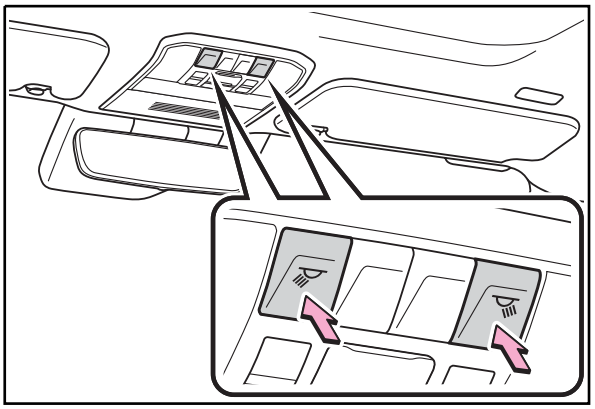
Các cá nhân phía sau cũng có thể bật cùng với đèn trần phía sau.

Vận hành các đèn cá nhân

n Đèn cá nhân phía trước (nếu có)

Bật/tắt các đèn

Khi các đèn cá nhân phía trước sáng cùng với chức năng liên kết với cửa xe bật (vị trí cửa), chúng sẽ tắt ngay cả khi đã ấn công tắc.

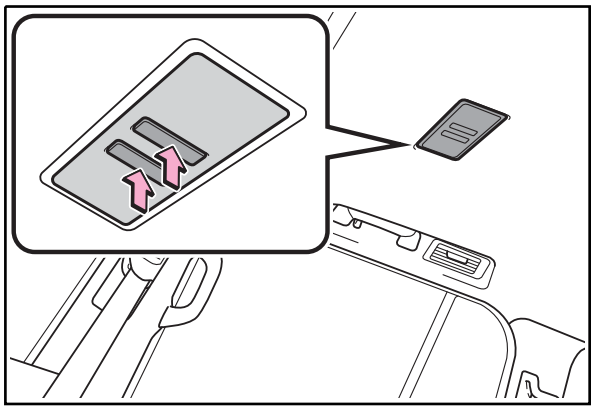


n Đèn cá nhân phía sau

▶ Hàng ghế thứ hai (nếu có)

Bật/tắt các đèn

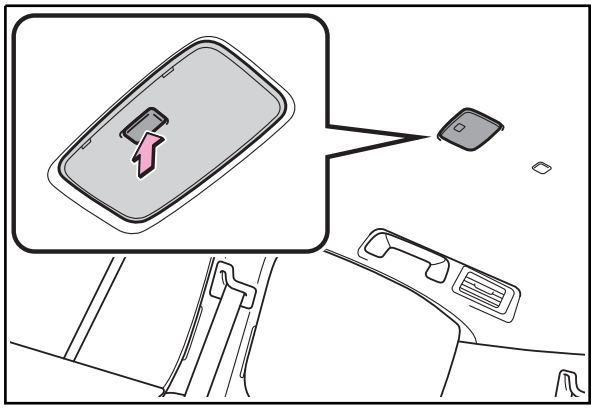
Khi các đèn cá nhân phía sau sáng cùng với hoạt động liên kết với đèn trần hoặc chúng sáng lên cùng với chức năng liên kết với cửa xe bật (vị trí cửa), chúng sẽ không tắt ngay cả khi đã ấn công tắc.



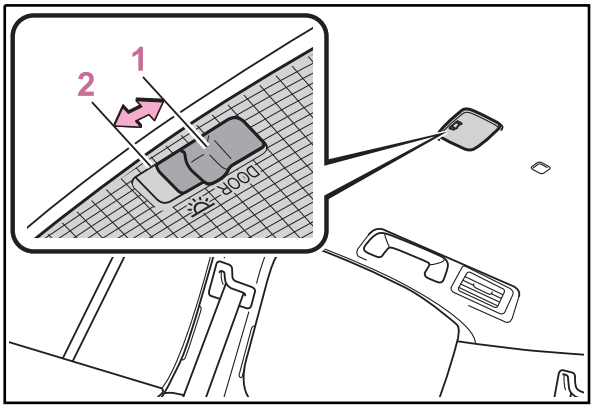
▶ Hàng ghế thứ 3 (kiểu A)

Bật/tắt các đèn

Khi các đèn cá nhân phía sau sáng cùng với hoạt động liên kết với đèn trần hoặc chúng sáng lên cùng với chức năng liên kết với cửa xe bật (vị trí cửa), chúng sẽ không tắt ngay cả khi đã ấn công tắc.



▶ Hàng ghế thứ 3 (kiểu B)

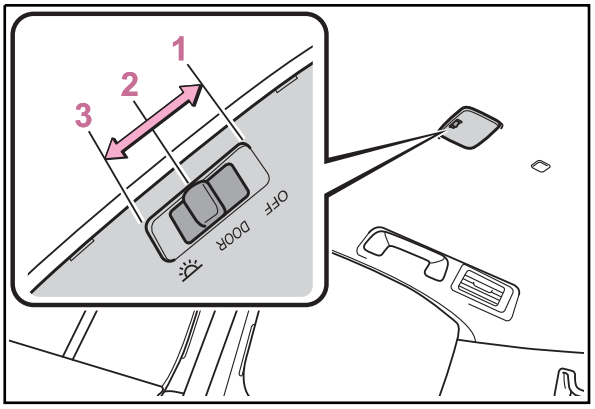


1 Bật chức năng liên kết với cửa xe (vị trí cửa)

Khi có bất kỳ một cửa nào đó được mở hoặc đóng khi vị trí cửa của đèn trần phía trước đang bật, các đèn này sẽ sáng hoặc tắt một cách tương ứng.

2 Bật đèn

▶ Hàng ghế thứ 3 (kiểu C)



1 Tắt đèn

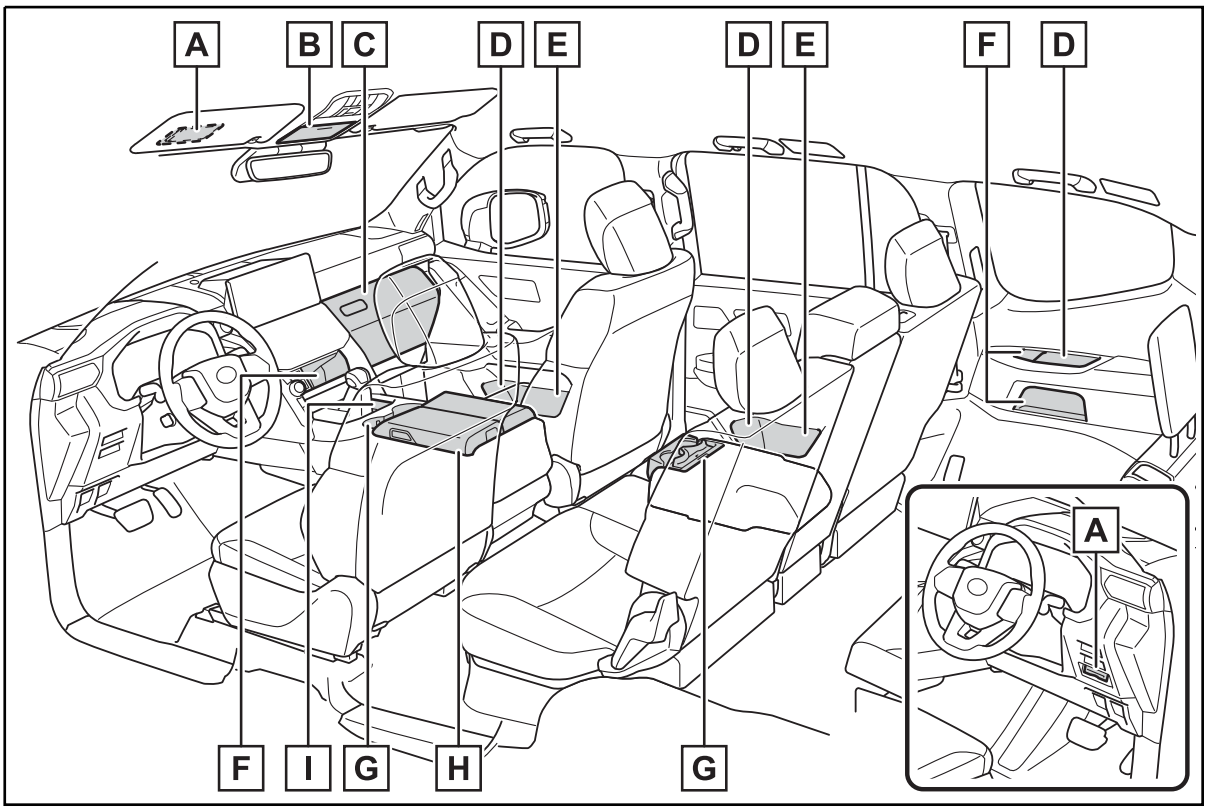
2 Bật chức năng liên kết với cửa xe (vị trí cửa)

Khi có bất kỳ một cửa nào đó được mở hoặc đóng khi vị trí cửa của trần phía sau đang bật, các đèn này sẽ sáng hoặc tắt một cách tương ứng.

3 Bật đèn

Danh sách các ngăn đựng đồ

Vị trí của các ngăn đựng đồ



A Ngăn để thẻ (nếu có) (→P.500)

B Hộp đồ phía trên trần (nếu có) (→P.498)

C Ngăn đựng găng tay (→P.497)

D Ngăn để chai (→P.499)

E Hốc để đồ trên cửa xe

F Các ngăn đựng đồ vặt (nếu có) (→P.500)

G Ngăn để cốc (→P.498)

H Hộp dầm (nếu có) (→P.497)

I Khay mở (nếu có) (→P.501)

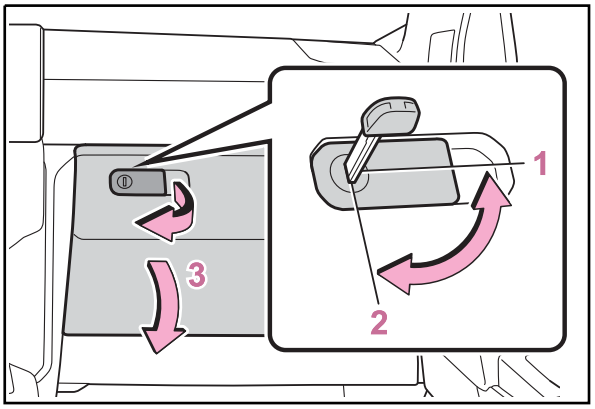
CẢNH BÁO

n **Những đồ vật không nên để trong các ngăn đựng đồ**

Không để kính mắt, bật lửa, bình xịt ở trong ngăn đựng đồ, khi nhiệt độ trong cabin tăng cao, có thể gây ra những vấn đề sau:

- Kính mắt có thể bị biến dạng do nhiệt độ cao hoặc bị nứt nếu bị các đồ vật khác đè phải.
- Bật lửa hoặc các bình xịt có thể bị nổ. Nếu bị các đồ vật khác đè phải, bật lửa có thể sẽ bắt lửa hoặc bình xịt có thể xì khí và gây ra hỏa hoạn.

Ngăn đựng găng tay



1 Mở khóa bằng chìa khóa cơ

2 Khóa bằng chìa khóa cơ

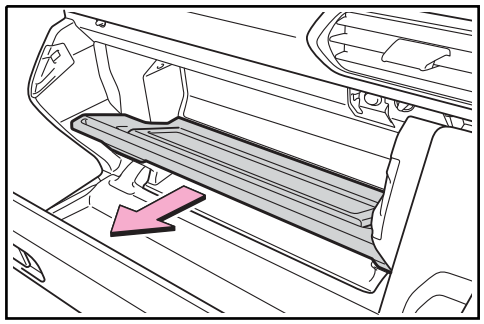
3 Mở (kéo lẫy lên)

n **Đèn chiếu sáng ngăn đựng găng tay**

Đèn chiếu sáng ngăn đựng găng tay sẽ sáng lên khi các đèn hậu đang bật.

n **Tháo ngăn chia**

Có thể tháo miếng ngăn bên trong ngăn đựng găng tay bằng cách kéo nó.



CẢNH BÁO

n **Chú ý khi lái xe**

Hãy đóng ngăn đựng găng tay lại. Nếu không khi phanh gấp hoặc đánh lái gấp, hành khách có thể sẽ bị va phải ngăn đựng găng tay hoặc các đồ vật để trong hộp có thể sẽ bắn văng ra ngoài và gây ra tai nạn.

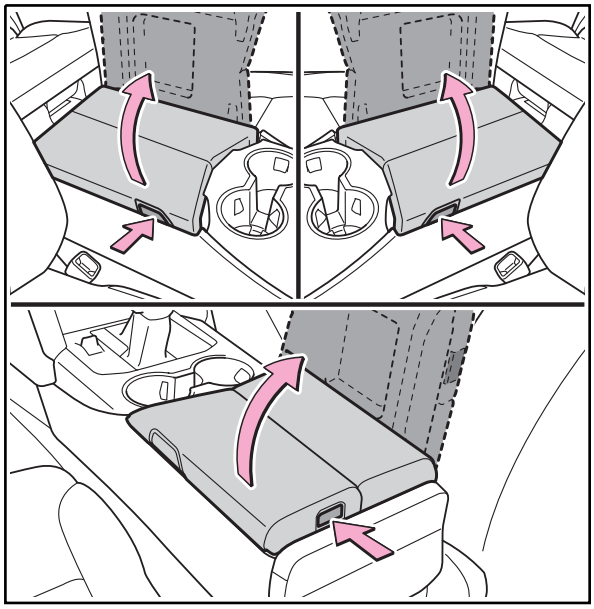
Hộp dầm (nếu có)

Xe của bạn được trang bị hộp dầm hoặc ngăn lạnh.

Với xe có ngăn lạnh, hãy tham khảo trang P.506.

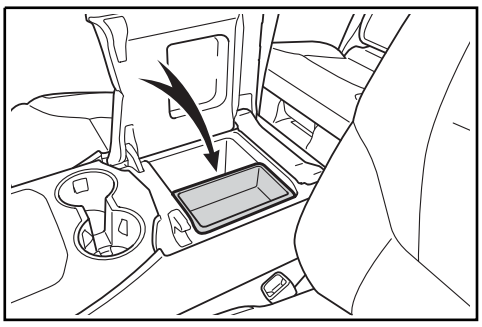
Trong khi đang ấn nút, nhấc lên và mở nắp.

Có thể mở hộp dầu từ phía bên phải, bên trái hoặc phía sau của hộp dầm.



n **Khay trong hộp dầm**

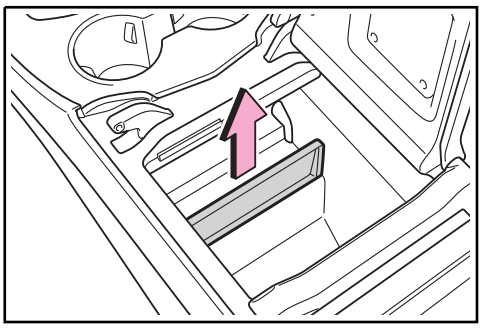
Có thể dịch chuyển được khay trong hộp dầm sang bên trái hoặc bên phải hoặc có thể tháo nó ra.



n **Miếng ngăn của hộp dầm**

Có tháo miếng ngăn bên trong ra được.

Tháo miếng ngăn của hộp dầm.



CẢNH BÁO

n **Chú ý khi lái xe**

Luôn đóng nắp hộp dầm.

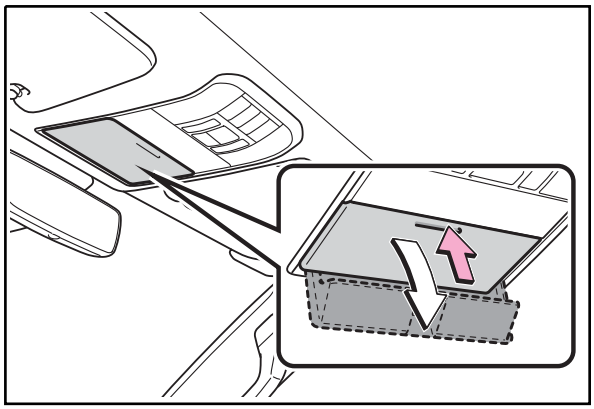
Có thể sẽ gây ra chấn thương trong trường hợp gặp tai nạn hay phanh gấp.

n **Khi mở hoặc đóng hộp dầm**

Đặc biệt chú ý để tránh cho các ngón tay, vv... của bạn khỏi bị kẹp.

Hộp đồ phía trên trần (nếu có)

Ấn vào nắp hộp.



CẢNH BÁO

n **Những đồ vật không nên để trong hộp đồ phía trên trần**

Không được để vật nặng quá 0.2 kg trong ngăn.

Nếu không có thể sẽ làm cho hộp đồ phía trên trần xe bị mở ra và đồ vật trong hộp bị rơi ra ngoài, dẫn đến tai nạn.

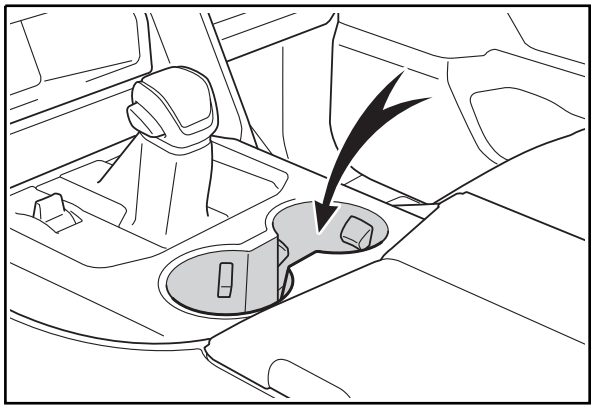
n **Chú ý khi lái xe**

Hãy giữ cho hộp dầm trên trần luôn đóng.

Có thể sẽ gây ra chấn thương trong trường hợp gặp tai nạn hay phanh gấp.

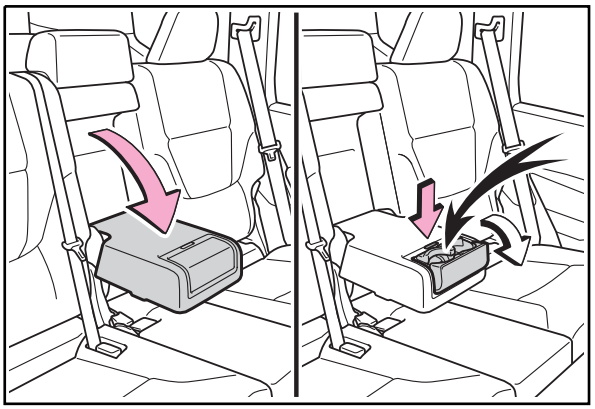
Ngăn để cốc

n **Ghế trước**



n **Hàng ghế thứ hai (nếu có)**

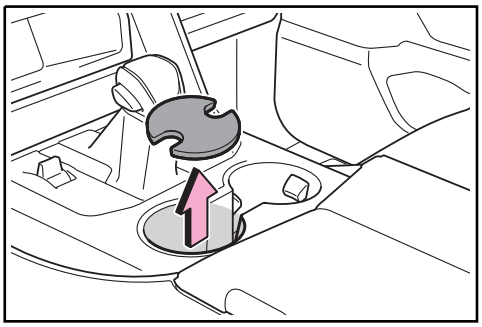
Để mở, hãy kéo tựa tay xuống và ấn vào và nhả ngăn để cốc phía sau trên tựa tay.



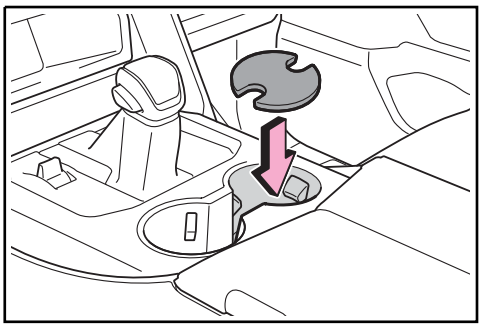
n Giá để cốc ghế trước

l Có thể tháo khay ở trong giá để cốc phía người lái.

Khi đã tháo khay, có thể sử dụng giá để cốc để đựng chai.



l Khay đã tháo ra có thể để ở bên giá để cốc phía hành khách phía trước.



⚠ CẢNH BÁO

n Những đồ vật không nên đặt trong ngăn để cốc

l Không được để bất kỳ thứ gì khác ngoài cốc đựng hoặc các lon đồ uống vào trong ngăn đựng cốc.

Những đồ vật đó có thể sẽ bị văng ra khỏi giá khi xe bị tai nạn hoặc phanh gấp và dẫn tới chấn thương. Nếu có thể, hãy đậy nắp cho cốc đựng nước nóng để tránh bị bỏng.

l Không được để bất kỳ thứ gì khác ngoài chai nhựa trong giá để cốc cùng. Nó giúp tránh được hoạt động di chuyển.

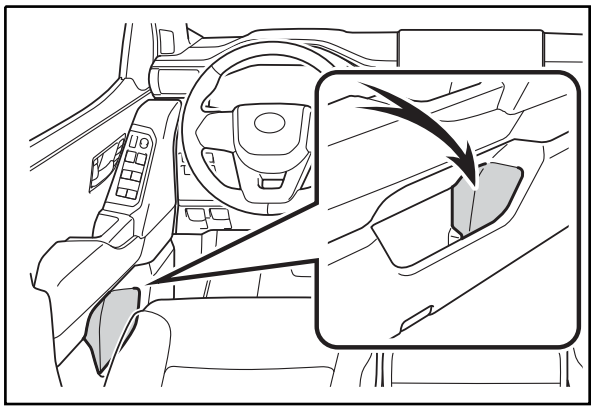
⚠ CHÚ Ý

n Để tránh làm hỏng ngăn để cốc (hàng ghế thứ hai) (nếu có)

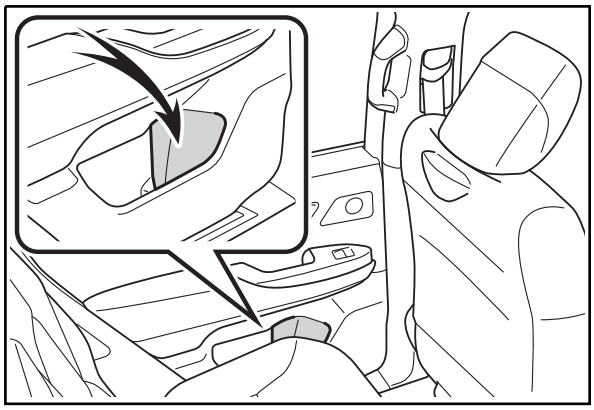
Hãy thu ngăn để cốc lại trước khi gập tựa tay phía sau.

Ngăn để chai

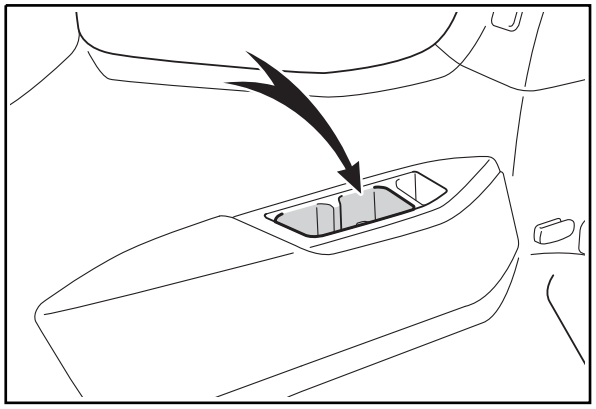
n Cửa trước



n Cửa sau



n Ốp bên phía sau



n Ngăn để chai

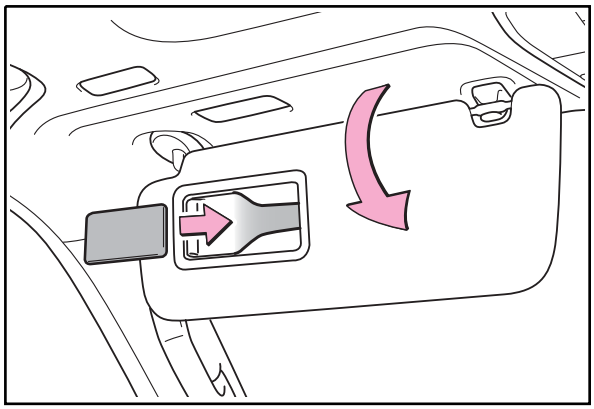
- Khi để chai trong ngăn, hãy đóng nắp chai lại.
- Ngăn để chai có thể sẽ không giữ được một số loại chai do kích thước và hình dạng của chai.

> ⚠ CHÚ Ý
>
> **n Những đồ vật không nên để trong ngăn đựng chai**
>
> Không để các chai mở nắp hoặc cốc giấy và cốc thủy tinh có chứa chất lỏng trong ngăn đựng chai. Nước đựng trong cốc/chai có thể sẽ văng ra ngoài hoặc cốc/chai thủy tinh có thể sẽ bị vỡ.

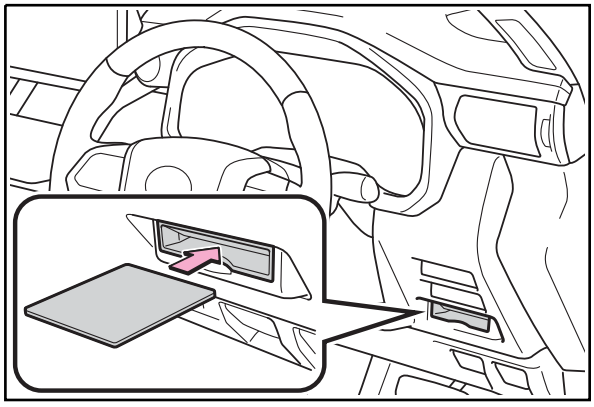
Ngăn để thẻ (nếu có)

n Bên trong tấm chắn nắng (nếu có)

Lật tấm chắn nắng xuống để sử dụng.

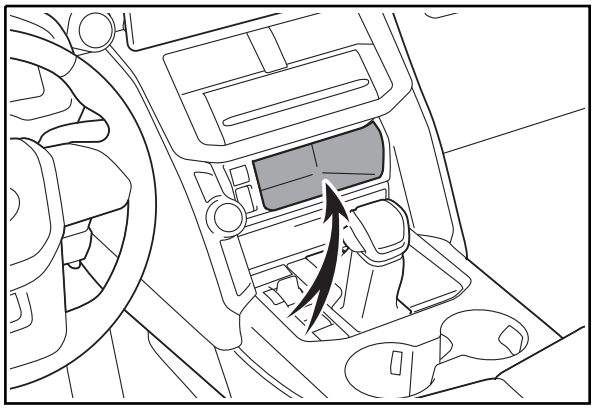


n Bảng táp lô (nếu có)

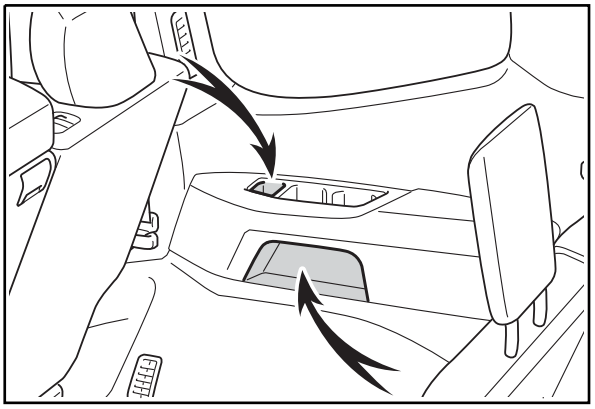


Hộp đựng đồ vặt

n Phía trước (nếu có)



n Ốp bên phía sau (nếu có)



CẢNH BÁO

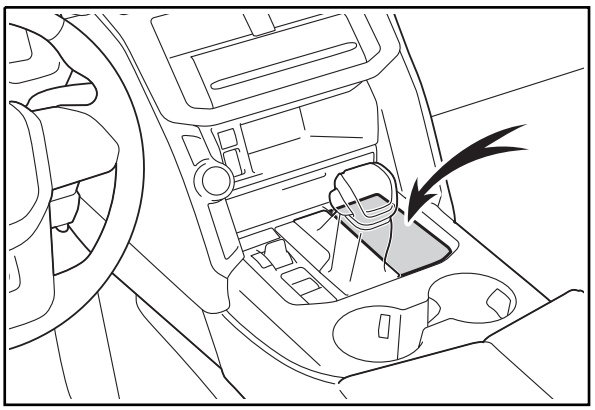
n **Chú ý khi lái xe**

Không để ngăn đựng đồ vặt mở trong khi lái xe.

Những đồ vật này có thể văng ra ngoài gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong cho người ngồi trong xe khi xe bị tai nạn hoặc phanh gấp.

Khay mở (nếu có)

Xe có bộ sạc không dây: →P.511



CẢNH BÁO

n **Những đồ vật không nên đặt trong khay mở**

Hãy tuân theo các lưu ý sau khi để các đồ vật trong khay mở. Nếu không, những đồ vật có thể sẽ bị văng ra ngoài khay khi xe phanh gấp hoặc cua gấp. Trong những trường hợp đó, những đồ vật này có thể sẽ cản trở tới việc vận hành bàn đạp.. hoặc làm cho người lái bị sao nhãng, dẫn đến tai nạn.

- Không được để những đồ vật dễ bị dịch chuyển hoặc bị lật ra khỏi khay.
- Không được để đồ vật trong khay cao hơn thành của khay.
- Không để các đồ vật trong khay mà một phần của đồ vật nhô ra khỏi mép khay.

Đặc điểm của khoang để hành lý

CẢNH BÁO

n **Chú ý khi lái xe**

Luôn đóng nắp ngăn đựng đồ vặt.

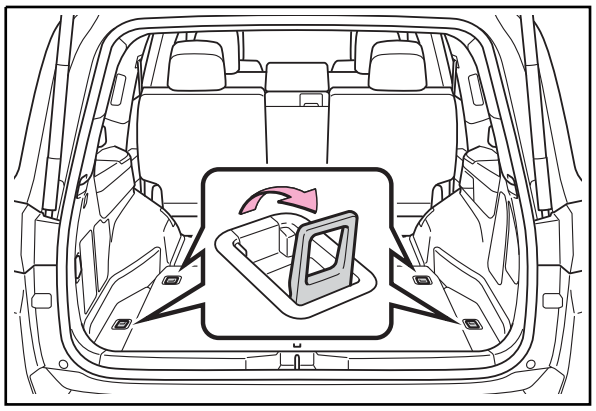
Trong trường hợp phanh gấp hoặc đánh lái gấp, hành khách có thể sẽ bị va phải hộp đựng đồ vật hoặc các vật bên trong sẽ bắn văng ra ngoài và gây ra tai nạn.

Móc cố định hành lý

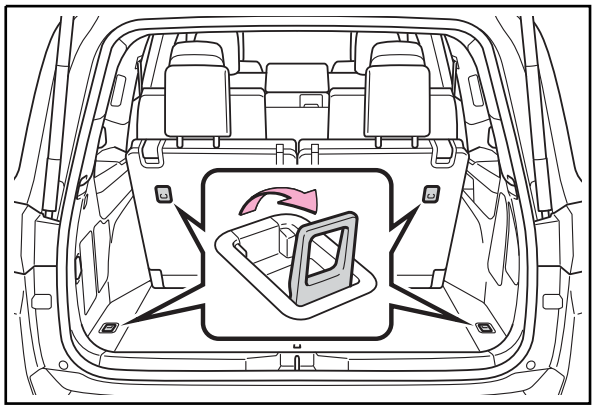
Nâng móc lên để sử dụng.

Móc cố định hành lý được dùng cố định các hàng hóa.

▶ Kiểu xe 5 ghế



▶ Kiểu xe 7 ghế



CẢNH BÁO

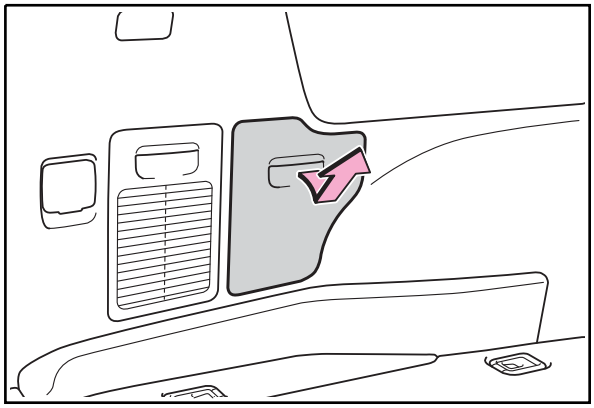
n **Khi không sử dụng các móc buộc hàng hóa**

Để tránh bị chấn thương, hãy luôn nhớ để các móc cố định hàng hóa về đúng vị trí của chúng khi không sử dụng tới.

Ngăn cất đồ

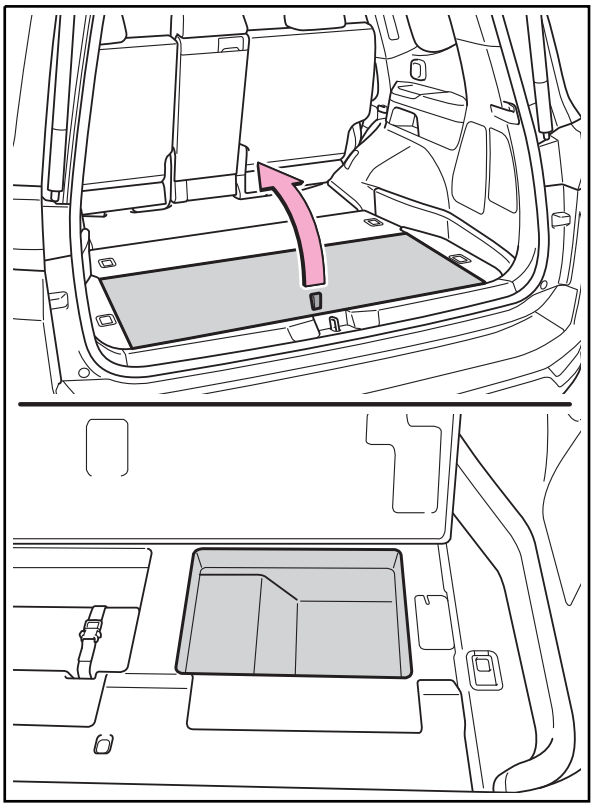
n **Cạnh bên của khoang hành lý (nếu có)**

Tháo nắp che.



n **Khoang hành lý (xe có 5 ghế)**

Mở tấm che sàn khoang hành lý.

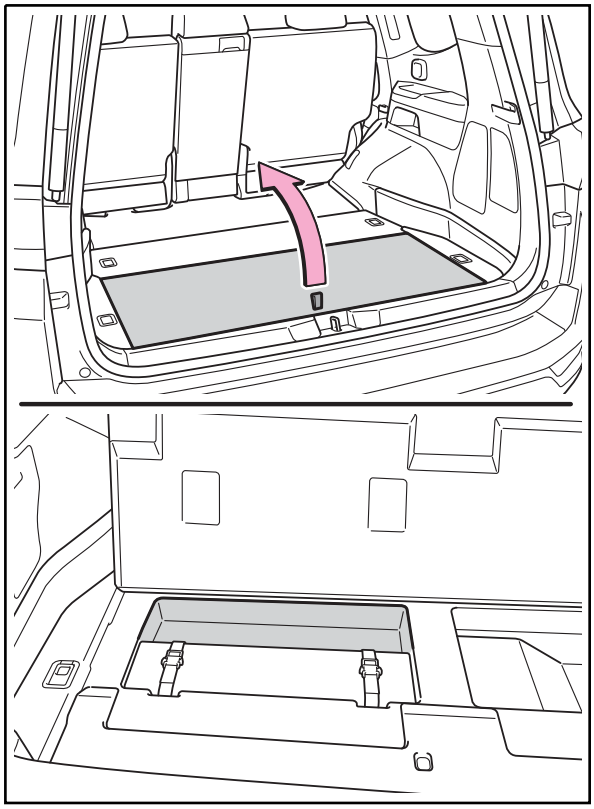


Hộp đựng biển cảnh báo

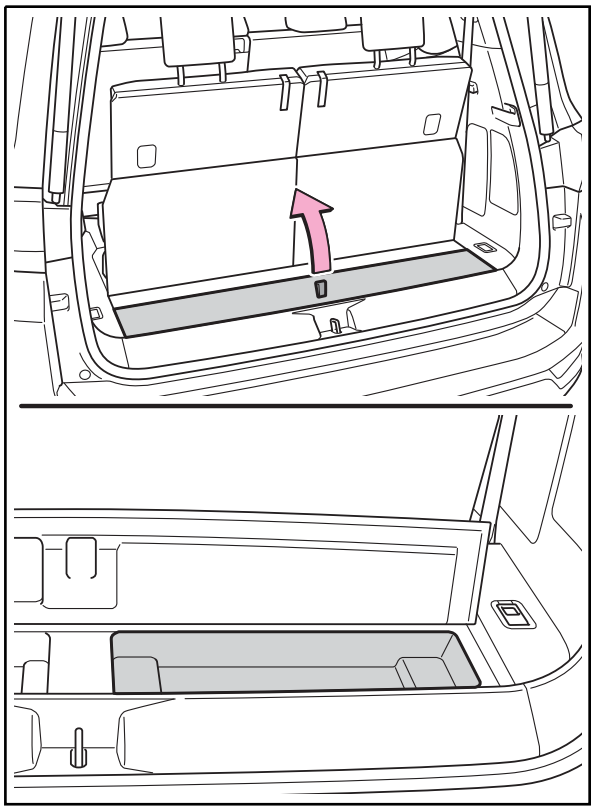
Mở tấm che sàn khoang hành lý.

Bản thân biển cảnh báo không phải là trang bị tiêu chuẩn trên xe.

▶ Kiểu xe 5 ghế



▶ Kiểu xe 7 ghế



n **Biển cảnh báo**

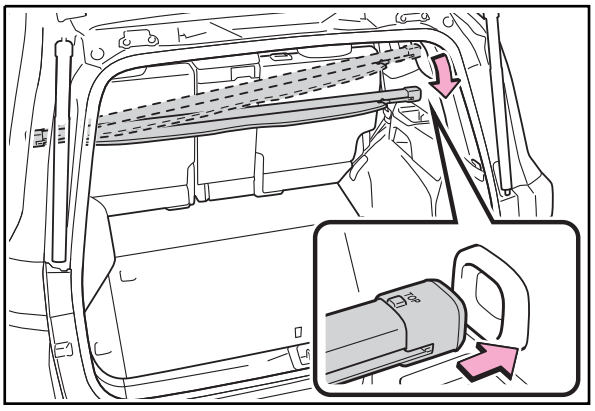
Tùy thuộc vào kích thước và hình dạng của biển cảnh báo... mà có thể

sẽ không cho vào được.

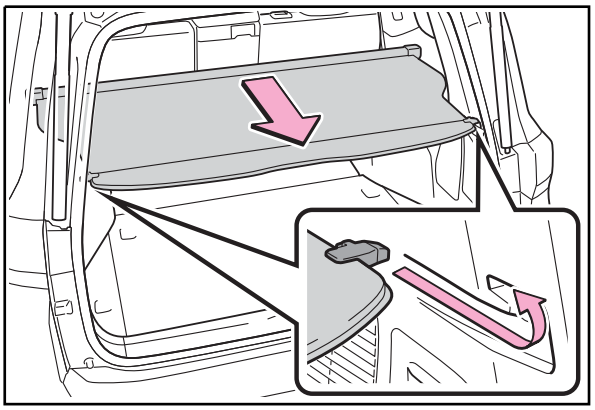
Tấm che hành lý (nếu có)

n Lắp tấm che hành lý

1 Lắp một cạnh của tấm che hành lý vào giá bắt. Trong khi ấn vào cạnh, lắp một cạnh còn lại và giá bắt phía đối diện.

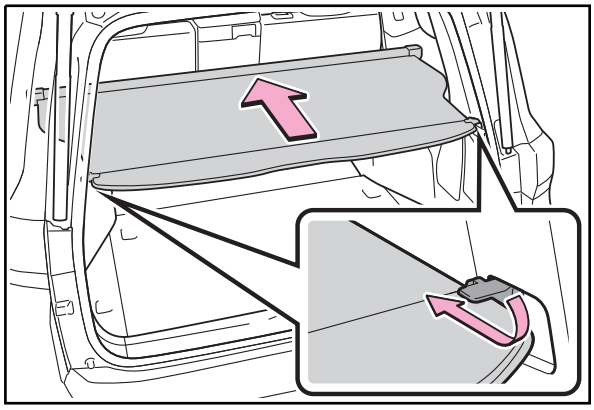


2 Hãy kéo tấm che hành lý ra và móc nó vào các móc hãm.



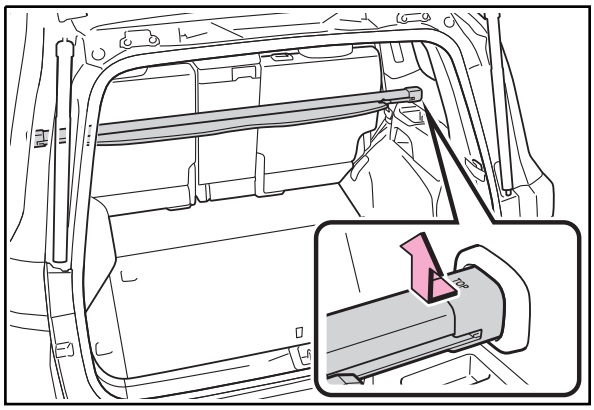
n Tháo tấm che hành lý

1 Gỡ cả 2 đầu của tấm che hành lý từ giá bắt và cuốn nó lại.



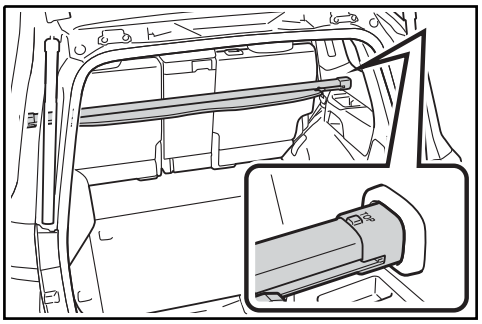
2 Ấn một đầu của tấm che hành lý vào trong và tháo nó ra khỏi giá bắt.

Sau khi tháo tấm che hành lý, tháo nó ra khỏi xe.



n Khi lắp tấm che hành lý

Hãy để dấu "TOP" ở phần đầu của tấm che hành lý hướng lên trên.



CẢNH BÁO

n **Tấm che hành lý**

Không để trẻ trèo lên tấm che hành lý. Nếu trẻ trèo lên tấm che có thể làm hỏng tấm che, và trẻ có thể bị chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

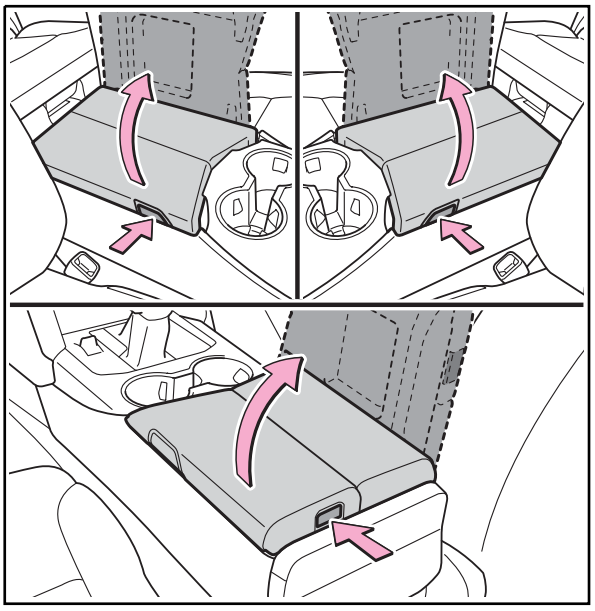
Các trang bị nội thất khác

Ngăn lạnh (nếu có)

Khi động cơ đang hoạt động, có thể sử dụng ngăn lạnh do nó được làm lạnh bởi điều hòa không khí.

1 Trong khi đang ấn nút, nhấc lên và mở nắp.

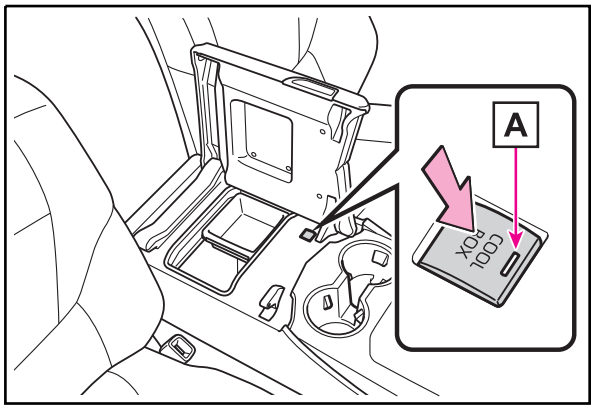
Có thể mở hộp dầu từ phía bên phải, bên trái hoặc phía sau của hộp dầm.



2 Bật/tắt ngăn lạnh

Khi bật, đèn chỉ báo A sẽ sáng.

Nếu hệ thống điều hòa không khí phía trước không được sử dụng, hệ thống điều hòa không khí phía trước sẽ tự động bật khi ngăn lạnh được bật.



n Nếu không sử dụng hệ thống điều hòa không khí phía trước

Khi ngăn lạnh bật, hệ thống điều hòa không khí phía trước sẽ tự động bật.

n Khi ngăn lạnh bật

- Không thể tắt hệ thống điều hòa không khí phía trước được.
- Để điều chỉnh nhiệt độ của ngăn lạnh, ngăn lạnh có thể sẽ tạm thời ngừng hoạt động

Ngoài ra, một lượng khí thổi từ lỗ thông khí trên kính chắn gió để bảo vệ cho hệ thống điều hòa không khí.

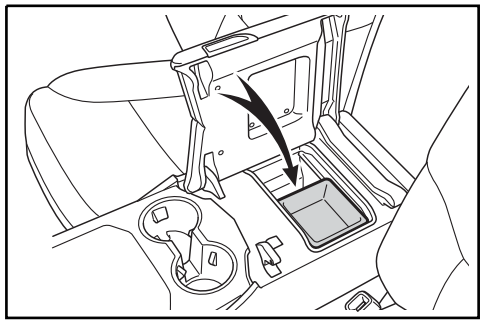
- Để điều chỉnh nhiệt độ của ngăn lạnh, ngăn lạnh có thể sẽ tạm thời ngừng hoạt động

n Khi nhiệt độ bên ngoài khoảng 0°C trở xuống

Ngăn lạnh có thể không hoạt động.

n Khay nằm trong ngăn lạnh

Có thể dịch chuyển được khay trong ngăn lạnh sang bên trái hoặc bên phải hoặc có thể tháo nó ra.



n **Các đồ vật không nên để ở trong ngăn lạnh**

- Các đồ uống không đóng nắp
- Những đồ vật dễ vỡ, đồ bị ôi thiu hoặc các thức ăn nặng mùi
- Sách hướng dẫn sử dụng xe, các thiết bị điện tử, đĩa CD...

n **Khi vệ sinh bên trong ngăn lạnh**

Lau sạch bề mặt bị được thấm nước Phun nước trực tiếp sẽ gây ra hư hỏng

CẢNH BÁO

n **Chú ý khi lái xe**

Luôn đóng ngăn lạnh khi xe đang chạy.

Nếu không trong trường hợp phanh gấp hoặc vào cua gấp hoặc xe bị tai nạn có thể sẽ gây ra chấn thương.

n **Khi mở hoặc đóng ngăn lạnh**

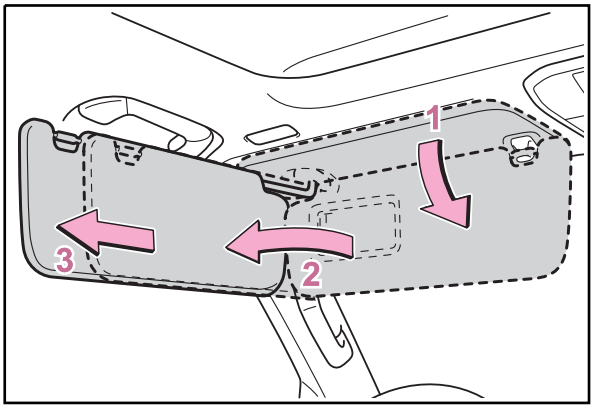
Đặc biệt chú ý để tránh cho các ngón tay, vv... của bạn khỏi bị kẹp.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Không bật ngăn lạnh quá lâu khi động cơ không hoạt động

Tấm chắn nắng



1 Để chắn nắng ở phía trước, hãy lật tấm chắn nắng xuống.

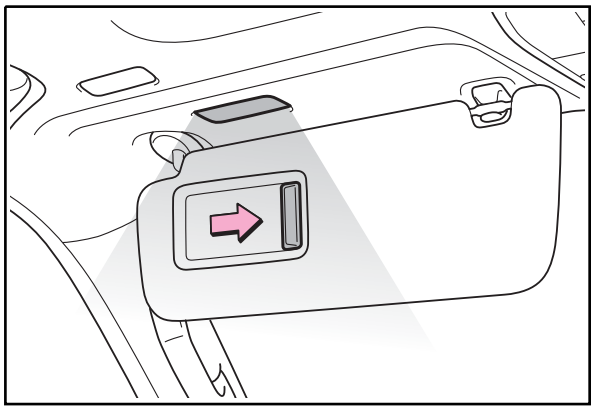
2 Để chắn nắng ở phía bên, hãy lật tấm chắn nắng xuống, tháo móc và xoay tấm chắn nắng sang phía bên.

3 Để sử dụng chắn nắng bên ở vị trí kéo dài (nếu có), hãy đặt tấm chắn nắng ở vị trí bên, sau đó trượt nó về phía sau.

Gương trang điểm (nếu có)

Hãy trượt nắp che gương để mở gương.

Đèn sẽ bật sáng khi nắp che được mở ra.



n **Đèn tự động tắt để tránh bị hết pin**

Nếu các đèn trang điểm vẫn đang sáng khi chuyển công tắc động cơ đến OFF, thì các đèn này sẽ tự động tắt đi sau 20 phút.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Không được để đèn trang điểm quá lâu khi động cơ tắt.

Ổ cắm điện (nguồn điện 1 chiều 12 V)

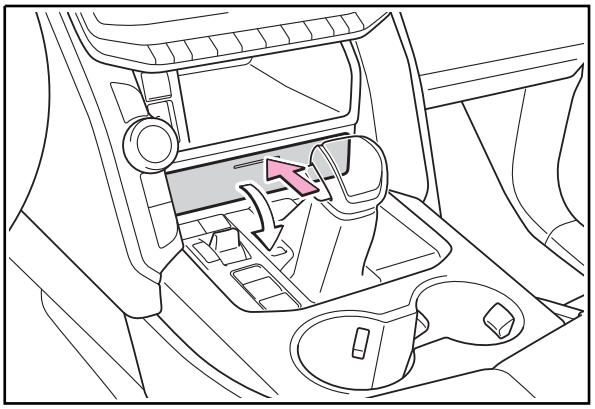
Hãy sử dụng ổ cắm điện để cấp điện cho các thiết bị điện dùng dòng một chiều nhỏ hơn 12VDC/10 A (công suất tiêu thụ điện 120W)

Khi sử dụng các thiết bị điện, hãy đảm bảo rằng tổng công suất của tất cả các thiết bị điện được nối với ổ cắm điện trên xe nhỏ hơn 120 W.

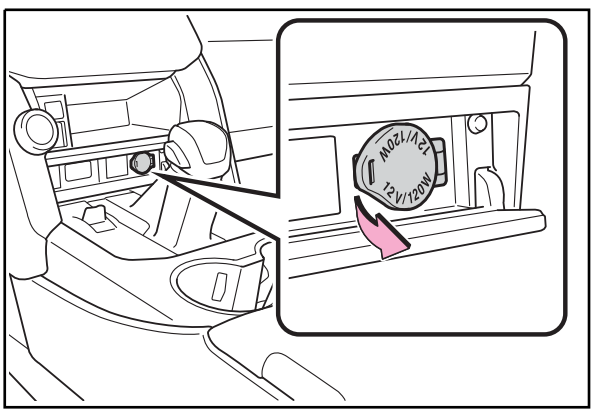
n Phía trước

Ấn vào nắp hộp.

Chắc chắn rằng không được để vật thể nhỏ vào khe giữa nắp và bảng táp lô.

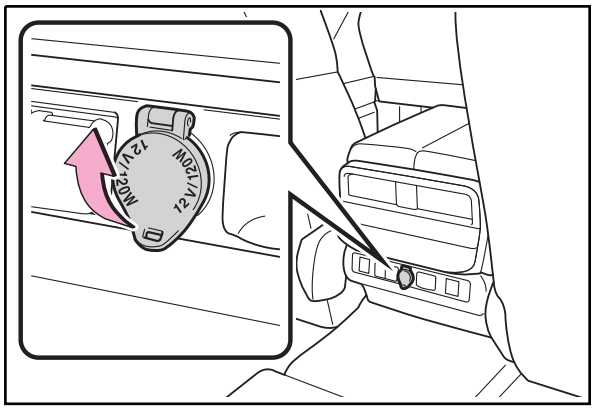


Mở nắp che.



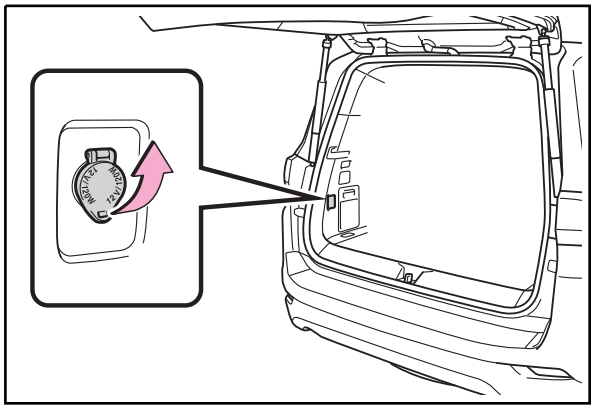
n Phía sau hộp dầm trung tâm

Mở nắp che.



n Khoang hành lý (nếu có)

Mở nắp che.



n Có thể sử dụng ổ điện khi

Công tắc động cơ ở ACC hoặc ON, hoặc hệ thống đa phương tiện đang bật.

n Khi tắt công tắc động cơ

Ngắt kết nối các thiết bị điện có chức năng sạc như pin của điện thoại di động.
Nếu các thiết bị nói trên vẫn được kết nối, thì công tắc động cơ không thể tắt bình thường được.

CHÚ Ý

n Để tránh làm hỏng ổ điện

Đóng nắp khi ổ điện không được sử dụng.

Nếu chất lỏng hoặc dị vật lọt vào ổ điện có thể sẽ gây ra tình trạng ngắn mạch.

n **Để tránh làm cháy cầu chì**

Không sử dụng các phụ kiện có điện áp trên 12 V và cường độ dòng điện trên 10 A.

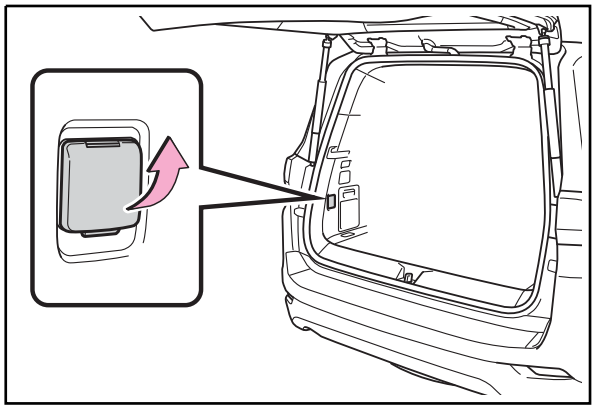
n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Không sử dụng ổ cắm điện quá lâu khi động cơ tắt.

Ổ điện (120 VAC/100W hoặc 220 VAC/100W) (nếu có)

Những thiết bị có công suất dưới 100 W.

Mở nắp, và cắm phích cắm của thiết bị vào ổ điện một cách chắc chắn.



n **Có thể sử dụng ổ điện khi**

Công tắc động cơ ở ON.

n **Ổ điện**

Không sử dụng thiết bị 120 VAC hoặc 220 VAC cần công suất lớn hơn 100 W. Nếu sử dụng thiết bị 120 VAC hoặc 220 VAC có công suất lớn hơn 100 W, thì mạch bảo vệ sẽ ngắt cấp nguồn.

n **Những thiết bị sử dụng 120 VAC hoặc 220 VAC có thể sẽ không hoạt động chính xác.**

Những thiết bị điện 120 VAC hoặc 220 VAC sau có thể sẽ không hoạt động chính xác mặc dù công suất của chúng vẫn nhỏ hơn 100 W.

- Những thiết bị có công suất cực đại ban đầu cao
- Những thiết bị đo lường phải xử lý các dữ liệu chính xác
- Những thiết bị yêu cầu cấp nguồn cực kỳ ổn định

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng ổ điện**

Hãy đóng nắp ổ điện khi không sử dụng tới.
Nếu chất lỏng hoặc dị vật lọt vào ổ điện có thể sẽ gây ra tình trạng ngắn mạch.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Không sử dụng ổ cắm điện quá lâu khi động cơ tắt.

Các cổng sạc USB kiểu C (nếu có)

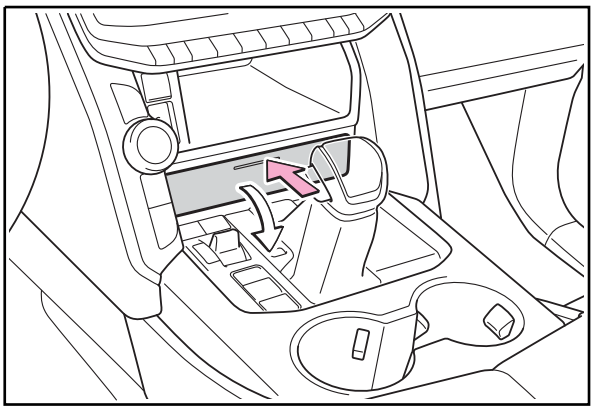
Cổng USB kiểu C được sử dụng điện để cung cấp dòng điện 3 A tại 5V cho các thiết bị ngoại vi.
Chỉ sử dụng các cổng USB để sạc điện. Chúng không được thiết kế cho truyền dữ liệu và các mục đích khác.
Tùy vào loại thiết bị ngoại vi, có thể không sạc được. Hãy tham khảo tài liệu đi kèm với thiết bị trước khi sử dụng cổng sạc USB kiểu C.

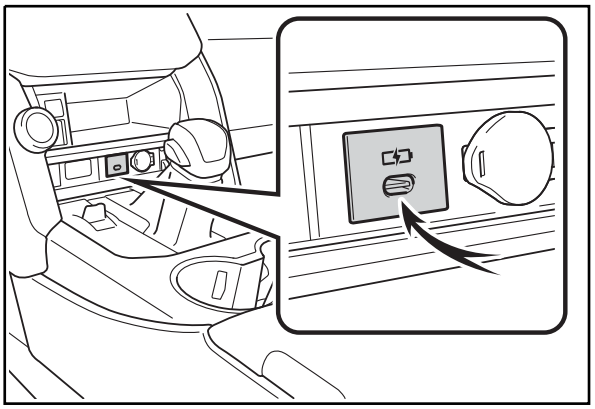
n **Phía trước**

Mở nắp che.

Chắc chắn rằng không được để vật thể nhỏ vào khe giữa nắp và bảng

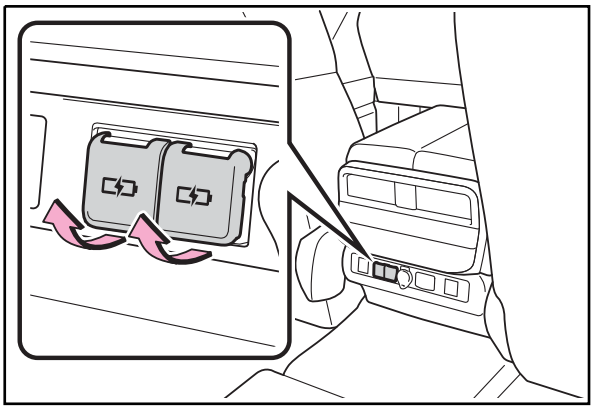
táp lô.





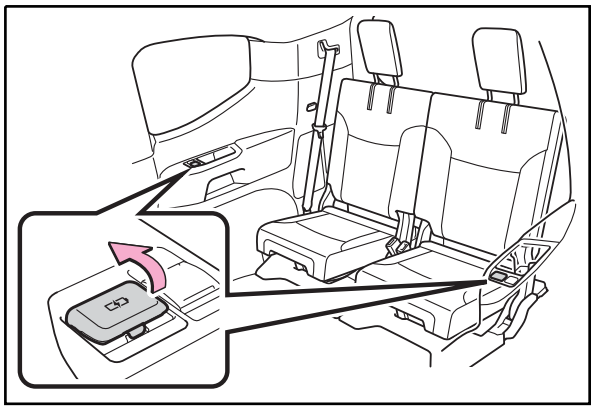
n Phía sau hộp dầm trung tâm

Mở nắp che.



n Cạnh bên của ghế thứ 3

Mở nắp che.



n Có thể sử dụng các cổng USB kiểu C khi

Công tắc động cơ ở ACC hoặc ON, hoặc hệ thống đa phương tiện đang bật.

n Cổng sạc USB kiểu C có thể hoạt động không chính xác trong những trường hợp sau

- Nếu kết nối thiết bị có dòng lớn hơn 3 A điện áp ở 5 V
- Nếu thiết bị được thiết kế để nối với máy tính cá nhân, như USB.
- Nếu thiết bị ngoại vi được kết nối đang tắt (tùy vào thiết bị)
- Nếu nhiệt độ trong xe là cao, như khi đỗ xe dưới trời nắng

n Khái quát về thiết bị kết nối ngoại vi

Tùy vào thiết bị ngoại vi, thi thoảng quá trình sạc điện có thể bị treo và sau đó khởi động lại. Điều này không phải là dấu hiệu của hư hỏng.

CHÚ Ý

n Để tránh làm hỏng các cổng sạc USB kiểu C

- Không được nhét các dị vật vào cổng USB.
- Không được để bắn nước hay chất lỏng vào các cổng.

- Khi không sử dụng cổng sạc USB kiểu C, hãy đóng các nắp. Không để chất lỏng hoặc vật gì khác lọt vào cổng, có thể sẽ gây ra chập mạch.
- Không tác dụng lực quá mạnh hoặc va đập vào cổng sạc USB kiểu C.
- Không được tháo hoặc sửa chữa cổng sạc USB.

Để tránh làm hỏng các thiết bị ngoại vi

- Không được để các thiết bị ngoại vi ở trong xe. Nhiệt độ trong xe có thể sẽ rất cao, và làm hỏng các thiết bị ngoại vi.
- Không ấn hoặc tác dụng lực quá mạnh lên các thiết bị hoặc dây cáp của các thiết bị ngoại vi trong khi chúng đang kết nối.

Để tránh làm hết điện của ắc quy

Không sử dụng cổng USB trong thời gian dài khi động cơ đã tắt máy.

Sạc không dây (nếu có)

Bạn có thể sạc các thiết bị di động bằng cách đặt các thiết bị di động tương thích với tiêu chuẩn sạc không dây Qi của Hiệp hội công nghệ không dây, như điện thoại thông minh và pin điện thoại… trên khu vực sạc.

Có thể tìm được các thiết bị di động tương thích trên trang web của Consortium Power Consortium như sau.

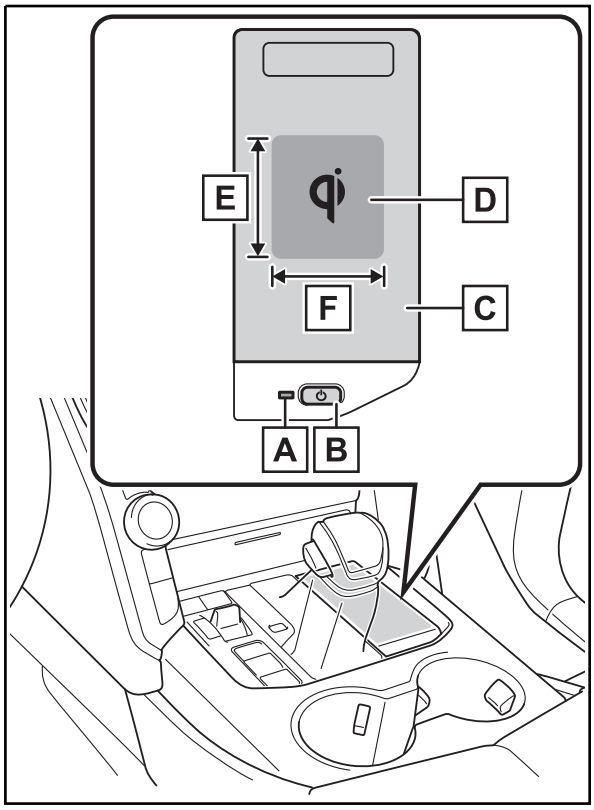
https://www.wirelesspowerconsortium.com/

Không thể sử dụng được chức năng này khi thiết bị di động có kích cỡ lớn hơn khay sạc. Hơn nữa, tùy vào thiết bị cầm tay, nó có thể không hoạt động như bình thường. Hãy đọc hướng dẫn sử dụng thiết bị di động trước khi sử dụng.

Biểu tượng "Qi"

Biểu tượng Qi là dấu hiệu thương mại của Hiệp hội công nghệ không dây. Qi ID: 09553

Tên của tất cả chi tiết



A Đèn chỉ báo hoạt động

B Công tắc nguồn

C Khay sạc

D Khu vực nạp*

E Xấp xỉ 6 cm

F Xấp xỉ 7 cm

*: Thiết bị cầm tay và bộ sạc không dây có các cuộn dây sạc. Cuộn dây trong bộ sạc không dây có thể di chuyển được trong khu vực sạc đến gần tâm của khay sạc. Nếu phát hiện được cuộn dây bên trong thiết bị sạc trong khu vực sạc, thì cuộn dây bên trong bộ sạc không dây sẽ di chuyển về phía nó và bắt đầu sạc. Nếu cuộn dây bên trong thiết bị di động di chuyển ra bên ngoài khu vực sạc, thì việc sạc sẽ tự động ngừng.

Nếu đặt từ 2 thiết bị di động trở lên trên khay sạc, cuộn dây sạc của chúng sẽ không thể được phát hiện chính xác và không sạc được.

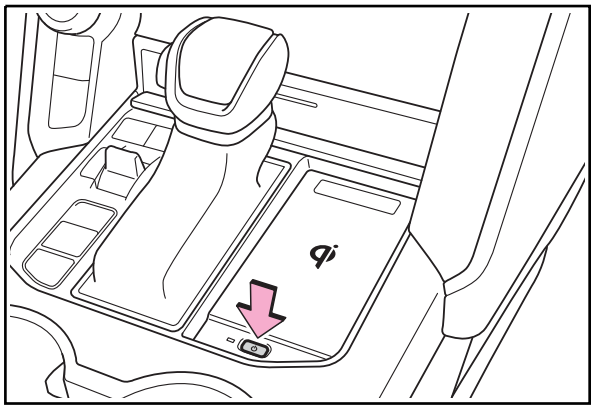
n Dùng sạc không dây

1 Ấn công tắc nguồn của sạc không dây

Bạn có thể bật và tắt nguồn bằng cách ấn công tắc nguồn.

Khi bật, đèn chỉ báo đang hoạt động (màu xanh lá) sẽ sáng lên.

Ngay cả khi động cơ đã tắt, tình trạng bật/tắt của công tắc nguồn sẽ được lưu lại.



2 Đặt thiết bị di động trên khay sạc

Hãy đặt mặt sạc điện của thiết bị di động xuống với mép ngoài của thiết bị và tựa sát vào mép A của khay.

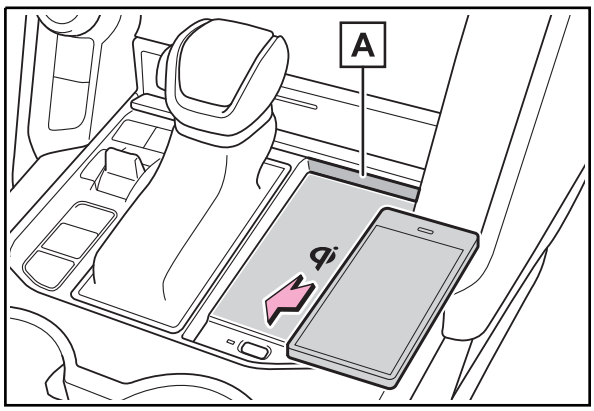
Tùy thuộc vào thiết bị di động, mà cuộn dây sạc của nó có thể sẽ không nằm ở chính giữa thiết bị. Trong trường hợp này, hãy đặt thiết bị di động sao cho cuộn dây sạc của nó nằm chính giữa khu vực sạc.

Khi sạc, đèn chỉ báo hoạt động (màu cam) sẽ sáng lên.

Khi không sạc được, hãy thử đặt thiết bị di động càng gần với vị trí trung tâm của khu vực sạc càng tốt.

Nếu quá trình sạc không diễn ra, đèn chỉ báo hoạt động sẽ từ từ sáng lên với màu xanh lá cây và màu cam xen kẽ và bạn có thể sẽ nghe thấy âm thanh hoạt động của cuộn dây sạc lặp đi lặp lại.

Khi quá trình sạc đã hoàn thành, đèn chỉ báo hoạt động (màu xanh lá cây) sẽ sáng lên.



n Chức năng sạc lại

- Khi quá trình sạc điện đã hoàn thành và sau một thời gian cố định ở trạng thái treo, nó sẽ bắt đầu sạc lại.
- Nếu thiết bị di động bị dịch chuyển nhiều trong khu vực sạc, cuộn dây sạc có thể sẽ bị mất kết nối và quá trình sạc có thể sẽ tạm thời dừng lại. Tuy nhiên, nếu phát hiện thấy một cuộn dây sạc nằm trong khu vực sạc, cuộn dây sạc bên trong bộ sạc không dây sẽ di chuyển đến gần cuộn dây đó và quá trình sạc sẽ khôi phục.

n Chức năng sạc nhanh

- Thiết bị sau đây hỗ trợ việc sạc nhanh.

• Các thiết bị tương thích với WPC phiên bản 1.2.4 và tương thích với chức năng sạc nhanh

• Những máy iPhone có phiên bản iOS hỗ trợ sạc công suất 7.5 W (iPhone 8 hoặc mới hơn)

- Để chuyển chức năng sạc nhanh, hãy ấn công tắc nguồn 3 lần trong khi sạc. Khi có thể sạc nhanh, đèn chỉ báo hoạt động sẽ chuyển từ màu cam sang nháy giữa màu xanh lá và màu cam.
- Khi hoàn thành việc sạc, chức năng sạc nhanh sẽ dừng lại. Hãy chuyển sang chức năng sạc nhanh lần nữa để sử dụng sạc nhanh thêm lần nữa.

n Các điều kiện hoạt động của đèn chỉ báo hoạt động

Đèn chỉ báo hoạt động	Tình trạng
Đèn tắt	Khi tắt nguồn của sạc không dây
Màu xanh lá (sáng lên)	Trạng thái chờ (trạng thái có thể sạc)*1
	Khi đã sạc xong*2
Màu cam (sáng lên)	Khi đặt thiết bị di động trên khu vực sạc (phát hiện thiết bị cầm tay)
	Đang sạc
Nháy giữa màu xanh lá và màu cam	Khi có thiết bị sau đây hỗ trợ việc sạc nhanh đang sạc nhanh. • Các thiết bị tương thích với WPC phiên bản 1.2.4 và tương thích với chức năng sạc nhanh • Những máy iPhone có phiên bản iOS hỗ trợ sạc công suất 7.5 W (iPhone 8 hoặc mới hơn)

*1: Nguồn sạc không phát ra ở trong chế độ chờ. Nếu để vật bằng kim loại lên khay sạc ở trạng thái này, vật sẽ không bị nóng.

*2: Tùy vào thiết bị cầm tay, có những trường hợp mà đèn chỉ báo hoạt động màu cam sẽ sáng liên tục kể cả sau khi đã sạc xong.

- Khi đèn chỉ báo hoạt động nhấp nháy

Khi có lỗi xuất hiện, đèn chỉ báo

chỉ báo hoạt động màu cam sẽ nháy.

Hãy xử lý lỗi bằng cách tham khảo bảng sau đây.

- Nháy liên tục 1 lần/giây (màu cam)

Nguyên nhân	Cách xử lý
Kết nối bộ sạc không dây và chìa khóa thông minh bị lỗi	Nếu động cơ đang nổ máy, hãy dừng và khởi động lại động cơ. Nếu công tắc động cơ ở vị trí ACC, hãy khởi động động cơ. (→P.229)

- Nháy 3 lần liên tục (màu cam)

Nguyên nhân	Cách xử lý
Có vật thể lạ bằng kim loại nằm trong khu vực sạc, và do đó, chức năng tránh sinh nhiệt bất thường do các vật thể lạ bằng kim loại gây ra sẽ hoạt động	Hãy lấy vật bằng kim loại ra khỏi khu vực sạc.
Thiết bị tương thích bị lệch: Cuộn dây sạc bên trong thiết bị di động bị dịch chuyển ra ngoài khu vực sạc, và do đó, chức năng tránh sinh nhiệt bất thường sẽ hoạt động.	Hãy lấy thiết bị di động ra khỏi khay sạc, kiểm tra rằng đèn chỉ báo hoạt động chuyển lại về màu xanh lá, và sau đó đặt thiết bị ở gần tâm của khay sạc. Nếu thiết bị di động đang ở trong vỏ hoặc trong bọc, hãy tháo nó.

- Nháy 4 lần liên tục (màu cam)

Nguyên nhân	Cách xử lý
Tắt để đảm bảo an toàn khi nhiệt độ của bộ sạc không dây vượt quá giá trị đặt trước.	Hãy dừng sạc, lấy thiết bị di động ra khỏi khay sạc, đợi cho nhiệt độ hạ xuống, và sau đó bắt đầu sạc lại.

n Bộ sạc không dây có thể hoạt động khi

Công tắc động cơ ở ACC hoặc ON, hoặc hệ thống đa phương tiện đang bật.

n Các thiết bị di động có thể sử dụng được

l Có thể sử dụng tiêu chuẩn sạc không dây Qi trên các thiết bị tương thích. Tuy nhiên, không thể đảm bảo khả năng tương thích của các thiết bị di động đạt chuẩn Qi phiên bản từ 1.0, 1.2.4 trở lên.

l Hãy ưu tiên sử dụng cho điện thoại di động và điện thoại thông minh, là những thiết bị có công suất nhỏ hơn 5W.

l Tuy nhiên, có thể hỗ trợ sạc với công suất lớn hơn 5 W cho các thiết bị di động sau.

- Hỗ trợ sạc công suất từ 7.5 W trở xuống bởi iPhone hỗ trợ sạc 7.5 W.
- Hỗ trợ sạc công suất từ 10 W trở xuống, hỗ trợ sạc cho các thiết bị di động tương thích với đầu ra EPP như tiêu chuẩn WPC phiên bản 1.2.4.

n Sử dụng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Nếu hệ thống mở khóa & khởi động thông minh phát hiện được chìa khóa trong khi thiết bị đang được sạc, việc sạc điện sẽ tạm thời bị dừng lại.

n Khi lắp ốp và lắp các phụ kiện lên thiết bị cầm tay

Không được sạc điện trong các trường hợp ốp và phụ kiện của thiết bị di động không cho phép gắn bộ sạc không dây Qi trên thiết bị cầm tay. Tùy thuộc vào kiểu ốp (bao gồm cả linh kiện chính hiệu của nhà sản xuất) và phụ kiện, có thể không sạc được. Khi không thực hiện việc sạc được kể cả khi thiết bị di động đã được đặt trên khu vực sạc, hãy tháo ốp và phụ kiện.

n Trong khi sạc điện, tình trạng nhiễu sóng AM có thể xảy ra (nếu có)

l Tần số sạc sẽ tự động thay đổi để giảm ồn nhiễu. Khi tự động tìm kiếm các đài phát sóng AM, quá trình sạc sẽ bị treo để tránh cho tiếng ồn của quá trình sạc bị nhầm là một đài phát sóng. Quá trình sạc sẽ tự động tiếp tục khi dừng tìm kiếm.

l Hãy tắt bộ sạc không dây và xác nhận rằng tình trạng ồn nhiễu giảm xuống. Nếu tình trạng ồn nhiễu giảm đi, hãy ấn và giữ công tắc nguồn của bộ sạc không dây trong 2 giây, tần số của bộ sạc sẽ thay đổi và tình trạng ồn nhiễu có thể giảm xuống. Ngoài ra, trong trường hợp này, đèn chỉ báo hoạt động sẽ nháy màu cam 2 lần.

l Thiết bị iPhone sử dụng tần số đặc biệt cho việc sạc nhanh. Tùy thuộc vào phiên bản iOS, có thể không thực hiện được việc sạc nhanh khi chuyển tần số.

n Các lưu ý liên quan sạc không dây

l Nếu chìa khóa điện tử không được phát hiện trong xe, hệ thống sạc không dây sẽ không hoạt động. Khi mở và đóng cửa, quá trình sạc có thể bị treo.

l Khi sạc, thiết bị sạc không dây và thiết bị di động có thể nóng lên, tuy nhiên, đây không phải là lỗi.
Khi thiết bị di động nóng lên trong khi sạc, quá trình sạc có thể ngừng lại do chức năng bảo vệ của thiết bị cầm tay. Trong trường hợp đó, khi nhiệt độ của thiết bị di động giảm xuống, quá trình sạc sẽ được tiếp tục.

Quạt có thể bắt đầu hoạt động để hạ thấp nhiệt độ bên trong bộ sạc không dây, tuy nhiên đây là hiện tượng bình thường.

n Tiếng kêu hoạt động

Có thể nghe thấy tiếng chuông báo khi ấn vào công tắc nguồn để bật nguồn, khi chuyển công tắc động cơ đến ACC hoặc ON khi nguồn cấp cho bộ sạc không dây được bật, hoặc khi phát hiện được một thiết bị không dây. Tuy nhiên, đó là hiện tượng bình thường.

n Những tình huống sau có thể làm chức năng không hoạt động bình thường

Thiết bị không thể sạc được bình thường trong các trường hợp sau.

- Khi thiết bị di động đã được sạc đầy
- Thiết bị cầm tay đang được sạc bằng cách cắm dây cáp
- Khi có dị vật nằm giữa khu vực sạc và thiết bị cầm tay
- Thiết bị sạc nóng lên khi sạc
- Nhiệt độ xung quanh khu vực khay sạc là từ 35°C trở lên, nhiệt độ cực kỳ nóng
- Khi thiết bị di động được đặt ở vị trí mà mặt sạc hướng lên trên
- Khi cuộn sạc cho thiết bị di động bị lệch so với khu vực sạc
- Khi thiết bị di động lớn hơn khay sạc
- Khi thiết bị di động nhỏ như loại có thể gập được đặt ở vị trí lệch so với khu vực sạc
- Ống kính camera nhô ra 3 mm trở lên so với bề mặt của thiết bị di động
- Xe ở trong khu vực có sóng điện mạnh hoặc tiếng ồn lớn, như ở gần trạm phát tivi, nhà máy điện, trạm xăng, đài phát sóng, màn hình lớn, sân bay,...
- Khi có bất kỳ vật nào sau đây có độ dày từ 2 mm trở lên ở giữa cạnh sạc của thiết bị di động và khu vực sạc
  - Các vỏ bảo vệ hoặc ốp dày
  - Các đồ vật trang trí dày
  - Các phụ kiện, chẳng hạn như nhẫn, dây chun...
  - Một vỏ hoặc bọc có hình dạng nhô ra cho kính đèn
  - Vỏ bảo vệ ống kính camera
- Khi thiết bị di động chạm vào hoặc bị che bởi những đồ vật bằng kim loại sau:
  - Thẻ bằng bằng kim loại ở trên nó, như bằng vật liệu nhôm, vv...
  - Gói thuốc là có lớp giấy nhôm
  - Ví hoặc túi được làm bằng kim loại
  - Tiền xu
  - Tấm nhiệt
  - CD, DVD hoặc thiết bị khác
  - Phụ kiện bằng kim loại
  - Ốp hoặc bọc được làm bằng kim loại
  - Vỏ bọc có nam châm ở phía sạc của thiết bị di động
- Có điều khiển từ xa sử dụng kiểu sóng điện đang được sử dụng ở gần
- Chìa khóa điện tử không nằm ở bên trong xe
- Đặt từ 2 thiết bị di động lên khay sạc cùng một thời điểm
- Nếu sử dụng một thiết bị di động có tích hợp bút S-pen (dòng Galaxy Note, vv.), một thiết bị di động có chứa bút S-pen được đặt vào khay.

Nếu việc sạc là bất thường hoặc đèn chỉ báo bật liên tục nháy vì bất kỳ lý do nào khác, bộ sạc không dây có thể bị hư hỏng. Hãy liên hệ với đại lý Toyota.

n Nếu hệ điều hành OS của điện thoại thông minh đã được cập nhật

Nếu hệ điều hành OS của điện thoại thông minh đã được cập nhật phiên bản mới nhất, thông số sạc của nó có thể thay đổi đáng kể. Để biết thông tin chi tiết, hãy kiểm tra thông tin trang web của nhà sản xuất.

n Thông tin thương mại

- iPhone là thương hiệu của Công ty Apple, đã được đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.
- Galaxy một nhãn hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Công ty điện tử Samsung.

⚠ CẢNH BÁO

n Chú ý khi lái xe

Khi sạc điện cho thiết bị cầm tay, vì lý do an toàn, người lái không nên sử dụng thiết bị di động khi đang lái xe.

n **Lưu ý trong khi xe chuyển động**

Không được sạc những thiết bị nhẹ như tai nghe không dây khi xe đang chuyển động. Những thiết bị này rất nhẹ và có thể bay ra khỏi khay sạc, có thể dẫn đến tai nạn bất ngờ.

n **Lưu ý liên quan đến hoạt động của các thiết bị điện tử**

Những hành khách phải sử dụng máy điều hòa nhịp tim hoặc máy khử rung tim, cũng như các thiết bị y tế nào khác, nên tham khảo ý kiến bác sỹ liên quan đến việc sử dụng sạc không dây.

n **Để tránh hư hỏng hoặc hỏa hoạn**

Hãy tuân theo các chú ý sau đây. Nếu không, có thể dẫn hỏng thiết bị, gây hỏa hoạn, bỏng do quá nhiệt hoặc bị chập điện.

- Không để bất kỳ đồ vật bằng kim loại nào ở giữa khu vực sạc và thiết bị di động trong khi sạc.
- Không được dán miếng dán bằng nhôm hoặc vật bằng kim loại khác lên khu vực sạc.
- Không được dán miếng dán bằng nhôm hoặc vật bằng kim loại khác lên cạnh của thiết bị di động (hoặc lên vỏ hoặc bọc) mà chạm vào khu vực sạc.
- Không được sử dụng khay sạc quá nhỏ
- Không được tác dụng lực mạnh
- Không tháo rời, sửa hoặc tháo ra
- Không được sạc các thiết bị khác thiết bị di động tiêu chuẩn
- Để các vật có từ tính ở xa
- Không được sạc điện nếu khu vực sạc bị phủ bụi.
- Không che phủ thiết bị bằng giẻ hoặc vật liệu tương đương

CHÚ Ý

n **Để tránh hư hỏng và sửa đổi dữ liệu**

- Khi sạc điện, việc mang thẻ tín dụng, hoặc thẻ từ, hoặc phương tiện lưu trữ có từ tính đến gần khu vực sạc có thể bị xóa dữ liệu đã lưu trữ do ảnh hưởng của từ tính. Hơn nữa, chìa khóa điện tử có thể không hoạt động do nhiễu từ nếu chìa khóa điện tử cho xe được đặt trên thiết bị đầu cuối điện thoại di động trong khi sạc hoặc khu vực mở của khay sạc. Ngoài ra, không được mang đồng hồ đeo tay hoặc các dụng cụ chính xác khác đến gần khu vực sạc vì nó có thể gây hỏng cho thiết bị.
- Không được sạc bằng thẻ IC không tiếp xúc như thẻ hệ thống giao thông được để giữa mặt sạc của thiết bị di động và sạc không dây. Chip IC có thể trở nên rất nóng và gây hỏng thiết bị di động hoặc thẻ IC. Đặc biệt lưu lý không được sạc thiết bị di động đang ở trong vỏ hoặc ốp có gắn thẻ IC không tiếp xúc.
- Không được để thiết bị di động ở trong xe. Trong xe có thể trở nên rất nóng, có thể gây ra hư hỏng.

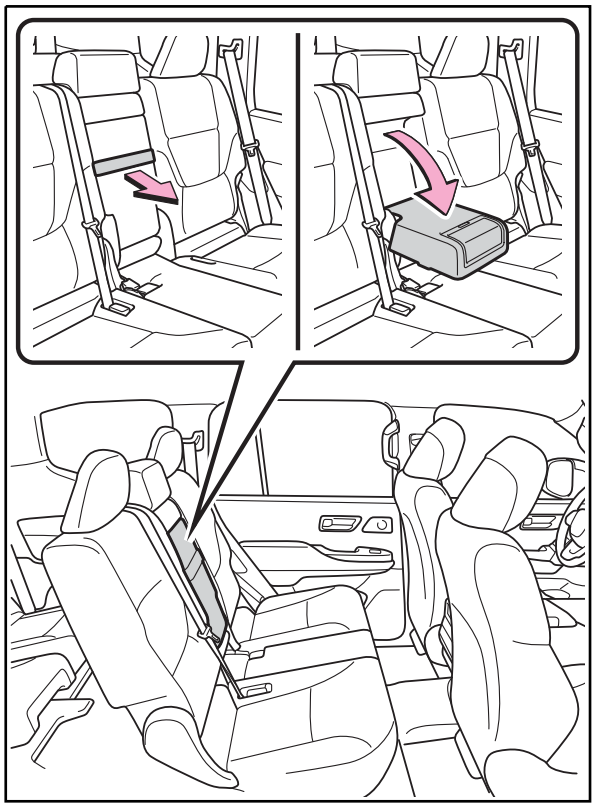
CHÚ Ý

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Khi đã tắt động cơ, không được sử dụng bộ sạc không dây trong thời gian dài.

Tựa tay (nếu có)

Hãy hạ tựa tay xuống khi sử dụng.



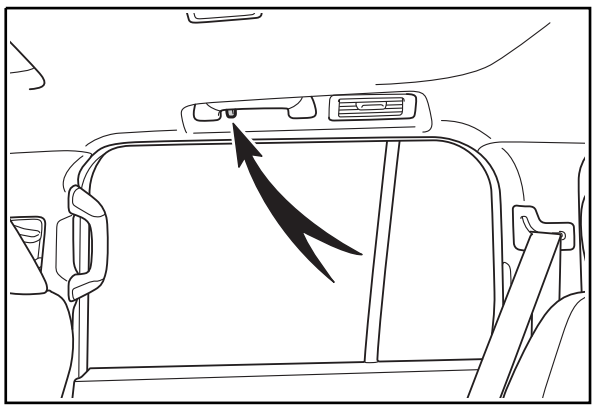
CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng tựa tay**

Không đè quá mạnh lên tựa tay.

Móc treo áo

Móc treo áo được trang bị cùng với tay nắm trên hàng ghế thứ hai.



CẢNH BÁO

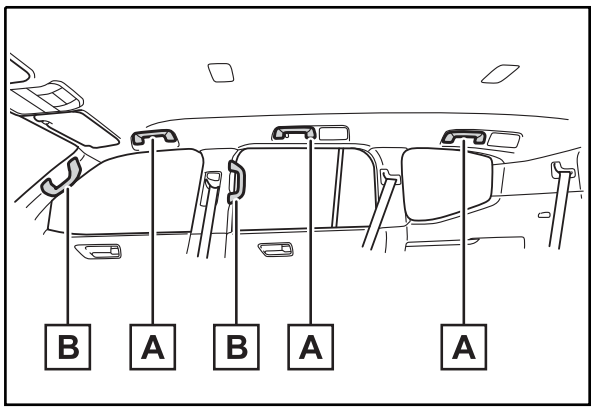
n **Những hạng mục không được treo lên móc (xe có túi khí rèm)**

Không treo móc treo áo khoác hoặc những vật cứng hoặc sắc nhọn khác lên móc. Những đồ vật đó có thể sẽ bị văng ra và có thể gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong, nếu túi khí rèm bung ra.

Tay nắm

Có thể sử dụng tay nắm hỗ trợ (kiểu A) trên trần xe để hỗ trợ khi ngồi trên ghế.

Có thể sử dụng tay nắm hỗ trợ (loại B) trên trụ xe khi lên hoặc xuống xe và các mục đích khác.



A Tay nắm (kiểu A)

B Tay nắm (kiểu B)

CẢNH BÁO

n **Tay nắm (kiểu A)**

Không sử dụng tay nắm (kiểu A) khi ra hoặc vào xe hoặc đứng dậy.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng tay nắm**

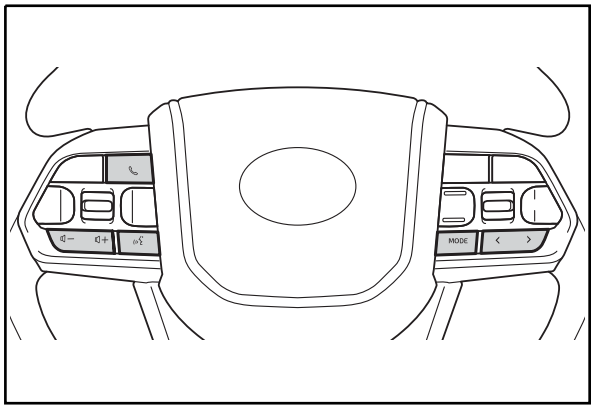
Không treo hoặc móc vật nặng lên tay nắm.

Sử dụng các công tắc điều khiển trên vô lăng

Đối với các xe có hệ thống đa phương tiện, hãy tham khảo "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện" để biết thêm thông tin chi tiết liên quan đến các công tắc trên vô lăng.

Bạn có thể điều khiển một số chức năng của hệ thống âm thanh bằng các nút điều khiển trên vô lăng.

Việc điều khiển có thể hiển thị khác nhau tùy vào từng hệ thống âm thanh hoặc hệ thống dẫn đường. Để biết thông tin chi tiết, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm theo hệ thống âm thanh hoặc hệ thống dẫn đường.



CẢNH BÁO

n **Để tránh bị tai nạn**

Hãy hết sức cẩn thận khi sử dụng các nút điều khiển trên vô lăng.

Màn hình hiển thị thông tin lái xe trên địa hình phức tạp (nếu có)

Thông tin liên quan đến lái xe trên địa hình phức tạp sẽ được hiển thị trên màn hình đa phương tiện.

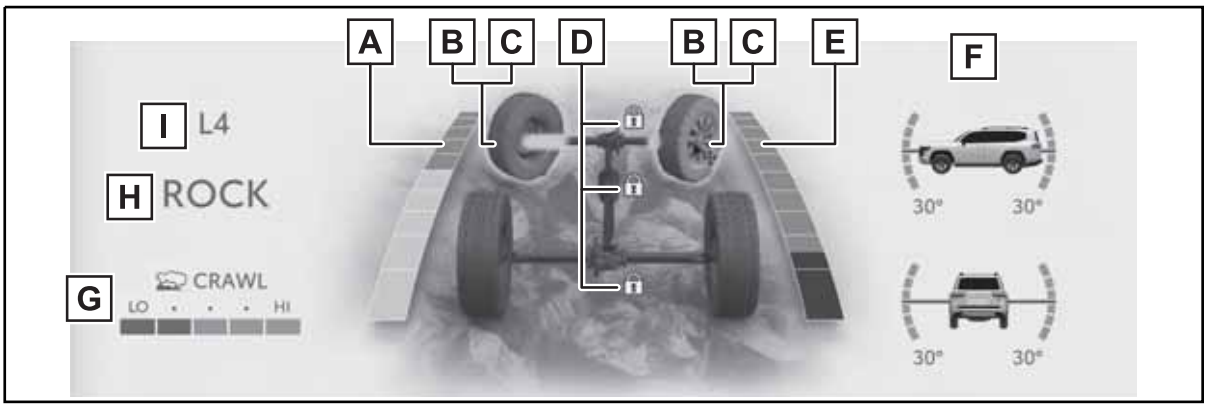
n **Quy trình hiển thị**

Nhấn trên menu chính, sau đó nhấn "Thông tin xe địa hình" trên menu phụ.

Để biết thông tin chi tiết về màn hình đa phương tiện, tham khảo "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".

n Hiển thị màn hình thông tin xe địa hình phức tạp

▶ Khi bật chế độ đa địa hình



A Hiển thị bàn đạp phanh

Hiển thị mức độ nhấn bàn đạp phanh.

B Hiển thị hướng của lốp trước

Chỉ ra hướng dự kiến của các lốp phía trước.

C Hiển thị hệ thống TRC chủ động

Các lốp có TRC chủ động đang hoạt động sẽ được hiển thị màu cam.

D Hiển thị hoạt động khóa vi sai

E Hiển thị bàn đạp ga

Hiển thị mức độ nhấn bàn đạp ga.

F Hiển thị đồng hồ đo độ nghiêng

Hiển thị góc nghiêng so với phương thẳng đứng và phương ngang của xe.

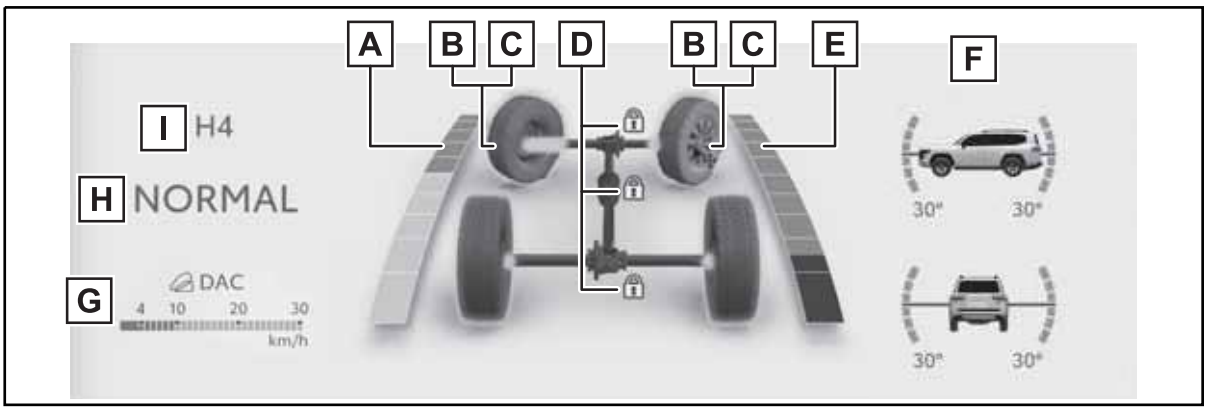
G Hiển thị chế độ điều khiển bò xe

Hiển thị tốc độ thiết lập của hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc

H Hiển thị chế độ chọn đa địa hình

I Hiển thị chế độ hộp số phụ

▶ Khi tắt bật chế độ đa địa hình



A Hiển thị bàn đạp phanh

Hiển thị mức độ nhấn bàn đạp phanh.

B Hiển thị hướng của lốp trước

Chỉ ra hướng dự kiến của các lốp phía trước.

C Hiển thị hệ thống TRC chủ động

Các lốp có TRC chủ động đang hoạt động sẽ được hiển thị màu cam.

D Hiển thị hoạt động khóa vi sai

E Hiển thị bàn đạp ga

Hiển thị mức độ nhấn bàn đạp ga.

F Hiển thị đồng hồ đo độ nghiêng

Hiển thị góc nghiêng so với phương thẳng đứng và phương ngang của xe.

G Hiển thị chế độ điều khiển bò xe

Hiển thị tốc độ thiết lập của hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc

H Hiển thị chọn chế độ lái xe

I Hiển thị chế độ hộp số phụ

Bảo dưỡng và chăm sóc xe

6

6-1. Bảo dưỡng và chăm sóc xe

Vệ sinh và bảo vệ bên ngoài xe 524

Vệ sinh và bảo vệ bên trong xe 528

6-2. Bảo dưỡng

Các yêu cầu bảo dưỡng .. 531

Lịch bảo dưỡng 533

6-3. Tự bảo dưỡng

Các lưu ý khi tự bảo dưỡng 542

Nắp capô 544

Khoang động cơ 546

Xả nước bộ lọc nhiên liệu (chỉ với động cơ diesel) . 561

AdBlue™ 562

Tời điện 567

Lốp xe 568

Áp suất lốp 578

Vành xe 579

Bộ lọc điều hòa 580

Pin chìa khóa điện tử 582

Kiểm tra và thay cầu chì . 584

Bóng đèn 588

Vệ sinh và bảo vệ bên ngoài xe

Hãy thực hiện các bước sau để bảo vệ và duy trì xe ở tình trạng tốt nhất:

Hướng dẫn vệ sinh

- Hãy tiến hành rửa xe từ trên xuống dưới, phun nước vào thân xe, vành và gầm xe để rửa trôi toàn bộ bụi và bẩn.
- Hãy rửa sạch thân xe bằng một miếng mút hoặc vải mềm.
- Để rửa những vết bẩn khó lau chùi, hãy sử dụng xà phòng và rửa lại thật kỹ bằng nước.
- Lau sạch nước còn đọng trên xe.
- Hãy đánh bóng xe khi khả năng chống đọng nước của lớp sơn bề mặt bị kém đi.

Nếu nước không đọng lại thành hạt trên một bề mặt phẳng, hãy đánh bóng bằng xi khi thân xe đã nguội.

---

n **Khi rửa xe ở trạm rửa xe tự động**

l Trước khi rửa xe:
- Gập các gương
- Tắt chức năng cửa hậu điều khiển điện (nếu có)

Bắt đầu rửa từ phần đầu xe.

Mở các gương về vị trí bình thường trước khi lái xe.

l Các chổi rửa được sử dụng trong các trạm rửa xe tự động có thể sẽ làm xước thân xe, các bộ phận (vành xe,...) và làm hỏng lớp sơn của xe.

l Không nên rửa cánh hướng gió phía sau xe ở trạm rửa xe tự động, bởi nguy cơ hỏng xe cao hơn.

n **Rửa xe bằng vòi rửa cao áp**

l Vì nước có thể lọt vào trong khoang hành khách, không được đưa vòi rửa đến gần các khe hở quanh các cửa hoặc xung quanh cửa sổ, hoặc không phun nước liên tục vào những khu vực này.

l Không dùng máy rửa áp lực cao để sát vào các vòng bi và các phớt chắn dầu của các chi tiết trong hệ thống truyền động (như cụm vi sai).

Nếu sử dụng quá gần các chi tiết như vậy, áp lực nước quá cao có thể làm cho nước lọt vào các chi tiết và rửa trôi mỡ bôi trơn, làm cho hiệu suất hệ thống bị suy giảm.

n **Vành và các ốp bánh xe**

l Hãy loại bỏ ngay các chất bẩn bằng chất tẩy rửa trung tính.

l Hãy rửa sạch chất tẩy rửa bằng nước ngay sau khi sử dụng.

l Để lớp sơn khỏi bị hư hỏng, hãy tuân theo các chú ý sau.
- Không sử dụng chất tẩy có chứa a-xít và kiềm hoặc dung dịch có tính ăn mòn mạnh.
- Không được dùng bàn chải cứng.
- Không được dùng chất tẩy rửa để rửa các bánh xe khi chúng đang nóng, ví dụ sau khi lái xe trên một đoạn đường dài dưới thời tiết nóng.

n **Các má phanh và càng phanh**

Gỉ sẽ được tạo ra nếu xe được đỗ trong thời gian dài không sử dụng với má phanh và các rôto phanh bị ướt, sẽ gây dính phanh. Trước khi đỗ xe sau khi rửa, hãy lái xe chậm và nhấn phanh vài lần để làm khô phanh.

n **Cản xe và nẹp trang trí hông xe**

Không cọ rửa bằng chất tẩy rửa có tính ăn mòn.

n **Các vị trí được mạ**

Nếu không tẩy sạch được chất bẩn,

hãy làm sạch các bộ phận sau:

- Sử dụng giẻ mềm được nhúng dung dịch 5% chất tẩy trung tính và nước để làm sạch bụi bẩn.
- Lau bề mặt bằng giẻ khô, mềm để làm sạch hơi nước đọng lại.
- Để làm sạch vết bám dầu, hãy dùng khăn thấm cồn hoặc sản phẩm tương đương.

n Các chú ý đối với hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

- Nếu tay nắm cửa bị ướt khi rửa xe và chìa khóa điện tử đang trong phạm vi hiệu quả, cửa xe có thể khóa hoặc mở khóa nhiều lần. Trong trường hợp đó, hãy xử lý như sau để có thể rửa xe được:
  - Hãy để chìa khóa điện tử cách xa xe 2 m trở lên khi rửa xe. (Hãy chú ý để tránh bị mất trộm chìa.)
  - Đặt chìa khóa điện tử vào chế độ tiết kiệm pin để vô hiệu hóa hệ thống mở khóa và khởi động thông minh. (→P.162)
- Nếu chìa khóa điện tử nằm ở trong xe và tay nắm cửa bị ướt trong khi rửa xe, một thông báo có thể sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin và chuông bên ngoài xe sẽ kêu. Để tắt báo động, hãy khóa tất cả các cửa xe lại.

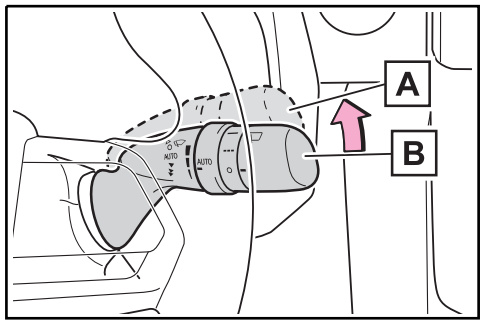
⚠ CẢNH BÁO

n Khi rửa xe

Không xịt nước vào trong khoang động cơ. Nếu không, có thể sẽ làm cho các thiết bị điện bị chập cháy.

n Khi vệ sinh kính chắn gió (xe có gạt nước tự động sử dụng cảm biến mưa)

Đặt công tắc gạt nước ở OFF.
Nếu công tắc gạt nước ở chế độ "AUTO", cần gạt nước có thể bất ngờ hoạt động trong các trường hợp sau, và có thể dẫn tới làm hỏng lưỡi gạt, kẹp tay hoặc các chấn thương nghiêm trọng.



A Tắt

B AUTO

- Khi bạn chạm tay vào phần trên của kính chắn gió có gắn cảm biến nước mưa.
- Khi để giẻ ướt hoặc vật tương tự quá gần cảm biến nước mưa
- Khi có vật va vào kính chắn gió
- Khi bạn chạm trực tiếp vào cảm biến nước mưa hoặc khi có vật va vào cảm biến nước mưa

n Lưu ý liên quan tới đường ống xả

Khí xả sẽ làm cho ống xả trở nên khá nóng.

Khi rửa xe, cẩn thận không được chạm vào ống xả cho tới khi nó đã đủ nguội, nếu chạm vào ống xả nóng có thể làm cho bạn bị bỏng.

CẢNH BÁO

n **Các lưu ý liên quan đến cản trước và cản sau (nếu có)**

Nếu lớp sơn của cản trước hoặc cản sau bị sứt mẻ hoặc trầy xước, các hệ thống sau có thể hoạt động không chính xác. Nếu tình trạng này xảy ra, hãy tham khảo ý kiến Đại lý Toyota của bạn.

- Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota*
- BSM*
- Đèn cảnh báo nguy hiểm phía sau tự động*
- RCTA*
- Hỗ trợ xuống xe an toàn*
- Thông báo xe phía sau đang tiếp cận*
- Phanh giảm va chạm thứ cấp (Va chạm phía sau khi dừng xe)*
- PKSB*
- Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota*

*: Nếu có

CHÚ Ý

n **Để tránh cho lớp sơn xe khỏi bị biến màu và gây ăn mòn trên thân xe và các chi tiết của xe (như vành nhôm...)**

- Hãy rửa xe ngay lập tức trong các trường hợp sau:
  - Sau khi lái xe gần khu vực bờ biển
  - Sau khi lái xe trên đường có nhiều muối
  - Khi nhựa đường hoặc nhựa cây bám trên lớp sơn xe
  - Khi bề mặt sơn xe bị dính xác côn trùng, phân côn trùng hoặc phân chim
  - Sau khi lái xe ở vùng có nhiều khói, hơi dầu, bụi quặng, bụi kim loại hoặc hóa chất
  - Khi xe bạn quá bẩn do bụi và bùn
  - Khi các dung dịch lỏng như benzen hoặc xăng bị đổ lên lớp sơn của xe
- Khi lớp sơn xe bị xước hay bong tróc, hãy sửa chữa ngay lập tức.
- Để tránh cho vành xe khỏi bị ăn mòn, hãy loại bỏ bụi bẩn và để ở nơi khô ráo khi lưu kho các vành xe.

n **Vệ sinh đèn chiếu sáng bên ngoài xe**

- Hãy lau rửa cẩn thận. Không sử dụng chất tẩy rửa hữu cơ hoặc cọ rửa đèn bằng bàn chải cứng.
  Nếu không có thể sẽ làm hỏng bề mặt đèn.
- Không bôi xi đánh bóng lên bề mặt của đèn.
  Xi đánh bóng có thể sẽ làm hỏng mặt kính của đèn.

CHÚ Ý

n **Khi rửa xe tại trạm rửa xe tự động (kiểu xe có trang bị gạt nước tự động dùng cảm biến nước mưa)**

Hãy tắt công tắc cần gạt nước ở vị trí OFF.
Nếu công tắc gạt nước để ở chế độ "AUTO", cần gạt nước có thể hoạt động và làm hỏng lưỡi gạt.

n **Khi rửa xe bằng vòi rửa áp suất cao**

l Khi rửa xe, không phun trực tiếp lên camera hoặc khu vực xung quanh với áp suất cao. Phun nước áp lực cao có thể làm cho thiết bị không hoạt động bình thường.

l Xe có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota: Không được phun nước trực tiếp lên radar được lắp ở phía sau nắp che cảm biến radar. Nếu không, có thể gây hỏng thiết bị.

l Không để đầu vòi phun nước quá gần các chi tiết bằng cao su (cao su hoặc nắp bằng nhựa), các giắc nối hoặc các chi tiết sau. Các chi tiết đó có thể bị hư hỏng khi tiếp xúc với nước có áp suất cao.

- Các chi tiết liên quan đến truyền lực
- Các chi tiết của hệ thống lái
- Các chi tiết của hệ thống treo
- Các chi tiết của hệ thống phanh

l Hãy giữ vòi rửa cách thân xe ít nhất 30 cm. Nếu không, phần chi tiết bằng nhựa như nẹp và cản xe có thể bị biến dạng và bị hư hỏng. Ngoài ra, không được phun nước liên tục vào một vị trí quá lâu.

l Không được phun nước liên tục vào phần phía dưới của kính chắn gió. Nếu nước lọt vào đường khí vào của hệ thống điều hòa nằm ở phần phía dưới của kính chắn gió, hệ thống điều hòa có thể hoạt động không chính xác.

l Không được rửa phía dưới xe bằng thiết bị rửa áp suất cao.

Vệ sinh và bảo vệ bên trong xe

Hãy thực hiện vệ sinh theo cách phù hợp với từng thiết bị và chất liệu của nó.

Bảo vệ nội thất xe

- Sử dụng máy hút bụi để hút hết bụi bẩn. Lau sạch bề mặt bị bám bẩn bằng giẻ mềm có thấm nước ấm.
- Nếu không thể vệ sinh sạch bụi bẩn, hãy lau bằng chất tẩy rửa trung tính được pha loãng với tỷ lệ khoảng 1%.
  Vắt khô giẻ lau và lau sạch hoàn toàn các vết chất tẩy và nước đọng.

n **Lau chùi tấm lót sàn xe**

Có rất nhiều loại chất tẩy rửa tạo bọt được bán trên thị trường. Hãy sử dụng một miếng mút hoặc bàn chải để dấp bọt. Hãy chải thảm theo các đường tròn. Không sử dụng nước. Lau sạch các bề mặt bẩn và để nó khô. Hãy giữ cho tấm lót sàn xe càng khô ráo càng tốt.

n **Sử dụng đai an toàn**

Hãy vệ sinh đai an toàn bằng giẻ mềm hoặc miếng mút có thấm xà phòng loãng và nước ấm. Đồng thời hãy tiến hành kiểm tra định kỳ để xem đai có bị sờn, tước sợi hay bị đứt không.

⚠ CẢNH BÁO

n **Tránh để nước xâm nhập vào xe**

l Không phun hoặc làm tràn nước vào xe.
Nếu không có thể sẽ làm các chi tiết điện của xe bị hư hỏng hoặc cháy chập.

l Không để các chi tiết của hệ thống túi khí hoặc dây điện ở bên trong xe bị ướt. (→P.36)
Nếu hệ thống điện bị trục trặc có thể sẽ làm nổ túi khí hoặc túi khí hoạt động không chính xác, dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

l Xe có bộ sạc không dây:
Không được để bộ sạc không dây bị ướt (→P.511) . Nếu không sẽ làm cho bộ sạc bị nóng và có thể gây ra bỏng hoặc bị giật điện dẫn đến bị thương hoặc tử vong.

n **Vệ sinh nội thất xe (đặc biệt với bảng táp lô)**

Không sử dụng xi đánh bóng hoặc chất tẩy đánh bóng. Nếu không bảng táp lô có thể sẽ phản xạ ánh sáng lên kính chắn gió, làm ảnh hưởng tới khả năng quan sát của người lái và dẫn tới tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

CHÚ Ý

n **Dung môi tẩy rửa**

l Không sử dụng các loại chất tẩy sau, do chúng có thể sẽ làm mất màu của các chi tiết nội thất xe hoặc làm hỏng bề mặt sơn xe:

- Những vị trí ngoài ghế xe: Các dung môi hữu cơ như benzen hoặc xăng, kiềm hoặc các dung dịch axít, thuốc nhuộm và chất tẩy trắng
- Ghế xe: Các dung dịch kiềm hoặc dung dịch axít như xăng pha, benzen hoặc cồn

CHÚ Ý

l Không sử dụng xi đánh bóng hoặc chất tẩy đánh bóng. Nếu không lớp sơn của các chi tiết nội thất xe hay bảng táp lô có thể sẽ bị hỏng.

n **Để tránh làm hỏng bề mặt của chi tiết bọc da**

Hãy tuân theo các lưu ý sau để tránh làm biến chất và làm hỏng các bề mặt của chi tiết bọc da:

l Hãy lau sạch bụi bẩn bám trên bề mặt da ngay.

l Không để xe trực tiếp dưới ánh nắng mặt trời trong một thời gian dài. Hãy đỗ xe ở những vị trí râm mát, đặc biệt là trong mùa hè.

l Không để những đồ vật được làm bằng chất dẻo, nhựa hoặc các đồ vật có chứa sáp trên bề mặt da, do chúng có thể sẽ dính vào bề mặt da nếu như nhiệt độ trong xe tăng lên cao.

n **Nước trên sàn xe**

Không được rửa sàn xe bằng nước. Các thiết bị trên xe, như hệ thống âm thanh, có thể sẽ bị hỏng nếu như nước ngấm vào các chi tiết điện phía trên như hệ thống âm thanh hoặc phía dưới sàn xe. Nước có thể làm cho thân xe bị gỉ sét.

n **Khi vệ sinh mặt bên trong của kính chắn gió (xe có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota)**

Không để dung dịch rửa kính tiếp xúc với kính. Đồng thời không chạm vào kính. (→P.271)

n **Vệ sinh phía bên trong kính cửa sổ tai xe sau và kính cửa hậu**

l Không sử dụng nước rửa kính để vệ sinh kính cửa sổ tai xe sau và kính cửa hậu, do nó có thể làm hư hỏng ăng ten hoặc dây sấy của hệ thống sấy kính cửa hậu. Hãy sử dụng giẻ mềm có thấm nước ấm để lau nhẹ lên kính cửa. Hãy lau kính cửa theo phương song song với dây sấy hoặc ăng ten.

l Hãy cẩn thận không làm trầy xước hoặc làm hỏng các dây sấy hoặc dây ăng ten.

Vệ sinh những khu vực bọc kim loại

- Vệ sinh bụi bằng giẻ mềm có thấm nước.
- Lau bề mặt bằng giẻ khô, mềm để làm sạch hơi nước đọng lại.

n **Vệ sinh những khu vực bọc kim loại**

Những khu vực sử dụng một lớp kim loại thực trên bề mặt. Cần phải vệ sinh nó một cách thường xuyên. Nếu khu vực bị bẩn để lâu mà không được vệ sinh, thì rất khó lau sạch.

Vệ sinh các chi tiết bọc da

- Hãy sử dụng máy hút bụi để hút hết bụi bẩn.
- Lau sạch các vết bẩn khó chùi bằng giẻ mềm có thấm dung dịch tẩy rửa pha loãng.

Hãy sử dụng dung dịch tẩy rửa được pha loãng với nồng độ vào khoảng 5% nồng độ chất tẩy rửa trung tính dành cho len.

- Vắt sạch nước khỏi giẻ và cẩn thận lau sạch hết chất tẩy rửa còn đọng lại.
- Lau bề mặt bằng giẻ khô, mềm để lau sạch hết lớp nước còn đọng lại. Để các chi tiết bọc da khô tự nhiên trong bóng râm và ở vị trí thông thoáng.

n **Chăm sóc các chi tiết bọc da**

Chúng tôi khuyên bạn nên cho vệ sinh nội thất xe tối thiểu một năm hai lần để duy trì chất lượng của nội thất xe.

Vệ sinh các chi tiết giả da

- Hãy sử dụng máy hút bụi để hút hết bụi bẩn.
- Hãy lau bằng giẻ có chất tẩy rửa trung tính được pha loãng với tỷ lệ khoảng 1%.
- Vắt khô giẻ lau và lau sạch hoàn toàn các vết chất tẩy và nước đọng.

Khi vệ sinh vải giống da lộn (nếu có)

- Sử dụng máy hút bụi để hút hết bụi bẩn. Lau sạch bề mặt bị bám bẩn bằng giẻ mềm có thấm nước ấm.
- Nếu không thể vệ sinh sạch bụi bẩn, hãy lau bằng chất tẩy rửa trung tính được pha loãng với nước với tỷ lệ khoảng 1%. Khi khô, sử dụng bàn chải lông hoặc công cụ tương tự để làm mượt lông.

Các yêu cầu bảo dưỡng

Để đảm bảo lái xe tiết kiệm và an toàn, tiến hành kiểm tra hàng ngày và bảo dưỡng định kỳ là việc làm hết sức cần thiết. Toyota khuyến nghị hãy thực hiện các công việc bảo dưỡng sau:

⚠ CẢNH BÁO

n **Nếu bảo dưỡng xe không đúng cách**

Bảo dưỡng xe không đúng cách có thể sẽ làm cho xe bị hỏng nghiêm trọng dẫn đến tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Các lưu ý khi làm việc với ắc quy**

Các cực, điện cực của ắc quy và các phụ kiện liên quan có chứa chì và hợp chất của chì, những chất này có thể gây tổn thương cho não người. Hãy rửa tay sau khi thao tác (→P.555)

Lịch bảo dưỡng

- Nên thực hiện việc bảo dưỡng xe sau một quá trình sử dụng xe theo lịch bảo dưỡng.

Chu kỳ bảo dưỡng được xác định dựa trên thời gian sử dụng xe hoặc quãng đường đi được của xe trên đồng hồ công tơ mét, tùy theo điều kiện nào đến trước, được thể hiện trong lịch bảo dưỡng của xe.

Các công việc bảo dưỡng ở kì bảo dưỡng gần nhất nên được thực hiện ở các chu kỳ bảo dưỡng tương tự tiếp theo.

- Nên bảo dưỡng xe ở đâu?

Tốt nhất là bạn nên mang xe tới đại lý Toyota ở địa phương để bảo dưỡng cũng như thực hiện những công việc kiểm tra và sửa chữa khác.

Các kỹ thuật viên của Toyota là những chuyên gia được đào tạo kỹ càng. Họ thường xuyên được cập nhật những thông tin bảo dưỡng mới nhất thông qua các bản tin kỹ thuật, những bí quyết bảo dưỡng bổ ích và những chương trình đào tạo ngay trong nội bộ đại lý. Họ đã được đào tạo kỹ càng trên xe Toyota trước khi phục vụ xe của bạn.

Các đại lý Toyota đã đầu tư rất nhiều tiền của để mua sắm các dụng cụ và các thiết bị bảo dưỡng đặc biệt của Toyota. Việc này sẽ giúp cho việc bảo dưỡng xe của bạn sẽ hiệu quả hơn với chi phí thấp hơn.

Bộ phận dịch vụ của đại lý Toyota sẽ thực hiện tất cả các công việc bảo dưỡng định kỳ cho xe bạn một cách tin cậy và kinh tế nhất.

Bạn nên yêu cầu các kỹ thuật viên có chuyên môn kiểm tra kỹ các ống dẫn bằng cao su (sử dụng trong hệ thống sưởi và làm mát, hệ thống phanh và nhiên liệu) theo lịch bảo dưỡng của Toyota.

Hãy hết sức chú ý kiểm tra các ống dẫn cao su khi bảo dưỡng xe. Hãy thay thế hoặc sửa chữa ngay bất kỳ ống dẫn cao su đã bị hỏng. Hãy chú ý rằng các ống dẫn cao su sẽ bị lão hoá theo thời gian dẫn đến bị cứng, phồng lên hoặc nứt vỡ.

Tự bảo dưỡng

Tự bảo dưỡng là gì?

Có rất nhiều hạng mục bảo dưỡng

mà bạn có thể dễ dàng tự thực hiện được nếu như bạn có một chút kỹ năng về sửa chữa cơ khí và có những dụng cụ sửa chữa ôtô cơ bản.

Hãy làm theo những chỉ dẫn sau để tiến hành tự bảo dưỡng cho xe của bạn.

Tuy nhiên, có một số hạng mục bảo dưỡng đòi hỏi phải có những kỹ năng và dụng cụ đặc biệt để có thể thực hiện được. Những kỹ thuật viên có trình độ là những người có thể thực hiện tốt nhất các công việc đó. Kể cả khi bạn là một thợ cơ khí có nhiều kinh nghiệm, chúng tôi cũng khuyên bạn nên sửa chữa và bảo dưỡng xe tại đại lý Toyota, đồng thời họ cũng sẽ ghi lại lịch sử bảo dưỡng của xe bạn. Những ghi chép này có thể sẽ hữu ích khi bạn yêu cầu dịch vụ bảo hành cho xe.

n Xe của bạn có cần phải sửa chữa không?

Hãy chú ý tới sự thay đổi tính năng làm việc của xe và âm thanh phát ra và quan sát các hiện tượng để sớm phát hiện các bất thường trên xe. Một số dấu hiệu quan trọng như:

- Động cơ bị bỏ máy, có hiện tượng rung và giật
- Công suất động cơ giảm rõ rệt
- Tiếng ồn lạ phát ra từ động cơ
- Có dung dịch bị rò rỉ dưới gầm xe (Tuy nhiên, nước nhỏ ra từ điều hòa nhiệt độ sau khi sử dụng là hiện tượng bình thường)
- Có tiếng động bất thường phát ra từ hệ thống xả (đó có thể là dấu hiệu của tình trạng rò rỉ khí cácbon môônxít rất độc hại. Hãy mở tất cả các cửa sổ khi lái xe và kiểm tra hệ thống khí xả ngay lập tức.)
- Lốp có vẻ bị non, rít mạnh khi vào cua, lốp mòn không đều
- Xe bị lệch về một phía khi lái thẳng trên đường bằng phẳng
- Có tiếng ồn lạ liên quan tới chuyển động của hệ thống treo
- Phanh mất hiệu quả, cảm giác bàn đạp phanh quá nhẹ, bàn đạp gần như chạm vào sàn xe, xe bị lạng về một phía khi phanh
- Nhiệt độ nước làm mát động cơ liên tục cao hơn bình thường (→P.93, 98)
- Động cơ nóng liên tục, đồng hồ đo áp suất dầu động cơ ở mức thấp

Nếu bạn phát hiện ra một trong các dấu hiệu trên, hãy đem xe tới đại lý Toyota càng sớm càng tốt vì có thể xe của bạn sẽ cần phải điều chỉnh hoặc sửa chữa.

Lịch bảo dưỡng

Hãy tiến hành bảo dưỡng theo lịch sau:

Các yêu cầu bảo dưỡng

Bạn nên bảo dưỡng xe theo lịch bảo dưỡng định kỳ. (Hãy xem mục "Lịch bảo dưỡng".)

Nếu bạn thường xuyên phải lái xe dưới một trong các điều kiện đặc biệt dưới đây, thì một số hạng mục bảo dưỡng sẽ cần phải được thực hiện thường xuyên hơn.
(Hãy xem mục "Lịch bảo dưỡng bổ sung".)

A. Điều kiện đường sá 1. Hoạt động trên đường gồ ghề, lầy lội hoặc đường có nhiều tuyết tan. 2. Hoạt động trên đường nhiều bụi bẩn. (Đường ở những khu vực trải nhựa đường ít hoặc nhiều bụi và không khí rất khô) 3. Hoạt động trên đường có rải muối 4. Động cơ Diesel: Môi trường rất nhiều bụi bẩn (Công trường hoặc đường không được rải nhựa).	B. Điều kiện sử dụng 1. Xe chất tải nặng. (Ví dụ: Kéo rơ moóc [xe có móc kéo], sử dụng làm xe cắm trại hoặc chở hàng trên nóc xe, vv...) 2. Liên tục di chuyển trên những quãng đường ngắn dưới 8 km và nhiệt độ bên ngoài xe dưới nhiệt độ đóng băng. (Nhiệt độ động cơ sẽ không đạt tới nhiệt độ làm việc bình thường.) 3. Chạy không tải quá lâu và/hoặc chạy với tốc độ thấp trên quãng đường dài, như trường hợp xe cảnh sát, xe taxi, hay xe giao hàng. 4. Liên tục lái xe với tốc độ cao (80% trở lên so với tốc độ tối đa của xe) trong hơn 2 giờ.

Lịch bảo dưỡng

Hoạt động bảo dưỡng:

I = Kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế khi cần

R = Thay thế, thay đổi hoặc bôi trơn

L = Bôi trơn;

T = Xiết chặt đến mômen tiêu chuẩn

KỲ BẢO DƯỠNG:			SỐ ĐO CÔNG TƠ MÉT								SỐ THÁNG
(Số đo công tơ mét hoặc số tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước)			x1000 km	10	20	30	40	50	60	70	80	
			x1000 miles	6	12	18	24	30	36	42	48	
CÁC CHI TIẾT CƠ BẢN CỦA ĐỘNG CƠ												
1	Đai dẫn động	Động cơ xăng			I		I		I		I	24
		Động cơ diesel	Kiểm tra lần đầu sau 100,000 km hoặc 72 tháng, sau 100,000 km thì cứ 20,000 km hoặc 12 tháng sẽ kiểm tra một lần									
2	Dầu động cơ	Động cơ 1GR-FE	R	R	R	R	R	R	R	R	12	
		Động cơ V35A-FTS	Thay thế khi thông báo nhắc bảo dưỡng xuất hiện. <<Xem chú ý 1.>>									
		Động cơ F33A-FTV	Thay khi đèn nhắc bảo dưỡng xuất hiện. <<Xem chú ý 2 và 3.>>									
3	Lọc dầu động cơ	Động cơ 1GR-FE	R	R	R	R	R	R	R	R	12	
		Động cơ V35A-FTS	Thay thế khi thông báo nhắc bảo dưỡng xuất hiện. <<Xem chú ý 1.>>									
		Động cơ F33A-FTV	Thay khi đèn nhắc bảo dưỡng xuất hiện. <<Xem chú ý 2 và 4.>>									
4	Hệ thống làm mát và sưởi ấm<< Xem chú ý 5.>>					I				I	24	
5	Nước làm mát động cơ (bao gồm nước làm mát của bộ làm mát trung gian) <<Xem chú ý 6.>>					I				I	-	
6	Các ống mềm của bộ làm mát dầu động cơ (động cơ 1GR-FE) <<Xem chú ý 5.>>					I				I	24	
7	Đường ống xả và tai treo ống xả			I		I		I		I	12	
HỆ THỐNG ĐÁNH LỬA												
8	Bugi	Động cơ 1GR-FE	Thay sau mỗi 100,000 km								-	
		Động cơ V35A-FTS							R			-

KỲ BẢO DƯỠNG:			SỐ ĐO CÔNG TƠ MÉT								SỐ THÁNG
(Số đo công tơ mét hoặc số tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước)		x1000 km	10	20	30	40	50	60	70	80	
		x1000 miles	6	12	18	24	30	36	42	48	
9	Các ống DPF để kiểm tra áp suất xả (động cơ diesel có hệ thống DPF)		-								R: 36
10	Ắc quy		I	I	I	I	I	I	I	I	12
HỆ THỐNG NHIÊN LIỆU VÀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT KHÍ XẢ											
11	Bộ lọc nhiên liệu (động cơ xăng)		-								96
12	Bộ lắng đọng nước (động cơ diesel)		I	I	I	I	I	I	I	I	12
13	Bộ lọc gió (bao gồm bộ lọc gió sơ bộ, nếu có)	Động cơ xăng		I		R		I		R	I: 24 R: 48
		Động cơ Diesel trừ thị trường Nga	Kiểm tra sau mỗi 5,000 km Thay thế sau mỗi 30,000 km								I: 6 R: 36
14	Khói diesel (động cơ diesel)					I				I	48
15	Nắp bình nhiên liệu, đường ống nhiên liệu, cút nối và van điều khiển bay hơi nhiên liệu <<Xem chú ý 5.>>					I				I	24
16	Nắp bình nhiên liệu, đường ống nhiên liệu, cút nối (động cơ diesel) <<Xem chú ý 5.>>					I				I	24
17	Bộ lọc than hoạt tính (động cơ xăng)					I				I	24
GẦM VÀ THÂN XE											
18	Bàn đạp phanh và phanh đỗ <<Xem chú ý 10.>>		I	I	I	I	I	I	I	I	6
19	Các má phanh và đĩa phanh		I	I	I	I	I	I	I	I	6
20	Dầu phanh		I	I	I	R	I	I	I	R	I: 6 R: 24

KỲ BẢO DƯỠNG:		SỐ ĐO CÔNG TƠ MÉT								SỐ THÁNG
(Số đo công tơ mét hoặc số tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước)		x1000 km	10	20	30	40	50	60	70	80	
		x1000 miles	6	12	18	24	30	36	42	48	
21	Các đường ống dẫn của hệ thống phanh			I		I		I		I	12
22	Bơm chân không (động cơ diesel)		Kiểm tra sau mỗi 200,000 km								-
23	Dầu trợ lực lái		I	I	I	I	I	I	I	I	6
24	Vô lăng, thước lái và hộp cơ cấu lái		I	I	I	I	I	I	I	I	6
25	Mỡ bôi trơn trục các đăng <<Xem chú ý 11 và 12.>>		L	L	L	L	L	L	L	L	6
26	Bu lông của trục các đăng		T	T	T	T	T	T	T	T	6
27	Các cao su chắn bụi của trục các-đăng		I	I	I	I	I	I	I	I	6
28	Cao su chắn bụi bán trục			I		I		I		I	24
29	Các khớp cầu của hệ thống treo và các nắp chắn bụi		I	I	I	I	I	I	I	I	6
30	Dầu hộp số tự động					I				I	24
31	Đường ống dẫn và cút nối của bộ làm mát dầu hộp số tự động					I				I	24
32	Dầu hộp số phụ					I				I	48
33	Dầu vi sai trước			I		R		I		R	I: 12 R: 48
34	Dầu vi sai sau			I		R		I		R	I: 12 R: 48
35	Hệ thống treo trước và treo sau		I	I	I	I	I	I	I	I	6
36	Lốp và áp suất lốp		I	I	I	I	I	I	I	I	6
37	Các đèn, còi, cần gạt nước và phun nước rửa kính		I	I	I	I	I	I	I	I	6
38	Bộ lọc điều hòa			R		R		R		R	-

CHÚ Ý:

1. Thay cả dầu động cơ và bộ lọc dầu, ngay cả khi đèn nhắc bảo dưỡng không xuất hiện, sau 12 tháng trôi qua hoặc khi lái xe trên 10,000 km kể từ lần thay dầu gần nhất. Điều này có thể làm đèn nhắc bảo dưỡng xuất hiện ngay cả khi lái xe ít hơn 10,000 km. Thay cả bộ lọc dầu và dầu động cơ sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng, với các xe lái chủ yếu trên đường bẩn và bụi, khi đèn nhắc bảo dưỡng không xuất hiện.

2. Thay cả dầu và lọc dầu động cơ, ngay cả khi thông báo nhắc bảo dưỡng chưa được hiển thị, cứ sau 12 tháng hoạt động hoặc khi bạn đã lái xe hơn 10,000 km tính từ lần thay dầu gần nhất. Thay cả dầu và lọc dầu động cơ sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng, đối với xe chủ yếu hoạt động trên đường nhiều bụi bẩn, ngay cả khi thông báo nhắc bảo dưỡng chưa được hiển thị.

3. Thay dầu động cơ ngay cả khi thông báo nhắc bảo dưỡng chưa được hiển thị, cứ sau 6 tháng hoạt động hoặc xe chạy được hơn 5,000 km tính từ lần thay dầu gần nhất. Thay dầu động cơ sau mỗi 2,500 km hoặc 3 tháng, đối với xe chủ yếu hoạt động trên đường nhiều bụi bẩn, kể cả khi bộ nhắc bảo dưỡng chưa được hiển thị.

4. Thay lọc dầu động cơ, ngay cả khi thông báo nhắc bảo dưỡng chưa được hiển thị, cứ sau 6 tháng hoạt động hoặc xe chạy được hơn 5,000 km tính từ lần thay dầu gần nhất.

5. Kiểm tra lần đầu tại 80,000 km hoặc 48 tháng, sau đó kiểm tra sau mỗi 20,000 km hoặc 12 tháng.

6. Thay lần đầu sau mỗi 160,000 km, sau đó thay sau mỗi 80,000 km.

7. Dung dịch làm sạch vòi phun chính hiệu của Toyota hay tương đương.

8. Không cần phải kiểm tra phanh đỗ.

9. Sau khi xe bị ngập nước, hãy tiến hành bôi trơn cho xe trong vòng 24 giờ.

10. Chỉ với bôi trơn bằng mỡ.

Lịch bảo dưỡng bổ sung

Hãy tham khảo bảng dưới đây về các hạng mục đòi hỏi phải bảo dưỡng thường xuyên hơn đối với các loại xe hoạt động dưới điều kiện đặc biệt. (Để biết thông tin khái quát, hãy xem mục "Các yêu cầu về

lịch bảo dưỡng".)

A-1: Hoạt động trên đường gồ ghề, lầy lội hoặc đường có nhiều tuyết tan hoặc đường bị ngập nước.	
Kiểm tra* má phanh và đĩa phanh	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Kiểm tra* đường ống dẫn của hệ thống phanh	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng
Kiểm tra* cao su chắn bụi bán trục	Sau mỗi 10,000 km hoặc 12 tháng
Thay dầu hộp số phụ	Sau mỗi 40,000 km hoặc 48 tháng
Bôi trơn trục các đăng <<Xem chú ý 1 và 2.>>	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Tình trạng xiết của các bu lông trục các đăng	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Kiểm tra* cao su chắn bụi trục các-đăng	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Kiểm tra* vô lăng, thước lái và hộp cơ cấu lái	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Kiểm tra* hệ thống treo trước và treo sau	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Xiết chặt các bu lông và đai ốc ở gầm và thân xe <<Xem chú ý 3.>>	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng

*: Hãy sửa chữa hoặc thay thế khi cần.

A-2: Hoạt động trên đường nhiều bụi bẩn (Đường ở những khu vực trải nhựa đường ít hoặc nhiều bụi và không khí rất khô).	
Thay dầu động cơ (động cơ 1GR-FE)	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
Thay lọc dầu động cơ (động cơ 1GR-FE)	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
Kiểm tra* hoặc thay bộ lọc gió (gồm cả bộ lọc gió sơ bộ, nếu có)	▶ Động cơ xăng I: Sau mỗi 10,000 km hoặc 12 tháng R: Sau mỗi 40,000 km hoặc 48 tháng ▶ Động cơ diesel I: Sau mỗi 2,500 km hoặc 3 tháng R: Sau mỗi 30,000 km hoặc 36 tháng
Kiểm tra* má phanh và đĩa phanh	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng

A-2: Hoạt động trên đường nhiều bụi bẩn (Đường ở những khu vực trải nhựa đường ít hoặc nhiều bụi và không khí rất khô).	
Thay dầu hộp số phụ	Sau mỗi 40,000 km hoặc 48 tháng
Bôi trơn trục các đăng <<Xem chú ý 1 và 2.>>	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Tình trạng xiết của các bu lông trục các đăng	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Kiểm tra* cao su chắn bụi trục các-đăng	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Thay bộ lọc điều hòa	Sau mỗi 15,000 km

*: Hãy sửa chữa hoặc thay thế khi cần.

A-3. Hoạt động trên đường có rải muối	
Bôi trơn trục các đăng <<Xem chú ý 1 và 2.>>	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Tình trạng xiết của các bu lông trục các đăng	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Kiểm tra* cao su chắn bụi trục các-đăng	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng

*: Hãy sửa chữa hoặc thay thế khi cần.

A-4: Động cơ Diesel: Môi trường rất nhiều bụi bẩn (Công trường hoặc đường không được rải nhựa).	
Vệ sinh cảm biến lưu lượng khí nạp	Thổi khí vào cảm biến một cách gián đoạn trong khoảng 30 giây cứ sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng.

B-1: Xe chất tải nặng. (Ví dụ: Kéo rơ moóc [xe có móc kéo], sử dụng làm xe cắm trại hoặc chở hàng trên nóc xe, vv...)	
Thay dầu động cơ (động cơ 1GR-FE)	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
Thay lọc dầu động cơ (động cơ 1GR-FE)	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
Kiểm tra* má phanh và đĩa phanh	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Kiểm tra* hoặc thay dầu hộp số tự động	I: Sau mỗi 40,000 km hoặc 24 tháng R: Sau mỗi 80,000 km hoặc 48 tháng
Thay dầu hộp số phụ	Sau mỗi 40,000 km hoặc 48 tháng

B-1: Xe chất tải nặng. (Ví dụ: Kéo rơ moóc [xe có móc kéo], sử dụng làm xe cắm trại hoặc chở hàng trên nóc xe, vv...)	
Thay dầu vi sai trước	Sau mỗi 20,000 km hoặc 24 tháng
Thay dầu vi sai sau	Sau mỗi 20,000 km hoặc 24 tháng
Bôi trơn trục các đăng <<Xem chú ý 1 và 2.>>	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Tình trạng xiết của các bu lông trục các đăng	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Kiểm tra* cao su chắn bụi trục các-đăng	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Kiểm tra* hệ thống treo trước và treo sau	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Xiết chặt các bu lông và đai ốc ở gầm và thân xe <<Xem chú ý 3.>>	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng

*: Hãy sửa chữa hoặc thay thế khi cần.

B-2. Liên tục di chuyển trên những quãng đường ngắn dưới 8 km và nhiệt độ bên ngoài xe dưới nhiệt độ đóng băng. (Nhiệt độ động cơ sẽ không đạt tới nhiệt độ làm việc bình thường.)	
Thay dầu động cơ (động cơ 1GR-FE)	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
Thay lọc dầu động cơ (động cơ 1GR-FE)	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng

B-3: Chạy không tải quá lâu và/hoặc chạy với tốc độ thấp trên quãng đường dài, như trường hợp xe cảnh sát, xe taxi, hay xe giao hàng.	
Thay dầu động cơ (động cơ 1GR-FE)	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
Thay lọc dầu động cơ (động cơ 1GR-FE)	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
Kiểm tra* má phanh và đĩa phanh	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Kiểm tra* hoặc thay dầu hộp số tự động	I: Sau mỗi 40,000 km hoặc 24 tháng R: Sau mỗi 80,000 km hoặc 48 tháng

*: Hãy sửa chữa hoặc thay thế khi cần.

B-4: Liên tục lái xe với tốc độ cao (80% hoặc lớn hơn của tốc độ tối đa của xe) trong hơn 2 giờ.	
Kiểm tra* hoặc thay dầu hộp số tự động	I: Sau mỗi 40,000 km hoặc 24 tháng R: Sau mỗi 80,000 km hoặc 48 tháng
Thay dầu hộp số phụ	Sau mỗi 40,000 km hoặc 48 tháng
Thay dầu vi sai trước	Sau mỗi 20,000 km hoặc 24 tháng
Thay dầu vi sai sau	Sau mỗi 20,000 km hoặc 24 tháng

*: Hãy sửa chữa hoặc thay thế khi cần.

CHÚ Ý:

1. Sau khi xe bị ngập nước, hãy tiến hành bôi trơn cho xe trong vòng 24 giờ.
2. Chỉ bôi trơn bằng mỡ.
3. Đối với các bu lông bắt ghế, bu lông bắt hệ thống treo và bu lông chữ U giữ nhíp.

Các lưu ý khi tự bảo dưỡng

Nếu bạn tự bảo dưỡng, hãy tuân theo các quy trình chuẩn được mô tả trong các phần sau.

Bảo dưỡng

Các hạng mục	Các dụng cụ và phụ tùng
Tình trạng ắc quy (→P.555)	• Nước ấm • Baking soda • Mỡ bôi trơn • Cờ lê thường (để tháo lắp bu lông kẹp cực ắc quy) • Nước cất
Tời điện (nếu có) (→P.567)	• Mỡ bôi trơn • Dầu hộp số tự động
Mức nước làm mát động cơ/nước làm mát của bộ làm mát trung gian (nếu có) (→P.553)	• "Nước làm mát siêu bền của Toyota" hoặc loại tương đương gốc etylen glycol không chứa silic, amin, nitrit và borat với công nghệ axit hữu cơ tích hợp tuổi thọ cao Nước làm mát siêu bền của Toyota là hỗn hợp gồm 50% nước làm mát và 50% nước không ion hóa. • Phễu rót (chỉ sử dụng khi cần bổ sung thêm nước làm mát)
Mức dầu động cơ (→P.550)	• "Dầu động cơ chính hiệu Toyota" hoặc loại tương đương • Giẻ lau hoặc giấy lau • Phễu rót (chỉ sử dụng khi cần bổ sung thêm dầu động cơ)
Cầu chì (→P.584)	• Các cầu chì có cùng cường độ dòng với các cầu chì nguyên bản
Bóng đèn (→P.588)	• Bóng đèn có cùng ký hiệu và công suất với bóng đèn nguyên bản • Tô vít 4 cạnh • Tô vít đầu dẹt • Cờ lê

Các hạng mục	Các dụng cụ và phụ tùng
Két nước động cơ, dàn nóng điều hòa và bộ làm mát trung gian (nếu có) (→P.555)	—
Áp suất lốp (→P.578)	• Đồng hồ đo áp suất lốp • Nguồn cấp khí nén
Nước rửa kính (→P.558)	• Nước hoặc nước rửa kính có chứa chất chống đóng băng (để sử dụng trong mùa đông) • Phễu rót (chỉ sử dụng khi cần bổ sung thêm nước hoặc nước rửa kính)

⚠ CẢNH BÁO

Trong khoang động cơ có rất nhiều chi tiết cơ khí và dung dịch, chúng có thể đang rất nóng hoặc có thể chuyển động bất ngờ hay có khả năng dẫn điện. Hãy tuân theo những lưu ý sau để đề phòng nguy cơ bị tai nạn dẫn tới tử vong hoặc bị thương nghiêm trọng.

n **Khi làm việc trong khoang động cơ**

l Hãy giữ tay, quần áo và các dụng cụ cách xa quạt làm mát và các đai dẫn động của động cơ.

l Lưu ý không được chạm vào động cơ, két nước, đường ống xả… ngay sau khi lái xe do chúng có thể sẽ rất nóng. Dầu và các dung dịch khác cũng có thể nóng.

l Không để các vật liệu dễ cháy, như vải hoặc giấy trong khoang động cơ.

l Không hút thuốc hoặc gây ra tia lửa điện hoặc để nguồn lửa gần nhiên liệu hoặc ắc quy. Hơi ắc quy hoặc nhiên liệu rất dễ cháy.

l Hãy hết sức thận trọng khi làm việc cùng với ắc quy. Bởi axit trong ắc quy rất độc và có khả năng ăn mòn mạnh.

l Dầu phanh có thể ăn mòn da tay hoặc mắt bạn và làm hư hỏng bề mặt sơn xe. Nếu dầu phanh bắn vào da hoặc mắt bạn, hãy rửa sạch vùng bị dính dầu bằng nước sạch ngay lập tức. Nếu bạn vẫn cảm thấy khó chịu, hãy tới bác sỹ để khám.

n **Khi làm việc gần quạt làm mát hoặc lưới che két nước**

Chắc chắn rằng công tắc động cơ đã tắt. Khi công tắc động cơ ở ON, các quạt làm mát có thể tự động quay nếu hệ thống điều hòa đang bật và/hoặc nhiệt độ nước làm mát cao. (→P.555)

n **Khi làm việc trên hoặc dưới gầm xe**

Không đứng dưới gầm xe nếu như xe chỉ được đỡ bởi kích. Hãy sử dụng mễ kê hoặc vật cứng khác để đỡ xe.

n **Kính bảo hộ lao động**

Sử dụng kính bảo hộ để bảo vệ mắt bạn khỏi bị các mạt kim loại, các dung dịch... văng hoặc rớt vào.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi tháo bộ lọc gió**

Nếu lái xe khi đã tháo bộ lọc gió có thể sẽ làm cho động cơ bị mài mòn nghiêm trọng do những chất bẩn có trong không khí.

n **Nếu mức dung dịch quá thấp hoặc quá cao**

Nếu mức dầu phanh giảm nhẹ do má phanh bị mòn hoặc nếu mức dầu phanh trong bộ tích năng cao là bình thường.
Nếu thường xuyên phải bổ sung thêm dung dịch thì có thể là hệ thống đó đang bị lỗi nghiêm trọng.

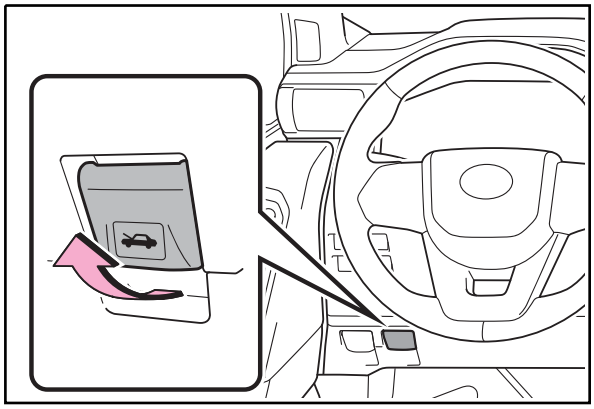
Nắp capô

Nhả khóa ở trong xe để mở nắp capô.

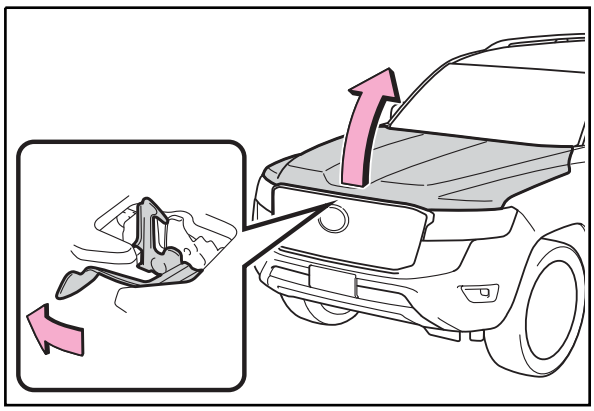
Mở nắp capô

1 Kéo lẫy nhả khóa nắp capô.

Nắp capô sẽ bật lên một chút.



2 Đẩy lẫy khóa phụ của nắp capô lên và nâng nắp capô lên.



CẢNH BÁO

n **Để tránh chấn thương**

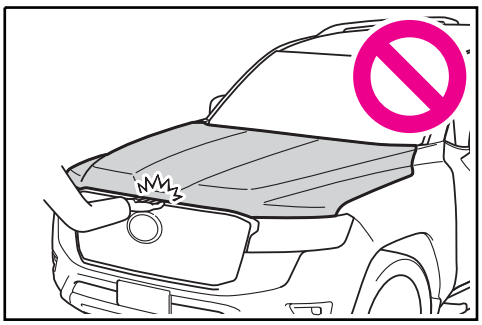
Khoang động cơ có thể nóng sau khi lái xe. Chạm vào các bộ phận nóng có thể dẫn đến bỏng hoặc các tổn thương nghiêm trọng khác.

n Kiểm tra trước khi khởi hành

Hãy kiểm tra để đảm bảo rằng nắp capô đã được đóng chặt và khóa chắc chắn.
Nếu nắp capô chưa được khóa chắc chắn, nó có thể sẽ bị mở ra trong khi xe chạy và gây ra tai nạn, dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

n Khi đóng nắp capô

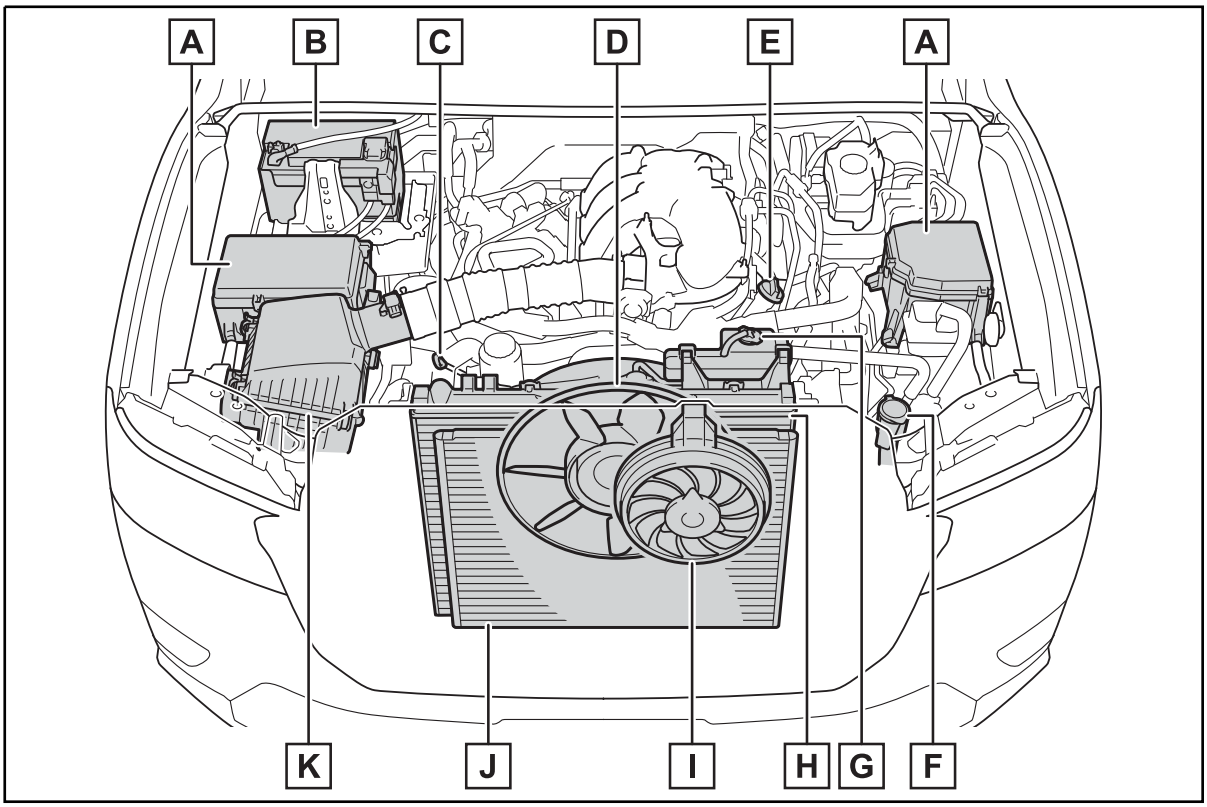
Khi đóng nắp capô, hãy hết sức chú ý để tránh cho các ngón tay của bạn khỏi bị kẹp.



Khoang động cơ

Các chi tiết

▶ Động cơ 1GR-FE



A Hộp cầu chì (→P.584)

B Ắc quy (→P.555)

C Que thăm dầu động cơ (→P.550)

D Quạt tản nhiệt (→P.555)

E Nắp lỗ nạp dầu động cơ (→P.552)

F Bình chứa nước rửa kính (→P.558)

G Bình chứa nước làm mát động cơ (→P.553)

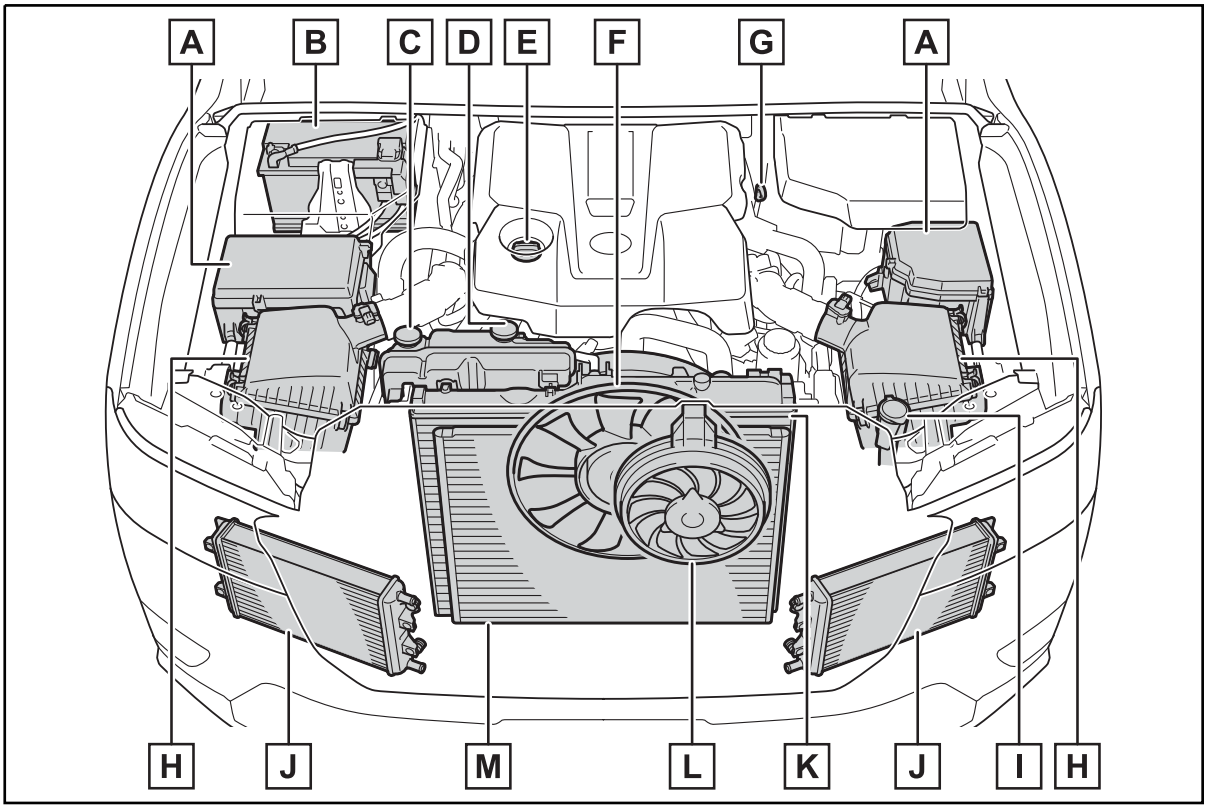
H Két nước làm mát động cơ (→P.555)

I Quạt làm mát (nếu có)

J Giàn nóng điều hòa (→P.555)

K Bộ lọc gió (→P.559)

▶ Động cơ V35A-FTS



A Hộp cầu chì (→P.584)

B Ắc quy (→P.555)

C Bình chứa nước làm mát của bộ làm mát trung gian (→P.553)

D Bình chứa nước làm mát động cơ (→P.553)

E Nắp lỗ nạp dầu động cơ (→P.552)

F Quạt tản nhiệt (→P.555)

G Que thăm dầu động cơ (→P.550)

H Bộ lọc gió (→P.559)

I Bình chứa nước rửa kính (→P.558)

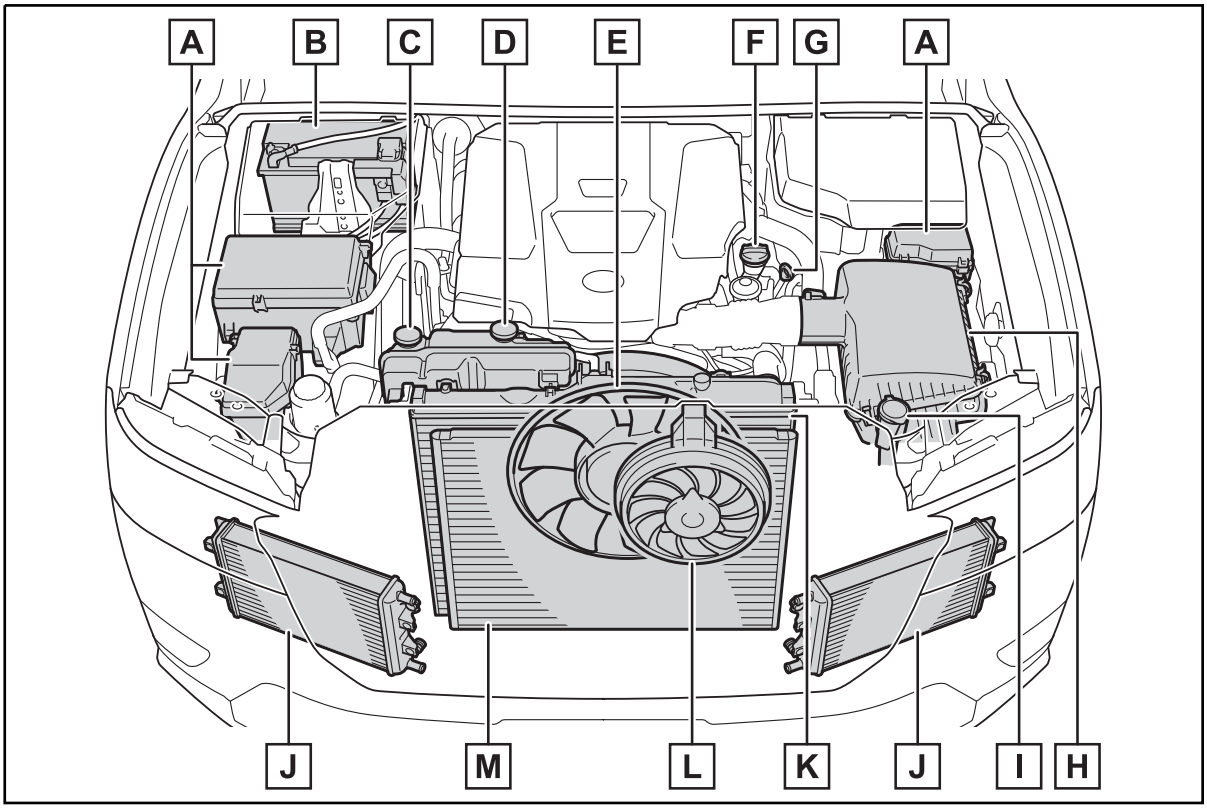
J Két nước của bộ làm mát trung gian (→P.555)

K Két nước làm mát động cơ (→P.555)

L Quạt làm mát (nếu có)

M Giàn nóng điều hòa (→P.555)

▶ Động cơ F33A-FTV



A Hộp cầu chì (→P.584)

B Ắc quy (→P.555)

C Bình chứa nước làm mát của bộ làm mát trung gian (→P.553)

D Bình chứa nước làm mát động cơ (→P.553)

E Quạt tản nhiệt (→P.555)

F Nắp lỗ nạp dầu động cơ (→P.552)

G Que thăm dầu động cơ (→P.550)

H Bộ lọc gió (→P.559)

I Bình chứa nước rửa kính (→P.558)

J Két nước của bộ làm mát trung gian (→P.555)

K Két nước làm mát động cơ (→P.555)

L Quạt làm mát (nếu có)

M Giàn nóng điều hòa (→P.555)

CẢNH BÁO

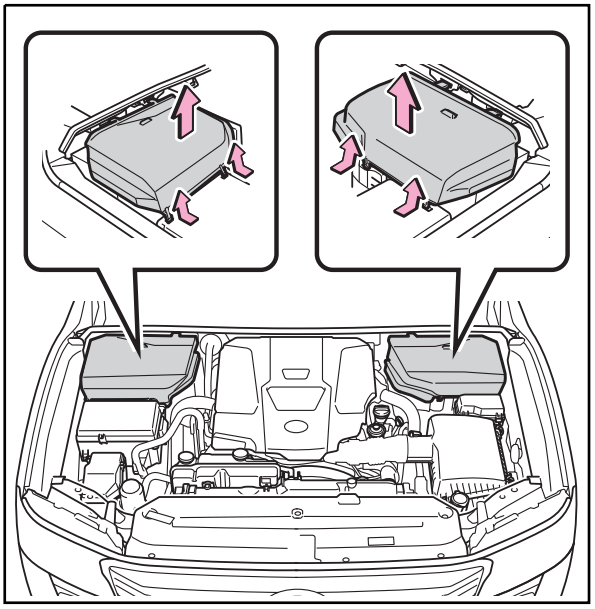
n **Khi động cơ nóng (động cơ F33A-FTV)**

Không được chạm vào nắp che động cơ vì nó rất nóng và sẽ làm bạn bị bỏng hoặc bị thương nghiêm trọng.

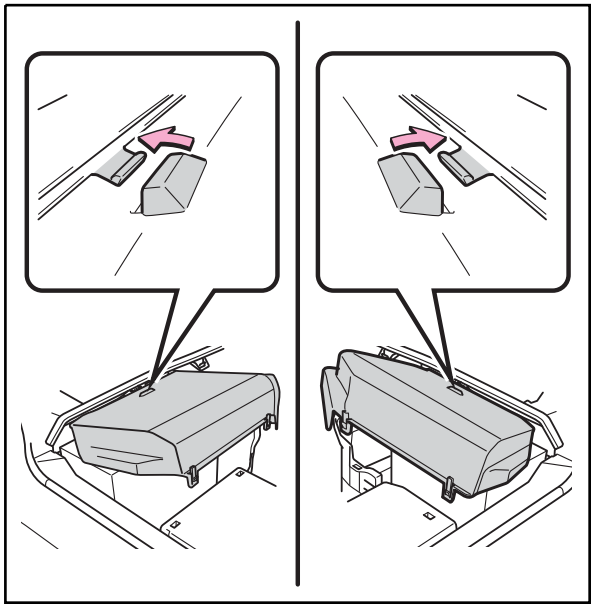
Nắp che khoang động cơ (nếu có)

n **Để nắp che khoang động cơ được mở**

1 Ấn vào tai hãm và kéo móc hãm, và nhấc nắp.

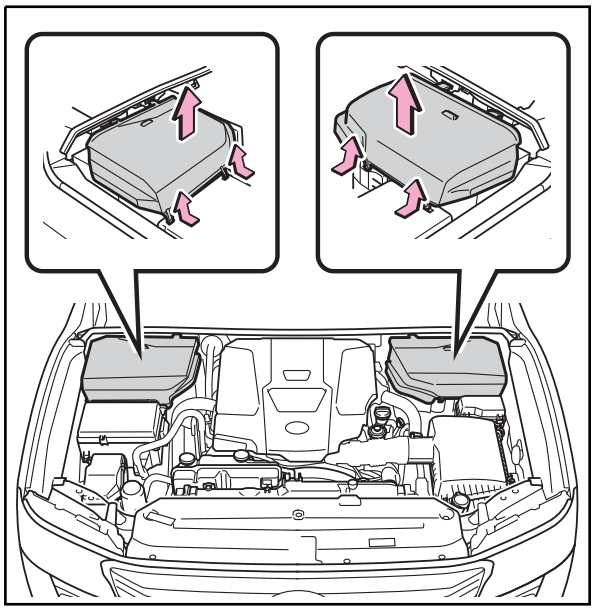


2 Lắp nắp như trong hình minh họa.

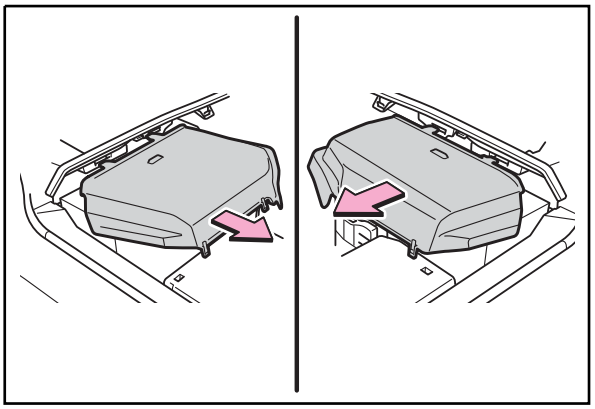


n **Tháo nắp che khoang động cơ**

1 Ấn vào tai hãm và kéo móc hãm, và nhấc nắp.

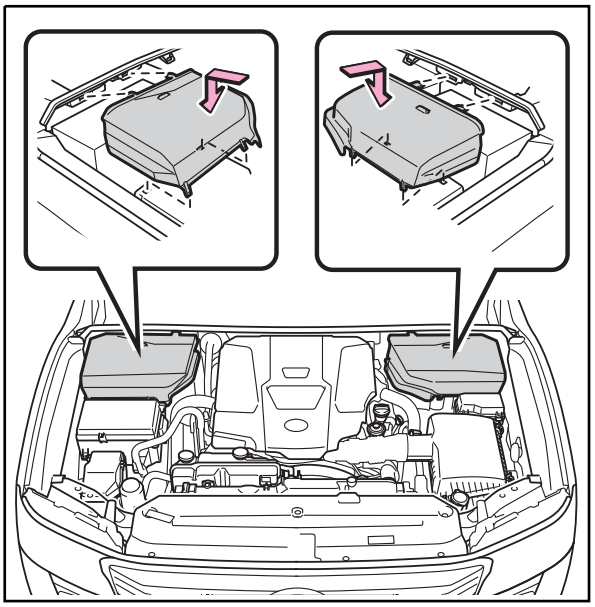


2 Hãy kéo nắp hướng về phía trước xe để tháo nó ra.



n **Lắp nắp che khoang động cơ**

Lắp nắp như trong hình minh họa.



⚠ CHÚ Ý

n **Sau khi lắp nắp che khoang động cơ**

Hãy đảm bảo rằng nắp che đã được cố định vào vị trí ban đầu của nó.

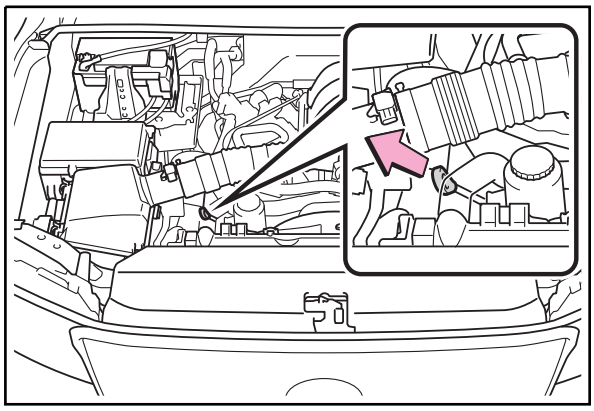
Kiểm tra dầu động cơ

Hâm nóng động cơ tới nhiệt độ làm việc rồi tắt máy, sau đó hãy sử dụng que thăm dầu để xác định mức dầu trong động cơ.

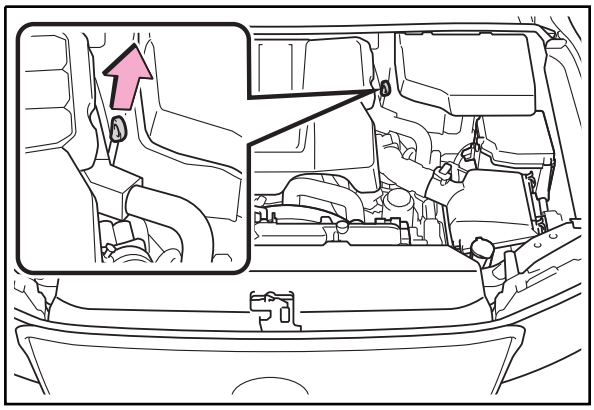
1 Hãy đỗ xe trên mặt bằng. Sau khi hâm nóng và tắt động cơ, hãy đợi khoảng 5 phút để dầu hồi về đáy động cơ.

2 Đỡ giẻ ở phía dưới que thăm dầu và rút que thăm dầu ra.

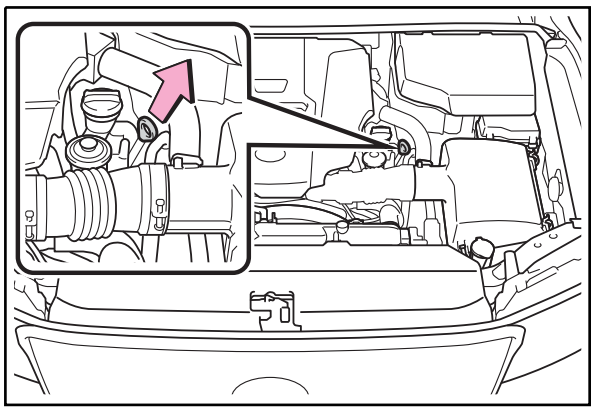
▶ Động cơ 1GR-FE



▶ Động cơ V35A-FTS



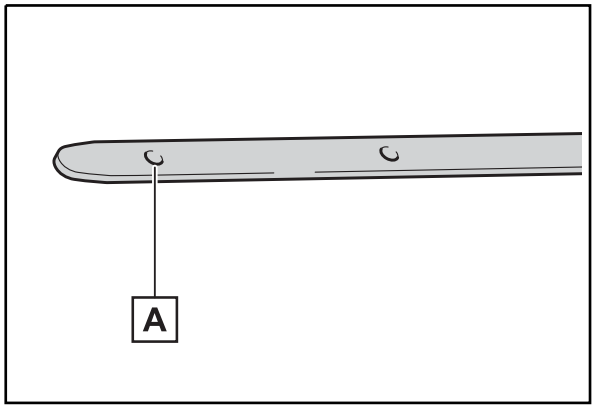
▶ Động cơ F33A-FTV



3 Lau sạch que thăm dầu.

4 Cắm que thăm dầu xuống hết cỡ.

5 Hãy kê một miếng giẻ ở bên dưới, kéo que thăm dầu ra và kiểm tra xem mức dầu có nằm cao hơn dấu mức dầu thấp hay không.



A Dấu mức dầu thấp

Hình dạng que thăm dầu động cơ có thể khác nhau tùy vào loại xe hoặc loại động cơ.

6 Lau sạch rồi cắm hết cỡ que thăm dầu trở lại.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hư hỏng nghiêm trọng động cơ**

Thường xuyên kiểm tra mức dầu động cơ theo đúng quy cách.

n **Mức tiêu hao dầu động cơ**

Dầu động cơ sẽ tiêu hao một lượng nhất định trong khi lái. Trong các trường hợp sau, mức tiêu hao dầu có thể tăng và cần phải bổ sung dầu động cơ giữa các kỳ bảo dưỡng dầu.

- Khi động cơ còn mới, chẳng hạn như sau khi mua xe hoặc sau khi thay động cơ
- Khi sử dụng dầu chất lượng thấp hoặc dầu có độ nhớt không phù hợp
- Khi lái xe với tốc độ động cơ cao hoặc trong điều kiện tải nặng, khi kéo xe hoặc lái xe trong khi tăng tốc hoặc giảm tốc thường xuyên
- Khi để động cơ chạy không tải trong một thời gian dài hoặc khi lái xe liên tục trong điều kiện đường đông

n **Mức dầu động cơ tăng lên**

Nếu thường xuyên lái xe trong điều kiện động cơ chưa được hâm nóng, hơi ẩm được gây ra do đọng sương bên trong động cơ hoặc nhiên liệu chưa cháy sẽ hòa trộn vào dầu động cơ, dẫn đến mức dầu động cơ tăng lên. Tuy nhiên, đây không phải là trục trặc.
Ví dụ, động cơ sẽ khó được hâm nóng trong các tình huống sau.

- Khi lái xe trên những quãng đường ngắn
- Khi lái xe ở tốc độ thấp
- Khi nhiệt độ bên ngoài thấp

Khi kiểm tra dầu động cơ, chắc chắn rằng động cơ đã được hâm nóng. Nếu mức dầu động cơ cao hơn dấu mức dầu cao, hãy liên hệ với Đại lý Toyota của bạn.

Bổ sung dầu động cơ

n **Hãy kiểm tra lại loại dầu và chuẩn bị những hạng mục cần thiết**

Hãy kiểm tra lại loại dầu và chuẩn bị những hạng mục cần thiết trước khi bổ sung dầu động cơ.

- Chọn dầu động cơ

→P.655, 656, 657

- Lượng dầu (Dấu mức dầu thấp → Dấu mức dầu cao)

Động cơ 1GR-FE:
1.7 L
Động cơ V35A-FTS:
1.5 L
Động cơ F33A-FTV:

2.1 L

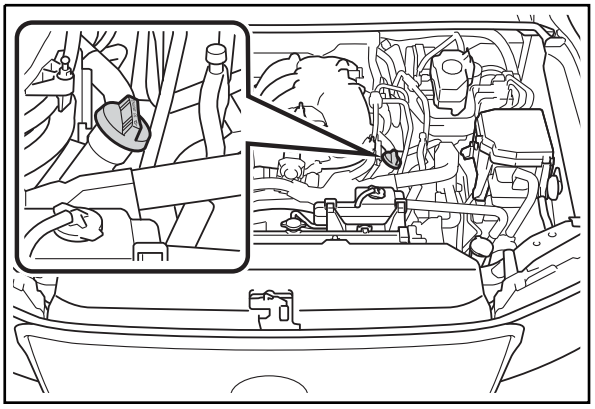
● Các hạng mục

Phễu rót dầu sạch

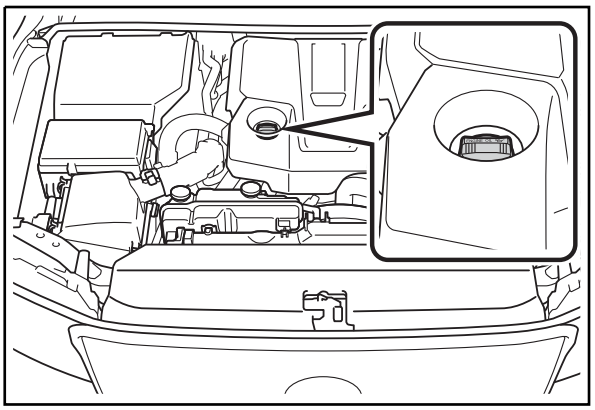
n Bổ sung dầu động cơ

Nếu mức dầu động cơ thấp hơn hoặc gần chạm tới dấu mức dầu thấp, hãy bổ sung thêm dầu động cơ cùng loại với dầu đang được sử dụng.

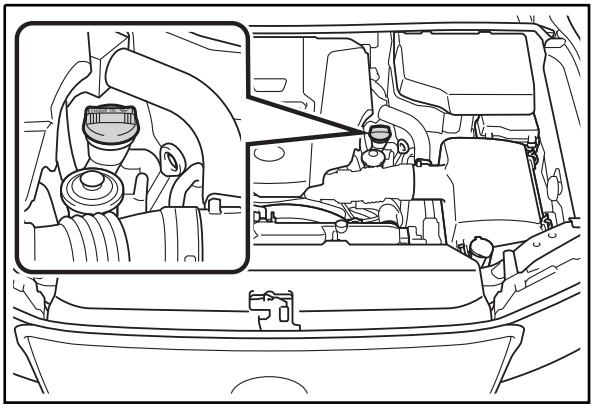
▶ Động cơ 1GR-FE



▶ Động cơ V35A-FTS



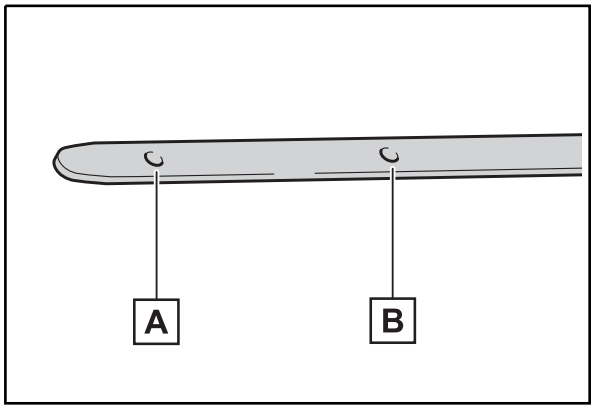
▶ Động cơ F33A-FTV



1 Tháo nắp lỗ đổ dầu động cơ bằng cách xoay nắp ngược chiều kim đồng hồ.

2 Bổ sung dầu động cơ thật từ từ, kiểm tra que thăm dầu.

Đảm bảo rằng mức dầu không vượt quá dấu mức dầu cao và nằm giữa dấu mức dầu thấp và dấu mức dầu cao.



A Dấu mức dầu thấp

B Dấu mức dầu cao

3 Lắp nắp lỗ nạp dầu bằng cách vặn nắp theo chiều kim đồng hồ.

n Sau khi thay dầu động cơ (nếu có)

Bạn nên đặt lại dữ liệu bảo dưỡng dầu động cơ. Hãy thực hiện theo các quy trình sau:

1 Chọn trên màn hình của màn hình đa thông tin, và sau đó ấn và giữ OK.

2 Chọn "Oil Maintenance" và sau đó ấn nút OK.

3 Chọn "Có" và sau đó ấn OK.

Một thông điệp "Reset Complete" sẽ được hiển thị khi hoàn thành quy trình

đặt lại.

CẢNH BÁO

n **Dầu động cơ đã qua sử dụng**

l Dầu động cơ đã qua sử dụng có chứa rất nhiều chất ô nhiễm rất độc hại, có thể gây bệnh viêm da hoặc ung thư da. Vì vậy cần phải chú ý tránh tiếp xúc lâu và liên tục với dầu động cơ. Hãy chú ý bảo vệ da bạn bằng cách rửa tay thật kỹ với xà phòng và nước.

l Hãy tiêu hủy dầu động cơ và lọc dầu tại nơi an toàn và theo cách thức phù hợp. Không được đổ dầu động cơ đã qua sử dụng và lọc dầu xuống rãnh thoát nước, xuống cống hoặc đổ ra đất. Hãy liên hệ với đại lý Toyota, trạm dịch vụ hoặc kho phụ tùng để có thêm thông tin liên quan tới việc tái chế hoặc tiêu hủy dầu động cơ.

l Không để dầu động cơ đã qua sử dụng trong tầm với của trẻ nhỏ.

CHÚ Ý

n **Khi thay dầu động cơ**

l Hãy thận trọng không để dầu động cơ tràn ra các thiết bị của xe.

l Tránh đổ dầu quá đầy nếu không động cơ có thể sẽ bị hỏng.

l Kiểm tra mức dầu động cơ bằng que thăm dầu mỗi khi bổ sung dầu cho xe.

l Đảm bảo rằng nắp lỗ đổ dầu đã được vặn chặt đúng cách.

n **Sau khi thay dầu động cơ (nếu có)**

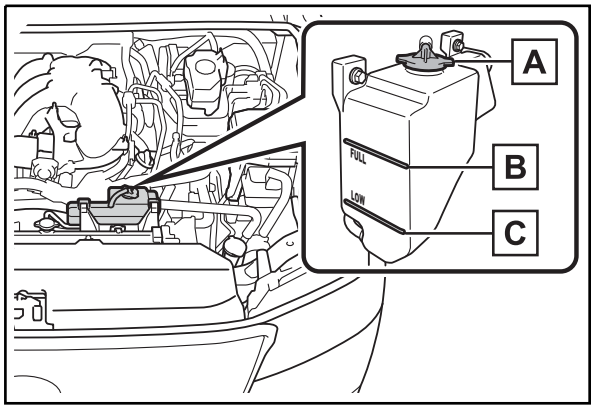
Đảm bảo đặt lại dữ liệu bảo dưỡng dầu động cơ. Nếu không đặt lại, thời điểm bảo dưỡng dầu tiếp theo sẽ không được hiển thị chính xác.

Kiểm tra mức nước làm mát

n **Bình chứa nước làm mát động cơ**

▶ Động cơ 1GR-FE

Mức nước làm mát động cơ phải nằm giữa vạch "FULL" và "LOW" trên bình chứa khi động cơ nguội.



A Nắp bình chứa nước làm mát

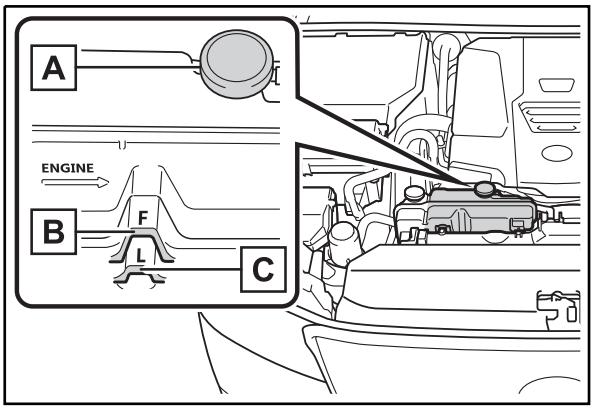
B Vạch "FULL"

C Vạch "LOW"

Nếu mức nước làm mát ngang bằng hoặc thấp hơn vạch "LOW", hãy bổ sung thêm nước làm mát tới vạch "FULL".
(→P.640)

▶ Động cơ V35A-FTS và F33A-FTV

Mức nước làm mát động cơ phải nằm giữa vạch "F" và "L" trên bình chứa khi động cơ nguội.



A Nắp bình chứa nước làm mát

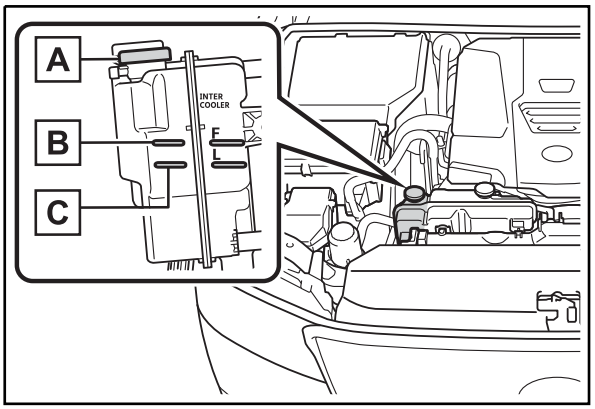
B Vạch "F"

C Vạch "L"

Nếu mức nước làm mát thấp hơn vạch "L", hãy bổ sung thêm nước làm mát tới vạch "F". (→P.640)

n **Bình chứa nước làm mát của bộ làm mát trung gian (nếu có)**

Mức nước làm mát động cơ phải nằm giữa vạch "F" và "L" trên bình chứa khi động cơ nguội.



A Nắp bình chứa nước làm mát

B Vạch "F"

C Vạch "L"

Nếu mức nước làm mát thấp hơn vạch "L", hãy bổ sung thêm nước làm mát tới vạch "F". (→P.640)

n **Lựa chọn nước làm mát**

Chỉ sử dụng "Nước làm mát siêu bền của Toyota" hoặc loại tương đương gốc etylen glycol không chứa silic, amin, nitrit và borat với công nghệ axít hữu cơ tuổi thọ cao.
"Nước làm mát siêu bền của Toyota" là hỗn hợp gồm 50% nước làm mát và 50% nước không ion hóa. (Kích hoạt: -35 ●C [-31 ●F])
Để biết thêm thông tin chi tiết về nước làm mát động cơ, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

n **Nếu mức nước làm mát bị hao hụt trong một thời gian ngắn sau khi đã được nạp đầy**

Hãy kiểm tra bằng cách quan sát két nước động cơ, các ống dẫn nước, nắp bình chứa nước làm mát động cơ, nắp két nước (nếu có), nắp bình chứa bộ làm mát trung gian (nếu có), nút xả và bơm nước.

Nếu bạn không tìm thấy điểm rò rỉ nào, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra nắp két nước và kiểm tra tình trạng rò rỉ trong hệ thống làm mát.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi động cơ đang nóng**

Không được tháo nắp két nước (nếu có), nắp bình chứa nước làm mát hoặc nắp bình chứa bộ làm mát trung gian (nếu có).
Nước làm mát có thể đang ở áp suất cao, nếu mở nắp két nước, nước nóng có thể sẽ phun ra gây ra bỏng hoặc những tổn thương khác.

CHÚ Ý

n **Khi bổ sung nước làm mát**

Nước làm mát không chỉ đơn giản là nước hoặc chất chống đóng băng. Việc sử dụng hỗn hợp phù hợp giữa nước và chất chống đóng băng sẽ cung cấp khả năng bôi trơn, chống ăn mòn và làm mát hiệu quả. Hãy đọc kỹ nhãn hiệu của nước làm mát hoặc chất chống đóng băng.

n **Nếu bạn làm tràn nước làm mát**

Hãy rửa sạch bằng nước để tránh làm hỏng các thiết bị hoặc lớp sơn xe.

Kiểm tra két nước động cơ, giàn nóng điều hòa và két nước của bộ làm mát trung gian (nếu có)

Hãy kiểm tra két nước động cơ, giàn nóng và két nước của bộ làm mát trung gian (nếu có) và vệ sinh các tạp chất bám trên chúng. Nếu một trong các chi tiết nói trên bị bẩn hoặc nếu bạn không rõ lắm về tình trạng của chúng, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

CẢNH BÁO

n **Khi động cơ đang nóng**

Không được chạm vào két nước động cơ, giàn nóng điều hoà hoặc két nước của bộ làm mát trung gian (nếu có) do chúng có thể đang nóng và có thể gây bỏng.

Kiểm tra ắc quy

Hãy kiểm tra ắc quy như sau.

n **Các ký hiệu cảnh báo**

Ý nghĩa của các ký hiệu cảnh báo trên nắp ắc quy như sau:

	Không hút thuốc, không gây tia lửa điện, không bật lửa
	Đeo kính bảo hộ
	Không để trẻ nhỏ tới gần
	Axít ắc quy
	Hướng dẫn khi thao tác
	Khí gây nổ

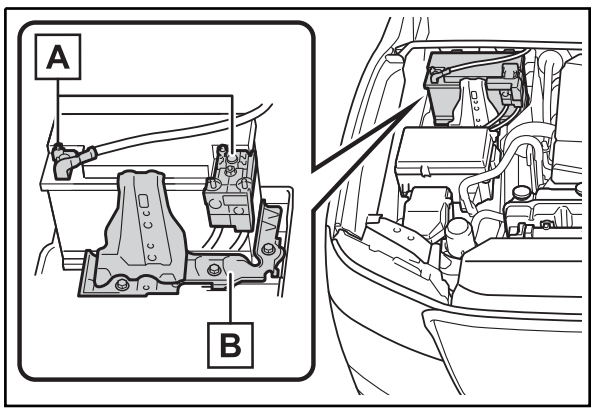
n **Giữ nắp khoang động cơ được mở hoặc tháo nắp (nếu có).**

→P.549

n **Bên ngoài của ắc quy**

Hãy chắc chắn rằng các cực của ắc quy không bị ăn mòn và các chỗ nối không bị lỏng, nứt hoặc lỏng kẹp.

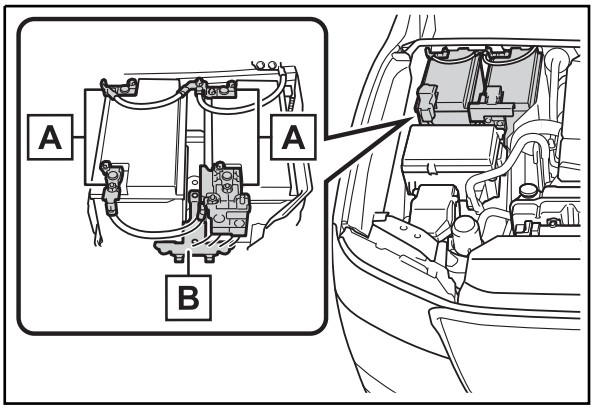
▶ Kiểu A



A Các điện cực

B Kẹp

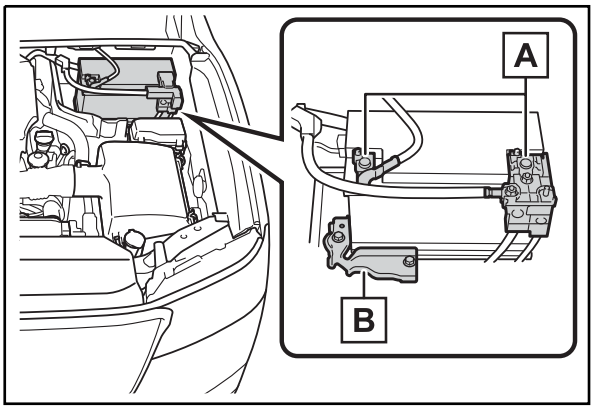
▶ Kiểu B



A Các điện cực

B Kẹp

▶ Kiểu C

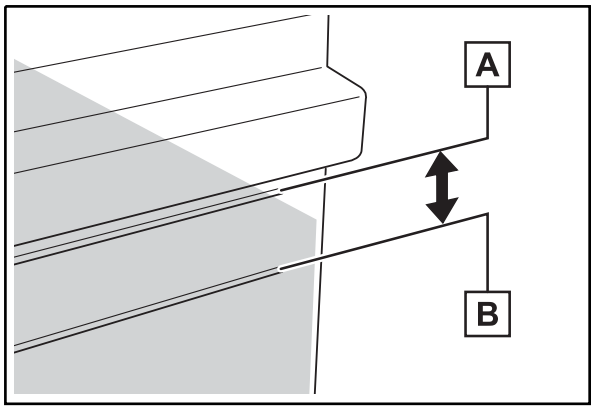


A Các điện cực

B Kẹp

n **Kiểm tra dung dịch ắc quy**

Kiểm tra rằng mức dung dịch đang nằm giữa vạch cao và vạch thấp.



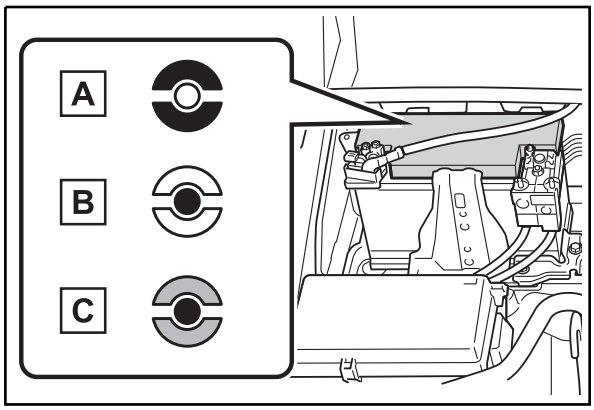
A Vạch cao

B Vạch thấp

Nếu mức dung dịch nằm dưới hoặc ngang bằng vạch thấp, hãy bổ sung thêm nước cất.

n **Kiểm tra tình trạng ắc quy (xe có chỉ báo ắc quy)**

Kiểm tra tình trạng ắc quy theo màu của chỉ báo.



A Màu đỏ hoặc màu trong suốt: Mức chất lỏng không đủ. Hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

B Màu trong suốt và màu đỏ: Nạp lại ắc quy. Yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

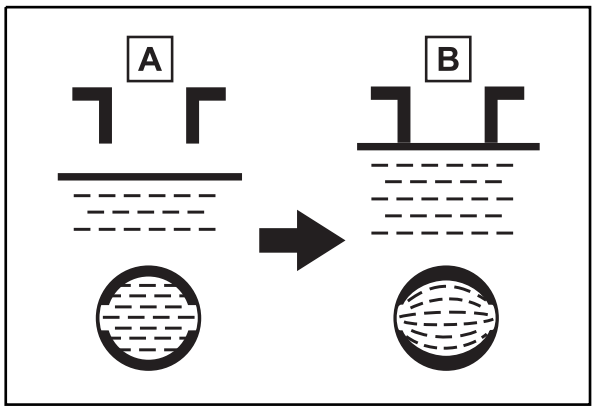
C Màu xanh nước biển và màu đỏ: Tình trạng ắc quy tốt

n Bổ sung nước cất

1 Tháo nút thông hơi.

2 Bổ sung nước cất.

Nếu không thể nhìn thấy vạch cao, hãy kiểm tra mức dung dịch ắc quy bằng cách nhìn trực tiếp vào từng ngăn.



A THẤP

B ĐỦ

3 Đậy lại nút thông hơi, đóng nó một cách chắc chắn.

n Lắp nắp che khoang động cơ (nếu có)

→P.549

n Trước khi nạp lại ắc quy

Khi nạp, ắc quy sẽ sinh ra khí hyđrô rất dễ bắt cháy và nổ. Do vậy, hãy tuân theo các lưu lý sau trước khi nạp lại ắc quy:

- Nếu tiến hành nạp khi ắc quy vẫn lắp ở trên xe, hãy đảm bảo rằng bạn đã ngắt cáp âm ắc quy.
- Đảm bảo rằng công tắc nguồn của máy nạp ắc quy đã được tắt khi tháo hoặc nối cáp nạp vào ắc quy.

n Sau khi nạp/nối lại ắc quy

Động cơ có thể sẽ không khởi động được. Hãy tuân theo các quy trình sau để khởi tạo cho hệ thống.

1 Chuyển cần số tới vị trí P.

2 Mở và đóng một cửa bất kỳ.

3 Khởi động lại động cơ.

- Chức năng mở khóa các cửa bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh có thể sẽ không hoạt động được ngay sau khi nối lại ắc quy. Nếu điều này xảy ra, hãy sử dụng điều khiển từ xa hoặc chìa khóa cơ để khóa/mở khóa các cửa.
- Khởi động động cơ với công tắc động cơ ở chế độ ACC*. Động cơ có thể sẽ không khởi động được với công tắc động cơ đang ở trạng thái tắt. Tuy nhiên, động cơ sẽ hoạt động bình thường từ lần khởi động thứ hai.
- Chế độ của công tắc động cơ sẽ được lưu lại. Nếu nối lại ắc quy, công tắc động cơ sẽ trở về trạng thái hoạt động của nó trước khi tháo ắc quy. Hãy tắt động cơ trước khi ngắt kết nối ắc quy. Hãy hết sức cẩn thận khi nối ắc quy nếu như không biết chế độ của công tắc động cơ trước khi ắc quy bị hết điện.

Nếu sau nhiều lần thử mà bạn vẫn không thể khởi động hệ thống được, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

*: Chế độ ACC có thể được kích hoạt/vô hiệu trên menu tùy chỉnh. (Xe có hệ thống định vị) (→P.681)

⚠ CẢNH BÁO

n Các hóa chất có trong ắc quy

Ắc quy có chứa axit sunfuric độc và có khả năng ăn mòn rất mạnh và ắc quy có thể tạo ra khí hyđrô rất dễ cháy và nổ. Để giảm nguy cơ bị chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong, hãy tuân thủ theo các chú ý sau khi ở gần hoặc làm việc với ắc quy:

- Không để các dụng cụ chạm vào các điện cực ắc quy làm sinh ra tia lửa điện.
- Không được hút thuốc hoặc bật diêm gần ắc quy.

l Tránh để dung dịch axit bắn vào mắt, da hoặc quần áo.

l Không hít hay nuốt dung dịch điện phân.

l Luôn đeo kính bảo hộ lao động khi làm việc gần ắc quy.

l Không để trẻ em tới gần ắc quy.

n **Địa điểm an toàn để nạp ắc quy**

Hãy nạp ắc quy tại một địa điểm thông thoáng. Không nạp ắc quy trong nhà để xe hoặc phòng kín không đủ thông thoáng.

n **Các biện pháp khẩn cấp liên quan tới dung dịch điện phân của ắc quy**

l Nếu dung dịch điện phân bắn vào mắt bạn
Hãy rửa mắt bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút và đi kiểm tra y tế ngay lập tức. Nếu có thể, bạn hãy liên tục dấp nước vào mắt bằng một miếng gạc hoặc tấm vải khi đang trên đường đến cơ sở y tế gần nhất.

CẢNH BÁO

l Nếu dung dịch điện phân bắn vào da bạn
Hãy rửa kỹ phần da bị dính axit. Nếu cảm thấy đau hoặc bỏng rát, hãy đi khám ngay.

l Nếu dung dịch điện phân bắn vào quần áo bạn
Dung dịch điện phân có thể sẽ ngấm qua quần áo vào tới da bạn. Hãy cởi ngay quần áo ra và hãy làm theo các bước trên nếu cần thiết.

l Nếu bạn vô tình nuốt phải dung dịch điện phân
Hãy uống thật nhiều nước hoặc sữa. Hãy đi bác sĩ khám ngay lập tức.

CHÚ Ý

n **Khi nạp lại ắc quy**

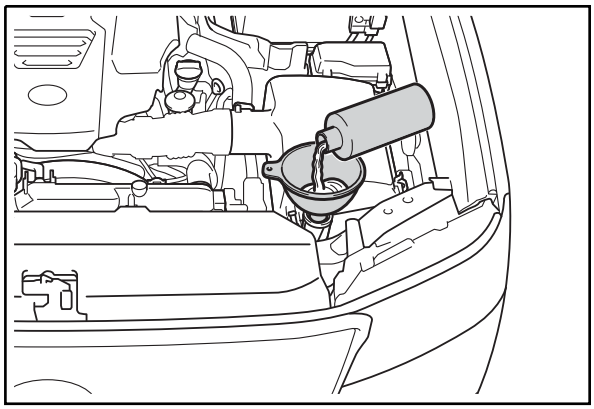
Không được nạp ắc quy khi động cơ đang làm việc. Đồng thời, phải đảm bảo tắt hết tất cả các trang bị phụ trên xe.

n **Khi bổ sung nước cất**

Tránh đổ quá đầy nước cất. Nước tràn ra trong quá trình nạp ắc quy có thể gây ăn mòn xe.

Bổ sung nước rửa kính

Nếu bộ phun rửa kính không làm việc hoặc thông điệp “Windshield Washer Fluid Low” hiển thị trên màn hình đa thông tin, bình chứa nước rửa kính có thể cạn. Hãy bổ sung nước rửa kính.



CẢNH BÁO

n **Khi bổ sung thêm nước rửa kính**

Không bổ sung nước rửa kính khi động cơ đang nóng hoặc đang nổ máy, do nước rửa kính có chứa cồn và có thể bắt lửa nếu như nó bị tràn ra động cơ…

CHÚ Ý

n **Không sử dụng dung dịch nào khác ngoài nước rửa kính**

Không sử dụng nước xà phòng hoặc dung dịch chống đóng băng của nước làm mát động cơ để làm nước rửa kính.
Nếu không, có thể tạo vết trên bề mặt sơn xe, cũng như làm hỏng bơm dẫn đến việc phun nước rửa kính trục trặc.

n **Dung dịch nước rửa kính**

Hãy pha loãng nước rửa kính với một lượng nước cần thiết.
Hãy tham khảo nhiệt độ đóng băng được in trên chai đựng nước rửa kính.

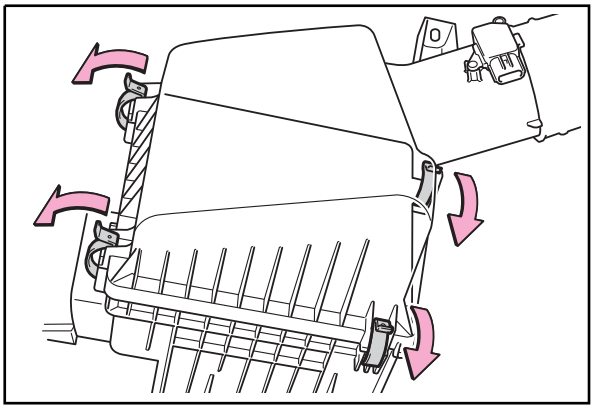
Kiểm tra bộ lọc gió

Hãy kiểm tra bộ lọc gió như sau:

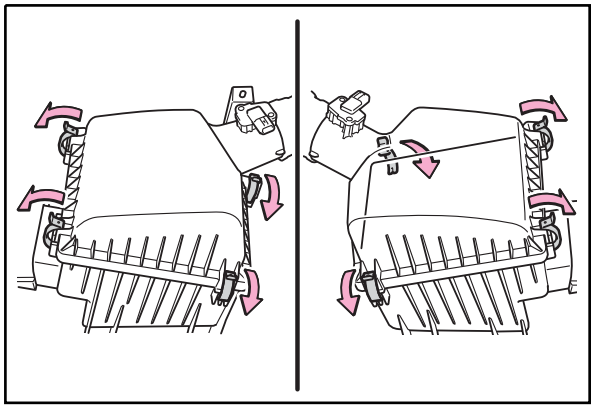
1 Hãy sử dụng khí nén để thổi sạch bụi bẩn và cát... xung quanh bộ lọc gió.

2 Nhả các kẹp.

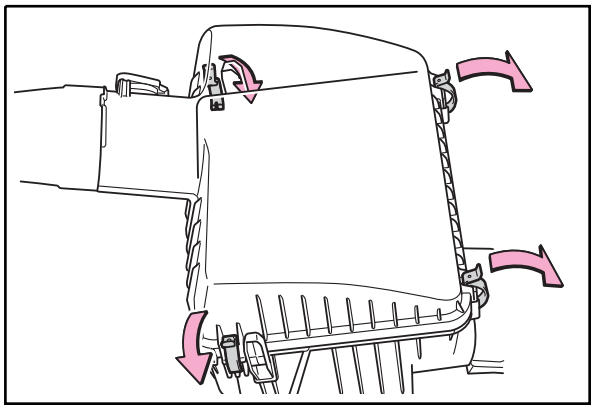
▶ Động cơ 1GR-FE



▶ Động cơ V35A-FTS



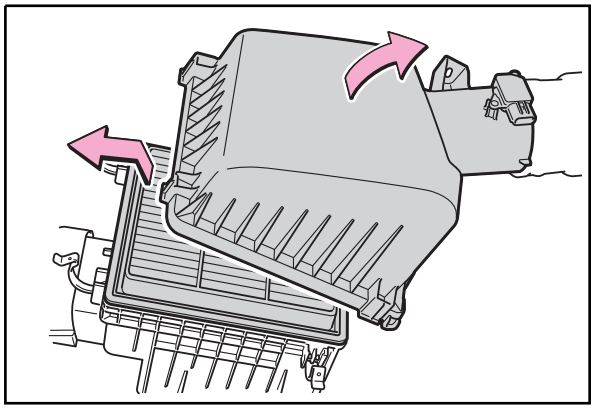
▶ Động cơ F33A-FTV



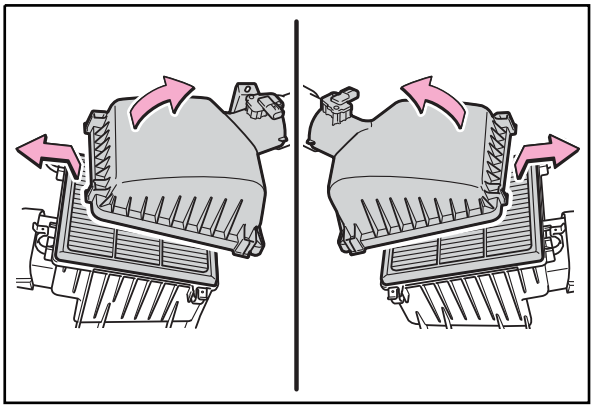
3 Nhấc nắp của bộ lọc gió lên và lấy bộ lọc ra.

Hãy kiểm tra bề mặt ngoài của bộ lọc, và thay thế bộ lọc nếu như nó quá bẩn. Nếu như bộ lọc chỉ hơi bẩn, hãy sử dụng khí nén để thổi sạch bụi bẩn ra khỏi bộ lọc.

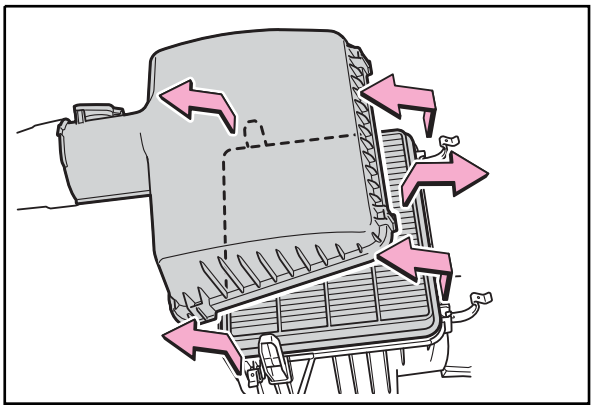
▶ Động cơ 1GR-FE



▶ Động cơ V35A-FTS

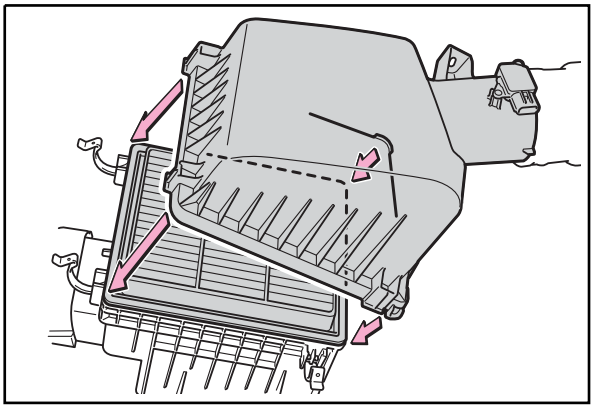


▶ Động cơ F33A-FTV

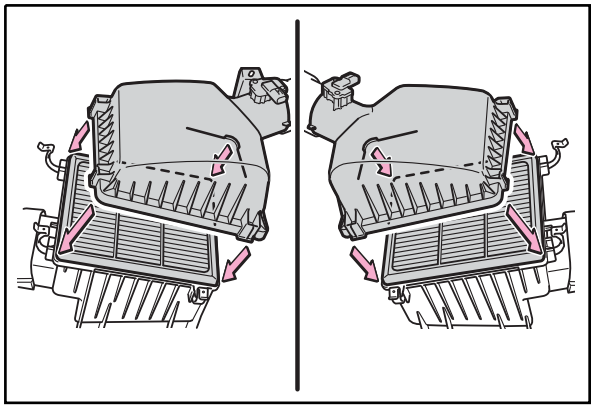


4 Sau khi kiểm tra, hãy đảm bảo rằng bộ gió đã được lắp lại chính xác. Hãy gài chắc các vấu hãm và sau đó cố định nắp che phía trên của bộ lọc gió.

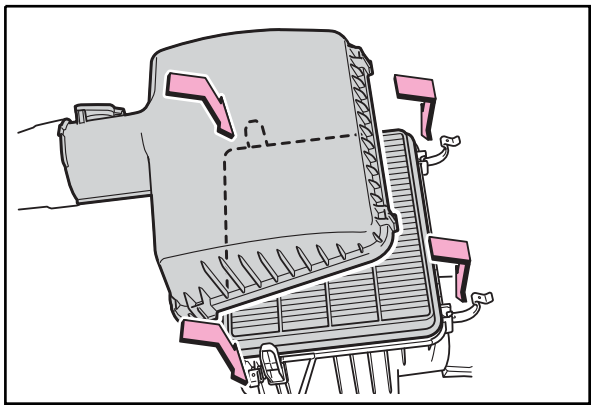
▶ Động cơ 1GR-FE



▶ Động cơ V35A-FTS



▶ Động cơ F33A-FTV



CẢNH BÁO

n **Để tránh hít phải bụi**

Hãy đeo khẩu trang khi sử dụng khí nén để thổi bụi trên bộ lọc gió.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng động cơ**

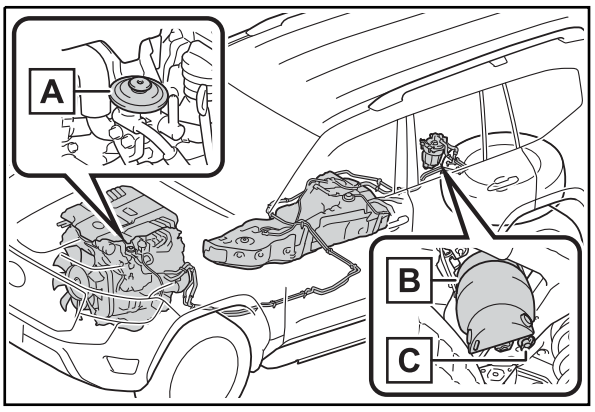
l Không được lái xe với bộ lọc gió đã bị tháo ra. Nếu không động cơ sẽ bị mài mòn nghiêm trọng.

l Không để va chạm hoặc làm rơi bộ lọc gió, bởi bụi hoặc cát có thể bám vào lọc gió.

Xả nước bộ lọc nhiên liệu (chỉ với động cơ diesel)

Bạn có thể tự xả nước trong bộ lọc nhiên liệu. Tuy nhiên, vì việc này rất khó, chúng tôi khuyến nghị hãy yêu cầu đại lý Toyota xả nước trong bộ lọc nhiên liệu giúp bạn. Ngay cả khi bạn quyết định sẽ tự xả nước, hãy liên lạc với đại lý Toyota.

Các chi tiết



A Bơm mồi

B Bộ lọc nhiên liệu

C Nút xả

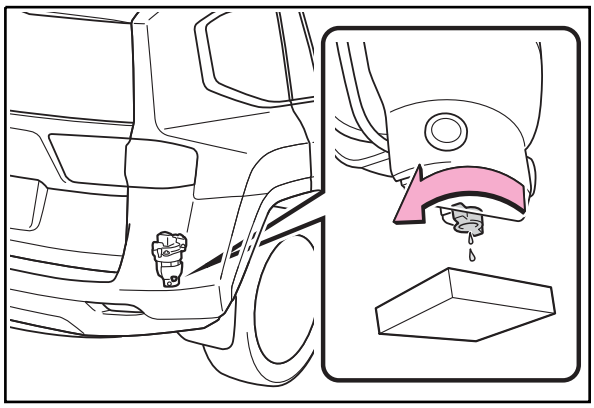
Xả nước

Cần phải xả nước trong bộ lọc nhiên liệu nếu thông điệp cảnh báo hệ thống nhiên liệu xuất hiện trên màn hình đa thông tin và chuông báo (nếu có) kêu. (→P.612)

1 Tắt công tắc động cơ.

2 Dùng một khay nhỏ ở bên dưới nút xả để hứng nước và nhiên liệu chảy ra.

3 Vặn nút xả nước ngược chiều kim đồng hồ từ 2 đến 2.5 vòng và sau đó xả nước ra.



4 Sau khi xả, hãy dùng tay vặn lại nút xả nước.

AdBlue™*

*: Nếu có

AdBlue™ được sử dụng để làm giảm lượng khí NOx (nitơ ôxít) có trong khí xả. Hãy tuân thủ theo những chú ý sau liên quan tới dung dịch AdBlue™.

- Dung dịch AdBlue™ sẽ bị tiêu hao dần trong quá trình lái xe.
- Khi AdBlue™ bị hết, động cơ không thể khởi động lại được.
- Khi cần nạp dung dịch AdBlue™, hãy yêu cầu đại lý Toyota hoặc nhà bán lẻ AdBlue™ gần nhất nạp giúp bạn.

Có thể phạm pháp khi sử dụng xe mà không sử dụng bất kỳ chất phụ gia theo yêu cầu để giảm nồng độ khí thải.

Quãng đường xe có thể chạy được

Lượng dung dịch AdBlue™ tiêu thụ trong khi lái xe sẽ phụ thuộc vào điều kiện lái xe và môi trường lái xe. Khi mức tiêu thụ dung dịch AdBlue™ tăng lên, quãng đường xe có thể đi được cho đến khi cần phải bổ sung dung dịch AdBlue™ sẽ giảm xuống.

Quãng đường xe có thể chạy được		
Ngắn*1 ⟷ Dài		
[Lái xe với mức tải lớn] • Khi xe bạn đang kéo một xe khác • Khi đạp mạnh bàn đạp ga • Khi lái xe trên những con dốc dài • Khi hệ thống DPF đang hoạt động	[Lái xe thông thường]*2	[Lái xe với mức tải nhỏ] • Khi lái xe trên những quãng đường ngắn • Khi tắc đường

*1: Khi xe được sử dụng ở độ cao lớn và nhiệt độ thấp, mức tiêu thụ dung dịch AdBlue™ sẽ tăng lên.

*2: Trong điều kiện lái xe bình thường, sau khoảng mỗi 1,000 km sử dụng hết 1.0 L dung dịch AdBlue™. Tương tự, sau khi đổ đầy, xe có thể chạy được

khoảng 17,000 km, thì hết lượng dung dịch AdBlue™.

n **Đồng hồ đo AdBlue™**

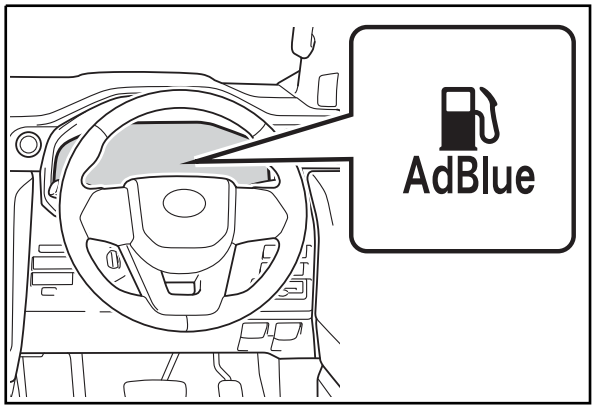
Hiển thị lượng dung dịch AdBlue™ còn lại trong bình nhiên liệu. (→P.109)

Đèn cảnh báo AdBlue™ và thông điệp cảnh báo

Khi mức dung dịch AdBlue™ thấp, đèn cảnh báo mức dung dịch AdBlue™ thấp sẽ sáng lên và một cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin. (→P.563)

Khi phạm vi lái xe dựa trên số dung dịch AdBlue™ còn lại vào khoảng 2.400 km, đèn báo mức AdBlue ™ thấp sẽ bật sáng và một cảnh báo sẽ xuất hiện.

Khi bạn tự bổ sung dung dịch AdBlue™ trong trường hợp khẩn cấp, hãy đảm bảo tuân thủ theo quy trình bổ sung tiêu chuẩn. (→P.564)



n **Thông điệp cảnh báo**

Khi thông điệp cảnh báo được hiển thị trên màn hình đa thông tin, hãy tuân theo các hướng dẫn để xử lý.

Thông điệp cảnh báo	Chi tiết/Hành động
"Mức AdBlue thấp Đổ đầy AdBlue ở 2400km Xem Hướng dẫn sử dụng"*1	**Khi cần nạp AdBlue™** → **Hãy nạp đầy AdBlue™ tại Đại lý Toyota hoặc nhà bán lẻ AdBlue™ gần nhất.**

Thông điệp cảnh báo	Chi tiết/Hành động
"Mức AdBlue thấp Không khởi động ở 1100km Đổ đầy AdBlue Xem Hướng dẫn sử dụng"*1, 2	**Khi cần nạp AdBlue™** **Nếu vượt quá quãng đường hiển thị, thì động cơ không thể khởi động lại được.** → **Yêu cầu Đại lý Toyota hoặc nhà bán lẻ AdBlue™ gần nhất nạp đầy AdBlue™ ngay lập tức.**
"AdBlue cạn không thể khởi động lại động cơ Đổ đầy AdBlue Xem Hướng dẫn sử dụng"*2	**Khi cần nạp AdBlue™** → **Nếu động cơ bị tắt, không thể khởi động lại được. Không tắt động cơ, hãy liên hệ với Đại lý Toyota của bạn hoặc nhà bán lẻ AdBlue™ gần nhất và yêu cầu nạp đầy dung dịch AdBlue™ ngay lập tức.**

*1: Chỉ số quãng đường có thể đi được chỉ có tính chất tham khảo. Chỉ số quãng đường có thể đi được có thể sẽ khác với thực tế tùy thuộc vào phương pháp nạp dung dịch, các điều kiện lái xe và môi trường lái xe. (→P.562)

*2: Chuông cảnh báo sẽ kêu tương ứng với thông điệp cảnh báo.

CHÚ Ý

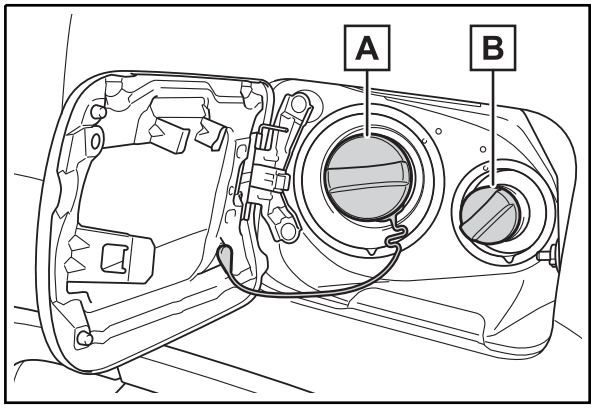
n **Khi mức AdBlue™ thấp**

Khi AdBlue™ bị hết, động cơ không thể khởi động lại được.

Chắc chắn phải nạp đầy AdBlue™ tại Đại lý Toyota hoặc nhà bán lẻ AdBlue™ gần nhất trước khi AdBlue™ bị hết hoàn toàn.

Nạp AdBlue™ trong trường hợp khẩn cấp

n **Vị trí của nắp bình đựng dung dịch AdBlue™**



A Nắp bình nhiên liệu (→P.268)

B Nắp bình đựng dung dịch AdBlue™

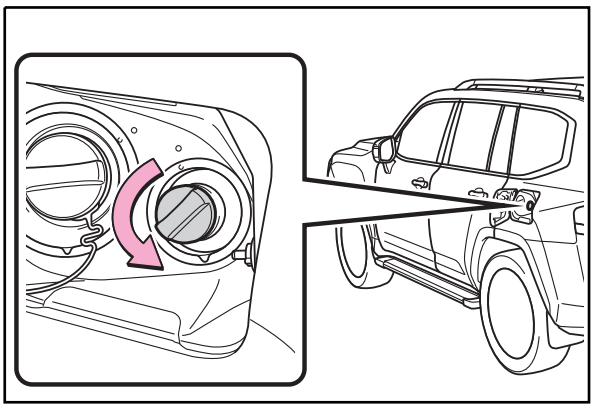
n **Nạp dung dịch AdBlue™**

Khi không thể khởi động lại được động cơ do bị hết dung dịch AdBlue™, hãy bổ sung từ khoảng 7.0 L dung dịch AdBlue™ trở lên sẽ cho phép khởi động lại động cơ. Hãy thực hiện các quy trình sau để bổ sung dung dịch AdBlue™. (Bình chứa dung dịch AdBlue™ có dung tích 17.4 L.)

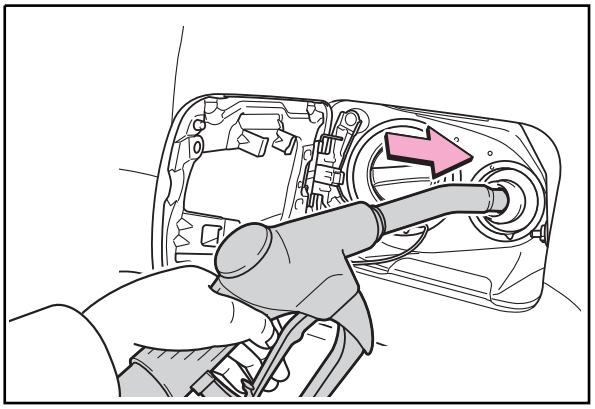
▶ Nạp vào bằng thiết bị nạp

1 Hãy đỗ xe trên bề mặt phẳng, tắt công tắc động cơ và mở nắp bình nhiên liệu. (→P.268)

2 Mở nắp bình AdBlue™.

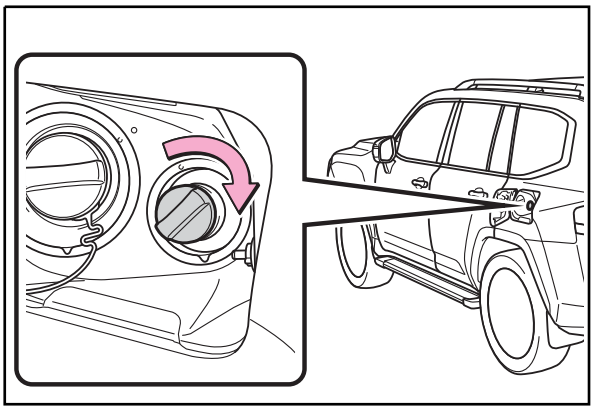


3 Cắm vòi và nạp AdBlue™.



4 Đóng nắp bình AdBlue™.

Xoay nắp cho đến khi nghe thấy tiếng tách.



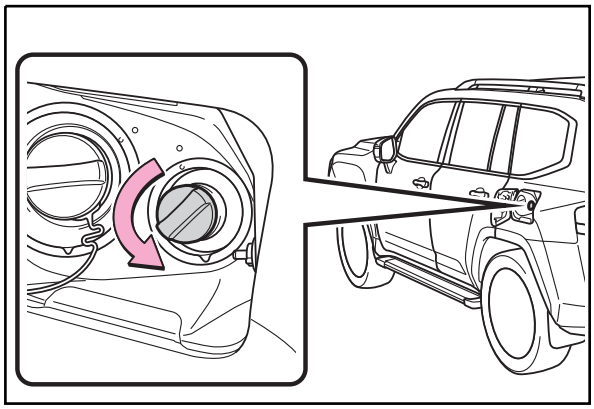
5 Kiểm tra rằng động cơ khởi động được.

Hãy nạp đầy AdBlue™ tại Đại lý Toyota hoặc nhà bán lẻ AdBlue™ gần nhất.

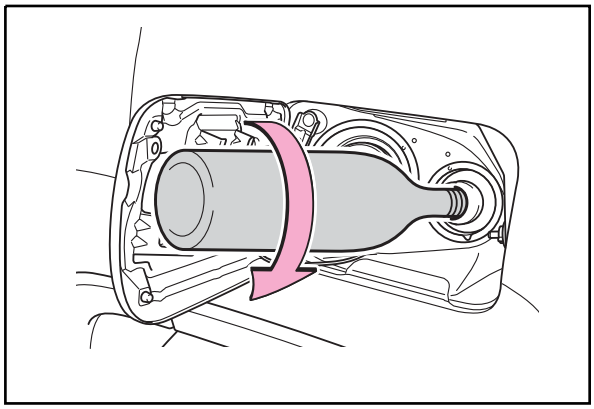
▶ Nạp dung dịch bằng chai

1 Hãy đỗ xe trên bề mặt phẳng, tắt công tắc động cơ và mở nắp bình nhiên liệu. (→P.268)

2 Mở nắp bình AdBlue™.



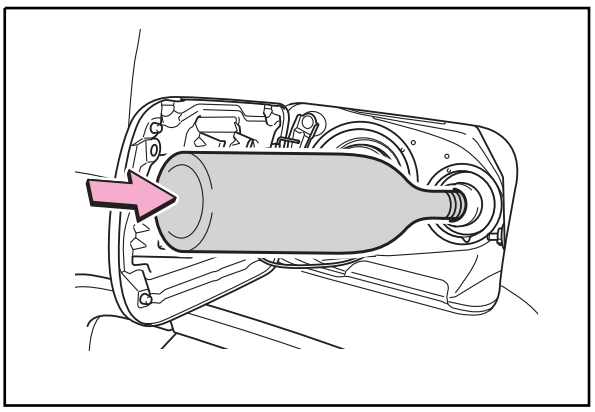
3 Cho chai AdBlue™ và xiết chặt chai hoàn toàn.



4 Ấn chai xuống

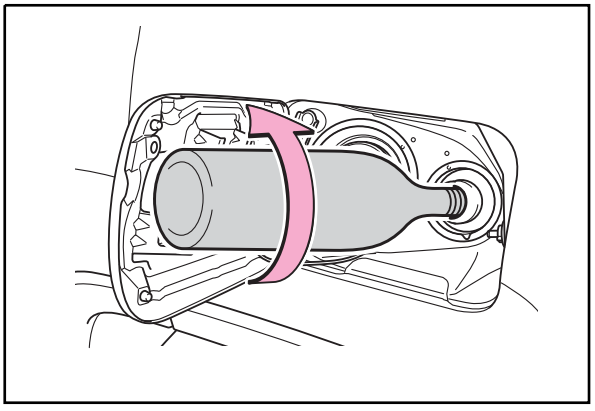
AdBlue™ sẽ bắt đầu được nạp vào. Nạp AdBlue™ một cách chậm rãi để đảm bảo nó không tràn ra ngoài. Không được tháo chai trước khi nó

hết hoàn toàn.



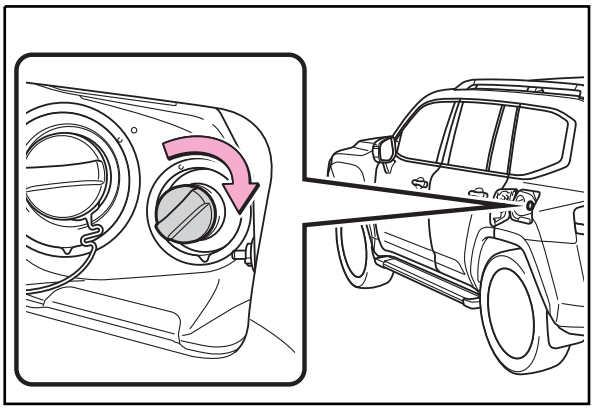
5 Xác nhận rằng không còn AdBlue™ trong chai, và tháo nó ra.

Lặp lại các bước từ 3 đến 5 cho đến khi nạp dung dịch AdBlue™ đạt từ khoảng 7.0 L trở lên.



6 Đóng nắp bình AdBlue™.

Xoay nắp cho đến khi nghe thấy tiếng tách.



7 Kiểm tra rằng động cơ khởi động được.

Cách nạp có thể hơi khác so với hình ảnh minh họa.

Hãy nạp đầy AdBlue™ tại Đại lý Toyota hoặc nhà bán lẻ AdBlue™ gần nhất.

n **Nạp dung dịch AdBlue™**

- Sử dụng dung dịch AdBlue™ (đáp ứng tiêu chuẩn ISO 22241-1). AdBlue™ là nhãn hiệu của liên hiệp công nghiệp ôtô Đức (VDA).
- Trước chạy xe trong một thời gian dài mà ở khu vực đó không thể nạp AdBlue™, hãy xin tư vấn Đại lý của Toyota.

n **Khi nạp AdBlue™**

Sau khi nạp AdBlue™, động cơ có thể cần thời gian khởi động hơn vài giây so với khi bình thường.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi nạp AdBlue™**

Hãy tuân thủ theo các chú ý sau. Nếu không, nó có thể sẽ làm hỏng các phụ tùng xe, lớp sơn xe...

- Không được sử dụng dung dịch urê nào khác ngoài AdBlue™.
- Nếu chất AdBlue™ dính vào bất kỳ lớp sơn nào trên xe, ngay lập tức rửa sạch bằng nước và lau khô.

n **Khi nạp chất AdBlue™ với thiết bị nạp chuyên dụng**

Hãy tuân thủ theo các chú ý sau đây để tránh làm cho dung dịch AdBlue™ bị tràn ra khỏi bình đựng dung dịch AdBlue™:

- Hãy cắm hẳn vòi bơm vào trong lỗ nạp AdBlue™.
- Hãy ngừng nạp dung dịch sau khi vòi tự động ngắt.
- Không bơm đầy tới miệng bình AdBlue™.

CHÚ Ý

n **Khi cất các bình chứa AdBlue™**

Hãy tuân thủ theo các chú ý sau. Nếu không, nó sẽ làm hỏng các phụ tùng, lớp sơn xe... và làm thay đổi thành phần hóa học của dung dịch AdBlue™, có thể gây ra các mùi khó chịu.

- Không được để chai AdBlue™ ở trong xe.
- Hãy bắt chặt nắp chai AdBlue™ và để nó ở vị trí mát, khô, thoáng khí, không có ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp.

Tời điện*

*: Nếu có

Bảo dưỡng

- Để tránh làm gỉ dây cáp, hãy bôi loại dầu Castle MP No.2 lên dây cáp một tháng một lần hoặc sau khi nó bị dính nước mưa.
- Khi tời bị ẩm ướt, hãy lau chùi kỹ để làm khô tời.
- Hãy sử dụng tời một lần/tháng.
- Hãy kiểm tra mức dầu tời một năm một lần. Mức dầu có thể cao 5 - 10 mm so với lỗ dầu. Nếu mức dầu tời thấp, hãy bổ sung dầu hộp số tự động loại DEXRON® II hoặc III. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin chi tiết.
- Sau khi sử dụng tời, hãy thay nắp che tời để bảo vệ tời khỏi bụi bẩn và gỉ.
- Trước khi sử dụng tời điện, hãy kiểm tra xem các cực của ắc quy có khít không và dung dịch ắc quy có đủ không.

CHÚ Ý

n **Khi thay dây cáp**

Nếu thay cáp mới, hãy sử dụng sản phẩm chính hiệu của Toyota hoặc tương đương.

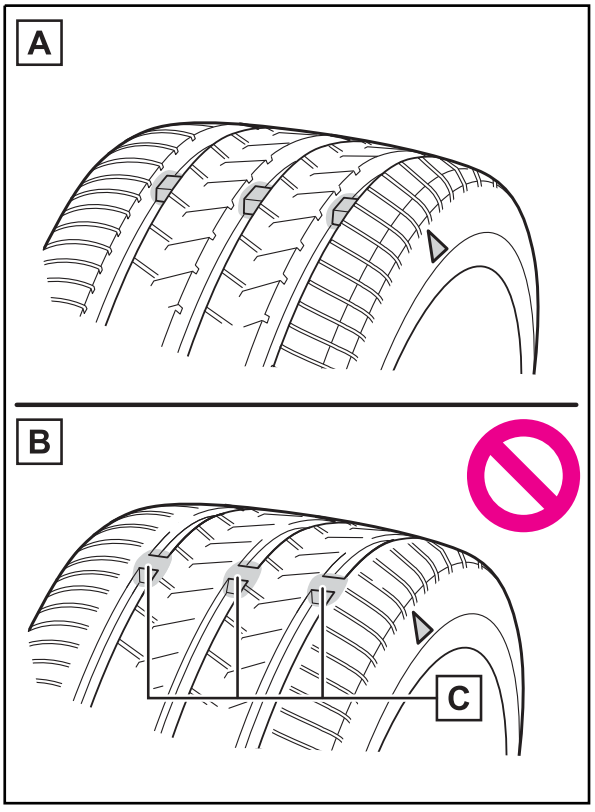
Lốp xe

Hãy thay thế hoặc đảo lốp theo lịch bảo dưỡng và theo độ mòn của lốp xe.

Kiểm tra lốp xe

Hãy kiểm tra bề mặt của lốp xem có các vạch báo mòn lốp xe hay không. Hãy kiểm tra các lốp có mòn đều không, ví dụ lốp bị mòn nghiêm trọng ở một bên lốp.

Hãy kiểm tra tình trạng của lốp dự phòng và áp suất lốp nếu chưa đảo lốp.



A Hoa lốp mới

B Hoa lốp mòn

C Vạch báo mòn lốp xe

Vị trí của vạch báo mòn lốp xe được chỉ ra bởi ký hiệu "TWI" hoặc dấu " △ "... được đúc trên thành bên của lốp.

Hãy thay lốp nếu các chỉ báo mòn lốp xuất hiện trên lốp.

n Thời điểm thay lốp

Nên thay lốp khi:

- Vạch báo mòn lốp xe xuất hiện trên lốp.
- Lốp xe đã bị hư hỏng như bị rách, rạn, nứt sâu tới mức làm lộ lớp gân vải hoặc lớp bị phồng lên cho thấy đã có hư hỏng bên trong lốp.
- Lốp thường xuyên bị hết hơi hoặc không thể sửa chữa triệt để được do kích thước hay vị trí của vết cắt hoặc các hư hỏng khác.

Nếu bạn không chắc chắn lắm, hãy hỏi ý kiến đại lý Toyota.

n Tuổi thọ của lốp

Bạn nên yêu cầu kỹ thuật viên có tay nghề kiểm tra các lốp xe đã sản xuất trên 6 năm, kể cả khi chúng ít khi hoặc chưa được dùng tới, cũng như chưa thấy có hư hỏng gì cả.

n Nếu chiều cao hoa lốp của lốp đi tuyết chỉ còn 4mm trở xuống

Hiệu quả đi tuyết của lốp sẽ bị mất.

⚠ CẢNH BÁO

n Khi kiểm tra hoặc thay lốp

Hãy tuân theo các lưu ý sau để tránh xảy ra tai nạn.
Nếu không có thể gây hư hỏng cho các chi tiết của hệ thống truyền lực, cũng như các đặc tính sử dụng, dẫn đến nguy hiểm, có thể gây tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- Không sử dụng lẫn các lốp có nhãn hiệu, chủng loại, kiểu và dạng hoa lốp khác nhau.
  Ngoài ra, không dùng lẫn các lốp có độ mòn khác nhau quá nhiều.

- Không được sử dụng các lốp có kích cỡ khác với yêu cầu của Toyota.

CẢNH BÁO

- Không sử dụng lẫn các lốp có kết cấu khác nhau (bố ngang, bố chéo hay bố dọc).
- Không được sử dụng lẫn giữa các lốp đi trong mùa hè, lốp đi tuyết hoặc lốp sử dụng cho tất cả các mùa.
- Không sử dụng lại các lốp đã được dùng trên xe khác.
  Không sử dụng lại các lốp mà bạn không biết nó đã từng được sử dụng như thế nào.

CHÚ Ý

n **Khi lái xe trên đường gồ ghề**

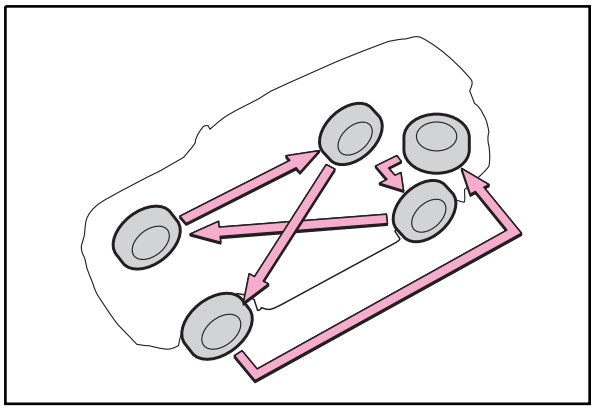
Hãy cẩn thận khi lái xe trên đường trơn trượt hoặc có nhiều ổ gà.
Khi lái xe trên những điều kiện như vậy sẽ làm mất áp suất của lốp, làm giảm khả năng tải của lốp. Ngoài ra lái xe trên các đường gồ ghề cũng có thể làm bản thân lốp bị hư hỏng, cũng như làm hỏng vành và thân xe.

n **Nếu áp suất lốp thấp trong khi lái xe**

Không tiếp tục lái xe, nếu không lốp và/hoặc bánh xe có thể sẽ bị hỏng nặng.

Đảo lốp

Hãy đảo lốp theo thứ tự như trên hình vẽ.



Để các lốp được mòn đều và giúp kéo dài tuổi thọ của lốp, chúng tôi khuyên bạn nên đảo lốp sau mỗi 5,000 km.

Xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp: Hãy đảm bảo thực hiện quy trình đăng ký vị trí bánh xe sau khi đảo lốp.

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp (nếu có)

Xe của bạn được trang bị hệ thống cảnh báo áp suất lốp, hệ thống này sử dụng các van cảm biến để phát hiện tình trạng áp suất lốp thấp trước khi có vấn đề phát sinh.

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp của xe được trang bị 2 kiểu hệ thống bảnh báo

- Khi xuất hiện thông báo "Adjust Pressure" trên màn hình đa thông tin (Cảnh báo thông thường)

Đèn cảnh báo áp suất lốp sáng và chuông báo kêu khi áp suất lốp trở nên thấp do rò khí tự nhiên hoặc do nhiệt độ bên ngoài. (Cách khắc phục:→P.609, 665)

- Khi xuất hiện thông báo "Kiểm

tra ngay lốp khi an toàn" trên màn hình đa thông tin (Cảnh báo khẩn cấp)

Đèn cảnh báo áp suất lốp sáng và chuông báo kêu khi áp suất lốp bị thấp bất ngờ do bị thủng. (Cách khắc phục: →P.609, 620) tuy nhiên, hệ thống không thể phát hiện được nứt lốp bất ngờ (nổ lốp, vv...).

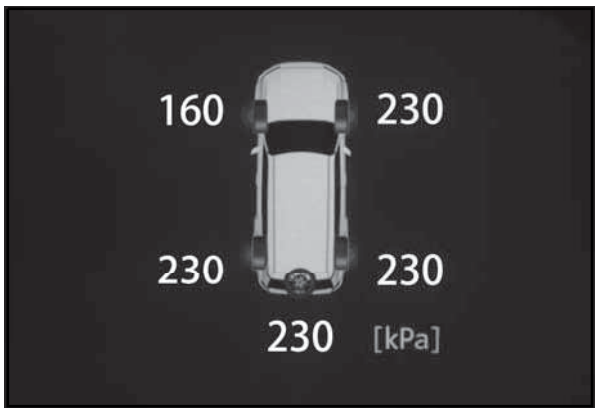
- Áp suất lốp được phát hiện bởi hệ thống cảnh báo áp suất lốp và được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Có thể thay đổi được đơn vị đo.

▶ Màn hình 7-inch



▶ Với màn hình 12.3-inch



n Cách thay đổi đơn vị

▶ Màn hình 7-inch

→P.109

▶ Với màn hình 12.3-inch

→P.120

n Kiểm tra áp suất lốp hàng ngày

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ không thay thế cho việc kiểm tra áp suất lốp hàng ngày. Hãy xem việc kiểm tra áp suất lốp như là một phần của công việc kiểm tra xe hàng ngày.

n Áp suất lốp

- Có thể mất vài phút để hiển thị áp suất lốp sau khi bật công tắc động cơ đến ON. Và cũng có thể mất khoảng vài phút để hiển thị áp suất lốp sau khi điều chỉnh áp suất.
- Áp suất lốp thay đổi cùng với nhiệt độ. Giá trị hiển thị có thể khác với các giá trị được đo bằng đồng hồ áp suất lốp.

n Hệ thống cảnh báo áp suất lốp có thể không hoạt động chính xác trong các trường hợp sau

- Trong các trường hợp sau, hệ thống cảnh báo áp suất lốp có thể không hoạt động chính xác.
  - Khi sử dụng vành xe không chính hiệu của Toyota.
  - Khi lốp được thay không phải lốp OE (lốp được trang bị ban đầu của xe).
  - Khi lốp được thay thế không có kích cỡ như tiêu chuẩn.
  - Trang bị xích quấn lốp…
  - Khi xe được trang bị bánh xe dự phòng tạm thời.
  - Khi lắp lớp cách nhiệt lên kính có thể làm ảnh hưởng đến tín hiệu sóng radiô.
  - Khi có nhiều tuyết hoặc băng đọng trên xe, đặc biệt là phần xung quanh bánh xe hoặc hốc bánh xe.
  - Khi áp suất lốp quá cao so với tiêu chuẩn.
  - Nếu sử dụng các bánh xe không có van cảm biến áp suất lốp.
  - Khi mã ID trên van cảm biến áp suất lốp chưa được đăng ký trên ECU cảnh báo áp suất lốp.

l Một số tính năng có thể bị ảnh hưởng trong các trường hợp sau.
- Khi gần đài phát sóng vô tuyến, trạm điện, trạm xăng, trạm phát sóng radiô, màn hình lớn, sân bay hay những thiết bị có thể phát ra sóng radiô mạnh hoặc nhiễu điện
- Khi mang theo radiô di động, điện thoại di động, điện thoại không dây hoặc một thiết bị liên lạc không dây khác

Nếu thông tin vị trí lốp bị hiển thị sai do tình trạng sóng radiô, hiển thị sẽ chính xác bằng cách lái xe ra chỗ khác và thay đổi tình trạng sóng radiô.

l Khi đỗ xe, thời gian để bật hoặc tắt cảnh báo có thể sẽ bị kéo dài.

l Khi áp suất lốp giảm đi nhanh chóng, chẳng hạn như khi bị nổ lốp, thì chức năng cảnh báo sẽ không hoạt động chính xác.

Lắp các van cảm biến áp suất lốp (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Khi thay mới vành xe hoặc lốp xe, cần phải lắp van cảm biến.

Khi lắp các van cảm biến áp suất lốp mới, thì phải đăng ký mã ID mới với máy tính của hệ thống cảnh báo áp suất lốp. (→P.575)

n Thay vành và lốp xe

▶ Kiểu A

Nếu mã ID của van cảm biến áp suất lốp và bộ phát chưa được đăng ký, hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ không hoạt động chính xác. Sau khi lái xe khoảng 20 phút, đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ nháy khoảng 1 phút, sau đó sẽ sáng lên để thông báo lỗi trong hệ thống.

▶ Kiểu B

Nếu mã ID của van cảm biến áp suất lốp và bộ phát chưa được đăng ký, hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ không hoạt động chính xác. Sau khi lái xe khoảng 10 phút, đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ nháy khoảng 1 phút, sau đó sẽ sáng lên để thông báo lỗi trong hệ thống.

CHÚ Ý

n **Sửa chữa hoặc thay các lốp, vành xe, van cảm biến áp suất lốp, nắp van lốp**

l Khi tháo hoặc lắp các bánh xe, lốp xe, các van cảm biến áp suất lốp, hãy liên hệ với đại lý Toyota bởi van cảm biến áp suất lốp có thể bị hỏng nếu không thao tác đúng cách.

l Hãy đảm bảo việc lắp nắp van. Nếu không lắp nắp van, nước có thể xâm nhập vào van cảm biến áp suất lốp và van cảm biến áp suất lốp có thể bị kẹt.

l Khi thay nắp van mới, không sử dụng nắp van nào khác ngoài nắp van tiêu chuẩn. Nếu không, nắp van có thể bị kẹt.

Đăng ký vị trí của mỗi bánh xe (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

n Khi nào cần đăng ký vị trí của các bánh xe

Cần đăng ký vị trí của các bánh xe sau khi đảo lốp.

Bạn có thể tự thực hiện quy trình đăng ký vị trí của các bánh xe. Quy trình đăng ký vị trí của các bánh xe được thực hiện bằng

cách lái xe tiến về phía trước với số lần rẽ trái và rẽ phải nhất định. Tuy nhiên, tùy thuộc vào điều kiện lái xe và môi trường lái xe, quá trình đăng ký có thể sẽ mất một khoảng thời gian nhất định để hoàn thành.

n Đăng ký vị trí của các bánh xe

1 Đỗ xe ở vị trí an toàn, tắt công tắc động cơ và đợi từ 15 phút trở lên.

2 Khởi động động cơ.

Không thể thực hiện quy trình đăng ký vị trí của các bánh xe khi xe đang chuyển động.

3 Sử dụng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô (→P.105, 115) để chọn ⚙ (→P.109, 120).

4 Hãy chọn mục .

5 Chọn "Cài đặt TPWS".

6 Chọn "Xoay lốp".

7 Chọn "Có".

Một thông báo cho biết đang thực hiện quy trình đăng ký vị trí bánh xe sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin. Ký hiệu "---" sẽ xuất hiện ở vị trí báo áp suất của từng lốp xe và quá trình đăng ký vị trí bánh xe sẽ được bắt đầu.

8 Lái xe thẳng (đôi khi rẽ trái và rẽ phải) với tốc độ 40 km/h trở lên trong khoảng 10 đến 30 phút.

Khi quá trình đăng ký vị trí bánh xe đã hoàn tất, một thông báo cho biết đã hoàn tất quy trình đăng ký và áp suất của từng lốp xe sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Ngay cả khi không thể lái xe liên tục ở tốc độ từ khoảng 40 km/h trở lên, bạn vẫn có thể hoàn thành quy trình đăng ký bằng cách lái xe trong một thời gian dài. Tuy nhiên, nếu quá trình đăng ký không được hoàn tất sau khi lái xe từ 1 giờ trở lên, hãy đỗ xe ở vị trí an toàn và để công tắc động cơ ở ON trong khoảng từ 15 phút trở lên, sau đó thực hiện lại quy trình lái xe.

---

n Khi thực hiện quy trình đăng ký vị trí bánh xe

- Thông thường, quá trình đăng ký vị trí bánh xe có thể được hoàn thành trong vòng khoảng 30 phút.
- Quy trình đăng ký vị trí bánh xe được thực hiện khi đang lái xe ở tốc độ khoảng từ 40 km/h trở lên.

n Quy trình đăng ký vị trí bánh xe

- Nếu tắt công tắc động cơ trong khi đang đăng ký vị trí bánh xe, khi công tắc động cơ được bật lại ON, quy trình đăng ký vị trí bánh xe sẽ được tiếp tục mà không cần phải khởi động lại quy trình từ đầu.
- Trong khi vị trí của các bánh xe đang được xác định và áp suất lốp không được hiển thị, nếu áp suất lốp xe giảm đi, thì đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ bật sáng.

n Nếu không thể dễ dàng đăng ký vị trí bánh xe

- Trong các trường hợp sau, quy trình đăng ký vị trí bánh xe có thể sẽ mất nhiều thời gian hơn bình thường hoặc có thể sẽ không thực hiện được.
  - Xe không được lái ở tốc độ từ 40 km/h trở lên.
  - Khi lái xe trên đường không rải nhựa
  - Nếu quy trình đăng ký vị trí bánh xe không được hoàn tất sau khi lái xe từ 1 giờ trở lên, hãy đỗ xe ở vị trí an toàn trong khoảng 15 phút rồi lái xe trở lại.

l Nếu lùi xe trong quá trình đăng ký vị trí bánh xe, thì tất cả các dữ liệu đã thu thập được cho đến thời điểm đó sẽ bị xóa. Hãy thực hiện lại quy trình lái xe một lần nữa.

Cài đặt áp suất lốp (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

n Khi bạn cần cài đặt áp suất lốp

Trong các trường hợp sau, cần phải thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp của hệ thống cảnh báo áp suất lốp.

- Khi áp suất lốp tiêu chuẩn thay đổi, chẳng hạn như khi thay đổi mức tải trọng...
- Khi cần thay đổi áp suất lốp như khi thay đổi kích cỡ lốp.

Nếu áp suất lốp đã được điều chỉnh đến mức tiêu chuẩn, thì thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp bằng cách chọn mức áp suất tiêu chuẩn trên màn hình đa thông tin.

Khi áp suất lốp khác với tiêu chuẩn, chẳng hạn như khi sử dụng lốp khác với kích thước tiêu chuẩn... hãy cài đặt áp suất lốp bằng cách sử dụng mức áp suất hiện tại. Hãy đảm bảo điều chỉnh áp suất của các lốp xe ở mức thích hợp trước khi thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp. Hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ hoạt động dựa trên mức áp suất lốp này. (→P.573)

n Cài đặt bằng cách chọn áp suất lốp tiêu chuẩn

1 Khởi động động cơ.

Không thể đặt áp suất lốp khi xe đang chạy.

2 Sử dụng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô (→P.105, 115) để chọn ⚙ (→P.109, 120).

3 Hãy chọn mục 🚗⚙.

4 Chọn "Cài đặt TPWS".

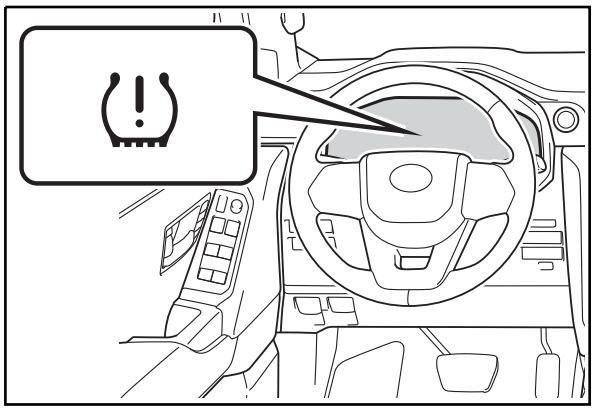
5 Chọn "Thiết lập Áp suất lốp".

6 Chọn "Thiết lập theo áp suất được quy định" và sau đó chọn áp suất lốp phía trước và phía sau mong muốn.

7 Chọn "Có".

Đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ nháy chậm 3 lần.

Sau khi cài đặt áp suất lốp, một thông báo cho biết đã hoàn tất quá trình cài đặt sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.



n Cài đặt theo áp suất lốp hiện tại

1 Hãy điều chỉnh áp suất của từng lốp xe ở mức phù hợp.

Hãy đảm bảo điều chỉnh áp suất lốp khi lốp đang nguội.

2 Khởi động động cơ.

Không thể đặt áp suất lốp khi xe đang chạy.

3 Sử dụng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô (→P.105, 115) để chọn ⚙ (→P.109, 120).

4 Hãy chọn mục 🚗⚙ .

5 Chọn "Cài đặt TPWS".

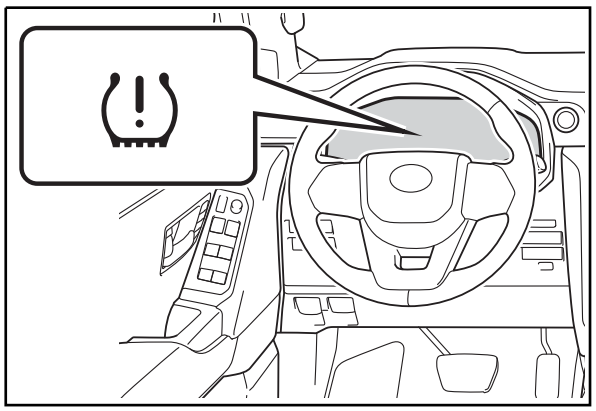
6 Chọn "Thiết lập Áp suất lốp".

7 Chọn "Thiết lập theo Áp suất Hiện tại".

8 Chọn "Có".

Đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ nháy chậm 3 lần và một thông báo cho biết rằng áp suất lốp đang được đặt sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

Sau khi cài đặt áp suất lốp, một thông báo cho biết đã hoàn tất quá trình cài đặt sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.



n Tính năng cảnh báo của hệ thống cảnh báo áp suất lốp

- Khi tiến hành cài đặt áp suất lốp theo áp suất lốp hiện tại, thời gian cảnh báo của hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ thay đổi tùy theo điều kiện thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp. Do đó, một cảnh báo có thể sẽ xuất hiện ngay cả khi áp suất lốp xe giảm một chút hoặc nếu áp suất lốp xe tăng cao hơn mức áp suất lốp đã được đặt.
- Hãy đảm bảo thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp sau khi đã điều chỉnh áp suất lốp. Ngoài ra, hãy đảm bảo rằng lốp xe đã nguội trước khi thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp hoặc điều chỉnh áp suất lốp.

n Quy trình cài đặt áp suất lốp

- Nếu tắt công tắc động cơ trong khi đang cài đặt áp suất lốp, khi bật lại công tắc động cơ sang ON, quy trình cài đặt sẽ được tiếp tục và không cần phải khởi động lại quy trình này.
- Nếu quy trình cài đặt áp suất lốp được bắt đầu một cách không cần thiết, hãy điều chỉnh áp suất lốp đến mức tiêu chuẩn khi lốp nguội và sau đó tiến hành cài đặt bằng cách chọn áp suất lốp tiêu chuẩn hoặc thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp với mức áp suất lốp hiện tại.

n Nếu không thể đặt áp suất lốp xe một cách dễ dàng

- Thông thường sẽ mất khoảng 3 phút để hoàn thành quy trình cài đặt bằng mức áp suất lốp xe hiện tại.
- Nếu đèn cảnh báo áp suất lốp không nhấp nháy 3 lần khi bắt đầu quy trình cài đặt áp suất lốp, thì quy trình này có thể chưa được bắt đầu. Hãy thực hiện lại quy trình từ đầu.
- Nếu không thể hoàn thành quy trình cài đặt áp suất lốp sau khi thực hiện quy trình nói trên, hãy liên hệ với Đại lý Toyota của bạn.

⚠ CẢNH BÁO

n Khi cài đặt bằng mức áp suất lốp xe hiện tại

Hãy đảm bảo điều chỉnh áp suất của các lốp ở mức thích hợp trước khi tiến hành cài đặt áp suất lốp. Nếu không, đèn cảnh báo áp suất lốp có thể sẽ không sáng lên ngay cả khi áp suất lốp đã bị giảm đi hoặc có thể sẽ sáng lên mặc dù áp suất lốp là bình thường.

Đăng ký các mã ID (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

n Thời điểm cần đăng ký mã ID

Mỗi van cảm biến áp suất lốp có một mã ID duy nhất. Khi lắp các van cảm biến áp suất lốp mới, thì phải đăng ký mã ID mới với máy tính của hệ thống cảnh báo áp suất lốp.

n Cách đăng ký mã ID

Trước khi tiến hành đăng ký mã ID, chắc chắn rằng không có lốp có cảm biến áp suất lốp nào ở gần xe bạn.

1 Đỗ xe ở vị trí an toàn, tắt công tắc động cơ và đợi từ 15 phút trở lên.

2 Khởi động động cơ.

Không thể thực hiện quy trình đăng ký mã ID khi xe đang chạy.

3 Sử dụng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô (→P.105, 115) để chọn ⚙ (→P.109, 120).

4 Hãy chọn mục .

5 Chọn "Cài đặt TPWS".

6 Chọn "Tyre Set Switching".

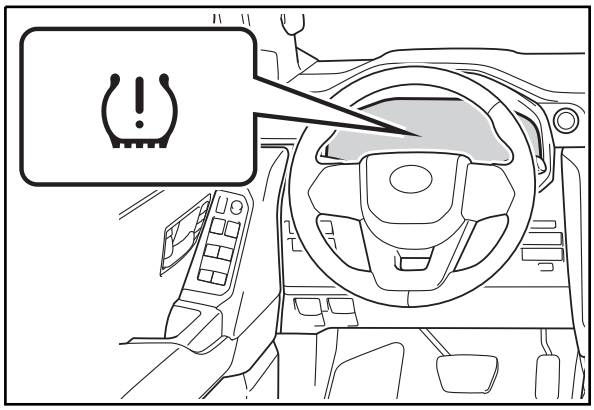
7 Chọn "Đ.ký Van/ID".

8 Hãy chọn bộ bánh xe ("Bộ lốp 1" hoặc "Bộ lốp 2") bạn muốn đăng ký.

9 Chọn "Có".

Đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ nháy chậm 3 lần và một thông báo cho biết đang thực hiện quá trình đăng ký mã ID sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.
Quá trình thay đổi bộ bánh xe sẽ bị hủy và quá trình đăng ký sẽ được bắt đầu.

Khi tiến hành việc đăng ký, đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ nháy trong 1 phút sau đó sáng và "--" sẽ được hiển thị áp suất của từng lốp trên màn hình đa thông tin.



10 Lái xe thẳng (đôi khi rẽ trái và rẽ phải) với tốc độ 40 km/h trở lên trong khoảng 10 đến 30 phút.

Khi hoàn tất quá trình đăng ký, đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ tắt đi và một thông báo cho biết đã hoàn thành quá trình đăng ký sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Việc đăng ký có thể cần nhiều thời gian hơn bình thường nếu trong điều kiện xe không thể chạy ổn định trong thời gian xấp xỉ 40 km/h trở lên. Nếu thời gian đăng ký dài hơn 1 giờ trong tình huống nhất định, hãy tiến hành quy trình đăng ký lại từ đầu.

11 Nếu áp suất lốp của bộ bánh xe đang được lắp trên xe khác với áp suất của bộ bánh xe trước đó, thì cần phải thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp cho hệ thống cảnh báo áp suất lốp. (→P.573)

Nếu áp suất lốp tiêu chuẩn là giống nhau, thì sẽ không cần thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp.

n **Đăng ký mã nhận dạng ID**

l Thông thường, quá trình đăng ký mã ID có thể được hoàn thành trong vòng khoảng 30 phút.

l Tiến hành đăng ký mã nhận dạng ID khi lái xe với tốc độ từ 40 km/h trở lên.

l Bạn có thể tự đăng ký mã ID, nhưng tùy vào điều kiện và môi trường lái xe, có thể việc đăng ký cần thêm thời gian.

l Khi sử dụng một bộ bánh xe mà tất cả các mã ID đã được đăng ký, thì có thể thay đổi bộ bánh xe trong một khoảng thời gian ngắn. (→P.576)

n **Nếu đăng ký mã ID không dễ dàng**

l Trong các trường hợp sau, quá trình đăng ký mã ID có thể sẽ mất nhiều thời gian hơn so với bình thường hoặc cũng có thể sẽ không thực hiện được.

- Khi không đỗ xe trong khoảng từ 15 phút trở lên trước khi lái xe
- Xe không được lái ở tốc độ từ 40 km/h trở lên.
- Khi lái xe trên đường không rải nhựa
- Khi lái xe ở gần các xe khác và hệ thống không thể nhận ra cảm biến áp suất lốp của xe bạn do có cảm biến của xe khác.
- Khi lốp có cảm biến áp suất lốp được lắp ở bên trong hoặc ở phía sau xe.

l Nếu lùi xe trong quá trình đăng ký, tất cả các dữ liệu đã thu được cho đến thời điểm đó sẽ bị xóa đi. Hãy thực hiện lại quy trình lái xe.

l Nếu đèn cảnh báo áp suất lốp không nháy 3 lần khi bắt đầu quy trình đăng ký mã ID thì có thể là quy trình này chưa được bắt đầu. Hãy thực hiện lại quy trình từ đầu.

l Nếu thời gian đăng ký dài hơn 1 giờ, hãy tiến hành quy trình đăng ký lại từ đầu.

l Nếu không thể thực hiện được việc đăng ký mã ID sau khi tiến hành quy trình nói trên, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

Huỷ đăng ký mã ID (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Để hủy đăng ký mã ID sau khi đã bắt đầu đăng ký, hãy chọn lại mục "Đ.ký Van Mới/ID" trên màn hình đa thông tin.

Nếu việc đăng ký mã ID đã bị hủy, thì đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ tắt.

Nếu đèn cảnh báo không tắt, thì việc đăng ký mã ID có thể không thực hiện hủy được hoàn toàn. Để hủy đăng ký, hãy chọn mục "Đ.ký Van Mới/ID" trên màn hình đa thông tin.

Chọn bộ vành xe (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Xe của bạn được trang bị hệ thống cảnh báo áp suất lốp có chức năng đăng ký hai bộ mã ID. Chức năng này cho phép đăng ký thêm một bộ bánh xe thứ hai, ví dụ như một bộ lốp xe mùa đông.

- Bộ bánh xe chỉ có thể được thay đổi nếu một bộ bánh xe thứ hai đã được đăng ký vào hệ thống.

Bạn có thể tự đăng ký các mã ID. (→P.575)

- Chỉ có một thay đổi giữa bộ bánh đã đăng ký, sẽ không hỗ trợ việc đăng ký lẫn giữa các bộ bánh này.
- Trong khi đăng ký mã ID, có thể sẽ không thể thay đổi giữa các bộ bánh xe một cách bình thường được. Hãy hủy đăng ký trước khi thay đổi giữa các bộ bánh xe.

n Thay đổi mã ID giữa các bộ bánh xe khác nhau

1 Hãy lắp bộ bánh xe mong muốn.

2 Sử dụng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô (→P.105, 115) để chọn ⚙ (→P.109, 120).

3 Hãy chọn mục 🚗⚙ .

4 Chọn "Cài đặt TPWS".

5 Chọn "Tyre Set Switching".

6 Chọn "Đ.ký Van/ID".

7 Hãy chọn bộ bánh xe ("Bộ lốp 1" hoặc "Bộ lốp 2") bạn muốn đăng ký.

8 Chọn "Có".

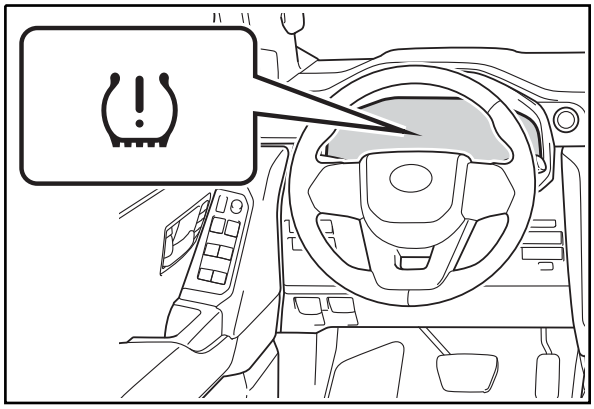
Đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ nháy chậm 3 lần, một thông báo cho biết sự thay đổi đang diễn ra sẽ xuất hiện và quá trình thay đổi bộ bánh xe sẽ bắt đầu.

Quá trình thay đổi bộ bánh xe sẽ bắt đầu và đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ nhấp nháy trong khoảng 1 phút rồi sáng liên tục. Ngoài ra, trong khi tiến hành thay đổi, ký hiệu "---" sẽ hiển thị ở phần áp suất của từng lốp trên màn hình đa thông tin.

Sau khoảng 2 phút, quá trình thay đổi bộ bánh xe sẽ hoàn tất, đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ tắt và một thông báo hoàn tất quá trình sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Nếu quá trình thay đổi không được hoàn tất sau khoảng 4 phút, một thông báo cho biết rằng hệ thống không thể hoàn thành quá trình thay đổi sẽ được hiển thị.

Kiểm tra bộ lốp xe đã lắp và thực hiện quy trình thay lại từ đầu.



9 Nếu áp suất tiêu chuẩn của bộ lốp xe đã được lắp khác với áp suất của bộ lốp trước đó, thì sẽ phải thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp của hệ thống cảnh báo áp suất lốp. (→P.573)

Nếu áp suất lốp tiêu chuẩn là giống nhau, thì sẽ không cần thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp.

10 Đăng ký vị trí của từng bánh xe. (→P.571)

Áp suất lốp

Hãy đảm bảo duy trì áp suất phù hợp của lốp. Nên kiểm tra áp suất lốp ít nhất một tháng một lần. Tuy nhiên, Toyota khuyến nghị cứ hai tuần bạn nên cho kiểm tra áp suất lốp một lần.

n Những hậu quả khi chạy xe với áp suất lốp không phù hợp

Lái xe với áp suất lốp không phù hợp có thể sẽ gây ra những hậu quả sau:

- Tăng mức tiêu hao nhiên liệu
- Giảm tính tiện nghi trên xe và tính năng điều khiển kém
- Giảm tuổi thọ của lốp do mòn lốp
- Làm giảm độ an toàn
- Làm hỏng hệ thống truyền lực

Nếu một lốp nào đó thường xuyên phải bơm lại, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra giúp bạn.

n Hướng dẫn kiểm tra áp suất lốp

Khi kiểm tra áp suất lốp, hãy tuân theo các hướng dẫn sau:

- Chỉ kiểm tra áp suất khi lốp đã nguội.
  Nếu xe bạn đã được đỗ lại ít nhất 3 tiếng và quãng đường xe chạy là không quá 1.5 km, thì bạn có thể đo được chính xác áp suất của lốp xe.
- Luôn sử dụng đồng hồ để đo áp suất.
  Sẽ rất khó để phán đoán xem áp suất lốp phù hợp chưa bằng cách quan sát.
- Sẽ là bình thường nếu áp suất lốp cao hơn sau khi lái xe do nhiệt được sinh ra trong lốp. Không giảm áp suất lốp ngay sau khi lái xe.
- Trọng lượng của người ngồi và hàng hóa phải được phân bổ sao cho xe được cân bằng.

CẢNH BÁO

n Duy trì áp suất lốp chuẩn là yêu cầu quan trọng để đảm bảo hoạt động an toàn của lốp

Hãy giữ lốp luôn ở áp suất chuẩn. Nếu không, các tình trạng sau sẽ có thể xuất hiện và gây ra tai nạn dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong:

- Lốp bị mòn nhiều
- Lốp mòn không đều
- Khó điều khiển xe
- Có thể dẫn tới nổ lốp do lốp xe bị quá nhiệt
- Rò khí giữa lốp và vành
- Vành bị biến dạng và/hoặc hỏng lốp
- Lốp xe rất dễ bị hư hỏng khi lái xe (do đường xấu, do các chỗ nối bị giãn, do các cạnh sắc trên đường...)

CHÚ Ý

n Khi kiểm tra và điều chỉnh áp suất lốp

Hãy chú ý lắp lại nắp van khí của lốp.
Nếu nắp van chưa được lắp, bụi bẩn và hơi ẩm có thể lọt vào bên trong van, gây ra rò khí, dẫn đến giảm áp suất lốp.

Vành xe

Nếu một vành xe đã bị cong, nứt hoặc bị ăn mòn nặng, thì vành xe đó nên được thay thế. Nếu không lốp xe có thể sẽ bị long ra khỏi vành và dẫn đến mất lái.

Chọn loại vành xe

Khi thay thế vành xe, hãy đặc biệt chú ý chọn loại vành xe có cùng tải trọng, đường kính, chiều rộng và khoảng cách bù với vành xe cũ.*.

Hãy yêu cầu đại lý Toyota thay vành xe giúp bạn.

*: Thuật ngữ hay dùng là "offset".

Chúng tôi khuyên bạn không nên sử dụng:

- Các vành xe không cùng kích cỡ hoặc chủng loại
- Các vành xe đã qua sử dụng
- Các vành xe bị cong đã được nắn lại

n Khi thay vành xe (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Vành xe được trang bị các van cảm biến áp suất lốp, chúng cho phép hệ thống đưa ra những cảnh báo kịp thời trong trường hợp áp suất lốp thấp. Khi thay vành xe, van cảm biến áp suất lốp cần được lắp lại. (→P.571)

⚠ CẢNH BÁO

n Khi thay vành xe

l Không sử dụng các vành xe có kích cỡ khác với các tiêu chuẩn được ghi trong cuốn hướng dẫn sử dụng này, nếu không có thể sẽ dẫn tới bị mất lái.

l Không được sử dụng lốp có săm để khắc phục tình trạng vành xe bị hở bởi loại vành này được thiết kế riêng cho loại lốp không săm. Nếu không có thể sẽ gây ra tai nạn, dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n Khi lắp đai ốc lốp

l Hãy đảm bảo rằng phía đầu côn của đai ốc lốp hướng vào phía trong khi lắp ốc lốp. (→P.627) Nếu bạn lắp đai ốc lốp với phía mặt côn hướng ra ngoài có thể sẽ làm vỡ bánh xe và có thể làm cho bánh xe bị tuột ra khi lái xe, dẫn đến tai nạn gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

l Không bao giờ được bôi dầu hoặc mỡ lên trên bulông hoặc đai ốc lốp. Dầu và mỡ có thể làm cho đai ốc lốp bị siết quá chặt, dẫn đến làm hỏng bu lông hoặc vành xe. Hơn nữa, dầu mỡ có thể làm đai ốc lốp bị lỏng và làm bánh xe rơi ra, dẫn đến tai nạn gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong. Hãy lau sạch dầu, mỡ ra khỏi các bu lông hoặc đai ốc lốp khi lắp.

n Không sử dụng các vành hỏng

Không sử dụng các lốp bị nứt hoặc biến dạng.

Nếu không, các lốp có thể bị rò rỉ khí trong khi lái xe và dẫn đến tai nạn.

CHÚ Ý

n **Thay van cảm biến (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

l Do việc sửa hoặc thay lốp có thể ảnh hưởng đến van cảm biến áp suất lốp, hãy yêu cầu đại lý Toyota hoặc trạm dịch vụ có uy tín sửa chữa lốp giúp bạn. Ngoài ra, hãy mua van cảm biến áp suất lốp tại đại lý Toyota để đảm bảo nguồn gốc sản phẩm.

l Hãy đảm bảo rằng xe của bạn sử dụng vành xe chính hiệu Toyota. Van cảm biến áp suất lốp có thể không làm việc chính xác với các vành không chính hiệu.

Các chú ý với vành nhôm (nếu có)

- Chỉ sử dụng các đai ốc lốp của Toyota và cờ lê được thiết kế riêng cho vành nhôm.
- Khi đảo lốp, sửa chữa hoặc thay lốp, hãy kiểm tra các đai ốc lốp để đảm bảo chúng vẫn được bắt chặt sau khi đi được 1600km.
- Hãy cẩn thận không làm hỏng các vành nhôm khi sử dụng xích quấn lốp.
- Chỉ sử dụng đối trọng cân bằng chính hiệu của Toyota hoặc loại tương đương và búa nhựa hoặc búa cao su khi cân bằng bánh xe.

Bộ lọc điều hòa

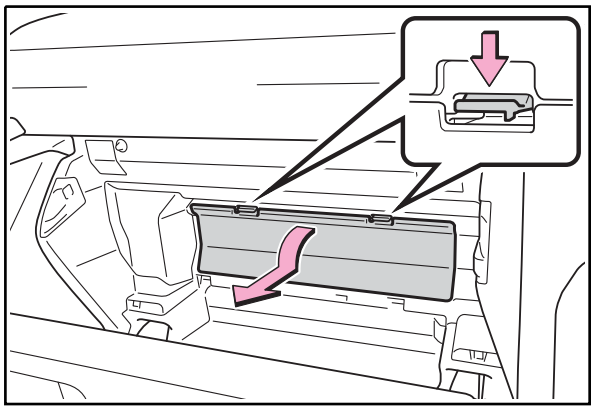
Bộ lọc điều hòa phải được kiểm tra và vệ sinh theo định kỳ để duy trì hiệu quả của điều hòa.

Phương pháp tháo

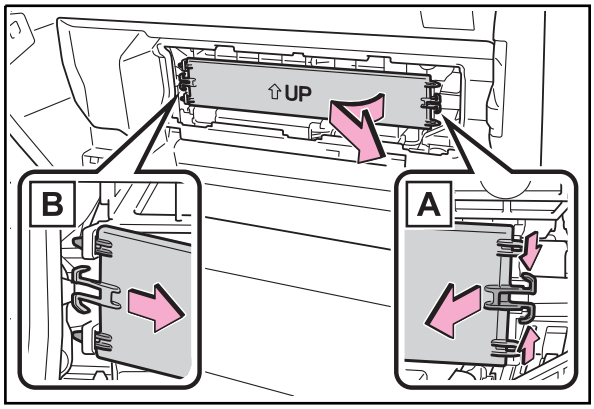
1 Tắt công tắc động cơ.

2 Mở ngăn đựng găng tay ra và tháo tấm vách ngăn. (→P.497)

3 Tháo tấm ốp.

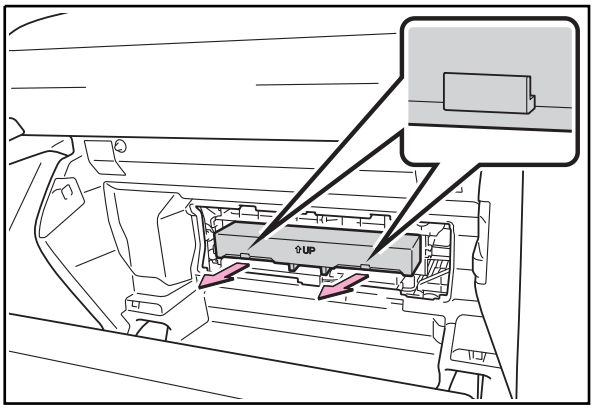


4 Mở khóa nắp lọc điều hòa (A), kéo nắp của bộ lọc ra khỏi các vấu (B) và tháo nắp bộ lọc.



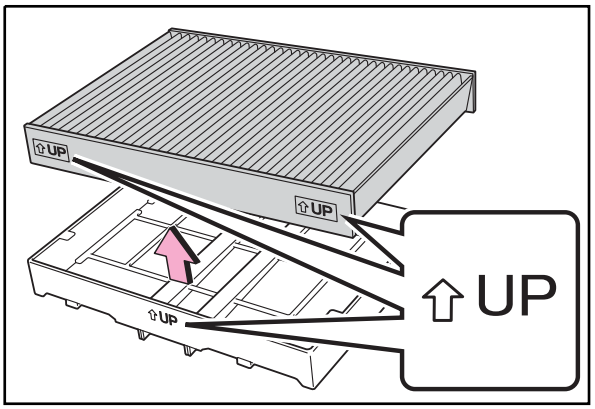
▶ Xe có hộp chứa bộ lọc điều hòa

5 Tháo vỏ bộ lọc



6 Tháo phin lọc khỏi bộ lọc điều hòa và thay bằng một phin lọc mới

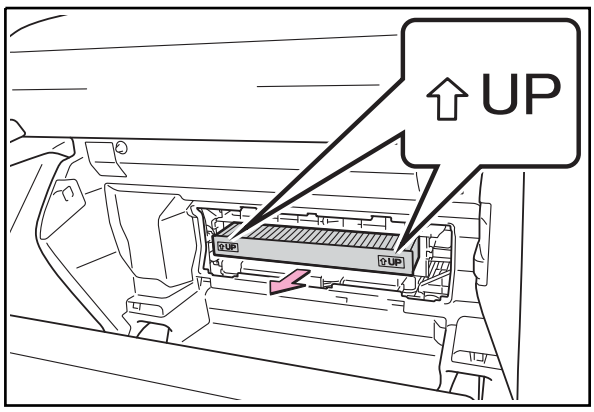
Dấu " ⇧UP" trên phin lọc phải được đặt hướng lên trên.



▶ Xe không có vỏ lọc điều hòa không khí

5 Tháo bộ lọc điều hòa ra và thay bộ lọc mới.

Các dấu "⇧UP" của bộ lọc phải được lắp hướng lên trên.



n Kiểm tra định kỳ

Kiểm tra và thay bộ lọc điều hoà theo lịch bảo dưỡng. Nếu xe sử dụng trong khu vực có nhiều bụi hoặc khu vực có lưu lượng giao thông cao, có thể cần phải thay bộ lọc sớm hơn. (→P.533)

n Nếu khí thổi ra từ cửa gió bị suy giảm đáng kể

Bộ lọc có thể đã bị tắc. Hãy kiểm tra bộ lọc và thay thế chúng nếu cần thiết.

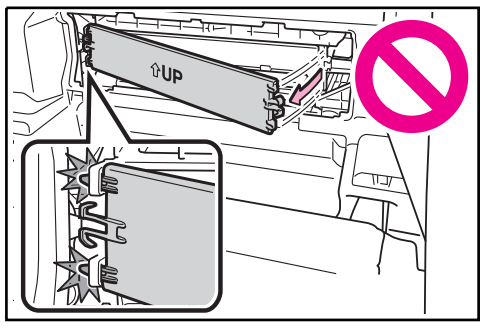
CHÚ Ý

n Khi sử dụng hệ thống điều hòa

Hãy đảm bảo rằng bộ lọc đã được lắp lại. Sử dụng hệ thống điều hòa mà không có bộ lọc điều hòa có thể gây hỏng hệ thống.

n Để tránh làm hỏng nắp của bộ lọc

Khi tháo nắp bộ lọc theo hướng theo mũi tên, hãy chú ý không được tác dụng lực quá mạnh lên các vấu hãm. Nếu không, các vấu có thể sẽ bị hỏng.



Pin chìa khóa điện tử

Hãy thay pin mới nếu nó đã bị hết điện. Vì chìa khóa có thể bị hư hỏng nếu tiến hành quy trình sau đây không chuẩn xác, chúng tôi khuyến nghị rằng việc thay thế pin chìa khóa nên được thực hiện bởi Đại lý Toyota.

n Nếu chìa khóa điện tử bị hết pin

Những hiện tượng sau sẽ có thể xuất hiện:

- Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh và điều khiển từ xa sẽ không hoạt động chính xác.
- Phạm vi điều khiển sẽ bị thu hẹp lại.

Những hạng mục cần chuẩn bị

Hãy chuẩn bị các việc sau trước khi thay pin:

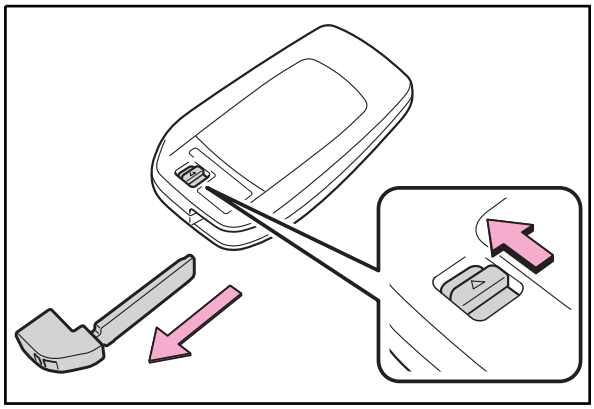
- Tô vít đầu dẹt
- Tô vít đầu dẹt loại nhỏ
- Pin Lithium CR2450

n Sử dụng pin Lithium CR2450

- Bạn có thể mua pin tại đại lý Toyota, các cửa hàng đồng hồ hoặc cửa hàng bán máy ảnh.
- Hãy sử dụng loại pin theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Việc tiêu hủy pin phải tiến hành theo quy định của địa phương.

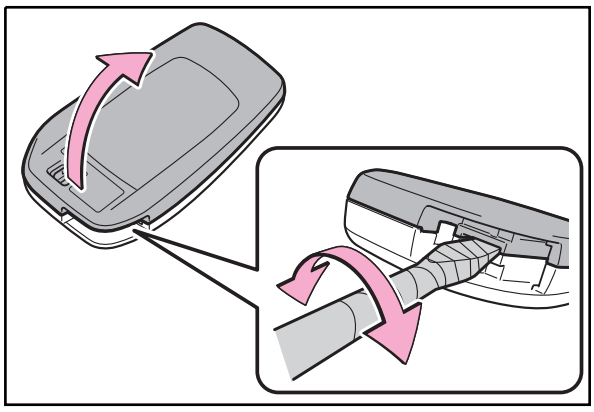
Thay pin

1 Nhả khóa và tháo chìa khóa cơ ra.



2 Tháo nắp che.

Để tránh làm hỏng chìa khóa, hãy dùng giẻ để bọc vào đầu tô vít.

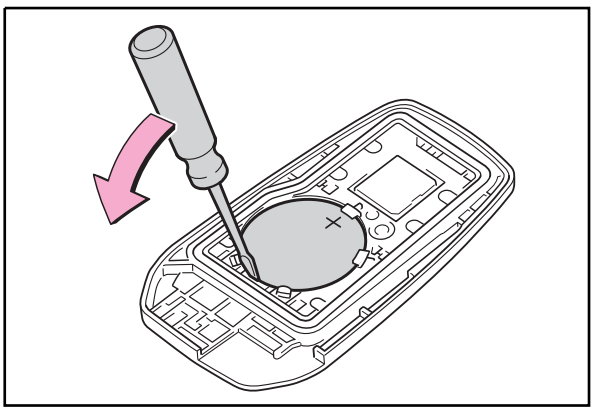


3 Sử dụng tô vít đầu dẹt để tháo pin đã hết điện ra.

Khi tháo nắp che, mô đun chìa khóa điện tử có thể bị kẹt vào nắp che và bạn không thể nhìn thấy pin chìa khóa. Trong trường hợp đó, hãy tháo mô đun chìa khóa điện tử ra để tháo pin.

Lắp pin mới vào với cực "+" hướng

lên trên.



4 Khi lắp, hãy làm ngược lại với các bước kể trên.

CẢNH BÁO

n **Lưu ý đối với ắc quy**

Hãy tuân theo các lưu ý sau. Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Không được nuốt pin. Nếu không, có thể sẽ gây bỏng.
- Pin kiểu đồng xu hoặc kiểu nút được sử dụng trong chìa khóa điện tử. Nếu nuốt phải pin, pin có thể gây bỏng hóa chất nghiêm trọng trong ít nhất 2 giờ, có thể dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.
- Hãy để pin mới hoặc pin đã tháo ra khỏi tầm tay của trẻ em.
- Nếu không thể đóng nắp chắc chắn, không được sử dụng chìa khóa điện tử và cất chìa khóa ở nơi mà trẻ em không thể với tới được, sau đó liên hệ với đại lý của Toyota.
- Nếu vô tình nuốt phải pin hoặc để pin lọt vào trong cơ thể người, hãy đi khám bác sỹ ngay lập tức.

n **Để tránh gây nổ ắc quy hoặc rò rỉ dung dịch hoặc khí có thể gây cháy**

- Hãy thay pin mới cùng loại. Nếu sử dụng sai loại pin, có thể gây nổ.

CẢNH BÁO

- Không được để pin ở những nơi có áp suất rất thấp do độ cao hoặc nhiệt độ rất cao.
- Không được đốt, đập vỡ hoặc cắt pin.

CHÚ Ý

n **Khi thay ắc quy**

Sử dụng tô vít đầu dẹt có cỡ phù hợp. Tác dụng lực quá lớn sẽ làm biến dạng hoặc làm hỏng nắp.

n **Để hệ thống làm việc bình thường sau khi thay pin**

Hãy tuân theo các lưu ý sau để tránh xảy ra tai nạn:

- Luôn luôn giữ tay khô ráo khi làm việc.
  Hơi ẩm có thể làm cho pin bị han rỉ.
- Không chạm vào hoặc thay đổi vị trí của các chi tiết bên trong điều khiển từ xa.
- Không được bẻ cong các điện cực pin.

Kiểm tra và thay cầu chì

Nếu một trong các thiết bị điện không làm việc thì có thể đã có một cầu chì nào đó bị cháy. Trong trường hợp này, hãy kiểm tra và thay thế cầu chì nếu cần thiết.

Kiểm tra và thay cầu chì

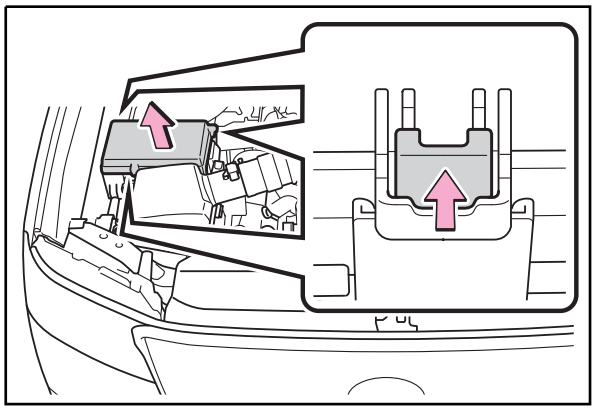
1 Tắt công tắc động cơ.

2 Mở nắp hộp cầu chì.

▶ Khoang động cơ (động cơ 1GR-FE)

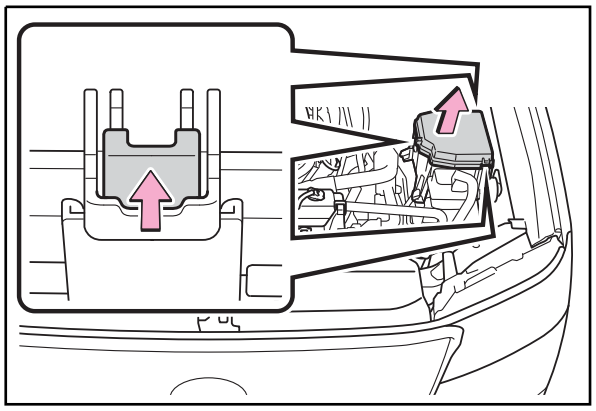
Kiểu A:

Ấn vào lẫy và nâng nắp hộp cầu chì lên.



Kiểu B:

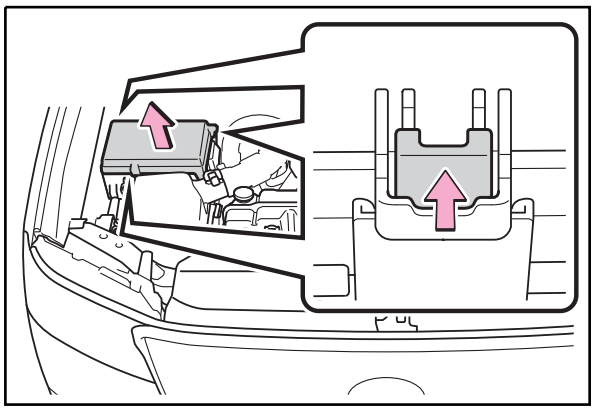
Ấn vào lẫy và nâng nắp hộp cầu chì lên.



▶ Khoang động cơ (động cơ V35A-FTS)

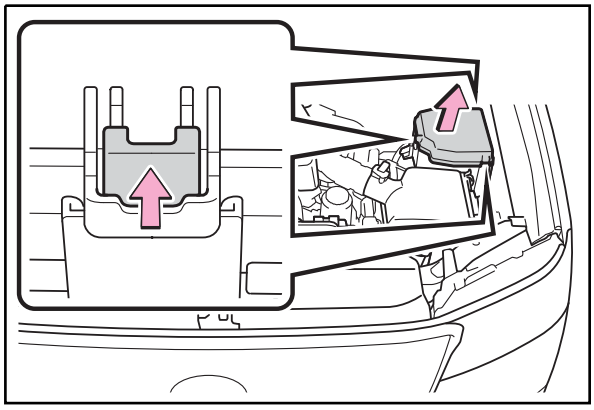
Kiểu A:

Để nắp khoang động cơ mở hoặc tháo nắp khoang động cơ (→P.549) và ấn vào tai hãm và nâng nắp lên.



Kiểu B:

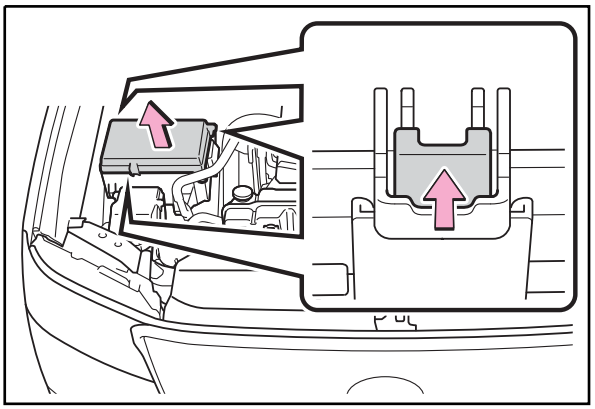
Để nắp khoang động cơ mở hoặc tháo nắp khoang động cơ (→P.549) và ấn vào tai hãm và nâng nắp lên.



▶ Khoang động cơ (động cơ F33A-FTV)

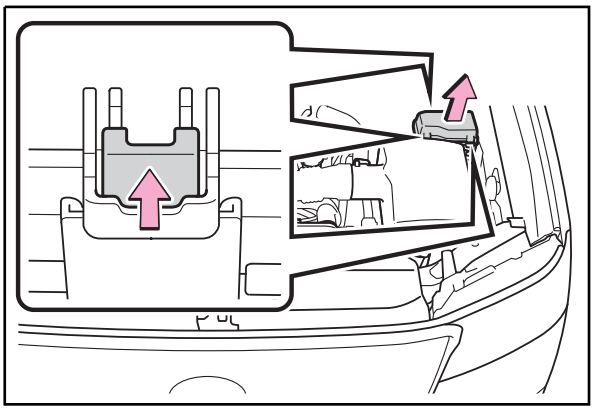
Kiểu A:

Để nắp khoang động cơ mở hoặc tháo nắp khoang động cơ (→P.549) và ấn vào tai hãm và nâng nắp lên.



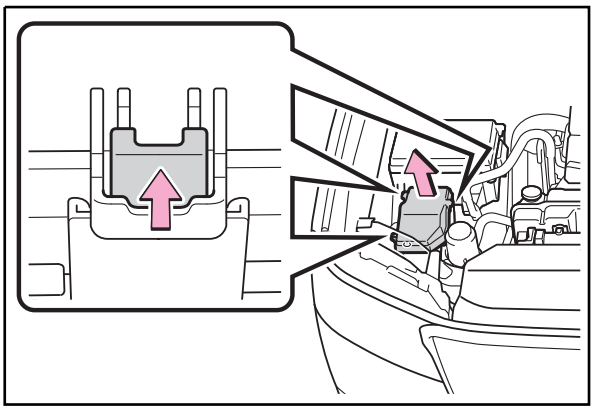
Kiểu B:

Để nắp khoang động cơ mở hoặc tháo nắp khoang động cơ (→P.549) và ấn vào tai hãm và nâng nắp lên.



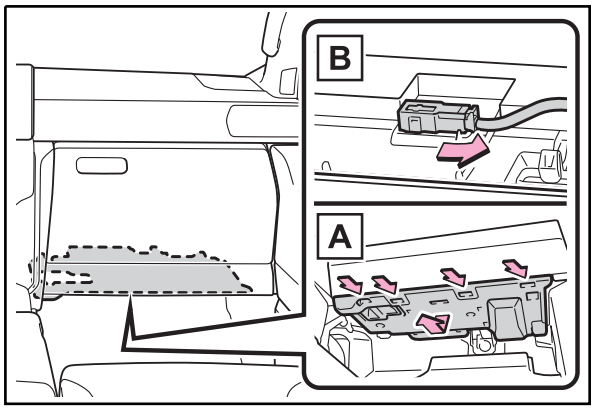
Kiểu C:

Ấn vào lẫy và nâng nắp hộp cầu chì lên.

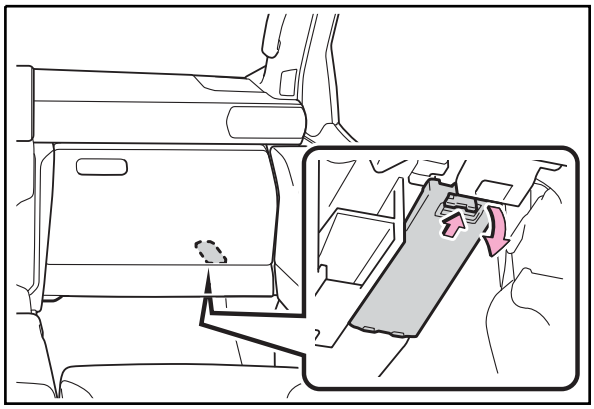


▶ Bảng táp lô

Tháo nắp che A và sau đó tháo giắc nối của đèn soi chân B (nếu có)

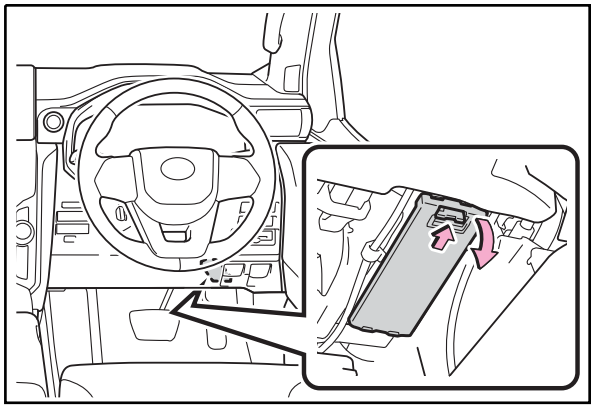


Tháo nắp che.



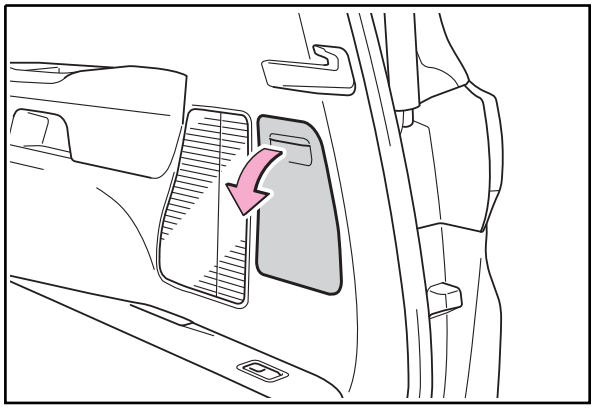
▶ Bảng táp lô

Tháo nắp che.

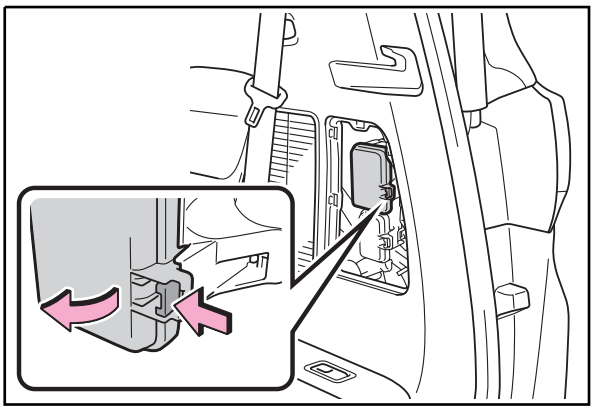


▶ Khoang hành lý (nếu có)

Tháo nắp che.



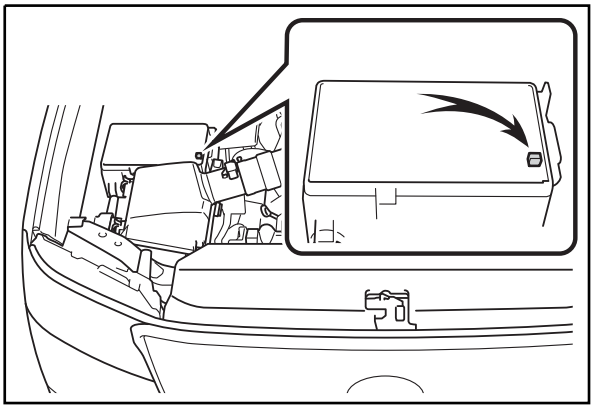
Tháo nắp che.



3 Tháo cầu chì bằng dụng cụ tháo cầu chì.

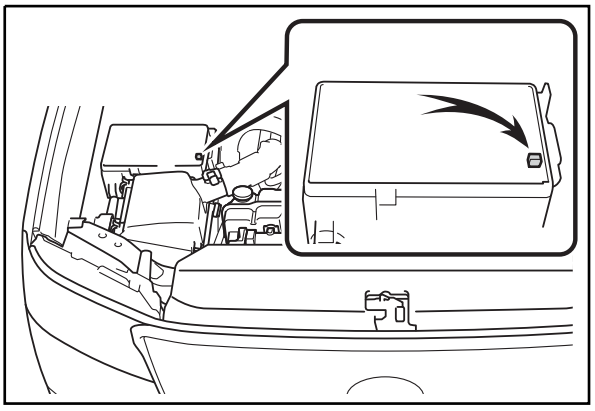
▶ Động cơ 1GR-FE

Chỉ có thể tháo cầu chì kiểu A bằng dụng cụ tháo cầu chì.



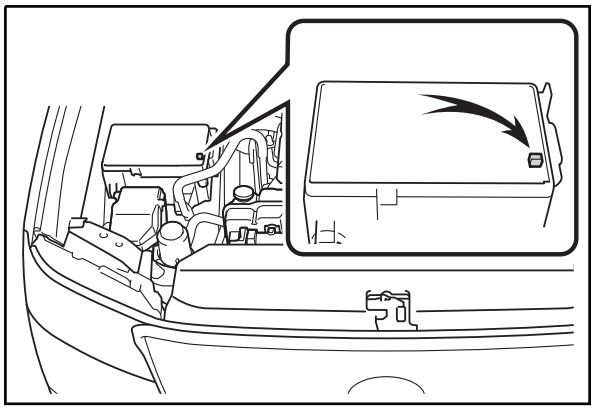
▶ Động cơ V35A-FTS

Chỉ có thể tháo cầu chì kiểu A bằng dụng cụ tháo cầu chì.



▶ Động cơ F33A-FTV

Chỉ có thể tháo cầu chì kiểu A bằng dụng cụ tháo cầu chì.

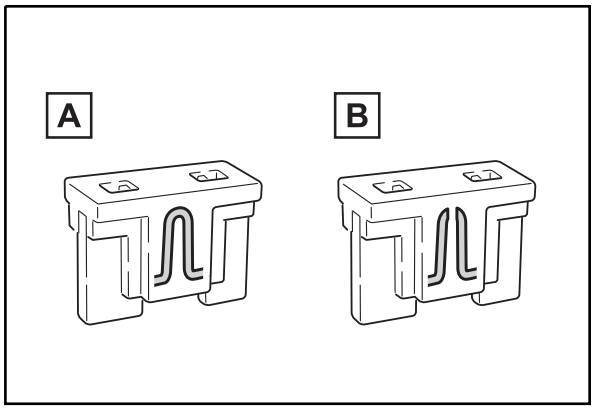


4 Hãy kiểm tra xem cầu chì có bị cháy không.

Kiểu A và B:
Hãy thay cầu chì bị cháy bằng cầu chì mới có cường độ dòng phù hợp. Bạn có thể tìm thấy chỉ số dòng của cầu chì trên nắp hộp cầu chì.

Kiểu C và D:
Hãy liên hệ với đại lý Toyota.

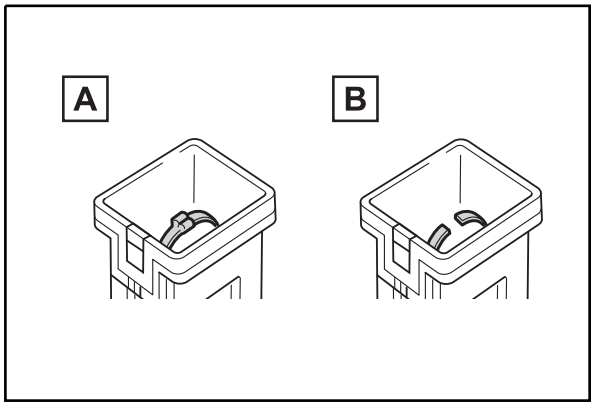
▶ Kiểu A



A Cầu chì bình thường

B Cầu chì bị cháy

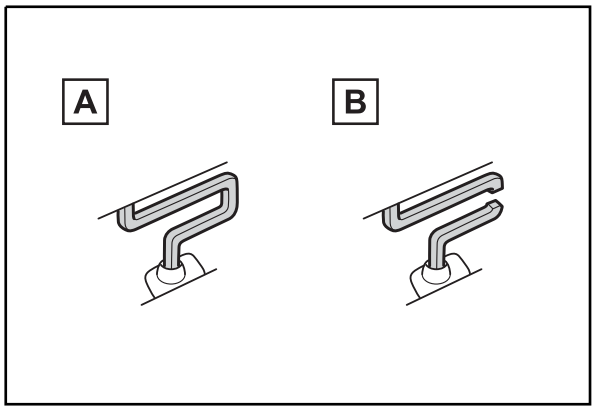
▶ Kiểu B



A Cầu chì bình thường

B Cầu chì bị cháy

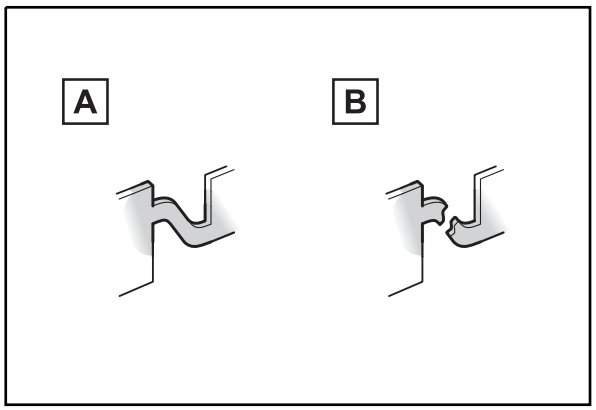
▶ Kiểu C



A Cầu chì bình thường

B Cầu chì bị cháy

▶ Kiểu D



A Cầu chì bình thường

B Cầu chì bị cháy

n **Sau khi thay cầu chì**

l Khi lắp nắp, chắc chắn rằng tai hãm đã được lắp chính xác.

l Nếu các đèn không sáng sau khi thay cầu chì, thì có thể một bóng đèn nào đó cần phải thay thế. (→P.588)

l Nếu cầu chì lại bị cháy, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n **Nếu mạch điện bị quá tải**

Các cầu chì được thiết kế để bị cháy để bảo vệ các dây điện bên trong khỏi bị hỏng.

n **Khi thay thế các bộ phận điện tử, như các bóng đèn, vv...**

Toyota khuyến nghị rằng bạn nên sử dụng sản phẩm chính hiệu của Toyota được thiết kế cho xe này. Vì một số bộ phận điện tử được kết nối với các mạch điện được thiết kế để chống quá tải, nên có thể sẽ không sử dụng được các bộ phận không chính hiệu hoặc các bộ phận không được thiết kế cho xe này.

CẢNH BÁO

n **Để tránh làm hư hỏng hệ thống và gây ra cháy xe**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không có thể hư hỏng cho xe, dẫn đến hỏa hoạn hoặc bị thương.

l Không bao giờ sử dụng cầu chì có cường độ dòng lớn hơn quy định, hoặc sử dụng các vật khác thay cho cầu chì.

l Luôn luôn sử dụng cầu chì chính hiệu của Toyota hoặc tương đương.
Không bao giờ được thay thế cầu chì bằng dây điện, kể cả trong trường hợp thay tạm.

l Không sửa đổi các cầu chì hoặc hộp cầu chì.

CHÚ Ý

n **Trước khi thay cầu chì**

Hãy xác định nguyên nhân hư hỏng và tiến hành sửa chữa tại đại lý Toyota càng sớm càng tốt.

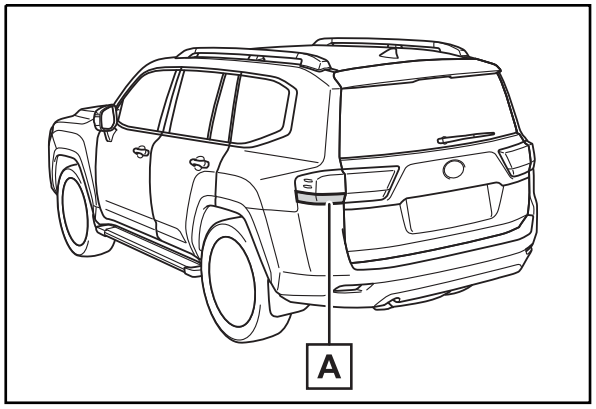
Bóng đèn

Bạn có thể tự thay thế một số loại bóng đèn sau. Trước khi thay, hãy kiểm tra công suất của bóng đèn cần thay. Để tránh làm hỏng các thiết bị, chúng tôi khuyến nghị nên cho thay bóng đèn ở đại lý Toyota.

Chuẩn bị để thay thế bóng đèn

Kiểm tra công suất của bóng đèn cần thay. (→P.666)

Vị trí của bóng đèn



A Các đèn xi nhan phía sau (kiểu bóng) (nếu có)

n **Bóng đèn cần phải được thay thế tại Đại lý Toyota**

- Đèn pha
- Đèn vị trí phía trước và đèn chiếu sáng ban ngày
- Đèn xi nhan trước
- Đèn sương mù phía trước (nếu có)
- Đèn góc (nếu có)
- Đèn xi nhan bên
- Đèn hậu
- Đèn phanh
- Các đèn xi nhan phía sau (kiểu đèn LED) (nếu có)
- Đèn sương mù phía sau (nếu có)
- Các đèn lùi
- Đèn phanh trên cao
- Đèn soi biển số
- Đèn soi chân bên ngoài xe (nếu có)
- Đèn chiếu sáng bậc lên xuống (nếu có)

n **Đèn LED**

Các đèn khác với các đèn xi nhan phía phía sau (kiểu bóng) (nếu có) được cấu tạo từ nhiều bóng đèn LED. Nếu có bất kỳ một bóng đèn LED nào bị cháy, hãy mang xe đến đại lý Toyota để thay thế.

n **Khi có nước đọng bên trong kính đèn**

Nếu hơi nước chỉ đọng tạm thời bên trong kính đèn pha thì đó là hiện tượng bình thường. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để có thêm thông tin khi gặp các tình trạng sau:

l Khi có giọt nước lớn đọng lại bên trong kính đèn.

l Nước đọng lại bên trong đèn.

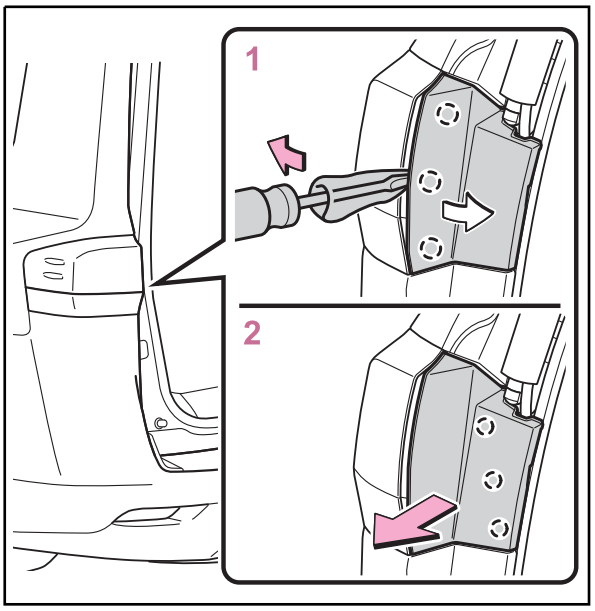
n **Khi thay thế các bộ phận điện tử, như các bóng đèn, vv...**

→P.587

Thay thế bóng đèn

n **Các đèn xi nhan phía sau (kiểu bóng) (nếu có)**

1 Mở cửa hậu xe và tháo nắp che.



1 Tháo 3 vấu hãm của nắp bằng tô vít đầu dẹt như trong hình vẽ.

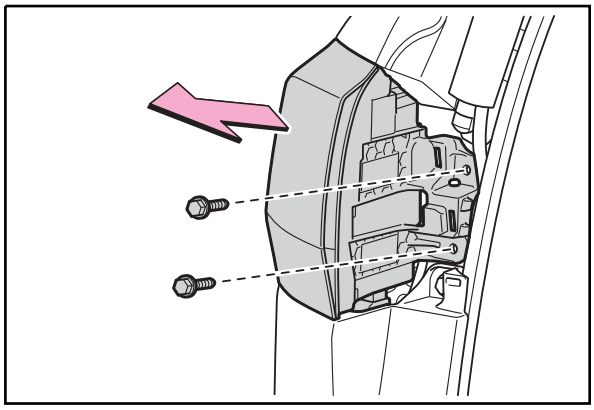
Để tránh làm hỏng cụm đèn, hãy dùng giẻ mềm để bọc vào đầu tô vít.

Khi tháo nắp che, hãy sử dụng tô vít có kích thước phù hợp.

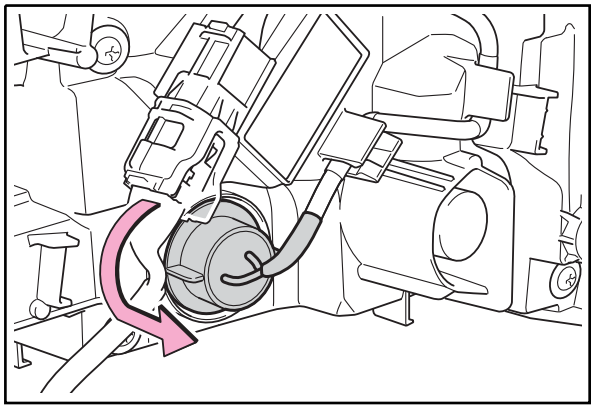
2 Tháo 3 vấu hãm bằng cách kéo nắp về phía sau.

2 Tháo các vít hãm và tháo cụm đèn ra.

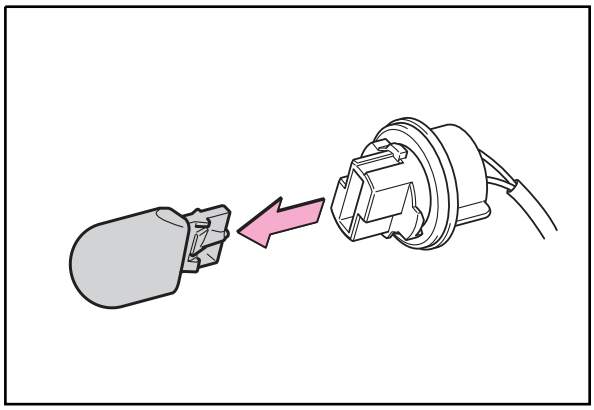
Tháo cụm đèn bằng cách kéo thẳng về phía sau xe.



3 Xoay đui đèn ngược chiều kim đồng hồ.

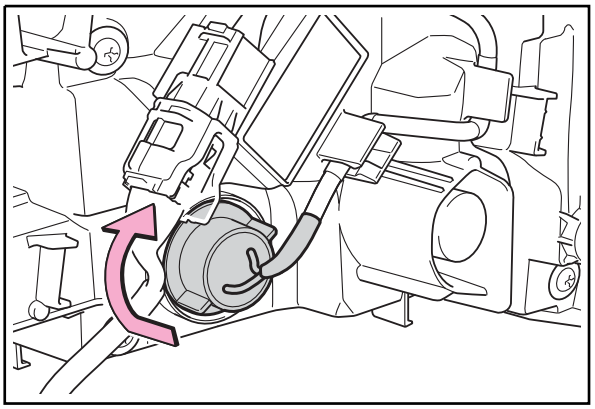


4 Tháo bóng đèn.



5 Lắp bóng đèn mới, sau đó lắp đui đèn với cụm đèn bằng cách lồng đui đèn vào cụm

đèn và xoay đui đèn theo chiều kim đồng hồ.

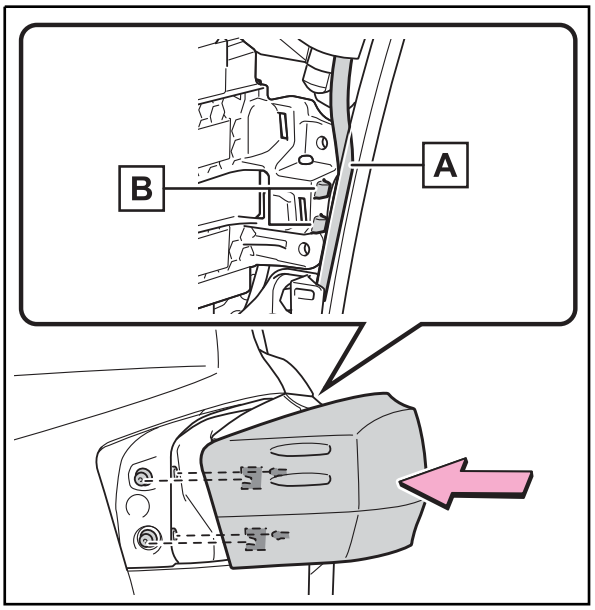


6 Lắp lại cụm đèn

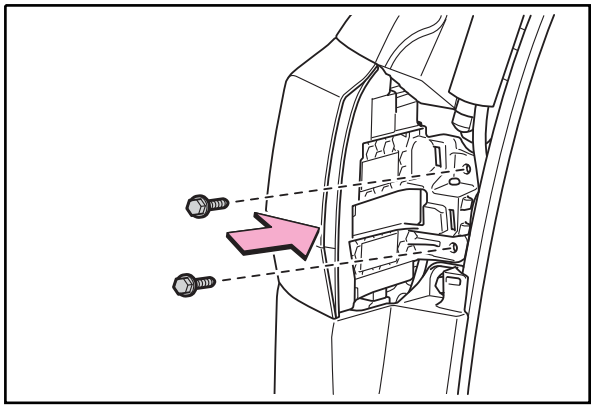
Gióng thẳng các rãng của cụm đèn với các vấu, và cắm thẳng cụm đèn sao cho chốt và cụm đèn lắp khít vào lỗ.

Kiểm tra rằng cụm đèn đã được lắp chắc chắn.

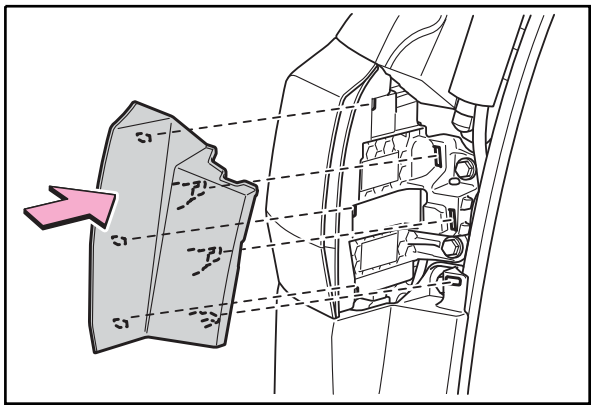
Xe có cửa hậu điều khiển điện: Kiểm tra rằng dây điện của cụm A được lắp chắc chắn bởi vấu B .



7 Lắp lại các vít.



8 Lắp lại nắp.



CẢNH BÁO

n **Thay thế bóng đèn**

l Hãy tắt đèn. Không thay bóng đèn ngay sau khi tắt đèn.
Bóng đèn có thể rất nóng và có thể làm bạn bị bỏng.

l Không chạm vào phần vỏ kính của bóng đèn bằng cách thủ công. Khi bắt buộc phải giữ vào phần kính của bóng đèn, hãy sử dụng và giữ bằng một khăn khô sạch để tránh hơi ẩm và dầu dính lên bóng đèn.
Nếu bóng đèn bị trầy xước hoặc bị đánh rơi, nó có thể sẽ bị cháy hoặc nứt.

l Hãy lắp bóng đèn và các chi tiết đi kèm để đảm bảo rằng bóng đèn đã chắc chắn. Nếu không, có thể sẽ gây ra hư hỏng do nhiệt độ cao, hỏa hoạn hoặc do nước lọt vào các chi tiết của đèn. Nó có thể sẽ làm hỏng đèn hoặc gây ra tình trạng ngưng tụ hơi nước bên trong bóng đèn.

⚠ CẢNH BÁO

l Không cố sửa chữa hoặc tháo các bóng đèn, giắc nối, mạch điện hoặc các chi tiết liên quan. Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong do điện giật.

n **Để tránh hư hỏng hoặc hỏa hoạn**

l Hãy đảm bảo rằng bóng đèn đã được gài hết cỡ và được cố định chắc lại.

l Hãy kiểm tra công suất của bóng đèn trước khi lắp để tránh gây ra hỏng hóc.

7-1. Những thông tin thiết yếu

Đèn nháy khẩn cấp.....594

Nếu cần dừng xe trong trường hợp khẩn cấp 594

Nếu xe bị ngập nước hoặc nước trên đường đang dâng lên 595

7-2. Các bước xử lý khi gặp trường hợp khẩn cấp

Nếu xe cần được kéo.....597

Nếu có điều gì đó bất thường 600

Hệ thống cắt bơm nhiên liệu (chỉ động cơ xăng) 601

Nếu đèn cảnh báo sáng hoặc chuông báo kêu ...602

Nếu một thông điệp cảnh báo được hiển thị 612

Nếu xe bị xịt lốp 620

Nếu động cơ không khởi động được 631

Nếu bạn đánh mất chìa khóa 632

Nếu hệ thống chìa khóa điện tử hoặc hệ thống xác thực vân tay không hoạt động chính xác 633

Nếu ắc quy bị hết điện....635

Nếu xe quá nhiệt.....640

Nếu xe bị hết nhiên liệu và động cơ ngừng hoạt động (chỉ với động cơ diesel) .643

Nếu xe bị sa lầy 644

Đèn nháy khẩn cấp

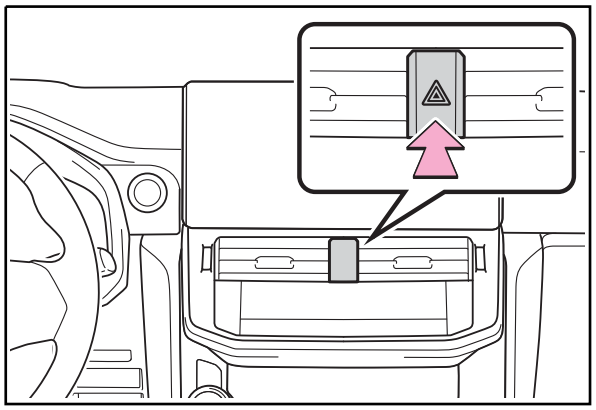
Các đèn nháy khẩn cấp được sử dụng để cảnh báo các lái xe khác khi xe bạn đang dừng trên đường do hư hỏng...

Hướng dẫn thao tác

Hãy ấn công tắc này.

Tất cả các đèn xi nhan sẽ nháy.

Để tắt đèn nháy khẩn cấp, hãy ấn công tắc này một lần nữa.



n **Đèn nháy khẩn cấp**

l Nếu sử dụng các đèn nháy khẩn cấp trong một thời gian dài khi động cơ không hoạt động, ắc quy có thể bị hết điện.

l Nếu có bất kỳ túi khí nào bị nổ hoặc trong trường hợp va chạm mạnh từ phía sau, các đèn nháy khẩn cấp sẽ bật tự động.
Các đèn nháy khẩn cấp sẽ tự động tắt sau khoảng 20 phút. Để tắt đèn nháy khẩn cấp bằng tay, hãy ấn lên công tắc 2 lần. (Các đèn nháy khẩn cấp có thể không bật tự động tùy vào lực tác động và tình trạng va chạm.)

Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp

Chỉ trong trường hợp khẩn cấp, khi không thể dừng xe theo cách thông thường, hãy dừng xe theo quy trình sau:

Dừng xe

1 Bình tĩnh đặt cả hai chân lên bàn đạp phanh và đạp mạnh bàn đạp phanh xuống.

Không nhấp phanh nhiều lần vì nó sẽ làm tăng lực đạp phanh cần thiết để giảm tốc độ xe.

2 Chuyển cần số sang vị trí N.

▶ Nếu chuyển được cần số đến vị trí N

3 Sau khi giảm tốc, hãy dừng xe ở vị trí an toàn trên đường.

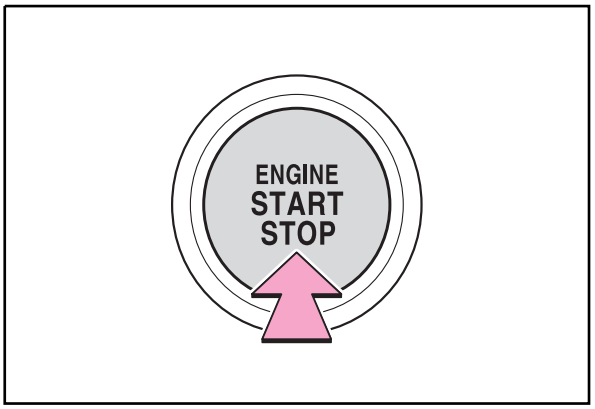
4 Tắt động cơ.

▶ Nếu không chuyển được cần số đến vị trí N

3 Hãy đạp bàn đạp phanh bằng cả hai chân để giảm tốc độ xe càng nhiều càng tốt.

4 Để tắt máy, hãy ấn và giữ công tắc động cơ trong 2 giây

trở lên hoặc ấn nhanh 3 lần trở lên.



5 Hãy dừng xe ở vị trí an toàn trên đường.

n **Nếu dừng khẩn cấp**

Có thể hạn chế chức năng của điều hòa không khí vv.. để giảm tiêu hao điện ắc quy.

CẢNH BÁO

n **Nếu cần phải tắt động cơ trong khi lái xe**

Việc tắt động cơ trong khi lái xe sẽ không làm mất điều khiển lái và điều khiển phanh. Tuy nhiên, trợ lực cho các hệ thống này có thể bị mất khi đánh lái hoặc phanh trước khi dừng xe tùy thuộc vào lượng điện năng còn lại của ắc quy hoặc các điều kiện sử dụng. Hãy giảm tốc độ xe càng nhiều càng tốt trước khi tắt động cơ.

Nếu xe bị ngập nước hoặc nước trên đường đang dâng lên

Xe này không được thiết kế để lái trên đường bị ngập nước sâu. Không được lái xe trên đường đang bị ngập nước hoặc nước đang dâng lên. Sẽ rất nguy hiểm khi vẫn ngồi trên xe, nếu biết trước rằng xe sẽ bị ngập nước hoặc sẽ bị trôi xe. Hãy bình tĩnh và tuân theo hướng dẫn sau.

- Nếu trường hợp có thể mở được cửa, hãy mở cửa và rời khỏi xe.
- Nếu trường hợp không có thể mở được cửa, hãy mở cửa sổ bằng cách sử dụng công tắc cửa sổ điện và ra khỏi xe qua đường cửa sổ.
- Nếu có thể mở được cửa sổ, hãy rời khỏi xe qua cửa sổ.
- Nếu không mở được cửa và cửa sổ do nước đang dâng cao, hãy bình tĩnh, đợi cho đến khi mực nước bên trong xe dâng lên đến mức áp lực nước bên trong xe bằng áp lực nước bên ngoài xe rồi mới mở cửa xe, sau khi đợi nước tràn vào xe rồi mới thoát ra ngoài.

Khi mực nước bên ngoài cao hơn một nửa chiều cao của cửa xe, thì sẽ không thể mở cửa từ bên trong xe do áp lực của nước.

n Nếu mức nước vượt quá chiều cao sàn xe

Nếu mức nước vượt quá sàn xe, theo thời gian các thiết bị điện sẽ bị hỏng, và không thể điều khiển được cửa sổ điện, động cơ sẽ dừng hoạt động và xe có thể không di chuyển được.

n Sử dụng búa thoát hiểm khẩn cấp*1

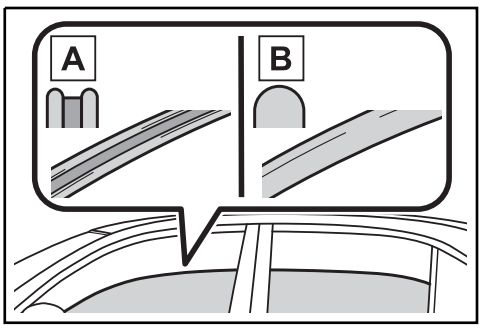
Kính ép nhiều lớp *2 được sử dụng cho kính chắn gió và các cửa sổ trên xe. Những kính ép nhiều lớp này không thể đập vỡ được bằng búa thoát hiểm*1.

*1: Hãy liên hệ với Đại lý Toyota hoặc nhà sản xuất phụ kiện để tìm hiểu thêm thông tin về búa thoát hiểm.

*2: Nếu có

n Cách phân biệt kính nhiều lớp

Khi nhìn vào điểm mặt cắt ngay, kính nhiều lớp có 2 lớp được ép với nhau.



A Kính nhiều lớp

B Kính cường lực

⚠ CẢNH BÁO

n Chú ý khi lái xe

Không được lái xe trên đường đang bị ngập nước hoặc nước đang dâng lên. Nếu không, xe có thể bị hư hỏng và không thể lái đi được, cũng như có thể bị ngập nước và bị trôi xe, dẫn đến tử vong.

Nếu xe cần được kéo

Nếu xe bạn cần được kéo, chúng tôi khuyến nghị nên yêu cầu đại lý Toyota hoặc dịch vụ cứu hộ, sử dụng xe tải có giá nâng bánh hoặc xe tải sàn phẳng để kéo.

Hãy sử dụng hệ thống cáp kéo đảm bảo an toàn, phù hợp với các quy định của quốc gia và địa phương.

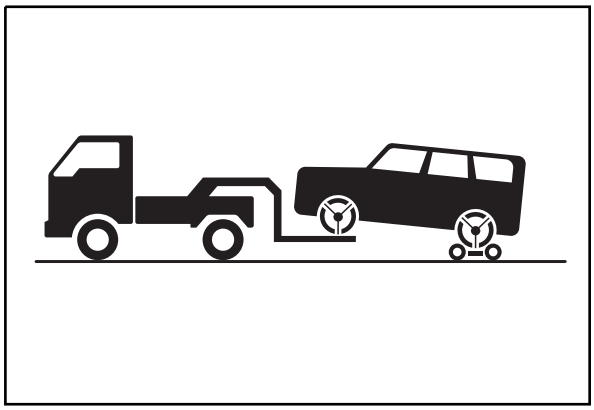
Những trường hợp cần liên hệ với đại lý trước khi kéo xe

Những triệu chứng sau báo hiệu đã có sự cố trong hộp số của xe bạn. Hãy liên hệ với đại lý Toyota trước khi tiến hành kéo xe.

- Khi động cơ đang hoạt động, nhưng xe không di chuyển được.
- Khi có tiếng ồn bất thường phát ra từ xe.

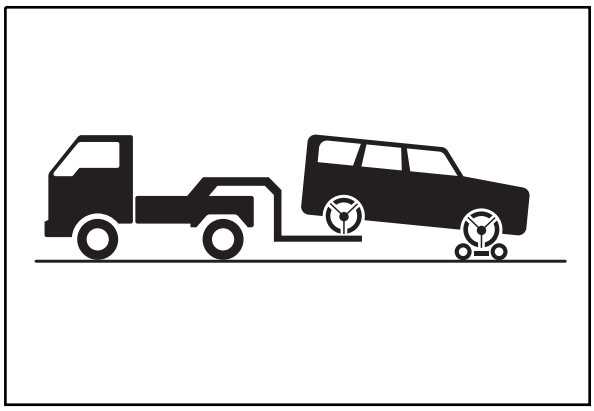
Kéo bằng xe kéo kiểu có giá nâng bánh xe

▶ Kéo từ phía trước



Sử dụng con lăn để đỡ dưới các bánh sau.

▶ Kéo từ phía sau



Sử dụng con lăn để đỡ phía dưới các bánh trước.

⚠ CẢNH BÁO

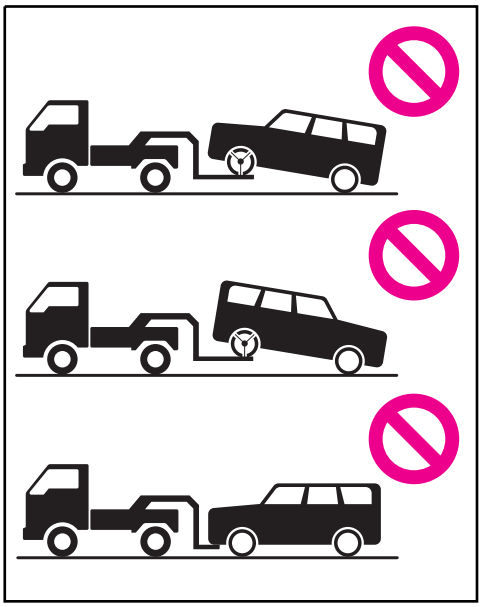
Hãy tuân theo các chú ý sau.

Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

CẢNH BÁO

n **Khi kéo xe**

Chắc chắn vận chuyển xe với cả 4 bánh xe được nâng lên khỏi mặt đất. Nếu kéo xe mà các lốp chạm đất, thì hệ thống truyền lực và các bộ phận liên quan có thể bị hư hỏng, xe có thể rơi khỏi xe tải.



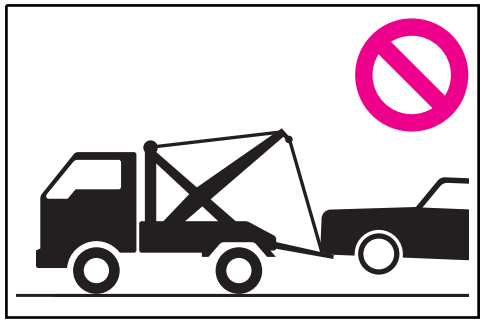
CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng xe khi kéo xe bằng xe kéo kiểu có giá nâng bánh xe**

- Không được kéo xe từ phía sau với công tắc động cơ đang tắt. Cơ cấu khóa vô lăng không đủ chắc chắn để giữ cho các bánh trước hướng thẳng.
- Khi nâng xe lên, hãy đảm bảo khoảng sáng gầm xe ở đầu đối diện với đầu được nâng lên. Nếu khoảng sáng gầm xe không đủ, xe có thể sẽ bị hư hỏng trong khi kéo.

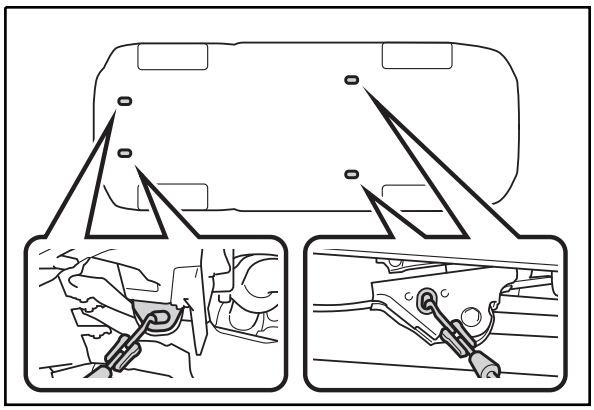
n **Kéo xe bằng xe kéo có móc treo**

Không kéo xe bằng xe kéo có móc treo để tránh làm hỏng thân xe.

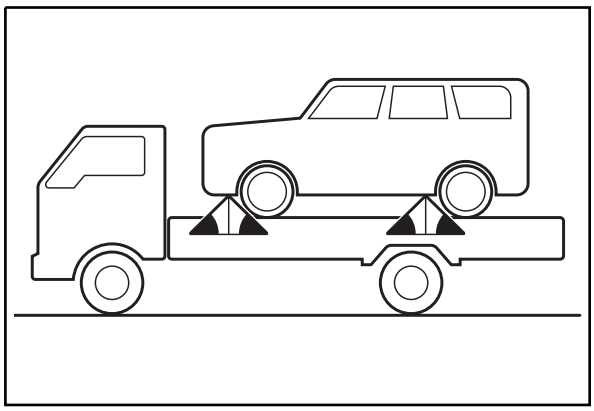


Sử dụng xe tải sàn phẳng để kéo

Nếu vận chuyển xe bằng xe tải sàn phẳng, thì nó phải được cố định chắc chắn tại những vị trí như trên hình vẽ.



Nếu bạn sử dụng xích hoặc cáp để cố định xe, thì góc nghiêng của cáp hoặc xích so với sàn phải là 45°.



Nếu bạn không thể buộc xe bằng phương pháp trên, hãy dùng đai buộc lốp xe.

CHÚ Ý

n **Sử dụng xe tải sàn phẳng để kéo**

Không buộc xe chặt quá mức hoặc xe sẽ có thể bị hư hỏng.

Kéo xe khẩn cấp

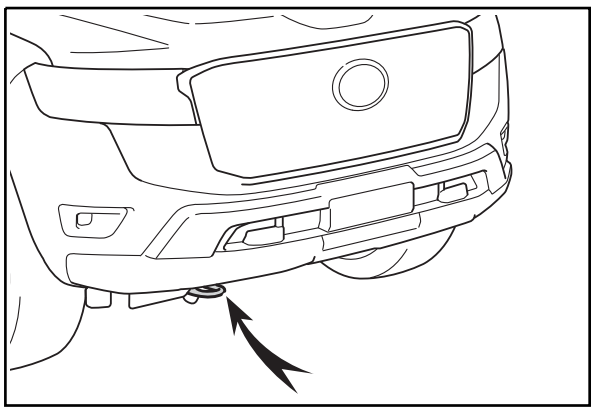
Trong trường hợp khẩn cấp mà không có dịch vụ cứu hộ, bạn có thể tạm thời cho kéo xe bằng dây cáp hoặc xích bằng cách gắn vào móc kéo xe khẩn cấp. Chỉ được thực hiện biện pháp kéo này trên mặt đường cứng, với một quãng đường ngắn khoảng 80 km ở tốc độ dưới 30 km/h.

Người lái phải ở bên trong xe để điều khiển vô lăng và điều khiển phanh. Các bánh xe, hệ thống truyền lực, cầu xe, hệ thống lái và hệ thống phanh phải ở tình trạng tốt.

Quy trình kéo xe khẩn cấp

1 Hãy gắn chắc các dây cáp hoặc xích với móc kéo.

Hãy cẩn thận để tránh làm hỏng thân xe.



2 Vào xe đang được kéo và khởi động động cơ.

Nếu động cơ không khởi động được, hãy bật công tắc động cơ.

3 Hãy để công tắc điều khiển bốn bánh chủ động ở “H4”. (Các bộ vi sai trước, vi sai trung tâm và vi sai sau được mở khóa.)

4 Hãy chuyển cần số đến vị trí N và nhả phanh đỗ.

Tắt chế độ tự động. (→P.244)

Khi không chuyển được cần số: →P.236, 239

n **Khi kéo xe**

Khi động cơ không hoạt động, hệ thống trợ lực phanh và trợ lực lái cũng sẽ không hoạt động, vì vậy các thao tác phanh và lái sẽ thực hiện khó khăn hơn bình thường.

CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các lưu ý sau. Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Khi kéo xe**

l Khi kéo xe bằng cáp hoặc xích, tránh khởi hành đột ngột… và tác dụng lực quá mạnh lên móc kéo, cáp hoặc xích. Các móc kéo, cáp hoặc xích có thể bị hỏng, đứt và va vào người, dẫn đến tai nạn nghiêm trọng.

l Không tắt công tắc động cơ.
Có thể vô lăng sẽ bị khóa lại và không thể điều khiển được.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng xe khi kéo xe bằng xe kéo có móc treo**

Không kéo xe bằng xe kéo có móc treo, kể cả từ phía trước hoặc phía sau.

n **Để tránh làm hỏng xe trong khi kéo xe khẩn cấp**

Không cố định cáp hoặc xích vào các chi tiết của hệ thống treo.

n **Khi kéo xe có hệ thống Dừng và Khởi động**

Nếu cần phải kéo xe với cả bốn bánh tiếp xúc với mặt đất, hãy tiến hành quy trình sau trước khi kéo xe để bảo vệ hệ thống.
Tắt công tắc động cơ và sau đó khởi động động cơ hoặc bật công tắc động cơ đến ON.

Nếu có điều gì đó bất thường

Nếu bạn phát hiện ra một trong các triệu chứng sau, thì rất có thể xe của bạn sẽ cần phải điều chỉnh hoặc sửa chữa. Hãy liên lạc với đại lý Toyota của bạn càng sớm càng tốt.

Những triệu chứng có thể quan sát được

- Có dung dịch rò rỉ dưới gầm xe (Nước rỉ ra từ hệ thống điều hòa sau khi sử dụng là bình thường.)
- Lốp xe bị xịt hoặc mòn không đều
- Kim đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ liên lục chỉ báo cao hơn mức bình thường.
- Đồng hồ đo áp suất dầu động cơ liên tục thấp hơn bình thường.
- Đồng hồ đo điện áp liên tục chỉ cao hơn hoặc thấp hơn bình thường.

Những triệu chứng có thể nghe thấy được

- Tiếng khí xả khác thường
- Lốp xe rít lên khi vào cua
- Có tiếng ồn lạ liên quan tới hệ thống treo

- Tiếng gõ hoặc tiếng ồn khác có liên quan tới động cơ

Các triệu chứng khi lái xe

- Bỏ máy, động cơ rung hoặc giật
- Công suất động cơ giảm rõ rệt
- Xe bị lệch hẳn về một phía khi phanh
- Xe bị lệch hẳn về một phía khi lái xe trên đường phẳng
- Hiệu quả phanh giảm, có cảm giác hẫng, bàn đạp gần như chạm vào sàn xe

Hệ thống cắt bơm nhiên liệu (chỉ động cơ xăng)

Để giảm thiểu nguy cơ bị rò rỉ nhiên liệu khi động cơ bỏ máy hoặc khi túi khí nổ do va chạm, hệ thống cắt bơm nhiên liệu sẽ ngừng cấp nhiên liệu tới động cơ.

Khởi động lại động cơ

Hãy thực hiện theo quy trình sau để khởi động lại động cơ sau khi hệ thống cắt bơm nhiên liệu đã được kích hoạt.

1 Chuyển công tắc động cơ tới vị trí ACC hoặc OFF.

2 Khởi động lại động cơ.

CHÚ Ý

n **Trước khi khởi động động cơ**

Hãy kiểm tra phía dưới gầm xe.

Nếu bạn phát hiện ra có nhiên liệu rò rỉ, hệ thống nhiên liệu đã bị hư hỏng và cần phải sửa chữa. Không được khởi động lại động cơ.

Nếu đèn cảnh báo sáng hoặc chuông báo kêu

Hãy bình tĩnh thực hiện các thao tác sau nếu một trong các đèn cảnh báo sáng lên hoặc nhấp nháy. Nếu một đèn cảnh báo sáng lên hoặc nhấp nháy, nhưng sau đó tắt đi, thì đó có thể không phải là dấu hiệu hư hỏng của hệ thống. Tuy nhiên, nếu tình trạng này vẫn xảy ra, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

Đặt đèn cảnh báo hoặc chuông cảnh báo

n **Đèn cảnh báo hệ thống phanh (chuông cảnh báo)**

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Màu đỏ)	Chỉ ra rằng: ● Mức dầu phanh thấp; hoặc ● Hệ thống phanh đang bị hư hỏng → **Hãy dừng xe ngay lập tức tại một địa điểm an toàn và liên lạc với đại lý Toyota để yêu cầu giúp đỡ. Sẽ rất nguy hiểm nếu tiếp tục lái xe trong điều kiện này.**

n **Đèn cảnh báo hệ thống phanh (chuông cảnh báo)**

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Màu vàng)	Thông báo có lỗi trong: ● Hệ thống phanh đỗ; hoặc ● Hệ thống phanh điều khiển điện tử → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n **Đèn cảnh báo hệ thống nạp* (chuông cảnh báo)**

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Chỉ báo rằng đã có hư hỏng trong hệ thống nạp của xe → **Hãy dừng xe ngay lập tức tại một địa điểm an toàn và liên lạc với đại lý Toyota để yêu cầu giúp đỡ.**

*: Đèn này sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin cùng với một thông điệp.

n Đèn cảnh báo áp suất dầu động cơ thấp* (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Chỉ ra rằng mức áp suất dầu động cơ là rất thấp. → **Hãy dừng xe ngay lập tức tại một địa điểm an toàn và liên lạc với đại lý Toyota để yêu cầu giúp đỡ.**

*: Đèn này sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin cùng với một thông điệp.

n Đèn cảnh báo nhiệt độ nước làm mát cao* (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Chỉ ra rằng động cơ đang quá nhiệt → **Hãy dừng xe tại một địa điểm an toàn.** **Phương pháp xử lý (→P.640)**

*: Đèn này sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin cùng với một thông điệp.

n Đèn chỉ báo hư hỏng

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Thông báo có lỗi trong: ● Hệ thống điều khiển động cơ điện tử; ● Hệ thống điều khiển bướm ga điện tử; ● Hệ thống kiểm soát khí xả (nếu có); ● Hệ thống điều khiển hộp số tự động điện tử; hoặc ● Hệ thống DRS (nếu có) → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn cảnh báo túi khí

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Thông báo có lỗi trong: ● Hệ thống túi khí; hoặc ● Hệ thống căng đai khẩn cấp → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn cảnh báo ABS

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Thông báo có lỗi trong: ● Hệ thống ABS hoặc ● Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn cảnh báo hệ thống lái trợ lực điện

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (nếu có)	Thông báo có lỗi trong hệ thống lái trợ lực điện → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn cảnh báo PCS (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nếu có)	Khi chuông báo kêu đồng thời. Chỉ ra đã có trục trặc trong hệ thống PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm) → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin.** Nếu PCS (hệ thống cảnh báo tiền va chạm) hoặc VSC (hệ thống điều khiển ổn định xe) bị vô hiệu hóa, đèn cảnh báo PCS sẽ sáng.

n Đèn chỉ báo LTA (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Màu vàng) (Nếu có)	Chỉ ra rằng đã có hư hỏng trong LTA (Hỗ trợ bám làn đường) → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin.**

n Đèn chỉ báo LDA (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Màu vàng) (Nếu có)	Chỉ ra rằng đã có hư hỏng trong hệ thống LDA (Cảnh báo đi lệch làn đường) → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin.**

n Đèn chỉ báo hệ thống điều khiển chạy tự động (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Màu vàng) (Nếu có)	Chỉ báo rằng đã có trục trặc trong hệ thống điều khiển chạy tự động. → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin.**

n Chỉ báo điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa(chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Màu vàng) (Nếu có)	Chỉ ra đã có lỗi trong hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa. → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin.**

n Chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Màu vàng)	Chỉ ra một trong hai hệ thống sau có thể đã bị trục trặc. ● PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm) (nếu có) ● LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn) (nếu có) ● Đèn nháy tự động phía sau (nếu có) ● Thông báo xe phía sau đang tiếp cận (nếu có) ● Phanh giảm va chạm thứ cấp (Va chạm phía sau khi đã dừng xe) (nếu có) → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin.** Chỉ ra bất kỳ hệ thống nào sau đây đang bị trục trặc, bị vô hiệu hóa, hoặc bị tắt. ● PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) (nếu có) ● Chức năng RCD (phát hiện bằng camera phía sau) (nếu có) ● BSM (Theo dõi điểm mù) (nếu có) ● RCTA (cảnh báo có phương tiện chạy cắt ngang phía sau) (nếu có) ● Hỗ trợ rời xuống xe an toàn (nếu có) → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin.**

n Đèn chỉ báo OFF cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (nếu có)	Chỉ ra rằng có lỗi trong hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.** Chỉ ra rằng hệ thống tạm thời không khả dụng, có thể do cảm biến đang bị bẩn hoặc bị che phủ bởi băng,… → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin. (→P.612)**

n Đèn cảnh báo hoạt động bàn đạp không phù hợp* (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Khi chuông báo cũng kêu: ● Hệ thống kiểm soát tăng ga ngoài ý muốn đang bị trục trặc ● Điều khiển dẫn động-khởi động đang bị hư hỏng ● Điều khiển dẫn động khởi động đang hoạt động → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin.** Khi chuông không kêu: Hệ thống kiểm soát tăng ga ngoài ý muốn đang hoạt động. → **Nhả bàn đạp ga và đạp bàn đạp phanh.**

*: Đèn này sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin cùng với một thông điệp.

n Đèn chỉ báo tắt hệ thống dừng và khởi động động cơ

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nháy) (nếu có)	Chỉ ra rằng có lỗi trong hệ thống dừng và khởi động động cơ → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn chỉ báo trượt

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Thông báo có lỗi trong: ● Hệ thống VSC; ● Hệ thống kiểm soát rung lắc rơ moóc (nếu có); ● Hệ thống TRC chủ động; ● Hệ thống điều khiển hỗ trợ khởi hành ngang dốc; ● Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc (nếu có) ● Hệ thống chọn chế độ đa địa hình (nếu có); hoặc ● Điều khiển bò xe (nếu có) → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn chỉ báo chế độ bốn bánh chủ động tốc độ thấp

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nháy)	Chỉ ra rằng đã có lỗi trong hệ thống bốn bánh chủ động khi đèn nháy nhanh. → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn chỉ báo khóa vi sai phía trước

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nháy) (nếu có)	Chỉ ra rằng có trục trặc trong hệ thống khóa vi sai trước khi đèn này nháy nhanh. → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn chỉ báo khóa vi sai trung tâm

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nháy)	Chỉ ra rằng có trục trặc trong hệ thống khóa vi sai trung tâm khi đèn này nháy nhanh. → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn chỉ báo khóa vi sai sau

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nháy) (nếu có)	Chỉ ra rằng hệ thống khóa vi sai sau đã bị lỗi khi đèn này nháy nhanh. → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn chỉ báo phanh đỗ

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nháy)	Có thể là do phanh đỗ chưa được gài hoặc nhả hoàn toàn. → **Thao tác với công tắc phanh đỗ một lần nữa.** Đèn cảnh báo này cũng sẽ sáng lên khi không nhả phanh đỗ. Nếu đèn cảnh báo tắt đi sau khi phanh đỗ được nhả ra hoàn toàn thì điều đó có nghĩa là hệ thống vẫn làm việc bình thường.

n Đèn chỉ báo hoạt động giữ phanh (Chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nháy)	Chỉ ra rằng có lỗi trong hệ thống giữ phanh → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	▶ Xe không có bình nhiên liệu phụ Chỉ ra lượng nhiên liệu còn lại chỉ khoảng 12.0 L trở xuống. ▶ Xe có bình nhiên liệu phụ Chỉ ra lượng nhiên liệu còn lại chỉ khoảng 16.5 L trở xuống. → **Hãy nạp nhiên liệu cho xe.**

n Đèn cảnh báo mức dung dịch AdBlue™ thấp (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (nếu có)	Chỉ ra rằng động cơ không thể khởi động lại được do mức dung dịch AdBlue™ thấp. → **Bổ sung dung dịch AdBlue™. (→P.564)**

n Đèn cảnh báo áp suất lốp

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (nếu có)	Khi đèn cảnh báo sáng lên: ● Giảm áp suất lốp do nguyên nhân tự nhiên → **Sau khi lốp xe đã đủ nguội, hãy kiểm tra áp suất của từng lốp và điều chỉnh tới giá trị tiêu chuẩn.** ● Áp suất lốp thấp do lốp bị xịt → **Hãy ngay lập tức dừng xe ở vị trí an toàn và thực hiện các hành động xử lý cần thiết.** Khi đèn cảnh báo sáng lên sau khi nhấp nháy khoảng 1 phút (chuông báo không kêu): Có lỗi trong hệ thống cảnh báo áp suất lốp → **Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn nhắc người lái và hành khách phía trước thắt đai an toàn (chuông cảnh báo)*1, 2

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Cảnh báo cho người lái và/hoặc hành khách phía trước thắt đai an toàn → **Thắt đai an toàn.** **Nếu có người ngồi trên ghế hành khách phía trước, đai an toàn trên ghế hành khách phía trước cần được thắt để tắt đèn cảnh báo (chuông cảnh báo).**

*2: Chuông nhắc nhở người lái và hành khách thắt đai an toàn:
Chuông nhắc người lái và hành khách phía trước thắt đai an toàn sẽ kêu để cảnh báo người lái và hành khách phía trước rằng đai an toàn chưa được thắt. Nếu chưa thắt đai an toàn, chuông báo sẽ kêu gián đoạn trong một thời gian sau khi xe đạt đến tốc độ nhất định.

n Đèn nhắc nhở người ngồi phía sau thắt đai an toàn (chuông cảnh báo kêu)*

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (nếu có)	Cảnh báo cho hành khách phía sau thắt đai an toàn của mình → **Thắt đai an toàn.**

*: Chuông cảnh báo thắt đai an toàn trên ghế hành khách phía sau:
Chuông nhắc nhở hành khách phía sau thắt đai an toàn kêu để báo cho hành khách phía sau biết rằng đai chưa được thắt. Nếu chưa thắt đai an toàn,

chuông báo sẽ kêu gián đoạn trong một thời gian, sau khi đai an toàn được thắt và chưa được thắt và xe đạt đến tốc độ nhất định.

n Chuông cảnh báo

Trong một số trường hợp, bạn sẽ không thể nghe thấy tiếng chuông cảnh báo do khu vực sử dụng xe quá ồn hoặc hệ thống âm thanh phát ra quá lớn.

n Cảm biến phát hiện hành khách phía trước, chuông cảnh báo và nhắc nhở thắt đai an toàn

- Nếu hành lý được đặt trên ghế hành khách phía trước, cảm biến phát hiện trên ghế hành khách phía trước có thể làm cho đèn cảnh báo nhấp nháy và chuông cảnh báo kêu, kể cả khi hành khách không ngồi trên ghế.
- Nếu đặt tấm đệm lót ghế lên ghế, cảm biến sẽ không xác định được là có người ngồi trên ghế hay không và đèn cảnh báo có thể không làm việc chính xác được.

n Chuông cảnh báo tốc độ (cho thị trường Ấn độ)

Chuông báo sẽ kêu khi tốc độ xe bằng hoặc vượt quá 80 km/h. Sau đó, chuông báo sẽ kêu với tiếng có âm báo khác khi tốc độ xe bằng hoặc vượt quá 120 km/h.

n Nếu đèn chỉ báo lỗi sáng lên trong khi lái xe

Với một vài kiểu xe, đèn chỉ báo hư hỏng sẽ sáng lên nếu bình nhiên liệu bị cạn hoàn toàn. Nếu bình nhiên liệu đã cạn hoàn toàn, thì hãy nạp nhiên liệu ngay lập tức. Đèn chỉ báo hư hỏng sẽ tắt sau khi xe chạy được một vài hành trình.

Nếu đèn chỉ báo không tắt, hãy liên lạc với đại lý Toyota.

n Đèn cảnh báo hệ thống lái trợ lực điện (nếu có)

Khi nạp ắc quy chưa đủ điện, điện áp ắc quy tạm thời sụt xuống, đèn cảnh báo hệ thống lái trợ lực điện có thể sáng.

n Khi đèn cảnh báo áp suất lốp sáng lên (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Kiểm tra lốp xe xem có bị thủng lốp không.

Nếu lốp xe bị thủng: →P.620

Nếu lốp xe không bị thủng:

Công tắc động cơ được tắt sau đó bật ON. Kiểm tra rằng đèn cảnh báo áp suất lốp sáng lên hoặc nháy.

▶ Nếu đèn cảnh báo áp suất lốp sáng lên sau khi nhấp nháy khoảng 1 phút

Có thể đã có lỗi trong hệ thống cảnh báo áp suất lốp. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn ngay lập tức.

▶ Nếu đèn cảnh báo áp suất lốp sáng lên

1. Sau khi lốp xe đã đủ nguội, hãy kiểm tra áp suất của từng lốp và điều chỉnh tới giá trị tiêu chuẩn.
2. Nếu đèn cảnh báo áp suất lốp không tắt đi sau vài phút, hãy kiểm tra xem áp suất của từng lốp đã ở ngưỡng tiêu chuẩn chưa và tiến hành khởi tạo. (→P.573)

n Đèn cảnh báo áp suất lốp có thể sáng lên do một số nguyên nhân tự nhiên (xe có hệ thống cảnh báp áp suất lốp)

Đèn cảnh báo áp suất lốp có thể sáng do các nguyên nhân như lốp bị non hơi tự nhiên hoặc thay đổi áp suất lốp do nhiệt độ. Trong trường hợp này, đèn cảnh báo sẽ tắt sau khi điều chỉnh lại áp suất lốp (sau một vài phút).

n Khi thay lốp xe bằng lốp dự phòng (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Lốp dự phòng này được trang bị van cảm biến. Đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ sáng lên nếu áp suất lốp dự phòng thấp. Nếu lốp bị xịt, ngay cả khi thay

lốp bị xịt bằng lốp dự phòng, đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ không tắt đi. Hãy thay lốp dự phòng bằng lốp đã được sửa chữa và điều chỉnh áp suất lốp tới mức phù hợp. Đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ tắt đi sau vài phút.

n **Hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ không hoạt động chính xác trong các điều kiện sau**

→P.570

CẢNH BÁO

n **Nếu đèn cảnh báo sáng lên hoặc chuông cảnh báo kêu khi một thông điệp cảnh báo xuất hiện trên màn hình đa thông tin**

Hãy kiểm tra và làm theo thông báo trên màn hình đa thông tin.

Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Nếu đèn cảnh báo của hệ thống ABS và hệ thống phanh đều sáng lên**

Hãy dừng xe tại vị trí an toàn và liên hệ ngay với đại lý Toyota. Xe của bạn sẽ trở nên rất mất ổn định khi phanh và hệ thống ABS có thể đã bị hỏng, có thể dẫn tới bị tai nạn gây tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

n **Khi đèn cảnh báo hệ thống lái trợ lực điện sáng (nếu có)**

Sự trợ lực lái bị hạn chế và hoạt động điều khiển vô lăng sẽ trở nên rất nặng.
Nếu vô lăng trở nên nặng hơn khi hoạt động bình thường, hãy cầm chắc vô lăng và vận hành bằng dùng lực mạnh hơn bình thường.

n **Nếu đèn cảnh báo áp suất lốp sáng (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Hãy tuân theo các lưu ý sau. Nếu không có thể dẫn đến mất lái và gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

l Hãy dừng xe tại vị trí an toàn càng sớm càng tốt. Hãy điều chỉnh áp suất lốp ngay lập tức.

CẢNH BÁO

l Nếu đèn cảnh báo áp suất lốp sáng lên sau khi đã điều chỉnh áp suất lốp, lốp xe có thể đã bị xịt hơi. Hãy kiểm tra các lốp. Nếu lốp bị xịt hơi, hãy thay bằng lốp dự phòng và sửa lốp bị thủng tại đại lý Toyota gần nhất.

l Tránh đánh lái đột ngột và phanh gấp. Nếu lốp xe bị xịt hơi, bạn có thể mất khả năng kiểm soát vô lăng hoặc phanh.

n **Nếu xe bị nổ lốp hoặc áp suất lốp giảm đột ngột (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp có thể không được kích hoạt ngay lập tức.

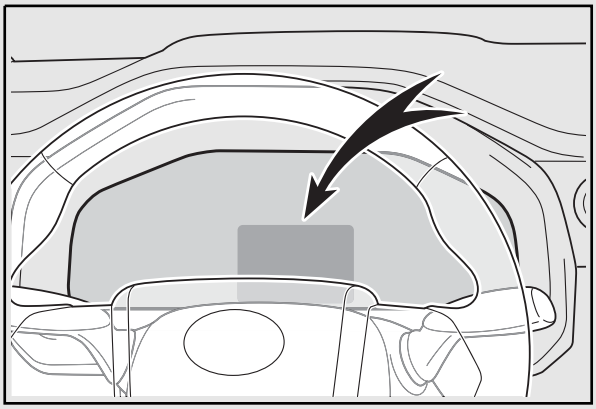
CHÚ Ý

n **Để đảm bảo hệ thống cảnh báo áp suất lốp hoạt động chính xác (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Không lắp các lốp có thông số kỹ thuật hoặc nhà sản xuất khác, vì khi đó hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ không hoạt động chính xác.

Nếu một thông điệp cảnh báo được hiển thị

Màn hình đa thông tin sẽ cho biết các cảnh báo lỗi của hệ thống, thông báo về các thao tác sử dụng sai và cho biết xe cần bảo dưỡng. Khi xuất hiện một thông báo, hãy làm theo các hướng dẫn của thông báo đó.



Nếu thông điệp cảnh báo lại xuất hiện lại sau khi đã thực hiện các biện pháp xử lý theo chỉ dẫn, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

Các thông báo và cảnh báo

Các đèn cảnh báo và chuông cảnh báo sẽ hoạt động như sau tùy vào nội dung của thông báo. Nếu một thông báo yêu cầu phải kiểm tra xe, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn ngay lập tức.

Đèn cảnh báo	Chuông cảnh báo*	Nội dung cảnh báo
—	Kêu	• Chỉ ra một tình huống quan trọng, như khi một hệ thống liên quan đến khả năng điều khiển xe đã bị lỗi hoặc cảnh báo nguy hiểm có thể xuất hiện do chưa thực hiện đúng quy trình chuẩn. • Chỉ ra về một tình huống, như khi có thể dẫn tới hư hỏng xe hoặc bị nguy hiểm
Sáng lên hoặc nhấp nháy	Kêu	Chỉ ra một tình huống quan trọng, như hệ thống đang xuất hiện trên màn hình đa thông tin có thể đã bị lỗi
—	Không kêu	• Chỉ ra về một tình huống, như khi có lỗi trong các thiết bị điện, tình trạng của các thiết bị điện hoặc thông báo nhu cầu bảo dưỡng • Chỉ ra về một tình huống, như khi thao tác không chính xác hoặc chỉ ra cách thao tác chính xác

*: Chuông báo sẽ kêu khi một thông điệp xuất hiện lần đầu trên màn hình đa thông tin.

n Các thông điệp cảnh báo

Những thông điệp cảnh báo được giải thích dưới đây có thể khác với thông điệp thực tế tùy theo các điều kiện hoạt động và các thông số kỹ thuật của xe.

n Chuông cảnh báo

Trong một số trường hợp, bạn sẽ không thể nghe thấy tiếng chuông cảnh báo do khu vực sử dụng xe quá ồn hoặc hệ thống âm thanh phát ra quá lớn.

n Nếu thông điệp chỉ ra cần đến Đại lý Toyota xuất hiện

Hệ thống hoặc chi tiết xuất hiện trên màn hình đa thông tin đã bị lỗi. Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra ngay xe giúp bạn.

n Nếu xuất hiện một thông báo về một thao tác

l Nếu xuất hiện một thông báo về thao tác với bàn đạp ga hoặc bàn đạp phanh như sau

- Một thông điệp cảnh báo về hoạt động của bàn đạp phanh xuất hiện trong khi các hệ thống hỗ trợ lái như PCS (hệ thống cảnh báo tiền va chạm) (nếu có), hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa (nếu có) đang hoạt động. Nếu một cảnh báo được hiển thị, hãy giảm tốc độ của xe hoặc làm theo hướng dẫn trên màn hình đa thông tin.
- Một thông điệp cảnh báo xuất hiện khi hệ thống kiểm soát tăng tốc ngoài ý muốn đang hoạt động. (→P.204)
- Một thông điệp cảnh báo xuất hiện khi hệ thống điều khiển Dẫn động-Khởi động (→P.209) hoạt động. Hãy làm theo các chỉ dẫn trên màn hình đa thông tin.

l Nếu xuất hiện một thông báo về thao tác của công tắc động cơ như

sau

Một hướng dẫn về thao tác với công tắc động cơ sẽ xuất hiện khi người lái thực hiện sai quy trình khởi động động cơ hoặc thao tác công tắc động cơ không chính xác. Hãy làm theo các hướng dẫn trên màn hình đa thông tin để thao tác lại với công tắc động cơ.

l Nếu xuất hiện một thông báo về thao tác với cần số như sau

Để tránh thao tác sai với cần số hoặc xe di chuyển bất ngờ, một thông báo yêu cầu thao tác với cần chuyển số có thể sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin. Trong trường hợp này, hãy làm theo hướng dẫn và chuyển cần số.

l Nếu xuất hiện một thông báo hoặc hình ảnh về trạng thái mở/đóng của chi tiết hoặc bổ sung tiêu hao như sau

Hãy xác nhận chi tiết được chỉ ra trên màn hình đa thông tin hoặc đèn cảnh báo, sau đó thực hiện thao tác xử lý như đóng lại hoặc bổ sung tiêu hao.

n **Nếu thông điệp chỉ ra cần tham khảo Hướng dẫn sử dụng xuất hiện**

l Nếu các thông báo sau xuất hiện, hãy làm theo các hướng dẫn tương ứng.

- "Nhiệt độ nước làm mát động cơ cao" (→P.640)
- “Mức AdBlue thấp Đổ đầy AdBlue Ở 2400km” (→P.563)
- "AdBlue level Low No start in 1100km" (→P.563)
- "AdBlue empty Unable to restart engine Fill up AdBlue" (→P.563)
- “DPF full" (→P.455)

l Nếu thông điệp sau xuất hiện, thì có thể có lỗi trong hệ thống.
Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

- "Nhiệt độ dầu hộp số cao Dừng lại ở vị trí an toàn Xem Hướng dẫn sử dụng"
- “Lỗi hệ thống mở khóa và khởi động thông minh”
- “Không thể giữ phanh”

l Nếu các thông điệp sau đây được hiển thị, thì có thể có lỗi trong hệ thống.
Hãy dừng xe ngay lập tức tại một địa điểm an toàn và liên lạc với đại lý Toyota để yêu cầu giúp đỡ. Sẽ rất nguy hiểm nếu vẫn tiếp tục lái xe.

- "Oil Pressure Low"
- "Braking Power Low"

l Xuất hiện thông báo "Lỗi hệ thống sạc ắc-quy 12 Volt Dừng ở nơi an toàn Xem Hướng dẫn Sử dụng"

Chỉ ra rằng đã có trục trặc trong hệ thống nạp của xe. Dừng xe lại càng sớm càng tốt khi có thể ở địa điểm an toàn.

Khi thông điệp được hiển thị, có thể hạn chế chức năng của điều hòa không khí, vv.. để giảm tiêu thụ điện của ắc quy.

n **Nếu "Chuyển sang P trước khi ra khỏi xe" được hiển thị**

Thông báo này sẽ xuất hiện khi cửa người lái được mở ra mà không tắt công tắc động cơ với cần số đang ở vị trí khác P.

Chuyển cần số tới vị trí P.

n **Nếu xuất hiện thông báo "Tự động tắt nguồn để tiết kiệm ắc quy"**

Xe đã được tắt nguồn nhờ chức năng tắt nguồn tự động.

Khi khởi động động cơ trong lần tiếp theo, hãy tăng nhẹ tốc độ động cơ và duy trì tốc độ đó khoảng 5 phút để nạp điện cho ắc quy.

n **Nếu thông điệp "Mức dầu động cơ thấp Bổ sung hoặc thay thế" hiển thị**

Mức dầu động cơ thấp. Hãy kiểm tra mức dầu động cơ và bổ sung nếu cần. (→P.551) Thông điệp cảnh báo

này có thể xuất hiện nếu xe được đỗ trên đường dốc. Lái xe đến địa điểm bằng phẳng và kiểm tra xem thông điệp có tắt không.

n Nếu thông điệp "Cần bảo dưỡng bằng dầu sớm" xuất hiện (nếu có)

Chỉ ra rằng dầu động cơ đã đến kỳ cần được thay thế.

Hãy kiểm tra dầu động cơ và thay dầu nếu cần. Sau khi thay dầu, chắc chắn đã cài đặt thông báo. (→P.552)

n Nếu thông điệp "Cần bảo dưỡng dầu" xuất hiện (nếu có)

Chỉ ra rằng bạn nên thay dầu động cơ.

Kiểm tra và thay dầu động cơ, lọc dầu tại đại lý Toyota. Sau khi thay dầu động cơ, hãy đặt lại thông báo. (→P.552)

n Nếu "CẦN PHỤC HỒI TOÀN BỘ DPF BẰNG TAY XEM HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG" được hiển thị

Lượng muội than tích tụ trong bộ lọc cần được tái tạo.

→P.455

n Nếu thông điệp "Đang tiến hành Phục hồi DPF" được hiển thị

Sự tái tạo đang thực hiện tự động bởi hệ thống DPF.

→P.455

n Nếu thông báo "Không có Hỗ trợ Đỗ xe Cảm biến Bị chặn" xuất hiện trên màn hình đa thông tin

Cảm biến bị che phủ bởi nước, đá, tuyết, bụi bẩn,... Hãy làm sạch chúng khỏi cảm biến, thì hệ thống sẽ trở về bình thường.

Ngoài ra, do băng đã bám lên cảm biến với nhiệt độ thấp, thông điệp cảnh báo có thể được hiển thị hoặc cảm biến không thể phát hiện được vật thể. Sau khi băng tan, hệ thống sẽ trở về bình thường.

Nếu cảm biến bị bẩn, vị trí của cảm biến đang bị bẩn sẽ được hiển thị trên màn hình.

Nếu một hiện tượng bất thường xuất hiện ngay cả khi không có nước, đá, tuyết hoặc bụi bẩn, có thể cảm biến đang hoạt động bất thường. Hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n Nếu xuất hiện thông báo "Hỗ trợ Đỗ xe Không khả dụng Tầm nhìn Kém Xem Hướng dẫn Sử dụng"

Chỉ ra một trong các hệ thống sau đây bị vô hiệu hóa.

- RCD (Phát hiện bằng camera phía sau) (nếu có)
- PKSB (Hệ thống phanh hỗ trợ đỗ xe) (nếu có)

Hãy lau sạch bụi bẩn hoặc tạp chất ra khỏi các camera sau.

n Nếu xuất hiện thông báo "Lỗi Hệ thống Đến đại lý của bạn"

Chỉ ra một trong các hệ thống sau đây bị vô hiệu hóa.

- Hệ thống cảnh báo tiền va chạm (PCS) (nếu có)
- LDA (Cảnh báo lệch làn) (nếu có)
- LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có)
- AHB (Chiếu xa tự động) (nếu có)
- AHS (Hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu của đèn pha) (nếu có)
- Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có)
- RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) (nếu có)
- BSM (Theo dõi điểm mù) (nếu có)
- RCTA (cảnh báo có phương

tiện chạy cắt ngang phía sau) (nếu có)

- Hỗ trợ rời khỏi xe an toàn (nếu có)
- Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (nếu có)
- PKSB (Hệ thống phanh hỗ trợ đỗ xe) (nếu có)
- RCD (Phát hiện bằng camera phía sau) (nếu có)

Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n **Nếu xuất hiện thông báo "Đã dừng Hệ thốngXem Hướng dẫn Sử dụng"**

Chỉ ra một trong các hệ thống sau đây bị vô hiệu hóa.

Kiểm tra biểu tượng hiển thị, và hãy làm theo các giải pháp khắc phục sau đây.

- Hệ thống cảnh báo tiền va chạm (PCS) (nếu có)
- LDA (Cảnh báo lệch làn) (nếu có)
- LTA (Hỗ trợ bám làn đường)
- AHB (Chiếu xa tự động) (nếu có)
- AHS (Hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu của đèn pha) (nếu có)
- Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có)
- RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) (nếu có)
- BSM (Theo dõi điểm mù) (nếu có)
- RCTA (cảnh báo có phương tiện chạy cắt ngang phía sau) (nếu có)
- Hỗ trợ rời khỏi xe an toàn (nếu có)
- Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (nếu có)
- PKSB (Hệ thống phanh hỗ trợ đỗ xe) (nếu có)
- RCD (Phát hiện bằng camera phía sau) (nếu có)

Hãy làm theo các giải pháp khắc phục sau đây.

- Hãy kiểm tra điện áp của ắc quy
- Kiểm tra các cảm biến của hệ thống cảm nhận an toàn của Toyota xem có bị tạp chất che khuất không. Hãy loại bỏ tạp chất nếu có. (→P.271)
- Các xe có hệ thống RCD: Hãy kiểm tra xem cửa hậu có đang để mở không.
- Kiểm tra những tình huống có thể làm cho các cảm biến hoạt động không chính xác, và cải thiện tình huống nếu có thể. (→P.329, 331, 334, 336, 341, 345, 351, 355)
- Hãy kiểm tra xem có tạp chất nào dính trên cản sau gần cảm biến ra đa hay không và loại bỏ chúng nếu có. (→P.326)
- Kiểm tra các cảm biến, bao gồm cả các cảm biến camera để xem có bị tạp chất che khuất không. Hãy loại bỏ tạp chất nếu có. (→P.342)
- Khi đã xử lý xong các vấn đề và các cảm biến đã hoạt động trở lại, thì chỉ báo này có thể sẽ tự biến mất.

n **Nếu xuất hiện thông báo "Đã dừng Hệ thống Camera trước có tầm nhìn kém Xem Hướng dẫn Sử dụng"**

Chỉ ra một trong các hệ thống sau đây bị vô hiệu hóa.

- Hệ thống cảnh báo tiền va chạm (PCS) (nếu có)
- LDA (Cảnh báo lệch làn) (nếu có)
- LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có)
- AHB (Chiếu xa tự động) (nếu có)
- AHS (Hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu của đèn pha) (nếu có)
- Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có)
- RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) (nếu có)

Hãy làm theo các giải pháp khắc phục sau đây.

- Sử dụng cần gạt nước kính chắn gió, gạt sạch hết bụi bẩn bám trên kính chắn gió.
- Sử dụng hệ thống điều hòa không khí, sấy khô kính chắn gió.
- Đóng nắp ca pô, bóc hết các sticker... để loại bỏ hết các vật cản phía trước camera phía trước.

n Nếu thông điệp "Đã dừng Hệ thống HT Cam trước Nằm ngoài dải n.độ Chờ đến khi nhiệt độ bình thường" được hiển thị.

Chỉ ra một trong các hệ thống sau đây bị vô hiệu hóa.

- Hệ thống cảnh báo tiền va chạm (PCS) (nếu có)
- LDA (Cảnh báo lệch làn) (nếu có)
- LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có)
- AHB (Chiếu xa tự động) (nếu có)
- AHS (Hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu của đèn pha) (nếu có)
- Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có)
- RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) (nếu có)

Hãy làm theo các giải pháp khắc phục sau đây.

- Nếu camera phía trước bị nóng, chẳng hạn như sau khi xe đỗ dưới trời nắng, hãy sử dụng hệ thống điều hòa để làm giảm nhiệt độ xung quanh camera phía trước
- Nếu sử dụng tấm chắn nắng khi đỗ xe, tùy thuộc vào kiểu tấm chắn nắng, mà ánh sáng mặt trời phản chiếu từ bề mặt tấm chắn nắng có thể sẽ khiến cho nhiệt độ của camera phía trước tăng cao quá mức.
- Nếu camera phía trước bị lạnh, chẳng hạn như sau khi đỗ xe ở nơi có nhiệt độ quá thấp, hãy sử dụng hệ thống điều hòa để tăng nhiệt độ xung quanh camera phía trước

n Nếu xuất hiện thông báo "Đã dừng Hệ thốngCảm biến Ra-đa Trước bị chặn Vệ sinh Cảm biến Ra-đa"

Chỉ ra một trong các hệ thống sau đây bị vô hiệu hóa.

- Hệ thống cảnh báo tiền va chạm (PCS) (nếu có)
- LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có)
- Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có)

Hãy làm theo các giải pháp khắc phục sau đây.

- Hãy kiểm tra xem có tạp chất nào dính trên cảm biến ra đa hoặc nắp che cảm biến ra đa hay không và vệ sinh chúng nếu cần thiết. (→P.272)
- Thông báo này có thể sẽ xuất hiện

khi lái xe trong khu vực thông thoáng với ít xe cộ hoặc công trình gần đó, chẳng hạn như trên sa mạc, đồng cỏ, vùng ngoại ô, vv…
Có thể tắt thông báo này bằng cách điều khiển xe ở khu vực có công trình, xe cộ… ở gần.

n **Nếu thông điệp "Đã dừng Hệ thống C.biến Ra-đa Trước ngoài dải n.độ Chờ đến khi nhiệt độ bình thường" được hiển thị.**

Chỉ ra một trong các hệ thống sau đây bị vô hiệu hóa.

l Hệ thống cảnh báo tiền va chạm (PCS) (nếu có)

l LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có)

l Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có)

Nhiệt độ của cảm biến ra đa nằm ngoài phạm vi hoạt động. Hãy đợi cho đến khi nhiệt độ trở lại giá trị thích hợp.

n **Nếu xuất hiện thông báo "Đã dừng Hệ thống Ra-đa Trước Đang tự hiệu chuẩn Xem Hướng dẫn Sử dụng"**

Chỉ ra một trong các hệ thống sau đây bị vô hiệu hóa.

l Hệ thống cảnh báo tiền va chạm (PCS) (nếu có)

l LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có)

l Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có)

Hãy làm theo các giải pháp khắc phục sau đây.

- Hãy kiểm tra xem có tạp chất nào dính trên cảm biến ra đa hoặc nắp che cảm biến ra đa hay không và vệ sinh chúng nếu cần thiết. (→P.272)
- Cảm biến ra đa có thể đã bị lệch và sẽ được điều chỉnh tự động khi lái xe. Hãy tiếp tục lái xe thêm một lúc.

n **Nếu xuất hiện thông báo "Điều khiển Ga tự độngKhông khả dụngXem HDSD"**

Chỉ ra một trong các hệ thống sau đây bị vô hiệu hóa.

l Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có)

l Điều khiển chạy tự động

Một thông điệp được khiển thị khi ấn lặp đi lặp lại công tắc hỗ trợ lái.

Ấn nhanh và dứt khoát công tắc hỗ trợ lái.

n **Nếu một thông báo sau được hiển thị, hãy thực hiện các bước xử lý tương ứng và đảm bảo rằng thông báo sẽ không hiển thị nữa.**

- “Drive Mode Select không khả dụng Xem Hướng dẫn sử dụng” (→P.436)
- "DAC không khả dụng Xem Hướng dẫn sử dụng" (→P.452)
- “CRAWL không khả dụng Xem Hướng dẫn sử dụng” (→P.446)
- "MTS không khả dụng Xem Hướng dẫn sử dụng" (→P.449)
- “Turn Assist Không khả dụng K.tra Đ.kiện Vận hành HT” (→P.448)
- “Turn Assist không khả dụng kích hoạt \CRAWL" (→P.445)

n **Nếu thông điệp "Vượt quá giới hạn tốc độ" xuất hiện (trên một số kiểu xe)**

Tốc độ xe đã đạt hoặc vượt quá 120km/h. Tại thời điểm này, chuông báo sẽ kêu. Chuông sẽ ngừng kêu sau 6 giây hoặc nếu bạn giảm tốc xuống dưới 120 km/h. Hãy giảm tốc độ của xe.

CẢNH BÁO

n **Nếu đèn cảnh báo sáng lên hoặc chuông cảnh báo kêu khi một thông điệp cảnh báo xuất hiện trên màn hình đa thông tin**

Hãy kiểm tra và làm theo thông báo trên màn hình đa thông tin. Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

CHÚ Ý

n **Khi xuất hiện cảnh báo mức dầu động cơ thấp**

Tiếp tục cho động cơ hoạt động khi mức dầu động cơ thấp sẽ làm hỏng động cơ.

Nếu xe bị xịt lốp

Xe có trang bị lốp dự phòng. Hãy thay lốp bị xịt hơi bằng lốp dự phòng.
Để biết thêm thông tin chi tiết về lốp: →P.568

CẢNH BÁO

n **Nếu xe bị xịt lốp**

Không được tiếp tục lái xe với lốp bị xịt.

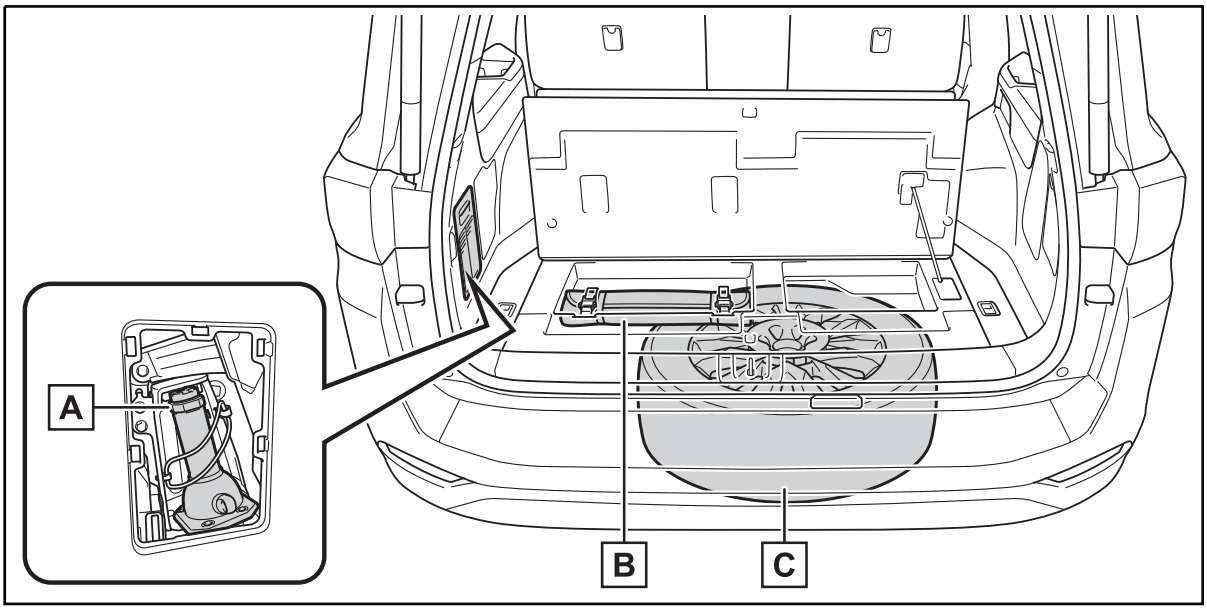
Lái xe với lốp xịt kể cả chỉ trên một đoạn đường ngắn cũng có thể sẽ làm cho lốp xe và vành xe bị hỏng nặng tới mức không sửa chữa được.

Trước khi kích xe lên

- Hãy dừng xe tại vị trí an toàn, trên bề mặt cứng và phẳng.
- Gài phanh đỗ.
- Chuyển cần số tới vị trí P.
- Hãy tắt cảm biến xâm nhập và cảm biến nghiêng (nếu có) (→P.75)
- Tắt động cơ.
- Bật các đèn nháy khẩn cấp. (→P.594)

Vị trí của lốp dự phòng, kích và các dụng cụ

▶ Kiểu xe 5 ghế

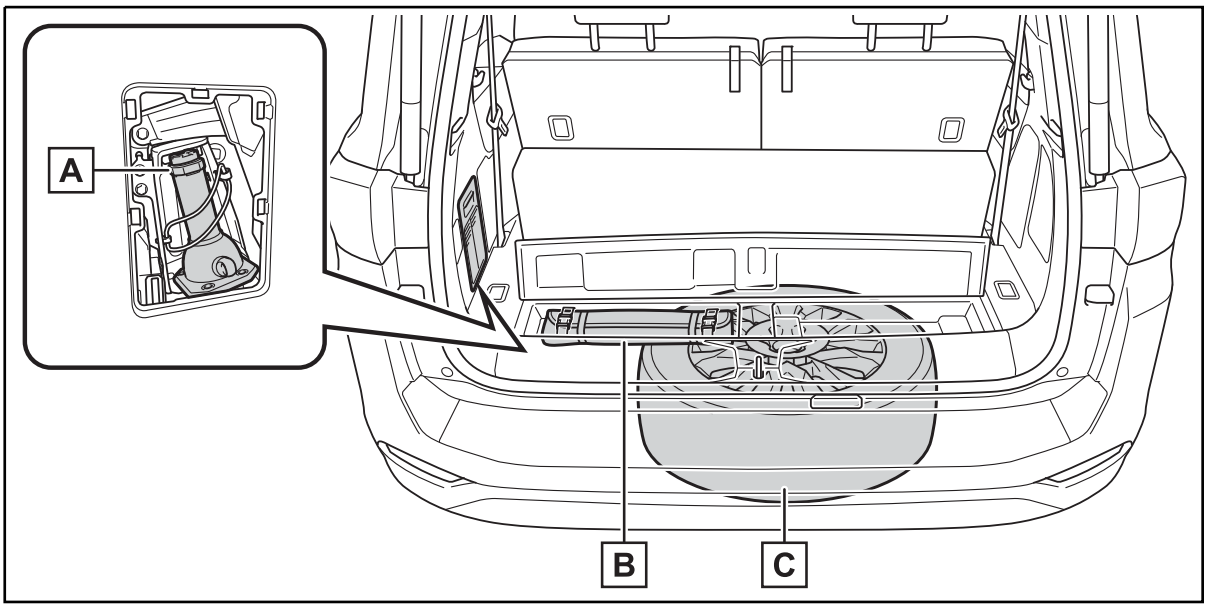


A Kích

B Túi dụng cụ

C Lốp dự phòng

▶ Kiểu xe 7 ghế

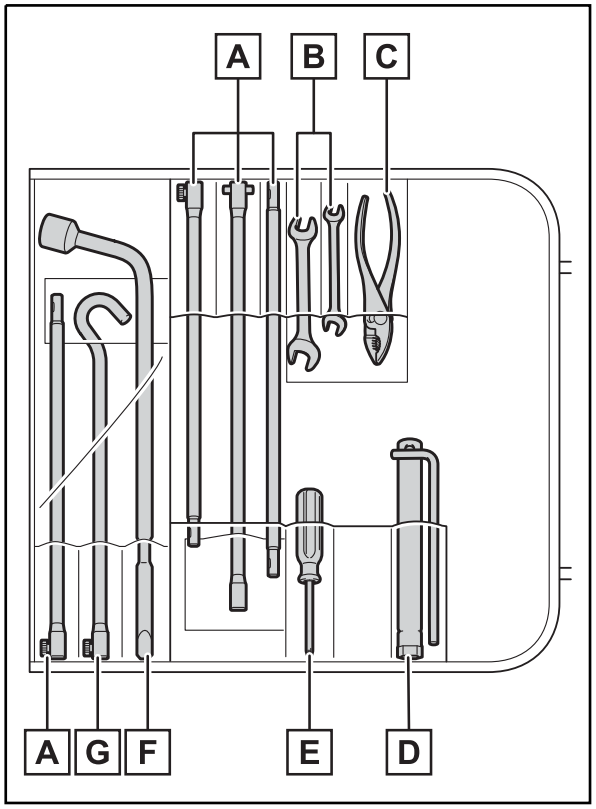


A Kích

B Túi dụng cụ

C Lốp dự phòng

Dụng cụ



A Thanh nối tay quay kích

B Cờ lê

C Kìm

D Cờ lê lắp bugi (nếu có)

E Tô vít

F Cờ lê đai ốc lốp

G Tay quay kích

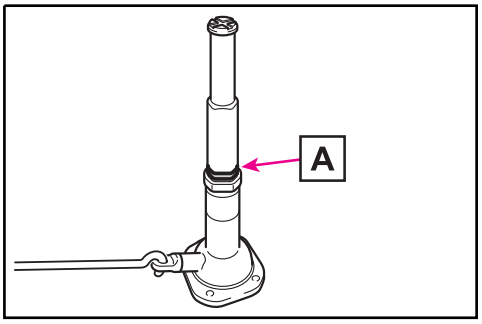
CẢNH BÁO

n **Sử dụng kích lốp**

Hãy tuân theo các chú ý sau.

Sử dụng kích không đúng cách có thể gây tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng do xe bất ngờ rơi khỏi kích.

- Không được sử dụng kích vào mục đích nào khác ngoài việc dùng để thay lốp hoặc để lắp và tháo xích quấn lốp.
- Chỉ dùng kích của chính xe bị xịt lốp để thay lốp bị xịt.
  Không dùng kích này trên bất kỳ xe nào khác và cũng không được sử dụng kích của xe khác trên xe này.
- Hãy đặt kích vào đúng vị trí kích.
- Không để bất kỳ phần cơ thể nào dưới xe đang được đỡ bởi kích.
- Không khởi động động cơ hoặc lái xe trong khi xe đang được đỡ bởi kích.
- Không nâng xe lên khi đang có người bên trong xe.
- Khi đang nâng xe lên, không được để vật gì bên trên hoặc bên dưới kích.
- Không được nâng xe lên cao quá mức cần thiết để thay thế lốp.
- Không được kích xe lên thêm khi vạch cảnh báo màu vàng A xuất hiện.



- Nếu cần thiết, hãy sử dụng giá đỡ để kê dưới gầm xe.

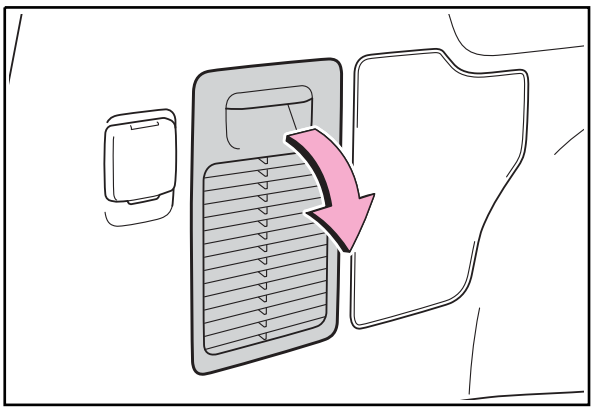
Hãy hết sức chú ý khi hạ xe xuống để đảm bảo không làm bị thương người đang làm việc trên hoặc gần xe.

n **Sử dụng tay quay kích**

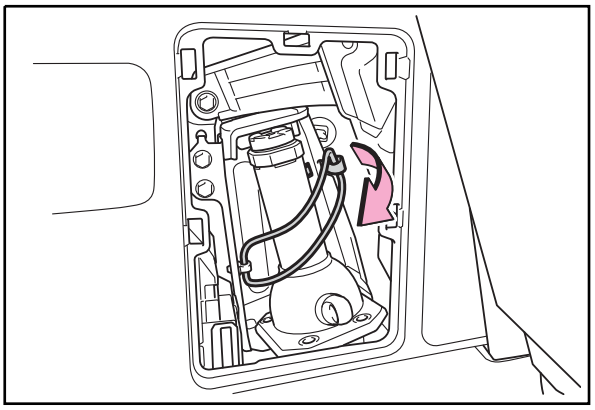
Siết chặt tất cả các bu lông bắt tay kích một cách chắc chắn bằng cờ lê bắt đai ốc bánh xe, để tránh àm phần tay nối dài bị bất ngờ tuột ra.

Lấy kích ra

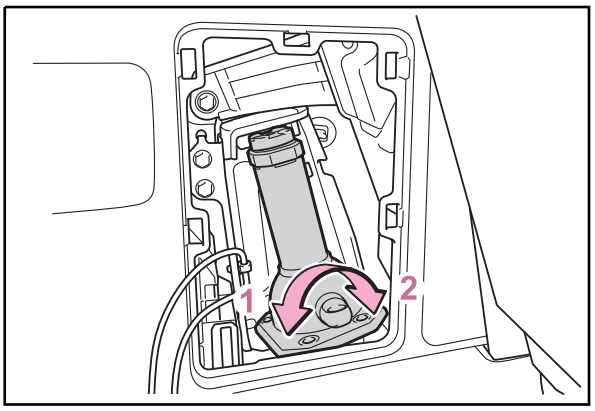
1 Tháo nắp che.



2 Tháo dây cao su.



3 Lấy kích ra.



1 Nới lỏng

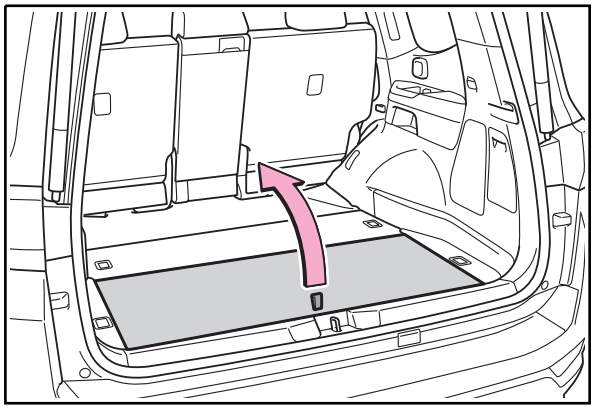
2 Siết chặt

Sau khi sử dụng kích, hãy lắp kích theo thứ tự ngược lại với khi tháo kích. Hơn nữa, kích cần được bắt chắc chắn bằng dây cao su.

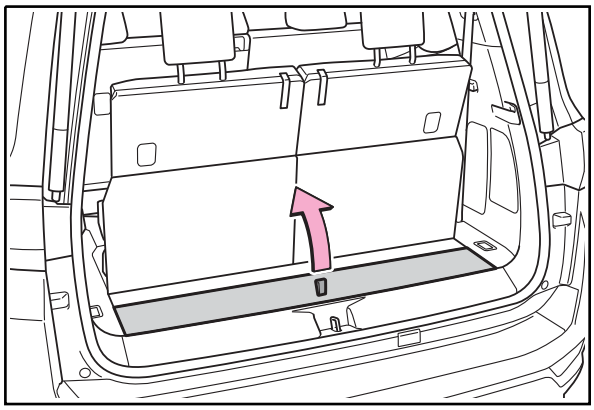
Lấy túi đựng dụng cụ ra

1 Nhấc tấm che lên.

▶ Kiểu xe 5 ghế

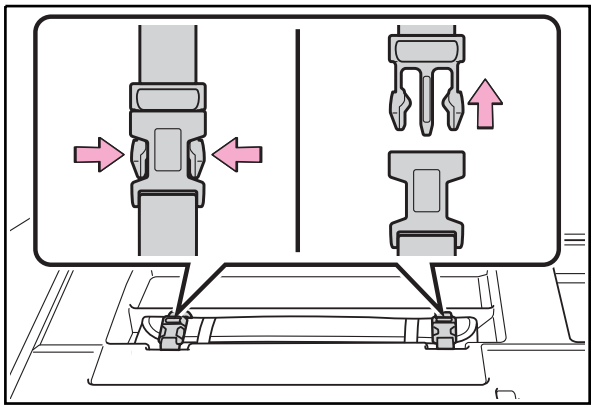


▶ Kiểu xe 7 ghế

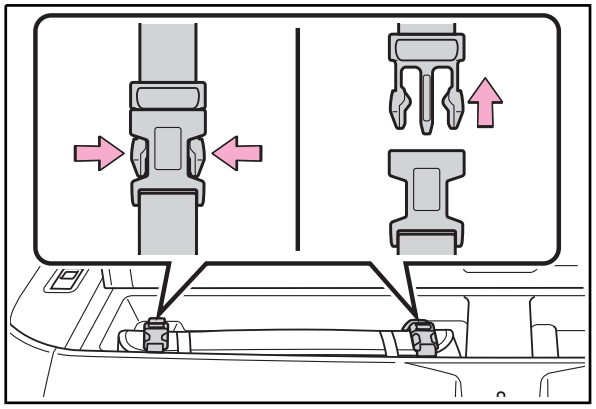


2 Lấy túi đựng dụng cụ ra.

▶ Kiểu xe 5 ghế



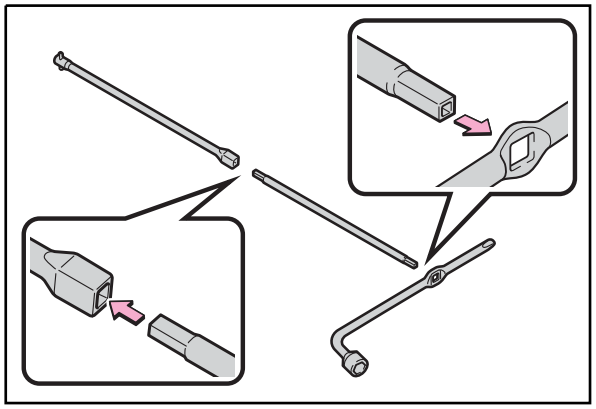
▶ Kiểu xe 7 ghế



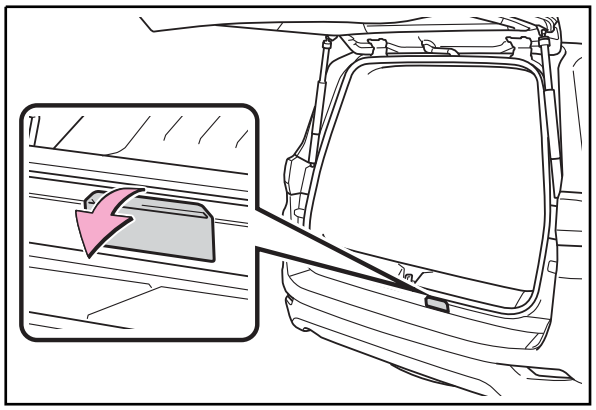
Lấy lốp dự phòng ra

1 Nối tay quay kích.

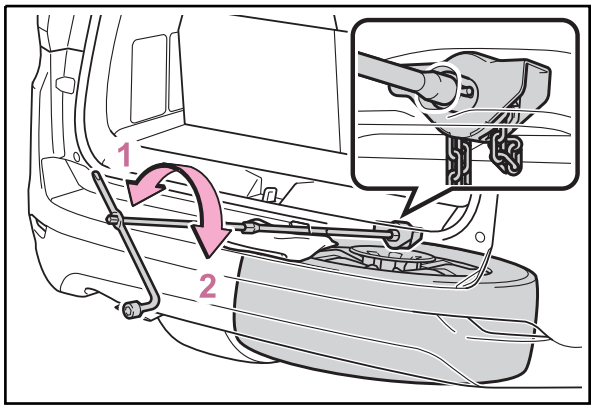
Lấy thanh nối tay quay kích và cờ lê đai ốc lốp ra khỏi túi đựng dụng cụ và lắp theo các bước sau.



2 Tháo nắp che.



3 Cắm đầu tay quay kích vào vít hạ lốp.

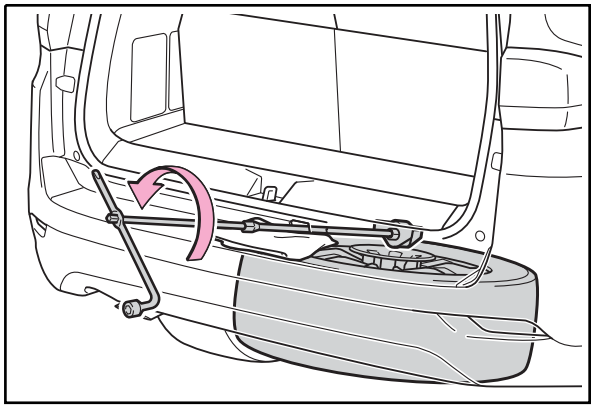


1 Hạ xuống

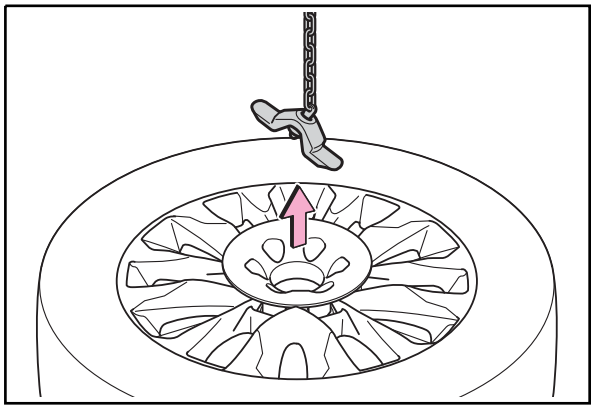
2 Nâng lên

Đặt một miếng giẻ mềm ở phía dưới tay quay kích nối dài để bảo vệ cản xe.

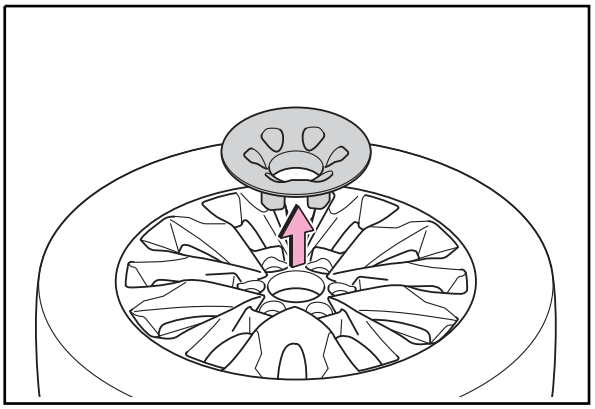
4 Hạ hẳn bánh xe dự phòng xuống đất.



5 Kéo bánh xe dự phòng ra khỏi gầm xe và tháo giá giữ bánh xe dự phòng.

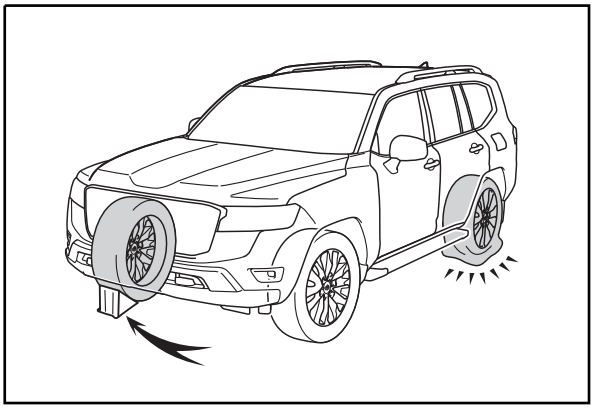


6 Xe có vành nhôm: Tháo nắp che lốp dự phòng.



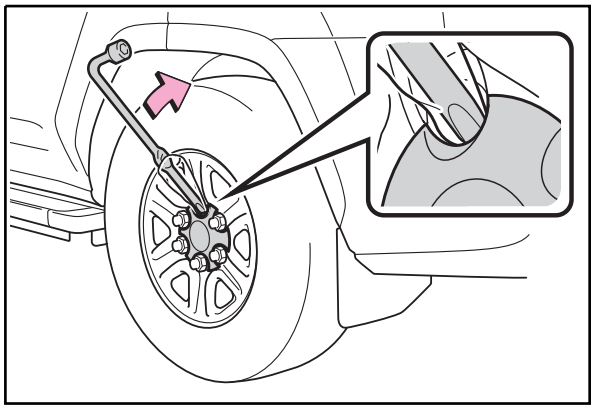
Thay lốp bị xịt hơi

1 Chèn các lốp xe

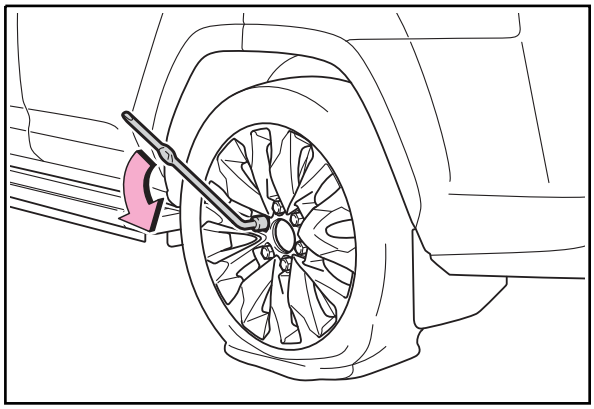


Lốp bị xịt hơi	Vị trí chèn bánh xe
Phía trước bên trái	Phía sau lốp sau bên phải
Phía trước bên phải	Phía sau lốp sau bên trái
Phía sau bên trái	Phía trước lốp trước bên phải
Phía sau bên phải	Phía trước lốp trước bên trái

2 Xe có vành thép: Sử dụng đầu dẹt của dụng cụ tháo nắp chụp bánh xe để nạy nắp chụp bánh xe ra như trên hình vẽ.

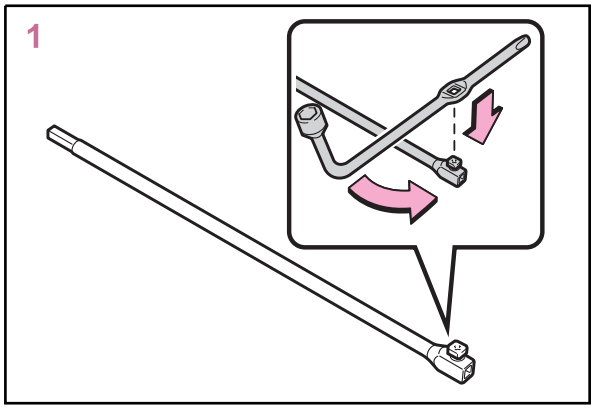


3 Nới lỏng nhẹ các đai ốc lốp (một vòng).



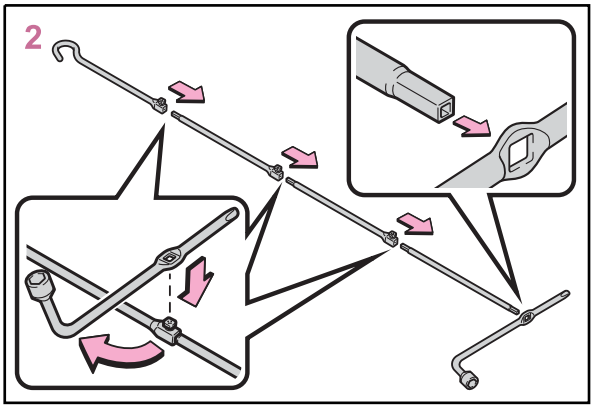
4 Nối tay quay kích.

Lấy tay quay kích, thanh nối tay quay kích và cờ lê đai ốc lốp ra khỏi túi đựng dụng cụ và lắp theo các bước sau.



1 Nới lỏng bu lông bằng cờ lê

đai ốc lốp.

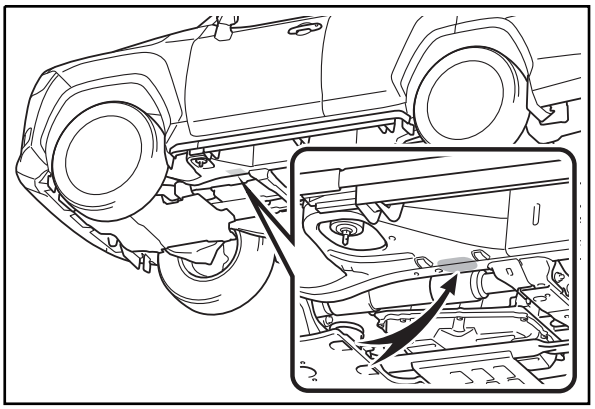


2 Lắp tay quay kích, thanh nối tay quay kích và cờ lê đai ốc lốp và siết chặt các bu lông.

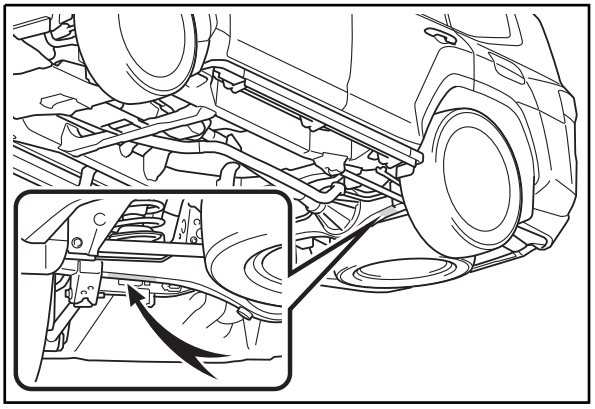
Kiểm tra rằng các bulông đã được xiết chặt.

5 Đặt kích tại vị trí như trong hình minh họa.

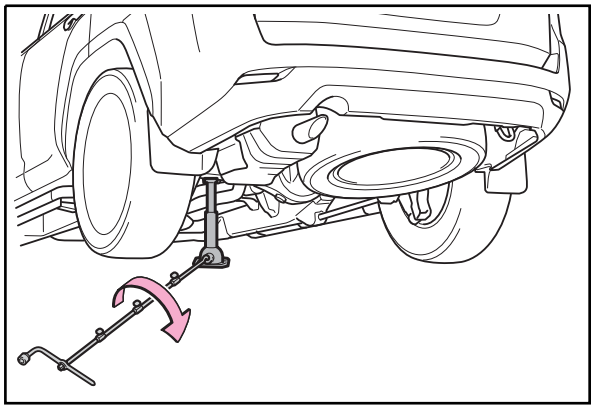
▶ Phía trước



▶ Phía sau

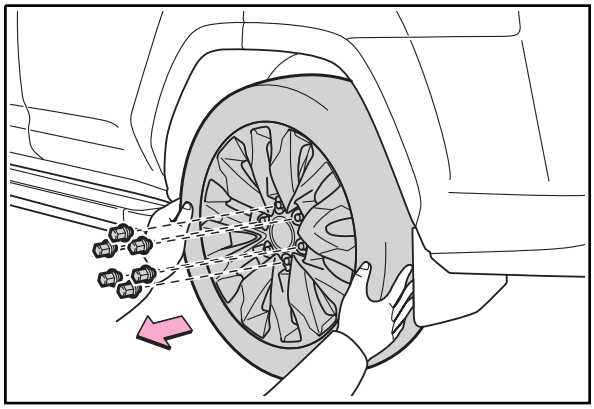


6 Hãy nâng xe lên cho tới khi bánh xe hơi nhấc lên khỏi mặt đất.



7 Tháo tất cả các đai ốc lốp và tháo lốp.

Khi đặt bánh xe xuống đất, hãy đặt sao cho mặt ngoài của bánh xe được hướng lên trên nhằm tránh làm xước bề mặt vành xe.



⚠ CẢNH BÁO

n **Thay lốp bị xịt hơi**

l Không chạm vào đĩa phanh hoặc khu vực xung quanh phanh ngay sau khi lái xe.
Sau khi lái xe, các đĩa phanh và khu vực xung quanh của hệ thống phanh sẽ rất nóng. Bạn có thể sẽ bị bỏng nếu chạm tay trần, chân hoặc các phần cơ thể khác vào các vị trí đó khi thay lốp…

l Hãy tuân theo các chú ý sau đây. Nếu không, có thể sẽ gây chấn thương nghiêm trọng:

CẢNH BÁO

- Hạ hoàn toàn lốp dự phòng xuống đất trước khi kéo nó ra khỏi xe.
- Không cố tháo nắp chụp bánh xe bằng tay. Hãy cẩn thận khi thao tác với nắp chụp bánh xe để tránh bị thương.
- Nếu không tuân theo các lưu ý trên có thể làm cho các đai ốc lốp bị lỏng và bánh xe có thể sẽ bị rơi ra, dẫn tới tai nạn gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.
- Sau khi thay lốp xe, hãy kiểm tra lực xiết càng sớm càng tốt.
  Lực xiết đai ốc lốp (vành thép): 209 N m
  Lực xiết đai ốc lốp (vành nhôm): 131 N m
- Khi lắp lốp, chỉ sử dụng đai ốc lốp được thiết kế đặc biệt cho loại lốp đó.
- Nếu bu lông moay ơ, đai ốc hoặc các lỗ bu lông của vành xe bị nứt hoặc biến dạng, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.
- Không gắn tấm ốp vành xe đã bị hỏng nặng do nó có thể sẽ bị văng ra ngoài khi xe đang di chuyển.
- Khi lắp đai ốc lốp, hãy đảm bảo rằng đầu vát của đai ốc lốp hướng về phía trong khi lắp đai ốc lốp.

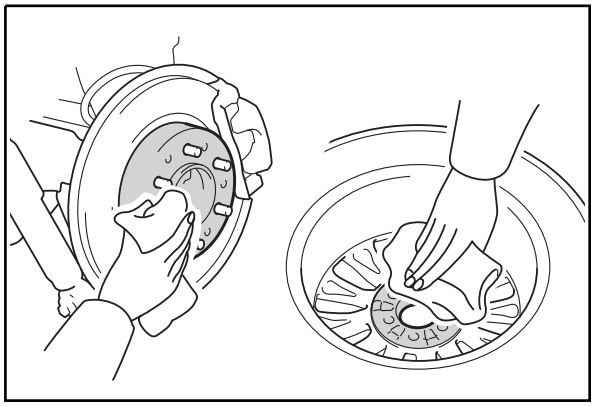
Thay lốp bị xịt hơi cho xe có cửa hậu điều khiển điện

Trường hợp thay lốp, chắc chắn phải vô hiệu hóa hệ thống cửa hậu điều khiển điện. (→P.159) Nếu không, có thể sẽ làm cho cửa hậu bất ngờ hoạt động nếu bạn vô tình chạm vào công tắc cửa hậu điều khiển điện, tay bạn có thể bị kẹp và chấn thương.

Lắp lốp dự phòng

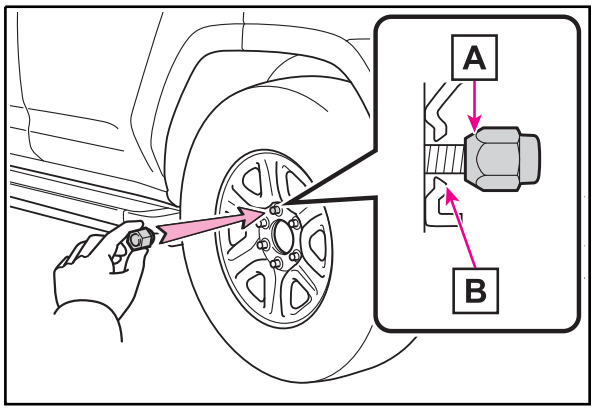
1 Lau sạch toàn bộ bụi bẩn bám trên bề mặt tiếp xúc của vành và moay ơ.

Nếu có bụi bẩn bám trên bề mặt tiếp xúc của vành xe, thì các đai ốc lốp có thể sẽ bị lỏng ra khi xe chuyển động, và lốp có thể bị rơi ra khỏi xe.



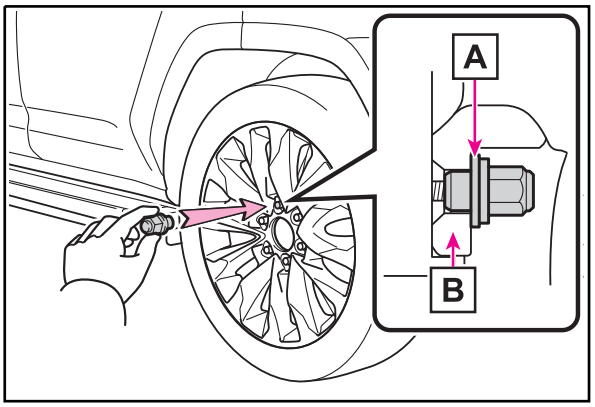
2 Lắp lốp dự phòng, xiết nhẹ từng đai ốc bằng tay với lực tương đương nhau.

Khi thay vành nhôm bằng vành thép, hãy siết các đai ốc lốp cho tới khi phần mặt côn **A** của đai ốc tiếp xúc lỏng với bề mặt vành xe **B**.

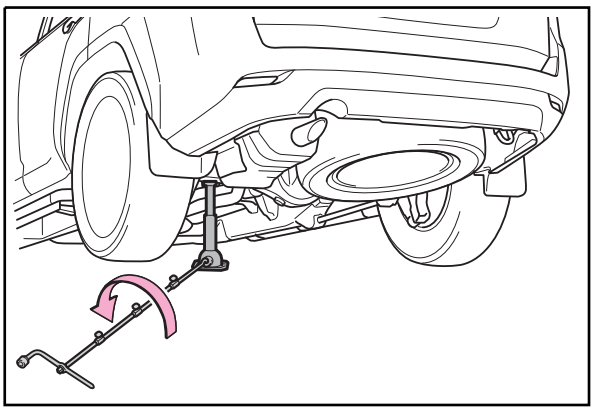


Khi thay vành nhôm bằng vành thép, hãy siết các đai ốc lốp cho tới khi các vòng đệm **A** tiếp xúc với vành xe

B .

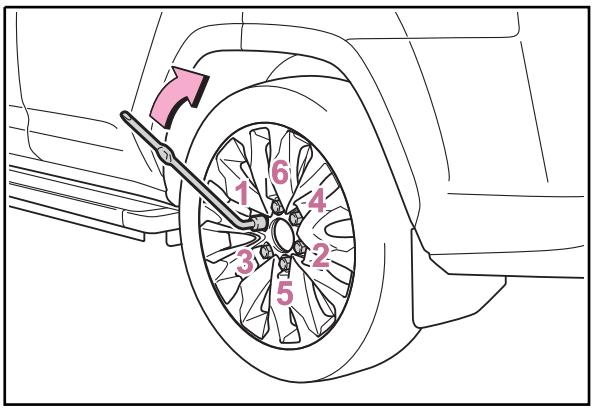


3 Hạ xe xuống.



4 Xiết chặt hoàn toàn các đai ốc lốp từ hai tới ba lần theo thứ tự như trên hình vẽ bằng cờ lê bắt ốc lốp.

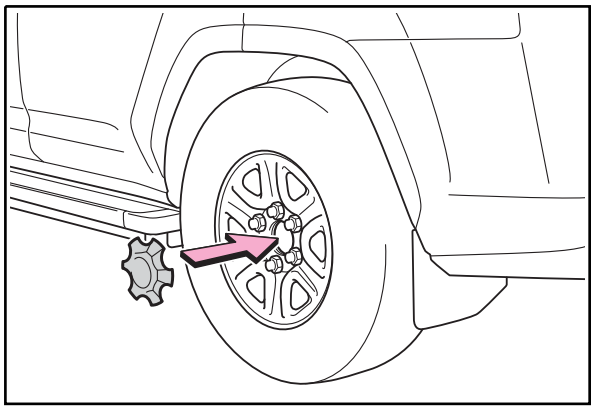
Mômen xiết:
Vành sắt
209 N m
Vành nhôm
131 N m



5 Lắp lại nắp chụp vành xe.

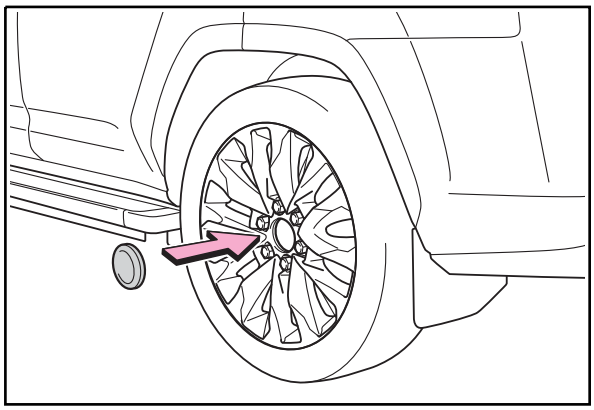
▶ Xe có vành thép

Lắp lại nắp chụp vành xe.



▶ Xe có vành nhôm

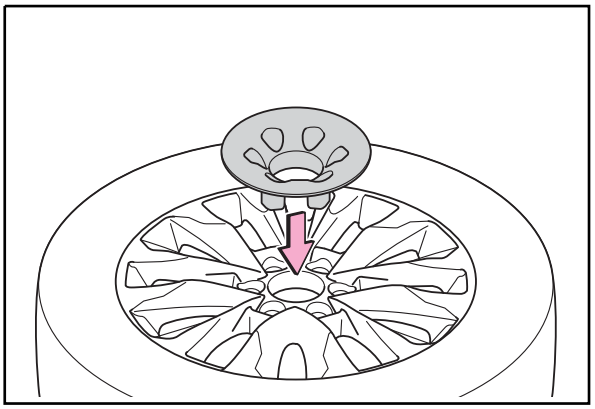
Tháo nắp chụp bánh xe ra khỏi lốp bị xịt bằng cách đẩy từ phía trong và lắp lại.



Cất gọn lốp bị xịt/bánh xe dự phòng, kích và các dụng cụ

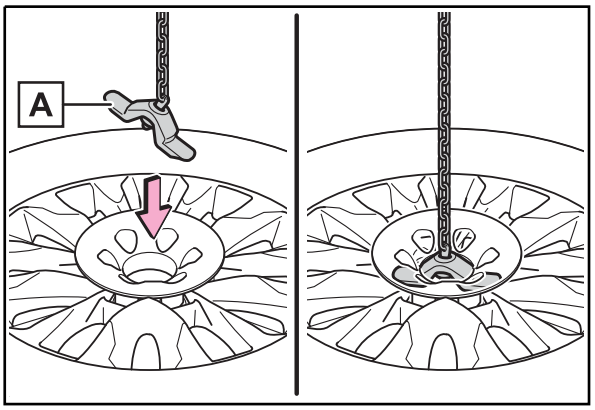
1 Đặt lốp nằm xuống với thân van lốp hướng lên trên.

2 Vành nhôm: Hãy lắp nắp che lốp dự phòng.



3 Lắp giá bắt A . Xoay tay quay kích nối dài theo chiều kim đồng hồ để cuốn xích lại.

Sau đó, hãy kiểm tra để đảm bảo rằng vấu hãm đã nằm trong lỗ của đai ốc lốp và giá bắt lốp dự phòng đã nằm ở tâm của moayơ bánh xe.



4 Nâng lốp lên.

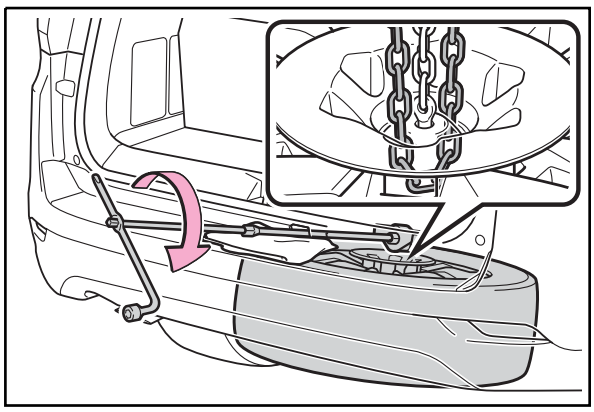
Đặt một miếng giẻ mềm ở phía dưới tay quay kích nối dài để bảo vệ cản xe.

Trong khi kéo lốp lên, hãy cố định lốp dưới gầm xe, hãy đảm bảo rằng lốp xe được nhấc thẳng lên và không bị vướng vào các chi tiết xung quanh để tránh làm cho lốp bị văng về phía trước khi xe bị tai nạn hoặc phanh gấp.

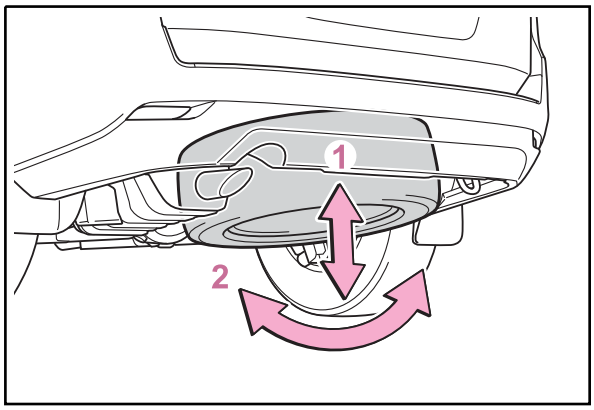
Sau khi nâng lốp lên nửa chừng, hãy kiểm tra rằng bạn có thể luồn xích treo lốp vào lỗ lốp, để cất gọn phù hợp.

Mômen xiết:

47 N m



5 Hãy xác nhận rằng lốp xe đã được cố định chắc chắn sau khi xiết:



1 Đẩy và kéo lốp

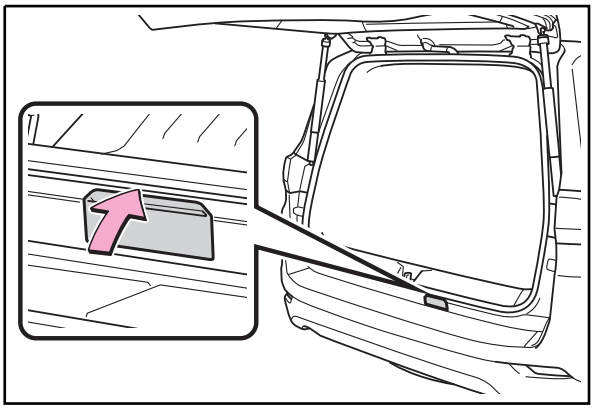
2 Thử xoay lốp

Hãy kiểm tra bằng cách quan sát để đảm bảo rằng lốp xe không bị vướng vào các chi tiết xung quanh.

Nếu lốp xe bị lỏng hoặc bị lệch, hãy làm lại bước số 4 và bước số 5.

6 Hãy làm lại bước 5 mỗi khi điều chỉnh hoặc hạ lốp xuống.

7 Lắp nắp như trong hình minh họa.



8 Hãy cất túi dụng cụ và kích một cách chắc chắn.

n **Sau khi thay lốp xong (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp phải được cài đặt lại. (→P.569)

CẢNH BÁO

n **Cất lốp bị xịt hơi**

Nếu không tuân thủ theo các bước sau để cất lốp bị xịt hơi, thì có thể sẽ làm hỏng giá bắt lốp dự phòng và làm mất lốp, dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Sau khi sử dụng các dụng cụ và kích**

Trước khi lái xe, hãy đảm bảo rằng tất cả các dụng cụ và kích đã được cố định chắc chắn để tránh bị chấn thương khi xe bị va chạm hay phanh gấp.

CHÚ Ý

n **Khi cất lốp bị xịt hơi**

Hãy đảm bảo rằng không có vật nào bị mắc kẹt giữa lốp xe và phía dưới gầm xe.

n **Khi thay lốp (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Khi tháo hoặc lắp các vành xe, lốp hoặc van cảm biến áp suất lốp, hãy liên hệ với đại lý Toyota bởi van cảm biến có thể bị hỏng nếu thao tác không chính xác.

n **Để tránh làm hỏng van cảm biến (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Khi sửa lốp xe bằng keo làm kín, van cảm biến áp suất lốp có thể sẽ không hoạt động chính xác. Nếu sử dụng keo, hãy liên hệ với đại lý Toyota hoặc trạm dịch vụ ủy quyền sớm nhất có thể. Hãy thay mới van cảm biến áp suất lốp khi thay thế lốp. (→P.571)

Nếu động cơ không khởi động được

Nếu động cơ không khởi động được ngay cả khi đã thực hiện đúng các quy trình khởi động chuẩn (→P.229), hãy xem xét từng trường hợp sau:

Động cơ không khởi động được kể cả khi môtơ khởi động vẫn làm việc bình thường

Một trong những nguyên nhân sau có thể dẫn đến trục trặc:

- Có thể trong bình nhiên liệu đang bị thiếu nhiên liệu.
  Động cơ xăng:
  Hãy nạp nhiên liệu cho xe.
  Động cơ Diesel: →P.643
- Động cơ có thể đã bị sặc xăng. Hãy thử khởi động lại động cơ một lần nữa theo quy trình chuẩn. (→P.229)
- Có thể đã có trục trặc trong hệ thống mã hóa khóa động cơ. (→P.71)

Môtơ máy khởi động quay chậm, các đèn trong xe và đèn pha bị tối hoặc còi xe không kêu hay kêu bé

Một trong những nguyên nhân sau có thể dẫn đến trục trặc:

- Ắc quy bị hết điện. (→P.635)
- Cáp nối ắc quy bị lỏng hoặc bị ăn mòn.

Môtơ máy khởi động không quay

- Xe có hệ thống xác thực vân tay: Khi hệ thống xác thực vân tay bật, việc xác thực vân tay có thể bị lỗi hoặc cảm biến vân tay đang bị hư hỏng. (→P.77)
- Hệ thống khởi động động cơ có thể đã bị hư hỏng do một vấn đề về điện như hở mạch hoặc cháy cầu chì. Tuy nhiên, bạn vẫn có thể sử dụng các biện pháp tình thế để khởi động động cơ. (→P.632)

Mô tơ máy khởi động không quay, các đèn trong xe và đèn pha không sáng hoặc còi xe không kêu

Một trong những nguyên nhân sau có thể dẫn đến trục trặc:

- Ắc quy bị hết điện. (→P.635)
- Một hoặc cả hai cực của ắc quy có thể đã bị ngắt kết nối.
- Có thể có lỗi trong hệ thống khóa vô lăng.

Hãy liên hệ với đại lý Toyota nếu bạn không thể xử lý được sự cố hoặc nếu bạn không nắm rõ quy trình sửa chữa đó.

Chức năng khởi động khẩn cấp

Khi động cơ không khởi động được, có thể sử dụng các bước sau như là giải pháp tạm thời để khởi động động cơ nếu như công tắc động cơ vẫn hoạt động bình thường:

1 Kéo công tắc phanh đỗ để kiểm tra rằng phanh đỗ đã được gài. (→P.243)

Đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ sáng lên.

2 Chuyển cần số tới vị trí P.

3 Chuyển công tắc động cơ đến ACC.*1, 2

4 Ấn và giữ công tắc động cơ trong hơn 15 giây trong khi nhấn chắc bàn đạp phanh.

Ngay cả khi khởi động động cơ bằng cách bước nêu trên, hệ thống vẫn có thể có trục trặc. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

*1: Chế độ ACC có thể được kích hoạt/vô hiệu trên menu tùy chỉnh. (xe có hệ thống đa phương tiện) (→P.681)

*2: Khi đã vô hiệu hóa chức năng ACC, hãy bật công tắc động cơ sang ON rồi OFF, và thực hiện bước sau trong vòng 5 giây.

Nếu bạn đánh mất chìa khóa

Đại lý Toyota của bạn có thể cung cấp cho bạn các chìa khóa mới chính hiệu bằng cách sử dụng chìa khóa khác và mã số của chìa khóa được dập trên tấm ghi số hiệu của chìa. Hãy giữ tấm ghi số hiệu chìa khóa tại nơi an toàn ví dụ như trong ví của bạn, không nên để trong xe.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi bị mất chìa khóa điện tử**

Nếu bạn đánh mất chìa khóa điện tử, nguy cơ bị trộm xe sẽ tăng lên. Hãy ngay lập tức mang xe tới đại lý Toyota cùng với tất cả các chìa khóa điện tử còn lại đã được cung cấp theo xe.

Nếu hệ thống chìa khóa thông minh hoặc hệ thống xác thực vân tay* không hoạt động chính xác

*: Nếu có

Nếu liên lạc giữa chìa khóa điện tử và xe bị gián đoạn (→P.162) hoặc không thể dùng được chìa khóa điện tử do pin của chìa khóa bị hết điện, hệ thống mở khóa và khởi động thông minh và điều khiển từ xa sẽ không thể sử dụng được. Trong các trường hợp như vậy, bạn vẫn có thể mở các cửa hoặc khởi động động cơ bằng cách làm theo quy trình sau.

Xe có hệ thống xác thực vân tay: Khi không thể khởi động động cơ do không xác thực được vân tay, hoặc khi cảm biến vân tay bị lỗi, bạn vẫn có thể khởi động động cơ theo quy trình sau.

n Khi chìa khóa điện tử không hoạt động chính xác

- Hãy đảm bảo rằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh chưa bị vô hiệu hóa bằng chức năng tùy chọn. Nếu nó đã bị vô hiệu hóa, hãy kích hoạt lại.
  (Tính năng tùy chọn cá nhân: →P.676)
- Hãy kiểm tra xem chế độ tiết kiệm pin có được đặt không. Nếu đã đặt, hãy hủy chức năng này. (→P.162)
- Chức năng chìa khóa điện tử có thể đã ngừng hoạt động. (→P.162)

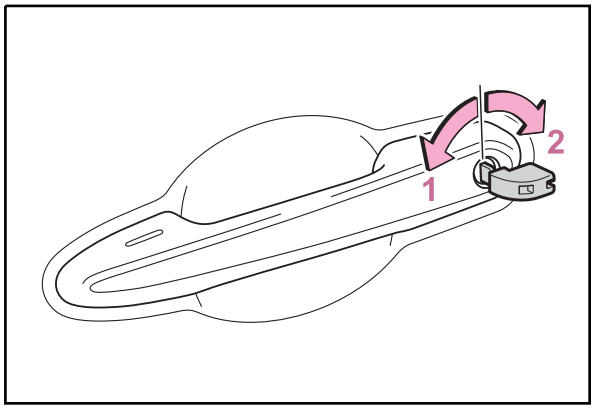
CHÚ Ý

n Trong trường hợp hệ thống mở khóa và khởi động thông minh đang bị lỗi hoặc có vấn đề liên quan đến chìa khóa

Hãy mang tất cả các chìa khóa điện tử và xe đến đại lý Toyota để kiểm tra.

Khóa và mở khóa các cửa

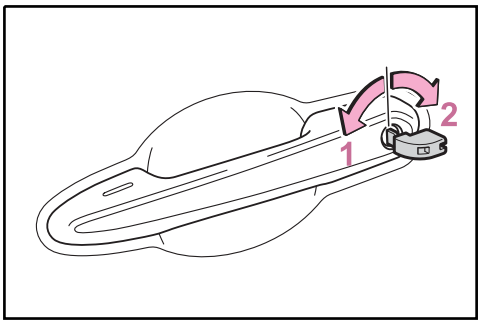
Hãy sử dụng chìa khóa cơ (→P.136) để thực hiện các thao tác sau.



1 Khóa tất cả các cửa

2 Mở khóa tất cả các cửa

n Các chức năng liên kết với chìa khoá (nếu có)



1 Hãy đóng cửa sổ và cửa sổ trời* (xoay và giữ)

2 Hãy mở cửa sổ và cửa sổ trời* (xoay và giữ)

Chỉ có thể thực hiện được những chức

năng tùy chọn này tại đại lý Toyota.

*: Nếu có

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi sử dụng chìa khóa cơ và điều khiển cửa sổ điện hoặc cửa sổ trời (nếu có)**

Điều khiển các cửa sổ điện hoặc cửa sổ trời sau khi xác nhận rằng tất cả các hành khách đã an toàn và không có ai có thể bị kẹt khi cửa sổ hoặc cửa sổ trời hoạt động. Ngoài ra, không để trẻ sử dụng chìa khóa cơ. Nếu không, trẻ và các hành khách khác có thể bị kẹp bởi cửa sổ điện hoặc cửa sổ trời.

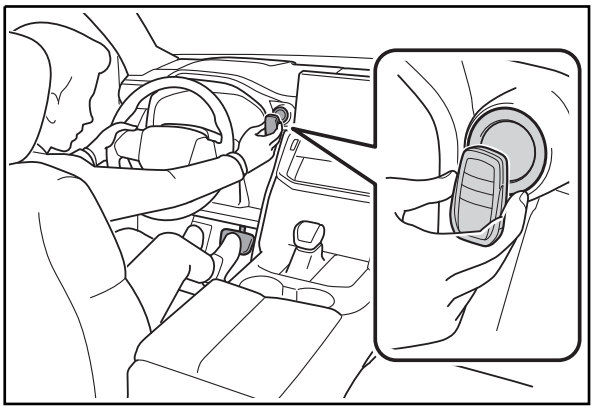
Khởi động động cơ

1 Hãy đảm bảo rằng cần số đã ở vị trí P và đạp bàn đạp phanh.

2 Chạm mặt sau của các nút trên chìa khóa điện tử vào công tắc động cơ.

Khi phát hiện được chìa khóa điện tử, chuông báo sẽ kêu và công tắc động cơ sẽ chuyển sang ON.

Khi hệ thống mở khóa và khởi động thông minh bị vô hiệu hóa bằng cài đặt tùy chọn cá nhân và tùy chọn cá nhân ACC đang bật, công tắc động cơ sẽ chuyển sang ACC.



3 Đạp chắc chân phanh và kiểm tra rằng  và một thông báo được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

4 Ấn công tắc động cơ nhanh và dứt khoát.

Xe có hệ thống xác thực vân tay: Sử dụng chức năng tùy chọn để tắt hệ thống xác thực vân tay. Có thể khởi động được động cơ ở trạng thái này, khi đang giữ chìa khóa điện tử.

Trong trường hợp động cơ vẫn không khởi động được, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

n **Tắt động cơ**

Chuyển cần số tới vị trí P, gài phanh đỗ và ấn công tắc động cơ như khi bạn vẫn thường làm khi tắt máy.

n **Thay pin chìa khóa**

Vì quy trình xử lý trên chỉ là giải pháp tạm thời, hãy thay pin của chìa khóa điện tử ngay khi nó bị hết điện. (→P.582)

n **Chuông báo động (nếu có)**

Sử dụng chìa khóa cơ để khóa các cửa sẽ không cài đặt hệ thống báo động.

Nếu một cửa được mở khóa bằng chìa khóa cơ khi hệ thống báo động đã được đặt, hệ thống báo động có thể sẽ kích hoạt. (→P.73)

n **Thay đổi các chế độ của công tắc động cơ**

Nhả bàn đạp phanh và ấn công tắc đọng cơ trong bước **3** nói trên.
Động cơ sẽ không khởi động được và các chế độ sẽ được chuyển sau mỗi lần ấn công tắc. (→P.232)

Nếu ắc quy bị hết điện

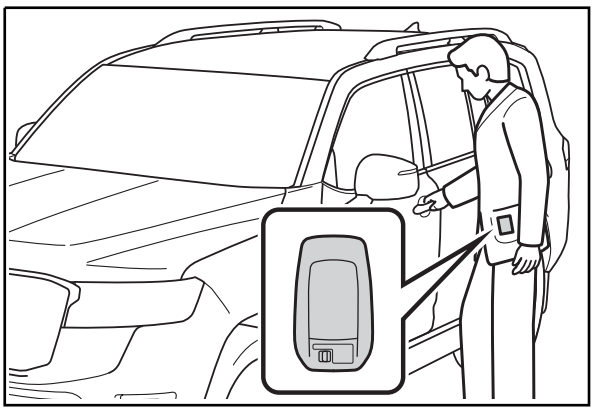
Có thể sử dụng quy trình sau để khởi động động cơ nếu ắc quy đã bị hết điện.
Bạn có thể gọi cho đại lý Toyota hoặc xưởng sửa chữa có uy tín để yêu cầu giúp đỡ.

Khởi động lại động cơ

Nếu bạn có một bộ cáp nối điện ngoài (hoặc ắc quy tăng cường) và có sẵn một xe thứ 2 với ắc quy 12 V, bạn có thể khởi động bằng cách nối điện ngoài theo các bước sau.

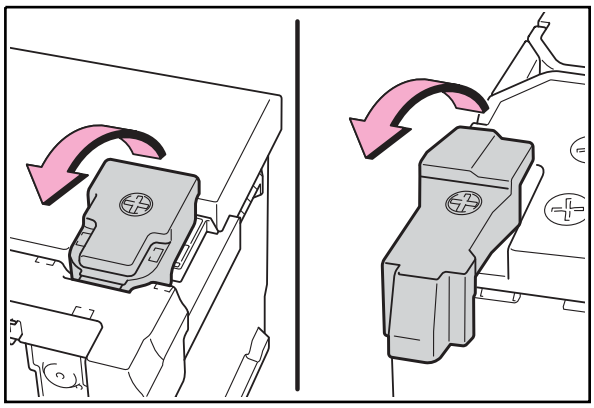
1 Hãy kiểm tra xem bạn có mang theo chìa khóa điện tử không.

Khi nối điện ngoài (hoặc ắc quy tăng cường), tùy vào từng trường hợp, hệ thống báo động có thể sẽ kích hoạt và các cửa sẽ bị khóa lại. (→P.74)



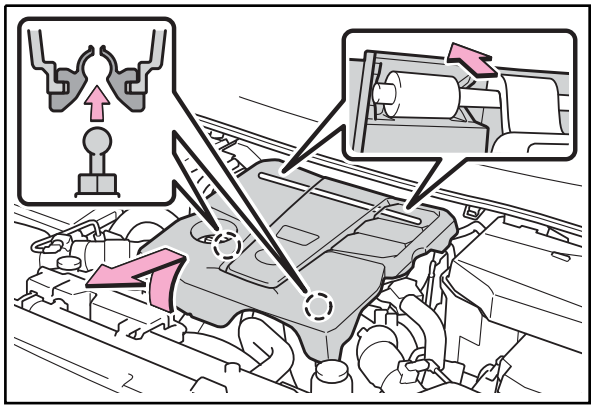
2 Mở nắp capô (→P.544) và để nắp khoang động cơ được mở hoặc tháo nắp (nếu có). (→P.549)

3 Mở nắp cực dương (+) của ắc quy.



4 Động cơ V35A-FTS: Tháo nắp che động cơ.

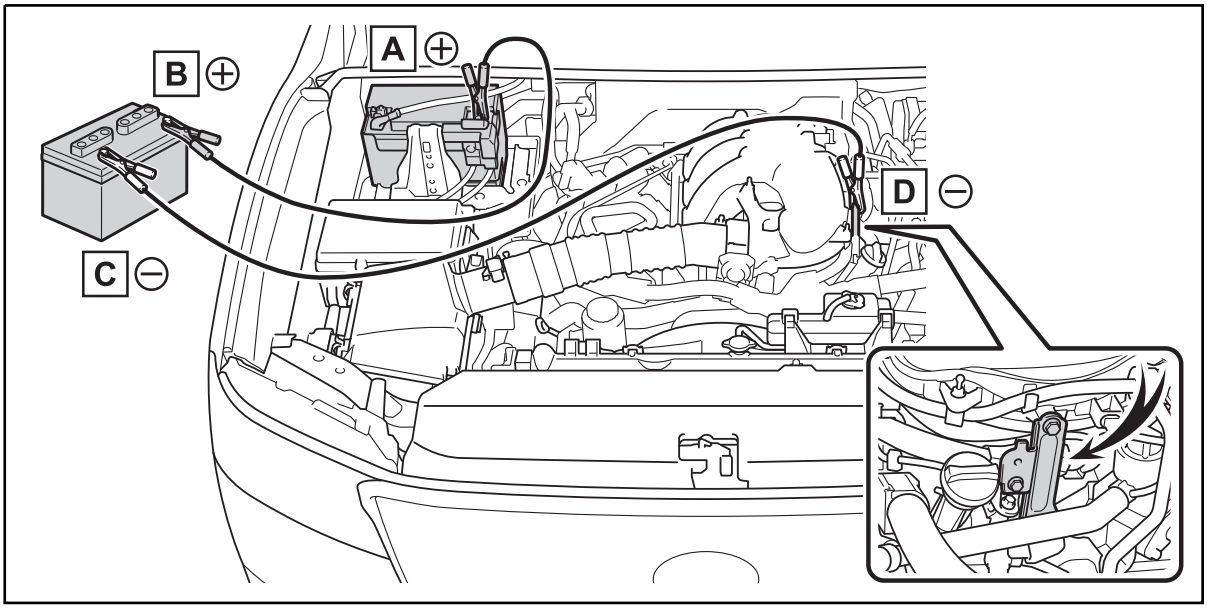
Hãy nhấc mép của nắp che để tháo các chốt cố định, sau đó kéo nắp che về phía bạn để tháo.



5 Nối kẹp dương của cáp nối điện ngoài với **A** trên xe của bạn và nối kẹp với đầu còn lại của cáp dương với **B** trên xe thứ 2. Sau đó nối kẹp của cáp âm với **C** trên xe thứ 2 và nối kẹp ở đầu còn lại của cáp âm với **D**.

Sử dụng cáp nối điện ngoài có thể tiếp cận được các cực và điểm nối.

▶ Động cơ 1GR-FE



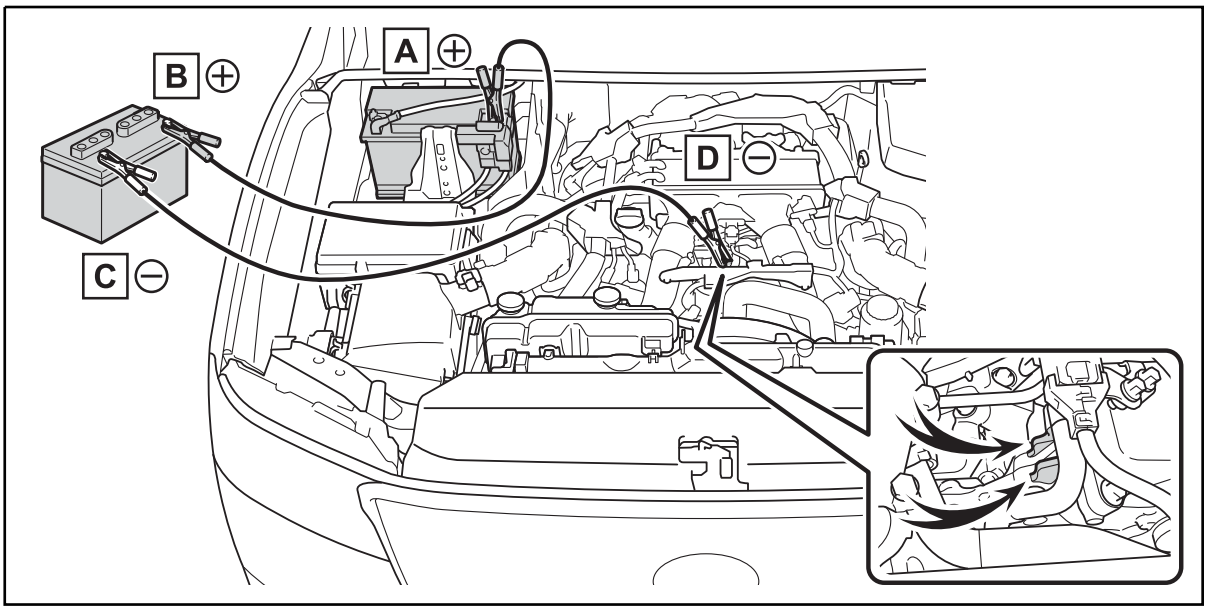
A Cực dương (+) của ắc quy trên xe của bạn.

B Cực dương (+) của ắc quy (xe thứ 2)

C Cực âm (-) của ắc quy (xe thứ 2)

D Điểm bằng kim loại như trong hình vẽ

▶ Động cơ V35A-FTS (xe tay lái thuận)



A Cực dương (+) của ắc quy trên xe của bạn.

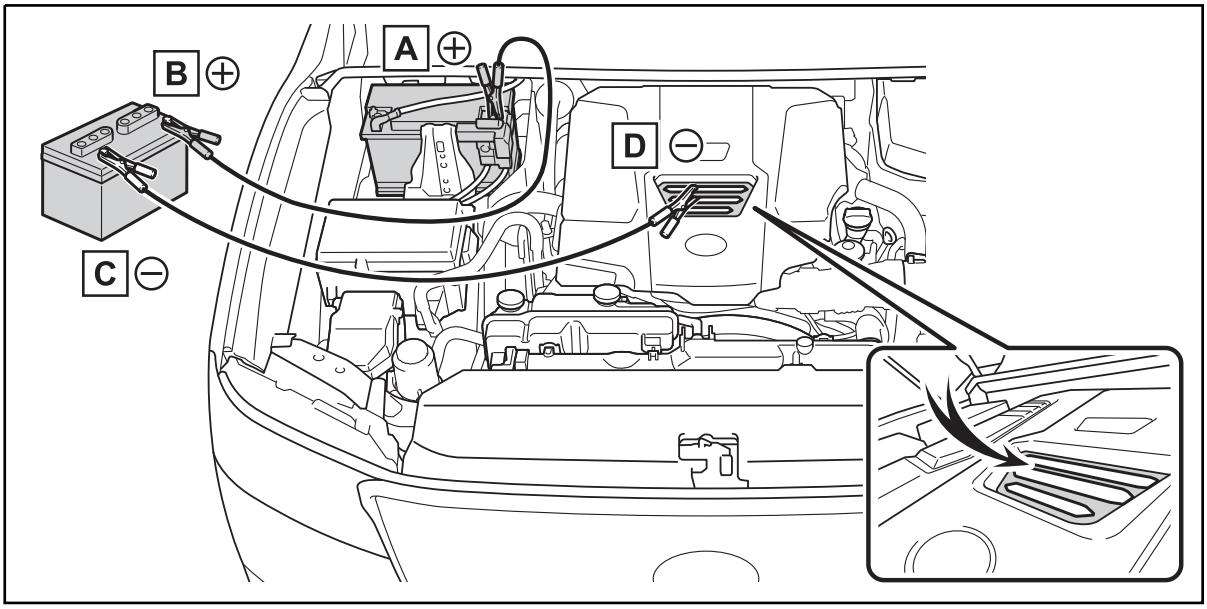
B Cực dương (+) của ắc quy (xe thứ 2)

C Cực âm (-) của ắc quy (xe thứ 2)

D Điểm bằng kim loại như trong hình vẽ

▶ Động cơ F33A-FTV (xe tay lái thuận)

Kiểu A:



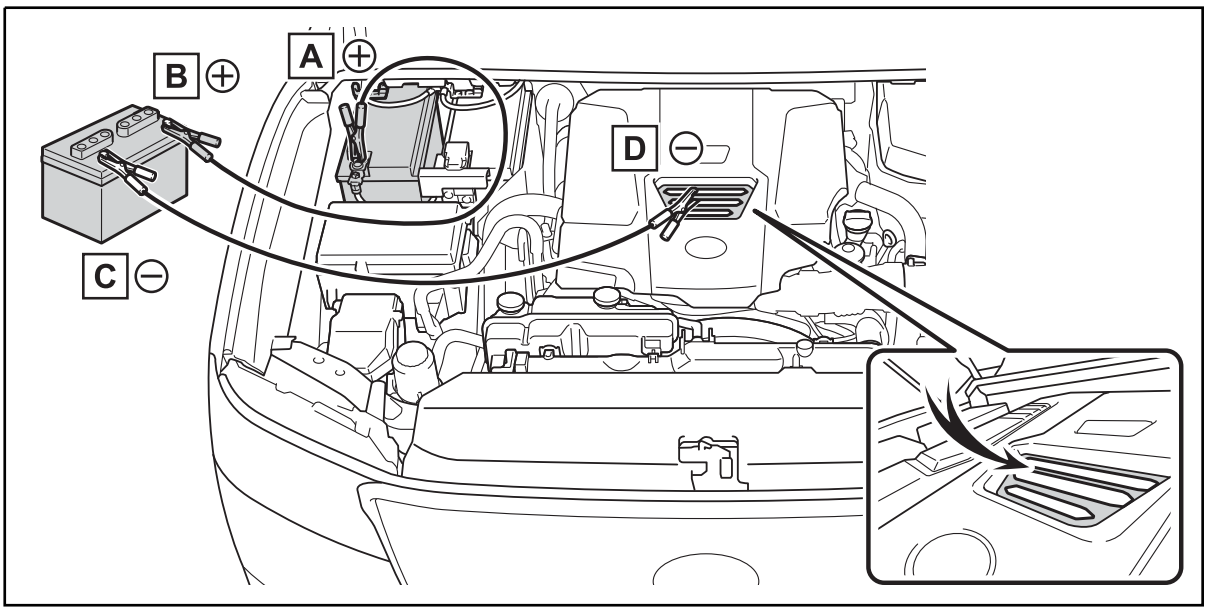
A Cực dương (+) của ắc quy trên xe của bạn.

B Cực dương (+) của ắc quy (xe thứ 2)

C Cực âm (-) của ắc quy (xe thứ 2)

D Điểm bằng kim loại như trong hình vẽ

Kiểu B:



A Cực dương (+) của ắc quy trên xe của bạn.

B Cực dương (+) của ắc quy (xe thứ 2)

C Cực âm (-) của ắc quy (xe thứ 2)

D Điểm bằng kim loại như trong hình vẽ

6 Khởi động động cơ của xe thứ hai. Tăng nhẹ tốc độ động cơ và duy trì tốc độ đó trong khoảng 5 phút để nạp điện cho ắc quy trên xe của bạn.

7 Mở và đóng một cửa bất kỳ trên xe của bạn với công tắc động cơ được tắt.

8 Duy trì tốc độ động cơ trên xe thứ 2 và khởi động động cơ trên xe bạn bằng cách bật công tắc động cơ sang ON.

9 Khi động cơ của xe bạn đã khởi động được, hãy tháo các cáp nối điện ngoài theo trình tự ngược lại với các bước nối cáp ở trên.

Động cơ xăng: Để lắp nắp che động cơ, thực hiện theo quy trình ngược lại khi tháo ra. Sau khi lắp, kiểm tra rằng các chốt cố định đã được hãm chắc chắn.

Khi động cơ đã khởi động được, hãy đem xe tới kiểm tra tại đại lý Toyota càng sớm càng tốt.

---

n **Khởi động động cơ khi ắc quy bị hết điện**

Không thể đẩy khởi động được loại động cơ này.

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

l Tắt các đèn pha và hệ thống âm thanh trong khi động cơ đã ngừng hoạt động.

l Hãy tắt toàn bộ các trang thiết bị điện không cần thiết khi động cơ chạy ở tốc độ thấp trong một thời gian dài, ví dụ như khi bị tắc đường.

l Khi tùy chọn ACC được tắt, nguồn điện vẫn được cung cấp cho hệ thống đa phương tiện ngay cả khi công tắc động cơ đã tắt.
Để tắt hệ thống đa phương tiện, sử dụng công tắc nguồn của hệ thống đa phương tiện. Để biết chi tiết, tham khảo "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".

n **Khi ắc quy bị ngắt kết nối hoặc bị hết điện**

Một số hệ thống có thể sẽ phải được khởi tạo. (→P.691)

n **Khi tháo các cực của ắc quy**

Khi các cực ắc quy được tháo ra, thông tin trong ECU sẽ bị xóa. Trước khi tháo cực ắc quy, hãy liên lạc với đại lý Toyota.

n **Nạp ắc quy**

Năng lượng điện được tích trong ắc quy sẽ hết dần ngay cả khi bạn không sử dụng xe, do hiện tượng phóng điện tự nhiên và do tình trạng tiêu thụ điện của một số thiết bị điện trên xe. Nếu xe của bạn không sử dụng trong một thời gian dài, ắc quy có thể hết điện và động cơ không khởi động được. (Ắc quy sẽ tự động được nạp lại trong quá trình lái xe.)

n **Thay pin**

l Xe có hệ thống Dừng và Khởi động: Sử dụng ắc quy chính hiệu được thiết kế chuyên cho hệ thống Dừng và Khởi động hoặc ắc quy chính hiệu tương đương. Nếu sử dụng ắc quy không tương thích, chức năng của hệ thống Dừng và Khởi động có thể bị hạn chế để bảo vệ ắc quy. Đồng thời, công suất của bình sẽ bị suy giảm và động cơ có thể sẽ không khởi động được. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin chi tiết.

l Hãy sử dụng ắc quy tuân theo tiêu chuẩn Châu Âu.

Kiểu A: Hãy sử dụng ắc quy có có kích cỡ giống như loại đang lắp (LN3),

có dung lượng (20HR) hay (70Ah) trở lên, và có tỉ lệ (CCA)từ (600A) trở lên.

Kiểu B: Hãy sử dụng ắc quy có có kích cỡ giống như loại đang lắp (LN4), có dung lượng (20HR) hay (80Ah) trở lên, và có tỉ lệ (CCA)từ (689A) trở lên.

Kiểu C: Hãy sử dụng ắc quy có có kích cỡ giống như loại đang lắp (LN4), có dung lượng (20HR) hay (75Ah) trở lên, và có tỉ lệ (CCA)từ (776A) trở lên.

- Nếu sử dụng ắc quy khác cỡ, ắc quy sẽ không thể cố định chính xác được.
- Nếu sử dụng ắc quy có dung lượng 20HR thấp, ngay cả khi không sử dụng xe trong một thời gian ngắn thì ắc quy cũng có thể sẽ bị hết điện và không khởi động được động cơ.

n Khi nạp lại hoặc thay thế ắc quy (xe có hệ thống dừng và khởi động động cơ)

Hệ thống Dừng và Khởi động có thể không tự động dừng động cơ lên đến 1 giờ.

⚠ CẢNH BÁO

n Khi tháo các cực của ắc quy

Luôn tháo cực âm (-) trước. Nếu cực dương (+) chạm vào các chi tiết kim loại ở khu vực xung quanh khi tháo cực dương (+), có thể sẽ làm xuất hiện tia lửa điện, dẫn đến hỏa hoạn, điện giật và dẫn đến bị thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

⚠ CẢNH BÁO

n Để tránh làm cháy hoặc nổ ắc quy

Hãy tuân theo các chú ý sau để tránh xảy ra tai nạn do khí thoát ra từ ắc quy có thể bị bắt lửa:

- Hãy đảm bảo rằng các cáp nối điện ngoài đã được nối vào đúng điện cực và chúng không được chạm vào các điện cực khác.
- Không để đầu còn lại của cáp nối điện ngoài nối vào cực dương (+) chạm vào các chi tiết khác hoặc bề mặt kim loại các như giá bắt hoặc bề mặt kim loại không phủ sơn.
- Không để kẹp dương (+) và kẹp âm (-) của cáp nối điện ngoài chạm vào nhau.
- Không hút thuốc, bật diêm, bật lửa hoặc để nguồn lửa gần nhiên liệu hoặc ắc quy.

n Lưu ý đối với ắc quy

Trong ắc quy có chứa các dung dịch axit độc hại và có khả năng ăn mòn mạnh, đồng thời trong ắc quy còn có các chi tiết làm bằng chì và dung dịch của chì. Do vậy hãy tuân theo các chú ý sau khi làm việc với ắc quy:

- Khi làm việc với ắc quy, luôn luôn phải đeo kính bảo hộ và phải thận trọng không để dung dịch điện phân (axit) dính vào da, quần áo hoặc thân xe.
- Không để nghiêng ắc quy.
- Nếu chẳng may để dung dịch ắc quy dính vào da hay mắt, ngay lập tức rửa sạch vùng bị dính axít bằng nước và đi kiểm tra y tế ngay.
  Hãy dùng một miếng mút hay vải ướt đắp lên vùng bị tổn thương cho tới khi có các biện pháp xử lý y tế khác.
- Luôn luôn nhớ rửa tay sau khi làm việc với các giá đựng ắc quy, các điện cực và các chi tiết khác có liên quan tới ắc quy.
- Không để trẻ nhỏ tới gần ắc quy.

n Khi thay ắc quy

Để biết thông tin liên quan tới việc thay ắc quy, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

CHÚ Ý

n **Khi làm việc với dây cáp nối điện ngoài**

Khi nối cáp nối ngoài, hãy đảm bảo rằng chúng sẽ không bị vướng vào quạt làm mát hoặc đai dẫn động của động cơ.

n **Khi kết nối các cáp nối điện ngoài**

Chắc chắn phải kết nối các cáp nối điện ngoài với các cực và các điểm nối chỉ định. Nếu không, có thể ảnh hưởng xấu đến các thiết bị điện tử hoặc làm hỏng chúng.

Nếu xe quá nhiệt

Các dấu hiệu sau có thể cho thấy rằng xe của bạn đang bị quá nhiệt.

- Kim của đồng hồ báo nhiệt độ nước làm mát động cơ (→P.93, 98) chỉ vào vùng màu đỏ hoặc động cơ bị giảm công suất. (Chẳng hạn như khi tốc độ xe không tăng lên được.)
- Thông điệp "Nhiệt độ nước làm mát động cơ cao Dừng lại ở vị trí an toàn Xem Hướng dẫn sử dụng" được hiển thị trên màn hình đa thông tin.
- Hơi nước thoát ra ở dưới nắp capô.

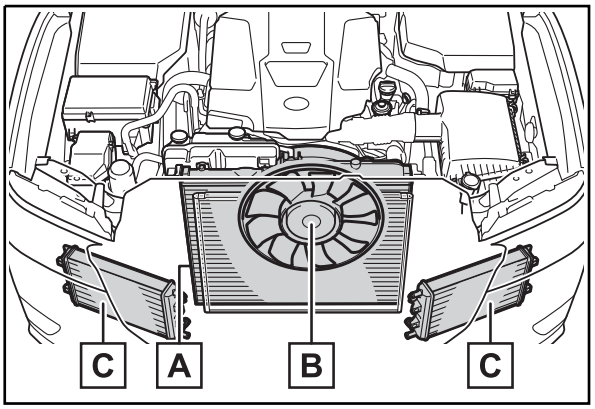
Các quy trình hiệu chỉnh

1 Hãy dừng xe tại một vị trí an toàn và tắt hệ thống điều hòa không khí, sau đó tắt động cơ.

2 Nếu có hơi nước thoát ra:
Hãy cẩn thận nâng nắp capô lên sau khi hơi nước giảm đi.
Nếu không có hơi nước thoát ra:
Hãy cẩn thận nâng nắp capô lên.

3 Sau khi động cơ đã đủ nguội, hãy kiểm tra các ống dẫn và

kết nước xem có bị rò rỉ ở đâu không.



A Két nước làm mát động cơ

B Quạt làm mát

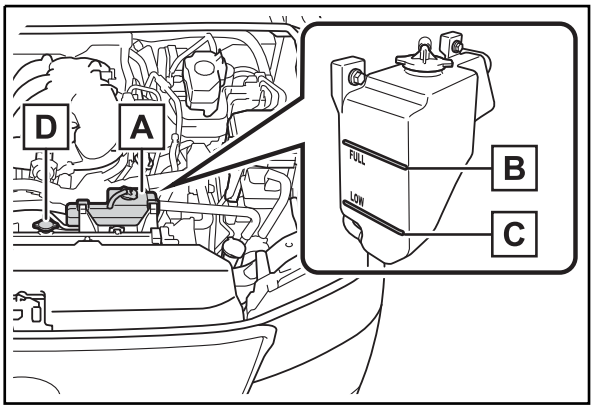
C Két nước của bộ làm mát trung gian (nếu có)

Nếu có lượng lớn nước làm mát bị rò rỉ, hãy liên hệ ngay với đại lý Toyota.

4 Mức nước làm mát động cơ phù hợp là mức nằm giữa vạch "FULL" và "LOW"/"F" và "L" trên bình chứa.

▶ Nước làm mát động cơ

Động cơ 1GR-FE:



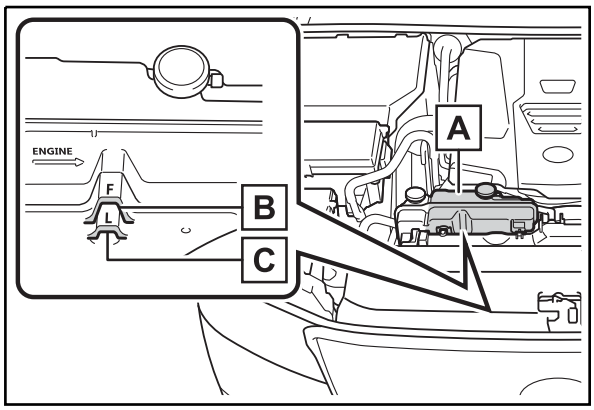
A Bình chứa nước làm mát

B Vạch "FULL" hoặc vạch "F"

C Vạch "LOW" hay vạch "L"

D Nắp két nước

Động cơ V35A-FTS và F33A-FTV:

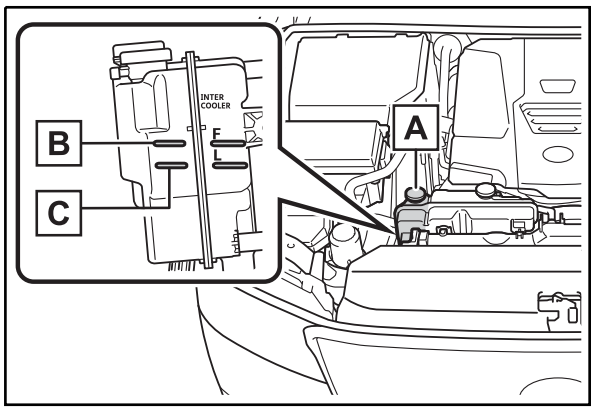


A Bình chứa nước làm mát

B Vạch "F"

C Vạch "L"

▶ Nước làm mát cho bộ làm mát trung gian (nếu có)



A Bình chứa nước làm mát

B Vạch "F"

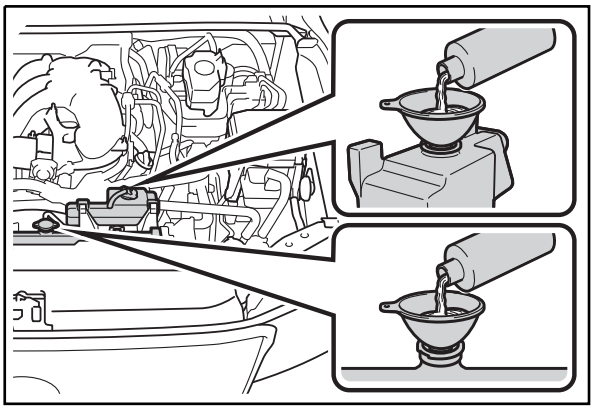
C Vạch "L"

5 Hãy bổ sung nước làm mát nếu cần.

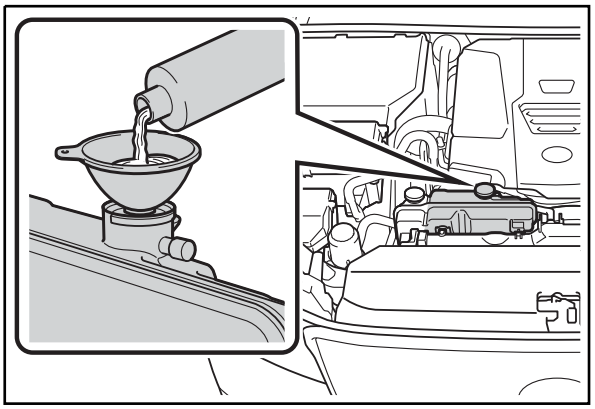
Trong trường hợp khẩn cấp khi không có nước làm mát, thì có thể dùng nước thường như một giải pháp tình thế.

▶ Nước làm mát động cơ

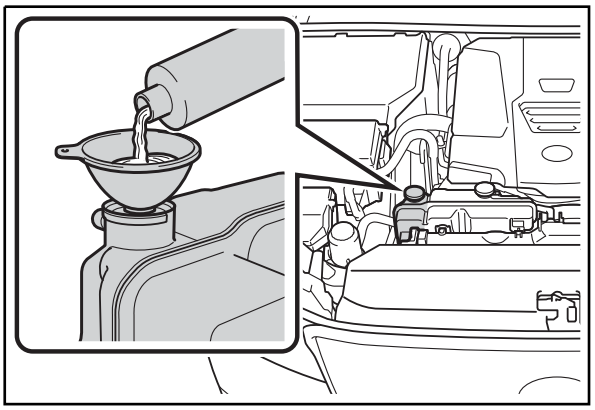
Động cơ 1GR-FE:



Động cơ V35A-FTS và F33A-FTV:



▶ Nước làm mát cho bộ làm mát trung gian (nếu có)



6 Hãy khởi động động cơ để kiểm tra xem quạt làm mát két nước có hoạt động không và kiểm tra xem két nước hay các đường ống có bị rò rỉ nước làm mát hay không.

7 Nếu các quạt làm mát không quay:
Hãy tắt động cơ ngay lập tức và liên hệ với đại lý Toyota.

Nếu các quạt làm mát đang quay:
Hãy yêu cầu đại lý Toyota gần nhất kiểm tra xe giúp bạn.

8 Nếu xuất hiện thông báo “Nhiệt độ nước làm mát động cơ cao Dừng lại ở vị trí an toàn Xem hướng dẫn sử dụng” trên màn hình đa thông tin.

Nếu thông điệp không biến mất: Hãy tắt động cơ và liên hệ với đại lý Toyota.

Nếu thông điệp không xuất hiện: Hãy yêu cầu đại lý Toyota gần nhất kiểm tra xe giúp bạn.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi kiểm tra các chi tiết dưới nắp capô**

Hãy tuân theo các chú ý sau.

Nếu không có thể dẫn đến các tổn thương nghiêm trọng như bỏng.

- Nếu hơi nước vẫn còn bay ra từ dưới nắp capô, thì không được mở nắp ca pô cho đến khi hơi nước giảm hẳn. Khoang động cơ có thể đang rất nóng.
- Hãy giữ tay và quần áo (đặc biệt là cà vạt và khăn quàng) tránh xa các cánh quạt và các đai dẫn động khi động cơ đang làm việc. Nếu không, tay hoặc quần áo có thể bị kẹp, gây ra chấn thương nghiêm trọng.
- Không được nới lỏng nắp két nước (nếu có) và nắp bình chứa nước làm mát động cơ khi động cơ và két nước đang nóng. Hơi nước có nhiệt độ cao hoặc nước làm mát có thể phun ra.

CHÚ Ý

n **Khi bổ sung nước làm mát động cơ**

Hãy bổ sung từ từ nước làm mát sau khi động cơ đã đủ nguội. Nếu đổ nước làm mát quá nhanh vào động cơ đang nóng thì có thể sẽ làm hỏng động cơ.

n **Để tránh làm hỏng hệ thống làm mát**

Hãy tuân theo các chú ý sau:

l Tránh để các tạp chất (cát hoặc bụi..) lẫn vào nước làm mát.

l Không sử dụng nước làm mát có pha lẫn tạp chất.

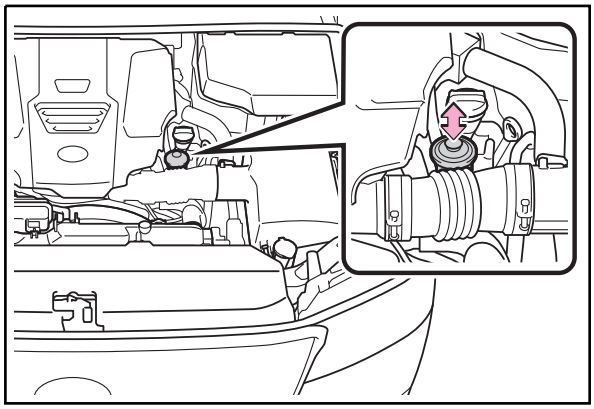
Nếu xe bị hết nhiên liệu và động cơ ngừng hoạt động (chỉ với động cơ diesel)

Quy trình vận hành

Nếu xe bị hết nhiên liệu và động cơ chết máy:

1 Hãy nạp lại nhiên liệu.

2 Để xả khí cho hệ thống nhiên liệu, hãy tiến hành bơm mồi bằng tay cho tới khi cảm thấy có lực cản.



3 Khởi động động cơ. (→P.229)

Nếu động cơ vẫn không khởi động được sau khi đã thực hiện theo các bước trên, hãy đợi khoảng 10 giây và thử lại bước số 2 và bước số 3 . Nếu động cơ vẫn không khởi động được, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

Sau khi khởi động động cơ, hãy đạp nhẹ bàn đạp ga cho tới khi động cơ chạy êm.

CHÚ Ý

n **Khi khởi động lại động cơ**

l Không quay khởi động động cơ trước khi nạp lại nhiên liệu và tiến hành bơm mồi. Nếu không có thể sẽ làm hỏng động cơ và hệ thống nhiên liệu.

l Không quay khởi động động cơ liên tục quá 30 giây. Nếu không máy khởi động và hệ thống dây điện có thể sẽ bị quá nhiệt.

Nếu xe bị sa lầy

Hãy thực hiện các quy trình sau nếu bánh xe của bạn bị quay trơn do không bám đường hoặc xe bị sa lầy trong bùn, lầy hoặc tuyết:

Quy trình đưa xe thoát khỏi sa lầy

1 Hãy tắt động cơ. Gài phanh đỗ và chuyển cần số về vị trí P.

Không được ấn nút nhả chuyển số sau khi chuyển cần đến P.

2 Dọn sạch bùn, tuyết hoặc cát bám xung quanh các bánh sau.

3 Chèn gỗ, đá hoặc các loại vật liệu khác vào dưới bánh sau bị sa lầy để tăng lực bám.

4 Khởi động lại động cơ.

5 Chuyển cần số đến số D hoặc số R và nhả phanh đỗ. Sau đó, trong khi thực hiện các lưu ý, hãy đạp bàn đạp ga.

n **Khi khó đưa xe thoát khỏi sa lầy**

Hãy thử lại như sau.

l Tắt hệ thống TRC chủ động (→P.459)

l Bật công tắc điều khiển bốn bánh chủ động (→P.438)

l Sử dụng khóa vi sai trung tâm (→P.439)

l Sử dụng khóa vi sai trước* (→P.441)

l Sử dụng khóa vi sai sau* (→P.443)

- Sử dụng điều khiển bò xe (với chức năng hỗ trợ vào cua)* (→P.444)
- Sử dụng hệ thống chọn chế độ đa địa hình* (→P.449)

*: Nếu có

CẢNH BÁO

n **Khi cố gắng đưa xe thoát khỏi sa lầy**

Nếu bạn dùng cách giật xe về đằng trước và đằng sau để đưa xe thoát khỏi sa lầy thì hãy đảm bảo rằng các khu vực xung quanh không bị vướng các vật thể, để tránh bị va chạm với người, vật hoặc các xe khác. Xe có thể sẽ bất ngờ bị nhào tới hoặc lùi khi nó thoát ra khỏi sa lầy. Do vậy hãy đặc biệt cẩn thận.

n **Khi chuyển cần số**

Hãy hết sức cẩn thận, không được chuyển cần số khi đang đạp bàn đạp ga.

Nếu không có thể sẽ làm cho xe bị tăng tốc đột ngột và có thể gây ra tai nạn dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hư hỏng hộp số và các thiết bị khác**

- Tránh để bánh xe quay trơn và tránh đạp ga quá mức.
- Nếu xe vẫn bị sa lầy sau khi đã thực hiện các quy trình trên, xe của bạn có thể sẽ cần sử dụng tới dịch vụ cứu hộ để thoát ra.
- Khi thông điệp cảnh báo dầu hộp số tự động hiển thị trên màn hình khi cố gắng thoát xe khỏi sa lầy, ngay lập tức nhả bàn đạp ga và đợi cho đến khi thông điệp cảnh báo biến mất. Nếu không, hộp số có thể sẽ bị hỏng. (→P.612)

Thông số kỹ thuật 8

8-1. Thông số kỹ thuật

Dữ liệu bảo dưỡng (mức nhiên liệu, mức dầu…) ...648

Thông tin về nhiên liệu ...667

8-2. Tùy chọn

Tính năng tùy chọn cá nhân 669

8-3. Khởi tạo

Các hạng mục cần khởi tạo 691

Dữ liệu bảo dưỡng (mức nhiên liệu, mức dầu...)

Kích thước

▶ Xe có mã kiểu xe* mà kết thúc bằng chữ “A”, “G”, “V” hoặc “Z” khi ký tự thứ 4 là “-”

*: Mã kiểu xe sẽ được chỉ ra trên nhãn của nhà sản xuất hoặc trên tấm nhãn chứng nhận. (→P.651)

Xe không có cản sau aero

Chiều dài tổng thể	Xe không có móc hoặc nắp che móc (kiểu A) (→P.215)	4,950 mm *1 4,965 mm *2, 3, 5 4,995 mm *2, 4, 5 5,000 mm *2, 6
	Xe có kiểu nắp che móc (kiểu A) (→P.215)	4,980 mm
	Xe có móc kéo xe	5,115 mm *1 5,130 mm *2, 3, 5 5,160 mm *2, 4, 5 5,165 mm *2, 6

*1: Xe không có giá bắt biển số

*2: Xe có giá bắt biển số

*3: Xe không có thanh bảo vệ cản xe

*4: Xe có thanh bảo vệ cản xe

*5: Xe không có tời điện

*6: Xe có tời điện

Xe có cản sau aero (kiểu thể thao):

Chiều dài tổng thể	4,985 mm *1, 4, 5 5,005 mm *1, 6 5,115 mm *2 5,040 mm *3

*1: Xe không có móc hoặc nắp che móc (kiểu A) (→P.215)

*2: Xe có kiểu nắp che móc (kiểu A) (→P.215)

*3: Xe có móc kéo xe

*4: Xe không có giá bắt biển số

*5: Xe có giá bắt biển số (trừ kiểu xe có tấm bắt biển số EU)

*6: Xe có giá bắt biển số (cho kiểu xe có tấm bắt biển số EU)

Xe có cản sau aero (loại thể thao đô thị):

Chiều dài tổng thể	5,020 mm *1 5,030 mm *2 5,165 mm *3

*1: Xe không có móc hoặc nắp che móc (kiểu A) (→P.215)

*2: Xe có kiểu nắp che móc (kiểu A) (→P.215)

*3: Xe có móc kéo xe

▶ Xe có mã kiểu xe* mà kết thúc bằng chữ "S khi ký tự thứ 4 là "-"

*: Mã kiểu xe sẽ được chỉ ra trên nhãn của nhà sản xuất hoặc trên tấm nhãn chứng nhận. (→P.651)

Chiều dài tổng thể *1	▶ Xe có giá bắt biển số trừ kiểu xe có tấm bắt biển số EU 4,960 mm *2 4,990 mm *3 5,125 mm *4 ▶ Xe có giá bắt biển số cho kiểu xe có tấm bắt biển số EU 4,965 mm *2 4,995 mm *3 5,130 mm *4

*1: Xe không tải

*2: Xe không có móc hoặc nắp che móc (kiểu A) (→P.215)

*3: Xe có kiểu nắp che móc (kiểu A) (→P.215)

*4: Xe có móc kéo xe

Chiều rộng tổng thể	1,980 mm *1
	1,990 mm *2

*1: Xe có mã kiểu xe *3 mà kết thúc bằng chữ "A", "G", "V" hoặc "Z" khi ký tự thứ

4 là "-"

*2: Xe có mã kiểu xe*3 mà kết thúc bằng chữ "S khi ký tự thứ 4 là "-"

*3: Mã kiểu xe sẽ được chỉ ra trên nhãn của nhà sản xuất hoặc trên tấm nhãn chứng nhận. (→P.651)

Chiều cao tổng thể	1,920 mm *1 1,955 mm *2

*1: Các xe có nhãn chứng nhận

*2: Xe không có nhãn Quy định Chứng nhận

Chiều dài cơ sở		2,850 mm
Khoảng cách vệt bánh xe	Phía trước	1,687 mm
	Phía sau	1,688 mm

Trọng lượng xe (xe có bộ móc kéo)

Trọng lượng toàn bộ của xe		▶ Động cơ 1GR-FE 3,120 kg ▶ Động cơ V35A-FTS 3,230 kg ▶ Động cơ F33A-FTV 3,230 kg *1 3,280 kg *2
Tải trọng tối đa cho phép của cầu xe	Phía trước	1,630 kg
	Phía sau	1,930 kg
Tải thanh kéo moóc		140 kg *1, 3 350 kg *2 100 kg *4
Khả năng kéo	Có phanh	2,500 kg *4 3,500 kg *3
	Không phanh	750 kg

*1: Trừ xe có mã kiểu xe*5 có chữ cái cuối cùng là "Q".

*2: Cho xe có mã kiểu xe*5 có chữ cái cuối cùng là "Q".

*3: Trừ xe có mã kiểu xe*5 có chữ cái cuối cùng là “V”

*4: Xe có mã kiểu xe*5 có chữ cái cuối cùng là "V"

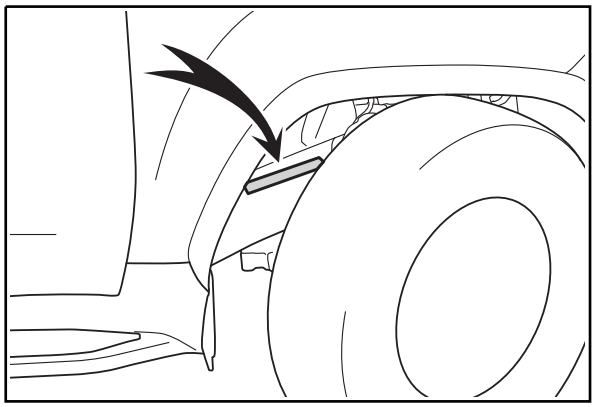
*5: Mã kiểu xe được ghi trên nhãn của nhà sản xuất. (→P.651)

Nhận dạng xe

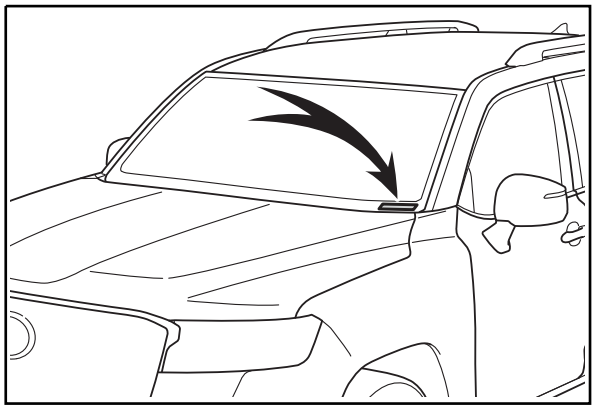
n Số nhận dạng xe (VIN)

Số nhận dạng xe (số VIN) là dấu hiệu nhận biết hợp pháp cho xe của bạn. Đây là số hiệu nhận biết chính cho xe Toyota. Nó được dùng để đăng ký xe.

Số này được dập trên khung xe phía trước bên phải.



Trên một số kiểu xe, số này cũng được dập ở phía trên cùng bên trái của bảng táp lô.

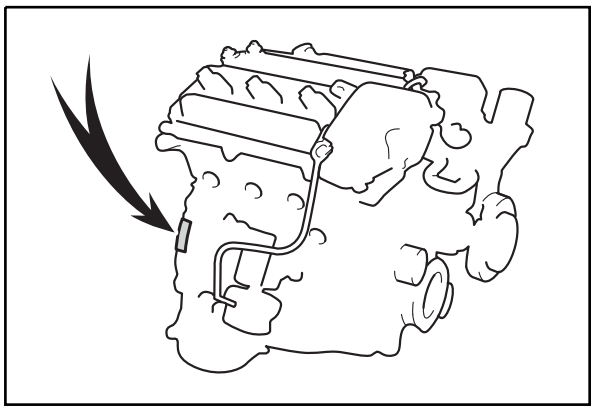


Số này cũng được in trên nhãn của nhà sản xuất.

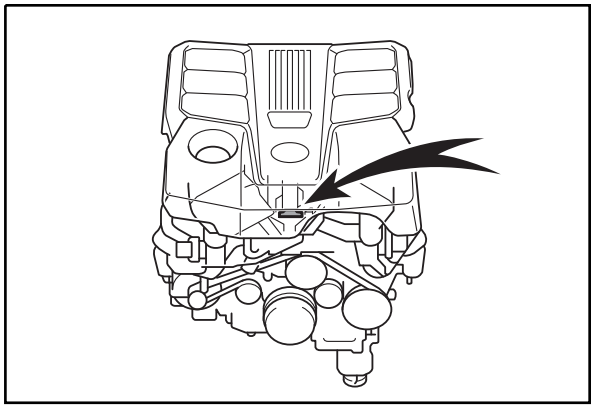
n Số máy

Số máy được dập trên thân động cơ như trên hình vẽ.

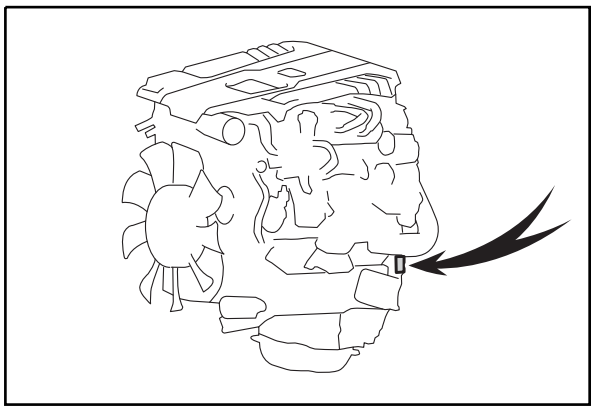
▶ Động cơ 1GR-FE



▶ Động cơ V35A-FTS



▶ Động cơ F33A-FTV



Động cơ

▶ Động cơ 1GR-FE

Kiểu động cơ	1GR-FE
Loại động cơ	Động cơ xăng, 4 kỳ, 6 xylanh bố trí hình chữ V
Đường kính và hành trình pittông	94.0 × 95.0 mm
Dung tích xylanh	3,956 cm^3
Khe hở xu páp	Tự động điều chỉnh
Bộ căng đai dẫn động	Tự động điều chỉnh
Tốc độ tối đa của xe*1	190 km/h
Mô men tối đa (NET)*1	385 N m ở 4400 vòng/phút
Công suất tối đa (NET)*1	202 kW ở 5600 vòng/phút

*1: Xe có mã kiểu xe*2 có chữ cái cuối cùng là "V"

*2: Mã kiểu xe sẽ được chỉ ra trên nhãn của nhà sản xuất hoặc trên tấm nhãn chứng nhận. (→P.651)

▶ Động cơ V35A-FTS

Kiểu động cơ	V35A-FTS
Loại động cơ	Động cơ xăng 4 kỳ, 6 xylanh bố trí hình chữ V (có tubô tăng áp)
Đường kính và hành trình pittông	85.5 × 100.0 mm
Dung tích xylanh	3,445 cm^3
Khe hở xu páp	Tự động điều chỉnh
Bộ căng đai dẫn động	Tự động điều chỉnh
Tốc độ tối đa của xe*1	210 km/h
Mô men tối đa (NET)*1	650 N m ở 2,000 - 3,600 vòng/phút
Công suất tối đa (NET)*1	305 kW ở tốc độ 5200 vòng/phút

*1: Xe có mã kiểu xe*2 có chữ cái cuối cùng là "V"

*2: Mã kiểu xe sẽ được chỉ ra trên nhãn của nhà sản xuất hoặc trên tấm nhãn chứng nhận. (→P.651)

▶ Động cơ F33A-FTV

Kiểu động cơ		F33A-FTV
Loại động cơ		Động cơ diesel 4 kỳ, 6 xylanh (có turbô tăng áp)
Đường kính và hành trình pittông		86.0 × 96.0 mm
Dung tích xylanh		3,346 cm^3
Khe hở xu páp		Tự động điều chỉnh
Bộ căng đai dẫn động		Tự động điều chỉnh
Tốc độ tối đa của xe*1		210 km/h
Mô men tối đa (NET)*1		700 N m ở tốc độ từ 1,600 đến 2,600 vòng/phút
Công suất tối đa (NET)*1	Xe không có hệ thống DPF	225 kW ở tốc độ 4,000 vòng/phút
	Xe có hệ thống DPF	227 kW @4,000 vòng/phút

*1: Xe có mã kiểu xe*2 có chữ cái cuối cùng là "V"

*2: Mã kiểu xe sẽ được chỉ ra trên nhãn của nhà sản xuất hoặc trên tấm nhãn chứng nhận. (→P.651)

Nhiên liệu

▶ Động cơ xăng

Loại nhiên liệu		Chỉ sử dụng xăng không pha chì
Chỉ số Ốc tan		95 trở lên
Dung tích bình nhiên liệu (Tham khảo)	Xe không có bình nhiên liệu phụ	80 L
	Xe có bình nhiên liệu phụ	110 L

▶ Động cơ diesel

Loại nhiên liệu		Xe không có hệ thống DPF: Chỉ nhiên liệu dầu diesel Xe có hệ thống DPF: Dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh từ 10 ppm trở xuống
Chỉ số Xê tan	Xe không có hệ thống DPF	44 trở lên
	Xe có hệ thống DPF	48 trở lên
Dung tích bình nhiên liệu (Tham khảo)	Xe không có bình nhiên liệu phụ	80 L
	Xe có bình nhiên liệu phụ	110 L

*1: EURO IV là những tiêu chuẩn về khí xả. Nếu bạn không rõ là xe bạn đạt tiêu chuẩn khí xả loại nào, hãy liên hệ với Đại lý của Toyota.

*2: Phù hợp với thông tư mới nhất của Bộ Năng lượng.

Hệ thống bôi trơn

▶ Động cơ xăng

n Dung tích dầu (Xả và nạp lại [Tham khảo*])

Có thay lọc dầu	Động cơ 1GR-FE: 6.1 L Động cơ V35A-FTS: 7.3 L
Không thay lọc dầu	Động cơ 1GR-FE: 5.6 L Động cơ V35A-FTS: 7.0 L

*: Dung tích dầu động cơ là chỉ số tham khảo được sử dụng khi thay dầu động cơ. Khi bổ sung thực tế dầu động cơ, hãy đảm bảo rằng mức dầu nằm giữa dấu mức dầu thấp và dấu mức dầu cao (→P.551). Hâm nóng rồi tắt động cơ, đợi khoảng 5 phút rồi kiểm tra mức dầu trên que thăm dầu.

n Chọn dầu động cơ

Dầu động cơ chính hiệu Toyota đã được sử dụng trên xe Toyota của bạn. Hãy dùng "Dầu động cơ chính hiệu của Toyota" hay loại tương đương đáp ứng được các yêu cầu sau về cấp độ và độ nhớt của dầu.

Cấp độ dầu:

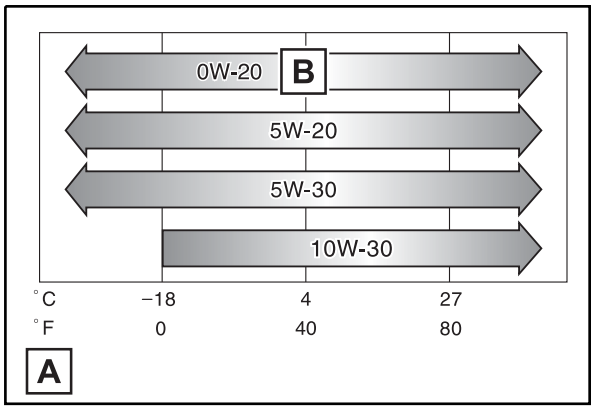
0W-20, 5W-20, 5W-30 và 10W-30:

Dầu động cơ API cấp độ SL "Energy-Conserving", SM "Energy-Conserving" hoặc SN "Resource-Conserving" hoặc SN PLUS "Resource-Conserving" hoặc SP "Resource-Conserving"; hoặc dầu động cơ đa cấp ILSAC GF-6A

Độ nhớt của dầu nên dùng (theo tiêu chuẩn SAE):

Dầu động cơ SAE 0W-20 đã được đổ vào xe bạn tại nhà máy, và là loại dầu tốt nhất đảm bảo tính kinh tế nhiên liệu và khởi động tốt trong điều kiện thời tiết lạnh.

Nếu bạn sử dụng dầu động cơ SAE 10W-30 hoặc loại có độ nhớt cao hơn trong điều kiện nhiệt độ môi trường cực thấp thì động cơ sẽ khó khởi động, do đó nên sử dụng dầu động cơ SAE 0W-20, 5W-20 hoặc 5W-30.



A Dải nhiệt độ tham khảo trước khi thay dầu lần tiếp theo

B Tham khảo

Độ nhớt (Mã 0W-20 được giải thích ở đây là một ví dụ):

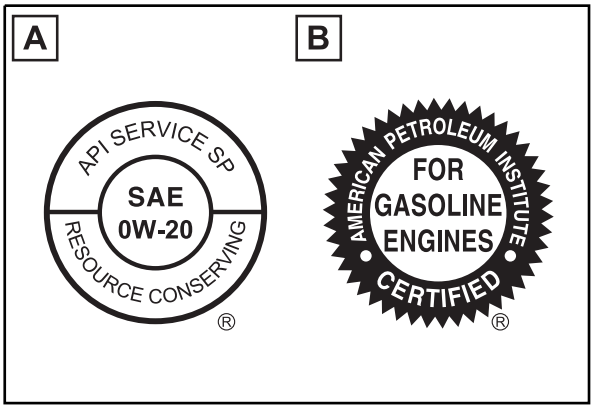
- Chỉ số 0W ghi trên nhãn độ nhớt 0W-20 của dầu cho biết rằng đặc tính của dầu cho phép động cơ có thể khởi động

trong điều kiện nhiệt độ thấp. Các loại dầu có giá trị của chỉ số đứng trước ký tự W càng thấp thì động cơ càng dễ khởi động trong thời tiết lạnh.

- Chỉ số 20 ghi trên mã 0W-20 thể hiện độ nhớt của dầu khi ở điều kiện nhiệt độ làm việc cao. Dầu có trị số độ nhớt lớn (với giá trị cao hơn) sẽ phù hợp cho xe chạy ở tốc độ cao hoặc dưới điều kiện tải nặng.

Cách đọc nhãn chứng chỉ trên thùng dầu:

Một trong hai hoặc cả hai nhãn hiệu API sẽ được gắn vào thùng dầu để giúp bạn lựa chọn loại dầu nên dùng.



A Biểu tượng dịch vụ API

Phần trên của nhãn: “API SERVICE SP” cho biết chất lượng của dầu theo các quy định của API (Viện dầu mỏ Hoa Kỳ).

Phần giữa của nhãn: "SAE 0W-20" cho biết cấp độ nhớt của dầu theo tiêu chuẩn SAE.

Phần bên dưới nhãn: "Resource-Conserving" có nghĩa rằng dầu này có khả năng giúp tiết kiệm nhiên liệu và bảo vệ môi trường.

B Dấu chứng nhận của ILSAC

Dấu chứng nhận của ILSAC (Ủy ban phê chuẩn và chuẩn hóa dầu nhớt quốc tế) được dán trên mặt trước của thùng dầu.

▶ Động cơ diesel

n Dung tích dầu (Xả và nạp lại [Tham khảo*])

Có thay lọc dầu	6.6 L
Không thay lọc dầu	6.2 L

*: Dung tích dầu động cơ là chỉ số tham khảo được sử dụng khi thay dầu động cơ. Khi bổ sung thực tế dầu động cơ, hãy đảm bảo rằng mức dầu nằm giữa dấu mức dầu thấp và dấu mức dầu cao (→P.551). Hâm nóng rồi tắt động cơ, đợi khoảng 5 phút rồi kiểm tra mức dầu trên que thăm dầu.

n Chọn dầu động cơ (trừ kiểu xe theo tiêu chuẩn EURO V và VI*)

*: EURO V và VI là các tiêu chuẩn về khí xả. Nếu bạn không rõ là xe bạn đạt tiêu chuẩn khí xả loại nào, hãy liên hệ với đại lý của Toyota

Dầu động cơ chính hiệu Toyota đã được sử dụng trên xe Toyota của bạn. Hãy dùng "Dầu động cơ chính hiệu của Toyota" hay loại tương đương đáp ứng được các yêu cầu sau về cấp độ và độ nhớt của dầu.

Cấp độ dầu:

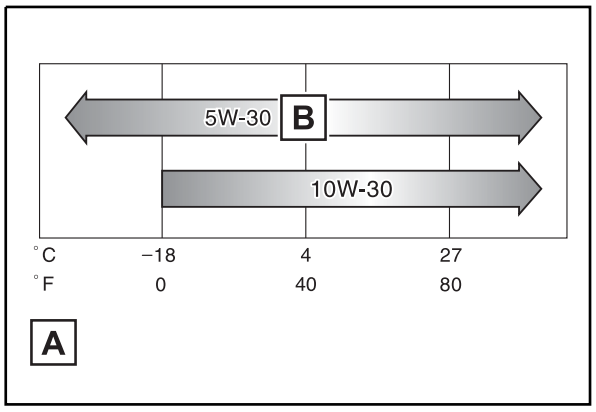
API CF-4, CF hay ACEA B3, B4,

B5 hoặc JASO DL-0

Độ nhớt của dầu nên dùng (theo tiêu chuẩn SAE):

Dầu động cơ SAE 5W-30 là sự lựa chọn tốt nhất đảm bảo khả năng tiết kiệm nhiên liệu và khởi động tốt trong điều kiện thời tiết lạnh.

Nếu bạn sử dụng dầu động cơ SAE 10W-30 hoặc loại có độ nhớt cao hơn trong điều kiện nhiệt độ môi trường cực thấp thì động cơ sẽ khó khởi động, do đó nên sử dụng dầu động cơ SAE 5W-30.



A Dải nhiệt độ tham khảo trước khi thay dầu lần tiếp theo

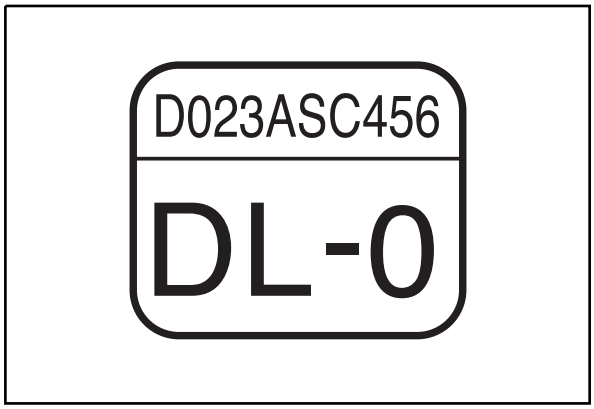
B Tham khảo

Độ nhớt của dầu (5W-30 được giải thích ở đây là một ví dụ):

- Chỉ số 5W ghi trên nhãn độ nhớt 5W-30 của dầu cho biết rằng đặc tính của dầu cho phép động cơ có thể khởi động trong điều kiện nhiệt độ thấp. Các loại dầu có giá trị của chỉ số đứng trước ký tự W càng thấp thì động cơ càng dễ khởi động trong điều kiện nhiệt độ thấp.
- Chỉ số 30 trên nhãn độ nhớt 5W-30 thể hiện độ nhớt của dầu khi ở điều kiện nhiệt độ làm việc cao. Dầu có trị số độ nhớt lớn (với giá trị cao hơn) sẽ phù hợp cho xe chạy ở tốc độ cao hoặc dưới điều kiện tải nặng.

Cách đọc nhãn trên thùng dầu:

Nhãn DL-0 của tổ chức tiêu chuẩn Ôtô Nhật Bản (JASO) được gắn vào một số thùng dầu để giúp bạn lựa chọn loại dầu nên dùng.



n Chọn dầu bôi trơn động cơ (cho xe theo tiêu chuẩn EURO V và VI*)

*: EURO V và VI là các tiêu chuẩn về khí xả. Nếu bạn không rõ là xe bạn đạt tiêu chuẩn khí xả loại nào, hãy liên hệ với đại lý của Toyota

"Dầu động cơ chính hiệu Toyota" đã được sử dụng trên xe Toyota của bạn. Toyota khuyên dùng dầu động cơ "Toyota Genuine Motor Oil". Có thể sử dụng dầu khác nếu thỏa mãn chất lượng

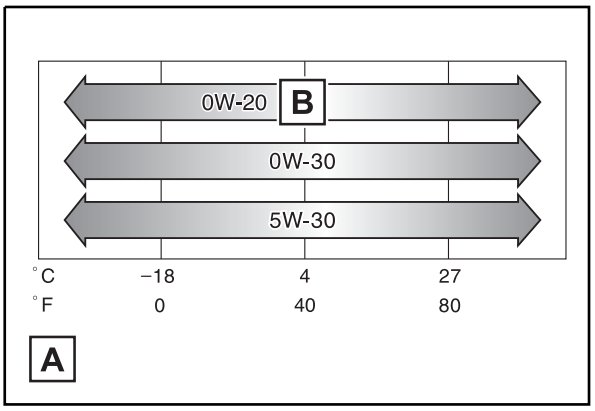
Cấp độ dầu:

0W-20: ACEA C5
0W-30 và 5W-30: ACEA C2 hoặc JASO DL-1

> ⚠ CHÚ Ý
>
> Sử dụng dầu động cơ khác ngoài ACEA C5, C2 hoặc JASO DL-1 có thể gây hỏng bộ trung hòa khí xả.

Độ nhớt của dầu nên dùng (theo tiêu chuẩn SAE):

Dầu động cơ SAE 0W-20 đã được đổ vào xe bạn tại nhà máy, và là loại dầu tốt nhất đảm bảo tính kinh tế nhiên liệu và khởi động tốt trong điều kiện thời tiết lạnh.

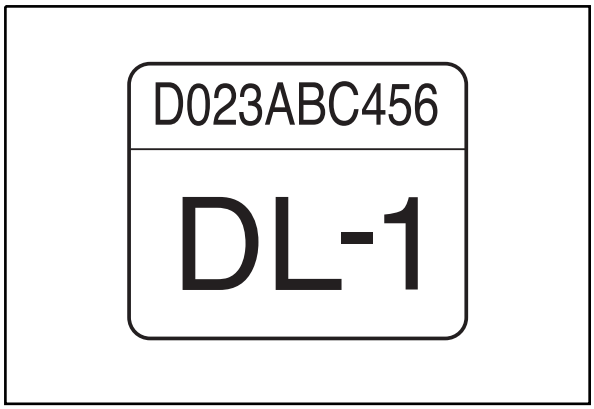


A Dải nhiệt độ tham khảo trước khi thay dầu lần tiếp theo

B Tham khảo

Cách đọc nhãn trên thùng dầu:

Nhãn DL-1 của tổ chức tiêu chuẩn Ôtô Nhật Bản (JASO) được gắn vào một số thùng dầu để giúp bạn lựa chọn loại dầu nên dùng.



Độ nhớt (Mã 0W-20 được giải thích ở đây là một ví dụ):

- Chỉ số 0W ghi trên nhãn độ nhớt 0W-20 của dầu cho biết rằng đặc tính của dầu cho phép động cơ có thể khởi động trong điều kiện nhiệt độ thấp. Các loại dầu có giá trị của chỉ số đứng trước ký tự W càng thấp thì động cơ càng dễ khởi động trong thời tiết lạnh.
- Chỉ số 20 ghi trên mã 0W-20 thể hiện độ nhớt của dầu khi ở điều kiện nhiệt độ làm việc cao. Dầu có trị số độ nhớt lớn (với giá trị cao hơn) sẽ phù hợp cho xe chạy ở tốc độ cao hoặc dưới điều kiện tải nặng.

Hệ thống làm mát

▶ Động cơ 1GR-FE

Dung tích*1	11.6 L *2 13.8 L *3
Loại nước làm mát	Hãy sử dụng một trong các loại nước làm mát sau: • "Nước làm mát siêu bền của Toyota" • Nước làm mát chất lượng cao gốc etylen glycol không chứa silic, amin, nitrit và borat với công nghệ axit hữu cơ tích hợp tuổi thọ cao Không sử dụng nước thường để làm nước làm mát động cơ.

*1: Dung tích nước làm mát là số liệu tham khảo. Nếu cần phải thay thế, hãy liên lạc với đại lý Toyota.

*2: Xe không có hệ thống điều hòa không khí phía sau

*3: Xe có hệ thống điều hòa không khí phía sau

▶ Động cơ V35A-FTS

Dung tích*1	Nước làm mát của bộ làm mát trung gian	3.8 L
	Nước làm mát động cơ	12.4 L*2, 4 12.6 L*2, 5 14.6 L*3, 4 14.7 L*3, 5
Loại nước làm mát		Hãy sử dụng một trong các loại nước làm mát sau: • "Nước làm mát siêu bền của Toyota" • Nước làm mát chất lượng cao gốc etylen glycol không chứa silic, amin, nitrit và borat với công nghệ axit hữu cơ tích hợp tuổi thọ cao Không sử dụng nước thường để làm nước làm mát động cơ.

*1: Dung tích nước làm mát là số liệu tham khảo. Nếu cần phải thay thế, hãy

liên lạc với đại lý Toyota.

*2: Xe không có hệ thống điều hòa không khí phía sau

*3: Xe có hệ thống điều hòa không khí phía sau

*4: Xe không có hệ thống Dừng và Khởi động

*5: Xe có hệ thống dừng và khởi động động cơ

▶ Động cơ F33A-FTV

Dung tích*1	Nước làm mát của bộ làm mát trung gian	3.8 L
	Nước làm mát động cơ	13.2 L*3, 5, 7 13.3 L*3, 5, 8 13.7 L*3, 6, 7 13.9 L*3, 6, 8 15.3 L*4, 5, 7 15.5 L*4, 5, 8 15.8 L*4, 6, 7 16.0 L*4, 6, 8
Loại nước làm mát		Hãy sử dụng một trong các loại nước làm mát sau: • "Nước làm mát siêu bền của Toyota" • Nước làm mát chất lượng cao gốc etylen glycol không chứa silic, amin, nitrit và borat với công nghệ axit hữu cơ tích hợp tuổi thọ cao Không sử dụng nước thường để làm nước làm mát động cơ.

*1: Dung tích nước làm mát là số liệu tham khảo. Nếu cần phải thay thế, hãy liên lạc với đại lý Toyota.

*2: EURO V và VI là những tiêu chuẩn về khí xả. Nếu bạn không rõ là xe bạn đạt tiêu chuẩn khí xả loại nào, hãy liên hệ với Đại lý của Toyota

*3: Xe không có hệ thống điều hòa không khí phía sau

*4: Xe có hệ thống điều hòa không khí phía sau

*5: Xe không có hệ thống tuần hoàn khí xả

*6: Xe có hệ thống tuần hoàn khí xả

*7: Xe không có bộ sưởi tăng cường

*8: Xe có bộ sưởi tăng cường

Hệ thống đánh lửa (chỉ với động cơ xăng)

n Bugi

	Động cơ V35A-FTS	Động cơ 1GR-FE
Nhà sản xuất	DENSO EC22HPR-D7	DENSO SK16HR11
Khe hở bugi	0.7 mm	1.1 mm

⚠ CHÚ Ý

n Bugi có đầu hợp kim Iridium

Chỉ sử dụng bugi có đầu hợp kim Iridium. Không điều chỉnh khe hở của bugi khi đại tu hay sửa chữa động cơ.

Hệ thống điện

Tỷ trọng riêng tại 20°C		1250 trở lên
Tốc độ nạp	Nạp nhanh	Tối đa 15 A
	Nạp chậm	Tối đa 5 A

Vi sai

▶ Phía trước

Dung tích dầu	Không có hệ thống khóa vi sai trước: 1.16 L Có hệ thống khóa vi sai trước: 1.32 L
Loại dầu và độ nhớt	Dầu vi sai chính hiệu của Toyota loại LT 75W-85 GL-5 hoặc tương đương

▶ Phía sau

Dung tích dầu	Động cơ 1GR-FE	Không có hệ thống khóa vi sai sau: 5.47L Có hệ thống khóa vi sai sau: 4.91L
	Động cơ V35A-FTS và F33A-FTV	Không có hệ thống khóa vi sai sau và vi sai hạn chế trượt: 5.45 L Có hệ thống khóa vi sai sau: 5.18L Có vi sai sau loại hạn chế trượt: 5.25 L
Loại dầu và độ nhớt	Không có vi sai hạn chế trượt:	Dầu vi sai chính hiệu của Toyota loại LT 75W-85 GL-5 hoặc tương đương
	Có vi sai hạn chế trượt	Dầu vi sai chính hiệu Toyota loại LX 75W-85 GL-5 hoặc tương đương

Xe của bạn đã được nạp “Dầu vi sai chính hiệu Toyota” tại nhà máy.

Hãy sử dụng dầu “Dầu vi sai chính hiệu của Toyota” hoặc loại dầu có chất lượng tương đương để đảm bảo các thông số kể trên. Hãy liên hệ với đại lý TOYOTA để biết thêm chi tiết.

Hộp số tự động

Dung tích bình nhiên liệu (Tham khảo)	Động cơ V35A-FTS	Không có hệ thống Dừng và Khởi động: 11.40 L Có hệ thống Dừng và Khởi động: 11.48 L
	Động cơ 1GR-FE	9.8L
	Động cơ F33A-FTV	Không có hệ thống Dừng và Khởi động: 12.50 L Có hệ thống Dừng và Khởi động: 12.28 L
Loại dầu		Dầu hộp số tự động chính hiệu của Toyota loại WS

Dung tích dầu nêu trên là giá trị tham khảo. Nếu cần thiết phải thay dầu hộp số tự động, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

CHÚ Ý

n **Loại dầu hộp số tự động**

Sử dụng dầu hộp số khác với loại dầu nói trên có thể gây ra tiếng kêu hoạt động hoặc rung giật bất thường, hoặc làm hỏng hộp số của xe bạn.

Hộp số phụ

Dung tích dầu	1.78 L
Loại dầu*	Dầu hộp số phụ chính hiệu Toyota loại LF hoặc tương đương
Độ nhớt khuyên dùng	SAE 75W

*: Xe của bạn đã được nạp "Dầu hộp số phụ chính hiệu của Toyota loại LF" tại nhà máy. Hãy sử dụng dầu "Dầu hộp số chính hiệu của Toyota LF" hoặc loại dầu có chất lượng tương đương để đảm bảo các thông số kể trên. Hãy liên hệ với đại lý TOYOTA để biết thêm chi tiết.

Hệ thống phanh

Chiều cao bàn đạp phanh*	Tối thiểu 129 mm
Hành trình tự do của bàn đạp ly hợp	1 — 6 mm (0.04 — 0.24 in.)
Loại dầu	SAE J1703 hoặc FMVSS No. 116 DOT 3 SAE J1704 hoặc FMVSS No. 116 DOT 4

*: Chiều cao tối thiểu của bàn đạp khi nhấn bàn đạp với lực 300 N khi động cơ đang hoạt động.

Bôi trơn gầm xe (các trục các-đăng)

▶ Phía trước

Trục chữ thập	Mỡ bôi trơn gầm xe gốc lithium, NLGI No. 2
Khớp trượt	Mỡ bôi trơn gầm xe gốc lithium disunphua môlípđen, NLGI No.2 hoặc mỡ bôi trơn gầm xe gốc lithium, NLGI No.2

▶ Phía sau

Trục chữ thập	Mỡ bôi trơn gầm xe gốc lithium, NLGI No. 2

Hệ thống lái

Độ rơ của vô lăng	Nhỏ hơn 30 mm
Kiểu dầu trợ lực lái	Dầu hộp số tự động DEXRON® II hoặc III

Tời điện (nếu có)

Dung tích	9806N (1000 kgf, 2204lbf)
Dung tích dầu	1.0 L
Loại dầu	Dầu hộp số tự động DEXRON® II hoặc III

Lốp và vành xe

▶ Lốp 20-inch

Cỡ lốp	265/55R20 113V		
Áp suất lốp (Áp suất tiêu chuẩn của lốp xe khi nguội)	Tốc độ xe	Lốp trước kPa	Lốp sau kPa
	Lớn hơn 160 km/h	230	260
	Từ 160 km/h trở xuống	230	230
Cỡ vành	20 × 8 J		
Lực xiết đai ốc lốp	131 N m		

▶ Lốp 18-inch

Cỡ lốp	265/65R18 114V	
Áp suất lốp (Áp suất tiêu chuẩn của lốp xe khi nguội)	Lốp trước kPa	Lốp sau kPa
	230	230
Cỡ vành	18 × 7 1/2J	
Lực xiết đai ốc lốp	131 N m	

▶ Loại lốp 17 inch

Cỡ lốp	245/75R17 112H	
Áp suất lốp (Áp suất tiêu chuẩn của lốp xe khi nguội)	Lốp trước kPa	Lốp sau kPa
	230	230
Cỡ vành	17 × 7 J	
Lực xiết đai ốc lốp	209 N.m	

n **Chứng nhận**

Các lốp lắp trên xe đáp ứng tiêu chuẩn IS 15633 của Ấn Độ và phù hợp quy định 95 của "Central Motor Vehicle Rules (CMVR) 1989".

Bóng đèn

	Bóng đèn	W	Loại động cơ
Bên ngoài xe	Đèn xi nhan sau (kiểu bóng)*	21	A
Bên trong xe	Đèn trang điểm (kiểu bóng)*	8	A
	Đèn nội thất phía sau (kiểu bóng)*/ Đèn cá nhân phía sau (kiểu bóng)*		
	Không có hộp dầm trên trần	8	B
	Có hộp dầm trên trần	5	A
	Đèn cá nhân phía sau (kiểu bóng)*	8	B
	Đèn khoang hành lý (kiểu bóng)*	5	A

A: Bóng đèn có đui hình nêm

B: Bóng đèn đui kép

*: Nếu có

Thông tin về nhiên liệu

▶ Động cơ xăng

Chỉ được sử dụng xăng không pha chì.

Để tối ưu hóa công suất của động cơ, hãy chọn xăng không pha chì có chỉ số ốc tan từ 95 trở lên.

Nếu không có loại xăng cao cấp, bạn có thể sử dụng tạm loại xăng không pha chì có chỉ số ốc tan từ 91 trở lên. Trong trường hợp này, hiệu suất động cơ có thể bị giảm.

▶ Động cơ diesel

Xe không có hệ thống DPF:

Chỉ được sử dụng dầu diesel có chỉ số xê tan từ 44 trở lên.

Xe có hệ thống DPF:

Chỉ được sử dụng dầu diesel có chứa lưu huỳnh ít hơn 10 ppm và chỉ số xê tan từ 48 trở lên.

n Sử dụng xăng pha ethanon cho động cơ xăng

Loại động cơ này có thể sử dụng xăng pha ethanon với hàm lượng ethanon tối đa 10%. Hãy đảm bảo rằng xăng pha ethanon được sử dụng có chỉ số ốc tan phù hợp với các thông số ở trên.

n Nếu bạn dự định sử dụng xe ở nước khác (xe có hệ thống DPF)

Có thể bạn sẽ không tìm được loại dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp phù hợp với xe, do vậy hãy xác nhận loại nhiên liệu này với nhà phân phối xe trước.

n Nếu động cơ phát ra tiếng gõ

- Hãy hỏi ý kiến đại lý Toyota.
- Xe của bạn có thể sẽ phát ra tiếng gõ máy nhẹ trong thời gian ngắn khi tăng tốc hoặc leo lên đồi dốc. Triệu chứng này là hoàn toàn bình thường và bạn không cần phải bận tâm về điều đó.

CHÚ Ý

n Chú ý về chất lượng xăng

- Không được dùng sai loại nhiên liệu. Nếu sử dụng sai loại nhiên liệu sẽ làm hỏng động cơ.
- Không được sử dụng động cơ có phụ gia kim loại, ví dụ như mangan, sắt hoặc chì, nếu không, có thể làm hỏng động cơ hoặc hệ thống kiểm soát khí xả.
- Không được sử dụng các chất phụ gia bằng kim loại được bán trên thị trường.
- Không sử dụng xăng pha methanol như xăng M15, M85, M100. Sử dụng xăng pha methanol có thể sẽ làm hỏng động cơ.

n Chú ý về chất lượng dầu diesel

- Không được dùng sai loại nhiên liệu. Nếu sử dụng sai loại nhiên liệu sẽ làm hỏng động cơ.
- Xe có hệ thống DPF: Không sử dụng dầu diesel với hàm lượng lưu huỳnh lớn hơn 10 ppm. Nếu sử dụng liên tục dầu diesel có pha lưu huỳnh với hàm lượng lớn hơn 10 ppm có thể sẽ làm hỏng động cơ và hệ thống khí xả của xe và ảnh hưởng tới độ bền của xe.

- Không nên sử dụng loại nhiên liệu FAME (Fatty Acid Methyl Ester) được bán dưới tên gọi “B40” hoặc “B100” và loại nhiên liệu có một lượng lớn chất FAME, nếu không hệ thống nhiên liệu có thể bị hỏng. Xe của bạn có thể sử dụng nhiên liệu diesel pha với tối đa 5% biodiesel FAME (B5). Nếu động cơ sử dụng nhiên liệu dầu diesel sinh học có tỷ lệ FAME (B5) lớn hơn 5%, thì kỳ thay thế bộ lọc nhiên liệu sẽ ngắn hơn. Chỉ nên tiến hành nạp nhiên liệu từ một nguồn nhiên liệu đảm bảo các thông số kỹ thuật và chất lượng. Nếu bạn vẫn chưa nắm rõ, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

Tính năng tùy chọn cá nhân

Xe của bạn có rất nhiều chức năng điện tử có thể tùy chọn cá nhân theo ý muốn của bạn. Có thể thay đổi cài đặt các tính năng này bằng cách sử dụng màn hình đa thông tin, hệ thống đa phương tiện, hoặc tại đại lý Toyota.

Có thể thay đổi các tính năng tùy chọn liên kết với các cài đặt của Cài đặt của tôi. (→P.196)

Tùy chọn các đặc tính trên xe

n **Thay đổi bằng cách sử dụng màn hình đa phương tiện (trên một số kiểu xe)**

▶ Thay đổi bằng ⚙ trên menu chính.

1 Chọn ⚙ trên menu chính.

2 Hãy chọn mục "Tùy chọn xe".

3 Hãy chọn hạng mục để thay đổi các cài đặt từ danh sách.

▶ Thay đổi bằng 🚗 trên menu chính.

1 Chọn 🚗 trên menu chính.

2 Hãy chọn “Tùy chỉnh”.

3 Hãy chọn hạng mục để thay đổi các cài đặt từ danh sách.

▶ Thay đổi cài đặt màn hình đa địa hình (nếu có)

1 Hãy ấn công tắc camera.

2 Chọn ⚙ trên màn hình hiển thị đa phương tiện, sau đó chọn "Multi Terrain Monitor".

n **Thay đổi bằng cách sử dụng màn hình đa thông tin**

Sử dụng các nút điều khiển đồng hồ táp lô để thay đổi các cài đặt. (→P.105, 115)

1 Vận hành công tắc điều khiển đồng hồ táp lô để chọn ⚙. (→P.109, 120)

2 Vận hành các công tắc điều khiển đồng hồ để chọn cài đặt hạng mục cần tùy chọn.

3 Theo hiển thị, hãy chọn cài đặt mong muốn.

Để trở về màn hình trước đó hoặc thoát khỏi chế độ tùy chọn cá nhân, hãy ấn nút ⮌.

n **Khi cài đặt tùy chọn bằng hệ thống đa phương tiện hoặc màn hình đa thông tin**

Đỗ xe ở địa điểm an toàn, gài phanh đỗ, chuyển cần số đến vị trí P. Ngoài ra, hệ thống cũng tránh cho ắc quy khỏi phóng hết điện, hãy để động cơ nổ máy trong khi tùy chọn các tính năng.

CẢNH BÁO

n **Trong khi tiến hành cài đặt tùy chọn**

Vì động cơ cần phải được để nổ máy trong khi tiến hành tùy chọn, do vậy hãy đảm bảo rằng xe đã được đỗ ở vị trí thông gió tốt. Trong khu vực kín, như ở gara, khí xả có chứa khí CO (cácbon môônxít) độc hại có thể ngưng tụ và xâm nhập vào trong xe. Điều này có thể gây tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe hoặc tử vong.

CHÚ Ý

n **Trong khi tiến hành cài đặt tùy chọn**

Để tránh làm hết điện của ắc quy, hãy đảm bảo rằng động cơ đang chạy trong khi tiến hành tùy chọn cá nhân cho các tính năng.

Tính năng tùy chọn cá nhân

Việc thay đổi cài đặt cho một số chức năng sẽ làm cho chức năng khác thay đổi theo. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin.

A Có thể thay đổi các cài đặt bằng hệ thống đa phương tiện (trên một số mẫu xe)

B Những cài đặt có thể thay đổi bằng cách sử dụng màn hình đa thông tin.

C Những cài đặt có thể thay đổi bởi đại lý Toyota

Diễn giải: O = Khả dụng, - = Không khả dụng

n Hệ thống báo động* (→P.73)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Vô hiệu hóa khi bạn sử dụng chìa khóa cơ để mở khóa	Tắt	Bật	–	–	O

*: Nếu có

n Hệ thống xác thực vân tay*1 (→P.77)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Chức năng của hệ thống xác thực vân tay*2	Tắt*3	Bật	O	–	O

*1: Nếu có

*2: Không thể thay đổi được cài đặt nếu chưa đăng ký trước thông tin vân tay.

*3: Công tắc động cơ sẽ đự động chuyển đến “ON” khi đã đăng ký thông tin vân tay.

n Các đồng hồ báo, đồng hồ đo và màn hình đa thông tin (với màn hình 7 inch) (→P.93, 104)

Chức năng*1	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Ngôn ngữ*2, 3, 4	Vietnamese	Trừ Tiếng Anh*5	–	O	–
Đơn vị đo*2, 3	(L/100 km)	km/L	–	O	–
Kiểu đồng hồ *4	"Thông minh"	"Chắc chắn"	–	O	–
		"Thể thao"			
Kiểu mặt đồng hồ*4	Đồng hồ tốc độ động cơ	Đồng hồ tốc độ xe	–	O	–
		Đơn giản (không có đồng hồ)			
Đèn chỉ báo lái Eco*4	Bật	Tắt	–	O	–
Tiết kiệm nhiên liệu	Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình sau khi khởi động	Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình từ khi chức năng được đặt lại	–	O	–
		Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình sau khi nạp lại			
Màn hình liên kết của hệ thống âm thanh*4, 6	Bật	Tắt	–	O	–
Màn hình giám sát lực kéo*4	Bật	Tắt	–	O	–
Hạng mục thông tin lái xe (hạng mục thứ nhất)*4	Khoảng cách	Tốc độ trung bình	–	O	–
		Tổng thời gian			
Hạng mục thông tin lái xe (hạng mục thứ 2)*4	Tổng thời gian	Tốc độ trung bình	–	O	–
		Khoảng cách			

Chức năng[*1]	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Các hạng mục HÀNH TRÌNH A (hạng mục thứ nhất)[*4]	Khoảng cách	Tốc độ trung bình Tổng thời gian	–	O	–
Các hạng mục HÀNH TRÌNH A (hạng mục thứ hai)[*4]	Tổng thời gian	Tốc độ trung bình Khoảng cách	–	O	–
Các hạng mục HÀNH TRÌNH B (hạng mục thứ nhất)[*4]	Khoảng cách	Tốc độ trung bình Tổng thời gian	–	O	–
Các hạng mục HÀNH TRÌNH B (hạng mục thứ hai)[*4]	Tổng thời gian	Tốc độ trung bình Khoảng cách	–	O	–
Màn hình pop-up[*4, 6]	Bật	Tắt	–	O	–
Đồng hồ báo giờ (điều chỉnh thời gian)[*7]	—	—	–	O	–
Đồng hồ báo giờ (kiểu hiển thị)[*7]	Hiển thị 12 giờ	Hiển thị 24 giờ	–	O	–
Chức năng gợi ý[*4]	Bật	Bật (khi dừng xe) Tắt	O	–	O

[*1]: Để biết chi tiết cho từng chức năng: →P.109

[*2]: Cài đặt mặc định sẽ thay đổi theo từng quốc gia.

[*3]: Cài đặt tùy chọn sẽ tùy thuộc vào từng quốc gia.

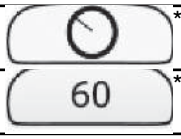
[*4]: Có thể thay đổi các cài đặt tùy chọn liên kết với các cài đặt của Cài đặt của tôi.

[*5]: Những ngôn ngữ khả dụng có thể khác nhau tùy thuộc vào thị trường mục tiêu của xe.

[*6]: Nếu có

[*7]: Xe không có hệ thống dẫn đường

n Đồng hồ báo, đồng hồ đo và màn hình thông tin đa dạng (màn hình 12.3-inch) (→P.98, 114)

Chức năng*1	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Ngôn ngữ*2, 3, 4	Vietnamese	Trừ Tiếng Anh*5	–	O	–
Đơn vị đo*2, 3	(L/100 km)	km/L	–	O	–
Kiểu hiển thị đồng hồ*4		 *6 *6	–	O	–
Kiểu đồng hồ *4	"Thông minh"	"Bình thường"	–	O	–
		"Chắc chắn"			
		"Thể thao"			
Kiểu mặt đồng hồ*4	Đồng hồ tốc độ động cơ*7	Đồng hồ tốc độ*7	–	O	–
Đèn chỉ báo lái Eco*4	Bật	Tắt	–	O	–
Tiết kiệm nhiên liệu	Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình sau khi khởi động	Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình từ khi chức năng được đặt lại	–	O	–
Hạng mục thông tin lái xe (hạng mục thứ nhất)*4	Khoảng cách	Tốc độ trung bình	–	O	–
		Tổng thời gian			
Hạng mục thông tin lái xe (hạng mục thứ 2)*4	Tổng thời gian	Tốc độ trung bình	–	O	–
		Khoảng cách			
Các hạng mục HÀNH TRÌNH A (hạng mục thứ nhất)*4	Khoảng cách	Tốc độ trung bình	–	O	–
		Tổng thời gian			
Các hạng mục HÀNH TRÌNH A (hạng mục thứ hai)*4	Tổng thời gian	Tốc độ trung bình	–	O	–
		Khoảng cách			

Chức năng[*1]	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Các hạng mục HÀNH TRÌNH B (hạng mục thứ nhất)[*4]	Khoảng cách	Tốc độ trung bình	–	O	–
		Tổng thời gian			
Các hạng mục HÀNH TRÌNH B (hạng mục thứ hai)[*4]	Tổng thời gian	Tốc độ trung bình	–	O	–
		Khoảng cách			
Màn hình pop-up[*4, 8]	Bật	Tắt	–	O	–
Đồng hồ (điều chỉnh thời gian)[*9]	—	—	–	O	–
Đồng hồ báo giờ (kiểu hiển thị)[*9]	Hiển thị 12 giờ	Hiển thị 24 giờ	–	O	–
Chức năng gợi ý[*4]	Bật	Bật (khi dừng xe)	O	–	O
		Tắt			

[*1]: Để biết chi tiết cho từng chức năng: →P.120

[*2]: Cài đặt mặc định sẽ thay đổi theo từng quốc gia.

[*3]: Cài đặt tùy chọn sẽ tùy thuộc vào từng quốc gia.

[*4]: Có thể thay đổi các cài đặt tùy chọn liên kết với các cài đặt của Cài đặt của tôi.

[*5]: Những ngôn ngữ khả dụng có thể khác nhau tùy thuộc vào thị trường mục tiêu của xe.

[*6]: Có thể thay đổi hoạt động bật/tắt của widget.

[*7]: Các mục cài đặt có thể không được hiển thị tùy thuộc vào loại đồng hồ đo.

[*8]: Nếu có

[*9]: Xe không có hệ thống đa phương tiện

n Màn hình trên kính chắn gió[*1] (→P.126)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Màn hình trên kính chắn gió[*2]	Bật	Tắt	–	O	–
Kiểu màn hình trên kính chắn gió[*2]	Tiêu chuẩn	Đầy đủ	–	O	–
		Tối thiểu			

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Độ sáng màn hình trên kính chắn gió*2	Tiêu chuẩn	Độ sáng mong muốn	–	O	–
Vị trí của màn hình trên kính chắn gió*2	Tiêu chuẩn	Vị trí mong muốn	–	O	–
Điều chỉnh góc của màn hình trên kính chắn gió*2	Tiêu chuẩn	Góc mong muốn	–	O	–

*1: Nếu có

*2: Có thể thay đổi các cài đặt tùy chọn liên kết với các cài đặt của Cài đặt của tôi.

n Khóa cửa (→P.138, 633)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Mở khóa bằng chìa khóa cơ	Tất cả các cửa được mở khóa bằng một thao tác	Cửa người lái được mở khóa bằng một thao tác, tất cả các cửa được mở khóa bằng hai thao tác	–	–	O
Chức năng khóa cửa liên kết với tốc độ*1, 2	Bật	Tắt	O	–	O
Chức năng khóa cửa liên kết với vị trí chuyển số*1, 2	Tắt	Bật	O	–	O
Chức năng mở khóa cửa liên kết với vị trí chuyển số*1, 2	Tắt	Bật	O	–	O
Chức năng mở khóa cửa liên kết với cửa người lái*1, 2, 3	Bật	Tắt	O	–	O

*1: Nếu có

*2: Có thể thay đổi các cài đặt tùy chọn liên kết với các cài đặt của Cài đặt của tôi.

*3: Cài đặt mặc định sẽ thay đổi theo từng quốc gia.

n Nhắc nhở ghế sau (→P.140)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Chức năng nhắc nhở ghế sau*	Bật	Tắt	–	O	–

*: Có thể thay đổi các cài đặt tùy chọn liên kết với các cài đặt của Cài đặt của tôi.

n Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh và điều khiển từ xa (→P.135, 160)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Tín hiệu hoạt động (Đèn nháy khẩn cấp)*1, 2	Bật	Tắt	O	–	O
Tín hiệu hoạt động (Chuông báo)*1, 2	Tiêu chuẩn	Âm lượng mong muốn	O	–	O
Thời gian trôi qua trước khi chức năng khóa cửa tự động được kích hoạt nếu một cửa không mở sau khi được mở khóa*2	30 giây	60 giây	–	–	O
		120 giây			
Chuông nhắc cửa mở (khi khóa xe)	Bật	Tắt	–	–	O

*1: Nếu có

*2: Có thể thay đổi các cài đặt tùy chọn liên kết với các cài đặt của Cài đặt của tôi.

n Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (→P.160)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh	Bật	Tắt	O	–	O
Mở khóa cửa thông minh	Tất cả các cửa	Cửa người lái	O	–	O
Số lần hoạt động khóa cửa liên tục	2 lần	Nhiều như mong muốn	–	–	O

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Thời gian trước khi mở khóa tất cả các cửa khi nắm vào tay nắm cửa người lái*	2 giây	1.5 giây	–	–	O
		2.5 giây			
		Tắt			
Chiếu sáng công tắc động cơ	Bật	Tắt	–	–	O

*: Có thể thay đổi cài đặt này khi đặt được việc mở khóa cửa thông minh đến "Driver's door".

n Điều khiển từ xa (→P.135)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Điều khiển từ xa	Bật	Tắt	–	–	O
Thao tác mở khóa*1	Tất cả các cửa được mở khóa bằng một thao tác	Cửa người lái được mở khóa bằng một thao tác, tất cả các cửa được mở khóa bằng hai thao tác	O	–	O
Chức năng kích hoạt công tắc của điều khiển từ xa khi khóa cửa (→P.146)*2, 3	Tắt	Bật (Mở khóa tất cả các cửa)	–	–	O
		Bật (Chỉ mở khóa cửa hậu)			
Báo động (Chế độ báo động)*2	Bật	Tắt	–	–	O

*1: Có thể thay đổi các cài đặt tùy chọn liên kết với các cài đặt của Cài đặt của tôi.

*2: Nếu có

*3: Cài đặt mặc định sẽ thay đổi theo từng quốc gia.

n Cửa hậu điều khiển điện[*1] (→P.146)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Điều khiển cửa hậu điều khiển điện	Bật	Tắt	–	O	–
Hoạt động của công tắc bộ mở cửa hậu	Hãy ấn và giữ	Ấn nhanh một lần	–	–	O
Công tắc của điều khiển từ xa	Hãy ấn và giữ	Ấn nhanh một lần	–	–	O
		Ấn hai lần			
		Tắt			
Âm lượng chuông báo	Mức 3	Mức 1	–	O	–
		Mức 2			
Chuông báo vận hành trong khi cửa hậu đang hoạt động[*2, 3]	Bật	Tắt	–	–	O
Góc mở	5	1 đến 4	–	O	–
		Cài đặt người sử dụng[*4]			
Tự động đóng cửa hậu khi hạ cửa xuống	Bật	Tắt	–	–	O
Tự động mở cửa hậu bằng công tắc mở cửa hậu	Bật	Tắt	–	–	O
Chức năng đóng và khóa (Walk-Away)	Tắt	Bật	–	–	O
Cửa hậu điều khiển rảnh tay[*1]	Bật	Tắt	–	O	–
Độ nhạy của cảm biến đá chân[*1]	+1	+0	–	–	O
		+2			
Chuông sẽ kêu khi cảm biến đá chân phát hiện thấy bàn chân[*1]	Bật	Tắt	–	–	O
Chức năng đóng và khóa (Walk-Away) điều khiển rảnh tay[*1]	Tắt	Bật	–	–	O

[*1]: Nếu có

[*2]: Chuông vận hành sẽ kêu khi cửa hậu bắt đầu hoạt động không thể tắt được.

*3: Cài đặt mặc định sẽ thay đổi theo từng quốc gia.

*4: Vị trí mở được cài đặt bằng công tắc cửa hậu điều khiển điện. (→P.159)

n Nhớ vị trí lái* (→P.191)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Chức năng tránh va chạm giữa tựa đầu và trần xe (trong khi chuyển đến vị trí nhớ)	Bật	Tắt	–	–	O

*: Nếu có

n Kích hoạt vào và ra dễ dàng cho người lái (Hệ thống giúp vào xe dễ dàng điều khiển điện)*1 (→P.191)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Dịch chuyển ghế của người lái khi rời khỏi xe*2	Đầy đủ	Tắt	O	–	O
		Một phần			
Dịch chuyển vô lăng khi ra khỏi xe*2	Chỉ nghiêng	Tắt	O	–	–
		Chỉ trượt			
		Nghiêng và trượt			

*1: Nếu có

*2: Có thể thay đổi các cài đặt tùy chọn liên kết với các cài đặt của Cài đặt của tôi.

n Gương chiếu hậu bên ngoài xe (→P.182)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Hoạt động gập và mở tự động*	Liên kết với trạng thái khóa/mở khóa các cửa	Tắt	–	–	O
		Hoạt động liên kết với các chế độ của công tắc động cơ			

*: Nếu có

n Cửa sổ điện và cửa sổ trời[*1] (→P.185, 188)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Hoạt động liên kết với chìa khóa cơ[*1, 2]	Tắt	Bật	–	–	O
Hoạt động liên kết với điều khiển từ xa[*1, 2]	Tắt	Bật	–	–	O
Tín hiệu hoạt động liên kết với điều khiển từ xa (chuông báo)	Bật	Tắt	–	–	O

[*1]: Nếu có

[*2]: Có thể thay đổi các cài đặt của cửa sổ trời kết nối với cài đặt của cửa sổ điện.

n Cửa sổ trời[*] (→P.188)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Liên kết với hoạt động của các thiết bị khi sử dụng chìa khóa cơ[*]	Chỉ trượt	Chỉ nghiêng	–	–	O
Liên kết với hoạt động của các thiết bị khi sử dụng điều khiển từ xa[*]	Chỉ trượt	Chỉ nghiêng	–	–	O

[*]: Nếu có

n Cài đặt của tôi (→P.196)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A [*1]	B [*2]	C
Chức năng Cài đặt của tôi	Bật	Tắt	–	O	–
Chuyển đổi người lái	Khách	Người lái 1	O	O	–
		Người lái2			
		Người lái3			

[*1]: Xe có hệ thống dẫn đường

[*2]: Xe không có hệ thống dẫn đường

n Công tắc động cơ (→P.232)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Tùy chỉnh ACC* Kích hoạt/Vô hiệu hóa chế độ ACC	Bật/Tắt	O	–	O

*: Nếu có

n Hệ thống điều khiển đèn tự động (→P.249)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Độ nhạy của cảm biến đèn*1	Bình thường	Sáng hơn Sáng Tối Tối hơn	O	–	O
Thời gian trôi qua trước khi các đèn pha tự động tắt sau khi đóng các cửa (Hệ thống kéo dài thời gian sáng đèn pha)*2	30 giây	60 giây 90 giây 120 giây	–	–	O
Khoảng thời gian trước khi đèn pha tự động sáng*2	Tiêu chuẩn	Dài	–	–	O

*1: Có thể thay đổi các cài đặt tùy chọn liên kết với các cài đặt của Cài đặt của tôi.

*2: Nếu có

n Đèn (→P.249)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Đèn chào đón*	Bật	Tắt	–	–	O

*: Nếu có

n Gạt nước kính cửa hậu (→P.265)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Chức năng dừng gạt nước kính cửa hậu liên kết với cửa hậu	Tắt	Bật	–	–	O
Hoạt động phun nước rửa kính liên kết với cần gạt nước rửa kính cửa hậu	Bật	Tắt	–	–	O

n Hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu đèn pha[*1] (→P.254)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu của đèn pha	Bật/Tắt[*2]	–	–	O
Độ sáng và vị trí chiếu sáng của đèn pha chiếu xa được điều chỉnh theo tốc độ của xe	15 km/h (9 mph) / 30 km/h (19 mph) / 40 km/h (25 mph)[*3] / 60 km/h (37 mph)[*4]	–	–	O
Điều chỉnh cường độ sáng của đèn pha chiếu xa khi lái xe quanh một khúc cua (Rọi sáng hơn khu vực vào cua theo hướng rẽ của xe)	Bật/Tắt	–	–	O
Điều chỉnh khoảng cách chiếu của đèn pha chiếu gần theo khoảng cách với xe phía trước	Bật/Tắt	–	–	O
Điều khiển phân bố ánh sáng đèn pha chiếu xa trong khi trời mưa	Bật/Tắt	–	–	O
Điều khiển phân bố ánh sáng đèn pha khi lái xe trong khu vực đô thị	Bật/Tắt	–	–	O

[*1]: Nếu có

[*2]: Hoạt động như hệ thống chiếu xa tự động (→P.257)

[*3]: Xe có mã kiểu xe[*5] có chữ cái cuối cùng khác W"

[*4]: Xe có mã kiểu xe[*5] có chữ cái cuối cùng "W"

[*5]: Mã kiểu xe sẽ được chỉ ra trên nhãn của nhà sản xuất hoặc trên tấm nhãn chứng nhận. (→P.651)

n Hệ thống cảnh báo tiền va chạm[*1] (→P.277)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Hệ thống cảnh báo tiền va chạm	Bật/Tắt	–	O	–
Thời điểm cảnh báo[*2]	Muộn/Tùy chọn/Sớm	–	O	–

[*1]: Nếu có

[*2]: Cài đặt này sẽ thay đổi bằng My Setting (Các cài đặt của tôi).

n Hệ thống cảnh báo đi lệch làn đường (LDA)[*1] (→P.291)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Hệ thống cảnh báo đi lệch làn đường (LDA)[*2]	Bật/Tắt	–	O	–
Thời điểm cảnh báo[*2]	Mặc định/Sớm	–	O	–
Cài đặt cảnh báo[*2]	Rung/âm thanh	–	O	–

[*1]: Nếu có

[*2]: Cài đặt này sẽ thay đổi bằng My Setting (Các cài đặt của tôi).

n Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (DRCC)[*1] (→P.298)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Cài đặt điều khiển tăng tốc[*2]	Thấp/Trung bình/Cao	–	O	–
Cài đặt tốc độ (ấn nhanh)[*2]	1km/h /5km/h /10km/h	–	O	–
Cài đặt tốc độ (ấn giữ)[*2]	1km/h /5km/h /10km/h	–	O	–
DRCC(RSA)[*1, 2]	Bật/Tắt	–	O	–
Độ lệch giới hạn tốc độ[*1, 2]	-5 - +5	–	O	–
Thông báo chỉ dẫn[*2]	Bật/Tắt	–	O	–
Giảm tốc độ tại khúc cua[*2]	TẮT/Thấp/Trung bình/Cao	–	O	–

[*1]: Nếu có

[*2]: Cài đặt này sẽ thay đổi bằng My Setting (Các cài đặt của tôi).

n Hỗ trợ nhận diện biển báo giao thông[*1] (→P.296)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Hỗ trợ nhận diện biển báo giao thông[*2]	Bật/Tắt	–	O	–
Phương thức thông báo đi quá tốc độ[*2]	Không/Hình ảnh/Hình ảnh và Âm thanh	–	O	–
Mức thông báo đi quá tốc độ[*2]	10 km/h / 5 km/h / 2 km/h	–	O	–

[*1]: Nếu có

[*2]: Cài đặt này sẽ thay đổi bằng My Setting (Các cài đặt của tôi).

n Gợi ý tài xế nghỉ[*] (→P.294)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Gợi ý tài xế nghỉ	Bật/Tắt	–	O	–

[*]: Nếu có

n BSM (Theo dõi điểm mù)[*1] (→P.325)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù)	Bật/Tắt	–	O	–
Độ sáng của đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài xe[*2]	Mờ/Sáng	–	O	–
Thời điểm cảnh báo sự có mặt của xe đang tiếp cận (độ nhạy)[*2]	Muộn/Tùy chọn/Sớm	–	O	–
Chuông cảnh báo[*2]	Bật/Tắt	–	O	–

[*1]: Nếu có

[*2]: Có thể thay đổi các cài đặt tùy chọn liên kết với các cài đặt của Cài đặt của tôi.

n Thông báo xe phía sau đang tiếp cận[*1] (→P.330)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Thông báo xe phía sau đang tiếp cận[*2]	Bật/Tắt	–	O	–
Thời điểm cảnh báo sự có mặt của xe đang tiếp cận (độ nhạy)[*2]	Muộn/Trung bình/Sớm	–	O	–

[*1]: Nếu có

[*2]: Có thể thay đổi các cài đặt tùy chọn liên kết với các cài đặt của Cài đặt của tôi.

n Hỗ trợ xuống xe an toàn[*1] (→P.337)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Hỗ trợ xuống xe an toàn	Bật/Tắt	–	O	–
Gương chiếu hậu bên ngoài xe[*2]	Bật/Tắt	–	O	–
Độ nhạy phát hiện[*2]	Thấp/Trung bình/Cao	–	O	–

[*1]: Nếu có

[*2]: Có thể thay đổi các cài đặt tùy chọn liên kết với các cài đặt của Cài đặt của tôi.

n Cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota[*1] (→P.342)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota	Bật/Tắt	–	O	–
Âm lượng chuông báo của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota khi hoạt động[*2, 3]	Mức 1 / Mức 2 / Mức 3	–	O	–
Khoảng cách mà cảm biến giữa phía trước bắt đầu phát hiện	Gần / Tiêu chuẩn	O[*4, 5]	–	–
Khoảng cách mà cảm biến giữa phía sau bắt đầu phát hiện	Gần / Tiêu chuẩn	O[*4, 5]	–	–

[*1]: Nếu có

[*2]: Có thể thay đổi các cài đặt tùy chọn liên kết với các cài đặt của Cài đặt của

tôi.

*3: Cài đặt này được liên kết với âm lượng chuông cảnh báo động của các hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota, RCTA*1, và RCD*1.

*4: Đối với các xe có màn hình quan sát toàn cảnh, cài đặt có thể được thay đổi trên màn hình cài đặt của màn hình quan sát toàn cảnh. Để biết chi tiết, hãy tham khảo "Hướng dẫn sử dụng đa phương tiện".

*5: Đối với các xe có màn hình đa địa hình, có thể thay đổi cài đặt trên màn hình cài đặt của màn hình đa địa hình.

n Chức năng cảnh báo phương tiện chạy cắt ngang phía sau (RCTA)*1 (→P.348)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Chức năng cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA)	Bật/Tắt	–	O	–
Âm lượng chuông báo của hệ thống RCTA khi hoạt động*2, 3	Mức 1/Mức 2/Mức 3	–	O	–

*1: Nếu có

*2: Có thể thay đổi các cài đặt tùy chọn liên kết với các cài đặt của Cài đặt của tôi.

*3: Cài đặt này được liên kết với âm lượng chuông cảnh báo động của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota*1, RCTA và RCD*1.

n Chức năng phát hiện bằng camera phía sau (RCD)* (→P.353)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Chức năng phát hiện bằng camera phía sau (RCD)	Bật/Tắt	–	O	–

*: Nếu có

n Hệ thống Dừng và Khởi động* (→P.318)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Thay đổi khoảng thời gian của hệ thống Dừng và Khởi động khi A/C bật	Tiêu chuẩn	Kéo dài	–	O	–

*: Nếu có

n Theo dõi đa địa hình[*1, 2] (→P.368)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Góc nhìn khi vào cua[*3]	Bật	Tắt	O	–	–
Nhìn dưới xe[*3]	Bật	Tắt	O	–	–
Màn hình 3D hỗ trợ đỗ xe TOYOTA[*3]	Bật	Tắt	O	–	–
Phía trước của Khoảng cách hỗ trợ đỗ xe TOYOTA[*3]	Tiêu chuẩn	Gần	O	–	–
Phía sau của Khoảng cách hỗ trợ đỗ xe TOYOTA[*3]	Tiêu chuẩn	Gần	O	–	–
Màu thân xe[*3]	Màu 1	Màu 2 đến 7	O	–	–

[*1]: Nếu có

[*2]: Có thể thay đổi cài đặt này trên màn hình cài đặt màn hình đa địa hình. (→P.418)

[*3]: Có thể thay đổi các cài đặt tùy chọn liên kết với các cài đặt của Cài đặt của tôi.

n Công tắc chọn chế độ lái xe[*] (→P.436)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Điều khiển truyền lực trong chế độ tùy chọn[*]	Bình thường	Power Eco	O	–	–
Điều khiển vô lăng trong chế độ custom (tùy chọn)[*]	Bình thường	Sport	O	–	–
Điều khiển hệ thống treo trong chế độ tùy chọn[*]	Bình thường	Sport Comfort	O	–	–
Hoạt động hệ thống điều hòa trong chế độ tùy chọn[*]	Bình thường	Eco	O	–	–

[*]: Nếu có

n Hệ thống điều hòa không khí tự động (→P.474)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Chuyển giữa chế độ lấy khí từ bên ngoài và tuần hoàn khí trong xe liên kết hoạt động của công tắc "AUTO".*	Bật	Tắt	O	–	O
Vận hành công tắc điều hòa tự động A/C*	Bật	Tắt	O	–	O

*: Có thể thay đổi các cài đặt tùy chọn liên kết với các cài đặt của Cài đặt của tôi.

n Bộ sưởi ghế*1/Bộ thông thoáng ghế*1 (→P.488)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Ưu tiên nhiệt độ trên ghế người lái ở chế độ tự động*2	Tiêu chuẩn	từ -2 (mát hơn) đến 2 (ấm hơn)	O	–	O
Nhiệt độ ưu tiên của ghế hành khách phía trước ở chế độ tự động*2	Tiêu chuẩn	từ -2 (mát hơn) đến 2 (ấm hơn)	O	–	O
Ưu tiên nhiệt độ trên ghế sau bên trái ở chế độ tự động*1	Tiêu chuẩn	từ -2 (mát hơn) đến 2 (ấm hơn)	O	–	O
Ưu tiên nhiệt độ trên ghế sau bên phải ở chế độ tự động*1	Tiêu chuẩn	từ -2 (mát hơn) đến 2 (ấm hơn)	O	–	O

*1: Nếu có

*2: Các cài đặt mặc định của bộ sưởi ghế được thay đổi liên kết với các cài đặt của Cài đặt của tôi

n Hệ thống đèn chiếu sáng (→P.492)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Thời gian trôi qua trước khi các đèn nội thất tắt*1	15 giây	Tắt	O	–	O
		7.5 giây			
		30 giây			

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Hoạt động sau khi tắt công tắc động cơ	Bật	Tắt	–	–	O
Hoạt động khi bạn đến gần xe và mang theo chìa khóa điện tử	Bật	Tắt	–	–	O
Hoạt động khi các cửa được mở khóa	Bật	Tắt	–	–	O
Thời gian trôi qua trước khi đèn soi chân bên ngoài*2 và đèn *2 được tắt *1	15 giây	Tắt	O	–	O
		7.5 giây			
		30 giây			
Hoạt động của đèn soi chân bên ngoài*2 và đèn*2 khi bạn tiến gần tới xe với chìa khóa mang theo người	Bật	Tắt	–	–	O
Hoạt động của các đèn soi chân*2 và đèn*2 khi cửa được mở khóa	Bật	Tắt	–	–	O
Hoạt động của các đèn chiếu sáng dưới chân*2 và đèn*2 khi có một cửa được mở	Bật	Tắt	–	–	O
Đèn soi chân*2	Bật	Tắt	–	–	O
Đèn soi tay nắm cửa bên trong xe*2	Bật	Tắt	–	–	O

*1: Có thể thay đổi các cài đặt tùy chọn liên kết với các cài đặt của Cài đặt của tôi.

*2: Nếu có

n Tùy chọn cá nhân trên xe

l Khi chức năng khóa cửa liên kết với tốc độ xe và khóa cửa liên kết với vị trí cần số đều bật, khóa cửa sẽ hoạt động như sau

- Nếu xe được khởi động với tất cả các cửa đã khóa lại, thì chức năng khóa cửa liên kết với tốc độ xe không hoạt động.
- Nếu khởi động xe khi có bất kỳ cửa xe nào đang mở khóa, thì chức năng khóa cửa liên kết với tốc độ sẽ hoạt động.
- Khi chuyển cần số tới bất kỳ vị trí nào khác P, thì tất cả các cửa sẽ được khóa lại.

l Khi tắt hệ thống mở khóa và khởi động thông minh, thì chức năng chọn cửa

để mở khóa sẽ không thể tùy chọn được.

Các hạng mục cần khởi tạo

Hạng mục sau phải được tiến hành khởi tạo để hệ thống hoạt động bình thường sau khi nối lại ắc quy hoặc sau khi tiến hành bảo dưỡng xe:

Danh sách những hạng mục cần khởi tạo

Hạng mục	Tiến hành khởi tạo	Tham khảo
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp*	• Khi đảo các lốp • Nếu áp suất lốp được thay đổi như khi thay đổi cỡ lốp. (Khi có nhiều áp suất khác nhau) • Sau khi đăng ký mã nhận dạng ID	P.569
Bảo dưỡng dầu (trừ động cơ 1GR-FE)	• Sau khi tiến hành bảo dưỡng	P.552
Điều khiển bò xe (với chức năng hỗ trợ vào cua)*	• Khi lắp lại cực ắc quy	P.448
Cửa hậu điều khiển điện*	• Sau khi nối lại hoặc nạp ắc quy	P.155
Cửa sổ điện	• Khi cửa hoạt động bất thường	P.185
Cửa sổ trời*		P.189

*: Nếu có

Mục lục

Phải làm gì nếu… (Cách xử lý) 694
Bảng danh mục theo thứ tự bảng chữ cái 697

Phải làm gì nếu... (Cách xử lý)

Nếu xe của bạn có vấn đề, hãy kiểm tra như sau trước khi liên hệ với đại lý Toyota.

Không thể khóa, mở khóa, mở hoặc đóng các cửa xe



Mất chìa khóa

- Nếu bạn đánh mất chìa khóa cơ hoặc chìa khóa khác, đại lý Toyota sẽ cung cấp chìa khóa cơ mới chính hiệu cho bạn. (→P.632)
- Nếu bạn bị mất chìa khóa điện tử, thì nguy cơ mất trộm xe sẽ rất cao. Hãy liên hệ với đại lý Toyota ngay lập tức. (→P.632)



Không thể khóa hoặc mở khóa các cửa xe

- Pin chìa khóa có yếu hay hết điện không? (→P.582)
- Công tắc động cơ đang bật ON?
  Khi khóa các cửa, tắt công tắc động cơ. (→P.232)
- Chìa khóa điện tử đang ở trong xe không?
  Khi khóa các cửa, hãy đảm bảo rằng bạn đang mang chìa khóa điện tử theo người.
- Chức năng này có thể không hoạt động chính xác do điều kiện thu/phát sóng rađiô. (→P.162)



Không thể mở cửa sau

- Cơ cấu khóa bảo vệ trẻ em có được gài không?
  Bạn sẽ không thể mở cửa sau từ bên trong của xe khi đã cài khóa bảo vệ trẻ em. Hãy mở cửa sau từ bên ngoài rồi mở khóa cơ cấu khóa bảo vệ trẻ em. (→P.142)

Nếu có điều gì đó bất thường



Động cơ không khởi động được

- Bạn có ấn công tắc động cơ trong khi đã đạp chắc phanh chưa? (→P.229)
- Cần số có đang ở vị trí P không? (→P.229)
- Chìa khóa điện tử có được phát hiện ở bất cứ vị trí nào trong xe không? (→P.161)
- Vô lăng có mở khóa không? (→P.230)
- Pin chìa khóa điện tử có bị yếu hay hết điện không?
  Trong trường hợp này, có thể khởi động động cơ bằng biện pháp tình thế. (→P.634)

- Ắc quy có bị hết điện không? (→P.635)
- Xe có hệ thống xác thực vân tay: Đã thực hiện thanh công việc đăng ký xác thực vân tay?



Cần số sẽ không thể chuyển khỏi vị trí P ngay cả khi bạn đạp bàn đạp phanh

- Công tắc động cơ đã được bật ON chưa? Nếu bạn không thể nhả cần số khi đã đạp phanh với công tắc động cơ ở chế độ bật ON. (→P.236, 239)



Không thể xoay vô lăng sau khi tắt động cơ

- Vô lăng sẽ tự động khóa lại để đề phòng trộm. (→P.230)



Không thể mở hoặc đóng các cửa sổ bằng các công tắc cửa sổ điều khiển điện

- Bạn có ấn công tắc khóa cửa sổ không?
  Các cửa sổ điện, ngoại trừ cửa người lái, sẽ không thể hoạt động được nếu đã ấn công tắc khóa cửa sổ. (→P.187)



Công tắc động cơ sẽ tự động tắt

- Chức năng tự động tắt nguồn sẽ hoạt động nếu để xe ở ACC hoặc ON (động cơ không hoạt động) trong một thời gian nhất định. (→P.232)



Chuông cảnh báo kêu trong khi lái xe

- Đèn nhắc nhở thắt đai an toàn đang nhấp nháy

Người lái và các hành khách đã thắt đai an toàn chưa? (→P.609, 609)

- Đèn chỉ báo phanh đỗ bật

Phanh đỗ đã được nhả chưa? (→P.243)

Tùy vào từng trường hợp, những chuông cảnh báo khác có thể cũng kêu. (→P.602, 612)



Hệ thống báo động được kích hoạt và còi kêu (nếu có)

- Có người ở trong xe mở cửa khi đã đặt hệ thống báo động không?
  Cảm biến phát hiện ra và chuông báo kêu. (→P.73)

Để tắt báo động, hãy bật công tắc động cơ tới vị trí ON hoặc khởi động động cơ.



Chuông cảnh báo kêu khi rời khỏi xe

- Trên màn hình đa thông tin có xuất hiện thông báo nào không?
  Kiểm tra các thông báo trên màn hình đa thông tin. (→P.612)



Đèn cảnh báo sáng lên hoặc một thông điệp cảnh báo xuất hiện

- Khi đèn cảnh báo sáng lên hoặc thông báo xuất hiện trên màn hình, hãy tham khảo trang P.602, 612.

Khi xe gặp vấn đề



Nếu xe bị xịt lốp

- Hãy dừng xe ở một vị trí an toàn trên đường và thay lốp bị xịt hơi bằng lốp dự phòng. (→P.620)



Nếu xe bị sa lầy

- Hãy thực hiện theo quy trình khi xe bị sa lầy trong bùn, lầy hoặc tuyết. (→P.644)

Bảng danh mục theo thứ tự bảng chữ cái

A

AdBlue™ 562
Đồng hồ đo AdBlue™ 109, 120
Dung tích 564
Đèn cảnh báo mức nhiên liệu AdBlue™ thấp 608
Nạp lại 564
Thông điệp cảnh báo 563
Ắc quy
Kiểm tra 555
Nếu ắc quy bị hết điện 635
Chuẩn bị và kiểm tra xe trước mùa đông 466
Thay thế 638
Đèn cảnh báo 602
Ăng ten
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh 160
AHB (Chiếu xa tự động) 257
AHS (Hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu của đèn pha) 254
An toàn cho trẻ em 44
Các lưu ý với túi khí 39
Các lưu ý với cửa hậu 143
Lưu ý đối với ắc quy 557
Hệ thống ghế cho trẻ em 44
Các lưu ý về bộ sưởi vô lăng và bộ sưởi ghế 488
Cách thắt đai an toàn cho trẻ em 32
Các lưu ý với cửa sổ trời 190
Công tắc khóa cửa sổ điện 187
Các lưu ý với cửa sổ điện 186
Cơ cấu khóa cửa bảo vệ trẻ em trên cửa sau 142
Các lưu ý với đai an toàn 31
Các lưu ý với bộ sưởi ghế 488
Áp suất lốp
Dữ liệu bảo dưỡng 665
Đèn cảnh báo 609
AVS (Hệ thống treo tùy chỉnh chế độ) 458

B

Bảo dưỡng
Tự bảo dưỡng 542
Dữ liệu bảo dưỡng 648
Các yêu cầu bảo dưỡng 531
Bộ chống đóng băng kính chắn gió 481
Bộ lọc nhiên liệu 561
Bộ lọc điều hòa 580
Bộ mở
Cửa hậu 145, 147
Cửa nạp nhiên liệu 268
Nắp capô 544
Bộ nhớ vị trí ghế 192
Bộ rửa đèn pha 262
Bộ sấy
Gương chiếu hậu bên ngoài xe 477
Kính cửa hậu 477
Kính chắn gió 477
Bộ sấy kính chắn gió 477
Bộ sấy kính cửa hậu 477
Bộ sưởi
Hệ thống điều hòa không khí tự động 474, 484
Bộ sưởi vô lăng 489
Gương chiếu hậu bên ngoài xe 477
Bộ sưởi ghế 489
Bộ sưởi ghế 489
Bộ sưởi vô lăng 489
Bộ thông gió
Bộ thông gió cho ghế 490
Bộ thông gió cho ghế 490
Bóng đèn
Thay thế 588
Công suất 666
Bugi 661

C

Cần chuyển số.....235, 239
Hộp số tự động 234, 238
Nếu không thể chuyển số khỏi vị trí P.....236, 239
Cần gạt nước rửa kính chắn gió262
Cầu chì.....584
Cài đặt của tôi 196
Các cảm biến hỗ trợ đỗ xe (Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota).....342
Các công tắc
Nút "SOS" 60, 64, 67
Công tắc hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu của đèn pha 254
Công tắc hệ thống chiếu xa tự động.....257
Công tắc giữ phanh.....246
Công tắc Camera 372
Công tắc báo khóa vi sai trung tâm 439
Công tắc điều khiển chạy tự động 301, 309, 313
DAC/CRAWL.....452
Các công tắc khóa cửa 141
Công tắc hệ thống DPF 455
Công tắc DRIVE MODE 436
Công tắc chọn chế độ lái xe ...436
Các công tắc nhớ vị trí lái 192
Công tắc đèn nháy khẩn cấp ..594
Công tắc động cơ.....229
Công tắc đèn sương mù 260
Công tắc điều khiển bốn bánh chủ động.....438
Công tắc khóa vi sai trước 441
Công tắc đèn pha 249
Bộ sưởi vô lăng 489
Khóa điện 229
Công tắc hủy cảm biến xâm nhập và cảm biến nghiêng xe.....75
Công tắc điều khiển 249
Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô 105, 115
Công tắc điều khiển cửa sổ trời 188
MTS.....449
Công tắc điều khiển gương chiếu hậu bên ngoài 183
Công tắc phanh đỗ 243
Công tắc PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) 358
Công tắc cửa hậu điều khiển điện 146
Công tắc cửa sổ điều khiển điện 185
Công tắc khóa vi sai sau 443
Công tắc bộ sấy kính cửa hậu và gương chiếu hậu bên ngoài xe 477
Công tắc gạt nước và phun nước rửa kính cửa hậu 265
Công tắc bộ sưởi ghế.....489
Công tắc bộ thông gió cho ghế 490
Các công tắc điều khiển trên vô lăng 519
Công tắc điều chỉnh vị trí vô lăng 179
Công tắc hỗ trợ lái 445
Công tắc "VIEW" 372
Công tắc VSC OFF 459
Công tắc khóa cửa sổ 187
Công tắc bộ sấy kính chắn gió477
Cần gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió 262
Công tắc nguồn cấp điện của bộ sạc không dây.....511
Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô..... 105, 115
Các cổng USB kiểu C 509
Các giá bắt móc.....58
Các lưu ý khi cất đồ.....497

Các móc
Móc cố định hành lý 502
Móc treo áo 518
Móc hãm (thảm trải sàn xe).....28
Các đèn cảnh báo
Hệ thống ABS 604
Đèn chỉ báo hoạt động của chức năng giữ phanh.....608
Hệ thống kiểm soát tăng ga ngoài ý muốn.....606
Hệ thống phanh 602
Đèn chỉ báo khóa vi sai trung tâm 607
Hệ thống nạp 602
Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động.....605
Điều khiển dẫn động - khởi động 606
Chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe.605
Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa.....605
Đèn chỉ báo khóa vi sai phía trước 607
Nhiệt độ nước làm mát cao.....603
Chỉ báo LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn).....604
Mức dung dịch AdBlue™ thấp.608
Áp suất dầu động cơ thấp.....603
Mức nhiên liệu thấp 608
Đèn chỉ báo chế độ bốn bánh chủ động tốc độ thấp.....607
LTA (Hỗ trợ bám làn đường)...604
Đèn chỉ báo hư hỏng.....603
Đèn chỉ báo phanh đỗ.....608
PCS.....604
Phanh hỗ trợ đỗ xe (PKSB) 606
Trợ lực lái 604
Đèn chỉ báo khóa vi sai sau 608
Đèn nhắc thắt đai an toàn.....609, 609
Đèn chỉ báo trượt 607
Hệ thống túi khí.....603
Đèn chỉ báo tắt hệ thống dừng và khởi động động cơ 606
Áp suất lốp.....609
Đèn chỉ báo OFF cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 606
Các đèn góc 253
Các đèn lùi
Thay bóng đèn 588
Các đèn soi bậc lên xuống bên ngoài.....492
Thay bóng đèn 588
Các thông điệp cảnh báo.....612
Cảm biến
Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù).....326
Điều khiển đèn pha.....250
Gương chiếu hậu bên trong xe182
Cảm biến phát hiện xâm nhập và cảm biến nghiêng 75
Cảm biến đá chân.....149, 150
LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn) 291
LTA (Hỗ trợ bám làn đường) ...286
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (Xe di chuyển ở phía sau xe bạn) 326
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (Vật thể cố định phía trước và phía sau của xe).....342
Cửa hậu điều khiển điện.....151
Cảm biến ra đa 326
Cần gạt nước kính chắn gió có cảm biến nước mưa 264
Công tắc RCTA (cảnh báo có phương tiện chạy cắt ngang phía sau).....326
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 342
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota .342
Chức năng.....342
Cảm biến phát hiện xâm nhập và cảm biến nghiêng..... 75

Cảnh báo có phương tiện chạy cắt ngang phía sau (RCTA) 348
Cảnh báo lệch làn (LDA) 291
Hoạt động 291
Chăm sóc xe
Vành nhôm 524
Bên ngoài xe 524
Bên trong xe 528
Đai an toàn 528
Chắn nắng
Cửa sổ trời 188
Chế độ Sport (thể thao) 436
Chìa khóa 134
Chức năng tiết kiệm điện 162
Chìa khóa điện tử 134
Công tắc động cơ 229
Nếu chìa khóa điện tử không hoạt động chính xác 633
Nếu bạn đánh mất chìa khóa .. 632
Tấm ghi số hiệu chìa 134
Hệ thống mở khóa thông minh 135, 160
Chìa khóa cơ 136
Thay pin 582
Chuông cảnh báo 161
Chìa điều khiển từ xa 135
Chìa khóa điện tử 134
Chức năng tiết kiệm điện 162
Nếu chìa khóa điện tử không hoạt động chính xác 633
Thay pin 582
Chức năng chống kẹt khi lên kính
Nhớ vị trí lái 192
Chức năng gọi lại bộ nhớ 195
Cửa sổ trời 188
Cửa hậu điều khiển điện 151
Hệ thống dễ vào xe 191
Cửa sổ điện 185
Chức năng ghi dữ liệu (EDR) 9
Chức năng ghi dữ liệu sự kiện (EDR) 9
Chức năng ghi dữ liệu xe 8, 8
Chức năng giữ phanh 246
Chức năng gợi ý 113, 125
Chức năng nhớ vị trí ghế người lái 191
Nhớ vị trí lái 192
Chức năng gọi lại bộ nhớ 193
Hệ thống dễ vào xe 191
Chức năng phát hiện bằng camera phía sau (RCD) 353
Chức năng 353
Chuông cảnh báo
Chức năng giữ phanh 608
Hệ thống kiểm soát tăng ga ngoài ý muốn 606
Hệ thống phanh 602
Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động 605
Xuống số 237, 241
Điều khiển dẫn động - khởi động 606
Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa 605
Nhiệt độ nước làm mát cao 603
Chỉ báo LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn) 604
LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn) 291
Áp suất dầu động cơ thấp 603
LTA (Hỗ trợ bám làn đường) ... 604
LTA (Hỗ trợ bám làn đường) .286, 604
RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) 296
Nhắc thắt đai an toàn 609, 609
Đèn chỉ báo OFF cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 606
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 342
Công tắc chọn chế độ lái xe 436
Công tắc khóa cửa sổ 187
Công tắc động cơ 229

Chức năng tự động tắt nguồn .233
Thay đổi chế độ của công tắc động cơ 232
Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp 594
Hệ thống đèn chiếu sáng.....230
Khởi động động cơ 229
Công tắc RCTA (cảnh báo có phương tiện chạy cắt ngang phía sau) 348
Chức năng RCTA.....349
Còi.....180
Cửa bên 138
Cửa hậu 143
Bộ đóng cửa hậu.....151
Công tắc mở cửa hậu 147
Cửa hậu điều khiển rảnh tay.149, 150
Đèn chiếu sáng khoang hành lý 145, 151
Cửa hậu điều khiển điện.....146
Điều khiển từ xa 146
Cửa hậu điều khiển điện 146
Chức năng chống kẹt khi lên kính 151
Công tắc cửa hậu điều khiển điện 146
Cửa hậu điều khiển rảnh tay....149
Cửa nạp nhiên liệu 268
Nạp nhiên liệu 267
Cửa sổ
Cửa sổ điện.....185
Bộ sấy kính cửa hậu 477
Vòng đệm.....262, 265
Cửa sổ bên 185
Cửa sổ điện 185
Chức năng chống kẹt khi lên kính 185
Hoạt động 185
Công tắc khóa cửa sổ 187
Cửa sổ trời.....188
Chức năng khóa cửa liên kết với vận hành cửa sổ trời 189
Chức năng chống kẹt khi lên kính 188
Hoạt động 188
Cửa xe
Hệ thống khóa và mở khóa cửa tự động 142
Cửa hậu 143
Kính cửa 185
Khóa cửa.....138, 141, 144
Chuông cảnh báo cửa mở.....139
Gương chiếu hậu bên ngoài xe 182
Cơ cấu khóa cửa bảo vệ trẻ em trên cửa sau 142
Cửa bên 138

D

Dầu
Dầu động cơ.....655
Dầu vi sai trước 661
Dầu vi sai sau.....661
Dầu hộp số phụ 663
Dầu động cơ
Dung tích.....655
Kiểm tra.....550
Chuẩn bị và kiểm tra xe trước mùa đông 466
Đèn cảnh báo 603
DAC
Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc 452
Danh sách các đèn trong xe.....492
Dịch vụ kết nối của Toyota 67
DSC (Điều khiển dẫn động - khởi động)
Điều khiển hạn chế khởi hành bất ngờ 209
Dụng cụ 620
Dung dịch

Hộp số tự động 663
Phanh 664
Hệ thống lái 664
Vòng đệm 558

Đ

Đai an toàn 31
Điều chỉnh chiều cao móc treo đai vai lên. 33
Lắp hệ thống ghế cho trẻ em 55
Vệ sinh và bảo dưỡng đai an toàn 528
Bộ cuốn khóa đai khẩn cấp 33
Cách thắt đai an toàn 32
Cách thắt đai an toàn cho trẻ em 32
Cách sử dụng đai an toàn cho phụ nữ có thai 31
Chuông và đèn nhắc thắt đai an toàn 609, 609
Bộ căng đai khẩn cấp 33
Đèn cảnh báo túi khí 603
Đai buộc phía trên 58
Đèn
AHB (Chiếu xa tự động) 257
AHS (Hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu của đèn pha) 254
Các đèn góc 253
Hệ thống kéo dài thời gian sáng đèn pha 251
Đèn sương mù 260
Công tắc đèn pha 249
Hệ thống chiếu sáng lối vào ...493
Danh sách các đèn trong xe ...492
Đèn nội thất 493
Đèn cá nhân 494
Thay bóng đèn 588
Công tắc xi nhan 242
Đèn trang điểm 507
Đèn cá nhân 494
Đèn cảnh báo nguy hiểm phía sau tự động 333
Đèn chỉ báo 86
Đèn chỉ báo chế độ chạy tự động bằng ra đa
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa 298
Đèn chỉ báo hư hỏng 603
Đèn chỉ báo lái Eco..... 106, 117
Đèn chỉ báo lái Eco..... 106, 117
Đèn chiếu sáng khoang hành lý 145, 151
Đèn hậu 249
Thay bóng đèn 588
Công tắc 249
Đèn nhắc hành khách phía trước thắt đai an toàn 609
Đèn nhắc người lái thắt đai an toàn 609
Đèn nhắc thắt đai an toàn .609, 609
Đèn nhắc thắt đai an toàn của hành khách phía sau 609
Đèn nháy khẩn cấp.....594
Đèn nội thất.....493
Đèn pha 249
AHB (Chiếu xa tự động) 257
AHS (Hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu của đèn pha) 254
Hệ thống cân bằng đèn pha tự động 250
Hệ thống cân bằng đèn pha loại thường 251
Thay bóng đèn 588
Công tắc 249
Đèn phanh
Thay bóng đèn 588
Đèn phanh trên cao
Thay bóng đèn 588
Đèn soi biển số 249
Thay bóng đèn 588
Công tắc 249
Đèn soi chân 492

Đèn soi tay nắm cửa bên trong xe 492
Đèn sương mù 260
Thay bóng đèn 588
Công tắc 260
Đèn sương mù phía sau 260
Thay bóng đèn 588
Công tắc 260
Đèn sương mù phía trước.....260
Thay bóng đèn 588
Công tắc 260
Đèn trang điểm 507
Đèn vị trí phía trước 249
Thay bóng đèn 588
Công tắc 249
Đèn xi nhan 242
Thay bóng đèn 588
Công tắc xi nhan 242
Đèn xi nhan bên.....242
Thay bóng đèn 588
Công tắc xi nhan 242
Đèn xi nhan sau 242
Thay bóng đèn 588
Công tắc xi nhan 242
Công suất.....666
Đèn xi nhan trước 242
Thay bóng đèn 588
Công tắc xi nhan 242
Điều chỉnh đèn chiếu sáng bảng táp lô..... 97, 104
Điều chỉnh độ sáng
Điều chỉnh đèn chiếu sáng bảng táp lô 97, 104
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa
Chức năng.....298
Thông điệp cảnh báo 612
Điều khiển dẫn động - khởi động
Điều khiển hạn chế khởi hành bất ngờ 209
Điều khiển ổn định xe (VSC)....458
Điều khiển từ xa 135
Chức năng tiết kiệm điện 162
Khóa/mở khóa 135
Thay pin 582
Động cơ
ACC.....232
Khoang động cơ 546
Công tắc động cơ.....229
Hệ thống cắt bơm nhiên liệu ...601
Nắp capô.....544
Cách khởi động động cơ 229
Số nhận dạng xe 651
Nếu động cơ không khởi động được 631
Nếu xe bị hết nhiên liệu và động cơ chết máy 643
Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp 594
Động cơ bị quá nhiệt 640
Đồng hồ tốc độ động cơ.....93, 98
Động cơ bị quá nhiệt 640
Đồng hồ 96, 103
Đồng hồ công tơ mét..... 93, 98
Đồng hồ đo..... 93, 98
Đồng hồ đo áp suất dầu động cơ 93, 98
Đồng hồ đo hành trình 93, 98
Đồng hồ đo nhiên liệu 93, 98
Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ..... 93, 98
Đồng hồ đo điện áp 93, 98
Đồng hồ táp lô
Đồng hồ 96, 103
Đèn chỉ báo.....86
Điều chỉnh đèn chiếu sáng bảng táp lô 97, 104
Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô 105, 115
Đồng hồ táp lô 93, 98
Màn hình đa thông tin 104, 114
Cài đặt.....109, 120, 670

Đơn vị đo 112, 124
Các đèn cảnh báo 602
Các thông điệp cảnh báo 612
Đồng hồ tốc độ động cơ 93, 98
Đồng hồ tốc độ xe 93, 98

E

eCall 60
ERA-GLONASS/EVAK 63

G

Gạt nước kính cửa hậu 265
Ghế ngồi 166, 167
Các lưu ý khi điều chỉnh ghế. 166, 168
Điều chỉnh 166, 167
Lắp hệ thống ghế cho trẻ em 44
Lắp hệ thống ghế cho trẻ em 44
Vệ sinh 528
Nhớ vị trí lái 191
Tựa đầu 176
Hệ thống dễ vào xe 191
Tư thế ngồi đúng 29
Bộ sưởi ghế 489
Bộ nhớ vị trí ghế 192
Bộ thông gió cho ghế 490
Ghế sau 167
Điều chỉnh 167
Tựa đầu 176
Bộ sưởi ghế 489
Bộ thông gió cho ghế 490
Xếp gọn hàng ghế thứ ba 172
Lật hàng ghế thứ hai 168
Ghế trước 166
Điều chỉnh 166
Vệ sinh 528
Tư thế lái xe đúng 29
Nhớ vị trí lái 191
Tựa đầu 176
Chức năng gọi lại bộ nhớ 193
Hệ thống dễ vào xe 191
Bộ sưởi ghế 489
Bộ nhớ vị trí ghế 192
Bộ thông gió cho ghế 490
Giàn nóng điều hòa 555
Gương
Gương chiếu hậu bên trong xe 181
Bộ sấy gương chiếu hậu bên ngoài xe 477
Gương chiếu hậu bên ngoài xe 182
Gương trang điểm 507
Gương chiếu hậu
Gương chiếu hậu bên trong xe 181
Gương chiếu hậu bên ngoài xe 182
Gương chiếu hậu bên ngoài xe. 182
Điều chỉnh và gập gương 182
Gập và mở 183
Chức năng tự động chỉnh gương khi lùi xe 184
Bộ nhớ vị trí gương 191
Bộ sấy gương chiếu hậu bên ngoài xe 477
Chức năng cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA) .. 348
Hỗ trợ xuống xe an toàn 337
Gương chiếu hậu bên ngoài xe. 182
Điều chỉnh 183
Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù) 325
Gập và mở 183
Bộ sưởi 477
Chức năng tự động chỉnh gương khi lùi xe 184
Bộ nhớ vị trí gương 192
Công tắc RCTA (cảnh báo có phương tiện chạy cắt ngang phía sau) 348
Hỗ trợ xuống xe an toàn 337
Gương chiếu hậu bên trong xe. 181

Gương trang điểm 507

H

Hệ thống ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh).....457
Đèn cảnh báo 604
Hệ thống báo động.....73
Hệ thống báo động 73
Chuông cảnh báo.....602, 612
Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù) 325
Hệ thống cân bằng đèn pha tự động.....250
Hệ thống cắt bơm nhiên liệu 601
Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota 270
AHB (Chiếu xa tự động).....257
AHS (Hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu của đèn pha).....254
Hệ thống điều khiển chạy tự động 309, 313
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa.....298
Hệ thống dừng lái khẩn cấp 316
LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn) 291
LTA (Hỗ trợ bám làn đường) ...286
PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm).....277
RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) 296
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp 569
Chức năng.....569
Lắp van cảm biến áp suất lốp.571
Đăng ký mã ID 575
Đăng ký vị trí của các bánh xe sau đảo lốp.....571
Chọn bộ bánh xe 576
Cài đặt áp suất lốp.....573
Đèn cảnh báo 609
Hệ thống cảnh báo tiền va chạm (PCS)
Chức năng.....277
Đèn cảnh báo 604
Hệ thống chiếu sáng lối vào.....493
Hệ thống chiếu xa tự động (AHB) 257
Hệ thống chống trộm
Hệ thống báo động 73
Hệ thống khóa kép.....72
Hệ thống mã hoá khóa động cơ71
Cảm biến phát hiện xâm nhập và cảm biến nghiêng 75
Hệ thống chọn chế độ đa địa hình 449
Hệ thống dễ vào xe.....191
Hệ thống dừng lái khẩn cấp 316
Hệ thống Dừng và Khởi động
Chức năng.....318
Hệ thống DPF (Hệ thống lọc bụi khí xả diesel) 454
Thông điệp cảnh báo 455
Hệ thống ghế cho trẻ em 44
Phương pháp lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em 54
Hệ thống ghế cho trẻ em 44
Lắp bằng đai an toàn 55
Lắp bằng móc bắt phía dưới ISOFIX 56
Lắp CRS với ghế hành khách phía trước.....46
Lắp CRS bằng móc ISOFIX phía dưới.....56
Lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em bằng đai an toàn 55
Lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em bằng đai buộc phía trên 58
Các điểm cần ghi nhớ 44
Lái xe khi có trẻ em ở trên xe ...44
Phương pháp lắp các loại hệ thống ghế cho trẻ em 54
Dùng móc bắt phía trên 58

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc 458
Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp 457
Hệ thống kéo dài thời gian sáng đèn pha 251
Hệ thống khóa chuyển số236, 239
Hệ thống khóa kép 72
Hệ thống khóa vi sai sau.....443
Hệ thống khóa vi sai trước.....441
Hệ thống khóa vi sai trung tâm439
Hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc 458
Hệ thống làm mát 659
Động cơ bị quá nhiệt.....640
Hệ thống làm mát phía sau 484
Hệ thống mã hoá khóa động cơ 71
Hệ thống mở khóa thông minh
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh.....160
Điều khiển từ xa 135
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh 160
Vị trí đặt ăng ten.....160
Chức năng vào xe.....138, 144
Khởi động động cơ.....229
Thông điệp cảnh báo.....612
Hệ thống đèn chiếu sáng ban ngày 249
Thay bóng đèn.....588
Hệ thống điều hoà không khí tự động phía sau 486
Hệ thống điều hòa 474, 486
Bộ lọc điều hòa.....580
Chế độ Eco của điều hòa không khí 476
Hệ thống điều hòa không khí tự động phía trước.....474
Chế độ luồng khí tập trung ghế trước (S-FLOW).....480
Hệ thống điều hoà không khí tự động phía sau 486
Hệ thống điều hòa không khí 474, 486
Bộ lọc điều hòa.....580
Chế độ Eco của điều hòa không khí 476
Hệ thống điều hòa không khí tự động phía trước.....474
Chế độ luồng khí tập trung ghế trước (S-FLOW).....480
Hệ thống điều hoà không khí tự động phía sau 486
Hệ thống điều hòa không khí tự động.....474, 486
Bộ lọc điều hòa.....580
Chế độ Eco của điều hòa không khí 476
Hệ thống điều hòa không khí tự động phía trước.....474
Chế độ luồng khí tập trung ghế trước (S-FLOW).....480
Hệ thống điều hoà không khí tự động phía sau 486
Hệ thống điều khiển bò xe.....444
Hệ thống điều khiển chạy tự động
Hệ thống điều khiển chạy tự động 309, 313
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa.....298
Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc 452
Hệ thống điều khiển lực kéo (TRC) 458
Hệ thống điều khiển đèn tự động 250
Hệ thống phanh chống bó cứng (ABS).....457
Đèn cảnh báo 604
Hệ thống theo dõi điểm mù (BSM) 325
Hệ thống treo điện tử - động lực

học 458
Hệ thống treo tùy chỉnh chế độ (AVS) 458
Hệ thống tùy chỉnh luồng chiếu của đèn pha (AHS) 254
Hiển thị được kết nối với hệ thống dẫn đường 107, 118
Hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe 107, 117
Hiển thị thông tin lái 106, 118
Hỗ trợ bám làn đường (LTA) 286
Hoạt động 286
Hỗ trợ nhận diện biển báo (RSA) 296
Hỗ trợ xuống xe an toàn 337
Hộp dầm 497
Hộp đựng đồ 496
Hộp đựng đồ vặt 500
Hộp số
Hộp số tự động 234, 238
Chế độ M 237
Chế độ S 241
Hộp số tự động 234, 238
Chế độ M 237
Chế độ S 241
Cần chuyển số 235, 239
Hướng dẫn chạy rà 204

K

Kéo moóc 211
Kéo xe
Kéo xe khẩn cấp 597
Móc kéo xe 599
Hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc 458
Kéo moóc 211
Két nước 555
Khay mở 501
Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em lên ghế hành khách phía trước 46
Khóa bảo vệ trẻ em 142
Khóa cửa
Cửa hậu 144
Cửa bên 138
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh 160
Điều khiển từ xa 135
Khóa điện (công tắc động cơ) ..229
Chức năng tự động tắt nguồn .233
Thay đổi chế độ của công tắc động cơ 232
Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp 594
Hệ thống đèn chiếu sáng 230
Khởi động động cơ 229
Khóa tay lái 230
Khóa vô lăng 230
Nhả khóa tay lái 230
Thông điệp cảnh báo của hệ thống thống khóa vô lăng 230
Khởi tạo
Hệ thống điều khiển bò xe 448
Các hạng mục cần khởi tạo 691
Cửa sổ trời 189
Cửa hậu điều khiển điện 155
Cửa sổ điện 185
Kích
Kích trên xe 620
Kích thước 648
Kính cửa sổ
Cửa sổ điện 185

L

Lẫy/cần
Lẫy khóa phụ 544
Lẫy nhả khóa nắp capô 544
Cần chuyển số 235, 239
Lẫy nhả khóa vô lăng 179
Công tắc xi nhan 242
Cần gạt nước 262, 265
Lái xe
Hướng dẫn chạy rà 204

Tư thế lái xe đúng 29
Công tắc chọn chế độ lái xe ...436
Lời khuyên khi lái xe ở chế độ Eco 470
Quy trình lái xe 203
Lời khuyên khi lái xe trong mùa đông.....466
LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn) 291
Hoạt động 291
Lốp bị xịt hơi 620
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp 569
Lốp dự phòng
Vị trí cất lốp 620
Lốp đi tuyết 466
Lốp xe 568
Xích quấn lốp 468
Kiểm tra.....568
Nếu xe bị xịt lốp 620
Áp suất lốp 578
Thay thế 620
Đảo lốp.....569
Cỡ lốp 665
Lốp đi tuyết 466
Lốp dự phòng.....620
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp 569
Đèn cảnh báo 609
Lời khuyên khi lái xe ở chế độ Eco 470
Lời khuyên khi lái xe trong mùa đông.....466
Lưu ý khi lái xe trên địa hình phức tạp.....464
LTA (Hỗ trợ bám làn đường) 286
Hoạt động 286

M

Màn hình
Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù).....325
Màn hình hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu 131
Hệ thống điều khiển chạy tự động 309, 313
Thông tin lái xe.....106, 118
Màn hình trên kính chắn gió....126
Màn hình đa thông tin 104, 114
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (Người đi bộ ở phía sau xe)...366
Chức năng phát hiện bằng camera phía sau (RCD) 354
Công tắc RCTA (cảnh báo có phương tiện chạy cắt ngang phía sau).....349
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 342
Các thông điệp cảnh báo.....612
Màn hình hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu 131
Màn hình đa thông tin
Đồng hồ đo AdBlue™ 109, 120
Màn hình liên kết với hệ thống âm thanh 107, 118
Đồng hồ đo phụ trợ 108, 119
Đồng hồ 109, 120
Thay đổi nội dung hiển thị.....105, 115
Hệ thống điều khiển chạy tự động 309, 313
Nội dung hiển thị.....104, 114
Hiển thị thông tin lái 106, 118
Hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe 107, 117
Đèn chỉ báo lái Eco.....106, 117
Đồng hồ nhiệt độ dầu động cơ 109, 120
Ngôn ngữ 112, 124
LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn) 291
Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô 105, 115

Hiển thị được kết nối với hệ thống dẫn đường.....107, 118
PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm).....277
Hiển thị góc nghiêng và lật (Hiển thị đồng hồ đo độ nghiêng).108, 119
Màn hình pop-up 112, 124
RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) 296
Cài đặt.....109, 120, 670
Chức năng gợi ý.....113, 125
Áp suất lốp.....569
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 342
Điều khiển lực kéo 108, 119
Đồng hồ nhiệt độ dầu hộp số.....109, 120
Đơn vị đo.....112, 124
Hiển thị thông tin xe 107
Các thông điệp cảnh báo.....612
Màn hình trên kính chắn gió.....126
Vùng hiển thị hệ thống hỗ trợ lái xe.....129
Màn hình pop-up 129
Cài đặt.....128
Móc cố định hành lý.....502
Móc kéo 219
Móc khóa cứng ISOFIX 56
Mức tiết kiệm nhiên liệu hiện tại 106, 116
Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình 106, 116
Móc treo áo.....518

N

Nắp capô
Nắp capô.....544
Mở 544
Nước rửa kính
Kiểm tra.....558
Thông điệp cảnh báo mức nước rửa kính thấp 558, 612
Chuẩn bị và kiểm tra xe trước mùa đông.....466
Công tắc.....262, 265
Nạp nhiên liệu.....267
Dung tích 653
Loại nhiên liệu.....653
Mở nắp bình nhiên liệu.....268
nanoe™ X 478
Ngăn để chai 499
Ngăn để cốc 498
Ngăn để thẻ.....500
Ngăn đựng găng tay 497
Ngôn ngữ (Màn hình đa thông tin) 112, 124
Nhiên liệu
Bộ lọc nhiên liệu 561
Đồng hồ đo nhiên liệu.....93, 98
Hệ thống cắt bơm nhiên liệu...601
Nếu xe bị hết nhiên liệu và động cơ chết máy 643
Thông tin về nhiên liệu 667
Nạp nhiên liệu.....267
Đèn cảnh báo 608
Nhiệt độ bên ngoài xe 93, 98
Những điều mà bạn nên biết
Nếu bạn cảm thấy có điều gì đó bất thường.....432
Nhớ vị trí lái.....191
Nhớ vị trí lái.....192
Chức năng gọi lại bộ nhớ.....193
Hệ thống dễ vào xe.....191
Nước làm mát
Dung tích 659
Kiểm tra.....553
Chuẩn bị và kiểm tra xe trước mùa đông.....466
Đèn cảnh báo 603
Nước làm mát động cơ
Dung tích 659
Kiểm tra.....553

Chuẩn bị và kiểm tra xe trước mùa đông.....466
Đèn cảnh báo 603
Núm điều chỉnh cân bằng đèn pha loại thường 251
Nút "SOS" 60, 64, 67

O

Ổ điện (12 VDC) 508
Ổ điện (120 VAC hoặc 220 VAC) (nếu có) 509

P

PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm)
Chức năng.....277
Đèn cảnh báo 604
Phanh
Chức năng giữ phanh.....246
Phanh đỗ.....243
Đèn cảnh báo 602
Phanh giảm va chạm thứ cấp 335, 459
Phanh hỗ trợ đỗ xe (PKSB).....357
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (Xe di chuyển ở phía sau xe bạn)364
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (Người đi bộ ở phía sau xe)...366
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (Vật thể cố định phía trước và phía sau của xe).....362
Phanh hỗ trợ đỗ xe (PKSB).....357
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (Xe di chuyển ở phía sau xe bạn)364
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (Người đi bộ ở phía sau xe)...366
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (Vật thể cố định phía trước và phía sau của xe).....362
Phanh đỗ
Hoạt động 243
Chuông cảnh báo gài phanh đỗ 245
Đèn cảnh báo 608
Thông điệp cảnh báo.....244

R

Rửa và đánh bóng xe 524
RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) 296

S

Sa lầy
Nếu xe bị sa lầy 644
Sạc không dây 511
Số nhận dạng
Động cơ.....651
Số xe.....651
Số nhận dạng xe (VIN) 651

T

Tấm chắn nắng 507
Tấm che hành lý 502
Tấm che hành lý 504
Tay nắm 518
Tay quay kích 620
Thảm trải sàn xe 28
Thay thế
Pin chìa khóa điện tử 582
Cầu chì.....584
Bóng đèn.....588
Lốp xe 620
Pin của điều khiển từ xa 582
Theo dõi đa địa hình.....368
Cách bật màn hình.....372
Nếu bạn cảm thấy có điều gì đó bất thường.....432
Bộ rửa camera phía sau.....265
Màn hình hiển thị.....369
Thông báo xe phía sau đang tiếp cận 330
Thông số kỹ thuật.....648
Thông tin hành trình.....107, 118
Thông tin tiêu hao nhiên liệu....131
Thời gian trôi qua.....107, 118
Tín hiệu phanh khẩn cấp 459
Tính năng tùy chọn cá nhân.....669
Tốc độ trung bình của xe ..107, 118
Tự bảo dưỡng 542
Tựa đầu.....176
Tựa tay 517
Tời điện.....220
TRC (Hệ thống điều khiển lực kéo) 458
Trợ lực lái
Đèn cảnh báo 604
Trong trường hợp khẩn cấp
Nếu chuông cảnh báo kêu 602
Nếu đèn cảnh báo sáng lên....602
Nếu một thông điệp cảnh báo được hiển thị 612
Nếu chìa khóa điện tử không hoạt động chính xác.....633
Nếu động cơ không khởi động được 631
Nếu ắc quy bị hết điện 635
Nếu xe bị ngập nước hoặc nước trên đường đang dâng lên.....595
Nếu xe bị xịt lốp 620
Nếu bạn đánh mất chìa khóa..632
Nếu xe bị hết nhiên liệu và động cơ chết máy 643
Nếu có điều gì đó bất thường..600
Nếu xe bị sa lầy 644
Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp 594
Nếu xe cần được kéo 597
Nếu xe quá nhiệt.....640

Túi khí 36
Các điều kiện kích hoạt túi khí ..38
Các lưu ý về túi khí đối với trẻ em 39
Đèn cảnh báo hệ thống túi khí 603
Tư thế lái xe đúng 29
Các điều kiện kích hoạt túi khí rèm 38
Các lưu ý với túi khí rèm 39
Các lưu ý chung với túi khí.....39
Vị trí lắp túi khí 36
Sửa đổi và tiêu hủy túi khí 42
Các điều kiện kích hoạt túi khí bên 38
Các lưu ý với túi khí bên 39
Các điều kiện kích hoạt túi khí bên và túi khí rèm 38
Các lưu ý với túi khí bên và túi khí rèm.....39
Túi khí 36
Đèn cảnh báo túi khí 603
Túi khí bảo vệ đầu gối.....36
Túi khí bên 36
Túi khí rèm 36

V

Vành xe.....579
Thay vành 620
Vệ sinh.....524, 528
Vành nhôm.....524
Bên ngoài xe 524
Bên trong xe.....528
Cảm biến ra đa 326
Đai an toàn.....528
Vô lăng
Điều chỉnh 179
Tự động nâng và thu gọn vô lăng 180
Bộ sưởi vô lăng 489
Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô 105, 115
Hệ thống dễ vào xe.....191
Nhớ vị trí vô lăng 192
Các công tắc điều khiển trên vô lăng.....519
VSC (Hệ thống điều khiển ổn định xe) 458

X

Xích quấn lốp 468

Để biết thông tin liên quan đến thiết bị được liệt kê bên dưới, hãy tham khảo tài liệu "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".

Hệ thống điều khiển bằng giọng nói

Dẫn đường

Hệ thống âm thanh

Hệ thống giải trí trên ghế sau

Cuộc gọi rảnh tay

Hệ thống hỗ trợ đỗ xe Toyota

Chứng nhận

Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh



Cảm biến sóng ra đa sóng ngắn



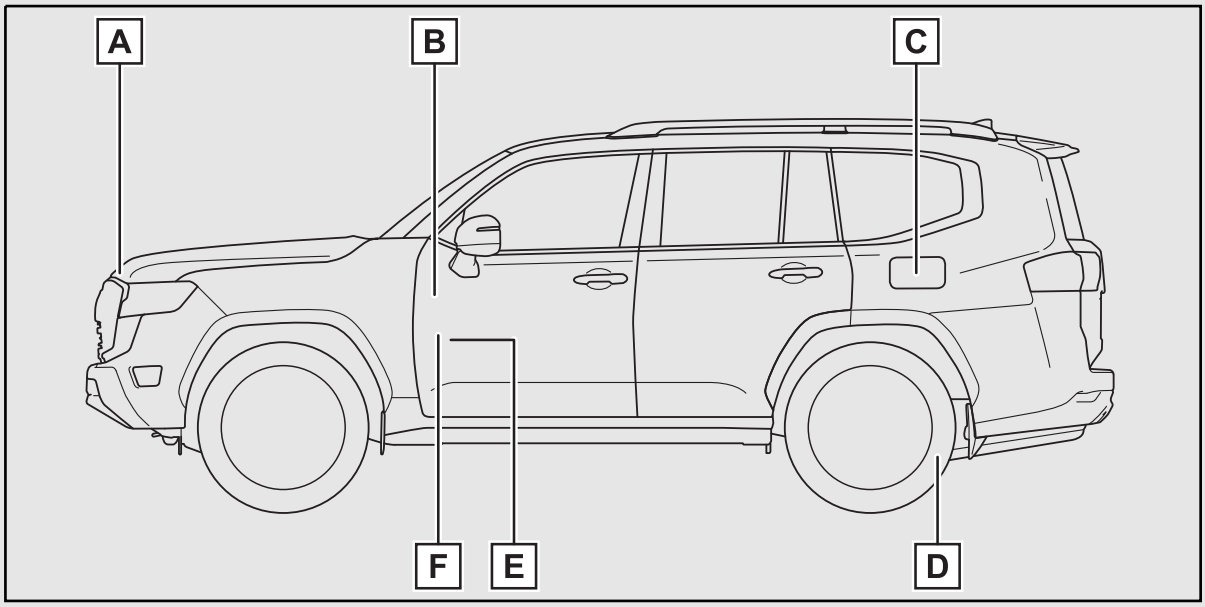
VN 03

Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù)



C5-049

THÔNG TIN TRẠM NHIÊN LIỆU



A Lẫy khóa phụ (→P.544)

B Công tắc cửa hậu điều khiển điện* (→P.146)

C Cửa nạp nhiên liệu (bao gồm nắp bình chứa dung dịch AdBlue™*) (→P.268)

D Áp suất lốp (→P.665)

E Bộ mở cửa nạp nhiên liệu (→P.268)

F Lẫy nhả khóa nắp capô (→P.544)

*: Nếu có

Dung tích bình nhiên liệu (Tham khảo)	Xe không có bình nhiên liệu phụ	80 L
	Xe có bình nhiên liệu phụ	110 L
Dung tích bình chứa dung dịch AdBlue™		P.564
Loại nhiên liệu		P.653
Áp suất lốp khi nguội		P.665
Dung tích dầu động cơ (xả ra và nạp lại — tham khảo)		P.655
Loại dầu động cơ		P.655

メX-7

TOYOTA

Mã số xuất bản: OM60W35V